

B 1,154,404



H-1980

2142-007

HX

9

H68B

Tạp chí Cộng sản

^{PRK}
CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

STUDY CENTER
Dr. Michelson
Periodical
Reading Room

NOV 9 1976

7

7.1978

THỰC CHẤT NHỮNG HÀNH ĐỘNG CHỐNG VIỆT-NAM CỦA CÁC NHÀ CẦM QUYỀN TRUNG-QUỐC

TRONG mấy năm gần đây, các nhà cầm quyền Trung-quốc đã tiến hành một loạt hành động xấu xa chống Việt-nam.

Sau khi miền Nam nước ta được giải phóng, bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia liền gây ra cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Tập đoàn Pôn-pốt — Iêng Xa-ry đổi trắng thay đen, không ngớt lái nhãi rằng «Việt-nam xâm lược Cam-pu-chia». Nhưng những luận điệu xuyên tạc và vu khống của chúng, dù được nhắc đi nhắc lại hàng nghìn lần và được những người bạn thân thiết của chúng tiếp âm và truyền đi khắp nơi, cũng không thể nào che khuất được những kẻ đứng đằng sau xúi giục và giúp đỡ chúng tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Qua những chứng cứ rất cụ thể và rõ ràng, cả thế giới đều biết ai là kẻ xúi giục và ủng hộ cuộc chiến tranh đó; ai là kẻ đã cung cấp hàng vạn tấn vũ khí và vật tư chiến tranh cho bọn phản động Cam-pu-chia; ai là kẻ cho hàng nghìn cố vấn đến huấn luyện quân đội Cam-pu-chia; ai là kẻ hết lời tán dương những «thành tích cách mạng» của tập đoàn Pôn-pốt — Iêng Xa-ry, mà thực chất là thành tích diệt chủng, thành tích xâm phạm lãnh thổ, tàn sát nhân dân Việt-nam và tàn sát cả Hoa kiều. Ngay những người xúi giục và ủng hộ tập đoàn Pôn-pốt — Iêng Xa-ry trong buổi đầu của cuộc chiến tranh này còn giả vờ trung lập, thì nay cũng đã vứt bỏ bộ mặt giả dối của họ. Không phải vô cớ mà một tờ báo phương Tây đã nói: «Trong cuộc xung đột Việt-nam—Cam-pu-chia, Trung-quốc tiếp tục tự coi mình không chút úp mở là bạn đồng minh chủ yếu và trung thành nhất của Nông-pênh» (1).

Bằng hành động xúi giục và ủng hộ tập đoàn cầm quyền Nông-pênh tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, nhà cầm quyền Trung-quốc nhằm cản trở và phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt-nam, phá hoại sự đoàn kết, thống nhất của nhân dân ba nước Đông-dương, trói chặt tập đoàn tay sai Cam-pu-chia vào bánh xe

(1) Xem báo *Thế giới*, ngày 24-6-1978.

bành trướng của họ, hòng tạo bàn đạp để thực hiện mưu đồ của họ ở Đông — Nam Á.

Đây trước hết là một sự phản bội đối với tình hữu nghị chiến đấu giữa nhân dân hai nước Việt — Trung, một sự phản bội khiến cho những người cách mạng chân chính và đồng đảo quần chúng lao động ở hai nước đều căm giận và đau lòng. Các nhà cầm quyền Trung-quốc hiện nay, dù viện bất cứ lý do gì, cũng không thể phải được trách nhiệm của họ trong việc phá hoại tình hữu nghị thiêng liêng đó. Mọi sự bào chữa đều chỉ uống cộng vô ích mà thôi!

Trong những tháng gần đây, các nhà cầm quyền Trung-quốc còn dựng lên câu chuyện hoang đường: «Việt-nam bài xích, khủng bố và xua đuổi người Hoa về Trung-quốc». Chiến dịch vu khống này của nhà cầm quyền Trung-quốc không chỉ để phớt lờ với hành động xâm lược của bọn phản động Cam-pu-chia đang bị thất bại liên tiếp trước những đòn trừng phạt của quân và dân ta, mà còn nhằm ngăn cản công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam nước ta, bảo vệ lợi ích của tư sản người Hoa — những kẻ đầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường, bóc lột nhân dân lao động —, bảo vệ bọn tư sản mại bản — những tên phản động đã từng làm tay sai cho Mỹ — ngụy đàn áp dã man nhân dân Việt-nam và người Hoa. Bênh vực bọn bóc lột, bỏ rơi những người lao động, bảo vệ bọn phản động, chống lại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của Việt-nam, đó chính là lập trường của các nhà cầm quyền Trung-quốc hiện nay trong tấn bi hài kịch lớn về cái gọi là «vấn đề nạn kiều» ở Việt-nam.

Các nhà cầm quyền Trung-quốc cố che đậy âm mưu của họ bằng cái gọi là «lòng xót thương đối với nạn kiều» Nếu quả thật họ có lòng thương xót đó, thì sao họ lại phớt lờ trước những lời kêu cứu thảm thiết của hàng chục vạn Hoa kiều đã và đang bị bọn đao phủ Cam-pu-chia khủng bố và giết hại? Hàng nghìn Hoa kiều trốn thoát sự khủng bố của bọn Pôn-pốt — lén Xa-ry đang được nhân dân Việt-nam cứu mạng, đùm bọc, sao họ không quan tâm đến? Đó thật sự là những nạn kiều, sao họ không đưa nhanh những người ấy về nước mà còn để tàu bấp bênh ở ngoài khơi Việt-nam?

Đối với người Hoa ở Việt-nam, nhân dân ta có thể tự hào về hành động cao cả của mình, bởi vì, đúng như công hàm của Chính phủ ta gửi Chính phủ Trung-quốc ngày 18-5-1978 đã nêu rõ: «Không có nước nào trên thế giới, Hoa kiều được ưu đãi và đối xử rộng rãi như người Hoa ở Việt-nam». Thế nhưng nhà cầm quyền Trung-quốc lại cố tình quay lưng lại sự thật đáng thẹn ấy!

Sau khi đã dựng lên câu chuyện hoang đường nói trên, nhà cầm quyền Trung-quốc còn đơn phương quyết định phái tàu sang Việt-nam đón những người gọi là «nạn kiều» về nước, và đề ra những thủ tục

vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt-nam. Hành vi đó rõ ràng là một biểu hiện của chủ nghĩa bá quyền nước lớn. Thế mà các nhà cầm quyền Trung-quốc lại không ngớt rêu rao rằng Trung-quốc kiên quyết đứng về phía các nước vừa và nhỏ, chống lại chủ nghĩa bá quyền nước lớn!

Cần nhấn mạnh rằng, khi mở ra chiến dịch vu khống Việt-nam « bài xích, khủng bố và xua đuổi người Hoa », nhà cầm quyền Trung-quốc có nhiều tính toán. Từ việc người Hoa, họ tuyên bố cắt giảm viện trợ cho Việt-nam với lý do để lấy tiền cứu trợ « nạn kiều ». Nhưng trong công hàm ngày 3 tháng 7 họ lại đưa ra lý do mới : « Chính phủ Trung-quốc buộc lòng phải quyết định chấm dứt sự viện trợ về kinh tế và kỹ thuật cho Việt-nam » là do phía Việt-nam đã « làm tổn thương rất nặng tình hữu nghị anh em giữa nhân dân hai nước ». Đó là những lý do bịa đặt để giải thích quanh co việc làm thô bạo của họ, bất chấp những hiệp định mà hai Chính phủ đã ký kết trước kia. Đây lại là một hành động nữa của nhà cầm quyền Trung-quốc làm cho quan hệ giữa hai nước càng xấu đi nhanh chóng. Đó là chưa kể việc phía Trung-quốc vô cớ quyết định đóng cửa các lãnh sự quán của Việt-nam tại ba thành phố lớn của Trung-quốc.

Những hành động nghiêm trọng nói trên chứng tỏ rằng các nhà cầm quyền Trung-quốc đang thi hành chính sách chống Việt-nam, gây khó khăn, trở ngại cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, phá hoại truyền thống đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Rõ ràng là họ thi hành chủ nghĩa bá quyền nước lớn và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, chống lại chủ quyền và nền độc lập của nước ta. Họ đứng hẳn về phía các giai cấp bóc lột, về phía tập đoàn phát xít Pôn-pôt — lêng Xa-ry, chống lại giai cấp công nhân và những người lao động khác. Lập trường trên đây của họ đối lập với các mục tiêu lớn của thời đại, và cũng đối lập với lợi ích chân chính của nhân dân Trung-quốc.



ĐỪNG trước những hành động xấu xa và âm mưu thâm độc của các nhà cầm quyền Trung-quốc, nhân dân ta cần phải tăng cường đoàn kết, luôn luôn đề cao cảnh giác. Chúng ta quyết tâm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của mình, bảo vệ tình đoàn kết hữu nghị, hợp tác giúp nhau giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bảo vệ mối tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt — Trung.

Lập trường của nhân dân ta rất vững. Bởi vì đó là lập trường sáng ngời chính nghĩa. Chúng ta tin tưởng ở sức mạnh Việt-nam, sức mạnh của truyền thống lâu đời của dân tộc và sức mạnh của hiện tại, một

sức mạnh đã được thử thách qua hàng nghìn năm đấu tranh chống ngoại xâm, nhất là những năm chống Mỹ, cứu nước vừa qua. Chúng ta tin tưởng ở sức mạnh của thời đại, sức mạnh của ba dòng thác cách mạng đang cuồn cuộn dâng lên, cuốn đi những chế độ thối nát, những rác rưởi của lịch sử mà không thể lực phản động nào có thể ngăn cản được.

Chúng ta tin tưởng ở thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, bởi vì chúng ta có Đảng cộng sản Việt-nam, Đảng của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại, có đường lối đúng đắn và sáng suốt, đã từng lãnh đạo nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách, giành được thắng lợi to lớn như ngày nay.

Chúng ta hiểu rằng, trong thời đại này, bất cứ một thế lực phản động nào, dù lớn đến đâu và liên minh với ai cũng không tránh khỏi thất bại nếu nó xâm phạm độc lập, chủ quyền, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân các nước. Bởi vì làm như vậy, nó đã tự đặt mình vào địa vị kẻ thù của ba dòng thác cách mạng của thời đại, do đó mà bị cô lập trước nhân dân toàn thế giới, kể cả nhân dân lao động nước nó.



Mặc dù những hành động sai trái của nhà cầm quyền Trung-quốc và lập trường sô-vanh nước lớn của họ, chúng ta cho rằng bảo vệ tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước là phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân Việt-nam và nhân dân Trung-quốc, phù hợp với lợi ích của nhân dân thế giới đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Chính vì thế mà chúng ta luôn luôn tỏ rõ thiện chí của mình. Trước những việc làm sai trái của phía Trung-quốc, chúng ta vẫn chủ trương giải quyết vấn đề bằng thương lượng và đã kiên trì chờ đợi. Nhưng tiếc rằng phía Trung-quốc đã không đáp ứng mà ngày càng làm cho quan hệ giữa hai nước thêm xấu đi một cách nghiêm trọng.

Rõ ràng tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước có bảo vệ được hay không, điều đó phụ thuộc vào thiện chí của cả hai bên. Riêng về phía mình, từ trước đến nay cũng như từ nay về sau, Đảng cộng sản, Chính phủ và nhân dân Việt-nam quyết làm tất cả những gì có thể làm được để bảo vệ tình hữu nghị ấy. Mong rằng phía Trung-quốc cũng làm như vậy.

Chúng ta tin tưởng rằng: nhân dân Trung-quốc đã cùng nhân dân ta đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, nhất định sẽ cùng với nhân dân ta kiên quyết bảo vệ tình hữu nghị vĩ đại giữa nhân dân hai nước.

Tài năng và sáng tạo, nguồn sức mạnh làm chủ tập thể của thanh niên

VŨ CÔNG CÂN

LOÀI người, từ công cụ thô sơ bằng đá trong buổi bình minh lịch sử tồn tại của mình tới con tàu vũ trụ ngày nay, đã qua hàng chục vạn năm không ngừng tiến hóa. Với tài năng và sự sáng tạo, loài người đã đưa trình độ sản xuất phát triển mỗi ngày một cao, xây dựng nên hiện tại văn minh tiến bộ và đang tiếp tục con đường tất yếu tiến tới tương lai huy hoàng rực rỡ hơn nữa của chủ nghĩa cộng sản. Nếu nói con người làm nên lịch sử thì cũng có thể nói sở dĩ con người làm nên được lịch sử là do *tài năng và sự sáng tạo* của mình. Tài năng và sự sáng tạo là những phạm trù vĩnh viễn dính với nhau và dính liền với lịch sử loài người.

Lao động từ khi đưa loài người thoát thai từ vượn, vẫn là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội. Loài người đã lao động sản xuất để duy trì và ngày càng nâng cao đời sống của mình. Dù trong các chế độ xã hội có áp bức, bóc lột giai cấp, các giai cấp thống trị đã cướp hết thành quả lao động, xuyên tạc giá trị cao quý

của lao động, đặt lao động và người lao động vào vị trí thấp hèn nhất trong xã hội, thì lao động sản xuất vẫn cứ là bản năng cao quý của loài người, và người lao động sản xuất vẫn là người sáng tạo ra lịch sử. Trong quá trình lao động sản xuất, con người phải chinh phục tự nhiên, do đó họ phải tìm tòi, rút tỉa kinh nghiệm và vận dụng, nâng nó lên thành kiến thức khoa học — kỹ thuật. Tài năng và sự sáng tạo đã hình thành và phát triển trong quá trình đó. *Chính lao động sản xuất đã sinh ra tài năng và nhu cầu sáng tạo, là nguồn gốc tài năng và sáng tạo của loài người.* Với lòng khao khát tìm tòi, khám phá, sáng tạo, thế hệ nọ kế tiếp thế hệ kia đã liên tục đưa tài năng và sự sáng tạo mỗi ngày lên một trình độ cao hơn và tài năng, sự sáng tạo đã trở thành bản năng thường trực, tính cố hữu đáng quý của người lao động.

Trong cuộc đời của mỗi người, tuổi thanh niên là tuổi mà tài năng và sự sáng tạo có điều kiện hình thành

và phát triển mạnh mẽ nhất. Vì thế, nói đến tài năng và sáng tạo, ai cũng nghĩ trước tiên đến thanh niên. Tuổi trẻ là tuổi của ước mơ, hoài bão và hăng say, sôi nổi, mạnh dạn dám nghĩ, dám làm để thực hiện ước mơ, hoài bão của mình. Chính trong quá trình ấp ủ và thực hiện những ước mơ, hoài bão đó mà tài năng và nhu cầu sáng tạo của thanh niên hình thành và phát triển. *Tài năng và sáng tạo vừa là bản chất, vừa là nguồn hạnh phúc của thế hệ trẻ, đồng thời cũng là sức sống của loài người.* Chế độ xã hội chủ nghĩa, với mục đích cao cả, với bản chất ưu việt, lại đã nhân lên gấp bội tài năng và năng lực sáng tạo của thanh niên, tạo điều kiện cho thanh niên chẳng những xứng đáng là người chủ xã hội hiện tại mà còn là người chủ xã hội tương lai nữa.

Nước ta từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên cách mạng nước ta càng đòi hỏi nhân dân ta, nhất là thanh niên, phải phát huy cao độ tinh chủ động, tự giác và tài năng, sự sáng tạo. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã chỉ rõ: « Nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tự lực tự cường, phát huy mọi trí tuệ và tài năng trong nước, mạnh dạn tự làm, khó đến đâu mà nước nhà cần cũng phải làm cho được, chống tư tưởng ỷ lại. Đồng thời, phải ra sức tranh thủ những thành tựu của thế giới, không phí công mò mẫm những gì mà thế giới đã giải quyết tốt » (1). Tài năng và sáng tạo là thước đo ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của thanh niên. Cho nên, phát huy tài năng và sáng tạo của thanh niên là tạo điều kiện cho thanh niên thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của mình.



Sinh ra và lớn lên trong chế độ mới, thế hệ trẻ ngày nay sống có lý tưởng và có nhiều ước mơ, hoài bão. Một trong những mơ ước đẹp nhất hiện nay của thế hệ trẻ chúng ta là mơ ước có tài năng để cống hiến xứng đáng vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Ước mơ đó hết sức chính đáng, hoàn toàn phù hợp với yêu cầu của cách mạng và xứng đáng được cổ vũ và giúp đỡ thực hiện. *Tài năng mà thanh niên ta ước mơ có được, chính là năng lực làm việc giỏi, năng lực hoàn thành một nhiệm vụ, một công việc nhất định nào đó ở mức độ cao.* Đó là tài năng của người công nhân, người xã viên hợp tác xã nông nghiệp, người kỹ sư, người nghệ sĩ, nhà nghiên cứu khoa học... Chúng ta cũng không lầm lẫn giữa khái niệm tài năng với văn bằng. Văn bằng chứng nhận cho một trình độ tài năng nhất định về một vấn đề cụ thể nào đó nhưng văn bằng không phải là biểu hiện duy nhất chứng nhận cho tài năng. Nhiều người rất giàu tài năng là nhờ, ngoài việc học ở trường, ở sách, còn học ở đời, được rèn luyện nhiều trong thực tế lao động sản xuất, công tác, chiến đấu. Chứng nhận đúng đắn nhất cho tài năng là kết quả cụ thể trong lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu, trong lãnh đạo, chỉ đạo... Nói một cách khái quát, tài năng thể hiện trong đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội mà thước đo chính xác nhất là kết quả cụ thể mà con người đạt được trong cuộc đấu tranh đó.

Tài năng biểu hiện trí thức của con người. Lòng khao khát có tri thức để chiến thắng trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh xã hội là ước mong thường trực của

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 102 — 103.

người lao động. Lê-nin đã nói: "Những người lao động khao khát có tri thức, vì tri thức cần cho họ để chiến thắng. Chín phần mười quần chúng cần lao đã hiểu rõ rằng tri thức là một vũ khí trong cuộc đấu tranh tự giải phóng, rằng sở dĩ họ thất bại là do thiếu học thức" (2).

Tài năng có vị trí vô cùng quan trọng, có tính quyết định trong đời sống con người cũng như sự phát triển của xã hội. Tài năng giúp cho con người làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Tài năng của mỗi người được hình thành và phát triển qua học tập, bồi dưỡng, rèn luyện trong thực tế đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội. Phải kiên trì học tập, rèn luyện mới có tài năng; kể cả một số người cá biệt có ít nhiều tài năng bẩm sinh và trí thông minh xuất chúng từ rất sớm mà ta thường gọi là "thần đồng", là thiên-tài, cũng phải trải qua học tập, trang bị kiến thức một cách hoàn chỉnh, rèn luyện trong thực tế đấu tranh mới thật thành tài. Bốn chữ "khô luyện thành tài" mà nhân dân ta đã tổng kết súc tích thành châm ngôn từ bao đời nay, luôn luôn có đầy đủ giá trị lý luận và thực tiễn. Bác Hồ kính yêu đã dạy thanh niên ta: "Ra sức học tập nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và quân sự để cống hiến ngày càng nhiều cho Tổ quốc, cho nhân dân" (3).

Tài năng, vì vậy luôn luôn là sản phẩm xã hội, phục vụ cho xã hội. Xã hội ngày càng tiến lên, càng có yêu cầu lớn lao, ở mức cao và đa dạng về tài năng của con người và con người bao giờ cũng thỏa mãn được yêu cầu đó, có thể kịp thời hoặc không kịp thời. Tài năng ở trình độ hôm nay, nếu không được tiếp tục phát triển sẽ trở thành lạc hậu đối với yêu cầu ngày mai của xã hội, nhất là chúng ta lại đang ở trong thời kỳ lịch sử "một ngày bằng 20 năm"

như trước đây Các Mác đã từng tiên đoán. Cho nên, hơn ai hết, thế hệ trẻ chúng ta cần luôn luôn cảnh giác với tính tự mãn về tài năng và phải không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực để tài năng ngày càng phát triển đáp ứng kịp yêu cầu của cách mạng.

Chúng ta cũng vẫn thường nói óc sáng tạo, tinh thần sáng tạo trong lao động sản xuất... và dùng từ *sáng tạo* để chỉ việc đem tài năng dùng vào việc làm ra những cái mới từ trước tới nay chưa ai làm được hoặc tìm ra cái mới, tìm được cách giải quyết mới, không gò bó trong những cách thức đã có sẵn. Sáng tạo thường đi đôi với tuổi trẻ, tất nhiên không phải cứ ai quá tuổi thanh niên là hết tinh thần sáng tạo nhưng sáng tạo là một trong những đặc tính hết sức quý giá của tuổi trẻ.

Trong đấu tranh thiên nhiên, nếu không có tinh thần và năng lực sáng tạo thì loài người chẳng những không có được nên văn minh như ngày nay mà còn bị thiên nhiên đào thải. Đấu tranh thiên nhiên đã thế, đấu tranh xã hội, đấu tranh giai cấp cũng như vậy. Khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội đều đòi hỏi sáng tạo, như đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ cho thanh niên ta: "Sáng tạo là vấn đề rất quan trọng; không sáng tạo không thể làm cách mạng thành công được" (4). Nhờ có sáng tạo mà sức lực, tài năng cùng kết quả lao động sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu... của con người được nhân lên gấp bội. Nhờ có sáng tạo mà nhiều

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 28, trang 105.

(3) "Thư Bác Hồ gửi thanh niên ngày 2-9-1965" (sách: *Thanh niên với chủ nghĩa anh hùng cách mạng*), Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 9.

(4) Lê-Duẩn: "Thanh niên trong lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nửa phần đầu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước". *Tạp chí Học tập*, số 8-1966, trang 32.

vấn đề tưởng như không giải quyết được, đã được giải quyết tốt, có khó khăn tưởng như không khắc phục nổi, đã được khắc phục nhanh chóng, có tình huống quá phức tạp tưởng như phải bó tay mà vẫn thắng lợi vượt qua.

Cũng như tài năng, sáng tạo là đặc tính thuộc về bản chất của tuổi trẻ; nhưng không phải thế hệ trẻ của mọi dân tộc, trong mọi chế độ xã hội, trong mọi thời kỳ lịch sử đều có tính sáng tạo, khả năng sáng tạo và đạt được những kết quả sáng tạo giống nhau. Thế hệ trẻ thuộc mọi dân tộc đều giàu tình sáng tạo và giàu khả năng sáng tạo; song thế hệ trẻ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa nhất định giàu tình sáng tạo cùng khả năng sáng tạo và có đầy đủ điều kiện thuận lợi để đạt được nhiều kết quả sáng tạo hơn thế hệ trẻ dưới chế độ áp bức, bóc lột giai cấp; thế hệ trẻ ở thế kỷ 20, được kế thừa những di sản quý báu từ bao đời nay của các thế hệ trước và trong điều kiện các lực lượng xã hội chủ nghĩa và giải phóng dân tộc đang đi lên, khoa học — kỹ thuật đang phát triển, nhất định giàu tình sáng tạo và có nhiều khả năng phát huy trí sáng tạo hơn so với những thế kỷ trước.

Tài năng và sáng tạo có mối quan hệ biện chứng. Tài năng là tiền đề, là cơ sở cho sáng tạo; qua sáng tạo, tài năng lại được phát triển và nâng cao thêm. Thanh niên chúng ta, nếu chỉ có nhiệt tình và lòng hăng say cách mạng nhưng tài năng kém thì hoặc là không thể có sáng tạo hoặc chỉ có lòng mong muốn sáng tạo mà không thực hiện được. Trong xã hội ta, mọi hoạt động sáng tạo trong mọi lĩnh vực chiến đấu và xây dựng — cả những việc đơn giản và hiệu quả kinh tế, kỹ thuật thường không lớn — như những đồng tuổi nhỏ tự lại thành đại dương, sáng tạo ra sức mạnh kỳ diệu của cả dân tộc. Cho nên chịu khó và không ngừng học hỏi để làm cho

mình có được những hiểu biết sâu rộng về sản xuất và đời sống, về thiên nhiên và xã hội; chịu khó và không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh, tài năng thuộc lĩnh vực công tác của mình, là vấn đề rất trọng yếu, rất cần thiết, là quyền lợi và nghĩa vụ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của mỗi một thanh niên chúng ta. Đồng chí Xta-lin đã khuyên nhủ thanh niên: « Muốn kiến thiết thì cần phải có tri thức, cần phải nắm được khoa học. Mà muốn có tri thức, thì cần phải học tập... Trước mặt chúng ta có một bức thành trì. Bức thành đó gọi là khoa học, nó bao gồm những tri thức của nhiều bộ môn. Dẫu thế nào đi nữa, chúng ta cũng phải chiếm cho bằng được thành trì đó. Thanh niên nếu muốn trở thành những người xây dựng đời sống mới, muốn trở thành những lớp người thắng thế chân chính của đội quân cận vệ xưa kia, thì cần phải chiếm lấy bức thành đó » (5).

Nếu có tài năng nhưng lại thiếu tình thần làm chủ tập thể, thiếu nhiệt tình cách mạng, thiếu lòng say mê sáng tạo thì cũng không dám nghĩ, dám làm, dám khắc phục khó khăn, dám chịu trách nhiệm, do đó cũng khó có sáng tạo được và tài năng đó không những không tiếp tục phát triển được, mà còn có nguy cơ bị « han gỉ » dần mòn và cuối cùng thì mất hết ý nghĩa. Cuộc sống cho thấy cùng trong một đơn vị sản xuất, nghiên cứu, công tác... có những bạn trẻ tuy trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ còn thấp nhưng do có tình thần làm chủ tập thể và lòng say mê sáng tạo nên thường có nhiều thành tích sáng tạo và có nhiều cống hiến hơn, và do đó trình độ chung của họ cũng được nâng lên nhanh hơn các bạn trẻ khác

(5) j.V. Xta-lin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập II, trang 83, 84 —
• Diễn văn đọc ngày 16-5-1928 tại Đại hội VIII Đoàn thanh niên cộng sản Lê-nin Liên-xô •.

có trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cao hơn nhưng do thiếu nhiệt tình và tinh thần sáng tạo, đề ngày tháng trời qua một cách lơ đãng, tẻ nhạt trong những nếp suy nghĩ, làm ăn cũ kỹ, với năng suất, hiệu suất thấp.



Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế của nước ta trong giai đoạn mới. Nhiệm vụ thực hiện ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà (là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội), xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, xây dựng Tổ quốc Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, đang đặt ra trước thế hệ trẻ Việt-nam những yêu cầu rất lớn. Đó chẳng những chỉ vì số lượng thanh niên chiếm số đông trong lực lượng lao động (hơn 11 triệu trong số hơn 22 triệu lao động của cả nước và trong những năm gần đây, hằng năm lại có khoảng một triệu thanh niên đến tuổi có nghĩa vụ lao động bổ sung vào đội ngũ đó), mà còn vì hiệu quả đóng góp quan trọng của thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng đất nước bằng chính tài năng và sức sáng tạo của mình. Tài năng và sức sáng tạo đó là biểu hiện cụ thể của tinh tích cực lao động, một nhân tố cấu thành tinh tích cực xã hội của thế hệ trẻ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, là điều kiện cơ bản bảo đảm cho vai trò làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của

thế hệ trẻ trong sự nghiệp cách mạng hôm nay và ngày mai của nhân dân ta

Mấy chục năm qua, được Đảng ta và Hồ Chủ tịch lãnh đạo, giáo dục, chăm sóc, thế hệ trẻ Việt-nam đã phát huy tài năng và tinh thần sáng tạo của mình, cống hiến xứng đáng trên tất cả mọi lĩnh vực của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong kháng chiến đầy gian khổ và khó khăn chống thực dân Pháp xâm lược, đã có biết bao tấm gương nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy tài năng và tinh thần sáng tạo khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ trong chiến đấu như Cù - Chính - Lan, La - Văn - Cầu, Nguyễn-Việt-Song... Thanh niên ta đã phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đó là tiêu tổ thi đua thanh niên Cao-Việt-Bảo (ngành quân giới). Đó là những chiến sĩ thi đua trẻ có năng suất cao trong công nghiệp do phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật như Trương-Thị-Ninh, Nguyễn-Thị-Giao-Tiên, trong nông nghiệp như Hoàng-Ngọc-Nga (dân tộc Mường), v.v... Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trên cơ sở giác ngộ về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về lý tưởng cách mạng, thanh niên ta đã lao động giỏi và có nhiều thành tích trên mặt trận cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đã xuất hiện những phong trào sôi nổi và những điển hình đáng tự hào như phong trào cải tiến công cụ sản xuất nông nghiệp Phạm-Trung-Pôn (Phạm-Trung-Pôn là đoàn viên thanh niên, dân tộc Tày, tỉnh Cao-bằng cũ, mù cả 2 mắt nhưng đã khắc phục khó khăn, say mê nghiên cứu cải tiến được nhiều công cụ sản xuất nông nghiệp có giá trị và được áp dụng rộng rãi); phong trào phát huy sáng kiến Nguyễn-Thế-Nghĩa của thanh niên công nhân Hà-nội; phong trào hợp lý

hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật nâng cao năng suất lao động để vượt những chỉ tiêu, định mức Nhà nước của thanh niên trên các công trường xây dựng cơ bản; phong trào học và đua kịp thanh niên Đoàn địa chất số 8 của thanh niên trên mặt trận công nghiệp; phong trào học và đua kịp thanh niên hợp tác xã nông nghiệp Tam-hưng (tỉnh Hà-đông cũ) của thanh niên trên mặt trận nông nghiệp; phong trào xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 3 Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh phát động đầu năm 1961, v.v... Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần làm chủ tập thể, thanh niên ta lại đã tiếp tục phát triển ở mức độ cao hơn tài năng và tinh thần sáng tạo của mình cả trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, góp phần tích cực cùng toàn dân hoàn thành nhiệm vụ «đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào» lần trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng nhịp với những chiến công oanh liệt ở tiền tuyến, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thanh niên ta đã đẩy lên những phong trào sôi nổi như những hội thi cấy, thi cày, phong trào xây dựng cánh đồng 5 tấn thắng Mỹ, những cuộc thao diễn kỹ thuật cùng những hội thi tài của thanh niên cùng ngành, cùng nghề, những hội nghị giới thiệu kinh nghiệm tiên tiến (cả lý thuyết và thao tác kỹ thuật) trong sản xuất, những cuộc triển lãm sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào nhận công trình thanh niên, phong trào tình nguyện lao động sáng tạo vượt mức kế hoạch, v.v...

Tổ quốc ta ngày nay đang bước vào mùa xuân của chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn mới của cách mạng, Đảng ta đã chỉ rõ: «Xây dựng đất nước phải đi đôi với bảo vệ đất nước, đó là yêu cầu sống còn của dân tộc ta...

Đi đôi với đẩy mạnh công việc xây dựng đất nước về mọi mặt, phải ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng bảo đảm cho đất nước có lực lượng ngày càng mạnh, sẵn sàng đánh bại mọi cuộc tiến công của bọn xâm lược» (6). *Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang có những đòi hỏi rất lớn và rất cao đối với thế hệ trẻ nước ta.* Nhằm động viên và tổ chức toàn bộ thế hệ trẻ phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát huy tài năng và sáng tạo, ra sức phấn đấu góp phần tích cực hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ của Đảng và kế hoạch Nhà nước, Hội nghị lần thứ 25 Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh (1-1978) đã quyết định phát động phong trào «Ba xung kích làm chủ tập thể» trong thanh niên cả nước: xung kích trên mặt trận lao động sản xuất; xung kích thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc; xung kích trong nhiệm vụ học tập, rèn luyện và xây dựng cuộc sống mới.

Đề đáp ứng được yêu cầu của cách mạng đối với thế hệ trẻ, *thanh niên chúng ta trước hết cần nhận thức sâu sắc và đầy đủ về nhiệm vụ của mình đối với đất nước trong giai đoạn mới của cách mạng.* Mỗi một đoàn viên và thanh niên, gái cũng như trai, trong bất kỳ ngành nghề gì, giữ bất kỳ trách nhiệm gì, ở bất kỳ nơi nào, cũng đều xác định lý tưởng cao quý và hoài bão lớn lao, lấy mục đích sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, lấy những nhiệm vụ và mục tiêu do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra làm phương hướng hành động cách mạng của mình, từ đó nâng cao

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 58 — 59.

ý thức tự lực tự cường, tinh thần dám nghĩ, dám làm, góp phần xứng đáng vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, làm cho nhân dân ta ấm no, hạnh phúc. Tài năng và tinh thần sáng tạo của thanh niên ta lúc này thể hiện cụ thể trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, trong lao động, sản xuất - lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao. *Hiệu quả chiến đấu tốt, năng suất lao động và hiệu suất công tác cao là thước đo trình độ giác ngộ về chính trị, tư tưởng và tài năng, sáng tạo, là thước đo năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của thanh niên ta ngày nay.* Vì xét đến cùng đó là « cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho thắng lợi của trật tự xã hội mới » (7).

Mỗi một đoàn viên và thanh niên ta hãy ra sức học tập, không ngừng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý kinh tế: rèn luyện, bồi dưỡng năng lực, phát triển tài năng, không ngừng sáng tạo, không sợ gian khổ khó khăn, không lùi bước trước thất bại, dám nghĩ, dám làm, thực hiện hoài bão khoa học. Công tác khoa học và kỹ thuật trước hết là công tác lao động sáng tạo, cho nên đoàn viên và thanh niên ta lao động hăng say, lao động sáng tạo, nghiên cứu, suy nghĩ, tìm tòi, vừa hiện thực, vừa táo bạo, từ lý luận đi vào thực tiễn, từ thực tiễn trở về lý luận, từ giải quyết những yêu cầu cụ thể của sản xuất, đời sống mà phát hiện những khả năng mới, những tiềm lực mới, những vấn đề mới. Trong quá trình nghiên cứu, phải vận dụng những thành tựu mới về khoa học và kỹ thuật để giải quyết các vấn đề cần thiết của đất nước.

Phát huy tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, đoàn viên và thanh niên ta tích cực đấu tranh với bản thân mình và trong tập thể của mình chống tư tưởng tự ti, an phận thủ thường, không dám nghĩ, dám làm, không có chí khí phấn đấu vươn lên,

không chịu học tập, rèn luyện để có tài năng hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời tích cực đấu tranh chống thái độ chủ quan tự mãn của một số thanh niên về « tài năng » của mình và không tiếp tục phấn đấu vươn lên, cũng như thái độ « nước chảy bèo trôi », tư tưởng ỷ oải, thụ động để mặc ngày tháng trôi qua, không đặt yêu cầu đối với bản thân về học tập, rèn luyện để có năng lực, tài năng hoàn thành nhiệm vụ.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh có nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp trong việc bồi dưỡng tài năng, phát huy sức sáng tạo của thế hệ trẻ. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, trên cơ sở giáo dục, bồi dưỡng cho thanh niên lý tưởng cách mạng, hoài bão lớn lao về khoa học kỹ thuật, trên cơ sở giáo dục tinh thần làm chủ tập thể cao, giúp cho thanh niên say sưa học tập, rèn luyện, nghiên cứu, phát huy tài năng và óc sáng tạo. Cần gây hứng thú sáng tạo khoa học, kỹ thuật cho thanh niên, cổ vũ thanh niên, làm cho thanh niên ta có thói quen say mê học tập, nghiên cứu, tìm tòi, dám nghĩ, dám làm, để phát huy tài năng và óc sáng tạo. Về tổ chức và chỉ đạo cụ thể, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh vừa phát huy vai trò chủ động của mình, vừa phối hợp và tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng và tổ chức xã hội trong hệ thống chuyên chính vô sản, tiến hành những biện pháp phong phú, thích hợp, thiết thực để phát huy tài năng và sức sáng tạo của thế hệ trẻ. Để bồi dưỡng năng lực cho thanh niên, tạo điều kiện cho thanh niên phát huy tài năng và sức sáng tạo, cần mở các trường, lớp bồi túc văn hóa, các lớp kỹ thuật tại chức, các trường văn hóa - kỹ thuật do Đoàn phụ trách, trường thanh

(7) V.I. Lê-nin: *Sống kiến thiết*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 29.

niên dân tộc, các trường, lớp thanh niên vừa học vừa làm, các hình thức kèm cặp dạy và bồi túc lý thuyết và thực hành về nghề nghiệp, tay nghề, những buổi báo cáo về khoa học, kỹ thuật, v.v... Cần phát triển những hình thức hoạt động thích hợp như tổ chức những nhóm sáng tạo khoa học - kỹ thuật thanh niên, các hội đồng chuyên gia kỹ thuật trẻ, hội đồng những nhà hợp lý hóa và phát huy sáng kiến trẻ, tổ chức luyện tay nghề thi thợ giỏi, mở những hội thi tài về kỹ thuật, nghiệp vụ, tổ chức triển lãm sáng kiến về sáng tạo khoa học - kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động thường xuyên của những câu lạc bộ khoa học - kỹ thuật trẻ...

Sáng tạo trong lao động phải trở thành phong trào quần chúng rộng rãi trong thanh niên. Có phong trào quần chúng rộng rãi thì sức sáng tạo của thanh niên mới được phát huy mạnh mẽ, bền bỉ, đem lại hiệu quả lớn. Điều đó đòi hỏi các cấp bộ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh có biện pháp, kế hoạch cụ thể chỉ đạo thật tốt phong trào « lao động tình nguyện vượt mức kế hoạch » hiện nay, phát động sâu rộng đoàn viên, thanh niên và các tập thể thanh niên đăng ký phấn đấu lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, bảo đảm chất lượng và tiết kiệm, tìm nguyên liệu, vật liệu trong nước thay thế cho những thứ phải mua của nước ngoài. Phong trào « Mỗi đoàn viên một sáng kiến cải tiến, mỗi kỹ sư một đề tài nghiên cứu » của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh Nhà máy chế tạo máy biến thế Hà-nội là một thí dụ tốt, cần được nhân lên. Qua phong trào này, trong năm 1977, toàn Đoàn thanh niên Nhà máy chế tạo máy biến thế Hà-nội đã phát huy 125 sáng kiến cải tiến, tăng năng suất từ 150% đến 300%; góp được 213 kiến nghị hợp lý hóa sản xuất, làm lợi cho Nhà nước 40.000 đồng. Ngoài ra, 34 đề tài nghiên

cứu thành công được đưa vào sản xuất đã làm lợi cho Nhà nước trên 100.000 đồng. Nhờ lao động sáng tạo, tuổi trẻ Nhà máy chế tạo máy biến thế Hà-nội đã góp phần quan trọng trong việc cùng toàn nhà máy hoàn thành kế hoạch sản xuất năm 1977 trước thời hạn 33 ngày, mặc dù kế hoạch sản xuất năm 1977 của nhà máy tăng 30% so với năm 1976 và trong điều kiện vật tư khan hiếm.

Tài năng và nghị lực sáng tạo của thế hệ trẻ có được phát huy đầy đủ hay không, ngoài yếu tố chủ quan của bản thân thanh niên và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, điều đó còn tùy thuộc vào vai trò của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng nữa. Giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ phát triển toàn diện, - trong đó có việc bồi dưỡng và phát huy tài năng, sức sáng tạo của thế hệ trẻ, - là một sự nghiệp có ý nghĩa hết sức lớn lao, từ trước tới nay chưa có một chế độ xã hội bóc lột giai cấp nào làm được chính vì sự nghiệp đó hoàn toàn trái ngược với bản chất và mục đích của các chế độ xã hội đó. Chỉ có chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa của chúng ta, với mục đích và bản chất ưu việt của nó, mới có khả năng giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ phát triển toàn diện, bồi dưỡng và phát huy được đầy đủ tài năng, nghị lực sáng tạo của thế hệ trẻ bằng sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản của mình. Chính vì vậy cho nên sự nghiệp « bồi dưỡng và đào tạo thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa kế tục trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và của dân tộc, bảo đảm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước ta đến thắng lợi hoàn toàn » (8) phải là nhiệm vụ chung,

(8) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 157.

một trách nhiệm cộng đồng của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong đó có vai trò nòng cốt, tham mưu của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh.

Cơ sở để phát huy tài năng, nghị lực sáng tạo của thế hệ trẻ là trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, cho nên trước hết, dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự cộng tác của các đoàn thể quần chúng, Nhà nước ta đang chuẩn bị thực hiện tốt việc cải cách giáo dục trong cả nước, nhằm « đào tạo có chất lượng tốt những người lao động mới; trên cơ sở đó, đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ », « thấu suốt hơn nữa nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội » (9).

Bên cạnh đó, vấn đề lớn lao, khó khăn và thường xuyên hơn là bồi dưỡng, phát huy tài năng, sức sáng tạo của thế hệ trẻ trong quá trình lao động, sản xuất. Để thực hiện tốt yêu cầu này, toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải có cách nhìn nhận vấn đề thật cách mạng, có sự phối hợp thật chặt chẽ, có những biện pháp thật thiết thực và có hiệu lực. Cần khắc phục những biểu hiện không đúng như chỉ nhìn thấy mặt tiêu cực của một số thanh niên, thiếu tin cậy, coi thường tài năng của thanh niên hoặc chỉ tin cậy và dựa vào một số có tài năng gọi là « xuất chúng ». Mặt khác, cần khắc phục trong một số cơ quan lãnh đạo, một số cán bộ Đảng và chính quyền khuynh hướng chỉ đòi hỏi thanh niên

thể hiện tài năng, phát huy tác dụng sáng tạo để hoàn thành nhiệm vụ, còn chính bản thân mình hoặc cơ quan lãnh đạo của mình thì lại không có hoạt động cụ thể gì giúp cho việc phát triển tài năng và năng lực sáng tạo của thế hệ trẻ. Cho nên, nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình đối với việc bồi dưỡng, phát huy tài năng, sức sáng tạo của thế hệ trẻ; động viên, cổ vũ, khuyến khích, giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thiết thực, thuận lợi cho thế hệ trẻ phát huy tài năng, sức sáng tạo của mình; giúp đỡ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, chủ động phối hợp với Đoàn thanh niên trong việc phát huy tài năng, sức sáng tạo của thế hệ trẻ. — đó là những yêu cầu cần thiết đối với các ban các ngành của Đảng, các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng ở các cấp.



Với tài năng và nghị lực sáng tạo phi thường của mình, thế hệ trẻ Việt-nam đã có những cống hiến xứng đáng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngày nay, trong giai đoạn mới của cách mạng, chúng ta tin tưởng rằng thế hệ trẻ — niềm tự hào và hy vọng của Đảng và nhân dân ta —, với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ngày một nâng cao, nhất định sẽ phát huy hơn nữa tài năng và nghị lực sáng tạo, tiếp tục có những cống hiến vẻ vang mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

(9) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, của Đảng cộng sản Việt-nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 54.

ĐỀ TIẾN TỚI CẢI CÁCH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

NGUYỄN-THỊ-BÌNH

Bộ trưởng Bộ giáo dục

CON người ta luôn luôn có nhu cầu về vật chất và tinh thần. Đối với đời sống vật chất, con người từ lúc sơ khai đã có ý thức rõ rệt về việc chinh phục và sử dụng thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ mình. Về đời sống tinh thần, con người ngày càng đòi hỏi thỏa mãn những nhu cầu văn hóa, thưởng thức nghệ thuật, tìm hiểu khoa học... Thiếu thốn trong đời sống tinh thần, người ta cũng thấy đau khổ như thiếu ăn, thiếu mặc vậy. Để thỏa mãn những nhu cầu về vật chất và tinh thần, con người phải không ngừng lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật... và do đó buộc phải truyền thụ từ đời này sang đời khác những kinh nghiệm lao động sản xuất, những kinh nghiệm xây dựng cuộc sống. Những kinh nghiệm này không ngừng được thực tiễn kiểm nghiệm, bổ sung và hoàn thiện để trở thành những tri thức khoa học - kỹ thuật của loài người và được chọn lọc để giảng dạy trong nhà trường.

Song từ khi xã hội có phân chia giai cấp, giai cấp thống trị nào cũng lấy giáo dục làm một phương tiện đào

tạo con người trong xã hội theo kiểu mẫu của mình đặt ra để giữ vững quyền thống trị.

Do đó, nền giáo dục của bất cứ xã hội nào cũng đều là công cụ phục vụ đắc lực cho chế độ xã hội đó. Nền giáo dục của chế độ này khác với nền giáo dục chế độ kia ở tính chất phản động hay tiến bộ của nó, là ở mục tiêu đào tạo của nó và ở đối tượng nó phục vụ chiếm số nhiều hay số ít trong xã hội.



TRONG xã hội Việt-nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, giáo dục là một bộ phận của chính sách ngu dân của bọn thực dân, phong kiến nhằm duy trì và củng cố sự thống trị của chúng, nhà trường là công cụ của số ít người thuộc giai cấp bóc lột để thống trị nhân dân lao động chiếm số đông trong xã hội.

Từ sau Cách mạng tháng Tám, Đảng ta không ngừng cải biến nền

giáo dục thực dân phong kiến thành một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa nhằm cải tạo con người cũ, xã hội cũ và xây dựng con người mới, xã hội mới; cải biến nhà trường thành công cụ của chuyên chính vô sản nhằm thủ tiêu sự thống trị của giai cấp bóc lột, xóa bỏ sự phân chia giai cấp trong xã hội, biến tất cả mọi thành viên trong xã hội thành người lao động mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Nền chuyên chính vô sản của chúng ta phải luôn luôn lo lắng giáo dục thế hệ trẻ để kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ trí thức xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân nhằm đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong xã hội ta, bên cạnh sự phản kháng, dưới hình thức này hay hình thức khác, của giai cấp bóc lột về phương diện tư tưởng, còn có tác động tiêu cực, dai dẳng và đáng sợ của tập quán cũ trong hàng chục triệu người hàng bao thế kỷ bị ngấp chìm trong biển cả của nền sản xuất nhỏ, cá thể. Thói quen lạc hậu ngấm ngầm ngăn trở cách mạng tiến bộ. Nếu không nhanh chóng đem lại cho nhân dân lao động một trình độ văn hóa, khoa học nhất định để tiếp thu nền văn hóa mới thì chúng ta không thể cải tạo những cái cũ lạc hậu một cách triệt để được.

Chuyên chính vô sản còn có nhiệm vụ hết sức quan trọng là tiếp thu và phát triển tất cả những gì là quý báu trong nền tư tưởng và văn hóa của loài người, và làm cho nhân dân lao động được hưởng thụ những thành tựu tốt đẹp về khoa học, kỹ thuật, văn học nghệ thuật trong kho tàng văn hóa của loài người để sống một cuộc sống phong phú và tươi đẹp. Việc phổ cập giáo dục cho nhân dân lao động là điều kiện để cho họ hưởng

thụ một cuộc sống như vậy. Song điều quan trọng hơn cả là nền chuyên chính vô sản phải đưa ra và thực hiện được một kiểu tổ chức lao động xã hội có năng suất cao hơn hẳn so với chủ nghĩa tư bản. Chính điều này mới bảo đảm sức sống và sự thắng lợi của chuyên chính vô sản.

Hồ Chủ tịch đã nói: “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải tăng gia sản xuất. Muốn tăng gia sản xuất tốt thì phải có kỹ thuật cải tiến. Muốn sử dụng tốt kỹ thuật thì phải có văn hóa...” (1).

Do đó, giành lại những giá trị văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật của loài người trong tay các giai cấp bóc lột và biến những giá trị đó thành tài sản chung của xã hội, của nhân dân lao động là thuộc chức năng của chuyên chính vô sản nói chung và của nền giáo dục của giai cấp vô sản nói riêng.

Từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thực tiễn cách mạng Việt-nam, Đảng ta đã khẳng định quan điểm cơ bản nhất trong đường lối giáo dục là: *nhà trường xã hội chủ nghĩa là một công cụ của chuyên chính vô sản*. Không như các chế độ của giai cấp bóc lột tìm mọi cách che giấu tính chất giai cấp của giáo dục, chúng ta công khai khẳng định lập trường giai cấp công nhân trong công tác giáo dục: phục vụ quyền lợi được học hành cho tất cả công dân trong xã hội; góp phần vào việc đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, nhất là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và cách mạng tư tưởng và văn hóa; trực tiếp đào tạo lớp lớp con người mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mục tiêu chung của sự nghiệp giáo dục cũng tức là mục tiêu chung của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa: Đó là xây dựng con người mới phù hợp với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

(1) Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 224.

Ngay từ bây giờ, hoàn cảnh nước ta đòi hỏi và cho phép xây dựng sớm, xây dựng từng bước con người mới. Con người mới phù hợp với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là con người « có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản » (2). « Phải xây dựng con người mới từ lúc lọt lòng và ở mọi lứa tuổi trong tất cả các tổ chức quần chúng, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các hoạt động xã hội, ở mọi ngành, mọi cấp, trong từng khu phố, thôn xóm và gia đình » (3).

Việc xây dựng con người mới phải do nhiều ngành cùng làm như: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, báo chí; phải do nhiều tổ chức Đảng, chính quyền, quần chúng cùng đảm nhiệm... Song ngành giáo dục và nhà trường của chúng ta phải góp phần quan trọng và trực tiếp nhất. Bởi vì đối tượng tác động của nó rất rộng lớn, tính chất tác động của nó lâu dài và tổng hợp, vì nó phụ trách đại đa số thanh niên, thiếu niên của dân tộc, và mục tiêu của nó cũng là « đào tạo có chất lượng tốt những người lao động mới; trên cơ sở đó đào tạo bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ » (4). Trước hết bằng hệ thống giáo dục phổ thông, nó xây dựng cơ sở bước đầu cho con người mới xã hội chủ nghĩa từ tuổi mẫu giáo đến tuổi thanh niên, và bằng hệ thống bồi túc văn hóa, nó nâng cao trình độ văn hóa và các mặt khác cho người đang sản xuất và công tác. Hiện nay ngành giáo dục ở chế độ ta đang thu hút tới 30% số dân. Kết quả của nền giáo dục phổ thông đối với những đối tượng mình phụ trách tốt hay xấu sẽ ảnh hưởng to lớn đến việc xây dựng nền tảng cho việc hoàn thành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa nói riêng, và góp phần không nhỏ đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung.

Với chức năng của mình, ngành giáo dục có thể làm tốt những việc sau đây:

Ngành giáo dục phổ thông xây dựng cơ sở bước đầu nhưng chủ yếu cho con người mới xã hội chủ nghĩa. « Vì lợi ích trăm năm trồng người », công việc đó toàn xã hội phải cùng làm và làm suốt đời người. Song ngành giáo dục phổ thông là kẻ gieo hạt, uốn nắn cây non trong việc hình thành con người mới. Từ tuổi mẫu giáo đến tuổi thanh niên, các em được giáo dục, rèn luyện những điều cơ bản về đạo đức, tình cảm, tư tưởng, thói quen, kiến thức, sức khỏe... cần phải có đối với con người mới.

Hồ Chủ tịch đã nói « Làm tốt thì thế hệ này có ảnh hưởng tốt. Làm không tốt sẽ có ảnh hưởng không tốt đến thế hệ sau »... « Trồng cây non được tốt thì sau này cây lên tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các cháu thành người tốt » (5).

Nền giáo dục của giai cấp công nhân đem những tinh hoa văn hóa của loài người, của dân tộc trang bị cho con người mới xã hội chủ nghĩa. Thật vậy, sau khi chúng ta đã giành lại độc lập tự do từ tay bọn thực dân phong kiến thì những gì là quý giá trong kho tàng văn hóa, khoa học, nghệ thuật trên đất nước ta đều trở thành tài sản chung của toàn thể xã hội. Những cái đó không còn thuộc độc quyền của các giai cấp bóc lột nữa mà thuộc về nhân dân lao động và con em họ.

Trước kia, chính sách ngu dân của thực dân và phong kiến đã kìm hãm 95% nhân dân ta trong vòng mù chữ, tối tăm, dốt nát. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nền giáo dục phổ thông

(2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 28.

(3), (4) Sách đã dẫn, trang 29.

(5) Hồ Chủ tịch bàn về giáo dục, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 217.

của chúng ta đã phát triển theo quy mô lớn gồm các trường phổ thông và bổ túc văn hóa các cấp đang phổ cập giáo dục khắp nước, tạo điều kiện cho nhân dân lao động và thế hệ trẻ tiếp thu văn hóa, khoa học, nghệ thuật... làm chủ tập thể về văn hóa. Hệ thống giáo dục ngày càng phát triển rộng lớn.

Ngành giáo dục phổ thông có *phương tiện và khả năng* góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa mới của xã hội. Trình độ văn hóa của toàn thể nhân dân lao động là tiền đề của nền văn hóa mới Việt-nam với nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc. Nó góp phần thúc đẩy nhanh quá trình bồi dưỡng cho con người mới tư tưởng của giai cấp công nhân, những tình cảm lành mạnh, những phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc và giúp nhân dân đấu tranh quét sạch ảnh hưởng của văn hóa thực dân, phong kiến, tư sản và những tàn dư văn hóa lạc hậu trong xã hội.

Trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, trình độ văn hóa nói chung của nhân dân còn thấp, những phong tục tập quán lạc hậu vẫn còn, nhất là ở miền núi và nông thôn. Việc cải tạo những phong tục tập quán đó còn khó khăn và phức tạp. Song với quy mô rộng lớn của ngành, với phương hướng giáo dục kết hợp với tham gia công tác xã hội, nhất là với lực lượng đông đảo người có văn hóa của nhà trường, ngành giáo dục phổ thông của chúng ta có khả năng to lớn góp phần xây dựng nếp sống văn hóa mới cho xã hội, nhất là ở địa bàn nông thôn và miền núi.

Với chức năng, nhiệm vụ và vai trò nêu trên, giáo dục chính là một bộ phận quan trọng của cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thực hiện mục tiêu của cách mạng tư tưởng và văn hóa là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa cho đất nước. Căn cứ vào mục tiêu xây dựng con người

mới của cách mạng tư tưởng và văn hóa, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có chức năng chủ yếu là đặt cơ sở bước đầu cho việc xây dựng con người mới. « con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân » (6).

Đó cũng là bước tiến quan trọng trên con đường đi đến con người lý tưởng của xã hội tương lai: con người cộng sản được phát triển toàn diện, như Lê-nin đã chỉ rõ : « Những con người phát triển về mọi mặt và biết làm mọi việc. Đó là đích mà chủ nghĩa cộng sản đang đi tới, phải đi tới và sẽ đạt tới... » (7).



Hiện nay, cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật to lớn nhất trong lịch sử loài người đang tiến mạnh như vũ bão trên thế giới. Các tầng lớp nhân dân ta, nhất là lớp trẻ, cần phải có trình độ văn hóa ngày càng cao làm cơ sở cho việc đào tạo nhanh chóng một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đông đảo, một đội ngũ công nhân kỹ thuật lớn mạnh trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp thì nước ta mới sử dụng được những thành tựu của cuộc cách mạng đó nhằm nhanh chóng xây dựng thành, công chủ nghĩa xã hội. Chỉ có đầu tư mạnh mẽ hơn nữa vào nền giáo dục thì mới nhanh chóng đạt được yêu cầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho giáo dục cũng chính là đầu tư cho kinh tế. Việc đó không phải chỉ nhằm lợi ích kinh tế về lâu về dài mà còn đem lại *hiệu quả trực tiếp* cho nền kinh tế quốc dân trong giai đoạn trước mắt.

(6) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 28.

(7) V. Lê-nin : *Tuyên tập*, quyển II, phần II, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 345.

Khoa học kỹ thuật đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và góp phần nhanh chóng tăng tổng sản phẩm xã hội. Khoảng thời gian cách nhau từ khâu phát minh ở phòng thí nghiệm đến khâu sản xuất trong các xí nghiệp, nhà máy, nông trường đã thu hẹp lại. Do đó, đầu tư cho khoa học, kỹ thuật, giáo dục thì có hiệu quả kinh tế lớn. Ở các nước phát triển người ta đã tính ra rằng trình độ văn hóa của người sản xuất đi đôi với trình độ trang bị, thiết bị sản xuất, có ảnh hưởng quyết định tới năng suất lao động. Hiệu suất lao động của người công nhân có trình độ văn hóa và kỹ thuật ở bậc trung học đã tăng 108% so với hiệu suất lao động của người công nhân có trình độ văn hóa ở bậc tiểu học. Trong những yếu tố làm tăng tổng sản phẩm xã hội như cường độ lao động, vốn đầu tư, trang bị kỹ thuật và trình độ văn hóa kỹ thuật của người sản xuất, thì yếu tố sau cùng này đem lại trên 60%. Do đó, hiện nay nhiều nước phát triển trên thế giới rất coi trọng việc đầu tư vào phát triển giáo dục và cải cách giáo dục.

Chính vì những sáng chế phát minh được đưa nhanh vào sản xuất như hiện nay, cho nên trang bị, thiết bị kỹ thuật và các quy trình sản xuất phải luôn luôn đổi mới. Vốn tri thức và kỹ năng học được ở trường, sau khi ra sản xuất, công tác khoảng 15 - 20 năm thì một nửa đã trở thành lạc hậu. Vì vậy, bất cứ làm nghề gì, con người phải luôn luôn được bổ sung và đổi mới kiến thức để dễ dàng thích nghi với những đổi mới của kỹ thuật, tức là phải được đào tạo lại để tiếp thu thành tựu mới của khoa học và kỹ thuật trong sản xuất. Muốn thế, trong khi còn ở nhà trường, con người phải được trang bị một trình độ văn hóa, kỹ năng toàn diện, và sau khi ra trường phải có thói quen chăm lo cho họ được học tập suốt đời.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần này khác với các cuộc cách

mạng kỹ thuật trong thế kỷ 18 ở chỗ, không những nó tác động mạnh mẽ trong công nghiệp mà nó còn tác động mạnh mẽ trong nông nghiệp, làm cho năng suất cây trồng, chăn nuôi tăng lên nhanh chóng. Nhiều quá trình sản xuất nông nghiệp đã biến thành quá trình sản xuất công nghiệp. Nhiều khâu trong trồng trọt, chăn nuôi đã được cơ khí hóa, điện khí hóa, hóa học hóa và tự động hóa từng bước. Do đó mà năng suất lao động nông nghiệp tăng và có sự phân bố lại lao động trong xã hội.

Chính do những đặc điểm này, trình độ văn hóa của người nông dân phải được nâng cao nhanh chóng và có hệ thống bằng nền giáo dục quốc dân.

Ở nước ta, trong khi « phải tập trung cao độ lực lượng của cả nước, của các ngành, các cấp, tạo ra một bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp » (8), vấn đề cơ bản mà ngành giáo dục đảm nhiệm là nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa kỹ thuật của người nông dân.

Như vậy, giáo dục vừa là nền tảng văn hóa của một nước, vừa là đòn xeo thúc đẩy việc phát triển kinh tế, phát triển sản xuất xã hội. Giáo dục là nơi chúng ta đầu tư có hiệu quả kinh tế nhất vì nó đào tạo ra những con người có khả năng đẩy mạnh ba cuộc cách mạng của chúng ta. Đối với nền giáo dục của chúng ta ở ngành phổ thông cũng như ở ngành đại học và trung học chuyên nghiệp, đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Chúng ta không tiếc sức, tiếc của đầu tư vào lĩnh vực này, một trong những lĩnh vực giữ vai trò quyết định nhất đối với sự tiến bộ kinh tế trong thời đại ngày

(8) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 32.

nay, đối với toàn bộ quá trình đi lên của chúng ta » (9).



Trên những chặng đường thắng lợi vẻ vang của cách mạng Việt-nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam, sự nghiệp giáo dục nước ta có phần đóng góp của mình.

Những thành tựu đáng tự hào của Đảng ta trên lĩnh vực giáo dục là những cơ sở thuận lợi cho sự phát triển mới của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa nhằm đáp ứng những yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới.

Mặc dù nước ta trải qua ba mươi năm chiến tranh, và nền kinh tế của chúng ta còn thấp kém, nền giáo dục xã hội chủ nghĩa đã hình thành và đang trên đà phát triển mạnh mẽ trên miền Bắc nước ta. Nền giáo dục ấy đã đào tạo ra nhiều thế hệ thanh niên giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có kiến thức văn hóa, có sức khỏe, có tinh thần dũng cảm trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và trong lao động xây dựng đất nước. Một đội ngũ lao động trí óc đông đảo đã hình thành và bắt đầu phát huy tác dụng. Nhân dân lao động, từ chỗ 95% mù chữ, đã bắt đầu có trình độ văn hóa phổ thông và bước đầu phát huy năng lực làm chủ tập thể trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa... Nhờ có trình độ văn hóa, các lực lượng vũ trang đang nhanh chóng nắm khoa học kỹ thuật quân sự, tiến mạnh trên con đường chính quy và hiện đại.

Ở miền Nam mới giải phóng hơn ba năm, chúng ta đã cơ bản xóa bỏ nền giáo dục phản động của Mỹ - ngụy, thiết lập chế độ giáo dục mới, bước đầu có tính chất xã hội chủ nghĩa. Không lâu nữa, chúng ta sẽ hoàn thành việc thống nhất chế độ giáo dục trong cả nước.

Khẩu hiệu « ... Tự do học hành », « Phổ thông giáo dục theo công nông hóa » trong cương lĩnh đấu tranh trên mặt trận giáo dục của Đảng từ khi Đảng mới ra đời, và lòng ham muốn thiết tha của Hồ Chủ tịch « đồng bào ai cũng được học hành »... đang biến thành hiện thực trên toàn nước Việt-nam thống nhất.

Chỉ mới hơn một phần tư thế kỷ, Đảng ta đã đưa nền giáo dục Việt-nam đi một chặng đường phát triển theo quy mô lớn mà nhiều nước tư bản chủ nghĩa phát triển đã phải đi hàng trăm năm.

Một nền khoa học giáo dục xã hội chủ nghĩa của Việt-nam cũng đã hình thành và đang trên đà phát triển do đúc kết được các kinh nghiệm của sự nghiệp giáo dục ở nước ta hơn ba mươi năm qua, đặc biệt là những kinh nghiệm « dạy tốt, học tốt » trong phong trào thi đua do Hồ Chủ tịch đề xướng từ năm 1961. Từ phong trào đó đã xuất hiện những điển hình giáo dục tiên tiến cung cấp nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, làm giàu thêm kho tàng tri thức khoa học giáo dục xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu đã thu được đang tạo điều kiện cho chúng ta đẩy mạnh nền giáo dục tiến lên phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, hiện nay nền giáo dục phổ thông của chúng ta chưa đáp ứng kịp những yêu cầu của cách mạng. Bởi vì nó còn có nhiều nhược điểm và thiếu sót. Thiếu sót lớn nhất là nhà trường của chúng ta còn chưa chuẩn bị tốt cho học sinh trở thành những người lao động mới phù hợp với yêu cầu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và những chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc phù hợp với nền quốc phòng toàn dân hiện đại. Tình trạng

(9) Lê-Duân : *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, trang 60.

đó bắt nguồn từ những thiếu sót và nhược điểm của nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và hệ thống giáo dục mà chúng ta chưa kịp khắc phục. Nội dung giáo dục chưa bảo đảm tốt tính chất toàn diện, chưa bám sát thực tiễn Việt-nam và chưa được bổ sung kịp thời những kiến thức hiện đại cần thiết. Nó còn thiếu nhiều về lý thuyết và kiến thức văn hóa chung, nhẹ về thực hành và hướng nghiệp. Nó cũng còn nhẹ về giáo dục chính trị và tư tưởng, về giáo dục lao động, giáo dục quân sự. Về phương pháp giáo dục, chúng ta chưa kiên trì việc kết hợp học với hành, giáo dục với lao động sản xuất: việc kết hợp nhà trường, gia đình và xã hội chưa được tiến hành đều đặn, bền bỉ; giáo viên, học sinh, nhân viên phục vụ và các đoàn thể quần chúng trong nhà trường chưa phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ tập thể của mình đối với sự nghiệp giáo dục.

Hệ thống giáo dục chưa ăn khớp với yêu cầu tổ chức lại nền kinh tế theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và chưa gắn với việc chuẩn bị lực lượng lao động dự trữ cho xã hội. Hệ thống giáo dục tại chức về văn hóa phổ thông chưa đáp ứng

nhu cầu học tập thường xuyên và ngày càng lớn của nhân dân lao động.

Muốn cho sự nghiệp giáo dục của chúng ta tiến lên mạnh mẽ đáp ứng những yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới, phục vụ đắc lực cho việc xây dựng và bảo vệ chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải phát huy mạnh mẽ những thành tựu to lớn đã đạt được và khắc phục nhanh chóng những thiếu sót, nhược điểm mà chúng ta đã phát hiện ra. Những biện pháp cải tiến thông thường không thể đem lại kết quả mong muốn. Chúng ta phải *« tiến hành cải cách giáo dục trong cả nước, làm cho hệ thống giáo dục quốc dân gắn chặt hơn nữa với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa »* (10). Có như vậy nền giáo dục của chúng ta mới xứng đáng là công cụ sắc bén của chuyển chính vô sản phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

(10) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 54.

XÂY DỰNG CƠ CHẾ LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

PHẠM-THÀNH •

NĂM vững quan điểm tăng cường chuyên chính vô sản và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đảng ta xây dựng một cơ chế có hiệu lực thể hiện trong thực tiễn sự thống nhất giữa chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đó chính là cơ chế của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, chế độ thể hiện bản chất sâu xa nhất của chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: “Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa thể hiện một cách tập trung ở sự làm chủ tập thể của nhân dân lao động (mà nông cốt là liên minh công-nông), chủ yếu bằng Nhà nước xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Vì vậy, xây dựng chế độ làm chủ tập thể đòi hỏi, trước hết phải xây dựng một hệ thống các quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân” (1).

Như vậy, trong cơ chế làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đó, Đảng ta nêu rõ: Đảng tiên phong của giai cấp công nhân là lực lượng duy nhất giữ vai trò lãnh đạo, là hạt nhân lãnh đạo của chuyên chính vô sản, là nhân

tổ quyết định bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động làm chủ tập thể với một ý chí thống nhất bắt nguồn từ lợi ích chung trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất; làm chủ theo đúng quy luật khách quan của xã hội thể hiện trong đường lối cách mạng của Đảng; làm chủ một cách có tổ chức, có ý thức và với một ý chí tập thể thống nhất. Họ làm chủ bằng cả toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, bao gồm trước hết là Nhà nước chuyên chính vô sản, các đoàn thể quần chúng, những tổ chức do nhân dân lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng.



Vai trò của từng tổ chức và nhân tố trong hệ thống chuyên chính vô sản, trong cơ chế làm chủ tập thể quyết định mối quan hệ của những tổ chức và nhân tố đó. Vấn đề là phải xây dựng cho được một hệ

(1) Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 20.

thống quan hệ đúng đắn giữa những tổ chức và nhân tố đó phù hợp với yêu cầu khách quan của chế độ làm chủ tập thể, bảo đảm cho từng tổ chức và nhân tố đó làm đúng vai trò và chức năng của mình, nhằm thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chủ yếu bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng vận dụng những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh nước ta để đề ra đường lối độc lập tự chủ đúng đắn và sáng tạo, phản ánh quy luật phát triển khách quan của xã hội và thể hiện đầy đủ nguyện vọng của nhân dân lao động, thuyết phục quần chúng nhân dân lao động về sự đúng đắn của đường lối đó, tổ chức quần chúng phấn đấu thực hiện thắng lợi đường lối đó.

Một công lao to lớn của Đảng ta là trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của mình, đã nêu ra được những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo mối quan hệ đúng đắn giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân lao động trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền. Lãnh đạo chính quyền. Đảng chịu trách nhiệm về mọi lĩnh vực sinh hoạt xã hội, nhưng Đảng không tự mình làm mọi việc, không bao biện làm thay quần chúng.

Trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, Đảng có một công cụ có hiệu lực, nhạy bén và mạnh mẽ để liên hệ với quần chúng và thực hiện đường lối của mình. Công cụ đó là Nhà nước chuyên chính vô sản tiêu biểu cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Để bảo đảm chế độ làm chủ tập thể và chuyên chính vô sản, Đảng lãnh đạo toàn bộ đời sống xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước. Mọi đường lối chủ trương của Đảng được biến thành pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước. Đảng không chỉ làm đúng theo lời chỉ dẫn của Lê-nin: "...toàn bộ công tác của đảng được tiến hành thông qua các xô-viét (ở

ta là các Hội đồng nhân dân - P.T), bao gồm những quần chúng lao động không phân biệt nghề nghiệp" (2). Đảng còn quy định cụ thể quan hệ lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước một cách toàn diện, quyết định đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của Nhà nước; quyết định những vấn đề quan trọng về hệ thống quản lý, về bộ máy tổ chức và cán bộ; chăm lo xây dựng và kiện toàn bộ máy Nhà nước vững mạnh, xây dựng lực lượng cán bộ của Đảng có năng lực làm nông cốt trong các cơ quan Nhà nước. Đảng dựa vào các tổ chức Đảng và các đoàn thể quần chúng để kiểm tra hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Tất cả những việc đó là nhằm bảo đảm cho đường lối, chính sách của Đảng, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được thực hiện triệt để. Thông qua Nhà nước, đường lối, chính sách của Đảng biến thành quyết định của bản thân quần chúng, thành hành động hằng ngày của quần chúng. Đảng bắt buộc tất cả các tổ chức, các cán bộ, đảng viên của Đảng tôn trọng quyền lực của cơ quan Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và các quyết định, chỉ thị của cơ quan Nhà nước, coi đó là kỷ luật của Đảng" (3).

Nói Đảng lãnh đạo chính quyền. Đảng ta không hề coi Nhà nước là một cơ quan hoạt động thụ động, việc gì cũng chờ ý kiến của Đảng. Đảng ta tôn trọng Nhà nước với tinh cách là cơ quan quyền lực của nhân dân lao động. Đảng yêu cầu các cơ quan Nhà

(2) V.I. Lê-nin: *Bản về vai trò của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 58.

(3) *Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 68 — 69.

nước góp phần tích cực xây dựng chủ trương đường lối của Đảng. Thực hiện đường lối của Đảng, các cơ quan Nhà nước có địa bàn rộng rãi, đề phát huy sáng kiến định ra những chính sách, chế độ cụ thể, tìm ra những biện pháp tổ chức thực tiễn có hiệu quả nhất bảo đảm cho đường lối của Đảng biến thành hiện thực.

Đảng ta là đội tiên phong vững mạnh của giai cấp công nhân đã lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi huy hoàng nhất trong lịch sử dân tộc. Chính vì vậy Đảng ta đã được sự tin cậy và lòng yêu mến không bờ bến của nhân dân ta. Đó là một thuận lợi to lớn để Đảng ta tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của mình trong giai đoạn mới của cách mạng. Nhưng Đảng ta luôn luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên giữ đúng cương vị là « người lãnh đạo và người đẩy tố trung thành của nhân dân » như Hồ Chủ tịch đã dạy, không được lạm dụng sự tin nhiệm của quần chúng mà vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Dù là đội tiên phong của giai cấp công nhân bao gồm những phần tử ưu tú nhất trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động, Đảng cũng chỉ là một bộ phận trong nhân dân. Đảng ta thực hành chế độ Đảng lãnh đạo để nhân dân làm chủ. Chế độ Đảng lãnh đạo của chúng ta hoàn toàn xa lạ với chế độ đảng trị mà bọn đế quốc, bọn phản động và mọi loại kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản thường gán cho các đảng cộng sản. Đảng kiên quyết phê phán mọi biểu hiện quan liêu, mệnh lệnh đối với quần chúng, và tìm mọi biện pháp để ngăn ngừa, khắc phục những thói xấu ấy, những thói xấu hoàn toàn xa lạ với bản chất của Đảng ta, của chế độ ta, nhưng do ảnh hưởng của xã hội cũ, một số cán bộ dễ mắc phải trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền.

Đảng lãnh đạo hệ thống chuyên chính vô sản bằng một loạt biện pháp

để bảo đảm nhân dân lao động thật sự là người chủ chân chính của toàn xã hội. Những biện pháp đó là : thông qua những tổ chức và phương tiện có thể có được, tiến hành một công tác chính trị và tư tưởng sâu rộng, thường xuyên đề giáo dục, thuyết phục quần chúng về sự đúng đắn của đường lối chính sách của mình ; tiến hành một công tác tổ chức rộng lớn bằng cách sử dụng toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, không chỉ bằng cách thông qua Nhà nước mà còn thông qua các đoàn thể quần chúng như Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản, Hội liên hiệp phụ nữ, Hợp tác xã, Hội liên hiệp nông dân tập thể, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể khác để hướng quần chúng đi vào hành động thực hiện đường lối chính sách của Đảng ; dùng kinh nghiệm điển hình và bằng kinh nghiệm của bản thân quần chúng làm cho quần chúng tin tưởng ở đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, biến đường lối chính sách đó thành ý chí tập thể của chính mình để cao kỷ luật nội bộ của Đảng, tinh tiên phong gương mẫu của đảng viên trong việc lãnh đạo quần chúng chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, để cho toàn thể đảng viên có mặt ở khắp nơi, triệu người như một, hành động nhất trí và lời cuốn quần chúng cùng mình làm chủ tập thể trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đề xứng đáng là người lãnh đạo nhân dân, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, Đảng luôn luôn chú ý xây dựng Đảng vững mạnh về mọi mặt : chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng đặc biệt nhấn mạnh sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ mối liên hệ với quần chúng. Thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn của Lê-nin : « ...trong quần chúng nhân dân, chúng ta chỉ tựa như một giọt nước trong đại dương, và chỉ khi nào biểu hiện được đúng ý nguyện của nhân

dân, thì chúng ta mới quản lý Nhà nước được" (4). Đảng ta đã cụ thể hóa tư tưởng đó của Lê-nin bằng chủ trương xây dựng Đảng về mọi mặt trong mối liên hệ với quần chúng. Khi quyết định đường lối và mọi chủ trương lớn, Đảng đều tổ chức bằng nhiều hình thức khác nhau cho nhân dân góp ý kiến thật rộng rãi với Đảng, bảo đảm « ý Đảng và lòng dân là một » như nhân dân ta thường nói. Đảng trân trọng tiếp thụ mọi ý kiến hay của nhân dân, những ý kiến thể hiện sâu sắc nguyện vọng, ý chí và lợi ích của nhân dân. Trong khi tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của quần chúng, Đảng đặc biệt chú ý lắng nghe ý kiến và những kinh nghiệm của những đơn vị tổ chức và phần tử tiên tiến. Đồng thời Đảng cũng hết sức chặt lọc mọi ý kiến hay của bất cứ cá nhân, tổ chức và thành phần xã hội nào phát biểu có tính chất xây dựng và sẵn sàng uốn nắn có lý có tình những ý kiến thiếu chính xác, thiếu căn cứ thực tế. Trong việc kết nạp người vào đảng và bầu các cấp ủy Đảng, Đảng cũng mạnh dạn lấy ý kiến quần chúng để bảo đảm chọn đúng những phần tử ưu tú được quần chúng tín nhiệm về năng lực và phẩm chất, tiêu biểu cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Trong quá trình thực hiện đường lối của mình, Đảng thường xuyên tổ chức cho quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng, phê bình đảng viên. Tất cả những việc làm nói trên xuất phát từ lợi ích làm chủ tập thể của quần chúng và nhằm bảo đảm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, bảo đảm cho Đảng luôn luôn là đội tiên phong của giai cấp công nhân gắn liền với quần chúng thành một khối thống nhất.

Trong các biện pháp liên hệ với quần chúng, đồng chí Lê-Duân coi việc xây dựng Đảng trong mối liên hệ với phong trào cách mạng của quần chúng là một trong những

phương châm lớn chỉ đạo công tác xây dựng Đảng nhằm làm cho Đảng làm tròn vai trò của mình trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý: « Phải qua phong trào cách mạng của quần chúng, qua việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể của quần chúng mà tiến hành công tác xây dựng Đảng; tổ chức cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng, góp phần kiểm tra sự hoạt động của Đảng, kiểm tra công tác và phẩm chất của cán bộ, đảng viên » (5).



Nhân dân lao động làm chủ là tập thể làm chủ theo một ý chí thống nhất chứ không phải từng cá nhân làm chủ theo ý chí riêng của mình. Làm chủ tập thể là làm chủ bằng tổ chức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động được tổ chức lại để làm chủ bằng những tổ chức phù hợp với tính chất của từng lĩnh vực sinh hoạt của mình. Họ làm chủ bằng một cơ cấu chính trị để đảm bảo quyền làm chủ về chính trị, điều kiện tiên quyết cho quyền làm chủ về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội. Họ làm chủ bằng một cơ cấu kinh tế được tổ chức đúng đắn phù hợp với quy luật khách quan về kinh tế, để làm chủ một cách có tổ chức, có kế hoạch và có hiệu quả. Họ cũng làm chủ bằng một cơ cấu văn hóa, về hình thức và nội dung đều phù hợp với yêu cầu và trình độ phát triển của đời sống kinh tế xã hội, để thúc đẩy sự phát triển xã hội một cách tự giác, theo hướng văn minh và tiến bộ.

(4) V. I. Lê-nin: *Bàn về vai trò của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 303.

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng đọc tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 187 — 188.

Tổ chức làm chủ tập thể phải được xây dựng thành hệ thống bảo đảm quan hệ nhíp nhàng, hài hòa giữa toàn quốc, địa phương và cơ sở. Trong hệ thống đó, cơ cấu làm chủ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội gắn bó hữu cơ với nhau thành một thể thống nhất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân lao động, trên cơ sở đó mà thực hiện làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân ngày càng cao.

Nhận mạnh việc làm chủ tập thể bằng một cơ cấu, đồng chí Lê-Duẩn nói: « Chế độ làm chủ tập thể phải dựa trên một cơ cấu kinh tế thích hợp, kết hợp công nghiệp với nông nghiệp ngay từ đầu, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương và nó phải được bảo đảm bởi một cơ chế kết hợp chặt chẽ Đảng, Nhà nước và nhân dân » (Bài nói ở Hội nghị các chủ tịch các tỉnh thành miền Nam).

Cơ cấu làm chủ tập thể hoàn chỉnh của nhân dân lao động là một hệ thống xã hội hết sức phong phú và tinh vi phù hợp với trình độ phát triển của đời sống xã hội. Nó phải được xây dựng và hoàn thiện dần từng bước trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Được hoàn thiện không ngừng, bản thân cơ cấu đó thể hiện ngày càng đầy đủ sự nhất trí giữa hoạt động chủ quan của con người với quy luật khách quan của xã hội, và tiến tới thực hiện điều mà Ăng-ghe-nơ nói: việc quản lý người nhường chỗ cho việc quản lý vật và chỉ đạo quá trình sản xuất. Từ nay cho đến đó, để chuẩn bị điều kiện đầy đủ cho trình độ phát triển hoàn thiện của cơ cấu làm chủ tập thể, nhân dân lao động phải làm chủ tập thể chủ yếu bằng Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản, khi tàn dư giai cấp chưa bị xóa bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn, khi như Mác nói trong Cương

lĩnh Gò-la, « Cái xã hội mà chúng ta nói ở đây, là một xã hội cộng sản, nhưng không phải một xã hội cộng sản đã phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại, là một xã hội cộng sản vừa thoát thai từ xã hội tư bản; do đó, là một xã hội còn mang những dấu vết của cái xã hội cũ đã đẻ ra nó » (6). thì chỉ có làm chủ tập thể bằng Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lao động mới biểu hiện được ý chí tập thể của mình dưới hình thức pháp luật, do đó mới làm chủ được mọi mặt khác của xã hội theo lập trường của giai cấp công nhân, đề tổ chức toàn bộ xã hội theo chế độ làm chủ tập thể.

Nhân dân lao động làm chủ tập thể bằng Nhà nước, bằng cách thực hiện quyền bầu cử, ứng cử và bãi miễn của mình để tự do lựa chọn người đại biểu xứng đáng thay mặt mình trong các cơ quan quyền lực của Nhà nước; bằng cách thông qua các đại biểu và cơ quan đó để chế định ra hiến pháp, pháp luật nhằm tổ chức xã hội phù hợp với ý chí, nguyện vọng và lợi ích tập thể của mình và nhằm quy định quyền lợi; nghĩa vụ của mỗi cá nhân, mỗi tập thể phù hợp với yêu cầu của chế độ làm chủ tập thể; bằng cách tuân thủ pháp luật, chấp hành ý chí chung theo sự hướng dẫn và chỉ đạo của cơ quan Nhà nước, đề tổ chức và xây dựng cuộc sống cộng đồng trong xã hội; bằng cách qua thực tiễn hoạt động cách mạng trên những lĩnh vực khác nhau mà kiểm tra sự đúng đắn của những chính sách, chế độ, luật pháp đã được đề ra cũng như kiểm tra hoạt động của các cơ quan và nhân viên Nhà nước do mình bầu ra:

Trong giai đoạn phát triển hiện nay của xã hội, làm chủ tập thể bằng Nhà nước do Đảng lãnh đạo là làm chủ thật sự, đầy đủ và có hiệu quả

(6) Mác và Ăng-ghe-nơ: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 19.

nhất. Ngoài ra, nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng còn có những hình thức tổ chức chính trị khác để làm chủ tập thể. Đó là làm chủ tập thể bằng các đoàn thể quần chúng, và bằng các cơ chế tổ chức linh hoạt khác như Đại hội công nhân viên chức ở cơ quan, hội nghị quần chúng ở các đơn vị hành chính cơ sở, đại hội xã viên ở hợp tác xã, v.v... Tất cả những hình thức tổ chức đó là những chỗ dựa quan trọng để nhân dân lao động làm chủ tập thể bằng Nhà nước một cách có hiệu quả và tránh được chủ nghĩa quan liêu. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: « Cùng với việc thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chủ yếu, bằng Nhà nước, phải thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng các đoàn thể quần chúng. Các đoàn thể có nhiệm vụ chung là bảo đảm cho quần chúng tham gia và kiểm tra công việc của Nhà nước, đồng thời là trường học về chủ nghĩa xã hội của quần chúng » (7).



Nếu nhân dân lao động làm chủ tập thể chủ yếu bằng Nhà nước và Nhà nước là công cụ chủ yếu nhất để bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì rõ ràng, vấn đề then chốt cần đặt ra là phải xây dựng được mối quan hệ đúng đắn giữa Nhà nước và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trước hết, phải tổ chức cơ cấu Nhà nước vững mạnh theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ cấu đó do Hiến pháp quy định. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ phải « Xây dựng Hiến pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, thể chế hóa bằng đạo luật cơ bản của Nhà nước quyền làm chủ tập thể xã

hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân » (8).

Cơ cấu Nhà nước bao gồm các cơ quan dân cử tức cơ quan quyền lực do nhân dân trực tiếp bầu ra cùng các cơ quan chấp hành của các cơ quan quyền lực và cả các cơ quan chuyên môn giúp việc điều hành các lĩnh vực hoạt động chuyên môn.

Hai là, Nhà nước quản lý xã hội bằng một hệ thống pháp luật được quy định chặt chẽ thể hiện đúng đắn lợi ích và ý chí tập thể của nhân dân, đáp ứng yêu cầu khách quan về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong đời sống cộng đồng của xã hội; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi hoạt động của các cơ quan Nhà nước đi vào quy chế chặt chẽ, thật sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể và bảo đảm quyền lợi của nhân dân, đồng thời đòi hỏi mọi người phải làm tròn nghĩa vụ và tuân theo pháp luật.

Quản lý bằng pháp luật có nghĩa là không chỉ sử dụng biện pháp giáo dục thuyết phục mà còn sử dụng cả biện pháp cưỡng bức. Nhưng sự cưỡng bức của Nhà nước xã hội chủ nghĩa không giống với sự cưỡng bức của Nhà nước tư sản hay phong kiến. Sự cưỡng bức của Nhà nước tư sản phong kiến nhằm giữ mãi nhân dân lao động trong vòng nô lệ. Sự cưỡng bức của Nhà nước chuyên chính vô sản là sự cưỡng bức của đa số đối với thiểu số, trước hết là đối với bọn người bóc lột đã bị đánh đổ nhằm cải tạo họ thành người lao động. Đối với đông đảo nhân dân, sự cưỡng bức của Nhà nước xã hội chủ nghĩa lại có một nội dung và ý nghĩa hoàn toàn khác. Ở đây cưỡng bức không phải

(7) Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 69.

(8) Sách đã dẫn, trang 67 — 68.

là sự chuyên chế của cá nhân như dưới chế độ phong kiến, hay sự chuyên quyền của một tập đoàn như dưới chế độ tư bản. Nó bắt nguồn từ sự lắt léo phải tuân theo ý chỉ tập thể, lợi ích tập thể, phải hoạt động một cách có tổ chức, theo quy luật khách quan của cuộc sống cộng đồng đã được nhận thức và được mọi người tuân theo một cách tự giác.

Tinh cường bức của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhất trí với tinh tự giác của nhân dân lao động nhận thức được tính tất yếu của pháp luật, hiểu rõ pháp luật được định ra là nhằm bảo vệ lợi ích của chính mình. Vì vậy Nhà nước xã hội chủ nghĩa có thể và phải kết hợp cưỡng bức với thuyết phục, lấy thuyết phục làm cơ sở để thực hành cưỡng bức. Lê-nin nói chúng ta phải thuyết phục đã rồi mới cưỡng bức, ~~phải~~ trên cơ sở thuyết phục và sau khi đã thuyết phục được đa số rồi mới cưỡng bức.

Nhà nước thực hành cưỡng bức theo pháp luật chính là để bảo đảm cho ý chỉ tập thể và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được tôn trọng. Vì vậy mỗi cá nhân tự giác ghép mình vào kỷ luật, trật tự của xã hội là biểu hiện quyền làm chủ của mình một cách tự giác. Lê-nin nói: sự phục tùng ý chỉ thống nhất «sẽ có thể giống việc chỉ huy nhẹ nhàng của một viên nhạc trưởng, nếu như những người tham gia công việc chung đều hoàn toàn có ý thức và có kỷ luật. Và sự phục tùng đó có thể được thực hiện bằng những hình thức độc tài gay gắt nhất, nếu không có một kỷ luật và một sự tự giác hoàn toàn» (9).

Bu là, trong quan hệ giữa Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân, cần phải quán triệt hai đặc điểm căn bản, do tính chất giai cấp công nhân của Nhà nước quyết định, làm cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa thật sự là một Nhà nước kiểu mới, không còn là Nhà nước theo nguyên nghĩa. Trước

hết đó là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Hai là, ngoài chức năng cưỡng bức, Nhà nước xã hội chủ nghĩa còn có chức năng tổ chức và quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội.

Quán triệt hai đặc điểm đó là điều có ý nghĩa quan trọng đối với việc thắt chặt mối quan hệ hữu cơ giữa Nhà nước với tư cách là một cơ cấu để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động với bản thân nhân dân lao động là người chủ thật sự và tối cao của Nhà nước.

Thực tiễn hoạt động Nhà nước ở ta cho thấy những sai sót trong mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân thường xảy ra ở các đơn vị cơ sở là nơi cơ quan Nhà nước tiếp xúc hằng ngày với nhân dân và là nơi nhân dân trực tiếp chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, và ở những cơ quan có nhiệm vụ trực tiếp giải quyết những vấn đề thuộc lợi ích thiết thân của quần chúng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Để khắc phục những sai sót đó, cần quy định thật chính xác cơ cấu tổ chức, chức năng quyền hạn của các cơ quan Nhà nước ở cơ sở cũng như các cơ quan chuyên môn và mối quan hệ đúng đắn giữa các cơ quan đó với nhân dân nhằm bảo đảm chấp hành đúng đắn đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm lợi ích chính đáng của nhân dân.

Nhà nước có chức năng tổ chức và quản lý toàn diện cho nên cần phải được kiện toàn về mọi mặt. Cần tăng cường pháp chế kinh tế, xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế với một bộ máy quản lý kinh tế nhạy bén, có hiệu lực, với những chính sách, chế độ bảo đảm kết hợp hài hòa lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của cá nhân trên

(9) Lê-nin: *Tồn tập*, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971 tập 27, trang 338 — 339.

nguyên tắc bảo đảm lợi ích của Nhà nước và chủ ý thích đáng lợi ích chính đáng của tập thể và cá nhân. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương do đồng chí Lê-Duẩn trình bày tại Đại hội lần thứ IV của Đảng có nói rõ: «Tăng cường và hoàn thiện Nhà nước là tăng cường hiệu lực của bộ máy hành chính, của tổ chức quản lý kinh tế và văn hóa. Song, vì hoạt động kinh tế là hoạt động làm nền tảng cho những hoạt động xã hội khác, đồng thời là một nhiệm vụ tương đối mới mẻ và khó khăn đối với Nhà nước ta, cho nên trước hết phải đặc biệt chú ý **tăng cường hiệu lực của Nhà nước về mặt tổ chức quản lý kinh tế** (10).

Bốn là, phải tiến hành một cuộc đấu tranh không mệt mỏi chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu đề Nhà nước ta thật sự là của dân, do dân và vì dân. Dưới chế độ xã hội cũ, chủ nghĩa quan liêu thường xuyên tác động trong thời tiền hoạt động của Nhà nước, bởi vì chủ nghĩa quan liêu là bản chất của Nhà nước của các giai cấp bóc lột. Dưới chủ nghĩa xã hội, bệnh quan liêu vẫn có khả năng nảy sinh trong cán bộ, nhân viên và cơ quan của Nhà nước. Để ngăn chặn nguy cơ đó, cần làm cho mệnh lệnh cưỡng bức của Nhà nước, đặc biệt là trong lĩnh vực thực hành chế độ thủ trưởng, luôn luôn thể hiện ý chí của quần chúng bằng cách phát huy sự bàn bạc dân chủ, sự kiểm tra và phê bình của quần chúng đối với cán bộ và cơ quan Nhà nước. Phải thực hiện điều Lê-nin căn dặn: «Ngày nay, chúng ta càng kiên quyết chủ trương phải có một chính quyền thẳng tay cứng rắn, phải thi hành chế độ chuyên chính cá nhân *trong những quá trình công tác nào đó*, trong những chức năng thuần túy có tính chất thi hành nào đó, — thì những hình thức và những phương pháp kiểm soát từ dưới lên, càng phải hết sức muốn và

đề làm tê liệt mọi khả năng, dù nhỏ đến đâu, dẫn tới xuyên tạc Chính quyền xô-viết; đề tiếp tục và luôn luôn trừ cho tiệt các thứ cổ đại chủ nghĩa quan liêu» (11).

Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị của Đại hội lần thứ IV của Đảng: «**Phải tổ chức kiểm tra chặt chẽ sự hoạt động của các cơ quan Nhà nước. Củng cố và hoàn thiện cơ cấu kiểm tra bao gồm hệ thống tự kiểm tra trong bộ máy Nhà nước và sự kiểm tra của các tổ chức quần chúng.** Tất cả các cơ quan Nhà nước, từ trung ương đến cơ sở, phải trả lời kịp thời và đầy đủ những vấn đề do quần chúng nhân dân nêu ra» (12).

Năm là, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đó là điều kiện quyết định để Nhà nước làm tròn chức năng của mình. Không có sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân, không thể có chuyên chính vô sản, không thể có Nhà nước như kiểu công xã mà Mác đã chỉ rõ xu hướng của nó qua sự tồn tại và hoạt động của nó là: «**Việc quản trị nhân dân do nhân dân đảm nhiệm**». Về vấn đề này, đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: «Đảng là người lãnh đạo toàn bộ hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản. Sự lãnh đạo của Đảng là bảo đảm cao nhất cho chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, cho sự tồn tại và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Vì vậy **bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước** là một điều kiện quyết định để tăng cường Nhà nước, nâng cao hiệu lực của Nhà

(10) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 132—133.

(11) V.I. Lê-nin: Bàn về cat trò Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong hệ thống chuyên chính vô sản, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 47.

(12) Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 67.

nước. Mặt khác, Đảng không thể lãnh đạo xã hội, lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội nếu không có Nhà nước. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân thể hiện tập trung ở Nhà nước, được thực hiện chủ yếu thông qua hoạt động của Nhà nước» (13).

Thực tiễn hoạt động của các cấp, các ngành đã xác nhận tính đúng đắn sáng tạo của lý luận của Đảng ta về chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Trong khi xác nhận một chân lý hiển nhiên là cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, làm chủ tập thể là bản chất khách quan của chủ nghĩa xã hội, thực tiễn cũng chỉ ra rằng xây dựng chế độ làm chủ tập thể là một quá trình từ thấp lên cao, và trong điều kiện từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, vai trò của tổ chức Đảng các cấp, đặc biệt vai trò cán bộ có ý nghĩa quyết định đối với cả quá trình đó. Bất cứ ở đâu, cấp bộ Đảng và cán bộ đảng viên tỏ ra đủ năng lực và phẩm chất để làm tròn trách nhiệm của người chiến sĩ tiên phong trong việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể thì ở đấy chuyên chính vô sản được củng cố, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được tôn trọng và phát huy, chế độ làm chủ tập thể được hình thành từng bước một cách thuận lợi.

Trong dịp đi thăm hợp tác xã Định-công, một hợp tác xã tiên tiến có đội ngũ cán bộ tốt đã biết vận dụng đúng đắn đường lối, quan điểm của Đảng vào thực tiễn xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đồng chí Lê-Duẩn đã nhấn mạnh vai trò quyết định của tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên. Đồng chí nói: «Đảng bộ Định-công phải tăng cường đoàn kết, không ngừng nâng cao sức

chiến đấu, nâng cao trình độ hiểu biết, luôn luôn gần gũi với quần chúng, thật sự chăm lo xây dựng quyền làm chủ và nâng cao trình độ làm chủ của nhân dân, củng cố Định-công phải mạnh từ đảng bộ đến các chi bộ, từ Đảng ủy đến từng đảng viên, tạo nên một khối thống nhất ý chí và hành động. Mỗi đảng viên phải là con người làm chủ tập thể gương mẫu, một chiến sĩ nhiệt thành với quyền làm chủ và cuộc sống hạnh phúc của nhân dân lao động, một chiến sĩ tiên phong trong việc tiến hành ba cuộc cách mạng, trong việc khẳng định và thực hiện cái mới, phê phán và xóa bỏ cái cũ. Phải thực hiện một cách nghiêm túc lời dạy của Hồ Chủ tịch: «phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân», tuyệt đối không dùng bất cứ quyền lực nào để áp bức nhân dân. Khi chưa có chính quyền, những chiến sĩ cộng sản đã hy sinh tất cả vì lẽ sống chân chính và quyền làm chủ của nhân dân, và hàng nghìn chiến sĩ đã ngã xuống trên con đường đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp và của dân tộc. Ngày nay khi trở thành Đảng lãnh đạo chính quyền thì người cộng sản càng phải tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân thông qua việc xây dựng và củng cố chính quyền Nhà nước» (14).



Lý luận của Đảng ta về chế độ làm chủ tập thể, về chuyên chính vô sản và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là những đóng góp vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

(13) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 148.

(14) Lê-Duẩn: Luôn luôn làm tròn nghĩa vụ với Đảng với dân, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1978, trang 36 — 37.

Dự thảo Hiến pháp mới và vấn đề thể chế hóa đường lối kinh tế của Đảng

VĂN-TẬP

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã đề ra mục tiêu cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta là trong khoảng hai chục năm, hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Trong khi xác định mục tiêu đó, Đại hội cũng chỉ ra đường lối để đạt tới mục tiêu.

Đường lối đó bao gồm mấy vấn đề chủ yếu sau đây :

1 — Hoàn thành cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất trong cả nước và trên cơ sở đó, xác lập và củng cố chế độ làm chủ tập thể toàn diện về kinh tế của nhân dân lao động.

2 — Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà, xây dựng cơ cấu kinh tế công -- nông nghiệp hiện đại, giải quyết đúng đắn những quan hệ lớn của nền kinh tế quốc dân.

3 — Xây dựng một hệ thống quản lý và kế hoạch hóa phù hợp với yêu cầu xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Thể chế hóa đường lối kinh tế của

Đảng có nghĩa là biến đường lối trên đây thành một phần của nội dung Hiến pháp, và sau đó thành chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Đường lối kinh tế của Đảng là một bộ phận không thể tách rời của đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta, tức là đường lối nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa. Điều đó có nghĩa là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không phải là kết quả riêng của việc thực hiện đường lối kinh tế, mà là kết quả chung, tổng hợp của việc chấp hành đường lối chung của Đảng. Vì vậy, để hiểu đầy đủ ý nghĩa của dự thảo Hiến pháp mới đối với công cuộc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thì cần phải nghiên cứu cả bản dự thảo đề rút ra những điểm có liên quan, chứ không dừng lại ở chương nói về chế độ kinh tế, tuy rằng chương này thể hiện một cách tập trung những quan điểm cơ bản và đường lối kinh tế của Đảng.

I — VỀ MỤC TIÊU XÂY DỰNG VÀ MỤC ĐÍCH CỦA CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Dựa theo sự phân tích khoa học của Đảng ta về tình hình và nhiệm vụ của cả nước khi bước vào giai đoạn mới, dự thảo Hiến pháp lần này đã nêu bật đặc điểm lớn nhất của quá trình phát triển của cách mạng nước ta hiện nay là từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, xây dựng một xã hội có nền kinh tế công — nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc.

So với Hiến pháp năm 1959, dự thảo Hiến pháp mới phản ánh nhận thức sâu sắc hơn của Đảng ta về đặc điểm của nền kinh tế nước nhà hiện nay và về cơ cấu của nền kinh tế mới mà chúng ta đang tập trung sức để xây dựng. Về điểm thứ nhất, Đảng không chỉ nêu chung rằng kinh tế nước nhà nghèo nàn và lạc hậu, mà còn chỉ rõ tình trạng nghèo nàn và lạc hậu ấy gắn liền với sản xuất nhỏ dựa trên lao động thủ công và năng suất lao động còn rất thấp.

Về điểm thứ hai, Đảng không dừng lại ở chỗ nói nước ta cần có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại (như đã ghi trong Hiến pháp năm 1959), mà còn chỉ rõ hai ngành sản xuất cơ bản này phải kết hợp chặt chẽ với nhau thành một cơ cấu thống nhất, cùng phát triển nhịp nhàng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chủ nghĩa tư bản có một nền sản xuất lớn làm cơ sở vật chất cho nó. Nhưng mục đích của nền sản xuất lớn đó là làm giàu cho giai cấp tư sản, và thủ đoạn để thực hiện mục đích đó là bóc lột tàn nhẫn nhân dân lao động trong nước và nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Ngược lại, « việc xây dựng và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa phải nhằm mục đích thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học — kỹ thuật hiện đại » (Nghị quyết Đại hội IV).

Khi quy định mục đích chính sách kinh tế của Nhà nước ta, dự thảo Hiến pháp mới thể hiện trung thành quan điểm sau đây của Đảng về mục đích của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và phương tiện để đạt mục đích đó. Phương tiện ở đây gồm hai động lực có sức mạnh phi thường trong thời đại chúng ta. Động lực thứ nhất là chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động lực thứ hai là cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật. Vận dụng và kết hợp chặt chẽ hai sức mạnh phi thường đó là một bảo đảm chắc chắn nhất cho thắng lợi của công cuộc xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

II — THỂ CHẾ HÓA QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ VỀ KINH TẾ

Làm chủ tập thể của nhân dân lao động về kinh tế là một khái niệm khoa học và hoàn chỉnh, bao gồm: làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu trong

xã hội, làm chủ lực lượng lao động, làm chủ việc tổ chức và quản lý sản xuất, làm chủ trong lĩnh vực phân phối sản phẩm.

1 - Làm chủ tập thể những tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội.

Trong hệ thống làm chủ tập thể về kinh tế thì quyền làm chủ về tư liệu sản xuất có ý nghĩa quyết định nhất. Bởi vì, trong mọi chế độ xã hội, thế lực xã hội nào làm chủ tư liệu sản xuất thì thế lực đó làm chủ các hoạt động kinh tế và do đó, sớm hay muộn cũng nắm quyền làm chủ về chính trị và các mặt khác. Sự thay đổi hình thái kinh tế xã hội, xét cho cùng, đều dựa trên cơ sở thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Vì vậy, xác lập quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về những tư liệu sản xuất chủ yếu là điều kiện phải có trước để xây dựng quyền làm chủ tập thể về kinh tế.

Trong điều kiện nước ta, con đường cơ bản để xác lập quyền làm chủ tập thể về tư liệu sản xuất chủ yếu là tiến hành cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất mà nội dung chủ yếu là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

Dự thảo Hiến pháp mới quy định nhiệm vụ chung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa là biến nền kinh tế nhiều thành phần thành nền kinh tế chủ yếu có hai thành phần: quốc doanh và tập thể, trong đó thành phần kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo nền kinh tế quốc dân và được Nhà nước phát triển ưu tiên. Dự thảo dành những điều riêng biệt để quy định những tài sản thuộc quyền sở hữu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa (tức của toàn dân); quy định Nhà nước giữ độc quyền về ngoại thương và mọi quan hệ kinh tế khác với nước ngoài. Dự thảo quy định chính sách hướng dẫn và giúp đỡ của Nhà nước đối với thành phần kinh tế hợp tác xã, và xác định những nguyên tắc làm cơ sở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa này.

Nhằm mục tiêu hoàn thành việc xác lập chế độ công hữu về tư liệu

sản xuất trong cả nước, dự thảo Hiến pháp mới quy định chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và những người làm ăn riêng lẻ khác, và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế tư bản tư doanh.

Một vấn đề mới và rất quan trọng được ghi trong dự thảo Hiến pháp lần này là ruộng đất thuộc bất cứ hình thức sở hữu nào đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quý hoạch và kế hoạch chung... Đây là một bước phát triển mới trong việc quán triệt quan điểm của Đảng ta về quyền làm chủ tập thể những tư liệu sản xuất chủ yếu trong xã hội.

Ai cũng biết ruộng đất là tư liệu sản xuất cơ bản của nông nghiệp. Nó có ý nghĩa sống còn đối với toàn xã hội, do đó nó cần được sử dụng hợp lý và tiết kiệm nhất. Ở một nước ruộng ít người đông, vấn đề cung cấp nông sản cho xã hội còn đang khẩn trương như nước ta hiện nay thì việc sử dụng ruộng đất một cách hợp lý và tiết kiệm lại càng quan trọng.

Từ nay cho đến khi hoàn thành công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp trong cả nước, ruộng đất ở nước ta còn thuộc ba hình thức sở hữu khác nhau: toàn dân, tập thể, và cá thể. Ruộng đất thuộc hai hình thức sở hữu đầu đã và đang được sử dụng theo quy hoạch và kế hoạch chung của cả nước, của từng vùng và từng địa phương. Còn ruộng đất thuộc hình thức sở hữu cá thể thì chưa được sử dụng hợp lý do tính hạn chế vốn có của nền kinh tế tiểu nông.

Sự cần thiết khách quan của việc đưa nông nghiệp nước ta lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Nhà nước ta thực hiện thống nhất quản lý ruộng đất thuộc cả ba hình thức sở hữu nói trên. Nội dung cụ thể của việc thống nhất quản lý ruộng đất tất nhiên sẽ được quy định dưới

hình thức một đạo luật, sau khi Quốc hội thông qua Hiến pháp mới.

2 - Làm chủ tập thể lực lượng lao động xã hội.

Quá trình sản xuất ra của cải vật chất là quá trình kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất. Điều đó có nghĩa là để thực hiện quyền làm chủ quá trình sản xuất thì không những phải làm chủ tư liệu sản xuất mà còn phải làm chủ lực lượng lao động.

Dưới chế độ tư bản, người công nhân chỉ có quyền tự do trên danh nghĩa. Còn trên thực tế, anh ta đã mất quyền làm chủ bản thân, bởi vì sau khi đã bán sức lao động cho nhà tư bản thì sức lao động của anh ta thuộc quyền chi phối của nhà tư bản. Như vậy, nhà tư bản làm chủ tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, đồng thời làm chủ cả lực lượng lao động.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, sức lao động không còn là hàng hóa. Ở đây, người lao động làm việc cho mình và cho xã hội. Mỗi người lao động được xã hội phân công đảm đương một nhiệm vụ nhất định trong cộng đồng xã hội có tổ chức. Xã hội cần cứ vào nhu cầu về các mặt của mình mà phân bổ theo kế hoạch đã định trước toàn bộ lực lượng lao động vào các ngành hoạt động khác nhau nhưng gắn bó chặt chẽ với nhau. Đó là nội dung chính của quyền làm chủ tập thể lực lượng lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa.

Nhận thức một cách sâu sắc nội dung của quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đối với lực lượng lao động, đồng thời xuất phát từ thực tế của nước ta là có nguồn lao động dồi dào, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: « Đối với các nguồn lao động, phải có kế hoạch và biện pháp tổ chức, phân công và bố trí hợp lý để sử dụng với hiệu quả cao nhất trên quy mô cả nước, cũng như trong từng địa phương, từng cơ sở ».

Dự thảo Hiến pháp mới thể hiện tư tưởng trên đây của Đảng bằng những điều nói về vai trò của lao động với tinh cách là nhân tố quyết định nhất trong việc phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân, về nhiệm vụ của Nhà nước trong việc huy động và sử dụng lực lượng lao động xã hội, về nghĩa vụ lao động của mọi công dân có sức lao động.

Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, huy động và sử dụng lực lượng lao động phải đi đôi với bồi dưỡng lực lượng đó. Cụ thể là phải thường xuyên chăm lo cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sinh hoạt của những người lao động. Đây là một điểm khác hẳn chế độ tư bản chủ nghĩa trong đó các nhà tư bản chỉ quan tâm có một điều là bóc lột lao động làm thuê để thu lợi nhuận tối đa.

Trong chương III và chương IV, dự thảo Hiến pháp mới có nhiều điều khoản bảo đảm cho người lao động với tư cách là công dân được hưởng những quyền lợi về vật chất, văn hóa và xã hội. Việc bảo đảm những quyền lợi đó cho người lao động có tác dụng nâng cao tinh thần tích cực và tinh thần sáng tạo của nhân dân lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho xã hội thực hiện ngày càng tốt hơn việc tổ chức và phân công lao động trên phạm vi cả nước, ở từng địa phương và từng cơ sở.

3 - Làm chủ tập thể trong việc tổ chức và quản lý sản xuất.

Khi nhân dân lao động đã làm chủ tập thể tư liệu sản xuất và lực lượng lao động thì đương nhiên họ làm chủ trong việc tổ chức và quản lý sản xuất.

Trước hết, quyền đó được thực hiện bằng cách phát huy cao độ chức năng tổ chức và quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa từ nay trở thành tổ chức kinh tế chủ yếu của xã

hội. Điều này hoàn toàn phù hợp với quan điểm: nhân dân lao động thực hiện quyền làm chủ của mình chủ yếu bằng Nhà nước. Nhiệm vụ cải tạo và xây dựng kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa được nêu trong chương kinh tế và các chương về cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà nước thể hiện quan điểm trên đây. Vì vậy, kiện toàn bộ máy Nhà nước và nâng cao không ngừng hiệu lực quản lý của Nhà nước không mâu thuẫn gì, trái lại phù hợp với quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân.

Bên cạnh việc thông qua Nhà nước để thực hiện quyền làm chủ tập thể trong tổ chức và quản lý sản xuất, nhân dân lao động còn thực hiện quyền này thông qua các đoàn thể của mình (như Công đoàn và các tổ chức quần chúng khác) hoặc qua các hình thức sinh hoạt dân chủ trong các xí nghiệp, cơ quan, hợp tác xã. Dự thảo Hiến pháp mới có một điều nói về vai trò Công đoàn trong việc giáo dục, động viên và tổ chức công nhân viên chức tham gia quản lý kinh tế, quản lý Nhà nước; nói về vấn đề phát huy quyền làm chủ tập thể của xã viên hợp tác xã.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong việc tổ chức và quản lý kinh tế là toàn diện, không trừ một khâu nào. Dự thảo Hiến pháp mới ghi rõ Nhà nước quy định những chế độ và thi hành mọi biện pháp cần thiết bảo đảm cho nhân dân lao động sử dụng đầy đủ quyền làm chủ tập thể của mình trên mọi lĩnh vực: quản lý lao động, quản lý sản xuất, lưu thông, phân phối và tổ chức đời sống; quản lý tài sản xã hội chủ nghĩa; xây dựng, thực hiện và giám sát việc thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Quy định trên đây làm nổi bật sự khác biệt căn bản giữa địa vị của người lao động làm chủ tập thể trong

chế độ xã hội chủ nghĩa và địa vị của người lao động làm thuê trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

4 — Làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối.

Sản xuất trong điều kiện xã hội như thế nào thì phân phối cũng được tiến hành như thế ấy. Đó là một nguyên lý cơ bản của chính trị kinh tế học Mác — Lê-nin.

Trên kia đã nói, tư liệu sản xuất, lực lượng lao động xã hội và việc tổ chức và quản lý sản xuất là thuộc về người chủ tập thể là nhân dân lao động. Vậy thì việc phân phối những thành quả của sản xuất đương nhiên cũng vì lợi ích của họ. Đó là mục tiêu của nền sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được nhận thức và quy định thành mục đích chính sách kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Quản triệt mục đích đó trong việc kế hoạch hóa và quản lý nền kinh tế quốc dân là con đường cơ bản nhất để bảo đảm quyền làm chủ tập thể trong lĩnh vực phân phối.

Khi nói về điều kiện sản xuất trong giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản, ta cần chú ý một điểm rất quan trọng là trong giai đoạn này, lực lượng sản xuất của xã hội chưa phát triển đến mức của cải có thể tuôn ra dào dạt, khiến mọi thành viên trong xã hội có thể hưởng thụ theo nhu cầu. Mặt khác, xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội vừa mới thoát thai từ xã hội cũ cho nên còn mang theo không ít vết tích của xã hội mà nó vừa thoát thai ra. Một trong những vết tích đó là: chưa phải người nào cũng làm việc một cách tự giác, chưa phải mọi người lao động đều đã coi lao động như một nhu cầu tự nhiên của cuộc sống. Vẫn còn một bộ phận người chậm tiến, chây lười, thậm chí trốn tránh nghĩa vụ lao động hoặc làm ăn không chính đáng. Chủ nghĩa bình quân tiêu cực sản cũng gòn rơi

rớt ở một số người. Tất cả những điều nói trên đòi hỏi xã hội phải kiểm kê và kiểm soát nghiêm ngặt kết quả lao động và mức hưởng thụ của người lao động. Mức hưởng thụ ấy tính theo số lượng và chất lượng lao động đã cống hiến cho xã hội. Dự thảo Hiến pháp thể hiện nguyên tắc đó khi viết: "Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam áp dụng nguyên tắc: làm theo năng lực, hưởng theo lao động..."

Phân phối theo lao động là hình thức phân phối cơ bản trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa, song đó chưa phải là toàn bộ chế độ phân phối của chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng nhấn mạnh rằng, cùng với việc áp dụng hình thức phân phối ấy, Nhà nước và tập thể còn phải chăm lo phát triển các sự nghiệp y tế, giáo dục, nuôi dạy trẻ, chăm sóc người già, v.v... Vì vậy, dự thảo Hiến pháp, ngoài việc khẳng định nguyên tắc phân phối theo lao động, còn ghi: "Nhà nước và tập thể tăng dần phúc lợi xã hội trên cơ sở phát triển sản xuất".

Là chế độ xã hội dựa trên quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xã hội xã hội chủ nghĩa có thể và cần thiết công khai tuyên bố chế độ phân phối của mình.

Trái lại, xã hội tư bản tồn tại trên quan hệ bóc lột lao động làm thuê và bóc lột nhân dân các nước kém

phát triển, không thể và không dám công khai tuyên bố chế độ phân phối của nó trên Hiến pháp. Chế độ phân phối ấy, như Mác đã vạch rõ, có hai mặt. Giữa tư bản và người lao động làm thuê, sự phân phối sản phẩm dẫn đến bản cứng hóa giai cấp vô sản, dẫn đến chỗ làm cho quan hệ đối kháng giữa hai giai cấp đó ngày càng gay gắt. Còn giữa bọn tư bản với nhau, thì sự phân phối tổng khối lượng giá trị thặng dư (do bóc lột mà có) được tiến hành theo nguyên tắc cạnh tranh, cá lớn nuốt cá bé.

Trong khi Hiến pháp tư sản không nói một lời nào về chế độ phân phối phản ánh bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, thì nó lại đánh lạc hướng người ta bằng một số điều khoản về cái gọi là phúc lợi xã hội (y tế, giáo dục, trợ cấp hưu bổng, trợ cấp thất nghiệp, v.v...). Tuy nhiên, những điều khoản này không bao giờ được thực hiện triệt để. Những khoản chi phí to lớn và không ngừng tăng lên của Nhà nước tư bản chủ nghĩa cho các mục tiêu xâm lược và đàn áp các phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, đã cắt xén các khoản chi về "phúc lợi xã hội". Rốt cuộc, những điều khoản về "phúc lợi xã hội" trong Hiến pháp tư sản chỉ tạo thành tấm bình phong che đậy chế độ phân phối bất công bắt nguồn từ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

III — THỀ CHẾ HÓA ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG CẢI CỐT VẬT CHẤT CỦA NỀN SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Xây dựng chế độ làm chủ tập thể về kinh-tế là tạo ra hình thức xã hội của nền sản xuất lớn, tức là xác lập một hệ thống các quan hệ xã hội của nền sản xuất đó. Công việc này, như đã trình bày, được tiến hành chủ yếu bằng cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất.

Nhưng sản xuất bao giờ cũng là sự thống nhất biện chứng giữa hình thức xã hội (quan hệ sản xuất) và cái cốt vật chất của nó (lực lượng sản xuất).

Vậy, cái cốt vật chất của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng ở nước ta là gì? Và bằng con đường nào để tạo ra cái cốt vật chất đó?

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ cái cốt vật chất đó là *cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp hiện đại*, và con đường cơ bản để tạo ra cơ cấu đó là thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà.

Dự thảo Hiến pháp mới xác định công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta, và được thực hiện bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. đồng thời giải quyết đúng đắn một loạt quan hệ lớn của nền kinh tế quốc dân, như quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng, quan hệ giữa việc phát huy các năng lực tiềm tàng của đất nước với phát triển các quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và với các nước khác.

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật giữ vị trí then chốt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Dự thảo Hiến pháp mới dành hai điều để xác định vị trí, vai trò và phương hướng phát triển của cuộc cách mạng then chốt này. Đường lối độc lập tự chủ của Đảng và tinh thần tự lực tự cường của nhân dân ta được thể hiện trong điều quy định: Nhà nước đặc biệt chú trọng xây dựng nền khoa học,

kỹ thuật hiện đại của nước nhà và phát triển đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân kỹ thuật của đất nước. Mặt khác, dự thảo Hiến pháp nhấn mạnh rằng, song song với việc phát huy tinh thần tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo trong công tác khoa học, kỹ thuật, Nhà nước ta rất coi trọng việc vận dụng những thành tựu khoa học, kỹ thuật trên thế giới. Sau hết, do công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi sự cống hiến của cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, nên dự thảo Hiến pháp đề ra nhiệm vụ phát triển nhịp nhàng cả hai ngành khoa học này.*

Sự hình thành và phát triển nền sản xuất lớn không những làm thay đổi sâu sắc đời sống xã hội mà còn dẫn đến những thay đổi quan trọng của khung cảnh thiên nhiên và môi trường sống. Xã hội cần phải thấy trước mặt tác động thứ hai này để chủ động thi hành những biện pháp thích hợp để tránh những hậu quả tai hại có thể xảy ra (ví dụ: rừng cây bị chặt phá hàng loạt, đất đai bị xói mòn, không khí và nước bị nhiễm độc, v.v...). Dự thảo Hiến pháp mới nêu rõ: Nhà nước, các cơ quan, đoàn thể, các lực lượng vũ trang nhân dân và mọi công dân đều có nghĩa vụ bảo vệ thiên nhiên và môi trường sống. Thực hiện triệt để quy định này, chúng ta sẽ giữ cho đất nước mãi mãi tươi đẹp; nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên không những được bảo vệ mà còn được bồi bổ thêm,

IV - THỰC CHẾ HÓA CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ KINH TẾ

Trong các xã hội dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nói chung Nhà nước không trực tiếp quản lý kinh tế.

Trái lại, Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là một tổ chức hành chính, cưỡng

chế, vừa là một tổ chức kinh tế và văn hóa. Nó nằm trong guồng máy kinh tế của xã hội. Là của dân, do dân và vì dân, Nhà nước ta nắm những mạch máu của nền kinh tế quốc dân, làm chủ bộ phận lớn nhất và có ý

nghĩa quyết định trong toàn bộ tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội. Điều đó làm cho chức năng tổ chức và quản lý kinh tế của nó không những là một tất yếu mà còn là một hiện thực.

Vì phát triển có kế hoạch là hình thức vận động đặc trưng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa (khác với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vận động một cách tự phát, không có kế hoạch trong phạm vi toàn xã hội) cho nên kế hoạch Nhà nước đương nhiên phải là công cụ chính để quản lý kinh tế. Nắm vững nguyên lý đó, Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra nhiệm vụ: « Cải tiến phương thức quản lý kinh tế lấy kế hoạch hóa làm chính ».

Kế hoạch Nhà nước, theo Lê-nin, là « Cương lĩnh thứ hai » của Đảng. Do đó, nó phải quán triệt đường lối chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, phải bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ rất cơ bản.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, nhiệm vụ hàng đầu của kế hoạch Nhà nước là phải huy động và sử dụng hợp lý lực lượng lao động và tài nguyên của đất nước. Với nguồn tài nguyên phong phú, với lực lượng lao động dồi dào, lại có tinh thần cần cù, sáng tạo, nhân dân ta nhất định sẽ xây dựng thành công một nền kinh tế độc lập, tự chủ và đa dạng làm cơ sở cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và nâng cao đời sống của mình.

Để bảo đảm tính toàn diện và đồng bộ của kế hoạch Nhà nước, dự thảo Hiến pháp đề ra nhiệm vụ của công tác kế hoạch hóa là phải quan tâm đầy đủ tất cả các khâu: sản xuất, lưu thông, phân phối và đời sống.

Theo đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng, trên đất nước ta sẽ dần dần hình thành các ngành kinh tế — kỹ thuật, đồng thời cũng hình thành các vùng kinh tế và

các cơ cấu kinh tế địa phương (tỉnh thành phố trực thuộc, huyện). Dự thảo Hiến pháp mới nêu một nhiệm vụ quan trọng của kế hoạch Nhà nước là phải thúc đẩy quá trình hình thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Chất lượng của công tác kế hoạch hóa, xét cho cùng, là bảo đảm cho nền kinh tế quốc dân phát triển toàn diện, cân đối, vững chắc, với nhịp độ nhanh và hiệu quả cao. Yêu cầu đó không thể được coi là một lời hiệu triệu mà cần được pháp luật hóa nhằm đề cao trách nhiệm của các cơ quan xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Sự hình thành và phát triển nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải xây dựng và hoàn thiện không ngừng hệ thống quản lý kinh tế. Dự thảo Hiến pháp mới nêu rõ hệ thống đó phải được xây dựng theo những nguyên tắc cơ bản như: vận dụng các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội, tập trung dân chủ, kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ, coi trọng việc cải tiến quản lý ở cơ sở, thực hiện nghiêm ngặt các chế độ hạch toán kinh tế, thủ trưởng phụ trách và trách nhiệm cá nhân.

Không thể nói đến hệ thống quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa theo nghĩa đầy đủ của nó nếu như thiếu một hệ thống hoàn chỉnh các luật lệ về kinh tế cùng những biện pháp bảo đảm cho các luật lệ đó được chấp hành nghiêm chỉnh. Vì vậy, dự thảo Hiến pháp mới đề ra một nhiệm vụ quan trọng của Nhà nước là đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa về kinh tế, kiểm tra chặt chẽ kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước, thường phạt công minh và kịp thời, ngăn ngừa và bài trừ các tệ quan liêu, lãng phí, tham ô và các biểu hiện tiêu cực khác trong hoạt động kinh tế. Quy định này

có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng. Nó đáp ứng yêu cầu hiện nay là cần phải đấu tranh kiên quyết để khắc

phục những biểu hiện tiêu cực đang gây ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống của nhân dân

V - Ý NGHĨA KINH TẾ CỦA NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân đi đôi với nhau. Nhà nước và toàn xã hội bảo đảm cho công dân được hưởng đầy đủ các quyền lợi ghi trong Hiến pháp, đồng thời đòi hỏi công dân phải làm tròn nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước và toàn xã hội.

Chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Những quyền về chính trị phản ánh tính chất của cơ sở kinh tế, đồng thời có tác dụng bảo vệ và củng cố cơ sở kinh tế.

Những quyền về chính trị của công dân được ghi trong dự thảo Hiến pháp (như quyền bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật, quyền ứng cử và bầu cử, các quyền tự do ngôn luận, v.v...) có cơ sở vững chắc là quyền làm chủ tập thể về kinh tế. Mặt khác, những quyền chính trị đó góp phần bảo vệ và củng cố chế độ làm chủ tập thể về kinh tế, bảo đảm cho công dân được hưởng những quyền lợi kinh tế theo quy định của pháp luật.

Trong chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, một trong những quyền cơ bản nhất của công dân là quyền lao động và quyền hưởng thụ thành quả lao động tùy theo số lượng và chất lượng lao động mà mình đã đóng góp cho xã hội. Quan điểm này được thể hiện trong một số điều của dự thảo Hiến pháp mới.

Những hiến pháp được coi là "dân chủ" nhất dưới chế độ tư bản chủ nghĩa cũng không bảo đảm cho nhân

dân lao động được hưởng quyền lao động và quyền hưởng thụ theo lao động. Bởi vì chủ nghĩa tư bản cần có một lực lượng « hậu bị công nghiệp thường trực » tức là « đội quân thất nghiệp ». Mặt khác, tiền công dưới chủ nghĩa tư bản luôn luôn bị giai cấp tư sản và Nhà nước của nó đánh sụt xuống dưới giá trị sức lao động. Cái gọi là pháp quyền tư sản dựa trên quan hệ mua bán hàng hóa (mà sức lao động là một thứ hàng hóa đặc biệt) trên thực tế đã bị chính ngay giai cấp tư sản và Nhà nước của nó vi phạm một cách trắng trợn. Trái lại, xã hội xã hội chủ nghĩa, vì những lý do lịch sử mà phải chấp nhận sự tồn tại của cái tàn dư pháp quyền tư sản trong khâu phân phối, đã bảo đảm cho công dân của mình quyền hưởng thụ theo lao động. Như Mác đã chỉ rõ, ở đây « nguyên lý và thực tiễn không còn mâu thuẫn với nhau nữa » (*Phê phán Chương trình Gô-ta*)

Nhưng, hưởng thụ theo lao động mới chỉ là một mặt của chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Ngoài phần thu nhập theo lao động, công dân còn được hưởng phúc lợi vật chất và văn hóa do Nhà nước hoặc đoàn thể của mình đem lại. Chương IV của dự thảo Hiến pháp mới bao gồm nhiều điều khoản xác định các quyền này.

Để xoa dịu cuộc đấu tranh quyết liệt của nhân dân lao động và của các lực lượng tiến bộ, cơ quan lập pháp của các nước tư bản chủ nghĩa cũng buộc phải ghi vào hiến pháp một số quyền này quyền nọ của công dân. Song, thực tế đã chứng minh rằng

những quyền đó không được bảo đảm. Bởi lẽ chính quyền Nhà nước cũng như phần lớn các phương tiện vật chất đều nằm trong tay các giai cấp bóc lột. Chỉ có cuộc đấu tranh kiên trì, đôi khi phải đổ máu của nhân dân lao động mới buộc được bọn bóc lột và Nhà nước của chúng thực hiện một phần những quyền đó, như quyền được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, « quyền » được hưởng trợ cấp thất nghiệp (một thứ « quyền » chỉ có trong chế độ nô lệ làm thuê!), v.v...

Trái lại, dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền lao động và các quyền hưởng phúc lợi vật chất và văn hóa được bảo đảm chắc chắn bằng chính quyền Nhà nước của dân, do dân và vì dân và bằng chế độ làm chủ tập thể toàn diện về kinh tế.

Nhưng quyền lợi bao giờ cũng phụ thuộc vào trình độ phát triển của xã hội. Mác đã viết: « Quyền lợi không bao giờ có thể cao hơn trạng thái kinh tế của xã hội và cao hơn trình độ văn minh của xã hội thích ứng với trạng thái kinh tế đó. » (*Phê phán Cương lĩnh Gô-ta*).

Câu nói của Mác, suy rộng ra, có nghĩa là muốn được hưởng đầy đủ các quyền lợi thì mọi công dân phải làm tròn, làm thật tốt nghĩa vụ của mình, trước hết là nghĩa vụ lao động. Phải lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, đạt năng suất và hiệu quả cao. Chỉ có như vậy mới có thể mau chóng xóa bỏ tình trạng kinh tế nghèo nàn và lạc hậu hiện nay của nước ta, biến nước ta thành một nước văn minh và giàu mạnh.

Đối với những công dân làm việc với tinh thần tự giác, làm việc quên mình vì xã hội, vì tập thể thì biện pháp cưỡng chế là không cần thiết. Trái lại, đối với những người trốn tránh nghĩa vụ lao động hoặc chây lười thì đương nhiên xã hội buộc họ phải lao động. Pháp chế lao động

phải trở thành một bộ phận quan trọng hàng đầu của pháp chế xã hội chủ nghĩa nói chung.



Xét riêng về mặt thể chế hóa đường lối kinh tế, dự thảo Hiến pháp mới có một nét độc đáo. Nó không chỉ quy định những vấn đề thuộc về quan hệ sản xuất và những nguyên tắc của chế độ quản lý kinh tế -- về mặt này mà nói, dự thảo Hiến pháp mới của nước ta giống Hiến pháp của các nước xã hội chủ nghĩa anh em -- mà còn quy định cả *những phương hướng, nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất, cụ thể là xây dựng cơ cấu kinh tế công -- nông nghiệp hiện đại*.

Sở dĩ cần thiết phải làm như vậy là vì quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta có đặc điểm nổi bật là vừa xóa bỏ cái cũ, vừa *xây dựng cái mới từ gốc đến ngọn* (1). Trong lĩnh vực xây dựng kinh tế, chúng ta phải tạo ra cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới, phải kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới làm cho quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn luôn gắn bó với nhau (hiệu theo nghĩa phù hợp với nhau), thúc đẩy nhau cùng phát triển (2). Trong tình hình của cả nước ta hiện nay, cả hai việc phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới đều phải tiến hành đồng thời, thì việc thể chế hóa những quan điểm, đường lối của Đảng về cả hai mặt công tác đó là hoàn toàn cần thiết. Làm như vậy dĩ nhiên là có lợi: tăng thêm hiệu lực của đạo luật cơ bản đối với công cuộc xây dựng nền kinh tế mới ở nước ta.

(1), (2) Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam (phần II).

HÓA CHẤT, MỘT NGÀNH CÔNG NGHIỆP MŨI NHỌN

LÊ-TỰ

CÔNG nghiệp hóa chất giữ một vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Phát triển công nghiệp hóa chất tiến lên hóa học hóa nền kinh tế quốc dân là một trong những phương hướng chủ yếu của tiến bộ kỹ thuật. Nó tác động to lớn đến sự phát triển toàn bộ nền kinh tế quốc dân và là nhân tố quan trọng đối với việc nâng cao năng suất lao động của xã hội.

Hóa học phát triển và xâm nhập vào các ngành kinh tế không chỉ bằng quy mô các sản phẩm hóa chất, các vật liệu hóa chất với những đặc tính ưu việt so với các vật liệu thiên nhiên hoặc các vật liệu nhân tạo khác, mà còn bằng những phương pháp và phản ứng hóa học. Có thể nói ngày nay không có một quá trình nào trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật mà không ứng dụng phương pháp hóa học hoặc không có liên hệ với hóa học.

Trong nông nghiệp, các nhà hóa học đang cùng các nhà sinh vật học nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản nhất của quá trình chu chuyển các chất dinh dưỡng trong thiên nhiên, các quá trình sinh trưởng, phát triển, di truyền của động vật, thực vật và vi sinh vật nhằm tác động đến sự diễn

biến của các quá trình đó theo ý muốn của con người. Hiện nay người ta đã sử dụng phổ biến các sản phẩm hóa chất như phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, chất kích thích và điều hòa sinh trưởng cây trồng trong nông nghiệp.

Trong chăn nuôi, hóa chất có thể giữ cỏ tươi lâu, giảm được sự hao hụt chất dinh dưỡng trong cỏ từ 20 đến 30%. Bản thân một số hóa chất là nguồn thức ăn không thể thiếu được của gia súc. Gia súc được nuôi dưỡng bằng thức ăn có đầy đủ đạm, lân, các nguyên tố vi lượng khác dưới dạng có thể hấp thụ được không chỉ lên cân nhanh mà còn tránh được nhiều bệnh tật.

Việc bảo quản lương thực và giống bằng hóa chất là phương pháp có hiệu quả cao: các loại sâu mọt hầu như toàn bị tiêu diệt khi được xử lý bằng phốt-phua nhôm; phẩm chất của lương thực được giữ trong một thời gian dài khi đựng trong các bao bì bằng chất dẻo. Trong lâm nghiệp, những thành tựu hóa học cũng được sử dụng nhiều để bảo vệ và phát triển rừng. Người ta đang đi vào sử dụng gỗ không chỉ để chế biến thành giấy, sợi và các loại vật liệu xây dựng mà còn

để chế các hóa phẩm như rượu, các a-xít hữu cơ, men... Công nghiệp hóa chất còn có thể cung cấp các loại phao lưới cho ngành đánh cá hoặc các hóa chất bảo vệ rong biển, các loại thức ăn đặc biệt cho nghề nuôi cá.

Sự thâm nhập của hóa học vào nhiều ngành công nghiệp đã mở ra một triển vọng lớn cho các ngành này. Trong công nghiệp luyện kim, nhờ có chất tạo bọt, chất hoạt hóa, chất giảm sức căng bề mặt, v.v... người ta sử dụng được những loại quặng nghèo. Trong sản xuất gang, thép, việc sử dụng khí thiên nhiên, ô-xy và các chất hạ dung điểm đã tạo điều kiện tiết kiệm nhiên liệu. Trong chế tạo hợp kim, phương pháp hóa học được ứng dụng rất phong phú, tạo được các hợp kim cứng, hợp kim ít bị mài mòn, hợp kim chịu nhiệt độ cao. v.v...

Trong công nghiệp chế tạo thiết bị và gia công kim loại, các phương pháp hóa học được sử dụng rộng rãi như tẩy dầu mỡ, phốt-phát hóa, ni-tơ-ric hóa, mạ đồng, mạ crôm, mạ kẽm... để chống gỉ, tăng độ cứng bề mặt, tăng độ bóng và có màu sắc đẹp. Ngày nay, người ta dùng khá phổ biến các chi tiết máy bằng chất dẻo thay cho kim loại, và các chi tiết này đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật như: nhẹ, bền với hóa chất, cách điện, cách nhiệt, chịu ma sát, v.v...

Trong công nghiệp nhẹ, các quá trình công nghệ dệt, nhuộm, in hoa, tẩy trắng, láng bề mặt sợi, v.v... đều dựa trên các quá trình hóa học. Công nghiệp sản xuất sợi nhân tạo và sợi tổng hợp ra đời đã làm thay đổi toàn bộ cơ cấu ngành dệt. Việc sản xuất sợi theo phương pháp hóa học tiết kiệm được nhiều sức lao động so với quá trình trồng bông và nuôi cừu.

Trong công nghiệp thực phẩm, nhiều quá trình sản xuất quan trọng như: sản xuất đường, sữa, bơ nhân tạo, nước chấm, nước ngọt, rượu, v.v... đều dựa trên phương pháp hóa học.

Ngày nay, người ta còn tổng hợp được nhiều loại pro-te-in và các loại chất dẻo tổng hợp, v.v... mà trước đây phải lấy từ thực vật, thực phẩm truyền thống.

Trong công nghiệp vật liệu xây dựng, quá trình nung luyện xi-măng, nấu thủy tinh chính là quá trình nhiệt hóa học. Để có những loại xi-măng với các đặc tính đặc biệt như: xi-măng chịu a xít, xi-măng chịu nhiệt v.v... người ta phải đưa thêm vào những loại hóa chất mới. Việc sử dụng chất dẻo được đặc biệt chú ý trong ngành xây dựng hiện đại. Các vật liệu cách âm, cách nhiệt, các tấm lót nền nhà, khung cửa, rèm che, ống dẫn nước, các thiết bị vệ sinh, sơn, trang trí sản xuất ra từ chất liệu cao phân tử được sử dụng khá nhiều với tỷ lệ ngày càng cao. Việc sử dụng vật liệu tổng hợp trong ngành xây dựng mở ra một khả năng mới về giải quyết nhu cầu nhà ở.

Trong giao thông vận tải, hóa học tham gia ngày càng nhiều vào việc hoàn thiện các phương tiện vận tải vừa bền vững vừa nhẹ mà chở được nhiều, tiện nghi tốt.

Trong ngành địa chất, việc định lượng và định tính các nguyên tố trong khoáng sản tiến hành bằng phương pháp phân tích hóa học đạt kết quả chính xác và nhanh chóng.

Hóa học hóa nền kinh tế quốc dân đem lại hiệu quả kinh tế rất lớn, cho đến nay người ta cũng chưa thể đánh giá hết được.



Dưới sự lãnh đạo của Đảng, công nghiệp hóa chất ở nước ta đã từng bước hình thành, các cơ sở công nghiệp hóa chất được xây dựng và đáp ứng một phần nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Vốn đầu tư đưa vào xây dựng và mở rộng các công trình tăng bình quân hằng năm 13,20%.

riêng vốn xây lắp tăng 26,81%. Năm 1975 so với năm 1965 giá trị tài sản cố định tăng 86,9%; giá trị tổng sản lượng tăng gấp 2,3 lần, phân lân các loại tăng hơn 3 lần, bình quân hàng năm tăng 14,74%. Nhiều xí nghiệp đã phát huy tinh thần tự lực tự cường của cán bộ và công nhân, ra sức cải tiến kỹ thuật, chế tạo nhiều sản phẩm mới mà trước kia phải mua của nước ngoài. Đội ngũ cán bộ khoa học — kỹ thuật và công nhân phát triển ngày càng đông đảo.

Tuy nhiên cơ sở vật chất — kỹ thuật của công nghiệp hóa chất còn quá nhỏ bé. Đối với nông nghiệp, công nghiệp hóa chất chỉ mới đáp ứng được từ một phần tư đến một phần ba nhu cầu về phân bón. Thức ăn cho gia súc và các mặt hàng nông được còn ít. Việc phục vụ lâm nghiệp và thủy sản chưa đáng kể. Công nghiệp hóa chất cũng chỉ mới đáp ứng được một phần nhỏ các mặt hàng phục vụ cho tiêu dùng, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản như cao-su, hóa chất cơ bản, xút, v.v... Sợi hóa học dùng để giải quyết vấn đề mặc cho nhân dân chưa có gì. Hằng năm, chúng ta phải nhập nhiều mặt hàng hóa chất trong đó có những loại ta có khả năng sản xuất. Tiềm năng xuất khẩu của hóa chất khá lớn nhưng chưa được khai thác.

Cơ cấu công nghiệp hóa chất còn chưa đồng bộ, thiếu nhiều ngành quan trọng như: lọc dầu, hóa dầu, hóa hữu cơ, sợi hóa học, chất dẻo, v.v... Những ngành đã có thì cơ sở vật chất — kỹ thuật còn nhỏ bé. Sau khi giải phóng miền Nam, chúng ta tiếp thu được một số cơ sở công nghiệp hóa chất, có một số thiết bị hiện đại nhưng nói chung nhỏ bé, không đồng bộ, thiếu phụ tùng thay thế, những cơ sở đó đang đặt ra nhiều vấn đề về tổ chức quản lý và sản xuất. Cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp hóa chất rất yếu: các mỏ a-pa-tít, py-rit, séc-păng-tin... chưa phát triển. Lực lượng công

ngiệp hóa chất địa phương còn nhỏ yếu.



Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta. Về phương hướng phát triển công nghiệp hóa chất, Đại hội đã vạch rõ: « *Đẩy mạnh công nghiệp hóa chất phát triển toàn diện, bao gồm hóa chất vô cơ và hữu cơ. Phát triển phân bón hóa học và các hóa chất khác để phục vụ nông nghiệp; sớm khởi công xây dựng cơ sở sợi nhân tạo, các nhà máy xút và một số nhà máy hóa chất cơ bản; phát triển hóa dược; chế biến các sản phẩm từ cao su, hương liệu, tinh dầu v.v...* » (1).

Về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV đã nêu: « *Trong công nghiệp hóa chất, sản lượng các loại phân bón hóa học năm 1980 tăng lên 1,3 triệu tấn, chủ yếu là phân lân và a-pa-tít nghiền. Mở rộng sản xuất thuốc trừ sâu, trừ cỏ, các hóa chất kích thích cây trồng và gia súc sinh trưởng. Ra sức phát huy năng lực sản xuất sẵn có ở tổ và đắp lại lớp ô tô hiện có, đồng thời tăng thêm công suất mới. Đẩy mạnh sản xuất thuốc chữa bệnh. Tận dụng khả năng của các cơ sở công nghiệp hóa chất, đặc biệt là khả năng của lực lượng tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp dùng nguyên liệu trong nước làm ra các loại hóa chất công nghiệp thông thường* » (2).

Trong những năm trước mắt, nhiệm vụ hàng đầu trên mặt trận kinh tế là

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí Học tập số 12-1976, trang 36.

(2) Phạm-Văn-Đông: Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 — 1980, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976 — trang 44, 45.

phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp. Do đó, công nghiệp hóa chất xác định nhiệm vụ trước tiên của mình là sản xuất thật nhiều phân bón cho trồng trọt. Hiện nay, ngoài phân chuồng, phân xanh, phân mùn rác... do nhân dân tự làm, yêu cầu về phân bón hóa học trong cả nước rất lớn. Hiện nay chúng ta đã sản xuất trong năm 1977 hơn 40 vạn tấn phân hóa học các loại.

Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 1980 là 1,3 triệu tấn phân bón hóa học. Ngành hóa chất phải tính toán, lựa chọn dạng phân bón có thể phát triển sản xuất và phải tích cực phấn đấu để đạt được chỉ tiêu trên.

Xu thế chung của các nước hiện nay là đi vào sản xuất các loại phân đậm đặc, phân phức hợp có hàm lượng chất dinh dưỡng cao. Với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nước ta, trong những năm tới, chúng ta chưa thể làm như vậy. Ngay về su-pe lân trong kế hoạch 5 năm này, chúng ta cũng chỉ có thể giữ vững mức hiện nay. Việc mở rộng nhà máy Su-pe phốt-phát chỉ hoàn thành vào đầu kế hoạch 5 năm thứ ba. Trong năm 5 này, chúng ta tập trung sản xuất hai dạng phân chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng số phân bón hàng năm là phân lân nung chảy và a-pa-tít nghiền.

Phân lân nung chảy là loại phân kiềm tính có hàm lượng chất dinh dưỡng gần bằng su-pe lân, dùng thích hợp với nhiều vùng đất chua ở nước ta. Những nguyên liệu chính cần cho sản xuất phân lân nung chảy đều có sẵn trong nước (trừ than cốc hiện nay đang được nghiên cứu thay thế một phần bằng than ăng-tơ-ra-xit nhiệt luyện). Các công trình với quy mô từ 2.000 đến 100.000 tấn/năm, chúng ta có thể tự thiết kế, chế tạo thiết bị và thi công xây dựng.

Ngành hóa chất còn chú ý phát triển một dạng phân khác là a-pa-tít nghiền. A-pa-tít nghiền, quặng thiên nhiên chưa qua xử lý hóa học, hàm lượng chất dinh dưỡng có thấp so với các dạng phân lân khác, song có tác dụng cải tạo đất (đất ta phần lớn nghèo lân), góp phần tăng năng suất cây trồng. Hiện nay việc sử dụng a-pa-tít nghiền có khó khăn về vận chuyển, nhưng do yêu cầu của đồng ruộng, chúng ta cần tìm cách khắc phục khó khăn đó.

Ngoài việc phát triển hai dạng phân lân nói trên, ngành hóa chất đang tích cực đưa vào thể ổn định những cơ sở hiện có, tổ chức khai thác và nghiền vôi góp phần cải tạo đất ở các tỉnh miền Nam. Dùng vôi để khử chua, cải tạo đất là một tập quán của nông dân ta. Ở đồng bằng sông Cửu-long cứ bón từ 500 đến 800 ki-lô-gam vôi trên một héc-ta thì thu hoạch tăng thêm 400 đến 500 ki-lô-gam thóc. Nhu cầu phân vôi cho vùng này hằng năm lên tới một triệu tấn. Chúng ta sẽ phát triển phân vôi bằng hai cách: nung vôi và nghiền đá vôi, tùy theo điều kiện cụ thể từng nơi. Với cách làm tích cực, trong vài năm tới, chúng ta có thể đáp ứng nhu cầu vôi nói trên.

Về phân đạm, từ năm 1978, nhà máy phân đạm Hà-bắc bắt đầu đi vào sản xuất. Ngành hóa chất đang trù tính mở rộng thêm nhà máy này và xây dựng thêm nhà máy phân đạm mới để đáp ứng nhu cầu về đạm trong những kế hoạch 5 năm sau này.

Sâu bệnh là một tai họa không nhỏ đối với nông nghiệp. Hằng năm thế giới mất khoảng 20% sản lượng nông nghiệp vì sâu bệnh, người ta đã dùng hai triệu tấn thuốc trừ sâu gồm 400 loại gia công thành 2.000 mặt hàng.

Ở nước ta, những thiệt hại về mùa màng do sâu bệnh gây ra rất lớn.

chưa thống kê hết được. Thuận-hải, là vùng đất trồng bông rất tốt, nhưng không trồng được nhiều vì thiếu thuốc trừ sâu. Vùng Đà-lạt vừa qua chỉ vì thiếu thuốc trừ sâu đã phải phá 100 héc-ta cải bắp. Yêu cầu về thuốc trừ sâu của chúng ta rất lớn, nhất là khoảng 10 năm nữa khi diện tích canh tác tăng gấp đôi. Nhưng điều đáng chú ý là hằng năm chúng ta phải chi khá nhiều ngoại tệ để mua nguyên liệu thuốc trừ sâu nguyên chất của nước ngoài. Cho nên hướng lớn của công nghiệp hóa chất là, ngoài việc tích cực gia công các loại thuốc với khối lượng ngày càng nhiều, cần tiến lên từng bước, giải quyết vấn đề nguyên liệu như đã sản xuất ô-xi-clo-rua đồng để trừ nấm cho khoai tây và cà chua. Công nghiệp hóa chất cũng sẽ sản xuất các loại thuốc trừ sâu: đi-phe-tơ-réc, vôn-pha-tóc, 2,4D.

Trong chăn nuôi, thức ăn bổ sung chất khoáng không thể thiếu được đối với gia súc. Từ năm 1976 công nghiệp hóa chất đã bắt đầu sản xuất một số loại thức ăn gia súc từ nguyên liệu trong nước như phốt-phát kết tủa (prê-xi-pi-tát), phốt-phát khử fluy-o... nhưng sản lượng chưa được bao nhiêu. Khó khăn lớn trong việc sản xuất các loại thức ăn gia súc này là nhân dân ta chưa quen dùng, cho nên việc tiêu thụ có khó khăn. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội lần thứ IV của Đảng, công nghiệp hóa chất sẽ sản xuất u-rê, muối a-môn, cố gắng đến năm 1980 sản xuất khoảng 5.500 tấn các loại thức ăn phục vụ chăn nuôi.

Đề góp phần cùng ngành lâm nghiệp thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội Đảng và Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng, công nghiệp hóa chất đẩy mạnh sản xuất các hóa chất phục vụ cho yêu cầu của lâm nghiệp như thuốc bảo quản gỗ, thuốc xử lý hạt giống, phòng,

trừ sâu bệnh, diệt cỏ và cây có hại, các chất phòng cháy và chữa cháy cho rừng, các chất dẻo dùng cho vườn ươm, các hóa chất cơ bản như xút, a-xít vô cơ để xử lý gỗ làm sợi, v.v... Mặt khác, phải chế biến các lâm sản để lấy ra các hóa chất cần thiết phục vụ cho sự phát triển nền kinh tế quốc dân.

Nước ta ở vùng nhiệt đới, những sản phẩm nông nghiệp và nghề rừng rất phong phú. Trách nhiệm của các ngành công nghiệp là phải chế biến những sản phẩm đó thành nguyên liệu và hàng tiêu dùng phục vụ sản xuất, đời sống và xuất khẩu. Phát triển ngành hóa thực vật là một nhiệm vụ lớn của ngành hóa chất. Trước mắt, ngành sẽ phát triển các cơ sở ép dầu để chế biến, tận dụng một số dầu thực vật như: trâu, sỏ, thầu dầu, lai, v.v... làm nguyên liệu cho sơn. Đồng thời, cung cấp thiết bị chưng cất tinh dầu cho các địa phương để mở rộng sản xuất tinh dầu hồi, hương nhu, hương bài, sả, bạc hà, v.v... Tích cực xây dựng những dây chuyền tinh chế và sản xuất từ tinh dầu một số sản phẩm có giá trị kinh tế để xuất khẩu.

Đối với thủy sản, công nghiệp hóa chất cần cung cấp các loại phân bón hóa học đặc biệt làm thức ăn trực tiếp cho cá hoặc làm thức ăn nuôi dưỡng những loại phù du là nguồn thức ăn chủ yếu của cá. Khi có công nghiệp sợi tổng hợp, ngành hóa chất sẽ sản xuất những loại nguyên liệu làm phao lưới và sợi lưới phục vụ cho ngành đánh cá nước ngọt và nước biển.

Về việc chế biến và gia công cao-su, đến năm 1980, ngành hóa chất sẽ nâng sản lượng các loại sẫm, lốp ô-tô, máy kéo, sẫm, lốp xe đạp từ gấp đôi cho đến gấp bốn lần khi bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm sau. Hiện nay sẫm lốp xe đạp đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng, và một phần nhu

cầu xuất khẩu. Riêng về lớp ô-tô, chúng ta còn phải nhập nhiều, ngành hóa chất có trách nhiệm dần dần giảm bớt nhập, tiến tới tự sản xuất đủ dùng về mặt hàng này.

Ngoài những mặt hàng nói trên, công nghiệp hóa chất còn sản xuất với khối lượng ngày một tăng nhiều mặt hàng khác như các hóa chất tinh khiết, xúc cốt-tích, a-xít clo-hy-đric 31%, a-xít sun-phua-ric, phen đơn, can-xi cac-bô-nát, ni-tơ lỏng, ô-xy, đất đèn, pin, ác-quy, que hàn điện, sơn các loại, v.v... Hướng chỉ đạo của ngành hiện nay là ra sức tận dụng lực lượng lao động hiện có, tận dụng nguyên liệu trong nước, nghiên cứu thay thế các nguyên liệu phải nhập, tận dụng phế liệu, phế phẩm, làm ra thật nhiều của cải cho xã hội.



Để thực hiện phương hướng và nhiệm vụ trên, công nghiệp hóa chất cần ra sức tiến hành một số biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là, quan tâm giải quyết vấn đề nguyên liệu cho sản xuất. Đặc điểm của sản xuất hóa chất là dùng rất nhiều nguyên liệu; chi phí vật liệu trung bình chiếm hai phần ba giá thành sản phẩm; có ngành tới bốn phần năm. Thường cứ sản xuất một tấn sản phẩm cần ba, bốn tấn nguyên liệu, thậm chí còn hơn nữa.

Để sản xuất phân bón, chúng ta có mỏ a-pa-tít; với yêu cầu đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và trước mắt để bảo đảm chỉ tiêu phân bón các loại cho năm 1980, ngành hóa chất đang tích cực cải tạo và mở rộng mỏ a-pa-tít Lào-cai để trong mấy năm trước mắt đưa sản lượng quặng lên gấp ba lần hiện nay. Py-rit là một nguyên liệu cần thiết cho sản xuất phân su-pe lân, hiện nay vẫn phải nhập. Để tạo thế chủ động đáp ứng một phần nhu cầu này, mấy năm

vừa qua ngành hóa chất đã tiến hành khảo sát và xây dựng mỏ py-rit (Vĩnh-phu). Ngành hóa chất cũng đã xây dựng mỏ đá séc-păng-tin (Thanh-hóa) để phục vụ cho sản xuất phân lân nung chảy. Sau khi đưa vào sử dụng, các mỏ này sẽ dần dần được mở rộng để đến cuối năm 1980 sản lượng quặng có thể tăng gấp hai lần (quặng py-rit) cho đến gấp 10 lần (đá séc-păng-tin) so với năm đầu mới đưa vào sản xuất.

Ngành hóa chất còn tích cực thăm dò, tìm kiếm thêm các mỏ phốt-phát ở các địa phương để phục vụ các xí nghiệp nghiên cứu tại chỗ, vừa có thêm sản lượng, vừa khỏi mất công vận chuyển từ xa.

Những nguyên liệu khác của ngành hóa chất, đại bộ phận phải nhập. Để giảm dần khối lượng nhập khẩu, ngành hóa chất đã phát động và sẽ đẩy mạnh hai phong trào: tích cực nghiên cứu tìm tòi mặt hàng thay thế hàng nhập và ra sức tiết kiệm vật tư, nguyên liệu trong sản xuất và xây dựng. Nhiều cơ sở sản xuất và Viện nghiên cứu đã thực hiện tốt việc này như đã nghiên cứu và thăm dò, khai thác bô-xít trong nước thay cho bô-xít nhập của nước ngoài; cải tạo lò cao để sử dụng than nội địa thay than cốc để sản xuất phân lân nung chảy; xây dựng cơ sở cốc hóa than áng-tơ-ra-xít nhằm tiến tới thay thế hoàn toàn than cốc mỡ...

Hai là, đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản. Để làm tròn nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là phục vụ nông nghiệp tiến lên làm nhiệm vụ hóa học hóa nền kinh tế quốc dân, trong tình hình cơ sở vật chất - kỹ thuật còn rất nhỏ yếu, ngoài việc sử dụng đến mức cao nhất những máy móc thiết bị hiện có để làm ra ngày càng nhiều của cải cho xã hội, ngành hóa chất, sẽ đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản để phát triển công nghiệp hóa chất, coi đây là một công tác lớn trong những năm sắp tới.

«*Đề tăng đáng kể năng lực của công nghiệp hóa chất vào những năm sau, trong kế hoạch năm năm này sẽ khởi công xây dựng một số nhà máy hóa chất quan trọng, trong đó có nhà máy phân đạm (công suất 80 vạn tấn phân tiêu chuẩn/năm), công trình mở rộng khai thác và làm giàu quặng a-pa-tít, nhà máy sợi vit-cô (công suất hai vạn tấn/năm), nhà máy xử lý cốt-tích (công suất 6,6 vạn tấn/năm) và một số nhà máy hóa chất khác*» (3).

Trước mắt đề thực hiện chỉ tiêu về phân bón vào năm 1980, ngành hóa chất, một mặt sẽ hoàn thành mở rộng, xây dựng mới và đưa vào sản xuất các nhà máy phân lân nung chảy ở khu vực Văn-diên, Ninh-bình, Vĩnh-phú, Thanh-hóa, Hà-bắc... mặt khác khẩn trương xây dựng mới các điểm nghiên cứu với công suất toàn bộ từ 50 đến 60 vạn tấn/năm, các nhà máy phân rác hữu cơ ở các địa phương, trước mắt hoàn thành nhà máy phân rác hữu cơ ở thành phố Hồ-Chí-Minh.

Đề mở rộng sản xuất thuốc trừ sâu, trừ cỏ, các hóa chất kích thích cây trồng, thuốc thú y, v.v... ngành hóa chất sẽ xây dựng cơ sở sản xuất một số thuốc nguyên chất tại nhà máy hóa chất Việt-tri; triệt để huy động vào sản xuất các nhà máy gia công thuốc trừ sâu ở miền Nam; tổ chức khai thác mỏ và dùng đồng vận để sản xuất đủ sun-phát đồng, ô-xy clo-rua đồng để trừ sâu cho khoai tây và cà chua.

Ngoài ra, ngành hóa chất cũng sẽ mở rộng và xây dựng mới nhiều nhà máy khác như nhà máy ác-quy 2 (Vĩnh-phú), nhà máy pin Xuân-hòa (Vĩnh-phú), mở rộng nhà máy cao-su, nhà máy dặt đèn Trang-kênh... tổng cộng hơn 30 công trình lớn nhỏ với tổng số vốn đầu tư gấp 10 lần năm 1975.

Từ nay đến năm 1980, sẽ dần dần hình thành các khu công nghiệp hóa chất: khu công nghiệp a-pa-tít Lào-

cai; khu công nghiệp hóa chất Lâm-thao; khu công nghiệp hóa chất Núi đình; khu công nghiệp hóa chất Hà-bắc. Đó là chưa kể các nhà máy công nghiệp hóa chất Việt-tri, Vĩnh-thịnh (Cao-lạng), Xuân-hòa (Vĩnh-phú) và các nhà máy khác tập trung ở Hà-nội, thành phố Hồ-Chí-Minh, Đà-nẵng.

Ba là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát huy vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật, kiên quyết làm tốt những việc sau đây:

- Nghiên cứu giải quyết vấn đề nguyên liệu cho ngành hóa chất bao gồm các việc: tìm thêm những nguồn nguyên liệu mới trong nước; nghiên cứu từng bước thay thế những mặt hàng phải nhập, phấn đấu hạ định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu; tận dụng các phế liệu, phế phẩm làm thêm của cải cho xã hội. Nghiên cứu sản xuất thêm nhiều mặt hàng mới.

- Phấn đấu nâng cao năng suất thiết bị, đưa thời gian hoạt động của các thiết bị tiến lên đạt mức thời gian theo chế độ, nhất là các thiết bị sản xuất phân lân, cao-su... Tăng cường năng lực cơ khí ở cơ sở và trong toàn ngành đề tự đảm nhận việc gia công chế tạo các phụ tùng thay thế, chế tạo thiết bị cho sự phát triển ngành. Thực hiện tốt việc bảo quản và bảo dưỡng thiết bị đúng định kỳ, chấm dứt tình trạng máy móc, thiết bị hỏng hóc đột xuất làm ảnh hưởng đến sản xuất. Tích cực cải tiến công nghệ, thực hiện cơ giới hóa, giảm dần lao động thủ công và đồng bộ hóa dây chuyền sản xuất. Cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân, bảo đảm an toàn lao động.

(3) Phạm-Văn-Đông: *Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 45.

— Nghiên cứu ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm. Cũng cố công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, bảo đảm tất cả các sản phẩm đều đạt tiêu chuẩn chất lượng của Nhà nước, của ngành hoặc của xí nghiệp. Trang bị đầy đủ phương tiện đo lường cho các cơ sở và thực hiện chặt chẽ việc đo lường, coi đó là một kỷ luật trong sản xuất.

— Đi đôi với việc kế hoạch hóa công tác nghiên cứu khoa học — kỹ thuật, phát động một phong trào quần chúng rộng rãi tiến quân vào khoa học — kỹ thuật, mở rộng các hình thức câu lạc bộ khoa học — kỹ thuật, thực hiện việc khen thưởng sáng kiến kịp thời. Phát triển công tác thông tin khoa học — kỹ thuật, củng cố và đưa mạng lưới thông tin khoa học — kỹ thuật ở cơ sở đi vào nền nếp.

Bốn là, tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế, đồng thời đẩy mạnh phong trào thi đua, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân, ra sức hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm cũng như kế hoạch từng năm.

Dựa theo điều lệ quản lý xí nghiệp mới, ngành hóa chất tiến hành tổ chức lại sản xuất từ các tổ sản xuất đến các phân xưởng, các xí nghiệp và toàn ngành, nhằm đưa lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Việc xây dựng kế hoạch phải dựa trên cơ sở tiềm lực của ta về tài nguyên, thiết bị, về cán bộ và công nhân kỹ thuật. Kế hoạch phải toàn diện bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu theo quy định của điều lệ mới về quản lý xí nghiệp. Nhanh chóng tiến lên lập kế hoạch toàn ngành, thống nhất toàn ngành trên những mặt chủ yếu, phát huy tác dụng của

ngành đối với những hoạt động của địa phương.

• Từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong điều kiện nước ta hiện nay, còn nhiều mặt mắt cần đổi, ngành hóa chất cố gắng nắm chắc và dần dần củng cố các mặt quản lý lao động, vật tư kỹ thuật, tiền vốn nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Điều quan trọng là tạo điều kiện về mọi mặt để cho công nhân thực hiện được quyền làm chủ tập thể; xây dựng một tổ chức vững mạnh từ trên xuống dưới; xây dựng một nền nếp hợp đồng chặt chẽ và có hiệu quả giữa các đơn vị và các bộ phận trong cùng một đơn vị; tăng cường mối quan hệ giữa ngành hóa chất và các ngành kinh tế khác. Một mặt đẩy mạnh phong trào thi đua tạo nên một khí thế làm việc mới, mặt khác có những biện pháp tổ chức chặt chẽ buộc mỗi người ở cương vị công tác của mình phải hoàn thành tốt nhiệm vụ.



Công nghiệp hóa chất ở nước ta đang còn rất non trẻ, nhưng có đủ điều kiện và khả năng phát triển thành một ngành công nghiệp hiện đại. Dưới ánh sáng nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và các nghị quyết Hội nghị lần thứ hai và thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng, ngành hóa chất quyết tâm khắc phục khó khăn, trước mắt phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu về phân bón và các hóa chất khác của kế hoạch 5 năm lần thứ hai, tiến lên xây dựng ngành công nghiệp hóa chất vững mạnh, góp phần xây dựng nền kinh tế nước ta có cơ cấu công — nông nghiệp hiện đại.

Mấy kinh nghiệm bước đầu giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh Nghĩa-bình

VÕ - VĂN - ĐÌNH

(Phó bí thư Tỉnh ủy Nghĩa-bình)

NGHĨA-BÌNH là một tỉnh ít ruộng đất,

bình quân diện tích canh tác tính theo đầu người chưa đầy 2 sào Trung-bộ (0,1 ha), số dân đông nhưng phân bố không đều, hằng năm tăng gần 7 vạn người. Hơn hai mươi năm qua, chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đã gây ra những hậu quả nặng nề về mặt kinh tế: 189 xã trong tổng số 251 xã bị tàn phá, trên 60 vạn người bị dồn vào thành thị, trên 6 vạn trâu bò bị giết, gần 45 vạn lượt nhà bị đốt phá, trên 35.000 ha ruộng đất bị bỏ hóa, do đó ở nông thôn, sức kéo và sức lao động thiếu nghiêm trọng.

Sau khi được giải phóng, tin tưởng ở lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần cần kiệm của nhân dân trong tỉnh, với ý chí tự lực tự cường và trách nhiệm đối với cả nước, đảng bộ Nghĩa-bình quyết tâm phấn đấu tự trang trải lương thực cho nhu cầu cán bộ và nhân dân trong tỉnh và làm tròn nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Thực hiện quyết tâm đó, Đảng bộ Nghĩa-bình đã lãnh đạo cán bộ, bộ đội

và nhân dân trong tỉnh ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh; khôi phục sản xuất. Chúng tôi đã kịp thời chuyển lao động về nông thôn, tổ chức lại lao động, động viên mọi người đoàn kết tương trợ sản xuất, huy động lao động trên địa bàn từng huyện, từng vùng trong tỉnh, tiến quân vào mặt trận khai hoang vỡ hóa, làm thủy lợi, nhằm khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp.

Hai năm qua, chúng tôi đã vận động và tổ chức gần 60 vạn người trước đây bị dồn vào các đô thị trở về quê cũ lao động sản xuất, động viên hàng vạn cán bộ, bộ đội, học sinh, thanh niên xung phong đi giúp dân khai hoang, vỡ hóa, phá gỡ bom mìn, đê hàng vạn nguy quân, nguy quyền trong các trại cải tạo về nông thôn phục vụ công tác này.

Mấy con số sau đây cho thấy những nét đại cương về tình hình phục hóa, khai hoang, mở rộng diện tích trồng trọt các loại lúa, màu, cây công nghiệp ở tỉnh chúng tôi trong mấy năm qua.

		1975	1976	1977
1	Phục hóa, khai hoang	16.000 ha	8.265 ha	10.000 ha
2	Diện tích trồng các loại	171.000 —	225.600 —	264.000 —
	— Lúa	128.000 —	163.000 —	185.000 —
	— Mầu	31.800 —	43.400 —	57.000 —
	— Cây công nghiệp	9.300 —	13.400 —	20.000 —

Dựa vào khí-thế cách mạng sôi nổi sau ngày giải phóng, chúng tôi đã phát động nhân dân *tâm thủy lợi* nhỏ, vừa và lớn, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Có công trình dự định làm trong 3 năm chỉ trong 6 tháng là hoàn thành như công trình đê Khu Đông dài 40km chạy qua 2 huyện: Phú-cát, Phước-vân và thị xã Quy-nhon, ngăn nước mặn đưa 1 vạn ha ruộng đất hoang hóa lâu năm vào sản xuất.

Chúng tôi đã mạnh dạn thực hiện chủ trương phân cấp làm thủy lợi, giao cho huyện làm các công trình thủy lợi vừa và nhỏ. Trong năm 1977, các huyện đã sửa chữa và làm mới gần 2000 công trình, 1700 đập bồi, 184 bờ xe nước, nạo vét và đào hơn 16 nghìn ao, giếng, 2000 km kênh mương, huy động gần 4 triệu ngày công làm thủy lợi và chống hạn, đào đắp 2 triệu 350 nghìn mét khối đất. Các huyện còn nhận thi công 13 công trình trong số 17 công trình loại vừa của tỉnh, trong đó có 8 công trình đã hoàn thành, đưa vào phục vụ sản xuất kịp thời vụ. Một số công trình lớn do tỉnh phụ trách đang được xây dựng như Thạch-khê, Liệt-son, Nam sông Vệ, Núi một, có công trình đã làm xong tưới gần 1 vạn ha.

Việc làm thủy lợi trong tỉnh chúng tôi đã thật sự trở thành một phong trào quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng. Các công trình thủy lợi đã bảo đảm đủ nước tưới cho trên 80% diện tích ruộng đất gieo trồng vụ đông xuân vừa qua, đồng thời giữ được nước

cho vụ hè thu. Nhờ có công tác thủy lợi, trong những năm qua, nhân dân đã khắc phục được phần lớn nạn hạn hán, bảo đảm sản xuất phát triển, thâm canh, tăng vụ, thay được giống mới, thay đổi lịch thời vụ, làm cho năng suất lúa tăng.

Kinh nghiệm giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh chúng tôi trong mấy năm qua chỉ rõ rằng *muốn có đủ lương thực, phải phát triển mạnh mẽ việc trồng mầu*. Nhân dân tỉnh chúng tôi đã có tập quán ăn mầu từ lâu đời; cùng với gạo, khoai sắn là thành phần của cơ cấu lương thực. Trong suốt 30 năm kháng chiến, nhờ có mầu, nhân dân Quảng-ngãi và Bình-dịnh không những đủ ăn mà còn có đủ lương thực cung cấp cho bộ đội đánh giặc. Từ ngày tỉnh nhà được giải phóng đến nay, đảng bộ tỉnh chúng tôi biết dựa vào truyền thống đó phát động nhân dân sản xuất thật nhiều mầu (khoai, sắn, bắp) để bổ sung cho gạo, do đó, diện tích trồng mầu đã tăng lên rõ rệt. Năm 1975, mầu chiếm 13% tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh, đến nay mầu đã chiếm 22% tổng sản lượng lương thực (chưa kể diện tích đất trồng mầu mà nhân dân chưa khai báo). Ở những nơi ít lúa, mầu chiếm tới 50% tổng sản lượng lương thực (Bình-son, Phù-mỹ, Phù-cát, Tây Sơn-tĩnh). Trong những năm tới, chúng tôi phấn đấu tăng nhanh và nhiều hơn nữa việc trồng mầu (khoai, sắn, bắp...), làm cho mầu chiếm tỷ lệ 35% trong tổng sản lượng lương thực toàn tỉnh. Đi đôi với sản xuất mầu,

chúng tôi đã tổ chức chế biến màu ở khắp các vùng: thái lát phơi khô, mài bột làm các loại bánh, bún, ta-pi-ô-ca, hồ tiếu...

Chúng tôi còn phát động phong trào cán bộ tham gia lao động sản xuất để tự túc về lương thực. Phong trào « mỗi người trồng 200 gốc mi » đã thu được kết quả bước đầu, khá nhất là phong trào trong quân đội và các trường học. Một số đơn vị đã bảo đảm tự túc lương thực một tháng.

Nhờ có sự cố gắng vượt bậc trong việc khai hoang, vỡ hóa, làm thủy lợi, trồng màu, tích cực chống hạn hán, sâu bệnh, ra sức thâm canh, tăng vụ, nhân dân tỉnh chúng tôi đã giành được thắng lợi bước đầu trong sản xuất lương thực.

Trong các năm 1976, 1977, năng suất lúa đạt bình quân cả năm trên 4 tấn/ha, có 3 huyện và 2 thị xã (An-nhon, Phước-vân, Mộ-dưc, thị xã Quảng-ngãi, thị xã Quy-nhon) đạt năng suất lúa từ 5,6 đến 6,2 tấn/ha. Sản lượng lương thực năm 1976 tăng 50% so với năm 1975. Năm 1977, mặc dù gặp nhiều khó khăn như: hạn hán kéo dài, lụt bão, sâu bệnh..., sản lượng lương thực cả năm vẫn tăng hơn năm 1976 2,8%. Dân gia súc, gia cầm đều tăng hơn năm 1975.

Kinh nghiệm thực tế cho chúng tôi thấy rõ rằng: trong hoàn cảnh một tỉnh bị chiến tranh tàn phá nặng nề, ruộng đất hoang hóa nhiều, thiếu sức lao động, thiếu sức kéo, nông dân còn làm ăn riêng lẻ, muốn giải quyết được vấn đề lương thực, phải tổ chức lao động tại địa phương, phải huy động lao động trên địa bàn huyện và liên huyện để khai hoang phục hóa, làm thủy lợi; và sau khi giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, phải củng cố và phát triển phong trào vỡ công, đổi công, hợp tác, sớm chuẩn bị đi vào hợp tác hóa nông nghiệp.

Thời gian qua, chúng tôi đã kết hợp việc cải tạo quan hệ sản xuất với tổ

chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng đi dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đã đưa ngay phần lớn ruộng đất vừa mới khai hoang, vỡ hóa vào các tổ chức văn công, đổi công, tập đoàn sản xuất. Các xã Phước-thắng, An-lão, Nghĩa-lam và nhiều xã bị chiến tranh tàn phá khác cũng đều tổ chức như vậy. Đến nay, toàn tỉnh đã có 7.947 tổ văn công, đổi công và 280 tập đoàn sản xuất, thu hút trên 70% nông dân lao động. Trên cơ sở đó, tháng 10-1976, chúng tôi tiến hành làm thử việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở xã Phước-thắng (huyện Phước-vân) với quy mô 500ha. Đến nay, trong tỉnh đã có 34 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, với 98% số hộ ở địa phương tham gia, 97,7% ruộng đất, canh tác và 80% trâu bò cày được tập thể hóa. Trong số 34 hợp tác xã nói trên, có 18 hợp tác xã ở đồng bằng ven biển, quy mô bình quân mỗi hợp tác xã là 520 ha; 13 hợp tác xã ở vùng bán sơn địa, quy mô bình quân mỗi hợp tác xã là 557 ha; và 2 hợp tác xã ở miền núi. Các hợp tác xã này đã bắt đầu tổ chức lại sản xuất, xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết, và bước đầu tổ rõ tính hơn hẳn của nó đối với sản xuất cá thể về các mặt: thâm canh, tăng vụ, xây dựng cánh đồng 8 - 10 tấn thóc/ha, làm thủy lợi, phân bón, chăn nuôi... Các hợp tác xã này đã bắt đầu thực hiện chế độ quản lý xã hội chủ nghĩa như: định mức lao động, đăng ký ngày công, thực hiện chế độ khoán, xây dựng các đội chuyên canh, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và quan tâm đầy đủ đến các đối tượng thuộc chính sách ưu tiên phân phối lương thực.

Qua việc tổ chức làm thử ở các hợp tác xã nông nghiệp trong huyện Phước-vân, chúng tôi đã rút ra được bài học thực tế là: có tổ chức lại sản xuất theo hướng đi dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có

khả năng huy động và khai thác được hết khả năng lao động, đất đai vào sản xuất nông nghiệp, đưa năng suất lao động và năng suất cây trồng tăng nhanh. Ở hợp tác xã Phước-thắng, hai

năm qua diện tích, năng suất, sản lượng bình quân lương thực tính theo đầu người, làm nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước đều tăng lên rõ rệt so với lúc còn làm ăn cá thể.

Kết quả sản xuất lương thực ở hợp tác xã Phước-thắng qua các vụ đông xuân như sau :

	Đông xuân 1975-1976 (sản xuất cá thể)	Đông xuân 1976-1977 (sản xuất tập thể)	Đông xuân 1977-1978	So sánh %	
				76-77	77-78
				75-76	76-77
Diện tích (ha)	510	514,5	520	100,8	100,4
Năng suất (kg/ha)	2.500	3.125	3.800	125	115,2
Sản lượng (tấn)	1.275	1.591,3	1.976	124	117
Sản xuất lương thực tính theo đầu người (kg)	256	350	439	136	125
Làm nghĩa vụ (tấn)	180	370	450	205	121
Trong đó :					
+ Thuế nông nghiệp (tấn)	180	225	230	125	102
+ Bán theo nghĩa vụ (tấn)		145	220		

Cấp huyện đã có những chuyển biến bước đầu trong lãnh đạo kinh tế. Nhiều huyện đã xây dựng phương án kinh tế, đã trực tiếp chỉ đạo các hợp tác xã và huy động các ngành phục vụ các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Đi đôi với việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, tỉnh chúng tôi đã *kiến quyết đưa người đi xây dựng các vùng kinh tế mới*, đã vận động được trên 2 vạn người đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Tây-nguyên và vùng giáp ranh trong tỉnh, bước đầu phân bố lại lao động trong toàn tỉnh.



Chúng tôi nhận thức rằng, muốn giải quyết vấn đề lương thực được tốt, phải có một quan điểm *toàn diện*, tức là phải giải quyết vấn đề lương thực từ sản xuất đến thu mua, phân phối, và tiêu dùng. Vì vậy, sau khi

tập trung sức vào việc khôi phục và phát triển sản xuất lương thực với tất cả các biện pháp nói trên, chúng tôi đã coi trọng vấn đề *thu mua, phân phối và quản lý thị trường lương thực*. Chúng tôi coi các khâu công tác này là những khâu công tác quan trọng cần phải làm tốt vì nó thể hiện rõ trách nhiệm của một đảng bộ địa phương đối với cả nước và đối với đời sống nhân dân địa phương.

Chúng tôi đã động viên các ngành, các cấp ở trong tỉnh làm thật tốt công tác này, và mấy năm qua nông dân đã nộp thuế và bán thóc theo nghĩa vụ cho Nhà nước như sau :

Năm 1975 : 13.770 tấn

Năm 1976 : 47.000 tấn

Năm 1977 : 41.000 tấn

Để làm tốt việc thu mua lương thực, tỉnh chúng tôi đã giáo dục cho nông dân hiểu rõ, ngoài việc nộp thuế, nông dân còn có nghĩa vụ bán lương thực cho Nhà nước, và đã quy

định cụ thể mối quan hệ giữa Nhà nước và nông dân như sau: Nhà nước bán phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu.. cho nông dân, theo diện tích gieo trồng và yêu cầu của sản xuất; nông dân bán lương thực cho Nhà nước theo diện tích gieo trồng và sản lượng thu hoạch. Ai bán vượt mức nghĩa vụ thì được bán thường hàng hóa. Nhờ vậy, nhân dân đã hăng hái đóng thuế và bán lương thực cho Nhà nước. Năm 1977, đề thu mua lương thực được công bằng, hợp lý, thuận tiện cho dân, chúng tôi đã tiến hành lập sổ thu, sổ mua, định sản lượng, phân bố mức nghĩa vụ bán lương thực cho các huyện, các xã, tổ chức thu mua sát từng thôn, xã, bảo đảm nhanh, gọn, tốt. Có nơi chỉ làm trong 5 ngày là xong.

Nhờ thu mua lương thực được tốt, chúng tôi không những bảo đảm cung cấp lương thực cho cán bộ, bộ đội,

công nhân, viên chức, cho lao động ở các công trường, nông trường, lâm trường, mà còn giải quyết một phần yêu cầu lương thực của nhân dân lao động ở thành thị, những người đi vùng kinh tế mới, ngư dân và những người làm các ngành nghề khác do Nhà nước quản lý, đồng thời cho nông dân vay mượn lương thực khi giáp hạt và trợ cấp cho những trẻ em mồ côi và những người mất sức lao động. Đối với những người chưa chịu sự quản lý của Nhà nước về lao động và sản phẩm làm ra, thì Nhà nước không cung cấp lương thực. Việc cung cấp lương thực này đã có tác dụng góp phần phân bổ lại lao động, giúp cho các ngành, nghề trong tỉnh phát triển, phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân, góp phần giữ vững giá cả, ổn định thị trường. Ngoài ra, chúng tôi còn làm nghĩa vụ đối với trung ương được 10.000 tấn lương thực (quy gạo).

	1975	1976	1977
<i>Bán cho nhu cầu tiêu dùng</i>	<i>14.140 tấn</i>	<i>21.856 tấn</i>	<i>22.593 tấn</i>
- Cho nhân khẩu phi nông nghiệp	13.552 -	16.687 -	19.263 -
- Nông dân thiếu ăn	617 -	168 -	175 -
- Vùng kinh tế mới			1.034 -
<i>Bán cho nhu cầu sản xuất</i>		270 -	
- Trồng cây công nghiệp			341 -
- Nghề cá + muối			1.527 -
- Chăn nuôi			55 -
<i>Cho nông dân vay mượn lúc giáp hạt</i>	1.920 -	3.134 -	2.054 -

Đề quản lý tốt thị trường lương thực, chúng tôi đã có những biện pháp ngăn chặn những hoạt động đầu cơ lương thực, đồng thời vẫn để lương thực lưu thông trong tỉnh và vùng giáp ranh tỉnh khác với mức độ vừa phải (từ 40 đến 50 kg mỗi người), nhằm điều hòa nhu cầu lương thực của nhân dân, bảo đảm cho giá cả

thị trường về lương thực không lên cao. Riêng về màu, chúng tôi cho mua bán rộng rãi hơn.

Đi đôi với việc lãnh đạo các khâu sản xuất, thu mua, phân phối, quản lý thị trường, chúng tôi rất coi trọng việc lãnh đạo cán bộ và nhân dân tiết kiệm tiền dùng lương thực. Chúng tôi thường nhắc nhở và động viên nhân

dân phát huy truyền thống cần cù lao động và tiết kiệm tiêu dùng, chống lãng phí lương thực.

Trong các bữa ăn hằng ngày, nhân dân tỉnh chúng tôi vẫn giữ tập quán ăn cơm ghẹ màu, có nơi ghẹ hơn một nửa màu. Hằng tháng, cán bộ vẫn thực hiện tiết kiệm 1kg lương thực. Hai năm qua, ở tỉnh chúng tôi có nhiều vùng mất mùa lúa, đời sống nhân dân gặp khó khăn, nhưng nhân dân vẫn không đói. Đó chính là nhờ nhân dân các vùng này đã có màu ăn thay gạo (Phù-mỹ, Phù-cát, Bình-sơn, Đức-phổ).

Hơn nữa, những lúc mất mùa, nhân dân thiếu ăn, chúng tôi một mặt lãnh đạo nhân dân tiết kiệm tiêu dùng lương thực, sản xuất rau, màu để chống đói; mặt khác, tổ chức cho vay mượn lương thực để nhân dân yên tâm sản xuất. Nhờ đó mà nhân dân tin tưởng vào chính quyền cách mạng, không vì tâm lý sợ đói mà tất tả ngược xuôi chạy gạo, tạo cơ hội cho bọn con buôn đầu cơ tích trữ, đẩy giá lương thực lên, làm hỗn loạn thị trường.

Cùng với việc lãnh đạo sản xuất, việc lãnh đạo tiêu dùng lương thực một cách tiết kiệm và sự quan tâm của chính quyền cách mạng đối với đời sống nhân dân đã giúp cho nhân dân tỉnh chúng tôi vượt qua được nhiều khó khăn trong đời sống, làm tốt nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Ở đây, chúng tôi coi trọng việc lãnh đạo tiêu dùng không chỉ để tiết kiệm lương thực, giải quyết khó khăn về kinh tế, mà còn để xây dựng cho nhân dân nếp sống mới của con người mới xã hội chủ nghĩa là: cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội, lấy lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm làm tiêu chuẩn đạo đức của con người mới, xóa bỏ nếp sống lạc hậu, xa hoa, đối trụy do chủ nghĩa thực dân mới để lại trong xã hội miền Nam.

Qua việc giải quyết vấn đề lương thực, chúng tôi nhận thức rõ: muốn giải quyết tốt vấn đề này, Nhà nước chuyên chính vô sản phải có chính sách liên minh kinh tế giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sách liên minh kinh tế với nông dân phải thể hiện trên các lĩnh vực sản xuất, thu mua, phân phối và tiêu dùng, trong đó chính sách thu mua lương thực là một trong những chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với nông dân. Chính sách ấy phải thể hiện sự liên minh kinh tế thật sự giữa hai giai cấp cơ bản nói trên, dựa trên cơ sở sự hiệp tác xã hội chủ nghĩa, thể hiện sự tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chính sách ấy là một chính sách trao đổi hàng hóa, có tổ chức giữa hai bên dựa trên cơ sở hợp đồng kinh tế hai chiều, thể hiện sự cam kết thực hiện đúng đắn và nghiêm chỉnh nghĩa vụ của hai bên: nông dân phải bảo đảm sản xuất và nộp thuế, bán lương thực cho Nhà nước một cách sòng phẳng. Nhà nước phải cung cấp vật tư sản xuất và hàng tiêu dùng cho nông dân theo một chính sách giá cả hợp lý và theo một kế hoạch thống nhất. Nhưng đây không phải là hình thức trao đổi hàng hóa thông thường giữa tư nhân với tư nhân như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là kiểu «hàng đổi hàng». Về thực chất, đây là một chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa nhằm đưa các khâu sản xuất và lưu thông phân phối vào tổ chức và kế hoạch, thắt chặt mối quan hệ kinh tế giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước với các hợp tác xã và các tổ chức sản xuất tập thể khác của nông dân, thực hiện đường lối liên minh công nông của Đảng ta trong giai đoạn mới của cách mạng. Nhà nước chuyên chính vô sản có nghĩa vụ giúp đỡ, hướng dẫn

nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh cải tạo những mặt tiêu cực của họ, nhưng phải giúp đỡ họ thật sự trong sản xuất và đời sống, lúc được mùa cũng như khi đói kém. Nhà nước chăm lo đời sống của họ, làm cho họ tin tưởng ở sự liên minh trung thành và vững chắc giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, mà giai cấp công nhân là người lãnh đạo, trên cơ sở đó họ kiên quyết bảo vệ chính quyền cách mạng, một lòng đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Trên đây là những nhận thức và kinh nghiệm bước đầu về việc giải quyết vấn đề lương thực ở một tỉnh mới giải phóng. Tuy nhiên, vấn đề lương thực ở tỉnh chúng tôi vẫn còn căng thẳng. Sản xuất lương thực còn bị thiên tai uy hiếp, mùa màng còn hép hênh, trong lúc đó, số dân tăng nhanh, diện cung cấp lương thực (cho các ngành, nghề) ngày càng rộng... Mặt khác, trong việc lãnh đạo vấn đề này, chúng tôi còn có những thiếu sót. Phong trào sản xuất nông nghiệp trong tỉnh còn nhiều mặt yếu, việc khai hoang, định canh định cư, xây

dựng vùng kinh tế mới, phân bố lao động tiến hành còn chậm, hiệu quả thấp. Phong trào thâm canh, tăng vụ chưa được sôi nổi trong toàn tỉnh, chưa trở thành phong trào quần chúng rộng rãi và mạnh mẽ. Tỷ trọng màu trong sản xuất lương thực vẫn còn thấp, chăn nuôi chưa cân đối với trồng trọt. Việc chỉ đạo thu mua lương thực còn nhiều thiếu sót: một số nơi định sản lượng, phân bố mức nghĩa vụ bán lương thực cho các địa phương chưa thật sát, việc làm còn mệnh lệnh, chưa thật công bằng hợp lý...

Trong thời gian tới, đảng bộ tỉnh chúng tôi cố gắng phát huy những kinh nghiệm đã thu được, ra sức khắc phục khuyết điểm nhằm làm giải quyết tốt vấn đề lương thực đúng theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng, làm cơ sở cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở tỉnh nhà, bảo đảm thực hiện tốt các chỉ tiêu của kế hoạch Nhà nước trong những năm tới, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai 1976 - 1980.

VỀ VẤN ĐỀ SINH ĐẼ CÓ KẾ HOẠCH

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU

SINH đẻ là một hiện tượng sinh vật học, là một quy luật đề loài người tồn tại và phát triển.

Từ lâu, con người đã sớm ý thức được việc phát triển của chính mình và không thể tùy tiện buông trôi theo tự nhiên. Hàng nghìn năm về trước đã có những phương pháp tránh thai, tránh đẻ được sử dụng ở một số nước. Những năm gần đây việc sinh đẻ nên như thế nào không còn thu hẹp trong phạm vi một gia đình mà đã trở thành một vấn đề quan trọng và thiết thực chung cho một nước,

cho toàn thế giới nhằm phát triển xã hội cân đối và ổn định.

Song, đây là một vấn đề phức tạp và tế nhị liên quan đến trình độ văn hóa, tinh cảm, phong tục tập quán của mỗi người, mỗi gia đình và mỗi dân tộc. Cho nên, không phải ai ai và bất cứ nước nào cũng nhanh chóng thống nhất nhận thức và áp dụng dễ dàng. Chỉ có dựa trên cơ sở khoa học và cách mạng, chúng ta mới xem xét và đánh giá vấn đề sinh đẻ có kế hoạch một cách chính xác và toàn diện.

TẠI SAO PHẢI SINH ĐẼ CÓ KẾ HOẠCH?

Thông thường người ta hiểu sinh đẻ có kế hoạch là điều khiển việc thai nghén và sinh đẻ tùy theo một yêu cầu, một căn cứ nhất định nào đó.

Một số nhà "nhân khẩu học" nôm nớp lo sợ một sự "bùng nổ về số dân", thường nghĩ sinh đẻ có kế hoạch chỉ là việc cần làm để giảm tốc độ sinh đẻ của xã hội một cách đồng loạt, không chú ý đến nguyện vọng riêng biệt của từng cá nhân, từng gia đình hoặc của từng dân tộc. Ngược lại, một số cặp vợ chồng quan niệm

rằng việc sinh đẻ là hoàn toàn thuộc phạm vi riêng của mình. Đẻ hay không đẻ, đẻ bao nhiêu và đẻ vào lúc nào là do ý muốn chủ quan quyết định. Vì những quan niệm không thống nhất như vậy, cho nên, trên thế giới hiện nay, có nhiều danh từ khác nhau cùng chỉ việc sinh đẻ có kế hoạch, như: hạn chế, phòng tránh, kiểm soát, kế hoạch hóa, điều hòa, điều chỉnh... việc sinh đẻ (*).

(*) Limitation, prévention, contrôle, planification, régularisation, régulation...

Cũng như mọi hoạt động khác của con người, việc sinh đẻ không thể hoàn toàn tự phát. Con người phải biết điều chỉnh nó thích hợp với điều kiện chủ quan của mình cũng như với các điều kiện của thiên nhiên và xã hội chung quanh. Ta gọi đó là sinh đẻ có kế hoạch. Theo nhận thức như vậy, sinh đẻ có kế hoạch là chủ động sinh đẻ một số lượng con cái bao nhiêu, vào những thời điểm nhất định nào của đời mình, và khoảng cách các lần đẻ là bao nhiêu năm... cho phù hợp với điều kiện sức khỏe, điều kiện vật chất, văn hóa... của từng người, từng gia đình, cho phù hợp với các điều kiện kinh tế, số dân, mức sống của xã hội... Dựa trên các điều kiện cụ thể ấy, các gia đình, các xã-hội đề ra một mức sinh đẻ chung, một "khuôn khổ gia đình", thích hợp chung. Tất nhiên, đó không phải là một mẫu mực sinh đẻ bắt di bắt dịch quy định cho mọi hoàn cảnh, mọi thời gian, mọi gia đình, mọi dân tộc một cách không phân biệt.

Hiện nay, tình hình sinh đẻ trên thế giới có một sự chênh lệch khá lớn giữa dân tộc này với dân tộc khác, nước này với nước khác. Trong khi một phụ nữ châu Âu trung bình có hai con thì một phụ nữ châu Á có 4—5 con và một phụ nữ châu Phi hoặc châu Mỹ la-tinh có 6—7 con. Do những tiến bộ của khoa học, tỷ lệ tử vong chung, nhất là tỷ lệ tử vong trẻ em giảm xuống rất nhiều, và tuổi

thọ trung bình của con người được nâng lên đáng kể. Nếu tỷ lệ sinh đẻ hàng năm so với số dân ở một nước mà vượt 3% thì được coi là quá cao. Thống kê tỷ lệ tăng số dân năm 1975 cho thấy:

- châu Âu: dưới 1%
- Nam Á: 2,6%
- Bắc Phi: 3,2%
- Trung Mỹ: 3,7%

Sinh đẻ là một chức năng sinh lý tự nhiên ở mọi phụ nữ trong trường hợp bình thường. Sinh đẻ một cách hợp lý thì không tác động đến sức khỏe của người phụ nữ. Nhưng nếu sinh đẻ quá nhiều, quá dày, còn ít tuổi đã đẻ, hoặc quá nhiều tuổi còn đẻ thì người phụ nữ dễ mắc các tai biến khi thai nghén, khi đẻ cũng như sau khi đẻ. Người phụ nữ còn quá ít tuổi, do các chức năng sinh lý chưa đạt đến độ trưởng thành thích hợp, khi sinh đẻ dễ bị khó khăn và thường phải chịu đựng các phẫu thuật sản khoa nhiều khi phức tạp và nguy hiểm. Ngược lại, ở người phụ nữ tương đối nhiều tuổi đã đẻ nhiều lần rồi thì sức đẻ kháng nói chung bị suy yếu, nhất là tử cung đã bị yếu nhiều qua các lần đẻ trước; người đó rất dễ gặp tai biến bất ngờ trong thời gian thai nghén, chuyển dạ và sau khi đẻ. Ngay ở các nước công nghiệp phát triển, tỷ lệ tử vong sản phụ cũng tăng lên rõ rệt so với độ tuổi và số lần đẻ của sản phụ.

Tai biến sản khoa theo số lần đẻ và theo tuổi (Việt-nam)

Loại tai biến	Sản phụ đẻ từ 4 lần trở lên	Sản phụ 30 tuổi trở lên
Rau bong non	80%	74%
Vỡ tử cung	70%	60%
Chảy máu nặng do vỡ tử cung sau đẻ, do rau tiền đạo, do rau cài răng lược	80—90%	

Tỷ lệ tử vong sản phụ theo tuổi (Hoa-kỳ : 1967 — 1968)

Lứa tuổi	Da trắng	Da đen
dưới 20	0,13%	0,35%
20 — 24	0,10 —	0,45 —
25 — 29	0,13 —	0,66 —
30 — 34	0,28 —	1,09 —
35 — 39	0,51 —	1,79 —
40 — 44	1,00 —	2,50 —

**Tỷ lệ tử vong sản phụ theo số lượng con đã có trước
(Anh : 1946 — 1949)**

<u>1 con</u>	<u>2 con</u>	<u>5 con</u>	<u>9 con</u>	<u>11 con</u>	<u>12 con</u>
0,81%	1,30%	2,06%	3,11%	5,8%	7,22%

Có thể khẳng định là tất cả mọi bệnh tật đối với người phụ nữ đều tăng lên theo số lần sinh đẻ không kiểm soát được.

Tình hình sinh đẻ của người mẹ, điều kiện sống của người mẹ cũng như hoàn cảnh chung của gia đình tác động trực tiếp đến sự phát triển về mọi mặt của trẻ em.

Người mẹ quá trẻ, do thân thể chưa phát triển đầy đủ thường sinh con non tháng, nhẹ cân, thiếu dinh dưỡng... Nếu người mẹ đẻ quá nhiều, quá dày, nhiều tuổi vẫn còn đẻ, thì đứa con sinh ra không những mang những tật bệnh nói trên mà còn thêm tật dị dạng. Số liệu thống kê trên thế giới cho thấy : tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh do người mẹ đẻ vào lần thứ 5 tăng gấp đôi so với một hai lần đầu, và tỷ lệ đó tăng gấp 4 nếu người mẹ đẻ vào lần thứ 8 trở đi. Cứ 50 trẻ em do người mẹ từ 45 tuổi trở lên đẻ ra thì có 1 đứa bị dị dạng. Khoa học còn chứng minh rằng trẻ em đẻ non tháng tỏ ra kém phát triển về mặt tinh thần. Tỷ lệ tử vong trẻ em ở các gia đình có điều kiện sinh sống tốt chỉ khoảng 0,8% ; nhưng ở các gia

đình khó khăn thiếu thốn thì lại là 4,4%, nghĩa là tăng gấp hơn 5 lần.

Nhiều Viện trẻ em trên thế giới đã kết luận : các chương trình nhằm bảo vệ sức khỏe và sự phát triển của trẻ em, muốn được đầy đủ phải bao gồm cả nội dung về sinh đẻ có kế hoạch.

Người phụ nữ điều chỉnh được một cách chủ động việc sinh đẻ của mình là thực hiện quyền làm chủ bản thân, đem lại cho mình quyền tự do bình đẳng thật sự đối với nam giới, bảo đảm hạnh phúc gia đình.

Ngoài nhiệm vụ làm mẹ nuôi con, giáo dục con, người phụ nữ còn có nghĩa vụ lao động sản xuất ra của cải và góp phần giải quyết các vấn đề trong xã hội. Một mặt, mỗi xã hội tiến bộ đều tạo những thuận lợi — như nhà hộ sinh, nhà ăn tập thể, nhà giữ trẻ, lớp mẫu giáo... cho người phụ nữ làm tốt các nhiệm vụ được giao. Mặt khác, tự người phụ nữ cần tính toán, sao cho việc sinh đẻ không cản trở việc thực hiện các nhiệm vụ của mình. Nếu dành quá nhiều thời gian và sức khỏe cho việc sinh đẻ thì tất nhiên không thể lao động, học tập, hoạt động xã hội, giải trí, nghỉ ngơi

một cách bình thường như mọi thành viên khác trong xã hội. Việc sinh đẻ có kế hoạch là một trong những yếu tố quan trọng nhất bảo đảm hạnh phúc gia đình. Ai ai cũng thống nhất rằng con trẻ là niềm vui của gia đình. Thông cảm với nguyện vọng đó, khoa học đã có cách điều trị cho những cặp vợ chồng vô sinh để được con. Ngược lại, không thiếu những chứng minh cụ thể cho thấy những người cha mẹ trong hoàn cảnh đông con phải chịu đựng khó, khổ, vất vả, căng thẳng quá mức so với khả năng và ý muốn thực tế của mình. Chủ trương vận động phụ nữ đẻ ít đi, đẻ thưa ra không phải là do tư tưởng không yêu quý con người, trái lại, chính là vì thiết tha yêu quý con người và chân thành mong muốn con người được sống tốt hơn, gia đình được hạnh phúc hơn.

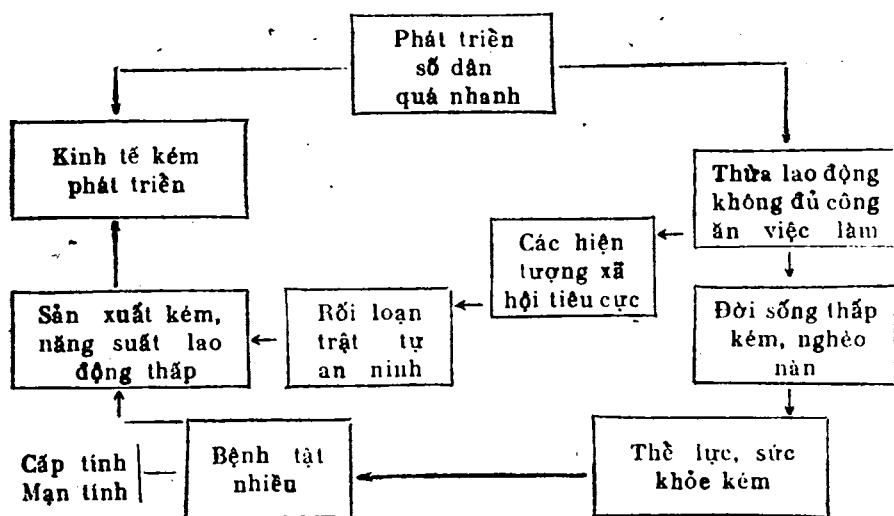
Sinh đẻ có kế hoạch, là một biện pháp quan trọng để *chủ động điều hòa, cân đối số dân với các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa... của xã hội*. Riêng về mặt kinh tế, nước nào tăng số dân lên 1% thì lượng thực sản xuất ra phải tăng 2,5% và thu nhập quốc dân phải tăng lên 4% thì nước

đó mới giữ được mức sống ổn định cho nhân dân.

Hiện nay, sự gia tăng số dân không đồng đều giữa các nước, song tốc độ gia tăng số dân chung hàng năm trên thế giới là quá cao. Từ khi có loài người cho đến đầu thế kỷ 19, thế giới mới có gần 1 tỉ người, thế mà hiện nay đã có tới trên 4 tỉ và dự đoán đến năm 2000, sẽ có 7 tỉ.

Số dân một nước tăng, giảm từng thời kỳ chủ yếu là do mối quan hệ giữa số sinh và số chết. Ở những nước công nghiệp phát triển, tỷ lệ người chết thấp và tỷ lệ sinh đẻ cũng thấp, cho nên tỷ lệ phát triển số dân chậm. Ở những nước đang phát triển, với những ứng dụng mới của khoa học và y tế hiện đại, tỷ lệ người chết được giảm đi rất nhiều, song tỷ lệ sinh đẻ lại không được giảm đi một cách tương xứng, do đó tỷ lệ tăng số dân quá cao.

Tổ chức y tế thế giới đã diễn đạt mối quan hệ luân quần giữa sự phát triển số dân quá nhanh với các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội... ở một số nước bằng một sơ đồ vòng kín như sau:



Nhiều chính phủ đã xác định cho nước mình một *đường lối về số dân* phù hợp với các điều kiện phát triển mọi mặt của xã hội. Hiện có 106 nước trên thế giới đã tiến hành vận động nhân dân sinh đẻ có kế hoạch, trong đó, 41 nước đã đưa vấn đề sinh đẻ có kế hoạch thành *quốc sách*.

Tuy nhiên, không phải nước nào muốn là làm được việc sinh đẻ có kế

hoạch trong toàn bộ xã hội mình. Bởi vì công cuộc xây dựng một mạng lưới y tế để hướng dẫn, theo dõi, huấn luyện chuyên môn, thăm, khám và cung cấp dụng cụ, thuốc men cho những người muốn tránh thai cần phải dùng một khoản tiền rất lớn và phải có một thời gian nhất định. Người ta đã tính, muốn cho một người không đẻ, phải có biện pháp tránh thai cho khoảng 5 người.

CON NGƯỜI CÓ KHẢ NĂNG CHỦ ĐỘNG TRONG VIỆC SINH ĐẸ

Khoa học sinh lý tự nhiên xác nhận khả năng sinh đẻ trung bình của một người phụ nữ là vào khoảng 10 con. Nhưng thực tế ở nhiều nước châu Âu từ thế kỷ trước cho đến thế kỷ này, trung bình 1 người phụ nữ chỉ đẻ 2 con. Đó là do con người tác động bằng nhiều cách vào quy luật sinh lý tự nhiên. Cách đây 4000 năm, người phụ nữ Ai-cập đã tránh thai bằng cách bịt lỗ cổ tử cung với mật ong và phân cá sấu. Các nhà học giả thời trung cổ Hi-pô-cơ-rát, A-ri-xtôt... đã mô tả một số biện pháp tránh thai bằng cách dùng các loại hóa chất đặt trong âm đạo. Hiện nay những tiến bộ khoa học đã giúp con người tác động có hiệu quả hơn đến quy luật sinh đẻ. Những hiểu biết mới nhất về quá trình hình thành phôi tạp của thai là phải qua các khâu: sự phát triển của noãn và tinh trùng; sự thụ tinh, sự di chuyển và làm tổ của trứng đã thụ tinh, sự phát triển của phôi... Chỉ cần tác động đến một vài khâu trong quá trình đó là có thể giúp nó diễn ra dễ dàng hơn nếu muốn chữa tình trạng vô sinh, hoặc cản trở không cho nó đi đến khâu cuối cùng là thụ thai hay sinh đẻ nếu muốn sinh đẻ có kế hoạch.

Có nhiều biện pháp khác nhau để tránh thai, tránh đẻ. Mỗi thời gian, mỗi nước lại đưa ra một cách thức

mới, một loại thuốc mới. Có thể chia thành 3 nhóm chính: các phương pháp tránh thai tạm thời, các phương pháp tránh thai vĩnh viễn và các phương pháp phá thai.

Các *phương pháp tránh thai tạm thời* chỉ có tác dụng trong một thời gian nhất định; khi thời sử dụng, người ta lại có thể có thai bình thường. Hiện có mấy loại phương pháp tránh thai tạm thời được sử dụng phổ biến trên thế giới là: *phương pháp tránh thai «tự nhiên»*, không đòi hỏi dụng cụ, thuốc men gì như: xuất tinh ngoài âm đạo, tránh thời điểm phóng noãn theo định luật Ô-gi-nô Knút (Ogino Knauss)...; *phương pháp tránh thai ngắn hạn* với việc dùng một dụng cụ hay thuốc đơn giản nào đó như dùng bao dương vật, mũ cổ tử cung, màng ngăn âm đạo, cho vào âm đạo một thứ thuốc diệt tinh trùng...; *phương pháp có tác dụng dài hạn hơn* hiện nay được coi là hiện đại nhất là đặt trong tử cung một dụng cụ, còn gọi là vòng tránh thai hoặc uống hàng ngày một viên thuốc.

Các *phương pháp tránh thai vĩnh viễn* là dùng thủ thuật triệt sản để suốt đời không có thai nữa mà không bị ảnh hưởng gì đến sinh hoạt bình thường về sinh lý. Phương pháp này chỉ thường dùng cho những cặp vợ

chồng đã có đủ số con cần thiết, song tuổi sinh đẻ của họ còn dài. Được áp dụng nhiều nhất là phương pháp gây tắc đường dẫn tinh (cho nam) hoặc làm tắc đường dẫn trứng (cho nữ).

Các phương pháp phá thai có thể được thực hiện từ lúc người ta nghĩ ngờ là có thai cho đến khi thai được 6 tháng. Quá 6 tháng, đứa trẻ đẻ ra có thể sống độc lập là thuộc phạm vi đẻ non, không còn thuộc phạm vi sinh đẻ có kế hoạch.

Ngay từ lúc người phụ nữ mới chậm kinh vài ngày so với lịch của chu kỳ hành kinh, người ta có thể dùng phương pháp "hút tạo kinh" (*). Sớm hơn nữa, nếu người ta mới chỉ sợ có thể thụ tinh, người ta có thể dùng phương pháp uống viên thuốc « ngày hôm sau » sau hôm giao hợp (**) để nếu có trứng thụ tinh, thì nó sẽ không di chuyển và làm tổ bình thường được.

Thông thường, nói phá thai là chỉ những trường hợp thai được 2 - 3 tháng. Kỹ thuật nạo thai, hút thai vào giai đoạn này là cách làm dễ dàng và an toàn. Phá thai trên 3 tháng đòi hỏi kỹ thuật phức tạp hơn, có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe và tính mệnh của người phụ nữ, cho nên cần thận trọng và chỉ được làm trong những trường hợp đặc biệt. Dùng phương pháp phá thai để giảm tỷ lệ sinh đẻ không phải là việc nên khuyến khích, không phải là biện pháp tốt.

Những phương pháp nói trên đều có những ưu điểm và nhược điểm nhất định, nhưng nói chung đó là các phương pháp tránh thai, tránh đẻ đã được khoa học kiểm nghiệm và được chuyên gia nhiều nước trên thế giới tán thành.

Tuy nhiên, sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào trình độ nhận thức, trình độ văn hóa của mỗi người,

mỗi nhóm người lao động, mỗi địa bàn. Những phương pháp quan trọng nhất, được nhiều người trên thế giới ưa dùng nhất là:

— *Đặt vòng tránh thai* thích hợp với các nước đang phát triển, rất thích hợp với địa bàn nông thôn. Nó bảo đảm kết quả trên 90%.

— *Dùng bao cao-su* dễ dàng và vô hại nhất. Nó bảo đảm hầu như 100%.

— *Uống thuốc tránh thai*, hiện nay có khuynh hướng chỉ dùng ở thành phố, trong tầng lớp lao động trí óc, khoa học kỹ thuật.

Có những phương pháp tránh thai tốt cũng chưa đủ, mà cần thiết phải có sự tự giác của con người sử dụng các phương pháp đó.

Lịch sử cho thấy nước nào giảm được tỷ lệ sinh đẻ thì nguyên nhân trước tiên là nhận thức tư tưởng của nhân dân nước đó đã biến chuyển theo sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, văn hóa...

Ở nhiều nước, còn không ít những nếp suy nghĩ lạc hậu do tập quán, tôn giáo cũ không chế. Bản Tuyên ngôn của giáo hội Thiên chúa năm 1968 còn nhấn mạnh: « ...một lần nữa, chúng tôi trình trọng tuyên bố chống lại mọi sự tránh thai và phá thai ngay cả về lý do điều trị... ».

Song, cùng với những tiến bộ về văn hóa, khoa học kỹ thuật, nhiều tầng lớp nhân dân đã thực hiện việc tránh thai theo ý muốn.

Trong 500 triệu phụ nữ ở lứa tuổi sinh đẻ trên thế giới hiện nay đã có 31% dùng các phương pháp tránh thai. Số liệu thống kê năm 1960 tại Xin-ga-po cho thấy 87% những cặp vợ chồng kết hôn vào thời gian 1950 - 1954 đã dùng phương pháp tránh thai.

(*) Menstrual extraction.

(***) Pilule du lendemain.

CUỘC VẬN ĐỘNG SINH ĐỂ CÓ KẾ HOẠCH Ở NƯỚC TA

Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đặt ra ở miền Bắc nước ta từ năm 1962. Chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ có gây trở ngại phần nào, tuy vậy tỷ lệ sinh đẻ đã hạ từ 4,6% (1960) xuống 3,1% (1976).

Nguy quyền Sài-gòn trước đây cũng có đặt vấn đề kế hoạch hóa gia đình, có xây dựng một số tổ chức đề thực hiện, nhưng tỷ lệ sinh đẻ vẫn tăng: năm 1971 là 4% và năm 1972 là 4,2%.

	Năm	Sinh	Tử	Số dân tăng
Miền Bắc	1960	4,6%	1,2%	3,4%
	1971	3,57%	0,67%	2,9%
	1976	3,1%	0,55%	2,55%
Miền Nam	1971	4,0%	1,2%	2,8%
	1972	4,2%	1,2%	3,0%

Sau khi đất nước thống nhất, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã nhấn mạnh: « Đầy mạnh hơn nữa cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch » (1), và kế hoạch 5 năm (1976 — 1980) cũng ghi: ... « *Kiểm quyết giảm dần tốc độ tăng dân số hàng năm, phấn đấu đến 1980 tỷ lệ tăng dân số là trên 2% một ít. Mọi ngành mọi cấp phải coi cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch là một công tác có tầm quan trọng to lớn, có ý nghĩa chính trị, kinh tế và xã hội, góp phần tích cực vào việc nâng cao đời sống của nhân dân ta* » (2). Mục đích cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch là giúp cho mỗi gia đình sinh đẻ vào những thời điểm theo ý muốn để có một số con thích hợp với hoàn cảnh của gia đình mình, thích hợp với điều kiện phát triển của xã hội. Gia đình không thể buông trôi việc chăm sóc con cái theo khẩu hiệu lỗi thời, vô trách nhiệm « trời sinh voi, trời sinh cỏ ».

Những cặp vợ chồng chưa có con sẽ được chữa đẻ có thể sinh đẻ bình thường, theo nguyện vọng.

Ở một số vùng, đối với một số dân tộc anh em còn có khó khăn về mặt phát triển số dân, cuộc vận động này nhằm mục đích bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thanh toán nạn hữu sinh vô dưỡng, giúp dân tộc đó phát triển nhịp nhàng, xóa hiện tượng giảm số dân tự nhiên.

Theo tính toán sơ bộ của các nhà nghiên cứu về dân số học thế giới: với tốc độ tăng số dân 2% thì mỗi gia đình có 3 con sống, và với tốc độ tăng số dân 1% thì mỗi gia đình có 2 con sống.

Từ nay đến 1980, trong điều kiện cụ thể của nước ta, cần vận động mỗi cán bộ, công nhân, viên chức dừng lại ở mức có 3 con sống. Mỗi gia đình nhân dân ở thành phố và nông thôn dừng lại ở mức có 4 con sống.

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 59.

(2) « Phương hướng nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976—1980 ». Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 72.

Từ 1980 trở đi, vận động mỗi gia đình cán bộ, công nhân viên chức dừng lại ở mức có 2 con sống và mỗi gia đình nhân dân có 3 con sống. Như vậy ta có thể hạ tỷ lệ tăng số dân hằng năm xuống mức từ 1,5% đến 2%.

Để bảo đảm việc «nuôi con khỏe, dạy con ngoan», cần lưu ý đến tuổi lập gia đình và thời điểm sinh đẻ: con trai nên lấy vợ sau 25 tuổi; con gái nên lấy chồng vào khoảng 23 tuổi; sau khi kết hôn từ 2 đến 3 năm hãy nên có con đầu lòng; khoảng cách giữa các lần sinh đẻ là 5 năm.

Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch liên quan đến mọi người.

Người thanh niên cần hiểu mình sẽ nên đặt vấn đề tình yêu, xây dựng gia đình ra sao để bảo đảm được hạnh phúc lâu dài và thực hiện được hoài bão của tuổi trẻ.

Các cụ già cần hiểu để không cản trở cuộc vận động mà còn khuyến

khích con cháu thực hiện tốt.

Tuy nhiên, trong các năm đầu cuộc vận động, do sức ta có hạn và do nhiều lý do khác, ta cần sắp xếp một ưu tiên cho một số đối tượng để có thể tập trung lực lượng sẵn có nhằm đạt kết quả nhanh chóng. Cần lưu ý trước tiên đến các đối tượng là thành viên các cấp ủy Đảng và các cấp chính quyền, các đảng viên, cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước.

Nếu đặt vấn đề vận động sinh đẻ có kế hoạch một cách đúng đắn, nghiêm túc thì có thể bớt được nhiều người sinh đẻ hằng năm. Một số nơi đã đạt được kết quả tốt. Riêng ở thành phố Hà-nội, năm 1976, theo dõi 248 cơ sở sản xuất có nhiều cố gắng trong công tác vận động sinh đẻ có kế hoạch thì thấy 125 cơ sở đạt được tỷ lệ sinh đẻ từ 3 đến 10%. Những kết quả nói trên là những thắng lợi bước đầu làm cơ sở vững chắc để mở rộng cuộc vận động ra nhân dân.

Năm	Công ty thực phẩm Hà-nội (3000 nữ ở diện sinh đẻ trong tổng số biên chế là 4000 nữ)	Mỏ thiếc Tỉnh-túc Cao-lạng	Nhà máy liên hợp dệt Nam-định (6000 nữ)
1970	17,6%	19%	
1973	10 %	17%	15,19%
1974	9 %	12%	14,1%
1975	8,1%	11,5%	13%
1976	8 %		

Dù ở địa bàn nào, thành thị hay nông thôn, cũng phải chú ý:

— Vận động các gia đình có 4 con trở lên không nên sinh thêm con nào nữa.

— Vận động các gia đình có 1 hoặc 2 con hãy dừng lại cho đến khi con được 5 tuổi hãy sinh thêm con khác và không nên có quá 3 con.

Một đối tượng mà lâu nay chúng ta không chú ý thỏa đáng là đối tượng

nam. Chúng ta vẫn cho rằng họ hiểu biết vấn đề rồi, hoặc họ dễ tiếp thu vấn đề này. Song, thực tế là trong cuộc vận động hơn 10 năm nay, chúng ta gặp một số khá lớn người đàn ông chưa có nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vấn đề sinh đẻ có kế hoạch. Ở nhiều nơi, chính những người này lại gây ra nhiều khó khăn cho cuộc vận động.

Đối với tất cả các đối tượng, khâu

hiệu vận động là để thừa: chữa lần trước cách lần sau 5 năm, để người mẹ có thì giờ nuôi con nhỏ cho cứng cáp, hồi phục lại sức khỏe, để khỏi xáo trộn điều kiện sinh sống của gia đình.

Mỗi địa phương, mỗi ngành, tùy hoàn cảnh xã hội, động viên sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân mà đẩy mạnh cuộc vận động. Cần có sự tham gia tích cực và trực tiếp của các cấp ủy Đảng, các cơ quan Nhà nước, Hội phụ nữ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội phụ lão...

Trong cuộc vận động này, điều *tuyệt đối cần tránh là cưỡng ép nhân dân dưới bất cứ hình thức nào*. Mệnh lệnh có thể đem lại một số kết quả trước mắt nào đó trong thời gian ở ặt ban đầu, nhưng không mang lại tác dụng gì lâu dài. Ngược lại, nó có thể gây nên nhiều hậu quả tiêu cực đáng tiếc.

Trong khi tận dụng mọi khả năng sẵn có của ngành y tế, chúng ta cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục y học thường thức trong

nhân dân, đặc biệt trong đảng viên, cán bộ.

Chúng ta còn cần khéo léo kết hợp cuộc vận động này vào các phong trào chung trong nhân dân, như phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng đất nước", "Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới"; phong trào "lao động sản xuất, tiết kiệm"; phong trào "vệ sinh - thể dục yêu nước"....

Trong cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch ở nước ta, một mặt chúng ta nhận được sự viện trợ về tinh thần và vật chất của các nước anh em, bầu bạn, của các tổ chức quốc tế của Liên hợp quốc... song mặt chủ yếu là Nhà nước ta đã quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cuộc vận động phát triển ngày càng rộng khắp.

Do tính chất khẩn trương của nó, cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, cần được mở rộng ra ngay trong cả nước, bắt đầu từ nơi nào có các điều kiện thuận lợi, nhất là có sự quyết tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền.

Một số suy nghĩ về bước trưởng thành của giai cấp công nhân Việt-nam

VĂN-TẠO

ĐẠI HỘI lần thứ IV của Đảng đã tổng kết một cách khoa học vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân Việt-nam thông qua quá trình hoạt động của Đảng. Trong bài này, chúng tôi xin trình bày một số nét chủ yếu về sự trưởng thành của giai cấp công nhân ở miền Bắc nước ta từ khi bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là từ sau Đại hội lần thứ III của Đảng đến nay, trong vai trò là đội quân chủ lực trực tiếp xây dựng và bảo vệ xã hội xã hội chủ nghĩa. --

Sự trưởng thành của giai cấp công nhân ở miền Bắc nước ta trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 — 1965).

Quy luật chung của sự phát triển của giai cấp công nhân nước ta trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng theo đà tiến lên của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Đó là sự phát

triển đầy tính tự giác, chủ động, phù hợp với sự phát triển của một nền kinh tế kế hoạch hóa.

Thật vậy, từ năm 1955, số lượng xí nghiệp và số lượng công nhân, viên chức công nghiệp ở miền Bắc tăng nhanh. Năm 1955, tổng số xí nghiệp ở miền Bắc (kể cả thuộc trung ương và thuộc các địa phương) là 81, đến năm 1960 con số đó đã lên tới 1014, và năm 1965 lên tới 1132. Nếu chỉ số công nhân, viên chức trong các ngành công nghiệp năm 1955 là 100, thì năm 1960 là 672 và năm 1964 là 1257 (1).

Nhiều xí nghiệp nhỏ quốc doanh và tư doanh, qua cải tạo quan hệ sản xuất và cải tiến quản lý, và do được đầu tư xây dựng mới, đã tiến từ thủ công, nửa thủ công lên nửa cơ khí hoặc cơ khí. Một số xí nghiệp lớn có quy mô hiện đại đã ra đời (nhà máy cơ khí Hà-nội, khu gang thép Thái-

(1) Những số liệu dẫn chứng trong bài này, trừ những phần có chú thích riêng, đều rút trong các tập niên giám thống kê do Tổng cục thống kê cung cấp.

nguyên, nhà máy súp-pe phốt-phát Lâm-thảo, v.v...). Một số xí nghiệp cũ được trang bị mới (nhà máy dệt Nam-dinh, khu mỏ than Quảng-ninh...).

Số lượng và chất lượng các xí nghiệp tăng lên đã từng bước nâng cao chất lượng của giai cấp công nhân, trước hết là đã cải thiện được cấu trúc của giai cấp công nhân. Nếu năm 1955, số lượng công nhân, viên chức khu vực không sản xuất vật chất còn cao hơn so với khu vực sản xuất vật chất thì từ năm 1957 trở đi, tỷ lệ đó phát triển ngược lại. Cho đến cuối năm 1964 thì số công nhân, viên chức khu vực sản xuất vật chất đã tăng lên gấp 3 lần số ở khu vực không sản xuất vật chất. Số lượng công nhân công nghiệp cũng tăng nhanh. Lấy năm 1964 so với năm 1960 thì: tổng số công nhân công nghiệp tăng gấp 1.87 lần; trong đó số công nhân thuộc các ngành công nghiệp nặng tăng gấp 1.84 lần; và số công nhân thuộc các ngành công nghiệp nhẹ tăng gấp 1.92 lần. Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa – thực chất là cách mạng kỹ thuật – trong khi cải thiện cấu trúc của giai cấp công nhân thì đồng thời cũng cải tạo, nâng cao chính bản thân người công nhân, trước hết là nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật,

nghệ thuật của người công nhân. Nhờ tính chủ động, tự giác của Nhà nước chuyên chính vô sản trong việc đào tạo cán bộ một cách có kế hoạch, số lượng cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật đã tăng lên rõ rệt. So với năm 1960 thì năm 1965, tổng số cán bộ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ đã tăng gấp 5 lần, và số công nhân kỹ thuật chuyên nghiệp tăng 2,5 lần.

Biểu hiện tập trung của sự tăng cường chất lượng của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa là ở chỗ tăng năng suất lao động bởi vì « phân tích đến cùng, thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, căn bản nhất cho sự thắng lợi của trật tự xã hội mới » (2). Không tăng được năng suất lao động thì toàn bộ việc tăng cường đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đều là vô nghĩa.

Trong 5 năm đầu thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, năng suất lao động của công nhân ta đã tăng lên rõ rệt. Nếu chỉ số về năng suất lao động của nhân viên sản xuất công nghiệp trung ương năm 1960 là 100, thì năm 1964 là 130,3. Đi vào một số ngành cụ thể, chỉ số phát triển (%) đó là:

Ngành	1960	1965
– Điện	100	198,2
– Nhiên liệu	—	126,1
– Luyện kim đen	—	621,6
– Cơ khí	—	173,6
– Hóa chất	—	213,8
– Khai thác, chế biến gỗ	—	151,7
– Thủy tinh, sành sứ	—	703,6

Riêng trong ngành công nghiệp nặng, từ năm 1960 đến năm 1964 số người trực tiếp tham gia sản xuất tăng gấp đôi, nhưng năng suất lao động đã tăng gấp ba. Từ năm 1958 đến

năm 1965, khoảng gần 60% sản lượng của toàn ngành công nghiệp tăng lên

(2) Lê-nin: *Sáng kiến vĩ đại*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1957, trang 32.

hàng năm là do tăng năng suất lao động và trên 40% là do tăng số người lao động.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân, và năng suất lao động tăng đã đưa giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng lên. Nếu chỉ số giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1960 là 100, thì năm 1964 là 173,5 và năm 1965 là 189,4. Công nghiệp ngày càng tác động tích cực đến các ngành khác trong nền kinh tế quốc dân như nông nghiệp, thương nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, v.v...

Đặc biệt phải nói tới tác dụng bước đầu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp hợp tác hóa, tức là nói tới vai trò chủ đạo của công nghiệp và của giai cấp công nhân trong liên minh công nông.

Năm 1965 so với năm 1960, mức cung cấp của công nghiệp cho nông nghiệp tăng như sau:

- Điện tăng 7,5 lần
- Máy bơm nước tăng 10 lần
- Bơm thuốc trừ sâu tăng 4,5 lần
- Cây cải tiến tăng 3,7 lần
- Phân hóa học các loại tăng 2,8 lần.
- Thuốc trừ sâu các loại tăng 81 lần

Các điểm cơ khí nhỏ ở nông thôn xuất hiện ngày càng nhiều. Tính đến tháng 11 năm 1965, toàn miền Bắc đã có 655 điểm cơ khí nhỏ hoạt động ở các hợp tác xã, trong đó có 450 điểm dùng máy di-ê-zen và một số điểm đã dùng điện.

Năng suất lao động trong nông nghiệp cũng tăng lên. Năm 1965, năng suất lao động bình quân của một lao động trong nông nghiệp so với năm 1960 tăng 7%.

Đường lối hợp tác hóa và phát triển nông nghiệp đúng đắn của đảng của giai cấp công nhân và sự tác động của công nghiệp đối với nông nghiệp đã đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa

nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Đến cuối năm 1961, trên toàn miền Bắc, số hộ vào hợp tác xã so với tổng số hộ nông dân lao động đã chiếm 84,7%; số hộ vào hợp tác xã bậc cao so với tổng số hộ vào hợp tác xã chiếm 53,7%. Giai cấp nông dân tập thể hình thành và ngày càng đông đảo, lớn mạnh, làm tăng thêm sức mạnh vĩ đại của liên minh công nông trong điều kiện mới do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác phát triển đã làm cho tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân liên tục tăng lên.

Trong tổng sản phẩm xã hội, giá trị sản phẩm công nghiệp ngày càng chiếm tỷ lệ cao. Năm 1957, giá trị sản phẩm công nghiệp mới chiếm 24,3% trong tổng sản phẩm xã hội, còn giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp chiếm tới 41,3%, tức là gần gấp đôi so với giá trị sản phẩm công nghiệp. Năm 1960, giá trị sản phẩm hai khu vực xấp xỉ ngang nhau (công nghiệp 33,5%, nông, lâm nghiệp 34,1%). Đến năm 1965 thì giá trị sản phẩm công nghiệp đã chiếm 40,5% còn giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp chỉ chiếm 29,9% trong tổng sản phẩm xã hội. *Tích lũy xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu được thực hiện. Vai trò chủ đạo của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân ngày càng được phát huy. Điều đó cũng có nghĩa là vai trò chủ lực quân của công nhân trong nhiệm vụ cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế, và vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân ngày càng được nâng cao.*

Trong bộ máy các cấp của Nhà nước chuyên chính vô sản, đại biểu công nhân chiếm tỷ lệ ngày càng thích đáng. Trong Quốc hội khóa II (1960 - 1961) có 50 đại biểu công nhân, trong Quốc hội khóa III (1964 - 1970) số đại biểu công nhân lên tới 71 người. Trong Hội đồng nhân dân các cấp

khu, tỉnh và thành phố bầu ngày 25 tháng 4 năm 1965 có 2.729 đại biểu thi 242 là công nhân, trong đó số công nhân công nghiệp là 205 người.

Những thực tế lịch sử kể trên chứng minh sự lớn mạnh của giai cấp công nhân ở miền Bắc nước ta trong bước đầu của sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa. Song nói đến sự trưởng thành của giai cấp công nhân, còn phải nói tới một vấn đề quan trọng khác, tức là vấn đề tự rèn luyện, cải tạo, nâng cao mình của giai cấp công nhân trong quá trình lao động sản xuất, cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Chúng ta hiểu rằng, sự phát triển của sản xuất xã hội, tự bản thân nó có tác dụng nhất định trong việc cải tạo con người. « Trong bản thân hành vi tái sản xuất, không chỉ những điều kiện khách quan thay đổi, nông thôn trở thành thành thị, những bụi rậm trở thành đồng ruộng được dọn sạch, chẳng hạn, v.v..., mà cả bản thân những người sản xuất cũng thay đổi, tạo ra cho mình những phẩm chất mới, *phát triển và cải tạo bản thân nhờ sản xuất* (tôi nhấn mạnh — VT), tạo ra những lực lượng mới và những quan niệm mới, những phương thức giao tiếp mới, những nhu cầu mới và ngôn ngữ mới » (3).

Mặt khác, đề xứng đáng với vai trò là giai cấp lãnh đạo và là một đội quân chủ lực của cách mạng, giai cấp công nhân phải không ngừng vươn lên mạnh mẽ, phải tự rèn luyện, cải tạo về tư tưởng, tình cảm, tác phong, nếp sống, v.v..., phải nỗ lực nâng cao trình độ hiểu biết về văn hóa, khoa học kỹ thuật, năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội...

Trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân ta vừa không ngừng phát huy những đức tính tốt đẹp sẵn có, vừa đấu tranh tự rèn luyện, cải tạo mình một cách kiên trì, dũng cảm, chống những tư tưởng, tác phong lạc hậu, những lề

thói cổ hủ do xã hội cũ và nền sản xuất nhỏ để lại. Phương châm chung là vừa xây, vừa chống, vừa xây dựng cái mới, vừa cải tạo, xóa bỏ cái cũ. Cuộc đấu tranh đó được biểu hiện cụ thể trong các cuộc vận động chính trị, các phong trào thi đua, v.v... Từ năm 1963, đề hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chuẩn bị điều kiện cho những kế hoạch sau, Đảng và Nhà nước ta đã tiến hành cuộc vận động « Nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật; chống tham ô, lãng phí, quan liêu », gọi tắt là « 3 xây, 3 chống » trong công nghiệp và cuộc vận động « cải tiến quản lý hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc » trong nông nghiệp. Hai cuộc vận động đó có liên quan với nhau, tác động lẫn nhau, và như Hồ Chủ tịch đã từng nói: « Có thể ví 2 cuộc vận động như hai bánh xe vững chắc, nó góp phần rất đặc lực vào việc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội » (4).

Ngoài các cuộc vận động lớn, từ năm 1955, phong trào thi đua đã chuyển từ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu (chống Pháp) sang chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất. Tinh hoa của nó đã được chung đúc lại ở một phong trào có tính chất tiêu biểu là *phong trào thi đua xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa*, mà điển hình là tổ đá nhỏ ca A nhà máy xi-măng Hải-phòng, tấm gương về phong cách sống và làm việc theo tinh thần xã hội chủ nghĩa.

Nét bản chất, nổi bật nhất của phong trào thi đua này là *tinh thần*

(3) C. Mác, F. Ăng-ghe-n và V. I. Lê-nin: *Bản về các xã hội tiền tư bản*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1975, trang 108 — 109.

(4) Hồ Chủ tịch nói về cuộc vận động « 3 xây, 3 chống », tạp chí *Học tập*, số tháng 8-1963, trang 1.

làm chủ tập thể, thuộc tính cơ bản của phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, cũng cần đặc biệt chú ý đến chất lượng khoa học, kỹ thuật và năng suất lao động cao của các tập thể điển hình trong phong trào thi đua đó.

Những tập thể và những cá nhân lao động tiên tiến nảy sinh trong các phong trào thi đua — mà đỉnh cao là phong trào thi đua xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa — mang những nét đặc trưng của con người mới xã hội chủ nghĩa. Những tập thể và cá nhân tiên tiến đó *đều thuộc những tầng lớp lao động khác nhau đều là con đẻ của phong trào công nhân*, tiêu biểu cho con người lao động Việt-nam tiên tiến.

Sự trưởng thành của giai cấp công nhân ở miền Bắc nước ta trong chiến tranh chống Mỹ, cứu nước (1965 — 1975).

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ điên cuồng tiến hành chiến tranh phá hoại ở miền Bắc nước ta. Đảng ta đã kịp thời lãnh đạo chuyển hướng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội từ thời bình sang thời chiến. Những năm từ 1965 đến 1975 là thời kỳ chống chiến tranh phá hoại xen kẽ với những thời kỳ ngắn khôi phục kinh tế. Có thể nói đây là một thời kỳ phát triển đặc biệt của giai cấp công nhân ta ở miền Bắc. Với « tay búa, tay súng », vừa sản xuất vừa chiến đấu, giai cấp công nhân đã cùng với toàn thể nhân dân ta vừa tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trong khói lửa của chiến tranh.

Thực hiện đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và chủ trương của Đảng về chuyển hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh, chúng ta đẩy mạnh phát triển công nghiệp địa phương, đồng

thời bảo vệ và phát triển có trọng điểm công nghiệp trung ương. Mức đầu tư vào công nghiệp địa phương tăng lên; chỉ riêng trong kế hoạch hai năm 1966 — 1967 đã tăng gấp 1,5 lần so với cả kế hoạch 5 năm đầu tiên (1961 — 1965).

Địch phá, ta lại xây. Địch phá một thì ta xây dựng lên gấp nhiều lần. Cuối cùng, qua cả một quá trình liên tục chiến đấu, khôi phục, cải tạo và xây dựng, mức sản xuất của chúng ta vẫn tăng nhanh. Công nghiệp địa phương và số lượng công nhân công nghiệp địa phương liên tục tăng lên. Nhiều loại sản phẩm trước đây chỉ do công nghiệp trung ương sản xuất, nay công nghiệp địa phương cũng làm được như máy cắt gọt kim loại, động cơ điện, máy bơm nước, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, xi-măng, v.v... So với năm 1965 thì năm 1967 số công nhân, nhân viên sản xuất công nghiệp địa phương tăng 3 vạn, năm 1968 tăng 4 vạn và năm 1969 tăng 5,1 vạn. Trong khi đó, công nghiệp trung ương vẫn được bảo vệ và phát triển có trọng điểm cho nên tổng số xi nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh vẫn tiếp tục tăng. Tính chung cả miền Bắc, năm 1965 có 1.132 xi nghiệp thì năm 1967 có 1.201 xi nghiệp, năm 1970 có 1.325 xi nghiệp. Đến năm 1975, số xi nghiệp công nghiệp nhiều gấp 16,5 lần số xi nghiệp năm 1955. Nhiều khu công nghiệp lớn đã và đang hình thành.

Công nghiệp phát triển lại thúc đẩy các ngành kinh tế quốc dân khác phát triển theo. Riêng về phục vụ nông nghiệp, lấy mức năm 1971 (tức là sau 2 năm khôi phục kinh tế) so với năm 1961 thì:

Điện phân phối cho nông nghiệp tăng	2,42 lần
Máy kéo tăng	5,49 lần
Máy bơm nước tăng	4,41 lần
Máy nghiền, thái tăng	14,81 lần
Máy xay xát tăng	5,1 lần
Máy tuốt lúa tăng	5,64 lần

Các điểm cơ khí nhỏ ở nông thôn cũng tăng. Từ 655 điểm năm 1955, đến cuối năm 1968 lên 6.500 điểm và cuối năm 1969 lên 8.730 điểm. Số lượng công trình thủy nông lớn xây dựng trong khoảng 1969 - 1972 tăng gấp 2 lần so với thời kỳ 1965 - 1968 và gấp 3 lần so với thời kỳ 1961 - 1965. Năng suất lúa vẫn tiếp tục tăng. Về ngành thủ công nghiệp, giá trị sản lượng năm 1965 là 690 triệu đồng, năm 1971 là 769 triệu đồng và năm 1975 lên hơn một tỉ đồng.

Công nghiệp phát triển, các ngành kinh tế khác được đẩy mạnh khiến tổng số công nhân, viên chức cũng tăng lên. Riêng số công nhân công nghiệp tăng nhanh, nếu chỉ số năm 1955 là 1 thì năm 1965 là 11,5, năm 1974 là 17,2 và năm 1975 là 18,3. Trong lửa đạn chiến tranh, Đảng và Nhà nước ta vẫn không ngừng chăm lo

nâng cao trình độ khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ của cán bộ, công nhân. Các cơ sở nghiên cứu, giảng dạy, phổ biến khoa học, kỹ thuật, và số lượng cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật ngày càng tăng.

Từ một vài cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật năm 1960, đến năm 1967 đã có 16 viện nghiên cứu, 28 trường và 13 phân hiệu đại học, 173 trường trung học chuyên nghiệp, phần lớn có thể vừa giảng dạy vừa làm công tác nghiên cứu khoa học. Đến năm 1970, số trường và phân hiệu đại học đã tăng lên tới 37 trường, 8 phân hiệu với 120 khoa và 529 bộ môn. Số trường trung học chuyên nghiệp lên tới gần 200. Cán bộ, công nhân kỹ thuật cũng vì vậy mà tăng lên nhanh chóng.

Chỉ số phát triển (lần)

	1960	1965	1971	1973
Cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ	1	5,5	9,5	15,5
Cán bộ trên đại học và đại học	1	5,4	10,7	20,6
Cán bộ trung học chuyên nghiệp.	1	5,6	9,1	13,9
Công nhân kỹ thuật	1	2,5	3,1	4,5

Tính chung trong các ngành hoạt động kinh tế thì đến năm 1975, đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ trên đại học, đại học và trung học chuyên nghiệp là hơn 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960. Năm 1975, cứ một vạn người lao động thì có 1.040 lao động kỹ thuật, 260 cán bộ trung cấp, 660 công nhân kỹ thuật, 120 cán bộ đại học và trên đại học.

Cán bộ và công nhân ta đã vươn lên một bước làm chủ khoa học, kỹ thuật, « đã giải quyết được nhiều vấn đề hằng ngày, và một số vấn đề tương đối quan trọng về khoa học và kỹ thuật trong sản xuất công nghiệp,

nông nghiệp, xây dựng, quốc phòng và đời sống. Từ khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc, công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật đã hướng vào việc phục vụ kịp thời sản xuất, giao thông vận tải và chiến đấu, góp phần thiết thực cho quân và dân ta giành nhiều thắng lợi » (5).

Nói đến sự trưởng thành về chất lượng của giai cấp công nhân ta trong chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, cần đặc biệt nhấn mạnh đến chủ nghĩa

(5) Nghị quyết số 157 ngày 22-2-1967 của Ban bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác khoa học và kỹ thuật trong tình hình và nhiệm vụ mới.

anh hùng cách mạng trong sản xuất và chiến đấu. Đồng chí Lê-Duẩn đã nhận xét: « Trong hoàn cảnh chiến tranh phá hoại..., nhiều xí nghiệp, kho tàng, nhiều tuyến giao thông bị địch đánh phá ác liệt, anh chị em công nhân, viên chức vẫn quyết tâm bám vị trí sản xuất, công tác, thực hiện hàng được nhiệm vụ sản xuất và bảo vệ sản xuất. « Tay búa, tay súng », giặc đến là đánh, giặc đi lại sản xuất, nhiều nơi giặc đến vừa đánh vừa sản xuất, có đơn vị bị đánh phá ngay đêm liên tục trong cả một thời gian dài, nhưng anh chị em vẫn quyết tâm vừa sản xuất vừa chiến đấu kiên cường, hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về người và thiết bị. Đó là những biểu hiện sáng ngời của thái độ mới đối với lao động, của đức tính xả thân vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân Việt-nam » (6).

Tiêu biểu cho tinh thần dũng cảm, ngoan cường đó là công nhân ở các đơn vị như: đội cầu Hàm-rông, bến phà Ghép, công trường 12A Quảng-binh, cung II hạt giao thông Sơn-la, khu ga Ninh-binh Nam, Tổ đèn đảo Long-châu, tổ lái ca-nô 619, đại đội 9 ô-tô vận tải, nhà máy 4-4, nhà máy điện Uông-bi, lâm trường Chúc A, nhà máy điện Yên-phụ, nhiều đơn vị thuộc cảng Hải-phòng và khu mỏ than Quảng-ninh, v.v...

Công nhân đội cầu Hàm-rông đã bám trụ chiến đấu, « địch vừa phá, ta đã sửa ngay », vừa bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống, vừa góp phần cùng quân và dân địa phương hạ hàng trăm máy bay địch.

Nhà máy điện Uông-bi, 5 lần địch phá, 5 lần ta xây dựng lại ngay.

Nhà máy 4-4, qua gần 200 trận bị địch đánh phá ác liệt, công nhân vẫn quyết bám máy, đồng thời còn phấn đấu thực hiện khẩu hiệu « giỏi một nghề, biết nhiều nghề ».

Tập thể công nhân nhà máy điện Yên-phụ đã « cầm tử giữ vững dòng điện cho Tổ quốc »...

Tinh thần dũng cảm, ngoan cường đó là mặt chủ yếu, là mặt phổ biến của giai cấp công nhân ta. Mặt khác, chúng ta còn phải nói đến quyết tâm của công nhân ta trong việc đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực trong sản xuất, trong công tác quản lý kinh tế. Như chúng ta đều biết, công tác quản lý sản xuất, quản lý kinh tế vốn là một mặt yếu của cán bộ, công nhân ta. Thêm vào đó, chiến tranh không những đã phá hủy biết bao công trình mà nhân dân ta đã tốn nhiều công sức để xây dựng nên, lại còn làm đảo lộn những nền nếp mà chúng ta đã xây dựng và thực hiện được trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Những tư tưởng, tác phong sai trái cũng nhân đó mà nảy nở trong một bộ phận cán bộ, công nhân, khiến ngày càng chệch độ, giờ công có ích đạt rất thấp, năng suất lao động có nơi, có lúc giảm sút nghiêm trọng. Có nơi thường chỉ đạt từ 1/2 đến 2/3 về số người làm việc và số công quy định. Giờ công có ích phổ biến mới đạt trên dưới 5 giờ một ngày. Năng suất lao động có nơi chỉ bằng 50%, thậm chí bằng 15% so với trước chiến tranh. Phong trào thi đua xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa cũng giảm sút.

Nhưng giai cấp công nhân ta với bản chất cách mạng, đã và đang quyết tâm đấu tranh khắc phục những mặt tiêu cực ấy cũng như những biểu hiện tiêu cực khác sai trái với lập trường, đạo đức phẩm chất của giai cấp công nhân. Các phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát động không chỉ nhằm mục tiêu đẩy mạnh sản xuất mà còn gắn liền với cuộc

(6) Lê-Duẩn: *Vai trò giai cấp công nhân Việt-nam và nhiệm vụ công đoàn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 145 — 146.

đấu tranh chống tham ô, lãng phí, ăn cắp của công, chống lối làm việc vô trách nhiệm và cố gắng từng bước đưa công tác quản lý vào nền nếp. Các biện pháp giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng và Công đoàn được kết hợp chặt chẽ với các biện pháp quản lý, biện pháp hành chính của Nhà nước. Từ tháng 9-1968 đến tháng 11-1969 đã có 4.000 cơ sở quốc doanh trung ương và địa phương với khoảng một triệu công nhân, viên chức tham gia cuộc vận động thi hành chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về "Tăng cường một bước việc quản lý thị trường", đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực như đầu cơ, ăn cắp, móc ngoặc, v.v...

Công tác cải tiến quản lý được đẩy mạnh từng bước với những biện pháp như: dân chủ hóa kế hoạch; đẩy mạnh cuộc vận động "ba xây, ba chống"; thực hiện định mức lao động và trả lương theo sản phẩm; cải tiến chế độ phân phối, thực hiện việc kiểm kê tài sản Nhà nước, v.v... Từ năm 1970 trở đi, phương hướng chủ yếu của công tác cải tiến quản lý là chuyển từ cách quản lý theo lối hành chính và cung cấp sang quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhờ những biện pháp ấy, năng suất lao động và hoạt động nói chung của nhiều xí nghiệp công nghiệp đã có những tiến bộ mới. Báo cáo của Chính phủ trước kỳ họp thứ 2 của Quốc hội khóa IV ngày 28-3-1972 đã nói: "Trong công nghiệp, năng lực sản xuất của nhiều ngành đã được khôi phục và tăng lên đáng kể... Nhìn chung, kế hoạch Nhà nước năm 1971 của các ngành công nghiệp đều được thực hiện tốt" (7).

Như vậy, chúng ta có đầy đủ cơ sở để khẳng định rằng, ngay trong khói lửa của chiến tranh, nhờ phát huy triệt để bản chất cách mạng, tri sáng tạo và tinh thần tự lực tự cường, giai cấp công nhân Việt-nam đã góp phần rất xứng đáng vào việc tiến hành

đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng là đánh thắng giặc Mỹ và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Trong cuộc đấu tranh quyết liệt đó, giai cấp công nhân Việt-nam phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và trong chiến đấu đã có bước phát triển và trưởng thành về mọi mặt.



Ngay từ khi mới ra đời, giai cấp công nhân nước ta ở cả hai miền Nam - Bắc đã là một giai cấp thuần nhất, có tinh thần cách mạng triệt để và dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong, đã không ngừng đấu tranh cho những nhiệm vụ chung vì mục đích chung là giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Từ năm 1955, trong khi công nhân ở miền Bắc không ngừng trưởng thành về mọi mặt trong sản xuất cũng như trong chiến đấu thì công nhân, lao động ở miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng không ngừng trưởng thành trong cuộc đấu tranh thần thánh chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai bán nước nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, thống nhất nước nhà. Ở miền Nam nước ta, rộng rãi hơn hai mươi năm, anh chị em công nhân, lao động đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường, bất khuất, vượt muôn vàn khó khăn, chịu đựng mọi hy sinh gian khổ liên tục đấu tranh. Bằng mọi hình thức phong phú, khi công khai sôi động, khi bí mật ngấm ngấm, kết hợp các hình thức hợp pháp, nửa hợp pháp với không hợp pháp, kết hợp chính trị với vũ trang, v.v..., công nhân luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh lâu dài và ác liệt của nhân dân các đô thị tạm bị địch chiếm đòi quyền dân sinh, dân chủ, đòi Mỹ chấm dứt đánh phá miền

(7) Xem báo Nhân dân; ngày 18-3-1972.

Bắc, cắt khỏi miền Nam Việt-nam, đòi lật đổ quyền tay sai của Mỹ, đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà.

Trong cuộc tổng tiến công và nổi dậy vĩ đại của quân và dân ta mùa xuân 1975, công nhân và lao động các đô thị ở miền Nam đã nổi dậy với khí thế vô cùng mạnh mẽ, đã hợp lực với quân đội và các tầng lớp, nhân dân khác giành và bảo vệ gần như nguyên vẹn các nhà máy, đồn điền, bến cảng, kho tàng, công sở, tạo nên sức mạnh vĩ đại của sự kết hợp giữa đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, hoàn toàn chiến thắng quân thù.

Sau Đại thắng mùa xuân 1975, toàn bộ giai cấp công nhân Việt-nam — từ Bắc chí Nam — đã trở thành một đội quân chủ lực hùng hậu của cách mạng đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay đội ngũ công nhân, viên chức ta đã lên tới hơn 3 triệu người, đặc biệt là đội ngũ công nhân và cán bộ khoa học kỹ thuật lớn lên nhanh chóng, đạt tới số lượng cao chưa từng có. Đội ngũ công nhân kỹ thuật, lực lượng chủ yếu và giữ vai trò quan trọng nhất trong sản xuất công nghiệp

đã lên tới 1.360.000 người. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý, lực lượng quan trọng trong sản xuất, trong cách mạng khoa học kỹ thuật ở nước ta đã lên tới 660.000 người; trong đó, 160.000 người có trình độ đại học và trên đại học. Trong toàn bộ đội ngũ công nhân, viên chức, lực lượng trẻ chiếm hơn 60%, phụ nữ chiếm hơn 41%. Đó là những nét nổi bật thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Nhìn chung, trong hơn 20 năm qua, lịch sử đã chứng kiến một bước trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân nước ta. Những nét có tính chất quy luật của sự trưởng thành đó là:

Nắm vững chuyên chính vô sản, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, giai cấp công nhân có thể vừa đấu tranh cải tạo xã hội, vừa tự cải tạo mình, vừa chiến đấu thắng lợi chống chủ nghĩa đế quốc, vừa xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đồng thời lớn lên không ngừng cả về số lượng lẫn chất lượng — lớn lên trong chiến đấu và sản xuất — xứng đáng với vai trò liên phong cách mạng và góp phần tích cực vào phong trào cộng sản và cộng nhân quốc tế.

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU NHỮNG QUAN ĐIỂM VỀ LỐI SỐNG MỚI CỦA HỒ CHỦ TỊCH

ANH-PHONG

NGÀY 4 tháng 6 năm 1918, báo cáo về cuộc đấu tranh chống nạn đói tại cuộc họp liên tịch của Ủy ban chấp hành trung ương toàn Nga, Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và Hồng quân Mát-xcơ-va và các công đoàn. Lê-nin nói: « Không, không thể có bức Vạn lý trường thành ngăn cách giai cấp công nhân với xã hội tư sản cũ được. Và lúc cuộc cách mạng nổ ra, thì tình hình khác hẳn tình hình xảy ra khi một người chết, khi thì hài được đem đi chôn. Khi xã hội cũ chết thì người ta không thể đem tử thi của nó mà bỏ vào áo quan để chôn xuống đất. Thay ấy rửa ra ở trong môi trường chúng ta và gây bệnh sang bản thân chúng ta nữa. Trên thế giới, không có một cuộc cách mạng vĩ đại nào lại không diễn biến như thế và có thể diễn biến khác thế được ». (1)

Sống hàng nghìn năm dưới chế độ phong kiến, gần một trăm năm dưới ách thực dân cũ, hàng chục năm với chủ nghĩa thực dân mới, người dân Việt-nam không những bị bóc lột về mặt vật chất mà còn bị đầu độc về mặt tinh thần. Thoát khỏi cảnh đói nghèo, xây dựng một đời sống ấm no, rũ sạch hết bùn nhơ của thế giới cũ, xây

dựng một đời sống văn hóa, tinh thần vui tươi, lành mạnh... đâu phải là vấn đề có thể giải quyết xong trong năm mười năm. Cho nên, xây dựng một lối sống mới luôn luôn là một nhiệm vụ cách mạng nóng hổi.

Chẳng thế mà ngay hôm sau ngày đọc Tuyên ngôn Độc lập, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, ngày 3 tháng 9 năm 1945, Hồ Chủ tịch đã nhấn mạnh: « Chế độ thực dân đã đầu độc dân ta với rượu và thuốc phiện. Nó đã dùng mọi thủ đoạn hòng hủ hóa dân tộc chúng ta bằng những thói xấu, lười biếng, gian xảo, tham ô và những thói xấu khác. Chúng ta có nhiệm vụ cấp bách là phải giáo dục lại nhân dân chúng ta. Chúng ta phải làm cho dân tộc chúng ta trở nên một dân tộc dũng cảm, yêu nước, yêu lao động, một dân tộc xứng đáng với nước Việt-nam độc lập.

Tôi đề nghị mở một chiến dịch giáo dục lại tinh thần nhân dân bằng cách thực hiện Cần, Kiệm, Liêm, Chính. (2)

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập 27, trang 555.

(2) Trần-Dân-Tiên: *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 122 — 123.

Sau đó, Hồ Chủ tịch phát động phong trào xây dựng Đời sống mới. Nhân dân ta, từ Nam chí Bắc đã sôi nổi hưởng ứng phong trào này.

Ngày nay, cả nước ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ: « Phải xây dựng cả lực lượng sản xuất mới lẫn quan hệ sản xuất mới; xây dựng cả cơ sở kinh tế mới lẫn kiến trúc thượng tầng mới; xây dựng cả đời sống vật chất mới lẫn đời sống tinh thần và văn hóa mới » (3).

Xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa cho toàn dân chính là để góp phần đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Làm cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng là nhằm mục đích xây dựng cho toàn dân một lối sống mới, một xã hội mới. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đẻ ra lối sống tư bản chủ nghĩa, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa đòi hỏi và quyết định lối sống xã hội chủ nghĩa.

Sự ra đời và quá trình hình thành của lối sống mới xã hội chủ nghĩa gắn liền với những thắng lợi to lớn của Cách mạng tháng Tám, của hai cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Hơn ba mươi năm qua, gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhân dân Việt-nam, với tư cách là một lực lượng cách mạng, sáng tạo, đã vươn tới tầm cao tư tưởng của thời đại. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, được sự giáo dục trực tiếp của Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã và đang xây dựng cho mình một lối sống mới.

Từ những phong trào cười « đời sống mới », đả mạt « đời sống mới », ăn « đời sống mới », hợp « đời sống mới »... đến những cuộc vận động Thi đua ái quốc rộng rãi « người người thi đua, ngành ngành thi đua », phong trào « Luyện quân lập công », « Công

nhân ba đêm cao », « Thanh niên ba sẵn sàng », « Phụ nữ ba đảm đang », « Thiếu nhi làm theo 5 điều Bác dạy » v.v..., qua nhiều bài báo, bài nói chuyện, Hồ Chủ tịch đã nêu ra cho mỗi tầng lớp, mỗi lứa tuổi những chuẩn mực trong lao động, đấu tranh, trong sinh hoạt, học tập, trong mối quan hệ giữa người và người, giữa người và thiên nhiên. Những chuẩn mực, những điều dạy bảo, dặn dò của Bác được nhiều người thực hiện, được dư luận xã hội thừa nhận, dần dần được cụ thể hóa, quy định thành những tiêu chuẩn tư cách cá nhân, những quy tắc sinh hoạt tập thể của con người sống trong gia đình, trường học, trong cơ quan, doanh trại, trong xí nghiệp, hợp tác xã... Con người dần dần đoạn tuyệt với lối sống cũ, lối sống ăn bám, ích kỷ, ươn hèn... và dần dần hình thành trong mình những nếp suy nghĩ mới, những nếp lao động, học tập, sinh hoạt mới... Đời sống vật chất của mỗi người được cải thiện, đời sống văn hóa tinh thần cũng ngày càng vui tươi, phong phú. Một lối sống mới bừng sáng từ trong bùn lầy, tăm tối, khói lửa. Từ những lời dạy bảo của Bác, từ thực tiễn nóng hổi của cách mạng ở hai miền đất nước, chúng ta thấy nổi lên khá rõ những quan điểm lớn về lối sống mới của Hồ Chủ tịch.

LỐI SỐNG MỚI LÀM CHỦ TẬP THỂ

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, tuy không dùng từ ngữ « làm chủ tập thể », song Hồ Chủ tịch luôn luôn đi đầu, hướng dẫn mọi người từ bỏ lối sống cá nhân chủ nghĩa, đi vào lối sống mới làm chủ tập thể. Lối sống mới làm chủ tập thể trước hết thể hiện rõ nét ở lòng yêu thương đồng bào, đồng chí, ở tinh thần đoàn

(3) Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, *Tạp chí Học tập*, số 12-1976.

kết giúp đỡ lẫn nhau trong cơn hoạn nạn. «Thấy một ngành gai nằm giữa đường, ta lấy vứt đi, cho người khác khỏi dẫm phải», một việc làm rất bình thường nhưng mang một ý nghĩa lớn. Hồ Chủ tịch gọi đây là việc làm công ích và khuyên mọi người «*phải sẵn lòng công ích*». (4) Đối với cán bộ, công nhân, viên chức, Người đòi hỏi «*phải có công tâm, công đức*». Chớ đem của công dùng vào việc tư. Chớ đem người tư làm việc công. Việc gì cũng phải công bình chính trực, không nên vì tư ân, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán. Minh có quyền dùng người thì phải dùng những người có tài năng, làm được việc. Chớ vì bà con bầu bạn, mà kéo vào chức nọ, chức kia. Chớ vì sợ mất địa vị mà dìm những kẻ có tài năng hơn mình. Phải trung thành với Chính phủ, với đồng bào. Chớ lên mặt, làm quan cách mạng» (5).

Lòng công ích, công tâm, công đức ấy phải chăng là tinh thần đặt lợi ích của tập thể lên trên hết, phải chăng là tinh thần «mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người»?

Khi đất nước bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chủ tịch kêu gọi mọi người phát huy quyền làm chủ tập thể. Người nói: «Nhà nước ta ngày nay là của *tất cả những người lao động*. Vậy công nhân, nông dân, trí thức cách mạng cần nhận rõ rằng: hiện nay nhân dân lao động ta là những người làm chủ Nhà nước, chứ không phải là những người làm thuê cho giai cấp bóc lột như thời cũ nữa. Chúng ta có quyền và có đủ điều kiện để *tự tay mình xây dựng đời sống tự do, hạnh phúc cho mình*. Nhân dân lao động là những người *chủ tập thể* của tất cả những của cải vật chất và văn hóa, đều *bình đẳng* về quyền lợi và nghĩa vụ. Bởi vậy, mọi người đều phải thấm nhuần sâu sắc tư tưởng «*mình vì mọi người, mọi người vì mình*». (6)

Đến nay, lối sống mới làm chủ tập thể ngày càng có nội dung phong phú và cụ thể: làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm chủ trong phạm vi cả nước, làm chủ một địa phương, một cơ sở... Trong những năm chống Mỹ, cứu nước, lối sống làm chủ tập thể chính là lối sống «*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*». Trước sự xâm lược của đế quốc Mỹ, nhân dân ở cả hai miền Nam, Bắc đã phát huy cao độ quyền làm chủ về chính trị, không tiếc xương máu bảo vệ đất nước thân yêu của mình... Đó là lối sống của hàng chục vạn người «*xẻ dọc Trường-sơn đi đánh Mỹ*», «*nhắm thẳng quần thù mà bắn*», «*còn cái lai quần cũng đánh*», đó là lối sống «*tiếng hát át tiếng bom*», «*tay búa tay súng*», «*tay cày, tay súng*», «*tay bút, tay súng*»... Cả một dân tộc đã đứng lên quyết làm chủ đời mình, đất nước mình và đã giành được thắng lợi vẻ vang.

Lối sống làm chủ tập thể do Hồ Chủ tịch nêu ra còn là lối sống phát huy quyền làm chủ về kinh tế và văn hóa của nhân dân. Nhân dân ta đã tìm hiểu và nắm quy luật của thiên nhiên, ra sức cải tạo và chinh phục thiên nhiên, «*nghe tiếng đồng hồ nước ra sông*», «*thay trời làm mưa*», từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa... Đó là lối sống mà «*hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ*», «*đảng viên đi trước, làng nước theo sau*», nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trường học mở ra ở khắp nơi «*vì lợi ích trăm năm trồng người*»...

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, lối sống làm chủ tập thể đang triển khai trên các miền của đất nước. Ở miền Nam,

(4), (5) Tân-Sinh: *Đời sống mới*, Nhà xuất bản Lao động, Hà-nội, 1976, trang 13 — 39.

(6) Hồ Chủ tịch nói về dân chủ, kỷ luật và đạo đức cách mạng, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1967, trang 41, 42.

nhân dân lao động đang đấu tranh cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ về tư liệu sản xuất, về lực lượng lao động, về tổ chức và quản lý sản xuất và về phân phối. Ở miền Bắc, hàng chục vạn người đi lên Tây-nguyên, vào đồng bằng Nam-bộ xây dựng những vùng kinh tế mới. Khắp nơi sôi nổi một phong cách lao động mới. Nhiều đại công trường thủ công mọc ra, hàng vạn người hồ hởi lao động, v.v...

Lối sống làm chủ tập thể là một đặc điểm cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa. Lĩnh vực chủ yếu hình thành lối sống mới xã hội chủ nghĩa là ở cuộc đấu tranh của nhân dân lao động nhằm bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Trong lời tựa cuốn Đời sống mới của Tân-Sinh, Hồ Chủ tịch đã viết: « Trong lúc kháng chiến cứu quốc, chúng ta đồng thời phải kiến quốc. Thực hành Đời sống mới là một điều cần kíp cho công cuộc cứu quốc và kiến quốc ». Xa rời lĩnh vực này, nội dung lối sống không có phương hướng, rơi vào chuyện vụn vặt cá nhân. Xa rời lĩnh vực này, cũng không thể nào hình thành được lối sống mới.

Mặt khác, động lực rất quan trọng của hoạt động của con người mới là sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa, là nhận thức thấu đáo về lý tưởng của mình, về quyền làm chủ tập thể, về quy luật phát triển của xã hội và khả năng to lớn của quần chúng. Với nhận thức đó, con người hành động với tư cách là một thành viên của tập thể. Nó phải luôn luôn dựa vào tập thể, vào Đảng, vào Nhà nước, vào tổ chức quần chúng, tiếp nhận những chỉ dẫn, phương tiện mà hành động, và tạo ra cho mình những khả năng vô tận để phát triển toàn diện, và dần dần xây dựng cho mình một lối sống mới xã hội chủ nghĩa. Con người chỉ có thể trưởng thành trong tập thể và tập

thể cũng chỉ có thể lớn mạnh khi mọi người đều có tư tưởng làm chủ tập thể. Con người nặng đầu óc cá nhân chủ nghĩa sớm muộn sẽ không có đất tồn tại trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

LỐI SỐNG MỚI CẦN KIỂM LIÊM CHÍNH, CHỈ CÔNG VÔ TƯ

Hồ Chủ tịch rất quan tâm đến việc xây dựng cho nhân dân ta một lối sống có đạo đức. Tiếp thu những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và của giai cấp công nhân, thấm nhuần chủ nghĩa Mác — Lê-nin, ngay từ những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám, Người đã nêu lên, đạo đức Cần Kiệm Liêm Chính, Chỉ công vô tư. Cho đến khi Người sắp đi xa, trong Di chúc thiêng liêng, Người còn dặn: « Đảng ta là đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự Cần Kiệm Liêm Chính, Chỉ công vô tư ».

Lối sống mới Cần Kiệm Liêm Chính mang một nội dung mới, một tinh thần mới, khác hẳn lối sống cũ: Cần Kiệm Liêm Chính vì quyền lợi cá nhân, vì danh dự cá nhân. Lối sống mới này xuất phát từ tinh thần phục vụ nhân dân, vì lợi ích của nhân dân. Hồ Chủ tịch luôn luôn nhắc nhở mọi người: « Bất kỳ ở địa vị nào, làm công tác gì, chúng ta đều là đầy tớ của nhân dân. Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng, đều do mồ hôi nước mắt của nhân dân mà ra. Vì vậy chúng ta phải đền bù xứng đáng cho nhân dân. Muốn làm như vậy, chúng ta phải cố gắng thực hiện Cần Kiệm Liêm Chính ».

Trước hết là Cần, tức là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì.

Kiệm tức là không lãng phí thì giờ, của cải của mình và của nhân dân.

Liêm tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công và của nhân dân.

Chính tức là việc phải làm dù nhỏ cũng làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh». (7)

Hồ Chủ tịch khẳng định: «Cần Kiệm Liêm Chính là nền tảng của đời sống mới, của thi đua ái quốc» (8). Cho nên, Người mong muốn tất cả mọi người thực hiện Cần Kiệm Liêm Chính và bản thân Người là một mẫu mực toàn diện về Cần Kiệm Liêm Chính.

Trong bài «Hồ Chủ tịch, lãnh tụ của chúng ta», đồng chí Phạm-Văn-Đồng đã nhấn mạnh: «Chữ Cần, chữ Kiệm của Hồ Chủ tịch, dạy ta phải học vì nước ta nghèo, lại đương kháng chiến. Mỗi một người chúng ta phải đem mồ hôi đổi lấy bát cơm, làm ra bát cơm đầy, song chỉ ăn bát cơm lưng.

Chữ Liêm, chữ Chính của Hồ Chủ tịch, dạy ta phải học vì đó là hai công đức làm nền tảng cho đời sống công cộng của chúng ta. Liêm và Chính trong cử chỉ và hành động, đối với đồng tiền, đối với công việc. Liêm và Chính đối với láng giềng, đối với làng xóm, đối với quốc dân... Cho nên học Cần Kiệm Liêm Chính là bài trừ xa xỉ, hối lộ, biển thủ, cờ bạc, đầu cơ, tích trữ, chợ đen, buôn lậu, bài trừ tất cả cái gì xấu xa, mục nát, đồng thời là tôn trọng, giữ gìn, vun xới cái gì có ích, có lợi cho đồng bào, cho quốc dân, cho Chính phủ» (9).

Nhân dân ta ở nhiều nơi đã thực hiện lối sống mới Cần Kiệm Liêm Chính. Thiếu nhi có phong trào «Làm nghìn việc tốt», trả lại của rơi, giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ. Bộ đội tiết kiệm đạn, nêu khẩu hiệu: «Một viên đạn, một quân thù». Anh em lái xe thì «yêu xe như con, quý xăng như máu». Nông dân thì «một tấc đất, một tấc vàng». Công nhân có phong trào thi đua sản xuất «nhiều, nhanh, tốt, rẻ». Việc cưới xin, ma chay, giỗ tết ở nhiều nơi tổ chức rất tiết kiệm, tránh hẳn tệ ăn uống linh đình tốn kém, v.v..

Lối sống mới Cần Kiệm Liêm Chính, chỉ công vô tư ngày nay đang được gắn với nhiều phong trào. Cùng với phong trào «Người-phụ nữ mới xây dựng đất nước», ở miền Bắc cũng như ở miền Nam, đang sôi nổi phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới. Hàng chục vạn gia đình đã đăng ký phấn đấu thực hiện theo ba tiêu chuẩn: - Xây dựng gia đình hòa thuận, dân chủ, hạnh phúc tiến bộ; - Mọi người hăng hái tham gia lao động và thực hành tiết kiệm; - Nghiêm chỉnh chấp hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, có phong trào xây dựng nếp sống lao động mới phù hợp với nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở các môi trường cư trú, môi trường sản xuất, học tập, lại có phong trào xây dựng nếp sống có văn hóa, tôn trọng kỷ luật, trật tự chung, giữ gìn vệ sinh chung, biết tự trọng mình và tôn trọng người khác, v.v...

Nếu lối sống làm chủ tập thể là một đặc điểm cơ bản của chế độ xã hội chủ nghĩa, mang nội dung giai cấp rõ rệt thì lối sống Cần Kiệm Liêm Chính, chỉ công vô tư lại mang tính dân tộc sâu sắc. Những giá trị tinh thần của truyền thống dân tộc «Có công mài sắt, có ngày nên kim», «Chết trong hơn sống đục», «Giấy rách giữ lấy lề», «Đói cho sạch, rách cho thơm» ... đã ăn sâu vào trong nếp nghĩ, nếp lao động, nếp sinh hoạt của nhân dân ta. Sức mạnh của những giá trị tinh thần ấy lại được nhân lên gấp bội khi nó nhuộm vào sức mạnh của lý tưởng, khi con người

(7) Hồ-Chí-Minh: *Con người xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, trang 114 — 115.

(8) Hồ-Chí-Minh: *Bảo vệ của công, thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí*, Nhà xuất bản Sự thật, 1968, trang 82.

(9) Phạm-Văn-Đồng: *Hồ Chủ tịch lãnh tụ của chúng ta*, Nhà xuất bản Sự thật, 1967, trang 27 — 28.

hiệu mục đích cao cả của mỗi hành động Cần Kiệm Liêm Chính của mình.

Lối sống mới Cần Kiệm Liêm Chính. Chỉ công vô tư có mối quan hệ hữu cơ với lối sống mới làm chủ tập thể. Cái nọ vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của cái kia. Hai cái hòa hợp vào nhau tạo nên một lối sống mới xã hội chủ nghĩa mang dấu ấn Việt-nam. Lối sống Cần Kiệm Liêm Chính, Chỉ công vô tư làm nền tảng cho lối sống làm chủ tập thể. Lối sống làm chủ tập thể là linh hồn của lối sống Cần Kiệm Liêm Chính. Trong một hợp tác xã nông nghiệp, mỗi xã viên chỉ có thể « làm việc bằng hai » khi mọi người hiểu rõ quyền làm chủ tập thể và được làm chủ tập thể thật sự. Ngược lại, chỉ khi nào xã viên phát huy quyền làm chủ tập thể của mình thì mới ra sức thực hiện Cần Kiệm Liêm Chính, mới không còn hiện tượng đi muộn về sớm, ăn cắp của tập thể, vun vén cho cá nhân mình, gia đình mình.

Loại trừ một số người còn bám vào lối sống cũ cá nhân, ích kỷ, lặt vặt, đại bộ phận nhân dân ta đã và đang thực hiện lối sống mới do Đảng ta và Hồ Chủ tịch kính yêu vạch ra. Lối sống ấy như ngọn lửa thiêng xưa đuổi bóng tối của những tư tưởng lỗi thời lặt vặt, phi vô sản, phi dân tộc. Nếu không thấy sức mạnh ghè gớm của lối sống mới nói trên, sẽ không thể giải thích nổi, không thể hiểu nổi tại sao dân tộc ta đã bền bỉ kháng chiến mấy chục năm ròng rã cho đến thắng lợi hoàn toàn; tại sao hàng chục vạn thanh niên xung phong trên đỉnh Trường-sơn, vững vàng trước bom đạn của giặc Mỹ ngày đêm làm đường cho xe vào tiền tuyến; tại sao hàng chục vạn bà mẹ ba đảm đang, đã vui vẻ tiễn con ra mặt trận; tại sao miền Nam thành đồng của Tổ quốc đã chịu đựng bao gian khổ « đi trước, về sau », và ngày nay tại sao nhân dân cả nước đang vượt muôn vàn khó

khăn, ra sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa?

Trong những năm tháng đã qua, cũng như trong những năm tháng sắp tới, đi đôi với việc quan tâm bằng mọi cách nâng cao dần mức sống của nhân dân, Đảng ta hết sức coi trọng việc xây dựng lối sống mới cho nhân dân. Lối sống là gì? Mác và Ăng-ghe-n cho biết phương thức mà thông qua đó con người sản xuất ra những tư liệu cần thiết cho sinh hoạt của họ không chỉ là sự tái sản xuất sự tồn tại vật chất của họ. « Ở một mức độ còn lớn hơn, đó là phương thức hoạt động nhất định của những con người đó, một hình thức hoạt động sinh sống nhất định của họ, một lối sống của họ. Con người ta hoạt động sinh sống như thế nào thì bản thân họ cũng như vậy » (10). Cho nên, lối sống mới xã hội chủ nghĩa là sự tổng hợp, những đặc điểm quan trọng nhất của sinh hoạt xã hội chủ nghĩa, những quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa sự tổng hợp những hình thức sinh hoạt vật chất và tinh thần của con người, của các nhóm xã hội, được quyết định bởi những đặc điểm của chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa.

Nâng cao mức sống và hoàn thiện lối sống xã hội chủ nghĩa là hai quá trình gắn bó với nhau, hỗ trợ cho nhau. Cách đây ba mươi năm, Hồ Chủ tịch đã nói: « Làm thế nào cho đời sống của dân ta, vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn. Đó là mục đích Đời sống mới » (11) Bác quan tâm đầy đủ đến cả hai mặt: xây dựng lối sống mới và nâng cao mức sống. Bác nhấn mạnh: « Tăng gia sản xuất tức là một bộ phận trong Đời sống mới. Có tinh thần Đời sống mới thì tăng gia sản xuất mới chóng thành công. Mà tăng gia sản xuất có thành

(10) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, (bản tiếng Nga), tập 3, trang 19.

(11) Tân-Sinh: *Sách đã dẫn*, trang 14.

công, thì Đời sống mới dễ thực hiện. Muốn tăng gia sản xuất, mọi người phải Cần, phải Kiệm. Không Cần, thì phí thời giờ nhiều mà sản xuất được ít. Không Kiệm thì làm được bao nhiêu, dùng hết bấy nhiêu, rút cuộc cũng như sản xuất ít. » (12). Và, Bác luôn luôn nhắc nhở mọi người : muốn nâng cao mức sống, không có con đường nào khác là phải sản xuất vì « mức sống với sản xuất là như thuyền với nước. Nước cao thì thuyền mới lên cao, sản xuất nhiều, nhanh, tốt, rẻ, thì đời sống mới được cải thiện... » (13).

Nâng cao mức sống chỉ có tác dụng hỗ trợ cho việc xây dựng lối sống mới. Người có mức sống cao chưa chắc đã có lối sống mới xã hội chủ nghĩa. Thậm chí, hai người sống dưới một chế độ chính trị như nhau, có một mức sống giống nhau, vẫn có thể có hai lối sống khác nhau. Cho nên, Hồ Chủ tịch luôn luôn căn dặn chúng ta, dù ở bất cứ cương vị nào, dù sống trong bất cứ hoàn cảnh nào, phải giữ vững lối sống Cần Kiệm Liêm Chính, Chí công vô tư... Của cải là để phục vụ con người. Nhưng con người ham muốn của cải, làm những điều bất liêm, bất chính, đi ngược lại lợi ích của nhân dân, làm hại cho cách mạng thì con người ấy có tội lớn đối với những người đang sống và nhất là đối với những người đã chết vì sự nghiệp cách mạng. Nếu vì chạy theo mức sống cao mà xa rời lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, thì cuộc sống còn có ý nghĩa gì nữa ?

KIẾN TRÌ THỰC HIỆN LỐI SỐNG MỚI

Quá trình hình thành và hoàn thiện lối sống mới xã hội chủ nghĩa là quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ vừa khắc phục, cải tạo lối sống cũ lạc hậu, lối thời vừa xây dựng, định hình lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo lối sống cũ, là phải thanh toán cả một đồng tiền kho những tư tưởng cũ kỹ, những thói hư tật xấu, những tập quán lạc hậu, từ các xã hội cũ còn rơi rớt lại. Hiện còn không ít người có những nếp nghĩ, nếp sinh hoạt mang nặng dấu vết của lễ giáo phong kiến chà đạp lên nhân phẩm của con người, hay nong nạc mùi vị thực dân mới hoài nghi chân lý, hoài nghi sự tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, ham muốn lối sống tiêu thụ của một xã hội phồn vinh giả tạo, một lối sống ích kỷ, « chụp giật », sa đọa... Đã thành nếp, thành thói quen, những thứ đó đòi hỏi phải có thời gian mới xóa bỏ hết được. Hồ Chủ tịch nói « Thói quen rất khó đổi. Cải tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen, người ta cho là thường. Một vài ví dụ : Chồng đánh chửi vợ, cha mẹ đánh chửi con, là điều rất dễ man. Nhưng vì ta quen thấy, nên ta cho việc thường. » (14)

Xây dựng lối sống mới cho con người, cho tập thể, cho cả một xã hội theo những chuẩn mực đúng đắn, hợp với thể giới quan Mác - Lê-nin, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, hợp với truyền thống tốt đẹp của dân tộc thật là điều mới mẻ. Trong từng môi trường như trong gia đình, trường học, trong cơ quan, doanh trại, trong xí nghiệp, hợp tác xã, trong các công trường, nông trường, lâm trường, ở các nơi công cộng cần có một hệ thống những quy tắc, nội quy... thành văn và không thành văn (chỉ quy ước với nhau) và đem áp dụng đến mức thành thói quen, thành nếp sống của tất cả mọi người. Rõ ràng đây là một việc làm rất lâu dài. Cho nên, phải kiên trì.

(12) Tân-Sinh : Sách đã dẫn, trang 20, 21.

(13) Hồ Chủ tịch nói về dân chủ, kỷ luật và đạo đức cách mạng, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1967, trang 66.

(14) Tân-Sinh : Sách đã dẫn, trang 42.

Quan điểm kiên trì trong việc xây dựng lối sống mới của Hồ Chủ tịch trước hết thể hiện rõ ở *phương châm xây và chống* cái gì : “Đời sống mới không phải cái gì cũ cũng bỏ hết. Không phải cái gì cũng làm mới.

Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ. Thí dụ : ta phải bỏ hết tính lười biếng, tham lam.

Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý. Thí dụ : đơm cúng, cưới hỏi quá xa xỉ, ta phải giảm bớt đi.

Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm. Thí dụ : ta phải tương thân, tương ái, vận trung với nước, tận hiếu với dân hơn khi trước.

Cái gì mới mà hay, thì phải làm. Thí dụ : ăn ở cho hợp vệ sinh, làm việc cho có ngăn nắp. » (15)

Cho nên, cần đề phòng mấy khuynh hướng :

— Cho cái gì của xã hội cũ cũng là lạc hậu hết, và muốn xóa sạch.

— Bảo thủ, không chịu cải tạo cái cũ lạc hậu, lại còn che đậy cho chúng bằng lớp sơn “đặc điểm dân tộc”.

— Lại cũng, thấy cái gì mới lạ của nước ngoài cũng bắt chước, bẻ nguyên xi, bắt chập đặc điểm dân tộc, bắt chập hay dở.

Quan điểm kiên trì trong việc xây dựng lối sống mới của Hồ Chủ tịch còn thể hiện ở *phương pháp vận động*. “Trước hết, phải tuyên truyền, giải thích và làm gương.

Phải chịu khó nói rõ cho mọi người hiểu Đời sống mới có ích thế nào. Cách thi hành Đời sống mới thế nào. Nói một lần, họ chưa hiểu thì nói nhiều lần. Nói đi, nói lại, bao giờ người ta hiểu, người ta làm mới thôi.

Nói thì phải nói một cách giản đơn, thiết thực với hoàn cảnh mỗi

người, nói làm sao cho người ta nghe rồi làm được ngay. Việc dễ, việc nhỏ làm được rồi, sẽ nói đến việc to, việc khó...

Tốt nhất là miệng nói, tay làm, làm gương cho người khác bắt chước...

Đời sống mới cũng cần có những người làm gương, những nhà làm gương, những làng làm gương. Khi trông thấy hiệu quả tốt tươi, thì chắc những nơi khác sẽ hăng hái làm theo. Nếu miệng thì tuyên truyền bảo người ta siêng làm, mà tự mình thì ăn trúa, ngủ trễ ; bảo người ta tiết kiệm, mà tự mình thì xa xỉ, lung tung thì tuyên truyền một trăm năm cũng vô ích » (16).

Những quan điểm lớn về lối sống mới của Hồ Chủ tịch thể hiện một cách cụ thể tư tưởng và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch. Nó giúp chúng ta phương hướng khẳng định nội dung, biện pháp xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Lý tưởng cao đẹp của Đảng ta là xây dựng Tổ quốc ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, xây dựng cho nhân dân ta một cuộc sống tươi đẹp, văn minh và hạnh phúc. Đó không những là một cuộc sống đầy đủ về vật chất mà còn là một cuộc sống thanh cao về tinh thần. Cho nên, “Đảng ta phải có phương hướng và kế hoạch xây dựng trong nhân dân ta một lối sống mới xã hội chủ nghĩa, thích hợp với đặc điểm và truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, một lối sống dựa trên tinh thần làm chủ tập thể, thấm nhuần tinh thần cách mạng và khoa học, dựa trên tinh đoàn kết, thương yêu giữa những người lao động, một lối sống siêng năng và trung thực, trật tự và kỷ luật, giản

(Xem tiếp trang 88)

(15) Tân-Sinh : Sách đã dẫn, trang 13, 14, 42.

(16) Tân-Sinh : Sách đã dẫn, trang 43, 47,

PHÁT TRIỂN NHANH CHÓNG LỰC LƯỢNG THƯƠNG NGHIỆP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CẢI TẠO THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ MIỀN NAM

VŨ-LỘ

I

NỀN kinh tế ở miền Nam, nhất là ở các tỉnh, thành phố thuộc Nam-bộ cũ, từ lâu đã mang tính chất của một nền kinh tế hàng hóa. Khi đế quốc Mỹ tiến hành xâm lược miền Nam nước ta, thực hiện chính sách thực dân mới và thương mại hóa viện trợ, các quan hệ hàng hóa — tiền tệ và các hoạt động thương mại, dịch vụ đã phát triển rất nhanh, thị trường miền Nam mang bộ mặt phồn vinh giả tạo.

Thêm vào đó, trong những năm chiến tranh, đế quốc Mỹ và bọn tay sai lại thi hành chính sách dồn dân, làm cho một số đông người phải bỏ quê hương, đồng ruộng chạy ra thành thị. Những nhu cầu phục vụ cho chiến tranh, phục vụ cho đội quân xâm lược và bộ máy nguy quân, nguy quyền ngày càng phát triển.

Tình hình trên đã tạo ra ở miền Nam một đội ngũ những người buôn bán quá đông, trong đó giai cấp tư sản kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ phát triển nhanh chóng. Theo tài liệu

của nguy quyền, trước ngày được giải phóng, toàn miền Nam đã có trên một triệu người làm các nghề buôn bán và dịch vụ. Từ sau ngày giải phóng đến nay, do tình hình kinh tế và đời sống còn khó khăn, thêm vào đó, sự quản lý của Nhà nước ta có phần còn lỏng lẻo, cho nên số người buôn bán lại phát triển thêm.

Hoạt động trong một nền kinh tế mang tính chất thực dân mới và trong điều kiện chủ nghĩa tư bản bước đầu phát triển, thương nghiệp nói chung, đội ngũ những người kinh doanh thương nghiệp nói riêng ở miền Nam hết sức phức tạp.

Dựa vào chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới, *giai cấp tư sản kinh doanh thương nghiệp* đã lớn lên nhanh chóng. Cầm đầu là bọn tư sản mại bản, bọn này đã tổ chức ra các tập đoàn kinh doanh có tính chất độc quyền tương đối lớn. Dưới sự bảo trợ của Mỹ và câu kết với bọn cầm đầu trong nguy quân, nguy quyền,

bọn tư sản mại bản kinh doanh thương nghiệp đã nắm nguồn hàng viện trợ, nắm cả sản xuất, tài chính và ngân hàng, thâu tóm gần như toàn bộ các mối liên hệ về kinh tế giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, giữa trong nước và ngoài nước. Chúng độc quyền kinh doanh và chi phối hầu như toàn bộ việc lưu thông phân phối hàng hóa trên thị trường, khống chế bán buôn và bán lẻ từng ngành hàng, trở thành những công cụ đặc lực phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược và chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta.

Bên cạnh bọn tư sản mại bản, số tư sản thương nghiệp khác cũng phát triển nhanh chóng và làm giàu trong chiến tranh. Trong hoạt động kinh doanh, một mặt họ bị bọn tư sản mại bản chèn ép, nhưng mặt khác họ cũng dựa vào bọn tư sản mại bản để làm giàu. Song và buôn bán trong một xã hội bất bình, lại muốn hốt được nhiều tiền lời, nhiều nhà tư sản thương nghiệp đã đầu tư vốn vào nhiều ngành kinh doanh, kể cả kinh doanh sản xuất.

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, chúng ta đã xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, làm suy yếu một phần quan trọng lực lượng thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở thị trường miền Nam. Nhà nước ta đã nhiều lần công bố chính sách của mình đối với các nhà tư sản kinh doanh công thương nghiệp. Tuy vậy, phần lớn các nhà tư sản thương nghiệp không chịu đem vốn và sức lực của mình ra làm ăn chính đáng, mà đã ra sức lợi dụng những khó khăn về kinh tế của đất nước sau chiến tranh và những nhược điểm về quản lý của Nhà nước ta để làm giàu một cách phi pháp. Họ tích trữ, đầu cơ, tranh mua hàng với Nhà nước, moi rút hàng trong các cơ sở kinh tế quốc doanh. Họ tiếp tục dựa vào mối liên hệ kinh tế với những người sản xuất nhỏ và buôn bán nhỏ

để chống lại sự quản lý của Nhà nước, vơ vét nguồn hàng, đẩy giá cả thị trường lên cao. Họ còn câu kết với những phần tử xấu tiến hành các hoạt động tâm lý để thu lợi nhuận cao. Họ ra sức mua chuộc, hủ hóa một số cán bộ, nhân viên Nhà nước hoặc lợi dụng những quan hệ thân thuộc, tình cảm trước đây với một số cán bộ, đảng viên để moi tin tức về kinh tế và dùng những người đó làm bình phong che giấu hoạt động kinh doanh phi pháp của họ. Thực tế ở thị trường miền Nam là, sau khi giai cấp tư sản mại bản đã bị xóa bỏ, một bộ phận tiêu cực nhất trong giới tư sản thương nghiệp tức *bọn tư sản gian thương lớn* đã trở thành lực lượng phá hoại kinh tế hiện hành. Chúng là lực lượng đã và đang quấy rối thị trường, lôi kéo một bộ phận người sản xuất và kinh doanh thương nghiệp vượt ra ngoài sự quản lý của chính quyền cách mạng, gây ra những khó khăn không nhỏ cho sản xuất và đời sống của nhân dân ta.

Trong hệ thống thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở miền Nam còn có một bộ phận khá đông *những người buôn bán loại vừa và loại nhỏ*.

Số người buôn bán loại vừa cũng có những cơ sở và phương tiện kinh doanh đáng kể. Dưới chế độ cũ, họ là tầng lớp tương đối có thể lực sau giai cấp tư sản, thường dựa vào người thân thuộc trong bộ máy ngục quản, ngục quyền, tranh giành được những vị trí kinh doanh thuận lợi và những nguồn lợi cao hơn so với những người buôn bán nhỏ. Từ sau ngày miền Nam được giải phóng đến nay, nhất là từ sau khi chúng ta xóa bỏ bọn tư sản mại bản và quản lý một bước đối với giai cấp tư sản, thì những người này đã nắm giữ một bộ phận tương đối khá hàng hóa và tiền, và cũng tiến hành những thủ đoạn đầu cơ tích trữ.

Những người buôn bán nhỏ nói chung là những người có nguồn vốn nhỏ bé, thu nhập và đời sống tuy có

khá hơn một số tầng lớp lao động khác, nhưng họ vẫn thuộc về nhân dân lao động. Dưới chế độ cũ, họ thường bị chèn ép trong buôn bán và sống rất bấp bênh. Trong các cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh và dân chủ, dòng đảo những người buôn bán nhỏ đã từng xuống đường tham gia đấu tranh chống Mỹ - ngụy.

Tuy vậy, kinh doanh của những người buôn bán nhỏ ở miền Nam thường lệ thuộc và bị chi phối bởi giai cấp tư sản về các mặt nguồn vốn, hàng hóa, giá cả mua bán và phương thức kinh doanh, cho nên thủ đoạn và lệ thói kinh doanh của họ đều bị ảnh hưởng sâu sắc của lệ thói kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Từ sau ngày giải phóng đến nay, ở một số nơi thương nghiệp quốc doanh đã sử dụng một số người buôn bán nhỏ làm đại lý mua bán hàng cho Nhà nước. Một số người đã tỏ ra thích ứng với phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nhưng còn một số người, tuy đã hoạt động trong guồng máy của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, song vẫn giữ những thủ đoạn và lệ thói kinh doanh cũ, như nhập nhằng về giá cả, mua bán sai chính sách và phương thức của Nhà nước, v.v...

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng đến nay, nền thương nghiệp tư bản chủ nghĩa vẫn tồn tại và tiếp tục hoạt động với tất cả phương thức vốn có của nó. Nền thương nghiệp ấy đã và đang là trở lực rất lớn cho sự phát triển về mọi mặt của xã hội ta.

Xóa bỏ thương nghiệp cũ, thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, và thiết lập thương nghiệp mới, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, là một đòi hỏi cấp

bách, một vấn đề nóng bỏng trước mắt của các tỉnh, thành miền Nam.

Chúng ta đang ra sức xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa. Ta không thể sử dụng thương nghiệp tư bản chủ nghĩa để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ không có người bóc lột người. Ba năm qua, trên thị trường miền Nam, thực tiễn đã chỉ cho chúng ta thấy rằng, chừng nào ta chưa cải tạo thị trường, chưa xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa thì ta không thể nắm được khâu lưu thông phân phối để thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Luyên tiển một thị trường mà sự phồn vinh là bộ mặt giả tạo bên ngoài, để rồi chần chừ, do dự, đi đến thiếu quyết tâm, thiếu khẩn trương trong việc xóa bỏ nền thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, thì chỉ dẫn đến hậu quả là kìm hãm sản xuất, kéo dài đời sống khó khăn và đau khổ của nhân dân lao động. Thực tế là ba năm qua, trên thị trường miền Nam, do chúng ta chậm xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, chậm thiết lập thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, cho nên giai cấp tư sản vẫn còn nắm và chi phối được phần lớn thành quả lao động của nhân dân ta. Biến những thứ quý giá đó thành phương tiện bóc lột nhân dân lao động để làm giàu thêm cho chúng.

Rõ ràng công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa là một bộ phận của cuộc đấu tranh gay go và gian khổ để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong phạm vi toàn xã hội.

II

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam là một bộ phận quan trọng của

cách mạng xã hội chủ nghĩa, là một cuộc vận động cách mạng sâu rộng và toàn diện. Nó bao gồm ba mặt chủ yếu có quan hệ mật thiết với nhau.

Ba mặt đó là: *xóa bỏ* thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; *xây dựng và phát triển* thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; *chuyển* người tư sản kinh doanh thương nghiệp và phần lớn người buôn bán nhỏ sang sản xuất.

Xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa là đề xóa bỏ bóc lột, loại trừ nạn đầu cơ tích trữ, là đề thực hiện yêu cầu xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trong lĩnh vực lưu thông phân phối. Xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa còn đề thực hiện yêu cầu quan trọng là Nhà nước làm chủ thị trường, nhân dân làm chủ thị trường. Ngày nay, chúng ta có sức mạnh tổng hợp của chuyên chính vô sản cho nên việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa hoàn toàn không phải là việc khó.

Vấn đề quan trọng là phải nắm vững chủ trương và vận dụng đúng đắn sách lược đấu tranh trong khi tiến hành xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đảng ta chủ trương: trong khi xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, phải xóa ngay, xóa trước nhất việc kinh doanh buôn bán của các nhà tư sản thương nghiệp bằng cách ra lệnh đình chỉ ngay hoạt động kinh doanh thương nghiệp của họ. Toàn bộ vật tư, hàng hóa tồn kho cũng như các cơ sở và phương tiện kinh doanh khác của các nhà tư sản thương nghiệp đều phải được kiểm kê và Nhà nước mua lại hoặc trưng mua những cái đó để giao cho thương nghiệp quốc doanh quản lý và sử dụng. Đi đôi với việc đình chỉ kinh doanh thương nghiệp của các nhà tư sản, Nhà nước ta vận động và tổ chức họ chuyển sang sản xuất nhằm vừa huy động khả năng vốn và những hiểu biết về quản lý kinh doanh, về nghiệp vụ kỹ thuật của họ vào việc sản xuất thêm của cải vật chất cho xã hội, vừa giúp họ tiếp tục cải tạo để tiêu từ kẻ bóc lột thành người lao động, làm cho họ trở về với nhân dân và cũng giúp họ xây dựng cuộc sống

mới, hạnh phúc mới cho gia đình và bản thân họ.

Còn đối với đông đảo những người buôn bán nhỏ thì thông qua các bước cải tạo và sắp xếp mà sử dụng một bộ phận có thái độ tốt vào làm việc trong hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tổ chức và quản lý bộ phận còn được tiếp tục kinh doanh những loại hàng Nhà nước chưa kinh doanh, đồng thời tận tình giúp đỡ bộ phận dôi thừa chuyển sang sản xuất. Thái độ của chúng ta trong việc cải tạo và sắp xếp những người buôn bán nhỏ là thể hiện sự chăm lo săn sóc đời sống, công việc làm ăn của họ, giúp đỡ những người còn làm việc lưu thông có được thái độ kinh doanh mới, từ bỏ được những ảnh hưởng của phương thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa, giúp đỡ chu đáo cho những người được chuyển sang sản xuất, tạo cho họ có được cuộc sống ổn định. Chúng ta nhất thiết không được lẫn lộn những người buôn bán nhỏ với những nhà tư sản thương nghiệp; chúng ta cố gắng không để xảy ra những hành động sai trái đối với tiêu thương, và nếu trong thực tiễn có xảy ra những hành động sai trái đối với tiêu thương thì chúng ta kiên quyết sửa chữa. Có như vậy những chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta mới được nêu cao trước đông đảo nhân dân lao động.

Nhưng nếu chỉ đơn thuần xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa mà không khẩn trương xây dựng và phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thì lập tức việc lưu thông hàng hóa sẽ bế tắc, sản xuất sẽ đình đốn và đời sống của nhân dân sẽ gặp khó khăn. Cho nên chỉ chú trọng đến việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa mà không xây dựng và phát triển mạnh mẽ thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để đảm nhiệm việc lưu thông phân phối hàng hóa là chưa nắm vững quan điểm và chủ trương của Đảng về cải tạo xã hội chủ nghĩa. Phải bảo đảm

cho lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa có đủ sức mạnh để thay thế hẳn, thay thế ngay lập tức hệ thống thương nghiệp tư bản tư doanh có tính chất hỗn loạn. Muốn vậy, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần tập trung tuyệt đại bộ phận nguồn hàng nông sản, thực phẩm và công nghệ phẩm vào trong tay mình để có lực lượng hàng hóa ngày càng nhiều, phải có một đội ngũ cán bộ và nhân viên thương nghiệp vừa nắm vững đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng, có tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ cao, có đạo đức cách mạng tốt, vừa tinh thông nghiệp vụ; đồng thời phải có một mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức thích hợp và có đủ cơ sở và phương tiện kinh doanh.

Song lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam hiện nay còn quá yếu. Cho đến nay, thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mới nắm được khoảng gần 40% bán buôn và gần 30% bán lẻ so với tổng mức hàng hóa lưu thông trên toàn bộ thị trường xã hội; đội ngũ cán bộ, nhân viên còn non yếu; mạng lưới kinh doanh còn quá hẹp và cơ sở, phương tiện kinh doanh còn quá thiếu. Trong hai năm qua, chúng ta chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng và phát triển lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa đủ sức nắm thị trường, làm chủ thị trường; chưa đủ sức đấu tranh nhằm đẩy lùi từng bước và tiến tới xóa bỏ được thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Xây dựng và phát triển lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chính là một bộ phận của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời cũng là một điều kiện hết sức quan trọng để hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân, xây dựng và phát triển lực lượng thương

ngiệp xã hội chủ nghĩa phải là sự nghiệp của toàn dân dưới sự quản lý của chính quyền và sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng.

Mặt khác, nếu chỉ thực hiện việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa bằng cách đình chỉ kinh doanh buôn bán của thương nghiệp tư bản tư nhân và xây dựng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để thay thế, mà không chuyển được tư sản thương nghiệp và phần lớn người buôn bán nhỏ sang sản xuất, thì rõ ràng là chưa hoàn thành được công việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân. Nghị quyết 254/NQ-TƯ ngày 15 tháng 7 năm 1976 của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nói: « Phương hướng, chính sách chung để cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh là sử dụng có lợi cho quốc kế dân sinh, hạn chế bóc lột, từng bước đẩy lùi và xóa bỏ giai cấp tư sản, trước hết là tư sản thương nghiệp. Cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh phải nhằm yêu cầu mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, xây dựng quan hệ sản xuất mới, mở đường cho sức sản xuất phát triển ». Chuyển họ sang sản xuất thì tiền của, sức lao động, kiến thức của họ được dùng vào việc sản xuất ra của cải vật chất vì lợi ích của họ và của toàn xã hội. Chuyển những người tư sản kinh doanh thương nghiệp và phần lớn người buôn bán nhỏ sang sản xuất, ngoài mục đích kinh tế còn có mục đích xây dựng xã hội mới của những người lao động sáng tạo, có nhân phẩm, xóa bỏ tận gốc những quan niệm lạc hậu xấu xa, do « phẩm giá » con người bằng thước đo duy nhất là đồng tiền chứ không phải bằng lao động!

Ba nội dung chủ yếu trên đây của công cuộc cải tạo và xây dựng trong lĩnh vực thương nghiệp nói lên sự gắn bó giữa cải tạo và xây dựng, giữa xóa bỏ kinh doanh buôn bán của các nhà

tư sản thương nghiệp với việc sử dụng mọi khả năng, vốn liếng và lao động của họ vào sản xuất, thể hiện sự gắn bó giữa cải tạo quan hệ sản xuất với phát triển sức sản xuất, giữa cải tạo thị trường, xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa với việc phân bố lại lao động xã hội nhằm phát triển sản xuất và xây dựng theo quy hoạch và kế hoạch chung, giữa cải tạo kinh tế với cải tạo con người.

Nếu như trong nhận thức cũng như trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện, mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên đều quán triệt và làm đúng, làm đồng thời ba nội dung nói trên thì nhất định chúng ta sẽ đạt được những yêu cầu cụ thể về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư doanh đã đề ra. Những yêu cầu đó là:

Thứ nhất, khẩn trương xây dựng và phát triển thương nghiệp quốc doanh, thương nghiệp hợp tác xã, tăng cường việc nắm nguồn hàng, bảo đảm cho thương nghiệp quốc doanh nắm chắc khâu bán buôn và chiếm lĩnh phần lớn thị trường bán lẻ, xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, tích cực chuyển tư sản thương nghiệp và phần lớn người buôn bán nhỏ sang sản xuất. Tăng cường quản lý thị trường, nhanh chóng xây dựng

và mở rộng thị trường xã hội chủ nghĩa, thu hẹp thị trường không có tổ chức, kiên quyết bài trừ nạn đầu cơ tích trữ, phấn đấu ổn định thị trường, giá cả, tài chính, tiền tệ, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng lưu thông phân phối có tổ chức, bảo đảm đời sống của nhân dân.

Hai là, thiết lập và mở rộng mối quan hệ trao đổi hàng hóa trực tiếp giữa Nhà nước và nông dân, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa thành thị và nông thôn, tập trung trước hết vào những mặt hàng quan trọng, thực hiện quyền làm chủ tập thể của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên mặt trận lưu thông phân phối, loại trừ tư thương ra khỏi thị trường nông thôn, góp phần đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp.

Ba là: góp phần tăng cường an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố và phát triển các tổ chức Đảng, các đoàn thể quần chúng, củng cố chính quyền chuyên chính vô sản, gây niềm tin và phấn khởi trong quần chúng nhân dân, phát động phong trào thi đua thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước hàng năm và kế hoạch 5 năm 1976 — 1980.

III

Từ giữa tháng 3 năm 1978 đến nay, trên toàn miền Nam nước ta đã và đang diễn ra một cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng nhằm xóa bỏ kinh doanh thương nghiệp của giai cấp tư sản.

Trong những ngày qua, chúng ta đã tiến hành đấu tranh một cách kiên quyết.

Theo đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước, các địa phương đã mở một đợt tuyên truyền cho cán

bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, đồng thời cũng tiến hành việc giáo dục các đối tượng thuộc diện cải tạo. Chúng ta đã vạch trần mặt tiêu cực của thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, nhất là của tư sản thương nghiệp, nêu rõ tính hơn hãn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, có chủ ý phân biệt tư sản thương nghiệp với tiểu thương, phân biệt tư sản kinh doanh công nghiệp với tư sản thương nghiệp và có chính sách đúng

đảo đối với tư sản thương nghiệp; nêu rõ chủ trương đúng đắn và nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta trong việc chuyển tư sản thương nghiệp sang sản xuất; đồng thời cũng đã kịp thời đập tan luận điệu xằng bậy của bọn xấu xuyên tạc chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Chúng ta cũng đã sử dụng quyền lực của Nhà nước cách mạng để đình chỉ kinh doanh thương nghiệp của hàng vạn hộ kinh doanh lớn, đã tiến hành việc kiểm kê và đang xử lý vật tư hàng hóa và những cơ sở, phương tiện kinh doanh khác của tư sản thương nghiệp.

Gần chục vạn cán bộ, đảng viên, đoàn viên và quần chúng cách mạng đã được huy động tham gia công tác tuyên truyền và kiểm kê, kiểm soát các hộ tư sản kinh doanh thương nghiệp.

Các tổ công tác cải tạo đã được quần chúng lao động hết sức giúp đỡ, đấu tranh có kết quả trong việc kiểm kê hàng hóa, chống phân tán, cất giấu tài sản, cũng như trong việc quản lý vật tư, hàng hóa tồn kho.

Công tác phát động công nhân, lao động đang làm thuê cho các chủ hộ thuộc diện cải tạo đã được coi trọng.

Các lực lượng phụ trách an ninh và đông đảo thanh niên đã làm tốt công tác bảo vệ cho cuộc đấu tranh, trấn áp kịp thời bọn phản động, bọn xấu, bọn lưu manh phân tán hàng hóa cho tư sản. Chúng ta cũng đã chặn được một số vụ mua chuộc, hăm dọa cán bộ.

Trong quá trình tiến hành cuộc đấu tranh này, nhiều địa phương đã sử dụng kịp thời biện pháp quản lý thị trường, ngăn chặn không cho giá cả đột biến, nhất là giá thực phẩm, kịp thời phát động quần chúng làm chỗ dựa để trấn áp bọn đầu cơ nâng giá kiếm lời. Việc phát triển mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, việc chuẩn bị lực lượng hàng hóa

được chú ý cho nên đã bảo đảm cho đời sống nhân dân không bị đảo lộn so với trước khi tiến hành cuộc vận động.

Có thể khẳng định rằng, trong cuộc đấu tranh hiện nay, chúng ta đã thu được thắng lợi bước đầu cả về kinh tế và về chính trị. Đại đa số nhân dân đồng tình và hưởng ứng cuộc đấu tranh cách mạng này. Vai trò làm chủ tập thể của nhân dân lao động đang được phát huy, an ninh chính trị, trật tự xã hội được bảo đảm.

Trước tình chất đúng đắn, hợp tình hợp lý của chính sách và trước sức đấu tranh của quần chúng, đại đa số các nhà tư sản thương nghiệp đã tiếp thu chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước. Song, do bản chất giai cấp và quyền lợi ích kỷ của họ, nhiều nhà tư sản thương nghiệp tiếp tục phân tán, cất giấu vật tư, hàng hóa, tiền, vàng bạc và đá quý, một số nhà tư sản từ chối không chịu kê khai hàng tồn kho, một số thì kê khai gian dối, một số dùng thủ đoạn mua chuộc cán bộ, cũng có trường hợp hăm dọa cán bộ, thậm chí đã gây thương tích đối với cán bộ tổ công tác. Bọn xấu ra sức tung tin đồn nhảm, xuyên tạc chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, hòng gây hoang mang trong quần chúng.

Bài học kinh nghiệm mà chúng ta rút ra từ đợt đấu tranh này là: ngoài sự đúng đắn về chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, và sự đồng tình, hưởng ứng của quần chúng, thì sự tập trung lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành, các cấp là một yếu tố rất quan trọng đối với thắng lợi của cuộc cải tạo.

Phải có sự lãnh đạo và chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương Đảng và Chính phủ mới bảo đảm giành được thắng lợi, bởi vì đây là một bộ phận trong cuộc đấu tranh cách mạng chung của cả nước để giải

quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa trên mặt trận lưu thông phân phối. Đây là một cuộc vận động cách mạng rộng lớn nhằm phân bố lại lao động xã hội cho hợp lý, bố trí và sắp xếp lại việc làm cho mọi người trong xã hội, trên lĩnh vực sản xuất cũng như trên mặt trận lưu thông phân phối theo hướng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Rõ ràng trong những năm qua, mỗi khi đặt vấn đề cải tạo thị trường, cải tạo thương nghiệp mà không đặt nó trong mối liên hệ giữa địa phương này với địa phương khác, giữa các khâu trong quá trình từ sản xuất, lưu thông và phân phối thì không thể nào đạt kết quả được.

Công cuộc cải tạo thị trường, cải tạo thương nghiệp đòi hỏi sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng phải toàn diện nhằm thực hiện tốt ba nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh: vừa xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, vừa xây dựng và phát triển thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, vừa chuyển các nhà tư sản kinh doanh thương nghiệp và phần lớn người buôn bán nhỏ sang sản xuất. Đến nay, chúng ta đã có những cố gắng nhất định trong việc xóa bỏ kinh doanh thương nghiệp của giai cấp tư sản. Song điều cần phải quan tâm hơn nữa là tích cực xây dựng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tăng cường chỉ đạo và tổ chức chu đáo việc chuyển các nhà tư sản thương nghiệp và phần lớn tiểu thương sang sản xuất.

Sự lãnh đạo toàn diện công cuộc cải tạo này còn phải thể hiện một cách bao quát trên các mặt: giáo dục chính trị và tuyên truyền phổ biến chủ trương; chính sách cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; đấu tranh cải tạo những đối tượng thuộc diện cải tạo; chăm lo chu đáo đến sản xuất và đời sống của quần chúng;

kết hợp với công tác cải tạo đề củng cố và xây dựng các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể cách mạng; giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; bảo vệ tốt các lực lượng tham gia cuộc đấu tranh cách mạng của quần chúng...

Mặc dù cuộc đấu tranh cách mạng này còn diễn ra phức tạp và gian khổ, nhưng có đường lối đúng đắn của Đảng, có sức mạnh của Nhà nước chuyên chính vô sản và sức mạnh của tinh thần "làm chủ tập thể" của quần chúng, nhất định chúng ta hoàn thành tốt được nhiệm vụ trọng đại là: xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, xây dựng và phát triển nhanh chóng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở tất cả các tỉnh và thành phố miền Nam. Chuyển các nhà tư sản và phần lớn tiểu thương sang sản xuất, góp phần đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU...

(Tiếp theo trang 80)

dị và lành mạnh, khẩn trương và hoạt bát, tin tưởng và lạc quan, từ gia đình đến làng xóm, phố phường, trong mỗi địa phương và trong cả nước. » (17).

Ilanh phúc biết bao được sống một cuộc sống đầy trí tuệ và tình thương như thế! Muốn vậy, chúng ta hãy bắt đầu từ mình, xây dựng cho mình và cho đơn vị mình một lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

(17) Tố-Hữu: Cách mạng tư tưởng và văn hóa với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. *Tạp chí Cộng sản*, số 1-1977, trang 44.

CÁI SẼY NÀY CÁI UNG

Nói đến vấn đề sinh hoạt của cán bộ, đảng viên, thường có ý kiến khác nhau: có đồng chí cho đó là chuyện vặt vãnh không đáng quan tâm; ngược lại, có đồng chí cho đó là việc « đại sự », việc trước tiên phải coi trọng. Thật ra, coi nhẹ hay quá cường điệu những vấn đề thuộc về phạm vi sinh hoạt đều là không thỏa đáng. Vấn đề là phải phân tích cụ thể hiện tượng cụ thể, chứ không thể đơn giản, chung chung. Song, nói một cách nghiêm túc thì ngay trong những vấn đề thuộc về sinh hoạt thông thường, người cán bộ, đảng viên cũng cần có thái độ đúng đắn, thận trọng.

Ăn uống chẳng hạn, là chuyện riêng tư của mỗi chúng ta. Nhưng ăn uống như thế nào cho « phải đạo » lại là một việc không đơn giản. Vấn đề là ăn uống với ai, ăn uống như thế nào? Ví dụ: có cán bộ, đảng viên thường hay chè chén bê tha với những phần tử lý lịch bất minh hoặc chuyên nghề phe phẩy, làm ăn phi pháp thì đó là việc không bình thường. Hành động như vậy không những là nêu gương xấu trước quần chúng mà còn là một biểu hiện mất cảnh giác, vì chúng ta còn lạ gì những chuyện « gần mực thì đen, gần đèn thì sáng »; hơn nữa ăn uống như vậy liệu có tránh được tình trạng bị lợi dụng, mua chuộc hay không? Hoặc có cán bộ, đảng viên bất kỳ làm việc gì cũng bày ra chuyện liên hoan chè

chè, thậm chí họp bàn về tiết kiệm cũng mở tiệc mấy con lợn! Mà liên hoan thì thường chỉ có một số cán bộ đánh chén, còn những cái chi dùng vào liên hoan là do quỹ Nhà nước hoặc xã viên phải trả, như thế thì đâu còn là chuyện riêng tư. Ở đây, ăn uống, chè chén đã trở thành vấn đề vi phạm chính sách.

Trong thực tế, nhiều trường hợp ăn uống chè chén bê tha đã làm cho cán bộ, đảng viên dần dần trở thành hư hỏng. Không ít trường hợp lúc đầu chỉ là « chén chú chén anh », « chén tạc chén thù » nhưng sau đó trở thành những hành động thông đồng, móc ngoặc, tiếp tay nhau làm những điều vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước. Một số cán bộ, đảng viên từ chỗ quan hệ chè chén, nhậu nhẹt đi đến những quan hệ phức tạp khác như nhận quà cáp biếu xén, quan hệ nam nữ, yêu đương bất chính, dần dần đi tới chỗ mất cảnh giác, bị những phần tử xấu, thậm chí cả kẻ thù lôi kéo, mua chuộc. Có cán bộ đã bao phen vào sông ra chết, giữ vững khí tiết trước mọi thủ đoạn tra tấn dã man của kẻ thù hoặc bất chấp mưa bom bão đạn, chiến đấu rất dũng cảm ở những nơi đầu sóng ngọn gió, thế mà khi vào tiếp quần thành phố chỉ vì những vấn đề « sinh hoạt » như vậy mà sinh mệnh chính trị bị tiêu ma! Càng đáng chê trách hơn nữa là có một số cán bộ, đảng viên phạm sai

lầm trong vấn đề sinh hoạt, tổ chức Đảng đã có ý kiến khuyên răn, giúp đỡ nhưng vẫn khăng khăng cho đó là chuyện riêng tư, phớt lờ sự giúp đỡ của tập thể, và cuối cùng đi tới chỗ thoái hóa biến chất không thể nào cứu vớt nổi. Thực tế chứng minh rằng, từ những sai phạm về sinh hoạt đến thoái hóa, hư hỏng không có bức tường nào ngăn cách.

Chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng, ngày nay Đảng ta là đảng lãnh đạo chính quyền, được nhân dân rất tin yêu, đảng viên thường được giao những trách nhiệm trọng yếu trong các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Trong điều kiện ấy, nếu người cán bộ, đảng viên không có thái độ thận trọng, đúng mực trong những vấn đề sinh hoạt của mình, không có bản lĩnh vững vàng, không có tinh tổ chức, kỷ luật nghiêm túc sẽ dễ bị sa ngã trước nhiều thử thách. Những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên trong những vấn đề về sinh hoạt đều ảnh hưởng trực tiếp đến danh dự và uy tín của Đảng, đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, cần có nhận thức đầy đủ rằng, mặc dù sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã giành được những thắng lợi hết sức to lớn, trước mắt chúng ta, kẻ thù dân tộc, kẻ thù giai cấp vẫn đang dờ dẫm phụng phịu nghìn kẻ thù mưu toan phá hoại sự nghiệp cách mạng của chúng ta. Một trong những âm mưu thâm độc của chúng là phá ta từ trong nội bộ phá ra, kẻ cả bằng thủ đoạn hủ hóa cán bộ, đảng viên, tìm mọi cách lôi kéo, mua chuộc tình vi hoặc trắng trợn, trực tiếp hoặc gián tiếp, mà thủ đoạn thông thường là thông qua những vấn đề về sinh hoạt. Do đó, mỗi cán bộ, đảng viên tuyệt đối không thể lơ là cảnh giác cách mạng: không những phải nâng cao cảnh giác về mặt chính trị mà cả về mặt sinh hoạt nữa, và phải luôn luôn nhớ rằng trong rất

nhiều trường hợp vấn đề gọi là "sinh hoạt" lại bao hàm tinh chất chính trị phức tạp.

Từ trước tới nay, Đảng ta vẫn yêu cầu đội ngũ cán bộ, đảng viên, một mặt phải chấp hành nghiêm túc đường lối, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và mọi chế độ, quy tắc về sinh hoạt Đảng; mặt khác phải luôn luôn giữ gìn sự lành mạnh, trong sạch trong những vấn đề về sinh hoạt. Đối với những người mắc khuyết điểm về sinh hoạt, Đảng hết sức quan tâm giáo dục ngay từ đầu để giúp họ kịp thời sửa chữa, và trong những trường hợp xét thấy cần thiết Đảng cũng có biện pháp xử lý thích đáng. Kinh nghiệm đã chỉ rõ: tổ chức Đảng không thể bỏ qua bất cứ khuyết điểm nào của cán bộ, đảng viên, dù là thuộc phạm vi sinh hoạt, vì « cái xây này cái ung », vì những khuyết điểm trong vấn đề sinh hoạt, nếu không được sửa chữa, nhiều khi lại là nguồn gốc của những sai lầm dẫn đến thoái hóa biến chất. Vì lẽ đó, không một cán bộ, đảng viên nào, bất kỳ ở cương vị công tác nào có thể tự cho phép mình được tự do phóng túng trong vấn đề sinh hoạt. Điều quan trọng là tổ chức Đảng cần hết sức quan tâm giúp đỡ, quản lý chặt chẽ cán bộ, đảng viên. Bản thân cán bộ, đảng viên cần nghiêm khắc với bản thân mình và nâng cao ý thức tự giác trong việc tự rèn luyện, tự ghép mình vào tổ chức. Lâu nay, nhiều nơi, nhiều lúc có khuyết điểm lớn là rất lơ là lỏng lẻo về mặt này, không quan tâm theo dõi và giúp đỡ đúng mức cán bộ, đảng viên sửa chữa những sai sót trong vấn đề sinh hoạt và đó là một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng một số không ít cán bộ, đảng viên sa sút về tư cách, phẩm chất. Đó là một bài học kinh nghiệm đối với tất cả chúng ta.

NGƯỜI XÂY DỰNG

Cu-ba vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội

NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG

CÁCH đây gần hai chục năm, nghĩa quân Cu-ba, dưới sự lãnh đạo của vị anh hùng dân tộc Phi-đen Ca-xtơ-rô, tiến vào thủ đô La Ha-ba-na giữa tiếng reo hò vang dậy của hàng chục vạn người, phá tung mắt xích đầu tiên trong dây chuyền thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ ở Tây bán cầu. Từ đó đến nay, cách mạng Cu-ba đã liên tiếp đương đầu với những thử thách to lớn và đã liên tiếp chiến thắng vẻ vang: từ chinh sách phong tỏa, phá hoại và xâm lược trắng trợn của đế quốc Mỹ, mà điển hình là sự bao vây về ngoại giao và kinh tế, cuộc xâm lược bằng lính đánh thuê ở bãi biển Hi-rôn (4-1961), vụ khủng hoảng tên lửa (10-1962), việc tiếp tế cho bọn phi hoạt động ở Cu-ba, v.v... cho đến những khó khăn trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Cu-ba vừa đấu tranh chống chính sách thù địch của đế quốc Mỹ để tồn tại, vừa giải quyết một loạt vấn đề đặt ra trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Những thành tựu rực rỡ mà nhân dân Cu-ba giành được, trước hết về chính trị và tư

tưởng, về y tế, giáo dục và văn hóa xã hội, cũng như chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và tinh thần quốc tế cao cả của nhân dân Cu-ba, đã không ngừng nâng cao vị trí, uy tín của nước Cu-ba xã hội chủ nghĩa trên thế giới và đưa nhân dân Cu-ba lên hàng các dân tộc tiên phong của thời đại.

Như đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã nói, tới những năm 70 này, cách mạng Cu-ba đã được củng cố vững chắc và bước vào thời kỳ phát triển là chủ yếu. Tuy nhiên, khó khăn còn nhiều, nhất là trên mặt trận kinh tế.

Chúng ta còn nhớ cách đây chưa đầy hai năm, tại cuộc mít-tinh kỷ niệm ngày thành lập các Ủy ban bảo vệ cách mạng Cu-ba (28-9-1976), đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đã tuyên bố: "Thật là đau lòng, chính vào lúc chúng ta có những cố gắng cao nhất để tiến những bước mạnh mẽ về chính trị, Nhà nước và xã hội, chính vào lúc này đây, chúng ta lại gặp phải tình hình bất lợi về kinh tế". Và đồng chí đã nêu lên những khó khăn to lớn mà Cu-ba phải đương đầu.

Các hãng thông tấn phương Tây với vàng đánh đi khắp nơi những tin điện với những lời bình đầy ác ý. Một số anh em, bè bạn của nhân dân Cu-ba không khỏi lo lắng băn khoăn: liệu nhân dân Cu-ba anh hùng, những người đã viết nên những trang sử chói lọi: Môn-ca-đa, Xi-e-ra Ma-c-xi-ra, Hi-rôn... có vượt qua được những thử thách mới này, tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên không?

Đế quốc Mỹ đã để lại cho nhân dân Cu-ba một nền kinh tế thực dân mới nghèo nàn, què quặt và hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài. Trước khi cách mạng Cu-ba thành công, Mỹ đầu tư ở Cu-ba trên 1 tỉ đô-la, kiểm soát 42% sản xuất đường, 80% tổng giá trị xuất khẩu của Cu-ba, nắm trên 1/2 các cổ phần về đường sắt, điện và điện thoại.

Sau mười mấy năm phấn đấu gian khổ, cùng với những thắng lợi rực rỡ trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa và xã hội, Cu-ba đã giành được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế: sản lượng điện từ 2.500 triệu kWh lên 6.500 triệu kWh, thép từ 24.000 tấn lên 240.000 tấn, phân hóa học từ 195.000 tấn lên 1,2 triệu tấn, xi-măng từ 743.000 tấn lên 2 triệu tấn, đội tàu vận tải từ 58.000 tấn lên trên 800.000 tấn, đường giao thông tăng gấp 1,7 lần so với toàn bộ đường xây dựng trước cách mạng, số hồ nước xây dựng có khả năng trữ nước gấp 100 lần so với năm 1958.

Tuy nhiên, xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở một nước mà nền kinh tế như trên quả thật không đơn giản. Cải tạo nền kinh tế thực dân mới, què quặt, hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài, trong sự phong tỏa nghiệt ngã của đế quốc Mỹ, rõ ràng là công việc hết sức khó khăn, phức tạp, không thể một sớm, một chiều giải quyết được mọi vấn đề. Thêm

vào đó, những khuyết điểm không tránh khỏi trong bước trưởng thành mà Đảng cộng sản Cu-ba đã tự phê bình trước quần chúng một cách nghiêm túc, với tinh thần thật cách mạng, thật mác xít — lễ nít nít, cũng phần nào hạn chế những thành tựu kinh tế đạt được. Kinh tế Cu-ba vẫn còn là một nền kinh tế rất "mở", nghĩa là phụ thuộc nhiều vào ngoại thương. Hàng xuất khẩu chủ lực của Cu-ba vẫn là đường (chiếm tới 25 — 30% tổng thu nhập quốc dân và 80 — 85% toàn bộ kim ngạch xuất khẩu của Cu-ba), thế nhưng giá đường trên thị trường thế giới trong những năm gần đây đã không ngừng hạ xuống: từ hơn 60 xu tháng 11-1974 xuống còn hơn 20 xu tháng 8-1975 và hơn 7 xu (1) tháng 9-1976 một cân Anh (2) (tức hạ hơn 8 lần). Trong khi đó số máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng thay thế, v.v... Cu-ba phải nhập từ ngoài, lại tăng giá một cách ghê gớm, có nhiều thứ giá tăng tới gấp 3 lần. Chỉ xin nêu một ví dụ: năm 1972 chỉ cần bán 48 tấn đường là Cu-ba mua được 1 máy kéo, thì nay để mua cũng chiếc máy kéo ấy thì Cu-ba phải bán tới 87 tấn đường. Rõ ràng, như các đồng chí Cu-ba nhận định, trong khi chưa cải tạo được căn bản nền kinh tế do quá khứ để lại, Cu-ba còn chịu sự tác động mạnh của cuộc khủng hoảng kinh tế ngày càng trầm trọng trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Bên cạnh đó, trong vòng hơn 40 năm nay, chưa bao giờ Cu-ba bị hạn hán nghiêm trọng kéo dài như thời gian qua: hơn ba năm liền, từ 1973, lượng mưa đều thấp hơn rất nhiều so với mức trung bình lịch sử. Nhiều hồ, đập giữ nước bị khô cạn. Nhiều nơi, nước dùng cho sinh hoạt của nhân dân ở mức báo động. Đối với một nền kinh tế mà nông nghiệp còn

(1) 1 xu = 0,01 đô-la.

(2) 1 cân Anh (pound) = 453,59g.

chiếm một tỷ lệ khá cao như Cu-ba thì hậu quả của thiên tai như vậy là rất lớn. Có thể nói, nếu không có những công trình thủy lợi xây dựng dưới chế độ mới, không có sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Đảng và sự nỗ lực phi thường của quần chúng, thì nạn hạn hán nghiêm trọng kéo dài nói trên đã gây cho Cu-ba những tai họa không thể lường được.

Như vậy, vừa qua, cùng với việc ra sức phấn đấu thực hiện những mục tiêu to lớn do Đại hội lần thứ nhất của Đảng cộng sản Cu-ba (12-1975) đề ra, cùng với việc gánh vác nghĩa vụ quốc tế nặng nề đối với nhân dân Ăng-gô-la và các dân tộc anh em khác, nhân dân Cu-ba đã phải đương đầu với những khó khăn kinh tế thật sự to lớn!

Tuy nhiên, với lòng tin sâu sắc: « Không một vấn đề nào có thể giải quyết mà lại không có sự tham gia tích cực của quần chúng. Không một khó khăn nào có thể giải quyết mà quần chúng lại không nhận thức đầy đủ về khó khăn đó. Không một chỉ tiêu nào có thể đạt được mà quần chúng lại không coi chỉ tiêu đó như của chính mình », đồng chí Phi-đen Ca-xơ-rô đã thăng thân trình bày trước toàn dân tình hình kinh tế của đất nước, nêu lên những phương hướng và biện pháp khắc phục khó khăn.

Đáp lại lời kêu gọi của Đảng, của lãnh tụ, một lần nữa, nhân dân Cu-ba đã tỏ rõ nhiệt tình yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tỏ rõ chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí sáng tạo của mình bằng những hành động cụ thể với ý thức của người làm chủ. Trước những khó khăn của đất nước, nhân dân Cu-ba đã tự nguyện chấp nhận hy sinh, vui vẻ nhận khẩu phần gạo, cà phê... giảm hơn trước. Với khẩu hiệu « tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm và tiết kiệm », một phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa đã đẩy lên và nhanh chóng phát triển

sâu rộng trong cả nước. Các ngành, các bộ, các cơ sở sản xuất và mọi người lao động đều xem xét lại các kế hoạch của mình, cân đối các chỉ tiêu nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Tiết kiệm đã thật sự trở thành một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, một khẩu hiệu hành động cách mạng thường xuyên của quần chúng. Yêu cầu tiết kiệm được đặt ra toàn diện và triệt để: tiết kiệm thời gian, nhân lực, nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, v.v... Đặc biệt là tiết kiệm những thứ phải nhập từ ngoài, nhất là những thứ nhập bằng ngoại tệ mạnh. Việc phát huy sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, áp dụng khoa học, kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, được đặc biệt quan tâm. Nhiều phụ tùng trước kia phải nhập từ ngoài thì nay được chế tạo trong nước.

Phong trào thi đua sôi nổi trong cả nước đã đưa lại những kết quả thiết thực thật đáng khâm phục: công nhân bốc dỡ hàng ở các cảng đã tiết kiệm cho Nhà nước trong năm 1976: 26 triệu pê-xô (3) và trong sáu tháng đầu năm 1977: 16 triệu pê-xô; công đoàn nông nghiệp năm 1977 đã tiết kiệm 9 triệu pê-xô; toàn bộ các nhà máy đường tỉnh Xi-en-phu-ê-gốt năm 1976 đã giảm mức tiêu thụ nhiên liệu xuống con số kỷ lục: 1,14 ga-lon (4)/tấn mía... Riêng các nhà máy đường ở La Ha-ba-na đã tiết kiệm 4 triệu ga-lon nhiên liệu. Trên 70% phụ tùng thay thế cho công nghiệp đường đã được sản xuất trong nước với chất lượng bảo đảm.

Về mặt lãnh đạo, tổ chức và quản lý, các nghị quyết của Đại hội lần thứ nhất của Đảng cộng sản Cu-ba về thể chế hóa bộ máy Nhà nước và áp dụng hệ thống chỉ đạo kinh tế mới, đã được triển khai một cách mạnh mẽ và kiên quyết theo đúng kế hoạch đã vạch ra.

(3) 0,8 pê-xô = 1 đô-la.

(4) 1 ga-lon = 4,54 lít.

Từ 6 tỉnh, Cu-ba đã được chia lại thành 14 tỉnh, nhằm phân bố lại nhân lực, tài nguyên và các yếu tố khác, bảo đảm cho các vùng trong nước phát triển cân đối và hài hòa, cũng như bảo đảm cho từng vùng phát huy được thế mạnh của mình.

Các cơ quan Nhà nước mới, từ cơ sở đến trung ương, do nhân dân bầu ra lần đầu kể từ khi cách mạng Cu-ba thành công, đã nhanh chóng bước vào hoạt động và phát huy tác dụng là công cụ chủ yếu của chuyên chính vô sản, thể hiện cao nhất vai trò làm chủ của quần chúng, đúng như Hiến pháp mới của Cu-ba đã quy định.

Hệ thống chỉ đạo kinh tế mới, mà thực chất là những biện pháp quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa phù hợp với những quy luật chung và những đặc điểm riêng của nền kinh tế Cu-ba, đã được triển khai với những bước vừa nhanh vừa vững. Một số chế độ, chính sách cũ không còn phù hợp với tình hình mới, đã được kịp thời thay đổi. Nhiều chế độ, chính sách mới, được ban hành. Công tác kế hoạch và hạch toán kinh tế được đặc biệt quan tâm. Nhà nước đã ban hành quy chế chặt chẽ về chi tiêu, thanh toán và quản lý tiền tệ. Đồng thời, một đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế làm nông cốt cho việc triển khai hệ thống chỉ đạo kinh tế mới, đã được gấp rút đào tạo và tỏa về khắp nơi trong nước.

Những biện pháp toàn diện và triệt để nói trên, cùng với những quan hệ kinh tế tốt đẹp với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đặc biệt là với Liên-xô, đã giúp cho Cu-ba nhanh chóng khắc phục được những khó khăn. Chỉ hơn một năm sau cuộc mít-tinh kỷ niệm ngày thành lập các Ủy ban bảo vệ cách mạng Cu-ba mà chúng ta đã nói ở trên, tại kỳ họp tháng 12-1977 của Quốc hội Cu-ba, đồng chí Phi-đen Ca-xơ-rô đã có thể vui mừng tuyên bố trước toàn dân Cu-ba rằng: "những mục tiêu nêu ra ngày 28-9-1976 đã được thực hiện". Thật vậy,

với những khó khăn tưởng chừng như không sao vượt nổi, nền kinh tế Cu-ba không những đã đứng vững trong năm 1976 mà còn phát triển hơn nữa: năm 1976 tổng sản phẩm xã hội tăng 3,8% so với năm 1975, và năm 1977 tăng 4% so với năm 1976. Cu-ba đã vượt qua những khó khăn lớn nhất do cuộc khủng hoảng kinh tế trong thế giới tư bản chủ nghĩa gây ra. Theo đà đi lên đó, kế hoạch Nhà nước của Cu-ba năm 1978 dự kiến tăng tổng sản phẩm xã hội lên 7,4% so với năm 1977, chứ không phải 6% như tỷ lệ tăng trung bình hằng năm dự kiến cho kế hoạch 5 năm 1976—1980.

Kinh nghiệm thực tế những năm qua đã cho nhân dân Cu-ba thấy rõ hơn nữa phương hướng đúng đắn do Đại hội lần thứ nhất của Đảng cộng sản Cu-ba đề ra cho nền kinh tế Cu-ba. Với tinh thần làm chủ đất nước, nhân dân Cu-ba đang ra sức phấn đấu thực hiện lời kêu gọi của đồng chí Phi-đen Ca-xơ-rô trong phiên họp vừa rồi của Quốc hội Cu-ba: Cu-ba «cần có ý thức xuất khẩu», «cũng cố nền kinh tế, thay đổi cơ cấu kinh tế, sao cho bớt phụ thuộc vào nhập khẩu... nhất là bớt phụ thuộc vào khu vực tư bản chủ nghĩa». Với tinh thần cách mạng, tự lực tự cường, trong những năm trước mắt, Cu-ba sẽ tập trung vốn cho tái sản xuất mở rộng, và tạm bằng lòng với mức sống hiện nay.

Cả một phong trào thi đua rầm rộ đang diễn ra trong cả nước lôi cuốn hàng triệu người lao động sáng tạo, biến những chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước thành hiện thực, chào mừng một cách xứng đáng những sự kiện lịch sử ở Cu-ba trong năm 1978: kỷ niệm lần thứ 25 ngày nghĩa quân Cu-ba tiến công trại lính Môn-ca-đa, mở đầu giai đoạn đấu tranh oanh liệt và thắng lợi của nhân dân Cu-ba; Đại hội liên hoan lần thứ 11 của thanh niên và học sinh đại học thế giới mà

(Xem tiếp trang 97)

SỰ NGHIỆP CHÍNH NGHĨA CỦA NHÂN DÂN PA-LE-XTIN NHẤT ĐỊNH THẮNG LỢI

HỮU - NGHỊ

CHỈ trong vòng vài ba tháng qua, ở Trung Đông đã xảy ra hai sự kiện gây dư luận xôn xao. Trước hết là cuộc đàm phán riêng rẽ giữa Ai-cập và I-xra-en, sau đó là cuộc tiến công của I-xra-en vào miền Nam Li-băng. Hai sự kiện nói trên có quan hệ nhân quả trực tiếp.

Mấy chục năm qua, đế quốc Mỹ đã giúp I-xra-en gây ra 4 cuộc chiến tranh ở Trung Đông, không dùng biện pháp quân sự để áp đặt một giải pháp cho vấn đề Trung Đông, phủ nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân A-rập Pa-le-xtin. Mỹ đã bỏ ra hàng chục tỷ đô-la viện trợ quân sự và kinh tế cho I-xra-en. Chính Mỹ đã giúp cho I-xra-en nguyên liệu và kỹ thuật hạt nhân. Sự giúp đỡ to lớn của Mỹ về quân sự và kinh tế, kết hợp với tư tưởng phục quốc Do thái, một biểu hiện xấu xa nhất của chủ nghĩa sô-vanh hiện nay, đã biến I-xra-en thành một Nhà nước quân sự phản động, có tham vọng bành trướng điên cuồng. Nhưng tình hình chính trị và kinh tế I-xra-en từ sau chiến tranh tháng 10-1973 đến nay ngày càng xấu. Chính sách bành trướng và chuẩn bị chiến tranh mỗi năm tốn mất 2 phần 3 ngân sách của I-xra-en. Việc quân sự hóa nền kinh tế làm cho I-xra-en càng thêm khó khăn; năm 1977 nhập siêu tới 3 tỉ đô-la. Đời sống của công nhân và nhân dân lao động ngày càng khổ

cực. Quần chúng nhiều nơi đấu tranh chống chính quyền. Tại vùng Tây Gioóc-dăng và Ga-da bị I-xra-en chiếm đóng, nhân dân A-rập ngày càng đấu tranh quyết liệt chống chính sách cai trị thực dân tàn bạo của tập đoàn cầm quyền xi-ô-nit. Chính sách bành trướng của Mỹ và I-xra-en ở Trung Đông ngày càng bị lên án kịch liệt. Trên thế giới, I-xra-en hoàn toàn bị cô lập chẳng khác gì tập đoàn phân biệt chủng tộc ở Nam Phi. Sự cô lập của I-xra-en gắn liền sự suy giảm ảnh hưởng của đế quốc Mỹ trên thế giới sau chiến tranh Việt-nam. Sau chiến tranh Việt-nam, sức mạnh kinh tế và quân sự của Mỹ bị giảm sút chiến lược toàn cầu của Mỹ bị đảo lộn, các mâu thuẫn trong nội bộ xã hội Mỹ ngày càng gay gắt, mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và các đế quốc khác phát triển.

Trong khi đó, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở khu vực Trung Đông mà đội xung kích là nhân dân Pa-le-xtin do PLO lãnh đạo, phát triển mạnh mẽ và ngày càng giành được thắng lợi vang dội về mặt quân sự, chính trị và ngoại giao. Cuộc đấu tranh của nhân dân Pa-le-xtin được sự ủng hộ ngày càng rộng rãi của nhân dân các nước A-rập, của các nước xã hội chủ nghĩa và toàn thể loài người tiến bộ. Quá trình chiến đấu kiên cường mấy chục năm nay của nhân dân Pa-le-xtin tiêu biểu cho

ngon cò độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội ở khu vực này. Cuộc đấu tranh đó đã có tác dụng thức tỉnh hàng chục triệu nhân dân A-rập. Bọn đế quốc, bọn phản động hết sức lo sợ và ngày càng cấu kết với nhau để chống lại PLO. Thủ đoạn của Mỹ, I-xra-en là chia rẽ lực lượng cách mạng. Ở Trung Đông, đế quốc Mỹ và I-xra-en xưa nay vẫn tìm cách chia rẽ hàng ngũ các nước A-rập, bằng cách tuồn nhiều viện trợ kinh tế và quân sự cho những nước A-rập mà xu hướng chính trị là ngày càng gần bó với Mỹ; ve vãn và lôi cuốn những nước A-rập ngã nghiêng trên lập trường chống đế quốc; gây sức ép kinh tế và chính trị đối với những nước kiên quyết đấu tranh cho sự nghiệp A-rập và Pa-le-xtin; chia mũi nhọn vào phong trào cách mạng của nhân dân Pa-le-xtin nhằm tiêu diệt nó. *Mục tiêu không thay đổi của Mỹ - I-xra-en là thủ tiêu phong trào kháng chiến Pa-le-xtin* (PLO), người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân Pa-le-xtin, ra sức dập tắt phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực Trung Đông, đánh vào toàn bộ phong trào giải phóng dân tộc nói chung, đồng thời ngăn ngừa ảnh hưởng ngày càng lan rộng của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Giữa các nước A-rập với nhau và giữa các nước A-rập và nhân dân Pa-le-xtin có mối quan hệ chặt chẽ dựa trên cơ sở thống nhất về tiếng nói, văn hóa và tôn giáo. Các nước A-rập đều coi I-xra-en là kẻ thù. Xưa nay chưa có một nước A-rập nào, trừ Gioóc-đa-ni năm 1970, công khai chống lại PLO để nhảy sang phía kẻ thù. Trong khi coi I-xra-en là tay sai trung thành nhất, Mỹ vẫn giúp đỡ một số nước A-rập nào đó. Mỹ giúp một số nước A-rập vì các nước này có nhiều dầu lửa. Chính là vì lợi ích của Mỹ về dầu lửa ở Trung Đông mà ông Ca-tơ buộc phải nói đến vấn đề phục hồi quê hương của người Pa-le-xtin. Dù trong quan hệ với I-xra-en,

Mỹ có lúc làm ra vẻ rất bất đồng, hoặc trong quan hệ với các nước A-rập, có lúc Mỹ tỏ ra bênh vực, thì Mỹ cũng chỉ xuất phát từ lợi ích của Mỹ về dầu lửa ở Trung Đông, mà công cụ chủ yếu để bảo vệ lợi ích đó là I-xra-en.

Trong một thế giới sục sôi cách mạng, nhất là trước sự thức tỉnh của nhân dân thế giới sau chiến tranh Việt-nam, Mỹ thấy nếu chỉ dựa vào một mình I-xra-en thì cái thế của Mỹ càng bị cô lập hơn. Do đó Mỹ cố tranh thủ và lôi kéo Ai-cập, nước lớn nhất ở Trung Đông, tiến hành đàm phán riêng rẽ với I-xra-en để tìm một giải pháp về Trung Đông có lợi cho Mỹ và I-xra-en. Vì vậy, Mỹ đã giật dây I-xra-en đưa ra những nhượng bộ xảo quyệt, nào là trao trả một bộ phận bán đảo Xi-nai, nào là đề nhân dân A-rập ở miền Tây sông Gioóc-đăng được quyền tự quyết, nhưng I-xra-en vẫn duy trì các khu dân Do-thái ở các nơi đó, và nhất là vẫn nắm quyền về quân sự và an ninh ở miền Tây sông Gioóc-đăng. Thực chất là I-xra-en chỉ nhả ra một bộ phận đất đai mà chúng không kiểm soát nổi, trong khi vẫn giữ quyền thống trị ở những khu vực chiếm đóng khác. Sự nhượng bộ xảo trá của I-xra-en là nhằm đánh đổi lấy việc xóa bỏ tình trạng chiến tranh ở mặt trận phía Nam I-xra-en, từ đó, sẽ tập trung đối phó với mặt trận phía Đông và phía Bắc, tiêu diệt lực lượng kháng chiến Pa-le-xtin do PLO lãnh đạo và các lực lượng A-rập khác.

Trong lúc I-xra-en trắng trợn tiến công xâm lược nước Li-băng có chủ quyền, đánh phá các căn cứ kháng chiến của PLO, ngang nhiên chống lại Nghị quyết của Hội đồng Liên hợp quốc đòi I-xra-en rút quân khỏi Li-băng, thì một số người vốn có lập trường chống nhân dân, chống cách mạng đặt hy vọng vào cái gọi là thiện chí của Mỹ - I-xra-en. Họ dao động trước sự tăng cường sức mạnh quân

sự của I-xra-en. Họ hy vọng dựa vào Mỹ để duy trì lợi ích giai cấp của họ dựa vào Mỹ để hòng giải quyết những khó khăn của nước mình, dù rằng việc làm đó có hại cho nhân dân các nước A-rập khác và nhân dân Pa-le-xtin. Họ lo sợ trước sự thức tỉnh của quần chúng nhân dân A-rập. Những người theo chủ nghĩa thất bại, đầu hàng gửi gắm hy vọng vào vai trò trung gian « hòa giải » của Mỹ. Họ cố tình không thấy rằng Mỹ và I-xra-en chỉ là một. Chính tổng thống Mỹ Ca-tơ đã nói lên điều đó, ông ta thừa nhận một cách thành thật rằng thà ông ta phạm sai lầm cố tình chắt tự sát về chính trị còn hơn là làm tổn thương đến I-xra-en. Lập trường của những người như vậy làm sao có thể coi là có lợi cho nhân dân A-rập được! Vấn đề Trung Đông sẽ không

thể giải quyết, chừng nào hai vấn đề cơ bản không được giải quyết, đó là: *I-xra-en phải rút khỏi tất cả các lãnh thổ A-rập mà chúng còn chiếm đóng; và các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân A-rập Pa-le-xtin, kể cả quyền lập một Nhà nước độc lập, phải được bảo đảm.* Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Pa-le-xtin dưới sự lãnh đạo của PLO do Chủ tịch A-ra-phát đứng đầu đã nêu một tấm gương sáng ngời cho tất cả các dân tộc bị áp bức, đã và đang đóng góp to lớn vào sự nghiệp nhân dân thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa xi-ôn. Cách mạng Pa-le-xtin hiện đang gặp nhiều khó khăn và còn phải trải qua nhiều gian khổ, hy sinh, nhưng sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-xtin nhất định thắng lợi.

Cu-ba vững bước trên con đường...

(Tiếp theo trang 94)

Cu-ba có vinh dự là nước tổ chức: chuẩn bị cho lễ kỷ niệm lần thứ 20 ngày cách mạng Cu-ba thành công (1-1-1979)...

Thấm nhuần tinh thần quốc tế vô sản và tinh thần cách mạng tiến công, những người con ưu tú của đất nước của Hô-xê Mác-ti và của Phi-đen Ca-xtơ-rô lại vừa viết một trang mới to thêm lịch sử anh hùng của nhân dân Cu-ba: sát cánh chiến đấu với nhân dân Ê-ti-ô-pi-a, đập tan âm mưu của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động hòng tiêu diệt cuộc cách mạng non trẻ ở vùng sừng châu Phi.

Như vậy là dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Cu-ba do đồng chí Phi-đen Ca-xtơ-rô đứng đầu, với khí phách anh hùng, tinh thần cách mạng triệt để và ý thức làm chủ cao, nhân dân Cu-ba chẳng những đã vượt qua những thử thách mới trên lĩnh vực kinh tế, đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Hòn đảo tự do

của Tây bán cầu tiến lên hơn nữa, mà đồng thời còn tiếp tục thực hiện xuất sắc nghĩa vụ quốc tế, có những cống hiến mới, to lớn, cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Với tinh cảm của người anh em, người đồng chí cùng một chiến hào, chúng ta vô cùng vui sướng và tự hào trước những thắng lợi vẻ vang của nhân dân Cu-ba. Chúng ta mãi mãi ghi nhớ và biết ơn sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình mà Đảng, Chính phủ, nhân dân Cu-ba anh em trước sau như một, đã dành cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Từ đây lòng, chúng ta chân thành chúc nhân dân Cu-ba anh em đạt được nhiều thành tích rực rỡ hơn nữa trong việc thực hiện những mục tiêu cao cả do Đại hội lần thứ nhất Đảng cộng sản Cu-ba đề ra: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Về xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở khu vực Đông—Nam Á

VĂN - HIỀN

SAU thắng lợi vĩ đại của nhân dân Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia, từ năm 1975 đến nay, tình hình ở khu vực Đông — Nam Á đã và đang có những chuyển biến theo chiều hướng tốt, xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ngày càng phát triển trong khu vực. Tuy vậy cuộc đấu tranh giữa một bên là các lực lượng cách mạng và tiến bộ với một bên là các lực lượng đế quốc và phản động vẫn tiếp tục diễn ra gay go và quyết liệt. Có thể nói xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở Đông — Nam Á sẽ phát triển tùy thuộc vào ba nhân tố chủ yếu sau đây :

1— Quan hệ giữa các nước ở Đông—Nam Á với nhau.

2 — Quan hệ giữa các nước ở Đông—Nam Á với các nước ngoài khu vực, nhất là với các nước lớn.

3 — Tình hình phát triển về chính trị, kinh tế, xã hội ở các nước Đông—Nam Á.

Ba nhân tố trên đây liên quan chặt chẽ, tác động và thúc đẩy lẫn nhau. Hai nhân tố đầu có tầm quan trọng lớn, nhưng nhân tố thứ ba có tầm quan trọng hàng đầu.

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC Ở ĐÔNG — NAM Á VỚI NHAU

Sau thất bại của Mỹ ở Việt-nam và Đông-dương, so sánh lực lượng ở khu vực này có sự thay đổi sâu sắc. Nhân dân các nước Đông — Nam Á ngày càng tin tưởng rằng, trong thời đại ngày nay, nếu có quyết tâm và biết đoàn kết lại, họ có đầy đủ khả năng giành và giữ được độc lập chủ quyền của đất nước, tiến lên xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, hòa bình. Nhiều người trong giới cầm quyền ở một số nước Đông — Nam Á cũng hiểu rằng bây giờ không thể hoàn toàn dựa vào Mỹ, theo đuổi Mỹ như trước. Trái lại, cần phải đi vào con đường bình thường hóa quan hệ với các nước ở Đông-dương. Trước đây, do đế quốc Mỹ có âm mưu và thủ đoạn chia rẽ các nước Đông — Nam Á, nhiều người cầm quyền ở các nước này đã từng phụ họa với chúng, ít nhiều có hành động chống lại nhân dân các nước Đông-dương. Ngày nay, cuộc chiến tranh xâm lược do đế quốc Mỹ gây ra ở Đông-dương đã chấm dứt. Những sự việc đáng tiếc xảy ra trong

quá khứ giữa các nước Đông - Nam Á với nhau đang được xóa bỏ dần dần; những mối quan hệ mới đang hình thành. Đó là đòi hỏi của tình hình thế giới ngày nay vì lợi ích của mỗi nước và vì lợi ích của các nước khác ở Đông - Nam Á. Tuy nhiên, trải qua những năm dài ngăn cách, do nhiều lý do khác nhau, nhất là do những thủ đoạn của bọn đế quốc thực dân, giữa các nước Đông - Nam Á với nhau còn có những sự e ngại nhất định. Một số nước lo sợ trước ảnh hưởng ngày càng tăng và sự lớn mạnh của Việt-nam. Những nước ấy lo sợ tình hình trong khu vực này "không ổn định", do đó ảnh hưởng đến việc kinh doanh, buôn bán, đầu tư của các nước. Nhưng tình hình mấy năm qua chứng tỏ những suy nghĩ nói trên của họ là không có cơ sở. Hiện nay tình hình đang có nhiều thuận lợi cho sự phát triển những mối quan hệ nhiều mặt giữa các nước ở Đông - Nam Á. Sự thật chứng tỏ rằng Việt-nam đã có một chính sách hoàn toàn đúng đắn đối với các nước ở Đông - Nam Á. Dân tộc Việt-nam trải qua bao năm đấu tranh đầy hy sinh gian khổ mới giành được độc lập và tự do, hiểu rất rõ không có gì quý hơn độc lập tự do, càng tôn trọng độc lập, tự do của các dân tộc khác, đặc biệt là các dân tộc ở Đông - Nam Á là những dân tộc đã từng chịu cảnh ngộ bị đế quốc thực dân đô hộ như dân tộc Việt-nam. Sau khi Tổ quốc được độc lập và thống nhất, nhân dân Việt-nam đem hết sức mình để hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đất nước, vì vậy càng tha thiết có những mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước trong khu vực này để cùng nhau mưu cầu hạnh phúc và phồn vinh. Cuộc đi thăm hữu nghị chính thức vừa qua của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng tại Ấn-độ và Xơ-ri Lan-ca, cuộc đi thăm hữu nghị chính thức của Phó thủ tướng Nguyễn-Duy-Trinh vào cuối

năm 1977 đầu năm 1978 tại nhiều nước ở Đông - Nam Á, cùng với nhiều cuộc đi thăm lẫn nhau của nhiều phái đoàn Việt-nam và phái đoàn các nước Đông - Nam Á khác, chứng tỏ thắng lợi rực rỡ của chính sách 4 điểm của Việt-nam công bố tháng 7 năm 1976. Chính sách đó được sự hoan nghênh nhiệt liệt của các nước ở Đông - Nam Á và nhiều nước khác trên thế giới. Nó thể hiện những nguyên tắc hết sức đúng đắn chỉ đạo mối quan hệ giữa các nước Đông - Nam Á với nhau. Nó dựa trên cơ sở triệt để tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không xâm lược nhau, cùng tồn tại hòa bình, bình đẳng, cùng có lợi. Mối quan hệ tay đôi giữa các nước sẽ phát triển trong sự hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật, trong buôn bán, trao đổi văn hóa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Đồng thời, trong trường hợp có sự bất đồng giữa các nước thì điều hết sức cần thiết là phải giải quyết với nhau bằng phương pháp thương lượng hòa bình. Những mối quan hệ tay đôi tốt đẹp tạo điều kiện thuận lợi mở ra một sự hợp tác khu vực vững chắc, đi đến sự hình thành một khu vực Đông - Nam Á bao gồm các quốc gia độc lập, hòa bình, trung lập thật sự. Gần đây các nước trong tổ chức ASEAN với sáng kiến của Ma-lai-xi-a đã đưa ra việc thành lập khu vực Đông-Nam Á hòa bình, tự do, trung lập. Chúng ta sẵn sàng cùng các nước có liên quan ở Đông-Nam Á trao đổi ý kiến bàn bạc việc thành lập một khu vực Đông-Nam Á hòa bình trung lập. Một khu vực như vậy sẽ có một vai trò cực kỳ quan trọng trong sinh hoạt quốc tế vì hòa bình và phồn vinh chung trên thế giới.

Những cuộc tiếp xúc và trao đổi ý kiến giữa Việt-nam và các nước ở Đông - Nam Á đã có những bước đáng hài lòng. Rồi đây những mối quan hệ

cụ thể về nhiều mặt sẽ tiếp tục được thực hiện và ngày càng có triển vọng phát triển tốt đẹp trên cơ sở những hiệp định Việt-nam đã ký kết với các nước đó. Việt-nam sẵn sàng tiếp tục và tăng cường buôn bán với các nước ở Đông-Nam Á, sẵn sàng học hỏi những kinh nghiệm về một số ngành khoa học kỹ thuật mũi nhọn của họ, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm của mình về nông nghiệp, về y tế, về giáo dục, v.v... với các nước đó.

Trong các nước ở Đông-Nam Á, những mối nghi kỵ, lo lắng đang dần dần giảm bớt, một sự tin cậy lẫn nhau đang nảy nở. Rõ ràng lợi ích của các nước ở Đông-Nam Á đòi hỏi phải phát triển những mối quan hệ tay đôi về nhiều mặt, trên cơ sở đó đoàn kết với nhau xây dựng sự hợp tác khu vực, dùng sức mạnh đoàn kết tập thể để gìn giữ độc lập chủ quyền về chính trị, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của mỗi nước, đi tới giành độc lập chủ quyền về kinh tế, chống lại mọi sự can thiệp và lũng đoạn của các thế lực đế quốc, thực dân và phản động quốc tế, những kẻ đang nuôi dưỡng nhiều dã tâm đối với khu vực Đông-Nam Á. Ý thức bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân các nước Đông-Nam Á ngày càng mạnh mẽ và nhân dân các nước này càng kiên quyết đấu tranh chống sự có mặt của các lực lượng quân sự của Mỹ trên đất nước họ.

Trong quan hệ với các nước Đông-Nam Á, chúng ta hết sức vui mừng và hoan nghênh nhiệt liệt nhân dân và Chính phủ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào đã thực hiện một chính sách đối ngoại rất đúng đắn ở Đông-Nam Á, do đó giành được vị trí xứng đáng trong khu vực và ngày càng có uy tín lớn trên trường quốc tế.

Những kết quả đạt được trong mối quan hệ giữa các nước Đông-Nam Á trong thời gian qua mới chỉ là bước

đầu. Giữa Việt-nam và các nước Đông-Nam Á còn một số vấn đề do lịch sử để lại cần phải tiếp tục cùng nhau giải quyết.

Một điều rất đáng tiếc là trong lúc tình hình ở Đông-Nam Á đang phát triển thuận lợi, đem lại niềm hy vọng lớn cho nhân dân các nước trong việc thực hiện mục tiêu hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa các nước trong khu vực, cùng nhau đoàn kết chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới và bọn phản động quốc tế, cùng nhau góp sức xây dựng đất nước phồn vinh theo con đường mỗi nước tự lựa chọn, thì nước Cam-pu-chia dân chủ lại bị những thế lực phản động trong và ngoài nước xô đẩy vào một chính sách cực kỳ phiêu lưu, gây hấn thù chống lại nhân dân và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Với sự xúi giục và giúp đỡ của những người cầm quyền Trung-quốc theo chủ nghĩa sô-vanh nước lớn và chủ nghĩa bành trướng, những người cầm quyền Cam-pu-chia đã lộ rõ bộ mặt phản động của họ, phản bội chủ nghĩa xã hội, phản bội tình bạn chiến đấu giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Cam-pu-chia, đi ngược lại tình cảm và lợi ích của nhân dân nước họ, gây ra biết bao tội ác và đau khổ cho nhân dân Cam-pu-chia và nhân dân Việt-nam. Với chính sách phản động và hành động phiêu lưu đó, họ gây tai họa cho chính bản thân dân tộc Cam-pu-chia, đồng thời đi ngược lại xu thế chung tốt đẹp trong khu vực Đông-Nam Á. Nhưng, chúng ta tin rằng chính nghĩa sẽ thắng, những thế lực phản động ở Cam-pu-chia và những kẻ xúi giục, tiếp tay cho bọn này sẽ phải gánh chịu hậu quả tai hại do chúng gây nên; nhân dân Cam-pu-chia với truyền thống yêu nước và cách mạng trước đây đã kiên quyết đứng lên chống bọn xâm lược Mỹ và tay sai, ngày nay nhất định sẽ không ngồi yên để bọn phản động áp bức khùng bố họ mãi;

tin đồn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt-nam và nhân dân Cam-pu-chia sẽ thắng, mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước sẽ trở lại trong sáng vì lợi ích của mỗi nước, vì lợi ích của hòa bình trong khu vực Đông - Nam Á.

VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC ĐÔNG - NAM Á VỚI CÁC NƯỚC NGOÀI KHU VỰC

Từ lâu, bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế vẫn muốn nắm lấy khu vực Đông-Nam Á. Chúng thêm muốn những tài nguyên hết sức phong phú như cao-su, thiếc, dầu lửa, gạo, dầu cọ, dừa, gỗ quý, gia vị, v.v... của các nước vùng nhiệt đới này. Chúng nhìn thấy khả năng thu lợi lớn nếu nắm được quyền sử dụng với giá rẻ mạt nhân công rất khéo tay ở các nước Đông - Nam Á. Chúng muốn khống chế cả một khu vực chiến lược nối liền Thái-bình-dương với Ấn-độ-dương.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, trước những đòn tiến công quyết liệt của phong trào giải phóng dân tộc, chủ nghĩa thực dân cũ và hệ thống thuộc địa của nó trong khu vực này đã sụp đổ tan tành. Chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ nhảy vào thay thế, nhưng chẳng bao lâu thất bại nặng nề của đế quốc Mỹ ở Đông-dương đánh dấu sự tan rã bước đầu của chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới. Mỹ đã phải lùi một bước lớn về chiến lược, nhưng vẫn ra sức duy trì cái gọi là sự có mặt và quân sự bằng «chiến lược hải quân, hải đảo» ở Đông - Nam Á. Mặc dù khả năng đã bị hạn chế hơn trước, Mỹ vẫn theo đuổi chính sách can thiệp bằng những thủ đoạn chính trị và kinh tế xảo quyệt, tiếp tục viện trợ quân sự, cho không hoặc bán chịu vũ khí, mở các cuộc tập trận chung, sử dụng các công ty nhiều nước để không chế nền kinh tế của các nước Đông - Nam Á, dùng CIA gây áp lực, gây rối loạn, chia rẽ, mua chuộc, v.v... Đi đôi với chính sách

trên đây, Mỹ thường tuyên bố muốn bình thường hóa quan hệ với Việt-nam, muốn tăng gia đóng góp vào sự phát triển của các nước trong khu vực. Chúng ta chờ xem lời nói và việc làm của họ có phù hợp với nhau không.

Trước thế suy yếu của đế quốc Mỹ, một cuộc tranh giành ảnh hưởng ở khu vực Đông - Nam Á đang diễn ra gay gắt giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau và với các thế lực bành trướng có tham vọng lớn ở Đông-Nam Á. Nhiều nước tư bản chủ nghĩa vừa muốn dựa vào sức mạnh quân sự của Mỹ lại vừa muốn thay chân Mỹ thâm nhập bằng kinh tế vào Đông - Nam Á. Năm 1977, Nhật-bản đã đưa ra chủ nghĩa Phu-cu-da, chẳng những thể hiện ý muốn của Nhật phát triển quan hệ kinh tế với các nước trong khu vực này mà còn thể hiện ý đồ chính trị của Nhật khẳng định một cách mạnh mẽ sự có mặt và vai trò của mình ở đây. Các tổ chức khác như khối Thị trường chung, khối Thịnh vượng chung của Anh và các nước khác xa gần khu vực này cũng đang mong muốn có một sự «cân bằng» giữa các thế lực để duy trì nguyên trạng về chính trị, tạo điều kiện cho sự «ổn định» nhằm tăng cường đầu tư, khai thác ở Đông - Nam Á. Một số nước có ý đồ xấu lại muốn ASEAN trở thành đối lập với các nước Đông-dương. Chủ nghĩa bành trướng, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn đang tìm mọi cách tác oai tác quái để gây ảnh hưởng ở khu vực này. Nhà cầm quyền Trung-quốc mở chiến dịch chống Việt-nam bằng cái gọi là «vấn đề người Hoa ở Việt-nam bị xua đuổi, khủng bố», đang thi hành một chính sách phản động ở khu vực Đông - Nam Á, hòng gây ảnh hưởng và can thiệp vào công việc của các nước trong khu vực này. Trong tình hình phức tạp đó, một số người ở các nước Đông - Nam Á hoặc vì mơ hồ, hoặc để bảo vệ những quyền lợi ích kỷ của họ, lại mong

muốn sự có mặt về quân sự của Mỹ ở Đông - Nam Á, mong muốn có sự « cân bằng giữa các cường quốc » ở khu vực này. Họ cho đó là cách tốt nhất để duy trì hiện trạng chính trị, để thu hút vốn đầu tư, để phát triển kinh doanh.

Chúng ta nhận thức rằng, các nước ở Đông - Nam Á là những nước đang phát triển, rất cần tranh thủ vốn và kỹ thuật của các nước phát triển, nhưng phải theo những nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Chúng ta sẵn sàng xem xét và hoan nghênh những mặt tích cực trong chính sách của các nước không thuộc khu vực Đông - Nam Á, thật sự mong muốn góp phần vào sự phát triển và phồn vinh của các nước Đông - Nam Á, góp phần vào hòa bình và ổn định của cả khu vực này. Mặt khác, các dân tộc ở Đông - Nam Á nhận rõ dã tâm của bọn đế quốc là muốn duy trì tình trạng phân công lao động đã lỗi thời tồn tại lâu nay giữa những nước thuộc địa và chính quốc, muốn các nước Đông - Nam Á chỉ chuyên môn sản xuất và tiêu thụ những mặt hàng mà chúng quan tâm, làm cho các nước này mãi mãi phụ thuộc vào các nước công nghiệp phát triển. Do đó nền kinh tế của các nước đang phát triển ở Đông - Nam Á sẽ tiếp tục què quặt, mất cân đối, không tài nào thanh toán được những hậu quả tai hại do chế độ thuộc địa cũ và chủ nghĩa thực dân mới gây nên. Hố ngăn cách giữa những nước phát triển và những nước Đông - Nam Á đang phát triển sẽ tiếp tục mở rộng. Đồng thời, các nước Đông - Nam Á hết sức cảnh giác đối với chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, chủ nghĩa bành trướng; sự cấu kết giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng là một nguy cơ thật sự đang đe dọa chúng ta. Ngày nay rõ ràng là các thế lực đế quốc và phản động quốc tế đang dùng nhiều thủ đoạn khác nhau ngăn cản bước tiến của các nước trong khu vực này

thành những nước giàu mạnh như nguyện vọng sâu sắc của nhân dân mỗi nước.

Nhưng tình hình sẽ không như sự mong muốn của chúng tôi Đông - Nam Á là thuộc về các dân tộc ở Đông - Nam Á, số phận của Đông - Nam Á là do nhân dân các nước Đông - Nam Á tự quyết định chứ không phải do ai khác, càng không phải do sự « thỏa thuận », sự « cân bằng », sự « bảo đảm » của một số nước nào ở ngoài khu vực Đông - Nam Á quyết định. Những âm mưu đen tối của bọn đế quốc, thực dân, bành trướng nhất định sẽ bị thất bại; miễn là các nước ở Đông - Nam Á đoàn kết lại, hợp tác hữu nghị với nhau — hợp tác tay đôi hoặc giữa nhiều nước, đi tới hợp tác khu vực — trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, tin cậy nhau, cùng có lợi, kiên quyết chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng, thì nhất định sẽ giành được thắng lợi mới về chính trị, kinh tế, bảo vệ được độc lập, chủ quyền, góp phần làm cho khu vực Đông - Nam Á trở thành một khu vực độc lập, hòa bình, trung lập.

Đồng thời, việc các nước Đông - Nam Á củng cố và phát triển hơn nữa những mối quan hệ đa dạng với các nước xã hội chủ nghĩa và việc thắt chặt hơn nữa quan hệ về mọi mặt với các nước không liên kết theo những nghị quyết do Hội nghị Cô-lôm-bô đề ra năm 1976 là điều cần thiết, phù hợp với đòi hỏi của tình hình thế giới ngày nay vì lợi ích của từng nước và vì lợi ích của cộng đồng quốc tế.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VỀ CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, XÃ HỘI Ở CÁC NƯỚC ĐÔNG - NAM Á

Tình hình phát triển về chính trị, kinh tế, xã hội, đặc biệt là tình hình phát triển về kinh tế, ở các nước Đông - Nam Á có ý nghĩa hết sức lớn

lao. Sự phát triển đó có tầm quan trọng hàng đầu vì nó quyết định khả năng, điều kiện, lực lượng, để các nước Đông-Nam Á có được một chính sách đúng đắn trong mối quan hệ giữa các nước Đông-Nam Á với nhau và trong mối quan hệ giữa các nước Đông-Nam Á với các nước ở ngoài khu vực, đặc biệt là với các nước lớn.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước ở Đông-Nam Á lần lượt giành được độc lập về chính trị ở những mức độ khác nhau. Ba mươi năm qua, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở các nước này đã có những sự thay đổi nhất định. Nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia đã được giải phóng hoàn toàn khỏi chủ nghĩa thực dân; nhưng trong khi Việt-nam và Lào đi theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, thì Cam-pu-chia bị nhà cầm quyền hiện nay đưa vào con đường cực kỳ nguy hiểm, thực chất là con đường phản động kéo lùi lịch sử Cam-pu-chia. Nước Miên-diện từ lâu đã thực hiện một chính sách hòa bình, trung lập, không liên kết; mấy năm gần đây đã phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác về kinh tế và trao đổi văn hóa với Việt-nam và một số nước khác. Mặc dù có những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp (tuy hằng năm hai ngành này vẫn đem lại một nguồn lợi lớn nhờ xuất khẩu gạo và gỗ, v.v...), Miên-diện vẫn đang cố gắng tiến lên phát triển một nền kinh tế dựa vào sức mình là chính.

Các nước trong tổ chức ASEAN có nhiều đặc điểm giống nhau. Trong năm nước ASEAN, trừ Thái-lan là nước có thừa gạo để xuất khẩu (số dân khoảng 44 triệu người - sản xuất khoảng gần 15 triệu tấn gạo), còn các nước kia đều thiếu hụt lương thực, phải nhập thêm. Theo số liệu năm 1976, In-đô-nê-xi-a với dân số trên 130 triệu người, hằng năm chỉ sản xuất được trên 15 triệu tấn gạo và phải nhập đến 1 triệu tấn; Ma-lai-xi-a

thiếu 400.000 tấn; Phi-lip-pin có, lúc thiếu đến 800.000 tấn, (hiện nay đang cố gắng tiến lên tự túc); Xin-ga-po thiếu 300.000 tấn. Nhìn chung, theo tính toán của một số chuyên gia nông nghiệp, tốc độ phát triển nông nghiệp ở các nước này trong những năm 70 thấp hơn trong những năm 60 của thế kỷ 20. Những thành quả của cuộc cách mạng xanh đã không được áp dụng đều khắp; vốn đầu tư vào nông nghiệp chưa đúng mức, công trình thủy lợi còn thiếu, phân bón không đủ. Về cơ bản, các nước này chưa thực hiện việc cải cách ruộng đất triệt để và sâu rộng.

Sự phát triển của các ngành mũi nhọn như: cao-su, dầu cọ, dừa, v.v... là nguồn thu nhập ngoại tệ lớn cho các nước này, đặc biệt là ngành sản xuất cao-su và dầu cọ của Ma-lai-xi-a đã đạt nhiều kết quả và có kinh nghiệm tốt (*). Tuy vậy, các nước Đông-Nam Á cũng đã nhiều phen gặp khó khăn vì bị các nước tư bản chủ nghĩa phát triển bóp chẹt về giá cả, vì sự tiêu thụ nguyên liệu sụt kém do tình hình khủng hoảng kinh tế ở các nước tư bản chủ nghĩa, vì sự cạnh tranh của những thế phẩm tổng hợp, v.v...

Về công nghiệp, trừ Xin-ga-po là nước có số dân ít nhất và diện tích nhỏ nhất nhưng lại có ngành thương nghiệp và công nghiệp tương đối mạnh, còn các nước khác, công nghiệp chưa phát triển. Xin-ga-po là nước có hải cảng chuyên khẩu lớn nhất trong khu vực, có một số nhà máy lọc dầu lớn, có công nghiệp lắp

(*) Theo số liệu năm 1975, các nước ASEAN xuất khẩu:

82,92%	tổng số cao su xuất khẩu trên thế giới		
83,57%	dầu cọ	—	—
71,77%	thiếc	—	—
63,62%	dừa, dầu dừa	—	—
57,18%	gạo	—	—
15,09%	lâm sản	—	—
7,26%	đường	—	—
3,10%	đồng	—	—
3,93%	dầu lửa	—	—

ráp dần khoan dần, sửa chữa tàu biển, hoặc một số công nghiệp nhẹ như: dệt, lắp ráp xe hơi, dụng cụ điện tử. In-đô-nê-xi-a có nhà máy phân đạm khá lớn, có công nghiệp khai thác dầu lửa ngoài biển, và đang xây dựng một nhà máy luyện nhôm. Ma-lai-xi-a chủ yếu mới có công nghiệp chế biến cao-su, dầu cọ, thiếc. Phi-lip-pin có công nghiệp xi-măng, luyện đồng, dệt, đường mía và đang xây dựng một nhà máy gang thép. Thái-lan cũng có một số công nghiệp dệt, chế biến thực phẩm. Phần lớn những nhà máy quan trọng có số vốn lớn đều do công ty nước ngoài nắm và khống chế.

Về ngoại thương, các nước ASEAN chủ yếu là buôn bán với Nhật-bản và các nước phát triển phương Tây (60%); trong đó với Nhật là 25% và với Mỹ là 18%. Việc buôn bán với các nước trong khu vực còn ít (15%) và với các nước xã hội chủ nghĩa là không đáng kể (3%). Các nước trong tổ chức ASEAN, nhất là những nước không xuất khẩu dầu lửa, lại có thêm khó khăn là phải nhập khẩu hàng công nghiệp với giá đắt, trong khi đó khả năng xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp nhẹ của họ lại bị hàng rào quan thuế của các nước tư bản chủ nghĩa hạn chế. Những cuộc đàm phán dài dằng trong mấy năm qua giữa họ với các nước Nhật, Mỹ, Úc, vẫn chưa đem lại kết quả như họ mong muốn là nội bất chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước tư bản chủ nghĩa, nhất là trong lúc cuộc khủng hoảng ở các nước này chưa có triển vọng được giải quyết, nạn lạm phát, thất nghiệp vẫn rất trầm trọng. Các nước đang phát triển ở Đông - Nam Á rất cần vốn đầu tư, cần kỹ thuật tiên tiến, cần thị trường, nhưng rõ ràng là đang đứng trước nhiều khó khăn nan giải. Cán cân thương mại của phần lớn các nước này bị thiếu hụt nghiêm trọng, nợ nước ngoài ngày càng chồng chất, hiện đã lên quá 20 tỉ đô-la. Mặc dù mấy năm nay,

thu nhập binh quân đầu người ở các nước này có tăng, nhất là Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a có mức thu nhập khá cao, nhưng cuộc chiến tranh chống nghèo đói, bệnh tật, mù chữ, tệ nạn xã hội ở các nước này chưa thu được kết quả mấy.

Vì sao bên cạnh những cảnh phồn hoa tráng lệ của một số thành phố được xây dựng rất hiện đại, không kém gì các nước phương Tây, lại có những khu nhà ổ chuột nghèo nàn, và nhất là lại có một nông thôn rất chậm tiến, hầu như không thay đổi gì qua hàng mấy chục năm nay và có khi còn thụt lùi so với trước? Vì sao mặc dù có sự đàn áp rất mạnh, vẫn có những cuộc đấu tranh sôi nổi ở thành thị và nông thôn đòi quyền sống, đòi công ăn việc làm? Chính Tạp chí *Kinh tế Viễn Đông* đã viết: « Sự phát triển, như ngày nay người ta thường quan niệm, phải được tập trung vào việc bài trừ nghèo đói, vào việc thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của người nghèo về lương thực, nhà ở, y tế và giáo dục, chứ không phải chỉ nhằm vào việc sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ phục vụ sự tiêu thụ của những tầng lớp trên trong các nước đang phát triển. Vì vậy vấn đề trung tâm không phải là tốc độ của sự phát triển mà là bản chất của sự phát triển » (*).

Hội nghị cấp cao các nước không liên kết lần thứ 5 họp ở Cò-lôm-bô tháng 8 năm 1976 đã nêu rõ: « Hố ngăn cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển ngày càng sâu thêm » Vì sao như vậy? Nguyên nhân do đâu? Chính bản tuyên bố của cuộc hội nghị đó đã vạch rõ rằng: « Không thể có hòa bình lâu dài và an ninh trên phương diện quốc tế nếu không thiết lập một xã hội đúng đắn và công bằng đem lại cho người dân nền an ninh về kinh tế và xã hội, vốn là một quyền bất khả xâm phạm của mọi người trên hành tinh này »...

(*) Niên giám châu Á 1977.

« Cuộc đấu tranh cho độc lập chính trị và thực hiện chủ quyền không thể tách rời cuộc đấu tranh nhằm giải phóng về kinh tế ».

Trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa tư bản đã tỏ ra lỗi thời. Nhiều chính khách, nhiều nhà lý luận, thức thời đã thấy rõ phải có những thay đổi về cơ cấu xã hội, kinh tế, phải thiết lập một xã hội mới, phải tiến tới một « xã hội bình đẳng cả về mặt xã hội và mặt quốc tế », với « nguyên tắc chủ yếu là công nhận cho mỗi con người có quyền bất khả xâm phạm được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản (ăn, ở, y tế, giáo dục) ». Và họ cho rằng, xã hội đó « không phải là một xã hội « kiêu kiêu thụ », mà là một xã hội trong đó « nền sản xuất là do các yêu cầu xã hội chứ không phải do lợi nhuận chi phối ».

Như vậy, để có một « xã hội bình đẳng cả về mặt xã hội và mặt quốc tế », một xã hội mà nền sản xuất phục vụ các nhu cầu của nhân dân chứ không phải vì lợi nhuận, con đường các nước Đông - Nam Á phải đi là thoát khỏi nền kinh tế phụ thuộc, què quặt, mất cân đối, là phải củng cố nền độc lập chính trị, là xây dựng nền công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, xây dựng cơ sở vật chất vững chắc cho sự phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Đó cũng là con đường kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa bành trướng của bọn phản động quốc tế, con đường đấu tranh chống những xu hướng theo đuôi bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế ngay trong một số giới cầm quyền các nước Đông - Nam Á. Cuối cùng chính là nhân dân mỗi nước sẽ quyết định lấy con đường tiến lên của nước mình, quyết định lấy vận mệnh của mình. Và chính cũng do đó mà nhân dân mỗi nước trong khu vực đóng vai trò quyết định vào xu thế độc lập, hòa bình, trung lập của khu vực này. Ngược lại xu thế

hòa bình, độc lập, trung lập phát triển ở mỗi nước và trong khu vực sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mỗi nước có vai trò xứng đáng làm chủ lợi ích nước mình.



Tóm lại chỉ có một chính sách độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính, đồng thời mở rộng và phát triển sự hợp tác quốc tế song phương hoặc đa phương, các nước ở Đông - Nam Á mới tạo nên khả năng đầy đủ góp phần thúc đẩy xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở khu vực này. Trong thời đại ngày nay xu thế này có nhiều thuận lợi để phát triển. Tuy nhiên, lịch sử cho thấy, cũng có nơi, có lúc có những sức co kéo ly tâm, có những sức cản làm cho xu thế đó tạm thời đứng yên hoặc thụt lùi. Nhưng cũng không loại trừ ở nơi này hoặc nơi khác có những bước nhảy vọt, khiến cho xu thế ấy phát triển mạnh mẽ. Chúng ta không mất cảnh giác trước những thủ đoạn và mưu toan mới của đế quốc cũng như của các thế lực bành trướng ở Đông - Nam Á, nhưng chúng ta tin chắc rằng cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ chống lại các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế có tham vọng ở Đông - Nam Á, dù có gay go đến thế nào, cũng nhất định thắng lợi; xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở Đông - Nam Á là không thể đảo ngược. Sự cấu kết và hành động điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực bành trướng không chừng tổ chúng mạnh, trái lại đó là dấu hiệu của sự suy yếu và thất bại tất yếu của chúng.

Nhân dân Việt-nam quyết giữ vững cao ngai cơ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa và phồn vinh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông - Nam Á và trên thế giới.

ПЕРЕДОВАЯ — Сущность антивоьетнамских акций китайских властей

ВУ КОНГ КАН — Способности и творческий труд — источник силы молодежи в коллективном хозяйствовании

НГУЕН ТХИ БИНЬ — Готовясь к реформе системы общего образования

ФАМ ТХАНЬ — Создать механизм коллективного хозяйствования трудового народа

ВАН ТАП — Проект новой Конституции и проблемы правового оформления экономической линии партии

ЛЕ ТЫ — Химия — ударная отрасль промышленности

ВО ВАН ДИНЬ — Первые уроки в решении продовольственной проблемы провинции Нгнабинь

ХОАНГ ДИНЬ КАУ — К вопросу о планировании семьи

НГУЕН МИНЬ ФЫОНГ — Куба уверенно шагает по пути социалистического строительства

ХЫУ НГН — Правовое дело палестинского народа восторжествует

ВАН ХИЕН — О тенденциях независимости, мира, нейтралитета в районе Юго-Восточной Азии

共产主义杂志 一九七八年第七期 目 录

- 社 论:** 中国当局一系列反越行动的实质
- 武公謹:** 才能和创造性——青年集体作主力量的源泉
- 阮氏平:** 向普通教育改革前进
- 范 成:** 建立劳动人民社会主义集体作主的机制
- 文 集:** 新宪法草案和党的经济路线体制化问题
- 黎 自:** 化工——尖端工业
- 武文丁:** 义平省解决粮食问题的初步经验
- 黃廷求:** 计划生育问题
- 阮明芳:** 古巴在社会主义建设道路上稳步迈进
- 友 谊:** 巴勒斯坦人民的正义事业一定胜利
- 文 賢:** 东南亚地区独立、和平、中立的趋势

REVUE DU COMMUNISME

N° 7 — 1978

Éditorial — La vraie nature des activités anti-vietnamiennes des dirigeants chinois

VŨ-CÔNG-CẦN — Le talent et l'esprit créateur sont à l'origine de la force de la jeunesse dans son rôle de maître collectif

NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Vers la réforme de l'enseignement général

PHẠM-THÀNH — Édifier le mécanisme de l'exercice du droit de maître collectif socialiste des travailleurs

VĂN-TẬP — Le projet de la nouvelle Constitution et la légalisation de la ligne économique du Parti

LÊ-TỰ — Les produits chimiques, une industrie de pointe

VÕ-VĂN-ĐINH — Les premières leçons de l'expérience de la solution du problème des vivres dans la province de Nghĩa-binh

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU — Planning familial

NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG — Cuba marche à pas assurés sur la voie du socialisme

HỮU-NGHI — La juste cause du peuple palestinien vaincra

VĂN-HIỀN — De la tendance à l'indépendance, la paix et la neutralité au Sud-Est asiatique

REVIEW OF COMMUNISM

N° 7 — 1978

Editorial — The real nature of the anti-Vietnamese acts of the Chinese authorities

VŨ-CÔNG-CẦN — Talent and creativeness, the source of the strength of the youth's collective mastery

NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Toward a reform of general education

PHẠM-THÀNH — The structure of the working people's socialist collective mastery

VĂN-TẬP — The new draft Constitution and the institutionalization of the Party's economic line

LÊ-TỰ — The chemical industry, one that stands in the van

VÕ-VĂN-ĐINH — Some initial experiences in trying to solve the food problem in Nghĩa-binh province

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU — The problem of birth control

NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG — Cuba advances with steady steps on the road to socialism

HỮU-NGHI — The just cause of the Palestinian people will certainly triumph

VĂN-HIỀN — The trend toward independence, peace and neutrality in Southeast Asia

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 7

1978

NĂM THỨ XXIV (271)

TRU SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy nói: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Dãy nói: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Thực chất những hành động chống Việt-nam của các nhà cầm quyền Trung-quốc	1
VŨ-CÔNG-CÂN — Tài năng và sáng tạo, nguồn sức mạnh làm chủ tập thể của thanh niên	5
NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Đề tiến tới cải cách giáo dục phổ thông	11
PHẠM-THÀNH — Xây dựng cơ chế làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động	21
VĂN-TẬP — Dự thảo Hiến pháp mới và vấn đề thể chế hóa đường lối kinh tế của Đảng	30
LÊ-TỊ — Hóa chất, một ngành công nghiệp mũi nhọn	40
VÔ-VĂN-DINH — Máy kinh nghiệm bước đầu giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh Nghĩa-bình	48
HOÀNG-DINH-CẦU — Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch	55
Nghiên cứu ★ VĂN-TẠO — Một số suy nghĩ về bước trưởng thành của giai cấp công nhân Việt-nam	64
ANH-PHONG — Bước đầu tìm hiểu những quan điểm về lối sống mới của Hồ Chủ tịch	73
VŨ-LỘ — Phát triển nhanh chóng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nhiệm vụ cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam	81
Sinh hoạt Đảng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG — Cái xây này cái ung	89
NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG — Cu-ba vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội	91
HỮU-NGHI — Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-xtín nhất định thắng lợi	95
VĂN-HIỆN — Về xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở khu vực Đông - nam Á	98

Tìm đọc:

BỘ TÀI LIỆU HỌC TẬP ĐIỀU LỆ XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh

LÊ - THANH - NGHỊ

- Quán triệt và thi hành đúng Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Mấy vấn đề lớn trong việc thi hành Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh

★ ★ ★

- Công tác kế hoạch, kế toán - thống kê trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Công tác pháp chế, chế độ hợp đồng kinh tế trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Công tác tài chính, tín dụng, giá cả trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Công tác quản lý lao động, vật tư, kỹ thuật xí nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy quản lý trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành công đoàn trong xí nghiệp công nghiệp quốc doanh

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

x115-001
H-1980

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

University
of Michigan
Periodical
Reading Room

8

8.1978

VỀ VIỆC KỶ NIỆM LẦN THỨ 33 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9^(*)

NĂM nay, chúng ta kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 trong tình hình bọn phản động quốc tế câu kết với chủ nghĩa đế quốc đang ráo riết chống phá sự nghiệp hòa bình xây dựng của nhân dân ta, tìm cách làm giảm uy tín của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt - nam, hòng thực hiện những ý đồ đen tối của chúng.

Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng nước ta là động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, ý chí tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng của ta, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và phá hoại nước ta, quyết tâm giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới phía tây — nam, tăng cường phòng thủ đất nước sẵn sàng chiến đấu đánh bại chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn.

Nhân dịp này, cần mở một đợt tuyên truyền, động viên chính trị thật rộng rãi và sâu sắc, nhằm các yêu cầu sau đây :

— Một là, làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hiểu thật rõ tình hình và nhiệm vụ mới; nắm vững cả hai nhiệm vụ vừa đẩy mạnh xây dựng kinh tế vừa tăng cường quốc phòng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của đối tượng cách mạng của nhân dân ta hiện nay; nhận thức đầy đủ chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch và thắng lợi tất yếu của sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

— Hai là, giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, đoàn kết chống ngoại xâm; bồi dưỡng ý thức « không có gì quý hơn

(*) Thông tri của Ban bí thư Trung ương Đảng, ngày 11-8-1978.

ráp dãn khoan dầu, sửa chữa tàu biển, hoặc một số công nghiệp nhẹ như: dệt, lắp ráp xe hơi, dụng cụ điện tử. In-dô-nê-xi-a có nhà máy phân đạm khá lớn, có công nghiệp khai thác dầu lửa ngoài biển, và đang xây dựng một nhà máy luyện nhôm. Ma-lai-xi-a chủ yếu mới có công nghiệp chế biến cao-su, dầu cọ, thiếc. Phi-lip-pin có công nghiệp xi-măng, luyện đồng, dệt, đường mía và đang xây dựng một nhà máy gang thép. Thái-lan cũng có một số công nghiệp dệt, chế biến thực phẩm. Phần lớn những nhà máy quan trọng có số vốn lớn đều do công ty nước ngoài nắm và khống chế.

Về ngoại thương, các nước ASEAN chủ yếu là buôn bán với Nhật-bản và các nước phát triển phương Tây (60%); trong đó với Nhật là 25% và với Mỹ là 18%. Việc buôn bán với các nước trong khu vực còn ít (15%) và với các nước xã hội chủ nghĩa là không đáng kể (3%). Các nước trong tổ chức ASEAN, nhất là những nước không xuất khẩu dầu lửa, lại có thêm khó khăn là phải nhập khẩu hàng công nghiệp với giá đắt, trong khi đó khả năng xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp nhẹ của họ lại bị hàng rào quan thuế của các nước tư bản chủ nghĩa hạn chế. Những cuộc đàm phán dài dằng trong mấy năm qua giữa họ với các nước Nhật, Mỹ, Úc, vẫn chưa đem lại kết quả như họ mong muốn là nói bớt chính sách bảo hộ mậu dịch của các nước tư bản chủ nghĩa, nhất là trong lúc cuộc khủng hoảng ở các nước này chưa có triển vọng được giải quyết, nạn lạm phát, thất nghiệp vẫn rất trầm trọng. Các nước đang phát triển ở Đông - Nam Á rất cần vốn đầu tư, cần kỹ thuật tiên tiến, cần thị trường, nhưng rõ ràng là đang đứng trước nhiều khó khăn nan giải. Cán cân thương mại của phần lớn các nước này bị thiếu hụt nghiêm trọng, nợ nước ngoài ngày càng chồng chất, hiện đã lên quá 20 tỉ đô-la. Mặc dù mấy năm nay,

thu nhập bình quân đầu người ở các nước này có tăng, nhất là Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a có mức thu nhập khá cao, nhưng cuộc chiến tranh chống nghèo đói, bệnh tật, mù chữ, tệ nạn xã hội ở các nước này chưa thu được kết quả mấy.

Vì sao bên cạnh những cảnh phồn hoa tráng lệ của một số thành phố được xây dựng rất hiện đại, không kém gì các nước phương Tây, lại có những khu nhà ổ chuột nghèo nàn, và nhất là lại có một nông thôn rất chậm tiến, hầu như không thay đổi gì qua hàng mấy chục năm nay và có khi còn thụt lùi so với trước? Vì sao mặc dù có sự đàn áp rất mạnh, vẫn có những cuộc đấu tranh sôi nổi ở thành thị và nông thôn đòi quyền sống, đòi công ăn việc làm? Chính Tạp chí *Kinh tế Viễn Đông* đã viết: « Sự phát triển, như ngày nay người ta thường quan niệm, phải được tập trung vào việc bãi trừ nghèo đói, vào việc thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của người nghèo về lương thực, nhà ở, y tế và giáo dục, chứ không phải chỉ nhằm vào việc sản xuất ra những hàng hóa và dịch vụ phục vụ sự tiêu thụ của những tầng lớp trên trong các nước đang phát triển. Vì vậy vấn đề trung tâm không phải là tốc độ của sự phát triển mà là bản chất của sự phát triển » (*).

Hội nghị cấp cao các nước không liên kết lần thứ 5 họp ở Cô-lôm-bô tháng 8 năm 1976 đã nêu rõ: « Illo ngắn cách giữa các nước phát triển và các nước đang phát triển ngày càng sâu thêm » Vì sao như vậy? Nguyên nhân do đâu? Chính bản tuyên bố của cuộc hội nghị đó đã vạch rõ rằng: « Không thể có hòa bình lâu dài và an ninh trên phương diện quốc tế nếu không thiết lập một xã hội đứng đắn và công bằng đem lại cho người dân nền an ninh về kinh tế và xã hội, vốn là một quyền bất khả xâm phạm của mọi người trên hành tinh này »...

(*) Niên giám châu Á 1977.

« Cuộc đấu tranh cho độc lập chính trị và thực hiện chủ quyền không thể tách rời cuộc đấu tranh nhằm giải phóng về kinh tế ».

Trong thời đại ngày nay, chủ nghĩa tư bản đã tỏ ra lỗi thời. Nhiều chính khách, nhiều nhà lý luận, thức thời đã thấy rõ phải có những thay đổi về cơ cấu xã hội, kinh tế, phải thiết lập một xã hội mới, phải tiến tới một « xã hội bình đẳng cả về mặt xã hội và mặt quốc tế », với « nguyên tắc chủ yếu là công nhận cho mỗi con người có quyền bất khả xâm phạm được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản (ăn, ở, y tế, giáo dục) ». Và họ cho rằng, xã hội đó « không phải là một xã hội / kiểu / tiểu / thụ », mà là một xã hội trong đó « nên sản xuất là do các yêu cầu xã hội chứ không phải do lợi nhuận chi phối ».

Như vậy, để có một « xã hội bình đẳng cả về mặt xã hội và mặt quốc tế », một xã hội mà nên sản xuất phục vụ các nhu cầu của nhân dân chứ không phải vì lợi nhuận, con đường các nước Đông — Nam Á phải đi là thoát khỏi nền kinh tế phụ thuộc, què quặt, mất cân đối, là phải củng cố nền độc lập chính trị, là xây dựng nền công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, xây dựng cơ sở vật chất vững chắc cho sự phát triển kinh tế, phát triển văn hóa. Đó cũng là con đường kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chống chủ nghĩa bành trướng của bọn phản động quốc tế, con đường đấu tranh chống những xu hướng theo đuôi bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế ngay trong một số giới cầm quyền các nước Đông — Nam Á. Cuối cùng chính là nhân dân mỗi nước sẽ quyết định lấy con đường tiến lên của nước mình, quyết định lấy vận mệnh của mình. Và chính cũng do đó mà nhân dân mỗi nước trong khu vực đóng vai trò quyết định vào xu thế độc lập, hòa bình, trung lập của khu vực này. Ngược lại xu thế

hòa bình, độc lập, trung lập phát triển ở mỗi nước và trong khu vực sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân mỗi nước có vai trò xứng đáng làm chủ lợi ích nước mình.



Tóm lại chỉ có một chính sách độc lập, tự chủ, dựa vào sức mình là chính, đồng thời mở rộng và phát triển sự hợp tác quốc tế song phương hoặc đa phương, các nước ở Đông — Nam Á mới tạo nên khả năng đầy đủ góp phần thúc đẩy xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở khu vực này. Trong thời đại ngày nay xu thế này có nhiều thuận lợi để phát triển. Tuy nhiên, lịch sử cho thấy, cũng có nơi, có lúc có những sức cơ kéo ly tâm, có những sức cản làm cho xu thế đó tạm thời đứng yên hoặc thụt lùi. Nhưng cũng không loại trừ ở nơi này hoặc nơi khác có những bước nhảy vọt, khiến cho xu thế ấy phát triển mạnh mẽ. Chúng ta không mất cảnh giác trước những thủ đoạn và mưu toan mới của đế quốc cũng như của các thế lực bành trướng ở Đông — Nam Á, nhưng chúng ta tin chắc rằng cuộc đấu tranh của các lực lượng cách mạng và tiến bộ chống lại các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế có tham vọng ở Đông — Nam Á, dù có gay go đến thế nào, cũng nhất định thắng lợi; xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở Đông — Nam Á là không thể đảo ngược. Sự cấu kết và hành động điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực bành trướng không chừng tổ chúng mạnh, trái lại đó là dấu hiệu của sự suy yếu và thất bại tất yếu của chúng.

Nhân dân Việt-nam quyết giữ vững cao ngai cờ độc lập dân tộc và ngọn cờ xã hội chủ nghĩa, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất, xã hội chủ nghĩa và phồn vinh, góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội ở Đông — Nam Á và trên thế giới.

ПЕРЕДОВАЯ — Сущность антивоьетнамских акций китайских властей

ВУ КОНГ КАН — Способности и творческий труд — источник силы молодежи в коллективном хозяйствовании

НГУЕН ТХИ БИНЬ — Готовясь к реформе системы общего образования

ФАМ ТХАНЬ — Создать механизм коллективного хозяйствования трудового народа

ВАН ТАП — Проект новой Конституции и проблемы правового оформления экономической линии партии

ЛЕ ТЫ — Химия — ударная отрасль промышленности

ВО ВАН ДИНЬ — Первые уроки в решении продовольственной проблемы провинции Нгябинь

ХОАНГ ДИНЬ КАУ — К вопросу о планировании семьи

НГУЕН МИНЬ ФЫОНГ — Куба уверенно шагает по пути социалистического строительства

ХЫУ НГИ — Правовое дело палестинского народа восторжествует

ВАН ХИЕН — О тенденциях независимости, мира, нейтралитета в районе Юго-Восточной Азии

共产主义杂志 一九七八年第七期 目 录

社 论：中国当局一系列反越行动的实质

武公謹：才能和创造性——青年集体作主力量的源泉

阮氏平：向普通教育改革前进

范 成：建立劳动人民社会主义集体作主的机制

文 集：新宪法草案和党的经济路线体制化问题

黎 自：化工——尖端工业

武文丁：义平省解决粮食问题的初步经验

黄廷求：计划生育问题

阮明芳：古巴在社会主义建设道路上稳步迈进

友 谊：巴勒斯坦人民的正义事业一定胜利

文 賢：东南亚地区独立、和平、中立的趋势

REVUE DU COMMUNISME

N° 7 — 1978

Éditorial — La vraie nature des activités anti-vietnamiennes des dirigeants chinois

VŨ-CÔNG-CẦN — Le talent et l'esprit créateur sont à l'origine de la force de la jeunesse dans son rôle de maître collectif

NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Vers la réforme de l'enseignement général

PHẠM-THÀNH — Édifier le mécanisme de l'exercice du droit de maître collectif socialiste des travailleurs

VĂN-TẬP — Le projet de la nouvelle Constitution et la légalisation de la ligne économique du Parti

LÊ-TỰ — Les produits chimiques, une industrie de pointe

VÕ-VĂN-ĐÌNH — Les premières leçons de l'expérience de la solution du problème des vivres dans la province de Nghĩa-bình

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU — Planning familial

NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG — Cuba marche à pas assurés sur la voie du socialisme

HỮU-NGHI — La juste cause du peuple palestinien vaincra

VĂN-HIỀN — De la tendance à l'indépendance, la paix et la neutralité au Sud-Est asiatique

REVIEW OF COMMUNISM

N° 7 — 1978

Editorial — The real nature of the anti-Vietnamese acts of the Chinese authorities

VŨ-CÔNG-CẦN — Talent and creativeness, the source of the strength of the youth's collective mastery

NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Toward a reform of general education

PHẠM-THÀNH — The structure of the working people's socialist collective mastery

VĂN-TẬP — The new draft Constitution and the institutionalization of the Party's economic line

LÊ-TỰ — The chemical industry, one that stands in the van

VÕ-VĂN-ĐÌNH — Some initial experiences in trying to solve the food problem in Nghĩa-bình province

HOÀNG-ĐÌNH-CẦU — The problem of birth control

NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG — Cuba advances with steady steps on the road to socialism

HỮU-NGHI — The just cause of the Palestinian people will certainly triumph

VĂN-HIỀN — The trend toward independence, peace and neutrality in Southeast Asia

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 7

1978

NĂM THỨ XXIV (271)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRÚ
TẠI MIỀN NAM :

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chi-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Thực chất những hành động chống Việt-nam của các nhà cầm quyền Trung-quốc	1
VŨ-CÔNG-CÂN — Tài năng và sáng tạo, nguồn sức mạnh làm chủ tập thể của thanh niên	5
NGUYỄN-THỊ-BÌNH — Đề tiến tới cải cách giáo dục phổ thông	14
PHẠM-THÀNH — Xây dựng cơ chế làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động	21
VĂN-TẬP — Dự thảo Hiến pháp mới và vấn đề thể chế hóa đường lối kinh tế của Đảng	30
LÊ-TỰ — Hòa chất, một ngành công nghiệp mũi nhọn	40
VŨ-VĂN-DINH — Máy kinh nghiệm bước đầu giải quyết vấn đề lương thực ở tỉnh Nghĩa-bình	48
HOÀNG-DINH-CÁC — Vấn đề sinh đẻ có kế hoạch	55
Nghiên cứu ★ VĂN-TẠO — Một số suy nghĩ về bước trưởng thành của giai cấp công nhân Việt-nam	64
ANH-PHONG — Bước đầu tìm hiểu những quan điểm về lối sống mới của Hồ Chủ tịch	73
VŨ-LỘ — Phát triển nhanh chóng lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, hoàn thành nhiệm vụ cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam	81
Sinh hoạt Đảng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG — Cải tạo này cải ung	89
NGUYỄN-MINH-PHƯƠNG — Cu-ba vững bước trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội	91
HỮU-NGHỊ — Sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-x-tin nhất định thắng lợi	95
VĂN-HIỆN — Về xu thế độc lập, hòa bình, trung lập ở khu vực Đông - nam Á	98

Tìm đọc:

BỘ TÀI LIỆU HỌC TẬP ĐIỀU LỆ XI NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

Điều lệ xi nghiệp công nghiệp quốc doanh

LÊ - THANH - NGHỊ

- Quán triệt và thi hành đúng Điều lệ xi nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Máy vấn đề lớn trong việc thi hành Điều lệ xi nghiệp công nghiệp quốc doanh

★ ★ ★

- Công tác kế hoạch, kế toán - thống kê trong xi nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Công tác pháp chế, chế độ hợp đồng kinh tế trong xi nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Công tác tài chính, tín dụng, giá cả trong xi nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Công tác quản lý lao động, vật tư, kỹ thuật xi nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy quản lý trong xi nghiệp công nghiệp quốc doanh
- Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành công đoàn trong xi nghiệp công nghiệp quốc doanh



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HX
9

.H68B

1978

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

The University
of Michigan
Periodical
Reading Room

8

8.1978

VỀ VIỆC KỶ NIỆM LẦN THỨ 33 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (*)

NĂM nay, chúng ta kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 trong tình hình bọn phản động quốc tế câu kết với chủ nghĩa đế quốc đang ráo riết chống phá sự nghiệp hòa bình xây dựng của nhân dân ta, tìm cách làm giảm uy tín của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt - nam, hòng thực hiện những ý đồ đen tối của chúng.

Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng nước ta là động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, ý chí tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng của ta, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và phá hoại nước ta, quyết tâm giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới phía tây — nam, tăng cường phòng thủ đất nước sẵn sàng chiến đấu đánh bại chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn.

Nhân dịp này, cần mở **một đợt tuyên truyền, động viên chính trị thật rộng rãi và sâu sắc, nhằm các yêu cầu sau đây :**

— Một là, làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân hiểu thật rõ tình hình và nhiệm vụ mới; nắm vững cả hai nhiệm vụ vừa đẩy mạnh xây dựng kinh tế vừa tăng cường quốc phòng, vừa sản xuất, vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; hiểu rõ âm mưu thủ đoạn của đối tượng cách mạng của nhân dân ta hiện nay; nhận thức đầy đủ chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch và thắng lợi tất yếu của sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân ta.

— Hai là, giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, đoàn kết chống ngoại xâm; bồi dưỡng ý thức « không có gì quý hơn

(*) Thông tri của Ban bí thư Trung ương Đảng, ngày 11-8-1978.

độc lập, tự do », tinh thần độc lập tự chủ và ý chí quyết chiến quyết thắng: nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng; phát huy tinh thần làm chủ tập thể, phát động phong trào cách mạng của quần chúng hoàn thành mọi nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tốt hơn đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

— Ba là, trên cơ sở nhận thức tình hình và nhiệm vụ mới của cả nước, mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở đề ra được phương hướng, mục tiêu, biện pháp hành động của mình phù hợp với tình hình mới và bàn sâu một số việc phải làm ngay; mỗi đảng viên, mỗi chiến sĩ, mỗi đoàn viên thanh niên, mỗi công nhân, mỗi nông dân, trí thức... phải xác định rõ được trách nhiệm cụ thể của mình đối với việc xây dựng và bảo vệ đất nước, đối với việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của tổ chức giao cho; tạo nên phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực có hiệu quả ở từng cơ sở sản xuất, từng đơn vị chiến đấu, từng cơ quan, trường học; thực hiện bằng được những nhiệm vụ về xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Những hình thức tổ chức cụ thể :

1 — Tổ chức một đợt tuyên truyền giáo dục về thành tựu của cách mạng nước ta, về tình hình và nhiệm vụ mới, về tinh thần độc lập tự chủ của Đảng ta, về truyền thống yêu nước, bất khuất, tự lực tự cường, quyết chiến quyết thắng của nhân dân ta.

Trong đợt tuyên truyền giáo dục này, ngoài lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, các đảng viên, đoàn viên phải là những người tuyên truyền tích cực hoạt động ở cơ sở: các đoàn thể, nhất là Đoàn thanh niên, cần tổ chức rộng rãi các hoạt động giáo dục truyền thống, các hình thức diễn đàn, hội thảo nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của từng người, từng tổ chức trong việc xác định nhiệm vụ của đơn vị và trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2 — Trên cơ sở tạo được một chất lượng mới về tư tưởng, chính trị, về nhiệt tình cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, **phát động phong trào đăng ký lập công** ở mỗi đơn vị, mỗi cơ sở nhằm đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và tổ chức tốt đời sống nhân dân. Mỗi người đăng ký hoàn thành một công việc cụ thể, trong một thời gian cụ thể với khí phách của người Việt - nam yêu nước và làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa: khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng, và với tinh thần: mỗi người làm việc bằng hai vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3 — Trong ngày 2-9, các thành phố, thị xã tổ chức mít-tinh và tuần hành quần chúng, nhằm biểu dương ý chí và sức mạnh của nhân dân, nhất là của thanh niên ta đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4 — Tổ chức một đợt biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, triển lãm và hoạt động thể thao quốc phòng... nhằm phát huy và cổ vũ mạnh mẽ truyền thống yêu nước bất khuất, khí phách anh hùng và tinh thần lạc quan cách mạng của dân tộc Việt-nam, phát huy những thành tựu, những nhân tố mới, những điển hình trong phong trào cách mạng của quần chúng.

5 — Báo chí, đài phát thanh và truyền hình căn cứ vào những yêu cầu trên đây, mở một đợt tuyên truyền, cổ động bằng nhiều hình thức sinh động từ giữa tháng 8 đến giữa tháng 9 năm 1978.

Trong dịp này các tổ chức Đảng và quần chúng ở các địa phương cần chú ý đề cao, chăm sóc các gia đình liệt sĩ, bộ đội, các anh chị em thương binh, bệnh binh và động viên thăm hỏi các cán bộ, chiến sĩ ở vùng biên giới, hải đảo...

MỪNG BÁC TÔN 90 TUỔI

NGÀY 20-8-1978, đồng chí Tôn-Đức-Thắng vừa đúng 90 tuổi.

Suốt 70 năm phấn đấu hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, Đồng chí Tôn-Đức-Thắng tiêu biểu cho tinh thần yêu nước nồng nàn của dân tộc Việt-nam và tinh thần cách mạng triệt để của giai cấp công nhân Việt-nam.

Xuất thân từ một công nhân ngành cơ khí, Đồng chí tiêu biểu cho vai trò tiên phong của giai cấp công nhân Việt-nam, giai cấp tiên tiến nhất trong xã hội Việt-nam, có sứ mệnh lịch sử vĩ đại lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam.

Hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, tham gia tích cực cuộc khởi nghĩa của hải quân Pháp ở biển Đen để ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga, Đồng chí Tôn-Đức-Thắng tiêu biểu cho tinh thần quốc tế vô sản cao cả và linh hựu nghị của giai cấp công nhân và nhân dân Việt-nam đối với đất nước của Lê-nin vĩ đại.

16 năm bị tù đầy ở khám lớn Sài-gòn và nhà tù Côn đảo, Đồng chí đã nêu cao khí tiết cách mạng của người chiến sĩ cộng sản Việt-nam.

Từ ngày Cách mạng tháng Tám thắng lợi đến nay, Đồng chí Tôn-Đức-Thắng gánh vác những trách nhiệm nặng nề: Ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng, Phó trưởng ban thường trực Quốc hội, Tổng thanh tra Chính phủ, Trưởng ban thường trực Quốc hội, Chủ tịch Mặt trận dân tộc thống nhất, Phó chủ tịch rồi Chủ tịch nước, v.v Ở bất cứ cương vị công tác nào, Đồng chí cũng hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó.



Đồng chí TÔN - ĐỨC - THẮNG

Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam

Là một người cộng tác gần gũi của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, Đồng chí Tôn-Đức-Thắng đã góp phần tích cực vào công việc lãnh đạo cách mạng Việt-nam, đưa cách mạng Việt-nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đồng chí Tôn-Đức-Thắng nêu cao tinh thần cách mạng kiên cường, lòng tin vững chắc, ý thức tổ chức và kỷ luật. Đời sống hằng ngày của Đồng chí vô cùng giản dị. Đồng chí là một tấm gương sáng về đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 90 Ngày sinh của đồng chí Tôn-Đức-Thắng, chúng tôi kính chúc Đồng chí khỏe mạnh, sống lâu, đề cùng các đồng chí khác trong Ban chấp hành trung ương Đảng lãnh đạo dân và quân ta hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Tạp chí Cộng sản

PHÁT HUY NGUỒN TIỀM NĂNG LAO ĐỘNG LỚN NHẤT CỦA CẢ NƯỚC ĐỂ PHÁT TRIỂN MẠNH NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ NGƯ NGHIỆP

NGUYỄN-THỌ-CHÂN

ĐẠI HỘI lần thứ IV của Đảng đã vạch rõ đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta, những nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế trong 5 năm 1976 — 1980; và nêu lên sự cần thiết phải tận dụng hợp lý nhất và ngày càng tốt mọi lực lượng sản xuất hiện có, bao gồm lực lượng lao động, các nguồn lợi thiên nhiên và phương tiện vật chất kỹ thuật... Tiếp đó, Hội nghị lần thứ 2 của Trung ương Đảng nhấn mạnh: trong những năm trước mắt, trên mặt trận kinh tế phải *nắm vững nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp giải quyết cho được vấn đề lương thực, thực phẩm*, tạo ra những điều kiện vật chất thuận lợi để thực hiện cùng một lúc hai yêu cầu cơ bản và cấp bách là xây dựng cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân» (1).

Để thực hiện những nhiệm vụ nói trên, chúng ta có những thuận lợi cơ bản. Đó là diện tích đất đai canh tác có thể mở rộng tới hàng chục triệu héc-ta và làm được nhiều vụ trong

năm. Đó là trên 5 triệu héc-ta đất rừng cần được trồng lại và hàng chục triệu héc-ta khác có nhiều loại gỗ và lâm sản quý có thể khai thác — những diện tích này đồng thời còn là địa bàn thuận lợi để phát triển chăn nuôi đại gia súc hoặc trồng cây công nghiệp trên quy mô lớn. Đó là vùng biển với trên 3.000 km bờ biển cho phép mở rộng đánh bắt, nuôi hải sản, phát triển nghề nuôi và chế biến thực phẩm xuất khẩu. Nơi đây còn có nhiều thuận lợi để phát triển kinh doanh du lịch nhằm phát huy khả năng kinh tế tổng hợp của vùng biển. Thuận lợi đó còn là trang bị kỹ thuật đầu tư vào nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp ngày càng lớn, thúc đẩy nhanh quá trình phân công lao động mới nhằm tăng năng suất lao động và tỏ chức lại sản xuất ở những khu vực này.

Bên cạnh ưu thế về tài nguyên thiên nhiên, về cơ sở vật chất — kỹ thuật đã xây dựng được, nước ta có

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV). *Tạp chí Cộng sản* số 9-1977, trang 14.

đội ngũ lao động trên 23,5 triệu người, trong đó lao động nông nghiệp chiếm trên 60% (gần 15 triệu, mà 3 triệu là thanh niên). Dự tính, nếu thực hiện nghiêm túc cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch thì tới năm 1980, lao động nông nghiệp của cả nước sẽ lên tới khoảng 16 triệu người.

Nếu coi *"Lao động là cha, còn đất là mẹ của của cải vật chất"* thì đây là nguồn tiềm năng vô cùng quý giá, quyết định sự phát triển của nền kinh tế quốc dân nói chung và của nông nghiệp nói riêng.

Song chúng ta đang có những mặt hạn chế lớn. Lớn nhất là nền sản xuất nông nghiệp (bao gồm lâm nghiệp và ngư nghiệp) còn phổ biến là sản xuất nhỏ, năng suất lao động quá thấp, lực lượng lao động bị lãng phí nghiêm trọng và kéo dài.

Hiện nay, ở miền Bắc số người tham gia sản xuất trong hợp tác xã đã lên tới 95,5% so với tổng số lao động nông nghiệp, nhưng số người có ngày công từ 250 ngày trở lên mới chiếm gần 20%. Số người làm dưới 200 ngày/năm còn chiếm ngót 50%, trong đó có trên 11% làm dưới 100 ngày. Về giờ công, bình quân mỗi người mới làm trên dưới 6 giờ.

Có tình hình phổ biến là hợp tác xã tiến hành sản xuất và hạch toán kinh tế nhưng không đi từ hạch toán lao động chặt chẽ. Giao việc không theo định mức lao động cụ thể. Trả công theo công điểm một cách tùy tiện, không căn cứ vào mức hao phí lao động cho mỗi công việc, mỗi ngày lao động. Có một số ít hợp tác xã, việc làm 2—3 giờ được tính một công (10 điểm). Vì vậy đã có những nơi, những hợp tác xã ngày công bình quân của mỗi xã viên tính ra là từ 280 đến 300 công, nhưng thời gian lao động thực tế chỉ bằng một nửa hoặc

ít hơn. Năng suất lao động quá thấp và thu nhập mỗi ngày công ở số hợp tác xã này rất thấp.

Một khuyết điểm khác dẫn đến lãng phí lao động và năng suất lao động thấp, là chưa có quỹ hoạch, kế hoạch đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật cho nông nghiệp và còn để kéo dài tình trạng thiếu công cụ sản xuất, nhất là công cụ thường và công cụ cải tiến. Mỗi trâu, bò cày bình quân mới có 0,84 cây, 0,88 bữa. Mỗi lao động bình quân chỉ có 1,23 cái mai (hoặc cuốc, thuổng) hay 1, 2 cái liềm (hải), 11 lao động mới có 1 xe vận chuyển. Trong lâm nghiệp, ngư nghiệp cũng có tình trạng tương tự.

Trong khi đó, máy móc thiết bị đã ít lại không được sử dụng, bảo quản tốt. Việc quản lý còn tùy tiện và bó hẹp trong phạm vi nhỏ của từng hợp tác xã, không phù hợp với yêu cầu quản lý nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, tuy đã có một số lượng nhất định về máy nông nghiệp nhỏ, nhưng lao động nông nghiệp chủ yếu vẫn là thủ công, nền sản xuất nông nghiệp chủ yếu vẫn còn là sản xuất cá thể, nhỏ bé. Nhìn chung nền nông nghiệp của nước ta chủ yếu còn là sản xuất nhỏ, mang nặng tính chất độc canh. Chăn nuôi chưa trở thành ngành sản xuất lớn. Các ngành nghề tiểu công nghiệp—thủ công nghiệp ở nông thôn chưa được mở mang đúng mức. Công tác thủy lợi, giao thông chưa được hoàn chỉnh và cơ sở vật chất—kỹ thuật còn nghèo nàn, thiếu thốn.

Để khắc phục những thiếu sót và nhược điểm trên nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, trong thời gian tới, về mặt tổ chức lại lao động ở cơ sở, cần chú ý mấy điểm dưới đây:

MỘT LÀ, PHÂN BỐ LẠI LAO ĐỘNG Ở CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, NGƯ NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT LỚN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Quá trình đưa nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là quá trình phân công, hiệp tác lao động ngày càng rộng rãi, hình thành các tổ chức sản xuất chuyên môn hóa, hiệp tác hóa trong một cơ cấu nhất định. Việc phân công, hiệp tác đó không thể thu hẹp trong phạm vi một hợp tác xã, mà phải mở rộng và gắn bó mật thiết với các hợp tác xã trong vùng, với các cơ sở kinh tế quốc doanh trong phạm vi toàn huyện. Có như vậy, mới huy động được hết tiềm năng lao động dồi dào vào sản xuất và tạo ra năng suất lao động cao hơn

Hiện nay, Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích chăn nuôi: dành từ 10% đến 15% diện tích đất đai để trồng cây làm thức ăn cho gia súc, 2% sản lượng thóc, ngô và 5% sản lượng khoai, sắn của hợp tác xã để hỗ trợ cho chăn nuôi lợn tập thể và chăn nuôi của gia đình xã viên. Nếu biết sử dụng hợp lý lao động trên diện tích này, thì cộng với số thóc, ngô, khoai, sắn của hợp tác xã hỗ trợ cho chăn nuôi, chúng ta sẽ có đủ điều kiện để bảo đảm chỉ tiêu 16,5 triệu con lợn do Đại hội lần thứ IV của Đảng đề ra. Nhưng trong thực tế, chúng ta còn rất lúng túng, chưa mạnh dạn đầu tư lao động, vốn, kỹ thuật vào chăn nuôi.

Để đạt mục tiêu 16,5 triệu con lợn và 1 triệu tấn thịt hơi trong năm 1980, chúng ta không thể dừng lại ở tỷ trọng lao động đầu tư cho chăn nuôi lợn còn quá thấp (4% - 5%) như hiện nay. Cần tăng nhanh tỷ trọng này lên gấp hai lần hoặc hơn nữa, có như vậy, mới có thể "đưa chăn nuôi lên cân đối với trồng trọt ngay trên địa bàn từng huyện, từng vùng và từng tỉnh. Phát triển chăn nuôi ở cả ba

khu vực: quốc doanh, tập thể và gia đình...» (2).

Ngoài chăn nuôi lợn, điều kiện thiên nhiên còn cho phép mở rộng chăn nuôi trâu, bò, dê, cừu để lấy sữa, lông, thịt và da; phát triển ngành công nghiệp chế biến, tăng nguồn hàng xuất khẩu. Vì vậy, cần dành lực lượng lao động để hình thành sớm các khu chăn nuôi đại gia súc và xây dựng dần khu công nghiệp chế biến thực phẩm (thịt, sữa, đồ da và xương, sừng) nhằm khai thác khả năng tổng hợp của các khu chăn nuôi này.

Từ bao đời nay người nông dân Việt-nam đã khẳng định lợi ích to lớn của việc nuôi cá: "Thứ nhất thả cá" (hay nuôi cá), vì nuôi cá, đánh bắt cá ở ta có nhiều thuận lợi và ăn chắc. Song, trước kia, hồ ao, sông, suối... thuộc quyền sở hữu của giai cấp bóc lột. Nông dân phải nai lưng ra làm cho chúng hưởng. Ngày nay hồ, ao, sông, suối, nói chung đã thuộc về sở hữu tập thể và sở hữu toàn dân (trừ một số ao ở miền Nam còn thuộc sở hữu riêng của người nông dân cá thể). Đó là những nguồn cá vô tận nếu có kế hoạch và tổ chức đánh bắt, nuôi dưỡng tích cực. Hơn nữa nghề đánh bắt, nuôi tôm, cá (hải sản, thủy sản) lại được Đảng và Nhà nước hết sức khuyến khích: "Phát triển mạnh nghề nuôi cá, tôm trên các mặt nước ở cả đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển". Đây là một thuận lợi lớn. Chúng ta cần tổ chức lao động hợp lý, ưu tiên trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành sản xuất

(2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa IV), Tạp chí Cộng sản số 9 - 1977, trang 16.

mới này. Ngay trong năm 1978, phải tăng thêm lao động chuyên làm ngư nghiệp khoảng 4 vạn người (tăng 8% so với năm 1977). Bằng sức lao động dồi dào và sáng tạo, chúng ta sẽ phần nào đảm bảo đủ sản lượng cá cho yêu cầu chế biến xuất khẩu và để mỗi bữa ăn của người lao động đều có cá, tôm.

Rừng và nghề rừng có vị trí rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: «*Phát triển lâm nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Coi trọng tất cả các khâu: trồng rừng, tu bổ, bảo vệ rừng và khai thác rừng. Phủ kín các đồi trọc và đồi cát ven biển trong khoảng vài ba kế hoạch 5 năm: xây dựng những khu rừng tập trung cho nhu cầu công nghiệp và rừng cây đặc sản theo hướng chuyên môn hóa và thâm canh*».

Theo phương hướng này, nghề rừng mở ra nhiều khả năng thu hút lao động và cũng đòi hỏi phải tổ chức lại lao động cho hợp lý giữa hai khu vực quốc doanh và tập thể, giữa các vùng trung du, miền núi và đồng bằng, miền biển.

Việc phân bố lao động hợp lý ở đây phải hướng vào việc thực hiện chỉ tiêu trồng 1,2 triệu héc-ta, rừng và khai thác 3,5 triệu m³ gỗ vào cuối kế hoạch 5 năm (1980). Trong năm 1978 phải phân bổ tăng lực lượng lao động chuyên làm nghề rừng từ 38 vạn lên 51 vạn người.

Cần tổ chức các tổ, đội chuyên trồng cây gây rừng với số lượng phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông, thủy lợi, quy hoạch chắn cát bão và đồng ruộng và trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, v.v. Đặt rõ vấn đề này là dựa vào yêu cầu phát triển kinh tế quốc dân, phục vụ nhu cầu cấp bách của công tác xây dựng cơ bản (của Nhà nước, tập thể và nhân dân), đồng thời căn cứ vào khả năng và kinh nghiệm trồng cây, gây rừng thực tế của các huyện đồng bằng và

ven biển. Hiện nay, «*Tết trồng cây*» theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch đã trở thành phong trào sâu rộng trong nhân dân ở các vùng này. Các đội trồng cây gây rừng đã trở thành những tổ chức sản xuất chuyên môn hóa có chỉ tiêu sản xuất rõ ràng, có nền nếp quản lý chặt chẽ và hàng năm đã tạo ra giá trị sản lượng khá, góp phần tích lũy vốn cho hợp tác xã. Hợp tác xã Hạ-hội (huyện Đan-phượng, tỉnh Hà-sơn-binh) thành lập tổ trồng cây, gây rừng với trên 40 cụ ông, cụ bà và 8 héc-ta đất trồng (cả vườn ươm và gò, bãi, ven đê, ven đường), trong 10 năm qua đã ươm trồng gần 20 vạn cây lấy gỗ, cây công nghiệp, cây ăn quả, hằng năm thu về cho hợp tác xã một giá trị tổng sản lượng lớn hơn so với nguồn thu từ cây lương thực, và cung cấp hàng vạn cây gỗ cho nhu cầu xây dựng cơ bản của hợp tác xã và xã viên. Huyện Yên-hưng (tỉnh Quảng-ninh) là huyện đứng đầu miền Bắc về trồng cây gây rừng, bình quân một người dân ở đây đã trồng được hàng trăm cây lấy gỗ, góp phần đáng kể vào việc tích lũy vốn và thỏa mãn một phần nhu cầu về gỗ cho công nghiệp, cho xây dựng cơ bản của Nhà nước cũng như của nhân dân địa phương.

Trong hoàn cảnh chưa thể mở rộng nhanh chóng đội ngũ lao động làm nghề rừng quốc doanh, cần sử dụng hợp lý nhiều nguồn lao động để mở mang nghề rừng một cách toàn diện. Phát triển hình thức hợp đồng lao động với các hợp tác xã gần vùng lâm nghiệp. Giúp đỡ các huyện, xã tổ chức hợp tác xã chuyên doanh nghề rừng. Kết hợp với các bộ môn kỹ thuật của ngành lâm nghiệp và các ngành chức năng sở tại để tổ chức và bồi dưỡng đội ngũ lao động có nghề bổ sung cho lực lượng sơn tràng và vận chuyển bê măng, nhằm tăng nhanh năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm. Tận dụng lực lượng lao động của các vùng kinh tế mới và vận động một

bộ phận lực lượng quân đội giúp đỡ trong một số công việc phù hợp như làm đường vận xuất, tu bổ, trồng mới và bảo vệ rừng.

Cần có kế hoạch hướng dẫn cho các địa phương vùng ven biển tận dụng mọi khả năng lao động để trồng cây, phủ xanh bãi hoang, cồn cát. Hướng việc trồng cây, gây rừng vào phục vụ nhu cầu thiết yếu của vùng ven biển như: gỗ cho công nghiệp (mỏ), xây dựng và yêu cầu dân dụng, chất đốt, cây ăn quả phục vụ nhu cầu tại chỗ và xuất khẩu; chống cát, bảo vệ đồng ruộng, v.v...

Nếu có biện pháp hướng việc trồng cây gây rừng vào việc phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế ở các vùng đồng bằng, ven biển như vậy, lại có chỉ tiêu kế hoạch trồng cây hàng năm và dài hạn, đồng thời giao vốn (hoặc cho vay) và hướng dẫn kỹ thuật trồng (tỉa, chăm sóc, bảo vệ cây trồng cho từng hợp tác xã thì có thể thu hút một lực lượng lao động đáng kể vào công việc này. Chỉ trong vòng 5—10 năm, đã có thể thu về một sản lượng gỗ hoặc lâm sản quý để phục vụ tiêu dùng, nâng cao đời sống và tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu.

HAI LÀ, COI TRỌNG CÔNG TÁC ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CÓ CĂN CỨ TIẾN BỘ, NHẪM BẢO ĐẢM TĂNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VỮNG CHẮC VÀ XÁC LẬP KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG CHÍNH XÁC

Một tổ chức lao động được coi là hợp lý khi đem lại hiệu quả thiết thực: tiết kiệm lao động sống và lao động vật hóa nhiều nhất và tăng năng suất lao động vững chắc nhất.

Muốn có một tổ chức lao động như vậy trong nông nghiệp và ngư nghiệp, trước hết phải biết là cần bao nhiêu lao động sống (biểu hiện cụ thể là ngày công, giờ công) để hoàn thành một công việc hay một khối lượng công việc nào đó. Điều đó có nghĩa là phải tiến hành định mức lao động cho từng khâu, từng việc.

Có mức lao động hợp lý mới có căn cứ để xây dựng kế hoạch lao động sát đúng, bố trí người nào việc ấy một cách cân đối để tiến hành sâu xuất nhịp nhàng, ăn khớp.

Có mức lao động hợp lý mới có cơ sở để khắc phục tình trạng «đơng công, phóng diêm», thực hiện trả công theo sản phẩm, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, khuyến khích mọi người thi đua cải tiến tổ chức sản xuất, cải tiến kỹ thuật để giành năng suất lao động cao. Nhờ đó

mà hoàn thành nhiệm vụ một cách vững chắc và đúng hạn.

Quá trình xây dựng và chỉ đạo thực hiện định mức lao động trong nông nghiệp cũng là quá trình học tập, xây dựng tác phong quản lý tiến bộ: cân đối kế hoạch sản xuất với kế hoạch lao động; phân tích mức hao phí lao động thực tế cho mỗi công việc để xác định lượng lao động cần phải đầu tư, và các yếu tố nhằm tiết kiệm lao động và tăng năng suất lao động; có biện pháp kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện để tinh trả công công bằng, hợp lý. Qua đó giúp cho người quản lý hiểu sâu và nắm vững hơn hai nguồn tiềm năng to lớn của hợp tác xã để có biện pháp tận dụng, nhằm tạo ra bước chuyển biến vượt bậc trong nông, lâm, ngư nghiệp.

Thực hiện định mức lao động có nền nếp, điều chỉnh định mức lao động kịp thời và thường xuyên, còn góp phần tích cực xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, biết vì lợi ích của tập thể mà đề cao nghĩa vụ lao

động, làm việc đủ ngày, đủ buổi để tạo ra năng suất lao động cao, sản phẩm nhiều, chất lượng tốt. Từ đây cũng giúp cho mỗi người có căn cứ để đấu tranh với thái độ lao động tùy tiện « được chăng hay chớ » và đánh giá đúng đắn mức độ đóng góp của mình và của tổ, nhóm vào kết quả lao động chung, trên cơ sở đó phát huy đầy đủ hơn vai trò làm chủ tập thể của mình.

Với ý nghĩa như vậy, định mức lao động trong nông nghiệp là hoàn toàn cần thiết để tăng cường quản lý lao động, cải tiến tổ chức sản xuất ở cơ sở. Nó góp phần tích cực vào việc tăng cường năng lực quản lý của cán bộ và bảo đảm tốt nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt của người lao động — nhất là về mặt nghĩa vụ lao động và quyền lợi vật chất được hưởng thụ. Nhờ đó tiềm năng lao động của tập thể hợp tác xã sẽ được nhân lên.

Tuy vậy, trong tình hình sản xuất nông nghiệp phần lớn còn tiến hành bằng lao động thủ công, lại phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên, trình độ tay nghề và ý thức làm chủ tập thể của xã viên chưa cao, chưa đồng đều, trình độ quản lý mọi mặt của hợp tác xã còn có nhiều hạn chế — nhất là nghiệp vụ công tác định mức lao động còn rất yếu và cán bộ chuyên trách công tác này còn rất thiếu, chúng ta không thể làm ồ ạt, hoặc khoán trắng cho hợp tác xã tự làm khi nó chưa chuẩn bị kịp những điều kiện vật chất cần thiết. Song chúng ta cũng không nên chờ đợi khi nào hợp tác xã có thể tự làm mới đi vào chỉ đạo, mà phải tạo điều kiện vừa làm, vừa rút kinh nghiệm; từ đơn vị làm thử, mở rộng dần ra từng ngành, từng vùng nhỏ và toàn huyện. Dựa vào nơi làm thử, xây dựng mức mẫu, đưa ra áp

dụng ở một số khâu, một số vùng rồi hướng dẫn cách làm cho cán bộ chuyên trách và cán bộ quản lý hợp tác xã để đưa mức mẫu vào thực hiện rộng rãi. Cùng với việc thực hiện định mức có căn cứ tiến bộ, cần tiến hành cân đối lao động để tổ chức lại cho hợp lý trong những khâu, ngành xét là cần thiết. Cho phương lương mở thêm công việc mới để tận dụng số lao động dôi ra, đồng thời cũng là để cho mọi người lao động có việc làm thường xuyên, khắc phục tình trạng « nông nhàn » trong sản xuất nông nghiệp — một nguyên nhân quan trọng dẫn đến biến động tự phát về lao động trong những khi thời vụ rảnh rỗi.

Cần lấy việc kế hoạch hóa lao động, tận dụng sức lao động xã hội làm cơ sở xuất phát để xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế của từng đơn vị cơ sở, từng địa phương. Xây dựng kế hoạch lao động chặt chẽ, sát với từng ngành nghề hiện có và dựa chắc vào tiềm lực đất đai, rừng, biển, nghề truyền thống của hợp tác xã, của vùng, huyện.

Hiết sức chống tư tưởng vì sợ thừa người không biết đưa đi đâu, nên không dám đi sâu vào định mức lao động, cải tiến tổ chức lao động một cách tích cực và toàn diện.

Đề khuyến khích người lao động ra sức phấn đấu đạt và vượt định mức, cần nghiên cứu, áp dụng hình thức trả công bằng tiền, hạn chế, tiến tới xóa bỏ hình thức trả bằng công diêm thiếu căn cứ và không còn phù hợp với yêu cầu phát triển nông nghiệp toàn diện hiện nay. Làm tốt vấn đề này còn tạo ra tiền đề vật chất để bảo đảm mối quan hệ phân phối đúng đắn giữa các ngành nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp, giữa lao động đơn giản với lao động kỹ thuật.

BA LÀ, COI TRỌNG BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ LAO ĐỘNG MỚI CÓ TINH THẦN LÀM CHỦ TẬP THỂ CAO, CÓ Ý THỨC TỔ CHỨC KỸ LUẬT, CÓ KỸ THUẬT

Phái động phong trào lao động sản xuất trong nông nghiệp nhằm từng bước xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa về thực chất là một cuộc vận động cách mạng rộng lớn của đông đảo quần chúng nông dân do Đảng ta lãnh đạo.

Một phong trào lao động sản xuất có tinh cách mạng sâu sắc như vậy chỉ có thể tiến hành với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người. Bởi vậy, cần có biện pháp kết hợp hoạt động của nhiều ngành, nhiều cấp nhằm bồi dưỡng cho người lao động nông nghiệp về nghĩa vụ và quyền lợi lao động, về kiến thức văn hóa xã hội cũng như về trình độ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế, quản lý lao động - để mọi người có thể tham gia quản lý hợp tác xã, quản lý các hình thức tổ chức lao động tập thể khác, đẩy mạnh sản xuất với tư thế của người làm chủ tập thể: làm chủ trong sản xuất, làm chủ kỹ thuật và làm chủ trong phân phối.

Tinh thần làm chủ đó thể hiện trước nhất và rõ nhất trong lao động - với tinh thần « hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ », mỗi người vì mọi người và mọi người vì mỗi người. Sẵn sàng nhận việc và hoàn thành công việc với năng suất lao động cao, chất lượng tốt.

Tinh thần làm chủ đó phải thể hiện cụ thể ở việc tự giác đề cao kỷ luật lao động làm việc đủ ngày đủ buổi, có chuẩn bị chu đáo điều kiện vật chất để tiến hành sản xuất đạt và vượt định mức lao động. Sẵn sàng điều chỉnh định mức khi đã lạc hậu để luôn luôn tạo ra năng suất lao động mới, tạo ra giá trị sử dụng mới nhiều hơn so với trước.

Tinh thần làm chủ tập thể đó cũng thể hiện ở việc đề cao trách nhiệm, bàn bạc dân chủ nhằm khắc phục mọi khó khăn, vướng mắc để hoàn thành nhiệm vụ một cách toàn diện với hiệu quả kinh tế cao.

Tinh thần làm chủ tập thể đó không chấp nhận thái độ lao động tắc trách, xâm phạm tài sản tập thể hoặc chỉ lo vun quén cho mảnh ruộng, thửa vườn riêng mà không chăm lo đến lợi ích của tập thể và của Nhà nước. Và, càng không thể chấp nhận thái độ so đo, dễ làm, khó bỏ, gây khó khăn cho việc điều hành lao động chung và dẫn đến năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm kém.

Đương nhiên đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là việc mới, việc khó. Rất có thể, do những hạn chế về mặt quản lý, hợp tác xã còn gặp nhiều khó khăn, thậm chí vấp vấp. Song không được vì thế mà sinh ra hoài nghi « chân trong chân ngoài », « chân ngoài dài hơn chân trong », chênh lệch công việc của hợp tác xã. Ngược lại, phải ra sức làm trọn nghĩa vụ lao động của mình đối với tập thể và xã hội, trên cơ sở đó mà bảo đảm lợi ích của bản thân và gia đình mình. Đó là tư tưởng và hành động của người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là cách tốt nhất để phát huy cao độ tiềm năng lao động, đưa sản xuất nông nghiệp tiến lên vững chắc.

Cùng với việc tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị, phải coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng trình độ kỹ thuật cho lực lượng lao động nông nghiệp, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng để nâng cao năng suất lao động và tạo nên một lực lượng lao động

kỹ thuật mạnh mẽ, đồng bộ, thích ứng với yêu cầu cải tiến quản lý và trang bị kỹ thuật ngày một tăng nhanh. Đào tạo được đội ngũ lao động kỹ thuật giỏi và đồng bộ, có ý thức làm chủ tập thể cao sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phân công lao động mới trong nông nghiệp và trong toàn xã hội, từ đó mà tạo thêm nhiều giá trị sử dụng mới nhằm thỏa mãn nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân.

Vấn đề này đòi hỏi phải có quy hoạch, kế hoạch cụ thể, có sự chỉ đạo tập trung, thống nhất và sự tham gia tích cực của nhiều ngành. Trước mắt, các sở, ty lao động cần kết hợp với các ngành có liên quan, trước nhất là các ngành nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng cơ bản ở địa phương để tổ chức các trường lớp đào tạo ngắn hạn hoặc kết hợp với một số huyện có điều kiện thuận tiện để đào tạo tại chỗ. Theo kinh nghiệm của một số trường lớp làm thử ở Thái-bình, Hải-hưng thì đây là hình thức tốt vừa dễ quản lý, vừa thu hút được nhiều học sinh mà không tốn kém nhiều công, của. Vấn đề đặt ra ở đây là phải chọn huyện điềm để tổ chức trường lớp và xác định rõ mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo. Từ đó, giải quyết đúng đắn lực lượng giáo viên kiêm chức nhằm bảo đảm tốt chất lượng đào tạo.

Cần chú ý bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động kỹ thuật sẵn có. Có thể vận dụng nhiều hình thức để bồi dưỡng được nhiều người, nhiều nghề. Kết hợp với các ngành quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất như vật tư nông nghiệp, các trạm máy kéo, các nhà máy hoặc cơ sở cơ khí sửa chữa huyện, v.v. để thực hiện chương trình bồi dưỡng theo lớp tập huấn hoặc luyện tay nghề, thi thợ giỏi. Cũng có thể tổ chức các nhóm lưu động đến từng hợp tác xã hoặc từng cụm, xã để

kiểm tra và bồi dưỡng tay nghề theo một chương trình vạch sẵn

Song song với việc xây dựng lực lượng lao động giỏi, cần đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi. Bởi vì cán bộ quyết định hết thảy. Và, cũng bởi vì cán bộ quản lý ở các cơ sở sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp còn thiếu và yếu, chưa thích ứng với yêu cầu tổ chức lại sản xuất và xây dựng huyện thành cấp kế hoạch toàn diện.

Cần chú ý đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý một cách có hệ thống, trước hết cho chủ nhiệm hợp tác xã và đội trưởng sản xuất. Mỗi vùng, mỗi huyện có thể đào tạo theo chương trình quản lý, nghiệp vụ hoàn chỉnh với thời gian dài. Cũng có thể đào tạo về từng mặt, khớp với yêu cầu chỉ đạo trong từng thời kỳ, với chương trình và thời gian ngắn hơn song cũng sâu hơn. Huyện kết hợp với các ngành chức năng của tỉnh đứng ra tổ chức việc đào tạo hoặc gửi người về các trường lớp đào tạo chung của tỉnh.

Đào tạo đi đôi với sử dụng, không xáo trộn, điều người đã học đi làm công việc khác, kể cả lên làm việc ở các cơ quan nghiệp vụ của Nhà nước, nếu còn có thể sử dụng lực lượng cán bộ khác vào việc đó.

Chú ý bồi dưỡng, kèm cặp theo lối vừa học, vừa làm để có thể đáp ứng ngay yêu cầu của công việc và yêu cầu đào tạo mở rộng trong lúc trường lớp, giáo viên còn thiếu. Tổ chức việc trao đổi kinh nghiệm giữa các chủ nhiệm hợp tác xã giỏi, các đội trưởng sản xuất giỏi ở từng vùng hay trong huyện. Xây dựng nền nếp đi xem thực tế từng vụ, hằng năm và về từng mặt công tác quản lý cho cán bộ quản lý, nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật. Hết sức chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ làm nòng cốt cho phong trào. Kiên quyết chuyển trả cho nông nghiệp những cán bộ quản lý có kinh nghiệm trước đây đã điều sang làm công tác khác nếu xét là có lợi

BÓN LÀ, TRANH THỦ SỰ GIÚP ĐỠ TÍCH CỰC CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP NHẪM TỪNG BƯỚC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ LAO ĐỘNG TRONG NÔNG, LÂM, NGƯ NGHIỆP

Tổ chức lại sản xuất ở cơ sở, đưa nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là bộ phận quan trọng của quá trình phân công lao động mới, một yêu cầu bức thiết của công cuộc xây dựng kinh tế, là mục đích chủ yếu của việc quản lý lao động trong giai đoạn hiện nay. Những bước phân công lao động mới đó, được tiến hành kịp thời và hợp lý thì sẽ đẩy nhanh quá trình cách mạng kỹ thuật và sự ra đời của nền sản xuất lớn. * Cần nhận thức sâu sắc rằng tích lũy ban đầu cũng như cải thiện đời sống nhân dân chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở phân công lại lao động xã hội, phân công lại lao động giữa các ngành kinh tế, chứ không phải trên cơ sở giữ nguyên trạng thái lao động nông nghiệp hiện nay » (3).

Đây là vấn đề lớn và mới mẻ, cần có sự quan tâm, đóng góp của các ngành, các cấp trong cả nước mới có thể làm tốt được.

Rồi đây, để tăng nhanh trang bị kỹ thuật và cơ sở vật chất cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, các ngành cơ khí, thủy lợi, giao thông... không thể không gắn công tác quản lý lao động của ngành mình với nông nghiệp. Phải từ yêu cầu và trình độ tiếp thu, bảo quản, sử dụng các trang bị kỹ thuật, từ yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất của nông nghiệp trong từng thời kỳ mà xác định mục tiêu phục vụ nông nghiệp. Từ đó tính toán nhu cầu lao động cần thu hút từ hợp tác xã để bổ sung cho ngành. Có phương hướng và hình thức đào tạo để xây dựng đội ngũ cán bộ và lao động kỹ thuật cho nông nghiệp, giúp nó tiếp thu nhanh và bảo quản, sử dụng có hiệu quả vốn kỹ thuật đã đầu tư vào

khu vực này. Có quy hoạch, kế hoạch tổ chức và giúp huyện và hợp tác xã tổ chức lực lượng sửa chữa cơ khí sao cho tốt để tăng thêm khả năng tự sửa chữa tại chỗ, bảo đảm hoạt động thường xuyên của máy móc, thiết bị kỹ thuật.

Các ngành công nghiệp tiêu dùng, lưu thông phân phối hướng vào phục vụ nông nghiệp cũng không thể không đi từ quan điểm bồi dưỡng lao động để tăng năng suất lao động. Bởi vì năng suất lao động của ngành chỉ có thể được nâng cao khi sản xuất nông nghiệp phát triển vững chắc, có năng suất lao động cao, và tạo ra nhiều nông sản hàng hóa, lương thực thực phẩm, nguyên liệu để phục vụ nhiều, phục vụ kịp thời cho sản xuất của ngành. Năng suất lao động nông nghiệp thấp sẽ ảnh hưởng nhiều đến yêu cầu tăng năng suất lao động của ngành.

Có chế độ, chính sách đúng đắn, có biện pháp thiết thực phục vụ nông nghiệp chính là để phát huy vai trò của nông nghiệp đối với việc phát triển sản xuất của ngành. Vì vậy, cần đặt vấn đề sử dụng đi đôi với bồi dưỡng lực lượng lao động nông nghiệp một cách tích cực.

Từ nhận thức đúng đắn trên đây, ngành lao động, cơ quan chuyên trách, giúp ủy ban nhân dân địa phương tăng cường quản lý lao động nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, cần kết hợp với các ngành thống kê, kế hoạch, lương thực thực phẩm và công an, điều tra, nắm chắc lực lượng lao động của tỉnh, huyện

(3) Lê-Duân : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập II, trang 51.

đề cân đối, điều hành lao động trên địa bàn huyện. Từ việc cân đối vững chắc các nguồn lao động của từng vùng, từng huyện, chủ động góp phần cải tiến công tác kế hoạch hóa. Lấy cân đối lao động làm cân đối chính để xây dựng kế hoạch kinh tế, văn hóa ở địa phương, làm sao thu hút mọi nguồn lao động sẵn có vào mọi hình thức tổ chức thích hợp: khu vực Nhà nước, khu vực tập thể thủ công nghiệp hoặc giải quyết việc làm tại chỗ, bao gồm các tổ hoặc cá nhân làm công tác dịch vụ, phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

Kết hợp với kế hoạch đăng ký lao động, giải quyết việc làm tại chỗ và điều hành lao động trong phạm vi huyện, bảo đảm nghĩa vụ cung cấp lao động cho Nhà nước.

Các phòng lao động huyện còn có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn và từng bước chỉ đạo thực hiện các mặt công tác khác như an toàn và bảo hộ lao động; đào tạo và bồi dưỡng lao động kỹ thuật; công tác tiền lương và tiền thưởng trong các cơ sở kinh tế quốc doanh địa phương và các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp...

Đây là những mặt công tác không thể thiếu đối với yêu cầu tăng cường quản lý lao động trên địa bàn huyện: đồng thời cũng là những mặt công tác mới và có nhiều khó khăn đối với trình độ và khả năng đảm nhiệm của mỗi phòng. Để hoàn thành tốt chức năng tham mưu của mình, mỗi cán bộ lao động - tiền lương của phòng lao động huyện phải nỗ lực học tập, nâng nhanh trình độ nghiệp vụ, kiến thức khoa học - kỹ thuật để tạo cho mình một năng lực mới nhằm đáp ứng kịp yêu cầu quản lý của địa

phương. Có kế hoạch đi thực tế với nội dung rất cụ thể và sát với trọng tâm công tác. Coi trọng chỉ đạo điềm làm thử về từng mặt để rút kinh nghiệm mở rộng dần các mặt công tác ra toàn huyện. Lấy kết quả thực tế làm rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của phòng. Từ đó tranh thủ sự giúp đỡ tích cực của sở, ty Lao động và việc nghiệp với Ủy ban nhân dân huyện sớm có quyết định cần thiết về kiện toàn tổ chức ngành.

Cũng cần xác định rõ công tác quản lý lao động là công tác vừa có tính nghiệp vụ, vừa có tính khoa học - kỹ thuật và xã hội rất phức tạp. Bởi vậy, dù có được tăng cường cán bộ có năng lực đến đâu chăng nữa cũng không thể làm tốt mọi việc, nếu không có sự giúp đỡ tận tình của các ngành, các cấp và sự tham gia tích cực của quần chúng lao động.

Chính nhờ sớm nhận thức được vấn đề mà nhiều phòng lao động huyện như phòng lao động Đông-hung, Vũ-thư (Thái-bình), Phú-xuyên (Hà-sơn-bình), Hải-hậu, Nam-ninh (Hà-nam-ninh) v.v... đã tiến bộ nhanh chóng và trở thành người tham mưu đắc lực của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương. Các phòng lao động huyện nói trên đã tỏ ra dám nghĩ, dám làm và làm được nhiều việc, từ đó xây dựng chức trách, nhiệm vụ hợp lý cho nên đã tranh thủ được sự bồi dưỡng, chỉ đạo tích cực của Ủy ban nhân dân và sự ủng hộ nhiệt tình của các cơ quan có liên quan ở địa phương. Đây là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của ngành lao động nhằm góp phần tích cực vào việc tăng cường quản lý lao động nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp theo phương hướng nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 của Ban chấp hành trung ương Đảng.

CÁC NHÀ CẦM QUYỀN TRUNG-QUỐC ĐANG ỦNG HỘ BỌN PHÁT XIT DIỆT CHÚNG Ở CAM-PU-CHIA

QUYẾT-TIẾN

NGÀY nay, nhìn sự vật một cách khách quan, ai cũng có thể thấy rằng, mặc dù đã trải qua cuộc đấu tranh rất anh dũng và lâu dài chống bọn xâm lược nước ngoài, nhân dân Cam-pu-chia đau thương vẫn chưa giành được thắng lợi bởi vì cuộc đấu tranh của họ đã bị phản bội. Ngày 17-4-1975 chỉ đánh dấu một sự kiện: chế độ thống trị thực dân mới của Mỹ - Lon-non được thay thế bằng một chế độ thống trị khác còn dã man, tàn bạo hơn nhiều: đó là chế độ thống trị phát xít mang đậm tính chất dã man thời trung cổ của tập đoàn phản động Pôn-pốt - Iêng Xa-ry. Bằng hành động thực tế của chúng hơn 3 năm qua, bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia đã lộ rõ là những kẻ thù không đội trời chung của nhân dân Cam-pu-chia.

Dưới sự thống trị vô cùng tàn bạo của chúng, **nhân dân Cam-pu-chia chẳng những không có chút quyền dân chủ nào, mà hơn nữa còn bị đối xử như những con vật.** Chính Anh D. Ph., một học sinh đại học ở Nông-pênh trốn thoát sang nước ta đã nói với một nhà báo nước ta rằng « Trên đất Cam-pu-chia chúng tôi, những người cầm quyền hiện nay

coi chúng tôi như là súc vật. Họ chỉ coi người dân như con trâu, con bò, có khi không bằng vì họ giết người có vẻ còn dễ hơn là giết trâu, giết bò. Nói cho cùng, chúng tôi chỉ là những nô lệ, những nông nô cùng khổ, im lìm, câm miệng suốt ngày đêm trong một đất nước được gọi rất kêu là « nước Cam-pu-chia dân chủ » »

Bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia sợ dân như cú sợ ánh sáng. Hàng triệu người dân Cam-pu-chia đã ngã gục dưới bàn tay tàn bạo của chúng. Hàng vạn Hoa kiều và Việt kiều ở Cam-pu-chia cũng chịu số phận tương tự. Bè lũ Pôn-pốt - Iêng Xa-ry giết người bằng cả súng, vồ, dao, cuốc, chúng khoét mắt, mổ bụng, moi gan người. v.v. không gớm tay. Bọn chúng đánh giết người với đủ mọi lý do: đánh giết các binh lính, sĩ quan trong quân đội Lon-non cũ và nhân viên ngày quyền cũ (nếu là sĩ quan cấp thiếu tá trở lên thì giết sạch cả gia đình) để « trừ hậu họa »; đánh giết các sư sãi vì sư sãi cũng bị coi là kẻ thù; đánh giết những người lao động yếu sức vì những người này không làm nổi việc theo ý muốn của chúng; ai kêu đòi kêu khổ thì có thể bị kết tội chống chế độ, thậm chí khóc thương

những đồng bào bị chúng giết cũng có thể bị tội chết, v.v và, v.v. Ở nước Cam-pu-chia hiện nay, **tội ác diệt chủng đang hoành hành**. Nhân dân sống trong máu và nước mắt. Thậm chí có thể nói nước mắt cũng cạn rồi, vì đã khóc quá nhiều. Thật ra, ở Cam-pu-chia vẫn còn có tiếng cười, nhưng là tiếng cười của bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia và những cố vấn Trung-quốc bên cạnh chúng!

Bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia đã từng khoe khoang: "Con đường cách mạng của Cam-pu-chia không có tiền lệ. Điều mà chúng tôi tìm cách thực hiện chưa từng xảy ra bao giờ trước đây" (lềng Xa-ry trả lời phỏng vấn báo I-ta-li-a L'express ngày 9-5-1978). Đúng là không có tiền lệ thật! Hãy điểm qua những biện pháp độc đáo của chúng. Ngay khi mới vào Nông-pênh, chúng đã đuổi hàng mấy triệu dân Nông-pênh (và các thành phố, thị trấn khác) ra khỏi thành phố, lấy cớ là để «tiêu diệt chế độ cũ», «làm cho tất cả các thành phố trở thành thành phố của công nhân». Trong cuộc họp báo ở Bắc-kinh ngày 2-10-1977, Pôn-pốt giải thích rằng: "Chủ trương này đã được quyết định từ trước khi giành thắng lợi tức là từ tháng 2-1975 bởi vì chúng tôi không đủ mạnh để bảo vệ cách mạng trước sự công kích của các tổ chức gián điệp của địch...». Tạp chí *Cờ cách mạng* của cái gọi là Đảng cộng sản Cam-pu-chia số tháng 4-1977 giải thích thêm rằng «tất cả công nhân cũ (tức công nhân trong vùng Mỹ - Lon-non kiểm soát trước đây) đều chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa». Sợ nhân dân, nhất là sợ công nhân, đó chính là bản chất của bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia. Rõ ràng việc đuổi hàng triệu nhân dân ra khỏi các thành phố là dấu hiệu đầu tiên của sự phản bội ghê gớm, một sự phản bội làm tiêu tan sạch những thành quả cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia.

Về mặt kinh tế, chúng xóa bỏ tiền tệ, xóa bỏ mọi sự buôn bán, xóa bỏ tiền lương, dồn toàn thể nhân dân vào những cái gọi là «hợp tác xã» nông nghiệp mà chúng cho là được tổ chức theo chế độ tập thể, chế độ cung cấp (nghĩa là hợp tác xã chịu trách nhiệm phân phối lương thực, quần áo, thuốc men... cho nhân dân). Có lẽ không cần phải nghiên cứu kỹ, cũng dễ nhận thấy những biện pháp ấy phản động như thế nào. Thực hiện những biện pháp ấy về thực chất là đẩy lùi nước Cam-pu-chia lại hàng nghìn năm! Nếu xem xét kỹ hơn có thể thấy rằng cái gọi là chế độ tập thể bao hàm những quan hệ bóc lột ghê gớm: đông đảo nhân dân Cam-pu-chia hầu như chỉ được sống trong đói rách và bệnh tật; còn bọn cầm quyền ở các cấp thì sống phê phỡn trên mồ hôi và máu của nhân dân. Đó là điều mà những người dân Cam-pu-chia bị nạn, chạy trốn sang nước ta đã từng tố cáo.

Kết quả của những biện pháp đó là nền kinh tế của Cam-pu-chia bị suy sụp nặng nề, đời sống nhân dân bị hạ thấp đến mức cùng cực, đúng như lời thủ nhận của một tên Bí thư khu ủy của Cam-pu-chia hồi tháng 7-1977: «Kể từ cuối tháng 5, đời sống nhân dân sa sút: nhiều huyện, đời sống xuống đến mức nghiêm trọng thật sự. Thiếu đến mức phải húp cháo toàn nước...»

Về mặt chính trị, như trên đã nói, đây là một chế độ cai trị tàn bạo của những tên cầm quyền cực kỳ phản động và dã man, một chế độ mà nhân dân chỉ có một quyền duy nhất là: làm thân trâu ngựa cho chúng và sống như những con vật! Những tên cầm quyền phản động ở đây loại trừ hết thảy những người cộng sản chân chính và những nhân sĩ dân chủ, yêu nước đã góp phần quyết định vào việc đánh đổ bọn Mỹ - ngụy Lon-non, chúng đối địch hoàn toàn với toàn thể nhân dân Cam-pu-chia. Dưới chế độ

ấy, cả nước Cam-pu-chia giống như một nhà tù khổng lồ, một địa ngục trần gian.

Về mặt văn hóa xã hội, bọn cầm quyền phản động Cam-pu-chia thì hành chính sách ngu dân, đốt sách vở, coi mọi người tri thức cũ (kể cả học sinh đại học và học sinh phổ thông cấp II) đều là kẻ thù.

Chúng chia nhân dân ra làm 2 loại và có chính sách đối xử khác nhau: đối với nhân dân vùng căn cứ cách mạng, chúng cũng thẳng tay trừng trị những người không đồng tình với chính sách phân dân hại nước của chúng; đối với nhân dân thành thị và vùng nông thôn mới giải phóng, chúng hết sức nghi ngờ và đối xử rất tàn tệ. Còn đối với các gia đình binh sĩ Lon-non, gia đình viên chức ngoại, cả các sư sãi và giáo sĩ đạo Thiên chúa, các nhà trí thức, v.v. chúng trực tiếp coi là kẻ thù và ra sức trấn áp. Ngay trong cái gọi là các "hợp tác xã", chúng cũng chia xã viên ra làm ba loại: xã viên chính thức, xã viên dự bị và xã viên gửi nhờ (là lớp người ở thành thị về) và có biện pháp đối xử khác nhau. Sự phân chia và đối xử khác nhau này không chỉ là một sự ngu xuẩn mà điều quan trọng hơn, nó phản ánh tinh thần cực kỳ phản động của bọn Pôn-pốt - Iêng Xa-ry, những kẻ đã tự đặt mình vào địa vị kẻ thù không đội trời chung của nhân dân trong nước chúng.

Một nét độc đáo nữa là chúng đã xáo trộn xã hội Cam-pu-chia một cách cực kỳ vô nhân đạo bằng cách xóa bỏ các đơn vị gia đình, bắt vợ, chồng, con cái sống tách biệt nhau. Cùng với việc chia cắt các gia đình, là sự xóa bỏ mọi phương tiện thông tin liên lạc trong xã hội, khiến cho những người thân trong gia đình không có thể liên lạc và tìm gặp nhau được. Đây là một tội ác chưa từng có trong lịch sử các dân tộc, nó xúc phạm nghiêm trọng đến lương tri của loài người.

Đối với người già, chúng tùy tiện đánh đập với lý do là « còn đi chơi được thì còn phải lao động! ». Đối với phụ nữ, chúng tổ chức những đám cưới tập thể, tùy tiện ghép những đôi nam nữ không quen biết nhau thành vợ chồng. Đối với trẻ em độ 8 - 9 tuổi chúng đã bắt phải làm những công việc nặng nhọc như: đắp đê, đào mương...!

Chúng thẳng tay giết hại những người làm nghề tôn giáo, phá chùa chiền, đốt kinh kệ, chặt đầu các tượng phật, lấy nhà thờ làm chuồng lợn.

Chúng tàn sát người Chăm, có khi làm cỏ từng thôn xóm!

Thật là « độc đáo », một chế độ xã hội như thế đang tồn tại ở những năm 70 của thế kỷ này!

Những việc làm của tập đoàn cầm quyền hiện nay ở Cam-pu-chia nói lên đầy đủ bản chất phản động của chúng.

Rõ ràng chế độ Cam-pu-chia hiện nay hoàn toàn không phải là chế độ dân chủ, mà chỉ là một chế độ phát xít diệt chủng; nước Cam-pu-chia hiện nay không có một chút nào là xã hội chủ nghĩa, mà chỉ là một nước bị tập đoàn cầm quyền phản động đưa trở lại thời kỳ trung cổ.

Tập đoàn cầm quyền Pôn-pốt - Iêng Xa-ry đã tự bóc trần bộ mặt phân dân hại nước của chúng, chúng đã hiện nguyên hình là kẻ thù độc ác của nhân dân Cam-pu-chia, là tay sai đắc lực của các lực lượng phản động quốc tế.

Tại sao một chế độ như thế với những kẻ cầm quyền như thế đã có thể tác oai tác quái, gây ra bao thảm cảnh cho nhân dân Cam-pu-chia? Một lần nữa, người ta lại phải đặt câu hỏi: Ai là kẻ ủng hộ về vật chất và tinh thần cho chế độ đó ai nuôi nấng những kẻ cầm quyền phản động đó tiến hành chính sách diệt chủng?

Những người công minh chính trực và dư luận rộng rãi trên thế giới đã chỉ rõ: đó chính là các nhà cầm quyền Trung-quốc hiện nay.

Đề kháng định điều này, chúng ta không cần phải dẫn chứng những lời phát biểu của các nhà báo, các vị đại diện của nhiều tổ chức quốc tế cũng như những lời tố cáo của hàng nghìn, hàng vạn nạn nhân trực tiếp của tội ác diệt chủng đó. Bởi vì, chính các nhà cầm quyền Trung-quốc, thông qua *Nhân dân nhật báo* ngày 12-7-1978, đã công khai thú nhận rằng: « Căm thù và sự ủng hộ của họ đương nhiên là dành cho Cam-pu-chia ». Chẳng cần phải suy nghĩ, mọi người đều thấy rằng chữ Cam-pu-chia nói ở đây là chỉ bọn phát xít diệt chủng Pôn-pốt Iêng Xa-ry chứ không phải nhân dân Cam-pu-chia, bởi vì nếu các nhà cầm quyền Trung-quốc thật sự có cảm tình với nhân dân Cam-pu-chia thì chắc hẳn họ đã ngăn chặn bàn tay đẫm máu của bọn đao phủ Pôn-pốt - Iêng Xa-ry đang tàn sát nhân dân nước chúng.

Vậy thì vì sao các nhà cầm quyền Trung-quốc lại ủng hộ bọn phát xít diệt chủng ở Cam-pu-chia? Vì sao họ lại ủng hộ toàn diện chế độ man rợ đó và làm ngơ trước những tiếng kêu cứu thảm thiết của hàng triệu nạn nhân ở Cam-pu-chia? Vì sao họ bỏ ra tới hàng tỷ đô la, cung cấp rất nhiều vũ khí và cử hàng nghìn cố vấn quân sự sang giúp bọn đao phủ Cam-pu-chia để duy trì bằng được cái chế độ xã hội xấu xa đó mà cả loài người nguyên rủa?

Câu trả lời chỉ có thể là: bọn phản động Pôn-pốt - Iêng Xa-ry là lũ tay sai khát máu mà các nhà cầm quyền

Trung-quốc rất cần để tiến hành chính sách bành trướng ở Đông-dương và Đông Nam Á, cái chế độ xã hội man rợ ấy ở Cam-pu-chia được các nhà cầm quyền Trung-quốc sử dụng làm công cụ để chống phá Việt-nam, và tiến lên chinh phục toàn bộ Đông Nam Á.

Và lại, việc các nhà cầm quyền Trung-quốc ủng hộ cái chế độ xã hội tàn bạo đó chẳng có gì là lạ, nếu chúng ta biết rằng trong nhiều năm nay các nhà cầm quyền Trung-quốc đã từng áp dụng những biện pháp gì ngay trong nước họ.

Hành động điên cuồng của bọn phản động Cam-pu-chia chống hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội không hề chứng tỏ chúng mạnh, mặc dù chúng đang được các nhà cầm quyền Trung-quốc chỉ huy và giúp đỡ tích cực. Trái lại, hành động ấy chỉ chứng tỏ rằng chúng rất yếu, địa vị thống trị của chúng rất bấp bênh. Nhất định chúng sẽ không trốn thoát khỏi sự trừng phạt của nhân dân Cam-pu-chia anh hùng được sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân Việt-nam và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

Nằm trong ba dòng thác lớn của thời đại, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia chống lại bọn phản động Pôn-pốt - Iêng Xa-ry và quan thầy của chúng, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn gian khổ, nhưng nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng. Những kẻ phản bội lợi ích chân chính của nhân dân Cam-pu-chia, nhân dân Trung-quốc và nhân dân toàn thế giới nhất định sẽ thất bại!

Tư sản gốc Hoa với sự ưu ái của nhà đương cục Trung-quốc

TIẾN - LÂM

DỪ phía Trung-quốc biện bạch như thế nào, dù luận trong nước và trên thế giới đều thấy rõ thực chất của chiến dịch vu khống Việt-nam "bài xích, khủng bố và xua đuổi Hoa kiều" là nhằm gây khó khăn, trở ngại cho sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, là một khâu trong âm mưu thực hiện chủ nghĩa bá quyền nước lớn và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, chống lại chủ quyền và nền độc lập của Việt-nam. Nhà đương cục Trung-quốc tìm cách giúp tư sản người Hoa mà họ cho là "nạn kiều" trốn tránh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đang được tiến hành ở miền Nam nước ta, và la lối om sòm rằng « nhà đương cục Việt-nam khủng bố và cướp đoạt trắng trợn đối với Hoa kiều ». Sự thật như thế nào? Chúng ta hãy xem giới tư sản người Hoa ở miền Nam Việt-nam bình thành và phát triển như thế nào và vì sao được nhà đương cục Trung-quốc ưu ái như vậy.



Trong nhiều thế kỷ qua, rất nhiều người Hoa từ các vùng Phúc-kiến,

Triều-châu, Quảng-đông, Hải-nam... đã sang lập nghiệp tại Việt-nam. Một số là thân dân triều Minh rời bỏ xứ sở để trốn tránh sự đàn áp của nhà Mãn Thanh sau khi nhà Minh sụp đổ. Một số khác khó sinh sống ở Trung-quốc vì xã hội Trung-quốc dưới các chế độ phong kiến hết sức rối loạn, bọn phong kiến địa chủ bóc lột đàn áp dữ dội, cho nên họ sang Việt-nam để làm ăn sinh sống được dễ dàng hơn. Gần đây, trong thời gian đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt-nam, một số người ở Đài-loan cũng được đưa sang Việt-nam phục vụ đế quốc Mỹ và đã ở lại đây.

Những người từ Trung-quốc sang sinh sống lâu dài ở Việt-nam, cùng làm ăn với người Việt-nam, và cũng như người Việt-nam, bị bọn đế quốc và phong kiến bóc lột, áp bức. Dần dần họ hóa thành người Việt-nam. Phần đông, họ là những người lao động. Nhưng cũng có một bộ phận cấu kết với bọn đế quốc, thực dân, bóc lột người Việt-nam và trở nên giàu có. Bọn này lợi dụng quan hệ đồng tộc, đồng chủng, bóc lột thậm tệ những người Hoa lao động. Đó là

giới tư sản người Hoa. Giới tư sản người Hoa làm đại lý bán hàng hóa và thu mua nguyên liệu cho bọn tư bản phương Tây. Bọn đế quốc phương Tây coi tư sản người Hoa là «trợ thủ đắc lực» của chúng trong việc «khai thác thuộc địa». Tự xét chúng không đủ sức nắm chặt toàn bộ nền kinh tế ở thuộc địa, bọn đế quốc phương Tây đã sử dụng «tư bản ngoại quốc đa vàng» (tức tư sản người Hoa) làm «trợ thủ» để cùng với «tư bản ngoại quốc da trắng» bóc lột nhân dân ta, bóc rút tài nguyên của nước ta, kìm hãm sự phát triển của «tư bản bản xứ», kìm hãm người Việt-nam vươn lên giành lại quyền làm chủ đất nước của mình. Muốn tự giải phóng, nhân dân Việt-nam không những phải đấu tranh chống đế quốc và phong kiến, mà còn phải đấu tranh chống tư sản mại bản người Hoa. Cuộc đấu tranh chống tư sản mại bản người Hoa vừa có tính chất đấu tranh giai cấp, vừa có tính chất đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chính quyền thuộc địa của Pháp trước đây đã cho tư sản người Hoa hưởng nhiều đặc ân kinh tế. Vì vậy, nhiều tư sản người Hoa đã trở thành đại tư sản mại bản và tích cực phục vụ lợi ích của thực dân Pháp tại Việt nam.

Đặc biệt, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã tạo ra ở miền Nam nước ta một tầng lớp đại tư sản mại bản phản động về chính trị và độc quyền về kinh tế với quy mô tương đối lớn và khá tập trung. Lịch sử làm giàu của bọn này gắn liền với từng bước phát triển của chủ nghĩa thực dân mới và chiến tranh xâm lược của Mỹ ở miền Nam nước ta. Lợi ích của bọn này gắn liền với lợi ích của đế quốc Mỹ và ngụy quyền.

Để phục vụ nhu cầu chiến tranh xâm lược và đội quân viễn chinh khổng lồ của chúng, đế quốc Mỹ đã sử dụng mạng lưới thương nghiệp và dịch vụ sẵn có và tương đối phát

triển của tư sản gốc Hoa, sử dụng cả hoàn cảnh sinh sống tập trung của bọn này (chủ yếu gồm năm bang: Triều-châu, Phúc-kiến, Quảng-đông, Quảng-tây, Hải-nam với mật độ cao trong một khu vực nhỏ) để động viên và xử lý gọn nhiều yêu cầu đột xuất và bí mật của chúng. Đây là thời cơ thuận lợi cho tư sản gốc Hoa làm giàu. Bọn này đã bành trướng nhanh chóng nhờ có lợi thế về vốn và kỹ thuật. Trong quá trình phát triển của chiến tranh xâm lược, dựa vào «viện trợ» Mỹ, tư sản gốc Hoa không chỉ mở mang hoạt động thương nghiệp và dịch vụ, mà còn mở rộng hoạt động sang nhiều lĩnh vực khác. Chúng đã nắm giữ và kiểm soát hầu hết các vị trí quan trọng của nền kinh tế, đặc biệt là khống chế ba lĩnh vực then chốt: chế biến, phân phối và tiêu dùng. Đến cuối 1974, chúng kiểm soát hơn 80% các cơ sở công nghiệp thực phẩm, dệt, hóa chất, luyện kim, cơ khí, điện; hầu như giữ độc quyền trên các mặt: thương nghiệp bán sỉ (100%), thương nghiệp bán lẻ (trên 50%), xuất nhập khẩu (90%); chúng chủ động hoàn toàn trong việc thu mua lúa gạo và sử dụng được tới 80% tổng số tiền cho vay của ngân hàng toàn miền Nam; chúng làm chủ 42 trên 60 công ty có tổng số thương vụ lớn (trên 1000 triệu đồng cũ mỗi năm) và luôn luôn chiếm tới 2/3 tổng số vốn đầu tư hằng năm tại miền Nam. Chúng kinh doanh nhiều ngành, nghề từ công nghiệp, vận tải, ngân hàng, xuất nhập khẩu đến thương nghiệp, dịch vụ với mạng lưới chân rết ở khắp nơi và có một cơ chế tổ chức kinh doanh khá chặt chẽ dựa vào «cộng đồng huyết thống» người Hoa, có những thủ đoạn và kinh nghiệm làm ăn buôn bán lâu đời.

Đáng chú ý là tư sản gốc Hoa có điều kiện để bành trướng sức mạnh của chúng còn là vì chúng tranh thủ được sự hậu thuẫn về chính trị kinh tế của Mỹ, Đài-loan, Hương-cảng và

các tập đoàn tư sản gốc Hoa ở các nước Đông - Nam Á. Nhất là tư sản Đài-loan giúp đỡ đắc lực cho tư sản gốc Hoa ở Việt-nam. Chúng đầu tư gián tiếp ở Việt-nam qua khâu trung gian tư sản gốc Hoa, hơn là đầu tư trực tiếp cung cấp máy móc, giúp đỡ kỹ thuật, chuyên viên, chúng là đầu mối giao thương giữa cộng đồng Hoa kiều Đông-Nam Á với tư sản gốc Hoa ở Nam Việt-nam.

Vì vậy, đã xuất hiện những tên tư sản gốc Hoa giàu có và có thế lực bậc nhất. Điển hình là Lý-Long-Thần có vốn đầu tư hàng chục tỷ đồng trong 18 cơ sở lớn như Vinatexco (dệt), Vinatefineo (nhuộm vải), Vicasa (sắt thép), Nakydaco (dầu ăn thực vật), công ty bất động sản Lý-Long-Thần, Á châu bảo hiểm công ty, v.v. và trong 16 ngân hàng như Ngân hàng Trung-quốc (Bank of China), Ngân hàng quốc gia Pa-ri (Banque nationale de Paris), Nông doanh ngân hàng, Nông công thương ngân hàng, v.v.

Đã xuất hiện những tên « vua » như :

« Vua » lúa gạo : Mã-Hỷ, Châu-Đạo-Sanh,

« Vua » bột mì : La-Nghĩa,

« Vua » sắt thép phế thải chiến tranh : Lý-Sen, Lý-Long, Trương-Đổng-Lương,

« Vua » vàng : tập đoàn Kim-thành,

« Vua » giấy : Thạch-Khâm,

« Vua » bột ngọt : Đào-Mậu, v.v.

Và hàng nghìn những tên tư sản cỡ « bự » thuộc đủ các ngành như : Lưu-Trung (nhập nông cụ), Lộc-Sanh-Đường (hệ thống máy xay), Tăng-Vân-Tài (vận tải), Trương-Dĩ-Nhiên (nhập và sản xuất phim đời trụy) v.v.

Hơn 200 tên tư sản mại bản gốc Hoa và mấy nghìn tư sản công thương nghiệp gốc Hoa mà giữ được những đầu mối kinh tế then chốt ở miền Nam đến mức trở thành những trung tâm quyền lực lớn dưới chế độ Mỹ - ngụy.

Chúng kiểm soát hầu hết các ngành sản xuất, đặc biệt là những ngành làm ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu hàng ngày của đại đa số nhân dân như gạo, sữa, dầu ăn, vải, bột mì, bột ngọt, vật dụng bằng ngày, v.v. Những gì chúng sản xuất được thì hệ thống tiếp vận của chúng yểm trợ tới đa để sản xuất và chúng kiểm soát nhịp độ cung ứng cho thị trường để giữ giá và làm giá (như vải, bột mì, bột ngọt, hóa phẩm, sắt xây cất...). Những gì chúng không sản xuất được thì chúng có thể siết tận gốc bằng cách hạn chế việc cung cấp nguyên liệu, vật liệu sản xuất hay ghìm ở ngọn bằng cách không thu mua, chuyên chở và phân phối (như xi-măng, đường, thuốc lá, đồ dùng gia đình, điện máy...).

Chúng có khả năng thao túng thị trường và lũng đoạn giá cả thông qua hệ thống xuất nhập khẩu, hệ thống chuyển vận hàng hóa và hệ thống trung thương và tiểu thương cũng gồm những người gốc Hoa, một mạng lưới tích trữ, phân tán hàng hóa và thông tin kinh tế nhạy bén. Chúng có thể quyết định giá cả hàng hóa tận gốc, nghĩa là ở giai đoạn sản xuất nhờ hệ thống cung ứng nguyên liệu, vật liệu; chúng cũng có thể quyết định giá cả ở giai đoạn phân phối, nhờ mối liên hệ mật thiết với cơ quan « viện trợ » Mỹ, nhờ khả năng vay mượn vô hạn của chúng, nhờ hệ thống thu mua và chuyển vận đa dạng.

Chúng áp dụng chiến lược khuynh đảo lợi hại bằng nhiều thủ đoạn tinh vi : câu kết với quân đội Mỹ và với ngụy quyền, dùng tiền mua chuộc mọi trung tâm quyền lực; dựa vào thế hậu thuẫn của nước ngoài để gây áp lực kinh tế và chính trị; đưa người vào quốc hội và hội đồng do thành bù nhìn để giữ thế; « mua sự quen biết » lâu dài để sử dụng khi cần đến... Và đặc biệt là chúng khôn khéo đề phòng « gió đổi chiều » : trong lúc chúng ủng hộ các chính sách « chống cộng » của Mỹ - ngụy và đặt

quan hệ chính thức với Đài-loan, thì chúng lại chuẩn bị sẵn những « đường dây » với Trung-hoa lục địa. Hạ là cơ thanh thiên bạch nhật xuống, chúng lại trương lá cờ 5 sao lên; hạ ảnh Tưởng thống chế xuống, chúng treo ảnh Mao Chủ tịch lên; mất ông thần bảo hộ ở Đài-bắc chúng đã có ông thần bảo hộ ở Bắc-kinh. Sự chuyển hướng của chúng quả thật là mau lẹ!

Chúng xây dựng một thể giới biệt lập trên cơ sở « huyết thống » với một kỷ luật nội bộ chặt chẽ, với hệ thống các « bang » đứng đầu là « bang trường » để tránh sự can thiệp trực tiếp của chính quyền bản xứ. Mỗi « bang » có ngân sách riêng, có trường học, bệnh viện, báo chí, hội quán, nghĩa địa riêng. Các « bang » chia nhau nắm độc quyền một số ngành hoạt động.

Thật là « một quốc gia trong một quốc gia »! Ai đã từng đi qua Chợ-lớn trước đây đều thấy hai bên đường đầy dãy những häng xuất nhập khẩu, những cao ốc sang trọng đầy đủ tiện nghi, những nhà hàng, từ lâu đã sộ với đủ các món sơn hào hải vị, những ngân hàng đủ loại của các tập đoàn họ Lý, họ Ngô. Và Chợ-lớn với tiền của và cuộc sống « nhất dạ đế vương » trước đây đã là nơi chứa chấp biết bao « áp phe » lớn, nơi đầu độc biết bao thanh niên, nơi hoành hành của biết bao ồ phản động chính trị. Trong khi đó thì chính những người lao động gốc Hoa ở Chợ-lớn phải sống chui rúc trong những nhà ổ chuột, phải lao động khổ cực để phục vụ cho cuộc sống xa hoa vương giả của bọn tư sản. Công nhân ở những nhà máy Vi-ca-sa của Lý-Long-Thân hay Xa-da-kim của Lý-Sen... chẳng những bị bóc lột thậm tệ mà còn bị kim kẹp và đàn áp thẳng tay mỗi khi họ đấu tranh.



Sau khi miền Nam nước ta được giải phóng, lợi dụng những khó khăn chồng chất trước mắt của chính

quyền cách mạng, lợi dụng những thiếu sót, sơ hở của chính quyền cách mạng trong việc quản lý kinh tế, quản lý xã hội, bọn tư sản mại bản cùng gian thương lớn mà đa số là người Hoa đã dựa vào lực lượng hàng hóa, tiền, vàng, dựa vào hệ thống lũng đoạn, ra sức tiến hành đầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường, gây tác hại lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân, phá hoại công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế. Hoạt động phổ biến của chúng là nâng giá hàng đề tranh mua với thương nghiệp quốc doanh; phân tán, tích trữ các loại nguyên liệu, vật liệu, nhất là các thứ quý và hiếm; bán ra thị trường một cách nhỏ giọt với giá rất cao, thường xuyên nâng giá làm cho thị trường luôn luôn biến động. Chúng dùng các thủ đoạn tinh vi để mua chuộc, hối lộ cán bộ nhằm moi rút vật tư, hàng hóa trong các xí nghiệp quốc doanh, trong các kho của Nhà nước, dùng nguyên liệu, vật liệu của Nhà nước cung cấp để làm hàng lậu, trốn thuế. Chúng còn tổ chức sản xuất và lưu thông các loại hàng giả (kể cả thuốc chữa bệnh, thực phẩm...), tổ chức một mạng lưới tung tin gây hoang mang, tác động mạnh vào tâm lý người tiêu thụ, tạo ra tình trạng khan hiếm giả tạo trên thị trường đề đẩy giá lên cao. Chúng hoạt động mạnh trong các lĩnh vực thương nghiệp, vật tư, giao thông vận tải và một số ngành công nghiệp. Đáng chú ý là nhiều tên còn giữ mối liên hệ với bọn phản cách mạng hiện hành, bàn mưu tính kế hoạt động chống phá chính quyền cách mạng, tổ chức những cuộc vượt biên trái phép.

Điển hình là tập đoàn Khánh-Phong do Hứa-Quang (tự Hứa-Kiến-Thủy) quản lý, vốn trên ba tỷ đồng, gồm Tổng đại lý bột ngọt, Xưởng sản xuất bột ngọt Vifoneco, Xưởng mi ăn liền Sâm-Hoa; tập đoàn Đào-Mậu, vốn trên một tỷ đồng, gồm Hãng nhập khẩu sửa bột SNOW, nhà kho, nhà máy sản xuất bột ngọt Naboco; tập đoàn La-

Quang, Huỳnh-Thế-Ứng với công ty vàng Kim-Thành và Xương-Hung; tập đoàn Trương-Đồng-Lương, Trương-Thuận-Yến nấu cán sắt và sắt thép phế thải; 3 tập đoàn Du-Miền, Kha-Tư-Xan, Kha-Tư-Hiền buôn sắt thép phế thải; tập đoàn V. Cao-Đôn buôn phụ tùng xe; tập đoàn La-Thanh-Nghệ buôn thuốc tây, v.v. Mỗi tên có số vốn từ 500 triệu đồng trở lên. Những tên tư sản này làm giàu trên xương máu và đau khổ của nhân dân, bóc lột thậm tệ công nhân, lao động, kẻ cả công nhân, lao động gốc Hoa.



Muốn khôi phục và phát triển kinh tế, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể không xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, không thể không tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, dù là của người Hoa hay người Việt. Đó là một quy luật mà nước nào đi lên chủ nghĩa xã hội cũng phải theo. Căn cứ vào tình hình thực tế ở miền Nam Việt-nam và cũng xuất phát từ truyền thống nhân nghĩa của nhân dân ta, chúng ta đã thi hành một chính sách xóa bỏ và cải tạo hết sức nhân đạo. Chúng ta chỉ xóa bỏ hệ thống kinh tế lũng đoạn của giai cấp tư sản kẻ cả tư sản gốc Hoa, xóa bỏ lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa của họ.

Đối với tư sản mại bản, chúng ta tước đoạt tài sản gồm có tư liệu sản xuất, phương tiện kinh doanh, nhưng vẫn để lại cho họ đủ phương tiện sinh sống và tự cải tạo mình. Chúng ta lại phân rõ loại đầu sỏ và loại liên quan, loại chủ và tay chân, bản thân tên tư sản và gia đình. Số người có trình độ khoa học kỹ thuật vẫn có thể được sử dụng lại ở cơ sở sản xuất cũ, họ có điều kiện để lao động, góp phần khôi phục và phát triển kinh tế.

Đối với tư sản thương nghiệp, chúng ta mua lại tư liệu kinh doanh và hàng

hóa của họ với giá phải chăng, giúp họ dùng tài sản và sức lao động góp phần xây dựng đất nước, qua đó mà tự cải tạo thành người lao động. Ngay đối với những kẻ đã từng tác oai tác quái trên thị trường, chúng ta cũng thành thật giúp đỡ họ tự cải tạo thành người mới. Họ và gia đình họ đều được đối xử tốt. Không hề có chuyện « cướp đoạt tài sản của người Hoa », « bắt giam, giết và đánh bị thương » như nhà đương cục Trung-quốc bịa đặt.

Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam Việt-nam đã và đang đem lại những kết quả tốt đẹp cho đời sống của nhân dân lao động, trong đó có nhân dân lao động người Hoa. Trước đây, người lao động gốc Hoa đã phải sống những ngày đau khổ, tủi nhục dưới ách Mỹ - ngụy; giống như toàn thể nhân dân Nam Việt-nam, họ bị bóc lột thậm tệ bởi chính giai cấp tư sản người Hoa. Sau ngày giải phóng, từ địa vị kẻ nô lệ họ đã trở thành người làm chủ tập thể cùng với toàn dân. Họ đã tham gia đầy đủ cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, nhiều người đã trúng cử đại biểu. Chính quyền cách mạng đã giải quyết từng bước nhà ở cho người Hoa nghèo, đã sắp xếp công ăn việc làm cho hàng vạn người Hoa thất nghiệp. Những trường học, những bệnh viện do Nhà nước quản lý, những cửa hàng quốc doanh mở cửa thay cho cửa hàng của tư sản ở ngay Chợ-lớn phục vụ ai nếu không phải là phục vụ người Hoa chiếm số đông dân ở đây? Biết bao đổi thay đã đến với đồng bào người Hoa. Họ đã thấy giá trị cuộc sống yên vui ngày nay trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Ngay những người tư sản biết lẽ phải cũng tiếp thu cải tạo; nhiều người đã chuyển sang sản xuất.

Chỉ có bọn tư sản phản động quen sống trên xương máu của người khác, đã từng cầu kết với bọn đế quốc và

ngụy quyền mới chống lại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa một cách quyết liệt. Chúng giở mọi thủ đoạn để trốn tránh cải tạo. Nhiều tên phản tán, cất giấu tài sản, không chịu kê khai sổ sách, không chịu đi sản xuất, tổ chức những cuộc vượt biên trái phép... Những hoạt động đó của chúng không có gì đáng ngạc nhiên, bởi vì cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với giai cấp tư sản là một cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt. Điều đáng ngạc nhiên là những người tự xưng là xã hội chủ nghĩa ở Bắc-kinh lại tiếp tay cho chúng, giúp chúng tổ chức cả một mạng lưới chống công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Những tư sản đang được cải tạo, Bắc-kinh gọi là « nạn kiều »; những tài sản của chúng được Nhà nước xã hội chủ nghĩa

trung mua, Bắc-kinh gọi là « bị cướp đoạt »; những người được chuyển sang sản xuất, Bắc-kinh gọi là « bị xua đuổi ». Lẽ nào làm cách mạng xã hội chủ nghĩa mà lại phải dừng lại trước đồng của cải của tư sản? Lẽ nào cải tạo xã hội chủ nghĩa mà lại phải chừa tư sản người Hoa ra, và để đến đến là Bắc-kinh nổi giận, la lối và vu cáo? Lẽ nào Chợ-lớn vẫn cứ là một « tờ giấy », một « Hương-cảng » giữa lòng một nước xã hội chủ nghĩa?

Chúng tôi xin hỏi: hừng hồ đứng ra bảo vệ những tên đại tư sản mại bản gốc Hoa vốn là « thần dân » của họ Tưởng và tay sai của đế quốc Mỹ tại Chợ-lớn chống lại công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, nhà đương cục Trung-quốc đứng trên lập trường của giai cấp nào?

NHỮNG BƯỚC ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CỦA TỈNH GIA-LAI — CÔNG-TUM

NĂM VINH

Phó bí thư tỉnh ủy Gia-lai — Công-tum

GIA-LAI — Công-tum là cửa ngõ phía bắc Tây-nguyên, có hàng trăm ki-lô-mét đường biên giới với Lào và Cam-pu-chia, là đầu nguồn của nhiều sông lớn chảy về ba nước Đông-dương, là nơi gặp nhau của các con đường từ miền Nam ra, từ miền Bắc vào, từ dưới biển lên, từ biên giới phía tây xuống. Đây cũng là căn cứ địa vững chắc của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ. Gia-lai — Công-tum có gần 2,5 triệu héc-ta đất tự nhiên, trong đó có gần 80 vạn héc-ta đất nông nghiệp, gần 1,5 triệu héc-ta đất rừng. Trong lòng đất có thể có nhiều loại khoáng sản. Rừng Gia-lai — Công-tum có nhiều gỗ quý, nhiều chim thú quý, nhiều dược liệu quý. Hằng năm có thể khai thác hàng triệu mét khối gỗ tốt và hàng nghìn tấn các loại lâm sản khác. Gia-lai — Công-tum có nhiều đồi núi, đồng thời có nhiều vùng bằng phẳng rộng lớn, đất đai phì nhiêu, liên khoảnh, rất thuận tiện cho việc bố trí những vùng chuyên canh lớn, tập trung. Với đất đai màu mỡ và thời tiết, khí hậu thích hợp, hằng năm Gia-lai — Công-tum có thể sản xuất ra

nhiều sản phẩm (cao-su, cà-phê, chè, bông, đỗ tương, đường lạc, vừng, v.v.) làm nguyên liệu cho công nghiệp trong nước và hàng hóa cho xuất khẩu.

Nguồn nước ở Gia-lai — Công-tum dồi dào. Những khe suối của các nhánh lớn các con sông Xê-san, Ba, Ay-un, Ia-drăng, Ia-lốp, v.v. có khả năng tạo ra một mạng lưới thủy lợi dày đặc, đủ tưới khoảng 30 vạn đến 50 vạn héc-ta cây trồng (lúa và cây công nghiệp, màu). Ngoài ra còn có nhiều đầm hồ và nguồn nước ngầm chưa khai thác.

Khí hậu Gia-lai — Công-tum về căn bản là khí hậu nhiệt đới, nhưng do sự chi phối của địa hình và độ cao, cho nên tỉnh này có nhiều vùng khí hậu đa dạng. Thời tiết thay đổi theo đặc điểm địa hình của từng vùng khác nhau, có khí hậu tây Trường-sơn (chịu ảnh hưởng của chế độ gió mùa tây nam), đồng tây Trường-sơn (chịu ảnh hưởng của hai chế độ gió mùa đông nam và tây nam), có khí hậu của miền ôn đới, cận nhiệt đới và cận lục địa, mát lạnh quanh năm, thích nghi với một tập đoàn cây trồng phong phú mà nhiều nơi ở vùng nhiệt

đời không có. Biên độ nhiệt độ ngày đêm chênh lệch từ 12°C đến 18°C thích hợp với việc tích lũy đường, bột, tinh dầu cho một số cây trồng và tích lũy mỡ, làm sữa của gia súc.

Hàng năm, Gia-lai — Công-tum có hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm. Lượng mưa trung bình cả năm từ 1.800 đến 2.400 mi-li-mét, rất thuận lợi cho việc phát triển nhiều loại cây trồng và tăng vụ, nhưng mùa mưa cũng là mùa phát sinh sâu bệnh, phá hoại mùa màng và dịch bệnh gia súc. Mùa khô kéo dài 6 tháng, lượng bốc hơi cao, từ 800 đến 900 mi-li-mét, gây khó khăn cho sản xuất vụ đông — xuân vì thiếu nước, nhưng thuận lợi cho việc bảo quản giống, thu hoạch và chế biến nông sản.

Thời tiết, khí hậu Gia-lai — Công-tum nói chung khô và mát, không có gió bão, sương muối, rất thuận lợi cho việc phát triển các loại cây trồng và chăn nuôi.

Trong tỉnh hiện nay có 56 vạn dân với 10 dân tộc anh em, từ lâu đời có truyền thống đoàn kết, chung sống hòa thuận, rất cần cù và sáng tạo trong lao động, có tinh thần yêu nước nồng nàn.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhân dân các dân tộc ở Gia-lai — Công-tum một lòng tin yêu Bác Hồ, tuyệt đối nghe theo lời Đảng, đoàn kết gắn bó với nhau, anh dũng kiên cường đấu tranh cách mạng, đã lập nên những chiến công lừng lẫy ở An-khê, Plây-me, Sa-thầy, v.v... và sản sinh cho đất nước những người con ưu tú như anh hùng Núp, anh hùng Kpa Klơng, anh hùng Y Buông, v.v...

Điều kiện tự nhiên thuận lợi, tiềm năng kinh tế to lớn, tinh đoàn kết, tinh thần cần cù, sáng tạo của nhân dân các dân tộc trong tỉnh là những yếu tố rất cơ bản để Gia-lai — Công-tum tiến nhanh tới ấm no hạnh phúc. Nhưng nhân dân các dân tộc anh em

vẫn bị đói khổ, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, bị bệnh tật không có thuốc uống, trình độ văn hóa, khoa học còn quá thấp, 95% số dân mù chữ. Trình độ sản xuất của nhân dân còn thô sơ (chủ yếu là du canh, phát, đốt, chọc, tía). Nguyên nhân cơ bản là do bọn đế quốc thay nhau áp bức, bóc lột, kim hãm. Chúng chỉ ra sức bắt phu, bắt lính, truyền giáo và tìm mọi cách chia rẽ, duy trì mọi phong tục tập quán lạc hậu. Mặt khác, trong mấy chục năm chiến tranh, Gia-lai — Công-tum là địa bàn chiến lược, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, đời sống của nhân dân các dân tộc càng gặp nhiều khó khăn.



Sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành được thắng lợi hoàn toàn, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta bước sang giai đoạn mới, cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, Tỉnh ủy chúng tôi đã xác định nhiệm vụ trung tâm trước mắt của tỉnh nhà về kinh tế là khai hoang, xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, định canh định cư, ra sức phát triển sản xuất nông nghiệp, bảo đảm lương thực tại chỗ, chăm lo đời sống quần chúng, đặc biệt là đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số.

Để thực hiện nhiệm vụ trung tâm này, cuối năm 1975, Tỉnh ủy chúng tôi quyết định mở chiến dịch khai hoang "100 ngày, 23.000 héc-ta" với phương châm « chỗ dễ, có nước làm trước », lấy lao động thủ công làm chính, lực lượng tại chỗ là chủ yếu kết hợp với lực lượng chung của huyện, tỉnh và quân đội, bằng hình thức tổ chức công trường thủ công, có lực lượng thanh niên xung kích tập trung làm nông cật. Đến nay, trong toàn tỉnh đã hình thành các khu vực định canh định cư gồm 117 điểm với quy mô mỗi

điêm từ 300 đến 500 héc-ta, điêm nhỏ cũng có hàng chục héc-ta, năng diện tích các khu vực định canh định cư từ 17.000 héc-ta cuối năm 1975 lên 60.000 héc-ta đầu năm 1978. Nạn đói truyền kiếp đã căn bản được giải quyết, 20 vạn người đã thoát khỏi nạn đói do chế độ cũ để lại. Đại đa số nhân dân đã có công ăn việc làm. Đời sống từng bước được cải thiện. Năm 1977 đã có hàng vạn tấn lương thực bán cho Nhà nước. Tổng sản lượng lương thực từ 7 vạn tấn năm 1975 tăng lên 17 vạn tấn năm 1977, và nhân dân trong tỉnh đang phấn đấu để đạt 23 vạn tấn năm 1978. Đây là một bước chuyển biến có ý nghĩa lịch sử đối với đời sống đồng bào các dân tộc ở Gia-lai - Công-lum, vì từ bao đời nay hằng năm nạn đói kéo dài từ 4 tháng trở lên lại đe dọa cuộc sống của họ.

Tỉnh ủy chúng tôi còn sớm xác định 4 thế mạnh của tỉnh để kịp thời phát huy những tiềm năng kinh tế to lớn phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là thế mạnh về nghề rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi, cây lương thực và thực phẩm. Trước hết tỉnh chúng tôi tập trung sức khai hoang, làm thủy lợi để trồng cây lương thực, khắc phục nạn đói và làm bàn đạp để nhanh chóng phát huy các thế mạnh của tỉnh nhà.

Bên cạnh những công việc trước mắt mà trung tâm là tích cực giải quyết đời sống cho quần chúng, tỉnh chúng tôi đã bước đầu chú trọng đến phương hướng lâu dài, tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Mặc dù lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật quá thiếu, chúng tôi đã kiên quyết dành phần lớn cán bộ và công nhân kỹ thuật tập trung xây dựng những công trường thủy lợi, các xí nghiệp cơ khí, các đội quy hoạch nông nghiệp, trạm nông hóa thổ nhưỡng, đội thi công cơ giới nông nghiệp, mạng lưới cung ứng vật tư nông nghiệp xuống tận huyện, trại giống

heo, bò, trạm thú y, xưởng sửa chữa cơ khí, trại giống lúa, trại đầu tằm, trại bông, vườn ươm cây ăn quả, v.v.. Những cơ sở này tuy mới được xây dựng và còn yếu kém, nhưng đây là những vốn quý ban đầu để phục vụ cho công cuộc phát triển nông nghiệp toàn diện. Ngoài ra tỉnh chúng tôi đã xây dựng được 19 nông trường (cao su, cà-phê, chè, mía, bò, v.v.) ở các địa bàn trong tỉnh (12 nông trường thuộc ty nông nghiệp và 7 nông trường quân đội). Một số nông trường đã góp phần tích cực vào công tác định canh định cư đồng bào các dân tộc, đồng bào ở miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, phát huy vai trò trung tâm của cả vùng kinh tế mới. Đội ngũ công nhân nông nghiệp đến nay đã có trên 1 vạn người (chưa kể nông trường quân đội có hàng vạn chiến sĩ).

Nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng đã giành được, bảo vệ công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội của tỉnh chúng tôi cũng khá nặng nề. Trong hơn bốn vạn quân nguy tại rã tại chỗ, một số không chịu cải tạo có những hành động gây rối; bọn Fulro trà trộn trong dân lén lút hoạt động phá hoại, bọn phản động bên trong câu kết với bọn phản động bên ngoài chống phá ở một số nơi. Chúng tôi đã phát động và tổ chức quần chúng kết hợp với lực lượng vũ trang truy quét địch, nhanh chóng ổn định tình hình, giữ vững trật tự an ninh, bảo vệ tốt vùng biên giới phía tây, phát huy khí thế cách mạng của quần chúng đẩy mạnh sản xuất.

Trên lĩnh vực văn hóa giáo dục, đến nay tỉnh chúng tôi đã căn bản thanh toán nạn mù chữ ở lứa tuổi từ 18 đến 40, và đang tiếp tục thanh toán ở các lứa tuổi khác, mở rộng mạng lưới bộ túc văn hóa, xây dựng hệ thống trường phổ thông cấp 1 đến tận xã. Hệ thống y tế đã xuống đến xã. Một số nơi đã có giếng nước, nhà

tâm. Tình chúng tôi đã xây dựng được 8 trường vừa học vừa làm với hàng nghìn học sinh, nhằm nhanh chóng đào tạo đội ngũ cán bộ người địa phương. Có hàng chục trường đào tạo cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ trung cấp, sơ cấp, đào tạo công nhân kỹ thuật. Hằng năm đã có hàng nghìn người ra trường về phục vụ các cơ sở kinh doanh, sản xuất và về công tác ở các huyện, xã, góp phần đưa những kiến thức văn hóa, khoa học kỹ thuật về các buôn làng xa xôi ở trong tỉnh.

Qua Đại hội Đảng ở các cấp, các tổ chức Đảng đã được nâng cao một bước về tinh chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Việc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp... đã có tác dụng phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Các đại hội Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận đã chỉ ra được những phương hướng hoạt động thích hợp để đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

Những thành quả bước đầu đạt được trong 3 năm qua tuy chưa nhiều nhưng rất quan trọng. Đó là do, dưới ánh sáng đường lối, chính sách đúng đắn của Trung ương Đảng, đảng bộ tỉnh chúng tôi đã đánh giá đúng thuận lợi, khó khăn, chỗ mạnh chỗ yếu của địa phương mình và xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm cấp bách, đồng thời có biện pháp tích cực chỉ đạo thực hiện. Chúng tôi hết sức coi trọng việc phát huy ý chí kiên cường cách mạng, niềm tin tưởng tuyệt đối của đồng bào các dân tộc đối với Bác Hồ, với Đảng, phát huy tinh đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa đồng bào các dân tộc, tăng cường sự giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, xây dựng giữa người miền núi và người miền xuôi, người sinh sống lâu năm ở địa phương và người mới đến, nhằm tạo nên một sức mạnh vùng chắc chắn đi từ không đến có, từ nhỏ đến lớn và tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội.

Gia-lai — Công-tum đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa từ một nền sản xuất hết sức nhỏ bé (du canh du cư), tuy có tiềm năng kinh tế to lớn, nhưng lại rất thiếu lao động và vật tư, thiết bị. Do đó tìm cho ra *những biện pháp, hình thức thích hợp trong từng bước đi lên để có thể khai thác đến mức cao nhất những nhân tố thuận lợi, những thế mạnh vốn có, hạn chế và khắc phục những khó khăn trước mắt, là điều kiện hết sức quan trọng đối với chúng tôi.* Yêu cầu cấp bách trước mắt đối với chúng tôi là phải làm tốt công tác định canh định cư cho đồng bào các dân tộc. Muốn vậy, biện pháp quan trọng nhất là phải *khai hoang, xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi*, tạo ra ruộng đất định canh, và có định canh mới có điều kiện để định cư, ngược lại có định cư mới định canh và thâm canh tốt. Kinh nghiệm trong thời gian qua cho thấy *tổ chức công trường thủ công khai hoang, làm thủy lợi là một hình thức thích hợp để đẩy mạnh tốc độ khai hoang, tạo nguồn nước, định canh, định cư.* Chúng tôi đã tổ chức được 117 công trường, tạo thành phong trào quần chúng khai hoang, làm thủy lợi sôi nổi. Công trường thủ công của huyện khai hoang hàng trăm héc-ta, huy động hàng nghìn người, có quy mô lớn về nhiều mặt. Công trường thủ công của xã thường khai hoang vài chục héc-ta và chỉ làm một số việc nhất định. Công trường thủ công kết hợp được ba yếu tố: Đảng lãnh đạo, quần chúng làm chủ tập thể và Nhà nước quản lý. Đoàn thanh niên công sản đã phát huy vai trò to lớn của mình bằng cách tổ chức các đội thanh niên xung kích của xã, của huyện đến lao động ở các công trường. Toàn tỉnh đã huy động được 4 vạn thanh niên xung kích. Hình thức công trường thủ công đã kết hợp tốt tinh thần tự lực tự cường của nhân dân với sự giúp đỡ của Nhà nước, kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và học tập

nhằm nâng cao trình độ văn hóa và kỹ thuật cho những người lao động, góp phần đẩy mạnh quá trình phân công lao động mới ở nông thôn, tạo ra lực lượng sản xuất mới là đồng ruộng và những người lao động có kỹ thuật, đồng thời đẩy mạnh quá trình xã hội hóa các tư liệu sản xuất chủ yếu, thúc đẩy nhanh sự hình thành các điểm dân cư và các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Công trường thủ công còn góp phần đẩy nhanh sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa phát triển.

Thực tế cho thấy, không ngừng phát triển lực lượng sản xuất, nhất là tích cực xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đồng thời tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất cũ, ra sức xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa là điều kiện bảo đảm định canh định cư vững chắc để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, một đòi hỏi khách quan đối với tính chúng tôi là phải sớm xây dựng nhiều loại hình mẫu của con đường tập thể hóa, thích hợp với những đặc điểm cụ thể của từng vùng dân cư khác nhau. Qua tổ chức chỉ đạo làm thử ở các xã: Nam, Bơ-nơ-n, Đắc-la, Đắc-lơ-can, Diên-bình, chúng tôi đã bước đầu tìm được những hình thức thích hợp để tổ chức làm ăn tập thể, phát triển sản xuất theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Những xã này đều được xây dựng trên cơ sở đã tạo ra được ruộng đất định canh (trồng lúa nước và các cây khác) và tiến hành định cư tốt, nhưng có sự khác nhau về quy mô, trình độ tổ chức sản xuất và cách ăn chia phân phối. Thật ra, sự khác nhau này chủ yếu là do trình độ quản lý của cán bộ và trình độ phát triển lực lượng sản xuất. Nếu nâng cao được hai mặt cơ bản này thì có thể nhanh chóng xóa bỏ được sự khác nhau đó, tiến thẳng lên hợp tác xã bậc cao. Hơn nữa, ở lĩnh vực chúng tôi có điều kiện thuận lợi là ruộng đất, trâu bò, công cụ đã là tư liệu sản xuất của

tập thể, không phải chia hoa lợi cho ruộng đất, và đồng bào các dân tộc có thói quen làm ăn tập thể, trình độ canh tác giống nhau, việc ăn chia còn có tính chất cộng đồng. Những hình thức tổ chức nói trên cộng với điều kiện thuận lợi sẵn có, với đất đai phong phú cho phép chúng tôi tiếp nhận một khối lượng lớn sức lao động ở các nơi khác đến để phát triển sản xuất, mở rộng quy mô làm ăn tập thể, nâng cao trình độ về quan hệ sản xuất. Thực tế chứng minh rằng: nếu chỉ riêng số người lao động ít ỏi của đồng bào các dân tộc, không có thêm sức lao động ở các nơi khác đến thì không thể nhanh chóng khai thác được những thế mạnh của địa phương, phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới. Vì thế, qua những kinh nghiệm và những kết quả bước đầu thu được, chúng tôi chủ trương tổ chức những hợp tác xã sản xuất nông nghiệp gồm đồng bào các dân tộc thiểu số và đồng bào Kinh đoàn kết với nhau xây dựng cuộc sống mới về vật chất cũng như tinh thần, như các hợp tác xã Đắc-la, Diên-bình, v.v. Ngoài ra, đối với các điểm dân cư nằm trong phạm vi của nông trường, lâm trường, chúng tôi chủ trương định cư ngay tại chỗ và tổ chức dân ở đó thành những đơn vị sản xuất của nông trường, lâm trường.

Muốn đi từ không đến có, tiến nhanh, tiến mạnh thì việc lãnh đạo, chỉ đạo phải rất sâu sát, cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo phải bám điểm, tạo hình mẫu để cán bộ đến học rồi về làm, đồng thời tập trung sức, kiên quyết dứt điểm, bảo đảm tính cân đối và chủ động, tạo ra sự cân đối trong quá trình làm. Nếu chỉ tính toán chi li, không dựa vào ý chí cách mạng tiến công và sức mạnh của quần chúng, thì không dám làm. Mạnh dạn làm thì sẽ tạo ra sự cân đối. Chẳng hạn, nếu không mạnh dạn làm hàng chục công trình thủy lợi đi đôi với

Qua Đại hội Đảng ở các cấp, các tổ chức Đảng đã được nâng cao một bước về tinh chiến đấu và năng lực lãnh đạo. Việc bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp... đã có tác dụng phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Các đại hội Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Mặt trận đã chỉ ra được những phương hướng hoạt động thích hợp để đẩy mạnh công tác vận động quần chúng.

Gia-lai — Công-tum đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa từ một nền sản xuất hết sức nhỏ bé (du canh du cư), tuy có tiềm năng kinh tế to lớn, nhưng lại rất thiếu lao động và vật tư, thiết bị. Do đó tìm cho ra những biện pháp, hình thức thích hợp trong từng bước đi lên để có thể khai thác đến mức cao nhất những nhân tố thuận lợi, những thế mạnh vốn có, hạn chế và khắc phục những khó khăn trước mắt, là điều kiện hết sức quan trọng đối với chúng tôi. Yêu cầu cấp bách trước mắt đối với chúng tôi là phải làm tốt công tác định canh định cư cho đồng bào các dân tộc. Muốn vậy, biện pháp quan trọng nhất là phải khai hoang, xây dựng cánh đồng, thủy lợi, tạo ra ruộng đất định cư và có định canh mới có điều kiện định cư, ngược lại có định cư mới định canh và thâm canh tốt. Kinh nghiệm trong thời gian qua là tổ chức công trường thủ công khai hoang, làm thủy lợi là một hình thức thích hợp để đẩy mạnh công tác khai hoang, tạo nguồn nước, định cư. Chúng tôi đã tổ chức 117 công trường, tạo ra 10.000 ha ruộng, trao quần chúng khai hoang, định cư, lợi sời nổi. Công trường huyện khai hoang làm thủy lợi huy động hàng nghìn thanh niên, mô lớn về nhiều nước, công của xã thu, cấp lương thực, chục héc-ta và chi phí rất nhỏ nhất định. Công trường này đã hợp được ba yêu cầu: định cư, định canh, quần chúng làm tốt công tác nước quân lực, định cư, định canh, sản đã phát triển, định cư, định canh của mình bằng tay mình, chân mình, thanh niên xã, huyện đến học tập, định cư, định canh. Toàn tỉnh đã tổ chức 117 công trường, thanh niên xung phong, định cư, định canh, trưởng thủ công trường, định cư, định canh, thanh niên, định cư, định canh, với định cư, định canh, ch.

nhằm nâng cao kỹ thuật cho công nhân góp phần đẩy mạnh công tác đoàn kết ra lực lượng ruộng và nông thôn, thu hút các diên sản xuất nông nghiệp và công nghiệp và đời sống.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã đưa ra những chủ trương, chính sách, đường lối, biện pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, môi trường, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, đối ngoại, quan hệ quốc tế, và các lĩnh vực khác. Những thành tựu đã đạt được là rất đáng kể, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, văn minh, tiến bộ.

Đảng và Nhà nước đã đưa ra những chủ trương, chính sách, đường lối, biện pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, môi trường, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, đối ngoại, quan hệ quốc tế, và các lĩnh vực khác.

Đảng và Nhà nước đã đưa ra những chủ trương, chính sách, đường lối, biện pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, môi trường, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, đối ngoại, quan hệ quốc tế, và các lĩnh vực khác.

Đảng và Nhà nước đã đưa ra những chủ trương, chính sách, đường lối, biện pháp để phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, du lịch, môi trường, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao, đối ngoại, quan hệ quốc tế, và các lĩnh vực khác.

Trước hết là vấn đề sức người. Gia-lai - Công-tum cần có khối lượng lớn sức người để khai thác những thế mạnh về kinh tế của mình. Nguồn sức người này bao gồm dân địa phương, dân các tỉnh được điều đến và lực lượng bộ đội xây dựng kinh tế. Với khối lượng sức người lớn như vậy, chúng tôi phải tổ chức lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ và phân bố một cách hợp lý theo phương hướng sản xuất và quy hoạch chung của tỉnh. Vấn đề này cần được đặt ra ngay từ đầu mới tránh được tình trạng xáo trộn, ảnh hưởng đến sản xuất cũng như đời sống của nhân dân. Việc phân bố lao động không đúng sẽ dẫn tới việc đào tạo ngành nghề, thay đổi khu vực cư trú,

khai hoang, xây dựng cánh đồng thi huyện Đắc-tô không thể tạo ra sự cân đối giữa đất và nước, tạo ra một diện tích đất định canh rộng hàng nghìn héc-ta được.

Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo phong trào ở địa phương, chúng tôi hết sức coi trọng bảo đảm sự đoàn kết nhất trí từ trên xuống dưới. Nếu không có sức mạnh đoàn kết nhất trí thì không làm nổi hoặc không dám làm, nhất là những công việc mới mẻ, khó khăn, phức tạp. Nhờ có sự đoàn kết nhất trí và quyết tâm tập trung chỉ đạo, liên tục phát huy khi thế cách mạng tiến công, tạo được phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng trong việc xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng, truy quét bọn phản động, khai hoang, làm thủy lợi, xây dựng đồng ruộng, xây dựng vùng dân cư mới, định canh định cư đồng bào các dân tộc, tiếp nhận lực lượng nhân dân ở đồng bằng lên, chúng tôi đã từng bước phát triển kinh tế và văn hóa, ổn định đời sống nhân dân, làm biến đổi bộ mặt của tỉnh Gia-lai — Công-tum một cách thiết thực, có hiệu quả.



Ba năm qua, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng, với tinh thần phấn đấu rất bền bỉ, cần cù và sáng tạo, đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Gia-lai — Công-tum đã thu được những kết quả đáng phấn khởi. Tuy nhiên, đó mới chỉ là bước đầu. Còn nhiều việc rất lớn đòi hỏi phải cố gắng gấp bội. Hiện nay đất đai và rừng vẫn chưa được khai thác tốt, công trình thủy lợi làm chưa được bao nhiêu. Những ưu thế to lớn về kinh tế vẫn ở dạng tiềm năng, sức người và cơ sở vật chất kỹ thuật còn quá ít. Nhịp độ phát triển về các mặt của tỉnh chúng tôi còn thấp.

Gia-lai — Công-tum có một vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế và quốc phòng đối với cả nước. Để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, với sự quan tâm giúp đỡ của cả nước về vật tư kỹ thuật và sức người, Gia-lai — Công-tum phải ra sức phấn đấu để trở thành một tỉnh công — nông — lâm nghiệp hiện đại, một trung tâm công nghiệp, trung tâm xuất khẩu quan trọng.

Gia-lai — Công-tum muốn sớm trở thành một tỉnh công — nông — lâm nghiệp phát triển, trước tiên phải dựa vào nguồn vốn quý nhất là *sức lao động của cả nước và tài nguyên phong phú của tỉnh*. Với gần 80 vạn ha đất tốt, tương đối bằng phẳng, có thể đưa vào sản xuất nông nghiệp và 1,4 triệu ha rừng mới đưa vào khai thác một phần, với nguồn khoáng sản trong lòng đất đang được xác định, chúng tôi cho rằng *Gia-lai — Công-tum có khả năng thực tế phát triển nền kinh tế toàn diện, với quy mô lớn, với nhịp độ cao*. Nhưng vấn đề xây dựng và phát triển kinh tế của Gia-lai — Công-tum phải được đặt trong kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước để có sự kết hợp và hỗ trợ về các mặt trong mối quan hệ giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, nhằm vừa đáp ứng yêu cầu chung của cả nước, vừa phát huy những thế mạnh về kinh tế của tỉnh.

Theo chúng tôi, trong việc xây dựng Gia-lai — Công-tum thành tỉnh công — nông — lâm nghiệp hiện đại, có mấy vấn đề lớn đặt ra như sau:

1 — Sớm xác định phương hướng, quy hoạch sản xuất, phát triển lực lượng sản xuất, gắn liền ngay từ đầu nông, lâm nghiệp với công nghiệp, kinh tế với quốc phòng.

Trong thời gian qua, Gia-lai — Công-tum đã tập trung sức giải quyết vấn đề lương thực, thực hiện định canh định cư, tạo điều kiện để tiếp nhận lực lượng lao động lớn ở các

nơi khác đến, đồng thời cũng đã quy hoạch và từng bước xây dựng các vùng chuyên canh. Từ nay đến năm 1980, bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh sản xuất lương thực, chúng tôi dựa trên kết quả điền tra khảo sát và quy hoạch tổng thể ban đầu, tích cực trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế và xuất khẩu cao, trước hết là cây ngắn ngày (mía, lạc, đỗ tương, vừng, bông, v.v.), hình thành sớm và mở rộng nhanh các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày (cao-su, cà-phê, chè, cao, v.v.), tích cực phát triển chăn nuôi gia súc lấy thịt, lấy sữa, lấy phân, nuôi gia cầm, nuôi cá, phát triển mạnh nghề rừng (khai thác rừng có kế hoạch, trồng rừng mới và bảo vệ rừng), xây dựng công nghiệp chế biến lương thực và thực phẩm, chế biến các lâm sản. Đặc biệt chú trọng phát triển đường sá và các phương tiện giao thông vận tải, phát triển điện lực, nhất là thủy điện, xây dựng một số cơ sở cơ khí phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp.

Phương hướng sản xuất lâu dài và chủ yếu về nông nghiệp của tỉnh chúng tôi là trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày để phục vụ các ngành công nghiệp và xuất khẩu. Vì chỉ có phát triển mạnh cây công nghiệp mới tận dụng được ưu thế đất đai, khí hậu, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Trong thời gian trước mắt, chúng tôi tập trung lực lượng đẩy mạnh sản xuất lương thực để làm bàn đạp tiến lên phát huy các thế mạnh của địa phương. Song ngay từ bây giờ kế hoạch phát triển cây công nghiệp phải được đặt ngay trong kế hoạch sản xuất nông nghiệp, để trong quá trình trồng cây lương thực, tạo chỗ đứng cho những cây công nghiệp thích hợp. Ở đây, có những vấn đề cần được nghiên cứu sớm để giải quyết một cách thích đáng như vấn đề lương thực ở Gia-lai - Công-tum giải quyết theo cách nào để đủ cung

cấp cho 2 triệu người ăn và phục vụ cho chăn nuôi, mối quan hệ giữa cây lương thực và cây công nghiệp giải quyết như thế nào cho phù hợp với phương hướng phát triển lâu dài của tỉnh...

Sau khi đã xác định phương hướng sản xuất chủ yếu của tỉnh và của từng vùng, cần vạch ra quy hoạch cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phục vụ tốt phương hướng sản xuất đã định. Việc quy hoạch trước hết nhằm bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, giữa nông nghiệp với lâm nghiệp, giữa nông nghiệp, lâm nghiệp với công nghiệp, bảo đảm xây dựng hợp lý những điểm dân cư, phát triển thủy lợi, giao thông vận tải, trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm, công nghiệp chế biến và khai thác, v.v

Đề tạo ra những bước nhảy vọt, làm cho Gia-lai - Công-tum đuổi kịp nhịp độ phát triển chung của cả nước, mau chóng cải thiện đời sống nhân dân, góp phần xứng đáng của tỉnh vào sự nghiệp công nghiệp hóa nước nhà, thì cần phải *mau chóng xây dựng lực lượng sản xuất* cho cân đối với phương hướng nhiệm vụ đã đề ra.

Trước hết là vấn đề sức người. Gia-lai - Công-tum cần có khối lượng lớn sức người để khai thác những thế mạnh về kinh tế của mình. Nguồn sức người này bao gồm dân địa phương, dân các tỉnh được điều đến, và lực lượng bộ đội xây dựng kinh tế. Với khối lượng sức người lớn như vậy, chúng tôi phải tổ chức lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ và phân bố một cách hợp lý theo phương hướng sản xuất và quy hoạch chung của tỉnh. Vấn đề này cần được đặt ra ngay từ đầu mới tránh được tình trạng xáo trộn, ảnh hưởng đến sản xuất cũng như đời sống của nhân dân. Việc phân bố lao động không đúng sẽ dẫn tới việc đảo lộn ngành nghề, thay đổi khu vực cư trú,

làm ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện phương hướng sản xuất.

Muốn phát triển mạnh mẽ sản xuất nông, lâm nghiệp, nhất định phải có sự tác động mạnh mẽ và đồng bộ của công nghiệp vào tất cả các khâu: sản xuất, chế biến, vận chuyển, các khâu đó phải hoạt động một cách đồng bộ; sự trì trệ ở một khâu nào đó sẽ ảnh hưởng ngay đến các khâu khác. Như vậy, phải có đầu tư lớn về nhân lực, vật lực, tài lực. Điều đó vượt quá sức của địa phương. Cho nên, một vấn đề đặt ra là nếu không có sự chỉ viện tích cực và to lớn của các bộ, các ngành ở trung ương thì không thể thực hiện được kế hoạch mở rộng sản xuất về các mặt, không bảo đảm được sự cân đối, đồng bộ trong các khâu sản xuất, chế biến, vận chuyển, tiêu thụ... Dĩ nhiên, về phần mình, lĩnh chúng tôi phải phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, vận dụng mọi khả năng để phát triển mạnh mẽ các ngành thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, thực hiện một cách có hiệu quả nhất sự kết hợp giữa công nghiệp và thủ công nghiệp trên tất cả các mặt sản xuất, xây dựng, chế biến, vận chuyển. Trong tình hình hiện nay, thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp ở lĩnh chúng tôi còn có vai trò rất quan trọng. Nếu chờ đợi một cách thụ động sự tác động của công nghiệp, coi nhẹ phát triển thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp là không đúng, nhưng nếu chỉ trông đến năng lực hiện có, không đặt vấn đề xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho địa phương trong kế hoạch chung của cả nước thì địa phương không có điều kiện để phát triển kinh tế trên quy mô rộng lớn.

2 - *Xây dựng đảng bộ vững mạnh, đào tạo đội ngũ cốt cán từ tỉnh đến cơ sở.*

Những nhiệm vụ to lớn nói trên đòi hỏi toàn đảng bộ, quân và dân Gia-lai - Công-tum có sự chuyển biến mạnh về tư tưởng và tổ chức. Trước mắt, về mặt tư tưởng, cần nhận thức

rõ xây dựng Gia-lai - Công-tum thành một tỉnh công - nông - lâm nghiệp hiện đại, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng Tổ quốc Việt-nam giàu mạnh, trước hết là nhằm nâng cao đời sống của nhân dân các dân tộc về kinh tế và văn hóa, tạo điều kiện cho mỗi người phát huy tài năng, trí tuệ của mình phục vụ cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là thực hiện chính sách dân tộc của Đảng ta một cách cơ bản nhất. Chúng tôi thấy rất rõ rằng đời sống của nhân dân trong thời gian không lâu sẽ tốt đẹp và phong phú. Nhưng trước mắt còn có khó khăn về cơ sở vật chất kỹ thuật do chế độ cũ để lại quá nghèo nàn và lạc hậu, vì sức người, sức của hiện nay vừa phải dành để xây dựng đất nước, vừa phải dành để tổ chức chiến đấu bảo vệ sản xuất, bảo vệ Tổ quốc, v.v. làm cho mọi người nhận rõ mục tiêu phấn đấu, cùng nhau đoàn kết, học hỏi, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để vươn lên phải được coi là vấn đề trọng tâm công tác tư tưởng, là cơ sở cho sự suy nghĩ và hành động của mỗi đảng viên, cán bộ, nhân viên cũng như nhân dân trong lĩnh chúng tôi.

Về tổ chức, nói chung còn quá yếu so với nhiệm vụ. Cần có sự cố gắng lớn, thông qua công tác trung tâm mà đẩy mạnh việc xây dựng tổ chức Đảng cũng như chính quyền và các đoàn thể quần chúng, nhất là các tổ chức ở cấp cơ sở.

Trong công tác phát triển Đảng, phát triển Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, Hội phụ nữ, Công đoàn, v.v. phải khắc phục khuynh hướng hẹp hòi đề mau chóng xây dựng tổ chức vững mạnh về chất lượng cũng như về số lượng, nhằm đáp ứng yêu cầu mới.

Đi đôi với công tác tư tưởng cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, cải tiến phương thức quản lý là yêu cầu rất cấp bách. Công cuộc xây dựng kinh tế theo hướng sản xuất lớn xã

hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có tinh thần trách nhiệm cao, có kỷ luật chặt chẽ ở mỗi khâu công tác, bảo đảm sự chỉ đạo tập-trung một cách mạnh mẽ, khắc phục lối làm việc tản mạn, đại khái, tri tri, thiếu trách nhiệm. Đặc điểm của tỉnh chúng tôi trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là đi từ không đến có, nhiều mặt hoạt-động hầu như chỉ mới bắt đầu. Điều đó đòi hỏi các tổ-chức Đảng cũng như Nhà nước và các tổ chức quần chúng phải thật sát cơ sở, phải coi trọng từ những vấn đề nhỏ nhất, bình thường nhất trong cuộc sống đời tổ chức, vận động quần chúng thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng bộ. Để có thể làm tốt việc vừa bồi dưỡng trình độ, nâng cao năng lực của các tổ chức và của cán bộ, nhân viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ trung tâm, vừa đào tạo cán bộ cung cấp cho phong trào, nhất là đào tạo cán bộ địa phương, thì cần xây dựng những điển hình tiên tiến và thường xuyên tổng kết kinh nghiệm từng khâu, từng mặt công tác, và luôn luôn xác định cho mỗi mặt công tác một nội dung cụ thể phù hợp với tình hình địa phương.

Trường vừa học vừa làm là một trong những hình thức tổ chức có hiệu quả nhất đối với việc đào tạo, mở rộng đội ngũ cốt cán ở địa phương. Nó có tác dụng vừa nâng cao trình độ văn hóa, kỹ thuật của cán bộ, nhân viên hiện đang công tác, bồi dưỡng những cách thức sản xuất, quản lý mới để cán bộ ở các xã có thể làm ngay được, vừa trang bị cho học sinh những kiến thức cần thiết để tiến lên học ở những cấp cao hơn; đồng thời nó là một cứ điểm sinh động của cuộc cách mạng văn hóa ở mỗi địa phương trong điều kiện hiện nay. Nếu được mở rộng thì các hình thức tổ chức này với mục đích tổng hợp như vậy sẽ mang lại những kết quả to lớn cho bước đi ban đầu của địa phương.

Ngoài ra, chúng tôi rất chú trọng đào-tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật là con em các dân tộc ít người.

3— *Phát động phong trào quần chúng thi đua lao động sản xuất, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.*

Để có thể phát động được phong trào quần chúng thi đua, điều có ý nghĩa quyết định là mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần quan điểm « cách mạng là sự nghiệp của quần chúng », ra sức thực hiện một cách thiết thực *quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động*, tạo mọi điều kiện để quần chúng tham gia thảo luận những công việc chung, cùng nhau xây dựng và bảo vệ buôn làng, triệt để đấu tranh chống mọi âm mưu chống phá cách mạng, kích động quần chúng phá hoại đoàn kết dân tộc, phá hoại sản xuất, v.v.. Bên cạnh việc quan tâm tạo ra những hình thức mới để phát động và tổ chức phong trào quần chúng thi đua lao động sản xuất, chúng tôi rất chú trọng phát huy tinh thần làm chủ tập thể của quần chúng trên mặt trận giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, gắn liền nhiệm vụ sản xuất với nhiệm vụ bảo vệ sản xuất, bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng ứng phó kịp thời với mọi tình huống.

Bộ mặt mới, sức sống mới ở Gia-lai — Công-tum, nhất là ở các vùng nông thôn và miền núi cao, biểu lộ sức mạnh của quần chúng khi được tổ chức lại, biểu lộ lòng yêu nước, tin tưởng, tha thiết đi lên chủ nghĩa xã hội của đồng bào các dân tộc trong tỉnh cũng như đồng bào ở nơi khác đến và các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế.

Công tác tuyên truyền giáo dục cần được kết hợp với công tác tổ chức cụ thể. Xuất phát từ cuộc sống của nhân dân, từ những nhiệm vụ chính trị trước mắt mà tổ chức thành

(Xem tiếp trang 43)

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HẢI SẢN

NGUYỄN-BÁ-PHÁT

I - THẾ MẠNH CỦA KINH TẾ BIỂN NƯỚC TA

Nước ta có bờ biển dài 3.260 km, vùng biển và thềm lục địa rộng trên một triệu km². Dọc bờ biển nước ta có nhiều cửa sông đổ ra và có khoảng 40 vạn héc ta eo vịnh, đầm phá, bãi triều có khả năng nuôi trồng nhiều loại hải sản nước lợ. Biển ta có điều kiện địa lý thuận lợi, khí tượng thủy văn thích hợp cho nhiều loại hải sản có thể sinh trưởng và sinh sản trong cả bốn mùa. Nguồn hải sản của nước ta phong phú và to lớn. Vì thế, kinh tế biển của nước ta là một trong ba thế mạnh của nền kinh tế nước ta (cùng với nông nghiệp và lâm nghiệp), nó có khả năng cung cấp được nhiều đạm động vật cho bữa ăn hằng ngày của nhân dân ta và cho chăn nuôi gia súc, nguyên liệu cho công nghiệp (nhất là công nghiệp thực phẩm) và hàng hóa cho xuất khẩu.

Vùng ven biển của nước ta dài, vùng biển của nước ta rộng, giàu hải sản và nhiều nguồn lợi thiên nhiên khác mà ta khai thác chưa được bao nhiêu và cũng chưa lường hết. Kinh tế biển của ta có điều kiện phát triển lớn và sẽ thu hút được nhiều người lao động, góp phần quan trọng vào việc phân bố lại lực lượng lao động

một cách hợp lý và có hiệu quả trong phạm vi cả nước.

Phát huy thế mạnh đó, Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta đã chỉ ra đường lối phát triển sản xuất thủy sản: « Khôi phục và phát triển ngư nghiệp; đẩy mạnh đánh bắt, nuôi thủy sản ở cả vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Tăng nhanh lực lượng đánh cá biển và chế biến hải sản trung ương và của địa phương; tổ chức lại các lực lượng đánh cá, xây dựng ngành hải sản nước ta thành một ngành công nghiệp quan trọng; sử dụng hết các mặt nước hồ ao, sông ngòi, đầm lạch. Xây dựng công nghiệp bảo quản và chế biến thủy sản, tiến hành điều tra và nghiên cứu khoa học để nắm chắc các nguồn thủy sản » (1). Đồng thời, kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980) của Nhà nước ta cũng định rõ nhiệm vụ của ngành hải sản là khai thác 1 triệu tấn cá biển, nuôi 15 vạn tấn cá nước ngọt và nước lợ, chế biến 4 vạn tấn cá tôm ướp đông xuất khẩu, sản xuất 200 triệu lít nước mắm và từ 3 đến 4 vạn tấn bột cá phục vụ chăn nuôi...

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 37.

Đến nay, mặc dù nước ta có điều kiện thiên nhiên thuận lợi, nguồn hải sản phong phú, có gần 23 vạn người làm nghề đánh cá sử dụng trên 5 vạn tàu thuyền lớn, nhỏ, trong đó 64% đã gắn máy với tổng công suất trên 50 vạn CV, nhưng nhìn chung sản xuất hải sản của ta chủ yếu vẫn còn là sản xuất nhỏ và phân tán. Cơ sở vật chất - kỹ thuật nhỏ yếu. Công cụ làm nghề chủ yếu còn nhỏ bé. Số người lao động làm nghề cá này còn quá ít so với số dân cả nước, và sự phân công lao động trong nghề cá chưa hợp lý. Bộ máy chỉ đạo thực hiện còn yếu so với yêu cầu phát triển sản xuất hải sản trong giai đoạn mới. Công tác điều tra quy hoạch, phân vùng sản xuất, tổ chức và quản lý sản xuất còn mất cân đối về nhiều mặt. Vấn đề cung cấp vật tư, nhiên liệu, nguyên liệu và phụ tùng thay thế... đang có khó khăn. Việc cải tạo và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nghề cá làm chưa tốt và chưa nhiều. Chính sách còn có chỗ chưa khuyến khích được sản xuất. Năng suất lao động thấp. Tình hình đó đòi hỏi toàn ngành thủy sản, từ trung ương đến địa phương có sự cố gắng phấn đấu rất lớn, nắm vững tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đề ra biện pháp tích cực và thích hợp để tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng (trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt) nhằm đưa ngành sản xuất hải sản của nước ta tiến nhanh, mạnh và vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

II - KHAI THÁC NGUỒN LỢI HẢI SẢN

Đến nay, chúng ta đã sơ bộ tìm được tiềm năng và khả năng nguồn lợi cá, tôm từ 150 mét nước sâu trở vào (thuộc vùng kinh tế đặc quyền của nước ta) làm cơ sở bước đầu cho công tác quy hoạch và kế hoạch phát triển sản xuất, xây dựng ngành. Đồng

thời chúng ta cũng đã nắm được một số đặc điểm của vùng nước, nguồn lợi sinh vật học phục vụ cho công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng cơ cấu nghề nghiệp.

Trong việc khai thác hải sản, ngư dân miền Bắc đã thành công trong việc kết hợp nghề lưới vó, lưới vây với ánh sáng để đánh bắt một số loài cá nổi ở vùng biển sâu. Thành công này đã đưa năng suất phổ biến của nghề vó lên 100 - 120 tấn/năm, cao hơn nhiều so với các nghề lưới rút, mảnh dất, v.v... trước đây chỉ thu được 30 - 40 tấn/năm. Có đơn vị lưới vó đèn ở Cát-bà (Hải-phong) đạt sản lượng 500 tấn/năm một vàng lưới. Trong năm 1977, ngư dân ở vùng biển Thừa-thiên cũ áp dụng nghề vó đèn, đã làm cho năng suất nghề nghiệp tăng lên rõ rệt, hơn nữa còn tạo điều kiện tổ chức lại sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất cũ ở vùng này.

Nghề lưới vây rút chỉ kết hợp với ánh sáng lại còn có ưu thế hơn lưới vó, có khả năng đánh bắt ở vùng nước sâu hơn, trong điều kiện sóng gió lớn hơn. So với lưới vó, thời gian sản xuất của nó trong một năm tăng thêm trên 80 ngày và năng suất một đơn vị nghề tăng thêm từ 40 đến 50%.

Trong vòng một vài năm tới, tổ chức tốt việc làm hai loại nghề tiên bộ này ở các nơi có nghề đánh cá biển, nhất là ở các tỉnh miền Nam, nơi có nguồn lợi cá nổi phong phú, bố trí khoảng 600 vàng lưới vó và 300 vàng lưới vây, nhất định chúng ta sẽ thu được một sản lượng cá đáng kể hằng năm.

Ngư dân các tỉnh miền Nam có nhiều kinh nghiệm về sử dụng thuyền gùn máy và tàu cỡ nhỏ đánh lưới rê ngoài vùng biển sâu, khai thác được nhiều loại cá có giá trị kinh tế cao, đạt năng suất lao động mỗi người trên 15 tấn/năm. Đem kinh nghiệm và kỹ thuật đánh bắt này áp dụng cho các tỉnh miền Bắc sẽ khai thác được thêm

nhiều loại cá xuất khẩu, và bữa ăn hằng ngày của nhân dân ta sẽ được cung cấp thêm cá thu, cá ngừ, v.v... lâu nay khan hiếm vì nghề lưới rê ở miền Bắc đã bị mai một. Chúng ta còn có thể ứng dụng kỹ thuật đánh tôm nhiều lưới cho năng suất một mẻ lưới tăng thêm từ 17 đến 25% sản lượng so với đánh theo kỹ thuật cũ. Áp dụng một cách phổ biến và có kế hoạch kỹ thuật đánh tôm tiên tiến này vào các vùng có nhiều tôm ở các vùng biển từ Đồng-nai đến Minh-hải, Kiên-giang, chúng ta có khả năng khai thác thêm nhiều tôm cho xuất khẩu.

Nhiều nơi đã áp dụng một số công thức kiếm nghề theo mùa vụ hợp lý, đưa năng suất đánh bắt cá tăng lên rõ rệt. Các hợp tác xã nghề cá ở Quảng-ninh áp dụng công thức lưới kéo đòi kiếm nghề vầy ánh sáng đã làm tăng sản lượng hàng trăm tấn so với cách đánh bắt một nghề đơn độc. Gần đây, một số cơ sở nghề cá ở Quảng-nam - Đà-nẵng dùng đôi tàu 30 - 45 CV đánh lưới kéo đòi kiếm lưới chuẩn vào các tháng mà năng suất lưới kéo thấp, đã làm tăng sản lượng từ 20 đến 40 tấn/năm cho mỗi đôi tàu...

Về nuôi trồng thủy sản trong điều kiện hiện nay của chúng ta, điều chủ ý trước tiên, là làm sao lấy được nhiều giống tôm, cá thiên nhiên vào đầm nước lợ theo đúng quy trình, loại trừ các loài cá dữ và cá tạp, nhằm tăng mật độ tôm, cá trên đơn vị diện tích mặt nước. Đi đôi với công tác lấy giống, thực hiện đúng quy trình nuôi, nuôi xen ghép (cá rô phi và cá trắm cỏ), tổ chức tốt việc chăm sóc và giải quyết một phần thức ăn cho cá, giữ nước tốt, bảo vệ đê và cống đúng kỹ thuật, v.v. sẽ bảo đảm đạt năng suất cá nuôi bình quân trên 50kg mỗi héc-ta với diện tích mặt nước rộng 28.000 héc-ta đã có đê cống. Kỹ thuật cho tôm đẻ nhân tạo và gây nuôi thức ăn tự nhiên cho ấu trùng tôm cũng có nhiều hứa hẹn đề tăng

mật độ lôm giống cho các ao đầm, nhằm đạt năng suất và sản lượng cao. Mở rộng những vùng trồng rong câu có sản lượng cao, đạt 10 tấn một héc-ta ở những nơi có điều kiện như: Hải-phòng, Hà-nam-ninh, Thanh-hóa, Bình-trị-thiên, Nghĩa-bình, Phú-khánh, Kiên-giang v.v. sẽ tạo thế ổn định và chủ động về nguyên liệu cho nhà máy sản xuất a-ga. Làm được như thế, chúng ta sẽ nhanh chóng thỏa mãn được nhu cầu trong nước về a-ga và hằng năm còn có một lượng lớn a-ga để xuất khẩu.

Chế biến và bảo quản hải sản là một khâu hoạt động kinh tế quan trọng. Chúng ta đã sản xuất thành công các mặt hàng hải sản đông lạnh mang nhãn hiệu Việt-nam đem bán trên thị trường quốc tế. Yêu cầu về chất lượng các mặt hàng hải sản xuất khẩu ngày càng cao, do đó, phải chấp hành nghiêm túc quy trình kỹ thuật chế biến, thường xuyên tổ chức huấn luyện và nâng cao tay nghề cho công nhân, bảo đảm bao bì bền, đẹp và hợp thị hiếu, v.v. nhằm nâng cao giá trị mặt hàng xuất khẩu. Áp dụng quy trình bảo quản tôm, cá ngay sau khi vừa đánh bắt lên khỏi mặt nước bằng các dung dịch hóa chất chuyên dùng, chúng ta sẽ nâng cao chất lượng và tăng thêm số lượng tôm cá xuất khẩu và cung cấp cho nhân dân.

Nghề sản xuất nước mắm cổ truyền của nhân dân ta ngày nay được trang bị một phần bằng công cụ cơ khí. Nhờ đưa một phần cơ khí vào quy trình sản xuất nước mắm, cho nên giảm được giá thành sản phẩm, thu hồi thêm nhiều đạm, giảm nhẹ cường độ lao động cho công nhân. Do tác dụng rút ngắn quá trình làm chín chượp, có thể giảm vốn đầu tư xây dựng thùng bể và giảm diện tích xây cất cho xí nghiệp, tăng vòng quay đồng vốn trong năm lên đến 3 - 4 lần. đương nhiên còn cần tiếp tục nghiên cứu đề nâng cao hơn nữa chất lượng và hương vị của nước mắm. Từ nay

đến năm 1980, chúng ta phấn đấu đưa quy trình sản xuất nước mắm này về áp dụng ở các tỉnh: Thái-bình, Hải-phòng, Hà-nam-ninh, Thanh-hóa, Quảng-nam - Đà-nẵng và một số nơi khác, để đạt khoảng 2/3 tổng sản lượng nước mắm cần sản xuất trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980).

Chúng ta có thể sử dụng bã và xác mắm để chế biến thức ăn cho gà, lợn, đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nuôi gà công nghiệp, bảo đảm gà nuôi chóng lớn, đẻ nhiều và trứng ít bị vỡ. Chiết xuất a-gi-nat na-tơ-ri từ rong mơ để sử dụng cho ngành in hoa, hồ vôi, làm keo dán gỗ, v.v... sẽ giảm bớt ngoại tệ dùng để nhập loại hóa chất hữu cơ này.

Ngoài ra, trong ngành chế biến hải sản, cần đặc biệt chú ý áp dụng đầy đủ các quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật đã được ban hành, nhằm tạo điều kiện bảo đảm chất lượng sản phẩm, tăng giá trị hàng hóa và ổn định ngành nghề sản xuất.

III - TRANG BỊ CÔNG CỤ CẦN THIẾT CHO VIỆC ĐÁNH BẮT ĐẠT NĂNG SUẤT CAO, SẢN LƯỢNG NHIỀU

Cơ giới hóa là một yêu cầu cấp bách của hoạt động sản xuất hải sản. Vừa qua, nhờ cơ giới hóa một phần, nhiều đơn vị đánh cá của chúng ta đã đạt được năng suất lao động cao, sản lượng nhiều. Có những hợp tác xã ở Hải-phòng, sau khi được trang bị một số tàu thuyền với cỡ máy từ 55 đến 135 CV và chuyển từ nghề lưới kéo thủ công sang nghề vó kết hợp với ánh sáng, đã đưa năng suất lao động của người đánh cá từ 8 tấn lên 18 tấn/lao động/năm. Một số hợp tác xã ở Quảng-ninh đưa một số tàu thuyền gắn máy cỡ từ 54 đến 135 CV vào nghề lưới vây và vó đèn, cho nên đã đưa năng suất lên 17 tấn/lao động/năm

(thuyền thủ công chỉ được từ 3 đến 5 tấn). Hợp tác xã Hùng-cường (ở Nghệ-tĩnh) dùng thuyền gắn máy đánh lưới vó đã đạt năng suất lao động 12 tấn/lao động/năm (thuyền thủ công chưa được 3 tấn). Ở hợp tác xã Minh-hải (ở Hải-hậu, Hà-nam-ninh) một hợp tác xã ở vùng bãi ngang, nhờ dùng thuyền gắn máy và có nghề nghiệp phù hợp, lại khéo tổ chức kết hợp sản xuất và sử dụng lao động hiện có, cho nên năng suất lao động tăng lên không ngừng, đời sống xã viên được cải thiện rõ rệt, bộ mặt xóm làng đổi mới... Hầu hết các hợp tác xã đánh cá ở miền Bắc đều thấy sự cần thiết, trong vài năm tới, gắn máy vào tất cả các thuyền hiện có, nhằm huy động hết khả năng của công cụ và có điều kiện áp dụng các ngành nghề tiến bộ, cho năng suất cao, do đó mà năng cao nhanh chóng sản lượng cá đánh bắt hằng năm.

Ngư dân ta đã bắt đầu sử dụng máy thăm dò cá có kết quả tốt. Dùng máy thăm dò cá loại xách tay vào quá trình đánh cá bằng lưới vó, lưới vây kết hợp với ánh sáng, có lợi là giảm thời gian đốt đèn như cá, sớm xác định vùng có cá trước khi đốt đèn, do đó giảm chi phí về nhiên liệu, tăng thêm mẻ lưới trong một đêm, tăng năng suất đánh bắt từ 20 đến 30% so với tàu thuyền chưa được trang bị máy, dò cá. Nếu chúng ta trang bị đủ máy dò cá cho các tàu thuyền làm nghề lưới vây và lưới vó, chắc chắn năng suất đơn vị nghề nghiệp sẽ tăng thêm trên 50 tấn/năm.

Đi đôi với việc huy động hết và sử dụng tốt những phương tiện và công cụ hiện có, tăng thêm tàu thuyền là điều rất cần thiết đối với việc phát triển sản xuất trên biển nhằm tiến tới khai thác 1 triệu tấn hải sản vào năm 1980. Thời gian vừa qua, ngành hải sản đã nghiên cứu thành công việc sử dụng vật liệu mới, dùng xi-măng lưới thép để đóng tàu đánh cá cỡ nhỏ. Đây cũng là một hướng tốt, vì

nó giải quyết được khó khăn về cung cấp sắt thép và gỗ. Giá thành một con tàu xi-măng lưới thép giảm từ 20 đến 25% so với tàu vỏ thép hay vỏ gỗ cùng cỡ, chi phí bảo quản cũng nhẹ hơn. Từ nay đến năm 1980, ngành hải sản sẽ đóng nhiều tàu xi-măng lưới thép định hình cỡ dưới 135 CV để cung cấp cho các đơn vị đánh cá biên. Gần đây, có nơi đã dùng xi-măng lưới thép trong khi sửa chữa vừa các tàu thuyền vỏ bằng gỗ. Đó cũng là hướng đúng cần được áp dụng rộng rãi để giảm bớt khó khăn về gỗ.

Vừa qua, ngành hải sản cũng đã bước đầu chế tạo thành công một số phụ tùng thay thế cho tàu cỡ 250 CV, do đó góp phần sửa chữa và giải phóng tàu nhanh. Thành công này mở ra triển vọng tốt đối với việc chế tạo các phụ tùng thay thế cho các cỡ máy khác dùng trong ngành hải sản. Tuy nhiên kết quả về mặt này còn ít, cho nên việc giải quyết phụ tùng thay thế vẫn còn có nhiều khó khăn.

IV— NGHIÊN CỨU KHOA HỌC— KỸ THUẬT VÀ ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HẢI SẢN

Những kết quả về nghiên cứu khoa học—kỹ thuật và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đã có tác dụng nhất định đối với việc phát triển sản xuất hải sản vừa qua. Nhưng nhìn chung, các kết quả nghiên cứu khoa học—kỹ thuật hải sản mới được đưa vào áp dụng trong phạm vi nhỏ, cơ sở khoa học còn nghèo nàn và chắp vá. Hệ thống tổ chức quản chung làm khoa học kỹ thuật chưa hình thành (có phần do yếu về trình độ tổ chức, trình độ văn hóa...). Sự quan tâm và ủng hộ của các cấp chưa nhiều. Việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn khó khăn và chậm chạp, nhất là ở các tỉnh miền Nam vì quan hệ sản

xuất ở đây chậm được cải tạo theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Việc phát triển sản xuất hải sản từ nay đến năm 1980 đặt ra cho công tác khoa học—kỹ thuật những yêu cầu cao, đòi hỏi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất với quy mô rộng lớn, và cần có sự tham gia tích cực của các cơ sở nghiên cứu khoa học kỹ thuật hải sản, các trường đại học và trung học, các xí nghiệp trung ương, các sở, ty thủy sản, v.v. Cần mở rộng công tác điều tra nghiên cứu, sớm hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn, định mức, đồng thời tổ chức triển khai ứng dụng trong phạm vi nhỏ nhằm bổ sung, điều chỉnh, tạo điều kiện hoàn thiện các quy trình, tiêu chuẩn để áp dụng một cách rộng rãi. Phấn đấu đến năm 1980, tiêu chuẩn hóa và xây dựng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, các quy trình công nghệ cho những sản phẩm và mặt hàng chủ yếu, các công cụ và vật liệu chính dùng trong nghề cá, tạo tiền đề để thực hiện chế độ quản lý kinh tế theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tổ chức tốt việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm của Nhà nước và cấp ngành làm cơ sở cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất, sản lượng, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Bản thân khoa học—kỹ thuật hải sản mang tính chất tổng hợp, nó sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiều ngành khoa học—kỹ thuật khác. Vì vậy, ngành hải sản cần được các ngành, các trường đại học và các viện nghiên cứu khoa học của Nhà nước cộng tác nghiên cứu để có thể giải quyết những vấn đề do Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đã đề ra cho sự nghiệp phát triển hải sản trong những năm tới.

Viện khoa học Việt-nam phối hợp và giúp đỡ tổ chức nghiên cứu các vấn đề về sinh vật học, vật lý hải dương, hóa học hải dương, v.v... giúp

vào việc đánh giá nguồn lợi biển một cách toàn diện, phát hiện và xác định các quy luật vận động của nước biển và của các loài cá tôm chủ yếu. Về lâu dài, Viện sẽ phối hợp với ngành hải sản nghiên cứu các biện pháp chủ động tập trung cá, tôm (vì biển nước ta ở vùng nhiệt đới, cá tôm sinh sống theo kiểu «rồng nhiệt» và «rồng muối» phân tán khắp nơi, mật độ đàn thưa), để đánh bắt đạt năng suất cao cả ban ngày và ban đêm. Nghiên cứu cơ bản để giải quyết vấn đề sản xuất giống nhân tạo, trước mắt là giống tôm he và cá đối.

Các viện khác và hải quân phối hợp và giúp đỡ nghiên cứu theo dõi quá trình vận động các đàn cá kinh tế và các mối quan hệ của chúng với môi trường (chủ yếu là nghiên cứu hải lưu, thông qua phương tiện tàu ngầm và máy bay).

Tổng cục khí tượng thủy văn phối hợp và giúp đỡ nghiên cứu xác định mối quan hệ giữa các yếu tố khí tượng thủy văn và biến động môi trường nước, phục vụ cho việc dự báo cá và xác định các vùng cá tập trung.

Trường đại học bách khoa và Bộ cơ khí luyện kim phối hợp và giúp đỡ nghiên cứu việc chế tạo phụ tùng máy thủy và các máy phục vụ sản xuất hải sản khác như máy lạnh, máy điện, máy dệt lưới, v.v.

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương giúp nghiên cứu các vấn đề về quy hoạch, phân vùng, tổ chức sản xuất và các vấn đề quản lý nghề cá trên địa bàn huyện và tỉnh.

Tổng cục hóa chất, Viện thực phẩm, các trường Đại học tổng hợp, y, dược, v.v. hợp tác nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến kỹ thuật bảo quản, chế biến và lợi dụng tổng hợp nguồn lợi biển.

Bộ nông nghiệp, Bộ lâm nghiệp, Bộ thủy lợi cùng phối hợp nghiên cứu quy hoạch các vùng nuôi thủy sản,

vùng sản xuất cá tôm giống và vùng đất trồng rừng ven biển hợp lý nhất.

Bộ văn hóa và thông tin giúp đỡ trang bị cơ sở vật chất và tổ chức giáo dục tư tưởng, phát triển văn hóa, giáo dục, tạo điều kiện đưa khoa học — kỹ thuật vào ngành cá được thuận lợi.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất hải sản sẽ nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động... Tuy nhiên, không phải bất kỳ tiến bộ kỹ thuật nào đưa vào ứng dụng trong những tháng đầu và năm đầu đều đã mang lại kết quả tốt đẹp cả vì lúc đầu có thể chưa thuận thực trong việc sử dụng kỹ thuật mới và phải đầu tư vốn khá lớn. Vì vậy cần sớm xây dựng các chế độ bù hao hụt ban đầu để khuyến khích áp dụng tiến bộ kỹ thuật. Khi đưa tiến bộ kỹ thuật vào áp dụng ở một địa phương hay cơ sở sản xuất nào, trước hết cần trang bị một số phương tiện và cấp một số kinh phí cần thiết cho địa phương hay cơ sở đó để tổ chức thực nghiệm cho có kết quả. Đồng thời các cơ quan nghiên cứu cần cử cán bộ chuyên trách trực tiếp hướng dẫn và bồi dưỡng cho cán bộ kỹ thuật địa phương và cơ sở sử dụng thử kỹ thuật mới. Sau khi xác định được chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cụ thể cho từng nơi, từng đơn vị và tích lũy được kinh nghiệm rồi, sẽ đưa ra ứng dụng rộng rãi.

Khen thưởng thích đáng và đãi ngộ đúng mức đối với những nơi ứng dụng tốt tiến bộ kỹ thuật, những thành công của nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đối với những người có sáng kiến phát minh, những người có kỹ thuật sản xuất giỏi, và có chế độ sử dụng tốt các chuyên gia nhân dân. Tăng cường và chấn chỉnh hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học — kỹ thuật hải sản, xây dựng mạng lưới khoa học — kỹ thuật toàn ngành từ

trung ương đến địa phương. Trang bị thêm thiết bị, phương tiện và cung cấp cán bộ khoa học kỹ thuật cho các cơ sở nghiên cứu và sản xuất hải sản, trước mắt trang bị cho các sở, ty những phương tiện dùng cho chỉ đạo và chỉ huy sản xuất trên biển.

V — TỒ CHỨC LẠI SẢN XUẤT VÀ TIẾN HÀNH CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, Củng cố, HOÀN THIỆN QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI TRONG NGHỀ CÁ CẢ NƯỚC

Các hợp tác xã nghề cá ở miền Bắc cần tổ chức lại sản xuất, cải tiến công tác quản lý kinh tế, tăng thêm và cân đối cơ sở vật chất kỹ thuật, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của xã viên, nhất là quyền làm chủ trong sản xuất, trong phân phối sản phẩm và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng năng suất lao động và nâng cao đời sống cho xã viên. Muốn làm được như vậy, các hợp tác xã nghề cá phải xác định cho được phương hướng nghề nghiệp, phân công lại lao động một cách hợp lý theo hướng chuyên môn hóa và tận dụng những công cụ, phương tiện hiện có, sắm thêm công cụ, phương tiện mới để thu hút được nhiều lao động hơn. Quy mô tổ chức phải thích hợp với trình độ quản lý kinh tế và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có. Thực hiện chặt chẽ các quy trình sản xuất, các định mức kinh tế, kỹ thuật, đưa công tác quản lý kinh tế và kỹ thuật vào nền nếp theo hướng quản lý tập trung, thống nhất. Đưa số hợp tác xã còn kém hiện nay vươn lên bằng cách học tập và vận dụng tốt kinh nghiệm của các hợp tác xã tiên tiến.

Củng cố tốt các hợp tác xã nghề cá ở miền Bắc hiện nay có tác dụng quyết định đối với việc tăng sản lượng hải sản của miền Bắc.

Về nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề cá ở miền Nam, nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: “phát triển thành phần quốc doanh, xác lập mối liên hệ trực tiếp giữa Nhà nước với ngư dân, giúp đỡ ngư dân thoát khỏi mọi sự bóc lột và tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức thích hợp” (2).

Một trong những quan điểm cơ bản của Đảng ta trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa ở miền Nam là phải luôn luôn kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng mà xây dựng là chủ yếu, trong cả quá trình cách mạng và trên các mặt chính trị, kinh tế, kỹ thuật, văn hóa, tư tưởng, trong phạm vi toàn xã hội và từng đơn vị. Vì vậy công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nghề cá ở miền Nam phải gắn chặt với xây dựng lực lượng sản xuất trong cả quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Song song với việc hạn chế, xóa bỏ bóc lột, giải phóng ngư dân, cần từng bước xây dựng các tổ chức sản xuất tập thể, có chính sách đúng đắn để thu hút ngư dân lao động và các chủ thuyền đi theo con đường hợp tác hóa xã hội chủ nghĩa.

Cùng với các nhiệm vụ trên, hết sức chú ý phát triển mạnh quốc doanh đánh cá trung ương và địa phương, sử dụng một bộ phận lực lượng quân đội nghiên cứu và sản xuất hải sản. Đối với những cơ sở quốc doanh hiện có cần tăng cường toàn diện, đồng bộ, cầm đối các mặt để làm nhiệm vụ nêu gương, đi đầu trong việc quản lý kinh doanh lớn xã hội chủ nghĩa. Nhanh chóng hình thành hệ thống quốc doanh nghề cá cả nước nhằm bảo đảm cho Nhà nước nắm chắc một khối lượng hải sản quan trọng dành

(2) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 52.

cho xuất khẩu và phục vụ nhu cầu sản xuất, đời sống trong nước.

Đối với nhân dân ven biển, cần tạo mọi điều kiện để thu hút hết mọi lực lượng lao động vào sản xuất trên bờ và dưới nước phục vụ đánh bắt, nuôi trồng và chế biến hải sản hoặc làm các ngành nghề khác theo sự bố trí chung của địa phương để tăng sản phẩm cho xã hội, tăng thu nhập cho gia đình. Kết hợp cả ba lực lượng: quốc doanh (trung ương và địa phương), hợp tác xã và cá thể trong việc bố trí địa bàn đánh cá ở các vùng cho hợp lý và điều động đánh bắt theo thời vụ.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy,

cần đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng một đội ngũ cán bộ vững, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ giỏi, có sáng kiến, có năng lực tổ chức thực tiễn, đồng thời có nhiệt tình, tận tụy, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức kỷ luật, liên hệ mật thiết với quần chúng.

Hoạt động của ngành hải sản có liên quan đến nhiều ngành của nền kinh tế quốc dân. Do đó cần có sự chỉ đạo tập trung của Đảng và Nhà nước, sự góp sức của các ngành kinh tế khác và các đoàn thể quần chúng đối với ngành hải sản, để tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất hải sản ở nước ta phát triển mạnh mẽ.

Những bước đi lên chủ nghĩa xã hội...

(Tiếp theo trang 35)

những phong trào cụ thể như khai hoang, xây dựng cánh đồng, làm thủy lợi, xây dựng lực lượng dân quân du kích vững mạnh, bảo vệ buôn xã an toàn, phong trào vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, trồng cây gây rừng, cải tiến công cụ vận chuyển và canh tác, thi đua học tập, xây dựng các đội văn - nghệ của xã, huyện, v.v.



Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Gia-lai - Công-tum đã là căn cứ cách mạng nổi tiếng. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, Gia-lai - Công-tum sẽ là một công trường sôi động, giàu sức sáng tạo và chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Truyền thống đoàn kết trong nội bộ Đảng, trong

nhân dân các dân tộc, truyền thống chiến đấu kiên cường chống mọi kẻ thù của dân tộc, truyền thống tin tưởng và một lòng theo Đảng là những bí quyết thành công trong giai đoạn cách mạng vừa qua và là những thuận lợi rất cơ bản trong giai đoạn cách mạng hiện nay của Gia-lai - Công-tum. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ 6 của đảng bộ tỉnh, với những thuận lợi cơ bản nói trên, với tiềm năng to lớn về mọi mặt, và quyết tâm cao của toàn đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, lại được sự chi viện của các ngành, các cấp, chắc chắn Gia-lai - Công-tum sẽ nhanh chóng vượt qua mọi khó khăn, tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách mạnh mẽ và vững chắc, xứng đáng với lòng mong muốn của cả nước.

Thảo luận

CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

Lời Bộ biên tập — Vừa qua Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản có tổ chức một cuộc họp thảo luận về « Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam » tại trụ sở Bộ biên tập.

Tham gia cuộc thảo luận có các nhà khoa học thuộc các ngành khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, các cán bộ nghiên cứu ở các viện, các trường, các cơ quan văn hóa và tư tưởng...

Trong mục này chúng tôi lần lượt đăng một số bài phát biểu của các đồng chí đã tham gia cuộc thảo luận nói trên.

VỀ PHONG CÁCH LAO ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI MỚI

HOÀNG - TỤY

TRONG khoa học quản lý hiện đại người ta đã nhận thấy rằng muốn xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất, không phải chỉ cần có máy móc, thiết bị, vật tư, cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung, mà còn cần một cái cơ bản nữa là cấu trúc nền tâm lý xã

hội (infra — structure sociopsychologique), tức là : toàn bộ các tập quán làm ăn, các xu hướng, sở thích, kiểu cách suy nghĩ và đặc biệt là phong cách lao động của người dân, biểu hiện trước hết ở chất lượng, cường độ và kỷ luật lao động, ở khả năng

hợp tác và tác động lẫn nhau trong quá trình sản xuất, ở thái độ và khả năng tiếp thu các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật, cuối cùng là ở trình độ của năng suất lao động và tính năng động tiềm tàng của nó. Những nghiên cứu gần đây ở các nước ngày càng xác nhận vai trò cực kỳ quan trọng của cấu trúc nền tâm lý xã hội trong xây dựng và phát triển kinh tế, nhất là trong thời đại khoa học kỹ thuật hiện nay. Điều đó cũng hoàn toàn phù hợp với kinh nghiệm thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Bác Hồ thường nói: « Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa* ». Những đặc trưng cơ bản của con người mới xã hội chủ nghĩa có nhiều mặt. Ở đây chúng tôi chỉ xin đề cập một số khía cạnh trong *phong cách lao động* và đặc biệt là *tác phong khoa học trong lao động*.

Con người mới là một thành viên của chế độ mới, đồng thời cũng là người chủ tập thể của chế độ. Cho nên nói tới lao động, cũng như mọi hoạt động khác của con người mới, là phải nói với tư cách đó. Là thành viên, là người chủ tập thể, thì điều quan trọng trước tiên là phải xác định cho đúng *mục đích, động cơ, và thái độ lao động*. Dù nói thế nào, chất lượng lao động cũng phụ thuộc một phần quyết định vào tính tự giác, và chỉ có lao động vì mục đích cao cả, lao động với động cơ đúng đắn, mới có tự giác thật sự. Xã hội tư bản chủ nghĩa, để có được năng suất cao, cũng cố tạo ra mọi thứ động cơ thúc đẩy lao động, nhưng đó là những động cơ cá nhân, ích kỷ, và thường là do sự cưỡng bức, trực tiếp hoặc gián tiếp, chứ không phải tự giác. Trong xã hội ta, người lao động làm việc vì mình một phần, nhưng trước hết là vì tập thể, vì nhân dân, vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Điều đó phải biến thành *động cơ mạnh mẽ* thôi thúc mọi người

trong lao động hằng ngày, bất kỳ làm việc gì, ở đâu và trên cương vị nào. Đó cũng là một trong những mục tiêu chủ yếu của cách mạng tư tưởng và văn hóa và đồng thời cũng là một yêu cầu của việc xây dựng con người mới, bởi vì phẩm chất tốt đẹp của con người mới phải biểu hiện trước hết ở động cơ và thái độ lao động.

Ở đây, cần thấy hết tầm quan trọng và tính phức tạp của vấn đề này. Theo kết quả điều tra của các chuyên gia nước ngoài, sự ham thích lao động (*propension au travail*) ở các nước nghèo và lạc hậu thường kém hơn ở các nước đã phát triển, và hiện nay đang là một điểm yếu của cấu trúc nền tâm lý xã hội, gây trở ngại cho việc xây dựng kinh tế ở các nước đó. Ở Ấn-độ và châu Phi đã có hiện tượng: người lao động, từ một cuộc sống quá bấp bênh và khổ cực trước kia, bước sang cuộc sống mới tương đối bảo đảm, thường nảy ra xu hướng muốn nghỉ ngơi và chỉ làm việc vừa đủ mức cần thiết. Đương nhiên hoàn cảnh ta khác, vì ta có chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt, và trong nhân dân ta ý thức làm chủ tập thể, mặc dù chưa cao lắm, cũng đã được khẳng định trên những nét cơ bản. Tuy vậy, cũng phải thấy rằng, bên cạnh những gương hy sinh tận tụy, lao động quên mình, vẫn còn không hiếm những kiểu làm án tắc trách, vô trách nhiệm, uể oải, làm việc cầm chừng, vừa đủ để khỏi bị chê trách, tức là kiểu lao động hầu như không biết vì ai và để làm gì, một thứ lao động *năng suất cực kỳ thấp*, hoàn toàn xa lạ với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Cho nên, nói phương pháp làm việc khoa học, nói tác phong lao động mới, trước hết là phải nói thái độ lao động *niệt tình*, xuất phát từ sự giác ngộ sâu sắc về nghĩa vụ lao động, từ nhận thức đã biến thành tình cảm tự nhiên: coi lao động là nguồn vui, là *lẽ sống*, là một *nhu cầu bên trong*, một cái gì nâng người ta lên khỏi

mọi thứ tâm thường trong cuộc sống hằng ngày. Chưa có nhiệt tình ấy thì đừng vội nói tới năng suất, vô luận trong hoàn cảnh nào. Phải chăng nghèo khổ cũng có thể biến thành một thứ xiềng xích trói buộc con người, vì nghèo cho nên năng suất lao động thấp, rồi vì năng suất lao động thấp cho nên lại tiếp tục nghèo? Cái vòng luẩn quẩn cực kỳ khắc nghiệt ấy chỉ có một cách *duy nhất* để khắc phục là ngay trong hoàn cảnh thiếu thốn, mọi người cố gắng vươn tới năng suất cao, bằng cách dốc hết nhiệt tình vào lao động và dựa vào sức mạnh tổng hợp của chế độ, mới, động viên mọi khả năng tinh thần, trí tuệ để vượt qua các hạn chế và khó khăn vật chất. Ngoài ra, không còn cách nào khác.

Đương nhiên, chỉ có nhiệt tình thôi chưa đủ. Cái cuối cùng quan trọng nhất thể hiện sự cống hiến của mỗi người và nhờ đó xã hội mới tiến lên được, là *hiệu quả* của lao động. Do đó, không phải chỉ cần lao động hăng say, mà còn cần *lao động có năng suất cao*, và muốn thế, phải *lao động có kỹ thuật và có kỷ luật*, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nêu rõ. Nghĩa là phải biết *kết hợp nhiệt tình cách mạng với phương pháp làm việc khoa học*.

Như thế nào là phương pháp làm việc khoa học và làm thế nào để rèn luyện phương pháp đó?

1 - Trước hết, về thực chất, có thể nói rằng tác phong làm việc khoa học tức là *tác phong công nghiệp*, đối lập với tác phong thủ công, sự vụ, sản xuất nhỏ. Nó dựa trên đầu óc công nghiệp là *đầu óc làm ăn lớn*, không bằng lòng với những cái dễ đạt tới, không an phận với cái nhỏ, tụn mụn, vụn vặt. Cho nên, nó đòi hỏi phải *nhằm mục tiêu lớn, ý đồ lớn* mà sắp đặt công việc. Từ ý đồ lớn, mới có nghị lực lớn để vượt qua khó khăn. Mặt khác, có ý đồ lớn, mới tập trung được cố gắng theo những phương hướng nhất định, và không phân tán

năng lực một cách lãng phí. Theo quan điểm điều khiển học, lao động là một quá trình điều khiển, cho nên trước hết phải có mục tiêu: *Đề làm gì, đi tới đâu?* Nói ra nghe rất đơn giản, nhưng đây chính là một trong các điểm tựa của vấn đề. Đối với những công việc đòi hỏi nhiều sáng tạo như khoa học, kỹ thuật, nếu không có ý đồ lớn, thì khó có thành công lớn. Trên thực tế, rất nhiều bạn trẻ, sau nhiều năm đi vào khoa học kỹ thuật vẫn chưa làm được việc gì đáng kể, chính là vì không kiên định trong một mục tiêu nào cả, không có hoài bão, không có ý đồ. Làm việc theo kiểu hoa trôi, bèo dạt thì làm sao mà có năng suất cao được?

2 - Thời đại hiện nay là thời đại khoa học kỹ thuật, thời đại chuyên môn hóa và hợp tác hóa. Do đó, lao động phải dựa trên tri thức, phải có kỹ thuật, phải *chuyên sâu*. Đã qua lâu rồi cái thời mà một người có thể am hiểu mọi chuyện, thông thạo mọi ngành tri thức. Với tình hình khối lượng tri thức tăng theo tốc độ hàm mũ như hiện nay, nếu không đi sâu vào một lĩnh vực cụ thể dễ nắm thật chắc thì rất khó thành công. Hơn lúc nào hết, ở thời đại này, biết đủ mọi thứ có nghĩa là không biết cái gì rõ, đến nơi đến chốn, và như thế thì không làm được việc gì thiết thực, sâu sắc cả. Cho nên, trong lĩnh vực hoạt động của mình nhất thiết phải tạo cho mình một *sở trường* nào đó. Xã hội công nghiệp hiện đại sẽ dĩ đạt năng suất cao là vì nó tạo ra được sự phân công lao động rất sâu (kèm theo một tổ chức hợp tác tốt). Cái mà ta đang thiếu chính là những người lao động hiểu biết tường tận công việc cụ thể của mình. Còn cái mà ta đang có quá nhiều là những người chỉ có hiểu biết chung chung, không rõ rệt. Chắc rằng ở đây cũng có vấn đề cấu trúc nền tâm lý xã hội đã nói ở trên. Người Việt-nam ta vốn có nhiều đức tính tốt cơ bản, nhưng

có lẽ do hoàn cảnh lịch sử phải thường xuyên đối phó với nạn ngoại xâm, do tư tưởng phong kiến đề nặng lên xã hội hàng nghìn năm, và do sự trì trệ của nền sản xuất nhỏ, cho nên, thừa hưởng cái di sản đó, nhiều người trong chúng ta còn quen tác phong đại khái và ít chịu khó suy nghĩ, nghiên cứu sâu. Nhược điểm này bộc lộ trên một vài lĩnh vực khoa học kỹ thuật, nếu không chú ý khắc phục nhanh chóng thì nó có thể trở thành một trở ngại cho bước tiến của chúng ta.

Đi sâu, đi thật sâu vào nghề nghiệp cụ thể của mình để làm chủ nó, đó là điều không dễ, nhưng hoàn toàn cần thiết đối với người lao động mới trong giai đoạn hiện nay.

3 - Thuộc đo chất lượng lao động là mức độ sáng tạo của nó. Lao động trong chế độ mới không còn là làm thuê, mà là làm cho mình, cho tập thể, cho xã hội, cho nên càng cần phải phát huy *tinh tự giác, tinh thần chủ động, sáng tạo*. Đó cũng là biểu hiện ý thức làm chủ tập thể của người lao động mới.

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đang diễn ra trên khắp thế giới, và quá trình phát triển kinh tế ở nhiều nước đã xác nhận một điều thực tế là: cái quý giá nhất, cái có tiềm năng thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh nhất chưa phải là máy móc, thiết bị, mà chính là *chất xám, là tri thức khoa học, là khả năng sáng tạo, cộng với đầu óc tổ chức*. Vì vậy, trong thế giới ngày nay, muốn vươn lên nhanh chóng, phải phát huy cao độ khả năng sáng tạo, phải đầu tư nhiều chất xám. Đặc biệt, đối với những nước còn nghèo, phương tiện vật chất đã ít thì càng cần sử dụng một cách thông minh, sáng tạo, mới mong sớm đuổi kịp được các nước tiên tiến.

Muốn lao động sáng tạo thì phải thường xuyên *động não, suy nghĩ,*

tìm tòi. Có lúc phải *tập trung* suy nghĩ khá căng thẳng. Nhất là đối với một số loại lao động khoa học kỹ thuật thì nhiều lúc phải tập trung trí tuệ liên tiếp trong một thời gian tương đối dài. Không như thế thì ít có hy vọng tìm ra những con đường mới, phát hiện những vấn đề mới, những giải pháp mới có hiệu quả đích đáng. Những *ý mới, những sáng kiến hay* có thể nảy ra vào những lúc bất ngờ nhất, nhưng bao giờ cũng là kết quả của một quá trình tích lũy có khi rất lâu dài (trong khoa học có nhiều trường hợp 5 năm, 10 năm hay lâu hơn).

4 - Sự nghiệp cách mạng mà nhân dân ta đang tiến hành vô cùng lớn lao, nhưng cũng đầy gian khổ, khó khăn, đòi hỏi người lao động mới trong chế độ ta phải luôn luôn *cao quyết tâm và dũng khí*. Quyết tâm và dũng khí đó không những phải biểu hiện ở sự can đảm đương đầu và vượt qua những thử thách lớn, mà còn ở chỗ dám vượt ra khỏi những lối thói cũ kỹ, những tập quán thủ cựu, những giới hạn ước lệ, để *dám suy nghĩ và dám làm* những việc tưởng như không thể nghĩ tới, không thể làm nổi, như "đào núi và lấp biển". Đồng thời phải *biết kết hợp tinh thần cách mạng tiến công, sự táo bạo trong suy nghĩ chiến lược, với thái độ nghiêm túc, khách quan, thật sự cầu thị, trong các biện pháp cụ thể*. Hai đức tính ấy tựa hồ kiểm chế nhau, thật ra là bổ sung cho nhau, và sự kết hợp hài hòa hai đức tính ấy là điều kiện cần thiết của một năng lực *sáng tạo khoa học chân chính*. Thực chất đó là vấn đề kết hợp khoa học với cách mạng mà Đảng ta thường nêu lên.

Người lao động mới cần phải mạnh dạn đập đổ những bức tường già tạo do tâm lý, tập quán, mê tin dựng lên. Nhưng mặt khác cũng phải thấy rằng chúng ta chỉ có thể lao động có hiệu quả chừng nào chúng ta *biết*

dựa vào các quy luật khách quan của sự vật. Ở đây có khó khăn là nhiều khi ranh giới không rõ: lệch về phía này thì trở thành bảo thủ, giáo điều, xa thực tế, đưa đến những hậu quả không tốt, nhưng lệch về phía kia thì lại biến thành phiêu lưu, chủ quan, và cũng xa thực tế, với tất cả mọi hậu quả không tốt kèm theo. Tuy nhiên, bằng kinh nghiệm, bằng cách đi sâu vào thực tiễn đồng thời nâng cao hiểu biết khoa học của mình, mỗi người lao động, trong phạm vi từng công tác cụ thể, sẽ tự tìm ra được cái ranh giới khó thấy đó.

Với cách tiếp cận hệ thống, khoa học quản lý hiện đại đã tích lũy được một số lý luận và kinh nghiệm để thực hiện có phương pháp sự kết hợp giữa ý đồ táo bạo với sự phân tích khách quan trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ công tác lớn. Điều đó cho thấy việc kết hợp nói trên không chỉ là nghệ thuật, mà còn là khoa học, và có thể thực hiện tốt hơn nếu chúng ta biết vận dụng những tri thức khoa học quản lý mới.

5 — Nền sản xuất lớn hiện đại chỉ có thể tiến hành trên cơ sở một tổ chức chặt chẽ, nhờ đó mà bộ máy sản xuất mới có thể hoạt động có hiệu quả. Do đó, lao động trong chế độ sản xuất lớn chỉ có thể là lao động có tổ chức, có kỷ luật. Tự do chủ nghĩa, tản mạn, vô tổ chức, vô kỷ luật, làm việc theo lối tài tử, là những tác phong rơi rớt lại của chế độ sản xuất nhỏ phân tán, hoàn toàn không phù hợp với giai đoạn mới.

Một nội dung quan trọng của tổ chức lao động trong sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là hợp tác xã hội chủ nghĩa. Nếu chuyên môn hóa sâu nhưng không thực hiện được hiệp đồng chặt chẽ giữa các bộ phận, thì bộ máy sản xuất sẽ kém hiệu quả, gây ra nhiều lãng phí lớn. Vì vậy, người lao động mới không những chỉ cần chuyên sâu, mà còn phải có tinh thần và khả năng thực tế hợp tác xã

hội chủ nghĩa. Muốn như thế, trước hết cần có thái độ đoàn kết, trung thực, đứng trên lợi ích chung mà xem xét, giải quyết các vấn đề, vô tư, khách quan trong việc đánh giá thành tích cũng như khuyết điểm của đơn vị này, hay cá nhân kia, v.v. (thật ra, đó cũng là đạo đức thông thường phải có của mọi người lao động). Nhưng ở đây có một điểm thiết tưởng nên nhấn mạnh là *khả năng thực tế* hợp tác xã hội chủ nghĩa, vì không phải chỉ cần có tinh thần và thái độ đúng đắn là đã có thể thật sự hợp tác được. Đây cũng là một *tác phong*, một *kiểu làm ăn* đi liền với nền sản xuất lớn hiện đại, vốn chưa quen đối với chúng ta, đòi hỏi phải tích cực rèn luyện mới có được. Vì vậy, chỉ có hô hào hợp tác xã hội chủ nghĩa, mà không có biện pháp thì sẽ còn khó khăn. Ví dụ, ngay trong khi việc hợp tác giữa các trường đại học, các viện nghiên cứu và các đơn vị sản xuất ở các nước (không phải chỉ xã hội chủ nghĩa) đã thành nếp làm việc tự nhiên, thì ở ta việc đó còn kém, tuy rằng các trường, các viện là nơi tập trung nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật. Muốn hợp tác tốt cần phải giải quyết một số vấn đề trong chế độ quản lý, đồng thời về phía người lao động cũng phải cố gắng vượt qua *hàng rào tâm lý* do những thói quen của nền sản xuất nhỏ để lại.

6 — Liên quan với vấn đề hợp tác xã hội chủ nghĩa có vấn đề rèn luyện *thói quen làm việc tập thể trong các nhóm, tổ, đội*, đúng hơn là trong các ê-kíp. Trong nhiều lĩnh vực hoạt động sản xuất và khoa học kỹ thuật, người ta nhận thấy ngày càng nổi bật vai trò của các *đơn vị tập thể cuối cùng* này. Đó là những bộ phận mà chất lượng hoạt động tổng hợp của chúng trên thực tế quyết định hiệu quả hoạt động của toàn bộ tổ chức tương ứng (xi nghiệp, cơ quan nghiên cứu v.v.). Mỗi đơn vị như thế gồm chừng mười, mười lăm người (có khi đông hơn

một chút), với hoạt động thuần nhất và nhằm thực hiện một nhiệm vụ chung cụ thể, xác định. Khi nói làm việc tập thể, đối với người lao động, là chủ yếu làm việc tập thể ở các ê-kíp đó. Một ê-kíp không quá lớn đến nỗi làm mờ vai trò mỗi thành viên trong tập thể, đồng thời nó cũng đủ lớn để mỗi thành viên đứng vào tập thể ấy trở thành khác khi đứng riêng một mình, và các quan hệ trong tập thể đủ phong phú để đưa đến một năng suất tổng hợp cao hơn hẳn năng suất của từng thành viên đứng riêng cộng lại (nói theo thuật ngữ của khoa học và hệ thống, là một tập thể đủ lớn để sức nhỏ—*émergence*—phát huy tác dụng). Đó là *địa bàn tối ưu* để kết hợp lao động cá nhân với lao động tập thể, trong đó nhờ sự đồng bộ, sự bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau mà tạo ra được những năng suất cao, đồng thời thực hiện được những việc mà cá nhân dù giỏi cũng khó có hy vọng thực hiện được. Vì vậy *kiểu làm việc ê-kíp* là kiểu làm việc khoa học, công nghiệp, khác lối làm việc tập thể hình thức, mà có khi năng suất còn thấp hơn làm việc riêng lẻ. Con người mới cần phải biết làm việc theo ê-kíp (điều đó đòi hỏi phải rèn luyện) và trong công cuộc xây dựng kinh tế, phát triển khoa học kỹ thuật, chúng ta rất cần chú trọng xây dựng những *ê-kíp giỏi* trên mọi lĩnh vực.

7 — Theo nghĩa hẹp, làm việc một cách khoa học thường đồng nghĩa với *làm việc có phương pháp, có kế hoạch, biết sắp xếp thời gian hợp lý, sử dụng phương tiện một cách thông minh*, nhờ đó mà tiết kiệm thời gian, công sức, phương tiện, và đạt hiệu quả cao, nói tóm lại là *biết tổ chức khéo*. “*vận trù*” công việc của mình. Dĩ nhiên, đó cũng là một mặt quan trọng của tác phong làm việc khoa học. Ở đây thiết tưởng cần nhấn mạnh hai điểm:

Một là, về thời gian: phải coi thời gian là của cải vật chất thật sự và hết

sức quý trọng nó. Do đó, phải hết sức tranh thủ thời gian, *khẩn trương* trong mọi việc, *hợp lý hóa* các hoạt động, giải quyết việc gọn gàng, *dứt điểm*, không để kéo dài khi không cần thiết; đặc biệt coi trọng *thời giờ của xã hội*. Của cải nằm im, lao động không được sử dụng, tiền vốn để rồi, đều là những lãng phí lớn cần hết sức tránh. Luôn luôn nhớ rằng mọi việc, dù không phải là cấp bách, vẫn có *thời gian tính*, và một giải pháp dù chưa hay lắm nhưng kịp thời, còn tốt hơn một giải pháp hay nhưng quá muộn.

Thế giới ngày nay là thế giới của các tốc độ cao, trong đó thời gian bị dồn ép đến những kích thước ngày càng nhỏ, nhịp độ sản xuất và sinh hoạt khẩn trương trong xã hội công nghiệp hiện đại lôi cuốn mọi người chạy theo nó, buộc người ta phải tính từng giờ, từng phút. Trong khi đó, nhiều người trong xã hội ta vẫn lầm tưởng thời gian không phải mất tiền mua, nên vung phí nó vô tội vạ. Nhất là thời gian xã hội thì càng bị coi rẻ: những thủ tục phiền phức, bệnh quan liêu giấy tờ, cung cách làm ăn tùy tiện, những thứ đó đã giết chết oan uổng biết bao nhiêu ngày giờ đáng quý của chúng ta.

Hiển nhiên, nhận thức không đúng về giá trị thời gian, đặc biệt *giá trị kinh tế* của nó, có nguyên nhân ở năng suất lao động xã hội quá thấp. Nhưng điều cần thấy hơn là, cái nhận thức ấy, đến lượt nó, đang trở thành một yếu tố tâm lý cản trở việc nâng cao năng suất lao động. Nếu không sửa được tác phong lề mề, chậm chạp phổ biến trong xã hội ta hiện nay, và xây dựng thay vào đó một tác phong khẩn trương, dứt điểm, làm ra làm, nghĩ ra nghĩ, thì chúng ta sẽ còng gập khó khăn trên con đường tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Hai là, ý thức về *hiệu quả và chất lượng*: phải có thói quen làm việc gì cũng so sánh kết quả thu được với

hao phí đã bỏ ra, tính toán nhiều phương diện, cân nhắc nhiều phương án, để tìm ra phương án tốt nhất, tức là *ít tốn kém nhất* và *đạt hiệu quả cao nhất*; đồng thời hết sức coi trọng chất lượng, theo phương châm « *thà ít mà tinh* ». Thật ra đây cũng là vấn đề *tiết kiệm*, nhưng không phải chỉ tiết kiệm theo nghĩa cổ điển thường hiểu — tuy đó cũng là nội dung rất cơ bản — mà còn là tiết kiệm theo nghĩa khoa học tích cực nhất, tức là tiết kiệm cả những cái hiển nhiên, ai cũng thấy (nhưng không phải ai cũng làm) và cả những cái tiềm tàng, khó thấy hơn, những cái phải phân tích cặn kẽ, khoa học, mới phát hiện ra được (khả năng tiết kiệm những cái này còn gấp nhiều lần những cái hiển nhiên). Hiểu như thế, tiết kiệm không chỉ là *vấn đề đạo đức* (tuy trước hết là vấn đề đạo đức) mà còn là *vấn đề tri thức, vấn đề khoa học*.

Ở các nước công nghiệp phát triển, người ta thường biết tiết kiệm hơn ở các nước kinh tế còn thấp. Điều này không có gì lạ, vì ý thức tiết kiệm gắn liền với những thói quen công nghiệp. Người sản xuất nhỏ dễ nhìn thiên cặn, hà tiện những cái vụn vặt không đáng, nhưng lãng phí những cái rất lớn mà không thấy; hay chú ý và dễ bị xúc động trước những con số *tuyệt đối*, nhưng ít lo lắng về những con số *tương đối*, con số so sánh (ví dụ năng suất); dễ dừng lại ở những con số *bộ phận*, *bề ngoài*, *nhất thời*, mà ít chú ý khó đi vào chiều sâu những con số *tổng hợp*, *bản chất*, *xu thế*; và thường ham *số lượng* hơn *chất lượng*, không thấy rằng cái cuối cùng tiết kiệm nhất thường là chất lượng. Khắp thế giới vẫn minh ngày nay, vấn đề quản lý nổi lên như là vấn đề thời sự hàng đầu và theo ý kiến nhiều người còn quan trọng hơn cả kỹ thuật. Trong quản lý, *hiệu quả* và *chất lượng* là những tư tưởng chủ đạo, trên thực tế đang chi phối chiến lược phát triển của nhiều nước. Vì vậy, ta

nên kịp thời rút kinh nghiệm và thay đổi cách làm ăn thì mới đi lên đại công nghiệp nhanh chóng được.

8 — Sau cùng, một yêu cầu rất cơ bản nữa đối với người lao động mới là phải thường xuyên *tự bồi dưỡng năng lực* của mình, bằng mọi cách: đi vào thực tiễn, học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ hiểu biết. Thực tế luôn luôn thay đổi, khoa học kỹ thuật tiến nhanh từng ngày, từng giờ, cái hôm qua còn là tiên tiến, hôm nay có thể lạc hậu rồi, cái hôm nay mới chỉ là lý thuyết, ngày mai sẽ có thể đi vào thực tiễn. Cho nên, không một người nào, dù tài giỏi đến đâu, có thể yên trí với vốn hiểu biết sẵn có của mình. Không chịu khó thường xuyên học tập, *đổi mới kiến thức* của mình, thì chắc chắn sẽ tụt lại phía sau, và nguy hơn nữa, có thể trở thành một người bảo thủ, cản trở việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới. Điều này đặc biệt đáng chú ý đối với một số ngành khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, ở đó đang diễn ra những thay đổi cách mạng về phương pháp.

Do đó, *đọc sách, báo* phải là thói quen của người lao động mới. Nhưng cũng phải nói rằng tri thức, mà nhân loại đã có và mỗi ngày đang tích lũy thêm là mênh mông, dù chỉ là một ngành chuyên môn rất hẹp. Cho nên phải biết chọn lọc, biết *định hướng* trong cái rừng tri thức ấy, và phải biết cách đọc. Xét cho cùng, tri thức thông tin, tuy rất cần thiết, cũng chỉ mới là những tư liệu, chúng chỉ thật sự bổ ích khi đã trải qua khâu xử lý đúng đắn. Vì vậy, điều quan trọng nữa là *đầu óc suy nghĩ sáng tạo, độc lập*, mà thiếu nó chúng ta sẽ mãi mãi chỉ chạy theo làm học trò của người khác và không bao giờ *làm chủ* được các vấn đề của chính chúng ta. Đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhất định phải vượt bỏ những nếp nghĩ, cách nhìn tùn mủn, nông cạn, hẹp hòi do chế độ sản xuất nhỏ, phân tán, để

lại, đồng thời phải xây dựng nếp nghĩ, cách nhìn mới, *phương pháp tư duy khoa học*. Về mặt này, *chủ nghĩa duy vật biện chứng* có ý nghĩa lớn lao, đó là vũ khí phương pháp cơ bản, là ngọn đèn pha giúp chúng ta đi đúng hướng. Song bên cạnh đó, cũng cần chú ý tất cả các *phương pháp cụ thể*

mà khoa học ngày nay đã đem lại; tiếp cận hệ thống, tư duy bằng mô hình, quan điểm tối ưu, quan điểm thông tin, v.v. vì đó là những tổng kết lớn về phương pháp của trí tuệ khoa học hiện đại, có thể giúp chúng ta làm việc có hiệu quả hơn.



Trên đây, chúng tôi đã trình bày một số suy nghĩ chung quanh vấn đề xây dựng tác phong lao động mới. Tuy đó là việc làm khó khăn, song có thể thực hiện được vì xét đến cùng khi con người đã có nhiệt tình lao động cao, dựa trên cơ sở giác ngộ đúng đắn, thì việc tìm ra phương pháp khoa học thích hợp cho mình thường không đến nỗi quá khó.

Về phương diện quản lý, cũng cần thấy rằng: không phải ngày một ngày hai mà xây dựng được con người mới. Sự giác ngộ, và theo đó, nhiệt tình lao động của mọi người không phải đồng đều như nhau, và không phải ngay một lúc có thể đạt tới trình độ cao. Do đó, điều quan trọng là phải có những *biện pháp quản lý* tốt để ngăn ngừa những cái tiêu cực, khuyến khích và phát huy những cái tích cực. Trong xã hội, thường chỉ có một số ít người ưu tú, dù quản lý hay đỡ thế nào, vẫn làm việc với tất cả nhiệt tình và trách nhiệm, vẫn cố gắng bảo đảm năng suất cao nhất cho phép. Còn đối với số đông, dù sao nhiệt tình và hiệu quả lao động của họ

cũng phụ thuộc một phần rất lớn vào tổ chức và quản lý. Cho nên, để xây dựng tác phong lao động mới, cần phải giải quyết một số vấn đề tổ chức và quản lý đi kèm với các biện pháp giáo dục. Ở đây càng thấy rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa ba cuộc cách mạng mà chúng ta đang tiến hành.

Người Việt-nam chúng ta, trải qua hàng nghìn năm liên tiếp đương đầu với những kẻ thù xâm lược hung bạo và quỷ quyệt, đã rèn đúc được cho mình một tinh thần yêu nước nồng nàn và một ý chí quật khởi mạnh mẽ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lòng dũng cảm và trí thông minh của nhân dân ta, kết hợp với phương pháp khoa học chân chính, càng được phát huy trên mọi lĩnh vực xây dựng và bảo vệ đất nước. Do đó, có cơ sở để tin chắc rằng chúng ta sẽ xây dựng được một tác phong lao động mới của con người Việt-nam, vừa tiếp thu những tinh hoa của thời đại, vừa kế thừa những truyền thống quý báu của dân tộc, thể hiện đầy đủ bản chất tốt đẹp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

VỀ NHÂN CÁCH CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

ĐỨC - MINH

NHÂN cách là một vấn đề quan trọng đã được nghiên cứu từ lâu trong các khoa học nghiên cứu về con người, đặc biệt trong khoa học tâm lý. Hiện nay, vấn đề nhân cách càng trở thành đối tượng nghiên cứu chủ yếu trong việc hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

BẢN CHẤT CỦA NHÂN CÁCH

Khái niệm nhân cách chủ yếu nhấn mạnh vấn đề *cốt cách làm người*, vấn đề giá trị *xã hội của cá nhân*. Dùng thuật ngữ nhân cách để nói về một con người cụ thể nào có nghĩa là nhấn mạnh sự kết hợp hài hòa giữa hai mặt quan trọng của người đó: một mặt là cái chung của người, tức là *tính người*, và mặt khác là cái riêng của cá nhân, bản sắc của cá nhân, tức là *cá tính*. Khái niệm nhân cách làm nổi bật lên sự *cao đẹp của tâm hồn con người* kết tinh truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và loài người. Dùng khái niệm nhân cách là muốn nói lên sự khác biệt về chất của con người có đủ *nhân phẩm* so với giới động vật, với mọi cơ thể sống bậc thấp khác. Với cách hiểu vấn đề bản

chất của nhân cách như vậy, chúng ta dễ dàng nhận thức rằng, mặc dù "mọi người đều sinh ra bình đẳng trước pháp luật", song đến lúc lớn lên mỗi người lại có những trình độ phát triển nhân cách khác nhau, có những con người có nhân cách đạt tới đỉnh cao, có những con người cũng có nhân cách nhưng tầm thường, và cũng có những con người không có nhân cách hoặc đã mất nhân cách. Con người mới xã hội chủ nghĩa chính là con người có nhân cách phát triển toàn diện. Những kẻ áp bức, bóc lột nhân dân lao động, những kẻ ngồi không ăn bám xã hội, những tên phản cách mạng, v.v. chỉ là "những xác người không nhân cách".

Ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa vừa là đặc trưng chủ yếu, vừa là nội dung cơ bản của nhân cách con người trong thời đại ngày nay. Có thể nói rằng *không làm chủ tập thể thì không thể có nhân cách được*. Nhân cách của mỗi con người chúng ta chỉ có thể hình thành nhanh chóng, vững chắc và đạt tới tầm cao khi chúng ta thật sự phấn đấu để làm chủ tập thể: làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân mình.

Con người có nhân cách cao đẹp, nhân cách xã hội chủ nghĩa là con người thật sự có đủ ý thức và năng lực sống một cuộc sống văn minh và hạnh phúc. Đó chính là con người biết sống và sống thật, tức là: sống bằng lao động, sống có tình thương, sống theo lẽ phải. Không sống đúng như vậy có nghĩa là « sống thừa », là « ký sinh », là sống không có nhân cách, tức là sống như muông thú, như những sinh vật hạ đẳng. Bởi vậy, những kẻ ăn bám xã hội, bòn rút của nhân dân, những kẻ quen lối gây ỉa hiềm và thù hằn, những kẻ không biết điều, bất chấp lẽ phải, v.v. đều là những kẻ sống phi nhân cách, sống theo kiểu « cạnh tranh sinh tồn » của loài thú vật.

Nói đến nhân cách là nói đến sự cao đẹp của ý thức, là muốn đề cao trí tuệ, tình cảm và lý trí của con người, đồng thời nhắc nhở con người phải thường xuyên cảnh giác đối với mặt tiêu cực của những bản năng sinh vật vốn có trong mỗi con người, sẵn sàng lôi kéo con người trở về với những thị hiếu thấp kém, với lối sống chỉ nhằm thỏa mãn những nhu cầu ở tầm thú vật.

Nhận thức rõ vấn đề bản chất của nhân cách, chúng ta có cơ sở chắc chắn để đi sâu nghiên cứu các vấn đề quan trọng khác của lý luận về nhân cách xã hội chủ nghĩa, như vấn đề định nghĩa nhân cách, vấn đề cấu trúc của nhân cách (các bộ phận hợp thành nhân cách và mối quan hệ giữa chúng), vấn đề phân loại nhân cách cũng như vấn đề cơ chế hình thành nhân cách (sự vận dụng có quy luật của nhân cách trong quá trình phát triển của nó), v.v.

CẤU TRÚC CỦA NHÂN CÁCH

Cấu trúc của nhân cách là một dạng cấu trúc của ý thức, tức là cấu trúc tinh thần. Nó là kết quả của sự trừu tượng hóa cao độ, xuất phát từ quan

niệm về bản chất của nhân cách, nhằm giúp cho chúng ta đi sâu vào nội dung của nhân cách và có cơ sở để phân tích và tổng hợp, hệ thống hóa cũng như cụ thể hóa các vấn đề về nhân cách. Bởi vậy, cấu trúc của nhân cách là một khái niệm không đồng nhất với khái niệm cấu trúc của các đồ vật cụ thể, của các hệ thống máy móc, v.v.

Trong quá trình hoạt động của con người, các thuộc tính của nhân cách kết hợp với nhau theo những kiểu nhất định tùy theo yêu cầu của hoạt động, do đó tạo nên cấu trúc phức tạp của nhân cách. Một số nhà tâm lý học cho rằng cấu trúc của nhân cách bao gồm khí chất (hệ thống những thuộc tính tự nhiên của hệ thần kinh mỗi người), xu hướng (hệ thống những phẩm chất như lý tưởng, nhu cầu, nguyện vọng, hứng thú), năng lực (tổ hợp những thuộc tính về ý chí, về trí tuệ, về kỹ năng, kỹ xảo) và tính cách (tổng hợp những thái độ, cách thức cư xử, những phẩm chất của cá nhân liên quan đến đạo đức, tư cách, tác phong...). Một số nhà lý luận khác cho rằng cấu trúc của nhân cách gồm có bốn nhóm: nhóm một gồm có xu hướng và những phẩm chất đạo đức của cá nhân; nhóm hai gồm có kiến thức, thói quen, kỹ năng, kỹ xảo; nhóm ba gồm có những đặc điểm cá tính; nhóm bốn gồm có những đặc điểm về khí chất, về giới tính và về lứa tuổi. Cũng có một số nhà nghiên cứu về nhân cách cho rằng hệ thống nhu cầu và động cơ là cốt lõi của cấu trúc nhân cách, các mặt khác chỉ là những bộ phận sắp xếp chung quanh trung tâm đó mà thôi. Gần đây, một số nhà khoa học còn đưa ra thuyết cấu trúc nhiều « vòng » của nhân cách, đó là một hệ thống nội tại cơ động và linh hoạt của cá nhân bao gồm ba « vòng » như sau: vòng ngoài cùng là các quá trình tâm lý như nhận thức, tình cảm và những quá trình định hướng, thúc đẩy và điều chỉnh hành vi; vòng thứ

hai bao gồm những thuộc tính tâm lý của cá nhân như *kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thói quen, những đặc điểm về thái độ, nhu cầu, hứng thú, lý tưởng và niềm tin, những phẩm chất của ý chí*; vòng thứ ba trong cùng là *tri nhớ và khí chất*; tất cả những thuộc tính của nhân cách thuộc ba «vòng» đó kết hợp lại tạo nên hai mặt chủ yếu là *tính cách và năng lực*. Cũng có một số thuyết khác nữa muốn nhấn mạnh đến vị trí trung tâm của mặt này hoặc mặt kia, như xu hướng hoặc ý thức v.v. trong cấu trúc của nhân cách.

Nhìn chung, tuy có sự khác nhau trong quan niệm về cách sắp xếp các bộ phận, nhưng hầu hết các nhà tâm lý học nhân cách đều thừa nhận rằng trong cấu trúc của nhân cách tất yếu phải có đủ các mặt quan trọng như *xu hướng, tính cách, năng lực, khí chất*, trong đó *tính cách và năng lực* là hai mặt cơ bản. Có hai vấn đề quan trọng cần được nhấn mạnh.

Một là, cấu trúc của nhân cách mặc dù hết sức phức tạp, song ở dạng tổng quát nhất bao giờ nó cũng còn bao gồm hai mặt, hai bộ phận hợp thành cơ bản nhất, đó là *tính cách*, và *năng lực*. *Tính cách*, theo nghĩa rộng, là tổng hòa những thuộc tính (những phẩm chất) nói lên quan hệ của cá nhân với xã hội (những thái độ, những cách cư xử, tư cách, tác phong, v.v.). Còn *năng lực* là tổng hòa những thuộc tính (những phẩm chất) của cá nhân nói lên tương quan giữa cá nhân với hoạt động, bảo đảm cho cá nhân đạt được hiệu quả cao trong những lĩnh vực hoạt động chuyên môn nhất định. Với quan niệm như vậy, chúng ta cũng có thể nói rằng *đức và tài*, hoặc *phẩm chất* (nghĩa hẹp) và *năng lực* (bao gồm cả năng khiếu), là hai mặt cơ bản của nhân cách.

Hai là, quan niệm về cấu trúc của nhân cách phải là một quan niệm biện chứng. Các nhà tâm lý học nhân cách xã hội chủ nghĩa đều cho rằng cấu

trúc của nhân cách là một cấu trúc động. Điều đó có nghĩa là các mặt, các bộ phận trong cấu trúc nhân cách chỉ được phân chia một cách tương đối, không có ranh giới cứng nhắc, và được xác định tùy theo góc nhìn vấn đề. Nhân cách phát triển càng cao, thì tính cách (đức) và năng lực (tài) càng «chụm» lại, càng thống nhất, tức là càng khó phân biệt dứt khoát cái gì chỉ là đức và cái gì chỉ là tài ở con người cụ thể đó. Chẳng hạn, *tinh gương mẫu* (mẫu mực) là một trong những thuộc tính đặc trưng của nhà giáo có nhân cách phát triển cao. Xét về mặt quan hệ đối xử giữa người với người, thì nhà giáo gương mẫu là người có đạo đức, có tính cách cao đẹp. Song xét về mặt quan hệ giữa cá nhân và hoạt động, xét về hiệu quả (năng suất) nghề nghiệp, thì *tinh gương mẫu* có tác dụng giáo dục to lớn đối với học sinh. Như vậy, ở đây *tinh gương mẫu* là thuộc tính tất yếu nằm trong cấu trúc của năng lực sư phạm của nhà giáo, tức là một thuộc tính tạo nên chất lượng người giáo viên giỏi. Cấu trúc động của nhân cách càng làm sáng tỏ luận điểm của tâm lý học mác-xít đã được khẳng định từ lâu: không nên hiểu năng lực chỉ là «thông minh», nhiều kiến thức, nhiều kỹ năng và kỹ xảo; cũng như không nên hiểu khái niệm tính cách, đạo đức, phẩm chất chỉ là tổ hợp những «đức tính» nào đó mà thôi.

Quan niệm đúng đắn, có cơ sở khoa học về mối quan hệ giữa *đức và tài*, giữa *phẩm chất và năng lực* đã được Đảng ta nêu lên trong nhiều văn kiện quan trọng của Trung ương Đảng, trong nhiều bài nói của Hồ Chủ tịch, của đồng chí Lê-Duẩn và nhiều đồng chí lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước ta.

CƠ CHẾ VÀ QUY LUẬT HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH

Nghiên cứu cơ chế và quy luật hình thành nhân cách là công việc cấp bách

của tâm lý học hiện đại trong sự nghiệp xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Năm được *cơ chế hình thành nhân cách*, thực chất là năm được quá trình vận động — nói đúng hơn, là quá trình *tự vận động* — của bản thân con người với tư cách là chủ thể có ý thức của xã hội, chúng ta sẽ có khả năng *điều khiển* được sự phát triển của nhân cách một cách tốt nhất và nhanh nhất. Quá trình tự vận động ấy đương nhiên là một quá trình có *tính quy luật và rất phức tạp*.

Trước hết, các nhà tâm lý học xã hội chủ nghĩa đều nhất trí nhận định rằng nhân cách bao giờ cũng hình thành từng bước theo từng giai đoạn phát triển về *tư ý thức* (ý thức về bản thân mình) của con người kể từ khi còn thơ ấu. Thoạt tiên, đứa trẻ nhỏ chỉ nhận thức được *tính đồng nhất*, tức là cái chung (cái giống người khác chung quanh) trong bản thân mình. Khi trẻ học nói và bắt đầu tự xưng hô « con », « em », « mình », « tôi », v.v. và bắt đầu nhận ra được « cái này là của con », « cái kia là của mẹ », v.v. thì đó là lúc sự tự ý thức, tức là ý thức về « cái tôi » nảy mầm, nhân cách của đứa trẻ bắt đầu thể hiện và ngày càng phát triển. Từ tuổi thiếu niên, trẻ em đã thể hiện rõ khả năng *tự đánh giá* được những phẩm chất và năng lực của bản thân mình. Đến tuổi thanh niên, con người đạt tới trình độ phát triển mạnh mẽ của nhân cách, hiểu rõ được *cái chung* và *cái riêng* trong « cái tôi » của mình. Đó là mấy nét khái quát về con đường hình thành nhân cách, được coi như một mặt quan trọng của cơ chế hình thành nhân cách con người.

Nói đến cơ chế và quy luật hình thành nhân cách, cần đặc biệt quan tâm nghiên cứu mối quan hệ giữa *yếu tố bên ngoài* và *yếu tố bên trong*, đi sâu đánh giá vai trò và tác động của những *điều kiện sinh sống, của môi trường* đối với sự phát triển của nhân cách. Những yếu tố bên ngoài

không có tác dụng quyết định *trực tiếp* đối với sự phát triển nhân cách của con người, mặc dù chúng là những tiền đề hết sức quan trọng. Những điều kiện sinh sống như nhau, môi trường như nhau lại ảnh hưởng khác nhau đến sự hình thành nhân cách của mỗi người. Sở dĩ như vậy là vì ảnh hưởng đó, dù cho mãnh liệt đến bao nhiêu, cũng còn tùy thuộc *mỗi quan hệ qua lại cụ thể* giữa cá nhân và môi trường. Kết quả tác động của môi trường trước hết tùy thuộc vào chỗ những đặc điểm của môi trường bị những đặc điểm của cá nhân *khúc xạ* như thế nào. Cũng cùng cảnh vật của môi trường, mà đối với cá nhân này thì « hấp dẫn », nhưng đối với cá nhân khác thì lại gây nên tâm trạng « chán ngán ». Con người, ngay từ buổi thơ ấu, không phải là một thực thể xã hội tiêu cực, chỉ biết thụ động tiếp nhận mọi ảnh hưởng trực tiếp của môi trường, của hoàn cảnh sinh sống. Đó đó, tính quy luật của sự hình thành nhân cách là : *sự phát triển nhân cách bao giờ cũng diễn ra trên cơ sở của sự hoạt động thực tiễn của con người, trên cơ sở con người có những quan hệ tích cực đối với môi trường*. Bởi vậy, phải coi những yếu tố bên ngoài (điều kiện sống, môi trường, hoàn cảnh), kể cả những yếu tố bẩm sinh nữa, tuy hết sức quan trọng, song chỉ là *tạo điều kiện*, chứ chưa phải là quyết định trực tiếp sự phát triển nhân cách.

Cái quyết định *trực tiếp* chính là *sự hoạt động thực tiễn của cá nhân*. Hoạt động thực tiễn có thể coi như chiếc cầu nối liền con người với môi trường, là chất kích thích các yếu tố bẩm sinh phát huy tác dụng tích cực và cần thiết đối với sự phát triển nhân cách (đồng thời cũng là chất ức chế một số yếu tố bẩm sinh có tác dụng tiêu cực đối với sự hình thành nhân cách). Trong quá trình hoạt động thực tiễn, cá nhân đạt được kết quả theo cả hai chiều : vừa nhận thức được sâu

hiện thực khách quan, vừa góp phần cải tạo hiện thực đó, làm phong phú thêm những giá trị tinh thần và vật chất của xã hội, và chính nhờ vậy mà làm phong phú thêm, sâu sắc thêm những phẩm chất nhân cách của bản thân mình.

Xuất phát từ chỗ thừa nhận vai trò quyết định của hoạt động thực tiễn đối với sự hình thành nhân cách, cần thiết phải xem xét nhân cách của một người trong mối liên hệ hữu cơ với hành động thực tiễn (hành vi xã hội) của người ấy. Năng lực hành động độc lập, sáng tạo và với tinh thần trách nhiệm cao dựa trên cơ sở giác ngộ sâu sắc về lý tưởng giờ đây được coi là vấn đề trung tâm của nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa. Năng lực hành động độc lập là hành động xuất phát từ năng lực tự định hướng, năng lực tự thúc đẩy và năng lực tự điều khiển việc thực hiện hành động. Mối quan hệ giữa tính độc lập và ý thức trách nhiệm chung của cá nhân chính là mối quan hệ giữa sự tự do của một người với sự tự do của mọi người. Trong việc hình thành nhân cách, điều có ý nghĩa rất quan trọng là phải xây dựng được đầy đủ những phẩm chất (nghĩa rộng) cần thiết bảo đảm cho cá nhân có đủ khả năng tự điều khiển hành động thực tiễn của bản thân. Điều đó chỉ có thể thực hiện được bằng cách tiến hành việc rèn luyện cá nhân trong thực tiễn cách mạng đi đôi với việc trau dồi không ngừng những hiểu biết khoa học hiện đại.

Trong việc phát triển toàn diện nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa, vấn đề bảo đảm tính cân đối, hài hòa của nhân cách cũng là một vấn đề có tính quy luật rất quan trọng. Cần lưu ý các nhà giáo dục đến việc coi trọng tính quy luật này nhằm quan tâm đúng mức đến việc bảo đảm những sự cân đối rất cơ bản như: cân đối giữa tính cách và năng khiếu (đức và tài), giữa tri tuệ và tình cảm, giữa nhận thức và ý chí, giữa khả năng lao động trí óc với khả năng lao động chân tay, giữa sức khỏe cơ thể, sức khỏe thần kinh với sức khỏe tinh thần (ý chí kiên cường), giữa năng lực tiếp thu và năng lực thể hiện (biến điều hay lẽ phải trong óc thành hành động cụ thể), giữa nhu cầu hưởng thụ và nhu cầu cống hiến, giữa đòi hỏi về mức sống (vật chất kỹ thuật) với đời sống (có lý tưởng, có văn hóa, lành mạnh...). v.v.

Nói chung, vấn đề có tính quy luật chung nhất của sự hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa là: nhân cách của mỗi người bao giờ cũng được hình thành, phát triển và biểu hiện trong quá trình hoạt động lịch sử của cá nhân với tư cách là chủ thể có ý thức của xã hội. Những luận điểm cơ bản về bản chất, cấu trúc cũng như cơ chế và quy luật về nhân cách là một phần không thể thiếu được trong những cơ sở khoa học của mục tiêu và nguyên lý giáo dục xã hội chủ nghĩa nói riêng và của việc bồi dưỡng nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa nói chung.

Về những phương thức và biện pháp xây dựng con người mới

ĐẶNG-XUÂN-KỲ

I

ĐẠI HỘI lần thứ IV của Đảng ta đã vạch ra *những đặc trưng cơ bản của con người mới Việt-nam* là làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản. Đại hội cũng đề ra *những tiêu chuẩn cụ thể* để chúng ta hướng theo đó phấn đấu trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

« Con người mới là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có trí thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

« Con người mới là con người lao động với tinh thần tự giác cao, với đầy đủ nhiệt tình cách mạng, trung thực, thật thà, quý trọng và bảo vệ của công, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao.

« Con người mới là con người có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn, kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

« Con người mới là con người có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân

dân lao động, biết đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong lao động, chiến đấu và xây dựng cuộc sống mới.

Con người mới Việt-nam là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa phong phú » (1).

Những tiêu chuẩn trên đây gắn bó chặt chẽ với nhau, làm nên sự cân đối, hài hòa và toàn diện của con người; thể hiện cái thật, cái tốt và cái đẹp mà chúng ta muốn vươn tới theo đòi hỏi của xã hội Việt-nam hôm nay và ngày mai. Những tiêu chuẩn ấy bao gồm yêu cầu về tư tưởng và tình cảm, trí thức và thể lực, phẩm chất và năng lực, trong lao động sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt và xây dựng cuộc sống mới, trong quan hệ đối với Tổ quốc, với nhân dân, với dân tộc và quốc tế, với xã hội và gia đình, trong đời công và đời tư. Hình thành theo những tiêu chuẩn trên đây, con người mới Việt-nam mang một bản

(1) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 28.

chất mới, bản chất của giai cấp công nhân cách mạng có kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những tinh hoa của cốt cách và tâm hồn Việt-nam. Lịch sử là sự biến đổi không ngừng của bản chất con người hiểu theo nghĩa là « tổng hòa những quan hệ xã hội ». (2) Nhiệm vụ của chúng ta hiện nay là, trong điều kiện khách quan thuận lợi do bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng nước ta đem lại, « chiếm lĩnh » cho được cái bản chất con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ấy.

Những tiêu chuẩn trên đây về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam không phải là những mơ ước viễn vông, mà là những nội dung mang tính cách mạng và tính khoa học sâu sắc, tính lý luận và tính thực tiễn đầy đủ. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thực tiễn Việt-nam với tất cả những điều kiện về đất nước, xã hội, con người và kinh nghiệm quý báu của các nước xã hội chủ nghĩa cho phép chúng ta hình dung được con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam với những tiêu chuẩn xác định, phù hợp với quy luật phát triển khách quan của đời sống xã hội và con người.

Thực tế là con người Việt-nam mới đã và đang hình thành. Chúng ta tìm thấy mẫu mực tuyệt vời về con người mới ở Hồ Chủ tịch muôn vạn kính yêu, người con ưu tú nhất của giai cấp công nhân và của dân tộc, người đã đưa đất nước ta vào một thời kỳ phát triển rực rỡ chưa từng có trong lịch sử, người đã nâng cả dân tộc ta lên ngang tầm cao của thời đại.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thời kỳ mà chúng ta « vừa có chủ nghĩa xã hội lại vừa chưa có chủ nghĩa xã hội đầy đủ », nếu chúng ta quan niệm sự hình thành con người mới là cả một quá trình thì có thể nhận thấy đáng悼 con người mới ở rất nhiều người bình thường, nhất

là ở những mũi nhọn của cuộc sống chiến đấu và lao động sản xuất. Phải căn cứ vào những tiêu chuẩn chung về con người mới để đòi hỏi sự phấn đấu không ngừng của mỗi người, nhưng lại phải thấy được những đòi hỏi diễn ra ở mỗi con người cụ thể để khẳng định sự hình thành con người mới đang là một vấn đề của đời sống hiện thực.

Xây dựng con người mới theo những tiêu chuẩn đã đề ra là một công việc khó khăn phức tạp hơn bất cứ công việc nào khác. Trước hết là vì con người là một thực thể phức hợp nhất, có mặt sinh vật và mặt xã hội, có đời sống vật chất và đời sống văn hóa, tinh thần vô cùng phong phú, đa dạng, là thực thể duy nhất chịu sự tác động của cả ba loại quy luật — của tự nhiên, của xã hội và của tư duy. Khó khăn phức tạp hơn vì trong quá trình xây dựng ấy, con người vẫn không ngừng tiến hành mọi hoạt động của mình trong xã hội, vẫn luôn luôn tác động đến chung quanh và chịu sự tác động của những điều kiện và hoàn cảnh chung quanh, vẫn đi qua mọi thời kỳ sống của cuộc sống con người và đứng trước những yêu cầu luôn đổi mới của sự phát triển xã hội. Khó khăn phức tạp hơn vì không phải chỉ xây dựng những con người mới chung chung, mà là từng con người cụ thể thuộc những tầng lớp, những lứa tuổi khác nhau. Đó là công việc của cả cuộc đời mỗi người, đồng thời là công việc của nhiều thế hệ nối tiếp nhau. Hơn nữa, để xây dựng được con người mới, phải giải quyết những vấn đề trực tiếp của con người và cả hàng loạt những vấn đề của xã hội, của đất nước thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

Vì vậy, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nhận định: xây dựng con người mới là « một công việc rất công

(2) Mác — Ăng-ghen : Toàn tập, tập 4, trang 167, tiếng Nga.

phu ». Đây là cả một khoa học tổng hợp và một nghệ thuật tinh tế nhất. Nó đòi hỏi chúng ta phải có những nhận

thức đúng đắn về con người, những phương thức, những biện pháp tiến hành thích hợp và sáng tạo.

II

Đảng ta đã xác định những phương thức đúng đắn khiến cho tiến trình xây dựng con người mới có thể diễn ra phù hợp với những quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trước hết vấn đề xây dựng con người mới được đặt ra trong toàn bộ tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là một xã hội có chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới. *Bốn mục tiêu* ấy có quan hệ với nhau và tác động qua lại theo quy luật nhân quả. Con người mới vừa là sản phẩm, lại vừa là chủ thể của toàn bộ tiến trình cách mạng hiện nay. Vấn đề quan trọng là phải nhận thức được quy luật ấy để làm cho sự tác động qua lại của các quá trình xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới đạt hiệu quả cao nhất.

Như vậy quá trình xây dựng con người mới không phải là quá trình đơn giản, riêng rẽ và khép kín, mà là một quá trình mở mang, tinh chất phức hợp – vừa xen kẽ, kết hợp, lại vừa phát triển cùng với sự phát triển của các quá trình khác. Việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng con người mới, phải nhằm bảo đảm những điều kiện cần thiết để đẩy mạnh việc xây dựng con người mới; ngược lại, tích cực xây dựng con người mới lại tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới đi lên với tốc độ cao hơn. Chúng ta không chờ đợi đến khi có nền kinh tế phát triển cao rồi mới xây dựng con người mới, cũng không phải xây dựng cho được những con người mới

toàn vẹn rồi mới bắt tay xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa. Bốn mục tiêu cơ bản của chủ nghĩa xã hội phải đồng thời được đặt ra, cùng được xây dựng và phát triển từng bước.

Đảng ta còn nhận định rằng, hoàn cảnh nước ta « đòi hỏi và cho phép xây dựng sớm, xây dựng từng bước con người mới » (3).

Để xây dựng con người mới, chúng ta phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng – cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa. Đảng ta đã nhiều lần vạch rõ: bất cứ một sự vật mới mẻ nào được xây dựng trên đất nước ta trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đều là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Con người mới cũng vậy, là kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng. Đương nhiên, xây dựng con người mới là *nhệm vụ trung tâm* của cách mạng tư tưởng và văn hóa. Cách mạng tư tưởng và văn hóa *tác động trực tiếp* đến các mặt của con người như nhận thức, tư tưởng, tình cảm, tác phong, lối sống; nó xóa bỏ tất cả những gì là cũ kỹ, lạc hậu của xã hội cũ còn để lại trong con người; nó chống mọi ảnh hưởng xấu xa của tư tưởng, văn hóa, lối sống của thế giới tư bản chủ nghĩa hiện đại đang len lỏi vào xã hội ta; nó xây dựng nên những cái mới, cái tiến bộ mà con người cần phải có. « Tư tưởng mới, văn hóa mới bao giờ cũng có tác dụng đi đầu, hướng dẫn mọi hành động của con

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 28.

người » (4). Vì vậy, tiến hành cách mạng tư tưởng và văn hóa là một yêu cầu không thể thiếu được trong việc xây dựng con người mới.

Nhưng cách mạng tư tưởng và văn hóa lại phải gắn bó chặt chẽ với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật, bởi lẽ việc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên hai lĩnh vực này lại tạo ra cơ sở kinh tế xã hội cũng như cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, cũng tức là những cơ sở cho việc xây dựng con người mới. Việc xây dựng con người mới sẽ trở thành không tưởng nếu tách rời cơ sở kinh tế xã hội và cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nếu không đồng thời xây dựng những cơ sở vô cùng quan trọng và có tính chất quyết định ấy. Hơn nữa những vấn đề tư tưởng và văn hóa lại được xây dựng và củng cố không phải chỉ trong phạm vi tư tưởng và văn hóa, mà chủ yếu phải trong hoạt động thực tiễn của con người, với tư cách là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội, những thành viên đang tham gia vào việc xây dựng xã hội mới. Tư tưởng của con người bao giờ cũng thể hiện trong hoạt động thực tiễn và hoạt động thực tiễn của con người bao giờ cũng là hoạt động có tư tưởng. Vì vậy, « Phải bằng kết quả tổng hợp của cả ba cuộc cách mạng, phải thông qua hoạt động thực tiễn, thông qua lao động và đấu tranh thì những thành viên trong xã hội mới cải tạo được mình và dần dần trở thành con người mới » (5).

Nói đến kết quả tổng hợp của ba cuộc cách mạng hoàn toàn không phải như nói đến số thành của một bài tính cộng đơn giản, mà là một sự kết hợp biện chứng, gắn bó chặt chẽ ba cuộc cách mạng với nhau. Điều đó cũng có nghĩa là khi giải quyết những vấn đề của cách mạng tư tưởng và văn hóa, chúng ta phải tính toán đầy đủ đến những vấn đề của cách mạng

về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật, cũng như khi giải quyết những vấn đề của cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng khoa học kỹ thuật lại phải tính toán đầy đủ đến những vấn đề của cách mạng tư tưởng và văn hóa, đến vấn đề con người với tư cách là những chủ thể tích cực và sáng tạo của những cuộc cách mạng ấy. Việc xây dựng con người mới chỉ thu được kết quả khi cả ba cuộc cách mạng đều được chú trọng và cùng được đẩy mạnh.

Phương thức xây dựng con người mới còn đòi hỏi phải đặt vấn đề này trên tất cả các mặt hoạt động và ở mọi môi trường sống của con người, đối với nhiều đối tượng, nhiều lớp người khác nhau trong xã hội ta hiện nay.

Hoạt động của con người thật muôn vẻ, trong lao động sản xuất, trong công tác, trong học tập, trong sinh hoạt hằng ngày. Môi trường sống của con người cũng rất đa dạng: từ các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, ở mọi ngành, mọi cấp, cho đến từng khu phố, thôn xóm, gia đình, v.v. Trong những môi trường đó mỗi người lại có cương vị khác nhau. Mỗi lĩnh vực hoạt động, mỗi môi trường sống đều tác động đến con người, đến quá trình hình thành và phát triển của con người mới, không phải chỉ tác động một cách riêng rẽ, mà còn thông qua sự kết hợp với nhau để tạo thành hoặc một tổng hợp lực thúc đẩy những kết quả đã đạt được trong việc xây dựng con người mới, hoặc một sự phân tán hay đối lập nhất định kìm hãm những kết quả ấy. Cho nên, trong việc xây dựng con người mới, chúng

(4) Lê-Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, trang 112—117.

(5) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 65—66.

ta phải quan tâm đến mọi lĩnh vực hoạt động và mọi môi trường sống của con người, cũng lúc là phải chú ý đến tất cả các vòng khâu của cuộc sống con người và làm cho những vòng khâu ấy kết hợp với nhau một cách nhịp nhàng.

Tùy lứa tuổi và tùy sự phân công lao động xã hội, mỗi người đều có mặt ở những lĩnh vực hoạt động và môi trường sống nhất định, trong đó có một lĩnh vực, một môi trường nào đó là chủ yếu. Đối với lứa tuổi đang còn học tập ở nhà trường thì rõ ràng học tập là lĩnh vực hoạt động chủ yếu và nhà trường là môi trường sống chủ yếu. Đối với những người ở tuổi lao động và đã tham gia lao động sản xuất thì cơ sở lao động và hoạt động lao động lại là môi trường sống và lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Để xây dựng được con người mới, đương nhiên phải rất chú trọng những lĩnh vực hoạt động và môi trường sống chủ yếu của con người, nhưng các lĩnh vực hoạt động và môi trường sống khác như sinh hoạt trong gia đình, ở khu tập thể hay thôn xóm, v.v. cũng rất quan trọng. Chú ý đúng mức đến các lĩnh vực hoạt động và các môi trường sống, làm cho tất cả các vòng khâu ấy kết hợp lại và nương tựa lẫn nhau sẽ loại bỏ được những khoảng trống hoặc những đối lập trong quá trình hình thành và phát triển của con người mới.

Trong cuộc sống thực tế, chúng ta thấy không ít người tỏ ra rất mới ở lĩnh vực này nhưng lại không mới ở lĩnh vực khác, mới ở môi trường này nhưng không mới ở môi trường kia, mới ở việc lớn nhưng không mới ở việc nhỏ. Xã hội ta không thể công nhận một người là con người mới đầy đủ, nếu người đó chỉ biết hoàn thành những công việc ở cơ sở lao động sản xuất hay công tác của mình, nhưng khi về khu phố, thôn xóm, gia đình lại chỉ hàng quán hay lười biếng. Xã hội ta cũng không thể thừa nhận một

người là con người mới toàn vẹn, nếu người đó chỉ biết làm tốt những công việc chung của tổ chức hay cấp trên giao cho, nhưng lại không quan tâm đến việc giáo dục con cái, không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không trung thực đối với bạn bè. Những sự đối lập ấy hoàn toàn không phù hợp với yêu cầu phát triển phong phú, hài hòa và toàn diện của con người mới. Đảng ta đã nêu rõ: "Con người mới là con người biết xây dựng gia đình hạnh phúc trên cơ sở của một xã hội hạnh phúc, có trách nhiệm đầy đủ và tình yêu chân thật trong quan hệ vợ chồng, có trách nhiệm cao đối với việc xây dựng con cái thành những con người mới" (6). Nhưng tiếc thay, hiện nay việc giáo dục con cái trong gia đình nhiều khi chưa được chú ý đúng mức và có được sự phối hợp nhịp nhàng với nhà trường và xã hội.

Chúng ta xây dựng con người mới từ những con người hiện có, những con người lịch sử cụ thể, thuộc nhiều thế hệ, nhiều lứa tuổi, xuất thân từ nhiều giai cấp và tầng lớp xã hội khác nhau. Có những thế hệ ông cha, lại có những thế hệ con cháu, có những lớp người đã trải qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài từ cách mạng dân tộc dân chủ đến nay, có lớp người sinh trưởng trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa Mác, Lênin, lại có những lớp người vừa từ xã hội cũ bước vào xã hội mới. Không phải chỉ có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa là những giai cấp và tầng lớp cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, mà còn khá đông những người thuộc các giai cấp và tầng lớp khác đang được cải tạo để đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội. Những đối tượng khác nhau ấy

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 65.

có những điểm xuất phát rất khác nhau và tác động lẫn nhau, tích cực hoặc tiêu cực, trong mọi lĩnh vực hoạt động và môi trường sống hằng ngày. Do đó, việc xây dựng con người mới phải được đặt ra với mọi đối tượng, phải được tiến hành đồng thời, kết hợp với nhau để thúc đẩy lẫn nhau phấn đấu theo hướng mọi người đều trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

« Phải xây dựng con người mới từ lúc mới lọt lòng và ở mọi lứa tuổi, trong tất cả các tổ chức quần chúng, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các hoạt động xã hội, ở mọi ngành, mọi cấp, trong từng khu phố, thôn xóm và gia đình. Phải xây dựng con người mới

từ những con người ra đời trong chế độ mới và những con người do chế độ cũ để lại » (7).

Luận điểm trên đây của Đảng ta đã vạch ra toàn bộ phạm vi rộng lớn của những đối tượng cũng như của các lĩnh vực hoạt động và các môi trường sống của con người trong quá trình xây dựng con người mới. Quán triệt luận điểm này, chúng ta tránh được cách nhìn đơn giản, chủ quan, một chiều trong việc xây dựng con người, thấy được hết chiều rộng và chiều sâu của cuộc sống con người với tính cách là một thực thể phức hợp để từ đó có được những biện pháp xây dựng con người mới có hiệu quả nhất.

III

Nghiên cứu, tìm tòi, vận dụng những biện pháp thích hợp để xây dựng con người mới theo những phương thức trên đây là một vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi vì nó tác động trực tiếp đến tốc độ và hiệu quả của quá trình hình thành con người mới ở nước ta.

Chắc chắn là không có biện pháp nào là biện pháp duy nhất và vạn năng để tạo ra con người mới ở xã hội ta. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng ta nêu rõ: « Phải có nhiều biện pháp về các mặt: tư tưởng và tổ chức, giáo dục và hành chính, chính trị và văn hóa, pháp chế và kinh tế... » (8). Như vậy là phải xây dựng con người mới từ nhiều mặt và mỗi mặt lại có nhiều biện pháp. Ví dụ, về mặt giáo dục thì có thể giáo dục bằng giảng giải, bằng trường lớp, bằng thông qua lao động và đấu tranh, bằng cá nhân và tập thể, bằng lý trí và tình cảm, bằng được giáo dục và tự giáo dục v.v. Về mặt văn hóa, thì có thể kể từ việc xóa nạn mù chữ, bỏ tục văn hóa đến việc nâng cao không ngừng trình độ văn hóa của mọi

người; từ việc phổ cập sách báo, truyền thanh, truyền hình, điện ảnh và các loại hình nghệ thuật khác trong đông đảo quần chúng lao động đến việc tạo cho mọi người ngày càng có điều kiện và trình độ để thưởng thức, đánh giá và sáng tạo văn hóa, văn nghệ; từ việc đấu tranh để xóa bỏ những tàn dư tư tưởng và văn hóa của các giai cấp bóc lột cũ, đặc biệt là của chủ nghĩa thực dân mới đến việc đưa mọi người trực tiếp tham gia xây dựng nếp sống mới, gia đình văn hóa mới, v.v. Tổng hợp lại là cả một hệ thống các loại biện pháp trên các mặt khác nhau cùng tác động đến nhận thức, tư tưởng, tình cảm, hành động, thói quen của con người, nhằm bồi dưỡng cho con người những phẩm chất mới theo những tiêu chuẩn mới.

(7) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 29.

(8) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 66.

Trong các biện pháp xây dựng con người mới, việc « áp dụng phổ biến phương pháp tự phê bình và phê bình, là biện pháp có tầm quan trọng đặc biệt » (9). Thông qua việc tự phê bình và phê bình, chúng ta khẳng định và xây dựng cái mới, cái tiến bộ, đẩy lùi và xóa bỏ cái cũ, cái lạc hậu trong nhận thức, tư tưởng, tình cảm, thói quen, v.v. của mỗi người, trong mối quan hệ giữa người này với người khác, giữa cá nhân với tập thể và xã hội. Đây là sự giáo dục lẫn nhau và tự giáo dục của con người mới; nó nâng cao không ngừng tinh tự giác của mỗi người, làm cho mỗi người càng có trách nhiệm hơn với bản thân và với những người khác, với tập thể và toàn xã hội, để mỗi người làm chủ được bản thân và xã hội ngày càng cao hơn.

Biện pháp này còn có ý nghĩa quan trọng ở chỗ nó có thể được áp dụng một cách rộng rãi nhất, phổ biến nhất cho mọi đối tượng, trên mọi lĩnh vực hoạt động và ở mọi môi trường sống của con người. Tất nhiên đó không phải là sự áp dụng máy móc và cứng nhắc để làm cho các em nhỏ biến thành người già, còn người già lại trở thành em nhỏ. Đó là sự áp dụng linh hoạt thích hợp với từng lứa tuổi, từng người, để tạo ra một không khí tự phê bình và phê bình lành mạnh, luôn hướng con người vươn tới cái mới ngày càng cao hơn và hoàn thiện hơn, thúc đẩy sự nghiệp cách mạng tiến lên.

Đưa mọi người vào lao động tập thể là biện pháp có ý nghĩa rất quyết định trong việc xây dựng con người mới. Lao động vốn là hoạt động chủ yếu của đời sống một con người và cũng là một trong những đặc trưng cơ bản của con người mới xã hội chủ nghĩa. Trảy lười trốn tránh lao động, ăn không ngồi rồi là hoàn toàn xa lạ với lối sống của con người mới, là cái nôi của những thói hư tật xấu, thậm chí của những hành động phạm pháp, hủy

hoại cuộc sống con người. Lao động trong xã hội xã hội chủ nghĩa là lao động tập thể. Chỉ có trong lao động tập thể nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội thì con người mới cải tạo được mình, tạo cho mình có được bản chất mới. Nếu để một con người đứng ngoài lao động hoặc chỉ đứng lại ở lao động cá thể thì hoàn toàn không thể làm cho người đó trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, trong xã hội ta, vẫn còn một số đáng kể những con người như vậy. Chúng ta phải đẩy mạnh việc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất mới đã được xác lập ở miền Bắc kết hợp với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, đưa mọi người đang ở tuổi lao động và có sức lao động vào mặt trận lao động sản xuất. Con người trong khi cải tạo hoàn cảnh thì đồng thời cũng tự cải tạo mình, đó là một nguyên lý quan trọng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

« Việc xây dựng con người mới phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, kiên trì, bền bỉ; đồng thời phải có những đợt vận động tập trung, phải qua nhiều phong trào: phong trào của nhân dân nói chung, phong trào của từng đoàn thể, từng giới, từng lứa tuổi nói riêng, nhất là phong trào lao động sản xuất » (10).

Như vậy việc xây dựng con người mới một mặt phải được tiến hành đối với từng người, ở từng tế bào kinh tế xã hội, mặt khác lại phải tiến hành bằng các cuộc vận động, các phong trào cách mạng chung. « Có phong trào cách mạng mới làm chuyển biến được tư tưởng của quần chúng; và chính qua phong trào, bản thân quần chúng tự đánh giá mình và tự giáo dục mình » (11). Tình hình thực tế hiện

(9), (10) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 66.

(11) Sách đã dẫn, trang 151.

nay đang chứng thực điều đó. Nếu chúng ta đi vào bất cứ một ngành hay một giới nào, một địa phương hay một cơ sở nào cũng thấy rằng chỗ nào biết phát động quần chúng, đưa quần chúng vào phong trào cách mạng thì tạo ra được những chuyển biến to lớn về các mặt, nhất là về mặt xây dựng con người mới. Nếu trong cuộc sống vẫn thường có những người tiên tiến, những người trung bình và những người lạc hậu, thì sự cuốn hút vào phong trào cách mạng sẽ làm cho đội ngũ những người tiên tiến không ngừng mở rộng, sẽ nâng được số người trung bình lên tiên tiến và thu hẹp diện những người lạc hậu được nhanh chóng hơn.

Trong một phong trào cách mạng bao gồm đông đảo những người lao động, bao giờ những nhân tố tích cực của mỗi cá nhân và của cả tập thể cũng được bộc lộ rõ ràng, luôn luôn thúc đẩy nhau, nhân lên gấp bội sức mạnh của cá nhân và tập thể để giải quyết những việc lớn lao mà lúc thường không thể nào giải quyết được. Ngược lại những nhân tố tiêu cực cũng được sàng lọc, tẩy rửa với tốc độ không giống lúc bình thường. Nhiều điển hình tiên tiến xuất hiện trong phong trào sẽ giống như những lá cờ ở trước đoàn quân, hướng dẫn những cá nhân và tập thể khác noi theo. Phong trào sẽ tạo ra không khí chính trị, đạo đức, tâm lý mới thúc đẩy mạnh mẽ sự vươn lên của con người. Vì vậy, đưa mọi người vào phong trào cách mạng là một biện pháp lớn không thể thiếu được trong việc xây dựng con người mới.

Đảng ta cũng đã chỉ rõ là phải *“tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục, biến nó thành phong trào sôi nổi thường xuyên của quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cụ thể hằng ngày”* (12). Nếu chỉ có *“phát”* mà không *“động”*, chỉ rầm rộ lúc đầu mà không duy trì và triển

khai được về sau thì phong trào không thể thu được hiệu quả tốt và không có tác dụng tích cực đối với việc xây dựng con người. Hơn nữa, còn phải kết hợp phong trào chung của toàn dân với các phong trào riêng của từng ngành, từng giới, từng đoàn thể và từng lứa tuổi, phong trào của từng địa phương và từng cơ sở, để bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau, làm cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội diễn ra thật sự như ngày hội lớn của mọi người lao động.

Do chỗ con người là một đối tượng phức hợp cho nên việc sử dụng các biện pháp trên đây không thể tiến hành riêng rẽ, tách rời nhau, mà đòi hỏi phải vận dụng một cách tổng hợp để các biện pháp có thể bổ sung lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau phát huy tác dụng. Con người lại thuộc nhiều loại đối tượng khác nhau, cho nên việc vận dụng các biện pháp cũng không phải giống nhau ở tất cả mọi người. Phải căn cứ vào từng loại đối tượng và từng con người cụ thể trong những hoàn cảnh và thời gian cụ thể để vận dụng kết hợp nhiều biện pháp cho thích hợp. Tình trạng tách rời hoặc máy móc, tùy tiện trong việc vận dụng các biện pháp trên đây làm cho việc xây dựng con người mới không đạt được kết quả mong muốn, hoặc có khi chỉ đem lại những hậu quả tiêu cực.

Nếu xem xét việc xây dựng con người mới trên bất cứ một tiêu chuẩn nào cũng có thể thấy rất rõ điều đó. Chắc chắn chúng ta không thể có được những con người làm chủ tập thể chỉ bằng những lời thuyết giảng về vấn đề làm chủ tập thể, đánh rằng đó là một biện pháp cần thiết còn cần phải sử dụng có hiệu quả hơn nữa. Nhưng cùng với việc giáo dục để mọi người nhận rõ được bản chất, nội dung, cơ chế của chế độ làm chủ tập thể, giải quyết những nhận thức tư tưởng

(12) Sách đã dẫn, trang 151.

không đúng đề nâng cao ý thức làm chủ, thì vấn đề tất yếu được đặt ra là phải đưa con người vào hệ thống tổ chức của chế độ làm chủ tập thể, để mỗi người có thể thật sự tham gia vào việc làm chủ, nhất là ở cơ sở lao động, sản xuất, công tác, học tập của mình. Lại phải có những luật lệ, chính sách, chế độ, quy định, quy tắc để xác định rõ trách nhiệm và quyền lợi mỗi người trong cơ chế tổ chức xã hội, đồng thời không ngừng bồi dưỡng năng lực, phẩm chất làm chủ để bảo đảm cho chế độ làm chủ tập thể được thực hiện. Phải thường xuyên bổ sung những gì còn thiếu sót, chấn chỉnh những gì không còn phù hợp để không ngừng hoàn thiện cơ chế của chế độ làm chủ tập thể. Hơn nữa còn phải kịp thời đề phòng và ngăn chặn những hành động vi phạm quyền

làm chủ tập thể của nhân dân lao động bằng pháp chế, bằng dư luận xã hội; và nếu tình hình ấy đã xảy ra thì phải tùy theo mức độ mà xử lý thích đáng, nghiêm minh cả về mặt đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng, tuyệt đối không thể dung túng hay bỏ qua. Thực tế đã cho chúng ta thấy rằng nếu một hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể không được ngăn chặn thì lại có thể đưa đến nhiều hành động vi phạm khác có khi còn nghiêm trọng hơn, tệ hại hơn. Ngược lại nếu một hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể được phê phán và xử lý thích đáng thì sẽ có tác dụng to lớn ngăn ngừa những hành động vi phạm khác, củng cố lòng tin của quần chúng lao động, thúc đẩy mọi người phấn khởi, hăng hái tham gia xây dựng chế độ làm chủ tập thể.



TÌM tòi và vận dụng tổng hợp các phương thức và biện pháp xây dựng con người mới là một quá trình đầy sáng tạo. Đúng như Đảng ta đã chỉ rõ, không có lĩnh vực nào đòi hỏi nhiều sáng tạo bằng lĩnh vực phương pháp tiến hành cách mạng. Chúng ta đã có những tiêu chuẩn thống nhất về con người mới xã hội chủ nghĩa, nhưng sở dĩ kết quả đạt được trong việc xây dựng con người mới lại không giống nhau chính là vì năng lực tìm tòi và vận dụng các phương thức và biện pháp xây dựng con người có khác nhau.

Đây là lĩnh vực mà cả hệ thống

chuyên chính vô sản, bao gồm Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng từ trên xuống dưới, ở mọi ngành, mọi cấp phải đặc biệt quan tâm. Cũng thông qua hệ thống này mỗi người lao động có thể đóng góp phần tích cực nhất của mình vào sự nghiệp xây dựng con người mới, xã hội mới. Chắc chắn rằng tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội sẽ đem lại nhiều kinh nghiệm phong phú, đòi hỏi chúng ta phải tổng kết và phổ biến kịp thời, nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển con người mới Việt-nam theo những tiêu chuẩn mà Đảng ta đã vạch ra.

NHU CẦU VÀ CUỘC SỐNG

LÊ-XUÂN-VU

SỐNG là thỏa mãn nhu cầu ư? Đã đành không có nhu cầu thì cũng chẳng có cuộc sống, không được thỏa mãn nhu cầu đến mức tối thiểu nào đó thì con người không sống nổi. Loại bỏ mọi nhu cầu đi hoặc tìm cách thay thế nhu cầu hiện thực bằng ảo tưởng hoang đường thì đó là công khai phủ nhận cuộc sống của con người. Nhưng cũng không đơn giản cứ thỏa mãn nhu cầu đã là cuộc sống. Bởi có nhu cầu này và nhu cầu khác, có nhu cầu nâng con người lên và có nhu cầu hạ thấp con người xuống. "Cái muốn của con người không cùng", xã hội lại chưa phát triển đến chỗ thỏa mãn được hết thảy mọi nhu cầu thì đâu là cách thức thỏa mãn nhu cầu tốt đẹp nhất, đâu là quy mô và cơ cấu nhu cầu hợp lý nhất, v.v. Bấy nhiêu vấn đề đều cần được giải đáp nếu chúng ta muốn có một cuộc sống ngày càng xứng đáng hơn.

Vậy quan hệ giữa nhu cầu và cuộc sống của con người là thế nào, cụ thể trong xã hội ta ngày nay là thế nào, nên như thế nào?



Con người muốn sống được trước hết phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa.

Cho nên, hành vi lịch sử đầu tiên là sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn những nhu cầu ấy. Rồi sự thỏa mãn nhu cầu đầu tiên lại đưa tới những nhu cầu mới. Và cứ thế, từ nghìn xưa cho tới ngày nay và cả mai sau nữa, hằng ngày hằng giờ, con người vẫn sản xuất ra bản thân đời sống của mình như vậy, theo một cách thức nhất định nào đó. Nhu cầu ngày càng phát triển cũng có nghĩa là xã hội loài người ngày càng văn minh, cuộc sống của con người ngày càng phong phú.

Nhưng sự phát triển phong phú nhu cầu của con người trong xã hội có giai cấp không đồng đều giữa mọi thành viên của xã hội. Trong xã hội có giai cấp, nhu cầu ở số người này được thỏa mãn, do đó lại tạo ra cho họ những nhu cầu mới ngày càng to lớn, phong phú, tinh tế; nhưng nhu cầu ở số người khác lại bị bóp nghẹt, bị đơn giản hóa đến mức tối thiểu, đến mức chỉ còn là nhu cầu duy trì sinh hoạt một cách thảm hại nhất. Như thế là nhu cầu của số người này được thỏa mãn và phát triển trên cơ sở hạn chế, hy sinh nhu cầu của số người kia.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, mặt hàng kẻ có hàng chực vạn, giai cấp thống trị được thỏa mãn cả những nhu cầu hết sức phức tạp và

quái gở của chúng. con người công nhân, người lao động thì ngay cả những nhu cầu tối thiểu cũng không được bảo đảm. Như ở Pháp hiện nay, 9% số dân chiếm quá nửa tài sản nước Pháp, trong khi 8 triệu người sống chật vật và trong 8 triệu đó có 2 triệu được gọi là « thế giới thứ tư » (ý nói khổ hơn cả « thế giới thứ ba » xưa nay vẫn được coi là nghèo khổ). 81% số dân ở độ tuổi lao động là người làm thuê (17.57 triệu người), trong đó thường xuyên có 1.5 triệu người thất nghiệp sống một cuộc sống căng thẳng đầy lo âu. Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, mỗi nhu cầu lại thúc đẩy một sự lừa dối, cướp đoạt lẫn nhau, đề trọc loại. Trong cái xã hội mà hết thảy, kể cả lương tâm và nhân phẩm, đều trở thành hàng hóa, đồng tiền là chúa tể ấy, mỗi sản phẩm là một miếng mồi kéo con cá đến lưỡi câu, mỗi nhu cầu là một cái bẫy hút con ruồi đến cái que quét nhựa. Người ta tìm cách thức tỉnh ở người khác một nhu cầu mới nào đó là để biến anh ta thành vật hy sinh mới, thành tù binh, thành nô lệ. Người ta thậm chí còn đầu cơ cả trên những nhu cầu thô lỗ, nhân tạo và giả tạo, bằng những quán rượu mạnh, những tiệm nhảy, tiệm hút, nhà chứa, v.v.

Nhìn vào xã hội miền Nam nước ta thời Mỹ — nguy, trong vùng tạm bị chiếm, những nét điển hình ấy càng phơi bày ra nhiều khi hết sức trơ tráo và đau lòng. Hàng triệu người tập trung một cách hời hả và giả tạo vào các thành thị, không phải trên cơ sở công nghiệp phát triển mà do sự xô đẩy của chiến tranh xâm lược và chế độ thực dân mới của đế quốc Mỹ. Thị trường tràn ngập hàng hóa, nhưng cũng tràn ngập — theo con số của dịch — cả chục vạn gái mãi dâm, cả chục vạn người nghiện xi ke, ma túy, hàng triệu người mắc bệnh hoa liễu, mắc bệnh lao, hàng chục vạn trẻ em mồ côi. Thành phố Sài-gòn la liệt

những quán ăn kéo dài hàng ki-lô-mét, nhan nhản những động chứa, tiệm hút, tiệm nhảy, bia ồm, cà phê ồm, v.v. Đế quốc Mỹ muốn tạo ra ở miền Nam nước ta một xã hội được xếp đặt sẵn đề khêu gợi, sẵn đón và đầu cơ những nhu cầu nhục thể của con người nhằm phục vụ mưu đồ của chúng. Chúng muốn làm cho cả xã hội miền Nam nước ta bị cuốn hút vào những nhu cầu của một lối sống tiêu thụ, của một mức sống vay mượn từ viện trợ Mỹ. Cho nên « triết học của chủ nghĩa vật chất » được thả cửa truyền bá trên sách báo, phim ảnh và trong đời sống hằng ngày. Tiệc nghi sinh hoạt, quyến rũ vật chất được dùng để đề bịp nhu cầu tri tuệ và tình cảm chân chính, làm thay đổi cả thang giá trị của con người. Đế quốc Mỹ khuyến khích, mơn trớn « tâm lý tiêu thụ » để thúc đẩy người ta làm mọi việc: Ngoan ngoãn theo lệnh chủ để có tiền mua sắm thứ này và thứ khác. Du đảng, trụy lạc, trộm cướp. Làm hàng giả, bán hàng giả. Buôn đồ Mỹ, làm tay sai cho Mỹ, đi lính cho Mỹ. Tàn sát nhân dân mình thật nhiều để mau thăng quan tiến chức, làm tá làm tướng. Ghen ghét, tước đoạt lẫn nhau. Lừa thầy phản bạn. Vô luân. Vong bản... Khi cái nhân sinh quan tư sản lấy đồng tiền làm trung tâm chi phối tất cả, khi người ta mãi chạy theo nhu cầu vật chất, đắm mình trong việc thỏa mãn nhu cầu vật chất, thì còn đâu là hoạt động và hưởng thụ tinh thần chân chính? Những sách chống cộng và đời trụy, những tranh lửa thê, những phim ảnh cao bồi du đảng, những triết thuyết lãng nhãng chấp vớ, những truyện « chường » ba xu, những băng nhạc giết gân, v.v. bấy giờ chẳng qua chỉ là những món kích thích những nhu cầu nhục thể kia mà thôi, hoặc đúng hơn, là một thứ thuốc độc. Đương nhiên không phải đế quốc Mỹ muốn làm gì thì làm. Chúng thường xuyên vấp phải sự đấu

tranh kiên quyết và bền bỉ của nhân dân ta ở miền Nam. « Đồng bào miền Nam đã kiên trì chống lại thứ « văn hóa » thực dân mới... giữ vững và phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, thương nòi, kiên cường, bất khuất của dân tộc, bảo vệ và phát triển những yếu tố dân tộc và dân chủ trong văn hóa, ngay cả ở những vùng bị địch chiếm đóng lâu năm » (1). Nhưng đế quốc Mỹ cũng đã thực hiện được một phần quan trọng mưu đồ của chúng trước khi chúng phải rút khỏi nước ta.

Tóm lại, xét trong tiến trình của lịch sử loài người thì cho đến nay nhu cầu phát triển không ngừng và việc thỏa mãn nhu cầu cũng tăng lên không ngừng. Nhưng trước chủ nghĩa xã hội, sự phát triển đó, sự tăng lên đó không đồng đều, chưa phổ cập cho tất cả mọi người. Trong các xã hội có giai cấp mà đỉnh cao là xã hội tư bản chủ nghĩa, đời sống vật chất ngày càng phong phú (dĩ nhiên là không phải đối với tất cả mọi người) nhưng đời sống tinh thần ngày càng khô cằn đi. Thịt, cá, bơ, sữa, v.v. đầy tràn lấp sao được chỗ trống của tâm hồn? Mức sống cao nhưng lối sống thấp, tẻ nhạt, không lý tưởng đâu có đem hạnh phúc đến cho con người? Có thể nói, chế độ tư hữu qua các hình thái của nó đã tạo nên những bước tiến và cả những bước lùi tương đối trong việc phát triển và thỏa mãn nhu cầu của con người, cuối cùng đã bế tắc, làm sai lệch hẳn đi ý nghĩa của nhu cầu đối với cuộc sống của con người.



Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới có khả năng giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa nhu cầu và cuộc sống của con người trong khi nhu cầu của con người vẫn không ngừng phát triển phong phú và không ngừng được thỏa mãn tốt hơn, đầy đủ hơn.

Thật vậy, nếu trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nhu cầu và sự thỏa mãn nhu cầu của giai cấp bóc lột thống trị và của nhân dân lao động ngày càng cách xa nhau một trời một vực thì, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhu cầu và sự thỏa mãn nhu cầu ngày càng phát triển nhịp nhàng theo cùng một hướng ở tất cả những người lao động, biểu hiện uy lực của con người, sự phong phú và cao đẹp của bản chất con người. Đó trước hết là do quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa xã hội quyết định: *thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền kỹ thuật hiện đại*. Trong quá trình tiến lên đó, không tránh khỏi có những khó khăn, vấp vấp, những thiếu sót, những chỗ chưa hoàn thiện, nhưng nhìn chung, ở đây có một quy mô nhu cầu hợp lý và tiên tiến, một cơ cấu nhu cầu hợp lý và tiên tiến, một cách thức thỏa mãn nhu cầu hợp lý và tiên tiến. Tính chất *tiên tiến* là do phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa quyết định. Còn *hợp lý* là hợp với trạng thái kinh tế của từng giai đoạn phát triển nhất định của chủ nghĩa xã hội, hợp với truyền thống và đặc điểm dân tộc, với ý nghĩa cao quý của cuộc sống con người.

Trong chủ nghĩa xã hội, *quy mô nhu cầu* không ngừng phát triển do thời gian nhàn rỗi được sử dụng hướng vào mục đích phát triển các khả năng sáng tạo của con người ngày càng nhiều, do thu nhập của mỗi người (bằng tiền và bằng hiện vật) ngày càng tăng và do quỹ phúc lợi xã hội cũng ngày một lớn. Điều này có thể thấy rõ ở mức độ thỏa mãn nhu cầu của các thành viên trong xã hội, ở mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ

(1) « Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng », Tạp chí Cộng sản số 12-1976.

tính theo đầu người ngày càng tăng lên nhanh chóng.

Cơ cấu nhu cầu cũng vậy, cũng không ngừng biến đổi ngày càng hợp lý hơn, văn minh hơn, đa dạng hơn, phong phú hơn. Quan trọng hơn nữa là không chỉ có nhu cầu vật chất mà cả nhu cầu về tri tuệ, về tinh cảm cũng tăng lên không ngừng, và trong cơ cấu nhu cầu, tỷ trọng những nhu cầu tinh thần này ngày càng lớn. Đó là vì nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đòi hỏi ở người lao động một trình độ văn hóa và khoa học kỹ thuật ngày càng cao. Đó là vì người ta cần ăn để sống nhưng đời sống cũng cần thơ ca, đạo đức. Đó là vì nhu cầu về đời sống vật chất dù sao cũng có giới hạn, còn nhu cầu về đời sống tinh thần thì vô cùng.

Còn cách thức thỏa mãn nhu cầu thì cũng là cách thức tiến bộ nhất từ trước đến nay, bảo đảm thỏa mãn đến mức tối đa, trong khả năng sản xuất cho phép, nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của nhân dân lao động. Đây là cách thỏa mãn nhu cầu của mình bằng lao động sản xuất trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền kỹ thuật hiện đại; bằng chế độ phân phối theo lao động kết hợp với năng cao dần phúc lợi tập thể; bằng sự hòa hợp giữa cá nhân và xã hội trong khi nhu cầu của mỗi cá nhân vẫn không ngừng phát triển muốn về. Nó hoàn toàn xa lạ với cách thỏa mãn nhu cầu trên lưng người khác. Nó phản đối cách thỏa mãn nhu cầu theo pháp quyền tư sản, bình đẳng trên hình thức, lạnh lùng không tình nghĩa. Nó chống lại chủ nghĩa bình quân thô lỗ, chủ nghĩa xã hội ép xác khổ hạnh cũng như lâm lý tiêu thụ chỉ chạy theo những nhu cầu và khoái lạc vật chất. Nó là cách thức thỏa mãn nhu cầu của một lối sống hoàn toàn khác, lối sống xã hội chủ nghĩa. Ở đây, đối lượng được thỏa mãn nhu cầu là toàn xã hội và mỗi thành viên trong xã hội. Ở đây,

nhu cầu cũng sinh ra nguyện vọng, cũng biến thành động cơ thúc đẩy người ta hành động để thỏa mãn nhu cầu, nhưng toàn bộ quá trình ấy và ngay cả bản thân nhu cầu nữa đều dựa trên những hệ thống giá trị mang tính tư tưởng xã hội chủ nghĩa biểu hiện ở những tiêu chuẩn và mục đích sống cao đẹp "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người" của mọi thành viên trong xã hội. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa việc thỏa mãn nhu cầu tuân theo nguyên tắc « làm theo năng lực, phân phối theo lao động », nghĩa là có làm thì có hưởng, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm thì không được hưởng. Chỉ khi nào loài người tiến đến chủ nghĩa cộng sản thì khẩu hiệu « làm theo năng lực, phân phối theo nhu cầu » mới được thực hiện.

Đương nhiên, giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa nhu cầu và cuộc sống của con người trong xã hội xã hội chủ nghĩa cũng không phải chuyện một sớm một chiều mà là một quá trình lâu dài và phức tạp. Thay đổi tận gốc cách thức thỏa mãn nhu cầu có hữu của các xã hội dựa trên chế độ tư hữu, cải tạo cơ cấu nhu cầu, đồng thời lại phát triển quy mô nhu cầu, những việc đó không dễ gì thực hiện hoàn mỹ tất cả ngay một lúc được. Nhu cầu và việc thỏa mãn nhu cầu từ chỗ tập trung vào một nhóm người nay được phổ cập cho toàn thể nhân dân lao động, cho toàn xã hội, chỉ riêng một điều đó đã làm cho quy mô nhu cầu tăng lên to lớn biết chừng nào. Biện chứng của lịch sử lại khiến cho những nước tiến lên chủ nghĩa xã hội thường là những nước chưa có lực lượng sản xuất phát triển cao nhất, việc thỏa mãn một khối lượng nhu cầu tăng lên to lớn đột ngột như vậy dĩ nhiên là càng khó khăn. Trong tình hình đó, lúc đầu chủ nghĩa xã hội phải chăm lo đến những nhu cầu thiết yếu của nhân dân lao động đã. Do

đó, phải tạm thời gác lại một số nhu cầu xa xỉ quen thuộc nào đó của một số rất ít người. Đó đầu phải là chủ nghĩa xã hội thua kém chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa phong kiến? Đó đầu phải là "chủ nghĩa xã hội không giải quyết được vấn đề nhu cầu, chủ nghĩa xã hội hạn chế, hy sinh nhu cầu cá nhân" như có người lầm tưởng? Không, chủ nghĩa xã hội trước hết đem lại một lối sống mới cao hơn hẳn lối sống trong các xã hội cũ và trên cơ sở đó nâng cao dần mức sống; chủ nghĩa xã hội chính là giai đoạn phát triển cao của mỗi cá nhân trong một cộng đồng xã hội chân chính, sau cái quá trình lịch sử trong đó đa số cá nhân đã bị hy sinh.

Nhìn vào xã hội nước ta, những điều nói trên càng sáng tỏ. Nước ta vốn là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại bị chiến tranh tàn phá lâu năm. Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội từ năm 1954 nhưng cho đến ngày hoàn toàn giải phóng miền Nam, tính ra chỉ có 7 năm hòa bình xây dựng. Một miền Bắc xưa kia "bị thiên nhiên kết tội đói" như có người nói, phải vươn lên tự nuôi sống 15 triệu rồi 25 triệu con người, một "miền Bắc đã dốc vào chiến tranh cứu nước và giữ nước toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa và đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa cách mạng của cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội" (2), - một miền Bắc như vậy nếu có lúc nào đó, ở nơi nào đó thiếu thốn thứ này hay thứ khác thì đầu phải là một dẫn chứng đề hoài nghi chủ nghĩa xã hội? Chúng ta còn nhiều khó khăn, chúng ta phải nghiêm khắc với những khuyết điểm đã mắc phải. Nhưng tất cả những khó khăn và khuyết điểm đó đầu có che lấp được bản chất tốt đẹp của xã hội ta đang tiến lên theo quy luật phát triển của nó?

Hai năm sau ngày hoàn toàn giải phóng và thống nhất nước nhà, ngày nay cả nước ta đang cố gắng tự trang

trải lấy toàn bộ nhu cầu cuộc sống của mình, lo cho hơn 50 triệu người có cơm no, áo ấm, được học hành... Quy mô và cơ cấu nhu cầu cũng đang biến đổi: nhu cầu văn hóa, tinh thần tăng lên nhanh chóng hơn, Nhà nước đã có thể miễn học phí cho cả chục triệu học sinh phổ thông và miễn tiền chữa bệnh tại bệnh viện cho toàn thể nhân dân. Trên mọi lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa, giáo dục, v.v. dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta phát huy sức mạnh tập thể, đang sáng tạo ra những điều kiện mới để thỏa mãn tốt hơn những nhu cầu của cuộc sống.

Hợp tác xã Định-công chưa giàu, chưa thể thỏa mãn nhu cầu của mình bằng những chỉ tiêu kinh tế cao về thịt, đường, sữa, len dạ, v.v. nhưng ngoài việc tăng cường tích lũy để mở rộng sản xuất và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước tới 49,6% giá trị sản lượng, hợp tác xã đã có thể chăm lo cụ thể cho từng người trong hợp tác xã từ ăn, mặc, ở đến học hành, chữa bệnh, đi lại. Phân phối trực tiếp theo lao động được thực hiện chặt chẽ, công bằng hợp lý, kết hợp với phân phối bằng quỹ phúc lợi xã hội. Từ chỗ phải mua lương thực của Nhà nước, nay hợp tác xã đã có thể giải quyết tốt vấn đề ăn. Nhà ở hầu hết đã bằng gạch, 41,7% số dân di học văn hóa. Việc phổ cập giáo dục cấp I đã được thực hiện trong cả hợp tác xã. Hợp tác xã còn có trường phổ thông cấp II hai tầng 12 phòng và trường bổ túc văn hóa cấp III, 2 trường mẫu giáo, 6 nhà trẻ, trường Đảng, nhà đọc sách, hệ thống truyền thanh và đội nghệ thuật khá. Tổ chức y tế của hợp tác xã sản xuất được những thuốc thông thường cho dân, có kế hoạch theo dõi sức khỏe cho mọi người ở từng đội sản xuất. Hợp tác xã chăm sóc chu đáo từ em bé sơ sinh

(2) • Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV của Đảng". *Tạp chí cộng sản* số 12, 1976.

đều các em đang đi học, chị em phụ nữ, người già cả, tàn tật và những người lao động nói chung, cố gắng từng bước nâng cao mức sống vật chất của nhân dân, xây dựng một đời sống tinh thần đẹp, một lối sống mới bình đẳng và đầy tình nghĩa. Chính lối sống này lại tác động mạnh mẽ trở lại sản xuất, tạo thêm những nhu cầu mới và những điều kiện mới để thỏa mãn ngày càng tốt hơn nữa nhu cầu đang không ngừng phát triển.

Rõ ràng là trong điều kiện còn nghèo, chúng ta hoàn toàn có thể tổ chức được một cuộc sống xã hội chủ nghĩa tốt đẹp cho nhân dân ta, giải quyết được thỏa đáng mối quan hệ giữa nhu cầu và cuộc sống. Chủ nghĩa xã hội hơn chủ nghĩa tư bản không chỉ ở năng suất lao động cao hơn mà còn ở chỗ *đặt đúng và giải quyết đúng vấn đề nhu cầu*. Hiện nay, năng suất lao động của chúng ta còn thấp, sau này năng suất lao động của chúng ta lên cao, sản phẩm xã hội tăng lên nhanh chóng, chúng ta vẫn phải đặt đúng và giải quyết đúng vấn đề nhu cầu theo phương thức của chủ nghĩa xã hội như vậy. Đối với chúng ta, vấn đề không phải chỉ là *mức sống* mà còn là *lối sống*. Cùng một mức sống có thể có những lối sống khác nhau. Mức sống cao không nhất thiết làm nên lối sống đẹp, nhưng lối sống đẹp chắc chắn sẽ nâng cao dần mức sống.



Hồ Chủ tịch đã đề lại lời Di chúc: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng chỉ rõ phải “ra sức phát triển sản xuất, bảo đảm cho xã hội có đủ mọi nhu yếu phẩm”, cải thiện một bước đời sống của nhân dân. Hiện nay, nhu cầu vật chất và văn hóa của nhân dân ta rất lớn, việc thỏa

mãn những nhu cầu chính đáng đó đang đặt ra cấp bách.

Là những con người mới của một xã hội mới, chúng ta hoàn toàn có thể làm chủ được các nhu cầu của mình, chứ không sa vào thiên hướng ham muốn tiêu dùng quá đáng. Nhưng chúng ta hiểu rằng nhu cầu chính đáng, hợp lý là động lực, là yếu tố kích thích hoạt động của xã hội, của từng tập thể và của mỗi cá nhân.

Chúng ta không đòi hỏi một cách phi lịch sử. Nhu cầu của con người là vô cùng, còn việc thỏa mãn nhu cầu thì bị giới hạn trong những điều kiện khách quan. Không thể đòi hỏi thỏa mãn một nhu cầu vượt quá khả năng sản xuất cho phép, đối với toàn xã hội cũng như từng cá nhân. Quỹ tiêu dùng chỉ có 50 thì không thể thỏa mãn được nhu cầu 100. Nhưng như vậy không có nghĩa là chúng ta tự trói buộc mình, an phận thủ thường, bó tay cam chịu, không có tinh thần cách mạng tiến công. Trái lại, chúng ta luôn cố gắng thỏa mãn đến mức tối đa những nhu cầu chính đáng của nhân dân, tạo mọi điều kiện cho quy luật phát triển không ngừng của tiêu dùng cá nhân trong xã hội xã hội chủ nghĩa được thực hiện tốt đẹp. Chúng ta chăm lo từ việc sản xuất ra thật nhiều của cải, mở rộng và cải tiến mặt hàng về phẩm chất, hình thức, kiểu dáng, màu sắc, v.v. đến việc phân phối, bảo đảm cho nhân dân ta ở thành thị và nông thôn *lao động, ăn, mặc, ở, di lại, học tập, chữa bệnh, sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí ngày càng tốt hơn, thoải mái hơn*.

Về mặt này, chúng ta đã có nhiều thành tích to lớn nhưng cũng còn nhiều khuyết điểm, gây nên những thiếu thốn và căng thẳng nhiều khi không đáng có trong tiêu dùng của nhân dân. Chúng ta cũng chưa xóa bỏ được nạn đầu cơ, móc ngoặc, lấy hàng của Nhà nước tuồn ra thị

(Xem tiếp trang 87)

BỆNH VIỆN VIỆT - TIỆP

PHẦN ĐẦU GIỮ VỮNG LÁ CỜ ĐẦU CỦA NGÀNH Y TẾ (*)

DẶNG-HÒI-XUÂN
và **NGUYỄN-VĂN-LUYỆN**

Có thể làm tốt hơn được không? Đó là một câu hỏi mà thực tiễn cuộc sống đã luôn luôn đặt ra trước tập thể chúng tôi ở mọi thời điểm khó khăn hoặc thuận lợi. Có thể nói quá trình phấn đấu vươn lên của bệnh viện chúng tôi là quá trình học tập, suy nghĩ, tìm tòi, liên tục giải quyết những mâu thuẫn và khó khăn, phát huy những thuận lợi, tận dụng mọi khả năng nhằm giải đáp câu hỏi này trong từng công việc cụ thể, và từng bước đi lên của mình. Nhờ vậy, trong mấy năm gần đây, bệnh viện chúng tôi đã tạo ra một phong cách lao động mới nhằm thực hiện quyết tâm « nâng cao chất lượng khám bệnh và chữa bệnh, sớm phát hiện bệnh, chữa bệnh tích cực và toàn diện ». Chúng tôi đã mạnh dạn tổ chức và thực hiện có hiệu quả tốt phương thức làm việc mới theo hướng chính quy hóa, tập trung hóa, chuyên môn hóa; tổ chức và duy trì được việc chữa bệnh theo ba ca trong toàn bệnh viện thay cho chế độ trực ngoài giờ hành chính, việc khám bệnh theo hai kíp: từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm;

tổ chức tốt phòng cấp cứu trung tâm (cấp cứu ngoài viện), bảo đảm kịp thời cấp cứu bệnh nhân ở nội thành và cả ngoại thành, tổ chức việc đón tiếp và chăm sóc bệnh nhân một cách chu đáo. Việc nghiên cứu y học cổ truyền và y học hiện đại, nghiên cứu kỹ thuật về chẩn đoán và điều trị, vấn đề bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cho bệnh viện và cho các cơ sở y tế trong, thành phố, công tác tham gia phòng, chống dịch và việc phấn đấu giảm tỷ lệ tử vong đã đạt những tiên bộ đáng kể. Các phong trào thi đua nối tiếp nhau đã góp phần tạo nên khí thế phấn đấu liên tục, khắc phục những khó khăn, phát huy những thuận lợi nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của bệnh viện.

Từ thực tiễn phấn đấu của mình, chúng tôi thấy nổi lên năm việc làm cơ bản, có tính chất đòn bẩy và

(*) Bệnh viện Hữu nghị Việt - Tiệp là bệnh viện đa khoa tuyến cuối của thành phố Hải-phòng, được vinh dự nhận cờ thi đua luân lưu của Chính phủ tặng đơn vị dẫn đầu thi đua ngành y tế.

đã có tác dụng quyết định đối với toàn bộ thành tích bước đầu của bệnh viện chúng tôi.

Tất cả vì sức khỏe của người bệnh

Từ chỗ xác định đối tượng chủ yếu của bệnh viện, chúng tôi đề ra việc xây dựng tư tưởng "tất cả vì sức khỏe của người bệnh", coi đó là khẩu hiệu hành động, là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt mọi hoạt động của tập thể bệnh viện, cũng như của từng cá nhân cán bộ, công nhân, viên chức ở đây. Quá trình hình thành và xác lập khẩu hiệu hành động này là quá trình đấu tranh tư tưởng gay go trong mỗi cá nhân cũng như trong tập thể bệnh viện chúng tôi. Lúc đầu không ít anh em cho rằng "chúng tôi rất kính trọng và thương người bệnh song không thể thực hiện tốt khẩu hiệu này bởi nhiều lý do khách quan và chủ quan chưa cho phép". Những suy nghĩ tiêu cực biểu hiện ở những lập luận: không đủ điều kiện vật chất và kỹ thuật; đời sống của bản thân và gia đình còn nhiều khó khăn, sức khỏe bị hạn chế; chưa có sự hiệp đồng tốt của các đơn vị bạn. Qua những buổi thảo luận ở từng bộ phận và qua những lần đấu tranh tư tưởng bản thân, tất cả anh chị em cán bộ, công nhân, viên chức đã thấy một cách thấm thía rằng những suy nghĩ lệch lạc, những lý do, khó khăn khách quan mình nêu ra trước đây chủ yếu là xuất phát từ tư tưởng ngại khó, ngại khổ, chưa có tinh thần cách mạng tiến công, chưa dám vươn lên làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn cho thấy những biểu hiện không hết lòng vì người bệnh tất yếu gây nên những thiệt thòi đáng tiếc cho người bệnh và rõ ràng như vậy là chưa thật sự thương yêu người bệnh, chưa thực hiện được lời dạy của Bác Hồ "thầy thuốc như mẹ hiền".

Việc thực hiện khẩu hiệu hành động của bệnh viện có tác dụng thúc đẩy giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu nâng cao chất lượng khám bệnh và chữa bệnh với trình độ, chuyên môn, cơ sở vật chất kỹ thuật còn thấp. Nếu đã xác định ý thức tất cả vì sức khỏe người bệnh, mỗi cá nhân phải không ngừng ra sức học tập chuyên môn, nâng cao tay nghề; tập thể bệnh viện phải mạnh dạn suy nghĩ, tìm tòi, sáng tạo, khắc phục mọi khó khăn, tìm ra những phương pháp khám bệnh và chữa bệnh có hiệu quả nhất. Tuy đã nhất trí quyết tâm thực hiện khẩu hiệu này song khi đi vào những việc làm cụ thể, lại nảy sinh những khó khăn và mâu thuẫn cụ thể. Lãnh đạo bệnh viện chúng tôi coi đó là điều bình thường, khó tránh khỏi đã cùng quần chúng bàn bạc, tìm ra những biện pháp có hiệu quả để khắc phục. Ví dụ: chúng tôi đã mạnh dạn tổ chức làm việc ba ca trong khâu chữa bệnh và hai kíp trong khâu khám bệnh. Lúc đầu nhiều người trong tập thể bệnh viện chúng tôi chưa tin có thể thực hiện thành công việc làm theo ba ca, hai kíp, vì có nhiều khó khăn. Bệnh viện đã tìm cách giải quyết việc ăn ở, đi lại, chăm nom con cái của cán bộ, công nhân, viên chức, sắp xếp lại các đơn nguyên điều trị cho hợp lý, bố trí thời gian và số người làm việc ở các ca để bảo đảm công tác, sinh hoạt và học tập chính trị, văn hóa, nghiệp vụ. Khó khăn nhất là tư tưởng, tập quán bảo thủ không muốn có sự thay đổi trong sinh hoạt, trong lề lối làm việc vốn đã thành nếp quen thuộc. Chúng tôi tổ chức cho anh chị em đi xem xét, học tập các điển hình tiên tiến trong ngành và ngoài ngành, học tập khi thể cách mạng của Quỳnh-lưu, Kê-gô... Chúng tôi chú ý phát huy truyền thống của bệnh viện, nhắc cho anh chị em thấy ngay trong thời kỳ máy bay giặc Mỹ đánh phá ác liệt thành phố Hải-phòng, đánh vào cả bệnh

viên Việt - Tiệp, bệnh viện vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Chính phủ tặng thưởng Huân chương. Chúng tôi đề ra cho quần chúng phân tích lợi hại của chế độ trực ngoài giờ hành chính trước đây và chế độ làm việc mới theo ca kíp hiện nay. Chế độ trực ngoài giờ hành chính mang nhiều nét tiêu cực. Một số người phải làm việc liên tục 24 giờ, ảnh hưởng đến sức khỏe; số lượng người trực ít không thể làm tốt nhiệm vụ của nhiều người, cho nên không thể tránh khỏi những thiếu sót đáng tiếc xảy ra trong đêm trực, trong những ngày chủ nhật, ngày lễ. Chế độ làm việc ba ca khắc phục được những nhược điểm của chế độ trực ngoài giờ hành chính, bảo đảm được tinh liên tục trong chữa bệnh, bảo đảm cho bệnh nhân được chăm sóc chu đáo, liên tục trong 24 tiếng đồng hồ, cả vào những ngày chủ nhật và ngày lễ.

Việc khám bệnh theo hai kíp từ 6 giờ sáng đến 10 giờ đêm giải quyết được tình trạng ứ đọng người đi khám bệnh, tình trạng đợi chờ mất nhiều thời giờ lao động; thấy thuốc có nhiều thời gian khám, chữa bệnh kỹ hơn. Người bệnh có thể đến khám và chữa vào thời gian thuận lợi nhất của mình để khỏi ảnh hưởng xấu đến công tác, sản xuất và sinh hoạt. Từ khi bệnh viện chúng tôi thực hiện chế độ làm việc mới này đã có khoảng 40% số người đi khám bệnh và điều trị ngoài giờ hành chính, như vậy tiết kiệm được cho Nhà nước nhiều ngày công, giờ công lao động và có cái lợi nhất là "sớm phát hiện bệnh và chữa bệnh kịp thời". Chế độ làm việc mới này lúc mới ra đời tuy gặp nhiều khó khăn song dần dần đã đi vào nề nếp ổn định vững chắc. Đó là cách làm việc đem lại hiệu quả tốt nhất cho người bệnh và cho xã hội.

Diện phục vụ người bệnh không chỉ đóng khung trong bốn bức tường của bệnh viện, mà được mở rộng một cách thích đáng đến các tuyến trước

(tuyến điều trị của khu phố, huyện...) đến các cơ sở sản xuất. Chẳng hạn như cho các bệnh nhân ở các tuyến trước được hưởng kỹ thuật tốt của bệnh viện Việt - Tiệp, giúp đỡ bệnh viện các huyện An-thuy, Thủy-nguyên... khám bệnh và phát hiện bệnh nghề nghiệp cho công nhân cảng, công nhân đóng tàu.

**Nghiêm chỉnh chấp hành
chỉ thị, nghị quyết của Đảng
và cấp trên, thực hiện đúng
các phương châm công tác,
chế độ chức trách, quy trình,
quy tắc chuyên môn**

Một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho bệnh viện chúng tôi thực hiện được nhiệm vụ chính trị của mình và phấn đấu có hiệu quả trong việc xây dựng đơn vị mạnh toàn diện là chấp hành một cách nghiêm chỉnh và sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và cấp trên, và thực hiện tốt phương châm công tác, chế độ, chức trách, quy trình, quy tắc chuyên môn.

Chúng tôi quan niệm chỉ thị là sự cụ thể hóa đường lối cách mạng và khóa học của Đảng; nhanh chóng thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị của cấp trên vừa có lợi cho cơ sở mình vừa có lợi cho xã hội nói chung. Sở dĩ có tình trạng trì trệ trong công tác, ý thức tổ chức lỏng lẻo là do không thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các chế độ chức trách, quy trình, quy tắc chuyên môn. Vì vậy cán bộ, nhân viên ở bệnh viện chúng tôi xem việc thực hiện tốt những điều nói trên là vấn đề thuộc về tinh thần, tinh nguyên tắc, là thuộc về lòng trung thành đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Điều đó vừa là trách nhiệm, vừa là đạo lý, lương tâm, tình cảm của người cán bộ y tế trong xã hội ta. Do đó, khi có

chỉ thị, nghị quyết của cấp trên gửi về, mọi người trong bệnh viện đều «bàn vào» để làm cho tốt, chứ không «bàn ra». Ví dụ như khi nhận được chỉ thị 159 của Thủ tướng Chính phủ về việc chống quan liêu, cửa quyền, giảm bớt phiền hà cho nhân dân, chúng tôi đã tổ chức cho toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức thảo luận, liên hệ kiểm điểm và đề ra những biện pháp cụ thể để thực hiện tốt chỉ thị này. Chúng tôi đã thực hiện ngay: tất cả bệnh nhân đến bệnh viện đều được khám, được làm xét nghiệm và cho biết kết quả ngay ngày hôm đó, không phụ thuộc vào sự hợp lệ hay không hợp lệ của giấy tờ. Thủ tục vào viện, ra viện đã được quy định lại một cách thuận tiện cho bệnh nhân. Tình trạng người đi khám bệnh chen chúc, chờ đợi lâu vào các buổi sáng như trước đây không còn nữa. Chúng tôi đã tổ chức phòng đón tiếp người nhà bệnh nhân để thông báo về tình trạng sức khỏe của bệnh nhân và bố trí chỗ ăn chỗ ngủ chu đáo khi họ cần ở lại.

Dựa vào quy chế của Bộ y tế và nhiệm vụ, hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của bệnh viện, chúng tôi đã bố trí, phân công, định rõ trách nhiệm của từng người, từng bộ phận, định rõ chế độ, quy trình, quy tắc chuyên môn đối với từng loại công việc. Chúng tôi đã nhất trí thực hiện nguyên tắc: điều gì đã trở thành chế độ chức trách, quy trình, quy tắc chuyên môn, đã được ghi thành văn bản, thì nhất thiết phải được thi hành nghiêm chỉnh. Mỗi người phải hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, ai chưa giỏi việc, chưa thạo việc thì phải học, tự học, học hỏi người khác, các đơn vị y tế khác. Người nào làm tốt, bộ phận nào làm tốt phải được kịp thời biểu dương, khen thưởng. Ai làm hỏng thì phải làm lại, nếu làm chậm phải xin giá hạn, nhưng nếu cố tình trì hoãn, vi phạm chế độ chức trách, quy trình, quy tắc chuyên môn, sau vài lần phê bình mà không sửa chữa được, thì

phải chịu kỷ luật hoặc thay đổi công tác. Những quy định mới về chuyên môn được đưa ra thảo luận, rút kinh nghiệm và bổ sung kịp thời. Mọi quy định đều phải rõ ràng, cụ thể có tính đến điều kiện và khả năng thực hiện của đối tượng lao động. Lãnh đạo bệnh viện xét, giải quyết và tạo những điều kiện cần thiết khi có cá nhân hoặc bộ phận nào yêu cầu giúp đỡ, tuy nhiên mỗi cá nhân cũng như tập thể bao giờ cũng cố gắng thực hiện những quy định đó với ý thức tự lực cao nhất, tiết kiệm nhiều nhất. Chúng tôi đã phát động phong trào thi đua chấn chỉnh lại nền nếp công tác và sinh hoạt của bệnh viện với trọng tâm phấn đấu là thực hiện bằng được các chế độ, chức trách đã đề ra. Chúng tôi đã lấy cuộc vận động sử dụng thuốc an toàn, hợp lý làm đòn xeo để đẩy mạnh việc thực hiện chế độ, chức trách, đồng thời đề đưa mọi hoạt động của bệnh viện vào quy chế. Bệnh viện chúng tôi đã cố gắng thực hiện tốt chế độ sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, điều trị an toàn, truyền dịch, truyền máu an toàn. Chúng tôi bảo đảm mỗi bệnh nhân một bơm tiêm, kim tiêm riêng, và tất cả dụng cụ phẫu thuật, tiêm truyền đều được hấp ở trung tâm khử trùng của bệnh viện. Tất cả các lọ, mẻ trong sản xuất các loại dịch truyền đều được thử chỉ nhiệt độ. Từ việc thực hiện cuộc vận động sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, bệnh viện chúng tôi phát triển thêm những cuộc vận động khác như «an toàn trong sử dụng và bảo quản tài sản chuyên môn», «an toàn xét nghiệm». Chúng tôi đã tích cực thực hiện phương châm kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền, đã tự chế 27 thứ thuốc nam để sử dụng, trị giá bằng 20% tổng số tiền thuốc chi dùng trong bệnh viện (vượt gấp ba lần yêu cầu do Bộ y tế đề ra). Tính chung, số thuốc các loại do bệnh viện tự sản xuất trị giá bằng 50% tổng số tiền thuốc chi dùng trong bệnh viện.

Nhờ thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chức trách, quy trình, quy tắc chuyên môn, cho nên trong mấy năm gần đây bệnh viện chúng tôi đã tránh được những thiếu sót về tinh thần trách nhiệm có thể ảnh hưởng xấu đến bệnh tình và sinh mạng của người bệnh. Tuy nhiên, trên đây chỉ mới là kết quả bước đầu; có lúc, có nơi vẫn còn tình trạng tùy tiện, lỏng lẻo trong việc chấp hành quy trình, quy tắc chuyên môn. Vì vậy, xây dựng cho cán bộ, nhân viên một thói quen mới, một nền nếp làm việc đúng quy trình, quy tắc chuyên môn là vấn đề cần được thường xuyên quan tâm.

Tò chức hậu cần tại chỗ, hướng về giường bệnh mà phục vụ

Sự phối hợp nhịp nhàng, hiệp đồng chặt chẽ giữa công tác hậu cần và công tác chuyên môn để phục vụ tốt nhiệm vụ trung tâm của bệnh viện là một yêu cầu rất quan trọng, đồng thời là một vấn đề nan giải đối với bệnh viện chúng tôi, cũng như đối với nhiều cơ sở y tế khác trước đây. Cải thiện sót lớn trước đây là chưa tìm ra phương hướng và biện pháp tốt để cải tiến và đẩy mạnh hoạt động hậu cần, công tác hậu cần chưa nhằm đúng đối tượng phải phục vụ, vì vậy trong một thời gian dài, công tác hậu cần chưa phục vụ tốt cho việc chữa bệnh, thậm chí có khi còn gây trở ngại.

Trước đây ở các khoa, phòng có kho riêng, cán bộ chuyên môn phải lo đủ mọi việc lật vật, như đi lính vật liệu, lính cơm nước, quần áo, giữ kho, bảo quản dụng cụ y tế, phương tiện vật chất kỹ thuật phục vụ cho điều trị, quản lý điện nước,... sử dụng lực lượng y tá, hộ lý (mỗi khoa từ ba đến năm người)... Những việc sự vụ đó đã ảnh hưởng xấu đến

công tác chuyên môn, gây tổn thất về vật tư, vì cán bộ chuyên môn y tế không thành thạo về mặt quản lý. Mặt khác, do chế độ trách nhiệm chưa rõ ràng, khi mất điện, mất nước, máy móc, dụng cụ y tế trục trặc, người nọ đổ lỗi cho người kia. Mất điện gây hư hỏng máy móc, thuốc men, máu dự trữ, gây tai biến cho bệnh nhân đang cấp cứu, trách nhiệm không biết quy cho ai.

Xuất phát từ tình thần hết lòng vì người bệnh, không dè cho người bệnh bị thiệt thòi, bệnh viện chúng tôi mạnh dạn đề ra phương hướng "hậu cần tại chỗ", hướng về giường bệnh mà phục vụ. "Hậu cần tại chỗ" là nhằm mục đích tập trung hóa, chuyên môn hóa nghiệp vụ hậu cần, làm tất cả những gì giúp cho cán bộ chuyên môn có điều kiện thuận lợi và có nhiều thời gian tập trung vào công tác chữa bệnh, săn sóc trực tiếp người bệnh. Với phương hướng đó, bệnh viện chúng tôi đã quy định lại một cách hợp lý những nhiệm vụ cụ thể, như bộ phận hậu cần bảo đảm luôn việc đưa cơm nước, và chạy bàn thay thế cho y tá, hộ lý, đưa thuốc men, dụng cụ y tế, kết quả xét nghiệm, quần áo, phương tiện, làm việc... đến tận các khoa. Phòng hành chính quản trị thường xuyên cử cán bộ đến các khoa, phòng xem xét và sửa chữa ngay những hư hỏng, không còn phải đợi các khoa, phòng báo cáo lên, không phải qua nhiều khâu làm thủ tục giấy tờ và kéo dài thời gian nghiên cứu như trước nữa. Bộ phận điện phải bảo đảm có điện liên tục, khi lưới điện của thành phố bị mất thì máy nổ của bệnh viện phải chạy được ngay, chậm nhất là sau 5 phút.

Để thực hiện tốt phương hướng này, bên cạnh việc cải tiến cách thức làm việc cũ, tìm những biện pháp tốt, chúng tôi còn chú ý nâng cao ý thức phục vụ của những người làm công tác hậu cần, chống tác phong làm việc

lễ mễ, khệnh khạng, xây dựng tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo và hiệp đồng tốt với bộ phận chuyên môn. Trước đây giữa hai bộ phận này hay có sự suy bì, tự nạnh lẫn nhau. Ngày nay, hậu cần cũng như chuyên môn chỉ có một đối tượng phục vụ duy nhất, đó là người bệnh. Bộ phận nào không làm tròn chức trách của mình trước người bệnh, bộ phận đó chịu trách nhiệm.

Tuy còn đòi hỏi phải có nhiều cố gắng hơn nữa, phải tiếp tục khắc phục nhiều khó khăn, song phương hướng «hậu cần tại chỗ» này thể hiện rõ tính tích cực của nó, đã đem lại nhiều cái lợi, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Bệnh viện chúng tôi đã rút được bốn năm chục y tá, hộ lý, vớu được đào tạo chuyên môn có hệ thống, ra khỏi các công việc sự vụ, để có điều kiện và thời gian tập trung cho công tác điều trị. Bệnh viện đã rút được 300m² nhà trước đây dùng làm kho ở các khoa, phòng để đặt thêm được nhiều giường bệnh, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng và bảo quản tốt vật tư, phương tiện hoạt động y tế.

Xây dựng tác phong công nghiệp

Suy nghĩ về việc nâng cao chất lượng khám bệnh và chữa bệnh, về việc thực hiện quyết tâm phấn đấu xây dựng đơn vị mạnh, đưa bệnh viện tiến lên chính quy và dần dần hiện đại hóa, chúng tôi thấy rằng phải nhanh chóng thoát khỏi phong cách làm việc cũ, phải mạnh dạn cải tiến lề lối làm việc, xây dựng phong cách lao động mới mang tính cách mạng và khoa học hơn. Chúng tôi quan niệm chữa bệnh là công tác có tính chất dây chuyền như ở xí nghiệp công nghiệp; nếu một bộ phận, một khâu nào bị trì trệ lập tức sẽ ảnh hưởng xấu đến các bộ phận khác, các khâu khác và gây tác hại đến sức khỏe,

sinh mạng của người bệnh. Vì vậy, chúng tôi đã quyết tâm xây dựng tinh chỉnh quy, hiện đại trong phong cách làm việc. Chúng tôi đã xác định lại một cách rõ ràng và hợp lý nhiệm vụ của từng cá nhân, từng bộ phận, mối quan hệ giữa các cá nhân và các bộ phận, sắp xếp lại tổ chức các khoa, phòng... nhằm làm cho toàn bộ các bộ phận, các khâu công tác trở thành một dây chuyền hợp lý, chạy đều trong guồng máy khám bệnh và chữa bệnh của bệnh viện. Mọi công việc trong bệnh viện đều đã được tiến hành theo chương trình, kế hoạch. Lãnh đạo của bệnh viện cũng như của từng bộ phận trong bệnh viện đã tổng hợp mọi yêu cầu, tình hình, điều kiện, khả năng chỉ viện của cấp trên và khả năng của mình để đề ra kế hoạch cụ thể nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Các mặt công tác khác như học tập chính trị, chuyên môn, nâng cao tay nghề, nghiên cứu khoa học... cũng được kế hoạch hóa và có những tiến bộ rõ rệt. Bệnh viện đã xây dựng phác đồ điều trị, xây dựng hàng trăm định mức về vật tư tiêu hao và năng suất lao động. Lịch sinh hoạt được quản lý chung toàn bệnh viện, chương trình hằng tuần được thông báo từ tuần trước. Mỗi bộ phận, mỗi cá nhân dựa vào lịch công tác, sinh hoạt chung của toàn bệnh viện và nhiệm vụ cụ thể của mình, đề ra lịch sinh hoạt thích hợp. Lề lối làm việc và mối quan hệ công tác giữa tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức quần chúng được quy định rõ ràng, tránh được hiện tượng chồng chéo lẫn nhau. Những nghị quyết, chủ trương của đảng ủy, của chính quyền đều được kịp thời phổ biến đến các tổ chức quần chúng, các đơn vị cơ sở và tạo nên hành động thống nhất, nhịp nhàng.

Để bảo đảm tốt mọi mặt hoạt động đã được kế hoạch hóa, khâu kiểm tra được tăng cường: hằng tuần có kiểm tra chế độ chức trách chuyên môn,

công tác hậu cần, hằng tháng, hằng quý có tổ chức kiểm tra chéo giữa các khoa, phòng, có chấm điểm thi đua. Việc này đem lại kết quả tốt, nó giúp cho lãnh đạo nắm được tình hình công tác của các bộ phận để đôn đốc, nhắc nhở, biết được những khó khăn cụ thể để kịp thời giải quyết, biết được những chủ trương, công tác nào chưa thích hợp để chấn chỉnh và uốn nắn lại. Ngoài ra, nhờ có kiểm tra nên đánh giá được chính xác điểm mạnh, điểm yếu của từng cá nhân, từng bộ phận để có kế hoạch phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt yếu.

Tác phong công nghiệp đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt chế độ chức trách, quy trình, quy tắc chuyên môn, tạo nền nếp làm việc chính quy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu, áp dụng những phương pháp khám bệnh, chữa bệnh hiện đại.

Xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng bộ, có nhiều con người mới xã hội chủ nghĩa

Trước đây, ở bệnh viện chúng tôi cũng đã có nhiều cán bộ y tế tốt, song chúng tôi chưa trở thành đơn vị mạnh. Một trong những nguyên nhân của hạn chế đó, là vì có nhiều cá nhân tốt, nhưng chưa tạo thành một tập thể đồng bộ tốt. Cho nên chúng tôi đã cố gắng tiến hành đồng thời việc xây dựng con người mới với tập thể mới, nhằm phát huy tốt sự tác động qua lại giữa việc xây dựng con người mới và xây dựng tập thể mới, để tạo nên một tập thể đồng bộ, đủ năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của cơ sở mình. Thực hiện vấn đề này, chúng tôi đã sử dụng những biện pháp nào?

Mọi hoạt động của con người và tập thể chỉ có thể đem lại kết quả tốt đẹp khi con người và tập thể đó có động cơ hành động đúng đắn, có tinh thần,

thái độ phục vụ tốt và có trình độ chuyên môn vững vàng. Vì vậy, biện pháp quan trọng hàng đầu là đẩy mạnh việc học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đưa việc học tập thành nền nếp ổn định, thành phong trào thi đua sôi nổi, thành nhu cầu tự giác của mỗi cá nhân và tập thể nâng cao hiệu quả lao động, phát huy tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần hết lòng vì sức khỏe của người bệnh. Thêm vào đó, việc học tập các đơn vị bạn, các điển hình tiên tiến từng mặt, hoặc toàn diện trong và ngoài ngành, đối với tập thể chúng tôi, đã trở thành nhu cầu thiết thân và mang tính chất thường trực.

Phong trào thi đua xây dựng những tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa được thường xuyên đẩy mạnh. Đó là một phương thức quan trọng để rèn luyện con người mới và tập thể mới. Số lượng tổ, đội đăng ký phấn đấu và được công nhận tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa đã tăng lên liên tục; gần đây chỉ tiêu trên giao là 40%, song bệnh viện chúng tôi đã mạnh dạn đăng ký với tỷ lệ là 80%, có những khoa đăng ký 100%.

Chúng tôi tích cực phát huy tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân, viên chức để vừa xây dựng và bồi dưỡng phẩm chất cao quý của con người mới xã hội chủ nghĩa, vừa thúc đẩy cá nhân và tập thể khắc phục khó khăn, trở ngại, vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Việc xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng, chính quyền và quần chúng được coi trọng với quan niệm: làm chủ trong từng cơ sở chính là phát huy tinh năng động của các tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, của từng cá nhân và của cả tập thể đơn vị cơ sở, tận dụng mọi khả năng tiềm tàng tạo nên sức mạnh tổng hợp. Chúng tôi cố gắng xây dựng một đảng bộ vững mạnh, một bộ máy chính quyền có hiệu lực trong quản lý, tổ chức và

một phong trào quần chúng, đặc biệt là thanh niên, sôi nổi liên tục. Tổ chức Đảng đã thường xuyên quy tụ và tổng hợp mọi ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, những kinh nghiệm, những mặt mạnh, mặt yếu để đề ra phương hướng thích hợp, nhằm nâng cao hiệu quả phấn đấu. Việc giáo dục, bồi dưỡng và kết nạp thường xuyên những người tốt vào Đảng, việc đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào thi đua.

Việc thi hành triệt để chế độ thủ trưởng, việc cải tiến công tác quản lý bệnh viện, việc thưởng, phạt nghiêm minh, được chú ý kịp thời. Sự hoạt động năng nổ của tổ chức Công đoàn, vai trò xung kích của Đoàn thanh niên đã được biểu hiện rõ. Lãnh đạo bệnh viện đã mạnh dạn giao cho các chi đoàn thanh niên đảm nhận việc quản lý 10 phòng (phòng hồi sức, phòng đông được, phòng đỡ đẻ khó...) và cổ vũ tinh thần dám nghĩ, dám làm của lực lượng trẻ, chăm lo bồi dưỡng tài năng, quan tâm đến sự tiến bộ của cá nhân và các bộ phận. Những việc làm đó đã có tác dụng gây không khí phấn khởi, đoàn kết, hăng hái thi đua xây dựng bệnh viện ngày càng tiến bộ và lớn mạnh.

Nhờ tiến hành đồng thời những

biện pháp trên, bệnh viện chúng tôi đã xây dựng được một tập thể đồng bộ, đoàn kết, hiệp đồng chặt chẽ. Đó là mảnh đất tốt, làm nảy nở ngày càng nhiều những nhân tố mới, những con người tiên tiến vươn lên phấn đấu trở thành những con người mới xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những mặt mạnh của bệnh viện, chúng tôi thấy cần phải nhanh chóng khắc phục những hạn chế, như trình độ khoa học, kỹ thuật, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ và công nhân, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu của phương hướng nhiệm vụ y tế được nêu ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, chưa phát huy mạnh mẽ tác dụng hạt nhân của phong trào y tế ở thành phố Hải-phòng, chưa đóng góp thật nhiều cho việc phòng bệnh, chống dịch, quản lý sức khỏe của nhân dân, giúp đỡ tuyến trước, giúp đỡ xây dựng y tế cơ sở, đặc biệt là y tế huyện và xã. Chúng tôi cần phải tích cực phát huy hơn nữa ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tinh thần cách mạng tiến công để khắc phục có hiệu quả những khó khăn, nhằm giữ vững và phát triển những thành quả đã đạt được, những nền nếp và phương thức làm việc bước đầu đã định hình trong bệnh viện.

Một số kinh nghiệm củng cố tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn

VŨ-TRỌNG-KIÊN

CỦNG CỐ các tổ chức cơ sở Đảng, làm cho mọi cơ sở Đảng đều vững mạnh, ăn sâu bám chắc trong quần chúng, có khả năng lãnh đạo thực hiện thắng lợi ba cuộc cách mạng, là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Trong thời gian qua, nhất là từ sau khi có nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng (khóa III) và sau đó là Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, nhiều nơi đã quan tâm đúng mức và có biện pháp tích cực thực hiện nhiệm vụ này. Nhờ thế, đến nay, nhìn chung, các chi bộ, đảng bộ cơ sở đã có những tiến bộ nhất định trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, cải tạo và phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, quản lý Nhà nước, giữ gìn trật tự an ninh, phục vụ đời sống nhân dân. Một số cơ sở Đảng yếu kém cũng đang vươn lên và từng bước có chuyển biến, tiến bộ. Đặc biệt có nơi đang vươn lên thành điển hình tiên tiến.

Đi đôi với việc tổng kết kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, giữ vững và nhân các điển hình, việc tìm hiểu bước chuyển biến của các

cơ sở Đảng yếu kém, rút ra những bài học kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn nữa công tác này là việc làm hết sức cần thiết. Dưới đây là một số kinh nghiệm về việc đưa các cơ sở Đảng yếu kém ở nông thôn vươn lên.



Nghiên cứu các chi bộ, đảng bộ yếu kém ở nông thôn, chúng ta thấy mỗi nơi có một hoàn cảnh khác nhau, biểu hiện khác nhau, đòi hỏi khi xem xét, giải quyết, phải có sự phân tích cụ thể. Nhưng nói chung, ở các cơ sở yếu kém thường có tình trạng nhiệm vụ chính trị không hoàn thành, các mặt sản xuất không phát triển, năng suất lao động thấp, sản lượng lương thực, thực phẩm kém, nghĩa vụ đối với Nhà nước không làm tròn, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn, nội bộ mất đoàn kết, quần chúng kém phấn khởi.

Tình hình đó có nhiều nguyên nhân. Có thể có nguyên nhân khách quan là điều kiện sản xuất không thuận lợi, cơ sở vật chất kỹ thuật quá nghèo nàn; hoặc do ít được sự quan tâm

giúp đỡ của cấp trên, nhất là cấp trên trực tiếp. Nhưng *nguyên nhân chính là, về phía chủ quan, năng lực lãnh đạo và trình độ tổ chức của chi bộ, đảng bộ, của toàn thể đảng viên, trước hết là đội ngũ cốt cán, có nhiều hạn chế*. Có nơi đảng bộ, chi bộ không nắm được và không vận dụng được chủ trương chung của Đảng để vạch ra một cách sát đúng phương hướng, nhiệm vụ chính trị của địa phương, buông lỏng công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế. Có xã và hợp tác xã, do cán bộ thiếu trình độ hiểu biết về các mặt, nhất là về văn hóa, khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế,... cho nên không đủ năng lực tổ chức, chỉ đạo cụ thể. Có khi do nhận thức không đầy đủ hoặc do ngại khó, muốn giản đơn, đã chủ trương khoán hộ, khoán đất làm màu cho đội sản xuất, vô hình trung làm yếu quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, phạm phải sai lầm về nguyên tắc. Về mặt phẩm chất đạo đức, ở hầu hết các nơi yếu kém đều có hiện tượng cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, tham ô, lợi dụng của công, xoay xở vụ lợi, trù ép quần chúng, tranh giành địa vị quyền hành, kèn cựa đả kích lẫn nhau, mất đoàn kết nội bộ, gây ảnh hưởng rất xấu trong quần chúng. Trong khi đó công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là những cán bộ chủ chốt, ở những nơi này lại không được quan tâm; cấp ủy cấp trên thiếu đi sâu kiểm tra nắm chắc cán bộ, khiến cho việc thay thế, bổ sung cán bộ khi cần thiết gặp khó khăn không nhỏ.

Về mặt sinh hoạt Đảng, biểu hiện phổ biến của các chi bộ, đảng bộ yếu kém là *sinh hoạt rất rời rạc, kỷ luật của Đảng lỏng lẻo, chi bộ không kiểm tra, quản lý được đảng viên*. Đến bất cứ cơ sở yếu kém nào cũng có hiện tượng chi bộ, đảng bộ sinh hoạt thất thường, chất lượng sinh hoạt không cao. Có chi bộ nhiều tháng liền không họp; có đảng bộ 4 — 5 năm liền không họp đại hội. Hợp chi bộ, đảng bộ

thường chỉ có 40% — 50% số đảng viên dự. Nói chung các cuộc họp chi bộ thường chỉ để nghe cấp ủy truyền đạt nhiệm vụ công tác, không có nghiên cứu, thảo luận đường lối, chính sách của Đảng, không có bàn bạc chủ trương, biện pháp công tác, không có phê bình, tự phê bình, không có sự phân công rõ ràng cho đảng viên...

Ở các cơ sở yếu kém, chính quyền, ban quản trị hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng hoạt động rất lộn xộn, quyền làm chủ tập thể của quần chúng không được phát huy, thậm chí còn bị vi phạm nghiêm trọng. Ở không ít nơi, vai trò của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân rất lu mờ. Quần chúng không được bàn bạc những công việc thiết yếu của địa phương, nhất là về phương hướng sản xuất, mục tiêu phấn đấu, phương án phân phối của hợp tác xã, giữ gìn an ninh trật tự. Những hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân, vi phạm pháp luật của Nhà nước, không được xử lý kịp thời. Hợp tác xã không được củng cố, các mặt quản lý bị buông lỏng làm cho tình trạng ăn cắp của công, lấn chiếm ruộng đất, xâm phạm tài sản của hợp tác xã xảy ra phổ biến. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ hầu như không hoạt động. Mỗi quan hệ giữa tổ chức Đảng với những tổ chức khác ở cơ sở không rành mạch, vai trò lãnh đạo của Đảng và vai trò của các tổ chức khác không phát huy được.



Để đưa các tổ chức cơ sở Đảng yếu kém vươn lên, phải từ sự phân tích tình hình cụ thể ở mỗi nơi mà đề ra những biện pháp thích hợp, song thực tế đã cho thấy trong thời gian qua số dĩ một số cơ sở Đảng yếu kém vươn lên được là do đã thực hiện tốt các biện pháp chủ yếu sau đây:

1 — Trên cơ sở xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, tích cực kiện toàn tổ chức Đảng, đặc biệt là kiện toàn đội ngũ cốt cán ở cơ sở.

Được sự giúp đỡ, chỉ đạo của cấp trên, trực tiếp là của huyện ủy, các chi bộ, đảng bộ yếu kém nói trên đã nhận thức được nguyên nhân chủ yếu của tình trạng yếu kém ở địa phương là do sự lãnh đạo, chỉ đạo của mình có nhiều khuyết điểm, thiếu sót; nếu quyết tâm phấn đấu vươn lên thì có thể khác phục được. Từ đó, dựa vào những nhân tố tích cực, chi bộ, đảng bộ đã tiến hành xem xét, bổ sung, xác định lại phương hướng nhiệm vụ chính trị của mình nhằm đáp ứng yêu cầu mới của cách mạng và phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Nhiều nơi đã cố gắng khắc phục khó khăn, tiếp thu những yêu cầu mới của việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, tìm hiểu các vấn đề kinh tế, kỹ thuật, điều tra tình hình đất đai, sức lao động, khả năng sản xuất của địa phương, động viên đảng viên và nhân dân tích cực hàn hạc, xây dựng phương hướng sản xuất. Đây là một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa tư tưởng tiên bộ và bảo thủ, giữa cách làm ăn mới với nếp sản xuất nhỏ, giữa tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa với ý thức cục bộ, phường hội. Chính qua cuộc đấu tranh ấy, một số nơi đã xây dựng được tương đối hợp lý các quy hoạch sản xuất, cơ cấu cây trồng, mục tiêu phấn đấu; quy định được các biện pháp, chế độ canh tác, quy trình kỹ thuật, chế độ quản lý, chế độ phân phối; vừa vạch ra bước đi cho những năm trước mắt, vừa có kế hoạch chuẩn bị cho lâu dài, coi đó vừa là cơ sở đề cương cố, kiện toàn tổ chức Đảng, vừa là việc làm mẫu chốt đầu tiên để đưa phong trào của địa phương tiến lên. Nhiều nơi đã xác định lại vai trò, trách nhiệm của chi bộ, đảng bộ cơ sở trước yêu cầu của tình hình, nhiệm

vụ mới, khơi dậy truyền thống cách mạng oanh liệt, đáng tự hào của địa phương, động viên cán bộ, đảng viên nêu cao tinh thần phụ trách trước Đảng, trước quần chúng, quyết tâm củng cố tổ chức, gây dựng lại phong trào. Các xã Song-phương, Biên-giang (Hà-sơn-bình), Quỳnh-bảo (Thái-bình), Giao-hương (Hà-nam-ninh), Bình-xá (Quảng-ninh), Bắc-lương (Thanh-hóa), Thường-kiệt (Hải-hung)... đã tổ chức cho đảng viên học tập, thảo luận, phân tích rõ vì sao địa phương mình yếu kém? Vì sao trước đây chi bộ chỉ có vài ba đảng viên mà lãnh đạo tốt phong trào, ngày nay đảng bộ có hàng trăm đảng viên mà không đưa được phong trào lên? Vì sao cũng đồng ruộng như mình, điều kiện sản xuất như mình, thậm chí có mặt còn khó khăn hơn mình mà xã bạn tiến bước rất mạnh, còn mình thì cứ yếu kém mãi? v.v. Rõ ràng đây là trách nhiệm của chi bộ, đảng bộ, của toàn thể cán bộ, đảng viên. Nếu không khắc phục được tình trạng yếu kém này thì chi bộ, đảng bộ không xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng, của quần chúng. Nói chung những nơi tổ chức tốt các đợt thảo luận này, đã giúp cho đảng viên có chuyên biến về tư tưởng và hành động, công tác của chi bộ bước đầu có thuận lợi. Được sự giúp đỡ của huyện ủy, các đảng bộ còn rà soát lại đội ngũ, tiến hành tự phê bình và phê bình, kết hợp phê bình trong Đảng với phê bình của quần chúng, trường hợp cần thiết thì cấp trên giúp xác minh và kết luận đúng sai, xử lý nghiêm khắc những cán bộ, đảng viên phạm sai lầm nghiêm trọng. Sau đó tiến hành đại hội chi bộ, đảng bộ để bầu lại chi ủy, đảng ủy. Nhiều nơi đã thi hành kỷ luật và thay đổi một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Có xã phải thay cả bí thư đảng ủy, chủ tịch xã, chủ nhiệm hợp tác xã. Đội ngũ lãnh đạo chỉ bao gồm những đồng chí thật sự có năng lực, có phẩm chất, hoặc năng

lực có yếu một chút nhưng nhiệt tình, tận tụy với công việc của tập thể, có uy tín trong Đảng và quần chúng, có tác dụng giữ vững đoàn kết nội bộ. Nhiều nơi đã bổ sung vào đội ngũ lãnh đạo những cán bộ trẻ có sức vươn lên mạnh, có kiến thức về các mặt và một số cán bộ, đảng viên là bộ đội phục viên. Thực tế cho thấy các đồng chí này đã phát huy tác dụng tốt. Đối với những đồng chí năng lực quá kém hoặc bị sa sút về phẩm chất đạo đức thì kiên quyết thay. Ở đây, vấn đề đặt ra là không cầu toàn, nhưng phải xuất phát từ nhận thức đúng đắn về vai trò của cán bộ chủ chốt, cán bộ cốt cán mà sắp xếp đội ngũ cho phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và điều kiện của địa phương, và chú ý không ngừng bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ đó để họ xứng đáng là linh hồn của chi bộ, đảng bộ, là lõi cốt của phong trào. Cùng với việc bố trí, sắp xếp lại cán bộ lãnh đạo chủ chốt, các tổ chức Đảng nói trên đã bước đầu coi trọng việc bồi dưỡng, quản lý cán bộ, tạo điều kiện để anh chị em hỗ trợ lẫn nhau, phát huy mặt mạnh, đồng thời khắc phục mặt yếu của mỗi người, người nọ bổ sung cho người kia, nhằm tạo ra sức mạnh chung của cả đội ngũ. Đảng bộ xã Bắc-lương trong bước chuyển biến đầu tiên đã cử 12 đồng chí (phần đông là trong lứa tuổi từ 25 đến 30 và là bộ đội phục viên) đi học trường Đảng tỉnh và huyện, 8 đồng chí đi học văn hóa tập trung, 15 đồng chí đi học chuyên môn, nghiệp vụ (thống kê, kế toán...) và 20 đồng chí đi nghiên cứu học tập kinh nghiệm của hợp tác xã Định-công. Đảng bộ xã Thường-kiệt đã cử 5 đồng chí đi học trường Đảng tỉnh, 11 đồng chí đi học trường Đảng huyện, 58 đồng chí từ đội trưởng sản xuất trở lên đi học chương trình lý luận cơ sở ở trường Đảng huyện. Đây là sự cố gắng tích cực và đúng hướng.

bởi vì nếu không thì không thể có điều kiện duy trì phong trào một cách lâu dài. Thực tế đã có những nơi do chỉ chú ý đến yêu cầu trước mắt, không quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nên phong trào thiếu cơ sở để tiến lên vững chắc, chỉ sau một thời gian, lại rơi vào yếu kém.

2 — *Giữ vững và nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, coi trọng việc phân công, kiểm tra, quản lý đảng viên, giáo dục đảng viên chấp hành nghiêm túc kỷ luật của Đảng.*

Thấy rõ tác hại của việc buông lỏng sinh hoạt Đảng trước đây, các tổ chức cơ sở Đảng nói trên đã chú trọng củng cố nền nếp sinh hoạt Đảng, cải tiến nội dung sinh hoạt Đảng, coi trọng việc kiểm tra, quản lý đảng viên, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật của đảng viên. Nhiều cơ sở Đảng đã định lịch sinh hoạt hằng tháng của chi bộ, tổ đảng, của chi ủy, đảng ủy; kiên quyết giữ vững chế độ sinh hoạt đó và yêu cầu mọi đảng viên phải đi họp đông đủ, đúng giờ, có chuẩn bị ý kiến phát biểu trong cuộc họp. Đảng bộ xã Quỳnh-bảo (Thái-bình) ngoài việc định lịch sinh hoạt, còn quy định các đảng ủy viên phải tham gia sinh hoạt đều đặn ở các chi bộ đội sản xuất, mỗi đồng chí phụ trách một đội sản xuất, và cứ 5 ngày một lần bí thư chi bộ phải báo cáo với thường trực đảng ủy về tình hình mọi mặt của chi bộ mình, kịp thời kiến nghị giải quyết những vấn đề cấp bách. Từ yếu kém đi lên, một số nơi như đảng bộ xã Thường-kiệt rất chú ý giờ giấc, nền nếp, hình thức sinh hoạt chi bộ. Các đồng chí ở đây đã quy định cụ thể từ giờ họp đến chỗ ngồi họp của từng tổ đảng, từng đảng viên, có sổ theo dõi, điểm danh, kiểm tra cụ thể từng đồng chí vắng mặt không có lý do, kịp thời thông báo, nhắc nhở.

Nhưng quan trọng nhất là nội dung sinh hoạt của chi bộ. Nhiều nơi đã chú ý bàn bạc chủ trương, biện pháp

công tác, thảo luận các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tăng cường tự phê bình và phê bình, nhằm góp phần giáo dục, bồi dưỡng đảng viên một cách thiết thực. Nhiều cơ sở Đảng cũng đã thực hiện chế độ phân chia công tác cho đảng viên, đưa đảng viên vào rèn luyện trong công tác thực tế và lấy kết quả công tác thực tế làm thước đo sự tiến bộ của đảng viên. Nói chung, trừ những đồng chí già yếu, bệnh tật, còn hầu hết đảng viên ở những nơi này đã được giao công tác cụ thể, thích hợp. Chi bộ yêu cầu trong từng thời gian nhất định, đảng viên phải báo cáo công tác của mình trước chi bộ hoặc tổ đảng, tự phê bình trước chi bộ và quần chúng. Một số nơi đã xây dựng nội quy quản lý đảng viên bao gồm quản lý về tư tưởng, công tác, quan hệ xã hội, sinh hoạt và hồ sơ lý lịch. Có nơi quy định đảng viên đi đâu, làm gì, vắng mặt mấy ngày phải báo cáo với chi bộ. Đảng bộ xã Quỳnh-bảo quy định chặt hơn: đảng viên đi đâu từ 2 ngày trở lên phải báo cáo với chi bộ, từ 3 ngày trở lên phải báo cáo với đảng ủy.

Đối với những đảng viên yếu kém, ngoài việc quản lý, giáo dục theo kế hoạch chung, các chi bộ còn đi sâu giúp đỡ cụ thể, tạo điều kiện cho họ khắc phục dần mặt yếu kém của mình. Công việc này không thể làm đơn giản, máy móc mà phải rất tỉ mỉ, công phu, cho nên nhiều nơi vừa chú ý nâng cao trình độ nhận thức, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức của đảng viên, vừa quan tâm giúp đỡ họ khắc phục khó khăn về đời sống gia đình; biếu dưỡng kịp thời những người có chuyên môn tốt. Một số nơi còn tổ chức cho số đảng viên yếu kém học tập, giúp các đồng chí này xác định rõ vai trò, trách nhiệm của mình trước yêu cầu mới của cách mạng, từ đó đăng ký nhận công tác cụ thể để rèn luyện, thử thách. Đối với những đảng viên đã thoái hóa,

biến chất, hoặc những đảng viên yếu kém sau một thời gian đã tận tình giúp đỡ nhưng không tiến bộ thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Đảng bộ xã Bình-xá đưa 23% số đảng viên ra khỏi Đảng. Đảng bộ xã Biên-giang đưa ra 20%. Đảng bộ xã Quỳnh-bảo xử trí kỷ luật hơn 40%, trong đó đưa ra khỏi Đảng 10%. Nhiều nơi khác xử trí kỷ luật từ 15% — 20%. Việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng đã có tác dụng tích cực về nhiều mặt, nhất là đã hạn chế những tiêu cực trong nội bộ, thúc đẩy đảng viên phát huy mạnh mẽ vai trò tiên phong, gương mẫu của mình.

3 — *Củng cố chính quyền, hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng.*

Trong quá trình củng cố tổ chức Đảng, nhiều nơi đã quan tâm củng cố chính quyền, hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng, coi đây là việc tất yếu phải làm để tăng cường sức mạnh của tổ chức Đảng. Thực tế có những nơi mặc dù công tác củng cố tổ chức Đảng làm khá mạnh, và đã mấy lần thay đổi bí thư, sắp xếp lại cốt cán, nhưng vì không quan tâm củng cố chính quyền, củng cố hợp tác xã, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, cho nên phong trào vẫn không lên được. Rút kinh nghiệm, nhiều nơi đã tổ chức nghiên cứu, thảo luận làm rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và quan hệ giữa chi ủy, đảng ủy với ủy ban nhân dân, ban quản trị hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng, từng bước khắc phục tình trạng hoạt động chồng chéo trước đây.

Trong quá trình tổ chức lại sản xuất, các cơ sở đều đã chú trọng củng cố công tác quản lý của hợp tác xã. Ở nhiều nơi, đảng bộ, chi bộ đã dựa vào quần chúng, phát động quần chúng đấu tranh mạnh mẽ với những hiện tượng sai trái, tiêu cực trong

công tác quản lý hợp tác xã, kiên quyết thu hồi những tài sản, thóc lúa, ruộng đất bị tham ô, lấn chiếm. Hợp tác xã Song-phương (Hà-sơn-bình) khoảng 4 - 5 năm trước đây tưởng chừng có thể tan vỡ, nhưng chỉ trong thời gian ngắn, đã vận động được trên 500 hộ trở lại hợp tác xã, nâng tỷ lệ nông dân vào hợp tác xã từ 58% lên 95,5%. đồng thời thu hồi lại hơn 55 héc-ta ruộng đất khoán hộ và tiến hành hợp nhất 2 hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã toàn xã. Hợp tác xã Bình-xá (Quảng-ninh) trong những năm 1973 - 1974 hầu như bị tan rã, nhưng sau một thời gian củng cố, đến nay tuyệt đại bộ phận nông dân đã trở lại hợp tác xã; đồng thời đã có những biện pháp kiên quyết và tích cực quản lý chặt chẽ ruộng đất, trâu bò, thanh toán dứt điểm các khoản xã viên, đảng viên nợ hợp tác xã, v.v. Thực tế cho thấy, muốn khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, trong công tác quản lý hợp tác xã, các tổ chức Đảng (nhất là các cơ sở Đảng yếu kém) nhất thiết phải dựa vào quần chúng, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của quần chúng.

Đối với các đoàn thể quần chúng, các đảng bộ, chi bộ cũng có sự xem xét, đánh giá lại phong trào, rà soát lại đội ngũ cán bộ phụ trách, có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ hơn nhằm phát huy mạnh mẽ vai trò của từng đoàn thể. Chẳng hạn như đối với Đoàn thanh niên, sau khi kiểm điểm lại hoạt động trong thời gian qua, chỉ ra những mặt yếu kém, vạch ra phương hướng phấn đấu mới, nhiều nơi đã cử đảng ủy viên trực tiếp làm bí thư Đoàn, củng cố lại tổ chức Đoàn, đẩy mạnh sinh hoạt Đoàn, phát động thanh niên tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận sản xuất, nhất là vào các khâu kỹ thuật, thủy lợi, làm phân, xử lý giống. Đối với phụ nữ thì phát động chị em đảm nhận khâu gieo cấy, chăm sóc đồng ruộng, vận động

chị em thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Các cụ phụ lão cũng được tổ chức lại và được đưa vào khu vườn ươm cây của hợp tác xã để vừa lao động vừa vui tuổi già.

Sau một thời gian dài ở trong tình trạng trì trệ, dễ gây lại lòng tin, tạo khi thế mới trong quần chúng, các chi bộ, đảng bộ thường căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của địa phương trong từng thời gian, phát động quần chúng tập trung sức làm dứt điểm một số công việc cấp bách. Đây là một kinh nghiệm thiết thân của những cơ sở từ yếu kém vươn lên khá. Đảng bộ xã Bắc-lương trong quá trình chấn chỉnh tổ chức, đã phân tích mặt mạnh, mặt yếu của địa phương, tìm ra vấn đề mấu chốt cần giải quyết, vận động quần chúng đào đắp hàng vạn mét khối đất làm thủy lợi, mở chiến dịch làm bèo dầu, vét bùn ao làm phân và cải tạo ao hồ thả cá. Xã Biên-giang, trong tình hình hết sức khó khăn, hợp tác xã vừa mới được củng cố, cơ sở vật chất hầu như chưa có gì, thóc giống không có, trời rét kéo dài, thời vụ khẩn trương, đảng ủy đã nêu quyết tâm gieo cấy vụ đông xuân thắng lợi. Bằng cách vận động quần chúng cho vay thóc giống, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên ngâm ủ giống, vét bùn ao đổ lên sân để gieo mạ, chăm sóc mạ chu đáo, Biên-giang đã vượt qua khó khăn giành thắng lợi bước đầu rất quan trọng: chẳng những gieo cấy 100% diện tích đúng thời vụ, mà còn giúp cho xã bạn được 500m² mạ. Đảng bộ xã Quỳnh-bảo, sau nhiều năm yếu kém, đã nhiều lần đấu tranh kiên quyết trong nội bộ, cuối cùng quyết tâm phát động quần chúng khắc phục khó khăn, trồng được hơn 100 héc-ta khoai tây vụ đông, mở ra cách làm ăn mới ở địa phương, được quần chúng nhiệt liệt đồng tình, ủng hộ.

Chính bằng cách nêu cao quyết tâm, vận động quần chúng tập trung

sức giành thắng lợi trên từng việc cụ thể, các đảng bộ đã dần dần gây lại được phong trào, tạo ra sự phấn khởi, tin tưởng trong quần chúng, động viên quần chúng vững bước tiến lên. Đồng thời, cũng qua đây, đảng bộ có điều kiện tốt để rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và quần chúng, thử thách, sàng lọc đảng viên, lựa chọn những người ưu tú để bồi dưỡng kết nạp vào Đảng. Hiện nay, các tổ chức cơ sở Đảng nói trên đang phát huy những kết quả bước đầu này, tiếp tục vận động, tổ chức quần chúng ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ của địa phương.

4 — Kết hợp chặt chẽ tinh chủ động, sáng tạo của cơ sở với sự chỉ đạo, giúp đỡ của cấp trên.

Tình trạng yếu kém lâu dài của nhiều tổ chức cơ sở Đảng nói lên một vấn đề: đây không chỉ là trách nhiệm của cơ sở mà còn là trách nhiệm của cấp trên, nhất là cấp huyện. Thực tế đã xác nhận rằng việc củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, đưa các cơ sở yếu kém vươn lên chỉ thu được kết quả tốt khi có sự kết hợp chặt chẽ tinh chủ động, sáng tạo của cơ sở với sự chỉ đạo, giúp đỡ của cấp huyện. Nơi nào được cấp huyện quan tâm đúng mức và có sự chỉ đạo, giúp đỡ tích cực, cụ thể thì nơi đó dù là yếu kém lâu ngày cũng có thể vươn lên được. Trái lại, nếu cấp huyện buông lỏng cơ sở, không tích cực giúp đỡ cơ sở thì chẳng những không giúp được cơ sở yếu kém vươn lên mà có khi còn làm cho một số cơ sở từ khá hoặc trung bình rơi vào yếu kém. Sự chuyển biến tiến bộ của các đảng bộ xã Đức-xương (Gia-lộc, Hải-hung), Quỳnh-bảo (Quỳnh-phụ, Thái-bình), Quỳnh-giang (Quỳnh-lưu, Nghệ-tĩnh), Bình-xá (Đĩnh-lập, Quảng-ninh), Song-phương (Hoài-đức, Hà-sơn-bình), Bắc-lương (Thọ-xuân, Thanh-hóa), v.v... không tách rời sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ rất tích cực của cấp huyện.

Biện pháp chủ yếu mà các huyện giúp cơ sở Đảng yếu kém vươn lên là: tìm đúng nguyên nhân gây ra yếu kém, xác định đúng kế hoạch và biện pháp khắc phục; giúp cơ sở quán triệt nghị quyết của cấp trên trong việc vạch ra phương hướng, nhiệm vụ chính trị của cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; chú ý giúp đỡ vốn, giống, phân phối vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, và khi cần thì điều lao động, trâu bò ở nơi khác đến giúp, v.v... Như vậy, sự giúp đỡ của huyện khá toàn diện, có sự phối hợp chặt chẽ của nhiều ban, nhiều ngành. Đây là một yếu tố quan trọng giúp cho cơ sở vươn lên một cách mạnh mẽ và vững chắc. Kinh nghiệm đã chỉ ra rằng nếu nơi nào cấp trên chỉ giúp đỡ nhất thời, có tính chất « chữa cháy » thì phong trào ở cơ sở dễ lên nhưng cũng dễ xẹp. Sự giúp đỡ của cấp trên là nhằm tạo điều kiện cho cơ sở phát huy mạnh mẽ tinh thần tự lực tự cường, chủ động, sáng tạo, chứ không phải là bao biện, làm thay cơ sở, cho nên nhiều nơi đã cố gắng hướng vào những vấn đề cơ bản nhất: giúp vạch ra phương hướng, nhiệm vụ chính trị và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Một số huyện ủy đã yêu cầu cán bộ huyện phải thường xuyên đi sâu, đi sát cơ sở, nắm chắc tình hình diễn biến hằng ngày ở cơ sở để kịp thời tìm ra mâu thuẫn cần giải quyết, nhắc nhở kịp thời động viên, đồng thời đôn đốc, kiểm tra, giúp cơ sở giải quyết những vấn đề mâu chốt nhất; kiên quyết chống tác phong hời hợt, chung chung, lối làm việc hành chính, giấy tờ, qua loa tắc trách. Thực tế đã có những nơi do cán bộ cấp trên thiếu tận tụy với phong trào, không có trách nhiệm đầy đủ với quần chúng và cấp dưới, lại không có phương pháp công tác thích hợp, trước những khó khăn, khuyết điểm của cơ sở thường chỉ che bai một chiều, cho nên đã không khuyến khích được tinh thần vươn lên của

quần chúng và cấp dưới. Trái lại, có nơi khi phong trào ở cơ sở đã lên, cán bộ cấp trên chỉ khen một phía, không chỉ ra cho cơ sở những thiếu sót, những khó khăn còn phải khắc phục, cho nên đã làm cho cán bộ cơ sở chủ quan, sinh ra kiêu căng, thỏa mãn, làm ảnh hưởng không tốt đến linh vững chắc của phong trào.



Những kinh nghiệm trên đây thể hiện ở mỗi nơi mỗi khác, với những mức độ khác nhau, không phải nơi nào cũng đã làm tốt cả. Những kinh nghiệm đó cũng không phải là sự phát hiện, tổng kết gì mới mẻ mà đã được nhiều chỉ thị, nghị quyết của Đảng nói tới. Bài học chung nhất, lớn nhất về sự thành công của những cơ sở Đảng yếu kém vươn lên trong thời

gian qua chính là *bài học về sự chấp hành nghiêm túc, triệt để, sáng tạo các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở vùng này.*

Hiện nay, riêng ở các tỉnh miền Bắc vẫn còn khoảng trên dưới 20% tổ chức cơ sở Đảng yếu kém, và không ít cơ sở chậm vươn lên, cho nên ở trong tình trạng này khá lâu. Nhiều cấp ủy chưa quan tâm đúng mức và còn lúng túng trong việc này. Trước yêu cầu mới của cách mạng, các cấp ủy cần thực hiện tốt chỉ thị, nghị quyết của Đảng, học tập kinh nghiệm của những điển hình tiên tiến và của những cơ sở Đảng yếu kém đã vươn lên trong thời gian qua, quyết tâm làm tốt công tác củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, đưa các cơ sở Đảng tiến lên một cách đồng đều nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

NHU CẦU VÀ CUỘC SỐNG

(Tiếp theo trang 71)

trường tự do, v.v... Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải gấp rút nắm vững nhu cầu của nhân dân, sự biến động của những nhu cầu ấy, khả năng thỏa mãn những nhu cầu ấy bằng sản phẩm vật chất, bằng hoạt động văn hóa, bằng dịch vụ, và điều quan trọng hơn nữa là tổ chức việc thỏa mãn những nhu cầu ấy.

Xây dựng được một hệ thống sản xuất và tiêu dùng cực kỳ tinh tế và phức tạp của chủ nghĩa xã hội ở một nước từ sản xuất nhỏ đi lên, để thỏa mãn ngày càng tốt hơn những nhu cầu không ngừng tăng lên của nhân dân, đương nhiên là một việc rất khó

khăn đối với mọi ngành hoạt động xã hội. Nhưng chúng ta có đường lối đúng, có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, có phương thức sản xuất tiên tiến, có lao động và tài nguyên dồi dào. Yêu cầu đối với chúng ta là biết phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo và tự giác, sử dụng tất cả những lực lượng sẵn có và sẽ có, coi giá trị sử dụng là mục đích và giá trị là phương tiện, xuất phát từ lao động, "lấy công làm lãi", đẩy lên những phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi liên tục và làm tốt hơn nữa công tác tổ chức đời sống mới xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam

NGUYỄN-LU

Từ sau ngày miền Nam được giải phóng, các cấp ủy Đảng, bằng nhiều biện pháp kiên quyết và tích cực, đã điều động hàng loạt cán bộ, đảng viên từ các nơi tới kết hợp với những đảng viên hoạt động tại chỗ và những đảng viên mới được kết nạp để nhanh chóng xây dựng cơ sở Đảng ở hầu khắp các xã, phường, cơ quan, xí nghiệp... Đến nay 97% tổng số xã miền Nam đã có cơ sở Đảng và 25% số xã đã thành lập đảng bộ cơ sở. Ở nhiều xã, phường tuy lực lượng đảng viên ít, công việc rất nhiều, lại mới mẻ, nhưng tổ chức cơ sở Đảng đã có nhiều cố gắng và đã lãnh đạo một số mặt công tác đạt được những kết quả đáng kể. Thành tích to lớn của các tỉnh, thành ở miền Nam trong hơn ba năm qua trên các lĩnh vực bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội, khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân... không tách rời sự trưởng thành của các tổ chức cơ sở Đảng, của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Song, nhìn chung các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam đang còn yếu và mỏng. Số chi bộ yếu-kém còn nhiều, có địa phương số này chiếm tới 20 -

30%. Đến nay vẫn còn 0,2% số xã, phường, 15% số thôn, ấp và nhiều xí nghiệp chưa có tổ chức Đảng. Điều đáng chú ý là nhiều tổ chức cơ sở Đảng chưa thật ăn sâu, bám rễ trong quần chúng, chưa vận dụng được đường lối, chính sách của Đảng vào công tác cụ thể, chưa xác định được nhiệm vụ chính trị của đơn vị mình. Đó là một nguyên nhân hạn chế thắng lợi trong việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng. Do đó, xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam đang là một nhiệm vụ chính trị và tổ chức rất quan trọng và cấp bách.



Công tác xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam cần được tiến hành đồng thời bằng nhiều biện pháp. Trước hết là chấn chỉnh các chi bộ, đảng bộ cơ sở theo quy định của Điều lệ Đảng và giúp cho các chi bộ và đảng bộ cơ sở xác định đúng nhiệm vụ chính trị của mình, đề ra được nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu, biện pháp cụ thể phấn đấu bảo

đảm chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng.

Xác định đúng nhiệm vụ chính trị là yêu cầu quan trọng đầu tiên để xác lập và tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở. Các chi ủy, đảng ủy cơ sở có trách nhiệm nắm vững những quy định trong *Điều lệ Đảng* về nhiệm vụ, chức năng lãnh đạo của các loại tổ chức cơ sở Đảng, đồng thời nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch của Nhà nước, nắm vững tình hình đặc điểm của đơn vị để xác định vị trí, nhiệm vụ của chi bộ, đảng bộ.

Nhiệm vụ quan trọng và cấp bách của các đảng bộ miền Nam hiện nay là đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đi đôi với tổ chức lại sản xuất, tổ chức tốt các mặt quản lý nhằm phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, đồng thời ra sức làm mọi việc cần thiết để bảo vệ Tổ quốc, đập tan mọi âm mưu và hành động của kẻ thù. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở miền Nam cần tập trung mọi cố gắng lãnh đạo thực hiện tốt nhất nhiệm vụ này và thông qua đó mà rèn luyện lập trường, quan điểm của cán bộ, đảng viên, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Có kiên quyết chấp hành chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh hay không, có kiên quyết chấp hành chính sách đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể hay không, có làm tốt nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ quân sự hay không... đó là thước đo lập trường, quan điểm của mỗi tổ chức cơ sở Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên.

Xác định nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở Đảng không chỉ là xác định nhiệm vụ, phương hướng chung mà còn là xác định mục tiêu, biện pháp phấn đấu cụ thể trong từng thời gian nhằm bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng trong đơn vị mình. Toàn bộ các mục

tiêu, biện pháp ấy đều nhằm đem lại những hiệu quả thiết thực trong sản xuất và công tác, trong việc cải tạo quan hệ sản xuất cũ, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, trong nhiệm vụ sản sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội và tổ chức tốt đời sống quần chúng. Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Không thể thừa nhận một chi bộ, một đảng bộ cơ sở là tốt nếu ở đó ba cuộc cách mạng làm không tốt, nếu sản xuất không lên, năng suất lao động không tăng, nghĩa vụ đối với Nhà nước không hoàn thành, quyền làm chủ của quần chúng bị xâm phạm, đời sống quần chúng về mọi mặt không được ổn định và nâng cao dân, v.v. » (1).

Trong công tác chấn chỉnh các tổ chức cơ sở Đảng, một yêu cầu quan trọng khác là kiện toàn các chi ủy, đảng ủy cơ sở, vì năng lực của tổ chức cơ sở Đảng biểu hiện trước hết ở năng lực lãnh đạo của chi ủy, đảng ủy. Qua đại hội vòng 2 của tổ chức cơ sở Đảng, đến nay các chi ủy, đảng ủy cơ sở ở miền Nam đã được đầu được kiện toàn, nhiều chi ủy, đảng ủy cơ sở đã dần dần nắm được công việc phải làm và biết cách triển khai công tác. Nhưng nhìn chung, nhiều nơi chưa biết cách lãnh đạo toàn diện, chưa biết nắm khâu chính, thường sa vào những việc sự vụ. Do đó, tiếp tục kiện toàn các chi ủy, đảng ủy, bố trí đúng những cán bộ chủ chốt như bí thư chi bộ, bí thư đảng ủy, đưa ra khỏi chi ủy, đảng ủy những đảng viên không chịu chấp hành chính sách của Đảng và Nhà nước, đầu cơ trục lợi, ức hiếp quần chúng. Ở những nơi không có cán bộ đủ điều kiện giữ các vị trí chủ chốt,

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 190.

cấp ủy trên có thể cử cán bộ, đảng viên tốt về trực tiếp lãnh đạo phong trào. Nhưng đó chỉ là biện pháp tạm thời, điều quan trọng là cần đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, bảo đảm cho cơ sở có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ năng lực và phẩm chất.

Giữ vững chế độ sinh hoạt và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ là một biện pháp quan trọng để củng cố tổ chức cơ sở Đảng. Mấy năm qua, các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam đã chú ý cải tiến sinh hoạt chi bộ cho phù hợp với tình hình mới và đã rút ra được một số kinh nghiệm bước đầu. Nhưng nhìn chung sinh hoạt chi bộ chưa đi vào nề nếp, chưa thể hiện được tính chất lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu. Có những chi bộ nhiều tháng liền không sinh hoạt hoặc sinh hoạt có tính chất hình thức, không có nội dung thiết thực. Một số nơi còn họp chi bộ mở rộng cho các cán bộ quân, dân, chính để bàn từng công việc cụ thể, thay thế cho sinh hoạt chi bộ. Hội nghị chi bộ lại thường bàn lẫn sang những công việc cụ thể của chính quyền hoặc của các tổ chức quần chúng.

Để khắc phục những thiếu sót nói trên, trước hết các chi bộ cần giữ vững chế độ sinh hoạt Đảng như *Điều lệ Đảng* đã quy định. Nội dung chủ yếu của sinh hoạt chi bộ phải hướng vào việc thảo luận nắm vững đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phát huy trí tuệ của đảng viên, thảo luận kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của chi bộ, đồng thời thường xuyên kiểm điểm, rút kinh nghiệm công tác của chi bộ.

Đi đôi với việc cải tiến sinh hoạt chi bộ, cần thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, chế độ sinh hoạt và công tác của tổ chức cơ sở Đảng. Những vấn đề này đã được quy định rõ trong *Điều lệ Đảng*, từ các vấn đề có tính nguyên tắc đến các chế độ cụ thể như: chế độ tham gia các kỳ sinh

hoạt chi bộ, chế độ thường xuyên tự phê bình và phê bình, chế độ báo cáo xin chỉ thị cấp trên, chế độ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đảng, chế độ khen thưởng và kỷ luật đối với đảng viên...

Thực hiện những yêu cầu nói trên, các tổ chức cơ sở Đảng có kế hoạch cụ thể về phân công đảng viên, quản lý đảng viên, kiểm tra công tác và tư cách của đảng viên, tiến hành tự phê bình và phê bình, kịp thời biểu dương những đảng viên tốt, phê phán những đảng viên có những biểu hiện tiêu cực, sai trái và xử lý thích đáng những người có sai lầm nghiêm trọng.

Một trong những biện pháp quan trọng để tăng cường sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng là *làm tốt việc giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.*

Trong quá trình đấu tranh, rèn luyện và được Đảng giáo dục, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, đảng viên miền Nam đã có bước trưởng thành nhanh chóng về nhiều mặt. Song so với yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, trình độ mọi mặt của cán bộ, đảng viên còn nhiều hạn chế. Số đảng viên có trình độ văn hóa cấp I còn chiếm tới 47% tổng số đảng viên miền Nam, số đảng viên đã học qua các trường, lớp về lý luận, chính trị chỉ mới đạt 25%. Một số đồng chí còn chưa đọc thông viết thạo. Kiến thức về khoa học kỹ thuật, về quản lý, sự hiểu biết về Đảng và năng lực công tác của nhiều anh chị em còn thấp. Phần lớn cán bộ, đảng viên chưa có kinh nghiệm về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ sau ngày giải phóng, một số cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, quan liêu, hống hách với quần chúng, lợi dụng chức quyền xâm phạm tài sản của tập thể và của Nhà nước, thậm chí một số đã thoái hóa, biến chất, bị giai cấp tư sản mua chuộc.

Vì vậy, việc giáo dục, nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đảng viên miền Nam đang là vấn đề quan trọng cấp bách. Trước hết, tiếp tục làm cho mọi người có nhận thức sâu sắc về vấn đề cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; và bên cạnh nhiệm vụ đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, có nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ những thành quả cách mạng đã giành được. Từ đó, giúp cho mọi cán bộ, đảng viên nhanh chóng chuyển biến nhận thức, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý chí phấn đấu cách mạng, ý thức bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu, sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Về nội dung giáo dục, cần kết hợp chặt chẽ việc giáo dục lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng, trước hết là Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Cán bộ, đảng viên nào cũng phải nắm vững những vấn đề về chuyển chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các mặt công tác ở miền Nam hiện nay. Đồng thời chú ý bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ, kiến thức cơ bản về quản lý, về xây dựng Đảng.

Căn cứ vào trình độ và hoàn cảnh cụ thể của từng loại cán bộ, đảng viên, tổ chức Đảng quy định rõ nội dung chương trình, hình thức và phương pháp học tập thích hợp. Cố gắng tạo

cho được một phong trào học tập thật sôi nổi với nhiều hình thức phong phú như tại chức, tại trường, tập huấn, sơ kết, tổng kết công tác, học tập các điển hình tiên tiến... Nghiêm khắc phê phán những cán bộ, đảng viên có tư tưởng chủ quan, tự mãn hoặc ngại khó, không chịu học tập, thậm chí ngay cả báo chí của Đảng cũng không chịu đọc, và một số cấp ủy Đảng có thái độ coi nhẹ công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên.

Đi đôi với việc nâng cao trình độ, cần thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho cán bộ, đảng viên, giúp cho cán bộ, đảng viên có lập trường kiên định, luôn luôn nâng cao ý chí cách mạng, tinh tiên phong gương mẫu, tôn trọng và bảo đảm thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Những biểu hiện sai trái của đảng viên như quan liêu, mệnh lệnh, vô trách nhiệm, tham ô, tư lợi, không chịu chấp hành chính sách, coi thường quần chúng, hòa bình hưởng lạc, mất cảnh giác, v.v. cần được phê phán nghiêm khắc.

Tổ chức Đảng cần làm tốt công tác phát triển Đảng và kịp thời đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, các cấp ủy Đảng không những đã chú trọng kiện toàn tổ chức, giáo dục cán bộ, đảng viên mà còn tiến hành công tác phát triển Đảng, xây dựng tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng. Tính đến tháng 12-1977, số đảng viên miền Nam (không kể trong quân đội) đã tăng gấp hơn 2 lần so với lúc mới giải phóng và chiếm tỷ lệ khoảng 1,3% số dân. Nhiều đảng viên mới đã và đang phát huy tác dụng trên mọi mặt công tác. Nhưng việc kết nạp người vào Đảng mấy năm qua còn có thiếu sót, khuyết điểm. Một số nơi đã kết nạp nhầm một số phần tử cơ hội, thậm chí cả phần tử địch vào Đảng. Qua kiểm tra

7 tỉnh đã có tới 9,4% số đảng viên mới được kết nạp không đủ tiêu chuẩn chính trị, cá biệt có huyện tỷ lệ đó còn cao hơn. Vì vậy « cần chấn chỉnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển Đảng, tiến hành việc kết nạp đảng viên mới một cách vững chắc, có lãnh đạo chặt chẽ, có chuẩn bị chu đáo, thông qua phong trào quần chúng thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, đề tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng, từng bước xây dựng cơ sở Đảng ở những nơi chưa có hoặc còn quá ít đảng viên » (2).

Đề làm tốt công tác phát triển Đảng, yêu cầu trước tiên là nắm vững phương châm « coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng; phát triển đi đôi với củng cố »; nắm vững phương hướng phát triển Đảng là « trước hết phải nhằm vào những người ưu tú trong giai cấp công nhân, nhất là công nhân công nghiệp, công nhân kỹ thuật, công nhân nhiều đời. Đồng thời lựa chọn những người ưu tú trong nông dân..., những cán bộ, chiến sĩ ưu tú trong các lực lượng vũ trang nhân dân; những trí thức đã được rèn luyện, thử thách trong đấu tranh cách mạng » (3). Tránh cả hai khuynh hướng hoặc hẹp hòi, thành kiến, không quan tâm kết nạp người vào Đảng, hoặc dễ dãi, mất cảnh giác, kết nạp cả những người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Chú ý lựa chọn, bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng những người trước đây đã là nông cốt trong các phong trào đấu tranh chống Mỹ, nguy mà hiện nay đang phát huy tác dụng trong xây dựng hòa bình, những người đã được giáo dục, rèn luyện tốt trong công tác thực tế, trong sản xuất, chiến đấu ở khu căn cứ hoặc ở miền Bắc về. Đặc biệt chú ý đến những nơi chưa có cơ sở Đảng hoặc có quá ít đảng viên, nhất là ở vùng nông thôn và những nơi xung yếu. Ở nông thôn miền Nam, việc phát triển Đảng trước

hết nên nhằm vào những cơ nông, bán nông và trung nông lớp dưới hăng hái tham gia sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, chấp hành đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thật sự tán thành hợp tác hóa nông nghiệp. Ở những nơi đang xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp hoặc tập đoàn sản xuất, tổ đoàn kết sản xuất..., tổ chức Đảng không kết nạp nông dân làm ăn riêng lẻ vào Đảng. Ở những nơi chưa có hoặc mới có một hai đảng viên, các cấp ủy Đảng có trách nhiệm điều chỉnh lực lượng đảng viên và cử cán bộ tốt về phát động các phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị, củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng, hình thành các nhóm cảm tình, các tổ trung kiên, trên cơ sở đó phát hiện những người ưu tú nhất có đủ tiêu chuẩn để kết nạp vào Đảng. Tất nhiên, không thể vì đề xây dựng tổ chức, « thanh toán cơ sở trắng » hoặc vì một lý do nào khác mà hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên, kết nạp người không đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

Nói chung, không nên phân công đảng viên giới thiệu những người là vợ, chồng, con, anh chị em mình vào Đảng.

Các tổ chức cơ sở Đảng cần chấp hành đúng các thủ tục kết nạp người vào Đảng đã được quy định trong Điều lệ Đảng. Những hiện tượng cảm tình, bè phái, cố ý đưa vào Đảng những người không đủ tiêu chuẩn hoặc kết nạp không đúng thủ tục cần được phê phán, xử lý nghiêm khắc. Đặc biệt cảnh giác đề phòng những phần tử cơ hội và những phần tử địch chui vào Đảng.

Các cấp ủy nên chú ý bồi dưỡng về công tác phát triển Đảng cho đảng

(2), (3) Chỉ thị số 237 TC/TU ngày 24-9-1976 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc củng cố tổ chức cơ sở Đảng và kết nạp đảng viên mới ở miền Nam.

viên ở cơ sở và kết hợp chặt chẽ giữa các ban của Đảng và các đoàn thể quần chúng trong việc giáo dục, thử thách, thăm tra những người là đối tượng đề xét kết nạp vào Đảng nhằm đưa công tác phát triển Đảng vào nền nếp và có chất lượng tốt.

Cùng với việc kết nạp vào Đảng những người ưu tú, đủ tiêu chuẩn, cần kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, những người không đủ tư cách đảng viên. Các cấp ủy hướng dẫn các tổ chức cơ sở Đảng thăm tra kỹ lưỡng nội bộ Đảng.

Đối với những người đã được phục hồi đảng tịch sai, đã được kết nạp nhằm vào Đảng hoặc đã rõ ràng thoái hóa biến chất, không còn tư cách đảng viên, thì kiên quyết đưa ra khỏi Đảng.

Đối với những đảng viên trình độ giác ngộ chính trị quá thấp, những đảng viên « trung bình » (thực chất là kém) thì tổ chức Đảng tận tình giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ phấn đấu trở thành khá, nếu đã qua giáo dục, giúp đỡ mà họ vẫn không tiến bộ thì khuyến họ tự giác xin ra khỏi Đảng hoặc chi bộ quyết định xóa tên họ trong danh sách đảng viên. Chú ý phân biệt những người chây lười, hư hỏng, không đủ tư cách đảng viên với những người ốm đau, tuổi già sức yếu không cống hiến được nhiều cho cách mạng. Khắc phục tình trạng nề nang, cảm tình, bè phái, không chịu đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên.

Tiếp tục thăm tra xem xét đảng tịch của những đảng viên ở tù ra và xét khôi phục đảng tịch cho những đảng viên bị mất liên lạc với tổ chức Đảng trong thời gian chiến tranh. Đây là vấn đề có quan hệ đến việc bảo đảm sự trong sạch của hàng ngũ Đảng, và quan hệ đến sinh mệnh chính trị của đảng viên, cho nên các tổ chức Đảng cần làm theo đúng tinh thần các chỉ thị, thông tri của Trung

ương Đảng; tránh làm đơn giản, tùy tiện. Biện pháp tích cực nhất là kết hợp giữa thăm tra, nghiên cứu đầy đủ của tổ chức Đảng với phát động quần chúng phát hiện vấn đề góp ý kiến với tổ chức Đảng. Hiện nay vẫn còn một số nơi chưa tích cực tiến hành công tác thăm tra, xác minh đề có kết luận rõ ràng đối với từng trường hợp cụ thể, nhất là những trường hợp mà đảng viên và quần chúng đã phát hiện.

Một khâu then chốt nữa trong việc xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng là cải tiến phương thức hoạt động của chi bộ, đảng bộ cơ sở.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, sức mạnh của Đảng không chỉ ở bản thân tổ chức Đảng mà là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản. Tổ chức Đảng ở cơ sở cố gắng xây dựng cho được nền nếp hoạt động theo phương hướng vừa tăng cường được sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy được vai trò làm chủ tập thể của quần chúng, hiệu lực quản lý của chính quyền và vai trò động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng của các đoàn thể quần chúng.

Trong ba năm qua, nhiều chi bộ, đảng bộ cơ sở ở miền Nam đã có những cố gắng theo phương hướng ấy cho nên đã đạt được những kết quả đáng kể trong một số mặt công tác. Tuy nhiên vẫn còn hiện tượng phổ biến là tổ chức Đảng bao biện làm thay công việc của chính quyền, sa vào những công việc cụ thể thuộc phạm vi quyền hạn của chính quyền. Chẳng hạn chỉ ủy hoặc bí thư chi bộ ra lệnh bắt giữ người phạm pháp, ký giấy cấp xăng dầu, hoặc chủ trì việc cải tổ ban điều hành sản xuất... Mặt khác, lại có hiện tượng buông lỏng sự lãnh đạo toàn diện không làm đầy đủ những chức năng rất quan trọng của tổ chức Đảng, thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các chỉ thị,

ngợi quyết của Đảng, kiểm tra hoạt động của bộ máy chính quyền, thiêu quan tâm đến công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ, v.v. Nhiều tổ chức Đảng chưa đi sâu tuyên truyền, giáo dục, phát động quần chúng, nhất là chưa chú ý phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Hiện tượng khá phổ biến vẫn là thiên về dùng mệnh lệnh hành chính, biện pháp tổ chức, coi nhẹ công tác vận động thuyết phục, thật ra là chưa biết kết hợp các biện pháp chính trị và kinh tế, giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức.

Là người nắm vai trò lãnh đạo toàn diện ở cơ sở, tổ chức cơ sở Đảng có trách nhiệm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động và giải quyết tốt mối quan hệ giữa tổ chức Đảng với chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Mỗi cán bộ, đảng viên phải có quan điểm quần chúng đúng đắn, có lòng tin vững chắc vào quần chúng, trước hết là quần chúng công nông, thật sự tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, coi đó là động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy việc thực hiện mọi nhiệm vụ công tác ở cơ sở. Tận dụng những hình thức, biện pháp tổ chức thích hợp bảo đảm cho quần chúng thể hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của mình, nói lên ý kiến của mình về tất cả các vấn đề thuộc lợi ích chung của cách mạng. Điều đặc biệt quan trọng hiện nay là phát động cho được một phong trào cách mạng sôi nổi, liên tục trong quần chúng nhằm phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị, và thông qua phong trào đó mà xây dựng và củng cố các tổ chức, kiểm tra lại đội ngũ cán bộ, đảng viên, thanh lọc những phần tử xấu.

Các chi bộ, đảng bộ cơ sở chủ ý phân công các đồng chí trong cấp ủy hoặc đảng viên tốt có năng lực, có uy tín phụ trách các tổ chức chính quyền

và các tổ chức quần chúng. Thông qua việc phát động tư tưởng quần chúng và các phong trào cách mạng của quần chúng mà kiện toàn bộ máy chính quyền vững mạnh, đủ sức tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu (ở những vùng có chiến sự), giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, trấn áp bọn phản động, phục hồi và phát triển sản xuất, phát triển văn hóa, giáo dục, ổn định đời sống nhân dân, bảo vệ và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng. Kịp thời thanh thải ra khỏi bộ máy chính quyền những phần tử xấu, những phần tử thoái hóa, biến chất, đầu cơ trục lợi.

Đi đôi với việc kiện toàn bộ máy chính quyền, các tổ chức cơ sở Đảng có nhiệm vụ thường xuyên chăm lo việc phát triển và củng cố các đoàn thể quần chúng, đề cao vai trò và tác dụng của các tổ chức đó, đồng thời biết sử dụng tốt các đoàn thể quần chúng trong việc tổ chức, giáo dục, động viên quần chúng thực hiện tốt mọi chủ trương công tác của đơn vị, địa phương do mình lãnh đạo. Khắc phục thái độ thành kiến, hẹp hòi hoặc giản đơn, tùy tiện trong việc đánh giá và tập hợp quần chúng vào các đoàn thể, nhất là hiện tượng mất cảnh giác trước âm mưu thâm độc của kẻ thù.

Các chi ủy, đảng ủy cơ sở định kỳ thảo luận và quyết định những vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ công tác của tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng. Đồng thời thường xuyên chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ những hoạt động của các tổ chức ấy. Chú ý quy định rõ mối quan hệ giữa tổ chức Đảng với tổ chức chính quyền và các tổ chức quần chúng để vừa bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của chi bộ, đảng bộ cơ sở, vừa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức khác. Khắc phục tình trạng tổ chức Đảng lấn át, bao biện công việc

của các tổ chức khác, hoặc lãnh đạo, hời hợt, chung chung, khoán trắng mọi công việc cho các tổ chức ấy.

Hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng có liên quan chặt chẽ với hoạt động của các ngành, các cấp. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mọi hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng, những ưu điểm và khuyết điểm của tổ chức cơ sở Đảng nhiều khi lại phụ thuộc vào việc các cơ quan cấp trên định ra và chỉ đạo thực hiện các chính sách, biện pháp công tác ở cơ sở. Chi bộ, đảng bộ cơ sở chỉ có thể phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo theo phương hướng đúng đắn trên cơ sở quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và được sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên. Vì vậy, việc xây dựng và củng cố các chi bộ, đảng bộ cơ sở không thể tách rời sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan lãnh đạo và quản lý cấp trên.

Hiện nay, các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam đang đứng trước những nhiệm vụ cách mạng mới mẻ, nặng nề,

cũng như những yêu cầu cấp bách của nhiệm vụ củng cố bản thân tổ chức Đảng. Trình độ, năng lực của tổ chức cơ sở Đảng, của cán bộ, đảng viên đang còn bị hạn chế trên nhiều mặt. Do đó, các cơ quan lãnh đạo và quản lý cấp trên, trước hết là cấp huyện có trách nhiệm giúp đỡ cơ sở trong mọi mặt công tác, từ việc xác định nhiệm vụ chính trị đến việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ ấy, chăm lo giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ, đảng viên cơ sở, nhất là về mặt vận động quần chúng và lễ lối làm việc, đồng thời giúp cơ sở giải quyết những khó khăn mà bản thân cơ sở không giải quyết nổi. Hết sức tránh tình trạng lãnh đạo chung chung, chỉ đốc thúc công việc, trên thực tế là khoán trắng mọi việc cho cơ sở. Đặc biệt quan tâm theo dõi, giúp đỡ những tổ chức cơ sở Đảng mới thành lập ở các xí nghiệp, các vùng kinh tế mới và ở những vùng xung yếu, những địa bàn quan trọng.

Công tác đảng viên ở Thái-bình

TRƯƠNG-ĐĂNG-HÒA

TRONG nhiều năm qua, đảng bộ tỉnh Thái-bình chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đảng viên, và bước đầu đã thu được một số kết quả và kinh nghiệm tốt. Điều đó được thể hiện tập trung trên ba mặt chủ yếu sau đây:

1 — *Hướng vào việc phấn đấu hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng ở địa phương, ở cơ sở.*

Được sự giúp đỡ của Trung ương, đảng bộ tỉnh chúng tôi đã sớm xác định và từng bước hoàn chỉnh phương hướng, nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là nhiệm vụ phát triển kinh tế địa phương toàn diện. Cụ thể là tỉnh chúng tôi có nhiệm vụ đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa, phát triển thủ công nghiệp, xây dựng công nghiệp địa phương, tích cực đưa nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới, mở rộng diện tích canh tác và khai thác tài nguyên vùng ven biển, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế địa phương.

Chúng tôi nhận thức rằng, muốn thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải làm tốt công tác xây dựng Đảng, trong đó nhiệm vụ trọng yếu là giáo dục, rèn luyện đảng

viên. Ngược lại, công tác xây dựng Đảng nói chung cũng như nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện đảng viên nói riêng chỉ có nội dung thiết thực, có kết quả cụ thể khi nó gắn chặt với việc phấn đấu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Vì vậy, trong mỗi thời kỳ cụ thể, cùng với việc xác định phương hướng, nhiệm vụ của địa phương, chúng tôi chú trọng ngay đến những nội dung cụ thể của công tác xây dựng Đảng, những biện pháp giáo dục, bồi dưỡng đảng viên, nhằm bảo đảm thực hiện thắng lợi phương hướng, nhiệm vụ đã vạch ra. Ví dụ: để bảo đảm thực hiện mục tiêu 5 tấn thóc 1 héc-ta, tỉnh ủy yêu cầu các đảng bộ trong tỉnh tổ chức học tập, thảo luận, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của đảng viên, làm cho đảng viên có quyết tâm cao, mạnh dạn tiếp thu lối làm ăn mới, thực hiện các biện pháp canh tác mới. Tuy bước đầu có những khó khăn về nhận thức, nhưng qua nhiều lần bàn bạc, đấu tranh, làm thử thành công ở một số nơi, các đảng bộ đã dần dần thuyết phục được đảng viên tiếp thu lối làm ăn mới, gương mẫu thực hiện các biện pháp thâm canh mới, và lôi cuốn quần chúng cùng làm. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho tỉnh chúng tôi sớm đạt

được mục tiêu 5 tấn, rồi 6 tấn, 7 tấn thóc 1 héc-ta cả năm. Và chính qua quá trình này, trình độ nhận thức đường lối, chính sách của Đảng, trình độ hiểu biết các biện pháp kỹ thuật mới và năng lực công tác của đảng viên được nâng cao một bước. Biểu hiện rõ nhất là ở các đảng bộ Vũ-thăng, Quảng-nạp, Quỳnh-bảo, An-lễ, v.v... Đảng bộ Quỳnh-bảo vốn là một đảng bộ yếu kém trong nhiều năm, có nhiều đảng viên phải xem xét lại tư cách, nhưng qua việc hàn học phương hướng sản xuất, xác định cơ cấu cây trồng, đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, và nhất là sau khi đấu tranh làm thêm vụ đông thắng lợi (trồng 130 héc-ta khoai tây đạt năng suất cao) tình hình đã chuyển biến hẳn. Đảng bộ vươn lên thành đảng bộ khá.

Để thực hiện chủ trương tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và cải tiến một bước công tác quản lý từ cơ sở, tỉnh ủy chúng tôi đi sâu nghiên cứu, rút kinh nghiệm công tác đảng viên ở những nơi tiến tiến như Vũ-thăng, Đồng-hải, có kế hoạch nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức Đảng, và phát huy mạnh mẽ tác dụng của đảng viên. Thành công lớn nhất của công tác đảng viên trong quá trình tổ chức lại sản xuất là đã giúp đảng viên hiểu rõ phương hướng sản xuất của địa phương một cách có cơ sở khoa học và bồi dưỡng một bước trình độ đảng viên về các mặt, nhất là về mặt quản lý kinh tế và tổ chức chỉ đạo.

Đối với nhiệm vụ tổ chức, vận động nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới, chúng tôi thấy quả là khó khăn, phức tạp. Bởi vì nó tác động đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế, đời sống tinh thần của nhân dân, nó chạm đến nhiều mối quan hệ xã hội, làng xóm, gia đình. Song với quyết tâm cao, với lòng tin tưởng ở tinh thần cách mạng của đảng viên và quần chúng, chúng tôi đã tập trung sức chỉ đạo thực hiện

bằng được. Đồng thời với việc giáo dục sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, chúng tôi có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ, đảng viên, chỉ rõ yêu cầu ai phụ trách việc gì, ai đi trước, ai đi sau, phát động một phong trào tình nguyện đi xây dựng quê hương mới. Với cách làm đó, trong nhiều năm qua, tỉnh chúng tôi đã vận động được hàng chục vạn nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở miền Bắc, và gần đây chỉ trong một thời gian ngắn đã điều động cho các tỉnh miền Nam hàng chục nghìn lao động và hàng nghìn cán bộ các loại. Phát huy kết quả và kinh nghiệm bước đầu này, tỉnh chúng tôi đang triển khai mạnh mẽ chủ trương đưa nhân dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở miền Nam, quyết tâm thực hiện bằng được chỉ tiêu chuyển 50 vạn dân và một phần ba số cán bộ của tỉnh đi xây dựng các vùng kinh tế mới và phục vụ các yêu cầu khác.

Một biện pháp quan trọng của chúng tôi trong việc kết hợp giáo dục, rèn luyện đảng viên với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương là tiến hành *phân công đảng viên*, đưa đảng viên vào hoạt động trên những vị trí cụ thể phù hợp với khả năng và trình độ của mỗi người. Chúng tôi nghĩ rằng chỉ có giao công tác cụ thể cho đảng viên mới tạo điều kiện cho đảng viên rèn luyện, từng bước khắc phục những mặt non yếu. Chúng tôi chủ trương việc phân công đảng viên phải trở thành *chế độ* thường xuyên trên tất cả các mặt công tác, từ công tác Đảng, công tác chính quyền đến công tác vận động quần chúng; từ các khâu trong sản xuất, phân phối, đến các mặt quản lý, kiểm tra... Chi bộ có kế hoạch phân công mỗi đảng viên đảm nhận một hoặc vài việc cụ thể, phụ trách một số lao động hoặc hộ gia đình. Ngay một số đồng chí đã về hưu cũng tùy

theo khả năng và sức khỏe, được giao phụ trách những công việc thích hợp. Các chi bộ thường xuyên kiểm tra công tác của đảng viên, sau mỗi vụ sản xuất, mỗi đợt công tác hoặc mỗi thời gian nhất định, các chi bộ, tổ đảng tiến hành nhận xét tinh thần và kết quả công tác của đảng viên, biểu dương những mặt tốt và kịp thời có biện pháp giúp đảng viên sửa chữa khuyết điểm.

Chính bằng cách phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, đảng bộ chúng tôi đã phát huy được vai trò gương mẫu của đảng viên, từng bước khắc phục tình trạng cán bộ, đảng viên không trực tiếp lao động sản xuất, hoạt động chính trị chung chung, chạy quanh hợp tác xã, thúc đẩy các tổ chức cơ sở Đảng lãnh đạo hợp tác xã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình. Hợp tác xã Vũ-thắng sở dĩ trở thành một đơn vị điển hình tiên tiến về nhiều mặt của tỉnh, có bước tiến vững chắc trong 13 năm liền, một nguyên nhân quan trọng là do đảng bộ ở đây đã thực hiện tốt việc phân công, bồi dưỡng, rèn luyện đảng viên. Tỉnh ra, 100% số đảng viên ở Vũ-thắng đều được phân công cụ thể, nhất là đã được bố trí vào công tác ở những khâu then chốt, nhận những việc mới, việc khó. Các đảng ủy viên được giao phụ trách chi bộ đội sản xuất, các đảng viên được giao phụ trách từng việc, từng hộ gia đình. Năm 1977 số đảng viên Vũ-thắng trực tiếp lao động sản xuất là 87%. Trong đó 52% là những đồng chí hoàn thành vượt mức nghĩa vụ ngày công, và trong số lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua của hợp tác xã, có 83% là đảng viên.

Vài năm gần đây, tình hình sản xuất ở tỉnh chúng tôi có mặt sút kém. Điều đó có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan như thời tiết khô khan, khắc nghiệt. Chúng tôi đang nghiên cứu, kiểm tra lại công

tác giáo dục đảng viên, tìm ra những điểm cần bổ khuyết để tiếp tục góp phần đẩy mạnh nhiệm vụ sản xuất trong tỉnh.

2 — *Tích cực nâng cao trình độ đảng viên về mọi mặt, đồng thời chăm lo giữ gìn phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.*

Nhiệm vụ chính trị của tỉnh chúng tôi đòi hỏi đảng viên chẳng những phải có nhiệt tình cách mạng cao, có dũng khí, mà còn phải có trình độ hiểu biết về các mặt và có năng lực công tác. Đảng bộ Thái-bình luôn luôn chủ trương nâng cao chất lượng đảng viên một cách toàn diện, chú trọng cả mặt trình độ hiểu biết, năng lực công tác và mặt phẩm chất, đạo đức. Nếu chỉ nhấn mạnh một mặt nào là không đúng yêu cầu của Đảng, không bảo đảm chất lượng đảng viên.

Hầu hết đảng viên ở Thái-bình đều xuất thân từ nông dân, chịu nhiều ảnh hưởng của tư tưởng tư hữu, tập quán lạc hậu của người sản xuất nhỏ. Điều đó đòi hỏi đảng bộ chúng tôi phải đặc biệt chú trọng nâng cao ý thức giác ngộ về chủ nghĩa xã hội, về lập trường giai cấp công nhân, xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, tác phong đại công nghiệp, chống tư tưởng tư hữu, tác phong gia trưởng, lối suy nghĩ và làm việc theo kiểu phường hội, cục bộ của người sản xuất nhỏ.

Để bồi dưỡng kiến thức và năng lực công tác cho đảng viên, trước hết chúng tôi động viên đảng viên tích cực nghiên cứu, học tập, chỉ ra cho đảng viên thấy trong giai đoạn cách mạng hiện nay, nếu không học tập, đảng viên không thể công tác tốt được, học tập là một nghĩa vụ của đảng viên. Mặt khác, chúng tôi có kế hoạch cụ thể sắp xếp, cử người đi học, bố trí ai học trước, ai học sau, quy định những chế độ cần thiết và hợp lý để khuyến khích mọi cán bộ, đảng viên học tập. Khả năng của

chúng tôi là: mọi đảng viên đều phải học, vừa làm vừa học, học kết hợp với hành. Chúng tôi tạo điều kiện cho đảng viên học tập lý luận chính trị và các kiến thức quản lý kinh tế bằng cách mở rộng hệ thống trường Đảng ở cả 3 cấp: tỉnh, huyện và xã. Trường Đảng tỉnh bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý cấp huyện, cán bộ chủ chốt xã, cán bộ nghiên cứu của các ngành. Trường Đảng huyện, trường Đảng xã bồi dưỡng lý luận theo chương trình cơ sở cho đảng viên. Năm 1971 tỉnh ủy chúng tôi còn quyết định thành lập phân hiệu lý luận tại chức để bồi dưỡng các cán bộ thuộc diện tỉnh ủy quản lý. Gần đây, trường Đảng tỉnh lại mở thêm lớp tập trung 2 năm theo chương trình trung cấp lý luận để bồi dưỡng gần 100 cán bộ, nhằm tăng cường cho huyện và có kế hoạch mở các lớp lý luận chính trị, lớp quản lý kinh tế nông nghiệp theo chương trình trung cấp tại chức ở huyện cho cán bộ quản lý cấp huyện và cán bộ chủ chốt ở xã.

Về chương trình giảng dạy, một mặt chúng tôi chú trọng bồi dưỡng các kiến thức cơ bản và có hệ thống, mặt khác đặc biệt quan tâm bổ sung vào những mặt còn yếu trong nhận thức của cán bộ, đảng viên công tác trên từng lĩnh vực cụ thể. Năm 1976, Thái-bình đã hoàn thành việc giáo dục đảng viên theo chương trình lý luận cơ sở, nhiều cán bộ chủ chốt của xã và hợp tác xã đã học trường Đảng tỉnh và trường Đảng huyện.

Chúng tôi cũng đã thành lập trường trung cấp kỹ thuật nông nghiệp, trường trung học tài chính và các trường sơ cấp kỹ thuật ở các huyện. Trong mấy năm qua, chúng tôi đã đào tạo được trên 3.000 cán bộ trung cấp kỹ thuật và quản lý, gần 1 vạn cán bộ kỹ thuật sơ cấp nông nghiệp. Hiện nay số cán bộ khoa học kỹ thuật ở Thái-bình đã tăng 8 lần so với năm 1965. Cùng với việc cử cán bộ,

đảng viên đi học ở các trường lớp tập trung, chúng tôi rất coi trọng và khuyến khích các cơ sở tổ chức việc tham quan học tập, tổng kết, rút kinh nghiệm ở những đơn vị tiên tiến, nhất là về mặt quản lý kinh tế và áp dụng những biện pháp kỹ thuật mới vào sản xuất; đẩy mạnh phong trào tập huấn kỹ thuật (kỹ thuật chăn nuôi lợn, kỹ thuật làm đất, ngâm ủ giống, cấy theo lối mới,...). Nhờ thế, phần đông đảng viên ở Thái-bình đã nắm được và vận dụng tương đối thành thạo các kiến thức cơ bản về sản xuất nông nghiệp, các biện pháp kỹ thuật mới.

Đề nâng cao trình độ văn hóa cho đảng viên, đảng bộ chúng tôi chủ trương đẩy mạnh phong trào học tập bổ túc văn hóa. Các trường lớp vừa làm vừa học với nhiều hình thức thích hợp được tổ chức theo các đội chuyên đang được mở rộng ở các cơ sở sản xuất. Các đảng ủy xã có kế hoạch phân công cán bộ, đảng viên thay nhau đi học. Đến nay, số đảng viên trong tỉnh có trình độ đại học chiếm 2%, cấp III 16%, cấp II 60%, cấp I còn 22% (chủ yếu là lớp 4).

Tỉnh chúng tôi, bên cạnh số đông đảng viên gương mẫu, trong sạch, cũng có không ít đảng viên phạm tham ô, chiếm dụng của công, lười lao động, nợ nần dây dưa hợp tác xã, quan liêu hống hách với quần chúng, nặng thu vén cho gia đình, thậm chí có một số người đã thoái hóa, biến chất. Vì vậy, chúng tôi hết sức coi trọng việc giáo dục đạo đức cách mạng cho đảng viên. Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị, các cuộc vận động xây dựng Đảng và "xây dựng Thái-bình thành tỉnh gương mẫu về mọi mặt" theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, chúng tôi chú trọng làm cho cán bộ, đảng viên thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiểu rõ tình hình nhiệm vụ chung của cả nước, của địa phương, thấy rõ mối quan hệ giữa địa phương và cả nước, giữa lợi ích

cá nhân và lợi ích tập thể, giữa trước mắt và lâu dài, nâng cao tinh tiên phong và gương mẫu của đảng viên. Ngay từ những năm 1966 - 1967, cụ thể hóa tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, ban tổ chức tỉnh ủy đã biên soạn tài liệu học tập "Nâng cao danh hiệu đảng viên", tổ chức cho đảng viên học tập, liên hệ với bản thân (nhất là ở những nơi yếu kém) nhằm làm cho đảng viên nắm vững tiêu chuẩn, tư cách đảng viên, thấy được đảng viên khác quần chúng ở chỗ nào. Riêng đối với các đồng chí về hưu, các đồng chí là bộ đội phục viên có những tâm tư riêng hoặc có khó khăn về đời sống gia đình, các đảng bộ, chi bộ thường xuyên thăm hỏi, động viên, nhắc nhở phải giữ gìn phẩm chất, uy tín của mình, đồng thời chấp hành tốt chính sách hậu phương, chính sách cán bộ, và có kế hoạch giúp các đồng chí đó ổn định đời sống gia đình.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị tư tưởng, chúng tôi chủ trương phải làm tốt công tác kiểm tra và quản lý đảng viên. Xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương những năm ấy, chúng tôi đã nghiên cứu xây dựng nội quy quản lý đảng viên trên 5 mặt: quản lý tư tưởng, quản lý công tác, quản lý sinh hoạt, quản lý quan hệ xã hội và quản lý hồ sơ lý lịch. Trên mỗi mặt quản lý, bản nội quy đều có những quy định cụ thể yêu cầu từng đảng viên, từng tổ chức cơ sở Đảng phải thực hiện. Dựa vào đó, các chi bộ, các tổ đảng theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của đảng viên, và trong từng thời gian nhất định, tổ chức cho đảng viên kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, trên cơ sở đó tiến hành nhận xét, đánh giá, phân loại đảng viên và có kế hoạch giúp đỡ đảng viên sửa chữa khuyết điểm. Chúng tôi còn giới thiệu cho quần chúng biết nội quy này, động viên quần chúng nêu cao ý thức xây dựng Đảng, tích cực giám sát, phê bình

đảng viên. Ở các cơ sở Đảng, cứ sau mỗi vụ sản xuất, mỗi đợt công tác hoặc học tập, bên cạnh việc tự phê bình, phê bình trong Đảng, các chi bộ lại tổ chức tự phê bình trước quần chúng và đề nghị quần chúng phê bình sự lãnh đạo của Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên.

Như vậy, việc nâng cao phẩm chất cách mạng của đảng viên ở lĩnh vực này tôi không phải chỉ được tiến hành bằng các biện pháp giáo dục, mà còn được kết hợp với nhiều biện pháp tổ chức. Điều đó đã mang lại những kết quả thiết thực. Đặc biệt ở những nơi thực hiện tốt việc phân công, quản lý đảng viên (như các xã Minh-Khai, Quỳnh-Bảo, Trần-Phú, Hồng-Việt, Đồng-Hải, Vũ-Thắng, Quỳnh-Trang, Quảng-Nạp...), chất lượng đội ngũ đảng viên, sức chiến đấu của tổ chức Đảng tăng lên rõ rệt. Những hiện tượng tham ô, chiếm dùng của công, vi phạm quyền làm chủ của quần chúng, vô tổ chức, vô kỷ luật... ngày càng giảm bớt. Nhiều đảng viên đã thấy rõ hơn vai trò, trách nhiệm của mình, cố gắng phấn đấu vươn lên theo yêu cầu ngày càng cao của cách mạng.

3 - Kết hợp chặt chẽ việc giáo dục, rèn luyện đảng viên với việc củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng.

Thực tế ở Thái-bình chứng minh rằng ở những chi bộ mạnh, số đảng viên tốt chiếm tỷ lệ khá cao, còn ở những chi bộ «trung bình» hay yếu kém, số đảng viên không đủ tiêu chuẩn chiếm tỷ lệ lớn (có khi đến hơn 30%). Vì vậy, muốn giáo dục, rèn luyện tốt đảng viên, nhất thiết phải củng cố, kiện toàn các tổ chức cơ sở Đảng, gắn chặt việc nâng cao chất lượng đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở Đảng.

Những năm ấy, chúng tôi căn cứ vào Điều lệ Đảng và nghị quyết Hội nghị lần thứ 23 của Trung ương Đảng (khóa III), nghiên cứu và chỉ rõ chức năng, nhiệm vụ của từng

loại chi bộ, đảng bộ cơ sở (ở nông thôn, xí nghiệp, cơ quan...), hướng dẫn cụ thể phương thức lãnh đạo, chỉ đạo cũng như lề lối làm việc của từng loại tổ chức Đảng, xác định rõ mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của tổ chức Đảng với chức năng quản lý của chính quyền, giúp các tổ chức cơ sở Đảng từng bước khắc phục tình trạng lúng túng, chông chéo trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Trên cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ của từng loại tổ chức cơ sở Đảng, chúng tôi cố gắng cải tiến sinh hoạt chi bộ, tổ đảng với nội dung thảo luận quán triệt đường lối chính sách của Đảng, bàn việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở, phân công đảng viên và thực hiện nội quy quản lý đảng viên. Nhiều chi bộ hợp tác xã nông nghiệp và chi bộ xí nghiệp đã chú ý bàn bạc phương hướng sản xuất, những biện pháp quản lý kinh tế, kỹ thuật, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực công tác của đảng viên. Sinh hoạt Đảng đã có chất lượng hơn, sau khi thảo luận nội dung công tác, có nghị quyết rõ ràng, có phân công cụ thể cho từng người nhằm thực hiện và vận động quần chúng thực hiện tốt nghị quyết của chi bộ. Chế độ tự phê bình và phê bình được thực hiện thường xuyên. Các huyện ủy còn định lịch sinh hoạt cho các cơ sở Đảng, cố gắng đưa sinh hoạt chi bộ, tổ đảng vào chế độ chặt chẽ.

Những năm qua, tỉnh chúng tôi cũng đã chú trọng công tác phát triển Đảng nhằm luôn luôn tăng cường sức sống mới cho tổ chức Đảng. Trước đây, chúng tôi thường chỉ tổ chức bồi dưỡng những người xét thấy gần đủ tiêu chuẩn đảng viên, được chi bộ xếp vào loại «đổi tượng kết nạp». Như vậy rất hạn chế và bị động. Chúng tôi đã khắc phục bằng cách tổ chức các lớp học về Đảng trong đông đảo quần chúng, nhất là trong đoàn viên thanh niên. Nhiều cơ sở Đảng đã xây dựng quy hoạch phát triển Đảng, nắm

làm công tác phát triển Đảng một cách chủ động. Mặt khác, tỉnh ủy chủ trương phải làm tốt việc bồi dưỡng phương pháp làm công tác phát triển Đảng cho đảng viên, giúp đảng viên nắm vững nguyên tắc, phương châm, phương hướng phát triển Đảng và những thủ tục kết nạp người vào Đảng, khắc phục những lệch lạc, lúng túng trong công tác phát triển Đảng. Tỉnh ủy đã tổ chức huấn luyện cho gần 1 000 giảng viên và bồi dưỡng các bí thư chi bộ về cơ sở bồi dưỡng lại cho đảng viên. Tỉnh ủy còn yêu cầu các cấp ủy phải tăng cường kiểm tra, thông qua kiểm tra để tiến hành công tác phát triển Đảng một cách thường xuyên và kịp thời uốn nắn những sai sót. Từ năm 1970 đến năm 1977 đảng bộ Thái-bình đã kết nạp 2 624 người vào Đảng, trong đó có 86% là đoàn viên thanh niên, 40% là nữ, 31% là cán bộ khoa học kỹ thuật (năm 1972 mới có 15%), 12% là công nhân trực tiếp sản xuất (năm 1972 mới có 3%).

Trong việc nâng cao chất lượng của tổ chức cơ sở Đảng, chúng tôi đặc biệt chú ý đến các đảng viên «trung bình» và yếu kém. Ngay từ năm 1971, thực hiện chỉ thị 192 của Ban bí thư Trung ương Đảng về việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, chúng tôi đã tiến hành học tập, kiểm tra, phân loại đảng viên, có kế hoạch bồi dưỡng, giáo dục đảng viên, đồng thời kiên quyết xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng. Chúng tôi đã mở hội nghị chuyên đề bàn việc giáo dục, xử lý đối với đảng viên «trung bình» và yếu kém, nghe một số báo cáo của các điển hình làm tốt công tác này, nêu quyết tâm nâng cao chất lượng đảng viên, và có kế hoạch phân công cán bộ chỉ đạo. Thực tế đã cho thấy đảng viên «trung bình» hay yếu kém có nhiều dạng biểu hiện khác nhau.

cho nên trong việc giải quyết, chi bộ phải luôn luôn đi sâu đi sát, nắm vững phương châm tích cực nhưng thận trọng, phải có sự phân tích cụ thể, giải quyết cụ thể từng trường hợp với tình thần trách nhiệm cao và tinh thương yêu đồng chí sâu sắc. Chúng tôi nghĩ rằng đánh giá kết quả của công tác này không phải chỉ là xem đã đưa được bao nhiêu người ra khỏi Đảng, đã thi hành kỷ luật bao nhiêu người, mà điều quan trọng hơn là qua đây bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, nâng cao phẩm chất và năng lực công tác của đảng viên, làm cho mọi đảng viên đều có tiến bộ thật sự. Đương nhiên, đối với những người đã thoái hóa, biến chất, và những người đã được chi bộ giúp đỡ tận tình mà không tiến bộ thì phải kiên quyết đưa ra khỏi Đảng. Đến nay, số đảng viên yếu kém ở tỉnh chúng tôi đã giảm đi rõ rệt. Số đảng viên tích cực đã tăng từ 51,1% năm 1975 lên 64,5% năm 1977.

Đối với những đảng bộ, chi bộ yếu kém, chúng tôi phân tích rõ nguyên nhân yếu kém của từng loại và cử những cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm về giúp đỡ. Vấn đề quan trọng là phải hiểu đúng tình hình cụ thể ở mỗi chi bộ để có biện pháp giải quyết sát đúng, không thể giải quyết đồng loạt đối với mọi chi bộ theo một công thức giống nhau. Bởi vì trong thực tế có chi bộ yếu kém do cơ sở vật chất kỹ thuật quá yếu, có chi bộ yếu kém do số đảng viên yếu kém quá đông, có chi bộ yếu kém về năng lực lãnh đạo sản xuất, có chi bộ yếu kém về đoàn kết nội bộ... Nhưng nói chung có tình

hình yếu kém phần lớn là do đội ngũ cốt cán yếu, yếu về năng lực lãnh đạo hoặc bị sa sút về phẩm chất. Do đó, trong việc giúp đỡ các cơ sở yếu kém vươn lên, chúng tôi đặc biệt chú trọng kiện toàn đội ngũ cốt cán, quan tâm từ khâu đào tạo, bồi dưỡng, đến việc sắp xếp, bố trí cán bộ. Trên cơ sở nắm vững tiêu chuẩn cán bộ và yêu cầu công tác, chúng tôi mạnh dạn đưa những đảng viên trẻ, có năng lực, phẩm chất, có trình độ quản lý kinh tế, kỹ thuật vào cấp ủy. Đối với những đồng chí năng lực bị hạn chế, phẩm chất cách mạng sút kém, nếu sau một thời gian được bồi dưỡng, giúp đỡ vẫn không có tiến bộ, hoặc đối với những đồng chí già yếu, không đảm đương nổi nhiệm vụ thì chúng tôi bố trí sang những công tác khác thích hợp hơn.

Trên đây là một số kinh nghiệm về công tác đảng viên ở tỉnh chúng tôi. Những kinh nghiệm ấy tuy chỉ là bước đầu và chưa phải đã đồng đều, nhưng đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Song chúng tôi không bao giờ dám thỏa mãn với những kinh nghiệm, những kết quả bước đầu đã đạt được. Nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới trong cả nước cũng như ở Thái-bình đang đặt ra trước đảng bộ chúng tôi những yêu cầu to lớn mới. Chúng tôi còn phải đi sâu hơn nữa vào thực tiễn, bám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị để tiếp tục nghiên cứu, rút kinh nghiệm, khắc phục những mặt còn hạn chế của mình, đưa công tác đảng viên tiến lên đạt những kết quả mới.

«MÓC NGOẠC»

«**MÓC** ngoặc» là một từ ghép gồm hai yếu tố «móc» và «ngoặc». Theo từ điển tiếng Việt, «móc» là hành động lấy một vật từ bên trong ra ngoài (móc túi); «ngoặc» là hành động kéo lại hay kéo xuống (ngoặc tay). «Móc» ghép với «ngoặc» thành từ «móc ngoặc» để diễn tả một cách có hình ảnh hành động của một số người thông đồng, móc nối với nhau ăn cắp hoặc sử dụng nhập nhằng tài sản của Nhà nước, của tập thể, lợi dụng lẫn nhau làm sai phép nước để mưu lợi ích cá nhân. — dùng từ như vậy quả thật là đắt, là thâm thúy và lóm hình. Đã móc rồi lại còn ngoặc nữa, mối quan hệ mới ràng buộc chặt chẽ làm sao!

Cùng với các từ «tham ô», «cửa quyền», «quan liêu», «phe phẩy», «đặc quyền đặc lợi», «thoái hóa biến chất»..., từ «móc ngoặc» được quần chúng nhân dân nhắc tới với thái độ chê trách, khinh bỉ. Các báo cáo, văn kiện của Đảng và Nhà nước nhắc tới nó với tinh thần nghiêm khắc phê phán, kiên quyết loại trừ. Mà đúng thật, móc ngoặc xấu quá, đáng ghét quá. Ai mà chẳng khó chịu, bất bình với những hành động của một số người lợi dụng quyền hạn, trách nhiệm được giao phó để làm sai chính sách của Đảng và Nhà nước, mưu lợi ích cá nhân.

Có thể kể ra rất nhiều hiện tượng móc ngoặc.

Một số cán bộ, nhân viên ở các ngành lương thực, thực phẩm, vật tư, thương nghiệp, giao thông, v.v. hoặc ở các đơn vị kinh doanh, sản xuất, móc ngoặc với bọn con buôn, bọn làm ăn phi pháp, tuồn lương thực, thực phẩm, tuồn hàng hóa, vật tư cho bọn này, giúp bọn này làm rối loạn thị trường, gây nên những khó khăn trong công tác quản lý, trong đời sống xã hội.

Giữa cán bộ, công nhân, viên chức với nhau, thì, anh cho con tôi vào cấp III, vào đại học hoặc đi học ở nước ngoài (mặc dù con tôi học dở), tôi «mua hộ» anh ít vật tư làm nhà theo giá cung cấp (mặc dù chẳng có chính sách nào cho phép); anh «lĩnh động» giải quyết cho tôi mua trái phép một số mặt hàng khan hiếm như vải tốt, thuốc, quý... tôi «phân phối» đặc biệt cho anh xăng dầu, lợn, gà... Tôi — anh, anh — tôi, «ăn miếng chả ta già miếng bùi», nghĩa là «có đi có lại», câu kết với nhau làm sai phép nước.

Móc ngoặc nhiều khi không chỉ là quan hệ giữa hai bên, hai người. Nó còn là sự ăn cắp của cả một nhóm người như thủ kho thông đồng với kẻ toán, bảo vệ, lái xe, ăn cắp vật tư, hàng hóa của Nhà nước, của tập thể.

Một số cán bộ phụ trách cũng đồng lõa với những phần tử xấu, bỏ qua những hành động làm ăn gian dối, xáo trá của bọn này để chúng bớt xén nguyên liệu của Nhà nước, làm hàng xấu, kinh doanh, sản xuất sai chính sách, gây thiệt hại cho Nhà nước.

Thủ đoạn thường thấy của những người móc ngoặc là bắt đầu bằng « lót tay », biểu xén, thả con săn sắt để chuần bị bắt con cá rô. Họ dụng công đánh một cái móc thật sắc, thật ngọt để khi điều kiện chín mùi họ sẽ móc. Có khi họ móc rất nặng tay, bên kia gỡ mấy cũng không nổi. Và trong quan hệ với nhau theo kiểu « ông mất chân giò, bà thờ chai rượu » như thế, những người móc ngoặc không mất gì của riêng cả nhân họ ngoài việc mất phẩm chất, mất danh dự. Họ chỉ ngoặc chặt với nhau để móc « chân giò » và « chai rượu » của Nhà nước, của tập thể sao cho có lợi cho riêng họ mà thôi.

Những người móc ngoặc không bao giờ thừa nhận hành vi phi pháp của mình. Họ núp dưới những danh nghĩa rất hay ho, hoa mỹ. Nào là do chỗ thân tình, quen biết, chúng tôi quý nhau thì « cho » nhau, « biểu nhau »; nào là chúng tôi « kết nghĩa », « hợp tác » với nhau thì « giúp đỡ lẫn nhau »; « đây là vì lợi ích chung », « đúng chính sách, đúng chế độ » (...). Thôi thì đủ mọi giọng lưỡi, đủ mọi hình thức, đủ mọi mưu ma, chước quỷ. Chứng từ giả mạo cũng có, lấy khoản nợ đập vào khoản kia cũng có; đi đảng hoang công trước với nhân hiệu hợp pháp, công khai cũng có; lên lút, thậm thụt ở cửa sau, lấp la lấp lúng cũng có.

Cũng có người biết móc ngoặc là sai, là vi phạm chế độ, nguyên tắc quản lý của Nhà nước, nhưng vì thấy có người khác làm và làm thì nhất thời « có lợi », cho nên... « cũng liều nhắm mắt đưa chân » ... Thế rồi, trót

lọt được một lần, lần sau họ làm tiếp, và cho mình là con người « khôn ngoan » biết cách sống. Có phút giây nào đó giật mình nghĩ lại thì ầu ơ cũng chỉ là cơn gió thoảng qua giữa mênh mông trời đất !



Người xưa đã nói « vật kinh tinh trọng », và nhân dân ta từ lâu đã đối xử với nhau chí nghĩa, chí tình. Với đạo lý « thương người như thể thương thân », nhân dân ta sẵn sàng giúp nhau những lúc khó khăn hay khi hoạn nạn. Hôm nay anh giúp tôi việc này, có thể mai một tôi giúp anh việc khác. Giúp nhau thành thật, vô tư; giúp nhau không cần trả ơn, không đòi điều kiện. Đó là chuyện thường tình trong đời sống và là đạo đức cao đẹp của nhân dân ta. Hơn ai hết, những người cách mạng, những người cộng sản càng nêu cao tinh thần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, tăng cường tương trợ, hợp tác với nhau. Đó là phẩm chất sáng ngời của người cách mạng, người cộng sản. Thế mà một số người đã vịn vào điều đó để bào chữa cho hành vi móc ngoặc xấu xa của mình, cho rằng việc làm của mình cũng là « nghĩa tình », là « hợp tác ». Chao ôi là sự ngộ nhận, sự tự lừa dối, sự lạm dụng danh từ ! Phải khẳng định dứt khoát một trăm, một nghìn lần rằng việc hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau một cách vô tư, cao cả, bằng sức lực và của cải của mỗi người khác hoàn toàn với hành động móc ngoặc để bòn vét của cải của nhân dân, của tập thể. Việc viếng thăm, tặng quà để tỏ lòng kính trọng, thương yêu một cách trong sáng, chân thành đối với những người mà mình kính trọng, thương yêu, khác hẳn về bản chất với hành vi « hôn xối dấm miệng », dọn đường làm việc xấu.

Đảng ta, nhân dân ta đã nhiều lần lên án và phê phán thói tệ móc ngoặc

Bởi vì thói tề này làm mất nhiều của cải của Nhà nước, của tập thể, làm trở ngại cho công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, gây thêm khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân, đồng thời làm hư hỏng cán bộ và ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng, với Nhà nước. Chúng ta sản xuất, xây dựng, tuy còn có những thiếu sót nhất định, nhưng chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, những tiến bộ đáng kể. Nhưng vì thói tề móc ngoặc, của cải và hàng hóa làm ra bị rơi vãi một phần vào những « lỗ hổng », « lỗ hổng »; trong lúc nhân dân còn có khó khăn, thì những kẻ móc ngoặc lại quá ư đầy đủ. Một ví dụ nhỏ thôi cũng cho chúng ta thấy tác hại của tề móc ngoặc thật là không nhỏ: Một cán bộ phụ trách trạm vật liệu kiến thiết thuộc ty xây dựng tỉnh nọ móc ngoặc với bọn làm ăn phi pháp, cấp giấy giới thiệu cho đi mua 1.000 tấn than ngoài kế hoạch để « cung cấp cho các hợp tác xã làm gạch ngói ». Bọn này lợi dụng sơ hở trong công tác quản lý đã dùng đủ mọi phù phép, ăn đơn ăn kép số tiền bán than nói trên. Còn riêng anh cán bộ nọ thì thu về cho mình hàng nghìn đồng. Chỉ một vụ, một việc ấy đã đủ buộc chúng ta phải suy nghĩ như thế nào rồi.

Điều đáng nói hiện nay là hiện tượng móc ngoặc không phải là cá

biệt hay lẻ tẻ. Nó đã xảy ra ở nhiều nơi, nhiều ngành, cả trong một số cán bộ phụ trách. Nhưng một số người có trách nhiệm văn bằng quan, vô trách nhiệm hoặc bị một số người cấp dưới nịnh hót, mua chuộc, đã buông lỏng, làm ngơ, thậm chí bao che cho những hành vi móc ngoặc. Tình trạng « hú miệng mắc quai », « rút dây sợ động rừng » đã trói buộc một số người, làm cho việc chấp hành kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước nhiều lúc không nghiêm, không triệt để.

Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần có chỉ thị, nghị quyết về tăng cường quản lý vật tư, quản lý thị trường, chống mọi hành vi móc ngoặc, ăn cắp của công, xâm phạm tài sản của nhân dân, của Nhà nước. Chỉ cần mọi cấp, mọi ngành, mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là những người phụ trách *thật sự bắt tay vào thực hiện, thực hiện nghiêm chỉnh, kiên quyết, triệt để*; thực hiện không hề có chữ « nhưng » nào đi kèm, thì chúng ta sẽ chặn đứng được hiện tượng móc ngoặc, sẽ quét sạch được những con « sâu mọt » muốn đục khoét tài sản của Nhà nước, những « con sâu bọ rầu nòi canh » làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của đội ngũ chúng ta.

NGƯỜI XÂY DỰNG

Коммунистический журнал

№ 8 — 1978 г

По поводу 33-ей годовщины со дня победы Августовской революции и образования ДРВ (2 сентября)

К 90-летию со дня рождения Президента Тон Дык Тханга

НГУЕН ТХО ТЬЯН — Реализовать самые большие трудовые резервы всей страны для мощного развития сельского, лесного и рыбного хозяйства

КУЕТ ТИЕН — Китайские власти поддерживают фашистский геноцид в Кампучии

ТИЕН ЛАМ — Буржуазия китайского происхождения и любовь китайских властей

НАМ ВИНЬ — Провинция Жялай-Контум на пути к социализму

НГУЕН БА ФАТ — Развивать морские промыслы

МЫ ОБСУЖДАЕМ: О НОВОМ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОМ ЧЕЛОВЕКЕ ВО ВЬЕТНАМЕ ★ ХОАНГ ТЮИ — О трудовом стиле нового человека ★ ДЫК МИНЬ — О личности нового социалистического человека ★ ДАНГ СУАН КИ — О формах и методах формирования нового человека

...

共产主义杂志
一九七八年第八期
目 录

关于纪念八月革命和“九·二”国庆三十三周年

祝贺孙伯伯九十寿辰

阮寿珍：发挥全国最大的劳动潜力，大力发展农业、林业和渔业

决 进：中国当局正在支持柬埔寨灭绝种族的法西斯集团

进 林：华裔资本家与中国当局的关怀

南 荣：嘉来—昆嵩省走向社会主义的步骤

阮伯发：发展海产生产

关于越南社会主义新人的讨论

黄 萃：新人的劳动风格

德 明：社会主义新人的人格

邓春其：培养新人的方式和方法

...

REVUE DU COMMUNISME

N° 8 — 1978

A propos du 33^e anniversaire de la Révolution d'Aout et de la Fête nationale du 2 Septembre

Nos respectueuses félicitations à l'Oncle Tôn pour le 90^e anniversaire de sa naissance

NGUYỄN-THỌ-CHÂN — Faire valoir le potentiel de travail du pays tout entier pour développer puissamment l'agriculture, la sylviculture et la pisciculture

QUYẾT-TIẾN — Les dirigeants chinois soutiennent la clique fasciste qui soumet le peuple kampuchéen à un génocide

TIẾN-LÂM — Les capitalistes d'origine chinoise et la sollicitude des autorités chinoises

NĂM VINH — La province de Gia-lai — Công-tum avance vers le socialisme

NGUYỄN-BÁ-PHÁT — Développer les produits marins

Discussions — À propos de l'homme nouveau, socialiste vietnamien ★ **HOÀNG-TUY** — Du style de travail de l'homme nouveau ★ **ĐỨC-MINH** — Personnalité de l'homme nouveau, socialiste ★ **ĐẶNG-XUÂN-KỶ** — Des modes et des mesures pour la formation de l'homme nouveau

...

REVIEW OF COMMUNISM

N° 8 — 1978

On the observance of the 33rd anniversary of the August Revolution and the celebration of National Day (2nd September) this year

Uncle Ton's 90th birthday

NGUYỄN-THỌ-CHÂN — To bring into full play the manpower potential of the whole country to promote the vigorous development of agriculture, forestry and fishing

QUYẾT-TIẾN — The Chinese authorities are lending their support to the genocidal fascists in Kampuchea

TIẾN-LÂM — The solicitude of the Chinese authorities for the bourgeoisie of Hoa extraction

NĂM VINH — Gia-lai — Công-tum advances to socialism

NGUYỄN-BÁ-PHÁT — Promote the production of more marine products

Debate — On the new, socialist, man in Viet-nam ★ **HOÀNG-TUY** — The work style of the new man ★ **ĐỨC-MINH** — On the personality of the new, socialist, man ★ **ĐẶNG-XUÂN-KỶ** — Guidelines and methods for the formation of the new man

...

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 8

1978

NĂM THỨ XXIV (272)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại : 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại : 20060, 25768

MỤC LỤC

Về việc kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9	1
Mừng Bác Tôn 90 tuổi	4
NGUYỄN-THỌ-CHÂN — Phát huy nguồn tiềm năng lao động lớn nhất của cả nước để phát triển mạnh nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp	7
QUYẾT-TIẾN — Các nhà cầm quyền Trung-quốc đang ủng hộ bọn phát-xít diệt chủng ở Cam-pu-chia	17
TIẾN-LÂM — Tư sản gốc Hoa với sự ưu ái của nhà đương cục Trung-quốc	21
NĂM VINH — Những bước đi lên chủ nghĩa xã hội của tỉnh Gia-lai — Công-tum	27
NGUYỄN-BÁ-PHÁT — Phát triển sản xuất hải sản	36
Thảo luận Về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ★ HOÀNG-TUY — Về phong cách lao động của con người mới ★ ĐỨC-MINH — Về nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa ★ ĐẶNG-XUÂN-KỶ — Về những phương thức và biện pháp xây dựng con người mới	44
LÊ-XUÂN-VŨ — Nhu cầu và cuộc sống	66
ĐẶNG-HỒI-XUÂN và NGUYỄN-VĂN-LUYỆN — Bệnh viện Việt — Tiếp phần đấu giữ vững lá cờ đầu của ngành y tế	72
VŨ-TRONG-KHIÊN — Một số kinh nghiệm củng cố tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn	80
NGUYỄN-LƯ — Xây dựng và củng cố các tổ chức cơ sở Đảng ở miền Nam	88
TRƯƠNG-ĐẶNG-HOÀ — Công tác đảng viên ở Thái-bình	96
Sinh hoạt Đảng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG — Múc nước	103

Tìm đọc:

LÊ - DUẤN

- Làm chủ tập thể là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân
- Tây-nguyên đoàn kết tiến lên

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Làm chủ tập thể, lao động và bảo vệ
Tổ quốc xã hội chủ nghĩa



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

XH-007

H-1980

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT-NAM

The University
of Michigan
Periodical
Reading Room

OEC 6 1978

9

9.1978

KHẨU HIỆU

kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9

1 — Nhiệt liệt chào mừng lễ kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9!

2 — Không có gì quý hơn độc lập, tự do!

3 — Tất cả vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa!

4 — Đời đời nhớ ơn các anh hùng, liệt sĩ, các đồng chí và đồng bào đã hiến dâng đời mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc!

5 — Đồng bào cả nước ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể, nêu cao ý chí tự lực tự cường, quyết tâm phấn đấu, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ tư của Đảng!

6 — Hăng hái thi đua lao động sản xuất, củng cố quốc phòng, hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1978, bảo vệ vững chắc biên giới, hải đảo của Tổ quốc!

7 — Tinh đoàn kết chiến đấu và hữu nghị anh em giữa nhân dân ba nước Việt-nam, Lào và Cam-pu-chia đời đời bền vững!

8 — Tăng cường tinh đoàn kết chiến đấu và hợp tác hữu nghị giữa Việt-nam với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác!

9 — Nhân dân Việt-nam cùng nhân dân thế giới đoàn kết, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội!

10 — Chủ nghĩa Mác — Lê-nin bách chiến bách thắng muôn năm!

11 — Cách mạng tháng Tám thành công muôn năm!

12 — Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam muôn năm!

13 — Đảng cộng sản Việt-nam quang vinh muôn năm!

14 — Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!



HỒ CHỦ TỊCH VIẾT TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
VĂN GIAO

Tranh bột màu của
họa sĩ VĂN GIAO

HỒ CHỦ TỊCH VIẾT TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Digitized by Google

Xã luận

Kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám (19-8-1945)
và Quốc khánh (2-9-1945)

TẤT CẢ VÌ SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

CÁCH mạng tháng Tám (1945) đã mở ra một kỷ nguyên mới vô cùng rực rỡ trong lịch sử dân tộc Việt-nam. Với việc thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ngày 2-9-1945, nhân dân ta làm chủ tập thể đất nước mình, đứng dậy cầm vũ khí kiên quyết chiến đấu chống bọn đế quốc và tay sai, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, nhân dân ta giành thắng lợi này đến thắng lợi khác, làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt nước ta. Chiến thắng Điện-biên-phủ tháng 5 năm 1954 đánh bại đế quốc Pháp và chủ nghĩa thực dân cũ, chiến thắng mùa xuân năm 1975 đánh bại đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế, và chủ nghĩa thực dân mới đã được ghi vào những trang chói lọi của lịch sử cách mạng Việt-nam và cách mạng thế giới trong thời đại chúng ta.

Sau hơn ba chục năm tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, nhân dân Việt-nam mong muốn được sống trong hòa bình và xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc trong độc lập, tự do. Nhưng nguyện vọng rất thiết tha đó đang bị uy hiếp. Câu kết với bọn đế quốc, bọn phản động quốc tế có tham vọng lớn ở Đông Nam châu Á đang tích cực thực hiện mưu đồ xâm phạm độc lập, chủ quyền và lãnh

thô toàn vẹn của nước ta. Nấp dưới chiêu bài «chống bá quyền», chúng mưu toan thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn trên thế giới, trước hết là ở vùng Đông Nam châu Á. Đó là một đặc điểm quan trọng của tình hình quốc tế hiện nay.

Để thực hiện mưu đồ đen tối đó, bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đang triển khai chiến lược quốc tế cực kỳ phản động theo thuyết «ba thế giới», nhằm liên minh với mọi thế lực đế quốc, tập hợp mọi thế lực phản động, lừa gạt những nước thuộc cái gọi là «thế giới thứ ba», để cùng đế quốc Mỹ chống lại các lực lượng cách mạng trên thế giới.

Do sự xuất hiện của bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc câu kết với chủ nghĩa đế quốc, các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới phải đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu và các thế lực phản động mà bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc là thế lực phản động quốc tế lớn nhất, đồng minh của Mỹ.

Ở vùng Đông Nam châu Á, các lực lượng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải đấu tranh chống bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và các thế lực đế quốc đang tranh giành quyền lợi và ảnh hưởng ở khu vực này. Bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đang đóng vai trò xung kích phản cách mạng nguy hiểm, trực tiếp chống lại các lực lượng cách mạng ở Đông Nam châu Á.

Bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc chọn Đông Nam châu Á để thực hiện một bước mưu đồ bá quyền nước lớn của chúng, vì Đông Nam châu Á là giao điểm của nhiều đường giao thông quốc tế, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là nơi đông dân và có nhiều tài nguyên phong phú; là nơi mà đế quốc Mỹ đã thua và phải rút khỏi Việt-nam; là nơi chúng cho là chúng có điều kiện thuận lợi về địa lý; là nơi chúng hy vọng có thể lợi dụng quan hệ huyết thống của hàng chục triệu người và sử dụng các nhóm tay sai vào việc phục vụ cho đường lối phản động của chúng.

Bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc coi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam tiêu biểu cho tinh thần độc lập, tự chủ là trở ngại lớn nhất đối với mưu đồ bá quyền của chúng ở Đông Nam châu Á. Chính vì thế, chúng câu kết với đế quốc Mỹ và các đế quốc khác, tìm mọi cách phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Chúng đã và đang có những âm mưu và hành động phá hoại cực kỳ trắng trợn, thô bạo và thâm độc, chống lại cách mạng nước ta. Chúng dùng bọn tay sai của chúng ở Cam-pu-chia gây ra cuộc chiến tranh đánh phá biên giới Tây-Nam nước ta. Gần đây chúng tổ chức một cuộc dụ dỗ và cưỡng ép người Hoa ở nước ta di cư quy mô lớn, cắt hoàn toàn

viện trợ kinh tế đối với nước ta, rút hết chuyên gia về nước, đóng cửa các lãnh sự quán của ta, tìm mọi cách gây rối về chính trị và kinh tế, kết hợp với uy hiếp về quân sự. Hằng ngày chúng tuyên truyền kích động tư tưởng chống Việt-nam. Đứng trước những hành động thù địch của bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, nhân dân ta càng phải tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ nước nhà.



TÌNH hình mới đòi hỏi chúng ta phải động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, tinh thần tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và đánh phá nước ta.

Về mặt quốc tế, chúng ta cần phải tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và toàn thể loài người tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, làm tốt nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta, góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc ở Đông Nam châu Á và trên thế giới.

Âm mưu thâm độc của kẻ địch là phá hoại công cuộc xây dựng hòa bình nước ta, làm cho nước ta suy yếu. Chúng ta phải ra sức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng theo một kế hoạch cơ bản, lâu dài, được thực hiện từng bước vững chắc. Chúng ta phải xây dựng tốt nền kinh tế quốc dân, nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và bảo đảm hậu cần tại chỗ; đẩy mạnh xuất khẩu; tăng cường tiềm lực kinh tế để bảo đảm chiến thắng và xây dựng vững chắc chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ kinh tế quan trọng hàng đầu là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và cân đối lương thực, thực phẩm chủ yếu bằng cách thu mua trong nước.

Củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa kết hợp với xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Nam.

Đòi hỏi nhanh chóng công tác quản lý kinh tế, công tác kế hoạch, trước hết phải thực hiện tốt phân công, phân cấp quản lý, khắc phục những mặt tiêu cực, trì trệ, đề cao kỷ luật, ý thức và chế độ trách nhiệm ở mọi cấp, mọi ngành, mọi người.

Làm tốt nhiệm vụ quân sự trước mắt, tăng cường khả năng và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Kiên quyết và kịp thời trấn áp bọn phản cách mạng và bọn lưu manh côn đồ...

Mở rộng hoạt động đối ngoại nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ quốc tế đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời làm tốt nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta. Đẩy mạnh chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị đoàn kết và hợp tác với nhân dân tất cả các nước.

Tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức nhằm động viên mạnh mẽ mọi nhân tố tích cực trong Đảng và trong nhân dân, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, phát huy năng lực làm chủ tập thể của quần chúng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu và sản xuất.

Phải làm cho mọi người thông suốt về tình hình và nhiệm vụ mới, ra sức phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.



CHƯA bao giờ nước ta có sức mạnh như ngày nay. Đó là sức mạnh tổng hợp của một nước độc lập, thống nhất, có chính nghĩa, có truyền thống anh hùng, bất khuất, đoàn kết chống ngoại xâm, đã đánh thắng nhiều đế quốc to, kẻ cả đế quốc đầu sỏ; có sức mạnh của nền chuyên chính vô sản, của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, của đường lối đúng đắn, sáng tạo; sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đoàn kết nhất trí; sức mạnh của khối đoàn kết giữa nước ta với Liên-xô, các nước xã hội chủ nghĩa anh em, và với các dòng thác cách mạng khác trên thế giới. Chúng ta nhất định làm thất bại mọi âm mưu và hành động của bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc.

Tình hình thế giới hiện nay rất có lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Ba dòng thác cách mạng của thời đại không ngừng lớn mạnh nhanh chóng và đang ở thế tiến công mạnh mẽ. Hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh với nhịp độ nhanh, vững, chắc; đạt nhiều thành tựu lớn về các mặt kinh tế, khoa học, kỹ thuật, quốc

phòng. Phong trào giải phóng dân tộc, được thắng lợi của Việt-nam cô vũ, đã có bước phát triển mới, mạnh mẽ, có xu thế gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong một loạt nước. Phong trào công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng phát triển ngày càng mạnh. Hệ thống đế quốc chủ nghĩa ngày càng lún sâu vào cuộc tổng khủng hoảng và suy yếu nghiêm trọng. Lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới tiếp tục thay đổi có lợi cho các lực lượng cách mạng.

Trong tình hình trong nước và tình hình thế giới như vậy, chúng ta nhất định hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cách mạng mà Đảng đã đề ra.

Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn là một bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cuộc đấu tranh đó sẽ góp phần thúc đẩy các lực lượng cách mạng của thời đại tiến lên mạnh mẽ. Đưa cuộc đấu tranh đó đến thắng lợi vừa là nhiệm vụ dân tộc, vừa là nghĩa vụ quốc tế của nhân dân Việt-nam.

Hồ Chủ tịch đã dạy « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ». Tuân theo lời dạy của Hồ Chủ tịch, nhân dân ta quyết giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu đưa sự nghiệp cách mạng nước ta đến toàn thắng.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám (19-8-1945) và Quốc khánh (2-9-1945), nhân dân ta hãy đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, vừa lao động sản xuất tốt, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, đóng góp nhiều nhất cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta.

HAI KHÂU THEN CHỐT CỦA CÔNG TÁC QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

LÊ-TRỌNG-TẤN

SỨC MẠNH CỦA CẢ NƯỚC ĐÁNH GIẶC

Từ xa xưa cho tới gần đây, sức mạnh Việt-nam luôn luôn là một điều khó hiểu đối với các đội quân xâm lược. Vốn chỉ quen tính toán so sánh lực lượng qua các binh đoàn chủ lực, các đội quân đến xâm lược nước ta đều không sao hiểu nổi cái gì đã tạo nên sức mạnh Việt-nam, sức mạnh của một nước đất không rộng, người không đông lắm, kinh tế lại nghèo nàn lạc hậu. Từ quân Nguyên thế kỷ XIII bị đánh bại đến nỗi « về đến nước rồi mà vẫn còn run », cho đến quân Mỹ trong thế kỷ XX dùng cả máy tính điện tử, cũng đều không tính được điều bí ẩn đã tạo nên sức mạnh Việt-nam.

Nhìn lại quá trình dựng nước và giữ nước kể từ Nhà nước Văn-lang thời các vua Hùng cho đến nay, chúng ta thấy tổ tiên ta đã gắn liền nhiệm vụ dựng nước với nhiệm vụ giữ nước, cho nên khi giặc đến chúng ta có thể « cử quốc nghênh địch » (đưa sức mạnh của cả nước ra đánh giặc).

Nói đến dựng nước là phải làm cho nước từ nghèo trở thành giàu, từ lạc hậu trở thành tiên tiến. Nhưng trong lịch sử cũng có những nước giàu mà vẫn mất nước bởi vì chỉ riêng sự giàu sang lự nó không tạo ra sức mạnh để

giữ nước. Nước Pháp giàu có và thủ đô Pa-ri tráng lệ đã bị mất chỉ trong một chiến dịch tiến công của phát-xít Đức. Cho nên trong dựng nước và giữ nước, trước hết phải làm cho dân mạnh. Dân mạnh là nhân dân có cơm ăn, có áo mặc, có nhà ở, được học hành, có tinh thần yêu nước, có quyết tâm bảo vệ đất nước rất cao và được tổ chức thành lực lượng ngay từ lúc đất nước chưa có nguy cơ xâm lược.

Điềm lại cách dựng nước và giữ nước của tổ tiên, chúng ta thấy từ Đinh, Lê, Lý, Trần... các triều đại đều hết sức chăm lo vừa xây dựng và phát triển kinh tế, vừa chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang để làm cho nước mạnh, dân giàu. Đinh-Tiên-Hoàng hằng năm vẫn tự mình cày ruộng để làm gương cho nhân dân trong việc khẩn hoang. Nhà Đinh đã cho đào sông từ kinh đô Hoa-lư vào Thanh-hóa, Nghệ-an. Nhà Lý đã cho lập sổ đăng ký hộ khẩu và đăng ký quân dịch. Dân đinh có nghĩa vụ đăng ký quân dịch. Khi cần động viên thì « trăm họ đều là binh », chính quyền căn cứ vào sổ quân mà điều động. Chính sách « ngụ binh ư nông » cho phép nhà Lý, nhà Trần vừa phát triển được sản xuất, xây dựng kinh tế, vừa tăng cường được lực lượng quốc phòng hùng mạnh, bảo đảm được

công cuộc dựng nước và giữ nước phát triển vững chắc lâu dài.

Trong lịch sử giữ nước của người xưa, chúng ta có thể lấy hai ví dụ trái ngược nhau để chứng minh rằng huy động được sức mạnh cả nước đánh giặc thì thắng lợi nắm chắc trong tay; trái lại thì thất bại là điều khó tránh. Trong 30 năm, Nhà Trần đã ba lần chiến thắng quân Nguyên-Mông, một đội quân xâm lược mạnh nhất trong thế kỷ XIII.

Trần-Quốc-Tuấn coi việc cả nước góp sức, vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận là thượng sách để giữ nước. Trong việc chuẩn bị chiến trường cho đất nước chống quân xâm lược, nhà Trần đã không xây dựng những trường thành như các nhà quân sự thời đó thường làm. Trong Bình thư yếu lược, Trần-Quốc-Tuấn lập luận về mối quan hệ giữa con người và địa bàn như sau: « Người đánh giỏi vì có đất mà mạnh, vì có thể mà thắng, binh vì có đất mà mạnh, đất vì có binh mà hay ». Ông miêu tả thế trận của đất nước ta thời đó như sau: « Hình trận dăng như chữ Nhân gọi là « *Nhân trận* ». Thuận cũng là chữ Nhân, nghịch cũng là chữ Nhân. Tiến là chữ Nhân, thoái cũng là chữ Nhân. Hợp lại cộng làm một người, tản ra cũng làm một người. Một người làm một trận, nghìn muôn người sống làm một trận, nghìn muôn người động làm một người ». Năm 1285, trong tình hình đất nước bị bao vây bốn mặt, trước thế tiến quân của Thoát-Hoan ào ạt như lửa cháy, bốc mạnh như gió lốc, Trần-Quốc-Tuấn chỉ có trong tay 20 vạn quân chủ lực, nhưng với thế « *Nhân trận* » lợi hại, đã huy động được sức mạnh của cả nước đánh giặc, đã đánh thắng quân Toa-Đô từ phương Nam đánh ra, diệt quân Thoát-Hoan từ phương Bắc xuống. Sau chiến thắng, thống kê lại, cả nước chỉ có hai làng không đánh. Thế trận của làng xã làm nền tảng cho thế trận của cả nước. Do giải quyết tốt mối quan hệ giữa con

người và địa bàn, lại sử dụng hợp lý nhân lực và địa thế để tạo thành thế và lực mạnh, người xưa đã biến cả nước thành một chiến trường thống nhất để đánh giặc.

Sang thế kỷ XV khi quân Minh xâm lược nước ta, Hồ-Quý-Ly đã tổ chức phòng thủ đất nước trên quy mô lớn kéo dài từ Ba-vì (Hà-tây) theo bờ nam sông Hồng, sông Đáy cho đến cửa sông Ninh-giang (Nam-hà) rồi lại tiếp tục theo sông Luộc, sông Thái-bình đến Bình-than, dài 800 dặm (khoảng 400 ki-lô-mét). Trên các cửa sông, ông cho cắm cọc sắt, giăng lưới sắt ngầm. Việc tổ chức phòng thủ này là cần thiết, nhưng do không huy động được sức mạnh của quần chúng, cho nên khi quân Minh xâm lược nước ta, Hồ-Quý-Ly chỉ chống đỡ được có 6 tháng. Nguyễn-Trãi đã phê phán kế hoạch của Hồ-Quý-Ly như sau: « Cọc cắm hết lớp này đến lớp khác trước sông biên; Dây sắt chằng ngầm khóa sông lại cũng uổng công thôi. Lật thuyền mới rõ sức dân như nước... ».

NÉM LÊN CÁN CÂN SO SÁNH LỰC LƯỢNG MỘT SỨC MẠNH BẤT NGỜ

Trong cuộc chiến tranh chống Pháp trước đây cũng như trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vừa qua, lực lượng vũ trang địa phương luôn luôn là một mối bất ngờ đối với địch.

Lực lượng vũ trang địa phương là một lực lượng tổng hợp đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp. Lực lượng vũ trang địa phương bao gồm các đơn vị vũ trang và nửa vũ trang thuộc bộ đội địa phương, dân quân du kích, các đội biệt động, các đội đặc công đóng chung quanh các căn cứ Mỹ, các đô thị và ở ngay trong các đô thị, thường xuyên là nỗi kinh hoàng, là điều bất ngờ đối với quân xâm lược cả về chiến thuật, chiến dịch và chiến lược. Trên cơ sở phát động quần chúng, xây dựng cơ sở

chính trị, đánh địch bằng hai lực lượng quân sự và chính trị, binh vận, trên cả ba vùng chiến lược, chúng ta đã làm cho máy tính điện tử Mỹ không sao tính được sức mạnh tổng hợp cả nước đánh giặc của ta.

Chính lực lượng quân sự và chính trị tại chỗ đã làm nên « đồng khởi » trong « chiến tranh đặc biệt », đã đánh những trận đầu tiên khi quân Mỹ dạt kéo vào miền Nam nước ta. Một trong những chiến công nổi bật của lực lượng quân sự tại chỗ là cuộc tiến công chiến lược và nổi dậy mùa xuân năm Mậu Thân. Với lực lượng chính trị đã được xây dựng công phu trong nhiều năm, được tổ chức chặt chẽ, phối hợp với lực lượng vũ trang linh nhuệ cũng được tổ chức ngay trong các đô thị và vùng ven, chúng ta đã bất ngờ tiến công và nổi dậy đồng loạt trong cùng một thời gian trên 50 thị trấn và thành phố, kể cả sào huyệt cuối cùng, nơi chúng đề phòng nghiêm mật nhất. Không có không quân, không có tên lửa, không có những binh đoàn đổ bộ đường không, chỉ có lực lượng bộ binh tại chỗ, chúng ta đã tổ chức một cuộc tiến công chiến lược đồng loạt trên toàn bộ tung thâm chiến lược của địch.

Ở miền Bắc, để chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của giặc Mỹ, lực lượng vũ trang địa phương đã xây dựng trận địa, tạo nên lưới lửa tầm thấp lợi hại bắn máy bay địch, đồng thời làm nhiệm vụ săn lùng giặc lái, góp phần giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội, bảo đảm hậu cần, bảo đảm giao thông vận tải. Công tác quân sự địa phương đã huy động tiềm năng tại chỗ của địa phương, thực hiện chiến tranh nhân dân và quốc phòng toàn dân.

Trong điều kiện so sánh lực lượng chênh lệch tuyệt đối về tiềm lực kinh tế, quân sự, về khoa học kỹ thuật, về vũ khí trang bị, chúng ta đã ném lên

cán cân so sánh lực lượng giữa ta và địch một sức mạnh bất ngờ, sức mạnh mà địch không sao tính được: sức mạnh của cả nước đánh giặc và sức mạnh của thời đại.

XÂY DỰNG CON NGƯỜI, XÂY DỰNG ĐỊA BÀN: HAI KHẤU THEN CHỐT TRONG CÔNG TÁC QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

Dựng nước đi đôi với giữ nước luôn luôn là quy luật tồn tại và phát triển của nước ta. Kế thừa và phát triển kinh nghiệm dựng nước và giữ nước của tổ tiên, trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ dân tộc và dân chủ, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa đánh giặc ngoại xâm vừa diệt giặc đói và giặc dốt. Vì vậy, chúng ta càng đánh càng mạnh. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta đã vạch ra đường lối tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Vì giải phóng miền Nam, phải bảo vệ và xây dựng miền Bắc; để bảo vệ miền Bắc, phải đánh thắng giặc Mỹ ở miền Nam. Hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đó được kết hợp chặt chẽ với nhau trên phạm vi chiến lược nhằm một mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ trong cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã kết hợp sức mạnh chiến đấu của tiền tuyến lớn và tiềm lực của hậu phương lớn, đã động viên đến mức cao nhất lực lượng của toàn dân, của cả nước vào cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Sức mạnh « củ quốc nghênh địch » đã được kết tinh lại và nâng lên một trình độ mới.

Sau hơn ba mươi năm chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì phong trào giải phóng dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, chúng ta rất cần có hòa bình để hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đất nước. Nhưng lợi dụng lúc chúng ta chưa khắc phục xong những khó khăn do chiến tranh xâm lược của giặc Mỹ để lại và đang triển khai nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bọn phản động Pôn Pốt - lêng Xa-ry, tay sai của chủ nghĩa bá quyền nước lớn, đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược ở phía tây nam của Tổ quốc ta. Đây là một kế hiểm độc nhằm phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta, làm chậm bước tiến của chúng ta và phá hoại uy tín của nước ta trên thế giới. Vì đối với chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi sặc mùi phong kiến phản động và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc cùng các thế lực phản động khác, một nước Việt-nam độc lập, tự chủ, giàu mạnh, dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác - Lê-nin chân chính, là không thể chấp nhận được.

Nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta là muốn có hòa bình, muốn sống hữu nghị, bình đẳng với các nước láng giềng. Nhưng chúng ta không sợ chiến tranh. Mỗi tấc đất, mỗi ngọn cỏ của Tổ quốc mà chúng ta đã phải tốn bao xương máu mới giành lại được từ tay bọn thực dân xâm lược, đều phải được bảo vệ. Trước âm mưu phá hoại lâu dài và thôn tính nước ta của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, với cuộc chiến tranh bảo vệ tuyến biên giới tây nam của Tổ quốc, đất nước ta phải *chuyển sang vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*.

Tình hình mới đòi hỏi chúng ta phải nâng cao cảnh giác, khẩn trương chuẩn bị, sẵn sàng đối phó với mọi tình huống có thể xảy ra. Chúng ta không coi thường mưu ma kế quỷ của

đối phương, nhưng cũng rất bình tĩnh thực hiện với nỗ lực cao nhất đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và những nghị quyết của Trung ương vạch ra. Âm mưu của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc là phá hoại ta lâu dài, làm cho ta suy yếu đi để thôn tính nước ta. Chúng ta phải giữ nước cho thật tốt đồng thời cũng phải xây dựng đất nước cho thật mạnh. Một bộ phận của đất nước (trên 1000 ki-lô-mét biên giới tây nam) có chiến tranh thì cả nước là hậu phương của cuộc chiến tranh đó. Tại các khu vực có chiến tranh, chúng ta phát động toàn dân đánh giặc. Nhiệm vụ của nhân dân ta ở vùng này là vừa chiến đấu vừa sản xuất.

Trong lúc tập trung lực lượng của cả nước ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức nâng cao chất lượng và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đề cao tư tưởng vũ trang toàn dân và quốc phòng toàn dân, kiên quyết đập tan mọi âm mưu bành trướng, mọi hành động phá hoại, lật đổ, bạo loạn và xâm lược của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai, bảo vệ vững chắc chủ quyền độc lập dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững cao ngọn cờ chủ nghĩa Mác - Lê-nin chân chính, góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới.

Trong tình hình mới, công tác quân sự địa phương phải tự lực đảm đương bằng được việc bảo vệ vùng biên giới và an ninh nội địa, để cho cả nước xây dựng kinh tế, xây dựng quốc phòng, thiết thực chuẩn bị cho đất nước đối phó thắng lợi nếu cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn xảy ra.

Hiện nay các địa phương đang triển khai công tác quân sự địa phương cho phù hợp với tình hình

mới. Nhiều kinh nghiệm về công tác quân sự địa phương trong kháng chiến trước đây vẫn giữ nguyên giá trị; nhưng cũng có những kinh nghiệm cần được vận dụng một cách sáng tạo trong cuộc chiến tranh tự vệ mà chúng ta buộc phải khẩn trương chuẩn bị. Lại có những vấn đề hoàn toàn mới từ trước tới nay chưa đặt ra, đòi hỏi chúng ta phải bắt tay nghiên cứu.

Chúng ta không muốn chiến tranh, nhưng phải ra sức chuẩn bị để đối phó thắng lợi với cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nếu kẻ thù liều lĩnh gây ra. Cuộc chiến tranh tự vệ mà đất nước phải chuẩn bị đối phó sẽ diễn ra không giống như trong chiến tranh giải phóng, nhưng những nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của các cuộc chiến tranh vẫn không thay đổi. « Trong bất cứ một cuộc chiến tranh nào, thắng lợi suy cho cùng là do tinh thần của quần chúng đang đổ máu trên chiến trường quyết định », và « muốn tiến hành chiến tranh một cách nghiêm chỉnh phải có một hậu phương được tổ chức vững chắc » (1). Công tác quân sự địa phương trong tình hình mới có nhiều việc phải làm, nhưng có hai việc then chốt nhất có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước là xây dựng con người và xây dựng địa bàn.

Về xây dựng con người. Thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và mang tính thời đại của Việt-nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã khẳng định vũ khí là yếu tố rất quan trọng trong chiến tranh, nhưng vũ khí, kỹ thuật dù hiện đại mấy cũng phải do con người điều khiển. Con người mới là nhân tố quyết định nhất trong chiến tranh. Chúng ta đề cập đến con người không phải chỉ với ý nghĩa chính trị, tư tưởng chung chung, mà là con người có trình độ giác ngộ chính trị cao, có tư tưởng

quyết chiến, quyết thắng, có thể lực tốt, nắm được khoa học kỹ thuật, con người biết làm chủ bản thân, làm chủ xã hội để tiến lên làm chủ thiên nhiên.

Trong tình hình mới, chúng ta phải hết sức chủ động trong việc xây dựng con người để nó vừa là nhân tố quyết định trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lại vừa là nhân tố quyết định trong sự nghiệp bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Xây dựng con người có nhiều việc phải làm, do nhiều ngành cùng làm. Nhưng vấn đề then chốt có liên quan đến việc triển khai công tác quân sự địa phương là thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động. Đây là một vấn đề hết sức cơ bản của công tác quân sự địa phương.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta có câu « Một tấc không đi, một ly không rời » và « Dẽ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong » nói lên ý thức làm chủ của nhân dân và sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể. Chính với tinh thần « Một tấc không đi, một ly không rời » đầy khí phách tiến công, chúng ta đã có những vành đai diệt Mỹ chung quanh các căn cứ liên hiệp không lồ của nó, đã thực hiện rất sáng tạo phương thức tác chiến « Tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ, giành quyền làm chủ để tiêu diệt địch ».

Thực hiện đầy đủ quyền làm chủ cũng là vấn đề then chốt để phát động quần chúng. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía tây-nam, ở vùng nào nhân dân hiểu rõ bảo vệ biên giới của Tổ quốc là bảo vệ đất đai, nhà cửa, mồ mả tổ tiên, bảo vệ tính mạng, tài sản của cha, mẹ, vợ, con mình ở vùng đó thì nhân dân

(1) Lê-nin: « Diễn văn tại hội nghị đại biểu mở rộng của công nhân và Hồng quân khu Rô-gô-giơ-xi-môn » *Lược văn quán sự*. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà-nội, 1964, trang 116 — 151.

chiến đấu rất dũng cảm. Thực hiện quyền làm chủ về chính trị sẽ tạo điều kiện cho nhân dân tham gia một cách tự giác bảo vệ trật tự, an ninh nội địa. Bản thân việc thực hiện quyền làm chủ sẽ gây trong nhân dân nhu cầu và khát vọng muốn hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, muốn nắm vững khoa học, kỹ thuật quân sự để thực hiện có hiệu quả quyền làm chủ của mình. Tề quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, không nghiêm chỉnh chấp hành chính sách hậu phương quân đội, thiếu công bằng trong khi thực hiện nghĩa vụ quân sự đều là những vật cản đối với việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động. Bác Hồ đã dạy: «Điền trọng yếu là bất kỳ bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích đều phải bám sát lấy dân, rời dân ra nhất định thất bại. Bám sát lấy dân là làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu. Như vậy thì bất kể việc gì khó cũng làm được cả và nhất định thắng lợi. Muốn thế phải bảo vệ, giúp đỡ, giáo dục nhân dân. Giáo dục không phải là đưa sách vở bắt buộc dân phải học, làm thế tức là phản lại lợi ích của dân, của cách mạng, là quan liêu, mệnh lệnh. Phải vận động nhân dân để dân tự nguyện, tự giác, nếu bắt buộc thì chỉ có thể có kết quả ngay lúc đó thôi, còn sau thì không thấm» (2). Dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động là đòn bẩy để công tác quân sự địa phương tạo nên sức mạnh tổng hợp lớn nhất, để chiến thắng một đối tượng tác chiến có chỗ yếu cơ bản về chính trị và đạo lý.

Về xây dựng địa bàn. Xây dựng địa bàn là chuẩn bị chiến trường chiến tranh và chiến trường tác chiến cho đất nước đối phó thắng lợi trong một cuộc chiến tranh tự vệ đánh thắng mọi kẻ thù, trong mọi quy mô, với bất cứ loại vũ khí gì. Việc xây dựng địa bàn phải căn cứ vào nhiệm vụ chính trị,

kinh tế của đất nước, vào chính sách đối ngoại của Nhà nước, vào tình hình kinh tế của đất nước.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội và kết hợp kinh tế với quốc phòng trong cả nước. Ngày nay, khi một bộ phận của đất nước có chiến tranh thì cả nước trở thành hậu phương của cuộc chiến tranh đó.

Ở những tỉnh, huyện đang chiến đấu và những tỉnh, huyện chuẩn bị chiến đấu với kẻ thù trực tiếp trước mắt thì phải căn cứ vào phương án tác chiến mà tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động để bảo đảm chiến đấu thắng lợi, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao, bảo đảm sản xuất. Sản xuất và giải quyết lương thực tại chỗ là một bảo đảm cho khả năng tác chiến của địa phương. Tổ chức địa bàn chiến đấu của lực lượng quân sự địa phương phải nhằm phát huy cao độ sức mạnh tại chỗ để tiến tới trong một thời gian ngắn, từng địa phương có thể tự mình đảm đương nhiệm vụ bảo vệ biên giới, tạo điều kiện cho cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng quốc phòng, chuẩn bị cho đất nước đối phó có hiệu quả ngay từ phút đầu, khi kẻ địch mở rộng xung đột vũ trang trên nhiều hướng khác nhau hoặc tiến hành chiến tranh xâm lược quy mô lớn.

Kế hoạch chuẩn bị cho đất nước cũng như cho từng địa phương phải có *trọng điểm*. Thực tế các cuộc chiến tranh xâm lược nước ta cho thấy những trận tiến công then chốt của quân xâm lược thường diễn ra trên những hướng nhất định. Do nhiều điều kiện khác nhau, kẻ địch không thể cùng một lúc triển khai tiến công trên toàn tuyến. Chỉ cần chúng ta xem lại các cuộc tiến công của quân xâm lược

(2) Hà-Chí-Minh: «Huấn thị tại Hội nghị về chiến tranh du kích họp vào tháng 7 năm 1952», *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, trang 138.

trước đây và căn cứ vào kế hoạch chung là có thể thấy được những trọng điểm cần thiết thực xây dựng các công trình phòng thủ vững chắc kết hợp với các công trình phòng thủ của địa phương.

Tại những trọng điểm, ngoài các công trình phòng thủ, phải có các căn cứ chỉ đạo và chỉ huy các cấp, mạng lưới giao thông, thông tin, trinh sát, y tế vừa phục vụ việc sản xuất trước mắt, vừa chuẩn bị cho tương lai. Đây là việc làm của các cấp, các địa phương và của các ngành ở trung ương. Trên tuyến biên giới tây nam, có nơi chỉ dựa vào phương tiện, vật liệu tại chỗ đã xây dựng các tuyến phòng thủ khá vững chắc, đánh bại các cuộc lấn chiếm của bọn Pôn Pốt—lềng Xa-ry. Cùng với việc xây dựng các trọng điểm, phải *xây dựng huyện thật sự trở thành pháo đài quân sự tại chỗ*. Đó là pháo đài của chiến tranh nhân dân, là nền tảng của quốc phòng toàn dân. Cho nên xây dựng huyện về quân sự phải gắn chặt với xây dựng huyện về kinh tế.

Kế hoạch kinh tế của huyện phải gắn chặt với kế hoạch tác chiến, kế hoạch phòng thủ của huyện. Sự kết hợp giữa xây dựng và phòng thủ của huyện có liên quan đến kế hoạch chung của cả nước. Việc phân bố lại sức lao động, tăng cường sức lao động cho các huyện ở những địa bàn quan trọng đề vừa xây dựng kinh tế tại chỗ và vừa sẵn sàng chiến đấu là rất cần thiết, cần có quy hoạch tổ chức và triển khai tốt để trong một thời gian ngắn huyện trở thành một đơn vị mạnh về kinh tế và vững về quân sự. Các cơ quan trung ương hợp đồng với nhau trực tiếp giúp cấp huyện quy hoạch và xây dựng, tránh tình trạng kế hoạch vạch ra trên giấy thì đẹp nhưng không thể nào thực hiện được. Lê-nin đã nói: *“Những kế hoạch to lớn không phải lấy từ chuyện thần thoại, mà là những kế hoạch đã*

được khoa học chuẩn bị và được kế hoạch đóng chốt lại” (3).

Kế hoạch xây dựng huyện thành pháo đài quân sự tại chỗ của chiến tranh nhân dân và của nền quốc phòng toàn dân phải gắn chặt với kế hoạch xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông—công nghiệp hoặc nông—lâm—công nghiệp, nông—ngư—công nghiệp. Kế hoạch đó phải *bảo đảm hậu cần tại chỗ* khi có chiến tranh. Về chính trị tư tưởng, phải xây dựng cho nhân dân ý chí quyết chiến quyết thắng; về tổ chức phải phát động quần chúng làm trong sạch nội bộ nhân dân, phân bố lại lao động, tổ chức lại dân cư.

Huyện chỉ thật sự trở thành pháo đài quân sự khi:

— Trong huyện có làng xã chiến đấu, có cụm chiến đấu của các nông trường, lâm trường, nhà máy... hình thành các khu vực phòng thủ theo một kế hoạch liên hoàn, bình thành thế trận của chiến tranh nhân dân, tiến công mạnh mẽ, phòng thủ kiên cường, phản công thắng lợi; quần chúng nhân dân phát huy được quyền làm chủ tập thể, được tổ chức chặt chẽ; dân quân du kích được tổ chức chặt chẽ rộng khắp, có phương án tác chiến tại chỗ và phương án cơ động trong địa phương, có bộ binh và các binh chủng, có khả năng đánh địch trên đất liền, trên không, đánh địch đồ bộ đường không, đánh địch đồ bộ đường biển, có bộ đội địa phương làm nòng cốt, có bộ chỉ huy quân sự mạnh từ huyện đến cơ sở.

— Có lực lượng hậu bị mạnh, được huấn luyện tốt, sẵn sàng tham gia quân đội thường trực để chiến đấu tại địa phương và bổ sung cho cấp trên.

— Có kinh tế phát triển vững mạnh bảo đảm lương thực tại chỗ và có
(Xem tiếp trang 40)

(3) Lê-nin: Toàn tập, xuất bản lần thứ 5, tiếng Nga, tập 44, trang 63.

TỪ THỜI ĐẠI VUA HÙNG ĐẾN THỜI ĐẠI HỒ-CHÍ-MINH

TRẦN-QUỐC-VƯƠNG

CUỐN *Việt-nam đất nước anh hùng* của Nhà xuất bản Sự thật Hà-nội viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập nước Việt-nam dân chủ cộng hòa (1945 – 1975) dành một trang in ảnh ba tòa lăng. Lăng Vua Hùng, Lăng Ngô Quyền và Lăng Chủ tịch Hồ-Chí-Minh: Ba di tích tưởng niệm ba nhân vật vĩ đại của lịch sử dân tộc, tiêu biểu cho ba chặng đường DỰNG NƯỚC và GIỮ NƯỚC của một VIỆT-NAM. Vua Hùng là Tổ dựng nước Việt-nam cổ đại, Ngô-vương Quyền là Tổ dựng nước Việt-nam trung đại, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh là Tổ dựng nước Việt-nam hiện đại, xã hội chủ nghĩa... Tuy ba mà một, đáng yêu, đáng quý như chân lý « Một trong Tất cả, Tất cả trong Một » của tinh hoa triết học phương Đông...

Một thời, có nhiều kẻ chỉ trích những người cộng sản là phủ nhận vai trò của cá nhân trong lịch sử. Lu-na-sác-xki, một người bạn chiến đấu của Lê-nin, đã trả lời họ rằng chính những người cộng sản lấy tên tuổi của một cá nhân (Các Mác) để đặt tên cho chủ nghĩa của mình thì làm sao có thể nói những người cộng sản xem nhẹ vai trò của cá nhân trong lịch sử!

Bác Hồ, người cộng sản Việt-nam vĩ đại, nói: « *Chúng ta có quyền tự hào vì những trang sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần-Hưng-Đạo, Lê-Lợi, Quang-Trung, v.v. Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng* »⁽¹⁾.

Hôm nay, ở đây, ngồi diềm lại những chặng đường lịch sử Việt-nam, chúng tôi không có ý định viết về những nhân vật mà tên tuổi đã in đậm vào trang sử dân tộc, làm gương mẫu cho chúng ta tôn thờ. Lòng chúng ta hướng về những người dân thường Việt-nam đã tạo dựng nên văn hóa, văn minh, văn hiến Việt-nam, những chiến sĩ vô danh hợp thành khối lượng đồ sộ NHÂN DÂN, người chủ chân chính của lịch sử dân tộc.

I — VĂN MINH VÀ TÂM HỒN DÂN TỘC

Văn minh Việt-nam khởi nguồn từ nông nghiệp, từ những căn lều nông dân. Những ruộng vườn, chuồng trại.

(1) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 114.

những ao đầm, kênh ngòi, để đập, những xóm làng với nếp sống định cư, sự phồn xa về kinh tế, một nền phong hóa thuần phác và những dạng về đầu tiên của tôn ti trật tự xã hội... Văn minh đó nở rộ trong các thành thị ở cuối chặng đường nguyên thủy cũng như ở cuối thời trung cổ và phát triển mãi cho đến ngày nay.

Nếu Văn minh là sự tiến bộ về vật chất và tinh thần của loài người nói chung thì văn hóa là sản phẩm của những cộng đồng người riêng biệt. Có văn hóa Việt-nam và văn hóa Pháp. Có văn hóa nông dân và văn hóa phong kiến.

Trên cơ bản, văn minh và văn hóa cổ truyền Việt-nam thuộc những dạng đầu tiên, nảy sinh từ xóm làng, từ nghề nông trồng lúa trồng màu, từ những người nông dân "chân cứng đá mềm"... Thực chất văn minh Việt-nam cổ truyền là văn minh nông nghiệp và cái nói lên bản chất văn hóa Việt-nam là văn hóa dân gian.

Khi những người Hán trồng cao lương ở lưu vực Hoàng-hà, người Ấn trồng mạch ở lưu vực Hằng-hà thì người Việt trồng LÚA ở lưu vực sông Hồng. Người Hán trồng khô, người Việt lấy "nhất nước nhì phân" làm biện pháp kỹ thuật nông nghiệp. Người Hán đào giếng (tính), dùng nước ngầm, người Việt đào ao, tận dụng nguồn nước ngọt trên mặt đất. Ông Vũ trị thủy sông Hoàng bằng cách khơi nhiều dòng chảy. Sơn-Tĩnh trị thủy sông Hồng bằng cách đắp đê, để cả dân tộc Việt-nam được mệnh danh là "dân tộc đắp đê" và có cả một nền "chính trị đê điều". Hạ-Vũ đúc vạc (đỉnh), vua Hùng đúc trống đồng, người Hán thối tiêu, người Việt thối khèn, người Hán đội mũ (mũ), người Việt chít khăn... Kề sơ sơ một vài thành tựu văn minh vật chất như vậy đủ thấy, từ khởi thủy, văn minh Hán và văn minh Việt là hai nền văn minh riêng biệt, tuy sau này có sự giao lưu ảnh hưởng lẫn nhau, nhiều

khi khá sâu đậm nhưng không thể nói văn minh Việt phương Nam bắt nguồn từ văn minh Hán phương Bắc được... 1000 năm « Bắc thuộc », tổ tiên ta không « tự tử về văn hóa » trước sức ép của âm mưu và chính sách « đồng hóa » của bọn thái thú, thứ sử, đô hộ. Khác nhau về văn hóa là sự khác nhau về chất, khác nhau về tinh dân tộc và tính giai cấp.

Lại xét đến một khía cạnh khác, khía cạnh văn hóa xã hội. Văn minh phong kiến Trung-quốc mà bề lũ phong kiến Hán — Đường — Minh muốn du nhập sang ta và nhiều triều đại phong kiến Việt-nam cũng muốn tẩm mình vào, coi Trời (thiên) là tối thượng; văn hóa dân gian Việt-nam báng bỏ cả Trời với câu: « nhất vợ, nhì trời ».

Trong NƯỚC, văn minh phong kiến Trung-quốc coi VUA là « con Trời » (thiên tử), có sứ mệnh « thay Trời trị dân » trong « thiên hạ » (dưới gầm trời này); văn hóa dân gian Việt-nam ứng xử bằng tập tục « Phép vua thua lệ làng », coi « vua » và « giặc » là hai phạm trù có thể chuyển hóa lẫn nhau: « Được làm vua, thua làm giặc » và phác họa cảnh « thay bậc đổi ngôi » thời loạn:

*Bao giờ dân nổi can qua
Con vua thất thế lại ra quét chùa!*

Trong NHÀ, văn minh phong kiến Trung-quốc lấy CHA làm nhân vật trung tâm; văn hóa dân gian Việt-nam, trong đạo nhà, cần đối trong « nguyên lý CHA và MẸ »: « Cha sinh chẳng tày mẹ dưỡng », công cha như núi, nghĩa mẹ như nước nguồn lai láng...

Giữa hai thế hệ, văn minh phong kiến Trung-quốc lấy đạo « phụ-tử » (cha — con) làm đầu, cha bảo con chết, con không chết là bất hiếu. Văn hóa dân gian Việt-nam đề cao ảnh hưởng của MẸ đến các con: « Con đại cái mang » và đặc biệt đề ra một thể ứng xử vô cùng khoan dung, nhân đạo và

phù hợp với tiến hóa lịch sử: « *Con hơn cha, nhà có phúc* »! Về mối quan hệ VỢ CHỒNG, văn minh phong kiến Trung-quốc áp đặt đạo « phu phụ », với lễ lối « phu xướng phụ tùy » và đạo « tam tòng ». Văn hóa dân gian Việt-nam nêu lên đạo lý dân chủ « *Thuận vợ thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn* ». Trong gia đình Việt-nam, « *Nhà* » được đồng nhất với cả vợ, cả chồng và « *nhà tôi* » cũng có nghĩa như « *vợ tôi* », « *chồng tôi* » trong đối thoại với người khác... (Lối xưng hô này chỉ thấy trong một vài tộc người nói tiếng in-đô-nê-diêng ở Đông Nam Á).

Ở đây, chúng ta không có ý đối chọi hai nền văn hóa Việt-nam và Trung-quốc mà chỉ muốn nhấn mạnh đến khía cạnh bảo vệ văn hóa dân tộc của người dân thường Việt-nam trước sự xâm nhập của văn hóa phong kiến phương Bắc.

Như vậy, có thể thấy, nếu trong tầng lớp cầm quyền phong kiến, tầng lớp sĩ phu phong kiến Việt-nam có một bộ phận vọng ngoại, « *Nam nhân Bắc hướng* », thì chính nhân dân lao động là người giữ gìn đạo lý và tâm hồn dân tộc.

Nếu văn minh phong kiến Trung-quốc dựa trên ba cương lĩnh (tam cương): *Quần thần* (vua tôi) — *Phụ tử* (cha con) — *Phu phụ* (chồng vợ), thì, ngoài quan hệ gia đình (bố mẹ — con cái — vợ chồng) như đã nói trên, người dân thường Việt-nam nêu cao những quan hệ HỌ HÀNG — LÀNG — NƯỚC: « *Trong họ, ngoài làng* », « *sống ở làng, sang ở nước* »... Trong họ, thì « *máu chảy ruột mềm* ». Họ bố, họ mẹ, họ vợ (hoặc chồng) hợp thành « *ba họ* » với một chân lý cụ thể « *Ai giàu ba họ, ai khó ba đời* » trong lễ vô thường... Với xóm làng, là quan hệ láng giềng « *tối lửa tắt đèn có nhau* », là quan hệ cộng cư « *lá lành đùm lá rách* » với một tinh thần cộng đồng làng xóm hay tinh cảm cộng đồng, sự cộng cảm. « *Tình làng, nghĩa nước* ».

Làng là một đơn vị kinh tế, một tế bào xã hội, một chính thể văn hóa của người Việt-nam cổ truyền, nằm trong cộng đồng chung đất nước. Khi đất nước được dựng lập, thì tinh thần yêu nước, tinh cảm độc lập, ý thức tự chủ trở thành cốt cán tư tưởng tinh cảm của người Việt-nam. Từ đó, để ra chân lý vĩ đại nhất của lịch sử Việt-nam, sợi chỉ đỏ quán xuyên 4000 năm văn hiến Việt-nam.

« *KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP, TỰ DO* »!

Bên trong, tinh thần yêu nước gắn bó với tinh thần thống nhất quốc gia, đấu tranh kịch liệt chống tinh thần địa phương chủ nghĩa hẹp hòi; cái tinh thần « *thập nhị sứ quân* » luôn luôn bị lên án mạnh mẽ là « *loạn* » chứ không bao giờ là « *trị* ». Với Việt-nam, từ vua Hùng đến Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, ĐỘC LẬP và THỐNG NHẤT gắn liền làm một, là một. Đó là một quy luật đặc thù của lịch sử Việt-nam.

Bên ngoài, suốt mấy nghìn năm, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc, tinh cảm độc lập Việt-nam luôn luôn phải đối đầu với chủ nghĩa bành trướng, tinh thần bá quyền, cái « *bá đạo* » của phong kiến đại Hán tộc. Cái chủ nghĩa bành trướng đại Hán tộc ấy đã ăn sâu vào tim óc bọn « *kẻ sĩ* » Trung-quốc qua các kinh điển nho giáo là các bộ Tứ thư, Ngũ kinh. Tứ thư, thì ví dụ như sách *Đại học* đã vạch rõ lý tưởng của « *bậc sĩ quân tử* » Trung quốc là « *Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ* ». Ngũ kinh, thì ví dụ như *Kinh thi*, đã nêu lên một giáo điều được xem là chân lý tuyệt đối: « *Phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ, suất thổ chi tán mạc phi vương thân* » (khắp dưới gầm trời này, đâu không là đất đai của nhà vua, ai không là bề tôi của nhà vua). Giới cầm quyền Bắc-kinh hiện nay cũng rất thích dùng cái khái niệm đã lỗi thời: « *Thiên hạ* ». Họ tung ra thế giới cái nhận xét vong

mạng của họ. «*Thiên hạ đại loạn!*». Hai nghìn rưỡi năm phong kiến, tư tưởng thống trị Trung-quốc là cái quan niệm vũ trụ ba tầng «*thiên-địa-nhân*», trên là Trời, chỉ có một ông Trời cai trị, dưới Trời (thiên hạ) cũng chỉ có một ông «*con Trời*» (Thiên tử) cai trị, với một đám bộ sậu được gọi là «*Thiên triều*»! Cái quan niệm ấy đã trở thành một tư tưởng tôn giáo đồng thời là một chủ nghĩa chính trị, chủ nghĩa «*bình thiên hạ*».

Do vậy, chúng ta mới hiểu tại sao tổ tiên ta ngày trước, khi giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, trong hoàn cảnh cũ, cần xưng «*vương*», xưng «*đế*» để còn bác bỏ cái chuyên quyền, độc tôn, độc đoán của các ông «*con Trời*» phương Bắc.

Bà Trưng xưng «*Vương*» là đề nêu cao cái lý lẽ tự chủ:

Đô kỳ đóng cõi Mê-linh

*Lĩnh-nam riêng một triều đình
nước ta!*

Bài thơ — tuyên ngôn độc lập của Lý-Thường-Kiệt mở đầu bằng câu:

Nam quốc sơn hà nam đế cư

cũng nhằm chống chủ nghĩa «*bình thiên hạ*» phương Bắc. Bài *Cáo bình Ngô* của Nguyễn-Trãi cũng nhấn mạnh cái ý tưởng độc lập tự chủ ấy:

*Trải Triệu, Đinh, Lý, Trần nổi đời
dựng nước*

*Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên,
đều chủ một phương*

Sơn hà cương vực đã chia

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Và Nguyễn-Huệ, trong tờ *Chiếu lên ngôi*, cũng nói rõ chỉ mành «*không muốn làm vua*», sớ di phả xưng đế là đề cho bè lũ xâm lược phương Bắc biết «*nước Nam này có chủ*»!

Dưới cái vỏ hạn hẹp của những danh xưng phong kiến, đã chứa đựng một ý chí, một tình cảm cao thượng nhất Việt-nam, đó là TÌNH YÊU NƯỚC.



Người ta bảo một trong những biểu hiện khủng hoảng của tư tưởng phương Tây là chỉ tán dương có một điều, ấy là thế lực tương lai của LÝ TRÍ, người ta toan quay về cái TÂM linh, cái TÌNH, cái TÂM LÒNG, của Đông phương. Nhưng nếu phương Tây có cái duy lý của Đê-các-tơ thì phương Bắc còn có cái duy lý tẻ hại của Khổng-Tử. Chỉ có chủ nghĩa Mác — Lê-nin mới đạo đạt được tinh thần LÝ TÌNH giao hội. Tư tưởng Việt-nam xã hội chủ nghĩa, kết hợp tinh hoa của văn minh Việt-nam với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, tinh hoa của trí tuệ loài người, không «*duy*» riêng một cái gì, mà có cả LÝ lẫn TÌNH. Lý là đầu óc, Tình là bụng dạ (các nhà tâm lý học đã chứng minh rằng bụng là nơi chứa tình cảm).

Người Việt-nam suy nghĩ vừa bằng đầu óc vừa bằng bụng dạ. Rút kinh nghiệm thiên thảm sử My-Châu — Trọng-Thủy thời đại các vua Hùng — vua Thục, người Việt-nam thời đại Hồ-Chi-Minh không còn ứng xử như My-Châu «*trái tim làm chỗ dề trên đầu*» (Tổ-Hữu); người Việt-nam ăn ở thật lòng, thật bụng, đoàn kết thủy chung nhưng không thủy chung một cách mê muội khi bạn bè đã thay lòng đổi dạ.

Chúng ta có một nền văn minh, văn minh Việt-nam!

Chúng ta có một tâm hồn dân tộc, tâm hồn Việt-nam! Và với thời đại mới, chúng ta cũng đã và đang xây dựng một nền văn minh cộng sản Việt-nam, bồi dưỡng một tâm hồn cộng sản Việt-nam!

II — ĐỐI THOẠI NAM — BẮC

Đại Việt sử lược, bộ sử vào loại xưa nhất do người Việt-nam viết còn lưu truyền tới ngày nay, giữ được một sử liệu quý báu: vào cuối thế kỷ VI đầu thế kỷ V trước Công nguyên, Việt vương Câu-Tiên, kẻ mưu đồ xưng bá ở miền Giang -- Hoài, đã sai sứ giả tới

dụ nước Văn-lang thần phục, nhưng vua Hùng đã chống cự lại, đuổi sứ giả về nước.

Tài liệu đó, kết hợp với những phát hiện khảo cổ gần đây chứng minh ít nhất ba điểm:

1 — Người Việt cổ ở lưu vực sông Hồng, cư dân nước Văn-lang thời đại các vua Hùng, không phải là con cháu người nước Việt của Câu-Tiền ở Giang-nam, sau khi nước Việt ấy bị nước Sở diệt (năm 333 trước Công nguyên) mới kéo nhau xuống làm ăn sinh sống ở châu thổ sông Hồng, như quan điểm sai lầm của học giả Pháp Lê-ô-na Ô-rút-xô.

2 — Nước Văn-lang của người Việt cổ và các vua Hùng đã từng tồn tại ngang thời Tam đại của lịch sử Trung-quốc. Đó là một sự thật lịch sử chứ không phải là một điều bịa đặt của các nhà sử học Việt-nam; Việt-nam không phải chỉ có sử từ thế kỷ X, sau cả Cam-pu-chia, như một tờ báo Trung-quốc gần đây xuyên tạc, vừa thò bạo, vừa đầy dụng ý xấu xa.

3 — « Các vua Hùng đã có công Dựng nước », như lời Bác Hồ ta ca ngợi, các vua Hùng là tổ tiên ta thời đại Văn-lang cũng có công GIỮ NƯỚC, giữ gìn nền độc lập quốc gia. Ngay từ kỷ nguyên bắt đầu dựng nước và giữ nước, trong ánh bình minh của lịch sử dân tộc, tổ tiên ta đã giương cao ngọn cờ ĐỘC LẬP TỰ CHỦ, chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc của giới cầm quyền phong kiến phương Bắc.

Đại — Việt sử lược cũng chép chuyện người thời thế các vua Hùng là Thục-Phán « đắp thành ở Việt-thường, xưng hiệu là An-Dương-Vương, không thông hiếu với nhà Chu ».

Bởi vậy, câu chuyện họ Việt thường dâng chim bạch trĩ xin « thần phục » nhà Chu chỉ là một huyền thoại giả của bọn kẻ sĩ Trung-quốc — mà một vài kẻ sĩ Việt-nam đã nhắc lại một cách vô ý thức —, không hơn không kém!

Tiếp Chu là Tần vẫn là thời Âu-lạc bên ta — chủ nghĩa bành trướng của giới cầm quyền Trung-quốc càng thêm phát triển. Cuộc kháng chiến 10 năm chống Tần (218 — 209 trước Công nguyên) của người Việt ta còn được nhiều sử sách Trung-quốc ghi lại: « Người Việt không chịu để quân Tần bắt, lui vào rừng, cử người tuấn kiệt lên làm tướng, ban đêm tập kích, quân Tần thấy phơi máu chảy hàng mấy chục vạn tên ». (Hoài-Nam-tử, Sử ký...).

Nổi bật lên hình ảnh kỳ vĩ của Ông-Trọng, xuất thân nghèo khổ, vì tướng cầm quân giỏi mà làm ngoại giao với Tần cũng giỏi. Đặc biệt, Ông-Trọng đã không vì những ngọc ngà châu báu, gái đẹp của Tần-Thủy-Hoàng cảm dỗ mà cam tâm bỏ nước, ở lại đất Tần; Ông-Trọng đã trở về để làm người Việt-nam và được chết trên mảnh đất quê hương ven bờ bãi sông Hồng...

Có một huyền thoại khác, được giới cầm quyền phương Bắc đặc biệt chú ý khai thác, đó là câu chuyện « Bắc hướng hộ » và tiếc rằng, Tư-Mã-Thiên, nhà sử học lỗi lạc của Trung-quốc cổ, cũng vương mắc cái huyền thoại che lấp sự thật lịch sử này; người ta bảo nhà cửa của dân Việt phương Nam đều quay về phía Bắc để hướng về Mặt Trời!

Sự thật, kiến trúc cổ truyền Việt-nam lấy hướng Nam làm trọng. Làm chủ một xứ sở nhiệt đới, gió mùa, ẩm ướt, lối cư trú Việt-nam lấy thông thoáng, mát mẻ làm nguyên lý. Tránh gió bắc lạnh lùng, đón gió nồm mát rượi, từ cổ xưa, người Việt nhủ nhau: « Lấy vợ hiền hòa, làm nhà hướng Nam ».

Ở đâu ra cái huyền thoại kỳ quặc « Bắc hướng hộ »? Cũng là từ các ông « Con Trời », những tướng phả cả quy luật vũ trụ, cho « Mặt Trời mọc lên từ phương Bắc », Ta xuất hiện, là « Mặt Trời lên »!

Năm 78, Trương-Trọng, người quận Nhật-nam (Nam Trung-bộ Việt-nam hiện đại) đến triều đình Lạc-dương (Hà-nam, Trung-quốc) nhà Hán. Giữa kỷ Nguyên đán, Hán-Minh để mở tiệc yến, thiết văn võ bá quan, nhân hỏi kháy Trương-Trọng một câu:

— « Nhật-nam » có nghĩa là « ở phía Nam mặt trời ». Ta nghe nói tất cả nhà cửa xứ người đều xoay hướng về phương Bắc, đề được trông vọng mặt trời, có phải không?

Biết rõ cái kiêu căng quá quắt của kẻ cầm đầu để chế phương Bắc, tự ví mình như Mặt Trời đối với muôn dân, Trương-Trọng bình tĩnh đáp:

— « Nhật-nam » không phải là « ở phía Nam Mặt trời ». Kia như đất Trung-nguyên, có quận « Văn-trung », quận ấy có ở trong mây đâu? có quận « Kim-thành », nhưng thành quận ấy có xây bằng vàng đâu? Đặt tên thế thôi, chứ đều không phải thực như thế. Ở nơi nào, thì Mặt Trời cũng đều mọc đằng Đông mà thôi! Ở xứ tôi, chỗ ở quân dân, tùy tình tùy ý mà xoay hướng, Nam Bắc Đông Tây không nhất định!

Cách đây đúng 1900 năm, giữa triều đình phương Bắc, có một người Việt-nam đã giải ảo hiện thực trong cuộc đối thoại Nam Bắc như thế đó!

Giữa thế kỷ VI, người anh hùng Lý-Bí xưng hiệu *Nam đế*, người anh hùng Triệu-Quang-Phục xưng hiệu *Việt vương*. *Việt* là khái niệm về giống nòi, *Nam* là khái niệm về lãnh thổ. Những danh hiệu đó là biểu hiện một thời của một tư tưởng, một khát vọng ĐỘC LẬP TỰ CHỦ của người Việt phương Nam. Cũng như câu thơ « Nam quốc sơn hà Nam đế cư » là lời tuyên ngôn độc lập của Lý-Thường-Kiệt vậy.

*Quốc tộ như đằng lạc,
Nam thiên lý thái bình.
Vô vì cư điện các,
Xứ xứ tức đao binh.*

Tạm dịch:

*Vận nước như dấy quân
Trời Nam ôm thái bình,
Đạo đức ngự cung điện
Muốn xù hết đao binh!*

Lời thơ của thiần sư Pháp-Thuận là lời ngợi ca *Đạo đức và Hòa bình*, lý tưởng của nước Việt vừa phục hưng lại dưới trời Nam.

Tiếp theo triều Lý, triều Trần cũng là một triều đại phong kiến dân tộc đang lên. Nhà Trần ra sức giữ gìn tinh thần độc lập tự chủ về chính trị cũng như về văn hóa xã hội. Triều Trần có một số nhà Nho mắc bệnh vọng ngoại, muốn nước nhà bắt chước theo thể chế Trung-quốc. Trần-Minh-Tông đã trả lời họ:

« Nước ta đã có phép tắc nhất định. Vả lại *Nam Bắc phong tục khác nhau*. Nếu theo lời của các người, chỉ cốt đề cho thành tựu mưu chước, thì chỉ sinh loạn ra thôi! ».

Trần-Nghệ-Tông cũng nói:

« Triều đình dựng nước, tự có pháp độ riêng, không theo chế độ nhà Tống, là vì *Nam Bắc đều làm chủ nước mình, không cần phải bắt chước nhau*. Khoảng năm Đại-trị (đời Dụ-Tông), kẻ học trò mặt trắng được dùng, không hiểu ý sâu xa của sự lập pháp cho nên đem pháp chế cũ của tổ tông thay đổi theo tục phương Bắc cả, như về y phục, nhạc chương... không thể kể hết. Từ nay, chính trị buổi đầu phải trở lại theo đúng lệ cũ đời Khai-Thái (đời Minh-Tông) ». (Đại việt sử ký toàn thư, Bản kỷ, quyền VII).

« *Phong tục Bắc Nam cũng khác* » cũng là ý tưởng mà Nguyễn-Trãi nhắc lại trong bài *Cáo bình Ngô* đề nhấn mạnh tinh thần độc lập tự chủ của Đại-Việt. Và Quang-Trung, Nguyễn-Huệ, trong bài nói trước tân binh ở Nghệ-an năm 1789 cũng lập lại ý tưởng đó.

« *Trong khoảng vũ trụ, trời nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng phương*

Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị...».

Thật rõ ràng, sự phân biệt Bắc Nam trong tư duy Việt-nam là một biểu hiện của *sự tự ý thức dân tộc*, của *sự tự giác dân tộc*, của *tinh thần độc lập, tự chủ*.

Độc lập, tự chủ về phương diện chính trị.

Độc lập, tự chủ cả về phương diện văn hóa, văn minh.



Từ đối thoại Nam—Bắc qua đối thoại Đông—Tây, chúng ta đã phải trải qua bao chặng đường gian lao để bảo vệ nền độc lập và quyền tự do được sống hòa bình.

Tuyên ngôn Độc lập của thời đại Việt-nam—Hồ-Chí-Minh ngày 2-9-1945 viết:

«Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do».

Dưới ánh sáng bản *Đề cương văn hóa Việt-nam* từ năm 1943 của Đảng cộng sản Đông-dương (nay là Đảng cộng sản Việt-nam) nêu cao khẩu hiệu «DÂN TỘC, KHOA HỌC, ĐẠI CHÚNG», trong một nước Việt-nam độc lập, xã hội chủ nghĩa chúng ta ra sức xây dựng một cuộc đời mới, xã hội chủ nghĩa Việt-nam, xây dựng một nền văn hóa mới Việt-nam với nội dung xã hội chủ nghĩa và *tinh chất dân tộc*, xây dựng một nền khoa học, kỹ thuật mới mang đầy đủ *tinh chất CƠ BẢN — HIỆN ĐẠI — VIỆT-NAM*.

Người ta bảo: người Việt-nam có cá tính dân tộc rất mạnh mẽ và luôn luôn in dấu ấn dân tộc lên các sản phẩm vật chất và tinh thần của mình.

Chúng ta là những người yêu nước chân chính đồng thời là những người có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Chúng ta không sa vào một thứ

chủ nghĩa dân tộc trung tâm cuối mùa. Tinh thần tự lập tự cường Việt-nam hiện đại, như lời đồng chí Lê-Duẩn «là sự kết hợp chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, giữa ý thức dân tộc và ý thức giai cấp của giai cấp vô sản». (2) Lòng tràn đầy tinh thần tự hào dân tộc, nhắc lại lời Chủ tịch Hồ-Chí-Minh, chúng ta tuyên bố với toàn thế giới rằng: Chân lý vĩ đại rút ra từ bốn nghìn năm lịch sử Việt-nam là: «KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO»!

III — NHÂN DÂN VÀ LỊCH SỬ

Vững vàng trong đối thoại Nam—Bắc cũng như trong đối thoại Đông—Tây, tổ tiên ta và chúng ta tự tin ở sức sống mãnh liệt của dân tộc Việt-nam ta.

Một biểu tượng kỳ vĩ của sức sống Việt-nam là *hình ảnh người anh hùng làng Gióng*. Một hình ảnh rất đẹp, rất đĩnh, có tính khái quát rất cao về dân tộc Việt-nam ta! Có thể gọi sức mạnh Việt-nam là sức mạnh Phù-dồng, tính cách Việt-nam là tính cách Phù-dồng. Mỗi người Việt-nam, như lời thơ Sóng-Hồng, là một con người.

Thánh Gióng chỉ sôi trong mạch máu

Trái tim bừng cháy lửa Bà Trưng!

Ngược dòng lịch sử từ thời đại Hồ-Chí-Minh trở lại cội nguồn dựng nước, có thể coi mỗi sự kiện lịch sử vĩ đại của đất nước như một *hào thần của «tinh thần Phù-dồng»*: Đại thắng mùa Xuân 1975, Điện-biên-phủ trên không 1972, Tổng liến công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968, Đồng khởi 1960, Điện-biên-phủ 1954, Cách mạng tháng Tám 1945, Ba lần chiến thắng Nguyên—Mông 1258 — 1288, Ba lần kháng Tống (981, 1075 — 1077), Bạch-đăng 938... Và mỗi người anh

(2) Trích trong Bài nói chuyện của đồng chí Lê-Duẩn trong Đại hội thanh niên quyết thắng toàn quân ngày 18-5-1966.

hùng dân tộc trong đêm trường nghìn năm Bắc thuộc, từ Bà Trưng, Bà Triệu, Lý-Bi, Triệu-Quang-Phục... đến Mai-Hắc-Đế, Bô-Cái-Đại-Vương đều thấp sáng bừng lên ngọn lửa kiên cường bất khuất tung ra từ cửa miệng ngựa sắt của người anh hùng làng Gióng...

Tinh cách Phù-đồng là tinh cách của những « nền văn minh chín sớm », nói như lời Mác, là tinh cách *nhảy vọt*, « *vật lớn lên như thổi* » của lịch sử Việt-nam, là tinh thần *đại dõm* có thể làm được quá cái sức của con người, là một *nỗ lực vượt bậc*, gắng hết sức bình sinh tập trung mọi năng lực tinh thần và vật chất của toàn thể *đất nước và nhân dân* nhằm tạo ra một *sức mạnh tổng hợp thần kỳ* khiến cho một dân tộc nhỏ và nghèo nhưng kiên cường có thể đánh bại mọi đạo quân xâm lược của những nước lớn và giàu. Nền văn hóa tạo nên được hình ảnh Phù-đồng phải là một nền văn hóa lớn, thấm đượm tinh cách *dân tộc và nhân dân*. Nó cắt nghĩa cái chân lý giản dị mà bất hủ:

Nực cười châu chấu đá xe

Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng!

Những đôi thủ phương Bắc và phương Tây của Việt-nam trong các cuộc đụng đầu lịch sử, trừ vài trường hợp ngoại lệ, đều là những kẻ *địch lớn và giàu* (về lãnh thổ, số người và của cải). Nhưng đụng đến Việt-nam, càng ngày chúng càng tỏ ra *không mạnh*. Không mạnh, vì bản chất phi nghĩa, chống nhân dân của chúng. Không mạnh, vì chúng đụng phải một sức mạnh, xét đường dài là vô tận, của cả một *nhân dân, một dân tộc*. Sức mạnh Việt-nam, sức mạnh Phù-đồng, chính là sức mạnh của nhân dân và dân tộc. Một lần nữa, chúng tôi xin phép dẫn lại lời bình xác đáng về truyền thuyết Thánh Gióng của đồng chí Phạm-Văn-Đồng: « *Một trang sử oanh liệt chống ngoại xâm trong đó nổi bật chiến công của con em người dân thường* » (3). Đúng vậy, đoàn quân

Phù-đồng là đoàn quân của những trẻ chăn trâu, những người câu cá, những người cầm vò đập đất... với tre ngàn và sắt thép của đất nước, những con người hết sức bình thường, được nuôi sống bằng lúa gạo, rau cà, nước lá của đất nước non sông vừa dựng khởi.

Trong quá khứ, những kẻ nắm quyền hành lớn thường quên bỏ *đại chúng và lương thức*. Chỉ khi đã nếm đủ cay đắng của cuộc đời, những vị « cái thế anh hùng » đó mới u sầu tư lự nghĩ đến đại chúng và lương thức.

Xiết bao bi thảm, câu nói của tá tướng quốc Hồ-Nguyên-Trùng, con người không cần tranh ngôi vua với em, con người biết chế sủng thần cơ, con người có tài viết văn, vịnh sử... nhưng không tìm nổi chỗ đứng trong nhân dân:

« Tôi không sợ giặc, chỉ sợ đánh giặc mà dân không theo! ».

Đánh giặc, xây thành giồi, bày trận hay, nhưng dân không theo thì đã hoàn toàn thất bại vào giữa mùa hè 1407, đó là bài học phản diện lớn của lịch sử Việt-nam triều Hồ-Quý-Lý: *Mất nước vì mất dân*, vì « *đổi Trời, ngược dân* », như lời Nguyễn-Trãi. « *Phan Lãm mãi quốc, triều đình khi dân* » là bi kịch của lịch sử Việt-nam giữa thế kỷ XIX. Và ngược lên thời bắt đầu dựng nước, một An-Dương-Vương « *thương con tin rề* » ruồng bỏ những hiền tài, « *cơ mưu chẳng uhiệm* », một người một ngựa bơ vơ chạy giặc cho đến đường cùng thế tận phải lao mình xuống biển, đưa cả Âu-lạc « *nên nổi cơ đồ đắm biển sâu* », là một bi kịch lớn của lịch sử Việt-nam cổ đại. Ba lần có chính quyền trong tay mà đề mất nước đều là ba lần vì đề mất dân, đề mất sức mạnh Việt-nam, sức mạnh thánh thần Phù-đồng! « *Lật thuyền mới biết dân như nước* » (Nguyễn-Trãi). Thời Lý, có thiên sư Viên-Thông ăn cần nói với

(3) Báo Nhân Dân ngày 29-4-1969.

vua Thần-Tông về lễ trị loạn: « Nếu đức tôn trọng sự sống của vua mà hợp với lòng dân, như thế là đặt thiên hạ vào đúng chỗ an đó. Trị và loạn cũng do ở sự dùng người; nếu có người tốt giúp rập thì trị, mà không có, thì loạn... *An dân là kính trọng kẻ dưới*, hải hùng như cưỡi ngựa nắm dây cương mục. Theo đó thì hưng mà không theo thì vong. Sự hưng vong chỉ từ từ mà xảy đến » (4). Đời Trần, có Trúc-Lâm quốc sư in sâu vào tâm não vua Thái-Tông cái tinh thần trách nhiệm với dân: « Đã làm vua thì không còn có thể theo ý thích của riêng mình được nữa mà *phải lấy ý thích của dân làm ý thích của mình, lấy lòng dân làm lòng của mình* ». (5)

Do một cấu trúc xã hội đặc biệt, gia đình—họ hàng—làng—nước, nhất là LÀNG với NƯỚC, gắn chặt với nhau một cách hữu cơ, nước xếp đặt theo quan tước, làng xếp đặt theo thiên tước (tuổi tác); do một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt, nước nhỏ mới dựng và suốt những chặng đường dài lịch sử phải đương đầu với những nước lớn và giàu cho nên phải huy động sức lực toàn dân dựng nước và giữ nước, mâu thuẫn dân tộc trong nhiều thời kỳ làm hòa hoãn bớt mâu thuẫn giai cấp đến những lần mức có thể chịu đựng được, như lời đồng chí Trường-Chinh nhận xét, khiến cho, ở nước Việt-nam ta, *bản chất nhân dân của lịch sử* lộ rõ ra rất sớm, rất sâu sắc. Cuộc kháng chiến chống Tần từ buổi bình minh của lịch sử đã sớm bộc lộ rõ tính chất *lâu dài* và tính chất *nhân dân* của chiến tranh giữ nước Việt-nam. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, từ mùa Xuân năm 40, đã thể hiện tính chất quần chúng rộng rãi, nhân dân bốn quận, từ miền xuôi đến miền núi, nữ cũng như nam, đều nổi dậy đồng loạt, hưởng ứng cuộc vận động lịch sử lớn lao giành lại quyền tự chủ:

*Một xin rửa sạch quốc thù,
Hai xin dựng lại nghiệp xưa họ Hùng...*

Những cuộc khởi nghĩa lớn chống giặc thời Bắc thuộc, như khởi nghĩa Bà Triệu, Lý-Bí, Mai-Thúc-Loan, Phùng-Hung..., do chính lời thủ nhận của sử sách phong kiến Trung-hoa, đều mang đậm tính chất *dân tộc* (giành lại chủ quyền đất nước) và tính chất *nhân dân* (quần chúng rộng lớn các châu quận trên mảnh đất Âu-lạc cũ, từ những người nghèo khổ đến các quan lang, tù trưởng, các nhà « danh gia vọng tộc », đều tham gia khởi nghĩa). Mất nước còn làng, xóm làng trở thành « pháo đài xanh » chống giặc thời Bắc thuộc, lấy dân làm gốc, chớp thời cơ nổi dậy đồng loạt, thua địch nơi này, thời này thì đánh địch nơi khác, thời khác... kỳ cho đến thắng lợi hoàn toàn với chiến thắng Bạch-đăng lịch sử mùa Thu năm 938 mà năm nay chúng ta sẽ long trọng kỷ niệm lần thứ 1040. Các sử gia nước ngoài đều ngạc nhiên trước một sự thật hiếm có của lịch sử thế giới: bị đè nén, đô hộ hơn nghìn năm vẫn *trỗi dậy* giành được quyền độc lập hoàn toàn. Sử gia Pháp Cơ-ru-dê ngợi ca: chính trong thời kỳ gọi là Bắc thuộc đó mà những con người chân lấm tay bùn khai phá vùng châu thổ sông Hồng đã rèn giũa cho mình một *cái tính Việt-nam*.

Giữ độc lập chín thế kỷ trong kỷ nguyên Đại Việt, đối đầu với các triều đại phong kiến phương Bắc, Tống—Nguyên—Minh—Thanh, thời hòa hoãn thì dùng một chính sách ngoại giao mềm dẻo, mà một sử gia nước ngoài gọi là « Thần phục giả vờ, độc lập thật sự »; thời căng thẳng thì phát động *chiến tranh nhân dân* chống lại chiến tranh xâm lược phản động của bè lũ phong kiến Tống, Nguyên, Minh, Thanh, chúng đấu lớn mà động chạm đến Đại-Việt đều *rất cuộc* tỏ ra là không mạnh! Những cuộc kháng

(4) Dẫn trong Nguyễn Lăng: *Việt-nam Phật giáo sử luận*, Nhà xuất bản Lá Bối, Sài-gòn, 1974, trang 197.

(5) Sách đã dẫn, trang 258.

chiến lớn chống Tống, chống Nguyên, chống Thanh, cuộc khởi nghĩa Lam-sơn và chiến tranh giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV, như nhận định của Đại tướng Võ-Nguyên-Giáp, đều là các cuộc *chiến tranh nhân dân*, đều vận dụng sức mạnh tổng hợp của toàn thể dân tộc, của toàn dân, mà thắng địch. Đối đầu với 500 nghìn giặc Nguyên - Mông, có nô tì như Yết-Kiêu, Dã-Tượng, Nguyễn-Địa-Lô,... có binh dân như Phạm-Ngũ-Lão, có người miền núi như Hà-Bồng, Hà-Chương, có quý tộc như các vua Trần và Trần-Hưng-Đạo, có trẻ như Trần-Quốc-Toản, có già như bà lão Diên-hồng, có nữ như bà Trần-Thị-Dung, bà hàng nước bên sông Rừng... *Di chúc* Trần-Quốc-Tuấn, tuy ngắn gọn nhưng được Đảng cộng sản Việt-nam đánh giá như một di sản quân sự học lớn lao, đã thu tóm cái lẽ một đất nước vài triệu dân Việt đã thắng Nguyên - Mông từng xâm chiếm nửa hoàn cầu: *“Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức lại mà đánh thì kẻ địch chịu bị bắt... Và lại, nói sức dân ra để làm cái kẻ sâu gốc bền rễ, đó là thượng sách giữ nước!”*.

Khởi nghĩa Lam-sơn tập hợp “khắp bốn phương mạnh mẽ”; trong bộ chỉ huy nghĩa quân, có Trịnh-Khả vốn là đầy tớ nhà người, Nguyễn-Chích chăn trâu, Nguyễn-Xí buôn muối, danh sĩ Thăng-long Phạm-Văn-Xảo, người miền núi Việt-bắc Lưu-Nhân-Chú, người Mường Thanh-hóa Lê-Lai, nhà nho Nguyễn-Trãi, quý tộc cũ Trần-Nguyên-Hân, với Lê-Lợi, địa chủ binh dân, làm minh chủ... Đứng là hình ảnh đoàn kết sâu rộng của cả một Đại Việt đầu thế kỷ XV. Phát động

được và tổ chức được một cuộc khởi nghĩa nhân dân, một cuộc chiến tranh yêu nước rộng lớn như thế thì quả thật, như Bác Hồ ta nhận xét, sức mạnh dân tộc, sức mạnh nhân dân *“kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.”* (6)



Đồng chí Phạm-Văn-Đồng nói : Đọc xong những trang sách Lịch sử Việt-nam, từ thời đại vua Hùng đến thời đại Hồ-Chí-Minh, gấp sách lại, thấy nổi bật lên hai chữ :

DÂN TỘC và NHÂN DÂN.

Một ý thức dân tộc mạnh mẽ, một bản chất nhân dân sâu đậm làm nên một *truyền thống Việt-nam*, tạo ra một *sức mạnh Việt-nam*.

Truyền thống ấy là sâu sắc trong bề dày của lịch sử.

Sức mạnh ấy là vô địch trên trường kỷ lịch sử. Mọi thế lực đế chế, đế quốc, thực dân cũ và mới khắp ba châu Á, Âu, Mỹ đụng vào nó đã bị đập vỡ tan lành.

Hôm nay, những thế hệ Việt-nam nửa sau thế kỷ XX, mượn lời người anh hùng dân tộc Lý-Thường-Kiệt thế kỷ XI, cảnh cáo bọn đế quốc và phản động quốc tế :

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư!*
(Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Lũ bay sẽ thất bại toi bời!)

(6) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 114.

PHẦN ĐẦU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN

NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH

ĐẠI HỘI lần thứ IV của Đảng đề ra cho công tác giáo dục lý luận và chính trị những nhiệm vụ rất to lớn và nhiều mặt. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đã chỉ rõ: “Tăng cường giáo dục lý luận Mác — Lê-nin, đường lối, chính sách của Đảng, đi đôi với việc nâng cao trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng hiện nay trong công tác tư tưởng.

Cần ra sức cải tiến đề nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý luận; hướng cải tiến chủ yếu là quán triệt hơn nữa phương châm lý luận liên hệ

với thực tiễn, bảo đảm đầy đủ tinh khoa học, tinh chiến đấu trong nội dung giảng dạy; bảo đảm gây được phong cách suy nghĩ khoa học, độc lập và sáng tạo của người học. Cần đặc biệt chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng một cách cơ bản, có hệ thống, với chất lượng cao, đội ngũ giảng viên lý luận” (1).

Đề góp phần vào việc nghiên cứu và thực hiện những nhiệm vụ nói trên, qua thực tế công tác của Trường Đảng cao cấp Nguyễn-Ái-Quốc những năm qua, chúng tôi xin giới thiệu một số kinh nghiệm và cũng là phương hướng phần đầu chủ yếu của nhà trường hiện nay.

QUÁN TRIỆT HƠN NỮA PHƯƠNG CHÂM LÝ LUẬN LIÊN HỆ VỚI THỰC TIỄN TRONG TẤT CẢ CÁC KHÂU GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Thống nhất lý luận với thực tiễn là bản chất của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, là cái làm cho học thuyết Mác — Lê-nin có sức sống và sức mạnh vô địch. Vì vậy, liên hệ lý luận với thực tiễn là phương châm căn bản trong việc học tập, giáo dục và vận dụng

chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Thực hiện phương châm đó là vấn đề thuộc về tinh thần trong học tập, thuộc về đường lối chỉ đạo giáo dục. Việc

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 204.

nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục phụ thuộc *một cách quyết định* vào việc hiểu đúng đắn và quán triệt phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn.

Trong diễn văn khai mạc lớp học lý luận khóa I Trường Đảng cao cấp Nguyễn-Ái-Quốc năm 1957, Hồ Chủ tịch chỉ ra rằng: «Trường Đảng là một trường học đề đào tạo những chiến sĩ tiên tiến phấn đấu cho sự nghiệp của giai cấp vô sản. Các đồng chí đều là những cán bộ cốt cán của Đảng. Việc học tập lý luận của các đồng chí không phải nhằm biến các đồng chí thành những người lý luận suông, mà nhằm làm thế nào cho công tác của các đồng chí tốt hơn, nghĩa là các đồng chí phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác — Lê-nin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác — Lê-nin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề thực tế trong công tác cách mạng của chúng ta. Như thế chúng ta học tập lý luận là cốt để áp dụng vào thực tế». (2).

Thực hiện chỉ thị của Hồ Chủ tịch, hai chục năm qua Trường Đảng cao cấp Nguyễn-Ái-Quốc có nhiều cố gắng trong việc thực hiện phương châm đó và đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Cơ cấu chương trình học tập ngày càng được cải tiến nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Từ các môn lý luận cơ bản như: triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học đến các môn lịch sử Đảng, xây dựng Đảng, quản lý kinh tế đều có cố gắng lớn trong việc liên hệ chặt chẽ lý luận với thực tiễn và với đường lối, chính sách của Đảng, góp phần làm sáng tỏ một cách khoa học các vấn đề về đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng ta trong các quá trình cách mạng và trong các lĩnh vực hoạt động. Phương châm giáo dục nói trên còn được thể hiện ở chỗ, những khóa gần đây, nhà trường đã tổ chức học phần

đường lối của Đảng, coi đó là một bộ phận rất quan trọng trong chương trình học tập của trường.

Tuy vậy, chúng tôi thấy việc thực hiện phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn cần được tiếp tục nghiên cứu và làm tốt hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục lý luận mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

Qua thực tế công tác, chúng tôi thấy, trước hết, *giáo trình, sách giáo khoa và các bài giảng trên lớp* là phương tiện chủ yếu thể hiện phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn. Đó là những cái trọng yếu nhất quyết định chất lượng giáo dục lý luận. Các giáo trình được biên soạn trước đây của chúng ta nói chung thích hợp với thời kỳ đã qua nhưng trong giai đoạn hiện nay bộc lộ rõ những nhược điểm đòi hỏi phải được biên soạn lại. Trong cơ cấu mỗi môn học, một số vấn đề mới, kiến thức mới trước kia chưa có nay do nhu cầu phát triển của thực tiễn và của lý luận, cần được bổ sung. Một số vấn đề trước đây mới đề cập đến mức nào nay cần phát triển nội dung sâu hơn, chi tiết hơn. Có những nội dung đã quá cũ không thể không thay đổi cho thích hợp với giai đoạn hiện nay và phản ánh được những thành tựu mới của khoa học, của lý luận.

Tính đảng sâu sắc và tinh khoa học nghiêm ngặt là đòi hỏi quan trọng nhất đối với các bài giảng, giáo trình, sách giáo khoa, và đó cũng là biểu hiện nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn. Theo Lê-nin, «phương hướng chính trị của nội dung là điều quan trọng nhất» đối với bài giảng, sách giáo khoa. Điều đó, đối với chúng ta hiện nay, có nghĩa là các bài giảng, giáo trình và sách giáo khoa phải lấy tư tưởng,

(2) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 639.

quan điểm, đường lối của Đại hội lần thứ IV của Đảng và của các hội nghị Trung ương gần đây làm phương hướng chỉ đạo. Mỗi khoa trong trường, từ góc độ môn học của mình, phải nhận thức đầy đủ, dựng lên được một cách chính xác và có kế hoạch đi sâu nghiên cứu hệ thống các vấn đề liên quan đến môn học ấy. Phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn cần được quán triệt trong từng bài, từng nguyên lý. Mỗi bài có chủ đề liên hệ, vận dụng phương châm đó nhằm giải quyết một vấn đề nhất định về đường lối, về quan điểm, về lập trường hay phương pháp tư tưởng. Tất nhiên, sự liên hệ vận dụng không nên quan niệm và tiến hành một cách giản đơn, thô sơ, gượng ép. Tính đảng chân chính bao giờ cũng gắn liền với tính khoa học, thống nhất làm một với tính khoa học. Điều quan trọng là làm sao trong nội dung phân tích, hai mặt lý luận và thực tiễn, thực tiễn và lý luận được kết hợp nhuần nhuyễn đến mức tự nhiên để có được sức thuyết phục lớn. Muốn thế, mỗi giảng viên cần có sự chuẩn bị rất công phu. Ngay một ví dụ nhỏ để chứng minh nguyên lý cũng đòi hỏi có sự cân nhắc, chọn lọc kỹ càng sao cho «đắt» nhất, vừa đủ làm sáng tỏ nguyên lý, vừa giúp người học từ đó suy ra bao nhiêu trường hợp tương tự, có ý nghĩa trong thực tiễn.

Trong khoa học Mác - Lê-nin, không một nguyên lý nào, dù là trừu tượng nhất, lại không có ý nghĩa nhất định đối với nhận thức, tư tưởng và hoạt động thực tiễn. Chỉ ra và khai thác được tối đa ý nghĩa ấy là một yêu cầu tuy sơ đẳng nhưng rất quan trọng của sự liên hệ lý luận với thực tiễn. Nếu đạt tới trình độ nắm sâu sắc lý luận và cả thực tiễn, và nếu thống nhất được nhuần nhuyễn hai mặt ấy, thì có thể làm cho mỗi nguyên lý, dù trừu tượng nhất, vẫn có được ý nghĩa sống động, có sức

mạnh đối với nhận thức và chỉ đạo thực tiễn.

Vận dụng lý luận để phân tích toàn diện sâu sắc một vấn đề về đường lối, về thực tiễn hay về nhận thức tư tưởng là sự thực hiện phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn ở trình độ cao. Muốn làm được như thế giảng viên cần có vốn tích lũy dồi dào từ những công trình nghiên cứu khoa học thật công phu. Nói chung, hiện nay chúng ta đang còn rất yếu trong việc liên hệ vận dụng ở trình độ này. Muốn phát triển lối giảng theo chuyên đề - đó chính là một hướng cần thiết trong việc cải tiến giảng dạy - thì không thể không đặc biệt chú ý gia công vào việc vận dụng phương châm này.

Phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, cũng như tính đảng và tính khoa học trong nội dung, tự nó bao hàm **tính chiến đấu, tính phê phán**. Trong khi khẳng định cái đúng và để làm sáng tỏ cái đúng, không thể không đồng thời phê phán cái sai. Đối với đường lối, chính sách và các quan điểm của Đảng cũng như đối với hệ tư tưởng Mác - Lê-nin nói chung đều như vậy. Chủ nghĩa Mác là học thuyết được phát triển trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống các hệ tư tưởng thù địch. Hiện nay, những trào lưu cơ hội chủ nghĩa dưới mọi màu sắc, và chủ nghĩa sô-vanh nước lớn đang gây tác hại nghiêm trọng đối với phong trào cách mạng thế giới. Trong lĩnh vực lý luận và tư tưởng, đặc biệt ở trường Đảng, nhất là đối với cán bộ cao cấp và trung cấp, chúng ta không thể không đặt cao vấn đề phân biệt phải trái, đúng sai, không thể không tiến hành phê phán đến nơi đến chốn những quan điểm sai trái, thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, với các quan điểm và đường lối của Đảng.

Lý luận liên hệ với thực tiễn không những là liên hệ với đường lối, chính sách do Đảng đề ra mà

còn liên hệ với quá trình thực hiện đường lối, chính sách, với nhận thức, tư tưởng của cán bộ bộ lộ qua thực tiễn chấp hành đường lối, chính sách. Về mặt này, lâu nay chúng ta làm được quá ít, nhất là về mặt liên hệ phê phán những biểu hiện tiêu cực trong phẩm chất đạo đức của cán bộ. Để khắc phục những thiếu sót ấy, cần khai thác đầy đủ chức năng giáo dục tư tưởng, chức năng xác định thế giới quan, nhân sinh quan của các môn học, đồng thời hiểu rõ tình hình thực tế các cấp, các ngành trong việc thực hiện đường lối, chính sách, cũng như tình hình tư tưởng cán bộ qua việc chấp hành đường lối, chính sách. Có nắm chắc lý luận, đường lối, chính sách của Đảng, hiểu đúng đối tượng một cách cụ thể và có phương pháp phân tích khoa học thì sự phê phán mới sâu sắc và mới có sức thuyết phục. Phê phán tư tưởng không chỉ là việc làm từ phía người giảng, mà cả từ phía người học, hơn nữa, **chủ yếu** là từ phía người học. Hồ Chủ tịch đã chỉ rõ: «...ở nhà trường trước hết chúng ta cần liên hệ với tư tưởng và công tác của mình, nghĩa là dùng lý luận đã học được để phân tích những thắng lợi và thất bại trong công tác, những mặt đúng, mặt sai trong tư tưởng, phân tích một cách toàn diện và tìm nguồn gốc đúng sai về lập trường, quan điểm và phương pháp

của mình. Làm như thế là tổng kết để làm cho nhận thức của chúng ta đối với các vấn đề đó được nâng cao hơn và công tác có kết quả hơn. Chúng ta làm cách mạng nhằm mục đích cải tạo thế giới, cải tạo xã hội. Muốn cải tạo thế giới và cải tạo xã hội thì trước hết phải tự cải tạo bản thân chúng ta. Do đó cho nên trước hết là phải liên hệ lý luận với thực tế công tác và tư tưởng của mình, để tự cải tạo mình, nâng cao sự tu dưỡng của mình về lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin » (3).

Đương nhiên, việc rèn luyện của học viên ở trường Đảng phụ thuộc một phần quan trọng vào sự hướng dẫn của nhà trường. Nhà trường có kế hoạch hướng dẫn cụ thể trong từng môn học, từng bài học, trong từng kỳ sinh hoạt Đảng thì mới giúp học viên đạt được những yêu cầu nhất định về rèn luyện tư tưởng, trau dồi phẩm chất đạo đức. Không những thế, nhà trường còn có trách nhiệm giúp đỡ, kiểm tra học viên trong việc nghiên cứu cá nhân, thảo luận, viết thu hoạch sau mỗi môn học, đi nghiên cứu thực tế, viết luận văn cuối khóa, tổng kết tư tưởng, v.v... Đó là những biện pháp rất quan trọng, rất cụ thể không thể thiếu để bảo đảm quán triệt phương châm lý luận gắn liền với thực tiễn.

NĂM CHỦ NGHĨA MÁC—LÊ-NIN, ĐIỀU QUAN TRỌNG LÀ NĂM PHƯƠNG PHÁP LÝ LUẬN MÁC — LÊ-NIN

Đề quán triệt phương châm lý luận liên hệ với thực tiễn, đề nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục lý luận nói chung, cần làm sáng tỏ một vấn đề nhận thức cơ bản: năm chủ nghĩa Mác - Lê-nin điều quan trọng là nằm được phương pháp lý luận Mác - Lê-nin.

Hồ Chủ tịch viết: « Học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học tập cái tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình; là học tập những chân lý phổ biến của

(3) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 639 — 640.

chủ nghĩa Mác — Lê-nin đề áp dụng một cách sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của nước ta. Học đề mà làm. Lý luận đi đôi với thực tiễn » (4).

Như vậy, Hồ Chủ tịch đã chỉ cho chúng ta yêu cầu cơ bản nhất đối với việc học tập lý luận Mác — Lê-nin. Học chủ nghĩa Mác — Lê-nin là học « tinh thần Mác — Lê-nin », cốt nắm được thực chất cách mạng và khoa học, cái linh hồn sống của lý luận Mác — Lê-nin, từ đó mà học được « tinh thần xử trí mọi việc, đối với mọi người và đối với bản thân mình », tức là tìm thấy và nắm được một phương pháp khoa học để phân tích, xem xét và giải quyết đúng đắn những vấn đề cụ thể đặt ra trong cải tạo xã hội, cải tạo tự nhiên và cải tạo bản thân. Cái đích của việc học tập chủ nghĩa Mác — Lê-nin là để có thể sử dụng nó như là phương pháp nhận thức khoa học và hành động cách mạng.

Đồng chí Lê-Duẩn cũng nói « ...phải làm sao các trường Đảng giảng dạy bớt « sách vở », bớt công thức, cố gắng kết hợp với thực tiễn cách mạng Việt-nam, với đường lối, chủ trương của Đảng. Cố nhiên phải giảng dạy chủ nghĩa Mác, nhưng điều quan trọng hơn cần rút ra từ những trước tác kinh điển của Mác là phương pháp mà Mác đã dùng để phân tích xã hội, vì phương pháp này là cái ta cần để hiểu lý luận về con đường của Việt-nam ta, đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Học lý luận không phải là học thuộc lòng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác — Lê-nin mà là nắm cho được **phương pháp** của nó, dùng phương pháp đó để phân tích hoàn cảnh kinh tế — xã hội của ta, từ thực tế đó mà vạch ra đường lối, chủ trương » (5).

Điều mà Hồ Chủ tịch và đồng chí Lê-Duẩn chỉ ra cho chúng ta cũng chính là điều mà Lê-nin đã từng căn dặn tất cả những người mác-xít. Lê-nin viết: « những người mác-xít quả

nhiên chỉ mượn của lý luận Mác riêng những phương pháp quý báu, mà nếu không có những phương pháp đó thì không thể hiểu được những quan hệ xã hội » (6).

Cố nhiên, chủ nghĩa Mác không chỉ là phương pháp mà trước hết là thế giới quan, là hệ tư tưởng. Nó là sự thống nhất giữa thế giới quan và phương pháp. Bởi vì, phương pháp không phải là cái gì khác mà là thế giới quan được vận dụng vào nhận thức và hoạt động thực tiễn. Là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, chủ nghĩa Mác là sự thống nhất giữa mấy mặt ấy. Chính trong phương pháp và qua phương pháp mà thể hiện quan điểm, lập trường. Phương pháp chính là lập trường, quan điểm trong hoạt động nhận thức và thực tiễn.

Nắm chủ nghĩa Mác — Lê-nin chủ yếu là nắm tinh thần, thực chất chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nắm phương pháp lý luận Mác — Lê-nin. Song, như vậy phải chăng chỉ cần học qua loa, đại khái là được? Phải chăng để chống bệnh sách vở thì không nên đọc sách? Nếu nghĩ như vậy thì thật là sai lầm. Thật ra, những người mắc bệnh sách vở thường là những người chỉ đọc sách qua loa, đại khái, biết một không biết mười nhưng lại tự cho là biết hết. Để chống bệnh sách vở, ngoài những biện pháp khác, có khi phải đọc rất nhiều sách. Biện chứng của vấn đề là như vậy. Lê-nin đã nói: Không có sách thì không có kiến thức, không có kiến thức thì không có chủ nghĩa cộng sản. Bệnh sách vở không phải do bản thân sách vở và do đọc nhiều sách, mà là ở chỗ đọc sách nhưng không « tiêu hóa » được kiến thức.

(4) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 187, 188.

(5) Lê-Duẩn: « Bài nói tại hội nghị cán bộ học tập nghị quyết của Bộ chính trị tại thành phố Hồ-Chí-Minh, 28-7-1976.

(6) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, tập, 1 trang 258.

Tiêu hóa trước hết có nghĩa là hiểu đến nơi đến chốn, đến mức thấu triệt thực chất tinh thần các nguyên lý, biến được các kiến thức ấy thành của chính mình, thành bản lĩnh và niềm tin cá nhân, nghĩa là làm sao cho những kiến thức đó « thật sự ăn sâu vào tâm não hoàn toàn », « không còn là những cái đã học thuộc lòng mà là những cái do chính (mình)... đã suy nghĩ ra », như Lê-nin nói. Tiêu hóa còn có nghĩa quan trọng hơn là dùng những kiến thức đã thấu thái được như là phương pháp để « xử trí mọi việc ».

Nói phương pháp không nên chỉ nghĩ đến triết học mặc dù triết học là cơ sở phương pháp luận chung nhất, rất quan trọng, bất cứ môn khoa học nào cũng cần đến. Toàn bộ lý luận Mác — Lê-nin là phương pháp. Chẳng hạn Lê-nin đã sử dụng những phạm trù, những quy luật kinh tế chính trị về chủ nghĩa tư bản của Mác như là phương pháp để phân tích thực tế Nga, làm sáng tỏ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga với tất cả những đặc điểm của nó.

Phương pháp, nắm được phương pháp lý luận, là điều rất quan trọng nhưng dù sao đó cũng mới là phương pháp, mới là cái được lấy ra từ quy luật, nguyên lý làm chỗ dựa cho nhận thức, làm công cụ nhận thức, mà quy luật, nguyên lý thì chỉ là những cái chung. Còn đối tượng nhận thức và tác động của con người trong thực tiễn thì bao giờ cũng là cái riêng lẻ, cụ thể. Ví dụ: đối với chúng ta, nắm được quy luật chung về cách mạng xã hội chủ nghĩa tuy rất quan trọng nhưng điều quan trọng khác nữa là phải nắm được những điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam để giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt-nam một cách đúng đắn nhất.

Tất nhiên, nắm cái chung là cực kỳ quan trọng, là một tiền đề đầu tiên

và cơ bản để có phương pháp lý luận khoa học. Không thể hiểu đúng cái riêng nếu không nắm được cái chung. Cần thiết phải học lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là vì thế. Kinh nghiệm cho thấy rằng chủ nghĩa thực dụng trong vấn đề học tập có thể đưa đến những hậu quả tai hại thế nào. Kinh nghiệm cũng cho thấy rằng những vấp vấp trong hoạt động thực tiễn của chúng ta, những ý kiến bất đồng trong cán bộ trên vấn đề này hay vấn đề khác nảy sinh từ thực tiễn, thường có liên quan đến sự hiểu biết chưa đầy đủ, đúng đắn hoặc chưa nhất trí trên những vấn đề lý luận chung, cơ bản, có khi là không hiểu được chính xác, khoa học một khái niệm nào đó.

Lê-nin đã từng chỉ rõ: «...Người nào bắt tay vào những vấn đề riêng trước khi giải quyết các vấn đề chung, thì kẻ đó, trên mỗi bước đi, sẽ không sao tránh khỏi « vấp phải » những vấn đề chung đó một cách không tự giác. Mà mù quáng vấp phải những vấn đề đó trong từng trường hợp riêng, thì có nghĩa là đưa chính sách của mình đến chỗ có những sự dao động lồi lõm nhất và mất hẳn tính nguyên tắc » (7).

Cho nên, một yêu cầu căn bản của phương pháp mác-xít là: phải phân tích cái riêng để vận dụng cái chung cho thích hợp với điều kiện cụ thể lịch sử, chứ tuyệt đối không thể trực tiếp rút ra những kết luận về cái riêng bằng con đường suy diễn lô-gích đơn thuần từ cái chung. Như chúng ta đều biết, trong điều kiện chủ nghĩa tư bản đã chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin phân tích cụ thể tình hình kinh tế, chính trị và giai cấp ở nước Nga, đi đến kết luận: cách mạng Nga trước mắt vẫn là cách mạng tư sản; cách mạng tư sản vốn là sứ mệnh lịch sử

(7) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, tập 12, trang 692.

của giai cấp tư sản nhưng đến đây giai cấp đó không làm được nữa. Vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng ấy tất yếu thuộc về giai cấp vô sản. Đó là một kết luận hoàn toàn đúng đắn, nhưng lại là điều mà bọn cơ hội men-sê-vich không tài nào hiểu được vì họ không « phân tích cụ thể tình hình cụ thể » mà lại đơn thuần suy diễn từ tính chất chung của cách mạng tư sản để cố chứng minh « đã là cách mạng tư sản thì phải do giai cấp tư sản lãnh đạo! ».

Lê-nin cho rằng lối suy diễn đơn thuần từ cái chung để tìm đáp số cho mỗi vấn đề cụ thể như vậy là hạ thấp chủ nghĩa Mác, là phản lại thực chất

tinh thần chủ nghĩa Mác, là trái hẳn với phương pháp của chủ nghĩa Mác.

Cho nên, trong công tác giáo dục lý luận, chúng ta không thể dừng lại ở mức làm cho học viên nắm được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Những nguyên lý cơ bản đó, dù có nắm đúng thực chất và tinh thần của nó cũng vẫn là những nguyên lý chung. Phải làm sao từ sự hiểu biết những nguyên lý chung đó giúp người học biết suy nghĩ, vận dụng vào thực tiễn, tiến lên nắm được cơ sở lý luận của đường lối, chính sách của Đảng, nâng cao một cách cơ bản trình độ chính trị và tinh tự giác trong hoạt động của họ.

PHÁT HUY KHẢ NĂNG SUY NGHĨ ĐỘC LẬP, KHOA HỌC VÀ SÁNG TẠO CỦA HỌC VIÊN

Điều chủ yếu của công tác giáo dục lý luận Mác - Lê-nin là giúp người học nắm được phương pháp, cũng có nghĩa là giúp họ tự tạo ra và phát triển khả năng suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo. Không suy nghĩ độc lập là một biểu hiện thiếu « tiêu hóa » kiến thức, không biến được kiến thức thành phương pháp. Không tạo ra, bồi dưỡng và phát triển được năng lực tư duy thì kiến thức rút cuộc vẫn cứ đọng lại trên sách vở. Tạo ra và phát triển năng lực suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo ở người học, biến quá trình tự đào tạo, đó là mối quan tâm hàng đầu, là **yêu cầu cao nhất** của toàn bộ nền giáo dục hiện đại, giáo dục văn hóa cũng như giáo dục chính trị, lý luận.

Yêu cầu cao nhất đó của giáo dục lại càng tuyệt đối cần thiết với những đối tượng như cán bộ cao cấp, trung cấp đến học ở trường Đảng. Đó là những cán bộ cốt cán, giữ những vị

trí then chốt trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Những vị trí ấy đòi hỏi ở họ vừa có tầm nhìn chiến lược bao quát, vừa có khả năng thâm nhập, định hướng và xử trí nhạy bén, chính xác trước những sự việc, những tình thế, những vấn đề cụ thể quan trọng và căn bản trong lĩnh vực công tác của mình và cả trong đời sống chính trị nói chung, trong nước và ngoài nước. Đảng đòi hỏi ở họ vừa phải chấp hành đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách, vừa phải có khả năng tổng kết kinh nghiệm, đề xuất, góp phần xây dựng đường lối, chính sách. Có khả năng suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo là một yêu cầu cơ bản tạo nên bản lĩnh người cán bộ lãnh đạo.

Yêu cầu này, lâu nay chúng ta chưa quan tâm đúng mức. Trong thực tiễn giáo dục, chúng ta chưa có ý thức đầy đủ về sự cần thiết phải phát huy năng lực suy nghĩ độc lập, tính chủ động của người học, trong nhiều khâu cách làm của chúng ta nhiều

khí gây ra ở họ tinh thụ động, tâm lý y lại.

Vậy, làm thế nào để phát huy khả năng suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo của học viên?

Khả năng ấy phụ thuộc vào ba điều kiện: *một là*, thấm nhuần đường lối chính sách của Đảng; *hai là*, nắm vững những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin; *ba là*, có sự hiểu biết về thực tiễn, về những điều kiện lịch sử cụ thể và phải có kinh nghiệm bản thân.

Nắm vững đường lối, chính sách của Đảng là điều kiện trước tiên để có thể suy nghĩ độc lập. Có nắm vững đường lối, chính sách của Đảng mới có mốc định hướng đúng đắn trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn; mới có khả năng ngăn ngừa, khắc phục và đấu tranh chống những lệch lạc về chính trị, nhất là trong những tình thế phức tạp. Đường lối, chính sách của Đảng là điều kiện chính sách một cách sáng tạo; song không thể nói đến suy nghĩ "độc lập", "sáng tạo" mà lại xa rời đường lối, chính sách của Đảng. Đối với người cán bộ, đảng viên, không có nguy hiểm nào lớn hơn là sự mất phương hướng chính trị.

Cũng giống như không nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, nếu thiếu những hiểu biết cơ bản về lý luận Mác - Lê-nin thì cũng không có phương hướng để suy nghĩ, càng không thể nói đến suy nghĩ độc lập. Đối với người cộng sản thì suy nghĩ độc lập là suy nghĩ trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin chứ không thể "độc lập" với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Cũng như nói vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác, tuyệt đối không có gì giống với cách làm của Cao-xky từng bị Lê-nin vạch trần là «...vận dụng chủ nghĩa Mác sao cho toàn bộ nội dung chủ nghĩa đó bay hết thành hơi...» (8). Lời phê phán đó của Lê-nin có thể áp dụng cho cả một số « nhà mác xít » thời nay.

Trang bị vững chắc và tiêu hóa nhuần nhuyễn những kiến thức lý luận cơ bản là điều kiện quan trọng để tạo ra một tiềm lực to lớn cho nhận thức, cho khả năng tư duy độc lập, cho khả năng nắm vững và vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng. Song, như đã nói ở phần trên, lý luận Mác - Lê-nin chỉ cung cấp cho ta những nguyên lý chỉ đạo chung, còn áp dụng những nguyên lý ấy phải tính đến những điều kiện lịch sử cụ thể. Vì vậy, nếu không có sự hiểu biết phong phú về thực tiễn, về những điều kiện lịch sử cụ thể thì căn bản không thể có suy nghĩ độc lập, khoa học, sáng tạo. Trong trường hợp đó, không tránh khỏi hoặc là áp dụng lý luận một cách máy móc, sách vở, hoặc là di « vay mượn » cái mà người khác đã suy nghĩ ra từ những điều kiện lịch sử khác.

Vậy, suy nghĩ độc lập có nghĩa là lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm kim chỉ nam, xuất phát đầy đủ từ những điều kiện lịch sử cụ thể; vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách sát đúng với những điều kiện lịch sử cụ thể ấy. Đường lối, chính sách của Đảng ta chính là sản phẩm của sự kết hợp chân lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta. Đó là một mẫu mực tuyệt vời về sự suy nghĩ độc lập, khoa học, sáng tạo.

Cho nên, muốn có năng lực suy nghĩ độc lập, cần có vốn hiểu biết về ba mặt: lý luận cơ bản, đường lối, chính sách của Đảng, thực tiễn. Khả năng kết hợp, nhào nặn ba mặt ấy với nhau trong quá trình phân tích, tổng hợp... biểu hiện năng lực tư duy lý luận của mỗi người, và năng lực tư duy lý luận càng cao thì khả năng suy nghĩ độc lập càng lớn. Điều đó

(8) Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tập 21, trang 257.

đòi hỏi trong thực tiễn giáo dục : học lý luận cơ bản không được tách rời đường lối, chính sách của Đảng, tách rời thực tiễn ; còn khi học đường lối chính sách phải làm sáng tỏ được cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của đường lối chính sách ; và khi nghiên cứu những vấn đề thực tiễn cụ thể phải nâng lên được trình độ phân tích, khái quát lý luận. Như vậy, ở đây chung quy vẫn là vấn đề áp dụng thành thạo nguyên tắc thống nhất lý luận với thực tiễn, thực tiễn với lý luận ; cũng lại chính là vấn đề tiêu hóa nhuần nhuyễn lý luận Mác - Lênin đến mức sử dụng được nó như là phương pháp. Đó là **tiền đề cơ bản nhất** để có được năng lực suy nghĩ độc lập, khoa học, sáng tạo.

Nắm cho được phương pháp, rèn luyện về phương pháp đó là yêu cầu chủ yếu nhất của công tác giáo dục, đào tạo trên mọi lĩnh vực. Không có phương pháp thì dù có bao nhiêu kiến thức cụ thể cũng không đủ. Người học có thể quên kiến thức nhưng nếu có phương pháp tốt thì tự mình không những có thể tìm lại kiến thức mà còn mở rộng được kiến thức. Điều đó càng đúng với thời đại ngày nay khi cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang diễn ra như vũ bão, khi kiến thức khoa học cụ thể cứ khoảng 10 năm lại trở thành lạc hậu, khi chúng ta đứng trước một cuộc « bùng nổ thông tin ». Trước tình hình ấy, trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, nói chung người ta hầu như nhất trí đi tới kết luận rằng phải thay đổi căn bản chiến lược đào tạo. Chiến lược ấy bây giờ phải là « tối đa cho kiến thức cơ bản, chung, và giảm đi những kiến thức cụ thể ».

Điều đó không có nghĩa là lấy những kiến thức chung thay thế cho những kiến thức cụ thể mà vấn đề là tạo khả năng đi tới cái cụ thể, thâm nhập, thích ứng với cái cụ thể (muốn hình muốn vẽ và biến đổi nhanh) bằng con đường và phương pháp tối

ưu. Được xếp vào « kiến thức cơ bản » chính là những kiến thức cụ thể nhưng ở dạng tập trung hơn, trừu tượng hơn, làm nổi rõ được bản chất của cái cụ thể. Kiến thức cụ thể được hiểu như vậy, là kết quả của tư duy lý luận chứ không phải của thói quen kinh nghiệm ; đó là kiến thức của con người có óc suy nghĩ độc lập, khoa học, sáng tạo, từ biết một có thể tỏa ra biết mười, có năng lực « dĩ bất biến, ứng vạn biến », chứ không phải là kiến thức của người nói một biết một, gặp việc thì hoặc là lúng túng hoặc là xử trí máy móc.

Để phát huy khả năng suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo ở học viên, cần chú ý cải tiến một loạt khâu giảng dạy và học tập.

Giảng là khâu đầu tiên, hết sức quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến phong cách suy nghĩ của học viên. Giảng tốt là giúp người học rèn trí thông minh, phát triển năng lực suy luận, óc phê phán, trên cơ sở đó tiếp thu và tích lũy kiến thức một cách tích cực, năng động, vững chắc. Như vậy thì không nhất thiết giảng nhiều, nói nhiều. Tất nhiên, tùy tính chất từng môn học, thậm chí từng bài học mà có phương pháp giảng khác nhau. Có những bài phải giảng giải kỹ, có hệ thống, từng khái niệm, từng nguyên lý, có bài chỉ nên tập trung vào một hoặc mấy trọng điểm, còn những chỗ khác chỉ lướt nhanh hoặc không cần nói tới. Có loại bài lại có thể dùng phương pháp nêu vấn đề.

Nguyên tắc chung là giảng viên không nên suy nghĩ thay cho học viên, mà nên đề cho học viên, với sự nỗ lực tối đa, có thể tự mình suy nghĩ ra được. Ngay ở những vấn đề mà giảng viên cần dồn sức làm sáng tỏ thì điều chủ yếu nhất vẫn là khéo dẫn dắt, gợi mở để người học từ đó có thể tự mình suy nghĩ, giải quyết vấn đề. Giảng tốt là biết cách kích thích tinh thần chủ động, tích cực của học viên, « bắt » họ phải động não,

cuốn hút họ vào cùng mình đặt ra, tháo gỡ, và giải quyết các khúc mắc.

Nghiên cứu cá nhân là khâu rất quan trọng, nếu không nói là quan trọng nhất, để phát triển năng lực suy nghĩ độc lập, khoa học, sáng tạo của người học. Có thể nói, tất cả các khâu khác trong quá trình giáo dục đều có ảnh hưởng nhất định đến khâu nghiên cứu cá nhân. Chẳng hạn, phương pháp học tập của học viên chịu ảnh hưởng lớn của phương pháp giảng dạy của người giảng. Người giảng tốt có thể đề lại những dấu ấn sâu sắc trong phong cách học tập, nghiên cứu, suy nghĩ của người học; có thể rèn luyện cho họ thói quen chủ động trong việc tiếp thu kiến thức, thói quen đặt các vấn đề, thói quen nhận xét, phân tích, tổng hợp, suy luận, liên hệ, vận dụng vào thực tế.

Đề nâng cao hiệu suất và chất lượng nghiên cứu cá nhân, cần có những biện pháp trực tiếp ở chính khâu này. Vấn đề là thường xuyên làm cho học viên quán triệt phương châm nỗ lực bản thân, tự học là chính, đồng thời có nhiều biện pháp động viên, kích thích sự hứng thú, say mê nghiên cứu, suy nghĩ. Chủ ý giúp đỡ học viên về phương pháp tự học, nhất là đối với những đồng chí nhận thức chậm, chưa quen đọc sách, nghiên cứu. Đọc bài giảng, đọc sách kinh điển và tài liệu tham khảo thế nào, nghe giảng ghi chép thế nào, viết một tiểu luận, một bản thuyết trình thế nào, v.v., những việc đó nếu có hướng dẫn cụ thể về phương pháp thì anh chị em đỡ lúng túng, tiết kiệm được thời gian, tập trung được nhiều công sức hơn vào sự suy nghĩ có tính chất sáng tạo.

Học tập là việc cả đời người. Ở trường Đảng, không chỉ giản đơn là học tập lý luận mà còn phải học bản lĩnh học tập nữa. Ở trường, nếu rèn luyện tốt phương pháp tư duy, lại rèn luyện được cả phương pháp và

thói quen học tập, nghiên cứu, thì đó chính là tạo ra được tiềm lực mạnh nhất và vững bền để khi ra trường người cán bộ có thể độc lập và không ngừng phát triển năng lực tư duy và mở rộng kiến thức.

Năng lực suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo của học viên được bộc lộ và được rèn luyện nhiều qua các cuộc thảo luận, tất nhiên là với điều kiện các cuộc thảo luận được tổ chức và lãnh đạo tốt. Nếu không như thế thì có khi các cuộc thảo luận lại là dịp chờ đợi đối với những đồng chí quen học dựa dẫm, lười suy nghĩ, chỉ muốn người khác suy nghĩ hộ. Cho nên, nhất thiết mỗi người dự thảo luận cần có sự chuẩn bị cá nhân tích cực nhất.

Việc đi nghiên cứu thực tiễn, học tập các điển hình, giữ vai trò to lớn trong việc phát huy sự sáng tạo của người học. Đây là dịp liên hệ, vận dụng lý luận vào thực tiễn một cách sinh động. Mức độ tiêu hóa kiến thức, năng lực sử dụng lý luận như là phương pháp, năng lực suy luận trên những sự kiện cụ thể, v.v., tóm lại, những dấu hiệu quan trọng nhất của bản lĩnh suy nghĩ độc lập, khoa học và sáng tạo ở mỗi người được bộc lộ, được tập dượt qua các khâu học tập này. Trong việc tổ chức học tập điển hình, nếu nâng cao chất lượng báo cáo và thảo luận, phân tích, và sau mỗi lần đi thực tế, có tổng kết bằng những bản thu hoạch cá nhân và tập thể hoặc bằng những hội nghị khoa học có chuẩn bị công phu thì sẽ giúp cho học viên rèn luyện năng lực tư duy, phát triển thói quen suy nghĩ độc lập, khoa học, sáng tạo.

Việc ôn tập, kiểm tra cũng cần được chú ý cải tiến hơn nữa. Cách làm của chúng ta lâu nay khiến học viên chỉ lo học thuộc lòng để đối phó với thi cử, chứ ít có tác dụng thúc đẩy sự suy nghĩ chủ động, độc lập, sáng tạo của họ. Tình trạng đó dễ ra

(Xem tiếp trang 76)

CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ VÔ SẢN VÀ CHỦ NGHĨA DÂN TỘC TƯ SẢN

CHỦ nghĩa quốc tế vô sản, biểu hiện của tình đoàn kết chiến đấu của những người vô sản và những người lao động toàn thế giới, là một trong những nguyên tắc lớn của chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Chủ nghĩa quốc tế vô sản bắt nguồn từ bản chất cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh lịch sử chôn vùi chủ nghĩa tư bản và xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa không giai cấp.

Giai cấp công nhân là giai cấp đầu tiên và giai cấp duy nhất trong lịch sử có tinh thần quốc tế triệt để. Để chiến thắng giai cấp tư sản vốn là một lực lượng quốc tế, giai cấp công nhân không thể không tự tổ chức thành lực lượng quốc tế. Chính vì vậy giai cấp công nhân coi chủ nghĩa quốc tế là “một trong những điều kiện đầu tiên cho sự giải phóng của họ” (1).

Giai cấp công nhân xuất hiện trên vũ đài lịch sử khi nền kinh tế thế giới bắt đầu hình thành, khi những quan hệ kinh tế đã mang tính chất thế giới thật sự, khi những quan hệ văn hóa và những quan hệ khác giữa các nước và các dân tộc đã phát triển mạnh mẽ. Là những người không chiếm hữu tư liệu sản xuất, giai cấp công nhân các nước có lợi ích chung là lật đổ ách thống trị của tư bản. Giai cấp công nhân không những cần mà còn hoàn toàn có khả năng

thực hiện tốt chủ nghĩa quốc tế trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở mỗi nước cũng như trên phạm vi toàn thế giới.

Trái với chủ nghĩa dân tộc tư sản chia rẽ các dân tộc, xúi giục dân tộc này chống lại dân tộc khác, chủ nghĩa quốc tế vô sản đoàn kết những người lao động của tất cả các nước trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Mác và Ăng-ghe-n là những người đầu tiên đề xướng tư tưởng chủ nghĩa quốc tế vô sản trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Lời kêu gọi của Mác và Ăng-ghe-n “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!”, đã nhanh chóng trở thành khẩu hiệu chiến đấu của công nhân các nước trong cuộc đấu tranh chung chống giai cấp tư sản thế giới.

Phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử mới, Lê-nin đã trình bày một cách toàn diện và sâu sắc vấn đề chủ nghĩa quốc tế vô sản. Phân tích những mâu thuẫn cơ bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin nhấn mạnh phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các nước đế quốc chủ nghĩa cần liên minh với phong

(1) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 76.

trào cách mạng giải phóng dân tộc ở các thuộc địa thành một mặt trận hùng mạnh chống chủ nghĩa đế quốc cả ở sào huyệt lẫn ở hậu phương của nó. Người cho rằng: « Không có sự cố gắng tự nguyện tiến tới sự đoàn kết và sự thống nhất của giai cấp vô sản, rồi sau nữa, của quần chúng cần lao thuộc tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới, thì không thể chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản được » (2). Người đã bổ sung khẩu hiệu quốc tế nổi tiếng trước đó của Mác và Ăng-ghe-n trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* bằng khẩu hiệu chiến đấu mới: « Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại ! ».

Giai cấp công nhân mỗi nước chiến đấu để tự giải phóng về mặt xã hội, để lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và thành lập chuyên chính vô sản. Song giai cấp công nhân mỗi nước không thể tách cuộc đấu tranh của mình khỏi cuộc đấu tranh của những người công nhân ở các nước khác vì giai cấp công nhân trong tất cả các nước đều có một kẻ thù chung là chủ nghĩa tư bản quốc tế. Chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc là một lực lượng quốc tế, nó áp bức bóc lột giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới. Muốn chiến thắng chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc cần có sự đoàn kết chiến đấu của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trong tất cả các nước.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản không hề có nghĩa là giai cấp công nhân không yêu Tổ quốc mình như bọn phản động thường xuyên tạc. Chủ nghĩa quốc tế vô sản đem lòng yêu nước chân chính kết hợp với sự ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân các nước khác giành hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa quốc tế vô sản không tha thứ thái độ coi khinh các dân tộc

khác dù là dân tộc nhỏ nhất. Chỉ có cách mạng xã hội chủ nghĩa của giai cấp công nhân mới chấm dứt được áp bức dân tộc và thiết lập được quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc. Vì, như Mác và Ăng-ghe-n đã vạch rõ, hễ xóa bỏ được nạn người bóc lột người thì sẽ xóa bỏ được việc dân tộc này bóc lột dân tộc khác; và, ngày nào sự đối kháng giai cấp trong nội bộ dân tộc bị tiêu diệt thì ngày đó sự thù địch giữa các dân tộc cũng sẽ bị tiêu diệt.

Tư tưởng đoàn kết vô sản các nước và các dân tộc bị áp bức thấm nhuần vào hàng trăm triệu người đã trở thành một nhân tố mạnh mẽ thúc đẩy phong trào cách mạng thế giới. Chủ nghĩa quốc tế vô sản là vũ khí sắc bén trong tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động tất cả các nước trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong từng nước cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Chủ nghĩa xã hội từ chỗ là ước mơ cao đẹp của loài người, là hệ tư tưởng tiến bộ và khoa học, đã trở thành hiện thực sinh động ở một nước rồi lan ra nhiều nước, ở châu Âu rồi lan sang châu Á, châu Mỹ và châu Phi. Chủ nghĩa xã hội ngày nay đã trở thành một hệ thống thế giới; nó là thành trì vững chắc của cách mạng vô sản thế giới, là chỗ dựa cho phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội, và đang ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Với xu thế ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phong trào giải phóng dân tộc đã làm rung chuyển ba châu Á, Phi Mỹ la-tinh, lôi cuốn hàng nghìn triệu người ở hầu khắp các nước vốn là thuộc địa và nửa thuộc địa nổi dậy lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa

(2) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*: tập 31, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, trang 183.

thực dân cũ và mới, giành và củng cố độc lập về chính trị, giành quyền làm chủ tài nguyên thiên nhiên, xây dựng, phát triển nền kinh tế quốc dân độc lập và tự chủ, mở ra khả năng mới bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản đề tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện nhiệm vụ lịch sử vẻ vang là đánh bại chủ nghĩa đế quốc ngay tại dinh lũy cuối cùng của nó, phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa ngày càng phát triển với quy mô rộng lớn và tinh thần cao, với nội dung phong phú và hình thức linh hoạt chưa từng thấy. Là biểu hiện rực rỡ thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của chủ nghĩa quốc tế vô sản, ba dòng thác cách mạng của thời đại đang ở thế tiến công, chia mũi nhọn đấu tranh vào chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ và «**đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội**»(3).



Đề chống lại sự phát triển như vũ bão của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, bọn đế quốc và phản động quốc tế tìm mọi cách chia rẽ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức. Vũ khí tư tưởng mà chúng thường hay dùng để thực hiện âm mưu đen tối này là chủ nghĩa dân tộc tư sản.

Trái với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chủ nghĩa dân tộc tư sản là tư tưởng của giai cấp tư sản nhằm kích động hận thù dân tộc giữa những người lao động các nước. Chủ nghĩa dân tộc tư sản là sản phẩm của chế độ tư bản chủ nghĩa. Giai cấp tư sản truyền bá chủ nghĩa dân tộc để gieo rắc sự hận thù giữa những người lao động thuộc các dân tộc khác nhau, ngăn cản họ đoàn kết với nhau trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng, đánh lạc hướng đấu tranh của họ, lấy hận thù

dân tộc thay thế cho đấu tranh giai cấp, nhằm củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản ở trong nước và phục vụ âm mưu bành trướng của nó ở nước ngoài. Chủ nghĩa dân tộc, đặc biệt biểu hiện tệ hại nhất của nó là chủ nghĩa sô-vanh, là một vũ khí tư tưởng của bọn đế quốc và phản động quốc tế dùng để chuẩn bị chiến tranh xâm lược và đề biện hộ cho chính sách của chúng là nô dịch các dân tộc khác.

Muốn đánh bại bọn đế quốc và phản động quốc tế, giành thắng lợi cho cách mạng thì phải đấu tranh không ngừng chống chủ nghĩa dân tộc tư sản. Lê-nin đã từng viết: «**Người nào muốn phục vụ giai cấp vô sản, thì phải tập hợp công nhân tất cả các dân tộc lại và đấu tranh không mệt mỏi chống chủ nghĩa dân tộc tư sản, chống «chủ nghĩa dân tộc riêng của nước mình» và của nước ngoài**» (4).

Chủ nghĩa xã hội công nhận và thực hiện sự bình đẳng hoàn toàn giữa các dân tộc, quyền tự quyết của các dân tộc, đồng thời chủ trương đoàn kết giai cấp công nhân và nhân dân lao động thuộc mọi dân tộc trong cuộc đấu tranh xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa thủ tiêu sự áp bức dân tộc, tạo điều kiện cho các dân tộc phát triển về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và tiến lên chủ nghĩa xã hội

Tuy vậy, trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nhất là trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, những tàn dư của chủ nghĩa tư bản vẫn tồn tại dai dẳng trong ý thức của con người. Trong những tàn dư này, đặc biệt

(3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tập chí Học tập, số 12—1976, trang 137.

(4) Lê-nin: «**Ý kiến phê bình về vấn đề dân tộc**», bản tiếng Pháp, Mát-sco-va, 1951, trang 12.

đáng chú ý là những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản. So với các lĩnh vực khác, thì trong lĩnh vực dân tộc, những tàn dư đó sống dai dẳng nhất. Nói về những tàn dư của chủ nghĩa tư bản trong xã hội xã hội chủ nghĩa, Lê-nin đã dạy rằng: không thể có một bức vạn lý trường thành ngăn cách giai cấp công nhân và xã hội tư sản cũ. Và lúc cuộc cách mạng nổ ra thì tình hình khác hẳn tình hình xảy ra khi một người chết, khi thì hài được đem đi chôn. Khi xã hội cũ chết thì người ta không thể đem tử thi của nó bỏ vào áo quan để chôn xuống đất. Thay ấy rửa ra ở trong hàng ngũ chúng ta và gây bệnh cho chúng ta.

Những ý kiến xuất sắc đó của Lê-nin có thể soi sáng cho chúng ta, giúp cho chúng ta hiểu rõ vì sao, trong điều kiện ngày nay, tại một số nước đã đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, lại có những tàn dư tư tưởng tư sản, đặc biệt là những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản.

Những thành kiến dân tộc và chủng tộc trong nhân dân các nước, kể cả ở các nước đã đi vào con đường xã hội chủ nghĩa, không phải dễ dàng tiêu tan trong thời gian ngắn. Những thành kiến ấy, như Lê-nin đã chỉ rõ, « chỉ có thể tiêu tan rất chậm ». Chúng « chỉ có thể tiêu tan sau khi chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản trong các nước tiên tiến đã bị tiêu diệt và sau khi toàn bộ cơ sở kinh tế ở các nước chậm tiến đã được cải tạo về căn bản » (5).

Bọn đế quốc và phản động quốc tế coi những thành kiến dân tộc và chủng tộc tồn tại lâu dài ở các nước là những kẻ hở để chúng thọc vào, phá vỡ tình đoàn kết quốc tế giữa các lực lượng cách mạng, hòng xoay chuyển tình thế, giành lại những vị trí đã mất. Do bị đẩy lùi hết bộ phận này đến bộ phận khác và bị suy yếu nghiêm trọng, bọn đế quốc ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn trong việc

sử dụng lực lượng quân sự để đẩy lùi phong trào cách mạng các nước, cho nên chúng dùng những thủ đoạn khác như chia rẽ, kích động hằn thù dân tộc, gây xung đột biên giới giữa các nước vừa thoát khỏi ách chủ nghĩa đế quốc, hòng đạt được mục tiêu của chúng bằng phương tiện khác. Để thực hiện ý đồ đen tối của chúng, bọn đế quốc dùng thủ đoạn quen thuộc là kích động đầu óc sô vanh của các nhà lãnh đạo các nước này. Và chúng đã đạt được những kết quả nhất định.



Là một đảng mác xít - lê ni nít, Đảng ta luôn luôn kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Từ khi thực dân Pháp sang xâm lược nước ta, nhân dân ta không ngừng đấu tranh chống Pháp, nhưng mọi phong trào đấu tranh hồi bấy giờ đều thất bại. Chủ nghĩa yêu nước trên lập trường dân tộc chật hẹp của các sĩ phu phong kiến cũng như của các nhà cách mạng có xu hướng tư sản lúc ấy, không thể chống nổi chủ nghĩa đế quốc từ lâu đã trở thành lực lượng quốc tế. Từ khi Đảng ta ra đời, cách mạng nước ta mới có triển vọng thắng lợi. Sau nhiều năm bôn ba nước ngoài tìm con đường cứu nước, Hồ Chủ tịch đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nhận thức được rằng: « Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản » (6). Bác Hồ bắt tay xây dựng Đảng cộng sản Việt-nam. Nếu ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, đảng cộng sản là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin và

(5) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, tập 31, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, trang 182.

(6) Hồ-chí-Minh: *Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 82.

phong trào công nhân, thì ở nước ta, Đảng cộng sản là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Với việc thành lập Đảng cộng sản Việt-nam, Bác Hồ nâng chủ nghĩa yêu nước chặt hẹp của những phong trào dân tộc ở nước ta khi ấy lên trình độ chủ nghĩa yêu nước triệt để của giai cấp vô sản: chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh sáng lập và rèn luyện, Đảng ta trong toàn bộ quá trình hoạt động của mình, luôn luôn thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trong gần 50 năm tồn tại của mình, Đảng ta lúc nào cũng tự coi mình là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế, luôn nhấn mạnh rằng cách mạng Việt-nam là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới. Đảng ta tuyệt đối tuân theo những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản, của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa dân tộc tư sản. Đảng ta tích cực góp phần tăng cường tinh đoàn kết quốc tế của giai cấp công nhân và nhân dân các nước trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta với các trào lưu cách mạng của thời đại. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã nói Đảng ta « lấy toàn bộ thực tiễn của mình để chứng minh rằng chủ nghĩa yêu nước triệt để không thể nào tách rời chủ nghĩa quốc tế vô sản và khời liên minh anh em giữa tất cả những người đấu tranh cho sự nghiệp chung, cho việc giải phóng loài người, cho sự xây dựng một xã hội không có giai cấp (7).

Đảng ta chủ trương tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản và công

nhân quốc tế vì chúng ta cho rằng « bốn phương vô sản đều là anh em » (Hồ-Chí-Minh).

Trung-quốc là nước láng giềng của Việt-nam. Chúng ta chủ trương xây dựng tình hữu nghị Việt - Trung « vừa là đồng chí, vừa là anh em » như Hồ Chủ tịch đã dạy. Sự đoàn kết giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt-nam và Trung-quốc đã từng đạt được những kết quả tốt đẹp và giúp cho cách mạng hai nước có điều kiện thuận lợi đề tiên lên.

Tuy vậy, thời gian gần đây, sự đoàn kết Việt - Trung đang đi đến chỗ tan vỡ nghiêm trọng. Vì đâu mà sự đoàn kết Việt - Trung đi đến chỗ tan vỡ? Đó là vì nhà đương cục Trung-quốc trong những năm gần đây đã thi hành một chính sách thù địch đối với Việt-nam.

Suốt ba năm qua nhà đương cục Trung-quốc đã dùng bọn tay sai của họ là bè lũ phản động Pôn Pốt - Iêng Xa-ry gây ra cuộc chiến tranh chống Việt-nam, đánh phá biên giới phía Tây Nam nước ta. Gần đây họ lại dụ dỗ và cưỡng ép những người Hoa ở Việt-nam di cư quy mô lớn để kích động hằn thù dân tộc chống Việt-nam, phá hoại nền kinh tế của Việt-nam. Họ đã cắt hoàn toàn viện trợ kinh tế cho Việt-nam và rút các chuyên gia về nước. Họ đã đóng cửa các lãnh sự quán của Việt-nam ở Trung-quốc. Hằng ngày họ tuyên truyền kích động tư tưởng chống Việt-nam ở Trung-quốc và trên thế giới.

Nhà đương cục Trung-quốc tìm mọi cách cản trở công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các nhà tư sản, trong đó có các nhà tư sản gốc Hoa, ở miền Nam Việt-nam. Lấy cớ là « bảo vệ Hoa kiều » họ chống lại việc cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương

(7) Hồ-Chí-Minh : *Con đường dẫn tới đến chủ nghĩa Lê-nin* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 37 — 38.

ng nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam nước ta. Khi chính quyền cách mạng Việt-nam tiến hành cải tạo các nhà tư sản mại bản gốc Hoa thì nhà đương cục Trung-quốc viện có « cộng đồng huyết thống » để đứng ra « bảo hộ » bọn này. Rõ ràng nhà đương cục Trung-quốc đã từ bỏ lập trường giai cấp vô sản và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Họ đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa dân tộc tư sản để chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam.

Trung-quốc đã công bố chính sách mới đối với Hoa kiều ở nước ngoài, nhất là ở Đông Nam châu Á. Theo chính sách này tất cả Hoa kiều và cả công dân của các nước khác có « huyết thống Trung-quốc » đều ở trong « Mặt trận Trung-quốc » chống bá quyền (tức chống Liên-xô). Chính sách này của Trung-quốc dựa trên cơ sở « cộng đồng huyết thống » chứ không dựa trên cơ sở giai cấp. Đây là biểu hiện của chủ nghĩa chủng tộc, hoàn toàn trái với chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Theo đuổi giấc mộng hành trưởng đại dân tộc và bá quyền nước lớn, nhà đương cục Trung-quốc đã cần viện đến chủ nghĩa chủng tộc, một biểu hiện xấu xa của chủ nghĩa dân tộc tư sản. Từ bỏ chủ nghĩa quốc tế vô sản, theo đuổi chủ nghĩa sô vanh nước lớn, nhà đương cục Trung-quốc tự mình đối địch với các dân tộc yêu chuộng tự do và nhân dân cách mạng các nước trên thế giới.



Nhân dân Việt-nam, được sự giáo dục và rèn luyện của Hồ Chủ tịch và của Đảng, kiên trì chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chúng ta kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tư sản và chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Chúng ta chủ trương đoàn kết với nhân dân Trung-quốc và đấu tranh chống nhà đương cục Trung-quốc can thiệp vào

công việc nội bộ của nước ta và chống lại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Kiên trì chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, Đảng ta « không ngừng giáo dục đảng viên và nhân dân ta thấm nhuần những tình cảm cách mạng trong sáng của Hồ Chủ tịch, tiếp tục giữ vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, giữ vững độc lập, tự chủ, ra sức làm tròn nhiệm vụ đối với dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước » (8).

(8) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam, tạp chí Học tập, số 12-1976, trang 138.

Hai khâu then chốt...

(Tiếp theo trang 14)

khả năng sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài của địa phương.

— Có tổ chức Đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo sản xuất, lãnh đạo công tác quân sự địa phương xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời bình, tổ chức chiến tranh nhân dân trong thời chiến, phát huy được chức năng của chính quyền, của các ngành và các đoàn thể quần chúng trong công cuộc xây dựng quốc phòng toàn dân.



Với sức mạnh của cả nước đánh giặc được tiếp thêm sức mạnh của ba dòng thác cách mạng của thời đại, được nhân dân tiến bộ trên thế giới đồng tình, ủng hộ, nhất định nhân dân ta sẽ chiến thắng mọi kẻ thù, xứng đáng với tổ tiên, xứng đáng với các đồng chí, đồng bào đã hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, xứng đáng với sự ủy thác của nhân dân thế giới.

Thảo luận

CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI, XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, CON NGƯỜI CÓ VĂN HÓA

HOÀNG-TRINH

Ở đây chúng tôi chỉ muốn bàn đến một khía cạnh: văn hóa góp phần xây dựng con người mới, có văn hóa, nhất là trong thanh niên.

Con người có văn hóa. Chữ văn hóa ở đây chúng tôi hiểu theo quan điểm của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, theo những luận điểm của Đại hội lần thứ IV của Đảng về con người mới, xã hội chủ nghĩa. Tức là hiểu theo cái nghĩa toàn diện, căn bản của nó, hiểu theo khía cạnh nhân bản chủ nghĩa cách mạng của nó mà Đảng ta, xuất phát từ thực tiễn Việt-nam qua 30 năm đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước, đã nói đến như một sự tổng kết đầy tính chất sáng tạo.

Chúng tôi quan niệm bản thân con người mới phải là và đã là con người có văn hóa.

Ngày xưa, khi con người ra khỏi tình trạng dã man, bước đầu làm chủ được thiên nhiên thì văn hóa đã xuất

hiện, con người đã bắt đầu có văn hóa, mà trước hết là văn hóa vật chất tức là văn hóa sản xuất và văn hóa sinh hoạt, tiền đề của các nền văn minh sau này. Ngày nay, con người mới ở đỉnh cao của thời đại sẽ là con người làm chủ được thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình. Đó là một kiểu người có văn hóa ở mức cao nhất và toàn diện nhất, vì văn hóa ở đây cần được hiểu trên một bình diện mới phù hợp với yêu cầu làm chủ tập thể của con người mới trong thời đại tiến lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa, thời đại của ba cuộc cách mạng mà cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Văn hóa cần được hiểu toàn diện trên 6 khía cạnh có liên hệ khăng khít với nhau:

1 — Văn hóa — chính trị hay khía cạnh chính trị của văn hóa.

2 — Văn hóa — sản xuất hay khía cạnh lao động sáng tạo của văn hóa.

3 - Văn hóa - đạo đức hay khía cạnh đạo đức của văn hóa.

4 - Văn hóa - pháp lý hay ý thức pháp lý trong văn hóa.

5 - Văn hóa - tổ chức hay ý thức và trình độ tổ chức, quản lý trong văn hóa.

6 - Văn hóa - văn hóa hay khía cạnh trí thức, kiến thức của văn hóa.

Ngày nay ta đã có một thực tế xã hội trước mắt dễ đối chiếu, so sánh và dễ thấy được rõ thêm thế nào là con người mới và con người cũ, thế nào là con người có văn hóa và con người không văn hóa, và thế nào là văn hóa nói chung theo quan điểm cách mạng của chúng ta.

Đứng trên khía cạnh chính trị chẳng hạn của vấn đề mà xét, chúng ta thấy trong xã hội ta có một số người trải qua cuộc sống dưới chế độ cũ, được học hành nhiều, có bằng cấp cao, nhưng lại thiếu lý tưởng, thiếu hiểu biết về dân tộc, về xã hội, về thời đại, về cách mạng, sống theo quan niệm về cuộc sống của chủ nghĩa cá nhân tư sản, xa rời quần chúng... Những người này, rõ ràng là họ thiếu một cái phần rất cơ bản trong nội dung của "Con người có văn hóa" theo cái nghĩa toàn diện của nó. Cũng như đối với những người khác trên những khía cạnh khác, những người này chỉ trở thành những con người mới, những con người làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân khi đã trải qua một sự phấn đấu cải tạo về lập trường, tư tưởng, về nhận thức chính trị, về thế giới quan, nhân sinh quan, về quan niệm sống, gán bó mật thiết với dân tộc, với nhân dân...

Nhắc đến một ví dụ nhỏ có tính cách đối chiếu như thế dễ thấy rằng ngày nay phải hiểu *văn hóa* một cách khác, phải hiểu *văn hóa* theo quan điểm cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin thì mới có thể đào tạo được những con người mới, nghĩa là những

con người toàn diện mà Tô quốc và chủ nghĩa xã hội đang đòi hỏi và Đại hội lần thứ IV của Đảng đã nói đến.

Nhắc đến như vậy cũng dễ thấy thêm rằng, 30 năm qua do sự giáo dục tổng hợp của Đảng, kinh qua sự nghiệp kháng chiến và xây dựng đất nước, đã có những con người mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, và trước hết là mới về tư tưởng, về lý tưởng chính trị, về tư tưởng và hiểu biết chính trị, về tinh thần làm chủ tập thể. Đó là một cái mới rất cơ bản, vô giá, góp phần tạo ra những con người thật sự có văn hóa. Văn hóa - chính trị hay khía cạnh chính trị trong văn hóa của con người là tiêu chuẩn hàng đầu của con người mới trong thời đại chúng ta, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, suốt đời phấn đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở những hiểu biết vững chắc về chủ nghĩa xã hội, về các đường lối, chính sách của Đảng trên tinh thần làm chủ tập thể. Đó là điều kiện đầu tiên để làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân, điều kiện đầu tiên để thực hiện phương châm sống xã hội chủ nghĩa "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người".

Nhưng có ý thức, có tư tưởng, có lý tưởng chưa đủ mà phải có hành động cách mạng và hành động có hiệu quả. Hành động ngày nay là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tô quốc xã hội chủ nghĩa. Trong thời bình, hành động chủ yếu là *sản xuất*, là làm ra các của cải, các giá trị vật chất và tinh thần để đóng góp vào sự giàu mạnh của Tô quốc và hạnh phúc của nhân dân. Có văn hóa ngày nay là *lao động*, và *lao động sáng tạo*. Con người có văn hóa là con người không ăn bám, không chây lười, không đục khoét xã hội và Nhà nước, không làm giàu trên lao động và mồ hôi nước mắt của kẻ khác, biết hô thẹn, nhục nhã từ ý thức, lương tâm về những hành động đó. Đó là mặt tiêu cực của vấn đề. Nhưng mặt tích cực là *lao*

động, có văn hóa là lao động hăng say, lao động tìm tòi, lao động có năng suất cao, bởi vì đó là làm chủ thiên nhiên, làm chủ khoa học kỹ thuật, là « sống vì mọi người ». Con người mới, con người có văn hóa ngày nay là con người biết khổ, biết nhục về cái nghèo nàn, lạc hậu do thiên nhiên và xã hội cũ để lại, biết đưa tất cả sức lực và trí tuệ của mình để làm ra, sản sinh ra nhanh, nhiều, tốt cho chủ nghĩa xã hội, cho đời sống. Khía cạnh sáng tạo và khía cạnh nhân bản chủ nghĩa cao đẹp, vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của lao động ngày nay làm cho lao động trở thành một hành động có văn hóa, một hình thái của văn hóa. Con người có văn hóa là con người lao động hay, lao động giỏi, lao động có năng suất cao, lao động có sáng chế, phát minh vì nền sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa, cuối cùng là vì Tổ quốc giàu mạnh và vì hạnh phúc của con người.

Không thể quan niệm một con người có văn hóa mà sống không đạo đức, nhân phẩm, nhân cách. Chữ văn hóa tự nó đã bao hàm một hình thái sống, một phong cách sống đẹp, tốt, trong quan hệ giữa người và người và trong cả quan hệ với bản thân mình. Bởi vậy đạo đức — mà bây giờ là đạo đức cách mạng — là một khía cạnh quan trọng của một con người có văn hóa. Cần kiệm liêm chính như lời dạy của Bác Hồ, chính là đạo đức cách mạng, là văn hóa cách mạng. Vì nó làm cho con người đẹp lên, trong sạch lên, lớn lên, và đó là văn hóa, là sống có văn hóa. Sống không cần, kiệm, liêm, chính là sống « vô văn hóa » nhất, vì nó là sản phẩm của các xã hội người bóc lột người.

Ngày nay chúng ta sống trong một chế độ mới trong đó chuyên chính vô sản có nhiệm vụ chuyên chinh với kẻ thù và những lực lượng phản động, những kẻ sống phi pháp, mặt khác phải bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân theo cơ chế Đảng lãnh

đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Sống có ý thức về pháp lý, về tinh thần tôn trọng pháp lý xã hội chủ nghĩa là một biểu hiện của con người mới, con người có văn hóa. Ý thức tổ chức và kỷ luật trong việc tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và các luật lệ của Nhà nước cách mạng chứng minh ý thức văn hóa và trình độ văn hóa của con người trong đời sống tập thể của cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Trong chế độ xã hội của ta, có văn hóa là có tinh thần tôn trọng xã hội, tôn trọng tập thể và tôn trọng con người thể hiện ở sự tôn trọng bộ máy quản lý xã hội, quản lý con người, tức là tôn trọng kỷ cương của xã hội xã hội chủ nghĩa. Sống không kỷ cương, coi thường pháp lý trong đời sống là sống kém văn hóa, vô văn hóa.

Một điều nữa mà chúng tôi muốn nói là ý thức và trình độ tổ chức, quản lý trong lao động, trong đời sống xã hội, đời sống gia đình, đời sống cá nhân cũng là một biểu hiện của văn hóa. Đến một nước nào đó, xem qua cách lao động, cách ăn, ở, đi lại, nhất là ở những nơi công cộng, người ta đã có thể bước đầu thấy được trình độ quản lý tức cũng là trình độ, văn hóa của nước đó. Quản lý chính là văn hóa vì nó đòi hỏi đầu óc kỷ luật và tổ chức, đầu óc điều hành, nói chung là đầu óc khoa học quản lý một ngành, một cơ quan, nhà máy, một khu phố..., là cả một khoa học phối hợp biết bao nhiêu khoa học. Nó làm cho đời sống của con người, đời sống xã hội, lao động xã hội có trật tự, nền nếp, các hoạt động ăn khớp với nhau như các khâu trong một dây chuyền, không lộn xộn, chệch choạc, không trì trệ và gây phiền hà cho nhau. Quản lý gia đình và tự quản lý đời sống cá nhân mình cũng đòi hỏi có văn hóa và là một biểu hiện của văn hóa. Chẳng hạn sống có giờ giấc, có chương trình, « thời khóa biểu », làm ra làm, chơi

ra chơi, ngày giờ nào có nội dung này... vừa bảo đảm tốt sinh hoạt của gia đình, cá nhân, vừa thực hiện tốt các nhiệm vụ mà xã hội giao phó. Trong việc xây dựng nếp sống văn minh, gia đình có văn hóa ngày nay, cần bồi dưỡng cho con người một ý thức và một trình độ tổ chức, điều hành, quản lý ngay từ đời sống của họ.

Cuối cùng con người mới ngày nay đương nhiên phải có một trình độ kiến thức nhất định. Ham học, ham đọc, ham xem, ham nghe, ham thưởng thức... với động cơ đúng đắn, lành mạnh là những biểu hiện của một con người thật sự có văn hóa. Đầu óc "tò mò khoa học" luôn luôn muốn hiểu, muốn biết, đề nâng cao nhận thức, nâng cao hiệu suất lao động, công tác, không chịu dốt kém, không chịu trì trệ về mặt trí tuệ, năng lực, là một đặc điểm của con người mới trong thời kỳ tiến lên một nền sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa. Yêu văn hóa, nghệ thuật, khoa học là một yêu cầu của cuộc sống mới và một tiêu chuẩn của con người mới trong thời đại chúng

ta. Con người mới là con người biết làm chủ nền văn hóa của dân tộc mình và biết tiếp thụ những tinh hoa của văn hóa loài người.

Như vậy nói con người mới là nói đến việc xây dựng một hình thái văn hóa kiểu mới cho con người ngày nay, một hình thái văn hóa mang tính chất một tổng thể: chính trị tư tưởng - lao động - đạo đức - ý thức pháp lý - trình độ quản lý - kiến thức, mà tinh thần làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội, làm chủ bản thân mình đòi hỏi, không thể thiếu một yếu tố nào.

Văn hóa, văn nghệ của chúng ta cần góp phần vào việc đào tạo con người mới theo hướng đó, xây dựng cho con người mới một hình thái văn hóa phù hợp với những tiêu chuẩn về con người mới mà Đảng ta đã đề ra. Đối tượng cần hết sức chú ý đào tạo, bồi dưỡng là thế hệ thanh niên ngày nay, thế hệ đang cùng cha anh xây dựng và bảo vệ đất nước, thế hệ có trách nhiệm xây dựng tương lai của dân tộc trong đó có tương lai của bản thân mình...

Giáo dục con người mới từ trong gia đình

HOÀNG-NGỌC-DI

GIA đình Việt-nam có vai trò quan trọng trong việc giáo dục con em mình trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

Vai trò của gia đình đối với việc giáo dục con em, ở nước ta không còn là một vấn đề phải bàn cãi. Trong thực tế của phong trào thi đua xây

dựng gia đình văn hóa mới, các gia đình tiến bộ hiện nay đã đạt được kết quả rõ rệt trong việc giáo dục con em về mặt này sau đây:

— Giáo dục tình cảm: Trong một gia đình tiến bộ, tình thương giữa cha con, mẹ con, anh chị em trong nhà luôn luôn được củng cố và phát huy. Con cái được chú ý dạy bảo về ý thức và thói quen lễ phép đối với người lớn, về quan hệ tốt đối với người ngoài và bạn bè. Từ tình thương người, yêu gia đình, trẻ em tiến một cách nhẹ nhàng và sâu sắc đến lòng yêu nước và yêu chế độ mới. Hơn nữa, ý thức danh dự về gia đình có nhiều khả năng ngăn chặn những ảnh hưởng xấu từ bên ngoài dội vào và làm cho con em tránh được những hành vi xấu. Ở những gia đình này, dù là con em cán bộ, trí thức hay con em công nhân, nông dân thì tinh thần và kết quả học tập bao giờ cũng cao.

— Rèn luyện thói quen và ý thức lao động cho trẻ em. Đối với con em các gia đình công nhân, nông dân, thói quen và ý thức lao động được hình thành tự giác theo gương của cha mẹ. Các em có ý thức lao động vì người khác, vì cả nhà, không phải để thói quen.

Những người lớn tuổi trong gia đình chú ý nâng cao nếp sống gương mẫu, ngày càng sửa chữa được nhiều thói xấu như: đánh chửi con cái, gây chuyện cãi nhau với hàng xóm, làm ăn phi pháp. Như ở thị xã Sơn-tây, phố Thắng (Hiệp-hòa), thị xã Thanh-hóa, sau cuộc vận động học tập và làm theo đường lối giáo dục của Đảng, nhiều hiện tượng tiêu cực đã được khắc phục. Trong nhiều xã thi đua với Cẩm-bình, những chuyển biến tốt đẹp như vậy lại càng rõ rệt; đến cả những gia đình lâu nay bất hòa sáu sắc cũng dần xếp được với nhau để trở lại đầm ấm.

Vì sao gia đình Việt-nam lại có được những khả năng to lớn như thế?

Vì mấy lẽ:

Nhiều gia đình Việt-nam giữ được những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và truyền thống cách mạng. Những gia đình lao động còn có tinh thần lao động cần cù, tiết kiệm, nếp sống trong sạch, giản dị. Quan hệ nội bộ gia đình chặt chẽ, hòa thuận.

Quan hệ xã hội mới trong thôn xóm cũng như trong nhiều tiểu khu của khu phố tác động lành mạnh đến các gia đình. Xã hội có thể góp ý kiến với từng gia đình. Từng gia đình, từng cá nhân không thể tùy tiện làm những việc tiêu cực trước dư luận khá mạnh của xã hội.

Uy tín của Đảng cộng sản rất lớn trong nhân dân; ở miền Bắc nước ta, cơ sở Đảng khá phát triển, làm việc gì theo chủ trương của Đảng và có đảng viên đi đầu, cũng dễ thành công, dù là việc trong nhà.

Tuy nhiên, trong gia đình Việt-nam hiện nay cũng còn một số nhân tố tiêu cực không có lợi cho việc giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đó là đầu óc tư hữu, cá nhân chủ nghĩa còn tồn tại từ xã hội thực dân phong kiến và nền sản xuất nhỏ. Điều này cắt nghĩa vì sao có những con «ngoa» nhưng chưa phải là đoàn viên tốt hay công dân tốt.

Đó là đầu óc gia trưởng, trọng nam khinh nữ, nề gia, khinh trẻ, đánh đập, chửi mắng con em, ngược đãi vợ con. Hiện nay, tàn dư này còn khá đậm nét ở nông thôn, thậm chí có những biểu hiện rất tàn nhẫn.

Đó là trình độ văn hóa và trình độ hiểu biết về khoa học giáo dục còn thấp. Rất nhiều cha mẹ không biết chăm sóc con cái, không biết xử lý đúng đắn trước những biểu hiện sai trái của con cái. Số đông thì buông lỏng hoặc giáo dục con theo thuyết «trời sinh voi, trời sinh cỏ», hay thuyết «cha mẹ sinh con, trời sinh tính». Một số gia đình quá nghiêm khắc với con, một số khác lại quá

nuông chiều con. Trong khi đó thì xã hội mới phụ trách được trẻ em 3 - 4 giờ trong một ngày.

Qua thực tế, chúng ta thấy trong mỗi gia đình đều có 3 nhân tố có liên quan trực tiếp đến sự hình thành nhân cách của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Một là: Truyền thống và môi trường đạo đức của gia đình. Trên cơ sở chính trị đúng đắn, những truyền thống đạo đức trong gia đình có ý nghĩa quyết định nhân cách của trẻ. Gốc của đạo đức mới là tình thương người; trước là thương yêu những người thân trong nhà, trên kinh dưới ruộng, sau là đến bè bạn, bà con gần xa. Các thiếu niên phạm pháp thường đối lập với gia đình rồi đối lập với xã hội, hoặc ngược lại đối lập với xã hội rồi do gia đình xử trí không khéo trở nên đối lập cả với gia đình.

Hai là: Truyền thống và nền nếp sinh hoạt học tập văn hóa của gia đình. Trình độ văn hóa của cha mẹ càng cao đương nhiên là có lợi cho việc dìu dắt con cái học tập. Nhưng điều quyết định tinh thần ham học của con cái là truyền thống và nền nếp học tập văn hóa của gia đình. Vì thế có những gia đình, cha mẹ chỉ là công nhân, nông dân với trình độ văn hóa cấp I, cấp II, nhưng biết tôn trọng lao động học tập và giờ giấc học tập của con em thì con em trong nhà ai cũng chịu khó học tập và học tập tốt.

Ba là: Cách sử dụng thời gian ở nhà. Ngoài việc nghỉ ngơi ra, thời gian sinh hoạt ở nhà được dành cho hai hoạt động chính: hoạt động thể thao sản xuất ra sức lao động và hoạt động để phát triển nhân cách cao hơn nữa. Cùng với sự tiến bộ của các dịch vụ, loại hoạt động thứ nhất sẽ ngày càng giảm. Nhưng hiện nay, trong các gia đình Việt-nam, loại hoạt động thứ nhất còn chiếm mất khá nhiều

thời gian, nhất là các gia đình lao động. Vấn đề phải đặt ra là: nên hạn chế loại hoạt động thứ nhất, chỉ để vừa mức cần thiết nhằm giáo dục con em có tinh thần trách nhiệm chung đối với sinh hoạt của cả gia đình; điều quan trọng là phải sử dụng và lựa chọn loại hoạt động thứ hai cho hợp lý. Học tập là hoạt động chính của trẻ em ở nhà, học tập dưới nhiều hình thức và nhiều nội dung (văn hóa, nghệ thuật, v.v.). Rất tiếc là hiện nay, trong nhiều gia đình, « khoảng trống sự phạm » còn kéo dài, vì cha mẹ không biết điều khiển những hoạt động của con cái.

Phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới đang có một xu hướng lành mạnh và tích cực, không những đối với việc đem lại hạnh phúc trong các gia đình, mà còn góp phần tích cực vào việc giáo dục thế hệ trẻ theo những nguyên tắc đạo đức của con người mới xã hội chủ nghĩa. Nhưng, trong phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới có 4 - 5 tiêu chuẩn thì chúng ta lấy tiêu chuẩn nào là cơ bản để phát huy tác dụng giáo dục con người mới xã hội chủ nghĩa của gia đình? Theo tôi phải lấy sự phát triển tiến bộ của từng thành viên làm cơ bản. Ví dụ, trong một gia đình gọi là hòa thuận, vợ chồng biết thương yêu nhường nhịn nhau, song người chồng thì ngày càng tiến bộ, còn người vợ thì ngày càng cùn dần vì suốt ngày chỉ cặm cụi việc nhà, tất nhiên tác dụng giáo dục của người mẹ đối với con cái sẽ trở thành hạn chế. Một ví dụ khác: một cháu gọi là con ngoan vì biết vâng lời cha mẹ, song chỉ ý lại vào cha mẹ, thiếu ý chí phấn đấu và sáng tạo thì trở nên con người mới xã hội chủ nghĩa thế nào được!

Để góp phần tích cực vào việc giáo dục con em trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa, gia đình cần:

1 - Biết hướng dẫn, tổ chức quá trình học tập, kích thích hứng thú học tập của con em, dù không đi sâu

vào nội dung thì cũng biết những yêu cầu về giáo dục khác nhau đối với từng em, ở từng lớp.

2 — Biết cách giáo dục con em ở từng lứa tuổi theo từng cá tính; biết cách xử lý sự phạm đối với từng tình huống đặc biệt xảy ra; nhất là biết nhấn mạnh phương pháp giáo dục tình cảm.

3 — Biết tổ chức cuộc sống gia đình hợp lý nhằm bảo đảm sự phát triển về trí tuệ, tình cảm và sức khỏe, coi trọng sức khỏe của thần kinh; biết khắc phục những lối sống có hại, như nghiện thuốc lá, không điều độ, mất vệ sinh. Đối với các gia đình nông dân lao động, cần biết phối hợp học và làm, giữ gìn một sự cân đối hài hòa giữa trí lực và thể lực.

Tất cả các đoàn thể, các tổ chức văn hóa và xã hội cần phối hợp với nhau trong việc giúp đỡ các gia đình giáo dục con em. Giữ vai trò quan trọng nhất vẫn là nhà trường phổ thông và mẫu giáo. Trong phong trào thi đua học tập Bắc-lý và Cầm-bình, các thầy giáo, cô giáo cần điều khiển cả việc học và lao động ở nhà của học sinh, phổ biến những kiến thức về giáo dục học cho cha mẹ học sinh, phân công nhau làm giáo viên chủ nhiệm không những của một lớp học mà cả của một xóm hay một tiểu khu.

Chúng ta hoàn toàn có khả năng làm cho mỗi gia đình trở thành một tổ chức giáo dục góp phần tích cực vào việc đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa bắt đầu từ tuổi ấu thơ.

CON NGƯỜI MỚI LÀ ĐIỂM HỘI TỤ NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ THỜI ĐẠI VỀ CON NGƯỜI

LÊ-ANH-TRÀ

CON người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam là sản phẩm của đất nước Việt-nam trong thời đại ngày nay, trong lòng chế độ xã hội chủ nghĩa, nhưng bắt rễ từ một quá trình lịch sử lâu dài; đó là một *thực thể hiện thực*, đồng thời đó cũng là mục tiêu xây dựng và phát triển con người Việt-nam cho phù hợp với yêu cầu của đất nước. Cho nên, nó vừa là hiện thực vừa là lý tưởng, là sự ăn khớp của

hiện thực và lý tưởng trong sự hình thành nhân cách dưới sự lãnh đạo của Đảng trong vòng gần nửa thế kỷ qua. Một mặt, những con người mới thật sự đã hình thành trong xã hội ta, tuy chưa nhiều. Mặt khác, chúng ta vẫn có một mô hình về con người mới cần phải có trong trí óc ta. Con người mới ngoài xã hội, vì là con người bằng xương thịt, cho nên có những cái sinh động, phong phú hơn mô

hình, đồng thời cũng có những điểm còn thấp so với yêu cầu của mô hình lý tưởng. Do đó, phải luôn luôn có sự đối chiếu giữa hiện thực và khái niệm để hoàn thiện cái mẫu về con người mới của chúng ta.

Con người là một thực thể xã hội, bản chất của nó là « tổng hòa của tất cả những quan hệ xã hội » (1). Đồng thời, con người là sản phẩm lịch sử của lao động sáng tạo, của quan hệ lâu dài giữa người và thiên nhiên, « tự nhiên là *thần thể* của con người » (2). Để làm rõ những ý ấy, Mác đã có một định nghĩa khác: « Người, chính là *thế giới người*, là Nhà nước, là xã hội » (3).

Do đó, con người của một thời đại nhất định phản ánh toàn bộ thời đại đó, trong sự quy định của những điều kiện xã hội và thiên nhiên nhất định, và không chỉ riêng của một thời đại (quan hệ đồng đại) mà còn có ý nghĩa lịch sử nữa (quan hệ lịch đại).

Như vậy, con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam phản ánh những cái gì tích cực và tốt đẹp của cả đất nước và lịch sử, dân tộc. Nói một cách khác, nó phải là chỗ gặp nhau, nơi kết tinh, *điểm hội tụ những giá trị lịch sử và thời đại về con người*.

Các giá trị lịch sử về con người được kết tinh qua cả quá trình hình thành và phát triển lâu dài của dân tộc, từ những thời xa xưa tổ tiên ta khai sơn phá thạch, trải qua những cuộc đấu tranh bền bỉ, quật cường chống ngoại xâm và xây dựng đất nước, cho đến các cuộc chống Pháp và chống Mỹ anh hùng vĩ đại vừa qua. Các giá trị đó là những truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của người Việt-nam, nó bao gồm những quan niệm về nhân sinh, những biểu hiện về tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, những thuần phong mỹ tục, những kinh nghiệm về lao động, sản xuất, những khả năng sáng tạo về nhiều mặt... Các giá trị đó là động lực thúc đẩy lịch sử ta phát

triển, và ngày nay vẫn phát huy tính tích cực của nó.

Truyền thống sâu đậm nhất trong con người Việt-nam trước hết là lòng *yêu sâu sắc đất nước, quê hương, làng bản, tổ tiên*, kết hợp với *chủ nghĩa anh hùng bền bỉ, ý chí kiên cường bất khuất chống ngoại xâm, bảo vệ quê hương xứ sở*. Đối với người Việt-nam, không có gì nhục nhã hơn là mang tiếng phản quốc. Chỉ có tấm lòng yêu nước sắt son mới cất nghĩa được bao nhiêu hy sinh lớn lao mà dân tộc ta đã phải trải qua để gìn giữ nền độc lập tự chủ của đất nước. Từ ngày có Đảng lãnh đạo qua hai cuộc kháng chiến anh hùng, lòng yêu nước đó được nâng lên thành *lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa*.

Trong điều kiện thiên nhiên khác nghiệt, từ ngàn xưa con người Việt-nam đã có *tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, chịu thương chịu khó*, tiết kiệm, vượt qua mọi khó khăn, làm ra của cải nuôi sống dân tộc mình.

Con người Việt-nam, bên cạnh lòng căm thù sâu sắc đối với tội ác của mọi kẻ thù, lại có lòng *nhân ái*, bao dung, thương người như thể thương thân. Đó không phải một thứ từ bi tiêu cực, mà là một biểu hiện trọng nhân nghĩa của dân tộc Việt-nam, sự ưu ái đối với người cùng cảnh ngộ, sự thông cảm đối với kẻ sa cơ lỡ bước, sự rộng lượng đối với kẻ thù đã thất thế, ăn năn...

Trên đây là những truyền thống cơ bản nhất về phẩm chất đạo đức của con người Việt-nam. Ngoài ra, con người Việt-nam còn có truyền thống *kiêm tốn, mềm dẻo, ham học hỏi, biết rút kinh nghiệm* nhanh chóng từ thực tế

(1) C. Mác : « Luận cương về Phơ-bách », *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tập II, trang 492.

(2) C. Mác : *Bản thảo kinh tế — triết học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 92.

(3) C. Mác : *Lời nói đầu của « phê phán triết học pháp luật của Hê-gen »*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, trang 6.

cuộc sống; *yếu cái đẹp, yếu đạo đức*, hết sức quý trọng những giá trị văn hóa, tinh thần, quý trọng thành quả lao động; *lạc quan cách mạng*, tin tưởng ở tương lai; *mục thước, tế nhị*, ung dung, điềm tĩnh, giữ được sự cân đối hài hòa giữa lý trí và tình cảm, tâm thần, sinh lý, sự kết hợp lý và tình trong mọi quan hệ đối xử, không cực đoan, đơn tuyến, cuồng tín, v.v. Trong khi trân trọng, giữ gìn và phát triển những truyền thống tốt đẹp, con người phải đấu tranh với những thói quen, những tư tưởng tiêu cực, lạc hậu gắn liền với hệ tư tưởng của giai cấp thống trị và với nền sản xuất xã hội của các thời đại trước (phong kiến, tư sản, thực dân cũ và mới). Do ảnh hưởng của hệ tư tưởng của giai cấp thống trị trong các thời đại trước đây, và do ảnh hưởng của lối sống trong một xã hội có nền kinh tế nông nghiệp sản xuất nhỏ cá thể, cho nên trong truyền thống cũng có những mặt hạn chế, lạc hậu. Chẳng hạn, ý thức tổ chức và kỷ luật thiếu chặt chẽ, lề lối làm việc thiếu khoa học, cái nhìn thiếu rộng lớn, những quan niệm đạo đức phong kiến...

Những giá trị lịch đại nêu trên là có tính cách toàn dân. Đối với từng dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt-nam, còn có những đặc điểm, màu sắc riêng. Các dân tộc đã có một quá trình chung sống, cùng đoàn kết, hòa hợp với nhau trên một đất nước, nhưng vẫn giữ bản sắc riêng. Riêng trong từng dân tộc, cũng có thể còn những tính địa phương, như tính cách của người miền Bắc, miền Trung, miền Nam có chỗ khác nhau. Những tiêu dị trên một nền đại đồng nói lên sự phong phú của những con người Việt-nam hiện nay

Những giá trị lịch sử đánh dấu những đỉnh cao của quá trình phát triển lâu dài của dân tộc, nhưng ngày nay những giá trị đó không còn đủ để làm động lực thúc đẩy cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phải có một sự bổ sung

vượt bậc bằng những giá trị thời đại. Nhưng những giá trị lịch sử chính là cái nền rất tốt để tiếp thụ những giá trị thời đại, làm cho các giá trị thời đại mới có sức vững bền của truyền thống lịch đại.

Những giá trị thời đại đó là gì?

Đó là hệ tư tưởng Mác - Lê-nin, thế giới quan và nhân sinh quan, đạo đức mới của giai cấp công nhân hiện đại (đây là hạt nhân của bằng giá trị).

Đó là những tiến bộ, thành tựu về văn hóa, tinh thần của toàn nhân loại, phù hợp với cuộc sống và con người Việt-nam.

Đó là những yêu cầu của ba cuộc cách mạng đối với con người: xây dựng tư tưởng và chế độ làm chủ tập thể, tăng cường trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, tăng cường trình độ quản lý, đề cao lề lối làm việc khắt khe, kỷ luật, khoa học, mang tính công nghiệp hiện đại, xóa bỏ các tàn dư tư tưởng phong kiến, tư sản, tiểu tư sản, thực dân mới, xây dựng một năng lực tư duy khái quát cao...

Đó là yêu cầu xây dựng những tình cảm mới, tình yêu nước xã hội chủ nghĩa, yêu Đảng, yêu nhân dân, tình thân ái khiết xã hội chủ nghĩa, tình thân thật sự đại đoàn kết giữa mọi thành phần dân tộc trên đất nước, tư tưởng quốc tế vô sản chân chính.

Những giá trị thời đại này không phải chỉ là những vấn đề đặt ra có tính chất *lý thuyết* đối với giai đoạn mới của cách mạng Việt-nam, mà là những nhân tố đã xuất hiện trong cuộc sống xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, hoặc là những giá trị mà nhân loại tiến bộ đã đúc kết và trao lại cho chúng ta. Có cái đã hình thành, và cũng có cái còn phải mò mẫm, chọn lựa, sáng tạo...

Sự kết hợp những giá trị lịch sử và giá trị thời đại này không phải là một sự kết hợp chủ quan, mà chính là một sự nhào trộn và phát triển những

(Xem tiếp trang 87)

Phát triển mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước

NGUYỄN - ĐÀM

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thi đua yêu nước ở ta từ ngày ra đời đến nay đã liên tục phát triển sâu rộng, lôi cuốn hàng triệu quần chúng lao động phát huy tinh thần cách mạng tiến công, hăng hái sáng tạo góp sức thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ to lớn của cách mạng. Những thành tựu to lớn trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta ngày nay không tách rời sự phát triển của phong trào thi đua yêu nước đã được Đảng ta phát động và lãnh đạo.

Hiện nay nhân dân cả nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh vừa có hòa bình vừa có chiến tranh trên một bộ phận đất nước. Với quyết tâm vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, vì sự an toàn của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân dân cả nước ta

đang đẩy lên một phong trào thi đua yêu nước tràn đầy khí thế cách mạng tiến công nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Phong trào thi đua yêu nước của ta đã và đang phát triển rất phong phú. Ở mỗi địa phương, mỗi ngành, trong từng thời gian đều có những đặc điểm riêng, song nhìn chung cả quá trình phát triển của phong trào thi đua chúng ta thấy phong trào thi đua có những nét chung: đó là những điều kiện chủ yếu cần phải có để thúc đẩy phong trào tiến lên. Nghiên cứu những điều kiện đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết để thúc đẩy phong trào thi đua là việc có ý nghĩa thiết thực đối với việc chỉ đạo sản xuất, chiến đấu và phục vụ chiến đấu hiện nay.

NÂNG CAO LÒNG YÊU NƯỚC, NHIỆT TÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Vì sao phong trào thi đua yêu nước ở ta khi vừa mới được Đảng và Nhà

nước ta phát động đã được quần chúng hưởng ứng nhiệt liệt? Vì động cơ nào,

các chiến sĩ trong quân đội, công nhân, nông dân, trí thức của ta đã tận tụy hy sinh, không tiếc máu xương, không quân thiếu thốn, không ngại gian lao, phát huy tài năng trí tuệ vượt trăm ngàn khó khăn, tạo nên những thành tích kỳ diệu trong chiến đấu và sản xuất? Vì sao, dân tộc ta đã đánh thắng được kẻ địch đông hơn ta gấp bội có vũ khí hiện đại hơn, và vẫn lao động sản xuất có hiệu quả trong hoàn cảnh thiên tai, địch họa và thiếu thốn mọi thứ?

Phong trào thi đua yêu nước của ta có tính chất toàn diện, toàn dân, tự nguyện, tự giác. Một phong trào rộng rãi sôi nổi của quần chúng ra sức thực hiện những mục tiêu to lớn của cách mạng như vậy không thể thành hình một cách tự phát.

Trước hết đó là do lòng yêu nước và nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Khi có lòng yêu nước thiết tha, có nhiệt tình cách mạng sôi sục, nhân dân lao động sẽ tìm được mọi cách để làm sao có lợi nhất cho Tổ quốc, cho cách mạng. Đúng như Hồ Chủ tịch đã nhận định: « Từ các cụ già tóc bạc đến các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến đồng bào ở vùng tạm chiếm, từ nhân dân miền ngược đến miền xuôi, ai cũng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. Từ những chiến sĩ ngoài mặt trận chịu đói mấy ngày để bám sát lấy giặc dặng tiêu diệt giặc, đến những công chức ở hậu phương nhàn ăn để ủng hộ bộ đội, từ những phụ nữ khuyên chồng con đi tòng quân mà mình thì xung phong giúp việc vận tải, cho đến các bà mẹ chiến sĩ sẵn sàng yêu thương bộ đội như con đẻ của mình. Từ những nam nữ công nhân và nông dân thi đua tăng gia sản xuất, không quản khó nhọc để giúp một phần vào kháng chiến, cho đến những đồng bào điền chủ quyên đất ruộng cho Chính phủ... Những cử chỉ cao quý đó, tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước » (1).

Đề phát động phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng ta đã ra sức phát huy tinh thần yêu nước có truyền thống của dân tộc ta, kết hợp với giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, đem lại cho lòng yêu nước một nội dung mới: yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, hy sinh phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội chính là hy sinh phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc, tự do của dân tộc, v.v.

Cho nên không phải ngẫu nhiên mà phong trào thi đua yêu nước sôi nổi trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhờ có lòng yêu nước nồng nàn đồng thời có nhiệt tình cách mạng xã hội chủ nghĩa mà công nhân, nông dân cũng như các chiến sĩ trong lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân ta trong thời kỳ chiến tranh đã chiến đấu kiên cường dũng cảm và ngày nay vẫn vừa đang chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, vừa hăng hái lao động sản xuất xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Thực tế lịch sử nước ta đã chứng minh, có lòng yêu nước nồng nàn, chân chính là có thể tiếp thu được tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng cho mình quan điểm quốc tế vô sản chân chính. Tuy nhiên, phải thấy rằng từ ý thức dân tộc đến ý thức xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản là một bước tiến vọt trong lĩnh vực tư tưởng. Điều đó bắt nguồn từ nhận thức cách mạng nước ta là một bộ phận của cách mạng thế giới, lợi ích của dân tộc ta, Tổ quốc ta gắn liền với lợi ích của sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và các dân tộc trên thế giới. Cho nên việc thúc đẩy phong trào thi đua phát

(1) Hồ-Chí-Minh : *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 366.

triển ngày càng mạnh mẽ và liên tục đòi hỏi phải tuyên truyền giáo dục một cách rộng rãi, sâu sắc trong các tầng lớp nhân dân ta về lòng yêu nước, về con đường xã hội chủ nghĩa—con đường tất yếu dẫn dắt nhân dân ta lên con đường hạnh phúc, bảo đảm cho Tổ quốc ta muôn đời độc lập.²

Trong quá trình chỉ đạo thi đua, cần giáo dục làm cho người lao động thật sự hiểu rằng: hăng hái lao động phấn đấu đạt chỉ tiêu thi đua không chỉ là một việc làm vì đời sống bản thân mà còn vì sự nghiệp của Tổ quốc, của dân tộc, và từ đó luôn luôn tự hỏi mình là Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đang cần những gì, và mình đã làm được gì cho Tổ quốc. Giáo dục chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội chính là trang bị cho mọi người một động cơ thi đua đúng đắn, và có động cơ thi đua đúng đắn thì mỗi người mới tự giác lao động có kỷ luật, có kỷ thuật, có năng suất cao, không những làm ra sản phẩm nhiều mà bảo đảm chất lượng tốt, lại tiết kiệm được thời gian, vật tư, tiền vốn, v.v.; và đã lao động với động cơ đúng đắn thì người ta sẽ không ngại đấu tranh với những khuynh hướng bảo thủ, vô trách nhiệm, trì trệ và mọi biểu hiện không đúng khác. Và như vậy phong trào thi đua còn có ý nghĩa đào tạo con người mới xã hội chủ nghĩa với đặc trưng nổi bật là: “làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản”.

Ngày nay trong hoàn cảnh vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh trên một bộ phận đất nước, đi đôi với việc giáo dục chính trị, tinh thần, Đảng và Nhà nước ta cũng đã cố gắng thực hiện sự khuyến khích bằng lợi ích vật

chất nhằm thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động của chủ nghĩa xã hội và bồi dưỡng sức lao động xã hội. Việc khuyến khích bằng lợi ích vật chất đã có tác dụng đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước. Và cùng với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, việc khuyến khích bằng lợi ích vật chất sẽ càng được mở rộng. Tuy nhiên, việc khuyến khích bằng lợi ích vật chất nhất thiết phải được đặt trên cơ sở giáo dục tốt về chính trị tư tưởng. Có « lấy chủ nghĩa anh hùng mới làm mục tiêu cho những chiến sĩ thi đua thì phong trào thi đua yêu nước mới được nâng cao »⁽²⁾, và như vậy mới duy trì được tinh thần lao động theo kiểu cách mạng, tinh thần « Tất cả để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ». Có động cơ đúng đắn thì tránh được lối sống vị kỷ, lấy lợi ích vật chất làm mục tiêu phấn đấu, lối sống xa lạ với truyền thống yêu nước và cách mạng, gần lợi ích cá nhân với lợi ích Tổ quốc của nhân dân ta.

Thực tế ở một số cơ sở cho thấy: có nơi chưa mạnh dạn thực hiện tốt biện pháp khuyến khích bằng lợi ích vật chất để thúc đẩy thi đua phát triển sản xuất; ngược lại, có nơi nặng về lấy lợi ích vật chất làm đòn bẩy thúc đẩy phong trào thi đua, do đó đã phát sinh những hiện tượng tiêu cực, ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng phong trào thi đua yêu nước như: bản vị, cục bộ, thiếu tinh thần hiệp tác xã hội chủ nghĩa, thành tích chủ nghĩa dẫn tới báo cáo sai, khai man thành tích, che giấu khuyết điểm, v.v. Có hiện tượng đó chẳng phải là do việc giáo dục chính trị tư tưởng chưa được coi trọng đó sao?

PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG

Thực tế của phong trào thi đua yêu nước ở ta đã chứng minh rằng: sự phát triển của phong trào thi đua

(2) Trường-Chính: *Thi đua yêu nước và chủ nghĩa anh hùng mới*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1958, trang 9.

yêu nước gắn liền với sự phát triển về quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Thời kỳ mới được phát động, phong trào thi đua yêu nước ở ta chỉ nổi lên mạnh mẽ ở các đơn vị quân đội, các xí nghiệp quốc doanh, các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Ở các xí nghiệp tư nhân thì không có phong trào thi đua. Ở nông thôn phong trào thi đua cũng chỉ nổi lên ở những mặt hoạt động phục vụ tiền tuyến. Chỉ sau khi thực hiện cải cách ruộng đất và sau đó thực hiện hợp tác hóa trong nông nghiệp và cải tạo các xí nghiệp tư doanh thì phong trào thi đua mới rộng khắp và đi vào các lĩnh vực lao động sản xuất, xây dựng một cách mạnh mẽ.

Quyền làm chủ tập thể càng rộng rãi, càng cụ thể bao nhiêu thì chất lượng của phong trào thi đua càng cao. Đó là vì cái cốt lõi của phong trào thi đua là tinh thần tự nguyện tự giác, chủ động và sáng tạo trong lao động sản xuất. Người lao động không những cần hiểu rõ ý nghĩa lao động của họ, mà còn cần được bàn bạc về chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất, về những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch của bộ phận mình, đơn vị mình, cá nhân mình, v.v. Như vậy, khi gặp khó khăn, họ mới có thể chủ động khắc phục, mới chịu khó suy nghĩ để tìm kế hay đây mạnh sản xuất. Không còn nghi ngờ gì nữa, người lao động dù có kiến thức, có kinh nghiệm sản xuất dồi dào nhưng thiếu ý thức trách nhiệm đối với sự phát triển sản xuất xã hội, không hiểu được tình hình chung trong quá trình sản xuất và làm việc như một cái máy thì không thể chủ động, sáng tạo trong lao động sản xuất được. Quần chúng lao động có nhiệt tình cách mạng, có quyết tâm vượt khó khăn trở ngại, tự giác, chủ động tìm tòi, phát huy sáng kiến thì phong trào thi đua lao

động mới mang lại năng suất cao. Một người hay một số người nào đó có thể lao động tốt có năng suất cao. Song, như thế chưa phải là có phong trào thi đua lao động sản xuất. Thi đua lao động sản xuất và công tác chỉ trở thành phong trào khi nó lôi cuốn được đông đảo quần chúng tham gia.

Muốn vậy phải *phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động*, tạo mọi điều kiện để quần chúng lao động tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất từ dưới lên, nâng cao trách nhiệm của các ngành, các địa phương và cơ sở trong việc xây dựng kế hoạch, chú ý đến việc cải thiện đời sống của quần chúng, đồng thời tạo điều kiện cho quần chúng lao động nâng cao trình độ, nắm được những kiến thức khoa học kỹ thuật cần thiết, biết đối tượng lao động của mình, v.v.

Hồ Chủ tịch nói: « Mỗi một công nhân, đã là chủ xí nghiệp, chủ nước nhà, phải *tự nguyện tự giác giữ kỷ luật lao động* » (3). Tinh kỷ luật là một biểu hiện của tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Quyền làm chủ tập thể càng cao thì ý thức trách nhiệm và tinh thần kỷ luật tự giác càng sâu sắc. Và trên cơ sở đó, tổ chức lao động xã hội xã hội chủ nghĩa mới thực hiện được tốt. Lê-nin đã nói: « Tổ chức lao động xã hội của chế độ phong kiến dựa vào kỷ luật roi vọt, vào tình trạng ngu muội và bị đè nén đến cùng cực của những người lao động bị một nhóm địa chủ cướp đoạt và hà hiếp. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa tư bản dựa vào kỷ luật túng đói; và mặc dù mọi sự tiến bộ mà nền văn hóa tư sản và dân chủ tư sản đã thực hiện được, quảng đại quần chúng lao động, ngay cả trong những nước cộng hòa văn minh và dân chủ tiên tiến nhất, cũng

(3) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 612.

vẫn là một đám quần chúng tiêu tụy và ngu muội, gồm những người nô lệ làm thuê hoặc nông dân kiệt quệ, bị một nhóm tư bản cướp đoạt và hà hiếp. Tổ chức lao động xã hội của chủ nghĩa cộng sản mà bước đầu là chủ nghĩa xã hội, thì dựa vào và sẽ ngày càng dựa vào một kỷ luật tự giác và tự nguyện của chính ngay những người lao động, những người đã bẻ gãy gông cùm của bọn địa chủ và tư bản » (4). Nói kỷ luật tự giác không có nghĩa là không có sự bắt buộc nào đối với cá nhân. Bởi vì mỗi cá nhân phải phục tùng tập thể, phải công tác, sản xuất theo một kế hoạch chung, một sự phân công, phân nhiệm

cụ thể trong một dây chuyền nhất định. Không có sự bắt buộc đó thì không bảo đảm sự nhịp nhàng trong hành động, cá nhân sẽ tự tách ra khỏi tập thể và không còn là làm chủ tập thể nữa. Về phần tập thể thì phải đấu tranh chống những hiện tượng vô kỷ luật, vô trách nhiệm, để bảo đảm phong trào thi đua tiến triển một cách nhịp nhàng, đồng đều. Và vì vậy kỷ luật tự giác cao lại phải đặt trên cơ sở dân chủ rộng rãi. Dân chủ và kỷ luật là hai mặt của một vấn đề thực hiện quyền làm chủ của cá nhân, người quản lý sản xuất và người sản xuất.

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO TỐT

Đường lối đúng đắn của Đảng ta là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta. Nhân dân ta luôn luôn tin tưởng sát đá vào sự lãnh đạo của Đảng và sẵn sàng thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng do Đảng đề ra. Để tạo ra được khí thế sôi nổi, mạnh mẽ của quần chúng thực hiện những nhiệm vụ cách mạng ấy, phải có công tác tổ chức và chỉ đạo tốt. Vì phong trào thi đua yêu nước là dựa trên sự hoạt động hằng ngày của quần chúng. Những thành tích xuất sắc phi thường được tạo ra ngay trong khi thực hiện những công việc bình thường. Hồ Chủ tịch đã nói: «Thật ra, công việc hằng ngày chính là nền tảng thi đua. Thí dụ: Từ trước đến giờ ta vẫn ăn, vẫn mặc, vẫn ở. Nay ta thi đua ăn, mặc, ở cho sạch, cho hợp vệ sinh, cho khỏi đau ốm.

Xưa nay ta vẫn làm ruộng. Nay ta thi đua làm cho đất ruộng tốt hơn, sản xuất nhiều hơn.

Mọi việc đều thi đua như vậy » (5).

Từ những việc bình thường mà phát huy tài năng tri tuệ để làm tốt hơn, tạo lấy những thành tích phi thường.

Đó chính là mục đích tổ chức thi đua. Phong trào thi đua được tạo nên bởi những con người lao động tích cực, hăng hái, nhưng chỉ có một vài người tích cực hăng hái thì chưa thành phong trào thi đua. Muốn thành phong trào quần chúng phải có nhiều người, nhiều ngành cùng thi đua. Nhiều người, nhiều ngành cùng thi đua sẽ tạo ra một khí thế cách mạng mạnh mẽ, có sức lôi cuốn nhiều người hơn nữa vào phong trào chung. Như vậy phong trào thi đua đòi hỏi có sự tổ chức chỉ đạo chặt chẽ. Phong trào thi đua nào cũng đều là kết quả của sự kết hợp nhiệt tình của quần chúng với sự chỉ đạo chặt chẽ từ trên xuống. Thiếu sự tổ chức chỉ đạo tốt thì dù quần chúng có nhiệt tình, có ý thức cũng không thành phong trào thi đua. Tổ chức lãnh đạo thi đua cũng chính là tổ chức lãnh đạo sản xuất. Song tổ chức lãnh đạo sản xuất tốt chưa phải là đã tổ

(4) V.I. Lê-nin: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, quyển II, phần II, trang 205.

(5) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 308 — 309.

chức lãnh đạo thi đua tốt rồi. Vì tổ chức lãnh đạo thi đua cũng là nhằm thực hiện chương trình kế hoạch lao động sản xuất và công tác đã được vạch ra. Nhưng tổ chức lãnh đạo thi đua còn có những yêu cầu riêng nhằm phát động quần chúng, kích thích tinh tự giác cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo của những con người cụ thể, thực hiện nhiệm vụ cụ thể, từng nơi từng lúc tập trung vào một công việc cụ thể với những biện pháp cụ thể phù hợp với điều kiện, năng lực cụ thể. Tổng kết kinh nghiệm tổ chức lãnh đạo phong trào thi đua, Đảng ta đã chỉ ra rằng: « Muốn có phong trào cách mạng, vấn đề không phải là tạo ra những binh thức bông bột nhất thời, tách rời quá trình sản xuất và đấu tranh của quần chúng, mà là nắm vững khoa học và nghệ thuật phát động quần chúng, tổ chức, lãnh đạo một cách có kế hoạch, *tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng và liên tục*, biến nó thành những phong trào sôi nổi thường xuyên của quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ cụ thể hằng ngày. Một phong trào quần chúng như vậy đòi hỏi phải có mục tiêu rõ ràng, cụ thể; phải khéo kết hợp các biện pháp chính trị và kinh tế, giáo dục và hành chính, tư tưởng và tổ chức; phải phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các tổ chức Đảng, các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức kinh tế, xã hội »⁽⁶⁾.

Hiện nay ở các địa phương và các ngành đều có những đơn vị có phong trào thi đua mạnh. Cũng đã có cả một ngành, một huyện, phong trào thi đua đồng đều trên các mặt lao động sản xuất cũng như hoạt động văn hóa xã hội; quần chúng đang ra sức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước với khí thế cách mạng khá sôi sục, với năng suất lao động ngày càng tăng, đóng góp cho Nhà nước được nhiều, cải thiện đời sống cũng khá. Nếu so sánh giữa những đơn vị, những địa phương có hoàn cảnh tương tự, cùng

có điều kiện lao động, vật tư, thiết bị kỹ thuật như nhau, cùng thực hiện một nhiệm vụ chính trị như nhau, thì thấy nơi có phong trào khá hơn là do tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo tốt hơn. Trong việc tổ chức lãnh đạo của các địa phương, các ngành có phong trào thi đua khá, chúng ta còn thấy là dù cho mỗi ngành, mỗi địa phương có những đặc điểm và điều kiện khác nhau, nhưng tất cả đều có những điểm giống nhau là: tuyên truyền giáo dục động viên thi đua thực hiện nhiệm vụ đi đôi với chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng; khen thưởng và kỷ luật đúng; tổng kết và phổ biến kinh nghiệm kịp thời. Ở những nơi này, mục tiêu, kế hoạch, phương pháp và biện pháp thực hiện, những điều kiện lao động sản xuất, công tác, nhân lực, vật tư, phương tiện... được xác định và tính toán cụ thể, chặt chẽ, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên phối hợp ăn ý...

Đi sâu vào việc chỉ đạo thi đua, chúng ta thấy rõ rằng việc động viên cổ vũ quần chúng, việc cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, tổ chức quản lý phải đi liền với nhau. Động viên tinh thần cũng có thể làm cho quần chúng tích cực lao động. Song việc huy động như thế chỉ có hạn, vì sức dốc sức không thể duy trì lâu dài, không đem lại hiệu quả kinh tế cao. Cho nên cần phải luôn luôn chú ý cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, quản lý để không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng phong trào thi đua. Nhưng chỉ coi trọng mặt cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức quản lý mà coi nhẹ mặt động viên tinh thần thì không khơi động được hành động hăng hái cách mạng của đông đảo quần chúng, không đầy mạnh

(6) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-Nội, 1977, trang 151.

được thi đua, v.v. Coi trọng cả ba mặt động viên tinh thần, chính trị, cải tiến kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, tổ chức quản lý là kết hợp một cách hữu cơ nhiệt tình cách mạng với khoa học, người lao động với người tổ chức quản lý lao động, biện pháp chính trị với biện pháp kinh tế, tạo ra một sức mạnh mới, một khi thế mới. Trung ương Đảng đã chỉ rõ: « Cao trào quần chúng lao động sáng tạo với ý thức làm chủ tập thể cao là kết quả tổng hợp của công tác lãnh đạo chỉ đạo thực hiện, công tác quản lý kinh tế, và công tác tuyên truyền giáo dục, tổ chức quần chúng » (7).

Những nơi có phong trào thi đua rộng, đều và mạnh cũng là những nơi đã giải quyết tốt mối quan hệ giữa « điềm » và « diện » một cách đúng đắn. Muốn có kinh nghiệm cụ thể để chỉ đạo chung; nhất định phải thông qua sự chỉ đạo làm thử ở « điềm » để rút kinh nghiệm. Nhưng mục đích của chỉ đạo điềm là để thúc đẩy phong trào chung, qua phong trào chung lại xuất hiện những điển hình tiên tiến có khi về từng mặt, có khi toàn diện, lãnh đạo phải kịp thời nắm lấy và củng cố những điển hình ấy làm chỗ dựa và nhân lên để đưa phong trào chung tiến lên một bước mới. Việc xây dựng một điển hình là rất cần thiết nhưng nếu chỉ chú trọng điềm, dốc sức xây dựng cho điển hình nổi bật, tiến lên quá xa phong trào chung, với những điều kiện mà các nơi khác không thể có được, thì việc xây dựng điềm chỉ có tính chất hình thức, không có tác dụng thực tế và phong trào thi đua không thể phát triển đồng đều, rộng rãi được.

Thực tế cho thấy rằng: có những phong trào thi đua chỉ rầm rộ lúc đầu, có phong trào công sức của quần chúng bỏ ra nhiều nhưng hiệu quả mang lại chưa tương xứng, có những địa phương có những đơn vị điển hình tốt nhưng không nhân lên được, phong trào thi đua trở thành « tốt

lỗi ». Một trong những nguyên nhân dẫn tới tình trạng đó là do sự chỉ đạo thi đua ở những nơi đó chưa tốt, chủ trương kế hoạch thiếu chặt chẽ, liên tục và thiết thực, những điều kiện vật chất cần thiết không được chuẩn bị đầy đủ, sự phối hợp giữa các tổ chức Đảng, Nhà nước, Công đoàn, v.v. chưa chặt chẽ.

Thường xuyên tổng kết phong trào và tổng kết tốt trên quan điểm phát triển của Đảng ta cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác chỉ đạo thi đua.

Trong từng thời gian, những kế hoạch, biện pháp được vạch ra là căn cứ vào những kinh nghiệm đã qua, những điều kiện đã có sẵn. Dù có nhìn xa thấy rộng tới mức nào cũng không thể tính hết được những diễn biến khách quan trong quá trình hoạt động sản xuất và công tác. Đó là chưa kể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cụ thể, quần chúng có những sáng tạo mới, những kinh nghiệm mới, và trên từng bước phát triển có những thành tựu mới tạo ra những khả năng mới. Cho nên tổng kết kinh nghiệm của từng bước, từng thời kỳ là một đòi hỏi tất yếu của sự lãnh đạo thi đua.

Tổng kết tốt không những kịp thời phát huy tác dụng những sáng kiến mới của quần chúng mà còn kịp thời cổ vũ mặt tích cực và phê phán mặt yếu kém, do đó mỗi đợt tổng kết là một lần thúc đẩy phong trào tiến lên một bước mới. Nhưng muốn đạt kết quả tốt, phải tổng kết trên quan điểm phát triển: trên cơ sở những thành tựu mới, chỉ ra được những bước tiến của phong trào. Nếu chỉ nặng về mặt cổ vũ, say sưa với thành tích, quanh quẩn với những tiêu chuẩn cũ thì phong trào thi đua sẽ giậm chân tại chỗ. Vì vậy tổng kết thi đua cũng chính là cọ xát giữa cái mới và cái

(7) Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa IV năm 1978.

cũ, giữa cái phát triển và cái bảo thủ, làm cho phong trào thi đua luôn luôn tiến lên phía trước với tinh thần cách mạng tiến công. Trong thực tế có những nơi vốn là điển hình tiên tiến nhưng không nhìn thấy điều kiện mới,

năng lực mới, phương hướng mới, yêu cầu mới đề kịp thời thay đổi bước đi cho phù hợp, cho nên từ tiên tiến đã trở thành trì trệ. Một trong những nguyên nhân của tình trạng đó là do thiếu tổng kết.

LAO ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ TIẾT KIỆM, CHIẾN ĐẤU VÀ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU LÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHONG TRÀO THI ĐUA HIỆN NAY

Phong trào thi đua yêu nước ở ta sau khi vừa ra đời đã sớm có tính chất toàn dân, toàn diện và không ngừng phát triển là nhờ nó mang một nội dung trọng yếu trong đời sống xã hội ta là "lao động sản xuất và tiết kiệm, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu".

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc hiện nay có nhiều nhiệm vụ, nhiều mặt công tác phải đồng thời thực hiện, do đó ở mỗi nơi mỗi lúc có yêu cầu thi đua cụ thể khác nhau. Nhưng nhìn chung thì nâng cao năng suất lao động và hiệu quả chiến đấu vẫn là nội dung chủ yếu, mọi mặt hoạt động của phong trào thi đua phải xoay quanh nội dung đó, phục vụ cho yêu cầu chủ yếu đó.

Hồ Chủ tịch đã nói: đây mạnh thi đua ái quốc trước hết bộ đội thi đua diệt giặc lập công; hai là nhân dân thi đua tăng gia sản xuất; chúng ta phải đưa tất cả tinh thần và nghị lực đầy mạnh hai mặt đó». Nhờ coi trọng thi đua trên cả hai mặt: vừa chiến đấu vừa lao động sản xuất và tiết kiệm mà tuy nước ta nghèo lại phải chiến đấu chống lại chiến tranh xâm lược của hai tên đế quốc lớn, nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong chiến tranh, đồng thời cũng đạt được những thành tựu lớn trong

công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ngày nay nhân dân nước ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh vừa có hòa bình vừa có chiến tranh trên một bộ phận đất nước, cho nên một mặt chúng ta ra sức giành thắng lợi trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mặt khác chúng ta ra sức đẩy mạnh lao động sản xuất thực hành tiết kiệm. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9, Ban bí thư Trung ương Đảng chủ trương "phát động phong trào đăng ký lập công" ở mỗi đơn vị, mỗi cơ sở nhằm đẩy mạnh sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội và tổ chức tốt đời sống nhân dân. Mỗi người đăng ký hoàn thành một công việc cụ thể, trong một thời gian cụ thể với khi phách của người Việt-nam yêu nước và làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa: khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng, và với tinh thần: "Mỗi người làm việc bằng hai vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc". Tất cả cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hãy hưởng ứng và thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương đó của Đảng.

Đề có thể vừa cung cấp nhân lực, vật lực cho tiền tuyến đánh thắng quân giặc, vừa xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta, làm cho

đất nước ta giàu mạnh, đời sống của nhân dân ta được cải thiện, điều kiện chủ yếu và căn bản là đẩy mạnh sự nghiệp lao động sản xuất của nhân dân ta. « Bằng lao động sáng tạo, chúng ta sẽ mau chóng hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống. Bằng lao động sáng tạo, chúng ta sẽ rũ sạch mọi tàn tích của cuộc sống ăn bám, của cảnh phồn vinh giả tạo, mà kẻ thù thâm độc đã tạo ra ở miền Nam nước ta. Bằng lao động sáng tạo, chúng ta sẽ biến nguồn tài nguyên phong phú của đất nước ta thành nguồn của cải bất tận của nhân dân, thành nông nghiệp hiện đại, công nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến. Lao động sáng tạo chẳng những sẽ tô thắm non sông đất nước ta, đem lại cho nhân dân ta một cuộc sống tươi đẹp và ngày càng tươi đẹp, mà hơn nữa, còn bồi dưỡng con người Việt-nam thành những con người mới — những con người làm chủ, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của mình » (8).

Lao động sản xuất có tầm quan trọng quyết định như vậy cho nên ngay trong hoàn cảnh có chiến tranh, phong trào thi đua luôn luôn gắn với nhiệm vụ chiến đấu, đồng thời cũng không được xa rời nhiệm vụ lao động sản xuất và tiết kiệm.

Lao động sản xuất và tiết kiệm luôn luôn gắn liền nhau, đó là quốc sách của ta. Hồ Chủ tịch đã nói: « Tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm. Hai điều đó phải đi đôi, thiếu một là không được » (9). Tiết kiệm chẳng những là tận dụng sức người, sức của, thời gian để đem lại hiệu quả cao nhất, mà còn là thúc đẩy cho sản xuất phát triển. Thật vậy, nếu như chính sách tiết kiệm được mọi người thấu suốt, mọi người lao động đều quan tâm tới việc rút ngắn thời gian lao động cần thiết và sử dụng nguyên liệu, vật liệu ít hơn, để làm ra vật phẩm nhiều hơn, tốt hơn so với trước,

nếu mỗi công trình xây dựng đều được thực hiện với giá thành hạ nhất, với những nguyên liệu, vật liệu dễ kiếm, rẻ tiền mà vẫn đạt tiêu chuẩn quy định và đem lại hiệu quả sử dụng cao nhất thì sẽ có lợi cho Tổ quốc biết chừng nào! Vì vậy thực hành tiết kiệm cũng là một mặt của vấn đề nâng cao năng suất lao động.

Sự chỉ đạo phong trào thi đua trên mặt lao động sản xuất nhất định phải quán triệt tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu chỉ đạo thi đua mà chỉ thiên về bề nổi làm cho phong trào rầm rộ, quần chúng thi đua một cách ồ ạt, mà không tính toán đến hiệu quả kinh tế thì chỉ tốn công sức một cách vô ích. Hồ Chủ tịch đã nói: « Để phát triển phong trào thi đua thì chúng ta phải *chống bệnh quan liêu, chống nạn tham ô, lãng phí* ». (10), vì quan liêu là biểu hiện lãnh đạo không sát thực tế, không gần gũi quần chúng, không theo dõi và giáo dục cán bộ, đối với công việc không điều tra nghiên cứu sâu, không kiểm tra đến nơi đến chốn, không tổng kết kinh nghiệm, không phát huy được sáng kiến của quần chúng, thường phạt không công minh, không kịp thời. Do đó bệnh quan liêu dung túng cho nạn lãng phí, tham ô. Nạn tham ô, lãng phí, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân làm giảm bớt hiệu quả của phong trào thi đua, đồng thời gây ảnh hưởng tiêu cực cho nền đạo đức xã hội mới. Vì vậy việc thi đua nâng cao hiệu quả chiến đấu, nâng cao năng suất lao động, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội phải gắn với việc chống quan liêu, lãng phí, tham ô.



(Xem tiếp trang 71)

(8) Lê Duẩn: *Quyết tâm xây dựng Việt-nam thành một nước văn minh, giàu mạnh, vươn lên đỉnh cao của thời đại*: Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1975, trang 18—19.

(9) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội; 1960; trang 612.

(10) Hồ-Chí-Minh: *Sách đã dẫn*, trang 423.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH VIỆC XÂY DỰNG THƯƠNG NGHIỆP XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐI ĐÔI VỚI KHẮN TRƯỞNG HOÀN THÀNH VIỆC XÓA BỎ THƯƠNG NGHIỆP TƯ BẢN CHỦ NGHĨA Ở CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ MIỀN NAM

VU - LỘ

I

Từ tháng 3 năm 1978 đến nay, ở các tỉnh và thành phố miền Nam, Nhà nước đã mở một đợt công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa nhằm xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa kinh doanh vật tư kỹ thuật và hàng công nghiệp liệu dùng thiết yếu, và tiếp tục xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa kinh doanh các loại vật tư, hàng hóa này.

Trong cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa này, chúng ta đã giành được *thắng lợi bước đầu* nhưng có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và chính trị.

Về kinh tế, chúng ta đã xóa bỏ kinh doanh thương nghiệp tư bản chủ nghĩa về các ngành vật tư, hàng công nghiệp tiêu dùng thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý, thực hiện Nhà nước nắm các phương tiện bóc lột của tư sản thương nghiệp, nắm lấy một số vật tư hàng hóa thiết yếu còn lại trong tay các nhà tư sản, xây dựng thêm mạng lưới lưu thông phân

phối xã hội chủ nghĩa, góp phần ổn định thị trường, giá cả, tiền tệ, tài chính, ổn định sản xuất và đời sống nhân dân, thu xếp được công việc làm cho một số người lao động, chuyển được một số người buôn bán sang sản xuất.

Về chính trị, chúng ta đã phát động được khí thế cách mạng của công nhân và nhân dân lao động, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của họ, đề cao vai trò làm chủ tập thể của họ, phổ biến sâu rộng chính sách của Đảng và Chính phủ về cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa nói chung, và đối với thương nghiệp tư bản chủ nghĩa nói riêng, làm cho mọi người nhận thức được chính sách này là đúng đắn, nhân đạo, có lý có tình.

Chúng ta cũng đã vạch trần được những cái xấu xa, thối nát của chủ nghĩa tư bản, hướng mọi người đi vào làm ăn theo chủ nghĩa xã hội. Chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình và nhất trí cao của đông đảo

quần chúng đối với chính sách. Chúng ta cũng đã phát động được quần chúng tham gia đấu tranh cải tạo công thương nghiệp tư doanh, nhất là cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất và bán sản phẩm cho Nhà nước, tham gia xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, tham gia quản lý thị trường, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Chúng ta cũng đã củng cố được một bước các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cách mạng.

Trước khi thể cách mạng của quần chúng, nhiều nhà tư sản thương nghiệp phải tiếp thu chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, một số nhà tư sản đã có những phản ứng quyết liệt: không chịu mở cửa, không chịu tiếp tổ công tác; tiếp tục phân tán, cất giấu hàng hóa, tài sản...; mua chuộc hủ hóa cán bộ, đe dọa cán bộ và quần chúng v.v.

Bọn phản động cũng ra sức tuyên truyền xuyên tạc chính sách của ta, làm cho nhân dân hoang mang và kích động nhân dân phản đối chính sách, nhưng chúng đã hoàn toàn thất bại.

Qua đợt đấu tranh này, chúng ta đã phá vỡ được một số tổ chức phản cách mạng và đã thu được một số vũ khí, cờ ngụy, truyền đơn phản động, và đánh tan được những âm mưu đen tối của bọn phản động trong nước câu kết với bọn phản động quốc tế hòng cản trở cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và phá hoại công cuộc xây dựng kinh tế của ta.

Tuy nhiên, trong đợt cải tạo xã hội chủ nghĩa vừa qua, chúng ta mới xóa bỏ được những hộ lớn và một số hộ nhỏ kinh doanh vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng thuộc diện Nhà nước thống nhất quản lý, chiếm khoảng 10% tổng số hộ buôn bán ở miền Nam. Việc chuyển người buôn bán sang sản xuất mới bắt đầu. Nhiệm vụ xóa bỏ

thương nghiệp tư bản chủ nghĩa còn rất nặng.

Việc xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cũng mới tiến thêm được một bước. Đến nay, thương nghiệp Nhà nước và thương nghiệp tập thể mới chiếm khoảng 40% nguồn hàng và 40% hàng hóa bán lẻ. Mặt khác, việc cải tạo nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, vận tải... mới bắt đầu, thị trường không có tổ chức còn rộng, bản thân nền kinh tế của ta chẳng những có nhiều khó khăn chưa thể giải quyết ngay được mà trong tình hình hiện nay lại gặp những khó khăn mới do sự nghiệp xây dựng kinh tế và củng cố quốc phòng, đang đề ra trước chúng ta những yêu cầu rất lớn.

Ngay từ giữa năm 1976, nghị quyết 254 của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã khẳng định «...trong thời gian trước mắt, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa công thương nghiệp tư bản tư doanh là phải nhằm trước hết vào thương nghiệp tư bản chủ nghĩa». Ngày nay, chúng ta càng phải tích cực và kiên quyết hơn nữa trong việc thực hiện nhiệm vụ xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh hơn nữa công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh nhằm củng cố nhanh chóng và vững chắc trận địa của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các thành thị miền Nam. Phải nhận lúc khi thể cách mạng của quần chúng đang lên cao mà đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiến lên hoàn thành về căn bản nhiệm vụ xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa và xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, chứ không phải dừng lại nửa chừng đề nghị ngơi hay đề ổn định tình hình rồi mới tiếp tục phấn đấu.

Trong thời gian tới, sau khi hoàn thành về căn bản việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa kinh doanh

vật tư kỹ thuật và hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu và xây dựng các ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa kinh doanh các mặt hàng này, chúng ta cần chuyển sang việc tiếp tục cải tạo và xây dựng các ngành kinh doanh lương thực, nông sản, thực phẩm.

II

VỚI điều kiện đất đai và thời tiết thuận lợi, miền Nam có nhiều khả năng sản xuất và chăn nuôi các loại hàng nông sản và thực phẩm. Nhiều vùng chuyên canh và chăn nuôi tập trung đã hình thành, có sản lượng và tỷ suất hàng hóa tương đối cao. Từ sau ngày giải phóng đến nay, do còn nhiều khó khăn khác nhau cho nên tình hình sản xuất hàng nông sản, thực phẩm nói chung chưa thật ổn định, một số mặt hàng nông sản có tăng, nhưng một số sản phẩm chăn nuôi có chiều hướng giảm sút.

Do nhận thức được vị trí quan trọng của nông sản, thực phẩm đối với đời sống nhân dân, đối với công nghiệp chế biến và xuất khẩu, ngay từ khi miền Nam mới giải phóng, Đảng và Chính phủ ta đã quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo việc khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định thị trường và giá cả các mặt hàng này. Một số cơ sở sản xuất và chế biến nông sản, thực phẩm quan trọng đã được công quản, nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh làm chức năng sản xuất và lưu thông, phân phối những mặt hàng này được hình thành tương đối sớm, một số biện pháp nhằm hướng dẫn tư thương hoạt động có lợi cho nền kinh tế chung đã được thực hiện, đồng thời những cuộc đấu tranh đấu tiên chống bọn tư sản mại bản và tư sản gian thương lớn cũng đã được tiến hành để ổn định thị trường và giá cả các mặt hàng nông sản thực phẩm.

Một bộ phận những người kinh doanh nông sản thực phẩm đã được

quản lý, sắp xếp lại, nhiều tên đầu nậu, chủ vừa đã lần lượt bị tước quyền kinh doanh thương nghiệp, những tên ngoan cố nhất đã bị xử lý.

Đến nay, trên toàn miền Nam, đã có trên 40 công ty mậu dịch quốc doanh kinh doanh nông sản thực phẩm, gồm trên 300 cửa hàng, gần 15 000 cán bộ, nhân viên, chưa kể số cán bộ, nhân viên hợp tác xã mua bán đã có trên 75% số xã.

Qua hai năm (1976 - 1977) vừa xây dựng các tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa vừa từng bước cải tạo công thương nghiệp tư doanh, mỗi năm thương nghiệp Nhà nước đã nắm được gần 30 000 tấn thịt, trên dưới 150 000 tấn cá biển, gần 3 000 tấn cá nước ngọt, trên 10 triệu quả trứng, trên 60 000 tấn rau, khoảng 6 000 tấn lạc, trên 6 000 tấn đậu tương và đậu các loại. Đối với những đặc sản chủ yếu dành cho xuất khẩu, như chè, cà phê, quế, hạt tiêu... Nhà nước cũng đã nắm được phần lớn sản phẩm hàng hóa.

Tuy vậy, cho đến nay Nhà nước vẫn chưa nắm được tuyệt đại bộ phận các nguồn hàng này để phân phối có kế hoạch và hợp lý cho các nhu cầu của xã hội; khối lượng hàng nông sản thực phẩm mà Nhà nước thu mua được hằng năm chỉ mới bằng khoảng 20% sản lượng. Trong khi đó, những nhu cầu về nông sản, thực phẩm do Nhà nước phụ trách phân phối cho đời sống nhân dân, cho sản xuất công nghiệp và xuất khẩu ngày càng tăng lên nhanh chóng. Chỉ tính riêng thị trường miền Nam, để đáp ứng những nhu cầu trên, hằng năm Nhà nước phải có khoảng 10 vạn tấn thịt, gần 40 vạn tấn thủy sản, hải sản tươi và chế biến, trên 1 vạn tấn thuốc lá, gần 40 vạn tấn rau, trên 100 triệu quả trứng, trên 3 vạn tấn lạc, trên 3 vạn tấn đậu, từ 2 đến 3 vạn tấn cói... Đó là chưa kể số nông sản, thực phẩm mà miền Nam có trách nhiệm bổ sung cho thị trường miền Bắc.

Trong khi Nhà nước mới nắm được một ít nguồn hàng nông sản trong nước, nguồn hàng nông sản thực phẩm nhập khẩu không còn như trước, mà tập quán tiêu dùng cũ lại chưa được cải tạo, thì thị trường không có tổ chức ở thành thị và nông thôn miền Nam lại còn quá rộng, hoạt động đầu cơ của gian thương còn phổ biến. Tình hình trên làm cho giá cả các mặt hàng lương thực, nông sản thực phẩm trên thị trường luôn luôn biến động, nhất là ở các thành phố, khu công nghiệp và các vùng đông dân. Kết quả là đời sống của nhân dân, nhất là của bộ đội, công nhân, cán bộ và những người lao động ở thành thị gặp nhiều khó khăn, kế hoạch sản xuất công nghiệp và xuất khẩu bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Sở dĩ có tình hình nói trên, một mặt là do việc trồng trọt và chăn nuôi còn gặp nhiều khó khăn, quan hệ giữa cung và cầu về lương thực, nông sản thực phẩm còn mất cân đối, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công nghiệp mới được tiến hành chưa bao lâu; nhưng mặt khác, chủ yếu là do cán bộ, đảng viên ở các cấp, các ngành chưa nhận thức được đầy đủ tính tất yếu của việc Nhà nước phải nắm cho được nguồn hàng, làm chủ thị trường nông sản thực phẩm. Trong khi cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đang diễn ra gay gắt và phức tạp ở các thành thị và nông thôn miền Nam, thì sự chỉ đạo của các ngành, các cấp đối với công tác thu mua nông sản thực phẩm chưa được coi trọng đúng với tầm vóc của nó, những nơi làm tốt việc này chưa được động viên, khuyến khích đúng mức, những nơi làm quá kém, thậm chí không làm, cũng chưa được giúp đỡ đầy đủ để vươn lên. Một số biểu hiện tiêu cực, thoái hóa trong hàng ngũ cán bộ làm cản trở công tác thu

mua nắm nguồn hàng của Nhà nước chưa được nghiêm khắc phê phán và xử lý kịp thời. Vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên trong việc bán lương thực, nông sản, thực phẩm cho Nhà nước chưa được phát huy rộng rãi.

Ở một số xã, ấp thuộc các tỉnh có nguồn nông sản tập trung lớn như An-giang, Đồng-nai..., tổ chức Đảng và Chính quyền của ta còn quá yếu, phong trào quần chúng chưa đẩy lên được, bọn phản động còn có cơ hội phá sản xuất và công tác thu mua của Nhà nước.

Các chính sách về cung cấp vật tư, lương thực và hàng tiêu dùng cho người sản xuất, về giá mua và tỷ lệ huy động đối với từng mặt hàng chưa được cụ thể hóa kịp thời, một số chính sách đã có lại chưa được chấp hành nghiêm chỉnh. Sở vật tư, hàng hóa mà Nhà nước cung cấp cho nông dân, tuy chưa thật đầy đủ, nhưng cũng chiếm một khối lượng đáng kể; song vì chúng ta chưa làm tốt việc ký kết hợp đồng kinh tế, chưa gắn được việc mua và bán, chưa tổ chức việc mua bán hợp lý và thuận tiện cho dân, thậm chí có nơi hàng hóa còn bị cất xén, sử dụng sai chính sách, cho nên công tác thu mua của ta đạt kết quả thấp, và có những trường hợp nông dân chưa thật sự đồng tình với cách làm của ta.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa kinh doanh về nông sản — thực phẩm (bao gồm cả mậu dịch quốc doanh và hợp tác xã mua bán) tuy đã được hình thành, nhưng phát triển còn chậm. Mạng lưới thu mua của thương nghiệp quốc doanh chưa rộng khắp, cơ sở và phương tiện kinh doanh lại quá thiếu. Ngành hợp tác xã mua bán mới có khoảng 30% số cơ sở làm được việc nhận ủy thác mua nông sản thực phẩm cho Nhà nước, chưa đủ sức tổ chức thu mua các mặt hàng nông sản thực phẩm, và do đó chưa phát huy tác dụng của công tác thu mua phân

phối phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển.

Việc phân công và phân cấp kinh doanh chưa được giải quyết tốt, nhiều vấn đề vướng mắc giữa các ngành lưu thông phân phối với các ngành sản xuất, giữa các ngành lưu thông phân phối với nhau, bao gồm cả giữa nội thương và ngoại thương, giữa thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp tập thể v.v., chưa được giải quyết, tình hình ấy đã gây ảnh hưởng không tốt đến việc thu mua năm nguồn hàng trong tay Nhà nước. Một số cơ quan, đoàn thể quần chúng không có chức năng kinh doanh thương nghiệp cũng tự động làm việc mua bán với phương thức và giá cả hết sức tùy tiện, dễ gây quỹ riêng cho mình, làm cho việc tổ chức hệ thống lưu thông, phân phối của Nhà nước thêm khó khăn.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ, nhân viên thương nghiệp làm công tác kinh doanh nông sản, thực phẩm, nhất là cán bộ quản lý và nhân viên nghiệp vụ có kinh nghiệm, đang còn rất thiếu. Phần lớn nhân viên thu mua tuy đã được đào tạo và bồi dưỡng cấp tốc, nhưng còn yếu cả về quan điểm chính sách, về phương pháp công tác vận động quần chúng và về nghiệp vụ. Đây cũng là một khó khăn lớn trong việc xây dựng và phát triển ngành. Việc lựa chọn và sử dụng những người buôn bán có nghiệp vụ giỏi, thái độ chính trị tốt vào làm nhân viên thương nghiệp của Nhà nước tuy một số nơi có làm, nhưng chưa nhiều.

Do việc quản lý thị trường và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân làm chậm, cho nên trong thời gian qua, thương nghiệp tư bản chủ nghĩa còn nắm được sản xuất, nắm được nguồn hàng. Nó còn duy trì được mối liên hệ về kinh tế với nông dân và dân đánh cá, từ đó còn có điều kiện tiếp tục lũng đoạn

thị trường và phá công tác thu mua của Nhà nước. Các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm của tư nhân mà ta chưa kịp thời cải tạo để sử dụng, đang tranh giành nguyên liệu với Nhà nước, và Nhà nước cũng chưa nắm được sản phẩm chế biến của các cơ sở này.

Số người buôn bán nhỏ quá đông. Sau những đợt đấu tranh để hạn chế và đẩy lùi hoạt động của tư sản thương nghiệp (bao gồm cả đầu nậu và chủ vựa), thì những người buôn bán nhỏ mà ta chưa tổ chức và quản lý đã và đang là lực lượng gây nên những rối ren về giá cả trên thị trường. Số nhân viên Nhà nước bị những người này mua chuộc, tuy chỉ là số rất ít, nhưng tính chất của hành động tiếp tay cho tư thương thì phức tạp và nghiêm trọng. Tình hình đó làm cho việc quản lý, sắp xếp và cải tạo thị trường nông sản thực phẩm càng gặp thêm khó khăn, phức tạp.

Từ tình hình trên đây, Trung ương Đảng và Chính phủ đã chỉ thị: đi đôi với việc khôi phục và phát triển sản xuất các loại nông sản, thực phẩm theo các nghị quyết của Đảng và theo quy hoạch, kế hoạch Nhà nước, *phải tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa* (trong đó thương nghiệp quốc doanh phải giữ vai trò lãnh đạo, chi phối toàn bộ thị trường, thương nghiệp hợp tác xã phải làm trợ thủ đắc lực cho thương nghiệp quốc doanh) để đẩy mạnh kinh doanh các mặt hàng nông sản, thực phẩm. Mặt khác, *phải tiếp tục loại trừ thương nghiệp tư bản kinh doanh các mặt hàng này, trước hết ở những vùng sản xuất tập trung và đối với những mặt hàng quan trọng; đẩy mạnh cải tạo, sắp xếp và sử dụng những người buôn bán nhỏ, tiếp tục cải tạo để sử dụng tốt công nghiệp tư doanh chế biến nông sản — thực phẩm, đi đôi với việc tiếp tục phát triển thêm cơ sở quốc doanh chế biến.*

III

Chúng ta tiếp tục cải tạo và xây dựng các ngành thương nghiệp kinh doanh lương thực, nông sản, thực phẩm ở các tỉnh và thành phố miền Nam không phải chỉ cốt để làm cho xong việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, mà chủ yếu là để góp phần giải quyết mấy vấn đề quan trọng sau đây:

1 - *Phục vụ và thúc đẩy công cuộc cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.*

Trong sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã chủ trương phải: « Gắn cải tạo với xây dựng, nông nghiệp với công nghiệp, gắn cải tạo nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp »... « gắn sản xuất với lưu thông phân phối và tổ chức đời sống, gắn kinh tế với quốc phòng ».

Chủ trương gắn cải tạo công thương nghiệp với cải tạo nông nghiệp là rất đúng, bởi vì ở thị trường miền Nam, giai cấp tư sản thương nghiệp đã từng nắm tiền, nắm hàng, nắm phương tiện vận tải, sử dụng những thứ đó để thực hiện mối liên hệ về kinh tế với những người sản xuất nhỏ. Tư sản thương nghiệp còn thông qua cơ chế tổ chức kinh doanh rộng khắp để « đưa vôi » về nông thôn thu hút lương thực, nông sản, thực phẩm đem về thành thị buôn bán đầu cơ làm giàu. Họ đã từng sống một cách đế vương dựa vào sự bóc lột mồ hôi sức lực của nông dân miền Nam.

Về phía nông dân, chúng ta cũng thấy nổi rõ một đặc điểm cơ bản là: Ở các tỉnh Nam-bộ cũ, nhất là đồng bằng sông Cửu-long, ruộng đất canh tác nhiều và màu mỡ, nhiều nơi sản xuất còn có tính chất quảng canh, mới làm một vụ, nhưng đã đi vào sản xuất hàng hóa và gắn chặt với công thương nghiệp; trung nông chiếm số đông trong nông dân và trung

nông lớp trên khá nhiều. Tầng lớp trung nông không những có ruộng, vườn, ao, đĩa, máy móc, trâu bò, vốn liếng..., mà còn nắm được kỹ thuật canh tác, có đầu óc kinh doanh biết tính toán hiệu quả kinh tế, không những chỉ kinh doanh nông nghiệp, mà nhiều người còn kinh doanh các ngành nghề khác, kể cả thương nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải... Trung nông đứng là nhân vật trung tâm ở nông thôn, nhất là đồng bằng sông Cửu-long.

Dựa vào hệ thống mua bán có chân rết khắp nông thôn, giai cấp tư sản thương nghiệp đã liên hệ chặt với nông dân mà chủ yếu là tầng lớp nông dân khá giả này để nắm nông sản thực phẩm, lũng đoạn thị trường miền Nam.

Vì vậy, trong khi tiến hành cải tạo thị trường lương thực, nông sản, thực phẩm, *điều tất yếu* là phải kết hợp chặt chẽ việc cải tạo các ngành kinh doanh thương nghiệp về các mặt hàng này với cải tạo nông nghiệp để một mặt hướng thương nghiệp phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo quy hoạch và kế hoạch Nhà nước...; mặt khác thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải quan hệ chặt chẽ với nông thôn, thông qua con đường mua bán có kế hoạch (hợp đồng kinh tế) mà nắm nguồn hàng nông sản và làm chủ thị trường nông thôn, tách nông dân ra khỏi hoạt động đầu cơ của tư sản thương nghiệp.

Cải tạo và xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa, loại trừ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ra khỏi thị trường nông thôn chẳng những sẽ tác động tới sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, mà còn tác động tới việc cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, công nghiệp và nông nghiệp tách rời nhau và đối lập nhau. Còn trong chế độ xã hội chủ nghĩa, công nghiệp và nông nghiệp phải gắn

với nhau thành một cơ cấu kinh tế thống nhất. Vì vậy, Đảng ta chủ trương phải tiến hành đồng thời việc cải tạo công thương nghiệp với việc cải tạo nông nghiệp. Nếu chậm cải tạo công thương nghiệp thì việc hợp tác hóa nông nghiệp sẽ gặp khó khăn. Ngược lại, nếu không tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp thì việc cải tạo công thương nghiệp sẽ gặp trở ngại...

Mặt khác, nhanh chóng xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nông thôn sẽ tạo nên những "pháo đài của chủ nghĩa xã hội" để loại trừ chủ nghĩa tư bản ra khỏi thị trường nông thôn, tạo nên mối quan hệ kinh tế trực tiếp giữa Nhà nước và nông dân, giúp đỡ nông dân phát triển sản xuất và từng bước cải thiện đời sống.

Khi chúng ta đã giải quyết được các mối quan hệ nói trên, tức là kết hợp việc cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa với việc cải tạo nông nghiệp, tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều giữa các ngành kinh doanh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa với các tổ chức sản xuất tập thể của nông dân, bắt đầu việc trao đổi hàng hóa trực tiếp giữa Nhà nước với nông dân, làm cho công nghiệp và nông nghiệp gắn với nhau thành một cơ cấu kinh tế thống nhất, thì lúc ấy chúng ta hoàn toàn có điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trên quy mô cả nước.

2 - Tiến thêm một bước quan trọng trong việc Nhà nước nắm chắc và tổ chức lại khâu lưu thông phân phối, tích cực xây dựng thị trường xã hội chủ nghĩa, thu hẹp dần thị trường không có tổ chức về lương thực, nông sản, thực phẩm, kiên quyết chống buôn bán đầu cơ tích trữ, góp phần ổn định tiền tệ, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư nhân là để Nhà nước và nhân dân làm chủ thị

trường, làm cho công tác lưu thông phân phối tác động có hiệu quả và mạnh mẽ vào sản xuất, phục vụ tốt đời sống nhân dân lao động, phục vụ tốt nhiệm vụ kinh tế, chính trị và quốc phòng đã và đang đặt ra trong tình hình mới.

Trong tình hình quan hệ sản xuất cả thê còn phổ biến ở nông thôn miền Nam như hiện nay, việc Nhà nước phải nắm lương thực, thực phẩm là một việc khó khăn; nhưng nếu Nhà nước không nắm được lương thực, nông sản và thực phẩm thì không có điều kiện để nắm chắc được hàng công nghiệp, không làm chủ được thị trường nông thôn và thị trường thành thị, không hoàn thành cải tạo công thương nghiệp tư doanh và hợp tác hóa nông nghiệp, không ổn định được đời sống nhân dân và không đẩy mạnh được xuất khẩu, và do đó không thúc đẩy được sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, không giữ vững được giá trị của đồng tiền mới.

Để nắm được nguồn hàng lương thực, nông sản, thực phẩm, cần tiến hành đồng bộ các biện pháp giáo dục, kinh tế và hành chính.

Điều cơ bản nhất là các đảng bộ và chính quyền cơ sở phải nắm vững công tác chính trị và tư tưởng ở nông thôn, giáo dục nông dân một cách sâu rộng, liên tục về nghĩa vụ bán lương thực và nông sản thực phẩm cho Nhà nước. Đồng thời, phải làm cho cán bộ, đảng viên thông suốt nhiệm vụ đó. Cán bộ đảng viên phải là người gương mẫu đi đầu trong cuộc đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên mặt trận này. Đây là thước đo phẩm chất người cán bộ, đảng viên trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay. Trên cơ sở làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, cần làm tốt việc ký kết hợp đồng kinh tế hai chiều và vận dụng giá cả hợp lý để thực hiện tốt chính sách

thu mua lương thực, nông sản, thực phẩm của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới. Đi đôi với biện pháp kinh tế, cần làm tốt việc cải tạo và quản lý thị trường, chống đầu cơ tích trữ, buôn bán trái phép, nhưng cũng không được làm tràn lan, gây phiền hà cho nhân dân, vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, gây nên những ảnh hưởng xấu đối với sản xuất và đời sống.

3 - *Kết hợp việc xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với việc tổ chức lại các ngành lưu thông phân phối, các ngành chế biến nông sản thực phẩm, góp phần xây dựng cơ cấu sản xuất nông - công nghiệp và xây dựng hệ thống lưu thông phân phối trên địa bàn huyện.*

Đề bảo đảm được yêu cầu phục vụ và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, thu mua nắm nguồn hàng lương thực, nông sản thực phẩm trong tay Nhà nước, phục vụ tốt đời sống nhân dân và đẩy mạnh xuất khẩu, cần nhanh chóng xây dựng và phát triển mạnh mẽ thương nghiệp quốc doanh và thương nghiệp hợp tác xã, đi đôi với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thương nghiệp tư nhân.

Đối với tư sản thương nghiệp và chủ vừa, cần kiên quyết xóa bỏ kinh doanh thương nghiệp tư bản chủ nghĩa của họ và chuyển họ sang sản xuất. Đối với người nào có thái độ chính trị tốt, có nghiệp vụ kinh doanh giỏi, thì chúng ta sử dụng họ phục vụ công việc kinh doanh của thương nghiệp Nhà nước. Những cơ sở và phương tiện kinh doanh của tư sản thương nghiệp và chủ vừa kể cả những vật tư hàng hóa tồn kho đều được xử lý theo đúng chính sách của Nhà nước.

Đối với những người buôn bán nhỏ kinh doanh những mặt hàng nông sản do Nhà nước thống nhất quản lý, Nhà nước phải tổ chức, sắp

xếp, sử dụng họ vào làm cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, đồng thời giúp đỡ để chuyển số người còn lại sang sản xuất hoặc sang làm các ngành nghề khác. Nhà nước không mua lại hàng tồn kho của họ, chỉ định thời hạn và hướng dẫn giá cả để họ bán.

Đối với những mặt hàng và những địa bàn mà hiện nay thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa đủ sức đảm nhiệm, thì Nhà nước tổ chức họ lại, hướng dẫn họ mua bán các mặt hàng này dưới sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

Đối với nông dân có sản phẩm thừa sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và hoàn thành hợp đồng bán sản phẩm cho Nhà nước thì tiếp tục vận động họ bán cho Nhà nước theo giá khuyến khích; nếu họ muốn mang các sản phẩm này vào bán ở các đô thị thì Nhà nước cho phép, nhưng phải có sự quản lý chặt chẽ, hướng dẫn họ về nơi mua nơi bán, về giá cả... để họ chấp hành đúng các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hiện nay, mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, nhất là mạng lưới thu mua nông sản thực phẩm còn quá hẹp. Cần nhanh chóng mở rộng mạng lưới này ở khắp nông thôn, nhất là ở địa bàn huyện, làm cho ở đâu có nguồn hàng thì ở đó có mạng lưới thu mua, phân phối của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, bảo đảm «tiện mua tiện bán» cho nhân dân và thuận tiện cho sự quản lý của Nhà nước.

Các ngành cung cấp vật tư nông nghiệp tiếp tục phát triển các cửa hàng ở những địa điểm thích hợp trong địa bàn huyện để phục vụ các đơn vị kinh tế cơ sở một cách thuận tiện. Ngành lương thực - thực phẩm có kế hoạch tăng cường các tổ chức thu mua và phân phối lương thực, các tổ chức chế biến nông sản, thực phẩm gắn liền với sản xuất nông nghiệp. Ngành nội thương tăng cường

sớm các tổ chức thu mua nông sản, thực phẩm và bán lẻ hàng công nghiệp tiêu dùng trên địa bàn huyện, và hướng dẫn các hợp tác xã mua bán làm tốt việc ủy thác thu mua nông sản cho Nhà nước, đại lý bán lẻ hàng công nghiệp, kinh doanh một số ngành dịch vụ và tự doanh nguồn hàng ở địa phương để phục vụ phong trào lao động sản xuất và đời sống nhân dân trong xã.

Ngành nào, đơn vị nào chịu trách nhiệm thu mua mặt hàng nào phải phối hợp với các ngành quản lý sản xuất trong việc hướng dẫn trồng trọt và chăn nuôi, nhằm tạo ra những nông sản, thực phẩm có giá trị kinh tế cao.

Trên địa bàn huyện, các tổ chức mua bán của các ngành, các cấp (trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở) đều phải quy tụ và đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của huyện ủy và sự quản lý của ủy ban nhân dân huyện, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách thu mua và giá cả chỉ đạo của Nhà nước, không được ép cấp, ép giá hoặc nâng cấp, nâng giá, không được tùy tiện để ra những quy định trái với chính sách, thể lệ của Chính phủ.

Ngân hàng Nhà nước có kế hoạch đáp ứng tiền mặt cho việc thu mua nông sản, thực phẩm theo kế hoạch Nhà nước. Ngành giao thông vận tải bảo đảm vận chuyển kịp thời các tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng cho nông thôn và các nông sản thực phẩm thu mua được về các đô thị.

Trên cơ sở thu mua nắm nguồn hàng lương thực, nông sản thực phẩm, Nhà nước thực hiện nghiêm chỉnh chính sách phân phối công bằng hợp lý các mặt hàng chủ yếu này cho các tầng lớp nhân dân, vừa bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, vừa bảo đảm nhu cầu cơ bản của nhân dân, đồng thời hướng dẫn nhân dân thực hiện chính sách tiết kiệm tiêu

dùng các mặt hàng nông sản thực phẩm nhằm dành ưu tiên cho xuất khẩu, giải quyết tốt mối quan hệ giữa xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Đối với tiêu dùng trong nước, Nhà nước thực hiện chính sách phân phối theo hướng: "ưu tiên dành hàng nông sản thực phẩm cho nhân dân thành thị, và ưu tiên dành hàng công nghiệp cho nhân dân nông thôn; thực hiện đúng đắn chính sách ưu tiên phân phối lương thực và thực phẩm cho những người chiến đấu, những người sản xuất, lao động nặng, cho trẻ em, cho những người bệnh.

Trên cơ sở phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, Nhà nước cải tiến các phương thức bán hàng, đưa hàng hóa ra bán ở các cửa hàng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, giảm dần việc phân phối hàng hóa qua căng-tin, qua kho, qua các hội nghị. Đối với những hàng hóa thiết yếu của đời sống nhân dân mà cung chưa đủ cầu, cần bán theo phiếu, theo sổ hoặc kết hợp cả sổ và phiếu. Đối với những hàng hóa nào có đủ cung cấp cho nhu cầu, thì Nhà nước bán bình thường cho nhân dân.

Cần phát động quần chúng tham gia quản lý thị trường, giáo dục cho mọi người "cần thì mua, không cần thì không mua", nghiêm cấm việc mua hàng của Nhà nước mang ra bán lại với giá cao.

Để bảo đảm yêu cầu chế biến ngày càng nhiều nông sản thực phẩm, nhất là chế biến mìn, mì, Nhà nước vừa phải tích cực sử dụng xây dựng thêm các cơ sở chế biến mới, vừa phải tiếp tục cải tạo đề các cơ sở chế biến của tư nhân, phục vụ tốt yêu cầu trên.

Đối với các cơ sở chế biến quan trọng của nhà tư sản, thì thực hiện công tư hợp doanh. Đối với các cơ sở chế biến của tư sản nhỏ, Nhà nước tiến hành, cải tạo theo hình thức xí nghiệp hợp tác, làm gia công cho Nhà

nước và cho nhân dân. Đối với các cơ sở chế biến của tiểu chủ, Nhà nước tổ chức thành các *hợp tác xã* từ thấp đến cao, làm gia công cho Nhà nước và nhân dân, hoặc Nhà nước áp dụng hình thức cung cấp vật tư, thu mua thành phẩm. Đối với các cơ sở chế biến kiêm buôn bán, Nhà nước sẽ tùy theo các đối tượng mà vận dụng các hình thức cải tạo nói trên. Đối với các cơ sở chế biến của nông dân, Nhà nước sẽ giao cho các tổ đoàn kết sản xuất hoặc các tập đoàn sản xuất quản lý, Nhà nước chỉ thu mua sản phẩm hàng hóa; về sau này các cơ sở trên sẽ trở thành bộ phận chế biến của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Để phát triển nhanh chóng các ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm, Nhà nước cần quan tâm giải quyết các vấn đề: quy hoạch các vùng chuyên canh, kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp chế biến, đầu tư xây dựng các nhà máy, kho hàng, giải quyết các vấn đề hậu cần như: cơ khí chế tạo, sửa chữa phụ tùng và tích cực đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật. Cần ban hành chính sách, chế độ khuyến khích các địa phương, các đơn vị quốc doanh, hợp tác xã và nhân dân chế biến nông sản thực phẩm, nhất là chế biến mầu, mè.



CẢI tạo xã hội chủ nghĩa là xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, đó là điều tất yếu và bức thiết của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng cải tạo không phải chỉ là xóa bỏ quan hệ sản xuất cũ, mà chủ yếu là để phát triển sản xuất, dựa trên cơ sở quan hệ sản xuất mới và lực lượng sản xuất mới mà tổ chức lại sản xuất xã hội, xây dựng từng bước cơ cấu kinh tế công

nông nghiệp hợp lý để đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là ý nghĩa cách mạng triệt để của cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn của cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản, trừng trị bọn tư sản gian thương lớn và đợt đấu tranh xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa kinh doanh vật tư và hàng công nghiệp tiêu dùng vừa qua đã chứng minh ý nghĩa cách mạng triệt để nói trên của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Công cuộc cải tạo này không phải chỉ là một sự tuyên bố xóa bỏ kinh doanh tư bản chủ nghĩa của giai cấp tư sản nói chung, của tư sản thương nghiệp nói riêng, cũng không phải chỉ là tước đoạt một số tư liệu sản xuất và phương tiện kinh doanh bóc lột của giai cấp tư sản: — đó mới chỉ là một mặt của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Mặt quan trọng hơn của công cuộc cải tạo này là tổ chức lại sản xuất và phát huy không ngừng những năng lực sản xuất của xã hội, để bảo đảm cho sản xuất tiếp tục phát triển, nâng suất lao động tiếp tục tăng, lưu thông hàng hóa không ngừng phát triển, từ đó mà làm cho đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân lao động được ổn định và từng bước cải thiện.

Vì vậy, mục đích, yêu cầu của công cuộc cải tạo và xây dựng thương nghiệp ở miền Nam là phục vụ và thúc đẩy việc tổ chức lại sản xuất, gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, gắn liền thành thị với nông thôn, gắn liền thị trường địa phương với thị trường cả nước, góp phần giải quyết tốt công ăn việc làm và đời sống của nhân dân lao động, quản lý tốt thị trường, và để cho thương nghiệp thật sự làm tốt vai trò người nội trợ đảm đang của nhân dân.

CẢNH GIÁC

NGƯỜI Việt-nam ta không mấy ai không biết chuyện An-dương-vương vì nhẹ dạ cả tin mà mất nước. Trước mưu kế thâm hiểm của Triệu-Đà, An-dương-vương đã không tỉnh táo, lại gả con gái là My-Châu cho Trọng-Thủy (con trai của Triệu-Đà), cho Trọng-Thủy ở rể ngay trong Loa thành. Trọng-Thủy lọt được vào Loa thành, hoạt động gián điệp, chia rẽ tướng sĩ, và ăn cắp «nỏ thần». Vì vậy, khi Triệu-Đà cất quân sang đánh nước ta, An-dương-vương không chống đỡ nổi. Thế là nước mất, nhà tan...!

Trong thời đại ngày nay, có không ít trường hợp cách mạng ở nơi này, nơi khác trên thế giới bị tổn thất nặng nề cũng chỉ vì mất cảnh giác.

Xem thế thì thấy cảnh giác quả là vấn đề hết sức quan trọng, nhiều khi nó đóng vai trò quyết định sự thành bại của một cuộc đấu tranh, của một phong trào cách mạng. Cảnh giác là một thuộc tính quan trọng của bản lĩnh người cách mạng, là một vũ khí sắc bén trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ cách mạng. Trong suốt mấy chục năm nay, chính nhờ luôn luôn tỉnh táo, cảnh giác, Đảng ta, nhân dân ta đã đập tan mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, đưa cách mạng nước ta liên tiếp tiến lên giành những thắng lợi ngày càng to

lớn. Hồ Chủ tịch đã dạy: Giữ nhà phải cảnh giác, phải có cửa, có khóa để ngăn ngừa bọn trộm cắp. Giữ nước càng phải cảnh giác để ngăn ngừa bọn đế quốc và bè lũ tay sai phá hoại thành quả cách mạng, phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của chúng ta... Để ngăn chặn âm mưu của kẻ địch thì cán bộ, bộ đội và nhân dân ta cần phải luôn luôn nâng cao cảnh giác. Đó là một nghĩa vụ quan trọng mà mọi người công dân phải làm tròn.

Hiện nay chúng ta đang ở trong thời kỳ vừa có hòa bình vừa có chiến tranh trên một bộ phận đất nước. Bọn theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đã và đang có những âm mưu và hành động cực kỳ thâm độc chống phá cách mạng nước ta. Bọn đế quốc, tuy đã bị thất bại thảm hại, vẫn chưa chịu từ bỏ tham vọng đối với dải đất có vị trí chiến lược quan trọng và rất hấp dẫn này. Bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế đang hăn học tức tối trước sự lớn mạnh của đất nước ta, ra sức tìm cách can thiệp, xâm lược, ngăn cản bước tiến lên của cách mạng nước ta. Những tên ngoan cố, không chịu cải tạo trong số ngục tù, ngục quyền ác ôn tan rã tại chỗ và những tên phản cách mạng các loại, với bản chất phản động của chúng, đang ráo riết hoạt động, lên lút chờ thời cơ

ngóc đầu đầy bông giành lại những gì bị cách mạng tước đoạt. Tất cả bọn chúng, mỗi loại có mục đích riêng, thủ đoạn riêng, nhưng đều đang móc nối, câu kết với nhau, phối hợp với nhau để phá hoại cách mạng nước ta. Chúng âm mưu phá ta từ bên trong ra và từ bên ngoài vào; trên cả lĩnh vực kinh tế và chính trị, quân sự và ngoại giao, văn hóa và tư tưởng; về cả chủ trương, đường lối và tổ chức, cán bộ. Chúng xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng ta, Nhà nước ta, phao tin đồn nhảm trong nhân dân, gây hoang mang dao động, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ. Chúng dụ dỗ, mua chuộc nhằm hủ hóa cán bộ ta, kích động hồng chia rẽ nội bộ ta, tìm cách thu thập bí mật của Đảng và Nhà nước ta. Chúng âm mưu gây bạo loạn phản cách mạng, tổ chức biểu tình chống đối, phá hoại các công trình xây dựng kinh tế và quân sự ở nơi này, nơi khác... Và trên thực tế, ở một số nơi, chúng đã gây không ít khó khăn cho cách mạng.

Trong khi đó, cuộc đấu tranh nhằm giải quyết vấn đề « ai thắng ai » giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản cũng diễn ra rất gay gắt và phức tạp. Những phần tử ngoan cố trong các giai cấp bóc lột đang lợi dụng những khó khăn tạm thời của đất nước, tìm cách phản kích lại cách mạng. Cái thây ma thối rữa của xã hội cũ — xã hội thực dân mới kiểu Mỹ ở miền Nam, vẫn đang còn bốc mùi hôi thối đầu độc chúng ta.

Trong tình hình như thế liệu chúng ta có thể lơ lửng cảnh giác được không?

Đáng tiếc là trong thời gian qua, ở nhiều nơi vẫn có những người mắc mưu địch, chủ quan, mất cảnh giác, thậm chí đã mất cảnh giác nghiêm trọng.

Có những người không còn nhớ gì đến kỷ luật giữ gìn bí mật quốc gia,

nói năng vô tổ chức. Với những tin tức giật gân, những câu chuyện rí tai hấp dẫn làm quà đề tỏ ra mình là người biết nhiều, là nhân vật quan trọng, họ đã làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước. Có những người không tỉnh táo trước những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, nói theo giọng lưỡi của địch, vô tình biến mình thành cái loa tuyên truyền cho địch. Có những người không giữ đúng nguyên tắc quản lý hồ sơ, tài liệu, giao cả những tài liệu cơ mật cho người không đủ tin cậy về chính trị cất giữ. Ở một số cơ quan có hiện tượng quản lý cán bộ, đảng viên rất lỏng lẻo; cán bộ, đảng viên đi đâu, làm gì không hề hay biết; khôi phục đảng tịch, giao công tác quan trọng cho cả những kẻ đã đầu hàng phản bội; kết nạp người vào Đảng bừa bãi, không theo đúng nguyên tắc, thủ tục, kết nạp cả phần tử địch vào Đảng. Một số nơi tuyên dụng các cán bộ, nhân viên dưới chế độ cũ vào làm việc trong các cơ quan Nhà nước theo lối cảm tình, nể nang, gia đình chủ nghĩa. Một số địa phương coi nhẹ công tác xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang, lơ là nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, v.v. Rõ ràng đó là những biểu hiện của sự giảm sút ý chí cách mạng, mất cảnh giác, không nhận rõ tính chất phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trong giai đoạn mới, không phân rõ đâu là địch, đâu là ta, mơ hồ về kẻ thù giai cấp và kẻ thù dân tộc.

Đáng trách nữa là có một số người — kể cả một số cán bộ phụ trách, sống trong điều kiện mới, đã hoa mắt choáng ngợp trước sự phồn vinh giả tạo của xã hội thực dân mới, muốn hưởng lạc, muốn nghỉ ngơi, sớm xa rời lập trường của người cách mạng. Thậm chí có người tự biến mình thành tù binh của lối sống hưởng lạc, xa xỉ, thành kẻ tiếp tay tệt hại cho giai cấp bóc lột và bọn phản động. Họ vin có « đặc điểm », « đặc thù »,

mượn lý do « hòa hợp », « hòa giải », móc ngoặc với bọn tư sản, bao che cho bọn gian thương, để cho những phần tử dịch chui vào trong một số cơ quan. Trên thực tế những người này đã ngã gục trước « viên đạn bọc đường » của giai cấp tư sản hoặc xây xâm mặt mày trước « luồng gió thơm » mang hơi độc. Họ làm những việc mất cảnh giác như vậy, nhưng miệng họ vẫn nói đấu tranh giai cấp, vẫn tự hào là người có tinh thần cảnh giác cách mạng!

Là những người chiến thắng, những người của dân tộc mấy nghìn năm gan góc, kiên cường trụ đứng trên mảnh đất có nhiều phong ba bão táp, những người của một đảng dày dạn kinh nghiệm đấu tranh, luôn luôn nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin bách chiến, bách thắng, hiểu rõ quy luật phát triển của xã hội, chúng ta không bao giờ lơ đãng và hốt hoảng trước những âm mưu của kẻ thù. Với hệ thống chuyên chính vô sản vững chắc, với lực lượng quần chúng nhân dân yêu nước thiết tha, với lực lượng vũ trang nhân dân hùng hậu, dũng cảm, nhất định chúng ta sẽ đập nát mọi mưu toan của kẻ thù. Nhưng muốn thế chúng ta phải luôn luôn tỉnh táo và cảnh giác, nhận rõ tính chất gay gắt và phức tạp của cuộc đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay, nhìn cho rõ âm mưu của kẻ thù. Kẻ địch đang mai phục đón chờ sự sơ hở của chúng ta. Chúng ta không cương điệu, không quá đa nghi, không đánh giá quá cao kẻ địch, dẫn đến lúc nào cũng nơm nớp lo sợ âm mưu của địch, nhưng thực tế đã dạy chúng ta rằng, trong đấu tranh, chúng ta tuyệt nhiên không một phút nào được lơ đãng cảnh giác.

Lịch sử nước ta đã chứng tỏ rằng, quy luật vận động, phát triển của nước ta là dựng nước luôn luôn đi đôi với giữ nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội luôn luôn gắn liền với bảo vệ chủ nghĩa xã hội. Lịch sử đang giao

cho ta trách nhiệm trấn giữ và xây dựng tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam châu Á. Chúng ta biết rằng « có cứng mới đứng được đầu gió ». Chúng ta đã chiến đấu ròng rã suốt mấy chục năm trường và đã từng quật ngã những tên đế quốc sừng sỏ, đã xây dựng những cơ sở vật chất bước đầu cho cuộc sống xã hội chủ nghĩa tươi đẹp. Nhưng chúng ta không được chủ quan khinh địch. Chúng ta quyết mài sắc hơn nữa tinh thần cảnh giác cách mạng, đập tan mọi mưu đồ đen tối của kẻ thù, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ cách mạng, bảo vệ Tổ quốc.

NGƯỜI XÂY DỰNG

PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ...

(Tiếp theo trang 58)

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta chỉ có thể thành công với bàn tay khổi óc và nhiệt tình cách mạng của nhân dân ta. Cho nên tổ chức thật tốt phong trào thi đua yêu nước là một trong những nhiệm vụ thường xuyên của tất cả các ngành các cấp. Phong trào thi đua yêu nước ở ta đã trải qua một quá trình lâu dài và gắn liền với mọi biến đổi của đất nước từ sau Cách mạng tháng Tám. Phong trào đó đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm phong phú. Vì vậy tổng kết kinh nghiệm, nghiên cứu rút ra những kết luận mới để đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, là một việc đáng được các tổ chức của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng ở các cấp quan tâm. Có như vậy phong trào thi đua mới có những bước phát triển mới, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Thắng lợi to lớn của cách mạng Áp-ga-ni-xtan

NGUYỄN-NAM

ÁP-GA-NI-XTAN là một nước ở Tây Nam châu Á, không có đường ra biển. Cả nước là những vùng núi non trùng điệp, cao hơn mặt biển từ 1000 đến 4000 mét, xen kẽ với những thung lũng màu mỡ xanh tươi và những sa mạc nhỏ. Phía bắc có đường biên giới chung với Liên-xô dài tới 2500 km, phía đông và nam giáp Pa-ki-xtan, tây giáp I-ran và cực đông bắc giáp Trung-quốc.

Nước Áp-ga-ni-xtan rộng 647500km², dân số khoảng hơn 19 triệu người, trong đó dân tộc Pa-than thuộc hệ Ấn - Âu chiếm 53%; số còn lại là người Tát-gích, U-đơ-bếch, Tuyéc-mê-ni, Kiéc-gi, Hi-gia-rát v.v. 85% dân số sống ở nông thôn, bộ phận khá lớn là dân du mục. Áp-ga-ni-xtan có một nền văn hóa rất lâu đời và có lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm rất vẻ vang. Đạo Hồi được truyền bá từ thế kỷ thứ 7 sau Công nguyên và thay thế hẳn đạo Phật đã có một thời rất thịnh hành. Hiện nay 99% dân số theo đạo Hồi dòng Su-ni.

Về cơ bản, Áp-ga-ni-xtan là nước chậm phát triển, có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu; quan hệ sản xuất phong kiến còn được duy trì cho đến

những năm 70 của thế kỷ này. Theo số liệu của Liên hợp quốc, Áp-ga-ni-xtan là một trong « 25 nước nghèo nhất thế giới », với thu nhập bình quân đầu người hàng năm khoảng 80 đô-la Mỹ. Tài nguyên giàu có nhưng khai thác chưa đáng kể. Áp-ga-ni-xtan có dầu lửa, hơi đốt (trữ lượng chừng 150 tỷ mét khối), quặng sắt, vàng, chì, cơ rô mít, mi-ca, muối, v.v. 80% ruộng đất tập trung trong tay quý tộc và địa chủ. Trên 80% dân mù chữ. Cả nước chỉ có 2 trường đại học; bình quân 6000 dân có 1 giường bệnh và 2 vạn dân có 1 bác sĩ. Áp-ga-ni-xtan chưa có đường sắt, chưa có vô tuyến truyền hình; giao thông đường bộ chưa phát triển, liên lạc rất khó khăn.

Từ thời xa xưa, Áp-ga-ni-xtan được coi là « ngã tư thế giới » cho nên nhiều lần bị các « đế quốc » : Ba-tư, Hy-lạp, Mông-cô, Thỗ-nhi-kỳ, v.v. xâm lược. Đến đầu thế kỷ 19, sau khi chiếm xong Ấn-độ và cũng có được ách thống trị ở đó, đế quốc Anh muốn nắm lấy yết hầu vùng Tây-Á cho nên nhiều lần có ý định xâm lấn sang Áp-ga-ni-xtan. Nhưng do mâu thuẫn với các đế quốc Nga, Pháp ở vùng này và do nhân dân

Áp-ga-ni-xtan đấu tranh mạnh, Anh không đặt được ách cai trị trực tiếp.

Cách mạng tháng 10 Nga thắng lợi đã kéo vào dòng thác cách mạng của mình nhiều nước và nhiều dân tộc mới. Những chuyển biến tích cực cũng diễn ra trên đất nước Áp-ga-ni-xtan. Tháng 2 năm 1919, Áp-ga-ni-xtan tuyên bố độc lập và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước xô-viết trẻ tuổi. Tuy vậy, cuộc đấu tranh giữa lực lượng tiến bộ và lực lượng phản động trong nội bộ giới cầm quyền Áp-ga-ni-xtan vẫn diễn ra liên tục.

Các đế quốc phương Tây, đặc biệt là Mỹ, và các thế lực phản động trong khu vực hết sức lo sợ kéo các chính quyền phong kiến và sau này là chính quyền tư sản ở Ca-bun đi vào quỹ đạo « thế giới tự do » của chúng. Các đế quốc Mỹ, Nhật thông qua Ngân hàng phát triển châu Á, các nước A-rập nhiều dầu mỏ như A-rập Xê-út, I-ran, v.v. dùng viện trợ kinh tế, văn hóa, dùng tôn giáo để ràng buộc nước theo đạo Hồi này. Hằng năm, Mỹ cử hàng trăm chuyên gia giáo dục sang Áp-ga-ni-xtan. Pháp cũng mở trường học ở Ca-bun. I-ran âm mưu lập « khối Đạo Hồi » để lôi kéo Áp-ga-ni-xtan và các nước Nam Á khác. Mặc dù có nhiều khó khăn, nhân dân Áp-ga-ni-xtan được sự cổ vũ của ba dòng thác cách mạng của thời đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng dân chủ nhân dân, đã liên tục đấu tranh đẩy lui từng bước các thế lực phản động và đã giành được một số thắng lợi.

Từ khi đế quốc Mỹ bị sa lầy ở Việt-nam, ảnh hưởng của Mỹ ở Áp-ga-ni-xtan bị giảm sút. Phong trào đấu tranh của các lực lượng yêu nước và tiến bộ Áp-ga-ni-xtan ngày càng phát triển. Đầu năm 1965, Đảng dân chủ nhân dân được thành lập và ngày càng có uy tín rộng lớn trong nhân dân, kể cả trong các tầng lớp sĩ quan trẻ trong quân đội. Đảng đã tập hợp quần chúng đấu tranh dưới ngọn cờ độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ

xã hội. Đảng không ngừng nâng cao giác ngộ cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác, đưa quần chúng vào những cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị từ thấp lên cao. Ngày 1-5-1968, lần đầu tiên nhân dân Áp-ga-ni-xtan làm lễ kỷ niệm ngày hội của nhân dân lao động thế giới. Từ đó trên đất nước Áp-ga-ni-xtan nổ ra những cuộc đấu tranh chính trị với quy mô và hình thức khác nhau như đình công, đưa yêu sách, mít tinh đòi quyền dân sinh dân chủ, vận động bầu người vào nghị viện, ủng hộ các ứng cử viên tiến bộ, chống các thế lực phản động tay sai đế quốc, v.v. Mặt khác, Đảng giữ một vị trí lớn trong việc tăng cường các quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Áp-ga-ni-xtan và các nước xã hội chủ nghĩa, chống lại các hoạt động phá hoại phong trào cách mạng của bọn phản động như tổ chức « Anh em Hồi giáo », một loại liên minh thần thánh, chống cộng sản, ngăn cản sự phát triển của các lực lượng dân chủ tiến bộ. Trong cuộc đảo chính ngày 17-7-1973 lật đổ chế độ quân chủ thối nát ở Áp-ga-ni-xtan, Đảng dân chủ nhân dân đã giữ một vai trò tích cực. Đảng kêu gọi các lực lượng dân chủ tiến bộ đoàn kết, đi đến thành lập Mặt trận dân tộc dân chủ thống nhất nhằm thực hiện các quyền dân chủ của nhân dân và đấu tranh chống bọn đế quốc và phản động nước ngoài. Nhưng, kẻ thù của độc lập, tự do và tiến bộ của Áp-ga-ni-xtan không chịu từ bỏ âm mưu xóa bỏ chế độ cộng hòa. Chúng đưa bọn phái hữu lên nắm chính quyền và thông qua bọn này, chúng khủng bố, ám sát, bắt giam các nhân vật tiến bộ, đặc biệt là đàn áp Đảng dân chủ nhân dân. Hợp tác với cánh hữu trong chính quyền, Tổng thống Đa-út trở thành công cụ trong tay kẻ thù của nhân dân. Các phần tử tiến bộ, yêu nước, các đảng viên Đảng dân chủ nhân dân và những người có cảm tình với Đảng bị gạt khỏi chính

quyền và bị bắt. Đất nước có nguy cơ bị đẩy lùi lại thời quân chủ chuyên chế. Bọn CIA và đặc vụ I-ran cũng tăng cường hoạt động. Trước tình hình đó, quần chúng sôi sục phẫn nộ, đã tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt. Sự đàn áp bắt bớ của chính quyền Đa-út càng làm cho nhân dân thêm phẫn uất. Những binh sĩ yêu nước trong quân đội, được Đảng tuyên truyền giáo dục đã cùng nhân dân thủ đô Ca-bun đứng lên khởi nghĩa vũ trang, lật đổ chính quyền cũ. Ngày 30-4-1978 Hội đồng cách mạng tuyên bố thành lập nước Cộng hòa dân chủ Áp-ga-ni-xtan và lập chính phủ mới.

Cách mạng dân tộc dân chủ Áp-ga-ni-xtan đã giành được thắng lợi. Chế độ phong kiến thống trị nước này hàng nghìn năm đã bị lật đổ. Chính quyền cách mạng được thiết lập, nhân dân Áp-ga-ni-xtan cũng có thành quả cách mạng và xây dựng một nước độc lập, dân chủ.

Cách mạng tháng Tư đã mở ra một trang mới trong lịch sử đấu tranh của nhân dân Áp-ga-ni-xtan, đồng thời cũng mở ra một tiền lệ trong cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Nam Á. Cũng như cách mạng Nam Yê-men, Ăng-gô-lơ, Ê-ti-ô-pi-a, Mô-dam-bích, v.v., cách mạng Áp-ga-ni-xtan đã thắng lợi trong điều kiện cách mạng thế giới có những biến chuyển lớn lao, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đang có những bước tiến không lồ. Sau thắng lợi của Việt-nam và Lào, thắng lợi của cách mạng Áp-ga-ni-xtan là một trong những mũi tiến công mới của phong trào giải phóng dân tộc vào chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ.

Cách mạng tháng Tư của Áp-ga-ni-xtan thắng lợi không phải là việc ngẫu nhiên. Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Áp-ga-ni-xtan đã có một quá trình xây dựng và phát triển lâu dài. Từ thực tế đấu tranh gian khổ, lúc bí mật, lúc công khai, Đảng dân chủ nhân dân ngày càng

trưởng thành, xây dựng được cơ sở tương đối vững mạnh trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là cả trong quân đội. Đảng đã thành công trong việc đấu tranh cho một đường lối đúng đắn chống bọn tả khuynh tư-rốt-kit, bọn hữu khuynh thỏa hiệp, cũng như các nhóm tay sai của chủ nghĩa bánh trưởng đại dân tộc. Thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga và sự giúp đỡ nhiều mặt của Liên-xô ngay từ những ngày Nhà nước xô-viết trẻ tuổi mới thành lập đối với nhân dân Áp-ga-ni-xtan, đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình chung và thúc đẩy sự phát triển các lực lượng cách mạng của nước này. Mặc dù các thế lực đế quốc và bọn phản động nước ngoài ráo riết hoạt động, chúng cũng không ngăn nổi xu thế phát triển của cách mạng Áp-ga-ni-xtan được ba dòng thác cách mạng của thời đại hỗ trợ và cổ vũ. Điều đáng chú ý là, Đảng dân chủ nhân dân đã đánh giá được đầy đủ sức mạnh của nhân dân Áp-ga-ni-xtan, nhận rõ được thế yếu của các lực lượng phản động ngay khi chúng điên cuồng đàn áp cách mạng. Trước nguy cơ địch tiến công các lực lượng dân chủ tiến bộ, Đảng đã mau lẹ nắm thời cơ, phát động quần chúng đấu tranh bảo vệ lực lượng cách mạng, chủ động tiến công vào đầu não kẻ thù và giành thắng lợi nhanh gọn.

Chính quyền mới đã công bố và thi hành nhiều chính sách đối nội đối ngoại nhằm củng cố thành quả cách mạng, xây dựng nước nhà tiến theo con đường dân chủ, tiến bộ.

Chương trình ba mươi điểm đã được công bố ngày 10-5-1978 nhằm xóa bỏ những tàn tích phong kiến đã kìm hãm nước nhà trong tình trạng lạc hậu. Cải cách ruộng đất được tiến hành với sự tham gia tích cực của nông dân. Khu vực kinh tế tập thể được tăng cường. Chương trình cũng đề ra việc thanh trừng những phần tử phản cách mạng, phần dân chủ, phần

nhân dân ra khỏi chính quyền cách mạng. Lực lượng vũ trang được củng cố; các binh sĩ được tham gia các hoạt động chính trị. Lần đầu tiên trong lịch sử, người phụ nữ Áp-ga-ni-xtan vốn bị lễ giáo phong kiến ràng buộc, được hiến pháp bảo đảm quyền bình đẳng với nam giới. Hiến chương làm thời 11 điểm được công bố nhằm bảo đảm những quyền tự do dân chủ của nhân dân. Chế độ thuế khóa được sửa đổi bảo đảm quyền lợi của nhân dân lao động. Chính quyền mới đã phát động chiến dịch xóa nạn mù chữ, thực hiện chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc và giáo dục không mất tiền từ cấp tiểu học đến đại học. Nạn thất nghiệp đang được xóa bỏ. Tệ tham nhũng, quan liêu, cờ bạc, rượu chè, v.v. của chế độ cũ để lại đang được khắc phục. Một ủy ban đặc biệt bảo vệ nước Cộng hòa và một ủy ban pháp chế giám sát thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân được thành lập.

Chính phủ cách mạng cũng rất quan tâm củng cố khối đoàn kết dân tộc. Trong khi gặp gỡ đại diện các bộ tộc trong nước, Chủ tịch Ta-ra-ki đã nêu rõ chính phủ sẽ thực hiện quyền bình đẳng đối với tất cả các dân tộc ở Áp-ga-ni-xtan. Chính phủ mới có những cuộc tiếp xúc với các tầng lớp nhân dân; các thành viên chính phủ gặp gỡ các đại diện công đoàn, tôn giáo, bộ tộc, đại diện các ngành chuyên môn, v.v. để tranh thủ ý kiến của họ nhằm thảo ra một cương lĩnh hành động phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Các tầng lớp nhân dân được huy động tham gia những hoạt động nhằm thực hiện cương lĩnh 30 điểm của chính phủ cách mạng. Cùng với việc xây dựng các tổ chức Đảng ở các tỉnh và cơ sở, các tổ chức Đoàn thanh niên dân chủ nhân dân, tổ chức phụ nữ, công đoàn, cũng được thành lập.

Theo đường lối không liên kết, Chính phủ cách mạng Áp-ga-ni-xtan cũng

cố quan hệ với các nước láng giềng: Liên-xô, Ấn-độ, I-ran, Pa-ki-xtan, Trung-quốc; tăng cường quan hệ kinh tế và hợp tác với các nước hữu hạn, tiếp nhận viện trợ của các nước không kèm theo điều kiện ràng buộc. Ngày 25-8 vừa qua, Áp-ga-ni-xtan đã ký với Liên-xô chương trình hợp tác văn hóa và khoa học trong hai năm 1978—1979 và hiệp định tiếp tục các công trình khảo cổ học do hai nước cùng tiến hành từ năm 1978 đến năm 1982. Áp-ga-ni-xtan ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới; ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Pa-le-xtin.



Cuộc cách mạng 27-4-1978 đã mở ra một thời kỳ mới có ý nghĩa to lớn đối với Áp-ga-ni-xtan, đồng thời góp phần vào cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới vì hòa bình, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội trên thế giới. Thành công của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ này đã mở đường cho nước Áp-ga-ni-xtan tiến lên « tìm con đường đi lên đỉnh núi cao nhất » như nhân dân Áp-ga-ni-xtan thường nói.

Cuộc cách mạng thành công ở nước Nam Á này đã được dư luận tiến bộ trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh. Nhưng bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế lại bức tức và lo sợ trước thắng lợi mới của phong trào giải phóng dân tộc. Kẻ thù xa, gần, của nước Áp-ga-ni-xtan cách mạng đang cầu kết với các thế lực phản động trong nước đã bị lật đổ, tìm mọi cách phá hoại cách mạng — mà cuộc đảo chính hụt ngày 17-8-1978 đã bị quân đội Áp-ga-ni-xtan đập tan là một ví dụ — hòng kéo Áp-ga-ni-xtan trở lại thời kỳ đen tối. Gần đây, tại cuộc họp với bí thư các tỉnh ủy Đảng dân chủ nhân dân, Tổng bí thư Đảng dân chủ nhân dân Áp-ga-ni-xtan N. Ta-ra-ki, Chủ tịch Hội đồng cách mạng, Thủ tướng chính phủ, đã

kêu gọi nhân dân Áp-ga-ni-xtan tăng cường cảnh giác, chống những hoạt động phá hoại của những phần tử lật đổ. Chủ tịch nêu rõ: các lực lượng phản động quốc tế đã ủng hộ các giai cấp bóc lột ở Áp-ga-ni-xtan để bọn này tiếp tục những hoạt động thù địch chống lại chính quyền cách mạng. Nhưng nhân dân Áp-ga-ni-xtan dưới sự lãnh đạo của Đảng dân chủ nhân dân đã từng trải qua thử thách và kiên quyết chiến đấu chống lại mọi kẻ thù của cách mạng, nhất định sẽ đập tan mọi trở ngại, bảo vệ, củng cố và phát triển thành quả của cuộc cách mạng tháng Tư, bảo vệ chế độ cộng hòa dân chủ, xây dựng một

nước Áp-ga-ni-xtan độc lập, dân chủ, phồn vinh và hạnh phúc.

Nhân dân Việt-nam nhiệt liệt chào mừng thắng lợi vẻ vang và những thành tích to lớn của nhân dân Áp-ga-ni-xtan anh em. Trước đây nhân dân Áp-ga-ni-xtan đã ủng hộ mạnh mẽ nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, và hiện nay vẫn tiếp tục có cảm tình sâu sắc và tích cực ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam.

Tinh hữu nghị và đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân hai nước Việt-nam và Áp-ga-ni-xtan nhất định ngày càng phát triển và được củng cố.

Phấn đấu nâng cao chất lượng...

(Tiếp theo trang 34)

từ chính ngay cách đặt các câu hỏi ôn thi. Nếu chúng ta đặt các câu hỏi ôn thi thế nào đó buộc học viên phải tự mình hệ thống hóa lại các kiến thức, phải tiêu hóa nhuần nhuyễn các kiến thức đó mới làm bài được, thì chắc chắn sẽ đạt được kết quả cao hơn.

Khâu cuối cùng là viết **luận văn cuối khóa**. Luận văn là sản phẩm tiêu biểu nhất kết tinh công trình suy nghĩ độc lập của mỗi người. Nó biểu hiện tập trung kết quả học tập trong toàn khóa. Vì vậy, cần đầu tư nhiều thời gian và công sức hơn cho luận văn, cả về phía học viên cũng như về phía hướng dẫn của cán bộ nhà trường. Nên tổ chức tốt việc góp ý kiến, nhận xét, đánh giá các bản luận văn, trân trọng khai thác những giá trị chắc chắn không ít trong các bản luận văn.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận, ngoài ba vấn đề chủ yếu trên đây, còn cần *đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học*. Đây là một biện pháp cơ bản để nâng cao trình độ cán bộ giảng dạy nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ giáo dục. Thực tế hoạt động của trường Đảng trong 20 năm qua đã chứng minh điều đó. Do khuôn khổ của bài báo, chúng tôi chưa giới thiệu được vấn đề này. Điều quan trọng là sau khi đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu đúng đắn, cần có kế hoạch, biện pháp thực hiện thật cụ thể, thiết thực, phù hợp với khả năng, điều kiện và yêu cầu của công tác giảng dạy, đặc biệt là cần có quyết tâm cao, biết tập trung dứt điểm, đồng thời biết tổ chức và quản lý tốt công tác nghiên cứu khoa học.

THAM VỌNG TOÀN CẦU VÀ THẤT BẠI CHẮC CHẮN

(Một số nét về chiến lược Mỹ trong thời kỳ « Sau Việt-nam »)

THÀNH - TÍN

Để quốc Mỹ vừa thực hiện một cuộc điều chỉnh chiến lược lớn cho thời kỳ « Sau Việt-nam ».

Hiện nay chiến lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ ra sao? Nội dung của chiến lược Mỹ đã được giới cầm

quyền ở Oa-sinh-tơn xác định như thế nào? Mỹ đứng trước những triển vọng gì khi triển khai chiến lược này? Đó là những vấn đề lớn, rất rộng và khá phức tạp. Chúng tôi chỉ nêu lên dưới đây một số điểm đang nghiên cứu đề bạn đọc cùng tham khảo.

VIỆT-NAM, MỘT CÁI MỐC ĐEN LỚN TRÊN CON ĐƯỜNG CHIẾN LƯỢC TOÀN CẦU CỦA CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC MỸ

Trước chiến tranh Việt-nam, Mỹ có thể tự hào là chưa từng thua trong một chiến tranh nào. Thế mà Mỹ đã thất bại hoàn toàn ở Việt-nam.

Trước chiến tranh Việt-nam, không phải nhiều người có thể dễ dàng nhận rõ rằng Mỹ là một nước đế quốc, một nước thực dân. Trong chiến tranh Việt-nam, đông đảo nhân dân thế giới hiểu rõ Mỹ là một nước đế quốc đi xâm lược. Có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử Hoa-kỳ, nhân dân Mỹ không đồng tình và lên án mạnh mẽ

cuộc chiến tranh tội ác này, coi đó là một mối nhục, một quốc sỉ. Con mắt của nhân dân Mỹ đối với giới cầm quyền Mỹ đã thay đổi, họ thấy rõ bản chất xấu xa, lừa dối và độc ác của chính quyền Oa-sinh-tơn.

Trước chiến tranh Việt-nam, giới cầm quyền Mỹ, nhất là giới quân sự Mỹ, đinh ninh rằng Mỹ có đủ sức đóng vai sen đầm quốc tế, có đủ sức can thiệp ở khắp các khu vực của thế giới, dập tắt mọi phong trào đấu tranh giành độc lập và tự do, ngăn

chặn mọi cuộc nổi dậy của nhân dân các nước. Sau chiến tranh Việt-nam họ đã nhận rõ khả năng thật sự là có hạn của lực lượng quân sự Mỹ.

Trước chiến tranh Việt-nam, quân đội Mỹ tự hào rằng họ chưa từng bại trận. Lòng tin của họ ở chính phủ Mỹ, ở Lầu năm góc, ở chiến lược, chiến thuật, kỹ thuật, vũ khí Mỹ hầu như là tuyệt đối. Trong chiến tranh Việt-nam lòng tin ấy đã bị giảm sút, lung lay dữ dội, tâm lý thất bại chủ nghĩa đã đục ruỗng dần bộ máy chiến tranh đồ sộ của nước Mỹ.

Các quân chủng, các binh chủng, các trường của quân đội Mỹ vốn rất tự hào về truyền thống vẻ vang, về lịch sử chiến thắng của mình. Sau chiến tranh Việt-nam, các quân chủng, binh chủng, học viện quân sự Mỹ đều phải ghi lại trong biên niên sử của mình những tổn thất và thất bại, kèm theo tình trạng vô kỷ luật, nghiện ngập ma túy, nạn đào ngũ và tội ác... gần liền với cuộc chiến tranh xâm lược bần thiu ở Việt-nam. Bộ quân phục Mỹ đã mất hết sự hấp dẫn, yếu mền và tôn trọng đối với thanh niên và nhân dân Mỹ.

Chính do những điều trên đây mà cuộc chiến tranh Việt-nam là một cái mốc đen lớn trong toàn bộ lịch sử hiện đại của nước Mỹ.

Qua những phát biểu có tính chất tổng kết kinh nghiệm của Giôn-xơn, Mác Na-ma-ra, Tay-lơ, Nich-xơn, Kít-xinh-giơ, Oét-mo-len... thì giới cầm quyền Mỹ đã ít nhiều nhận ra những sai lầm chủ yếu sau đây :

Căn bệnh *chủ quan* trong chỉ đạo chiến tranh. Họ tự nhận rằng Mỹ đã sai lầm khi đặt lòng tin tuyệt đối ở tiềm lực to lớn của một nước công nghiệp phát triển, có quân đội đông, có nhiều vũ khí hiện đại ; và đánh giá quá thấp ý chí, tiềm lực, sức dẻo dai và hiệu quả chiến đấu của đối phương.

Căn bệnh *mủ quáng* : khi Mỹ đã cảm thấy khó nuốt miền Nam Việt-nam rồi, Mỹ vẫn không dám nhả ra. lại cứ tiếc rẻ và cay cú lao sâu mãi vào đường hầm không lối thoát. Giốc-giơ Bôn muốn bỏ cuộc từ 1965, Mác Na-ma-ra muốn bỏ cuộc từ 1968, sớm chịu một thất bại có mức độ, thế nhưng giới cầm quyền Mỹ vẫn nhắm mắt lao tiếp để chuốc lấy một thất bại hoàn toàn, triệt để và kinh khủng.

Căn bệnh *máy móc, sùng bái kỹ thuật* : họ tự nhận là họ chỉ tính so sánh lực lượng hai bên theo số lượng và chất lượng vũ khí, bom đạn, tổng số thuốc nổ... mà coi nhẹ các nhân tố chính trị, tinh thần, ngoại giao, hậu phương. v.v.

Có thể nói rằng những sai lầm về chiến lược ấy chính là những nét điển hình mang đặc trưng của khoa học quân sự tư sản và nghệ thuật quân sự tư sản đã lỗi thời.

Ngay sau khi cuộc chiến tranh ở Việt-nam kết thúc, cuộc xét duyệt lại chiến lược dưới chính quyền Pho đã được tiến hành khẩn trương với một mục tiêu xác định là «tránh một Việt-nam thứ hai». Ngày 27-1-1976, bộ trưởng quốc phòng Mỹ Rôm-phen đưa ra chiến lược «*ngăn đe và phòng thủ*» thay thế cho chiến lược ngăn đe thực tế.

Trong quá trình nghiên cứu đề bổ sung và điều chỉnh chiến lược Mỹ, các cơ quan nghiên cứu của bộ quốc phòng, bộ ngoại giao, cục tình báo trung ương, các viện nghiên cứu chiến lược Mỹ, các trường đại học lớn như Ha-vơt, Y-ê-lơ... đều thấy rõ dần tầm cỡ thật sự của thất bại chiến lược của Mỹ ở Việt-nam. Đó là :

Về *phương hướng chiến lược*, Mỹ đã mất phương hướng chuẩn xác, vì đã đổ quá nhiều tình lực quân sự vào một chiến trường không có tính chất sinh tử đối với quyền lợi của nước Mỹ. Sự mất phương hướng này lại

kéo dài trong cả một thời kỳ hàng chục năm trời.

Đối thủ chủ yếu của Mỹ là Liên-xô. Liên-xô đã phát triển lực lượng chiến lược với tốc độ cao, nhiều mặt rất cơ bản, như tên lửa, chiến lược, hạm đội tàu ngầm... vượt lên trên Mỹ vào đúng thời gian Mỹ chúi mũi vào bãi lầy ở Việt-nam. Đây là một sự bất lợi chiến lược lớn còn đang kéo dài trong thời kỳ « Sau Việt-nam ». Đó là vì trước cuộc chiến tranh Việt-nam, Mỹ vẫn thường chi phí cho vũ khí chiến lược hơn 70% ngân sách sản xuất vũ khí; đến thời kỳ « chiến tranh Việt-nam », tỷ lệ này bị đảo ngược chỉ còn gần 40%, chỉ chi phí cho vũ khí thông thường từ 30% tăng lên đến gần 60%.

Những đối thủ kinh tế chủ yếu của Mỹ, là Nhật và Tây Đức, đã tận dụng những khó khăn về kinh tế, tài chính và ngoại thương của Mỹ do chi phí vô hạn độ, quá mức ở Việt-nam và Đông-dương, để vươn lên cạnh tranh với Mỹ và vượt hẳn Mỹ trên một số mặt (công nghiệp sắt thép, sản xuất ô tô, sản xuất hàng tiêu dùng lâu bền, công nghiệp điện tử...) giành chiếm nhiều thị trường của Mỹ ở các khu vực và ngay trên đất Mỹ.

Lực lượng vũ trang Mỹ mất lòng tự tin; không phải chỉ 2594 000 binh lính và sĩ quan Mỹ từng trực tiếp tham chiến ở Việt-nam mà cả bộ máy chiến

tranh đóng trên đất Mỹ được huy động gián tiếp vào cuộc chiến tranh Việt-nam đều trải qua một sự sa sút toàn diện. Lòng tin, cách đánh, nạn đào ngũ, nạn vô kỷ luật, mâu thuẫn màu da, nạn nghiện ma túy, nạn buồn lậu... là một loạt vấn đề hóc búa phải mất một thời gian dài mới cùng có được. « Thế hệ chiến tranh Việt-nam là thế hệ quân đội Mỹ mất đứt ! », « phải bước sang thế kỷ sau mới thái trừ hết các độc tố tiềm ẩn trong chiến tranh Việt-nam »...

Những nhà chiến lược có cỡ của nước Mỹ hầu như nhất trí cho rằng: số thương vong của quân đội Mỹ trên chiến trường Việt-nam (chính phủ Mỹ đưa ra con số gần 36 vạn binh sĩ Mỹ chết và bị thương) quả thật là khá lớn, thế nhưng *vết thương không ở chiến trường mới thật là kinh khủng*. Họ còn nói thất bại được đo bằng những con số đã kinh khủng, nhưng những thất bại không đo được bằng con số mới khủng khiếp gấp bội. Đó là những chấn thương làm rạn nứt cả xã hội Mỹ, làm mất đứt cả một thế hệ những nhà lãnh đạo được coi là tài giỏi nhất của nước Mỹ, làm sa sút nặng nề thế chính trị và thế chiến lược của Mỹ trên thế giới, làm cho nền kinh tế và tài chính Mỹ lún sâu thêm vào thế tri trệ kéo dài... Việt-nam đúng là một cái móc đen lớn trên con đường chiến lược toàn cầu của chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

NHỮNG ĐÁO LỘN VÀ TRÉO GIÒ VỀ CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ TRONG THỜI KỲ CHIẾN TRANH VIỆT-NAM

Cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt-nam đã làm đảo lộn nghiêm trọng một loạt tính toán chiến lược của Nhà trắng. Các nhà nghiên cứu chiến lược Mỹ thường nêu lên những nhân tố bị đảo lộn dưới đây:

— Về tính chất và quy mô của cuộc chiến tranh: mới đầu chính quyền

Ken-nơ-đi và chính quyền Giôn-xơn coi chiến tranh Việt-nam chỉ là một cuộc chiến tranh nhỏ, « một cuộc dạo mát của quân Mỹ » chẳng có ảnh hưởng gì mấy đối với nước Mỹ đại cường quốc. Cuộc dạo mát đã trở thành một bãi lầy lớn, một cạm bẫy khổng lồ, một tai họa quốc gia, một

thất bại lớn nhất trong chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.

Về *lực lượng tham chiến*: Tây-lơ và Giôn-xơn lúc đầu chỉ dự trù một lực lượng cần thiết cao nhất là 3 sư đoàn rưỡi đến 4 sư đoàn bộ binh, với chừng 20 vạn quân Mỹ, không ảnh hưởng gì lớn đến lực lượng ở các chiến trường trọng điểm và lực lượng dự trữ chiến lược của nước Mỹ. Càng về sau cuộc chiến tranh càng thu hút nhiều lực lượng lục quân, thủy quân lục chiến, hải quân, không quân Mỹ cùng những lực lượng hậu cần yểm trợ, và buộc Mỹ phải đưa thêm hàng chục vạn quân của các nước chư hầu, điều cả lực lượng quân sự ở Tây Âu, cùng với lực lượng tổng dự bị chiến lược trên đất Mỹ đến, làm đảo lộn nghiêm trọng thế bố trí chiến lược của các lực lượng vũ trang Mỹ trên toàn thế giới. Đây là một sự tρέo giò, trái khoáy rất lớn về chiến lược.

Thời gian là một nhân tố rất cơ bản trong chiến tranh. Chủ nghĩa đế quốc bao giờ cũng cần thắng nhanh, thắng gọn. Lúc đầu Giôn-xơn chỉ dự kiến trong vòng 2 năm sẽ giải quyết xong cuộc chiến tranh Việt-nam. Thật ra cuộc chiến tranh đã kéo dài gấp 6 lần dự kiến ban đầu. Bỏ mất 13 năm (1) chúi mũi hàng ngày vào cuộc chiến tranh Việt-nam, Mỹ đã sơ hở rất lâu dài ở những khu vực và lĩnh vực sinh tử khác về mặt chiến lược. Đây là 13 năm mất toi không lấy gì bù đắp được, trong khi các đối thủ của Mỹ dốc sức vươn lên và vượt qua đầu Mỹ chính vào thời điểm quyết định này.

NHỮNG NÉT CHỦ YẾU VỀ CHIẾN LƯỢC CỦA MỸ TRONG THỜI KỲ "SAU VIỆT-NAM"

Thật ra, từ 30 tháng 4 năm 1975, sau khi Mỹ buộc phải chịu thất bại hoàn toàn và triệt để ở Việt-nam và Đông-dương, chiến lược của Mỹ vạch ra cho thời kỳ "Sau Việt-nam" mới hình thành rõ nét.

Chi phí chiến tranh: ban đầu Mỹ chỉ dự tính một ngân sách dưới 20 tỷ đô-la cho cuộc chiến tranh Việt-nam. Chi phí cuối cùng đã lên đến hơn 200 tỷ theo tính toán sơ bộ của Lầu năm góc, và lên đến 660 tỷ theo sự tính toán đầy đủ hơn của các chuyên gia tài chính — quân sự Mỹ. Sự đảo lộn trong tính toán này do chi phí tăng từ 10 lần đến hơn 30 lần, làm cho cái tính toán ban đầu của Giôn-xơn: vừa có « xã hội vĩ đại » trên đất Mỹ, vừa có chiến thắng ở Việt-nam, đi đến kết quả là: vừa bị thất bại ở Việt-nam, vừa tan nát hết cái giấc mộng « xã hội vĩ đại »!

Ken-ơ-đi và Giôn-xơn luôn luôn coi cuộc chiến tranh Việt-nam là một cuộc chiến tranh tiêu biểu nhằm đẩy lùi phong trào giải phóng dân tộc, một nơi thử nghiệm về cuộc chiến đấu chống nổi dậy. Thất bại hoàn toàn của đế quốc Mỹ ở Việt-nam, thắng lợi về vang của Việt-nam là một sự cồ vũ to lớn, một lời hiệu triệu các dân tộc cầm súng đứng dậy đấu tranh đề tự giải phóng. Thực tế này đã đảo lộn hoàn toàn sự tính toán của giới cầm quyền Mỹ.

Xuất phát từ một ý định can thiệp quân sự tại một vùng không được coi là có ý nghĩa chiến lược sinh tử đối với quyền lợi của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, cuộc chiến tranh Việt-nam cuối cùng đã trở thành một vấn đề có ý nghĩa sinh tử của chủ nghĩa đế quốc Mỹ, là thất bại nặng nề có ý nghĩa chiến lược sâu sắc nhất mà Hoa-kỳ chưa hề vấp phải trong suốt 200 năm tồn tại của nó.

(1) Lầu Năm góc tính rằng: Kể từ ngày quân nhân Mỹ đầu tiên là To-mát Đê-vít từ trận vào tháng 12-1961 cho đến ngày 29-4-1975, 2 lính thủy đánh bộ Mỹ cuối cùng chết ở căn cứ Tân-sơn-nhất, thì cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt-nam đã kéo dài 13 năm 4 tháng 7 ngày.

Các nhà chiến lược Mỹ nhận định rằng bước vào thời kỳ « Sau Việt-nam », Mỹ đã suy yếu thêm một bước rất nguy hiểm biểu hiện như sau :

Một mảng lớn các căn cứ tiền tiêu của Mỹ ở Đông Nam Á bị mất đứt (các căn cứ Mỹ ở Tân-sơn-nhất, Đà-nẵng, Plây-cu, Cam-ranh, Vũng-tàu... nằm trong hệ thống căn cứ chiến lược toàn cầu của Mỹ nhằm bao vây các nước xã hội chủ nghĩa và ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc).

Khối quân sự Đông Nam Á do Mỹ cầm đầu thoi thóp rồi chết hẳn. Mỹ mất một công cụ có ý nghĩa chiến lược toàn cầu ở khu vực rộng lớn này.

Mỹ đã phải lùi một bước quan trọng trong bố trí lực lượng chiến lược (rút bớt nhiều quân Mỹ, hủy bỏ một số căn cứ quân sự Mỹ ở Thái-lan, Phi-lip-pin, Nam Triều-tiên, Nhật-bản...).

Mỹ mất thêm ưu thế về lực lượng chiến lược và thua kém Liên-xô về một số mặt vũ khí chiến lược.

Mỹ học lộ nhiều nhược điểm lớn và lâm vào thế suy yếu trong những phương hướng sử dụng lực lượng thông thường theo công thức « cùng chia sẻ gánh nặng chiến tranh » : Mỹ + quân đội đồng minh + quân đội tay sai tại chỗ trong chiến tranh cục bộ.

Bộ trưởng bộ quốc phòng Mỹ Rôm-phen hồi tháng 1-1976 hốt hoảng đánh giá rằng : « Tình hình lực lượng chiến lược Mỹ trong so sánh với Liên-xô đang diễn ra theo chiều hướng xấu đi », đồng thời chỉ rõ : « Sự lo lắng chính của chúng ta (Mỹ) là về khả năng và tính chất sẵn sàng của lực lượng quân sự thông thường của nước Mỹ ».

Ngày 27-1-1976, Lầu năm góc xác định chiến lược của Mỹ trong thời kỳ « Sau Việt-nam » là chiến lược « *ngăn đe và phòng thủ* » và nói rõ « chiến lược này phản ánh được những

bài học và kinh nghiệm rút ra ở Việt-nam và phù hợp với tình hình chung của thời kỳ sau Việt-nam ». Khi xác định chiến lược mới, chính phủ Mỹ đồng thời xác định rõ ràng hơn nữa rằng *đối tượng chính* của chiến lược Mỹ để chuẩn bị chiến tranh và tiến hành chiến tranh là Liên-xô ; cần phải tập trung hơn nữa việc chuẩn bị đối phó với Liên-xô.

Ngăn đe và phòng thủ có nghĩa là tăng cường lực lượng quân sự Mỹ, dùng phổ trương sức mạnh, đe dọa dùng sức mạnh, và cả việc sử dụng sức mạnh khi cần thiết để làm nản lòng, đẩy lùi, làm thất bại đối phương, bảo vệ nguyên trạng của thế giới tư bản, cố giữ cho cân cân lực lượng so sánh giữa Mỹ và Liên-xô không bất lợi thêm cho Mỹ, ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, không để tình hình của Mỹ, các nước đồng minh, các nước chư hầu và tay sai xấu thêm nữa.

Nhìn chung thì chiến lược *ngăn đe và phòng thủ*, tuy vẫn còn mang tính chất hiếu chiến, hung hăng, nhưng đã *thiên về phòng ngự*, tuy rằng phòng ngự có kết hợp với phản công và tiến công tùy nơi tùy lúc, khi có điều kiện. Nó phản ánh thế suy yếu của chủ nghĩa đế quốc Mỹ.

Về *hướng trọng tâm* tập trung chuẩn bị đối phó với chiến tranh lớn : giới cầm quyền Mỹ xác định hai hướng là Trung Âu và Đông Bắc Á, nhấn mạnh hơn vào Trung Âu, ưu tiên tập trung cao hơn cho hướng Trung Âu ; so với thời kỳ thực hiện chiến lược *ngăn đe* thực tế thì nhấn mạnh chiến trường Trung Âu hơn trước, tuy Đông Bắc Á cũng là một hướng trọng tâm. Tiếp theo đó, *ba hướng quan trọng khác* trong chiến lược Mỹ là vùng Đông Địa-trung-hải - Trung Đông, khu vực vịnh Ba-tư và khu vực Đông Nam Á.

Nhiều nhà chiến lược Mỹ phê phán các chính quyền Giôn-xơn và Nich-xơn là đã quá tập trung vào hướng Đông Nam Á, một khu vực quan trọng

nhưng không phải là trọng điểm chiến lược của Mỹ, làm ảnh hưởng khá lớn đến trọng điểm chiến lược Trung Âu và trọng điểm Đông Bắc Á – một vùng chiến lược rất quan trọng bao gồm Nhật-bản, Nam Triều-tiên và Đài-loan, những đồng minh quan trọng nhất của Mỹ ở châu Á, vùng chiến lược này tiếp giáp với Liên-xô và Trung-quốc, đặc biệt là với Liên-xô.

Trung Đông và vịnh Ba-tư vẫn được xác định là hai vùng chiến lược quan trọng, do ở sát phía nam châu Âu, lại là khu vực có nhiều tài nguyên quan trọng đặc biệt như dầu lửa mà Mỹ vẫn phải nhập với khối lượng ngày càng lớn; ở đó tình hình lại đang biến động và có tính chất bùng nổ.

Ở Đông Nam Á, sau thất bại hoàn toàn ở Việt-nam và Đông-dương, khối quân sự Đông Nam Á tan rã, Mỹ buộc phải lùi một bước quan trọng. Gần đây chính quyền Ca-tơ lo sợ rằng một bộ phận giới cầm quyền Mỹ có khuynh hướng đặt Đông Nam Á xuống hàng thứ yếu về chiến lược, cho nên muốn nhấn mạnh rằng trong thời kỳ « Sau Việt-nam », Đông Nam Á vẫn còn là một địa bàn chiến lược quan trọng, do có tài nguyên chiến lược rất phong phú, Mỹ lại còn giữ được những quan hệ chính trị, quân sự trên những mức độ khác nhau với các nước trong tổ chức ASEAN (Mỹ có hiệp ước và hiệp định viện trợ quân sự với Phi-líp-pin, Thái-lan và có hiệp định cung cấp vũ khí và chuyên viên quân sự cho In-dô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xanh-ga-po).

Về chuẩn bị chiến tranh thì Lầu năm góc xác định nhiệm vụ và khả năng của các lực lượng vũ trang Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ hiện nay là tập trung mọi khả năng nhằm tiến hành một cuộc chiến tranh ruồi, có nghĩa là đồng thời có thể làm một cuộc chiến tranh lớn ở một hướng trọng điểm và một cuộc chiến tranh nhỏ hơn ở một hướng quan trọng.

Một cuộc chiến tranh lớn được chuẩn bị cao nhất cho chiến trường Trung Âu; Mỹ coi đây là hướng sinh tử để bảo vệ các nước trong khối Bắc Đại-tây-dương, để tiến công các nước trong khối Vác-sa-va, với bàn đạp mạnh nhất là Tây Đức và địa bàn tiến công là các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và vùng Tây Liên-xô.

Một cuộc chiến tranh tương đối lớn cũng được dự tính cho hướng trọng tâm Đông Bắc Á, tại đây Mỹ ngày càng nhấn mạnh khả năng tham gia to lớn của lực lượng quân sự Nhật-bản với ý đồ tăng cường nhanh chóng lực lượng không quân, hải quân Nhật. Mỹ dự tính không quân Nhật sẽ phối hợp với không quân Mỹ, hải quân Nhật sẽ phối hợp với hải quân Mỹ để bảo vệ vững chắc các tuyến vận chuyển chiến lược trên vùng biển Đông Bắc Á và có khả năng tiến công vào vùng Viễn Đông của Liên-xô, vùng bán đảo Triều-tiên, v.v.

Trong thời kỳ « Sau Việt-nam », các nhà chiến lược Mỹ thường nhấn mạnh quan điểm tổng hợp với các nội dung chủ yếu là: sử dụng quân thường trực tinh nhuệ và quân dự bị thật đông đảo của Mỹ được huấn luyện tốt chứ không chỉ chú trọng đến quân thường trực như trước; huy động lực lượng quân sự và tài nguyên của Mỹ, của đồng minh của Mỹ (nhất là của Tây Âu và Nhật-bản), của các « nước bè bạn » và chư hầu tại chỗ, theo tinh thần « tham gia tập thể, chia sẻ trách nhiệm »; không dễ xảy ra tình hình Mỹ gần như hoàn toàn đơn độc tiến hành chiến tranh như ở Việt-nam; dùng nhiều biện pháp có phối hợp từ dùng lực lượng quân sự, đe dọa chiến tranh, bao vây, phá hoại, lật đổ đến cắt viện trợ, ngừng buôn bán, cắt quan hệ ngoại giao... để đạt đến mục đích chính trị của Mỹ.

Việc huy động lực lượng quân sự Mỹ, chính phủ Mỹ sẽ dè dặt, thận

trọng hơn trước. Chỉ dùng lực lượng quân sự Mỹ một cách tổng lực ở những hướng trọng tâm chiến lược khi chiến tranh lớn nổ ra. Còn ở những cuộc khủng hoảng cục bộ, thứ yếu, Mỹ càng tránh tham gia trực tiếp thì càng tốt; khi thật cần thiết phải tham gia thì chỉ cho không quân hoặc hải quân Mỹ tham gia có mức độ đề yểm trợ cho lực lượng đồng minh của Mỹ. Việc dùng lực lượng Mỹ ở những hướng chiến lược không có tính chất sinh tử đối với Mỹ là gần như hoàn toàn bị loại trừ; đây là « bài học chết người ». « Bài học tai hại nhất », « một sai lầm cực lớn về chiến lược » ở Việt-nam, không thể phạm lại được.

Ngoài ra, giới quân sự Mỹ nhấn mạnh đến hệ thống căn cứ hải đảo, hệ thống căn cứ tiền tiêu ở khu vực Thái-bình-dương và Đông Nam Á theo quan điểm chiến lược ngoài khơi, quan điểm chiến lược quần đảo, nâng cao tác dụng của các căn cứ Mỹ ở Mi-c rô-nê-di-a, Đì-ê-gô Gác-xi-a, nhấn mạnh hơn trước vai trò của hải quân đề bảo vệ các hệ thống căn cứ nổi ấy và bảo vệ các đường vận chuyển chiến lược trên các đại dương.

Các nhà chiến lược Mỹ gần đây còn nhấn mạnh chủ trương xây dựng hàng loạt « căn cứ trần trụi » ở những tuyến trung gian và tuyến trước. Đó là những căn cứ không quân, căn cứ hải quân, những vị trí cần được xây dựng sẵn, có đủ sân bay, cảng quân sự, kho nhiên liệu, sở chỉ huy, doanh trại,

trạm kỹ thuật, kho hậu cần... Lúc bình thường chỉ có một số rất ít nhân viên kỹ thuật làm công tác bảo vệ và bảo quản, đến khi cần mới đưa quân đến triển khai nhanh chóng thành căn cứ quân sự sẵn sàng hoạt động. Chủ trương này tiết kiệm được khá nhiều chi phí và nhân lực quân sự, giảm được sự có mặt quá lớn các lực lượng vũ trang Mỹ ở nước ngoài.

Đi cùng với chủ trương trên là chủ trương tăng cường sức cơ động cho lực lượng vũ trang Mỹ, thành lập những đơn vị đặc nhiệm khẩn cấp khi cần hành động quân sự thì được vận chuyển cấp tốc đến chiến trường. Hiện nay Lầu năm góc đang đốc sức thành lập lực lượng đặc nhiệm khẩn cấp gồm sư đoàn không vận 82, sư đoàn xung kích đường không 101 và sư đoàn linh thủy đánh bộ số 3; một lực lượng đặc nhiệm vận chuyển cực nhanh gồm 234 máy bay C. 141 và 70 máy bay C. 58 cùng 227 máy bay hàng không dân dụng đang được tổ chức, kèm theo có 20 máy bay tiếp dầu trên không cực lớn. Mỹ dự định : 3 sư đoàn « chữa cháy » trên sẽ được đưa từ Mỹ đến chiến trường Trung Âu trong thời gian 10 ngày khi tình hình có khủng hoảng nghiêm trọng tại đó.

Trên đây là những nội dung chủ yếu, những quan điểm và chủ trương lớn trong chiến lược Mỹ hiện nay, đang được giới cầm quyền Mỹ ra sức thực hiện để triển khai chiến lược toàn cầu của chủ nghĩa đế quốc Mỹ trong thời kỳ « Sau Việt-nam ».

THAM VỌNG TOÀN CẦU VÀ NHỮNG SỢI DÂY TRÓI BUỘC

Chủ nghĩa đế quốc đã phải chịu những thất bại to lớn ở Việt-nam, ở Đông-dương, ở châu Phi... nhưng do bản chất cực kỳ phản động không hề thay đổi, do còn có tiềm lực lớn về kinh tế và quân sự cho nên tuy chúng buộc phải điều chỉnh và bổ sung chiến lược, chúng vẫn còn ôm những tham

vọng toàn cầu cực lớn. Mâu thuẫn giữa những mục tiêu của Mỹ với khả năng có hạn của Mỹ dẫn đến tình trạng hết sức khó khăn, bế tắc và không tránh khỏi thất bại.

Có thể kể ra những mâu thuẫn khó giải quyết và những bế tắc về chiến lược của Mỹ như sau :

Ba dòng thác cách mạng trên thế giới vẫn đang phát triển và ô vào thế tiến công, dù cho nơi này nơi khác có gặp những khó khăn tạm thời. Tiềm lực ngày càng tăng nhanh về kinh tế, quốc phòng của các nước xã hội chủ nghĩa, uy tín, sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội, sự gắn bó giữa phong trào giải phóng dân tộc với chủ nghĩa xã hội làm cho so sánh lực lượng trên phạm vi toàn thế giới vẫn không ngừng thay đổi, không có lợi cho chủ nghĩa đế quốc ..

Mỹ định giữ cho thế cân bằng cơ bản về lực lượng tiến công chiến lược giữa Liên-xô và Mỹ không xấu thêm cho Mỹ, lại còn nuôi ảo tưởng vươn lên giành lại ưu thế về vũ khí chiến

lược trong vòng 15 năm từ 1975 đến 1990. Thế nhưng thời gian không ủng hộ Mỹ. Từ độc quyền về vũ khí hạt nhân đến mất độc quyền nhưng còn giữ được ưu thế tuyệt đối về vũ khí hạt nhân, Mỹ tụt xuống mất luôn cả ưu thế ấy để ngày nay bị đối phương vượt lên trên một số mặt vũ khí chiến lược. Ý đồ của Mỹ giữ thế cân bằng trên đại thể về vũ khí chiến lược hiện nay cũng rất mong manh và tuyệt vọng, hướng gì ảo tưởng giành lại ưu thế về chiến lược! Khẩu khí của Ca-tơ: « Mỹ quyết không để bị tụt xuống thành cường quốc hạng hai » (1) thể hiện thế tụt dốc của Mỹ, vì trước kia giới cầm quyền Mỹ không ngớt rêu rao về ưu thế tuyệt đối: vị trí đứng đầu của Mỹ về mọi mặt (2).

(2) Theo tuần báo Mỹ *Tin tức Mỹ và thế giới* số ra đầu tháng 11-1977, so sánh lực lượng giữa Mỹ và Liên-xô như sau:

— Về vũ khí chiến lược:

	Số tên lửa vượt đại châu	Số tàu ngầm phóng tên lửa
Liên-xô	1477	909
Mỹ	1054	656

(Mỹ còn giữ ưu thế về máy bay ném bom tầm xa và về tổng số đầu đạn hạt nhân)

— Về vũ khí thông thường:

	Số tàu chiến	Số xe tăng	Số đại bác
Liên-xô	1092	45000	19000
Mỹ	468	10000	5000

(Mỹ còn giữ ưu thế về máy bay chiến đấu và về tàu chở máy bay)

— Tuần báo trên cũng so sánh lực lượng quân sự giữa *khối phòng thủ Vác-sa-va* và *khối quân sự Bắc Đại-tây-dương* như sau:

	Số sư đoàn xe tăng và bọc thép	Số sư đoàn cơ giới hóa	Số sư đoàn bộ binh và không vận	Số xe tăng	Số máy bay chiến thuật các loại
Khối Vác-sa-va	38	57	8	27200	5650
Khối Bắc Đại-tây-dương	14	20	30	11000	3300

Mỹ định thúc ép đồng minh và chư hầu chia sẻ trách nhiệm, tăng phần đóng góp về tài chính, vũ khí, nhân lực quân sự cho những phương án hoạt động quân sự của Mỹ, thế nhưng các nước ấy vẫn có « nhĩa ý » nhường cho ông bạn lớn Mỹ hầu như tất cả các gánh nặng chủ yếu, lại còn vươn lên cạnh tranh với Mỹ về các mặt tài chính, ngân hàng, ngoại thương, sản xuất công nghiệp.

Chính quyền Ca-tơ lâm vào thế yếu. Không những tổng thống Ca-tơ bị dư luận Mỹ chỉ trích là yếu kém, thiếu kinh nghiệm, chỉ mới bước đầu học hỏi năm chính quyền, « có những lỗi lầm về ngoại giao » (như chính Ca-tơ thú nhận), « đại dốt và ngu ngốc » (như thủ tướng Cộng hòa liên bang Đức Xmit nhận xét), mà yếu kém chủ yếu là do cái thế tụt dốc của Mỹ trong thời kỳ « Sau Việt-nam ». Các nhà chiến lược Mỹ rất lo rằng khi buộc phải giải quyết một cuộc khủng hoảng, khi cần phải quyết đoán thì Ca-tơ vấp phải trước hết một quốc hội trong ngạnh, khó tính (việc thông qua hiệp ước về kênh đào Pa-na-ma là một ví dụ). Khi quốc hội đồng tình rồi, tổng thống Mỹ

lại phải thuyết phục một quân đội Mỹ không sẵn sàng lao vào bất cứ một khu vực nào vì đã mất tinh thần, đã dao động và giảm sút lòng tin nghiêm trọng ở chính phủ Mỹ và ở chính bản thân, « đang phải liếm những vết thương ở Việt-nam vẫn còn chưa kín miệng »; sau đó lại phải thuyết phục nhân dân Mỹ, trong khi nhân dân Mỹ đã chán ngán với những cuộc phiêu lưu ở nước ngoài của bốn vị tổng thống liên tiếp và đang đòi hỏi tổng thống Mỹ phải tập trung mọi cố gắng dọn dẹp trước hết những công việc bề bộn ở trong nhà, giải quyết những vấn đề kinh tế cấp bách trên đất Mỹ: chấm dứt nạn lạm phát, giải quyết nạn thất nghiệp, cứu vãn đồng đô-la, khắc phục sự trì trệ và suy thoái, giải quyết cuộc khủng hoảng về năng lượng... Đây là một hậu quả tất yếu của cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam.

Rõ ràng những sợi dây trời buộc về chiến lược trên đây vẫn đang có khuynh hướng thắt chặt hơn trong thời kỳ « Sau Việt-nam », làm cho giới cầm quyền Mỹ rất khó xoay sở để thực hiện tham vọng toàn cầu phân cách mạng.

CỖ XE CA-TƠ — BRÊ-DIN-XKI TRÊN CON ĐƯỜNG GAY GO ĐẦY BẤT TRẮC

Chính do thế suy yếu và những điều ràng buộc, bề tắc trên đây, chính quyền Ca-tơ đã sớm nếm mùi thất bại.

Giới cầm quyền Mỹ đang hoảng hốt trước sự phát triển của tình hình châu Phi. Sau thắng lợi của cách mạng ở Ăng-gô-la đánh bại hoàn toàn những đội quân tay sai của đế quốc Mỹ và của bọn thực dân Bồ-đào-nha, chúng ta còn nhớ Pho và Kit-xinh-giơ đã cay cú cảnh cáo rằng: Đây là một thất bại cuối cùng ở châu Phi mà chính phủ Mỹ có thể

chịu đựng; bất cứ một « Ăng-gô-la mới » nào xuất hiện, được Liên-xô, Cu-ba và các nước xã hội chủ nghĩa khác giúp đỡ, Mỹ cũng sẽ phản ứng cứng rắn và đầy lùi. Ê-li-ô-pi-a, kiên cường và bất khuất được Liên-xô và Cu-ba hết lòng giúp đỡ về quân sự đã đẩy lùi cuộc phiêu lưu của nhà cầm quyền Xô-ma-li được các nước đế quốc tiếp sức và cổ vũ tiến công vào vùng Ô-ga-đen và ngay sau đó Ê-li-ô-pi-a quyết củng cố thắng lợi và đưa đất nước phát triển theo hướng cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giới cầm

quyền Mỹ từng hi hửng rằng Ê-ti-ô-pi-a sẽ có thể là « một Việt-nam của Liên-xô » (ý nói là một bãi sa lầy - đủ biết hình ảnh bãi sa lầy Việt-nam đối với Mỹ sâu sắc đến đâu!)— thế nhưng Ê-ti-ô-pi-a đã thắng rất nhanh và rất gọn, và các nhà lãnh đạo của các nước tiên tuyến châu Phi nhận định rằng đây lại là « một Việt nam mới » nữa của Mỹ và bọn tay sai ở châu Phi, có nghĩa là một thất bại to lớn mới của Mỹ trên lục địa này.

Phản ứng cao nhất của Mỹ sau thất bại sâu cay này là giúp cho Xô-ma-li một ít vũ khí và huy động hạm đội 6 của Mỹ làm một cuộc thao diễn ở vùng biển phía đông Địa-trung-hải! Lời thề thốt « phản ứng cứng rắn » của Oa-sinh-ton chỉ thực hiện được một cách vuốt đuôi đến mức ấy thôi!

Báo chí Mỹ đầy những lời nhận định bi quan về tình hình châu Phi và vùng vịnh Ba-tư. Nào là « lục địa châu Phi đang bị nhuộm đỏ nhanh chóng », nào là « thời kỳ hiện nay là thời kỳ của làn sóng đỏ ở châu Phi », « châu Phi đang bùng tỉnh và hấp thu nhanh chóng chủ nghĩa Mác »... Ghi-nê Bít-xao, Cáp Ve, Mô-dăm-bích, Ăng-gô-la, Ê-ti-ô-pi-a, Man-ga-sô, Nam Y-ê-men, Ăp-ga-ni-xtan... đang tạo nên một thế cách mạng theo hình chân vạc, với phương hướng rõ rệt là xây dựng chế độ xã hội tiên bộ, gần bó chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa, nên lên một hình ảnh tuyệt đẹp của *cách mạng giải phóng dân tộc đang ở thế tiến công*. Việc các nước đế quốc cùng bọn phản động quốc tế xúm nhau lại đề cấp cứu cho bọn khát máu Mô-bu-tu ở Da-ia chỉ để chống lại cuộc nổi dậy của nhân dân vùng Sa-ba nói lên sự ngoan cố đến tuyệt vọng của chúng trên lục địa này.

Tình thế bấp bênh đầy bất trắc của Mỹ còn thể hiện ở vấn đề chiến lược « nhân quyền ». Hai năm trước, Ca-tơ được Brê-din-xki phò tá đã đi bán rao cái gọi là *chính sách bảo vệ nhân quyền*. Đây là một biện pháp chiến lược hàng

đầu, có lúc được coi là « trụ cột của chính sách đối ngoại », nhằm xóa dần hình ảnh tàn bạo của Mỹ ở Việt-nam, can thiệp một cách thô bạo vào tình hình nội bộ Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, tiếp sức cho những phần tử phản động chống lại chủ nghĩa xã hội. Nhưng gần đây, Kít-xinh-giơ lại khuyên rằng: chớ nên rêu rao công khai quá đáng chủ trương bảo vệ nhân quyền, vì nó chưa đứng lăm điều không lợi. Đến nay, có nhà chiến lược Mỹ đã làm bản tổng kết « lợi » và « không lợi » của chính sách nhân quyền của Ca-tơ và nhận xét rằng món kinh doanh này lãi chẳng bù lỗ. Đó là vì những lời đạo đức giả của Ca-tơ đang làm dậy lên ngay trên khắp nước Mỹ cái mà tạp chí *Tuần tin tức Mỹ* gọi là « sự bùng nổ về đòi nhân quyền » của dân da đỏ, da đen, của công nhân thất nghiệp Mỹ, của phụ nữ Mỹ. Họ kéo đến Nhà trắng với những biểu ngữ và tiếng thét lớn: « Ca-tơ hãy thực hiện nhân quyền ngay ở trên đất Mỹ này! » Mỗi quan hệ giữa Mỹ và các chính quyền tay sai ở Bra-xin và Pa-ra-goay, ở Rô-dê-di-a và Nam Phi, ở Nam Triều-tiên và Đài-loan... trở nên khá căng thẳng vì chúng đều là những tên độc tài, phát-xít, chuyên đàn áp nhân dân, chà đạp tệ hại nhất lên nhân quyền!

Gần đây, sau chuyến đi của Brê-din-xki sang Trung-quốc, chính quyền Ca-tơ đề lộ đã tầm thắt chặt quan hệ đen tối với các nhà đương cục Trung-quốc hòng ngăn chặn và phá hoại ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay, coi đây là một biện pháp chiến lược quan trọng của Mỹ. Báo chí phương Tây cho rằng Oa-sinh-ton đang lao vào « một ván bài mới », với « một lá bài mới », để thực hiện một cuộc tập hợp lực lượng mới! Thế nhưng các lực lượng đế quốc và phản cách mạng ngày càng bị suy yếu nghiêm trọng và bị cô lập cao độ liên kết với nhau không thể tạo nên sức mạnh trước tinh thần

cảnh giác cao và nhận thức chính trị sắc sảo của nhân dân cách mạng thế giới. Nó chỉ làm cho ranh giới giữa cách mạng và phản cách mạng thêm rõ nét và kích thích tinh thần đấu tranh kiên cường của nhân dân thế giới chống lại liên minh ma quỷ ấy.

Giới cầm quyền Mỹ ước mong cơn ác mộng Việt-nam của nước Mỹ sớm tiêu tan, những hậu quả tai hại do thất bại ở Việt-nam sớm được khắc phục. Họ hô hào người Mỹ: hãy quên cuộc chiến tranh Việt-nam đi! Hãy hướng ra phía trước! Họ đề ra chiến lược mới cũng là để tránh những thất bại mới, những thất bại của thời kỳ « Sau Việt-nam ».

Thật ra, có thể nói Mỹ hiện nay vẫn đang còn ở giữa mùa thu hoạch những hậu quả do sai lầm và thất bại ở Việt-nam.

Một loạt cuộc khủng hoảng trên nước Mỹ, một tổng thống yếu kém, một quốc hội khó tính, một quân đội mất tinh thần... tất cả đều mang dấu ấn rất sâu sắc của cuộc chiến tranh Việt-nam. Ác quả ác báo! Mỹ vẫn đang còn phải trả giá tiếp cho sai lầm và thất bại ở Việt-nam.

Thắng lợi hoàn toàn và triệt để của Việt-nam có ý nghĩa lịch sử và mang tính thời đại sâu sắc. Chúng ta coi chiến công Việt-nam là thắng lợi chung tiêu biểu của cả ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay. Hiện nay có thể nói cách mạng thế giới vẫn đang ở giữa mùa thu hoạch của thời kỳ « Sau Việt-nam ».

Tận dụng thời cơ thuận lợi trước bước ngoặt đi xuống về chiến lược của chủ nghĩa đế quốc Mỹ do thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam, ba dòng thác cách mạng đang phát huy mạnh mẽ thế tiến công, không ngừng giành thêm những thắng lợi mới. Chính trên đà thắng lợi chung ấy, chúng ta xiết bao cảm kích và tự hào khi các nhà lãnh đạo cách mạng ở Ăng-gô-la, Mô-dam-

bích, Ê-ti-ô-pi-a... gọi thắng lợi vang dội ở các nước ấy là Việt-nam thứ nhất, Việt-nam thứ hai, Việt-nam thứ ba ở châu Phi, và quyết tiến lên thực hiện những « Việt-nam » mới nữa...

Kit-xinh-giơ cùng với Ca-lơ và Brê-din-xki cũng có lần tỏ ý định: Ăng-gô-la là « Việt-nam cuối cùng » ở châu Phi. Thế nhưng trong thời kỳ « Sau Việt-nam », những ý đồ chiến lược đã trở nên khiêm tốn của Mỹ cũng chỉ còn là những ảo tưởng mỏng manh!

Cỗ xe chiến lược Ca-lơ — Brê-din-xki lao trên đoạn đường « Sau Việt-nam » với biết bao bất trắc. Những thất bại mới về chiến lược đang chờ đón họ ở phía trước.

CON NGƯỜI MỚI LÀ ĐIỂM...

(Tiếp theo trang 49)

phẩm chất ưu việt của con người trước những yêu cầu và điều kiện khách quan hiện tại, khắc phục những chỗ yếu, bổ sung chỗ thiếu sót, chọn lựa những cái mới phù hợp, phát huy những điểm mạnh trên một bình diện mới. Mỗi một phẩm chất truyền thống tốt đẹp của con người Việt-nam trong thời đại này đều phải được đánh giá lại và phát triển lên, vì nó mang một ý nghĩa mới, và bước từ phạm trù cá nhân lên phạm trù tập thể xã hội chủ nghĩa... Và mỗi một giá trị thời đại có tính nhân loại, quốc tế cũng phải được Việt-nam hóa, dân tộc hóa, nghĩa là gắn với giá trị lịch sử, lấy đó làm cái nền.

Hai bộ phận giá trị này có mối tương quan rất cần đối, hài hòa. Chỉ có kết hợp tốt các giá trị lịch sử và giá trị thời đại trong việc xây dựng con người, thì mới sản sinh những con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Коммунистический журнал
№ 9 — 1978 г

ПЕРЕДОВАЯ — Все для строительства социализма и защиты социалистической родины.

ЛЕ ЧОНГ ТАН — Два ключевых звена военной работы на местах.

ЧАН КУОК ВЬОНГ — От эпохи королей Хунгов до эпохи Хо Ши Мина.

НГУЕН ДЫК БИНЬ — Повышать качество и эффективность теоретического воспитания.

☆☆☆ — Пролетарский интернационализм и буржуазный национализм.

МЫ ОБСУЖДАЕМ: О НОВОМ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОМ ЧЕЛОВЕКЕ ВО ВЬЕТНАМЕ. Хоанг Чинь, Хоанг Нгок Зи, Ле Ань Ча.

НГУЕН ДАМ — Бурно развивалось движение патриотического соревнования.

НГУЕН НАМ — Большая победа афганистанской революции.

ТХАНЬ ТИН — Глобальные претензии и их неизбежный крах.

• • •

共产主义杂志
一九七八年第九期

目 录

社 论: 一切为了社会主义建设和保卫社会主义祖国。

黎仲晋: 地方军事工作的两个关键环节

陈国旺: 雄王时代到胡志明时代

阮德平: 尽力提高理论教育工作的质量和效果

☆☆☆: 无产阶级国际主义与资产阶级民族主义
关于越南社会主义新人的讨论 ☆ 黄 祜, 黄玉怡, 黎英茶。

元 覃: 大力发展爱国竞赛运动

阮 南: 阿富汗革命的巨大胜利

成 信: 全球贪欲和必然的失败

• • •

SOMMAIRE

Éditorial — Tout pour l'édification du socialisme et la défense de la Patrie socialiste

LÊ-TRỌNG-TẤN — Deux maillons principaux du travail militaire régional

TRẦN-QUỐC-VƯƠNG — De l'époque des rois Hùng à celle de Hồ-Chi-Minh

NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH — S'efforcer d'élever la qualité et l'efficacité de l'enseignement de la théorie

★ ★ ★ — Internationalisme prolétarien et nationalisme bourgeois

Discussions — A propos de l'homme nouveau, socialiste vietnamien
HOÀNG-TRINH, HOÀNG-NGỌC-DI, LÊ-ANH-TRÀ

NGUYỄN-ĐÀM — Imprimer un vigoureux essor au mouvement d'émulation patriotique

NGUYỄN-NAM — Importants succès de la révolution d'Afghanistan

THÀNH-TÍN — Ambition globale, échec certain

...

CONTENTS

Editorial — All for the building of socialism and the defence of our socialist fatherland

LÊ-TRỌNG-TẤN — Two key elements in local military work

TRẦN-QUỐC-VƯƠNG — From the period of the Hùng kings to the Hồ-Chi-Minh epoch

NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH — Strive to raise the level and effectiveness of theoretical training

★ ★ ★ — Proletarian internationalism and bourgeois nationalism

Debate — On the new, socialist, man in Vietnam
HOÀNG-TRINH, HOÀNG-NGỌC-DI, LÊ-ANH-TRÀ

NGUYỄN-ĐÀM — Give a vigorous boost to patriotic emulation

NGUYỄN-NAM — The great victory of the revolution in Afghanistan

THÀNH-TÍN — Global ambition and certain defeat

. . .

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 9

1978

NĂM THỨ XXIV (273)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dây nói: 52061, 52062

TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯ

TẠI MIỀN NAM :

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chi-Minh

Dây nói: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận — Tất cả vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	3
LÊ-TRỌNG-TẤN — Hai khâu then chốt của công tác quân sự địa phương	8
TRẦN-QUỐC-VƯƠNG — Từ thời đại vua Hùng đến thời đại Hồ-Chi-Minh	15
NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH — Phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận	25
★★★ — Chủ nghĩa quốc tế vô sản và chủ nghĩa dân tộc tư sản	35
Thảo luận Về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ★ HOÀNG- TRINH — Xây dựng con người mới, xã hội chủ nghĩa, con người có văn hóa ★ HOÀNG-NGỌC-DI — Giáo dục con người mới từ trong gia đình ★ LÊ-ANH-TRÀ — Con người mới là điềm hội tụ những giá trị lịch sử và thời đại về con người	41
NGUYỄN-ĐÀM — Phát triển mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước	50
VŨ-LỘ — Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đi đôi với khẩn trương hoàn thành việc xóa bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các tỉnh và thành phố miền Nam	59
Sinh hoạt Đảng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG — Cảnh giác	69
NGUYỄN-NAM — Thắng lợi to lớn của cách mạng Á-p-ga-ni-xtan	72
THÀNH-TÍN — Tham vọng toàn cầu và thất bại chắc chắn	77

KỶ NIỆM LẦN THỨ 33 CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 – 1978)

Tìm đọc:

HỒ - CHÍ - MINH

Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội
Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc
tế vô sản

LÊ - DUÂN

Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt-nam
(Tác phẩm chọn lọc – Tập I và tập II)
Tình hình thế giới và nhiệm vụ quốc tế của Đảng ta

TRƯỜNG - CHINH

Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt-nam
(Tác phẩm chọn lọc – Tập I và tập II)

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

Thắng lợi vĩ đại, tương lai huy hoàng

VÔ-NGUYÊN-GIÁP

Về sức mạnh tổng hợp của cách mạng Việt-nam

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TRUNG ƯƠNG

Cách mạng tháng Tám (1945)



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

H-1980

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

2115-007

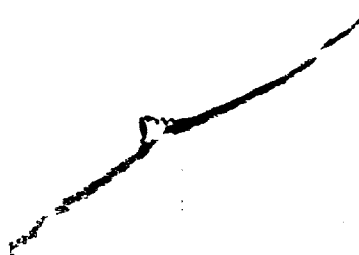
JAN 26 1979

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

University
of Michigan
Periodical
Reading Room

10

10.1978



CẢ NƯỚC MỘT LÒNG, BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC VIỆT-NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HỒNG-NAM

TỪ ngày nhân dân Việt-nam ta giành được thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm vĩ đại nhất của dân tộc, trong ba năm qua, biết bao sự kiện quan trọng đã diễn ra trên đất nước ta cũng như trong cục diện quốc tế.

Dưới ánh sáng của Đại hội lần thứ IV lịch sử của Đảng, nhân dân cả nước ta đoàn kết chặt chẽ hơn bao giờ hết, đang đem hết sức lực và trí tuệ, lao động quên mình, hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ đất nước, xây dựng

cuộc sống ấm no hạnh phúc trong hòa bình.

Trên thế giới, ba dòng thác cách mạng tiếp tục tiến công mạnh mẽ vào dinh lũy của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, giành nhiều thắng lợi mới.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lẽ sống của nhân dân ta. Hòa bình và hữu nghị là nguyện vọng của dân tộc ta.

Nhân dân ta quyết xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống.

I

SỨ MỆNH LỊCH SỬ, NHIỆM VỤ TRỌNG ĐẠI

DÂN tộc Việt-nam ta là một thành rất sớm trong lịch sử của loài người. Từ những thời xa xưa,

trong cuộc đấu tranh liên tục và quyết liệt nhằm chinh phục thiên nhiên, xây dựng cuộc sống và chống lại mọi kẻ thù xâm lược. Dân tộc ta đã xây dựng nên *một trong những nền văn minh cổ xưa nhất, bền vững và có sức sống mãnh liệt nhất* trên mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc. Những tình cảm dân tộc từ thuở đầu dựng nước, đùm bọc cổ kết với nhau đã không ngừng được tôi luyện và lớn mạnh, phát triển thành tinh thần độc lập tự chủ kiên cường, thành chí khí đấu tranh bất khuất. Với sự phát triển của xã hội Việt-nam qua các thời kỳ, truyền thống yêu nước kiên cường ấy, khi phách đấu tranh anh hùng ấy đã trở thành một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định, làm cho dân tộc ta, trải qua biết bao cơn phong ba bão táp, đã đập bằng mọi khó khăn trở ngại, chiến thắng mọi kẻ thù, giữ vững non sông đất nước, một mực tiến lên phía trước cùng cả loài người tiến bộ mãi cho đến ngày nay.

Từ trước Công nguyên và trải qua ngót *mười thế kỷ*, các thế lực phong kiến phương Bắc đã luôn luôn nhòm ngó nước ta; chúng đã xâm lược và thiết lập ách đô hộ cực kỳ tàn bạo trên đất nước ta tiến hành nhiều mưu đồ nham hiểm đối với nhân dân ta, trong khi chúng thắng tay áp bức bóc lột nhân dân lao động trong nước chúng. Trong cuộc thử thách lâu dài ấy, *dân tộc Việt-nam ta không những không bị tiêu*

diệt, không bị đồng hóa mà trái lại, càng tôi luyện rắn chắc hơn tinh thần độc lập tự chủ của mình, tiến hành một cuộc đấu tranh vô cùng dũng cảm, cuối cùng phá bỏ hoàn toàn xiềng xích nô lệ, giành lại non sông nước Nam.

Tiếp đó, trải qua *mười thế kỷ* nước nhà độc lập dưới chế độ phong kiến, dân tộc ta lại phải đương đầu với biết bao cuộc xâm lược với quy mô ngày càng lớn của các thế lực phong kiến phương Bắc. Ông cha ta luôn luôn thấy rõ nguy cơ đối với nền độc lập của nước nhà, ở bên cạnh một nhà nước phong kiến lớn mà quá trình phát triển luôn luôn gắn liền với chiến lược « binh thiên hạ », bành trướng xuống phương Nam, và thôn tính lẫn nhau của các tập đoàn thống trị. Cho nên, trong nhiều thế kỷ sống và lao động trong hòa bình, ông cha ta không hề lơ là cảnh giác; trong lúc xây dựng đất nước, luôn luôn chăm lo công cuộc bảo vệ đất nước. Nhờ vậy mà, mặc dù những sự hạn chế của chế độ phong kiến với những mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ nước ta, *một khi đứng trước họa ngoại xâm, thì cả nước đều đứng lên chiến đấu vô cùng anh dũng để bảo vệ Tổ quốc, và cuối cùng đều giành được thắng lợi.* Sử sách còn đó rành rành và chói lọi. *Hết diệt Tần, chống Hán, phạt Đường, lại đánh Tống, thắng Nguyên, bình Ngô, phá Thanh.* Trong khi dân tộc ta đánh thắng các thế lực phong kiến xâm lược thì qua các

triều đại, quần chúng nông dân Trung-quốc cũng liên tiếp nổi dậy chống lại chúng. Dân tộc ta có thể tự hào rằng, trong thế kỷ mười ba, trước sự xâm lăng của kẻ thù lớn mạnh và hung bạo nhất lúc bấy giờ là giặc Nguyên — Mông, nước Đại-việt đã giành được thắng lợi cực kỳ oanh liệt, không những bảo vệ được nền độc lập của mình mà đã có sự cống hiến quan trọng ngăn chặn giặc Nguyên — Mông lan tràn xuống Đông — Nam châu Á.

Bước vào thời kỳ lịch sử cận đại và hiện đại, *dân tộc ta lại đứng trước những thử thách mới gay go và quyết liệt hơn rất nhiều*. Từ khi chủ nghĩa đế quốc bước lên vũ đài chính trị quốc tế thì các nước đế quốc phương Tây, với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển, chỉ trong một thời gian ngắn đã chinh phục và nô dịch biết bao dân tộc nhỏ yếu trên khắp các lục địa, từ châu Á, châu Phi đến châu Mỹ La tinh. Do sự ươn hèn cực độ của bọn vua quan phong kiến, nước Việt-nam ta đã lâm vào cảnh ngộ nước mất, nhà tan, chịu đựng biết bao lầm than khổ nhục. Các nước ở Đông-dương và nhiều nước lớn nhỏ khác ở phương Đông cũng chịu chung số phận đen tối ấy. Vấn đề đặt ra cho dân tộc ta cũng như cho toàn thể các dân tộc bị áp bức trên thế giới là, bằng con đường nào, bằng phương pháp nào trong cuộc đấu đấu lịch sử không cân sức với những kẻ thù đế quốc hết sức tàn bạo như vậy,

nhân dân các dân tộc có thể đưa cuộc đấu tranh cách mạng của mình đến thắng lợi được.

Trên đất nước Việt-nam ta, sau biết bao cuộc kháng chiến và khởi nghĩa nối tiếp nhau và liên tiếp bị chìm trong biển máu, vào năm 1930, *đảng của giai cấp công nhân đã ra đời*, do Chủ tịch Hồ-Chí-Minh sáng lập và lãnh đạo, nhận lấy sứ mệnh lịch sử là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, nêu cao ngọn cờ *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Đảng và Hồ Chủ tịch đã tìm ra chân lý vĩ đại của chủ nghĩa Mác — Lê-nin: *Con đường giải phóng dân tộc duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản*.

Trong thời đại mới của loài người bắt đầu với Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã tiến hành cuộc đấu tranh chống ngoại xâm anh dũng nhất trong lịch sử của dân tộc. Trải qua hơn 30 năm chiến tranh giải phóng và chiến tranh giữ nước, nhân dân ta đã lần lượt *đánh đổ chủ nghĩa phát xít Nhật, đánh bại chủ nghĩa đế quốc Pháp, đánh thắng chủ nghĩa đế quốc Mỹ là tên đế quốc hùng mạnh nhất của thế giới tư bản trong thế kỷ hai mươi này*. Nhân dân ta có thể tự hào rằng: dưới ngọn cờ vô địch của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chúng ta đã lập nên Nhà nước công — nông đầu tiên ở Đông — Nam châu Á, đột phá thắng lợi vào hệ thống của chủ nghĩa thực dân cũ, và mở đầu sự sụp đổ của hệ thống ấy:

đánh thắng chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, đập tan câu chuyện hoang đường về « sức mạnh không tưởng tượng nổi » của đế quốc Mỹ. Dân tộc ta đã đứng vào hàng ngũ các dân tộc tiên phong trên thế giới.

Cũng trong thời gian lịch sử ấy, nhân dân các nước ở Đông-dương, nhân dân Trung-quốc và nhân dân nhiều dân tộc khác đã đứng lên chiến đấu, giành thắng lợi vĩ đại; đã xây dựng nên tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc. Nhân dân ta rất quý trọng tình đoàn kết chiến đấu ấy, chân thành biết ơn sự giúp đỡ to lớn của nhân dân Lào và Cam-puchia anh em, của nhân dân Liên-xô vĩ đại, nhân dân cách mạng Trung-quốc, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa khác, biết ơn sự đồng tình ủng hộ của cả loài người tiến bộ.

Lịch sử mấy nghìn năm của nước Việt-nam ta rõ ràng là *lịch sử của một dân tộc anh hùng lớn mạnh lên trong chiến đấu và trong chiến thắng*. Đây là cả một thiên anh hùng ca vĩ đại, ghi lại biết bao chiến công hiển hách và cũng phản ánh một quy luật phát triển của dân tộc ta là : *sự nghiệp dựng nước luôn luôn đi đôi với công cuộc bảo vệ đất nước*.

Chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa cực kỳ to lớn của thắng lợi hoàn toàn và trọn vẹn mà nhân dân ta đã giành được. Thắng lợi ấy đã mở ra một kỷ nguyên mới trên đất nước ta. Lần đầu tiên, nước Việt-nam ta được hoàn toàn độc

lập và thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt-nam đã trở thành một biểu tượng trong sáng của tinh thần đấu tranh bất khuất và tất thắng của các dân tộc, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta càng thấy rõ ý nghĩa quốc tế to lớn của thắng lợi của nhân dân ta. Thật vậy, thắng lợi của cách mạng Việt-nam cũng là thắng lợi vĩ đại của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình trên toàn thế giới; là thắng lợi của chủ nghĩa Mác – Lê-nin chân chính, của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vô địch.

Chính vì vậy mà chủ nghĩa đế quốc quốc tế và cả các lực lượng phản động khác chống lại chủ nghĩa Mác – Lê-nin, đều hết sức run sợ. Chính vì vậy mà các thế lực phản động quốc tế chống lại chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc, thể hiện tập trung ở chủ nghĩa dân tộc sô-vanh và chủ nghĩa bá quyền nước lớn đang diễn cường câu kết với chủ nghĩa đế quốc, thực hiện có hệ thống một chính sách thù địch chống lại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Họ ra sức ngăn cản và phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, ôm ấp cường vọng xấu xa, thâm độc đối với nước ta, mở đường cho chiến lược bành trướng của họ vào Đông – Nam châu Á. Họ đã dùng bọn phản động Pôn Pốt – Ieng

Xa-ri làm lực lượng xung kích, gây ra chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam nước ta.

Đứng trước tình hình mới, nhân dân Việt-nam ta, ức triệu người như một, hết sức bình tĩnh, kiên quyết và vững vàng, quyết tâm đánh bại mọi hành động và mưu đồ độc ác của mọi kẻ thù xâm lược, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong mọi tình huống, bảo vệ vững chắc Tò quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thân yêu.

Nhân dân ta quyết không cho phép một ai xâm phạm đến nền độc lập tự do của nước ta, đồng thời, chúng ta cũng rất tôn trọng độc lập tự do của các dân tộc khác. Chúng ta muốn sống hòa bình, hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới, với nhân dân các nước láng giềng đã từng cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc quốc tế, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Và cũng chính vì vậy mà chúng ta luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu kiên quyết để bảo vệ độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, đồng thời cũng để bảo vệ tình hữu nghị chân chính giữa nhân dân các dân tộc. Chúng ta không khuất phục trước bất kỳ sự đe dọa nào, không mắc mưu trước bất kỳ luận điệu giả danh cách mạng nào, không lùi bước trước bất kỳ hành động tội ác nào, không dung thứ bất kỳ sự xâm lược nào.

Mọi người đều biết, dân tộc ta không hề biết sợ, ngay từ thuở

xa xưa, khi dân số mới trên dưới một triệu, cũng đã từng đứng lên chiến đấu thắng lợi lật đổ ách thống trị của bọn phong kiến nước ngoài. Với số quân ít hơn địch, chúng ta đã từng chiến thắng oanh liệt những đội quân đông đảo hơn mình gấp nhiều lần, từ quân đội của các triều đại phong kiến phương Bắc, cho đến đội quân viễn chinh của các nước đế quốc từ Đông Á đến Tây Âu và Bắc Mỹ. Nước Mỹ có dân số đông hàng mấy trăm triệu, nhưng làm thế nào họ có thể phát huy được sức mạnh ấy để tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa xâm lược nước ta, trong khi phần lớn nhân dân nước họ đều chống lại. Và chính vào lúc Mỹ ào ạt tăng quân số lên cao nhất là lúc họ gặp phải thất bại nhục nhã, quân nguy bị tiêu diệt hoàn toàn. Rõ ràng lịch sử đã chứng minh, đối với mọi kẻ thù xâm lược, từ giặc Nguyên — Mông ở thế kỷ mười ba đến đế quốc Mỹ trong thế kỷ hai mươi, nước họ tuy lớn nhưng không mạnh, quân họ tuy đông mà lại yếu. Bởi vậy, nhân tố quyết định thắng bại trong chiến tranh đâu có phải chỉ cậy vào quân đông, nước rộng, người nhiều!

Trước đây, giặc Nguyên — Mông đã từng cho rằng, nước Nam ở gần như trong lòng bàn tay, còn Gia-va thì xa hơn như ở đầu ngón tay; vì vậy, cần phải gây sự và xâm lược nước Nam trước rồi tràn xuống các nước khác sau. Chúng đã phát động chiến tranh xâm lược nước ta và

đã bị đánh bại hoàn toàn. Đế quốc Pháp ở xa nước ta, nhưng trong hàng trăm năm thống trị thuộc địa, chúng đã xây dựng nên cơ sở xã hội, xây dựng nên các lực lượng tay sai phản động, lập nên quân đội đánh thuê ở ngay trong nước ta, dùng mọi mưu ma chước quỷ thực hiện chính sách chia rẽ trị. Chúng tự cho là am hiểu tình hình nước ta và ôm ấp ảo tưởng duy trì vĩnh viễn nền thống trị của chúng. Tuy nhiên, cuối cùng ách đô hộ của đế quốc Pháp đã bị đánh đổ hoàn toàn, chiến tranh xâm lược thực dân cũ của chúng đã bị thất bại thảm hại. Theo vết xe đổ của thực dân Pháp, đế quốc Mỹ lại bị thất bại nhục nhã trong cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo đối với nhân dân ta, mặc dù chúng đã đưa quân đội viễn chinh lớn mạnh xâm lược nước ta, dựng nên ngụy quyền và ngụy quân mạnh nhất, tàn bạo nhất của chủ nghĩa thực dân mới. Chúng ta càng thấy rõ, *nhân tố quyết định thắng bại trong chiến tranh dân phải là đường đất xa gần; bọn xâm lược bao giờ cũng là kẻ xa lạ, thù địch đối với nhân dân ta, đất nước ta*. Vì vậy, chúng làm thế nào hiểu được nhân dân ta, làm thế nào lường hết được sức mạnh to lớn của dân tộc ta trong thời đại mới khi vùng lên chiến đấu vì đại nghĩa. Chúng làm thế nào hiểu được núi sông, cây cỏ, bầu trời, vùng biển của Việt-nam, làm thế nào hiểu được các thể thiên hiềm của địa hình Việt-nam

như Chi-lăng, Bạch-đăng, Điện-biên-phủ... và ngay cả những đô thị như Buôn-Mê-thuột, Đà-nẵng, Sài-gòn... mà kẻ thù đã từng chiếm đóng?

Xuất phát từ đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta, từ bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, hơn ai hết, *nhân dân ta mong muốn sống hòa bình, hữu nghị với tất cả các dân tộc*. Hơn ai hết, *nhân dân ta tha thiết với độc lập tự do, với chủ nghĩa xã hội*. Chúng ta coi trọng tình bạn chiến đấu với những người cộng sản trên toàn thế giới, với nhân dân cách mạng các nước anh em. Chính vì vậy, mà *nhân dân Việt-nam ta không bao giờ xa rời đường lối Mác - Lê-nin chân chính, độc lập tự chủ của Đảng ta*; chúng ta kiên quyết bảo vệ chủ quyền, độc lập, bảo vệ công cuộc hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng và hòa bình ở Đông-Nam châu Á và trên toàn thế giới.

Để thực hiện đường lối, nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ quân sự của Đảng đã đề ra trong Đại hội đại biểu lần thứ IV, *nhiệm vụ trước mắt của cách mạng nước ta như Đảng ta đã chỉ rõ, là động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm, ý thức tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp*.

đầy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng của ta, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và phá hoại nước ta, quyết tâm đánh bại chiến tranh xâm lược của tập đoàn cầm quyền

phản động Nông-pênh, bảo vệ vững chắc biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, tăng cường phòng thủ đất nước, sẵn sàng chiến đấu, đập tan mọi mưu đồ và hành động xâm lược mới của kẻ thù, kẻ cả chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn.

II

SỨC MẠNH TỔNG HỢP, SỨC MẠNH GIỮ NƯỚC VÔ DỊCH

Nhân dân ta đang đứng trước một sứ mệnh lịch sử, một nhiệm vụ trọng đại. Trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng nhằm hoàn thành sứ mệnh ấy, nhiệm vụ ấy, nhân dân ta nhất định thắng, các thế lực phản động quốc tế câu kết với chủ nghĩa đế quốc quốc tế nhất định thất bại.

Chúng ta nhất định thắng, bởi vì chúng ta có sức mạnh của chính nghĩa, có đường lối Mác — Lê-nin đúng đắn và sáng tạo của Đảng ta. Chúng ta có chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa được xác lập trên cả nước, có sức mạnh chính trị và tinh thần to lớn, có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Chúng ta có sức mạnh vật chất và kỹ thuật của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, có lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng. Chúng ta có khoa học giữ nước ưu việt, có nghệ thuật quân sự sáng tạo. Chúng ta lại có sự đồng tình, ủng hộ và sự giúp đỡ quốc tế rộng rãi và to lớn.

Chúng ta nhất định thắng, bởi vì chúng ta có sức mạnh giữ nước vô địch, sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Dân tộc ta, đất nước ta ngày nay mạnh hơn bao giờ hết.

1 — *Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là chế độ tiên tiến nhất trong quá trình phát triển của xã hội Việt-nam, trong lịch sử của dân tộc ta và của loài người tiến bộ. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nền chuyên chính vô sản hiện đang được xây dựng ngày càng vững mạnh trên cả nước ta là nguồn sức mạnh tạo nên lực lượng chính trị và tinh thần to lớn nhất từ trước đến nay, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy nhân dân ta tiến lên về mọi mặt, làm nên sức mạnh dựng nước và giữ nước vĩ đại.*

Từ thuở bình minh dựng nước cho đến nhiều thế kỷ tiếp theo dưới *chế độ phong kiến*, mỗi khi Tổ quốc lâm nguy, dân tộc ta đã

nền cao tinh thần độc lập tự chủ, cả nước chung sức lại, chỉ dân vững như thành; sức mạnh của dân tộc bùng lên thành sức mạnh của Thiên vương, cứu nước, cứu nhà, giữ vững xã tắc, miếu mào, bảo vệ làng mạc, ruộng vườn. Tuy nhiên, vào thời bấy giờ, sức mạnh của dân tộc không tránh khỏi những sự hạn chế, do mâu thuẫn về lợi ích giai cấp trong nội bộ của xã hội phong kiến.

Từ khi Đảng ta ra đời, lý tưởng độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội đã động viên và tổ chức được mọi lực lượng yêu nước, trên cơ sở liên minh công nông. Toàn dân ta đã đứng lên đấu tranh cứu nước, làm nên sự nghiệp long trời chuyền đất, đưa đến thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám, sự ra đời của *chế độ dân chủ nhân dân*. Sức mạnh chính trị và tinh thần mới của dân tộc ta trong kháng chiến chống Pháp thật là to lớn, tuy không tránh khỏi những sự hạn chế nhất định. Bởi vì, lúc bấy giờ, ta đã giành lại độc lập tự do cho nước nhà, đem lại ruộng đất cho dân cày, nhưng chủ nghĩa xã hội còn mới được ghi trên ngọn cờ của Đảng.

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, *chế độ xã hội chủ nghĩa* lần đầu tiên ra đời trên đất nước ta, trên miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, trong khi chế độ dân chủ nhân dân vẫn tiếp tục tồn tại và được mở rộng trên các vùng giải phóng ở miền Nam. Trong cuộc thử thách cực kỳ

quyết liệt của những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chế độ xã hội chủ nghĩa đã tỏ ra ưu việt không những trong sản xuất mà cả trong chiến đấu, đã trở thành lũy thép thành đồng dưới mưa bom lửa đạn của kẻ địch, trở thành căn cứ địa của cả nước, thành một nhân tố có tầm quan trọng quyết định đối với thắng lợi của cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, trong hàng chục năm vừa chiến đấu vừa xây dựng, chế độ xã hội chủ nghĩa mới được xác lập trên một nửa nước ta, còn ở miền Nam thân yêu thì đồng bào ta vẫn đang rên xiết dưới ách thống trị thực dân kiểu mới của Mỹ, dưới chế độ độc tài phát xít của bọn tay sai.

Ngày nay, trên đất nước Việt-nam hoàn toàn độc lập và thống nhất, lần đầu tiên, xã hội Việt-nam ta trên phạm vi cả nước đã trải qua một bước phát triển nhảy vọt vĩ đại. *Chúng ta đang từng bước xây dựng chế độ làm chủ lập thể xã hội chủ nghĩa, ra sức củng cố hệ thống chuyên chính vô sản trên cả nước ta*. Chế độ mới đang đưa nhân dân lao động nước ta lên địa vị làm chủ thật sự vận mệnh của Tổ quốc, đang biến cả nước ta thành một xã hội không còn có người bóc lột người, đang từng bước khắc phục mọi khó khăn, chăm lo cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, động viên và tổ chức nhân dân đem hết sức mình để xây dựng đất nước ta giàu mạnh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thân yêu.

Lúc này hơn lúc nào hết, chúng ta càng phải quán triệt đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, làm tất cả những gì có thể làm được để đập tan mưu đồ của các thế lực phản động, *đẩy mạnh công cuộc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, ra sức củng cố và tăng cường nền chuyên chính vô sản từ trung ương đến địa phương, đến cơ sở*. Hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, kết hợp cải tạo và xây dựng. Tiến hành công tác giáo dục chính trị sâu rộng, xóa bỏ mọi trở ngại và mọi nhân tố tiêu cực trong đời sống chính trị và xã hội, quét sạch mọi ảnh hưởng về chính trị, tư tưởng và văn hóa của chủ nghĩa thực dân mới, của các thế lực phản động quốc tế. Thể chế hóa chế độ làm chủ tập thể ngay trong cơ chế của Nhà nước ta. Chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa càng được hoàn thiện, thì hệ thống chuyên chính vô sản lại càng được củng cố, sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân lao động càng được nâng cao; sức mạnh xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước càng phát triển mạnh mẽ.

Chúng ta có thể nói rằng, *nhân dân lao động nước ta có sự nhất trí cao hơn bao giờ hết về chính trị và tinh thần*, đang ra sức tăng cường khả năng tổ chức và quản lý Nhà nước, tổ chức và quản lý xã hội. Giai cấp công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức

xã hội chủ nghĩa, tất cả những người lao động chân tay và trí óc, tất cả mọi người Việt-nam yêu nước đều ra sức phấn đấu nâng cao ý thức làm chủ, làm chủ công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước, thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong sản xuất cũng như trong chiến đấu.

Chúng ta có thể nói rằng, trước tình hình mới, dưới chế độ mới, những giá trị văn hóa và tinh thần cao quý của dân tộc, chủ nghĩa anh hùng của nhân dân lao động cả nước ta đang được phát huy lên một trình độ mới. Làm chủ tập thể, lao động cần cù, yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, yêu cách mạng và yêu khoa học, có tinh thần quốc tế vô sản chân chính, đó chính là những *đặc trưng của con người mới* Việt-nam, những con người đã làm nên và đang làm nên biết bao sự tích phi thường vì nhân dân, vì Tổ quốc. Ngày nay, lòng yêu nước Việt-nam gắn liền với tinh thần làm chủ đã trở thành lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chưa bao giờ chủ nghĩa yêu nước Việt-nam lại có một nội dung trong sáng và cao đẹp như ngày nay, trên cơ sở sự thống nhất lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc.

Phát huy quyền làm chủ tập thể và truyền thống yêu nước của toàn dân có một ý nghĩa rất lớn, không những đối với công cuộc xây dựng đất nước mà còn đối với công

cuộc củng cố nền quốc phòng toàn dân. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động trong cả nước, ở từng địa phương, cho đến tận các cơ sở, sẽ tạo nên một sức mạnh chính trị và tinh thần mới chưa từng có, không kẻ thù nào có thể lường hết được. Sức mạnh đó có thể còn vượt quá những dự đoán táo bạo nhất của bản thân chúng ta, của chính những con người làm nên sức mạnh dựng nước và giữ nước.

2 – Nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa là nền tảng vật chất của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, là cơ sở của nền quốc phòng toàn dân.

Phát triển nền kinh tế của nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với cơ cấu công – nông nghiệp ngày càng hiện đại, về thực chất, là vấn đề phát triển toàn bộ lực lượng sản xuất của nước ta, đẩy mạnh cách mạng khoa học – kỹ thuật, từng bước và nhanh chóng tạo nên cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa nước nhà, làm cho Tổ quốc ta ngày càng giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng.

Trải qua lịch sử mấy nghìn năm, nền kinh tế nước ta đã ở trong tình trạng trì trệ, kém phát triển. Từ những ngày chế độ dân chủ nhân dân rồi đến chế độ xã hội chủ nghĩa ra đời trên đất nước ta thì tình trạng lạc hậu và thấp kém ấy, tuy đã có những bước phát triển nhất định, nhưng vẫn chưa được khắc phục một

cách cơ bản, phần thì do ảnh hưởng sâu xa của sự thống trị phong kiến và thực dân, phần thì do hậu quả của chiến tranh lâu dài và ác liệt. Đúng như Lê-nin đã nói đối với xã hội nước Nga khi cách mạng mới thành công, mâu thuẫn rất lớn là mâu thuẫn giữa chế độ chính trị tiên tiến và nền kinh tế lạc hậu; ở nước ta thì mâu thuẫn ấy lại càng gay gắt gấp bội. Thực tiễn sản xuất và chiến đấu hết sức khó khăn gian khổ trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng mấy chục năm qua càng làm cho chúng ta nhận thức sâu sắc ý nghĩa cực kỳ quan trọng của một nền kinh tế mạnh đối với việc nâng cao đời sống của nhân dân cũng như đối với việc tăng cường sức mạnh quốc phòng của toàn dân.

Ngày nay, tuy khó khăn và trở ngại còn nhiều, nhưng *Tổ quốc ta đã trải qua những biến chuyển to lớn.* Nhân dân ta đã giành lại toàn bộ non sông gấm vóc, ruộng đồng phì nhiêu, rừng vàng, biển bạc. Biết bao tiềm năng to lớn về tài nguyên mọi mặt ở trên mặt đất và trong lòng đất, ở ngoài biển và thềm lục địa, từ nay đã vĩnh viễn trở về với người chủ thật sự của nó là nhân dân ta. Chúng ta lại có lực lượng lao động đông đảo hàng mấy chục triệu người, giàu đức tính cần cù và sáng tạo. Chúng ta có những cơ sở vật chất – kỹ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta có nhiều khả năng và điều kiện để tăng cường hợp tác kinh

tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhiều nước khác trên thế giới. Và điều quan trọng hơn hết là chúng ta đã có được đường lối kinh tế xã hội chủ nghĩa hết sức đúng đắn và sáng tạo của Đảng đề ra

Trên đây là những điều kiện thuận lợi rất cơ bản chưa từng có từ trước đến nay. Vì vậy, tuy trước mắt còn có một số vấn đề chưa được giải quyết tốt, nhưng rõ ràng *chúng ta có đầy đủ khả năng đề xây dựng một nền kinh tế giàu mạnh, tạo nên tiềm lực mới cho nền quốc phòng toàn dân.*

Lúc này hơn lúc nào hết, toàn thể nhân dân lao động cả nước ta cần nêu cao tinh thần tự lực tự cường, lao động sáng tạo, nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, dốc lòng dốc sức thực hiện đường lối xây dựng kinh tế của Đảng, *khẩn trương xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, độc lập tự chủ và hiện đại của nước ta.* Cần có sự chuyển biến sâu sắc trong quản lý kinh tế xã hội, trong kỷ luật lao động từ trung ương đến địa phương, đến cơ sở. Ra sức phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh tế của Nhà nước, góp phần từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng cơ sở kinh tế cho nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình xây dựng nền kinh tế mới, *một vấn đề mấu*

chốt hiện nay là phải kết hợp hết sức chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Trước đây, nhân dân ta đã từng kết hợp sản xuất với chiến đấu trong điều kiện chiến tranh xâm lược diễn ra trên cả nước. Nhờ vậy mà đã thực hiện được yêu cầu làm cho lực lượng mọi mặt của ta càng đánh lại càng mạnh thêm. Ngày nay, chúng ta nhất thiết phải làm sao cho nhiệm vụ xây dựng kinh tế với nhiệm vụ củng cố quốc phòng kết hợp với nhau một cách cân đối, nhịp nhàng theo một kế hoạch hợp lý và cụ thể, trên từng địa phương cũng như trên cả nước. Mỗi một bước phát triển của kinh tế phải có tác dụng nâng cao sức mạnh của quốc phòng; và mỗi bước phát triển của quốc phòng lại tăng cường thêm khả năng xây dựng kinh tế và bảo vệ kinh tế. Kinh tế với quốc phòng là hai mặt không thể tách rời trong công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Dân có giàu thì nước mới mạnh; có kinh tế mạnh mới có quốc phòng mạnh. Với ý nghĩa đó, có thể nói *kinh tế với quốc phòng là thống nhất.*

Thực hiện đường lối của Đảng, chúng ta cần ra sức xây dựng kinh tế trung ương kết hợp với phát triển kinh tế địa phương, xây dựng cơ cấu công – nông nghiệp trong cả nước và cơ cấu nông – công nghiệp trên địa bàn từng huyện. Cần phải thực hiện với tinh thần tích cực nhất sự phân bố lại lực lượng lao động

trên phạm vi cả nước ; phát triển mạnh mẽ nền kinh tế toàn diện trên hàng triệu héc-ta đất đai chưa được mở mang, đặc biệt là ở những nơi xung yếu, những vùng chiến lược quan trọng. Có làm được như vậy, chúng ta mới tạo ra được những điều kiện thuận lợi mới để sản xuất ra nhiều của cải cho xã hội, phát triển cơ sở vật chất và kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, tạo nên cơ sở hạ tầng và cơ sở hậu cần cần thiết cho mọi hoạt động xây dựng và chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, cả các lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động. *Đó là những vấn đề kinh tế cấp bách mà cũng là những vấn đề quốc phòng cấp bách.*

Chúng ta cần tập trung lực lượng cả nước phát triển vượt bậc nông nghiệp, kể cả lâm nghiệp và ngư nghiệp, giải quyết kỹ được nhu cầu về lương thực, thực phẩm, kể cả lương thực dự trữ, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu. Đồng thời, phải khẩn trương phát triển các ngành công nghiệp cần thiết, nhất là ngành cơ khí ; phát triển mạng lưới giao thông vận tải trên bộ, trên sông, trên biển, và bước đầu trên không. *Đó cũng là những vấn đề kinh tế cấp bách đồng thời là những vấn đề quốc phòng cấp bách.*

Trên cơ sở tiến hành ba cuộc cách mạng, chúng ta cần *đẩy mạnh cách mạng khoa học – kỹ thuật*, làm cho cách mạng khoa

học – kỹ thuật thật sự phát huy vai trò then chốt của mình. Tiến hành cách mạng khoa học – kỹ thuật nói chung trong toàn bộ lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc dân và nói riêng trong lĩnh vực quân sự, làm cho tiềm lực khoa học và kỹ thuật không những trở thành động lực mạnh mẽ để phát triển sản xuất, mà còn là động lực mạnh mẽ để tăng thêm sức mạnh quốc phòng. Cách mạng khoa học – kỹ thuật còn có ý nghĩa là một phương hướng hoạt động cực kỳ quan trọng để phát huy tư duy sáng tạo của nhân dân lao động, phát huy tinh thần tự lực tự cường, thực hiện tốt sự hợp tác quốc tế nhằm giải quyết những vấn đề thực tiễn của sản xuất và đời sống.

Hiện nay, trong khi một bộ phận nhân dân và quân đội ta đang trực tiếp chiến đấu trên mặt trận Tây nam thì *nhân dân lao động trên cả nước ta phải biết tranh thủ thời gian từng giờ, từng phút để phát triển vượt bậc nền kinh tế của nước nhà.* Trước mắt cũng như về lâu dài, nhân dân ta phải có quyết tâm thật lớn, ra sức phấn đấu xây dựng thành công nền kinh tế sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, độc lập tự chủ và hiện đại, vì bản thân yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân, vì nhiệm vụ củng cố quốc phòng, phá tan mọi âm mưu và hành động của các thế lực phản động thù địch hòng làm suy yếu nước ta.

3 – *Lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam anh hùng* là đội quân đã từng được rèn luyện và thử thách lâu dài trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, chiến tranh giữ nước, và ngày nay đang được củng cố và phát triển thành một *lực lượng vũ trang có đủ sức mạnh để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, đánh bại mọi kẻ thù xâm lược.*

Tuy trong quá trình trưởng thành của mình và trước yêu cầu của nhiệm vụ mới, lực lượng vũ trang ta còn có nhược điểm, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta có đầy đủ khả năng và điều kiện để xây dựng nên một *lực lượng vũ trang mạnh chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta.*

Lực lượng vũ trang ta ngày nay mang *bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt-nam*, là công cụ bạo lực sắc bén của nền chuyên chính vô sản và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động nước ta. *Nhiệm vụ thiêng liêng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam là bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ độc lập chủ quyền của dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, vùng biên, vùng trời của Tổ quốc, bảo vệ nền chuyên chính vô sản, chế độ xã hội chủ nghĩa và công cuộc lao động hòa bình của nhân dân, góp phần vào sự nghiệp cách mạng và hòa bình ở Đông – Nam châu Á và trên thế giới.* Toàn quân ta

phải ra sức làm tốt *nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu*, đồng thời làm tốt *nhiệm vụ xây dựng kinh tế*. Phải thật sự trở thành một *trường học lớn* đào tạo các thế hệ thanh niên ta thành những con người mới xã hội chủ nghĩa vừa chiến đấu giỏi, vừa sản xuất giỏi.

Truyền thống của các lực lượng vũ trang ta là «trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng». Phát huy truyền thống tốt đẹp quyết chiến quyết thắng trong giai đoạn mới, lực lượng vũ trang ta kiên quyết chấp hành mọi đường lối, chủ trương của Đảng, nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng làm chủ tập thể và tinh thần quốc tế vô sản, làm tròn nhiệm vụ lịch sử mà Đảng giao cho. Tuân theo pháp luật của Nhà nước, tôn trọng chính quyền và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức của nền chuyên chính vô sản. Không ngừng tăng cường và củng cố tình đoàn kết máu thịt với nhân dân, luôn luôn giữ nghiêm kỷ luật quần chúng. Giữ vững lối sống giản dị, trong sáng và lành mạnh.

Sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự nuôi dưỡng và giáo dục, tình thương yêu đùm bọc, sự ủng hộ giúp đỡ không bờ bến của nhân dân luôn luôn là nguồn sức mạnh vô tận

của lực lượng vũ trang nhân dân ta. Đó là *quy luật trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta*, của các lực lượng vũ trang cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân. Công tác Đảng và công tác chính trị trong quân đội cần phải làm cho cán bộ và chiến sĩ quán triệt đường lối của Đảng, gương cao hai ngọn cờ: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhận rõ tình hình mới và nhiệm vụ mới, nhận rõ đối tượng cách mạng của nhân dân ta. Cần làm cho mỗi một cán bộ và chiến sĩ đều thấu suốt đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ chính trị và nhiệm vụ quân sự của lực lượng vũ trang, tư tưởng quân sự và tư tưởng chỉ đạo tác chiến của Đảng ta. Làm cho mỗi một cán bộ và chiến sĩ đều ra sức học tập, nắm vững và biết vận dụng sáng tạo những tri thức về khoa học quân sự và kỹ thuật quân sự hiện đại. Công tác Đảng, công tác chính trị cần được luôn luôn gắn chặt với tổ chức ngày càng phát triển của cả ba thứ quân, của các quân chủng và binh chủng, gắn chặt với thực tiễn chiến đấu trên mặt trận, với thực tiễn xây dựng và sản xuất của bộ đội. Phải làm tốt và làm thường xuyên việc sơ kết, tổng kết kinh nghiệm để không ngừng nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ đội ta.

Ngày nay, trên đất nước đã độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta có một nguồn nhân lực dồi dào gồm

hàng chục triệu người lao động xã hội chủ nghĩa giỏi, đồng thời cũng là những chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc kiên cường. Dựa vào khả năng và kinh nghiệm động viên và tổ chức của Nhà nước ta và của chế độ mới, chúng ta nhất định xây dựng được *lực lượng vũ trang của toàn dân đánh giặc, một lực lượng vừa đông đảo hơn bao giờ hết, vừa có tinh thần chiến đấu cao*. Kẻ thù xâm lược, dù quân chúng đông đến đâu, trang bị kỹ thuật của chúng mạnh đến đâu, hễ liều lĩnh đụng đến khối toàn dân đánh giặc của cả nước ta, thì đông bao nhiêu cũng biến thành ít, mạnh bao nhiêu cũng trở thành yếu. Ước mơ của Ang-ghen về *động viên và tổ chức đông đảo nhân dân đánh giặc* giữ nước sau khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền, đã và đang trở thành hiện thực đầy sức sống trên đất nước ta.

Lực lượng vũ trang nhân dân ta gồm có lực lượng vũ trang quần chúng và quân đội nhân dân, gồm có bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân tự vệ. *Lực lượng vũ trang quần chúng có một vị trí chiến lược rất quan trọng, cần được tổ chức rộng rãi và mạnh mẽ khắp cả nước, từ thành thị đến nông thôn. Quân đội nhân dân là bộ phận nòng cốt trong lực lượng vũ trang, hiện đang tiến lên chính quy và hiện đại với trình độ ngày càng cao, gồm các quân chủng và binh chủng hiện đại, với những binh đoàn chủ lực tinh nhuệ, cơ*

động trên chiến trường cả nước, những đơn vị bộ đội địa phương, hoạt động trên khắp các địa bàn từ tỉnh đến huyện.

Tổ chức quân sự là một khoa học hết sức tinh vi, với nội dung phong phú và sinh động, với tính cách mạng rất cao, bởi vì, nhiệm vụ của nó là bằng hình thức tổ chức, tìm ra quy luật tạo nên sức mạnh để giành thắng lợi trong chiến đấu quyết liệt với quân thù. Chúng ta cần nghiên cứu phát hiện và nắm vững những quy luật của tổ chức quân sự. Quan hệ về tổ chức, về nhiệm vụ cũng như tỷ lệ về số lượng giữa lực lượng vũ trang quần chúng với quân đội nhân dân, giữa bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương với dân quân tự vệ và công an nhân dân vũ trang, giữa lực lượng sẵn sàng chiến đấu với lực lượng xây dựng kinh tế..., cần được xác định như thế nào để hình thành được một hệ thống tổ chức tổng hợp, toàn diện và cân đối. *Đó là một quy luật.* Có nghiêm cách làm đúng quy luật đó thì mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vũ trang nhân dân, mới biến lực lượng của toàn dân và khả năng tổ chức của chế độ mới thực sự thành sức mạnh to lớn của cả nước đánh giặc.

Tổ chức quân sự, đi vào thực chất hơn nữa, là *khoa học kết hợp con người với kỹ thuật*, làm thế nào để phát huy cao độ sức mạnh và khả năng sáng tạo của con người làm chủ kỹ thuật, đồng

thời, phát huy cao độ tác dụng của phương tiện và kỹ thuật các loại. Cần căn cứ vào nhiệm vụ và phương pháp chiến đấu, vào khả năng nhân lực và trang bị kỹ thuật, vào cơ sở kinh tế và kỹ thuật của cả nước và của từng địa phương mà xác định những hình thức tổ chức biên chế hợp lý, khoa học, có sức mạnh chiến đấu cao. Cần đạt đến yêu cầu nghiêm cách làm cho ở từng đơn vị cơ sở, từng binh đoàn, ở từng quân chủng hay binh chủng, v.v. đều có tổ chức biên chế chặt chẽ và đồng bộ không thừa một người, cũng không thiếu một người, có đủ trang bị và phương tiện cần thiết và đồng bộ. Có như vậy, mỗi tổ chức quân sự mới phát huy được sức mạnh lớn nhất của mình, mỗi loại vũ khí và trang bị kỹ thuật mới được khai thác và sử dụng với hiệu suất cao nhất của nó. *Đó lại là một quy luật.*

Chúng ta lại phải nghiên cứu và xác định quan hệ giữa lực lượng thường trực và lực lượng hậu bị, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai lực lượng đó cho phù hợp với yêu cầu chuẩn bị đất nước và yêu cầu của tình hình cụ thể, có kế hoạch động viên nhanh chóng và nhanh chóng mở rộng lực lượng khi có chiến tranh lớn. Như vậy mới kết hợp được tốt nhất yêu cầu tăng nhanh tiềm lực quân sự với yêu cầu tăng nhanh tiềm lực kinh tế của đất nước, làm cho đất nước luôn luôn có đầy đủ lực lượng

thường trực và lực lượng hậu bị với một tỷ lệ thích hợp, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu cao và kịp thời đập tan âm mưu của địch trong mọi tình huống. *Đó cũng lại là một quy luật nữa.*

Hiện nay, lực lượng vũ trang nhân dân ta đang tiếp tục tiến lên trên con đường *hiện đại hóa*. Trong lúc coi trọng trang bị và kỹ thuật hiện đại, chúng ta luôn luôn đặt vấn đề kết hợp hiện đại với nửa hiện đại và thô sơ. Xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ, từ khả năng của nền công nghiệp nước nhà, công nghiệp trung ương và công nghiệp địa phương, chúng ta phải giải quyết vấn đề hiện đại hóa quân đội cho phù hợp với chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, phù hợp với từng loại lực lượng vũ trang, làm cho cả lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, cả chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh nhân dân của các binh đoàn cơ động đều phát huy được sức mạnh chiến đấu cao. Đây là một trong những nội dung chủ yếu của cách mạng khoa học — kỹ thuật trong quân đội, đi đôi với vấn đề tăng cường huấn luyện cho cán bộ và chiến sĩ, làm cho mỗi một cán bộ và chiến sĩ đều làm chủ trang bị và kỹ thuật có trong tay.

Lực lượng vũ trang nhân dân ta ngày càng được kiện toàn về mọi mặt, đang được bố trí trên một *thế chiến lược* hợp lý cả về kinh tế và quốc phòng trên phạm vi cả nước cũng như trên từng địa phương, hình thành thế trận rất

lợi hại của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Đó là thế trận làm chủ đề tiêu diệt, tiêu diệt đề làm chủ, có sức mạnh của quân và dân gắn bó với nhau, sức mạnh của con người và cơ sở vật chất — kỹ thuật kết hợp với nhau chặt chẽ. sức mạnh của lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động hiệp đồng chiến đấu nhịp nhàng. Bao nhiêu tỉnh và thành phố vừa là những đơn vị công — nông nghiệp của nền kinh tế quốc dân, vừa là những đơn vị chiến lược trong sự nghiệp bảo vệ đất nước. Mấy trăm huyện vừa là những đơn vị nông — công nghiệp, vừa là những pháo đài quân sự bảo vệ địa phương, từ đất liền đến vùng biển, từ biên giới đến hải đảo và thềm lục địa. Nhờ vậy mà sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân ta được nhân lên gấp bội; thế và lực quân sự giữ nước của ta mạnh hơn bao giờ hết.

Hiện nay chúng ta đang ra sức phấn đấu để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ngày càng có *chất lượng chiến đấu cao, có sức mạnh chiến đấu lớn*.

Chúng ta có những *con người* dũng cảm và thông minh, có tinh thần chiến đấu, có ý thức tổ chức và kỷ luật, sẵn sàng xả thân vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta có những loại *trang bị kỹ thuật* và phương tiện chiến tranh ngày càng hiện đại.

Con người và kỹ thuật, như Ăng-ghe-n đã từng nói, là hai nhân tố cách mạng cơ bản tạo nên sức mạnh quân sự, trong đó con người là nhân tố quyết định nhất.

Nhưng, có được con người và kỹ thuật cũng chưa đủ. Chúng ta lại cần phải biết kết hợp con người với kỹ thuật trong một *hình thức tổ chức* hợp lý và khoa học. Có con người tốt và kỹ thuật tốt mới làm nên được tổ chức quân sự mạnh. Ngược lại, có tổ chức quân sự khoa học thì mới phát huy được sức mạnh chiến đấu của con người và phát huy được tác dụng của kỹ thuật.

Muốn có được sức mạnh chiến đấu cao thì tổ chức quân sự tốt lại còn phải được huấn luyện và sử dụng theo một *phương pháp chiến đấu* có hiệu lực nhất. Nhiệm vụ và phương pháp chiến đấu quyết định hình thức tổ chức; ngược lại, hình thức tổ chức quyết định hiệu lực của phương pháp chiến đấu.

Muốn nâng cao chất lượng chiến đấu của quân đội, chúng ta phải nâng cao chất lượng *lãnh đạo của tổ chức Đảng*, hiệu lực *quản lý và chỉ huy của cán bộ*, *phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ*, *dề cao kỷ luật sắt, tự giác và nghiêm minh của quân đội cách mạng*, xây dựng tinh thần trách nhiệm và uy tín mọi mặt của cán bộ.

Như vậy, *chất lượng và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ*

trang là sản phẩm tổng hợp do nhiều nhân tố hợp thành, kết hợp chặt chẽ với nhau trong những mối quan hệ biện chứng của một tổ chức khoa học, dưới sự lãnh đạo và chỉ huy thống nhất và tập trung. Chất lượng và sức mạnh chiến đấu ấy lấy thực tiễn và hiệu suất chiến đấu trên chiến trường làm tiêu chuẩn cao nhất. Đây là vấn đề chiến lược quan trọng nhất trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và cũng là một trong những nội dung chủ yếu của khoa học và nghệ thuật quân sự cách mạng. Toàn thể cán bộ và chiến sĩ ta đang ra sức phấn đấu để tạo nên chất lượng và sức mạnh chiến đấu cao của lực lượng vũ trang, hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa.

4 — Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ta ngày nay, nhân dân ta có *sức mạnh to lớn của thời đại, sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới đang tiếp tục tiến công mạnh mẽ vào chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế.*

Trước những hành động và âm mưu xâm lược đen tối của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc câu kết với các thế lực đế quốc chủ nghĩa, hiện đang đẩy lên một *phong trào rộng lớn, rất mạnh mẽ ủng hộ và giúp đỡ Việt-nam ở các nước xã hội chủ nghĩa và trong nhân dân toàn thế giới.* « Không được phép đụng đến Việt-nam ». khẩu hiệu đó vang lên khắp nơi

càng cõ vũ nhân dân ta trong cuộc đấu tranh mới sáng ngời chính nghĩa của mình.

Trước đây, sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế to lớn đã là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong

cuộc dựng đầu lịch sử với chủ nghĩa đế quốc quốc tế đứng đầu là đế quốc Mỹ. Chắc chắn rằng, sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế ngày nay còn tăng lên gấp bội đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

III

KHOA HỌC GIỮ NƯỚC ƯU VIỆT, NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ SÁNG TẠO

KHOA học và nghệ thuật quân sự là một trong những nhân tố cực kỳ quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nền quốc phòng toàn dân và của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Khoa học và nghệ thuật quân sự là hệ thống tri thức về các quy luật và các phương pháp hành động nhằm tạo nên sức mạnh lớn nhất đưa chiến tranh nói chung và đấu tranh vũ trang nói riêng đi đến thắng lợi.

Trong công cuộc xây dựng nền khoa học và nghệ thuật quân sự của giai cấp vô sản ở nước ta, nhân dân ta đã kế thừa và phát triển kho tàng kinh nghiệm vô cùng quý giá và tài thao lược kiệt xuất mà ông cha ta đã sáng tạo và tích lũy qua biết bao thế hệ chiến đấu thắng lợi chống kẻ thù phong kiến phương Bắc. Lấy nhân nghĩa thắng bạo tàn, lấy chí nhân lật cường bạo. Lấy dân làm gốc, khoan sức cho dân làm thượng sách để giữ nước. Cả

nước đánh giặc, toàn dân là binh. Lấy đoản binh thắng trường trận, lấy nhỏ thắng lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông. Xây dựng thế trận làng nước, lợi dụng thế thiên hiểm của địa hình, dùng mưu cao mẹo giỏi, bí mật bất ngờ tiêu diệt trong thời gian ngắn những đạo quân xâm lược rất mạnh của địch.

Đó là *tư tưởng quân sự Việt-nam, tư tưởng tiến bộ và vượt thời đại*, chỉ có được ở một số dân tộc luôn luôn phải đương đầu với những kẻ thù xâm lược lớn mạnh, luôn luôn quyết chiến và quyết thắng vì đại nghĩa, vừa dũng cảm và kiên cường, vừa thông minh và sáng tạo. Đó cũng là *những vấn đề có tính quy luật của khởi nghĩa dân tộc và chiến tranh nhân dân ở nước ta dưới sự lãnh đạo của giai cấp phong kiến khi còn giữ vai trò tích cực trong lịch sử dân tộc, hoặc phát sinh và phát triển từ phong trào nổi dậy của*

quần chúng nông dân. Chúng ta càng thấy rõ : nếu lịch sử nhiều cuộc chiến tranh ở các nước châu Á và châu Âu thời trung cổ là lịch sử chém giết lẫn nhau, thôn tính lẫn nhau giữa các tập đoàn phong kiến với các đội quân đánh thuê, thì lịch sử chiến tranh ở nước ta trong thời đại đó chủ yếu lại là lịch sử của các cuộc khởi nghĩa dân tộc và chiến tranh dân tộc, khởi nghĩa nhân dân và chiến tranh nhân dân.

Trong thời đại mới, để đánh thắng những kẻ thù đế quốc xâm lược lớn mạnh hơn ta nhiều lần, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã từng bước xây dựng nên *nền khoa học và nghệ thuật quân sự Mác — Lê-nin ở Việt-nam* ngày càng hoàn chỉnh với những nội dung độc đáo và sáng tạo, khác với khoa học và nghệ thuật quân sự của nhiều nước.

Đi theo đường lối chính trị và quân sự đúng đắn và sáng tạo, độc lập và tự chủ của Đảng ta, chúng ta đã biết phát huy cao độ sức mạnh của cả nước, của toàn dân, lấy công nhân và nông dân làm quân chủ lực, chứ không phải chỉ lấy nông dân làm quân chủ lực. Chúng ta coi bạo lực cách mạng để giành và giữ chính quyền là bạo lực của quần chúng công — nông đông đảo, của các lực lượng cách mạng yêu nước, kết hợp lực lượng chính trị với lực lượng vũ trang, đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa vũ trang với chiến tranh cách mạng, chứ không phải

đi theo quan điểm cho rằng « súng để ra chính quyền », « đầu ngọn súng sinh ra tất cả », cho rằng chỉ có chiến tranh mới là hình thức chủ yếu của đấu tranh cách mạng. Chúng ta chủ trương đánh địch trên cả ba vùng chiến lược, từ nông thôn đến thành thị, từ rừng núi đến đồng bằng, chứ không chủ trương lấy nông thôn bao vây thành thị, tiến hành chiến tranh du kích trường kỳ ở nông thôn, còn ở thành thị thì thực hiện trường kỳ mai phục. Chúng ta không bắt đầu chiến tranh cách mạng bằng chiến lược phòng ngự mà luôn luôn nêu cao tư tưởng chiến lược tiến công, vận dụng chiến lược tiến công theo những phương pháp và hình thức thích hợp, bằng những lực lượng thích hợp, giành thắng lợi từng bước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn... Đó là cả một *hệ thống các quy luật về khởi nghĩa vũ trang và chiến tranh cách mạng, về chiến tranh nhân dân và chiến tranh giải phóng của dân tộc Việt-nam trong thời đại mới dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.*

Ngày nay, chúng ta đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử mới, trước điều kiện và hoàn cảnh mới của đất nước ta và của cục diện thế giới. Để góp phần có hiệu lực nhanh chóng tăng thêm sức mạnh quốc phòng của toàn dân, sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu kiên quyết, chuẩn bị khàn trương và tiến hành thắng lợi trong mọi tình huống chiến tranh nhân dân

bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải phấn đấu tích cực, đem hết tư duy sáng tạo và trí thức thực tiễn *phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự của nước ta lên những đỉnh cao mới.*

Muốn vậy, chúng ta cần nhận thức sâu sắc rằng, khác hẳn với hoàn cảnh khó khăn gian khổ trước đây, tình hình đất nước ta ngày nay đã có những bước biến chuyển to lớn theo hướng tiến lên. Với sự cố gắng vượt bậc của toàn dân, lực lượng của ta ngày càng mạnh lên về mọi mặt : chính trị, kinh tế và quân sự. Vì vậy, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc dù diễn ra trên quy mô nào cũng không phải phát triển theo quy luật từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh như trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trước đây. Nếu kẻ địch liều lĩnh gây ra chiến tranh lớn xâm lược nước ta, chúng ta có đầy đủ khả năng và điều kiện dễ dàng quyết và kịp thời đánh mạnh ngay từ đầu, tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của kẻ thù, giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời và vùng biển của ta.

Truyền thống quân sự của dân tộc ta là truyền thống toàn dân đánh giặc. Vì vậy, *dặc trưng quan trọng nhất của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam* trong chiến tranh giải phóng trước đây cũng như trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ngày nay là : khoa học và nghệ thuật ấy không

chỉ là công việc của các nhà lãnh đạo, các nhà chiến lược, mà là công việc thiết thân của toàn dân, của ức triệu người trong cả nước. Để bảo vệ thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quân đội ta, nhân dân ta, mỗi một người dân, mỗi một chiến sĩ phải đề cao tinh thần trách nhiệm, đem hết khả năng góp phần tích cực nhất xây dựng nên nền khoa học và nghệ thuật quân sự của nước ta, ra sức rèn luyện tư chất quân sự độc đáo và sáng tạo của con người Việt-nam.

Nếu kẻ địch liều lĩnh mở rộng chiến tranh xâm lược đối với nước ta, thì nhân dân ta kiên quyết tiến hành cuộc *chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa*, một cuộc *chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện phát triển đến trình độ cao nhất* trong lịch sử nước ta từ trước đến nay. Bởi vì, mục tiêu của cuộc chiến tranh ấy là bảo vệ độc lập chủ quyền và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh cách mạng chung của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Bởi vì, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, Nhà nước vô sản chuyên chính và chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa sẽ động viên và tổ chức đến mức cao nhất sức mạnh mọi mặt của nhân dân lao động đông đảo trên cả nước, biến toàn bộ tiềm lực quốc phòng của ta thành sức mạnh tổng hợp ngày càng to

lớn của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tiến hành cuộc chiến đấu kiên quyết trên cả các mặt trận quân sự, chính trị, kinh tế, ngoại giao.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là *cuộc chiến tranh cách mạng triệt để nhất*, cuộc độ sức một mất một còn giữa hai chế độ, hai hệ thống, giữa nhân dân ta đóng vai trò xung kích của cách mạng với các thế lực xâm lược phản động nhất. Bởi vậy, trong cuộc chiến tranh tự vệ này, quân và dân ta sẽ *vận dụng và phát triển tư tưởng chiến lược tiến công lên một trình độ mới*, với tinh thần cách mạng triệt để, với ý chí quyết chiến, quyết thắng, với những hình thức và phương pháp chiến đấu mới ngày càng phong phú, sáng tạo và có hiệu lực. Thực hiện *chiến lược làm chủ đề tiêu diệt, tiêu diệt để làm chủ* đạt hiệu suất chiến đấu cao, đánh bại hoàn toàn quân địch.

Dù là bọn phong kiến, bọn đế quốc hay các thế lực phản động khác, chúng thường vận dụng chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh; tuy nhiên, trong điều kiện cụ thể nào đó, chúng cũng vận dụng chiến lược làm ăn lá, leo thang từng bước, đánh lâu dài để tiêu hao lực lượng ta. Về phía ta, dân tộc ta đã từng đề ra kế đánh lâu dài (1) từ thế kỷ thứ sáu. Đồng thời, trong nhiều cuộc chiến tranh giữ nước cũng đã biết giành thắng lợi giòn giã, chỉ một trận là đại phá quân địch (2).

Đảng ta cũng đã từng vận dụng

thắng lợi chiến lược đánh lâu dài, sáng tạo thời cơ và một khi thời cơ đã đến, thì bằng một cuộc tiến công thần tốc, quét sạch toàn bộ quân địch, thu hồi toàn bộ non sông đất nước.

Ngày nay, trước tình hình mới, nhân dân ta luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng, bất kỳ trong tình huống nào, chúng ta cũng biết vận dụng chiến lược khoa học và sáng tạo nhất, đưa chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đến thắng lợi hoàn toàn.

Vấn đề đặt ra trong chỉ đạo chiến tranh là phải biết địch biết ta, *biết đánh giá đúng so sánh lực lượng giữa ta và địch* trong toàn bộ cuộc chiến tranh cũng như trong từng thời kỳ cụ thể, đề ra quyết tâm chiến lược đúng, cách đánh và cách thắng phù hợp nhất để giành thắng lợi lớn nhất.

Trong cục diện thế giới ngày nay, chúng ta càng coi trọng phát huy tinh thần tự lực tự cường, *dựa vào sức mình là chính, đồng thời ra sức tranh thủ sự viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ quốc tế to lớn và rộng rãi của cả loài người tiến bộ*, trong đó có cả nhân dân cách mạng các nước đối địch với ta.

Đứng về lĩnh vực đấu tranh vũ trang mà nói thì *bí quyết của nghệ thuật quân sự Việt-nam là nghệ thuật phát huy sức mạnh của toàn dân, của cả nước đánh giặc*,

(1) « Tri cửu chi kế » (Triệu-Quang-Phục).

(2) « Chỉ đánh một trận là thắng » (Nguyễn-Huệ)

cả về chiến lược, chiến dịch và chiến thuật. Bất kỳ kẻ thù xâm lược nào đụng đến đất nước ta, chúng sẽ vấp phải sức mạnh chiến đấu to lớn của *chiến tranh nhân dân địa phương*, của các lực lượng vũ trang tại chỗ, không những dựa vào các hệ thống làng xã và khu phố chiến đấu, mà còn dựa vào các trận địa, các pháo đài vững chắc đang hình thành trên từng huyện, trên từng tỉnh, từng thành phố. Chúng sẽ vấp phải *chiến tranh nhân dân của các binh đoàn chủ lực*, với những quân chủng, binh chủng ngày càng hiện đại, với cơ sở hạ tầng được tổ chức ngày càng tốt, có khả năng cơ động lớn, sức mạnh chiến đấu cao. Chúng ta lại biết xây dựng *thế trận lợi hại của chiến tranh nhân dân* trên từng địa phương cũng như trên phạm vi cả nước, kết hợp chặt chẽ giữa thế và lực, kết hợp lực lượng tại chỗ và lực lượng cơ động, kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương và chiến tranh nhân dân của các binh đoàn chủ lực, tạo nên sức mạnh áp đảo quân địch để thắng địch.

Nghệ thuật quân sự phải giải quyết đúng đắn và sáng tạo trong điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, các mối quan hệ: giữa tiến công và phòng ngự; giữa các quy mô tác chiến lớn, vừa và nhỏ; giữa việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, nửa hiện đại và thô sơ; giữa tiêu diệt quân địch và giữ vững đất đai, v.v.

Nghệ thuật quân sự Việt-nam luôn luôn *phát huy cao độ tư tưởng tiến công*, về hình thức tác chiến thì kết hợp chặt chẽ phản công, tiến công kiên quyết với phòng ngự ngoan cường, lấy tiến công và phản công làm chính.

Nghệ thuật ấy luôn luôn *đánh địch trên thế mạnh*. trong trường hợp lấy ít thắng nhiều, thì kết hợp lòng dũng cảm với trí thông minh, tạo nên ưu thế hơn địch để tiêu diệt chúng; tập trung binh lực, hỏa lực, thì lại càng mưu trí sáng tạo tìm ra cách đánh hay, tạo nên ưu thế mạnh, tiêu diệt gọn quân địch. Với phương tiện thô sơ cũng biết tạo nên ưu thế hơn địch, với phương tiện hiện đại, càng biết phát huy hiệu lực chiến đấu lên gấp nhiều lần. Với quy mô nhỏ thì vẫn biết tạo nên ưu thế đánh thắng kẻ địch lớn hơn; với quy mô vừa, lớn, lại càng biết sáng tạo cách đánh có hiệu lực nhất, tiêu diệt giòn giã sinh lực lớn của địch.

Nghệ thuật ấy coi trọng *tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch*, đồng thời coi trọng *bảo vệ đất đai của Tổ quốc*, đạt đến mục tiêu cuối cùng là tiêu diệt toàn bộ quân địch, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của ta.

Nghệ thuật quân sự của ta là nghệ thuật luôn luôn *nắm vững quyền chủ động, giành quyền chủ động*. Quyền chủ động là biểu hiện cao nhất của tư tưởng tiến công. Bất luận trong tình huống nào về chiến lược, chiến dịch hay

chiến thuật, trong tiến công hay trong phòng ngự, đều phải giành thế chủ động về ta, dồn địch vào thế bị động. Đó là điều kiện không thể thiếu để kết hợp một cách khoa học con người với kỹ thuật, coi con người là nhân tố quyết định nhất, vận dụng một cách khoa học mọi hình thức chiến đấu phù hợp với điều kiện cụ thể địch, ta và chiến trường. Mưu trí sáng tạo, bí mật bất ngờ, cơ động linh hoạt. Chọn đúng thời cơ và sáng tạo ra thời cơ; chọn đúng phương hướng và khéo phát hiện ra phương hướng có lợi, bằng sức mạnh áp đảo, biết tạo nên thế áp đảo, bằng những đòn quyết định tiến công tiêu diệt quân địch, làm cho chúng không kịp trở tay, đạt hiệu suất chiến đấu cao, giành thắng lợi lớn.

Đề không ngừng phát triển nền khoa học và nghệ thuật quân sự của nước ta, chúng ta phải biết vận dụng và nâng cao toàn bộ tri thức quân sự mà dân tộc ta, nhân dân ta, bằng biết bao hy sinh xương máu đã dày công tích lũy, đặc biệt là những kinh nghiệm vô giá và nóng hổi của hai cuộc kháng chiến thần thánh chống chủ nghĩa đế quốc quốc tế. Chúng ta lại phải biết tiếp thu nhanh chóng, có chọn lọc và thật sự làm chủ những tri thức quân sự hiện đại của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nghiên cứu và nắm vững tri thức quân sự của các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả các nước thù địch. Một điều cực kỳ quan trọng là phải đi sâu nghiên cứu và

phát hiện những đặc điểm mới về ta, về địch, về so sánh lực lượng, về bối cảnh quốc tế, *những quy luật chung* của chiến tranh cách mạng còn tiếp tục tác động trong hoàn cảnh mới, đặc biệt là *những quy luật mới* của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Phát hiện ra các quy luật của chiến tranh, nắm vững quy luật và hành động theo quy luật, đó là vấn đề mấu chốt của khoa học và nghệ thuật quân sự, là vấn đề có ý nghĩa quyết định để đưa chiến tranh đến thắng lợi.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác—Lê-nin và đường lối chính trị, quân sự của Đảng, chiến đấu vì những mục tiêu cao cả của dân tộc và của cả loài người tiến bộ, nhân dân ta qua các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh trước đây đã nắm vững được quy luật, hành động đúng quy luật và đã giành được thắng lợi vĩ đại. Ngày nay, chúng ta phải ra sức nghiên cứu và phát hiện cho được những quy luật của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta, dựa vào quy luật đó mà đề ra phương hướng hành động, tiếp tục xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tăng cường phòng thủ đất nước, đề ra kế hoạch tác chiến phù hợp, chủ động và giành thắng lợi trong mọi tình huống.

Về phía địch, do mục tiêu phi nghĩa của chiến tranh xâm lược, đi ngược lại xu hướng phát triển

của cả loài người tiến bộ, bọn đế quốc xâm lược và mọi thế lực bành trướng phản động luôn luôn phạm sai lầm chủ quan, không thể nào phát hiện được quy luật khách quan của chiến tranh, luôn luôn hành động trái với quy luật. Do đó, dù chúng có tiềm lực kinh tế và quân sự to lớn đến đâu, có mưu đồ thâm độc nham hiểm đến đâu, chúng cũng không thể nào tránh khỏi thất bại.

Chúng ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nên một nền khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam đủ sức giải quyết những yêu cầu thực tiễn do quốc phòng và chiến tranh đề ra, đồng thời mở ra những hướng mới về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, về kỹ thuật quân sự và đón trước những vấn đề mới có thể nảy sinh.

Nền khoa học và nghệ thuật quân sự của giai cấp vô sản ở

nước ta trong giai đoạn mới là nền *khoa học và nghệ thuật quân sự của quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.*

Nền khoa học và nghệ thuật quân sự ấy lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, lấy đường lối chính trị và đường lối quân sự của Đảng do Đại hội đề ra làm cơ sở xuất phát, lấy nhiệm vụ cách mạng mới, nhiệm vụ quân sự mới làm mục tiêu. Nền khoa học và nghệ thuật quân sự ấy lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm phương pháp luận; kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, lấy thực tiễn sinh động làm động lực phát triển; kết hợp chặt chẽ tính cách mạng và tính khoa học, góp phần tạo nên sức mạnh to lớn để chiến thắng mọi kẻ thù, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thân yêu.



TỪ thời đại vua Hùng dựng nước đến thời đại Hồ-Chi-Minh, lịch sử nước ta đã trải qua biết bao bước thịnh suy, suy rồi lại thịnh, dân tộc Việt-nam đã phải tiến hành biết bao cuộc chiến đấu cực kỳ gay go và quyết liệt, nhưng cuối cùng đều giành được thắng lợi vĩ đại. Dân tộc ta vẫn tồn tại và không ngừng phát triển, đất nước ta vẫn tiếp tục tiến lên trên con đường hạnh phúc và phồn vinh.

Ngày nay, dân tộc ta đã bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên rực rỡ nhất trong lịch sử của mình. Mỗi người dân Việt-nam chúng ta đã trở thành người chủ thật sự của nước nhà. Chúng ta đang ra sức xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc trong hòa bình.

(Xem tiếp trang 76)

TRÊN CƠ SỞ NHỮNG KINH NGHIỆM ĐÃ THU ĐƯỢC, CẦN LÀM TỐT CÔNG TÁC NGOẠI THƯƠNG TRONG GIAI ĐOẠN MỚI CỦA CÁCH MẠNG

ĐẢNG-VIỆT-CHÂU

NGÀY 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, trong đó có điểm « xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất Việt-nam ». Một kỷ nguyên mới trong quan hệ kinh tế giữa nước Việt-nam với nước ngoài đã được mở ra. Từ đó, ngoại thương, một bộ phận rất quan trọng của nền kinh tế quốc dân, trước kia bị thực dân Pháp nắm giữ, đã trở về tay nhân dân Việt-nam và được xúc tiến trên cơ sở chủ quyền dân tộc.

Nhưng trong khi nước ta vừa mới giành được độc lập, chưa kịp thiết lập quan hệ với nước ngoài, thì thực dân Pháp đã trở lại xâm lược nước ta. Cả nước bước vào một cuộc kháng chiến trường kỳ. Trong điều kiện đất nước bị bao vây và chia cắt làm nhiều vùng, để giải quyết những khó khăn về kinh tế của vùng tự do, ta đã chủ trương mở rộng việc buôn bán giữa vùng tự do và vùng tạm bị chiếm qua những cửa khẩu được quy định, và dùng biện pháp quản lý xuất khẩu và nhập khẩu để đấu tranh kinh tế với địch. Chủ trương này đã đạt những kết quả tích cực.

Năm 1954, sau khi ký kết Hiệp nghị Giơ-ne-vơ về Đông-dương, miền Bắc được giải phóng, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa bắt tay vào việc khôi phục kinh tế và giành được những thắng lợi lớn. Điều kiện lịch sử này đã cho phép ngoại thương Việt-nam phát triển một cách thuận lợi. Trong ba năm khôi phục kinh tế (1955 — 1957), nước ta đã lần lượt xây dựng và phát triển quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và đã thiết lập quan hệ buôn bán với một số nước tư bản chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa: Pháp, In-dô-nê-xi-a, Ấn-độ, Ai-cập và thị trường Hương-cảng. Hằng năm, khối lượng hàng xuất khẩu và nhập khẩu tăng lên đáng kể; năm 1957, kim ngạch xuất khẩu tăng 70% so với năm 1955. Viện trợ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em vẫn chiếm tỷ trọng rất lớn trong nhập khẩu.

Năm 1958, thời kỳ khôi phục kinh tế kết thúc, giai đoạn phát triển kinh tế theo một kế hoạch thống nhất bắt đầu. Ngày 29 tháng 4 năm 1958, Bộ ngoại thương nước Việt-nam dân chủ cộng hòa được thành lập. Đây

là một sự kiện quan trọng mở đầu cho thời kỳ phát triển toàn diện của nền ngoại thương xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Đến năm 1964, nước ta đã ký hiệp định thương mại với 16 nước và đã buôn bán với gần 40 nước trên thế giới; khối lượng hàng hóa trao đổi tăng nhanh; so với kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu năm 1957, kim ngạch xuất khẩu năm 1964 tăng 2,3 lần, kim ngạch nhập khẩu tăng 1,5 lần. Trong thời kỳ này, phần lớn việc trao đổi hàng hóa của ta đều được xúc tiến với các nước xã hội chủ nghĩa, phần buôn bán với thị trường tư bản chủ nghĩa cũng tăng. Phương thức buôn bán và vay nợ để xây dựng các công trình đã dần dần thay thế phương thức nhận viện trợ không hoàn lại trong quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài.

Bước vào thời kỳ cả nước có chiến tranh (1965 - 1975), công tác xuất khẩu bị giảm sút nghiêm trọng, trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu tăng; nhưng nhờ có chính sách đoàn kết quốc tế đúng đắn của Đảng và Nhà nước, chúng ta đã tranh thủ được sự viện trợ quốc tế rộng rãi của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của bầu bạn khắp nơi trên thế giới; đã tìm mọi biện pháp tổ chức tiếp nhận và đưa hàng về nước kịp thời, đáp ứng yêu cầu của chiến đấu, sản xuất và đời sống nhân dân, đồng thời đã phấn đấu duy trì xuất khẩu trong những điều kiện khó khăn nhất, làm cho quan hệ kinh tế của nước ta với nước ngoài không bị đứt quãng. Đây là một cố gắng lớn, chẳng những giúp chúng ta giải quyết được những nhu cầu mà viện trợ chưa đáp ứng, mà còn làm tăng thêm lòng tin cậy của nước ngoài đối với nước ta trong việc phát triển quan hệ kinh tế và thương mại.

Sau khi đế quốc Mỹ ngừng ném bom miền Bắc nước ta, hoạt động xuất khẩu lại được đẩy mạnh, và đến năm 1975, kim ngạch xuất khẩu

tăng 30% so với năm 1964. Ngoài nhiều mặt hàng xuất khẩu đã được khôi phục lại như: gỗ ván sàn, giày cao su, chúng ta có thêm một số mặt hàng xuất khẩu mới, có sức hấp dẫn thị trường nước ngoài như các loại tinh dầu, thảo len, thảo dây...

Năm 1975, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, nước ta chuyển sang giai đoạn mới: cả nước hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế và bước vào kế hoạch 5 năm thứ hai (1976 - 1980). Dựa vào tiềm năng kinh tế của cả nước, chúng ta đã kịp thời khai thác những nguồn hàng có giá trị ở các tỉnh miền Nam để xuất khẩu, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển các mặt hàng xuất khẩu ở miền Bắc, đưa kim ngạch xuất khẩu tăng với nhịp độ nhanh: kim ngạch xuất khẩu năm 1976 tăng 70% so với kim ngạch xuất khẩu năm 1975; và kim ngạch xuất khẩu năm 1977 tăng 42% so với kim ngạch xuất khẩu năm 1976. Chúng ta đã có những mặt hàng xuất khẩu có khối lượng tương đối lớn và có giá trị cao trên thị trường thế giới như: than, gỗ, cà-phê, cao-su, tôm, mực, hoa quả hộp, dứa đông lạnh, hàng mỹ nghệ...

Chúng ta đã biết lợi dụng tình hình quốc tế thuận lợi, tranh thủ viện trợ và tín dụng quốc tế để nhập khẩu thiết bị, máy móc, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón với khối lượng lớn, đáp ứng nhu cầu khôi phục kinh tế, phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân.

Từ sau ngày thống nhất đất nước, việc buôn bán giữa nước ta với nước ngoài cũng được mở rộng nhanh chóng, quan hệ buôn bán giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em được tăng cường về mọi mặt; quan hệ buôn bán giữa nước ta với các nước tư bản chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa cũng được mở rộng hơn. Hiện nay, chúng ta đã có quan hệ kinh tế và thương mại với 60

nước, trong đó thường xuyên giao dịch buôn bán với hơn 40 nước. Ngoài ra, nước ta còn có quan hệ với nhiều tổ chức kinh tế và tài chính quốc tế; quan hệ đó đã tạo thêm điều kiện buôn bán với các nước ngoài khối xã hội chủ nghĩa.



Từ thực tiễn hoạt động của ngành ngoại thương trong 20 năm qua, chúng ta có thể rút ra mấy bài học kinh nghiệm quý, bổ ích cho hoạt động ngoại thương trong thời gian tới:

Một là, Năm vững và không ngừng củng cố chế độ Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương.

Một thắng lợi quan trọng trong 20 năm qua là chúng ta đã thiết lập và không ngừng củng cố chế độ Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương, nguyên tắc cơ bản nhất của ngoại thương xã hội chủ nghĩa do Lê-nin đề ra. Chế độ độc quyền ngoại thương ở nước ta đã được tiến hành từng bước, bắt đầu từ việc Nhà nước quản lý mọi hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, đi đến Nhà nước nắm trọn quyền ngoại thương. Sự phát triển về chính sách nói trên gắn liền với sự phát triển của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, và kinh nghiệm thu được trong việc thực hiện chế độ độc quyền ngoại thương rất phong phú.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946 — 1954), do tình trạng đất nước bị bao vây và chia cắt ra nhiều vùng, muốn giải quyết những nhu cầu của kháng chiến, Nhà nước ta phải sử dụng tư thương trong việc khơi luồng hàng từ vùng tạm bị chiếm ra vùng tự do, và đã thành lập thương nghiệp quốc doanh độc quyền thu mua các loại hàng đó. Sử dụng tư thương kết hợp với công tác quản lý xuất nhập khẩu, đó là chính sách khôn khéo và cần thiết trong hoàn cảnh chiến tranh. Nhưng sau khi giải phóng miền Bắc (năm 1945), chúng ta

chậm sửa đổi chính sách này, vẫn tiếp tục sử dụng tư thương trong việc buôn bán với Hương-cảng, vì vậy, có lúc đã xảy ra những hiện tượng tiêu cực trong nền kinh tế như: hàng bên ngoài thâm nhập vào thị trường trong nước, gây trở ngại lớn cho việc phát triển sản xuất hàng tiêu dùng trong nước, con buôn lũng dụng vàng để có phương tiện thanh toán, đẩy giá lên cao, v.v. Cuối cùng, chúng ta phải đi tới nắm trọn quyền ngoại thương, chuyển toàn bộ thương nhân xuất nhập khẩu sang sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Việc này tiến hành song song với việc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đã làm cho nền kinh tế của ta ở miền Bắc trong thời kỳ đó phát triển thuận lợi, và ngành ngoại thương đã vươn lên nhanh chóng để phục vụ công cuộc xây dựng kinh tế, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa nước nhà. Rút những kinh nghiệm quý báu kể trên sau ngày giải phóng miền Nam, Nhà nước ta thực hiện ngay chế độ độc quyền ngoại thương, không cho thương nhân được phép kinh doanh xuất nhập khẩu. Đó là một việc làm rất đúng và kịp thời, làm cho bọn tư sản mại bản và gian thương không móc nối được với bên ngoài để đục khoét nền kinh tế của ta.

Tóm lại, nhờ thực hiện chế độ độc quyền ngoại thương, chúng ta đã bảo vệ được sản xuất, chống được sự lũng đoạn của tư bản nước ngoài và mọi âm mưu phá hoại của chúng, hạn chế được những tác động tiêu cực của thị trường tư bản thế giới đối với nền kinh tế nước ta, tạo điều kiện cho sự ổn định và phát triển lành mạnh của nền kinh tế quốc dân để vững bước xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ. Nhưng cần hiểu rõ: Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương là một nguyên tắc cơ bản, một chính sách phổ biến có tính quy luật mà các nước xã hội chủ nghĩa đều phải thực hiện trong quá trình xây dựng và phát triển

kinh tế; còn cách vận dụng như thế nào là tùy theo mỗi nước: có nước quy định thành luật pháp, có nước chỉ tiến hành trên thực tế; nhưng nói chung, tất cả các nước đều thành lập Bộ ngoại thương làm chức năng quản lý thống nhất công tác xuất nhập khẩu, thực hiện chế độ Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương và nắm hệ thống kinh doanh xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ ngoại thương. Đến nay, ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa châu Âu, do việc tổ chức lại sản xuất đã làm xong, nhất là sau cuộc cải cách quản lý kinh tế, người ta đã nghiên cứu và áp dụng những hình thức xí nghiệp sản xuất tham gia trực tiếp vào hoạt động ngoại thương, tạo ra trách nhiệm qua lại giữa các tổ chức ngoại thương và các xí nghiệp công nghiệp đối với vấn đề nâng cao hiệu quả kinh tế của mỗi ngành và của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Việc áp dụng các hình thức nói trên ở mỗi nước mỗi khác, nhưng nói chung có ý nghĩa như sau:

1 - Giảm bớt sự tập trung kinh doanh vào các tổng công ty chuyên doanh ngoại thương.

2 - Xây dựng trách nhiệm cộng đồng chặt chẽ giữa xí nghiệp ngoại thương và xí nghiệp sản xuất về những mặt hàng xuất khẩu, cũng như về hiệu quả kinh doanh của những mặt hàng đó.

3 - Cho những xí nghiệp sản xuất có đủ điều kiện hoạt động đối ngoại được tham gia trực tiếp vào những giao dịch ngoại thương bằng nhiều hình thức khác nhau.

Chúng ta cần nghiên cứu những hình thức cải cách nói trên, nhưng phải xuất phát từ đặc điểm nền kinh tế của ta mà đề xuất những hình thức cải cách thích hợp. Do nền kinh tế nước ta chưa vượt khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, cho nên hàng xuất khẩu của ta còn manh mún, phần lớn là hàng thủ công hay nông sản, lâm

sản thu mua từ các hợp tác xã và nông dân cá thể, quy cách chưa đồng đều, tiêu chuẩn quốc tế chưa đạt, phẩm chất chưa tốt. Trong điều kiện như trên, ngành ngoại thương không những phải bảo đảm số lượng hàng hóa ký kết với nước ngoài, mà còn phải lo bảo đảm quy cách, phẩm chất và tiêu chuẩn hàng hóa, bao bì đóng gói và thời gian giao hàng. Vì vậy, việc tập trung kinh doanh những mặt hàng sản xuất phân tán vào các công ty chuyên doanh ngoại thương vẫn là cần thiết. Tuy nhiên, đã có một số mặt hàng được tổ chức theo hướng sản xuất tập trung chuyên dành cho xuất khẩu như: cao su, tôm, mực ướp đông, v.v. Đối với những sản phẩm này, cần nghiên cứu những hình thức thích hợp để gắn người sản xuất với việc kinh doanh xuất nhập khẩu của ngoại thương, nhằm nâng cao trách nhiệm của cả hai bên đối với việc phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, cũng như đối với việc bảo đảm hiệu quả kinh doanh hàng xuất khẩu. Trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương tại Đại hội lần thứ IV của Đảng, có đoạn viết: *«Tham gia trực tiếp vào hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu là trách nhiệm chung của các ngành, các cấp, của mọi người sản xuất. Nhưng mọi hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu đều do Nhà nước thống nhất quản lý, thông qua cơ quan chuyên trách là Bộ ngoại thương»*. Gần đây, dựa trên tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban chấp hành trung ương Đảng «về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới», Hội đồng chính phủ đã quyết định: «Đề đẩy mạnh công tác xuất nhập khẩu, chính phủ cho phép các liên hiệp xí nghiệp, công ty của các ngành và các địa phương được cử cán bộ cùng với ngành ngoại thương giao dịch thẳng với các tổ chức xuất nhập khẩu của nước ngoài

để xác định quy cách, phẩm chất, mặt hàng và trực tiếp lựa chọn thiết bị, phụ tùng, vật tư nhập khẩu phù hợp với yêu cầu của sản xuất. Ngành ngoại thương vẫn quản lý thống nhất và giám sát việc giao dịch này theo đúng đường lối, chính sách xuất nhập khẩu của Đảng và Nhà nước (1).

Phương hướng tổ chức thực hiện chế độ Nhà nước nắm độc quyền ngoại thương trong tình hình mới đã rõ, Bộ ngoại thương có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất với Chính phủ những hình thức tổ chức thích hợp.

Hai là: Phát triển sản xuất, tạo ra nhiều nguồn hàng xuất khẩu có khối lượng lớn, giá trị cao để đẩy mạnh xuất khẩu. Từ thực tiễn của công tác ngoại thương, chúng ta dần dần nhận thức được vai trò và tác dụng của xuất khẩu đối với việc phát triển kinh tế. Trong điều kiện một nền kinh tế từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, công tác xuất khẩu cần được đẩy mạnh để kích thích sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, thúc đẩy phân công lao động xã hội, tạo điều kiện để mở rộng nhập khẩu; xuất khẩu trở thành một vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong sự nghiệp xây dựng kinh tế nước ta.

Chúng ta cũng rút ra kết luận là phải tăng nhanh tốc độ xuất khẩu hàng năm, và tốc độ xuất khẩu nhất thiết phải tăng nhanh hơn tốc độ nhập khẩu và tốc độ phát triển kinh tế. Để tăng nhanh xuất khẩu, chúng ta không thể trông vào việc thu nhập những của cải tự nhiên, cũng không thể chỉ dựa vào việc huy động những sản phẩm thừa nhưng rất bấp bênh của nền sản xuất liều năng phân tán, hoặc thỏa mãn với năng lực của những cơ sở công nghiệp hiện có, mà nhất thiết phải xây dựng các cơ sở sản xuất lớn, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu dồi dào, tập trung, để huy động và có chất lượng cao, đạt những tiêu chuẩn quốc tế. Hình thức sản xuất lớn trong nông

nghiệp có thể là nông trường quốc doanh, nhưng cũng có thể là các hợp tác xã đã thực hiện chuyên canh trên những địa bàn đã phân vùng và quy hoạch sản xuất. Hình thức sản xuất lớn trong công nghiệp có thể là những xí nghiệp hiện đại, nhưng cũng có thể là những xí nghiệp nhỏ được trang bị tốt và được Nhà nước thống nhất quản lý và chỉ đạo về kỹ thuật, để làm ra những sản phẩm đúng quy cách và tiêu chuẩn theo yêu cầu của thị trường quốc tế.

Chúng ta cũng rút ra một kết luận lớn là muốn tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu, phải có phương hướng sản xuất hàng xuất khẩu đúng đắn và phải xác định cơ cấu xuất khẩu hợp lý. Cơ cấu xuất khẩu phải dựa trên những thế mạnh về kinh tế như: tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhân lực dồi dào, kỹ thuật thành thạo (hay có truyền thống) để vừa đáp ứng được yêu cầu của thị trường thế giới, vừa bảo đảm cho sản xuất có hiệu quả kinh tế cao.

Để bảo đảm có nhiều hàng xuất khẩu, chúng ta vừa phải dựa vào kinh tế trung ương, vừa phải dựa vào kinh tế địa phương, vừa phải dựa vào kinh tế quốc doanh, vừa phải dựa vào kinh tế hợp tác xã. Chúng ta sản xuất hàng xuất khẩu là để bán ra thị trường thế giới: ở đây, có sự cạnh tranh về giá cả, phẩm chất, hình dáng, trang trí, bao bì và cả về thời gian giao hàng nữa. Vì vậy, các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở làm hàng xuất khẩu phải thường xuyên cố gắng tăng phẩm chất, hạ giá thành để có thể cạnh tranh với hàng các nước.

Ba là: Công tác nhập khẩu phải gắn liền với đường lối xây dựng kinh tế của Đảng, với nhiệm vụ của kế hoạch Nhà nước dài hạn

(1) Nghị quyết Hội đồng chính phủ số 194 CP về việc thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1978, ngày 7.8.1978.

va hằng năm, với việc phát triển khoa học và thúc đẩy cách mạng kỹ thuật trong các ngành kinh tế.

Thực tiễn của công tác ngoại thương trong 20 năm qua chứng minh rằng: cần thực hiện đúng phương hướng nói trên để bảo đảm cho nền kinh tế phát triển với tốc độ cao. Chúng ta đều biết: do nền kinh tế của ta còn lạc hậu, hầu hết các thiết bị, nguyên liệu, vật tư kỹ thuật và các tư liệu sản xuất khác đều phải mua của nước ngoài, nhập khẩu các loại hàng nói trên là nguồn bổ sung rất quan trọng cho nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, nhập khẩu có ý nghĩa là sử dụng lực lượng kinh tế bên ngoài tiếp sức cho nền kinh tế trong nước, bảo đảm kế hoạch xây dựng, rút ngắn quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp và nông nghiệp phát triển, tăng tích lũy và nâng cao đời sống nhân dân.

Mặc dù công tác nhập khẩu có tầm quan trọng như vậy, yêu cầu nhập khẩu của các ngành kinh tế vẫn phải được xem xét kỹ lưỡng, đối chiếu với đường lối xây dựng kinh tế của Đảng, và những nhiệm vụ mà kế hoạch Nhà nước đề ra. Nhà nước phải tính toán hiệu quả kinh tế mà mỗi việc nhập khẩu đem lại cho các ngành sản xuất và cho toàn bộ nền kinh tế quốc dân. *Yêu cầu nhập khẩu không thể xem xét một cách tách rời với khả năng xuất khẩu, vì chỉ có đầy mạnh xuất khẩu mới bảo đảm vững chắc và lâu dài các yêu cầu nhập khẩu.* Trong tình hình trước mắt, xuất khẩu của ta còn hạn chế, ta phải lợi dụng mọi điều kiện quốc tế thuận lợi vay vốn nhập những thiết bị vật tư cần thiết, nhằm đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế, nhưng việc làm này phải được cân nhắc kỹ lưỡng, tính toán tỉ mỉ, không để cho nền kinh tế quốc dân chịu những hậu quả không tốt.

Khó khăn lớn nhất của công tác nhập khẩu hiện nay là nhập khẩu các

thiết bị toàn bộ để xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Nó đòi hỏi sự thấu suốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, sự hiểu biết khá cao về kỹ thuật và những kiến thức khá rộng về thị trường thế giới. Nó cũng đòi hỏi sự tính toán chính xác các mặt cân đối trong nước để bảo đảm xây dựng công trình. Công việc này, trước hết, là thuộc chức năng của Bộ chủ quản và Ủy ban kế hoạch Nhà nước, nhưng ngành ngoại thương cũng có nhiệm vụ đóng góp tích cực, nhất là tìm hiểu sự đòi hỏi của kỹ thuật thế giới, khả năng cho vay vốn và cung cấp thiết bị của những nước (hay những tập đoàn tư bản) đối với công trình mà ta dự kiến xây dựng.

Sau việc nhập khẩu thiết bị toàn bộ, việc nhập khẩu các thiết bị lẻ cũng khá phức tạp, vì việc này cũng nằm trong kế hoạch trang bị cho các ngành kinh tế quốc dân. Nhập khẩu thiết bị lẻ có quan hệ đến việc cơ giới hóa và thúc đẩy cách mạng kỹ thuật trong các ngành, đến việc nghiên cứu và phát triển khoa học. Vì vậy, các ngành phải nghiên cứu chu đáo, tính toán cụ thể nhu cầu và hiệu quả kinh tế của việc nhập khẩu thiết bị lẻ, nhằm đề ra kế hoạch nhập khẩu thiết bị lẻ một cách hợp lý, để Nhà nước có thể dựa vào đó mà xác định phương hướng tập trung vốn cho ngành nào trước, ngành nào sau. Một thiếu sót lớn của ta trong việc nhập khẩu thiết bị toàn bộ và thiết bị lẻ là chúng ta chưa chú ý đúng mức đến việc nhập khẩu thiết bị cho những công trình tạo ra nguồn hàng xuất khẩu. Trong công tác nhập khẩu, chúng ta phải chú ý tranh thủ kỹ thuật tiên tiến, thiết bị hiện đại để nâng cao năng suất lao động trong nước và bảo đảm yêu cầu của cách mạng kỹ thuật, nhưng việc tranh thủ thiết bị hiện đại và kỹ thuật tiên tiến phải phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta, để tránh

những lãng phí về ngoại tệ trong lúc đất nước còn quá nghèo và nền kinh tế quốc dân đang có nhiều đòi hỏi cấp bách.

Về nhập khẩu nguyên liệu và vật tư sản xuất, cần lập đơn hàng kịp thời và chính xác, xét duyệt các đơn hàng đó một cách kỹ lưỡng, không để xảy ra tình trạng nhập trùng, nhập sai quy cách, gây ra tình trạng ứ đọng hàng. Cần xây dựng những cơ sở sản xuất nguyên liệu, vật liệu để tự giải quyết những nhu cầu mà ta có khả năng giải quyết, phát huy khả năng của ngành cơ khí để sản xuất những thiết bị và phụ tùng cho các thiết bị, máy móc và phương tiện vận tải hiện có, không để kéo dài tình trạng lệ thuộc vào bên ngoài, dù giá thành sản xuất những mặt hàng đó lúc đầu có đắt hơn giá nhập khẩu.

Để thực hiện những điều nói trên, phải *xây dựng chế độ xét duyệt đơn hàng nhập khẩu một cách chặt chẽ*; và phải *tìm những thị trường cung cấp hàng một cách vững chắc, ổn định*, để tránh tình trạng bộn đầu cơ quốc tế bất chệt, nâng giá. Phải biết kết hợp chặt chẽ nhập khẩu với xuất khẩu, tạo ra một sự trao đổi hai chiều, để khắc phục tình trạng nhập siêu quá mức và phụ thuộc vào nước ngoài, có hại cho nền kinh tế và uy tín quốc tế của nước ta.

Bốn là: Thấu suốt đường lối xây dựng kinh tế và đường lối đối ngoại trong việc mở rộng các quan hệ kinh tế và thương mại với nước ngoài.

Thực tiễn của hoạt động ngoại thương trong 20 năm qua chứng minh đường lối: *“tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi”* mà Đảng ta đã đề ra là hoàn

toàn đúng. Trong thời đại hiện nay, sự phân công lao động quốc tế đã mở rộng, cách mạng kỹ thuật đang tiến rất nhanh, một nước dù có tài nguyên phong phú đến đâu cũng không thể tự tách mình ra khỏi thế giới để phát triển kinh tế theo hướng tự cấp tự túc, vì làm như vậy là tự hạn chế mình trong việc tiếp thu khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới và không sử dụng được lợi ích của sự phân công lao động quốc tế. Đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: *“Mở rộng quan hệ kinh tế với các nước trên thế giới, trước hết với các nước xã hội chủ nghĩa, là một yêu cầu khách quan đồng thời là một thuận lợi lớn của việc tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa”* (2).

Có thấu suốt đường lối trên đây trong công tác hằng ngày, chúng ta mới tranh thủ được các điều kiện quốc tế thuận lợi để mở rộng quan hệ kinh tế và thương mại, nhằm phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế nước ta.

Trong quan hệ kinh tế với các nước, chúng ta cần nắm vững yêu cầu, khả năng và tình trạng phát triển kinh tế của mỗi nước và nghĩa vụ đối với nhau để có phương hướng và chính sách cụ thể, thích hợp. Cần nghiên cứu sâu về cơ cấu kinh tế của những nước có quan hệ với nước ta để tìm hiểu khả năng hợp tác và bổ sung cho nhau, từ đó xác định được thị trường một cách vững chắc để thiết lập quan hệ ổn định, lâu dài. Cần chú ý rằng trong quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, chúng ta vừa *xét tới lợi ích của cả hai bên*, vừa nêu cao *tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau*. Giữa các nước xã hội chủ nghĩa với các nước dân tộc chủ nghĩa, và giữa các nước dân tộc chủ nghĩa với nhau, tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau cũng

(2) Lê-Duẩn: Ra sức phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, *tạp chí Học tập* số 10 năm 1974, trang 31.

thường thể hiện. Vì vậy, cần luôn luôn *thấu suốt đường lối đối ngoại của Đảng* để giải quyết đúng đắn những quan hệ kinh tế và thương mại, vừa bảo đảm lợi ích của đất nước, vừa tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị và quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước dân tộc chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.



Bước sang giai đoạn mới của cách mạng, việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ chung của tất cả các ngành, các cấp, và của toàn thể nhân dân ta. Ngành ngoại thương có nhiệm vụ phục vụ sự nghiệp to lớn này.

Trong điều kiện đất nước thống nhất, chúng ta có những tiềm năng to lớn về nông sản, lâm sản, hải sản, có tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng, có sức lao động dồi dào; nền sản xuất xã hội đang được tổ chức lại theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tình hình trên sẽ bảo đảm cho ngoại thương có những nguồn hàng phong phú để đẩy mạnh xuất khẩu. Điều kiện quốc tế hiện nay cũng thuận lợi cho ta. Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng mạnh, kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa phát triển đều đặn, với tốc độ cao. Nhiều nước dân tộc chủ nghĩa đã củng cố được nền độc lập của mình, thủ tiêu quyền lợi của bọn thực dân và tư bản nước ngoài. Trong khi đó, nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa rơi vào tình trạng suy thoái triền miên không có lối thoát. Do thị trường thế giới tư bản chủ nghĩa bị thu hẹp, các nước tư bản chủ nghĩa phải tìm chỗ bán hàng, đầu tư, cho vay vốn. Nhưng

để tiêu thụ hàng hóa, các nước tư bản chủ nghĩa không thể không mở rộng nhập khẩu hàng của những nước mà họ muốn phát triển quan hệ. Đây là thời cơ thuận lợi để chúng ta tranh thủ vốn xây dựng kinh tế, đồng thời mở rộng thị trường xuất khẩu của ta để trả nợ. Nhưng nền kinh tế quốc dân của ta hiện nay còn ở trình độ sản xuất nhỏ, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh. Miền Nam nước ta mới thoát khỏi chủ nghĩa thực dân mới, đang ở bước đầu của thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sản xuất công nghiệp và nông nghiệp nói chung còn thấp; trong khi đó, yêu cầu nhập khẩu tăng nhanh. Đó chính là những khó khăn về kinh tế mà Đảng và Chính phủ ta đang phải tập trung giải quyết, và đó cũng chính là những khó khăn của ngành ngoại thương chúng ta.

Để giải quyết những khó khăn trên, chúng ta phải ra sức phát triển sản xuất, đẩy mạnh xuất khẩu, bảo đảm trong khoảng bảy năm hoặc tám năm tới có thể thực hiện được thắng bằng xuất khẩu và nhập khẩu, tạo điều kiện cho nền kinh tế quốc dân hoạt động bình thường, không kể yêu cầu vốn cho sự nghiệp xây dựng nước nhà trên quy mô lớn.

Để đạt mục tiêu này, cả nước phải ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng về việc "Tăng nhanh xuất khẩu bằng cách phát huy khả năng lớn của nông nghiệp, lâm nghiệp nhiệt đới, tận dụng khả năng của công nghiệp nhẹ, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đẩy mạnh khai thác một số hải sản và khoáng sản có trữ lượng khá, tiến tới xuất khẩu một số mặt hàng công nghiệp nặng".

Trước mắt, trong kế hoạch 5 năm: 1976 — 1980, nguồn xuất khẩu là các mặt hàng nông sản và nông sản chế biến, thủy sản, lâm sản, hàng công nghiệp tiêu dùng, kể cả hàng làm gia công cho nước ngoài, hàng mỹ nghệ,

đồ thêu, thảm len, thảm dày, thảm cói... Ngoài ra, cũng phải kể đến than, a-pa-tít, một số khoáng sản và mặt hàng cơ khí.

Ngành ngoại thương phải cùng với các ngành sản xuất đề ra những biện pháp thiết thực và vững chắc, vừa phát huy khả năng của các cơ sở sản có nhằm tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, huy động thêm hàng xuất khẩu; vừa đẩy mạnh đầu tư về bề rộng lẫn bề sâu, kết hợp với việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nhằm xây dựng các vùng chuyên canh, các cơ sở sản xuất có quy mô lớn và kỹ thuật cao, chuyên sản xuất hàng xuất khẩu với khối lượng lớn và giá trị cao. Vận động nhân dân tiết kiệm tiêu dùng những loại hàng có giá trị trên thị trường thế giới như: lạc, đậu, chè, cà phê, tôm, mực, thịt bò, nước quả, đồ hộp và các hàng công nghiệp có phẩm chất cao... để xuất khẩu.

Mở rộng hợp tác với nước ngoài bằng mọi hình thức: ký kết các hiệp định dài hạn về ngoại thương, hợp tác gia công, hợp tác sản xuất, v.v. nhằm giải quyết vấn đề nguyên liệu và thị trường tiêu thụ, đồng thời tranh thủ nhập khẩu kỹ thuật của nước ngoài.

Cải tiến công tác kế hoạch hóa xuất khẩu cho phù hợp với tình hình kinh tế của ta. Khi đề ra kế hoạch xuất khẩu, cần xem xét các mặt cân đối một cách vững chắc: cân đối giữa chỉ tiêu sản xuất và chỉ tiêu nguyên liệu, vật tư, chỉ tiêu lao động; cân đối giữa khối lượng hàng xuất khẩu với phương tiện vận tải, kho tàng, khả năng bốc xếp tại cảng, v.v.

Tham gia trực tiếp vào hoạt động xuất khẩu là trách nhiệm của các ngành, các cấp, của mọi người sản xuất. Cần làm cho mọi người, từ cán bộ, công nhân, nhân viên các cơ sở sản xuất đến các đoàn thể quần chúng

và các xã viên hợp tác xã nhận thức được tính chất và vị trí quan trọng của xuất khẩu đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thấy rõ trách nhiệm của mình trong sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng, dành nhiều hàng và hàng tốt cho xuất khẩu.

Yêu cầu nhập khẩu trong suốt thời kỳ công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là rất lớn và không ngừng tăng. Trong điều kiện xuất khẩu chưa theo kịp yêu cầu nhập khẩu, cần xác định phương hướng nhập khẩu một cách đúng đắn và tổ chức tốt việc quản lý nhập khẩu, sử dụng nguồn ngoại tệ ít ỏi của chúng ta một cách hợp lý, tập trung và có trọng điểm Tập trung nhập khẩu những thiết bị, vật tư kỹ thuật và những tư liệu sản xuất khác cho sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, bảo đảm yêu cầu của cách mạng khoa học kỹ thuật, của việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao năng suất lao động trong nước.

Ngoài việc nhập khẩu các thiết bị toàn bộ để xây dựng các công trình công nghiệp then chốt, cần nhập khẩu thiết bị để trang bị cho các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, tăng cường năng lực sản xuất cho các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến, đồng thời xây dựng cấu trúc hạ tầng để bảo đảm sự kết hợp hoạt động giữa các ngành sản xuất và giúp cho việc điều hành nền kinh tế quốc dân được dễ dàng.

Coi trọng việc nhập khẩu các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng để bảo đảm cho các ngành kinh tế hoạt động đều đặn, đặc biệt là các ngành gia công sản xuất hàng xuất khẩu, nhằm bảo đảm thực hiện kế hoạch xuất khẩu và những cam kết với nước ngoài.

Trước mắt, để bảo đảm các nhu cầu cơ bản của đời sống nhân dân mà trong nước chưa có khả năng đáp ứng đầy đủ, cần nhập khẩu một số

hàng tiêu dùng thiết yếu như: lương thực, vải, thuốc chữa bệnh...

Trong việc nhập khẩu hàng tiêu dùng, cần nắm vững nguyên tắc bảo hộ sản xuất trong nước và tiết kiệm tiêu dùng, nhất thiết không để ảnh hưởng xấu đến sản xuất trong nước.

Nhập khẩu phải có tác dụng thúc đẩy xuất khẩu phát triển để bảo đảm tái sản xuất mở rộng và kinh doanh xuất nhập khẩu mở rộng. Vì vậy, kế hoạch nhập khẩu của các ngành, các cơ sở sản xuất phải đối chiếu với kế hoạch xuất khẩu của ngành mình và cơ sở mình; mở rộng diện hàng xuất khẩu, tăng khối lượng hàng xuất khẩu và tăng khả năng nhập khẩu.

Đẩy mạnh sản xuất những loại nguyên liệu, vật liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa mà trong nước có khả năng vươn lên sản xuất được, để giảm bớt hoặc đình chỉ hẳn việc nhập khẩu những mặt hàng này.

Để phát huy hiệu quả của nhập khẩu và tiết kiệm nhập khẩu, cần tăng cường quản lý nhập khẩu, từ việc soát xét các nhu cầu về hàng nhập khẩu, kiểm tra các đơn đặt hàng nhập khẩu, ký kết các hợp đồng nhập khẩu, đến việc tiếp nhận, bảo quản và sử dụng hàng nhập khẩu.

Trong tình hình quốc tế hiện nay, cần tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế và mở rộng trao đổi hàng hóa với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên nguyên tắc bình đẳng, đối bên cùng có lợi, hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần đồng chí; chỉ có sự hợp tác như trên mới nhanh chóng phát huy mọi khả năng của nền kinh tế nước ta, trên cơ sở đó, tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác giữa nước ta với các nước anh em. Việc tăng cường quan hệ hợp tác này đặt ra vấn đề chúng ta cần tham gia tích cực và sâu rộng hơn vào sự phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa. Cuộc sống đã chứng minh sự hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước xã

hội chủ nghĩa mang tính tất yếu của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa; nó đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế của từng nước xã hội chủ nghĩa và làm cho lực lượng của toàn phe xã hội chủ nghĩa lớn lên nhanh chóng và không bao lâu nữa sẽ vượt các nước tư bản chủ nghĩa. Chính dựa trên quan điểm trên đây mà vừa qua, Đảng và Chính phủ ta đã quyết định gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế với tư cách hội viên chính thức.

Mặt khác, chúng ta cũng hết sức chú trọng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế và trao đổi hàng hóa với các nước dân tộc chủ nghĩa châu Á, các nước có chế độ tiến bộ ở châu Phi và Mỹ la-tinh, nhằm tăng cường hợp tác, hữu nghị với nhau và cùng nhau đoàn kết đấu tranh cho một trật tự kinh tế quốc tế mới.

Chúng ta cũng tranh thủ mọi điều kiện thuận lợi để phát triển quan hệ kinh tế và thương mại với các nước tư bản chủ nghĩa trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi, nhằm tranh thủ nhập khẩu những thiết bị kỹ thuật tiên tiến, nguyên liệu và vật tư cần thiết cho yêu cầu công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Trong quan hệ với các nước, cần sử dụng mọi hình thức hợp tác từ thấp đến cao: gia công, lắp ráp, liên doanh, hợp tác sản xuất, trao đổi sản phẩm dài hạn, để tranh thủ nhập khẩu những công trình công nghiệp lớn, tín dụng dài hạn, tín dụng thương mại, v.v., đẩy mạnh xuất khẩu và bảo đảm nhu cầu nhập khẩu.

Đi đôi với việc xây dựng thị trường xuất khẩu và nhập khẩu ổn định, cần coi trọng cơ cấu hàng trao đổi và thực hiện đúng đắn chính sách giá cả ngoại thương, vừa bảo đảm thực hiện kế hoạch xuất khẩu và nhập khẩu, vừa giữ được nguyên tắc bình đẳng, đối bên cùng có lợi trong việc trao đổi hàng hóa, bảo đảm cho việc phát

triển quan hệ hợp tác lâu dài với các nước có quan hệ kinh tế với nước ta.

Ngành ngoại thương cần nắm vững yêu cầu và khả năng của từng nước, từng thị trường, nắm vững tình hình giá cả và hàng hóa, đồng thời tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, hiện đại hóa các phương tiện thông tin liên lạc ở trong nước cũng như với nước ngoài, nhằm kịp thời phản ánh những diễn biến của thị trường và chỉ đạo việc mua bán một cách sát đúng và kịp thời.

Đề chủ động trong việc thực hiện kế hoạch lưu thông hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu, *cần nhanh chóng xây dựng lực lượng vận tải hàng hải của nước ta*. Đây là một ngành kinh tế gắn liền với ngoại thương, một loại kinh doanh vừa phục vụ kinh tế phát triển, vừa làm tăng uy tín của nước ta.

Cùng với việc phát triển xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, kinh doanh vận tải hàng hóa, *cần chú trọng phát triển các loại hình kinh doanh khác như*: du lịch, cung ứng tàu biển, là những nguồn thu ngoại tệ tiềm tàng đáng kể.

Sự phát triển ngoại thương gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, tùy thuộc vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân trong từng thời kỳ. Vì vậy, để bảo đảm cho ngoại thương nước ta phát triển vững chắc và mạnh mẽ, *trước hết, phải tăng cường sự quản lý thống nhất và tập trung của Nhà nước đối với công*

tác ngoại thương, xác định trách nhiệm của các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, của toàn dân đối với công tác ngoại thương, đề các ngành và các địa phương tham gia tích cực vào hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu, gắn kế hoạch phát triển của ngành và địa phương mình với hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu. *Ngành ngoại thương tăng cường quản lý, cải tiến tổ chức và lề lối làm việc, củng cố đội ngũ cán bộ* cho phù hợp với yêu cầu xây dựng một đội ngũ cán bộ làm kinh tế đối ngoại, có lòng yêu nước nồng nàn, có kiến thức về kinh tế kỹ thuật, pháp lý quốc tế và phải biết ngoại ngữ. Cần nhanh chóng nâng cao trình độ quản lý và kinh doanh của ngành ngoại thương cho phù hợp với tập quán thương mại quốc tế, khắc phục tư tưởng « hành chính cung cấp », *lối làm việc quan liêu, phát huy tính chủ động sáng tạo và tinh thần tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh doanh ngoại thương*. Giáo dục cho cán bộ tinh thần làm chủ tập thể cao, tinh thần quốc tế vô sản, và cảnh giác cách mạng trong quan hệ đối ngoại, chống các khuynh hướng kinh doanh đơn thuần, kinh tế tách rời chính trị...

Đất nước ta đã bước vào kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Ngành ngoại thương nước ta phải làm tốt hơn nữa công tác của mình, phát triển công tác ngoại thương với quy mô và nhịp độ chưa từng có trước đây, đáp ứng yêu cầu to lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ CÁCH MẠNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP

ĐƯỜNG-HỒNG-DẬT

ĐỂ đẩy mạnh việc phát triển nông nghiệp, điều quan trọng nhất là phải tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học — kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học —

kỹ thuật là then chốt. Ở đây chúng tôi xin trình bày một số suy nghĩ về cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp với nhận thức sâu sắc về các mối quan hệ chặt chẽ giữa ba cuộc cách mạng.

I — VẤN ĐỀ CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP LÀ ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG CẤU TRÚC SINH HỌC ĐỂ THU VỀ NHỮNG SẢN PHẨM PHỤC VỤ LỢI ÍCH CON NGƯỜI

Cho đến nay, đề thu về những sản phẩm ngày càng tăng trong nông nghiệp, chúng ta đã nghiên cứu các loài cây trồng và vật nuôi khá tỉ mỉ và trên nhiều mặt. Nhiều công trình nghiên cứu để tìm hiểu các đặc điểm hình thái, cấu tạo, sinh lý, sinh hóa, các quá trình sinh trưởng phát triển, các yêu cầu dinh dưỡng, các đặc tính chống chịu đối với những yếu tố không thuận lợi, v.v đã được tiến hành và đã thu được nhiều kết quả

tốt. Đối với một số loài cây trồng hoặc gia súc, chúng ta đã có những hiểu biết khá sâu sắc và đã đạt được những năng suất khá cao. Tuy nhiên, thực tế cho thấy là năng suất trong sản xuất bao giờ cũng thấp hơn năng suất trong phòng thí nghiệm, thường chỉ đạt 1/3, cao lắm là đạt đến một nửa. Khả năng cho năng suất của cây trồng, vật nuôi thường chỉ được thể hiện trong sản xuất không đến một nửa. Muốn đạt năng suất cao phải có

những đầu tư khá lớn. Trong những trường hợp có những khó khăn về vật tư, năng suất của cây trồng, vật nuôi lại rất thấp. Năng suất cây trồng và vật nuôi trong thực tế sản xuất không ổn định, thay đổi trong những phạm vi khá lớn tùy thuộc vào điều kiện môi trường bên ngoài.

Trong sản xuất, cây trồng và vật nuôi không bao giờ sống riêng rẽ, chúng thường được trồng từng ruộng, với số lượng cây rất lớn và nuôi từng đàn. Năng suất trong nông nghiệp là năng suất của tất cả tập đoàn cây trồng và gia súc đó. Khi sống chung với nhau như vậy, sinh vật có rất nhiều mối tương quan tác động lẫn nhau. Chúng trao đổi chất và năng lượng cho nhau, nhận được thông tin của nhau và thông tin của tình trạng tập đoàn. Quá trình sinh sống và tình trạng của mỗi cá thể sinh vật chịu ảnh hưởng rất lớn của quá trình sinh sống và tình trạng của những cá thể cùng loài sống bên cạnh. Không những thế, cây trồng và vật nuôi còn phải sống chung với rất nhiều loài thực vật, động vật và vi sinh vật khác. Các loài sinh vật này thường xuyên có những tác động và ảnh hưởng lên cây trồng và vật nuôi, cũng như ngược lại cây trồng và vật nuôi thường xuyên có những tác động lên các loài sinh vật khác. Tất cả các loài sinh vật đó tạo nên *sinh quần đồng ruộng* với rất nhiều mối quan hệ qua lại phức tạp, phong phú và ở những mức độ, chiều hướng khác nhau. Sinh quần đồng ruộng sống chung trên những mảnh đất với các điều kiện đất đai, khí hậu xác định và luôn có những biến đổi. Giữa các loài sinh vật và các yếu tố phi sinh vật luôn có những trao đổi (vật chất, năng lượng, thông tin) và có nhiều mối quan hệ - phong phú. Tất cả các loài sinh vật và các yếu tố phi sinh vật trên những vùng nhất định tạo nên các *hệ sinh thái*. Các hệ sinh thái là những cấu trúc với những trật tự

xác định, trong đó các loài sinh vật chiếm giữ vị trí của chúng trên cơ sở tác động của các quy luật khách quan, bảo đảm sự hoạt động hài hòa giữa chúng với nhau và với các điều kiện phi sinh vật khác. Đó là các *hệ thống cấu trúc sinh học* phức tạp: trong đó cây trồng và vật nuôi chỉ là một bộ phận. Năng suất cây trồng và vật nuôi là kết quả hoạt động của toàn bộ hệ thống cấu trúc đó. Vì vậy, muốn đạt năng suất kinh tế cao, ổn định và tăng lên không ngừng, không thể chỉ tìm hiểu, dù là hiểu rất kỹ cây trồng, vật nuôi, mà còn phải nắm được toàn bộ hệ thống cấu trúc sinh học với các mối quan hệ và quy luật hoạt động của nó. Tất nhiên, việc tìm hiểu kỹ cây trồng, vật nuôi có ý nghĩa rất lớn, nhưng cần được đặt trong điều kiện và môi trường sinh sống thật của chúng.

Trong nông nghiệp, năng suất là khả năng của sinh vật (cây trồng, vật nuôi) kết hợp với điều kiện để thể hiện khả năng đó. Quá trình thể hiện khả năng cho năng suất của sinh vật không những chỉ chịu sự tác động của các yếu tố thúc đẩy việc biến khả năng đó thành hiện thực mà còn chịu ảnh hưởng rất lớn của các yếu tố kìm hãm, các yếu tố hủy hoại khả năng đó. Muốn có năng suất cao trước hết phải có giống tốt (năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh khốc). Đó là khả năng của giống. Để khả năng đó trở thành hiện thực cần có đầy đủ các điều kiện để thể hiện khả năng. Cần có đủ phân, đủ nước. Một điều cần chú ý là, đối với các hệ thống sinh học, thừa các yếu tố (về số lượng cũng như chất lượng, thành phần) cũng có hại như thiếu chúng. Đối với các hệ thống cấu trúc, sự tác động không đúng chỗ, đúng lúc không những không đem lại kết quả gì mà còn có hại, có khi hại rất lớn. Cần loại trừ các yếu tố kìm hãm khả năng thể hiện của năng suất và các yếu tố hủy hoại năng suất, khi đã được thể

hiện (phòng trừ sâu bệnh). Việc thể hiện khả năng cho năng suất của cây trồng và vật nuôi chịu ảnh hưởng rất lớn của các biện pháp kỹ thuật canh tác và điều kiện khí hậu thời tiết. Chính vì vậy mà cùng một giống cây trồng, thí dụ giống lúa Nông nghiệp 8 với khả năng cho năng suất 130 – 140 tạ/ha/vụ, nhưng trong thực tế sản xuất năng suất của giống này có thể thay đổi từ 15 tạ/ha/vụ (không kể các trường hợp cá biệt mất trắng hoặc năng suất quả thấp) đến 60 – 70 tạ/vụ (chưa có những trường hợp đạt năng suất cao hơn, trên những diện tích lớn). Rõ ràng là khả năng cho năng suất của giống chưa được thể hiện hoàn toàn, và trong thực tế mức độ thể hiện khả năng đó thay đổi trong phạm vi rất lớn, năng suất cao vượt năng suất thấp 4 – 5 lần.

Khác với sản xuất công nghiệp, sản phẩm thu được là kết quả chế biến các nguyên liệu được đưa vào dây chuyền sản xuất, trong nông nghiệp sản phẩm chủ yếu được tạo ra từ trong quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng và vật nuôi. Sản phẩm nông nghiệp không hoàn toàn phụ thuộc vào nguyên liệu đưa vào quá trình sản xuất mà tùy thuộc vào quá trình thu hút và chế biến năng lượng ánh sáng mặt trời. Vì vậy, hoạt động sản xuất nông nghiệp không chỉ là đưa nguyên liệu vào đồng ruộng để lấy ra sản phẩm, không phải là đưa vào sản xuất càng nhiều nguyên liệu thì lấy ra được càng nhiều sản phẩm. Cho đến nay, nhiều người còn cho rằng các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp (phân bón, nước, trừ sâu bệnh, v.v) đều nhằm cung cấp thêm

nguyên liệu cho cây, tạo ra sản phẩm hoặc loại bỏ các yếu tố gây hại. Quan niệm này dẫn đến ý nghĩ cho rằng vật tư kỹ thuật quyết định toàn bộ năng suất trong nông nghiệp. Nhưng trong thực tế sản xuất, trong nhiều trường hợp cùng một số lượng vật tư kỹ thuật giống nhau (cùng loại giống cây, cùng một số lượng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh như nhau) trên cùng điều kiện đất đai và thời tiết giống nhau, mà năng suất cây trồng rất khác nhau. Vấn đề là *phải biết điều khiển toàn bộ sinh thái đồng ruộng, điều khiển hệ thống cấu trúc sinh học* để đạt năng suất cao nhất trong từng điều kiện cụ thể.

Trong các hệ thống cấu trúc sinh học, các loài sinh vật là những thành phần chiếm giữ những vị trí nhất định, chịu tác động của các quy luật của hệ thống đó, tiếp thu các tác động từ bên ngoài một cách chủ động đồng thời thường xuyên có những thay đổi, có những phản ứng tự điều hòa để phù hợp với những thay đổi xảy ra trong hệ thống. Các biện pháp kỹ thuật canh tác tác động lên cây trồng, trong thực tế là tác động lên toàn bộ hệ sinh thái. Cây trồng chỉ có thể tiếp thu được các tác động đó trong sự hài hòa với các quá trình khác xảy ra trong hệ thống cấu trúc. Vì vậy, các biện pháp kỹ thuật canh tác được áp dụng không chỉ nhằm cung cấp thêm nguyên liệu cho cây hoặc loại trừ các thành phần có hại trong sinh quần mà là nhằm điều khiển toàn bộ hệ sinh thái thông qua các chuỗi quan hệ về năng lượng, về trao đổi chất và về trao đổi thông tin.

II – NHỮNG CON ĐƯỜNG CHỦ YẾU ĐỂ ĐƯA KHOA HỌC TRỞ THÀNH LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT TRỰC TIẾP TRONG NÔNG NGHIỆP

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại đang tạo ra nhiều chuyên

biến lớn trong mọi mặt hoạt động sản xuất và đời sống của con người.

Những thành tựu của khoa học nhanh chóng trở thành những kết quả trực tiếp trong sản xuất.

1 - Trước hết, các kiến thức khoa học trở thành lực lượng sản xuất thông qua sự thể hiện một cách vật chất - kỹ thuật vào công cụ lao động và vật tư kỹ thuật. Điện khí hóa, hóa học hóa, cơ giới hóa, v.v. là con đường phát triển của nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa. Công nghiệp phát triển, nhất là công nghiệp nặng, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giải quyết tốt các quá trình này. Chúng ta phải « phát huy năng lực sẵn có và xây dựng thêm nhiều cơ sở mới về công nghiệp nặng, đặc biệt là cơ khí, nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp nhẹ, chuẩn bị cho bước trang bị kỹ thuật trong thời kỳ tiếp theo » (1). Tuy nhiên, « bước sang giai đoạn mới, cách mạng nước ta phát triển với những đặc điểm lớn », trong số đó « ... công nghiệp lớn, nhất là công nghiệp nặng, còn ít và rời rạc, chưa đủ sức cải tạo kỹ thuật đối với các ngành kinh tế quốc dân, ... công nghiệp và nông nghiệp chưa kết hợp với nhau thành một cơ cấu » (2). Việc trang bị và cung cấp vật tư kỹ thuật (máy móc, phân bón, thuốc sâu...) hiện tại và trong những năm trước mắt còn có những khó khăn. Sự giúp đỡ của bạn bè trên thế giới rất to lớn nhưng không thể đáp ứng được các yêu cầu trên nhiều mặt của sản xuất nông nghiệp. Vì vậy, bên cạnh việc đẩy nhanh tốc độ trang bị vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp, chúng tôi thấy cần:

- Phát huy hiệu quả của các vật tư kỹ thuật hiện có đến mức cao nhất. Hiện nay do hiểu biết của những người lao động trực tiếp trong nông nghiệp về cây trồng, vật nuôi và nhất là về hoạt động của các hệ sinh thái đồng ruộng, về vật tư kỹ thuật còn có nhiều hạn chế, cho nên

vật tư kỹ thuật còn bị sử dụng lãng phí nhiều, nhiều trường hợp sử dụng không đúng nơi, đúng lúc làm cho vật tư kỹ thuật không những không phát huy được tác dụng mà còn gây ra những hậu quả tiêu cực, làm giảm năng suất, gây độc cho các loài sinh vật có ích, và làm nhiễm bẩn môi trường. Mặt khác, ngày nay, kỹ thuật và phương pháp sản xuất hiện đại đã đạt tới giai đoạn phát triển mà nếu chỉ có các động tác cơ học, và cả kinh nghiệm, trình độ, sự khéo léo, sự thành thạo cũng chưa đủ để phục vụ nó. Kỹ thuật hiện đại đòi hỏi cả một hệ thống kiến thức khoa học. Trên mỗi bước đi lên, chúng ta đều nhận thấy rằng, bản thân kỹ thuật hiện đại không thể cho ta hiệu quả cần thiết, và kỹ thuật đó sẽ nhanh chóng hư hỏng nếu mức độ các kiến thức của lao động sống lại thấp hơn mức độ các kiến thức đã được vật hóa trong các kỹ thuật ấy. Ngược lại, mức độ các kiến thức của lao động sống phải luôn luôn vượt quá những kiến thức đã được vật hóa thì mới có tác dụng kích thích những sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

- Tìm mọi cách phát huy những yếu tố và điều kiện thuận lợi của ta (lao động và thiên nhiên nhiệt đới), phát huy các kiến thức và thành tựu của khoa học sinh vật để khắc phục những khó khăn và thiếu thốn về vật tư kỹ thuật. Trong nông nghiệp, vật tư kỹ thuật là những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho các loài sinh vật tiếp nhận, chế biến năng lượng ánh sáng mặt trời mà làm ra sản phẩm. Vì vậy, có thể dùng nhiều phương thức và biện pháp khác nhau để thay thế và khắc phục một phần,

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 72.

(2) Sách đã dẫn, trang 45 — 46.

có khi là phần khá lớn những thiếu thốn về vật tư kỹ thuật.

— Từng bước trang bị vật tư kỹ thuật có trọng điểm, trên những địa bàn và đối tượng theo quy hoạch thống nhất, nhằm kết hợp tốt việc sử dụng vật tư kỹ thuật với lực lượng lao động thủ công, kết hợp các công cụ thô sơ, nửa cơ giới và cơ giới; kết hợp sử dụng các sản phẩm của công nghiệp với các sản phẩm và vật tư được tạo ra từ chính trong nông nghiệp. Bằng cách này chúng ta có thể nâng cao hiệu quả sử dụng của vật tư kỹ thuật lên gấp nhiều lần.

2 — Chúng ta có một lực lượng lao động dồi dào. Nhân dân ta rất cách mạng, thiết tha với độc lập và chủ nghĩa xã hội, lại rất cần cù, thông minh và sáng tạo. Trải qua quá trình lâu dài đấu tranh với thiên nhiên để dựng lên nền nông nghiệp của nước nhà, những người lao động trong nông nghiệp đã tích lũy được nhiều vốn kinh nghiệm quý báu. Trước những đòi hỏi mới của công cuộc xây dựng một nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa, những người lao động trong nông nghiệp cần được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể kết hợp *khoa học* với *ý chí cách mạng*, đủ sức điều khiển các hệ sinh thái nông nghiệp cụ thể, tạo nên những năng suất ngày càng cao trong nông nghiệp. Kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp không phải là những công thức cứng nhắc, rập khuôn và có thể dùng cho mọi nơi và cho mọi trường hợp. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp là trải rộng ra trên những khoảng không gian rộng lớn với các đặc điểm khí hậu và tiểu khí hậu rất khác nhau, là quá trình tích lũy và làm ra sản phẩm, trong những khoảng thời gian nhất định với nhiều biến đổi về khí hậu, thời tiết và các yếu tố khác. Để có thể chủ động điều khiển được quá trình tạo ra năng suất của cây trồng và vật

nuôi, người lao động nông nghiệp phải nắm được các đặc điểm của chúng, nắm được những phản ứng của chúng đối với các điều kiện bên ngoài, nắm được chiều hướng, mức độ tác động và hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật canh tác, nắm được vị trí của cây trồng, vật nuôi trong hệ sinh thái và các mối quan hệ của chúng với các loài sinh vật khác.

Việc trang bị những kiến thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp không thể chỉ làm một lần cho người lao động là xong, mà đó là một quá trình lâu dài và phải được tổ chức chặt chẽ. Cùng với những thành tựu khoa học ngày càng nhiều, con người ngày càng đi sâu vào các quy luật của thiên nhiên, các hệ thống kiến thức khoa học thường xuyên được đổi mới. Vì vậy, bên cạnh việc không ngừng nâng cao trình độ hiểu biết cho người lao động trực tiếp một cách thường xuyên, cần xây dựng cho được các hệ thống tổ chức đưa khoa học kỹ thuật từ các cơ sở nghiên cứu khoa học vào sản xuất thông qua các khâu trung gian với từng bước cụ thể hóa, phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở vận dụng sáng tạo các quy luật chung. Cần bố trí một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và một hệ thống các cơ sở từ trung ương xuống địa phương bảo đảm tạo thành một dây chuyền liên tục đưa các chủ trương kỹ thuật của Đảng vào sản xuất và kịp thời điều khiển mọi diễn biến của cây trồng, vật nuôi tương ứng với những diễn biến của khí hậu, thời tiết, nhằm bảo đảm việc tạo ra những năng suất cao và ổn định trong mọi trường hợp phức tạp của thiên nhiên nhiệt đới.

3 — Thường xuyên cải tạo và đổi mới *đối tượng lao động trong nông nghiệp cũng là một con đường quan trọng để đưa khoa học thành lực lượng sản xuất trực tiếp*. Những thành tựu của khoa học di truyền, chọn giống đã giúp chúng ta tạo ra những giống

cây trồng và vật nuôi có nhiều đặc điểm quý: năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh và các điều kiện không thuận lợi. Tuy nhiên, các đặc điểm quý của giống không phải là những yếu tố không thay đổi và việc thể hiện các đặc điểm đó đòi hỏi phải có những điều kiện nhất định. Giống tốt chỉ mới là tiền đề của những năng suất cao, vì vậy có giống quý chưa hẳn là đã có năng suất cao. Mặt khác, nếu tác động đúng, những giống bình thường cũng có thể cho những năng suất rất khá. Cần đẩy mạnh công tác tạo các giống mới, nhất là các giống đáp ứng các yêu cầu sản xuất của ta: chống mặn, chống phèn, chống rầy, chống hạn, chống úng, v.v. Bên cạnh đó, công tác khoa học cần nhanh chóng xác định những cơ cấu, những bộ giống hợp lý cho từng cánh đồng, từng vùng sản xuất. Mặt khác cần xây dựng các hệ thống biện pháp kỹ thuật thích hợp để phát huy các đặc điểm tốt của giống, hạn chế các mặt tiêu cực của các giống cây, con trong những điều kiện sản xuất cụ thể.

Đất đai được thường xuyên cải tạo và nâng cao độ màu mỡ cũng góp phần rất lớn vào việc nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp. Độ màu mỡ của đất cần được xem xét tương ứng với từng loại cây trồng cụ thể. Nhiều trường hợp, đất có độ màu mỡ tự nhiên không cao lắm, nhưng nếu áp dụng chế độ canh tác thích hợp, chăm bón theo yêu cầu của cây, cũng có thể thu được năng suất khá cao. Năng suất cây trồng cao hay thấp tùy thuộc vào độ màu mỡ thực tế của đất, có nghĩa là các yếu tố màu mỡ tự nhiên đáp ứng được các yêu cầu của loại cây trồng đó hoặc các biện pháp kỹ thuật canh tác giúp cho cây huy động và sử dụng được các yếu tố màu mỡ sẵn có trong đất. Như vậy, việc sử dụng và cải tạo đất phải phù hợp với công tác quy hoạch các loại cây trồng.

Mặt khác, chế độ làm đất, chế độ canh tác, chăm sóc cây trồng đúng có thể làm tăng độ màu mỡ thực tế của đất.

4 - *Vận dụng khoa học tổ chức lao động và tổ chức sản xuất cũng là một trong những con đường để đưa khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.* Đó là sự kết hợp giữa kiến thức, hiểu biết của từng người, của toàn xã hội với kỹ thuật đã được vật hóa. Tổ chức, phân bố lại lao động và phân công lao động hợp lý có ý nghĩa rất lớn đối với việc nâng cao năng suất lao động trong nông nghiệp. Quá trình phân công lao động trong sản xuất nông nghiệp thường diễn ra tương đối chậm hơn so với các ngành kinh tế quốc dân khác. Chuyên môn hóa và hiệp tác hóa trong sản xuất thúc đẩy nhanh tiến bộ kỹ thuật, thúc đẩy quá trình tập trung sản xuất và tăng năng suất lao động, bởi vì sản xuất hàng loạt cho phép giảm chi phí lao động đầu tư để làm ra một đơn vị sản phẩm.

Phân bố lao động hợp lý trong phạm vi từng tỉnh và cả nước là một quy luật quan trọng của sự phát triển nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa. Nó cho phép tăng năng suất lao động trong nông nghiệp và sử dụng tài nguyên của đất nước một cách hợp lý, có hiệu quả nhất.

Chuyên môn hóa sản xuất cho từng vùng, trên cơ sở nghiên cứu kỹ các đặc điểm tự nhiên và kinh tế của mỗi vùng cho phép thực hiện sản xuất nông nghiệp với chi phí ít nhất. Quá trình chuyên hóa sản xuất trong nông nghiệp bao gồm việc xác định ngành sản xuất chính cho các cơ sở trong vùng, và việc xác định nhiệm vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp cho một số ngành khác, đặc biệt là các ngành chế biến và bảo quản nông sản. Càng ngày nông nghiệp càng giảm dần mối quan hệ trực tiếp với người tiêu dùng và trở thành ngành sản

xuất nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ và công nghiệp thực phẩm.

Trong phạm vi nông nghiệp cũng xảy ra quá trình phân hóa thành các chuyên ngành, đòi hỏi sự phân công và chuyên môn hóa lao động. Trong phạm vi trồng trọt từng bước hình thành các chuyên ngành: sản xuất giống và cây, con, thủy lợi, phòng trừ sâu bệnh, phân bón, làm đất, thu hoạch và chuyên chở nông sản, v.v. Các ngành này được xây dựng thành các hệ thống chuyên môn hóa và thực hiện các chức năng trên cơ sở các tiến bộ kỹ thuật ngày càng phát triển.

Chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp trong điều kiện tiến bộ khoa

học kỹ thuật là một quá trình khách quan và có tính quy luật. Quá trình đó đòi hỏi phải hoàn thiện công tác kế hoạch ở các cấp với sự kết hợp nhịp nhàng và toàn diện giữa kế hoạch ngành và kế hoạch lãnh thổ.

Đồng chí Lê-Duẩn đã viết: Với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, với việc tổ chức lại lao động trên quy mô lớn..., với việc áp dụng các thành tựu của « cách mạng xanh » và sự viện trợ còn hạn chế của công nghiệp, chúng ta hoàn toàn có thể đưa nông nghiệp nước ta tiến lên một bước trên con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong lúc công nghiệp còn đang trong quá trình hình thành » (3).

III - CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG KHOA HỌC KỸ THUẬT TRONG NÔNG NGHIỆP Ở NƯỚC TA PHẢI LÀ CON ĐƯỜNG TỔNG HỢP

Thời gian vừa qua, cuộc « cách mạng xanh » đã diễn ra ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt mạnh mẽ ở các nước Đông - Nam châu Á. Với các thành tựu về giống cây, với số lượng khá nhiều các loại phân vô cơ, với chế độ nước được giải quyết một phần, năng suất cây trồng và sản lượng nông nghiệp ở một số nước tăng lên khá nhanh. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, « cách mạng xanh » ở các nước châu Á gặp nhiều khó khăn, năng suất cây trồng không những không tăng lên được mà còn giảm xuống, không còn hơn mức trước khi cuộc « cách mạng xanh » diễn ra là bao nhiêu. Sở dĩ như vậy vì cuộc « cách mạng xanh » ở các nước này chưa phải là một cuộc cách mạng tổng hợp. Nhiều nhà nghiên cứu kinh tế cho rằng với chế độ kinh tế nông nghiệp tư bản chủ nghĩa ở các nước đó, « cách mạng xanh » không thể đầy tới được vì tổ chức sản xuất, vì quy luật giá trị tác động. Họ cho rằng khi chưa giải quyết được cách mạng quan hệ sản xuất thì cách mạng

kỹ thuật không thể tiến bộ được. Về phương diện khoa học kỹ thuật, cuộc « cách mạng xanh » ở các nước tư bản chủ nghĩa châu Á cũng chưa phải là một cuộc cách mạng tổng hợp. Năng suất cây trồng ở các nước đó không tăng lên được một cách ổn định, vì sâu bệnh gây hại: lúa mì bị bệnh gỉ sắt, mốc hồng; lúa nước bị bệnh bạc lá, bọ rầy nâu; ngô bị bệnh bạch tạng, phấn đen, sâu đục thân, v.v. Trong khi chú ý đến năng suất của các giống cây trồng, người ta chưa chú ý đến đặc tính chống chịu sâu bệnh của chúng, chưa chú ý bảo vệ chúng chống sâu bệnh. Trong khi khai thác khả năng thúc đẩy việc tạo thành năng suất của các loại phân vô cơ, chưa chú ý đến khả năng tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của sâu bệnh.

1 - Tính chất tổng hợp của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông

(3) Lê Duẩn: « Ra sức phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa », Báo Nhân dân, ngày 2-10-1974.

ng nghiệp thể hiện trước hết ở mục tiêu năng suất lao động. Nhiều thành tựu khoa học, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật sẽ được áp dụng trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của sản xuất nông nghiệp. Tuy vậy, năng suất cây trồng, năng suất lao động không phải là con số cộng đơn giản của những thành tựu đạt được ở các ngành hoạt động riêng rẽ. Những thành tựu riêng rẽ cần được tập hợp lại, xây dựng thành những hệ thống hài hòa, tạo nên sức mạnh tổng hợp phát huy tác dụng trong thực tế sản xuất.

Cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp không thể chỉ giải quyết trên một hướng, mà phải tác động trên nhiều hướng: công cụ, vật tư lao động (hóa học hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa...), con người lao động; đối tượng lao động (đất, giống); tổ chức lao động. Rõ ràng là cách mạng khoa học kỹ thuật quyện chặt với cách mạng về quan hệ sản xuất và cách mạng tư tưởng và văn hóa. Trong khi cố gắng nhanh chóng trang bị các sản phẩm công nghiệp cho nông nghiệp, trong hoàn cảnh nước ta, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật phải dựa nhiều vào các thành tựu của khoa học sinh vật. Sinh vật vừa là đối tượng lao động, vừa là sản phẩm, là năng suất trong nông nghiệp. Các thành tựu của khoa học sinh vật, những hiểu biết ngày càng sâu sắc về cây trồng và vật nuôi không những giúp chúng ta cải tạo bản thân chúng, làm cho tiềm năng cho năng suất của sinh vật ngày càng tăng mà còn là cơ sở để cải tiến đầu tư, phân bổ vật tư, công cụ; là cơ sở để bồi dưỡng xây dựng đội ngũ những người lao động có trình độ; là căn cứ để tổ chức và phân bổ lao động. Những thành tựu của khoa học sinh vật, với các lĩnh vực phong phú khác nhau: sinh thái, sinh quần, hệ thống cấu trúc sinh học, v.v. là cơ sở của hoạt động điều khiển các hệ sinh thái đạt năng suất

cao và ổn định trong từng điều kiện sản xuất cụ thể.

Tính chất tổng hợp của cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp còn thể hiện ở việc sử dụng lực lượng và áp dụng các biện pháp khác nhau. Ta phải dựa vào sức mạnh của ta để làm cách mạng khoa học kỹ thuật: đó là con người lao động Việt-nam, là điều kiện thiên nhiên nhiệt đới nước ta. Người lao động Việt-nam cần cù, thông minh, sáng tạo và giàu lòng yêu nước. Cần phát huy đến mức cao sức mạnh của lao động có tổ chức. Nước ta có tài nguyên phong phú, đa dạng và tiềm năng lớn. Thiên nhiên nhiệt đới, giàu các loại hình sinh vật cho phép chúng ta lựa chọn để sử dụng những loại hình thích hợp, quan hệ sinh quần nhiệt đới phong phú cho phép ta khai thác những quan hệ có lợi để đạt đến những năng suất cao. Thiên nhiên nhiệt đới có nhiều biến động và sự thay đổi của các quá trình xảy ra nhanh chóng cho phép ta dùng các biện pháp khác nhau để điều khiển các quá trình tự nhiên, trên cơ sở các quy luật khách quan, nhằm đạt đến những hiệu quả lao động và kinh tế lớn. Cho đến nay, những biến động của thiên nhiên nhiệt đới (lụt, bão, úng, hạn, v.v) đang là trở ngại lớn đối với chúng ta trong sản xuất nông nghiệp, vì chúng ta chưa nắm được các quy luật phát sinh của chúng, chưa nắm hết các biến đổi và phản ứng của sinh vật trước những biến đổi của các yếu tố vũ trụ. Nắm chắc quy luật tự nhiên, chúng ta có điều kiện dễ chuyển khó khăn thành thuận lợi. Bên cạnh việc dựa vào sức mình là chính, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp đòi hỏi chúng ta phải triệt để tranh thủ sự giúp đỡ của bè bạn, nhanh chóng tiếp thu và vận dụng sáng tạo các thành quả của khoa học kỹ thuật trên thế giới. Chỉ có thể tranh thủ sự giúp đỡ của bè bạn một cách tốt nhất khi ta có đủ sức để tiếp thu và vận dụng các

thành tựu khoa học kỹ thuật và vật tư kỹ thuật vào hoàn cảnh cụ thể của ta.

Cho đến nay, chúng ta đã có khá nhiều điển hình tốt trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, việc triển khai các thành tựu đạt được ở các điển hình ra diện rộng trong sản xuất, ta chưa làm được nhiều. Bên cạnh đó, có những điển hình nổi lên một thời gian, rồi sau đó không giữ vững được những thành tích đã đạt. Nguyên nhân của tình hình trên đây có nhiều. Có những nguyên nhân thuộc về tổ chức quản lý, có những nguyên nhân thuộc về sai sót chủ quan của cán bộ, có những nguyên nhân về khoa học kỹ thuật. Năng suất trong nông nghiệp là kết quả tổng hợp của nhiều yếu tố, của nhiều tác động và nhiều mối quan hệ. Một biện pháp cụ thể nào đó có thể đúng trong điều kiện cụ thể này, nhưng ở điều kiện cụ thể khác lại không đúng, không phát huy được tác dụng, thậm chí còn có thể gây ra những tác dụng tiêu cực. Giống lúa Nông nghiệp 22 có thể cho năng suất rất cao ở hợp tác xã này, nhưng ở hợp tác xã khác có thể chỉ cho năng suất rất thấp. Các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp khác cũng ở trong trường hợp tương tự. Đây là nói riêng từng yếu tố, từng biện pháp. Một tập hợp các biện pháp cũng vậy. Tập hợp các biện pháp này có thể đúng cho hợp tác xã này, nhưng không có thể phát huy tác dụng ở hợp tác xã khác, có thể ở năm này đưa lại năng suất cao, nhưng trong điều kiện khí hậu năm khác thì đem lại năng suất thấp. Năng suất trong nông nghiệp không những là kết quả của nhiều yếu tố mà còn phải được giải quyết ở nhiều mức độ phát triển khác nhau của các hệ sinh thái nông nghiệp, ở các trạng thái cân bằng sinh học khác nhau, và ở mỗi trạng thái đòi hỏi những yếu tố, những phương thức tác động khác nhau. Những kinh nghiệm tốt thu được ở các điển hình

tiên tiến có khi đem áp dụng ở các hợp tác xã khác không thành công vì việc vận dụng các kinh nghiệm đó mang tính chất máy móc, rập khuôn. Kinh nghiệm của năm này đem áp dụng vào năm khác không thành công vì không tính hết, tính đúng những thay đổi xảy ra giữa các năm. Một yếu tố đúng ở nơi này không đem lại kết quả ở nơi khác vì khi áp dụng người ta không tính đến mối quan hệ của yếu tố đó với các yếu tố khác trong tổng hợp các yếu tố mới.

Chúng ta rất cần những biện pháp kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến, rất cần những quy trình kỹ thuật tập hợp nhiều biện pháp tiên tiến. Tuy nhiên, thực tế cho thấy không thể có những biện pháp, những tập hợp các biện pháp vạn năng, tuyệt đối đúng cho mọi trường hợp, ở mọi nơi. Rõ ràng là bên cạnh việc xác định các yếu tố kỹ thuật tiên tiến, rất cần phải nắm được thực chất tác động của mỗi biện pháp, chiều hướng và mức độ gây ra các phản ứng của các biện pháp đó trong từng hệ sinh thái nông nghiệp cụ thể. Bên cạnh việc xác định những quy trình kỹ thuật, những hệ thống các biện pháp kỹ thuật tiên tiến có tính chất mẫu, tiêu biểu cho một kiểu khí hậu, một loại hình sinh thái nông nghiệp, điều quan trọng là phải xác định giới hạn vận dụng, các chiều hướng và mức độ biến đổi của đối tượng tác động (cây trồng, vật nuôi, đất đai...) khi tiến hành các biện pháp trong hệ thống; xác định những biện pháp bổ sung và thay thế khi điều kiện bên ngoài có những sai lệch so với các điều kiện chuẩn khi xây dựng hệ thống biện pháp. Như vậy, đề có thể nâng cao năng suất lao động, năng suất cây trồng, vật nuôi trong nông nghiệp, công tác khoa học kỹ thuật phải được giải quyết trên 3 mặt: *xây dựng các quy trình kỹ thuật tiêu biểu; xác định các điều kiện áp dụng và vận dụng quy*

trình độ ; xây dựng tổ chức và đội ngũ cán bộ có khả năng nắm chắc và vận dụng quy trình vào các điều kiện sinh thái và nông nghiệp cụ thể. Đội ngũ cán bộ này không thể là đội ngũ chỉ biết học thuộc lòng các quy trình đã được xây dựng, mà điều rất quan trọng là phải biết xuất phát từ điều kiện cụ thể của cơ sở sản xuất, từ những biến đổi của các yếu tố khí hậu, thời tiết, từ các diễn biến của các thành phần sinh học trong mỗi hệ sinh thái mà quyết định các biện pháp cần áp dụng, các thời gian và địa điểm tiến hành các biện pháp. Có như vậy chúng ta mới mở rộng được các điển hình tiên tiến, mới bảo đảm được những năng suất cao tăng lên không ngừng và ổn định qua mọi biến đổi thường xuyên của các yếu tố khí hậu, thời tiết và các điều kiện khác.

2 — Thúc đẩy mạnh mẽ các công trình nghiên cứu khoa học, các tiến bộ kỹ thuật sinh vật học, trên cơ sở đó xúc tiến cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, là cách đầu tư rẻ nhất và có hiệu quả nhất.

Trên cơ sở những thành tựu của sinh học đã đạt được, cần đi sâu tìm hiểu sinh vật một cách sâu sắc, đề tạo ra những dạng sinh vật có tiềm năng cho năng suất cao, có khả năng chống chịu cao đối với các điều kiện không thuận lợi bên ngoài, có khả năng thích nghi với những biến đổi trong môi trường sinh sống.

Bên cạnh việc tạo ra các giống có năng suất cao, phẩm chất tốt, cần tạo ra các giống thích hợp cho từng điều kiện sản xuất, đặc biệt là để tạo nên năng suất cao và ổn định ở những vùng có khó khăn : giống lúa vùng chua, vùng mặn, vùng úng, vùng khô hạn... Những bộ giống thích hợp cho phép khai thác tốt điều kiện thiên nhiên phong phú ở mỗi vùng. Không thể có một giống cây nào có thể cho năng suất cao trên các chân ruộng khác nhau, trong các điều kiện thủy

lợi, đất đai và chế độ canh tác khác nhau ở mỗi vùng. Những bộ giống được lựa chọn kỹ, xác định trên cơ sở khoa học đầy đủ có khả năng ngăn ngừa sự lan truyền, tác hại của sâu bệnh, giảm nhẹ các tác động tiêu cực của thiên tai. Một bộ giống cây trồng thích hợp cho phép sử dụng vật tư kỹ thuật hiện còn hạn chế cả về chất lượng, số lượng và thành phần một cách đầy đủ và có hiệu quả cao nhất.

Các vấn đề đất đai, phân bón và điều kiện sinh sống khác của cây trồng, vật nuôi, các vấn đề cơ khí hóa, hóa học hóa trong sản xuất nông nghiệp cũng cần được đặt ra và giải quyết trên cơ sở sinh vật học. Việc bảo vệ cây trồng và gia súc chống lại các nguyên nhân gây hại chỉ có thể đạt kết quả tốt khi áp dụng các biện pháp tổng hợp trên cơ sở các quy luật sinh học, các quy luật sinh thái.

Công tác khoa học kỹ thuật nông nghiệp bao gồm bốn mặt hoạt động :

— Điều tra cơ bản, nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm bắt đầu từ việc tìm hiểu thiên nhiên, tìm hiểu các đối tượng của sản xuất nông nghiệp, phát hiện các quy luật tự nhiên và xã hội tác động trong nông nghiệp, tìm tòi xác định các biện pháp khác nhau để đạt đến năng suất cây trồng, vật nuôi cao, cho đến tạo được các điển hình tốt trong sản xuất.

— Đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Hoạt động này gắn liền công tác nghiên cứu khoa học với sản xuất, làm cho các kết quả nghiên cứu khoa học trở thành các yếu tố trực tiếp thúc đẩy tăng năng suất trong nông nghiệp.

— Quản lý kỹ thuật bao gồm việc xây dựng các quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, thiết kế kỹ thuật... Hoạt động này còn bao gồm công tác thanh tra kỹ thuật, bảo đảm các quy định kỹ thuật khi đã ban hành đều được thực hiện một cách nghiêm túc, đầy đủ.

- Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp.

Bốn mặt hoạt động trên đây cần được thể hiện thành bốn hệ thống tổ chức chuyên trách với đội ngũ cán bộ riêng và quy chế hoạt động phù hợp với tính chất và yêu cầu của loại hoạt động đó.

3 - Ngoài ra, chúng ta cần cố gắng *xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, đẩy mạnh việc giải quyết vấn đề nước, trang bị cơ khí, điện và hóa chất cho nông nghiệp.*

Quá trình thủy lợi hóa ở nước ta đã phát huy tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua và chắc chắn đem lại nhiều hiệu quả trong thời gian tới. Với việc giải quyết nguồn nước tưới và tiêu úng cho cây lúa, năng suất lúa đã tăng lên nhanh ở nhiều vùng. Tuy nhiên, yêu cầu đặt ra là phải sử dụng nguồn nước một cách hợp lý nhất, tiết kiệm và đạt hiệu quả cao nhất. Giải quyết chế độ nước cho cây cần được đặt ra trong tác động tổng hợp của yếu tố này lên toàn bộ hệ sinh thái đồng ruộng. Mặt khác, trên con đường phát triển nông nghiệp toàn diện, cần chú ý giải quyết nước cho các loại cây trồng cạn: màu, cây công nghiệp, cây thực phẩm... Đặc biệt chú ý các vùng chuyên canh, các vùng sản xuất tập trung. Nước cũng rất cần trong quá trình chế biến nông sản.

Phân hóa học, thuốc trừ sâu, bệnh, chất kích thích sinh trưởng, thuốc trừ cỏ dại... là những yếu tố cần thiết để tăng năng suất và bảo vệ sản

xuất trong nông nghiệp. Cùng với sự phát triển của công nghiệp hóa chất, nông nghiệp sẽ ngày càng được trang bị thêm nhiều loại vật tư này. Quá trình trang bị hóa chất cho nông nghiệp phải được đặt song song với quá trình sử dụng đúng loại vật tư này, bảo đảm không ngừng nâng cao hiệu quả của hóa chất, hạn chế các mặt tiêu cực của chúng, chống nhiễm bẩn môi trường, chống gây hại cho các loài sinh vật có ích và gây ra các đảo lộn trong các hệ sinh thái.

Cơ khí hóa và điện khí hóa trong nông nghiệp là những yếu tố kỹ thuật quan trọng nhằm không những giải phóng cho người lao động khỏi những công việc nặng nhọc, làm tăng năng suất lao động, dành lao động dôi ra cho các khu vực kinh tế khác, mà còn là yếu tố tăng năng suất cây trồng. Tuy nhiên, cơ khí, điện là những yếu tố tác động mạnh mẽ và sâu sắc lên các hệ sinh thái, cho nên cần được sử dụng có tính toán, có căn cứ khoa học để tránh gây ra những hậu quả tiêu cực.

Đề bảo đảm cho việc áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật ở các hợp tác xã, các nông trường quốc doanh được đầy đủ và thuận lợi, cần đầu tư xây dựng ở đây các cơ sở vật chất cần thiết như: sân phơi, nhà kho, chuồng trại chăn nuôi, lò xử lý giống, v.v. Bên cạnh đó, các cơ sở nghiên cứu thí nghiệm, thực nghiệm, trình diễn kỹ thuật, đào tạo cán bộ cần được xây dựng đầy đủ ở trung ương cũng như ở các địa phương với những thiết bị khoa học cần thiết.

THẰNG LỢI MỚI CỦA PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT

HƯƠNG - NAM

NHỮNG CƠ SỞ CỦA THỐNG NHẤT VÀ ĐOÀN KẾT VÀ NHỮNG XU HƯỚNG KHÁC NHAU

Phong trào không liên kết bao gồm khoảng 2 phần 3 số nước với hơn nửa số dân trên thế giới, hầu hết là những nước đã giành được độc lập chính trị với những mức độ khác nhau (1). Các nước đó đều mong muốn giữ vững độc lập và phát triển kinh tế trong hòa bình. Từ đó mà có chỗ giống nhau cơ bản là các nước ấy đều ít nhiều có mâu thuẫn với chủ nghĩa đế quốc, kẻ luôn luôn hạn chế và đe dọa nền độc lập của họ, chèn ép họ về kinh tế, ngăn cản họ tiến lên thành những nước phát triển phồn vinh. Đó là cơ sở đoàn kết họ lại với nhau, cũng là cơ sở đề phong trào không liên kết đoàn kết với những lực lượng chống đế quốc khác trên thế giới, với các nước xã hội chủ nghĩa, với phong trào công nhân đấu tranh cho hòa bình, dân sinh, dân chủ ở các nước tư bản phát triển.

Sự đoàn kết đó thể hiện sinh động mối quan hệ biện chứng giữa ba dòng thác cách mạng của thời đại, đó là nguồn gốc sức mạnh của phong trào

giải phóng dân tộc, của bản thân phong trào không liên kết.

Tuy nhiên, giữa các nước không liên kết cũng có những chỗ khác nhau quan trọng do có sự khác nhau về tính chất Nhà nước: giai cấp nào cầm quyền ở mỗi nước, điều đó quyết định con đường do họ lựa chọn nhằm hoàn thiện nền độc lập dân tộc và cũng quyết định thái độ của họ đối với chủ nghĩa đế quốc và với những lực lượng khác trên thế giới. Vì vậy, trong phong trào không liên kết, có những xu hướng khác nhau. Có xu hướng thân đế quốc, có xu hướng cải lương, thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc và có xu hướng kiên quyết chống chủ nghĩa đế quốc. Phong trào các

(1) Dự cuộc hội nghị bộ trưởng ngoại giao các nước không liên kết vừa qua ở Be-ô-grát, có 86 nước thành viên. Ngoài Nam-tư và một vài nước nhỏ ở Địa-trung-hải, còn lại đều là các nước ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ-la-tinh. Dự Hội nghị này còn có 20 nước là quan sát viên và khách mời, và 12 tổ chức và phong trào là quan sát viên.

nước không liên kết xuất hiện từ năm 1961 đã kế thừa tinh thần của Hội nghị Băng-dung năm 1955. Những nguyên tắc do hội nghị Băng-dung đề ra thể hiện tinh thần đoàn kết giữa các nước mới giành được độc lập chính trị, cùng nhau đấu tranh chống sức ép nặng nề của chủ nghĩa đế quốc, đồng thời giúp đỡ các dân tộc khác đấu tranh giành độc lập, tự do. Những nguyên tắc đó được sự ủng hộ mạnh mẽ của các nước xã hội chủ nghĩa. Phong trào không liên kết ra đời trong khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ngày càng phát huy tác dụng là nhân tố quyết định chiều hướng phát triển của thế giới, « **sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng, những lực lượng đang quyết định nội dung chủ yếu, phương hướng chủ yếu và những đặc điểm chủ yếu của lịch sử phát triển của xã hội loài người, đang thúc đẩy sự quá độ của thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội** » (2). Vì vậy phong trào các nước không liên kết về thực chất là một bộ phận quan trọng của phong trào giải phóng dân tộc, nó phản ánh xu thế độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nó ngày càng trở thành một lực lượng lớn mạnh, là « người cõ vũ đầy nhiệt tình, là hậu thuẫn chính trị to lớn, là nguồn sức mạnh đoàn kết với các dân tộc đang đấu tranh vì độc lập, tự do, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình » như Bộ trưởng ngoại giao Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam Nguyễn-Duy-Trinh đã nói tại hội nghị Bê-ô-grát vừa qua.

Thực tiễn lịch sử đầu những năm 60 đã chứng minh rằng con đường không phân rã bạn thù, tự cô lập với các lực lượng đồng minh, thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc, đã dẫn đến thất bại và bế tắc. Nguyên vọng chung của các nước mới độc lập là hòa bình, củng cố độc lập và phát triển kinh tế, cả ba nguyên vọng đó đều bị chủ

nghĩa đế quốc chà đạp thô bạo; không một lời van xin, không một kiểu « thương lượng » nào có thể khiến chúng động lòng. Một ví dụ điển hình là ngày 15-3-1965, một số nước không liên kết họp ở Bê-ô-grát đưa ra lời kêu gọi các bên trong chiến tranh Việt-nam ngồi vào bàn thương lượng, không cần có điều kiện tiên quyết. Đó là một đề nghị theo lập trường đứng giữa, đặt ngang hàng đế quốc Mỹ xâm lược và nhân dân Việt-nam chống xâm lược. Lập trường đó hoàn toàn không nhìn thấy sự thức tỉnh của nhân dân, và nó đã thất bại hoàn toàn. Sự thức tỉnh của nhân dân các nước không liên kết là một sức mạnh vĩ đại. Trước đây, Lê-nin đã nói rằng sự thức tỉnh của các dân tộc phương Đông sau chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm cho các dân tộc đó có thể tham gia quyết định vận mệnh thế giới. Ngày nay, sự thức tỉnh của các dân tộc sau chiến tranh thế giới thứ hai và sau chiến tranh Việt-nam, là sự thức tỉnh đòi độc lập dân tộc, đòi chủ quyền kinh tế và tiến bộ xã hội, chứ hoàn toàn không phải là sự thức tỉnh đòi « đứng giữa các khối », không phải là sự thức tỉnh muốn « giữ nguyên trạng », kể cả việc giữ nguyên trạng những chế độ phản động và tàn bạo nhất như chế độ tự diệt chủng của bọn Pôn Pốt – Iêng Xa-ri.

Vì vậy xu hướng cải lương và thỏa hiệp, tuy còn là xu hướng của nhiều nước trong phong trào, nhưng nó không chiếm địa vị chủ đạo trong phong trào. Tiếng nói chủ đạo và được ghi vào các văn kiện chính thức của phong trào, là thuộc về xu hướng đoàn kết nội bộ phong trào, đoàn kết với các lực lượng yêu chuộng hòa bình, cùng nhau chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Xu hướng cải lương và thỏa hiệp trong phong trào không liên kết có

(2) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 79.

chỗ dựa bên ngoài là chủ nghĩa đế quốc. Trong thời kỳ hơn 10 năm đầu của phong trào, chủ nghĩa đế quốc đã luôn luôn lợi dụng xu hướng này để gây ảnh hưởng và phá hoại, ngăn cản xu thế chống đế quốc của phong trào. Nhưng chúng đã luôn luôn thất bại. Phong trào vẫn ngày càng phát triển mạnh mẽ, phát huy tác dụng to lớn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ độc lập dân tộc, đòi thiết lập trật tự kinh tế quốc tế mới.

Trong những năm gần đây, sau thất bại của đế quốc Mỹ ở Việt-nam, nhiều dân tộc đã nắm lấy thời cơ, đưa cuộc đấu tranh lâu dài của mình cho độc lập tự do tới thắng lợi quyết định. Tiếp theo thắng lợi của Việt-nam, đã xuất hiện nhiều nước mới độc lập và tuyên bố tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn đó chứng minh độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại.

HỘI NGHỊ BÊ-Ô-GRÁT HỢP TRONG TÌNH HÌNH MỚI VÀ THẮNG LỢI CỦA PHONG TRÀO

Cách mạng Việt-nam, cách mạng châu Phi đem lại nguồn sức mạnh mới cho phong trào không liên kết. Sau hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô năm 1976, phong trào có thêm những đội ngũ chiến đấu mới. Xu thế độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trở thành một xu thế mạnh mẽ trong phong trào. Trước tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc thấy lợi ích của mình càng bị đe dọa nên đã tìm cách phản kích, phá hoại phong trào. Chúng tiếp tục lợi dụng đồng minh trong phong trào và tìm kiếm đồng minh ở bên ngoài phong trào. Mặt khác, thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh tự nhận nước mình thuộc thế giới thứ ba, cũng tìm cách lợi dụng phong trào để thực hiện âm mưu chiến lược của mình. Mục tiêu của thế lực phản động mới này là câu kết với chủ nghĩa đế quốc, tranh thủ sự giúp đỡ của chúng để hiện đại hóa kinh tế và quốc phòng, từ đó tiến lên chống phá hồng tiêu diệt cách mạng thế giới do hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới làm trung tâm, thực hiện âm mưu bành trướng và bá quyền trên toàn thế giới. Để thực hiện âm mưu đó, thế lực phản động mới cần phải tranh

thủ và lợi dụng một số nước không liên kết. Đó là chỗ gặp nhau giữa chủ nghĩa đế quốc và thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Hai thế lực phản động lớn đó đều tìm cách phá hoại, chỉ ít là chia rẽ và làm suy yếu phong trào không liên kết. Chúng và tay chân của chúng đã kéo đến hoạt động âm ỷ ở Cô-lôm-bô năm 1976 và đã thất bại thảm hại. Lần này, trong một tình hình mà chúng cho rằng có lợi cho mình, chúng và tay chân đã kéo đến Bê-ô-grát. Tại đây, thế lực phản động mới và tay sai của chúng thật sự được nhiều điều kiện thuận lợi. Sự « tham gia » khá lộ liễu của Bắc-kinh với sự có mặt của nhiều đoàn khách và nhà báo Trung-quốc, cùng với sự chỉ đạo chặt chẽ của chủ nghĩa đế quốc đối với những bọn tay sai thực dân mới, đã đẩy cuộc đấu tranh tại diễn đàn hội nghị ngoại trưởng đến mức căng thẳng. Nhưng trái với lòng mong muốn của bọn đế quốc và bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, trái với lập trường thỏa hiệp với chủ nghĩa đế quốc và phục vụ cho bọn phản động mới, Hội nghị Bê-ô-grát đã giữ vững mục tiêu của phong trào là chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa

thực dân cũ và mới và các thế lực phản động khác, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị ghi rõ rằng « phong trào đem hết sức mình để đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bành trướng, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa a-pác-thai, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, kẻ cả chủ nghĩa xi-ôn, sự bóc lột, chính sách dùng vũ lực và mọi hình thức thống trị và bá quyền của nước ngoài. » (điều 10).

Hội nghị đã dành sự quan tâm to lớn đối với cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc hiện đang chịu ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, của chủ nghĩa thực dân cũ và mới do Mỹ đứng đầu, chủ nghĩa a-pác-thai, chủ nghĩa xi-ôn và các hình thức thống trị khác. Các bộ trưởng ngoại giao các nước không liên kết đã tố cáo đích danh đế quốc Mỹ về các tội ác, tiếp tay cho chủ nghĩa bành trướng I-xra-en xâm chiếm đất đai Pa-le-xtin và Ả-rập, thủ tiêu quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Pa-le-xtin dưới sự lãnh đạo của Tổ chức giải phóng Pa-le-xtin, cùng các cường quốc thực dân phương Tây hợp tác và giúp đỡ về nhiều mặt cho tập đoàn phân biệt chủng tộc Voóc-tơ và Xmit, chiếm đóng căn cứ Gu-an-ta-na-mô của Cu-ba, kéo dài chế độ thuộc địa ở Poóc-tô Ri-cô và nhiều nơi khác, đóng quân ở Nam Triều-tiên, lập căn cứ quân sự Di-ê-gô Gác-xi-a ở Ấn-độ-dương... Hội nghị đòi đế quốc Mỹ và các cường quốc đế quốc trao trả độc lập cho những nước mà họ còn trực tiếp thống trị... Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, văn kiện chính thức có những đoạn hoan nghênh và ủng hộ, coi các nước này là bạn bè, là đồng minh. Trong tình hình bọn phản động quốc tế cầu kết với chủ nghĩa đế quốc điên cuồng chống phá cách mạng, một vài chỗ trong văn kiện có những từ ngữ mơ hồ nhằm ám chỉ các nước xã hội chủ nghĩa, nay không còn tác dụng

lừa bịp nữa mà chỉ có thể được xem là những lời lên án bọn đế quốc và phản động quốc tế. Hội nghị kêu gọi các nước dành sự ủng hộ cho các nước tiên tuyến như Ang-gô-la, Mô-dăm-bích, Tan-da-ni-a... nhằm tăng cường cuộc đấu tranh chống lại ách thống trị của các tập đoàn phân biệt chủng tộc ở miền Nam châu Phi. Hội nghị nhiệt liệt chào mừng sự giúp đỡ tích cực của một số nước châu Phi, của Cu-ba và các nước bạn khác đối với « nhân dân Ang-gô-la anh hùng nhằm đập tan những âm mưu » xâm lược của tập đoàn Voóc-xơ. Hội nghị kêu gọi các nước không liên kết và các nước khác giúp đỡ Việt-nam xây dựng lại đất nước (theo như quyết định của Hội nghị cấp cao Cô-lôm-bô năm 1976 và quyết định của Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 1977 theo sáng kiến của các nước không liên kết (điều 207). Hội nghị kêu gọi các nước không liên kết giải quyết các vấn đề bất đồng, tranh chấp bằng con đường thương lượng.

Hội nghị nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt của tất cả các dân tộc là cùng nhau đấu tranh chống lại những âm mưu đe dọa chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới. Về mặt này, các vị đại diện các nước không liên kết tuyên bố « sẵn sàng hợp tác với tất cả các lực lượng yêu chuộng hòa bình, tự do, tiến bộ và dân chủ trên thế giới, cũng như với tất cả các nước đang mong muốn chung sống hòa bình » (điều 36).

Bản tuyên bố của Hội nghị Bê-ô-grát vừa qua còn đề cập tới rất nhiều vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật..., những vấn đề thuộc về lợi ích cơ bản của nhân dân các nước không liên kết và các dân tộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ la tinh. Nội dung các cuộc thảo luận tại các diễn đàn của Hội nghị đã được ghi vào bản tuyên bố cuối cùng. Tinh thần cơ bản của bản tuyên bố phản ánh mục tiêu của phong trào là

chống chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ các dân tộc đang đấu tranh cho độc lập tự do, đòi các nước công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển phải xóa bỏ kiểu bóc lột dưới hình thức công ty nhiều nước và đòi thiết lập trật tự kinh tế mới trên thế giới. Để thực hiện được mục tiêu đó, các nước không liên kết cần tăng cường đoàn kết, phối hợp hành động, phát huy tinh thần độc lập tự chủ, đồng thời tăng cường hợp tác với các nước yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Không thể phủ nhận rằng trong hội nghị Bê-ô-grát vừa qua cũng có khá nhiều tiếng nói tiêu cực, phản ánh lập trường đứng giữa các khối, giữ nguyên trạng, thậm chí có những hoạt động phá hoại hội nghị như của những tên đại diện cho tập đoàn Pôn Pốt - Iêng Xa-ri, tay sai của Bắc-kinh. Nhưng tất cả những ý đồ đi ngược lại trào lưu của lịch sử đều đã thất bại. Hơn nữa, những lời nói và việc làm của bọn Pôn Pốt - Iêng Xa-ri và những phần tử khác đại diện cho mưu đồ của Bắc-kinh, càng chứng minh hùng hồn rằng ai là đồng minh đang ủng hộ các nước không liên kết giữ vững mục tiêu đấu tranh của mình, ai là kẻ đang phá hoại phong trào không liên kết bằng cách áp đặt chiến lược toàn cầu của mình lên đầu các nước không liên kết, hòng lái phong trào không liên kết phục vụ cho âm mưu chống Liên-xô, chống các nước xã hội chủ nghĩa.

Trong khi các nước không liên kết khẳng định giữ vững mục tiêu đấu tranh như trên, thì thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại đòi phong trào không liên kết phải tập trung mũi nhọn đấu tranh chống Liên-xô, chống chủ nghĩa xã hội, coi đó «là nhiệm vụ căn bản của mình» (xem *Nhân dân nhật báo*, 13-7-1978). Các nước không liên kết xác định rằng chủ nghĩa đế quốc là «nguyên nhân chủ yếu gây nên tình hình căng thẳng trên thế giới», không

lợi cho các nước không liên kết (điều 20). Nhưng thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh nói ngược trở lại: «Liên-xô là nguy cơ chủ yếu phá hoại và «phân liệt phong trào không liên kết» (xem *Nhân dân nhật báo*, 13-7-1978). Các nước không liên kết thiết tha đoàn kết với các lực lượng yêu chuộng hòa bình trên thế giới, bao gồm các nước xã hội chủ nghĩa, chống các cường quốc đế quốc phương Tây đứng đầu là Mỹ, bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc về mặt chính trị và kinh tế. Nhưng thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại ca ngợi các nước đế quốc phương Tây, kêu gọi các nước không liên kết hãy coi các nước thống trị cũ đó «là lực lượng có thể tranh thủ và liên hợp được», nhằm thành lập «một mặt trận thống nhất» bao gồm các nước không liên kết, các nước thế giới thứ ba, các nước đế quốc và thực dân phương Tây, kể cả Mỹ, chống lại cái gọi là «đế quốc xã hội Liên-xô» (xem *Nhân dân nhật báo*, 1-11-1977 và 18-7-1978). Các nước không liên kết kiên quyết đòi xóa bỏ hình thức bóc lột lợi nhuận của các công ty nhiều nước của các cường quốc thực dân Tây Âu và Bắc Mỹ. Nhưng thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh lại nói «các nước Tây Âu và các nước khác (ý muốn nói Mỹ và các cường quốc thực dân khác!) ngày càng đồng tình và ủng hộ rộng rãi cuộc đấu tranh của các nước không liên kết» (xem *Nhân dân nhật báo*, 18-7-1978).

Trong bản Tuyên bố cuối cùng của hội nghị, các nước không liên kết khẳng định sự ủng hộ đối với nhân dân Cu-ba, nhân dân Việt-nam, nhân dân Ăng-gô-la. Nhưng thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh cất mọi viện trợ cho Việt-nam, và độc ác hơn là xúi giục các nước khác đừng giúp Việt-nam. Chúng ra lệnh cho tay sai của chúng mà diễn hình

(Xem tiếp trang 81)

THẤU SUỐT CÁC QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

NGUYỄN-QUANG-XÁ

QUẢN lý kinh tế theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa thì cán bộ quản lý các ngành, các cấp phải coi trọng chế độ hợp đồng kinh tế. Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 do Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng nêu rõ: « Hợp đồng kinh tế phải thật sự trở thành cơ sở để xây dựng và thực hiện kế hoạch, thành phương tiện quan trọng để kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường, thành nếp quan hệ thường xuyên giữa các đơn vị kinh tế cơ sở » (1).

Sau khi có nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đến nay, công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế đã có tiến bộ bước đầu. Các đơn vị kinh tế cơ sở đã chú ý đến việc ký kết hợp đồng kinh tế để thực hiện kế hoạch Nhà nước, khắc phục một bước lối quản lý « hành chính », bao cấp, thiên về dùng mệnh lệnh hành chính; một số ít đơn vị kinh tế cơ sở đã coi trọng việc ký kết hợp đồng kinh tế từ con số kiểm tra, lấy hợp đồng kinh tế làm căn cứ để xây dựng dự án kế hoạch, bảo vệ và xét duyệt kế

hoạch, làm cho kế hoạch được duyệt có chất lượng cao, được cân đối tích cực và vững chắc, và đã nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký kết, do đó đã góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước. Gần đây, các cấp, các ngành đã quan tâm chỉ đạo việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế hai chiều, nhằm xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, cung ứng và thu mua nông sản. Hoạt động thanh tra và xét xử của Hội đồng trọng tài kinh tế các cấp cũng đã được chú ý.

Tuy nhiên, sự chuyển biến về công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế còn yếu so với yêu cầu quản lý kinh tế. Hiện nay, nhiều đơn vị kinh tế cơ sở và cơ quan quản lý cấp trên như bộ, tổng cục, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố còn xem nhẹ công tác hợp đồng kinh tế, ký kết hợp đồng kinh tế không theo đúng chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước, ký chậm, thực hiện thiếu nghiêm túc; khi bị vi phạm hợp đồng, thì không khiếu nại, có tư tưởng nể nang, cục bộ, bần vị,

(1) *Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 96.

cửa quyền, xem thường thê chế và luật pháp kinh tế. Tờ chức trọng tài kinh tế các cấp, các ngành còn quá yếu, chưa đáp ứng được nhiệm vụ tòa án kinh tế.

Nguyên nhân của những thiếu sót trên có nhiều. Nhưng nguyên nhân trực tiếp và quan trọng là cán bộ quản lý chưa nhận thức đúng và chưa thấy hết vị trí, tác dụng, lợi ích thiết thực của công tác hợp đồng kinh tế đối với mỗi đơn vị kinh tế cơ sở, mỗi người lao động, cũng như đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân: chưa thấy rằng việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế là xây dựng cho kế hoạch thể cân đối vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước. Mặt khác, trong công tác quản lý kinh tế, chúng ta cũng chưa kiên quyết xóa bỏ lối quản lý « hành chính », bao cấp, chưa nghiêm chỉnh thực hiện quản lý theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.



Để thực hiện tốt chế độ hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế, các ngành, các cấp và các đơn vị kinh tế cơ sở cần nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về hợp đồng kinh tế.

Một là, hợp đồng kinh tế là công cụ pháp lý của Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Ở bất kỳ xã hội nào, khi có sản xuất hàng hóa, thì có hợp, đồng. Hợp đồng là hình thức pháp lý của việc trao đổi hàng hóa. Nó ra đời do yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa và tác động của quy luật giá trị. Ngay từ lúc mới ra đời, mặc dù chưa được pháp luật quy định, hợp đồng đã mang theo mối quan hệ pháp lý. Mác đã nói: « Tự chúng, các hàng hóa không thể đi tới thị trường và trao đổi với nhau được... « Muốn cho

những vật đó quan hệ với nhau như những hàng hóa thì những người giữ hàng hóa phải đối xử với nhau như những người mà ý chỉ nằm ở trong các vật đó... Mối quan hệ pháp lý đó, mà hình thức của nó là bản giao kèo, — dù có được củng cố thêm bằng pháp luật hay không cũng vậy, — là một mối quan hệ giữa các ý chí, phản ánh mối quan hệ kinh tế » (2).

Trong các chế độ xã hội cũ, Nhà nước của các giai cấp bóc lột đã sử dụng hợp đồng như một công cụ pháp lý để áp bức, bóc lột nhân dân lao động; đồng thời, hợp đồng cũng là công cụ cạnh tranh giữa các tập đoàn kinh doanh, « cá lớn nuốt cá bé » vì mục đích lợi nhuận.

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, do còn sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa, do sự tác động lẫn nhau giữa hai quy luật: quy luật phát triển có kế hoạch và cân đối nền kinh tế quốc dân và quy luật giá trị, do yêu cầu của chế độ kế hoạch hóa và chế độ hạch toán kinh tế, cho nên mối quan hệ giữa kế hoạch và hợp đồng nảy sinh và trở thành mối quan hệ tất yếu, hợp đồng kinh tế trở thành hình thức pháp lý của việc trao đổi hàng hóa theo kế hoạch.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải quản lý kinh tế bằng pháp luật. Việc củng cố và tăng cường pháp chế trong các quan hệ kinh tế bao gồm các quan hệ về lãnh đạo kinh tế (quan hệ theo chiều dọc) và các quan hệ về thực hiện hoạt động kinh tế (quan hệ theo chiều ngang) là yêu cầu cấp bách của công tác quản lý kinh tế hiện nay. Hợp đồng kinh tế phải được coi là một chỗ đứng của luật pháp kinh tế. Điều lệ về hợp đồng kinh tế mà Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 10-3-1975 đã xác định: « Hợp đồng kinh tế là công cụ pháp lý của Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển

(2) C. Mác: *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, quyển I, tập I, 1973, trang 163, 164.

nền kinh tế xã hội chủ nghĩa»... «Kỷ kết hợp đồng kinh tế là một kỷ luật của Nhà nước. Trong mọi hoạt động kinh tế có liên quan với nhau đều bắt buộc phải kỷ kết hợp đồng». Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh mà Hội đồng Chính phủ mới ban hành ngày 8-4-1977 cũng quy định việc thực hiện hợp đồng kinh tế là một trong những nhiệm vụ quan trọng của xí nghiệp, đồng thời vạch rõ những nguyên tắc hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở, dưới sự bảo vệ của pháp chế hợp đồng.

Rõ ràng, Nhà nước phải nắm lấy công cụ pháp lý trên đây để làm cho việc xây dựng và thực hiện kế hoạch có hiệu lực, bảo đảm tính pháp lệnh của kế hoạch, bảo đảm cho nguyên tắc hạch toán được thực hiện, tăng cường sự hiệp tác xã hội chủ nghĩa giữa các đơn vị kinh tế với nhau, làm cho công tác quản lý của Nhà nước gắn liền với sự tự chịu trách nhiệm của các tổ chức kinh tế cơ sở, làm cho lợi ích của đơn vị kinh tế cơ sở ăn khớp với lợi ích chung của nền kinh tế quốc dân.

Thực tiễn công tác hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế trong những năm qua đã cho ta thấy rõ nếu đơn vị nào buông lỏng công cụ pháp lý này, thì đơn vị ấy không những không hoàn thành được kế hoạch, mà còn gây ra tình trạng kế hoạch tách rời thị trường, sản xuất không đáp ứng yêu cầu tiêu thụ, sản phẩm làm ra bị ứ đọng, hư hỏng, vốn bị chiếm dụng nhiều, gây thiệt hại tài sản của Nhà nước. Ở các tỉnh miền Nam, một số ngành, địa phương và đơn vị kinh tế cơ sở chưa nắm lấy công cụ pháp lý này để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với giai cấp tư sản và các thành phần kinh tế tư nhân khác, trái lại có hiện tượng tùy tiện trong việc chỉ đạo ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, để cho giai cấp tư sản lợi dụng hợp đồng kinh tế gây nhiều thiệt hại về tài sản cho Nhà nước.

Hai là, hợp đồng kinh tế phải trở thành cơ sở để xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước.

Muốn hiểu rõ và phát huy tốt vai trò của hợp đồng kinh tế đối với kế hoạch, trước hết, cần nhận rõ mối quan hệ và sự tác động lẫn nhau giữa kế hoạch và hợp đồng kinh tế. Kế hoạch Nhà nước với tư cách là cương lĩnh thứ hai của Đảng, là pháp lệnh của Nhà nước, tác động đến hợp đồng kinh tế bằng cách tạo ra tiền đề, xác định chủ thể và nội dung của hợp đồng kinh tế, còn hợp đồng kinh tế với tư cách là công cụ pháp lý và công cụ quản lý, có chức năng tham gia xây dựng kế hoạch, cụ thể hóa kế hoạch, thực hiện kế hoạch, là biện pháp trọng yếu để biến kế hoạch từ khả năng thành hiện thực. Cần làm cho kế hoạch và hợp đồng kinh tế gắn bó hữu cơ với nhau, thể hiện trong toàn bộ công tác kế hoạch hóa, từ việc xây dựng, xét duyệt kế hoạch đến việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch, từ việc đánh giá kế hoạch đến việc khen thưởng và xử phạt. Nói hợp đồng kinh tế là cơ sở để xây dựng kế hoạch tức là nói hợp đồng kinh tế tham gia vào việc xây dựng dự án kế hoạch. Đây là xu hướng tiến bộ nhất cho phép chúng ta thành lập những mối quan hệ hợp đồng không phải chỉ dựa trên cơ sở kế hoạch mà dựa trên cơ sở dự án kế hoạch. Các đơn vị kinh tế cơ sở không chỉ có nhiệm vụ ký kết hợp đồng kinh tế từ khi có kế hoạch chính thức ban hành, mà điều quan trọng là phải tiến hành ký kết hợp đồng ngay từ khi có số kiểm tra kế hoạch để góp phần xây dựng dự án kế hoạch, làm cho dự án kế hoạch ăn khớp với các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Đó là một bước cải tiến quan trọng trong công tác kế hoạch hóa.

Muốn cho việc xây dựng kế hoạch năm và kế hoạch dài hạn có chất lượng cao, được cân đối tích cực và vững chắc, một trong những biện

pháp quan trọng là *xí nghiệp phải gắn chặt kế hoạch với thị trường*. Xí nghiệp phải thường xuyên nắm chắc các nguồn cung ứng vật tư, tìm hiểu nhu cầu thực tế của thị trường và các mặt hàng cụ thể thuộc nhiệm vụ và khả năng sản xuất của xí nghiệp, đặt và mở rộng các mối quan hệ kinh tế trực tiếp, ổn định, lâu dài với các đơn vị cung ứng và các đơn vị tiêu thụ bằng việc ký kết các hợp đồng kinh tế, coi *hợp đồng kinh tế là phương tiện quan trọng để kết hợp kế hoạch hóa với sử dụng quan hệ thị trường*, nhằm tạo nên những điều kiện vững chắc cho công tác kế hoạch của xí nghiệp.

Gắn việc ký kết hợp đồng kinh tế với việc xây dựng kế hoạch là thực hiện dân chủ hóa kế hoạch, phát huy tính chủ động sáng tạo của xí nghiệp. Thật vậy, không ai biết rõ khả năng của xí nghiệp bằng chính bản thân xí nghiệp. Xí nghiệp phải có trách nhiệm tính toán xây dựng kế hoạch một cách toàn diện, gắn chặt kế hoạch sản xuất với tiêu thụ, gắn chặt kế hoạch hiện vật với tài chính, gắn chặt lợi ích của xí nghiệp với lợi ích của Nhà nước, của tập thể, huy động đến mức cao nhất các tiềm lực và khả năng sẵn có của xí nghiệp, từ đó mà xác lập đúng đắn các quan hệ hợp đồng.

Gắn việc ký kết hợp đồng với việc xây dựng kế hoạch là nhằm chuẩn bị các điều kiện, phương tiện, giải quyết trước các mắc mứu đề khi có kế hoạch chính thức ban hành là xí nghiệp tiến hành sản xuất được ngay từ ngày đầu, tháng đầu của năm thực hiện kế hoạch, tránh được tình trạng đầu năm thì công nhân thiếu việc làm do chưa ký được hợp đồng cung ứng vật tư, cuối năm thì xí nghiệp huy động sản xuất dồn dập đề đạt kế hoạch tổng sản lượng, nhưng công nhân vẫn cứ lo lắng vì xí nghiệp chưa ký được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với khách hàng.

Nói hợp đồng kinh tế là cơ sở để xây dựng kế hoạch cũng tức là nói hợp đồng góp phần *cụ thể hóa kế hoạch và thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước*.

Sau khi kế hoạch được ban hành, hợp đồng kinh tế là phương tiện cụ thể hóa nhiệm vụ kế hoạch. Một mặt, sau khi kế hoạch được ban hành, giám đốc xí nghiệp phải điều chỉnh, bổ sung những hợp đồng đã ký kết và tiếp tục ký các hợp đồng chưa ký được, hoàn thành việc ký kết hợp đồng cả năm. Mặt khác, giám đốc xí nghiệp phải cụ thể hóa kế hoạch, tính toán, phát huy khả năng tiềm tàng, quy định các biện pháp kinh tế, kỹ thuật phù hợp với thực tế, xác định trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên, phát huy tinh thần hiệp tác xã hội chủ nghĩa để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Kinh nghiệm cho thấy việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch có liên quan đến nhiều đơn vị, cơ quan khác nhau, nhưng bản thân kế hoạch không thể tính toán và giải quyết hết các mối quan hệ cụ thể đó. Chỉ có hợp đồng kinh tế mới giải quyết được các mối quan hệ cụ thể của kế hoạch.

Hợp đồng kinh tế là phương tiện để kiểm tra sự cân đối giữa nhiệm vụ kế hoạch và các yêu cầu của xã hội. Hợp đồng kinh tế tạo ra một hệ thống kiểm tra linh hoạt giữa các xí nghiệp xã hội chủ nghĩa. Một xí nghiệp vi phạm việc thực hiện hợp đồng kinh tế không những gây tổn thất cho đơn vị cùng ký kết hợp đồng với mình, mà còn làm ảnh hưởng dây chuyền đến các đơn vị kinh tế khác. Vì vậy, việc thực hiện hợp đồng kinh tế không những là nghĩa vụ của hai bên đối với nhau, mà còn là nghĩa vụ của hai bên đối với Nhà nước; giữ vững tính kỷ luật của hợp đồng kinh tế và có biện pháp thanh tra đề củng cố tính kỷ luật ấy là điều đặc biệt quan trọng trong công tác kế hoạch hóa hiện nay.

Trong thời gian qua, những xí nghiệp nào, địa phương nào, ngành nào coi trọng công tác thanh tra, định kỳ kiểm điểm việc thực hiện hợp đồng, thanh lý hợp đồng, đều phát hiện và giải quyết được kịp thời những mắc mứu, khó khăn, ngăn ngừa được thiệt hại về tài sản của Nhà nước, góp phần thực hiện kế hoạch Nhà nước, xây dựng được nền nếp làm ăn có tổ chức, có kỷ luật.

Ba là, hợp đồng kinh tế là đòn bẩy kinh tế quan trọng để thực hiện hạch toán kinh tế theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hợp đồng kinh tế là phương tiện kết hợp kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, là đòn bẩy kinh tế quan trọng phục vụ cho hạch toán kinh tế. Thông qua hợp đồng kinh tế, chế độ hạch toán kinh tế thực hiện được yêu cầu tính toán của xí nghiệp.

Mặt khác, để bảo đảm cho hạch toán của xí nghiệp, giám đốc xí nghiệp phải thật sự nắm lấy hiệu lực pháp lý của hợp đồng, phải áp dụng nghiêm túc chế độ trách nhiệm vật chất, một yếu tố cơ bản của chế độ hạch toán. Xí nghiệp phải tính toán kỹ lưỡng trước khi ký kết hợp đồng, ký rồi phải thực hiện nghiêm túc hợp đồng, vì nếu xí nghiệp mình làm không đúng hợp đồng thì phải bị phạt và bồi thường thiệt hại cho bên kia.

Hợp đồng kinh tế còn là cơ sở cho công tác tín dụng và thanh toán. Nếu không có hợp đồng kinh tế thì xí nghiệp không được vay vốn của Ngân hàng Nhà nước và cũng không được thanh toán.

Hiệu lực và tác dụng của chế độ hợp đồng kinh tế đối với nền kinh tế quốc dân gắn chặt với hiệu lực và tác dụng của chế độ hạch toán kinh tế. Khi các đơn vị kinh tế cơ sở chưa kiên quyết đi vào hạch toán kinh tế, chưa bị nguyên tắc hạch toán kinh tế

ràng buộc, thì hợp đồng kinh tế vẫn còn bị coi nhẹ.

Bốn là: hợp đồng kinh tế góp phần tăng cường quản lý kinh tế và thúc đẩy công cuộc cải tạo kinh tế.

Chế độ hợp đồng kinh tế là một trong những chế độ quan trọng của Nhà nước trong việc quản lý kinh tế. Nó là công cụ của kế hoạch hóa, đòn bẩy kinh tế phục vụ cho hạch toán kinh tế, và là phương tiện quan trọng để khảo nghiệm, xây dựng và chấp hành các thể chế của Nhà nước cho phù hợp với thực tế. Thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, Nhà nước xây dựng hoặc bổ sung những thể chế như thể chế về giá cả, chất lượng sản phẩm, cước phí lưu thông, v.v. Vì vậy, công tác quản lý kinh tế phải lấy hợp đồng kinh tế làm công cụ quản lý cụ thể để giải quyết tình hình cụ thể.

Hoạt động của cơ quan trọng tài kinh tế các cấp là một nội dung quan trọng để tăng cường quản lý kinh tế và tăng cường pháp chế kinh tế. Bằng công tác thanh tra chế độ hợp đồng kinh tế, và xét xử các vụ tranh chấp, vi phạm hợp đồng kinh tế, cơ quan trọng tài kinh tế các cấp có nhiệm vụ phát hiện, ngăn ngừa và giải quyết các mâu thuẫn trong hoạt động kinh tế, đề ra từ quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch Nhà nước. Nó có nhiệm vụ giữ vững tính kỷ luật trong việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế của Chính phủ, phát triển và bảo vệ các quan hệ kinh tế hợp lý giữa các đơn vị kinh tế cơ sở, góp phần củng cố chế độ hạch toán kinh tế, xây dựng và thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước, tăng cường quản lý kinh tế.

Mặt khác, với chỗ đứng của mình, cơ quan trọng tài có điều kiện nhận rõ những sai trái, thiếu sót trong hoạt động kinh tế của các ngành, các cấp có ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng, kiên nghị với

cơ quan có thẩm quyền những biện pháp nhằm sửa chữa những sai trái đó, nhất là những biện pháp nhằm giải quyết những điều không hợp lý về chế độ, chính sách, tổ chức quản lý, v.v.

Hợp đồng kinh tế, nhất là *hợp đồng kinh tế hai chiều*, có tác dụng phục vụ và thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam và góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Ở đây, hợp đồng kinh tế không những góp phần cải tiến công tác kế hoạch hóa ở khu vực tập thể mà còn góp phần phục vụ và thúc đẩy công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xác định nghĩa vụ của mỗi một đơn vị kinh tế cơ sở nói chung và mỗi người dân nói riêng đối với việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Việc thi hành chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều mà Hội đồng Chính phủ mới ban hành theo Nghị định số 65 - CP ngày 23-3-1978 là việc làm có ý nghĩa chính trị và kinh tế quan trọng, đáp ứng đúng đòi hỏi cấp thiết của đời sống nhân dân, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải thực hiện tốt lời dạy của Hồ Chủ tịch nói về hợp đồng kinh tế hai chiều: "Chính phủ cần mua của hợp tác xã lương thực, nông sản, Chính phủ cũng bán cho hợp tác xã phân hóa học, nông cụ và sau này những máy móc nông nghiệp. Việc mua bán ấy phải có hợp đồng ký kết giữa Chính phủ và hợp tác xã. Sau khi đã ký hợp đồng, các hợp tác xã phải bảo đảm làm đúng hợp đồng, mà về phía Chính phủ cũng vậy. Như thế mới công bằng" (3).

Cần phân biệt rõ hợp đồng kinh tế hai chiều không phải là hình thức trao đổi hàng hóa thông thường giữa những tư nhân kinh doanh như dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng không phải là hình thức mua bán theo kiểu "hàng đổi hàng" như nhiều địa phương đã làm. Về thực chất, chế độ

hợp đồng kinh tế hai chiều là một *chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa* có ý nghĩa rất quan trọng, nhằm đưa các khâu sản xuất và lưu thông, phân phối vào tổ chức và kế hoạch, gắn liền các mặt cung ứng vật tư, hàng hóa và thu mua sản phẩm, thắt chặt mối quan hệ kinh tế giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước với các hợp tác xã, các tổ chức sản xuất tập thể khác và các hộ sản xuất cá thể, ràng buộc cả hai bên cùng nhau thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước. Do đó, hợp đồng kinh tế hai chiều có tác dụng thúc đẩy sản xuất phát triển, tập trung phần lớn hàng hóa lương thực, thực phẩm, nông sản khác, lâm sản, hải sản trong tay Nhà nước, nhằm bảo đảm các nhu cầu của công nghiệp, của xuất khẩu và của đời sống nhân dân.

Việc thực hiện chế độ hợp đồng kinh tế hai chiều đòi hỏi các ngành, các cấp phải có quan điểm *toàn diện*, kết hợp tốt việc thực hiện chế độ hợp đồng này với việc thực hiện các chính sách lớn khác như: chính sách giá cả, chính sách lương thực, chính sách thu mua và quản lý thị trường nông sản, hải sản, lâm sản, chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công thương nghiệp tư doanh, và thông qua đó, góp phần thúc đẩy "ba cuộc cách mạng" ở nông thôn trên địa bàn từng huyện.

Trong lĩnh vực tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phải hết sức coi trọng việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, qua đó mà góp phần cải tạo và xây dựng ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp thành bộ phận tích cực của nền kinh tế quốc dân, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước.



(3) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-Nội, 1962, tập VI, trang 248.

Để thực hiện tốt chế độ hợp đồng kinh tế, đi đôi với việc thấu suốt các quan điểm nêu ra trên đây, cần nắm vững những nguyên tắc và biện pháp cụ thể để tiến hành ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế.

1 — *Phải chấp hành nghiêm chỉnh các hợp đồng kinh tế đã ký kết*, nghĩa là chấp hành đầy đủ và đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng, bảo đảm hiện vật để đáp ứng cho nhu cầu của nền kinh tế quốc dân. Nhà nước không cho phép các bên ký kết hợp đồng tự thỏa thuận với nhau thay thế nội dung giao dịch bằng cách bồi thường cho nhau một số tiền. Nhà nước cũng không cho phép các bên ký kết hợp đồng tự ý vi phạm hợp đồng hoặc hủy bỏ hợp đồng, rồi bồi thường cho nhau bằng tiền.

2 — *Chấp hành hợp đồng kinh tế theo tinh thần hiệp tác xã hội chủ nghĩa*.

Nguyên tắc này phản ánh bản chất của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa. Việc thực hiện hợp đồng kinh tế đòi hỏi các bên ký kết hợp đồng phải hợp tác chặt chẽ với nhau để cùng thực hiện mục đích chung là bảo đảm thắng lợi cho kế hoạch Nhà nước, tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa là một nền sản xuất có tổ chức, có kế hoạch dựa trên cơ sở sự phân công lao động toàn xã hội. Nó đòi hỏi các ngành và các đơn vị kinh tế phải hợp tác chặt chẽ, thực hiện nguyên tắc hiệp tác xã hội chủ nghĩa, chống lại những tư tưởng cục bộ, bản vị... Lúc khó khăn, các bên ký kết hợp đồng phải hết sức giúp đỡ lẫn nhau, làm cho hợp đồng được thực hiện đầy đủ, và hạn chế bớt sự thiệt hại cho nhau, tức là hạn chế thiệt hại cho Nhà nước.

3 — *Phải thực hiện hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng giữa các đơn vị kinh tế*.

Các tổ chức kinh tế đặt quan hệ hợp đồng với nhau, dù một bên là cấp trên, một bên là cấp dưới, hoặc một bên là cơ quan Nhà nước, một bên là hợp tác xã, đều phải thực hiện đúng nguyên tắc *bình đẳng*, vì quan hệ trao đổi hàng hóa là quan hệ tự nguyện, bình đẳng; Nhà nước đòi hỏi các bên đều phải chấp hành đúng quy định của Nhà nước, không cho phép bên nào chèn ép bên nào, *không được cậy quyền, ép cấp, ép giá*. Sự bình đẳng trong lĩnh vực hợp đồng kinh tế hai chiều phải được thực hiện cả về chính trị và kinh tế, bảo đảm đúng đường lối liên minh công nông của Đảng.

4 — *Phải phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế*.

Để phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, cần làm cho quần chúng nắm được pháp chế về hợp đồng kinh tế và trọng tài kinh tế, thấy được lợi ích thiết thân của hợp đồng kinh tế đối với nền kinh tế quốc dân và tập thể đơn vị, cũng như đối với mỗi người lao động, từ đó mà có trách nhiệm chấp hành và giám sát việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế. Hợp đồng kinh tế là một văn kiện tổng hợp biểu hiện sự vận dụng các thể chế của Nhà nước để giải quyết những vấn đề cụ thể của kế hoạch Nhà nước và của đơn vị, nó phải thể hiện ý chí và nguyện vọng của quần chúng và được quần chúng quyết tâm thực hiện. Vì vậy, trước khi ký kết hợp đồng kinh tế, cần có sự tham gia ý kiến của quần chúng, và sau khi ký kết, cần phổ biến cho quần chúng biết nội dung hợp đồng đã ký kết để quần chúng thực hiện, biến nội dung hợp đồng thành nội dung thi đua tập thể của đơn vị.

Thảo luận

CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

CHỐNG TÀN DƯ CỦA TƯ TƯỞNG PHONG KIẾN

BÙI-VĂN-NGUYỄN

CON người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam một mặt phải xây dựng cho mình một thể giới quan Mác - Lê-nin, mặt khác phải chống tư tưởng và văn hóa phản động, lạc hậu của các giai cấp bóc lột, trong số đó có tàn dư của tư tưởng phong kiến - hệ tư tưởng có cội rễ lâu đời ở nước ta đang gây nhiều tác hại cho công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Chúng ta làm chủ đất nước trên mọi lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Chúng ta không những làm chủ Hiện tại, vươn tới làm chủ Tương lai, mà còn phải làm chủ cả Quá khứ. Di sản của tổ tiên ta để lại hết sức đồ sộ, nhưng không phải toàn là những cái tốt đẹp, quý giá. Trong di sản ấy, bên cạnh những truyền thống tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục của dân tộc, còn không ít những tư tưởng, tâm lý, tập quán xấu của giai cấp bóc lột. Cho nên, gạt đục, khơi trong, không để cho vàng, thau lẫn lộn là điều cần thiết.

Chế độ phong kiến đã sụp đổ từ lâu rồi. Song không khỏi không còn có người dôi lúc vẫn vương hoài cổ, tiếc những nét «vàng son» đã mục nát lồi thối, những «lời xưa xe ngựa», những «ngồi cũ lâu dài...». Tại hại

hơn cả là có những nếp cảm, nếp nghĩ rất «phong kiến», ăn sâu vào tiềm óc người ta quá lâu rồi mà người ta ngộ nhận là «lẽ tự nhiên», «lẽ phải nghìn xưa». Ngày nay đó chính là «lẽ không tự nhiên», «lẽ trái» với đạo lý cộng sản chủ nghĩa.

Mác đã nói: «Con người làm ra lịch sử của mình, nhưng không phải làm theo ý muốn tùy tiện của mình, trong những điều kiện tự mình chọn lấy, mà là làm theo những điều kiện nhất định trực tiếp sẵn có, do quá khứ để lại. Truyền thống của tất cả các thế hệ đã qua đè nặng lên đầu óc những người đang sống». Và Mác dặn dò: «Cách mạng xã hội không thể bắt đầu thực hiện nhiệm vụ của bản thân nó được, chừng nào nó chưa hoàn toàn tẩy trừ được hết mọi mê tín đối với quá khứ» (1).

Làm chủ Quá khứ, đánh giá đúng Quá khứ, «tẩy trừ hết mọi mê tín đối với Quá khứ» quả là một vấn đề lớn. Phải đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân mới phân biệt được cái «vàng son» của chế độ phong kiến với cái hào quang rực rỡ

(1) C. Mác và F. Ăng-ghen: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập I, trang 291 — 294.

của những kỳ tích bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc, mới phân biệt được quá khứ công ít tội nhiều của giai cấp phong kiến với quá khứ đầy hào hùng của nhân dân lao động làm ra lịch sử.

Trong phạm vi vấn đề xây dựng con người mới Việt-nam, làm chủ Quá khứ trước hết là triệt để chống tàn dư của tư tưởng phi vô sản, trong số đó có tàn dư của tư tưởng phong kiến. Mác cũng đã nhấn mạnh: « Cách mạng cộng sản chủ nghĩa là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền; không có gì là lạ nếu trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để với những tư tưởng cổ truyền » (2).

Con người là một vật tinh khôn nhất trong các loài vật, cho nên vấn đề ý thức, vấn đề tư duy là quan trọng. Quy luật về tư duy của con người chỉ đạo thái độ, hành động của mình trong cuộc sống. Có khi nên kinh tế đổi mới nhanh, biến chuyển nhanh, nhưng ý thức, tư duy lại đổi mới chậm, biến chuyển chậm, và như vậy ý thức, tư duy trở thành « một vật cản » cho tiến trình cách mạng. Trong xã hội nước ta ngày nay, tàn dư của tư tưởng phong kiến đang là « một vật cản » trên mọi ngã đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta.

Nổi bật hơn cả là **tàn dư về quan niệm thần bí và siêu hình**. Thật ra, quan niệm này vốn có từ thời nguyên thủy, trong nhiều bộ tộc trên thế giới, do sự hạn chế về tri thức khoa học, không đủ khả năng cắt nghĩa được các quy luật về tự nhiên cũng như quy luật về xã hội. Cho nên, người xưa tưởng tượng ra một « ông Trời », một vị Thượng đế sắp đặt ra mọi trật tự trong tự nhiên, trong xã hội. Về vấn đề này, Lê-nin đã chỉ rõ: « Trong tôn giáo, giới tự nhiên là Thượng đế, nhưng giới tự nhiên coi như là một vật tồn tại được tự tưởng tạo ra » (3). Cái « ông Trời » đó được các tôn giáo ở ta, đặc biệt được Nho giáo dưới

thời phong kiến đề cao, « thần bí hóa », trở thành một « lực lượng siêu nhiên », có cá tính, biết tác oai tác phúc như một vị chúa tể ở trần gian. Quan niệm về **Mệnh trời (Thiên mệnh)**, về « lẽ tự nhiên » tức « lẽ trời » từ đó mà ra. *Kinh Thư* là một loại sách cổ có tính cách diễn phạm ngày xưa ở Trung-quốc đã hết sức đề cao « mệnh trời »: « Mệnh trời không thể có sai lầm » (Khang cáo). Những người chủ chốt của đạo Nho, như Khổng-Tử đời Xuân-thu cũng rất đề cao thuyết Mệnh trời. Khổng-Tử nói: « Người quân tử có ba điều đáng sợ, điều thứ nhất là **sợ mệnh trời** » (Luận ngữ). Về sau, Mạnh-Tử đời Chiến-quốc. Đồng-Trọng-Thư đời Hán, Chu-Hy đời Tống đều đề cao « mệnh trời », v.v. Sách *Kinh Thư* nói: « Vua đã có lệnh ban sấm rồi, trị dân nay được thái bình » (Thiệu cáo). Ở ta, nhiều người cũng tin ở « mệnh trời ». Chỉ có nhân dân lao động mới dám chống « mệnh trời », như một số truyện dân gian đã phản ánh, thí dụ truyện *Cường bạo đánh Thần sét*, truyện *Cóc kiện trời*...

Ngày nay, không phải không có người còn sợ « mệnh trời », tin ở « mệnh trời ». Vấn đề đói khổ, hạnh phúc, mất nước, nô lệ hay độc lập, tự do, vấn đề sống chết, vấn đề may rủi, vấn đề được thua, vấn đề sinh con trai, sinh con gái, v.v. biết bao vấn đề tự mình không đủ trình độ khoa học để giải thích, cuối cùng đành đặt vào cái ô « mệnh trời », cái ô « số trời đã định » vốn có từ nghìn xưa. Có ai đưa chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử ra phân tích, đã thông thì kẻ đó, bề ngoài tuy không phản đối, nhưng bề trong đã tỏ vẻ hoài nghi! Thì ra ông Trời của đạo Nho đã chiếm tâm hồn của họ từ thuở nào rồi!

(2) Sách đã dẫn, trang 50.

(3) V.I. Lê-nin: *Bút ký triết học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, trang 69.

Quan niệm thần bí nói trên gắn chặt với tư tưởng duy tâm siêu hình, và là bản chất của tư tưởng phong kiến, một tư tưởng nảy sinh từ một phương thức sản xuất lạc hậu, trong đó nền kinh tế chủ đạo là nền kinh tế nông nghiệp tự cung tự túc. Tư tưởng duy tâm siêu hình đó dẫn đến một **phương pháp tư tưởng duy tâm siêu hình**, một phương pháp nhận định sự vật tách rời nhau, cô lập nhau, và nếu các sự vật ấy mà hình thành được, trọn vẹn được, lại là nhờ bàn tay sắp xếp của ông Trời! Không phải các nhà Nho xưa không biết đến lẽ **biến dịch của sự vật**, nhưng họ chỉ hiểu lẽ biến dịch đó theo một bình diện đơn giản, mà không thấy được bản chất của sự vật với tất cả quá trình phát triển biện chứng nội tại của nó. Khi bàn đến tư tưởng siêu hình của nhà triết học cổ Hy-lạp là Xô-crát, Lê-nin nói: « Phép siêu hình không phát triển, chết cứng, thô bạo, bất động, thay cho sự ngu xuẩn » (4). Chính vì vậy, một vị vua thông minh, tài hoa như Lê-Thánh-Tông khi gặp lúc trời hạn hán, lúc có sâu keo, bị bệnh đạo ôn đã bắt lập đàn cầu đảo, tự mình chủ tế, rất run sợ trước uy linh của trời.

Dưới thời phong kiến, khi tư tưởng thần bí, siêu hình còn ngự trị, khó mà có được tư tưởng « Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa », hay cảnh hoa đăng « toàn dân chong đèn bắt bướm ». Hồ Chủ tịch đã nhiều lần nói đến tư tưởng cách mạng tiến công chống mệnh trời, chống tự nhiên. Trong buổi nói chuyện với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm ở Nghệ - Tĩnh, ngày 9 tháng 12 năm 1961, nhân đề cập đến công việc to lớn của Đảng, Bác nói: « **Ngày nay làm cả việc chống trời nữa** », rồi Bác hỏi mọi người hôm đó:

— Làm thủy lợi có phải chống trời không? — Phải ạ! — Cả hội trường đồng thanh đáp.

— Diệt sâu có phải chống trời không? — Phải ạ! — Cả hội trường đồng thanh đáp (5).

Đúng là như vậy, những công trình như Vách-bắc, Kê-gỗ, Sông Nghèn ở Nghệ - Tĩnh cũng như nhiều công trình trị thủy ở nước ta đều đã được thực hiện theo lời Đảng dạy, theo lời Bác nói, trên tinh thần chống trời, chống mệnh trời, bắt trời làm theo người, theo lệnh người.

Như trên đã nói, tư tưởng thần bí và siêu hình trong ý thức, trong nếp suy nghĩ có cơ sở từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, kéo dài, dưới dạng tự cung tự túc, thường khép kín đối với thế giới bên ngoài, như làng này cô lập với làng kia, tỉnh này cô lập với tỉnh kia, cả nước thì cô lập với các nước khác trên thế giới. Như vậy, mỗi làng là một nước thu nhỏ lại, có địa phận riêng, dân cư riêng, đình đài miếu mạo riêng, thần thành hoàng riêng... Tổ chức hương thôn nơi đình trung giống như tổ chức một triều đình thu nhỏ lại. Tỉnh cô lập đó dẫn đến **tính địa phương cực bộ**. Các vị gia trưởng, hương trưởng nắm vận mệnh dân em trong làng bằng lối suy nghĩ thần bí, siêu hình của chủ quan mình, bất chấp sự vật khách quan... Tự-Đức là một ông vua mà nhiều nhà nho thời Nguyễn khen là thông minh, uyên bác, nhưng vẫn không giấu được sự thiên cận về kiến thức hay sự thủ cựu của mình. Khi có người xuất dương trở về tâu rõ sự ích lợi của điện khí, nhất là việc dùng đèn điện cháy sáng, ngọn chước xuống mà không có dầu, thì Tự-Đức cho là phi lý, không thể tin được, v.v. Tự-Đức lấy quyền vua bác mọi ý kiến cách tân, và cứ giữ ý kiến vốn được ghi trong các sách cổ: « **Đăng vô du, hỏa bất sinh** » (Đèn không dầu, lửa không cháy)!

(4) Sách đã dẫn, trang 309.

(5) *Bác Hồ với quê hương Nghệ - Tĩnh*. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh ủy Nghệ-tĩnh xuất bản, 1977, trang 103.

Ngày nay, khoa học và kỹ thuật đã tiến rất nhiều, trải qua mấy cuộc cách mạng, và giờ đây đang nổi lên cuộc cách mạng xanh với khoa sinh học phân tử... Có nhiều vấn đề kỳ diệu trong việc lai tạo các giống, trong việc gieo mạ, trồng cây. Đó là chưa nói đến công cuộc chinh phục không gian vũ trụ, công việc khám phá lòng đất, v.v. Chắc rằng ý thức và nếp suy nghĩ lạc hậu chứa đầy tư tưởng thần bí và siêu hình sẽ phải tan biến đi trước sự tiến công mạnh mẽ của sự phát triển khoa học và kỹ thuật. Nói theo điển cố của sách xưa là: có con bọ ngựa nào còn dám giơ càng ra để ngăn cản bước tiến của bánh xe thời đại? Nhưng trong thực tế, **sự đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, giữa tư tưởng cách mạng tiến công với tư tưởng bảo thủ vẫn diễn ra hằng ngày, gay gắt.** Cuộc đấu tranh chống tàn dư của tư tưởng phong kiến vẫn quyết liệt.

Giai cấp phong kiến lấy người « quân tử » làm mẫu người để giáo dục, xây dựng con người. Người quân tử là người thế nào? Quân tử là tầng lớp không lao động chân tay mà Mạnh-Tử gọi là **đại nhân**, người có quyền hành, chỉ lo về mặt đạo đức, lễ nghĩa, pháp luật và biết được mệnh trời (?). Đối lập với quân tử là tiểu nhân, Mạnh-Tử gọi là **dã nhân**, những người ở thôn quê, lo việc cày bừa, việc ăn uống hằng ngày cho quân tử. Thân phận kẻ tiểu nhân như cỏ rác, phải chịu để quân tử sai khiến. Có lần Phán-Tri hỏi Không-Tử về việc làm ruộng, làm vườn thì bị Không-Tử gắt gỏng và phê phán Phán-Tri là kẻ tiểu nhân, không lo chuyện quân tử mà lại quan tâm đến chuyện làm ruộng, làm vườn là chuyện của kẻ tiểu nhân (Luận ngữ). Trong sách Luận ngữ, Không-Tử đã 86 lần nhắc đến quân tử để khen, 20 lần nhắc đến tiểu nhân để chê, trong số đó có 17 lần so sánh quân tử với tiểu nhân từng về một

như: « Quân tử lo về đạo đức, tiểu nhân lo về đất đai; quân tử lo về pháp luật, tiểu nhân lo về ơn huệ, quân tử cốt về việc nghĩa, tiểu nhân cốt về việc lợi » (Lý nhân).

Ngày nay, chế độ xã hội chủ nghĩa đã xóa bỏ chế độ người bóc lột người. Không ai dám vỗ ngực nhận mình là quân tử, khinh nông dân là tiểu nhân, nhưng tàn dư của thuyết « quân tử, tiểu nhân » vẫn còn. Đó là tư tưởng coi khinh lao động chân tay, sợ lao động chân tay, cho nghề làm ruộng là hèn kém. Đó là tư tưởng học để cốt thi đỗ rồi thoát ly nông thôn, đi làm cán bộ ngồi bàn giấy. Đó là quan điểm học tập tách rời lao động, lý thuyết tách rời thực hành...

Con người « quân tử » hoàn toàn đối lập với con người mới xã hội chủ nghĩa. Con người mới tất yếu phải là con người lao động, biết phát huy truyền thống lao động cần cù và đấu tranh anh dũng của dân tộc, lao động với tinh thần tự giác, tự nguyện cao. Lao động là lẽ sống, là nghĩa vụ và quyền lợi của con người mới. Cho nên, con người mới kiên quyết đoạn tuyệt với thái độ khinh lao động, trảy lười, sống ăn bám, và sẵn sàng cống hiến mọi sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Thuyết « quân tử, tiểu nhân » thể hiện rõ tính chất tôn ti, trật tự, đẳng cấp của chế độ phong kiến. Để củng cố cái tôn ti trật tự bất bình đẳng ấy, các nhà nho đời Hán mà Đổng-Trọng-Thư là trùm, lại đúc kết các quy tắc đối xử trong những quan hệ giữa người và người bằng hai công thức phổ biến là **tam cương** và **ngũ thường**. Tam cương nghĩa là ba giềng lưới, nghĩa bóng là ba quan hệ xã hội trong chế độ phong kiến kiểu tông pháp: Vua - Tôi, Cha - Con, Chồng - Vợ. Tam cương xây dựng từ thuyết Thiên mệnh: Vua thay trời và đứng đầu thiên hạ, thần quyền và

quần quyền nhất quán. Ngũ thường là năm điều phổ biến về đạo đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Ngũ thường là một phạm trù đạo đức có tính chất hệ luận từ những quan hệ xã hội nói trên, cũng như một số công thức khác đề ra để trối buộc người phụ nữ như tam tòng (ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con trai) và tứ đức (công, dung, ngôn, hạnh)...

Hàng nghìn năm nay, nhiều người đã lấy những chuẩn mực, quy tắc của lễ giáo phong kiến ấy để xử lý những mối quan hệ giữa người và người. Bao cảnh đau lòng đã xảy ra. Cha đánh con, chồng đánh vợ một cách tự nhiên. Người vợ sống như người nô lệ cho chồng. Nhiều người phụ nữ trẻ góa chồng, ngập ngừng không dám đi bước nữa vì xiềng xích tam tòng, tứ đức...

Giai cấp phong kiến đề cao nhân quyền, phụ quyền, nam quyền. Tàn dư của tư tưởng «trọng nam, khinh nữ» cũng ăn sâu trong xã hội ta. Không phải không còn những người tàn thành quan điểm phong kiến: **Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô** (Một trai thì gọi là Có, Mười gái vẫn gọi là Không). **Có ở đây là có mọi thứ quyền lợi trong gia đình, trong xã hội, là lý do tồn tại của một thành viên trong gia đình... Không là không có tất cả, mặc dù phụ nữ có một thiên chức rất lớn đối với gia đình, xã hội là sinh con và nuôi con. Tệ lấy vợ bé hay vi phạm kế hoạch sinh đẻ để có con trai nối dõi... đều bắt nguồn từ nhận thức sai lầm này. Tai hại hơn cả là nhiều người chưa tôn trọng nguyên lý nam nữ bình đẳng. Hồ Chủ tịch nói: «Dưới chế độ phong kiến và thực dân, phụ nữ bị áp bức tàn tệ. Ngoài xã hội thì phụ nữ bị xem khinh như nô lệ. Ở gia đình thì họ bị kìm hãm trong xiềng xích «tam tòng» (6). Người nhắc nhở mọi người phải kiên trì thực hiện nguyên lý nam nữ bình đẳng. Người nghiêm khắc phê phán thói lệ đánh vợ của**

người chồng. Người nhận xét: «Khinh rẻ phụ nữ và **đả mạt nhất là thói đánh vợ**. Trong nhân dân và trong một số cán bộ và đảng viên vẫn còn cái thói xấu ấy. Thậm chí có cán bộ và đảng viên đánh vợ bị thương nặng khi vợ mới ở ử! Mẹ chồng và chị em chồng đã không can ngăn thì chớ, lại còn tham gia «thượng đấm tay, hạ đả chân» (7).

Tàn dư của tư tưởng phong kiến không những ăn mình trong những quan điểm, lý thuyết mà còn được chính thức hóa, hợp pháp hóa, thông qua những lễ nghi trong các sinh hoạt xã hội. Ngày nay, tổ chức một đám cưới nhiều nơi vẫn còn bày ra nhiều thứ lễ: lễ chạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ cưới, sêu tết... Đó là một thứ biến tướng của «Chu công lục lễ» (8) cách đây hàng mấy nghìn năm từ thời Chu bên Trung-quốc. Đám ma lại còn làm mục lôi thoi: con trai chống gậy, đội mũ rơm, con gái đội khăn xô, kèn trống đưa vong..., tùy theo quan hệ với người chết, người sống phải trở tang trong thời gian khác nhau, người ba năm, người một năm... Chỉ thị 214 của Ban bí thư Trung ương Đảng ta đã hướng dẫn việc tổ chức cưới xin, ma chay, hội hè theo lối sống mới. Nhiều xã đã thực hiện tốt, song ở một số nơi vẫn còn nạn thách cưới, tảo hôn, ăn uống tốn kém...

Hồ Chủ tịch dạy: «Thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lại, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen, người ta cho là thường, một vài thí dụ: chồng đánh chửi vợ, cha mẹ đánh chửi con, là điều rất dã man. Nhưng vì ta quen thấy, nên ta cho việc thường...» (9). Nhiều tàn dư của tư tưởng phong kiến có thâm niên hàng

(6), (7) Hồ Chủ tịch với vấn đề giải phóng phụ nữ, Nhà xuất bản Phụ nữ, Hà-nội, 1960, trang 50—51.

(8) Chu công lục lễ: Sáu thứ lễ trong một cuộc hôn nhân do Chu công đặt ra.

(9) Tân Sinh: Đời sống mới, Nhà xuất bản Lao động, Hà-nội, 1976, trang 42.

nghìn năm — dễ thành thói quen, trái với đạo lý cộng sản chủ nghĩa, chà đạp lên nhân phẩm con người, gây tác hại cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta cần luôn luôn nêu cao cảnh giác... Mỗi lời nói, mỗi hành động, cử chỉ trong quan hệ giữa người với

người, ở tất cả các môi trường, ở nhà, nơi công tác, ngoài đường, cần được soi sáng bằng tư tưởng Mác — Lê-nin để xóa bỏ dần tàn dư của những tư tưởng phi vô sản. Cuộc đấu tranh thầm lặng này thật vô cùng gian khổ và cũng không ít quyết liệt.

XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI BẰNG GIÁO DỤC THẨM MỸ

LÊ - ANH

CON người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam là con người đang phát triển, trước mắt chúng ta chưa thể đòi hỏi có ngay những con người phát triển hoàn chỉnh, toàn diện ở mức đầy đủ về mọi mặt trí, đức, thể, mỹ. Hơn nữa, ngay cả sau này, những con người phát triển cao và toàn diện cũng không phải đồng nhất, mà có những mặt khác nhau về chuyên môn, những mặt chuyên sâu khác nhau (tùy sở trường, năng khiếu... của từng người, từng loại người). Trong quá trình tự xây dựng, mỗi người sẽ không ngừng nâng cao phẩm chất, trình độ về nhiều mặt.

Để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải sử dụng nhiều lực lượng, nhiều biện pháp. Ở đây, chỉ tập trung nói đến **một biện pháp: vấn đề giáo dục thẩm mỹ**. Vấn đề này khá phức tạp, vì nó bao gồm hai nội dung: **giáo dục về cái đẹp và giáo dục bằng cái đẹp**. Hai nội dung này xoắn xít lấy nhau, tuy có chỗ khác biệt nhưng không tách rời, vì giáo dục thẩm mỹ trong khi giáo dục về cái đẹp, và thông qua cái đẹp, bằng cái đẹp lại giáo dục cả con người thành con người đẹp. Giáo dục về cái đẹp chỉ là một phần trong chức năng của giáo dục thẩm mỹ nói chung.

Trên thực tế, con người phát triển bao giờ cũng bao gồm sự phát triển về thẩm mỹ (lý tưởng thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, hoạt động theo quy luật của cái đẹp), những yếu tố này làm cho con người, bên cạnh sự nhận thức lý trí và trừu tượng khái quát, có sự nhận thức thẩm mỹ, cảm tính sinh động về cái đúng, cái sai, cái đạo đức, cái chân lý trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Con người mới tất yếu có những nhận thức mới về cái đẹp, những thị hiếu thẩm mỹ mới, liên quan chặt chẽ với đạo đức mới, vì đạo đức mới là bản chất thẩm mỹ của cái đẹp bên trong của con người xã hội chủ nghĩa.

Về mặt lịch sử, dân tộc Việt-nam có truyền thống quý trọng và yêu mến cái đẹp. Cái đẹp về đạo đức, tâm hồn, về bản chất là cái đáng quý nhất. Ông cha ta đã nói: “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn”, “Cái nết đánh chết cái đẹp” (ý nói cái đẹp trong tâm hồn, đạo đức hơn cái đẹp hình thức), “Đói cho sạch, rách cho thơm”... Tuy vậy, ông cha ta, trong nhận thức thẩm mỹ của mình, rất công bằng giữa nội dung và hình thức: quý trọng cái đẹp tâm hồn, đạo đức, song cũng yêu chuộng cái đẹp hình thể con người, trong nhà cửa, trang

hoàng, cách ăn mặc, đồ dùng, trong phong cách nói năng, giao thiệp.

Bản chất thâm mỹ chung của dân tộc ta là rất khỏe, dân tộc Việt-nam có một quan điểm rất thực tế về cái đẹp, biết lọc bỏ những cái cũ kỹ không còn hợp thời và sẵn sàng tiếp thu cái mới hợp lý. Rõ ràng nhất là việc cải cách lối ăn mặc. Chỉ trong vòng mấy chục năm nay, hầu như một cách tự phát, dân tộc ta đã hoàn toàn thay đổi kiểu cách ăn mặc. Có ai còn mặc chiếc áo the dài, hay cái áo tứ thân, đội khăn đóng, đi giày hạ... Dân tộc ta cũng không hẳn là vận Âu phục như người Âu, mà đã tạo nên một lối phục sức khá thích hợp. Trong tình hình mới, chắc rằng việc ăn mặc sẽ còn phải phát triển nhiều, chúng ta không bắt chước sự lố lăng của một vài cách ăn mặc « hiện đại » trên thế giới, nhưng cũng không nên coi như là đã ổn định với chiếc quần và cái áo sơ mi kiểu cách như hiện nay...

Tất nhiên tình hình kinh tế hôm nay chưa cho phép ta tiêu tốn quá nhiều về khoản thâm mỹ, nhưng sẽ là sai lầm nếu cho là cái thâm mỹ hiện nay chưa cần, vì cái đẹp mới tất nhiên phải đi kèm theo sự phát triển của con người mới. Với điều kiện hiện nay, nhiều người vẫn có cách hưởng thụ và xây dựng thâm mỹ lành mạnh cho mình. Chính cái đẹp, cái thâm mỹ có tác dụng làm cho cuộc sống còn khó khăn được vui tươi hạnh phúc và đem lại năng suất cao trong lao động sáng tạo và trong học tập.

Về cơ bản, có thể nói là sự đòi hỏi thâm mỹ của quần chúng lao động mang khuynh hướng lành mạnh. Dân tộc Việt-nam có óc thâm mỹ cân đối, hài hòa, đúng mức, thích cái chân chất, giản dị, vui tươi, gần gũi tiếng cười hồn nhiên hơn là cái đẹp của các bí kịch. Cũng như ở mọi lĩnh vực, tinh thần dân tộc Việt-nam có tính mực thước, mà quy luật của cái đẹp phải chăng, như ý của Mác, là cái mực thước nội tại của mọi sự vật.

Cái đẹp mà chúng ta xây dựng cho con người Việt-nam mới, là một cái đẹp tiếp thu và gìn giữ được truyền thống thâm mỹ dân tộc và mang được những nhân tố thâm mỹ mới của thời đại. Cuộc sống phong phú, đẹp đẽ ở các thời đại trước đây đều có chức năng giáo dục thâm mỹ một cách tự phát. Ngày nay cuộc sống cách mạng lại càng có tác dụng giáo dục thâm mỹ mạnh mẽ, nhưng chúng ta đã chuyển sự tự phát đó thành giáo dục tự giác, được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo và giúp đỡ.

Giáo dục thâm mỹ cần thiết cho mọi lứa tuổi, bắt đầu từ lúc mới lọt lòng cho đến các thế hệ, giới tính khác nhau. Cho nên, không chỉ ở Bộ giáo dục, Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp, Bộ văn hóa và thông tin mới có chức năng về giáo dục thâm mỹ, mà các bộ khác, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn, nông hội, Mặt trận Tổ quốc đều có chức năng ấy. Giáo dục thâm mỹ cho trẻ em cũng là chức năng của gia đình, của nhà trường và của các cơ quan xã hội khác. Nói chung mọi ngành đều có trách nhiệm giáo dục thâm mỹ trong phạm vi ngành của mình. **Đối tượng giáo dục thâm mỹ chính là toàn bộ hoạt động của con người.** Do đó, cái đẹp từ mọi hoạt động của con người là phương tiện cầm tinh cụ thể, là nguồn gốc cho mọi công cuộc giáo dục thâm mỹ của chúng ta.

Trong mọi lĩnh vực của cuộc sống (như lao động sản xuất, chiến đấu, ăn, mặc, ở, đi lại, giao tiếp, cư xử, nói năng, học tập, vui chơi, v.v.), những hình mẫu đẹp đều là những gương giáo dục tốt về thâm mỹ trong đời sống, giáo dục về cái đẹp, giáo dục cách làm việc theo quy luật của cái đẹp, nhất là những hành động cao đẹp trong sản xuất chiến đấu tràn đầy tinh lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Cái đẹp trong các hình thức sản phẩm do con người

sản xuất (trong công nghiệp, nông nghiệp...), có tác dụng thẩm mỹ tỷ lệ với tính chất sáng tạo, chất lượng của chúng. Chúng ta cũng cần thấy vai trò giáo dục thẩm mỹ của cái đẹp trong môi trường thiên nhiên, vật chất, do đó mà tùy hoàn cảnh cho phép, chúng ta cần tạo điều kiện cho nhân dân được đi du lịch, đi xem nhiều phong cảnh đẹp, nhiều di tích lịch sử, lâu đài, công trình lớn của đất nước và cả thế giới nữa. Và cuối cùng, phải nói đến giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật là phương tiện quan trọng và có tính đặc trưng nhất.

Tóm lại, bất kỳ ở lĩnh vực nào của hoạt động con người đều cần có cái đẹp và cần giáo dục thẩm mỹ, và mặt khác, phương tiện và biện pháp giáo dục thẩm mỹ thật hết sức phong phú và đa dạng. Có thể nói giáo dục thẩm mỹ cần được lồng vào tất cả các môn giáo dục trí thức chung, và như vậy chẳng những mọi giáo trình, mọi tiết của mọi môn giảng dạy đều có phần giáo dục thẩm mỹ khấp vào phần chuyên môn, mà mọi hành vi, ứng xử, hoạt động của con người, dù tự giác hay không tự giác về ý thức giáo dục thẩm mỹ, vẫn có tác dụng, ảnh hưởng về giáo dục thẩm mỹ đối với những người khác.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh về biện pháp giáo dục thẩm mỹ cho con người mới bằng nghệ thuật. Nghệ thuật là sự biểu hiện cao và tập trung nhất của nhận thức về tình cảm thẩm mỹ, là cái đẹp được con người sáng tạo ở mức đậm đặc nhất, một «thiên nhiên thứ hai», về mặt nào đó, còn lòng lấy hơn cả thiên nhiên trong cuộc sống thật, do đó nghệ thuật có tác dụng lớn nhất trong việc nâng cao trình độ thẩm mỹ, sáng tạo của con người. Sự say mê, hầu như có tính ma thuật, như cách nói của nhiều nhà nghiên cứu mỹ học, do nghệ thuật gây ra ở đối tượng thụ cảm, có sức cảm hóa tình cảm và thuyết phục lý

trí rất cao, và thông qua sự «thanh lọc», làm cho cái đẹp, cái cao thượng thâm nhập vào con người một cách vừa tự giác vừa tiềm thức, và có ảnh hưởng trực tiếp đến tư duy, nếp sống và hành vi của con người. Mặt khác, do tính chất đa chức năng của nghệ thuật (các sách giáo khoa về mỹ học ngày nay đều khẳng định tính đa chức năng của nghệ thuật, những chức năng đó bao gồm các mặt nhận thức, giáo huấn, cổ động, thông báo, mỹ cảm, khuyến khích sáng tạo, tiên đoán, v.v.), nghệ thuật có diện tiếp cận nhiều mặt với con người hơn bất cứ một phương tiện giao tiếp nào khác. Sức lôi cuốn mãnh liệt của các hình tượng nghệ thuật của các tác phẩm lớn về văn học, điện ảnh, sân khấu, âm nhạc, mỹ thuật đã có những tác động quyết định đối với sự hình thành nhân cách đạo đức thẩm mỹ của đông đảo thanh niên nhiều thế hệ. Ảnh hưởng đó ăn rất sâu vào tâm khảm con người, vì nó không chỉ là những lời giáo huấn khô khan, nó thỏa mãn cả lý trí và tình cảm, nó tác động trực tiếp vào cả những bản năng, vào hệ thần kinh, chẳng những bằng nội dung thẩm mỹ, mà cả bằng sự hài hòa của hình thức, ngôn ngữ độc đáo của nó. Chính vì vậy, nếu nội dung đạo đức của tác phẩm nghệ thuật có những lệch lạc, nó cũng dễ gây ra những tác động không tốt, và có tác dụng ngược lại.

Muốn giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật, vấn đề mấu chốt của chúng ta là làm thế nào cho có được nhiều tác phẩm tốt (sáng tác tác phẩm mới, chọn lọc sáng tác cổ điển, tác phẩm thế giới, sưu tầm vốn cổ và nâng cao, v.v.), đem những tác phẩm đó đến tận tay, tận mắt, tận tai quần chúng, làm cho quần chúng hiểu và cảm thụ được, đồng thời bồi dưỡng năng lực sáng tạo nghệ thuật của mọi người để phát động một phong trào văn nghệ quần chúng rộng lớn, qua đó mỗi người được nâng cao về

trình độ, phẩm chất thẩm mỹ và đạo đức mới.

Cho đến nay, những tác phẩm văn học, nghệ thuật của ta, tuy có những thành công nhất định, nhưng chưa nhiều và chưa được phổ biến rộng rãi. Một quyển sách hay (tác phẩm mới, hoặc tác phẩm cổ điển của ta hoặc của thế giới) rất được quần chúng hâm mộ, nhưng do hoàn cảnh khó khăn của ta, mới chỉ được xuất bản không quá vài vạn bản, trong lúc cả nước ta có hàng chục triệu bạn đọc. Việc trình diễn các tác phẩm sân khấu, điện ảnh cũng chưa được nhiều. Lòng khao khát nghệ thuật của quần chúng nhân dân rất lớn nhưng việc cung cấp, phục vụ yêu cầu của chúng ta thì còn bất cập.

Âm nhạc là món ăn hầu như không thể thiếu được của quần chúng, nhất là lớp trẻ, nhưng hiện nay quần chúng nước ta nghe âm nhạc chủ yếu qua đài phát thanh, nhất là đài truyền thanh công cộng, cho nên chất lượng âm thanh có giảm sút. Việc bán máy thu thanh, máy quay đĩa, máy ghi âm, máy thu hình còn rất hạn chế. Người ta vẫn còn xem đó là những thứ xa xỉ, chưa phải là những công cụ cần thiết về văn hóa, do đó giá cung cấp cũng còn quá đắt, so với túi tiền của công nhân, viên chức, cán bộ hạng trung...

Một loạt biện pháp về tổ chức cần được đặt ra để thúc đẩy vấn đề xuất bản sách, báo, tranh, tượng, với số lượng nhiều và giá phổ cập, tăng cường lượt xem phim, xem kịch, nghe hòa nhạc cho từng người dân, cả ở những nơi xa xôi hẻo lánh, tăng cường xây dựng những công trình văn hóa, các nơi thưởng thức và học tập về nghệ thuật như rạp hát, nhà chiếu phim, câu lạc bộ, cung thiếu nhi, nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng, triển lãm, vườn hoa, vườn thú, nơi giải

trí công cộng cho từng lứa tuổi, phát triển phong trào văn hóa văn nghệ quần chúng rộng khắp và có chất lượng tốt. Đặc biệt đối với tuổi trẻ, phải làm sao cho họ tiếp xúc với nghệ thuật nhiều hơn nữa, làm cho mọi hoạt động văn nghệ dành cho thanh niên, thiếu niên, và nhi đồng đều có tổ chức, đi vào nề nếp, (từ vườn trẻ, gia đình, đến học đường, đoàn, đội, v.v.).

Lẽ tất nhiên, việc giáo dục thẩm mỹ bằng nghệ thuật có liên quan với các phương tiện và biện pháp giáo dục khác (như giáo dục bằng môi trường cuộc sống, bằng lao động sản xuất, bằng nêu gương, bằng giáo dục ý thức, nhận thức và lý luận, bằng các phương tiện thông tin khác, v.v.). Mọi biện pháp khác thường phải dựa vào sự giúp đỡ của nghệ thuật, cũng như biện pháp nghệ thuật không tách rời các biện pháp giáo dục thẩm mỹ khác... Do đó, cần có những cơ quan nghiên cứu phối hợp các kế hoạch tổ chức về giáo dục thẩm mỹ, làm cho việc giáo dục thẩm mỹ có tính chất hài hòa, cân đối và vận dụng được tổng hợp mọi biện pháp và phương tiện, đưa lại hiệu quả cao.

Muốn giáo dục thị hiếu thẩm mỹ mới, cần phải tìm hiểu sâu sắc tâm lý, tình cảm, thị hiếu thẩm mỹ vốn có, hiện có của mọi lớp, mọi thế hệ, thành phần. Do đó, việc nghiên cứu xã hội học nghệ thuật là một vấn đề không thể xem nhẹ. Bên cạnh việc nghiên cứu mỹ học, nghệ thuật học, cần xúc tiến việc xây dựng lý luận về xã hội học nghệ thuật Việt-nam, và tiến hành từng bước những cuộc điều tra xã hội học về thị hiếu thẩm mỹ, về yêu cầu thưởng thức nghệ thuật, giúp cho việc đề ra các phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp trong lĩnh vực nghệ thuật được phong phú, sát hợp, đáp ứng đúng những nhu cầu thẩm mỹ của dân tộc.

XÂY DỰNG THỊ HIỆU LÀNH MẠNH VỀ SÂN KHẤU ĐỂ GÓP PHẦN XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI

HOÀNG-CHƯƠNG

TRONG cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng hiện nay, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa là một trong những nhiệm vụ trung tâm. Văn học nghệ thuật nói chung và ngành sân khấu nói riêng đang góp phần tích cực trong việc giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho quần chúng để góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của ngành sân khấu là vừa phản ánh, ca ngợi, biểu dương con người mới đã có, vừa giáo dục, cải tạo, xây dựng con người kém, lạc hậu vươn lên thành con người tiên tiến, con người xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ và là chức năng hàng đầu của ngành sân khấu.

Nửa thế kỷ trước đây, Lê-nin đã rất quan tâm tới vấn đề giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho quần chúng bằng cách nâng cao lập trường và quan điểm của giai cấp vô sản, đồng thời đưa cái đẹp của nghệ thuật truyền thống vào trong nhân dân. Lê-nin đã triệt để chống những khuynh hướng nghệ thuật tư sản như chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa hiện đại, v.v. từ phương Tây du nhập vào Liên-xô. Người gọi những khuynh hướng nghệ thuật đó là những khuynh hướng suy đồi, và yêu cầu giai cấp công nhân phải loại bỏ ngay những khuynh hướng suy đồi ấy.

Từ lâu, Hồ Chủ tịch và các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta cũng rất chú ý tới việc giáo dục thị hiếu nghệ thuật cho quần chúng. Trong giờ nghỉ kỷ họp Quốc hội năm 1966, Hồ Chủ tịch nói với nghệ sĩ tuồng Nguyễn-Nho-Túy: «Tuồng là vốn quý của dân tộc

ta, nhưng cần phải cải tiến, không nên dậm chân tại chỗ. Tuy nhiên, chớ có gieo vừng ra ngô...». Câu nói đầy hình ảnh ấy của Bác nói lên sự quan tâm của lãnh tụ đối với sân khấu dân tộc. Hiện nay, trong việc khen chê một tác phẩm thường có những ý kiến bất đồng. Có một số vở cải lương và phim, một số người này hoặc địa phương này thì khen, ngược lại một số người khác, địa phương khác lại chê (như trường hợp phim *Mối tình đầu* hoặc những vở cải lương *Đêm phán xét*, *Cây sầu riêng trở bóng*, v.v.). Từ đó đã đẻ ra những cuộc tranh luận sôi nổi và thường được kết thúc bằng câu: «Mỗi người có một thị hiếu sân khấu khác nhau!...».

Nguyên nhân những mâu thuẫn này ở đâu? Theo nhiều nhà nghiên cứu, đó là do trình độ văn hóa, chính trị, tư tưởng không đồng đều, việc giáo dục thẩm mỹ từ trong gia đình đến nhà trường, xã hội chưa đầy đủ. Em bé Thu-Giang từ hai tuổi đã thích tuồng, lên bốn tuổi đã diễn được một số vai tuồng là vì em sống gần với sân khấu này, và được các nghệ nhân hướng dẫn cho biết cái hay, cái đẹp của nghệ thuật tuồng. Ngược lại, có những em bé từ năm, bảy tuổi đã biết hát nhạc vàng, biết nhảy «tuýt», thích xem phim kiếm hiệp và rất xa lạ với nghệ thuật dân tộc như tuồng, chèo, v.v.

Thế nào là một thị hiếu sân khấu lành mạnh? Một thị hiếu nghệ thuật tốt, lành mạnh phải được xây dựng trên một thế giới quan mác-xít - lê-nít, một nhân sinh quan cách mạng.

một vốn kiến thức nhất định về sân khấu. Về vấn đề này, Bê-lin-xki nói một câu nổi tiếng: «Thích» hay «không thích» chỉ có thể là đối với cà-phê hay thịt băm, còn đối với những tác phẩm nghệ thuật thì cần phải biết giải thích tại sao «thích» hay «không thích». Cho nên, cần phải giới thiệu cho quần chúng biết, những thủ pháp nhà nghề của nhà nghệ thuật, hiểu thế nào là công tác đạo diễn, thế nào là tư duy, là cấu tứ, là khái quát, là cách điệu, tượng trưng... hoặc thế nào là lối biểu diễn nội tâm, ngoại hình, là chân thật của diễn viên? Thế nào là trang trí đẹp, là âm nhạc hay? Thực vậy, muốn nhận thức được một đối tượng nghệ thuật nào, trước hết phải biết ngôn ngữ của nghệ thuật ấy. Người đi xem tuồng nhiều lần sẽ am hiểu về tuồng, tuy họ không hát, múa được nhưng có thể phân biệt được cái hay, cái dở, cái đúng, cái sai trong diễn xuất của diễn viên, tiến tới nắm được cả dặc trưng ngôn ngữ của nó như thế nào là xướng, là bạch, là hát khách, hát nam, là lầu mã, v.v.

Trong việc giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho quần chúng, cần dùng nhiều phương tiện như sách, báo, phim, ảnh..., nâng dần trình độ thưởng thức nghệ thuật cho họ, làm cho họ biết được một vở tuồng, một vở kịch hay là một công trình nghệ thuật hoàn chỉnh, là một sản phẩm tinh thần có tính chất tổng hòa các yếu tố nội dung và hình thức. Về mặt nội dung thì vở tuồng (hoặc kịch) phải giải quyết được một vấn đề gì cho cuộc sống, đem lại lợi ích gì cho tâm hồn và tư tưởng của người xem, phải nâng con người lên ngang với tầm cao tư tưởng của Đảng, của thời đại. Về mặt hình thức, các đạo diễn và diễn viên cần phải thể hiện như thế nào để có được những hình tượng đẹp vừa mang tính chất ước lệ nghệ thuật vừa bảo đảm tính chân thực của cuộc sống, được cách điệu hóa, lý tưởng hóa ở mức

độ cần thiết, làm thế nào cho người xem phải xúc động thật sự về cuộc sống, về những con người trong vở diễn, đồng thời họ vẫn không cảm thấy ngớ vẩn trước những hình ảnh và âm thanh trên sân khấu vì một sự giả tạo và lai căng nào đó v.v.

Khi được trang bị những vốn kiến thức trên, người xem sẽ có cơ sở để đánh giá tác phẩm một cách tương đối chính xác và không bị những kỹ xảo rẻ tiền, những cái đẹp bề ngoài đánh lừa mình nữa.

Cho nên, xây dựng thị hiếu sân khấu lành mạnh cho quần chúng còn là giáo dục về lòng tự hào dân tộc, lòng yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội và yêu vẻ đẹp của thiên nhiên... Việc phục hồi và phát triển sân khấu dân tộc như tuồng, chèo... sẽ làm cho quần chúng làm quen dần để đi tới yêu thích những vẻ đẹp của dân tộc như nghệ thuật ước lệ, nghệ thuật cách điệu hóa, trình thức hóa, mô hình hóa... Nghệ thuật sân khấu dân tộc không những có khả năng rèn luyện thị hiếu lành mạnh cho quần chúng mà còn có khả năng giáo dục cho quần chúng những tư tưởng nhân đạo, yêu nước một cách mạnh mẽ. Hình tượng nhân vật Khương-Linh-Tà (tuồng Sơn-Ilầu) bị địch chém đứt đầu, nhưng đã hóa thành ngọn đuốc sáng ngời để dẫn đường cho dòng chí của mình là Kim-Lân vượt qua đèo đê cũng cỡ lực lượng, sau quay về tiêu diệt bọn phản nghịch, là một hình tượng sáng tạo độc đáo thể hiện lý tưởng thẩm mỹ cao đẹp của người nghệ sĩ dân tộc. Nó vừa có ý nghĩa tượng trưng, vừa có giá trị hiện thực...

Khi quần chúng đã tìm thấy được cái hay, cái đẹp trong sân khấu truyền thống cũng như cái khoa học, cái mới trong sân khấu hiện đại ngày nay thì họ càng thấy rõ cái vụng về thô thiển, cái phi lý, lai căng trong sân khấu cũ. Và, khi quần chúng đã được giáo dục một cách đúng mức về mặt thẩm mỹ,

(Xem tiếp trang 105)

NÔNG DÂN HUYỆN ĐỨC-LINH ĐI VÀO CON ĐƯỜNG LÀM ĂN TẬP THỂ

THẾ-HÀ

I— GIẢI QUYẾT “RUỘNG ĐẤT CHO DÂN CÀY” GẮN LIỀN VỚI TẬP DUYỆT LÀM ĂN TẬP THỂ

SAU ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ở nông thôn huyện Đức-linh (tỉnh Thuận-hải), nhất là ở những nơi bị địch chiếm lâu, còn tồn tại nặng nề sự bóc lột phong kiến và tình trạng ruộng đất chênh lệch khá nhiều trong nông dân. Đức-linh đã kiên quyết và khẩn trương giải quyết vấn đề ruộng đất và tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân, thu hồi được 2425 héc-ta, đem chia cấp cho 3014 hộ (gồm 17504 người), trong đó có 801 hộ (gồm 3363 người) không có ruộng và 2243 hộ (gồm 14141 người) thiếu ruộng. Các xã phía bắc huyện là vùng tranh chấp giữa ta và địch trước đây. Phần lớn nhân dân trước đây bị địch càn quét và bóc lột, dồn về sống tập trung ở các khu “đình điền” và khu “trù mật” phía nam huyện. Sau ngày giải phóng, nhân dân trở về làng cũ thì đồng ruộng bị hoang hóa trên 10 năm đã biến thành đồng hoang cỏ dại. Huyện chủ trương chia đất theo lô cho từng nhóm nông dân (không chia cho cá nhân) để khai hoang, phục hồi sản xuất.

Đã phần khởi trước chiến thắng chung của dân tộc, nông dân ở đây càng phần khởi hơn khi chủ trương giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày được thực hiện kịp thời và có kết quả. Trong không khí vui mừng đó, Đức-linh chủ trương tổ chức nông dân đi ngay vào làm ăn tập thể dưới hình thức các tổ đoàn kết sản xuất. Phong trào này đã lôi cuốn được đông đảo nông dân trong huyện tham gia sôi nổi. Đến cuối năm 1976 toàn huyện đã có 91,7% nông dân tham gia tổ đoàn kết sản xuất. Hoạt động của tổ đoàn kết sản xuất đã tỏ ra hơn hẳn lối làm ăn cá thể, nhất là trong việc đoàn kết giúp đỡ nhau khai phá ruộng hoang, tăng vụ, làm thủy lợi nhỏ, dùng giống mới, diệt sâu chuột, v.v. nhằm mở rộng diện tích gieo trồng, hạn chế hậu quả của thiên tai, tăng thêm thu nhập. Nhờ vậy năm 1976, huyện Đức-linh đã khai hoang, phục hóa được 3824 héc-ta ruộng đất, tăng 53% so với năm 1975 (còn làm ăn riêng lẻ). Sản lượng lương thực trong năm đạt 37467 tấn, tăng 79% so với năm 1975. Ngoài số lương thực để ăn và dự trữ trong dân,

toàn huyện đã bán cho Nhà nước 6 118 tấn thóc.

Tổ chức nông dân vào tổ đoàn kết sản xuất là một cách lập được cho họ quen dần với lối làm ăn tập thể, đi từ hình thức đơn giản nhất dễ tiến lên những bước cao hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những tác dụng tích cực nói trên, các tổ đoàn kết sản xuất ở Đức-linh đã sớm bộc lộ những mâu thuẫn không thể giải quyết được trong quan hệ về lao động, sản xuất và phân phối giữa các thành viên trong tổ.

Mặc dù tổ đoàn kết sản xuất tiến hành lao động tập thể, nhưng tư liệu sản xuất vẫn là của riêng. Do đó, sản phẩm làm ra trên ruộng đất nhà nào, nhà ấy hưởng. Hơn nữa trâu bò, máy móc và nông cụ đưa vào tổ sử dụng được trả công bằng tiền và thóc. Người có nhiều ruộng đất và nhiều tư liệu sản xuất khác đương nhiên thu nhiều thóc, nhiều tiền. Người có ít ruộng và nhất là người không có trâu bò, máy móc và nông cụ, mặc dù đã phải lao động nhiều để đổi công, nhưng thu nhập vẫn ít, đời sống gặp nhiều khó khăn.

Các tổ đoàn kết sản xuất ở Đức-linh thường chỉ có khoảng 5—7 héc-ta ruộng đất với trên dưới 10 lao động; ruộng đất lại manh mún, phân tán thành nhiều mảnh, ở nhiều nơi; quy mô nhỏ bé đó không cho phép tổ mở rộng sản xuất và trang bị kỹ thuật tiên tiến để tăng năng suất và tăng sản lượng.

Ban sản xuất xã, ấp ở đây chỉ làm vai trò đơn đốc « hành chính » đối với các tổ đoàn kết sản xuất. Hơn nữa, nó còn làm chỗ dựa cho những tổ viên có nhiều máy móc dễ dàng nhận xăng dầu của Nhà nước, kinh doanh thu nhiều lợi cho riêng mình. Thậm chí, có nhiều tổ viên giấu diện tích ruộng đất, làm thất thu thuế nông nghiệp và bán ít nông sản cho Nhà nước, bán nhiều nông sản cho tư thương.

Nhận rõ việc kéo dài hoạt động của tổ đoàn kết sản xuất sẽ gây nên nhiều hiện tượng tiêu cực trong nông thôn, huyện Đức-linh chủ trương nhanh chóng đưa tổ đoàn kết sản xuất lên hình thức đội hợp tác sản xuất (các nơi khác gọi là tập đoàn sản xuất).

II — THỰC CHẤT CỦA CÁC ĐỘI HỢP TÁC SẢN XUẤT

Ở năm xã phía Bắc huyện Đức-linh đã có sẵn 11 đội hợp tác sản xuất được tổ chức từ năm 1971 (trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ) và đã liên tục hoạt động tốt cho đến ngày giải phóng. Lấy đó làm nòng cốt, huyện chủ trương đưa các tổ đoàn kết ở vùng này (chỉ sau một vụ hoạt động) tiến lên hình thức đội hợp tác sản xuất. Đến cuối năm 1976, nông dân năm xã ở đây đều tham gia đội hợp tác sản xuất. Dựa vào kinh nghiệm của các xã phía bắc, huyện cho làm thử đội hợp tác sản xuất ở một số nơi phía nam huyện. Từ một thôn làm thử có kết quả tốt, lan ra cả xã (Vồ-xu). Từ một

xã tổ chức đội hợp tác sản xuất thành công, huyện chủ trương phát động các xã còn lại trong huyện đều xây dựng đội hợp tác sản xuất. Đến đầu năm 1978, hầu hết nông dân trong huyện đều tham gia đội hợp tác sản xuất (kể cả nhân dân vùng kinh tế mới cũng được tổ chức ngay vào đội hợp tác sản xuất). Đến mùa xuân năm 1978, toàn huyện Đức-linh đã căn bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp ở hình thức đội hợp tác sản xuất (giống như hợp tác xã nhỏ của miền Bắc trước kia).

Phần lớn ruộng đất ở nông thôn Đức-linh vốn là ruộng đất dinh điền,

cho nên huyện cho phép điều hòa trong từng xã, dựa theo mức bình quân đầu người để tính đổi và phân vùng ruộng đất cho từng đội hợp tác sản xuất. Trên cơ sở đó, các đội đều đã đi vào xây dựng lại đồng ruộng, đắp bờ vùng bờ thửa. Mỗi đội có từ 25 đến 30 héc-ta, tương đương với số ruộng đất của 4 - 5 tổ đoàn kết sản xuất cộng lại, ngang với quy mô ruộng đất của một đội sản xuất cơ bản trong hợp tác sản xuất nông nghiệp sau này. Ruộng đất của đội hợp tác sản xuất được xác định là của chung của tập thể, cho nên nói chung, đội hợp tác sản xuất không trả hoa lợi ruộng đất cho đội viên. Riêng đối với những gia đình neo đơn và là gia đình có công với cách mạng hoặc gia đình thương binh, liệt sĩ, đội hợp tác sản xuất mới trích 20%, và đối với các gia đình neo đơn khác thì trích 15% số hoa lợi ruộng đất (tính theo mức ruộng đất bình quân đầu người) để giải quyết khó khăn về đời sống cho họ.

Trâu bò, máy móc (trừ máy kéo lớn do huyện quản lý và điều hành trên địa bàn huyện) và các nông cụ khác đều đem hóa giá, đội hợp tác sản xuất mua lại làm của chung của tập thể. Số tiền mua lại các tư liệu sản xuất này được khấu trừ vào tiền cổ phần phải đóng góp (tùy theo tình hình kinh tế của từng đội, quy định mỗi người lao động đóng từ 50 đến 70 đồng), phần còn lại đội sẽ trả hết cho chủ bán trong thời hạn ba năm.

Mỗi đội sản xuất có từ 50 đến 60 lao động. Các đội viên trong đội hợp tác sản xuất đều phải đăng ký ngày công lao động làm cho tập thể và chịu sự điều động và quản lý của đội. Phần lớn số người lao động trong các đội hợp tác sản xuất đều được bố trí và sử dụng vào trồng trọt. Ngoài ra, một phần lực lượng lao động của đội được điều động đi xây dựng các công trình phúc lợi công cộng trên địa bàn xã (như trường học, trạm y tế...) và

đi làm thủy lợi trên địa bàn huyện. Các đội hợp tác sản xuất cũng đã bước đầu xây dựng được các định mức lao động. Do đó, phần lớn các đội hợp tác sản xuất ở Đức-linh không còn dùng hình thức bình công chấm điểm như ở tổ đoàn kết sản xuất, mà chuyển sang tính công điểm dựa trên định mức công việc đã làm được hằng ngày để ghi công và phân phối theo lao động cho những đội viên đã tham gia lao động sản xuất cho tập thể.

Toàn bộ giá trị sản phẩm làm ra của đội hợp tác sản xuất, sau khi trừ các khoản thuế, trả nợ ngân hàng, khấu hao tài sản cố định, để quỹ (tiết lũy và công ích), giống mà vụ sau (cả dự phòng), phần còn lại đem chia cho lao động. Thu nhập một ngày công ở các đội hợp tác sản xuất thấp nhất là 1,90đ và cao nhất là 3,20đ. Các đội hợp tác sản xuất đã cung cấp cho Nhà nước (kể cả đóng thuế nông nghiệp và bán nghĩa vụ) khoảng 20% tổng sản lượng lương thực làm ra. Số lương thực còn lại phần lớn đem chia cho ngày công lao động. Đội thấp nhất được 1kg, đội trung bình được 7kg và đội cao nhất được 12kg thóc một công lao động.

Trên cơ sở ruộng đất được tập thể hóa và tập trung theo vùng sản xuất, trâu bò, nông cụ và máy móc (trừ máy kéo lớn do huyện quản lý và điều hành trên địa bàn huyện) là của chung của tập thể, lao động được quản lý trên cơ sở đăng ký ngày công và bước đầu có định mức, các đội hợp tác sản xuất đã bắt đầu hoạt động theo kế hoạch chung của xã, sản xuất của đội tiếp tục phát triển và phát triển tốt hơn so với tổ đoàn kết sản xuất và nông dân cá thể. **Đội hợp tác sản xuất, do đó là tổ chức kinh tế mang tính chất xã hội chủ nghĩa rõ rệt,** chứ không phải chỉ là ở ngưỡng cửa kinh tế xã hội chủ nghĩa như tổ đoàn kết sản xuất.

Tuy vậy, đội hợp tác sản xuất quy mô nhỏ bé, vẫn còn nhiều hạn chế.

Với 50 - 60 lao động và 25 - 30 héc-ta ruộng đất, đội hợp tác sản xuất có thể phát triển tương đối mạnh ngành trồng trọt (chủ yếu là sản xuất lương thực) nhưng chưa thể phát triển chăn nuôi, mở mang ngành nghề quy mô lớn và có hiệu quả cao. Nó chưa có điều kiện phân bố lao động hợp lý theo hướng chuyên môn hóa

và chưa thể tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, chuyên canh và thâm canh cao... Tất cả những hạn chế đó sẽ được giải quyết có hiệu quả khi chuyển hình thức hợp tác giản đơn của đội hợp tác sản xuất lên hình thức hợp tác có phân công, nhằm tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

III - XÂY DỰNG THỦ HỢP TÁC XÃ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Huyện Đức-linh chọn Mè-pu là xã có điều kiện đất đai thuận lợi, có các đội hợp tác sản xuất hoạt động đều và tốt, có cốt cán vững, có chỉ huy Đảng và các đoàn thể quần chúng mạnh, làm nơi xây dựng thủ hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Huyện giúp ban trụ bị thành lập hợp tác xã xây dựng phương án kinh tế (kể cả kế hoạch vụ sản xuất trước mắt); lập kế hoạch tổ chức và sắp xếp các đội, tổ sản xuất trong hợp tác xã. Cụ thể là, từ 16 đội hợp tác sản xuất sẽ lập ra 19 đội sản xuất cơ bản và tổ chức các đội, tổ chuyên ngành và chuyên khâu (như đội chăn nuôi, đội thủy lợi, đội bảo vệ thực vật, đội khai thác lâm sản, tổ nề, tổ mộc, tổ rèn, tổ máy khâu...).

Sau khi đã chuẩn bị các điều kiện cần thiết như trên và làm tốt công tác phát động bà con trong các đội hợp tác xã sản xuất làm đơn xin gia nhập hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Mè-pu mở Đại hội xã viên đề thảo luận phương án kinh tế, bàn việc tổ chức các đội sản xuất cơ bản và các đội, tổ chuyên ngành, chuyên khâu, thông qua nội quy quản lý hợp tác xã, bầu ban quản trị và ban kiểm soát.

Qua một năm (1977) hoạt động, sản xuất của hợp tác xã Mè-pu phát triển tương đối khá, đạt thu nhập ngày công bằng tiền là 3,50đ và bằng hiện vật là 7 kg thóc. Cơ sở vật chất kỹ

thuật được tăng cường nhanh chóng: giá trị tài sản cố định tăng lên 123 000đ (lúc mới thành lập hợp tác xã chỉ có 68 000đ). Đời sống vật chất và tinh thần của xã viên được cải thiện rõ rệt. Lương thực ăn mỗi tháng bình quân là 23 kg thóc/một đầu người. Những người già yếu và mất sức lao động được hợp tác xã cấp 18 kg thóc mỗi tháng. Các tục lệ lạc hậu về ma chay cũng bãi được xóa bỏ. Người chết được hợp tác xã lo chôn cất chu đáo. Cưới xin được tổ chức theo đời sống mới. Đường làng, ngõ xóm, nhà cửa, vườn tược được bố trí và sắp xếp lại theo quy hoạch. Hợp tác xã đã có các đội bóng chuyền và bóng đá, có đội ca kịch nghiệp dư, có loa truyền thanh, có lớp bồi túc văn hóa ban đêm hoạt động thường xuyên với trên 200 người theo học. Tình thương yêu, đoàn kết giúp đỡ nhau trong lao động sản xuất tập thể và ý thức làm chủ tập thể của xã viên được nâng lên rõ rệt.

Như vậy là hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đầu tiên của huyện Đức-linh đã đứng vững và phát triển tốt. Xã viên tin tưởng và phấn khởi. Tiếp đó, huyện chủ trương xây dựng thêm ba hợp tác xã liền bên cạnh Mè-pu là Nghi-đức, Song-nhơn và Huy-khiêm. Sang đầu năm 1978 lại tiếp tục làm thêm hai hợp tác xã nữa ở Võ-xu, hình thành một cụm hợp tác xã làm thủ liên nhau trong phạm vi 5 xã.

Việc tổ chức hợp tác xã làm thủ thành cụm như vậy có ý nghĩa lớn về nhiều mặt : kinh tế, chính trị và xã hội. Việc tổ chức chỉ đạo của cấp huyện đối với các hợp tác xã làm thủ ở đây do đó được tập trung và có hiệu lực lớn. Được tổ chức thành cụm, các hợp tác xã làm thủ có điều kiện thuận lợi để giúp đỡ lẫn nhau, hơn nữa còn tác động mạnh đến các đội hợp tác sản xuất chung quanh, nhằm phát huy mặt tích cực và khắc phục mặt tiêu cực trong nông dân, làm cho họ dần dần tin theo con đường hợp tác hóa nông nghiệp.

Trong số bảy hợp tác xã sản xuất nông nghiệp làm thủ ở Đức-linh, có hai hợp tác xã toàn xã với quy mô 773 đến 1 100 héc-ta và 1385 đến 1530 người lao động. Hai hợp tác xã liên thôn với quy mô 623 đến 650 héc-ta và từ 1252 đến 1498 người lao động. Ba hợp tác xã quy mô thôn có từ 223 đến 282 héc-ta và 407 đến 457 người lao động. Trong số này có bốn hợp tác xã quá lớn (tổ chức trước khi có chỉ thị 43 của Bộ chính trị). Các hợp tác xã này, qua vài ba vụ thử thách đều đứng vững và đang phát huy tác dụng tích cực trong sản xuất. Nhưng vì là các hợp tác xã làm thủ, được cấp lĩnh và nhất là huyện Đức-linh tập trung chỉ đạo, cử nhiều cán bộ có năng lực về giúp đỡ ; hơn nữa, vì mới xây dựng, các hợp tác xã này phần lớn còn làm ăn theo lối quảng canh chưa đi vào thâm canh cao, mới làm trồng trọt chưa phát triển mạnh chăn nuôi và mở mang ngành nghề, cho nên công tác quản lý ít phức tạp, chưa có nhiều khó khăn vướng mắc to lớn.

Vừa rồi, trong số những hợp tác xã quy mô quá lớn cũng đã có hợp tác xã bắt đầu đi vào thâm canh, tăng vụ trong trồng trọt, mở thêm chút ít chăn nuôi tập thể và mở mang một số ngành nghề, v.v. nhưng vì phải nắm trên 33 đầu mỗi kinh doanh, cho nên ban quản trị đã có nhiều lúng túng

trong việc quản lý hợp tác xã và điều hành công việc hằng ngày.

Ban quản trị chưa nắm chắc nguồn lao động, trình độ lành nghề và khả năng lao động của từng loại lao động trong các hợp tác xã, cho nên chưa cân đối được chính xác lực lượng lao động để phân bổ hợp lý cho các ngành và các khâu sản xuất trong từng mùa vụ và từng thời gian lao động trong năm. Do đó, số ngày công bình quân trong năm của mỗi người lao động đạt quá thấp, có nhiều tháng xã viên không có việc làm. Một năm bình quân một lao động ở các hợp tác xã này mới làm được từ 110 đến 135 ngày công cho hợp tác xã.

Ban quản trị chưa xác định được phương hướng thâm canh, không dám mạnh dạn đầu tư kỹ thuật, dẫn đến sản xuất theo lối quảng canh. Chi phí sản xuất hầu như chỉ gồm có tiền giống và khấu hao công cụ, cho nên mức chi phí trên một héc-ta canh tác quá thấp (khoảng 70đ một héc-ta).

Do quản lý lao động và quản lý kỹ thuật còn chệch choạc cho nên năng suất và sản lượng cây trồng của hợp tác xã thấp hơn của các đội hợp tác sản xuất. Cùng một giải đất ở bắc sông La-ngà, điều kiện thời tiết và thổ nhưỡng như nhau, nhưng các đội hợp tác sản xuất ở Bắc-rượng, do làm kịp thời vụ, thu hoạch và bảo quản ít hư hao, năng suất thực thu đạt 3,5 tấn/ha. Ngược lại hợp tác xã quy mô quá lớn đã không làm kịp thời vụ, lại dễ vương vãi hư hao quá nhiều trong thu hoạch và bảo quản, nên năng suất thực thu chỉ đạt từ 1,9 tấn đến 2,5 tấn/ha.

Về quản lý tài vụ, các hợp tác xã này chưa thực hiện được kiểm kê, cân, đóng, do, đếm chính xác. Do đó, tài sản hư hao, mất còn không nắm được cụ thể. Hệ thống sổ sách, chứng từ chưa làm theo biểu bảng thống nhất. Hầu hết chứng từ còn viết tay theo ý riêng của cán bộ kế toán. Của cải và

tiền bạc của hợp tác xã chỉ được biết thông qua sổ kế dư hàng tháng của thủ quỹ và thủ kho.

Chính sách phân phối thực hiện không thống nhất, phương án phân phối không xét duyệt chặt chẽ. Có hợp tác xã phân phối hoàn toàn bằng hiện vật. Có hợp tác xã đưa cả vốn vào ăn chia phân phối...

Do trình độ quản lý còn thấp và chưa có nhiều thâm niên nghề nghiệp, các cán bộ hợp tác xã ở đây đương nhiên gặp rất nhiều khó khăn, lúng túng trong việc điều hành và quản lý hợp tác xã quy mô quá lớn (trên 500 héc-ta). Tuy vậy, trong thời gian vừa qua, các hợp tác xã này đã xây dựng được nhà kho, sân phơi, hội trường, mua sắm máy móc, tạo nên nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống. Bây giờ đem chia nhỏ các thứ đó ra thì không lợi

và có nhiều phức tạp. Hơn nữa, số hợp tác xã làm thử quy mô lớn như vậy chỉ có ít. Tốt nhất là tỉnh và nhất là huyện Đức-linh nên tập trung đầu tư công sức nhiều hơn nữa nhằm củng cố và giúp đỡ các hợp tác xã đó khắc phục khó khăn đề vươn lên vững chắc.

Thực tiễn ở Đức-linh chứng tỏ rằng, trong giai đoạn hiện nay, nói chung ta chỉ nên tổ chức hợp tác xã với quy mô khoảng 200 héc-ta (như chỉ thị 43 của Bộ chính trị đã chỉ dẫn), tương ứng với địa bàn hành chính của một thôn. Quy mô đó là thích hợp với trình độ quản lý của cán bộ hợp tác xã mới được đào tạo và bồi dưỡng từ trong phong trào các đội hợp tác sản xuất, thuận cho việc chỉ đạo hợp tác xã phát triển sản xuất và từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

IV — VAI TRÒ CHỈ ĐẠO CỦA CẤP HUYỆN

Phong trào làm ăn tập thể, từng bước đi lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Đức-linh phát triển nhanh và lành mạnh, một phần quan trọng là nhờ có sự chỉ đạo của cấp huyện.

Sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, huyện Đức-linh đã biết phát huy khí thế cách mạng sôi nổi trong nông thôn do chiến thắng vĩ đại chung của dân tộc đem lại, tiến hành khẩn trương và kịp thời việc tịch thu ruộng đất của bọn ác ôn, bọn nguy quân, nguy quyền có nhiều tội ác và vận động rút bớt ruộng đất của người nhiều ruộng (chủ yếu là phú nông và trung nông khá giả) đem chia cho người không có ruộng và thiếu ruộng. Giải quyết được vấn đề ruộng đất như vậy là khắc phục được một trở ngại lớn trên con đường đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể theo chủ nghĩa xã hội.

Đi đôi với xóa bỏ cơ sở bóc lột phong kiến trong nông thôn, huyện còn tìm mọi cách xóa bỏ sự bóc lột qua con đường kinh doanh máy móc và trâu bò cày kéo. Đối với những máy móc nhỏ, huyện để cho xã quản lý và sử dụng trong địa phận của mình. Máy móc lớn do huyện trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động trên địa bàn huyện. Để làm được việc này, huyện tập hợp các chủ có máy kéo, tổ chức lại thành 5 đội máy hoạt động ở 5 vùng sản xuất của huyện. Máy là của chủ do chủ lo sửa chữa và bảo quản. Giá thuê cày được quy định thống nhất trong toàn huyện. Địa bàn và thời gian cày do huyện quyết định. Đơn vị thuê cày ký hợp đồng với đội máy kéo, hai bên thanh toán với nhau. Huyện cấp xăng dầu (theo giá Nhà nước) cho chủ máy tính

theo định mức đã định và số lượng diện tích cây được.

Về trâu bò cây kéo, huyện điều tra (thông qua thú y kiểm dịch) thống kê trâu bò của từng gia đình, để nắm chắc tình hình trâu bò cây kéo ở các xã. Trên cơ sở đó, huyện điều hòa (trên văn bản) trâu bò của xã thừa (tất cả được 1300 con) cho xã thiếu. Nơi thiếu trâu bò đến nơi thừa tự chọn mua theo số lượng huyện phân phối và trả theo giá đã được định trước theo từng loại trâu bò xấu, tốt. Việc điều hòa sức kéo của trâu bò và điều hành sức kéo của máy cho các xã đã có tác dụng phá vỡ cơ sở sinh ra mọi hành động lũng đoạn và cản trở công việc làm ăn tập thể của

nông dân đi lên chủ nghĩa xã hội

Việc tổ chức nông dân làm ăn tập thể theo hình thức thấp nhất rồi đi lên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đã được huyện Đức-linh chỉ đạo theo phương pháp làm thử để rút kinh nghiệm, rồi nhân nhanh ra diện và làm đồng loạt, dứt điểm. Khi hình thức tổ chức này đã được phổ cập, tức là đã có bề rộng, huyện Đức-linh lại tổ chức rút kinh nghiệm, tạo điều kiện cho nông dân tiến vững chắc lên hình thức làm ăn tập thể cao hơn.

Sự tác động đúng quy luật như trên của cấp lãnh đạo ở huyện Đức-linh đã bảo đảm cho phong trào làm ăn tập thể ở đây co cơ sở từng bước đi lên nhanh chóng và vững chắc.

Cả nước một lòng, bảo vệ vững chắc...

(Tiếp theo trang 24)

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lẽ sống của nhân dân ta. Hòa bình và hữu nghị là nguyện vọng của dân tộc ta.

Song các thế lực thù địch vẫn chưa chịu dễ ta yên. Lúc này hơn lúc nào hết, quân và dân ta càng nêu cao truyền thống anh dũng bất khuất, quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, quyết tâm bảo vệ mọi thành quả của cách mạng. Quân và dân ta luôn luôn định ninh trong dạ lời dạy của Bác Hồ: « Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ nước ».

Cả nước một lòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa!

Dưới ngọn cờ tái thắng của Đảng Cộng sản Việt-nam quang vinh và của Chủ tịch Hồ-Chi-

Minh vĩ đại, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta trước tình hình mới đang hăng hái tiến lên, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tạo nên sự *chuyển biến mạnh mẽ* về nhận thức, tư tưởng và hành động trong sản xuất và chiến đấu; đang đầy mạnh phong trào thi đua yêu nước theo khẩu hiệu « *Tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa!* »

Cả nước là một công trường vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội!

Cả nước là một trận địa bao la sẵn sàng đánh thắng mọi quân thù!

Không có gì quý hơn độc lập tự do!

Chủ nghĩa xã hội nhất định thắng!

Những tiến bộ bước đầu của khu phố Lê-Chân

TRẦN-THÀNH

AI về khu phố Lê-Chân thuộc thành phố Hải-phong cũng nhận thấy rằng ở đây đang có những nhân tố mới bắt nguồn từ phong trào lao động sản xuất của quần chúng trong năm qua. Tuy mới là bước đầu, nhưng phong trào đang đi lên đúng hướng và lành mạnh, góp phần cải tạo và xây dựng thành phố cũng anh hùng.

Mấy năm qua, nhiệm vụ của nhân dân khu phố Lê-Chân là ra sức khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân. Bên cạnh những thành quả to lớn về kinh tế, văn hóa đã đạt được, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội do hậu quả của chiến tranh và sự buông lỏng về quản lý kinh tế — xã hội vẫn còn không ít.

Toàn khu phố có 52641 lao động, trong đó nhiều người chưa có việc làm; 4432 tiểu thương trong đó có 50% buôn bán trái phép, không có đăng ký kinh doanh, trên 500 người chuyên nghề « phe phây »; 2000 người đã phạm pháp về hình sự, 1000 thanh niên và thiếu niên chậm tiến...

Khu phố có nhiều đầu mối giao thông thuận tiện, đồng thời cũng là những nơi bọn làm ăn phi pháp, bọn lưu manh, trộm cắp lợi dụng hoạt

động như: bến ô tô, bờ sông Lấp, sông Tam-bạc, bến tàu thủy, chợ Hàng, chợ Con, đường xe lửa chạy dọc khu phố, v.v. Sau ngày đất nước thống nhất, việc giao lưu hàng hóa giữa hai miền Nam — Bắc trở lại bình thường, một số người lợi dụng ra vào dễ buôn bán trái phép làm cho thị trường thêm « nhộn nhịp ».

Mặt khác, sản xuất nông nghiệp bị thất thu vì thời tiết không thuận; sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn vì thiếu nguyên liệu. Hàng hóa khan hiếm, quan hệ giữa cung và cầu căng thẳng, giá cả thị trường tự do lên vọt. Một số con buôn đã tung tiền ra vơ vét hàng hóa để đầu cơ, nâng giá, phá rối thị trường. Thêm vào đó, một số nhân viên trong các cơ sở kinh tế quốc doanh bị thoái hóa biến chất, đã lợi dụng việc quản lý sơ hở của ta móc ngoặc với bọn con buôn, bọn làm ăn phi pháp, ăn cắp hàng hóa của Nhà nước. Những hàng hóa được bọn chúng kinh doanh bất chính là lương thực, thực phẩm, vải, lụa, giấy, thuốc lá, xà phòng, phụ tùng xe đạp, vật liệu xây dựng, phụ tùng máy móc, xăng dầu, v.v. Một số người làm ăn phi pháp đã giàu lên rất nhanh chóng. Chúng sống rất phê phỡn trong lúc

đời sống của nhân dân sau chiến tranh đang gặp nhiều khó khăn.



Nhân dân khu phố Lê-Chân, đã và đang tiếp tục cải tạo và xây dựng khu phố bằng cách *đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, đồng thời kiên quyết chống mọi hiện tượng tiêu cực trong xã hội*. Nhân dân khu phố nhận thức rằng có tổ chức tốt phong trào lao động sản xuất ở khu phố thì mới hạn chế và tiến đến xóa bỏ được những hiện tượng tiêu cực trong xã hội; ngược lại có kiên quyết chống các mặt tiêu cực thì mới thúc đẩy được phong trào lao động sản xuất phát triển sâu rộng. Hai mặt đó có mối quan hệ hữu cơ, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa *cải tạo và xây dựng* hiện nay.

Phong trào lao động được phát triển rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm đẩy mạnh sản xuất tiêu công nghiệp, thủ công nghiệp và từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Mặc dù thiếu nguyên liệu, vật liệu và có lúc mất điện kéo dài, nhưng năm 1977, ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp đã phấn đấu thực hiện giá trị sản lượng là 39.960.000đ, đạt 108% kế hoạch; trong đó phục vụ tiêu dùng: 76,23%; phục vụ xuất khẩu: 16,57%. Ở đây việc sản xuất những hàng hóa có giá trị xuất khẩu được phát triển như thảm len, từ chỗ chỉ có 30 khung dệt với 420 lao động, năm qua đã tăng lên 110 khung dệt với 968 lao động; thảm dày với 200 người học nghề nay đã tăng lên 526 người với 120 khung dệt; hàng thêu từ chỗ chỉ có 174 lao động, nay được tăng lên 524 lao động. Điều đó rất có ý nghĩa về mặt kinh tế, vừa giải quyết công việc làm cho lao động phụ nữ, vừa phục vụ xuất khẩu.

Trong phong trào thi đua, nhân dân lao động đã phát huy được 230 sáng kiến, trong đó có 88 sáng kiến làm lợi cho Nhà nước và hợp tác xã trên 200.000đ; sản xuất 28 mặt hàng

mới và 80 mặt hàng cải tiến được khách hàng ưa thích. Qua phong trào lao động, quan hệ sản xuất tập thể trong các hợp tác xã thủ công nghiệp được củng cố, các mặt quản lý kinh tế và kỹ thuật được giữ vững và phát triển.

Ở khu phố, lâu nay vẫn có một số người không có việc làm hoặc có việc nhưng không ổn định, khi làm khi nghỉ, hoặc đang chờ việc như: những người vừa đến tuổi lao động bao gồm cả những học sinh thôi học và đang chờ đi học, những người làm việc theo hợp đồng tạm thời, những người làm các việc linh tinh không ổn định, những người buôn bán «phe phây»... Ngoài ra, rải rác ở các tiểu khu còn có một số người bỏ việc ở cơ quan xí nghiệp, hoặc mãn hạn thời gian cải tạo về nhà. Chính quyền khu phố đã tiến hành phân loại cụ thể và căn cứ vào tiêu chuẩn, đã sắp xếp họ theo các yêu cầu của Nhà nước như: tuyên đi công nhân, tuyên đi học, tuyên đi bộ đội. Số lao động còn lại không có việc làm, có lúc lên đến trên 7.000 người. Trong tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của thành ủy, *Công trường khu phố* được hình thành và thu hút đông đảo những người không có việc làm. Có thể nói, đó là một hình thức công trường lao động thủ công rất thích hợp với những người chưa có việc làm ở các thành thị nước ta hiện nay.

Công trường khu phố là một đơn vị kinh tế độc lập, lấy thu bù chi với nhiệm vụ chính là xây dựng những khu nhà một tầng; là nơi thu hút sức lao động của các đối tượng nói trên nhằm giải quyết công ăn việc làm cho họ. Trước hết, khu phố chú trọng giáo dục cho những người này nhận rõ nghĩa vụ và quyền lợi lao động trên công trường để họ tự giác và tích cực tham gia. Công trường sắp xếp những người lao động ở khu phố đang tham gia công trường vào các đội lao động chuyên môn như: nề, mộc, sắt, khai thác đất, vận chuyển, v.v.

Những công việc chủ yếu của công trường là: san nền, lấp trùng, đào móng, làm đất, vận chuyển, xây tường nhà, v.v.

Qua một năm phấn đấu, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, khu phố Lê-Chân đã thu hút vào công trường 1500 lao động, thi công 15 công trình với trên 50 000m³ đất, san lấp 2 héc-ta ở khu Lâm-tường và một số nơi khác, xây dựng 14 dãy nhà với diện tích 3 600m², một nhà sản xuất kiên cố rộng 900m² của hợp tác xã Toàn-thắng. Từ sự bở ngỡ lúc ban đầu, từ không đến có, công trường đã tạo ra giá trị sản phẩm là 2 triệu đồng. Thành quả lao động đó đã góp phần cải thiện nhà ở và đời sống của nhân dân khu phố. Thu nhập của một người lao động là 2đ/ngày, một số người làm giỏi có năng suất cao thu được nhiều hơn. Lương thực được phân phối tăng lên theo công việc nặng nhọc ở công trường. Một số chế độ, chính sách đối với người lao động cũng được áp dụng ở đây như ở mọi công trường của Nhà nước.

Nhưng có một kết quả rất quan trọng là thông qua công trường tại chỗ, khu phố đã giáo dục những con người ở đây tiến bộ rõ rệt. Chính lao động sản xuất và xây dựng đã sáng tạo ra của cải vật chất, đồng thời cũng nâng con người lên về mặt tư tưởng, làm cho họ dần dần được rèn luyện thành con người mới, xã hội chủ nghĩa. Nhiều nam nữ thanh niên có những tiến bộ vượt bậc trong lao động đã được tuyển chọn vào trường học và xí nghiệp quốc doanh.

Thắng lợi của công trường khu phố là thắng lợi của một sức mạnh tổng hợp. Khu phố đã động viên được mọi tầng lớp nhân dân, mọi năng lực thiết bị của các xí nghiệp, hợp tác xã, trường học trong khu phố để xây dựng công trường. Những cán bộ, công nhân, viên chức Nhà nước cũng tham gia tích cực ngày lao động xã hội chủ nghĩa trên công trường. Điều đó đã

xóa bỏ được ý nghĩ không đúng lúc ban đầu của một số người rằng: công trường khu phố là nơi cải tạo những kẻ phạm tội lỗi với nhân dân.

Trong phương thức quản lý công trường, khu phố Lê-Chân đã thực hiện sự kết hợp ba quản: quản lý của đội lao động, quản lý của tiểu khu và quản lý của công trường. Do lao động ngay tại đường phố, tiểu khu mình nên bà con rất hiểu hoàn cảnh từng người, do đó đã kiểm tra, giám sát lẫn nhau, thúc đẩy nhau cùng tiến bộ. Nhờ đó mà lực lượng lao động ở công trường được duy trì thường xuyên ở mức cần thiết; không những bảo đảm quản lý tốt về mặt lao động mà còn có điều kiện đề quản lý về mặt kỹ thuật và cả về mặt phân phối nữa.

Khu phố Lê-Chân vừa kiên trì giáo dục đấu tranh chống trây lười, chống trốn tránh lao động vừa có biện pháp cưỡng bức lao động đối với một số đối tượng nhất định.

Ngoài ra, khu phố còn tuyển lựa 188 thanh niên xung phong tình nguyện đi lao động ở công trường muối Phú-long (Cát-hải), trong đó có 1/3 là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh, vượt chỉ tiêu kế hoạch của thành phố giao là 88 người. Số anh chị em này đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trên công trường.



Đi đôi với phong trào lao động sản xuất, khu phố đẩy mạnh việc chống những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, vì nó có tác động rất lớn đối với các mặt cải tạo và xây dựng của thành phố.

Nhận rõ vấn đề đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực cần phải được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, kiên trì và thường xuyên, khu phố Lê-Chân mở đầu bằng nhiều đợt giáo dục rộng rãi cho từng đối tượng, trước hết là cho những người có tiền án, tiền sử phạm pháp, chưa chịu cải tạo để làm ăn lương thiện. Đối với

trên 500 tên tội phạm hình sự, chính quyền gọi đến trụ sở để răn đe; đưa 224 tên ra kiểm điểm trước nhân dân, tập trung cải tạo 92 tên, thực hiện cưỡng bức lao động đối với số này. Chính quyền cũng tổ chức giáo dục 51 tên liên quan đến trộm cắp xe đạp, 96 tên chuyên nghề cờ bạc, 478 tên chuyên buôn bán tem phiếu và 56 tên chuyên nghề đồng bóng bói toán. Sau học tập, số người này đã tình nguyện đi lao động ở công trường.

Khu phố đã sắp xếp lại tiêu thương, tiến hành xét cấp lại đăng ký kinh doanh cho 1473 người; mặt khác đã chuyển được 962 tiêu thương sang sản xuất: trong đó có nhiều người trước chuyên «phe phây», buôn gian bán lận; đa số vào các hợp tác xã thủ công nghiệp, lao động ở công trường, các tổ phục vụ trên đường phố... Nhờ sự kiên trì giáo dục của đoàn thể phụ nữ, nhiều chị em từ những người chuyên buôn bán tem phiếu nay đã trở thành những người lao động có năng suất cao ở công trường.

• Đi đôi với giáo dục, khu phố đã thực hiện biện pháp quản lý hành chính — kinh tế, tiến hành kiểm tra hành chính trên thị trường kết hợp với kiểm tra tại chỗ ở tiêu khu. Qua kiểm tra có 3536 vụ bị bắt giữ với giá trị hàng hóa là 86 056đ, tiền phạt là 52 506đ. Riêng đoàn liên hiệp kiểm tra đã xét 1934 trường hợp, xử lý 1200 trường hợp, phạt 14 549đ, và truy thu thuế 4 976đ. Số hàng hóa trên được xử lý bằng nhiều hình thức như: thu mua, tịch thu. Khu phố đã áp dụng nhiều biện pháp như: quyết định xử lý tại chỗ, truy tố trước pháp luật... Những mặt hàng bắt được nhiều nhất là lương thực, thực phẩm, công nghệ phẩm tiêu dùng, phụ tùng xe đạp, gỗ, xăng dầu, v.v.

Cùng với những việc trên, khu phố đã thu dọn những chướng ngại vật, mái hiên, lều quán, hàng rào làm bừa bãi trong những năm chiến tranh, gây trở ngại đến giao thông trong thành

phố. Những người đã chiếm đất công, xây nhà trái phép, nay bắt buộc phải dời đi để trả lại đất cho Nhà nước. Việc làm này được tiến hành thận trọng, kiên quyết và dứt điểm.

Khu phố đã kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực trên lĩnh vực văn hóa nhằm bài trừ lối sống lạc hậu, đồi trụy, mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống mới. Khu phố đã kiểm tra 21 điểm, thu giữ nhiều hiện vật như: 819 đĩa hát và 114 cuộn băng ghi âm nhạc vàng. 26 quyền tiêu thuyết đồi trụy và 68 kiểu ảnh khỏa thân nguyên được lưu hành ở miền Nam từ thời Mỹ — ngụy.



Những mặt công tác trên đã góp phần cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm trật tự an ninh, xây dựng nếp sống văn minh ở thành phố.

Khu phố Lê-Chân đạt được một số thành quả nói trên là nhờ có ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng, nhất là nghị quyết 228 của Bộ chính trị và các nghị quyết cụ thể của Ban chấp hành đảng bộ thành phố Hải-phòng. Sự nhất trí cao của thành ủy về tư tưởng chỉ đạo đã thúc đẩy và tạo điều kiện cho khu phố vững tâm thực hiện các mặt công tác một cách kiên quyết. Dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của đảng ủy khu phố, các ngành công an, thương nghiệp, nhà đất, lao động... đã phối hợp chặt chẽ với nhau để triển khai nhanh chóng các nghị quyết, đồng thời có những biện pháp tổ chức chỉ đạo cụ thể.

Điều nổi bật ở đây là khu phố đã quan tâm đến công tác vận động quần chúng, do đó mặc dù tình hình chung của khu phố có nhiều khó khăn, nhưng khu phố đã phát động được khí thế của quần chúng, phát huy tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo của quần chúng, làm cho quần chúng đã tin vào sức mình, lại càng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của

Dảng. Điều đó càng làm cho cán bộ phấn khởi tin tưởng và dựa hẳn vào quần chúng nhân dân, dũng cảm xông vào những việc khó khăn, phức tạp và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, ở khu phố Lê-Chân vẫn còn một số khuyết điểm cần khắc phục như: một số cán bộ còn tránh né khó khăn hoặc đùn đẩy cho nhau, có

những việc làm nửa chừng, không triệt để làm hạn chế kết quả của phong trào; việc quản lý kinh tế vẫn còn sơ hở, v.v.

Chúng ta tin rằng với đà tiến bộ năm qua, đảng bộ và nhân dân khu phố Lê-Chân nhất định sẽ vươn lên đạt nhiều thành tích to lớn hơn nữa trong sự nghiệp cải tạo và xây dựng thành phố cảng anh hùng.

Thắng lợi mới của phong trào...

(Tiếp theo trang 51)

là tập đoàn Pôn-pốt - Iêng Xa-ri ra sức công kích và vu cáo Cu-ba, Việt-nam, Ăng-gô-la, hòng gây chia rẽ, phân liệt trong phong trào không liên kết, hòng tách phong trào khỏi đồng minh xã hội chủ nghĩa của mình, hòng cô lập và tiến công các nước xã hội chủ nghĩa thành viên của phong trào, những nước trung thành với nguyên tắc của phong trào không liên kết!

Trắng trợn hơn nữa, thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh tự nhận rằng Trung-quốc và các nước tay sai của họ là "trụ cột" của các nước thuộc cái gọi là "thế giới thứ ba", bao gồm các nước không liên kết, "đứng trên tuyến đầu của cuộc đấu tranh" chống Liên-xô, chống chủ nghĩa xã hội (xem *Nhân dân nhật báo*, 1-11-1977). Chẳng phải Bắc-kinh đang cố áp đặt một chiến lược bành trướng và bá quyền lên đầu các nước không liên kết là gì? Chẳng phải Bắc-kinh đang bênh vực cho bọn thống trị cũ, đang câu kết với đế quốc Mỹ và các cường quốc thực dân khác, tìm cách đặt lại ách thống trị lên đầu các nước không liên kết là gì? Chẳng phải Bắc-kinh đang hòng lợi dụng phong trào không liên kết để chống Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa là gì? Một chiến lược phản cách mạng như vậy, làm sao các nước

không liên kết có thể chấp nhận được. Âm mưu và hành động xấu xa đó đã phơi trần bộ mặt giả nhân giả nghĩa của thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh và tay sai của họ đối với các nước không liên kết. Và đó cũng là nguyên nhân làm cho âm mưu phá hoại của họ tại hội nghị Bê-ô-grát vừa qua thất bại thảm hại. Thất bại đó cũng là một đòn cảnh cáo đánh thép đối với những ai muốn lái phong trào không liên kết đi chệch mục tiêu, muốn thực hiện chủ trương "đứng giữa" một cách tiêu cực, lẫn lộn bạn thù, xóa nhòa ranh giới giữa xu hướng thân đế quốc và xu hướng chống đế quốc, đặt ngang hàng lập trường khiêu khích của những kẻ làm tay sai cho bọn phản động quốc tế với lập trường chính nghĩa của những nước yêu chuộng hòa bình, trung thành với những nguyên tắc và mục tiêu của phong trào.

Thành công của Hội nghị Bê-ô-grát chứng minh rằng phong trào không liên kết đang đổi đời sức sống, đang mạnh mẽ tiến lên theo một thế tiến công không thể đảo ngược được. Chắc chắn rằng tại Hội nghị cấp cao lần thứ 6 ở La Ha-ba-na sang năm, phong trào không liên kết sẽ ghi thêm những thắng lợi mới, to lớn hơn nữa trong cuộc đấu tranh của các dân tộc cho hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

BƯỚC VƯƠN LÊN CỦA MỘT PHƯỜNG KÉM NÁT

TRỌNG-NGUYỄN

CUỐI năm 1976, trong dịp tổng kết thi đua của quận 11 thành phố Hồ-Chí-Minh, phường 7 bị xếp vào loại yếu kém nhất trong số 24 phường trong quận. Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên vì quả thật phong trào của phường 7 có nhiều mặt kém nát. Nạn buôn bán chợ trời ngày một lan tràn, từ sáng sớm đến chiều tối, ba khu chợ trời không ngớt « sầm uất », làm tắc nghẽn giao thông ở các phố chính qua phường. Chợ trời đó chính là nơi buôn gian bán lận, là nơi tiêu thụ các loại hàng lậu, hàng giả, các loại hàng lấy cắp, cướp giật được. Chợ trời đó cũng là nơi ăn náu, nơi kiếm sống của các băng cướp, của những tay « anh chị » sừng sỏ chưa bị sa lưới. Cùng với chợ trời, trong phường vẫn lén lút hoạt động 11 ổ chứa gái bán dâm, 11 ổ chứa hàng lậu, hàng lấy cắp, nhiều ổ xì ke, ma túy.

Số đông tiêu thương trong phường, thấy « kiếm chác » được, đã lao vào buôn bán ở chợ trời. Các cuộc vận động chính trị, đặc biệt là các cuộc vận động chuyển sang sản xuất, về quê lập nghiệp, di xây dựng vùng kinh tế mới, v.v. không đạt được kết quả gì đáng nói. Và điều không tránh khỏi là trật tự an ninh xã hội không được bảo đảm, các vụ trộm cắp, cướp

giật thường xảy ra, một số tên phản động bấy lâu náu mình lại rục rịch hoạt động...

Thế nhưng, chỉ hơn một năm sau, bộ mặt phường 7 đã đổi khác. Những mặt tiêu cực kể trên đã bước đầu được xóa bỏ. Các khu chợ trời đã được giải tỏa, nhiều người buôn bán nhỏ đã chuyển sang sản xuất, hầu hết những người không nghề nghiệp đã có công ăn việc làm. Một cuộc sống mới, lao động sản xuất, lành mạnh đang hình thành. Tổng kết năm 1977, phường 7 được coi là phường tiên tiến của quận 11. Nhiều cán bộ ở các phường trong quận, trong thành phố đã về phường 7 học tập kinh nghiệm.

Tất nhiên chỉ mới qua hơn một năm thử thách và trưởng thành, những thắng lợi của phường 7 chưa thể coi là thật sự vững chắc. Song từ những chuyển biến của phường 7, có thể rút những kinh nghiệm bước đầu về việc củng cố các cơ sở kém nát ở các thành phố miền Nam.

Bắt đầu từ việc củng cố hạt nhân lãnh đạo.

Phong trào phường 7 sút kém là do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân đầu tiên và có **tính chất quyết**

định là do chỉ bộ Đảng quyết. Trong chỉ ủy thiếu sự đoàn kết nhất trí, thiếu sự lãnh đạo tập trung, đồng chí này thường dèm pha, nói xấu đồng chí khác nhằm gây ảnh hưởng cá nhân. Nhiều đảng viên thiếu gương mẫu. Trong tổng số 14 đảng viên, có 7 người phạm sai lầm nghiêm trọng. Trước cảnh sống xa hoa của thành phố, có những đồng chí quên mất lý tưởng, buông lơi trách nhiệm, lo thu vén cho cá nhân bằng nhiều cách khác nhau, thậm chí lợi dụng chức quyền, ăn cắp của công, nhận của hối lộ, chiếm đoạt vật tư, của cải của nhân dân. Có đồng chí bị giai cấp tư sản mua chuộc, đã tìm cách bao che, tiếp tay cho chúng. Có đồng chí bị bọn xấu lôi cuốn, sa vào cảnh chè chén, bê tha, quan hệ nam nữ bất chính. Trong khi đó thì kỷ luật của chỉ bộ bị thả lỏng, tinh thần đấu tranh giúp đỡ lẫn nhau sút kém một cách nghiêm trọng. Từ việc bỏ qua, không đấu tranh với một vài sai lầm khi mới xuất hiện, chỉ bộ đã để cho các hiện tượng tiêu cực phát triển. Một số đồng chí trong chỉ bộ thấy nếu cứ để tình trạng đó kéo dài thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sức mạnh và uy tín của chỉ bộ, đã đề nghị với chỉ bộ kiểm điểm lại toàn bộ tình hình, đánh giá đúng mức những sai lầm, khuyết điểm để có phương hướng sửa chữa.

Lúc đầu, đề nghị đó không được chấp nhận. Song, với ý thức kiên trì đấu tranh, lại biết tranh thủ đúng mức sự chỉ đạo của Quận ủy quận 11 và của thành ủy, các đảng viên đó đã thuyết phục được nhiều đồng chí khác trong chỉ bộ. Một đợt sinh hoạt chính trị của chỉ bộ được tổ chức nhằm kiểm điểm tinh thần phấn đấu cách mạng, ý thức trách nhiệm, phê phán những sai lầm, khuyết điểm và vạch rõ phương hướng phấn đấu cụ thể, cấp bách của chỉ bộ và của từng đảng viên.

Đợt sinh hoạt chính trị được sự chỉ đạo trực tiếp của Quận ủy quận 11.

Quận ủy đã xác định cho chỉ ủy phường 7 trách nhiệm phải thật sự gương mẫu, phải kiểm điểm mình một cách nghiêm túc, đồng thời phải phân công nhau đi sát từng đảng viên, nắm được diễn biến tư tưởng của từng đồng chí, có kế hoạch giúp đỡ từng người làm tốt việc tự phê bình và phê bình.

Quận ủy cũng giúp chỉ ủy phân loại các đảng viên trong chỉ bộ và định hình thức giáo dục, xử lý thích đáng đối với từng trường hợp cụ thể.

Trước khi bước vào đợt sinh hoạt chính trị, toàn chỉ bộ lại được học tập về thái độ tự phê bình và phê bình, về phương châm giáo dục của Đảng, về tinh thần yêu đồng chí và tính nguyên tắc trong đấu tranh tư tưởng.

Trong quá trình tự phê bình và phê bình, chỉ bộ vừa kêu gọi ý thức tự giác của từng người vừa nêu lên những hiện tượng, những sự việc cụ thể do đảng viên và quần chúng phát hiện để từng đồng chí suy nghĩ thêm. Chỉ bộ đã giúp từng đảng viên thấy rõ mức độ nghiêm trọng của những sai lầm, khuyết điểm, xác định được phương hướng và biện pháp cụ thể để khắc phục. Để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, chỉ bộ đã tùy mức độ khác nhau mà có những hình thức kỷ luật thích đáng đối với những người có sai lầm nghiêm trọng, cụ thể là đã khiển trách 1 đồng chí, cảnh cáo 6 đồng chí, và lưu lại trong Đảng một thời gian để giáo dục và xem xét 1 đồng chí. Đối với những đảng viên ăn cắp của công, xâm phạm tài sản của dân, ngoài những hình thức kỷ luật của Đảng, chỉ bộ còn quyết định phải bồi hoàn sông phẳng. Đối với những đồng chí quen hạch sách, dọa nạt dân, chỉ bộ buộc phải tự kiểm thảo trước dân. Qua đấu tranh nội bộ, chỉ bộ cũng đã bầu lại ban chỉ ủy gồm những đồng chí ít phạm sai lầm nhất và thành khẩn trong tự phê bình và phê bình. Đồng thời, đã phân công

tại đảng viên, đưa những đồng chí yếu, kém sang các lĩnh vực công tác thích hợp để có điều kiện phấn đấu tốt hơn.

Khi mới đề ra chủ trương tổ chức đợt sinh hoạt chính trị, có đảng viên cho là vô ích vì nghĩ rằng hầu như ai cũng có sai lầm, khuyết điểm thì chẳng ai giáo dục, thuyết phục nổi ai. Song, nhờ nắm vững nguyên tắc tự phê bình và phê bình, nhờ sự chỉ đạo trực tiếp của Quận ủy quận 11 và tinh thần tranh của số đồng đảng chí, đợt sinh hoạt chính trị đã đạt kết quả khá. Nhiều đảng viên cảm thấy như được thức tỉnh lại sau những ngày dài buông lỏng mình, quên mất lý tưởng của Đảng.

Tập trung sức giải quyết dứt điểm một số khâu công tác cấp bách, làm đà đề tiến lên.

Với khí thế mới, chi bộ phường 7 đi vào hành động cách mạng cụ thể.

Phân tích kỹ tình hình của phường, chi bộ thấy đúng là có nhiều mặt phức tạp. Đây là một trong những phường có số dân đông (gồm 2157 hộ với 11667 người), trong đó 72% số hộ làm nghề buôn bán nhỏ. Trong phường có khu gia binh, khu thương phế binh và khu nhà ở của một số sĩ quan cảnh sát nguy. Số sĩ quan, binh lính của chế độ cũ có đến 600 người. Khi mới giải phóng, trong phường có đến 30 ổ chứa cờ bạc, 350 thanh niên, thiếu niên « bụi đời », 38 gái bán dâm, khoảng 600 người thất nghiệp. Song mặt khác, chi bộ lại thấy rằng đông đảo bà con trong phường là những người buôn bán nhỏ và những người lao động khác. Có khoảng 25% số hộ đã từng sinh sống bằng nghề thủ công và có tay nghề khá. Hầu hết đều đã qua kiếp sống chật vật. Phần lớn các hộ ở chen chúc nhau trong chín dãy nhà do bọn nguy xây cất cho thuê để kiếm lời, và có khoảng 1000 hộ ở

trong các nhà « ổ chuột » xây cất chắp vá, thiếu vệ sinh. Phần lớn là những người nghèo, ngay trong thời kỳ Mỹ - nguy họ đã từng biều lộ những tình cảm tốt đẹp đối với cách mạng. Năm 1968, nhân dân ở đây đã từng nổi dậy, tham gia việc truy bắt ác ôn, nuôi dưỡng thương binh, đánh trả các đợt phản kích của địch. Đồng chí Nguyễn-Minh-Hoàng, một chiến sĩ biệt động của thành phố, ngã xuống trong phường đã được bà con chôn cất tử tế và chăm sóc phần mộ chu đáo. Để trả thù những hành động yêu nước đó, đế quốc Mỹ đã cho máy bay ném bom vào nhiều địa điểm trong phường, phá hủy hàng trăm nóc nhà, làm bốc cao thêm lòng căm thù sâu có trong lòng nhân dân.

Chi bộ khẳng định rằng tình hình phức tạp trong phường có thể từng bước khắc phục được nếu tất cả đảng viên đều nhất trí, quyết tâm. Với lòng căm thù địch và truyền thống yêu nước, nhân dân trong phường, nếu được lãnh đạo, giáo dục, động viên, tổ chức tốt, sẽ tiếp thu được đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, khắc phục những mặt tiêu cực để vươn lên mạnh mẽ. Qua thảo luận, chi bộ thấy rằng muốn cải biến tận gốc tình hình của phường thì phải làm rất nhiều việc. Song trước mắt, nếu đề ra quá nhiều việc đề rồi việc nào cũng không làm được đến nơi đến chốn thì không thể nào tạo được bước chuyển biến mạnh của phong trào. Vì vậy, chi bộ đề ra một số việc chính, cấp bách nhất và tập trung sức giải quyết cho kỳ được đề nâng cao lòng tin của quần chúng, làm đà vươn lên. Các việc đó như sau:

Một là: làm cho đông đảo bà con trong phường thấy được tác hại của tình trạng kém nát của phường, thấy được quyết tâm vươn lên của chi bộ, trên cơ sở đó, tập hợp lực lượng của quần chúng đấu tranh chống các mặt tiêu cực trong phường, trước hết là xóa cho được nạn chợ trời

Hai là: giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân trong phường, đề mọi người có điều kiện sinh sống và vươn lên qua lao động.

Chi bộ thông báo kịp thời những kết quả của đợt sinh hoạt chính trị cho đồng đảo cán bộ trong phường và đề nghị mọi người góp thêm ý kiến xây dựng chi bộ và đảng viên. Đồng thời chi bộ bàn bạc kỹ với chính quyền và các đoàn thể quần chúng về những chủ trương công tác cấp bách nhằm cải biến tình hình, và tổ chức cho đồng đảo bà con trong phường, thông qua sinh hoạt của các liên tổ dân phố, góp thêm ý kiến về những chủ trương công tác đó.

Trong chỉ đạo thực hiện, chi bộ phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền và của các đoàn thể quần chúng, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đó trong từng biện pháp cụ thể. Hằng ngày có hội ý giữa chi ủy với đại diện chính quyền và các đoàn thể quần chúng để nắm chắc diễn biến của tình hình và có biện pháp giải quyết kịp thời, sát đúng.

Trong chỉ đạo, chi bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng ở phường 7 đã nêu cao tinh thần khấn trương, tác phong làm việc cụ thể, tỉ mỉ, biết dựa vào quần chúng. Giải tỏa chợ trời là một công tác rất khó khăn, phức tạp. Để làm việc này, phường 7 đã tiến hành theo các bước như sau:

— Tổ chức cho bà con trong phường thảo luận về tác hại của chợ trời. Biểu dương những người tự nguyện chấm dứt ngay việc buôn bán ở chợ trời.

— Tổ chức cho những người đã thôi buôn bán ở chợ trời đến vận động, thuyết phục những người còn hoạt động chợ trời.

— Tổ chức điều tra nắm chắc số người sinh sống bằng chợ trời, phân tích kỹ hoàn cảnh cụ thể của từng người.

— Các tổ dân phố họp bàn kế hoạch giúp đỡ những người bỏ nghề buôn bán ở chợ trời chuyển sang sản xuất.

Khi số đồng bà con đã tự nguyện chấm dứt cảnh buôn bán ở chợ trời, và tự nguyện sung vào đội quân đi giải tán chợ trời, phường 7 liền tổ chức đội « xóa bỏ chợ trời ». Với thanh niên là lực lượng xung kích, với sự tham gia đồng đảo của bà con trong phường, chỉ trong mấy ngày, phường 7 đã giải tán được hàng trăm sạp buôn bán trái phép phụ tùng xe đạp, xe gắn máy ở các đường *Lý-Nam-Đệ*, *Vinh-Viên*, giải tán 80 ghế ngồi lán chiếm lòng đường của hơn hai chục tiệm ăn ở đường *Lý-Thường-Kiệt*, giải tán chợ trời chuyên bán hàng lậu, hàng lấy cắp, cướp giật được (nhiều nhất là các loại đồng hồ) ở đường *Lê-Đại-Hành*. Do điều tra nắm chắc được hoàn cảnh cụ thể của từng người hoạt động chợ trời, trong đợt giải tỏa này, phường 7 đã có biện pháp giải quyết thỏa đáng đối với từng loại. Những người có nghề buôn bán thì được hướng dẫn đến nơi thích hợp để tiếp tục nghề nghiệp. Những tên lưu manh, côn đồ, những phần tử ngoan cố chống lại chủ trương giải tỏa chợ trời thì bắt đi cải tạo, và tịch thu toàn bộ tang vật. Cũng trong những ngày giải tỏa chợ trời, phường 7 đã bắt đi cải tạo 2 tên chủ chửa và 20 tên lưu manh; quản chế, giáo dục tại chỗ bằng cường bức lao động 31 tên lưu manh khác.

Quét được chợ trời chỉ là thắng lợi bước đầu. Muốn chợ trời không mọc lại, phải giải quyết tốt công ăn việc làm cho nhân dân, phải nhanh chóng xây dựng những cơ sở sản xuất trong phường. Theo thống kê, đầu năm 1977, trong phường có đến 519 người chưa có công ăn việc làm và 3 012 người sống bằng nghề buôn bán nhỏ. Phường 7 đã tập hợp những người có nghề thủ công lại thành những tổ hợp sản xuất (một hình thức hợp tác giản đơn, hưởng theo sản phẩm) gia công

mặt hàng theo yêu cầu của Nhà nước. Ai chưa có điều kiện tham gia tổ hợp thì được giúp đỡ khôi phục nghề cũ tại nhà. Để có đủ nguyên liệu, tiền vốn v.v. một số cán bộ tích cực, liêm khiết, có kinh nghiệm đã được cử thay mặt bà con trong phường thường xuyên liên hệ với các cơ quan có trách nhiệm chăm lo các mặt đó để bảo đảm cho các cơ sở sản xuất thường xuyên có việc làm. Kết quả là đã thành lập được 7 tổ hợp sản xuất có hợp đồng với Nhà nước (bao gồm các tổ hợp sản xuất nông cụ cầm tay, làm giày dép, đan lát, may mặc, làm mì sợi, làm túi xách, v.v.) thu hút khoảng 500 lao động, và đã giúp đỡ 213 hộ khôi phục được nghề thủ công.

Phường 7 còn mở rộng hoạt động của hợp tác xã tiêu thụ. Ngoài số hàng do Nhà nước cung cấp, hợp tác xã còn kinh doanh thêm 39 mặt hàng. Tính từ 16-2-1978 đến 15-3-1978, trong tổng doanh số bán ra của hợp tác xã tiêu thụ phường là 27.094 đồng, thì hàng tự kinh doanh chiếm 15.568 đồng, tức là khoảng 57%. Với số hàng tự kinh doanh ngày càng nhiều, hợp tác xã tiêu thụ vừa đáp ứng tốt yêu cầu của quần chúng, vừa thu hút thêm được nhiều lao động vào các khâu thu mua, bảo quản, chế biến, phân phối, v.v.

Để giải quyết công ăn việc làm cho thanh niên và góp phần phát triển sản xuất, xây dựng đất nước, phường 7 còn tổ chức đội thanh niên lao động tình nguyện gồm khoảng 500 người đưa đi lao động ở khu kinh tế mới Lê-Minh-Xuân và ở các công trường xây dựng trong quận và trong thành phố.

Xây dựng chỗ dựa vững chắc, chuẩn bị lực lượng cho việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào.

Khi chi bộ phường 7 còn trong tình trạng kém nạt thì các tổ chức chính quyền và đoàn thể quần chúng hầu như không hoạt động gì hoặc hoạt

động rời rạc, thậm chí có những bộ phận bị tay chân của địch chui vào lũng đoạn. Thông qua cuộc đấu tranh chống các mặt tiêu cực và sắp xếp công ăn việc làm cho nhân dân, trong các tổ chức nói trên đã xuất hiện những người tốt, việc tốt, đồng thời cũng lộ rõ những kẻ lưng chừng, ngại khó và cả những phần tử chống đối. Cùng với việc củng cố chi bộ, việc củng cố chính quyền và các đoàn thể quần chúng được tiến hành kịp thời. Hội đồng nhân dân phường được bầu lại, gồm 35 người, hầu hết là những đại biểu chân chính của nhân dân lao động và có khoảng 50% là nữ. Nhiều ủy viên trong Hội đồng nhân dân đã được cử làm tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố hoặc kiêm nhiệm các công tác trong các ngành, các đoàn thể để có điều kiện nắm sát tình hình, thiết thực góp phần vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo chung.

Việc củng cố chi đoàn thanh niên và chi hội phụ nữ được đặc biệt coi trọng. Chi bộ đã giúp đỡ các tổ chức đó bằng cách góp ý kiến trong việc lựa chọn cán bộ cốt cán, trong việc xây dựng chương trình kế hoạch công tác hằng quý, hằng tháng, trong công tác phát triển Đoàn, Hội, v.v. Trước mỗi cuộc vận động chính trị, mỗi đợt công tác đột xuất, chi ủy đều họp với đại diện chính quyền và các tổ chức quần chúng để xác định đúng vai trò, trách nhiệm và nội dung tham gia của từng tổ chức. Ngay cả những lúc không có công tác đột xuất, hằng tuần, chi ủy vẫn dành một buổi để bàn với bộ phận thường trực của Ủy ban nhân dân và ban thường vụ các đoàn thể về nội dung các công tác chính trong tuần, về cách phối hợp chỉ đạo để các công tác đó đạt kết quả tốt. Nét nổi bật trong mối liên hệ giữa tổ chức Đảng và các tổ chức quần chúng ở phường 7 là việc lãnh đạo củng cố các tổ chức quần chúng được đồng đạo đảng viên quan tâm. Sau đợt sinh hoạt chính trị, do nhận thức về nhiệm

vụ được nâng lên, các đảng viên, ngoài việc tham gia sinh hoạt Đảng, đã hăng hái tham gia sinh hoạt các đoàn thể quần chúng, góp phần tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các đoàn thể đó.

Được chỉ bộ Đảng lãnh đạo sát sao và giúp đỡ chu đáo, chi đoàn thanh niên và chi hội phụ nữ ngày càng có những đóng góp tích cực vào phong trào chung. Chi đoàn trở thành lực lượng xung kích trong các mặt công tác tham gia lao động công ích, bảo vệ trật tự, an ninh trong phường, xây dựng khu kinh tế mới Lê-Minh-Xuân, tuyên truyền vận động và thực hiện nếp sống mới, v.v. Chỉ tính riêng về tham gia lao động xã hội chủ nghĩa, trong 3 đợt lao động xây dựng công viên *Đăm-sen*, phường 7 đã có 9 266 lượt người tham gia, trong đó hầu hết là thanh niên. Trong đợt đào kênh *Trần-Quang-Cơ*, theo kế hoạch, chi đoàn phường 7 cần 35 người thì có 104 người tình nguyện tham gia. Làm trong 5 ngày đã đạt chỉ tiêu, anh chị em còn tình nguyện làm thêm 9 ngày nữa, khi xong kênh mới về. Chi hội phụ nữ đã phát huy tác dụng tốt trong việc ổn định đời sống của dân, động viên bà con buôn bán nhỏ chuyên sang sản xuất, xây dựng tinh thần giúp đỡ lẫn nhau giữa các hộ trong phường, v.v. Trong công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, công tác thu hồi tiền và công tác phấn đấu giảm giá hàng, chi đoàn thanh niên và chi hội phụ nữ đã có những đóng góp tích cực.

Do những thành tích nói trên, chi đoàn thanh niên và chi hội phụ nữ của phường 7 đã được thành phố và quận nhiều lần biểu dương. Riêng chi đoàn thanh niên, cuối năm 1977 đã được Thành đoàn công nhận là đơn vị xuất sắc. Tháng 4 năm 1978, thanh niên phường 7 lại được bằng khen của Thành đoàn về thành tích tham gia công tác cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Càng có nội dung hoạt động thiết thực, phong phú, các tổ chức quần chúng đó càng thu hút được nhiều người vào Đoàn, vào Hội. Hiện nay, chi đoàn thanh niên đã có trên 60 đoàn viên. Trên 60% thanh niên trong phường đã tham gia Hội liên hiệp thanh niên. Chi hội phụ nữ đã có khoảng 700 hội viên. Đội thiếu niên tiên phong đã thu hút 1000 em, trong đó 44 em được tặng danh hiệu «Cháu ngoan Bác Hồ». Được tham gia các tổ chức cách mạng, được rèn luyện trong công tác thực tế, hầu hết các đoàn viên, hội viên ngày càng nâng cao giác ngộ chính trị để trở thành chỗ dựa tin cậy của Đảng trong việc tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và các mặt công tác khác trong phường.

Giữ vững thành quả, không ngừng tiến lên.

Từ chỗ kém nát, phường 7 đã vươn lên. Mặc dù đó chỉ là kết quả bước đầu, có khi chưa vững chắc, thắng lợi đó thật đáng biểu dương, khích lệ. Thắng lợi đó cũng góp phần khẳng định rằng, ở bất cứ cơ sở, đơn vị nào, khi mọi người có quyết tâm, đồng lòng nhất trí và có cách làm tốt thì nhất định sẽ làm cho phong trào cách mạng ở đó chuyển biến mau lẹ.

Tuy nhiên cũng phải nhận rằng, bước đường tiến lên của phường 7 còn nhiều phức tạp, khó khăn. Số đông đảng viên trong chi bộ tuy đã thấy được những sai lầm, khuyết điểm của mình và bước đầu có quyết tâm sửa chữa, song quá trình xóa bỏ cái xấu, trau dồi cái tốt không phải đơn giản, dễ dàng, nhất là khi người đảng viên hằng ngày còn phải chịu những tác động của môi trường phức tạp. Mặt khác, số đảng viên trong chi bộ hiện chỉ còn 11 người (vì một số đồng chí được chuyển đi công tác khác), so với số dân khoảng 12 000 người thì chiếm tỷ lệ quá thấp. Số đông đảng viên là từ nơi khác điều đến tăng cường cho chi bộ, số đảng viên còn

(Xem tiếp trang 93)

NHÀ MÁY QUỐC DOANH SẢN XUẤT MÁY MAY SINCO TRÊN CON ĐƯỜNG KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

TRẦN - HỒ

NHÀ máy quốc doanh sản xuất máy may SINCO ngày nay đã đạt sản lượng hàng năm là 7000 chiếc. Nhìn vào cơ ngơi nhà máy với cơ sở vật chất kỹ thuật hiện nay, chúng ta không thể không nghĩ đến cái hãng Săng In-tơ-nây-sơ-nơ-n Căm-pa-ny (Shangs International Compagny) trước kia tại Bình-chánh, Sài-gòn, thực chất là một xí nghiệp lắp ráp máy may từ những bộ phận và chi tiết máy mua của Nhật-bản.

Tên chủ hãng chạy ra nước ngoài trong những ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng. Xí nghiệp này được quốc hữu hóa và đứng trước những khó khăn rất lớn trong việc phục hồi và phát triển sản xuất. Vốn là một xưởng lắp ráp, xí nghiệp hoàn toàn không có cơ khí chế tạo, không có máy chuyên dùng, thiếu cả thiết bị, phụ tùng, nguyên liệu, vật liệu cần thiết cho quá trình sản xuất và lắp ráp. Xí nghiệp thiếu cơ sở vật chất để tiến hành nhiệt luyện, xi mạ, kiểm tra sản phẩm, nhất là đúc, là những khâu có ảnh hưởng lớn đến việc hoàn chỉnh và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Cơ cấu tổ chức sản xuất của xí nghiệp rất lạc hậu, què quặt, không đồng bộ; đội ngũ công nhân chỉ chuyên lắp ráp

và phục vụ cho quá trình kinh doanh mua bán, không có công nhân chế tạo cơ khí.

Nhu cầu của nhân dân ta về máy may cho gia đình rất lớn. Để góp phần đáp ứng nhu cầu đó, vấn đề quan trọng cả về trước mắt và lâu dài là phải cải tạo và xây dựng nhà máy về mọi mặt, để nó trở thành một xí nghiệp trung tâm sản xuất máy may ở các tỉnh miền Nam nước ta. Nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của xí nghiệp là **chuyển từ lắp ráp sang chế tạo máy may** theo phương châm tận dụng năng lực sản xuất sẵn có, không ngồi chờ Nhà nước đầu tư. Để làm được điều đó, trong thời gian qua, nhà máy SINCO đã phấn đấu đạt được một số thành quả trong cải tạo và xây dựng.

PHÁT HUY TINH THẦN TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, TẬN DỤNG NĂNG LỰC SẢN XUẤT SẴN CÓ

Về mặt nhận thức cũng như trong hành động thực tế, đảng bộ nhà máy đã quan tâm thực hiện sự kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo và xây dựng. Từ chỗ ban đầu chỉ là một xưởng lắp ráp của bọn tư sản mại bản,

ngày nay nhà máy đã trở thành một xí nghiệp quốc doanh sản xuất máy may, bao gồm những cơ sở vật chất kỹ thuật như : xưởng cơ khí công cụ, xưởng đúc, xưởng gia công đầu máy, xưởng làm chân máy, xưởng sửa chữa và xưởng lắp ráp. Không ý lại vào Nhà nước, nhà máy cố gắng sử dụng ngay những cơ sở cũ sẵn có, sửa chữa máy móc cũ mà ai cũng tưởng phải bỏ đi thành những máy sử dụng được : lắp ráp máy cho xưởng cơ khí công cụ để đưa vào sản xuất, xây dựng xưởng mộc, sửa chữa lại nhà xưởng, hệ thống điện và đại tu lò sấy gỗ cho xưởng lắp ráp, che chắn cho xưởng đúc, xây dựng và củng cố kho tàng của nhà máy và phân xưởng, xây dựng một lớp học dùng để đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề, củng cố khu nhà tập thể bao gồm văn phòng, các phòng đo lường, thí nghiệm, kiểm tra chất lượng, câu lạc bộ, nhà ở v.v.

Qua việc xây dựng, nhà máy đã khắc phục nhiều khó khăn về vốn, hình thành được những cơ sở vật chất kỹ thuật có tác dụng quyết định đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất trong những năm qua.

Về mặt quản lý kỹ thuật, nhà máy đã động viên công nhân tiến quân mạnh mẽ vào khoa học kỹ thuật, ra sức phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, tự trang bị chế máy móc và thiết bị, thiết kế hầu như toàn bộ các kiểu đầu máy, đưa vào sản xuất vỏ đầu máy và một số lớn chi tiết. Nhà máy đã lập xong một số quy trình công nghệ cho chi tiết chính, đã thiết kế và chế tạo nhiều dụng cụ cắt gọt, gá lắp, đo, kiểm tra... góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm và hướng dẫn các cơ sở vệ tinh về mặt kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng mặt hàng.

Công tác thiết kế và chế tạo máy chuyên dùng được đẩy mạnh. Cán bộ kỹ thuật và công nhân vừa thiết kế chế tạo sản xuất, vừa rút kinh nghiệm, lập bảng định mức vật tư, thiết kế

và chế tạo được 30% số dụng cụ cắt gọt dùng cho việc chế tạo chi tiết máy ; thiết lập được 83 quy trình công nghệ (riêng các cơ sở vệ tinh đã lập được các quy trình công nghệ cho 82 chi tiết gia công bên ngoài) ; lập xong các quy định cho chi tiết về xi mạ, mạ crôm, mạ kền, nhuộm đen ; xây dựng được một bộ phận làm mẫu màu, đến nay có thể làm mẫu được tất cả các loại máy phức tạp, thử độ cứng lại toàn bộ số chi tiết máy và quy định lại toàn bộ độ cứng để ổn định khâu nhiệt luyện. Nhà máy còn nghiên cứu thiết kế chế tạo các loại máy mới như : máy B 116, máy B 250, máy B 252.

Riêng trong năm 1977, nhà máy đã thiết kế và chế tạo máy phay, máy tiện tự động, máy mài rãnh chi tiết 40, máy cán ren. Nhà máy đã thiết kế và chế tạo trên 40 loại gá, các loại bàn từ ; đồng thời để phục vụ kế hoạch sản xuất năm 1978, nhà máy đã thiết kế và chế tạo nhiều loại máy chuyên dùng khác. Ngoài ra, nhà máy còn thiết kế và chế thử máy cán ép, dùng phương pháp cán nguội làm tăng độ cứng và độ bóng của chi tiết máy lên một bước.

Những máy trên ra đời đã giải quyết được nhiệm vụ chế tạo các chi tiết máy, kịp thời phục vụ kế hoạch sản xuất. Tính đến nay nhà máy đã tự chế tạo được 90% số chi tiết máy. Việc tự lực thiết kế và chế tạo máy móc đã mở ra những triển vọng lớn về tiến bộ kỹ thuật và phát triển sản xuất trong những năm sắp tới.

Nhà máy đã xây dựng những quy định chặt chẽ về quản lý kỹ thuật. Tất cả bảng vẽ kỹ thuật đều theo đúng tiêu chuẩn, được lưu trữ và bảo quản theo đúng quy định của trên. Ngoài ra, nhà máy còn xây dựng kho vật tư, bảo đảm việc cấp phát theo định mức kỹ thuật.

Chất lượng sản phẩm được coi trọng. Việc khảo nghiệm những máy may đã chế tạo, cho thấy rõ những thông

số và tính năng kỹ thuật cơ bản đều đạt yêu cầu. Bộ phận kiểm tra chất lượng đã chú ý kiểm tra chặt chẽ các chi tiết chế tạo của nhà máy và các cơ sở vệ tinh để hạn chế việc lọt những sản phẩm kém phẩm chất ra thị trường. Xí nghiệp luôn luôn theo dõi các yêu cầu kỹ thuật đề ra trong thiết kế để kịp thời sửa đổi các điều kiện kỹ thuật cho thật sát và đề thi hành đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật trong quá trình sản xuất.

Giá thành sản phẩm giảm xuống nhờ có những tiến bộ kỹ thuật như: gá lắp máy chuyên dùng đem lại năng suất cao, tổ chức sản xuất hợp lý và thực hiện kỹ thuật tốt, xây dựng quy trình công nghệ tương đối hợp lý và tôn trọng chứng trong quá trình sản xuất, thay đổi vật liệu một cách hợp lý, vừa phù hợp với việc cung cấp, vừa bảo đảm tính năng kỹ thuật mà không ảnh hưởng đến chất lượng, bảo đảm quy trình đúc chính xác, không cần phải qua gia công cơ và qua nguyên công mài phẳng, biết kết hợp các yêu cầu công nghệ cho các chi tiết để tận dụng sản xuất của các cơ sở vệ tinh.

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn về vật tư, nhà máy không chịu bó tay ngồi chờ mà đã chủ động liên hệ với các đơn vị bạn, xin nhượng lại vật tư và phế liệu, đồng thời dựa vào sự giúp đỡ quý báu và tận tình của các xí nghiệp miền Bắc.

Nhà máy đã tích cực liên hệ với các xí nghiệp bạn để tìm những nguyên liệu, vật liệu thay thế như nguyên liệu dùng làm các chi tiết cho đầu máy, gỗ đàn, gỗ Ô-can, các tông I-sô-ren, keo, da, bu-lông, ốc vít, v.v. Nhờ đó, nhà máy đã phát huy được khả năng và tiềm lực sản có trong nước để khắc phục những khó khăn về vật tư và máy móc không thể nhập khẩu được.

Đi đôi với phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào tiết kiệm cũng được đẩy mạnh.

Năm 1977, nhà máy đã tiết kiệm được 115 835 đồng, chủ yếu nhờ tiết kiệm vật tư, nguyên liệu và giảm hao phí lao động. Các biện pháp để thực hiện tiết kiệm gồm có: giảm định mức vật tư, thay đổi quy trình công nghệ, thay thế vật tư, phục hồi thiết bị máy móc, tận dụng phế liệu, phế phẩm, hợp lý hóa thao tác, cải tiến kỹ thuật, v.v.

Để đáp ứng yêu cầu sản xuất máy may với kỹ thuật hiện đại, nhà máy đã nhanh chóng đào tạo công nhân sản xuất máy may; ngày nay đã có một đội ngũ công nhân cơ khí, công nhân điện biết điều khiển các loại máy cắt gọt kim loại, máy phay, doa, bào, mài, đồng thời sản xuất được các loại máy chuyên dùng, v.v.

Song song với việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhà máy đẩy mạnh đào tạo, rèn luyện, giáo dục đội ngũ công nhân về các mặt tư tưởng, kỹ thuật, phong cách lao động để họ tham gia có hiệu quả vào việc quản lý nhà máy, đồng thời góp phần từng bước cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các cơ sở sản xuất vệ tinh của tư nhân.

Nhà máy đã tích cực đào tạo, rèn luyện đội ngũ công nhân bằng nhiều biện pháp: vừa làm vừa học, kèm cặp lẫn nhau, hướng dẫn tay nghề ngay trong quá trình sản xuất, mở lớp đào tạo tập trung tại nhà máy, gắn liền lý thuyết với thực tế, học đi đôi với hành. Nhờ vậy, ngày nay đội ngũ công nhân trong nhà máy đã phát triển lên đến 390 người, trong đó có một số cán bộ kỹ thuật làm nòng cốt, có thể đảm nhiệm các công tác thiết kế, công nghệ chế tạo, phục vụ kịp thời cho sản xuất, bảo đảm số lượng và chất lượng sản phẩm. Đó là một đội ngũ công nhân trẻ có hiểu biết lý thuyết và có năng lực thực hành để phát triển nhà máy theo con đường sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, nhà máy còn một số khuyết điểm và nhược điểm về mặt

quản lý kinh tế như: chưa khăn trương áp dụng định mức lao động, chưa phát huy đầy đủ những đòn bẩy kinh tế để kích thích đúng mức khả năng lao động, việc thực hiện hạch toán kinh tế còn yếu.

TÒ CHỨC VÀ SỬ DỤNG NĂNG LỰC CỦA CÁC CƠ SỞ VỆ TINH ĐỂ BỔ SUNG VÀ HOÀN CHỈNH HỆ THỐNG DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT CỦA NHÀ MÁY

Bên cạnh nhà máy chính, tức trung tâm kỹ thuật chế tạo máy may, đã hình thành hệ thống các cơ sở sản xuất được gọi là **vệ tinh**. Hệ thống vệ tinh này của nhà máy SINCO bao gồm 2 loại: *một là*, các cơ sở sản xuất quốc doanh như: Luy-xi-a, Xten-đa, cơ khí quốc phòng, v.v.; các cơ sở này đã nhận gia công nhiều cụm chi tiết máy để bổ sung và góp phần hoàn chỉnh sản phẩm máy may. *Hai là*, các cơ sở sản xuất cơ khí của tư nhân phân tán ở nhiều địa điểm nhưng xoay quanh trục trung tâm là nhà máy SINCO.

54 vệ tinh thuộc loại hai này đều là những cơ sở sản xuất cơ khí dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nhà máy đặt quan hệ với họ để sản xuất những bộ phận chi tiết máy, những sản phẩm của chi tiết máy, những cụm sản phẩm của chi tiết máy và cải tạo họ theo hình thức gia công. Đây là quan hệ giữa kinh tế quốc doanh với kinh tế tư nhân. Những hộ của các vệ tinh này đều có số lượng nhất định về máy móc, thiết bị và lao động, cụ thể như sau:

- 31 cơ sở có 9 thiết bị trở xuống.
- 23 cơ sở có 10 thiết bị trở lên;
- 41 cơ sở có 9 lao động trở xuống.
- 13 cơ sở có 10 lao động trở lên.

Những vệ tinh này tiến hành sản xuất ở gia đình, máy đặt tại nhà, người chủ của vệ tinh vừa lao động vừa quản lý, những người lao động đều là người trong gia tộc, nếu chủ vệ tinh là tiểu chủ. Cũng có những

hộ là tư sản có bóc lột một số lao động làm thuê; ở đây thể hiện mối quan hệ giữa chủ và thợ.

Nhà máy SINCO nhận thức rằng trong quá trình kết hợp cải tạo và xây dựng, cần lấy xí nghiệp quốc doanh xã hội chủ nghĩa làm chủ đạo để hướng dẫn các cơ sở sản xuất tư nhân và trung tâm của nhà máy phải là nơi có kỹ thuật hiện đại mới có thể lãnh đạo tốt các cơ sở vệ tinh. Nhà máy cần có máy móc hiện đại với kỹ thuật tiên tiến, sản xuất được những sản phẩm tốt và đẹp hơn của vệ tinh; những sản phẩm nào mà vệ tinh làm được thì nhà máy không cần phải làm, nhà máy chỉ cần nắm khâu đầu và khâu cuối cùng như dập khuôn và lắp tinh. Do đó, nhà máy tập trung sản xuất những sản phẩm chủ yếu bằng kỹ thuật hiện đại, tinh vi và chính xác như: trục khuỷu, nối chỉ 52, cam 27, vỏ đầu máy, sơn và lắp đầu máy.

Gắn liền với việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, nhà máy cần nắm vững những nguyên tắc quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa qua các khâu kế hoạch, lao động, vật tư, tài vụ, v.v. Nhà máy cần không ngừng đổi mới kỹ thuật và cải tiến quản lý kinh tế để luôn luôn giữ được vai trò trung tâm của mình.

Về phía các vệ tinh, thì phải xoay quanh nhà máy chính theo một quỹ đạo nhất định. Điều quan trọng là toàn bộ năng lực sản xuất của các vệ tinh phải tập trung phục vụ cho kế hoạch sản xuất của nhà máy, các vệ tinh đó cần có năng lực hoàn thành sản phẩm của chi tiết máy và toàn bộ sản phẩm sản xuất ra phải được tập trung vào nhà máy. Do đó, các vệ tinh này cần được cải tạo và quản lý chặt chẽ để hạn chế những mặt tiêu cực trong sản xuất và kinh doanh.

Mối quan hệ giữa nhà máy SINCO với các vệ tinh được từng bước xây dựng, củng cố và phát triển từ thấp đến cao. Trước hết, qua sự giới thiệu

của nhà máy, các vệ tinh đến chọn mặt hàng để sản xuất và ký hợp đồng làm thử. Nhà máy đến tận cơ sở để khảo sát, hướng dẫn mặt hàng, đồng thời kiểm tra những sản phẩm đã sản xuất, nếu đạt yêu cầu về chất lượng thì hai bên ký hợp đồng chính thức để giao phối và nguyên liệu. Sau khi đã sản xuất xong một đợt, nhà máy thực hiện các khâu giao nhận hàng và thanh toán tiền với các cơ sở vệ tinh.

Qua hợp đồng kinh tế này, nhà máy đã sử dụng được 1 041 m² mặt bằng nhà xưởng của các vệ tinh, 397 máy móc và thiết bị, 316 lao động và 135 000 đồng vốn lưu động. Tổng sản lượng hàng năm là 1 500 000 chi tiết máy trị giá 603 000 đồng, trong đó số tiền gia công là 291 000 đồng. Sản phẩm mà các vệ tinh nộp cho nhà máy đều đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng, và gồm 80% chủng loại chi tiết. Các cơ sở vệ tinh đã phát huy được tác dụng của cơ sở vật chất sẵn có của mình và có nhiều cố gắng về tiến bộ kỹ thuật. Trong việc quản lý vật tư, nhà máy đã thực hiện được định mức vật tư cho sản phẩm và chú ý thu hồi phế liệu phế phẩm; đã bước đầu định mức lao động cho các loại sản phẩm.

Trong thời gian qua, nhà máy đã kiện toàn các khâu làm kế hoạch, giao kế hoạch đến tận xưởng, đồng thời giao kế hoạch cho các vệ tinh. Về mặt quản lý kỹ thuật, nhà máy đã theo dõi, xử lý kịp thời các vướng mắc về kỹ thuật không chỉ ở nhà máy mà ở cả các vệ tinh. Các cơ sở vệ tinh đã dựa vào các bảng vẽ của nhà máy để tiến hành sản xuất, đồng thời thực hiện các khâu trong quy trình công nghệ. Nhà máy xây dựng được nền nếp kiểm tra chất lượng và khảo nghiệm tiêu chuẩn máy may, đồng thời chuẩn bị phương án kỹ thuật cho các năm sau. Về tài chính, nhà máy đã giải quyết khâu tiền mặt đối với các cơ sở vệ tinh bằng chuyển tài khoản qua ngân hàng quận, bước đầu

xây dựng được giá thành của các loại sản phẩm.

Hơn ba năm qua, với quyết tâm phấn đấu của mình, nhà máy SINCO đã chuyển từ một cơ sở lắp ráp sang nhà máy chế tạo bằng sự tiến bộ nhảy vọt về kỹ thuật. Ngày nay nhà máy đã có cơ sở cơ khí, chế tạo được máy chuyên dùng làm nền tảng vật chất — kỹ thuật cho nhà máy. Nhưng điều quan trọng và đáng chú ý là nhà máy đã biết phát huy tác dụng nòng cốt của xí nghiệp quốc doanh với kỹ thuật hiện đại để sử dụng, hướng dẫn các cơ sở vệ tinh bằng hình thức gia công sản xuất, đem lại nhiều hiệu quả kinh tế cho Nhà nước.

Bằng hình thức gia công sản xuất này, nhà máy SINCO đã quản lý được máy móc, nhà xưởng của các cơ sở vệ tinh; sử dụng được lực lượng công nhân tại các cơ sở cơ khí — gia đình, phát huy được tài năng và tay nghề khéo léo của họ để thúc đẩy cải tiến kỹ thuật như: sản xuất ở chao chỉ, quả đào, v.v., huy động được vốn của tư nhân vào việc sản xuất có lợi cho cả Nhà nước và tư nhân, đồng thời giải quyết được công ăn việc làm cho những người lao động. Thông qua kỹ thuật hiện đại của mình, nhà máy đập khuôn giao phối cho cơ sở vệ tinh tiếp tục sản xuất để tạo ra sản phẩm, sau đó nhà máy làm tinh lại. Như vậy, bằng cách nắm chắc khâu đầu và khâu cuối của quá trình sản xuất, nhà máy đã quản lý chặt chẽ các cơ sở vệ tinh và hạn chế được những mặt tiêu cực của họ. Nhờ được rảnh tay khỏi phải bận bịu vào những khâu làm ra các loại chi tiết, nhà máy có thể tập trung đầu tư chiều sâu vào những công trình trọng điểm có tính chất nòng cốt và hiện đại về mặt kỹ thuật. Nhà máy đã phát huy được năng lực sản xuất, khả năng tiềm tàng sẵn có của các cơ sở vệ tinh, huy động toàn bộ năng lực đó để đáp ứng yêu cầu kế hoạch sản xuất của nhà máy.

Hình thức gia công sản xuất này có ý nghĩa quan trọng đối với cả các ngành sản xuất khác trong bước đầu của quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nó thể hiện mối quan hệ hợp lý giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế tư nhân. Bằng những biện pháp định mức lao động và vật tư, bằng những đòn bẩy kinh tế như: giá thành, giá cả, tiền lương và lợi nhuận, nhà máy quốc doanh tính toán để cho các cơ sở tư nhân một tỷ lệ lãi thích đáng, vừa bảo đảm có lợi cho Nhà nước vừa kích thích sản xuất đối với tư nhân và người lao động.

Trong tiến trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, các cơ sở vệ tinh nói trên nhất định được tổ chức lại về mặt sản xuất và được cải tạo bằng những hình thức hợp lý và cao hơn để cùng với nhà máy SINCO đẩy mạnh sản xuất phát triển.

Đề tổ chức lại sản xuất, nhà máy

SINCO sẽ cùng với các cơ sở khác hình thành **xí nghiệp liên hiệp** sản xuất máy may. Hướng sản xuất ở đây là sản xuất các loại máy khâu gia đình, nhưng điều quan trọng hơn về lâu dài là phải tính đến sản xuất máy khâu công nghiệp, máy dệt kim và máy đan thêu.

Trong những năm sắp đến, nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện, máy may lại là một trong những yêu cầu cần thiết của nhân dân. Vật tư, nguyên liệu trong nước dùng để chế tạo máy may đều có, công nhân có trình độ kỹ thuật và tay nghề khéo léo, đã nắm được công nghệ chế tạo máy may và có thể chế tạo được toàn bộ các loại chi tiết. Do đó, việc phát triển sản xuất máy may với khối lượng lớn là cần thiết và hiện thực, phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế nước ta trong những năm tới.

BƯỚC VƯƠN LÊN CỦA MỘT PHƯỜNG KÉM NÁT

(Tiếp theo trang 87)

quá trình công tác lâu dài tại phường rất ít. Hơn 50% đảng viên là thuộc các lực lượng công an và phường đội. số đảng viên chuyên hoạt động trong các ngành dân chính chỉ có 5 người. Chất lượng, số lượng và sự phân bố đảng viên như vậy không khỏi ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo của chi bộ, đặc biệt là về mặt lãnh đạo kinh tế, tổ chức đời sống, v.v.

Hiện nay, phường 7 đã xây dựng được nhiều tổ hợp, nhiều cơ sở sản xuất để giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân. Nhưng đội ngũ cán bộ cốt cán và công tác tổ chức, quản lý ở các tổ hợp, các cơ sở đó, nhìn chung còn nhiều mặt non yếu. Chi bộ Đảng và chính quyền cần tập trung sức chăm lo tốt hơn nữa việc củng cố, phát triển các tổ hợp, các cơ sở sản xuất đó nhằm tránh được những mặt tiêu cực có thể xảy ra, đặc biệt là khi trình độ, năng lực làm chủ tập thể của

quần chúng chưa cao.

Do tình hình phức tạp sẵn có trong phường, do tác động của tình hình mới hiện nay, lại do công tác cải tạo và xây dựng chỉ mới ở bước đầu, cho nên cán bộ, đảng viên và các lực lượng cách mạng ở đây cần luôn luôn nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, bảo vệ vững chắc những thành quả đã giành được.

Một số nét nổi bật kể trên, bên cạnh những khó khăn, nhược điểm khác của phường, nói lên rằng quá trình vươn lên của phường 7 còn phải kinh qua nhiều gay go, phức tạp. Không tự mãn với những gì đã làm được, cán bộ, đảng viên và nhân dân phường 7 đang phát huy mạnh mẽ nhiệt tình cách mạng, tăng cường đoàn kết nhất trí, kiên quyết khắc phục mọi biểu hiện chủ quan, thỏa mãn, đưa phong trào cách mạng trong phường tiến lên những bước mới.

LĂNG PHÍ

BẢN về những «tổ môi» có thể đục ruỗng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, không thể chỉ nói đến tham ô, móc ngoặc, mà còn cần phải nói đến lãng phí. Tiêu dùng bừa bãi, không biết tiết kiệm là lãng phí. Để cho những khả năng tiềm tàng bị bỏ sót, bị mai một đi cũng là lãng phí. Hồ Chủ tịch đã từng dạy: «Lãng phí tuy không lấy của công dứt túi, song kết quả cũng rất tai hại cho nhân dân, cho Chính phủ, có khi tai hại hơn nạn tham ô» (1).

Có người nghĩ rằng đất nước ta còn nghèo, đời sống của cán bộ, nhân dân ta còn nhiều thiếu thốn, khó khăn, thất lưng buộc bụng thế cũng nhiều rồi, còn thừa thãi gì đâu mà lãng phí! Nghĩ vậy là không đúng. Hãy nhìn vào cuộc sống chung quanh ta, ở ngay từng đơn vị, từng địa phương, bên cạnh những mặt tốt, những mặt tích cực, vẫn có không ít những hiện tượng vung phí của công quá trớn. Nào là vạch kế hoạch không sát, nghiên cứu thiết kế thi công không chu đáo để tốn tiền, tốn của mà việc thì hỏng, phải làm đi làm lại nhiều lần, nào là chề chén liên hoan không cần thiết; dùng một cách phí phạm các nguyên liệu, vật tư, phương tiện của công, nào là bảo quản kho

tàng thiếu chu đáo để hàng hóa, vật tư hư hỏng, hao hụt, nào là để tiền mặt ứ đọng không đưa vào kinh doanh sản xuất. Hằng ngày, các báo chí ở trung ương và ở các địa phương đã nêu không ít những vụ lãng phí nhiều kiểu đó, với tên người, tên đơn vị cụ thể, với mức độ có khi nghiêm trọng khiến cho người đọc phải sửng sốt. Thế nhưng những người phụ trách ở các đơn vị, các địa phương có chuyện lãng phí đó vẫn cứ «bình chân như vại». Họ không chút day dứt, cho là điều bình thường, nghĩ rằng «muỗi đốt chẳng thấm voi», của tập thể, của Nhà nước nhiều như nước dưới sông, như cây trên rừng, mất mát hư hỏng một chút, vung tay một chút có sao đâu! Họ quên mất rằng để có những cửa cái, tiền bạc, vật tư đó, nhân dân ta đã phải đổ bao mồ hôi, nước mắt và có khi cả máu nữa! Họ không nhớ rằng dù của cái của Nhà nước có nhiều đến đâu đi nữa nhưng nếu mỗi người, mỗi nơi lãng phí một ít, mỗi ngày lãng phí một ít thì rồi cũng kiệt quệ. Đất nước ta vừa trải qua mấy chục năm chiến tranh liên tiếp, bị tàn phá nặng

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960. trang 415.

nề, và ngày nay một bộ phận đất nước vẫn đang chịu cảnh chiến tranh, nên chưa thoát khỏi nghèo nàn, thiếu thốn về nhiều mặt. Mọi sự lãng phí đều ảnh hưởng trực tiếp ngay đến sản xuất và đời sống. Vì vậy, mọi sự lãng phí đều là có tội.

Thiết tưởng cũng cần nhắc lại ở đây một vài chuyện nhỏ về tấm gương tiết kiệm của Lê-nin và của Hồ Chủ tịch. Khi biết cấp dưới định chi tiêu quá đáng cho nhà đề xe của mình, Lê-nin đã tức tốc biên thư cho người phụ trách việc đó phải tiến hành kiểm tra ngay và thu hẹp, giảm thật nhiều, giảm đến mức thấp nhất khoản chi phí đó. Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã tận dụng cả từng mẫu vụn xà phòng khi giặt áo, từng mẫu giấy trắng khi làm việc. Bản *Di chúc* lịch sử của Người cũng viết trên giấy đã in một mặt. Thật là những tấm gương sáng cho tất cả chúng ta.

Đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên ta hiện nay, cùng với việc chống tệ lãng phí tiền của, còn phải tích cực chống tệ lãng phí thì giờ và sức người. Bởi vì với cách nhìn nhỏ hẹp của người sản xuất nhỏ, không ít cán bộ đảng viên, không ít người phụ trách chưa thấy rõ, thấy hết những tác hại của các mặt lãng phí đó.

Chúng ta đều biết, thì giờ mất đi là không thể lấy lại được. Người xưa đã từng ví thời gian quý như vàng ngọc. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, nền công nghiệp đóng vai trò chủ đạo, thì giờ càng có giá trị to lớn. Với con người đã được giải phóng, với máy móc ngày một tinh xảo, với tay nghề ngày một nâng cao, giá trị do sức lao động của con người tạo ra trong mỗi đơn vị thời gian tăng gấp bội so với các xã hội trước. Khi mà năng suất lao động và mức tăng tổng sản phẩm xã hội được tính theo từng giây, từng phút, thì mỗi phút, mỗi giờ bỏ phí, mỗi phút, mỗi giờ người lao động phải chịu nhân rồi thật đáng

xót xa và sự phí phạm đó thật hết sức đáng chê trách.

Trong khi đó thì không ít cán bộ, đảng viên ta, quen với cách làm ăn lề mề, tùy tiện của người sản xuất nhỏ, coi việc lãng phí thời gian, lãng phí sức người như là chuyện bình thường, như là những tất yếu không thể tránh khỏi trong xã hội. Họ tiêu phí rất nhiều thời gian vào cảnh trà lá, nhậu nhẹt, vào những câu chuyện phiếm không những vô bổ mà nhiều khi có hại, và vào những thứ việc không đầu vào đầu. Họ có mặt ở cơ quan, ở xí nghiệp đấy, song quen thói dùng đình, làm không ra làm, chơi không ra chơi, được đến đâu hay đến đấy. Không ít cán bộ, đảng viên, thường là ở các cương vị phụ trách, lại buộc những người khác phải mất nhiều thì giờ, công sức vì họ. Những thủ tục phiền hà cộng với lối làm ăn quan liêu, dùng đình của họ khiến cho quần chúng nơi họ phụ trách nhiều khi đến khổ! Xin một chữ ký cũng phải chờ hàng giờ, hàng buổi; xin cấp phát một ít xăng dầu, một ít nguyên liệu, vật liệu có khi đi năm lần bảy lượt chưa xong mặc dù giấy tờ đã mười phần hợp lệ. Hội nghị thì không mấy khi khai mạc và kết thúc đúng giờ, có khi chỉ cần vài ngày thì kéo hết cả tuần. Đi lao động tập thể thì hoặc thiếu phần công ranh mạch, thiếu kế hoạch chu đáo, cần ít người lại huy động quá đông, đến nơi rồi vẫn không làm việc được ngay, cứ phải đợi, phải chờ, nhiều lúc thì giờ chờ đợi nhiều hơn thì giờ lao động... Nhất là những cảnh chờ đợi ở các cửa hàng lương thực, thực phẩm, các bến xe, nhà ga, v.v. càng đáng trách hơn nữa. Từng địa phương, nếu thử làm con tính xem mỗi ngày, nhân dân, cán bộ trong địa phương đã phải đề phí bao nhiêu thì giờ vào những sự chờ đợi đó, chắc rằng sẽ thấy những con số đáng giật mình! Vì vậy cần hết sức quan tâm và kiên quyết tìm mọi cách giảm nhanh việc

lãng phí thì giờ và sức người vào những cảnh chờ đợi đó. Tất nhiên, chúng ta không phủ nhận rằng tình trạng chờ đợi nói trên có những nguyên nhân khách quan khó tránh đối với một nước còn nghèo và đang còn nhiều khó khăn như nước ta. Song phải nghiêm túc nhận rằng nếu mỗi cán bộ, đảng viên biết quý trọng từng giờ, từng phút của người khác, hiểu một cách sâu sắc rằng buộc người khác phải mất thì giờ do mình chưa cố gắng đến mức cao nhất là đã phạm sự lao động của xã hội, từ đó không ngừng suy nghĩ tìm mọi cách cải tiến công tác, thì nhất định những cảnh chờ đợi ấy có thể giảm bớt nhanh chóng. Đây không chỉ là vấn đề đạo lý mà thực tế ở một số đơn vị công tác đã chứng minh điều đó.

Lãng phí trước hết là do khuyết điểm về mặt đạo đức, phẩm chất, chủ yếu là do vô trách nhiệm, chưa có ý thức làm chủ tập thể, tiết kiệm, bảo vệ tiền bạc, của cải của Nhà nước, của tập thể; chưa xác định được quan điểm quần chúng, thái độ phục vụ đúng đắn, còn mang nặng tư tưởng cửa quyền, lối làm ăn tùy tiện, gây phiền hà làm phí thì giờ, công sức của quần chúng.

Mặt khác, lãng phí còn do sự non kém về trình độ, năng lực. Kiến thức nông cạn, thiếu sự hiểu biết cần thiết về văn hóa, khoa học kỹ thuật, về tổ chức, quản lý kinh tế, làm ăn không tính toán, không có kế hoạch; tâm nhìn chật hẹp, chỉ thấy cái trước mắt,

không thấy cái lâu dài, «tham một đĩa, bỏ cả mâm»... Sự non kém đó cũng là một nguyên nhân quan trọng gây nên lãng phí. Vì vậy, phải chống lãng phí trên cả hai mặt: nâng cao đạo đức phẩm chất và nâng cao trình độ, năng lực.

Sản xuất mà đề lãng phí thì như gió vào nhà trống. Xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mà đề lãng phí thì khác nào tự mình cản trở bước chân mình. Nhất là hiện nay đất nước ta đang đứng trước những khó khăn mới, thử thách mới. Lịch sử đang giao phó cho chúng ta những nhiệm vụ nặng nề, phức tạp, vừa phải đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa phải ra sức bảo vệ Tổ quốc, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt. Công việc càng nhiều thì càng phải tìm ra cách làm ăn thông minh, ít tốn kém nhất mà đạt hiệu quả cao nhất. Nói một cách khác, đề có đủ sức làm nhiều việc trong cùng một lúc thì bên cạnh sự nỗ lực cao độ, phải kiên quyết chống mọi biểu hiện lãng phí, phải tiết kiệm đến mức cao nhất sức người, tiền của và thì giờ. Vì vậy, chống lãng phí không những là việc phải làm thường xuyên để xây dựng và phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc đất nước ta mà trước mắt, đó còn là một trong những biện pháp tích cực nhằm tăng cường không ngừng tiềm lực của chúng ta, đáp ứng tốt mọi yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

NGƯỜI XÂY DỰNG

Liên hợp nông — công nghiệp ở Bun-ga-ri

LÊ - PHƯỚC

NHỮNG năm gần đây, ở một số nước xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện một hình thức tổ chức và quản lý mới trong nông nghiệp. Hình thức tổ chức và quản lý mới này ra đời trên cơ sở kết hợp hai ngành nông nghiệp và công nghiệp nhằm phát huy tác dụng của công nghiệp đối với nông nghiệp. Do phương pháp kết hợp nông nghiệp và công nghiệp ở mỗi nước khác nhau, nên tên gọi hình thức tổ chức và quản lý mới đó ở các nước cũng khác nhau. Ở Bun-ga-ri, qua hai năm 1971 và 1972 tổ chức lại nền nông nghiệp trong cả nước, đã lập ra các *liên hợp nông — công nghiệp* (gọi tắt là APK).

Hiện nay các liên hợp nông — công nghiệp ở Bun-ga-ri đang đóng vai trò

chủ yếu trong hệ thống nông nghiệp, chiếm trên 90% diện tích đất đai và lao động nông nghiệp cả nước. Tuy mới được áp dụng, hình thức tổ chức và quản lý mới này đã đưa lại những hiệu quả kinh tế đáng phấn khởi, thể hiện rõ tính ưu việt của nó, như tạo ra năng suất cây trồng và gia súc cao, sử dụng được các tiềm lực lao động, vật tư kỹ thuật có hiệu quả lớn. Hiệu quả đáng chú ý nhất là về mặt nâng cao năng suất lao động nông nghiệp, do hình thức tổ chức và quản lý này tạo điều kiện mở rộng sự phân công lao động xã hội, đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, thực hiện được chuyên môn hóa và tập trung hóa cao, giảm được chi phí sản xuất.

SỰ RA ĐỜI VÀ TÁC DỤNG CỦA LIÊN HỢP NÔNG — CÔNG NGHIỆP (APK)

Như chúng ta đã biết, sau khi cách mạng thành công, vận dụng kế hoạch hợp tác hóa nông nghiệp của Lê-nin và căn cứ vào tình hình thực tế lúc đó. Đảng cộng sản Bun-ga-ri chủ trương tiến hành hợp tác hóa nông

nghiệp từng bước. Sở dĩ phải áp dụng nguyên tắc từng bước khi thành lập hợp tác xã, là vì trước đây Bun-ga-ri tuy là một nước tư sản quân chủ do bọn phát-xít cầm quyền, nhưng nền nông nghiệp vẫn là cá thể, sản xuất

nhỏ, phân tán, có đến 1.1 triệu hộ nông dân và 12 triệu mảnh ruộng. Chế độ canh tác còn thô sơ, ruộng đất được tưới nước chỉ có 36000 héc-ta, phần lớn thuộc về địa chủ, phú nông. Đời sống nông dân rất cực khổ. Do đó, áp dụng nguyên tắc *từng bước phát triển chế độ hợp tác xã* là để phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế nói chung, của cơ sở vật chất kỹ thuật sản có, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm quản lý sản xuất của cán bộ, trình độ tiếp thu chủ nghĩa xã hội của nông dân Bun-ga-ri, và khả năng giúp đỡ của Nhà nước đối với hợp tác xã.

Cho đến nay, nền nông nghiệp Bun-ga-ri đã trải qua ba giai đoạn phát triển.

Giai đoạn đầu (từ 1948 đến đầu 1958), là giai đoạn cải tạo nền nông nghiệp sản xuất nhỏ cá thể, xây dựng nền nông nghiệp xã hội chủ nghĩa với hai hình thức là hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh. Trong giai đoạn này cả Bun-ga-ri có khoảng 3500 hợp tác xã; mỗi hợp tác xã trung bình có từ 1000 đến 1500 héc-ta, trồng từ 30 đến 40, có khi đến 90 loại cây trồng, nuôi rất nhiều loại gia súc. Đây mới chỉ là giai đoạn đầu của quá trình tập trung hóa sản xuất nông nghiệp, cho nên mặc dù đã có những kết quả tương đối tốt, nền nông nghiệp hợp tác hóa lúc đó vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, thiếu vốn và những điều kiện khác để tiến hành sản xuất lớn đạt hiệu quả kinh tế cao.

Giai đoạn thứ hai (từ cuối 1958 đến 1970), là giai đoạn hợp nhất các hợp tác xã nhỏ lại thành hợp tác xã lớn. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, chỉ mới tiến hành hợp nhất những hợp tác xã nhỏ ở gần nhau, còn đối với những hợp tác xã nhỏ không ở gần nhau, như các hợp tác xã ở vùng núi cách nhau hàng mấy chục ki-lô-mét, thì chưa hợp nhất vì không có lợi. Đến năm 1970, nông nghiệp Bun-ga-

ri chỉ còn 795 hợp tác xã với 1 triệu 35 vạn lao động thường xuyên, 148 nông trường quốc doanh với 143000 lao động. Mỗi hợp tác xã trung bình có 4120 héc-ta và 1120 xã viên. Còn mỗi nông trường quốc doanh thì có khoảng 4400 héc-ta và 900 công nhân cố định.

Hợp tác xã hợp nhất này đã tập trung vốn liếng, ruộng đất, lao động thành của chung của hợp tác xã lớn. Quy mô hợp tác xã lớn này không còn là quy mô làng, xóm, mà là quy mô toàn xã, do đó các hợp tác xã này đã trở thành những đơn vị sản xuất nông nghiệp mạnh của Bun-ga-ri.

Hợp tác xã quy mô lớn đã có những khả năng mới: hợp tác xã có thể dành ra những số vốn lớn để mua máy móc, xây dựng những cánh đồng lớn chỉ trồng một số loại cây nhất định, xây dựng những chuồng trại lớn có thể nuôi từ 200 đến 250 bò sữa, xây dựng hệ thống tưới nước với đủ máy móc, v.v. Với các hợp tác xã quy mô lớn, quan hệ sản xuất mới được củng cố và phát triển, trình độ xã hội hóa cao hơn, đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, chuyên gia nông nghiệp cũng được tuyển chọn lại gồm những người có năng lực hơn. Như vậy, hợp tác xã nông nghiệp Bun-ga-ri đã trở thành xí nghiệp nông nghiệp xã hội chủ nghĩa sản xuất được nhiều sản phẩm hàng hóa, có được cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối hiện đại và vững mạnh. Có thể nói, trong giai đoạn thứ hai này, nền nông nghiệp hợp tác hóa Bun-ga-ri đã tiến thêm một bước quan trọng trong việc tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất, áp dụng mạnh mẽ những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật để thực hiện thâm canh, tăng năng suất.

Giai đoạn thứ ba (từ tháng 4 năm 1970 đến nay), là giai đoạn nông nghiệp Bun-ga-ri đi sâu hơn nữa vào con đường tập trung hóa và chuyên môn hóa sản xuất với sự hình thành các liên hợp nông - công nghiệp trên cơ

sở kết hợp các hợp tác xã nông nghiệp, kết hợp các nông trường quốc doanh hoặc kết hợp các hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh, ở một vùng nào đó, lại với nhau. Như các đồng chí Bun-ga-ri nói, liên hợp nông - công nghiệp thực chất là *một hình thức hợp tác hóa các đơn vị kinh tế tập thể*, là *một loại siêu hợp tác xã*. Việc thành lập các liên hợp nông - công nghiệp chính là để giải quyết tốt yêu cầu khách quan mà với hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh, cho dù phát triển tới mức cao, cũng không sao giải quyết tốt được. Đó là yêu cầu áp dụng rộng rãi những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, bảo đảm cho nông nghiệp phát triển trên cơ sở công nghiệp nhằm nâng cao hơn nữa sản lượng nông nghiệp, hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động nông nghiệp và bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp ngày càng có lãi.

Chỉ sau vài năm làm thử, liên hợp nông - công nghiệp đã được áp dụng rộng rãi trong cả nước. Quy mô ruộng đất của một liên hợp nông - công nghiệp lớn nhất là 58 600 ha; còn loại trung bình là 24 100 ha; và loại nhỏ nhất là 6 300 ha. Hiện nay, 153 liên hợp nông - công nghiệp (cùng với 9 liên hợp công - nông nghiệp gọi tắt là PAK) (1) là những đơn vị sản xuất chủ yếu, đang phát huy hiệu quả kinh tế trong toàn bộ nền sản xuất nông nghiệp ở Bun-ga-ri.

Như vậy, sự ra đời của liên hợp nông - công nghiệp ở Bun-ga-ri là kết quả lô-gích của quá trình tổ chức

lại nền nông nghiệp và xây dựng các đơn vị sản xuất nông nghiệp từ thấp đến cao trên cơ sở từng bước thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp. Theo các đồng chí Bun-ga-ri, bất kỳ một sự vội vã nào trong việc mở rộng quy mô các đơn vị sản xuất nông nghiệp, hoặc ngược lại, bất kỳ một sự kìm hãm nào đối với quá trình cải tạo một cách chủ động nền nông nghiệp, đều nguy hiểm và có hại.

Khi tìm tòi và lựa chọn cho nền nông nghiệp của nước mình một con đường phát triển đúng đắn với những hình thức, bước đi thích hợp để từng bước đưa nền nông nghiệp tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Đảng và Chính phủ Bun-ga-ri đã đặc biệt chú ý tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp. Vốn đầu tư cho nông nghiệp mỗi năm một tăng: từ 3 tỷ lê-va năm 1965 lên 5,3 tỷ lê-va năm 1970 và 7,2 tỷ lê-va năm 1975. Các liên hợp nông - công nghiệp cũng trích từ 10 đến 12% số thu nhập cho tích lũy. Do quy mô lớn hơn nhiều so với hợp tác xã và nông trường quốc doanh, liên hợp nông - công nghiệp cũng có vốn tích lũy lớn hơn nhiều so với vốn tích lũy của hợp tác xã và nông trường quốc doanh. Trong 20 năm qua, vốn sản xuất cơ bản của nông nghiệp đã tăng 4 lần, vốn trang bị cho lao động tăng 9 lần. Vốn đầu tư để hiện đại hóa trình độ sản xuất nông nghiệp tăng từ 0,2% năm 1972 lên 18% năm 1975 trong tổng số vốn đầu tư cho nông nghiệp. Do đó, lực lượng cơ giới và trình độ hiện đại hóa trong nông nghiệp tăng nhanh.

	Đơn vị	1965	1970	1975
Máy kéo (15 sức ngựa)	cái	66 000	94 000	136 000
Máy liên hợp	—	12 000	17 000	24 000
Phân hóa học	tấn	361 000	339 000	679 000
Thuốc trừ sâu	—	13 000	12 000	24 000

(1) Số tay bằng kể 1975.

Hiện nay, phần lớn công việc sản xuất nông nghiệp đều được cơ giới hóa. Bình quân một máy kéo (15 sức ngựa) bảo đảm gần 40 héc-ta đất trồng trọt. Một héc-ta được bón 150 kg phân tổng hợp (N.P.K.) nguyên chất. Diện tích được tưới nước là 1 100 000 héc-ta, so với 36 000 héc-ta trước đây.

Quá trình phát triển lực lượng cơ giới và hiện đại hóa sản xuất đã đưa đến sự biến đổi quan trọng về sức lao động trong nông nghiệp. Số người lao động trong nông nghiệp từ 35,2% năm 1970 đã giảm xuống 28,4% năm 1975 trong tổng số lao động cả nước. Mặt khác, chất lượng lao động, đặc biệt là lao động có kỹ thuật, được nâng cao rõ. Chỉ trong vòng 5 năm (1970 - 1975), số lao động nông nghiệp có trình độ trung cấp từ 24 000 lên 27 000 người, số có trình độ đại học từ 15 700 lên 17 600 người.

Quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa theo hình thức liên hợp nông - công nghiệp đã cho phép hình thành những cánh đồng rộng lớn chuyên trồng từng loại cây. Có những cánh đồng rộng tới 300 - 400 héc-ta, thậm chí 1000 - 1500 héc-ta, chuyên trồng lúa mì. Có những cánh đồng chuyên trồng nho rộng hàng nghìn héc-ta, thậm chí rộng đến 5000 héc-ta. Những diện tích trồng ngô, thuốc lá, hướng dương... cũng được quy hoạch tập trung thành những vùng chuyên canh như vậy. Các trại chăn nuôi quy mô lớn được thành lập và chuyên nuôi một loại

súc vật, phù hợp với yêu cầu của kỹ thuật hiện đại và quy trình kỹ thuật công nghiệp.

Các xí nghiệp chuyên ngành, phù hợp với quan hệ sản xuất, đã phát triển nhanh. Năm 1965 mới có 99 xí nghiệp chuyên ngành, năm 1975 đã có 427 xí nghiệp chuyên ngành. Đồng thời cũng xuất hiện các viện nghiên cứu khoa học, các xí nghiệp sửa chữa phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp. Sự đổi mới này dẫn đến sự kết hợp, nhất thể hóa giữa nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm và khoa học nông nghiệp.

Nhờ cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường (do thực hiện cơ giới hóa, thủy lợi hóa và hóa học hóa), các cây trồng, các con súc vật đã cho sản lượng ngày một cao. Ví dụ về trồng trọt, năng suất lúa mì năm 1965 đạt 2,5 tấn/ha, năm 1970 đạt 2,99 tấn/ha, năm 1975 đạt 3,40 tấn/ha. Còn trong chăn nuôi, một bò sữa năm 1965 cho 1689 lít sữa, năm 1970 cho 2147 lít sữa, năm 1975 cho 2 201 lít sữa. Một gà đẻ trứng năm 1965 cho 89 quả trứng, năm 1970 cho 112 quả trứng, năm 1975 cho 125 quả trứng.

Do năng suất và sản lượng của ngành trồng trọt tăng, Bun-ga-ri đã mạnh dạn điều chỉnh tỷ lệ diện tích cây trồng. Xu hướng chung là giảm tương đối diện tích trồng cây lương thực (tất nhiên vẫn bảo đảm đủ lương thực cho người và thức ăn cho chăn nuôi), đồng thời tăng diện tích trồng cây ăn quả.

Loại cây	Diện tích (triệu héc-ta)		Sản lượng (triệu tấn)	
	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
Lúa mì	1,5	1	2	3,5
Ngô	0,76	0,66	1	3

Việc tăng diện tích trồng các loại cây như thuốc lá, táo, nho, cà chua

và rau xanh đã tạo điều kiện đầy mạnh công nghiệp chế biến nông sản.

Và với việc phát triển nhanh ngành công nghiệp chế biến này, Bun-ga-ri đã đẩy mạnh được việc xuất khẩu hàng nông sản, trong đó hàng nông

sản chế biến có giá trị kinh tế ngày càng cao so với hàng nông sản chưa qua chế biến. Ví dụ :

	Đơn vị	1965	1970	1975
- Xuất nông sản tươi	triệu lê-va	181	205	216
- Xuất nông sản chế biến	—	655	1000	1500

Như vậy là bằng hình thức và quy mô liên hợp nông — công nghiệp, với việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp và cải tiến cơ cấu cây trồng, với việc ổn định những cánh đồng tập trung quy mô lớn, chuyên môn hóa sản xuất và nâng cao kỹ năng lao động, nền nông nghiệp Bun-ga-ri đã đạt được những hiệu quả kinh tế cao, góp phần to lớn

vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vào việc tăng thu nhập quốc dân. Trong 5 năm từ 1970 đến 1975, do thực hiện sản xuất nông nghiệp theo hình thức tổ chức và quản lý mới này, tổng giá trị sản lượng nông nghiệp đã tăng từ 4,2 tỷ lên 5,5 tỷ lê-va; giá trị của sản xuất nông nghiệp trong toàn bộ thu nhập quốc dân tăng từ 2,3 tỷ lên 3,1 tỷ lê-va

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN HIỂU RÕ TRONG VIỆC TỔ CHỨC LIÊN HỢP NÔNG — CÔNG NGHIỆP (APK)

Trước hết cần thấy rằng việc tổ chức các liên hợp nông — công nghiệp được thực hiện theo từng bước. Trong *giai đoạn đầu*, liên hợp nông — công nghiệp được hình thành trên cơ sở *nhất thể hóa sản xuất theo chiều ngang* giữa các hợp tác xã nông nghiệp, giữa các nông trường quốc doanh hoặc giữa các hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh với nhau, nhằm tạo ra những vùng sản xuất và chuồng trại lớn, cho phép áp dụng các quy trình kỹ thuật, sử dụng kỹ thuật có năng suất cao, thực hiện cơ khí hóa và tự động hóa sản xuất. Trong *giai đoạn này*, các liên hợp nông — công nghiệp vẫn duy trì tính độc lập của các thành viên — hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh. Điều đó có nghĩa là hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh tham gia liên

hợp nông — công nghiệp vẫn là đơn vị độc lập về mặt pháp lý, có tài khoản riêng của mình ở ngân hàng, có quyền ký hợp đồng kinh tế với các xí nghiệp độc lập khác, có quyền trong việc phân phối sản phẩm sản xuất ra, phân phối thu nhập và một phần lợi nhuận (phù hợp với nhu cầu tái sản xuất mở rộng), v.v.

Việc duy trì tính độc lập về kinh tế và pháp lý của các thành viên nói trên là vấn đề được tranh luận khá sôi nổi. Có một số người cho rằng cần phải thủ tiêu sự độc lập về kinh tế và pháp lý của các thành viên ngay trong *giai đoạn đầu*. Song các đồng chí Bun-ga-ri đã đi đến kết luận: nếu vội vã thủ tiêu hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh ngay thì sẽ dẫn đến những hậu quả tiêu cực. Bởi vì, quá trình xây dựng các xí nghiệp chuyên sản xuất

và chuyên phục vụ nông nghiệp, cần có sự tham gia của các hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh trên lĩnh vực kinh tế và tài chính. Mặt khác, nếu trong khi chưa xây dựng các xí nghiệp chuyên môn hóa sản xuất theo ngành mà đã thủ tiêu các hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh thì điều đó chẳng khác gì mở rộng quy mô các hợp tác xã một cách hình thức. Hơn nữa, quy mô của liên hợp nông - công nghiệp rộng lớn mà về công tác lãnh đạo và quản lý lại không có thời gian để chuẩn bị, nhất là để nâng cao năng lực quản lý của cán bộ cho phù hợp với yêu cầu mới do liên hợp nông - công nghiệp đặt ra, thì sẽ gặp nhiều khó khăn. Trong báo cáo tại hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản, Bun-ga-ri, đồng chí Tô-đo Gíp-cốp, Bí thư thứ nhất, đã đặc biệt chú ý đến vấn đề này và đồng chí đã nói: « Rõ ràng, đối với chúng ta hiện nay, chưa thể nói đến việc thủ tiêu các hợp tác xã... Nhiệm vụ của chúng ta là còn phải sử dụng đầy đủ hơn những ưu thế và nguồn dự trữ của các hợp tác xã » (2). Đồng chí còn khẳng định: « Chúng ta có thể phạm sai lầm lớn nếu như chúng ta sớm thủ tiêu các hợp tác xã với những mặt tích cực, và thậm chí, những đặc điểm truyền thống đã được hình thành trong chế độ hợp tác của chúng ta » (3).

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là tuyệt đối hóa tính độc lập về kinh tế và pháp lý của các thành viên trong liên hợp nông - công nghiệp. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất và nâng cao năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ, một số liên hợp nông - công nghiệp đã từng bước xây dựng các xí nghiệp chuyên sản xuất bên cạnh các xí nghiệp chuyên phục vụ, như các trung tâm nông hóa, trang bị kỹ thuật và sửa chữa, v.v. Với việc xây dựng các xí nghiệp chuyên ngành (như các xí

niệp trồng cây lương thực, xí nghiệp trồng cây công nghiệp, xí nghiệp trồng nho, thuốc lá, củ cải đường, xí nghiệp trồng rau, xí nghiệp nuôi lợn, gà, bò, cừu, v.v.), nhiều liên hợp nông - công nghiệp đến nay đã có điều kiện đề thủ tiêu dần tính độc lập về kinh tế và pháp lý của các hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh thành viên, thay thế dần lối tổ chức sản xuất theo lãnh thổ trong từng liên hợp nông - công nghiệp. Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Bun-ga-ri tháng 2-1975 đã quyết định: dần dần chuyển sang lối tổ chức sản xuất và quản lý theo ngành trong các liên hợp nông - công nghiệp, trên cơ sở chấm dứt tính độc lập về pháp lý và kinh tế của các hợp tác xã nông nghiệp và nông trường quốc doanh. Quyết định này dựa trên kết quả làm thử trong 43 liên hợp nông - công nghiệp từ cuối năm 1974. Nhờ thay thế tổ chức sản xuất theo lãnh thổ bằng tổ chức sản xuất theo ngành, các liên hợp nông - công nghiệp này trong ba năm đã có mức tăng tổng sản phẩm vượt mức trung bình trong cả nước. Việc tổ chức sản xuất và quản lý theo ngành trong liên hợp nông - công nghiệp đã tạo điều kiện và tiền đề thuận lợi hơn cho việc nhất thể hóa nông nghiệp với công nghiệp chế biến theo chiều dọc.

Như vậy là cùng với sự phát triển dần dần của liên hợp nông - công nghiệp, đã dần dần thực hiện được sự *nhất thể hóa theo chiều dọc*, nghĩa là nhất thể hóa các liên hợp nông - công nghiệp với các tổ chức công nghiệp chế biến và thương nghiệp thành một tổ chức kinh tế được gọi là *liên hợp công - nông nghiệp* (PAK). Đây là giai đoạn thứ hai của liên hợp nông - công nghiệp.

(2), (3) T. Gíp-cốp: *Về việc tập trung và phát triển nông nghiệp trên cơ sở công nghiệp*, Nhà xuất bản của Đảng, Xô-phi-a, 1970, trang 29 — 30.

Theo nghị quyết của Đảng và Chính phủ, Bun-ga-ri đã làm thử việc nhất thể hóa theo chiều dọc các cơ sở sản xuất cũ, cải đường với các nhà máy đường, thông qua việc nhất thể hóa tổng công ty « Đường Bun-ga-ri » với liên hợp nông - công nghiệp, hợp tác xã và nông trường sản xuất củ cải đường, thành liên hợp công - nông nghiệp « Đường Bun-ga-ri » (P.A.O.). Liên hợp công-nông nghiệp « Đường Bun-ga-ri » là tổ chức kinh tế có chu kỳ khép kín từ khâu sản xuất đầu tiên cho đến khâu chế biến ra sản phẩm cuối cùng; là tổ chức hoạt động kinh tế thật sự, với các trung tâm nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn, với những khả năng tài chính đáng kể và những khả năng phát triển nhanh chóng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất mới trong khuôn khổ của nó. Liên hợp công - nông nghiệp, một mặt bảo đảm những khả năng tốt hơn để những xã viên nhích gần lại với công nhân trong xí nghiệp công nghiệp thực phẩm vì họ đều làm việc trong một tổ chức kinh tế lớn. Mặt khác, liên hợp công-nông nghiệp bảo đảm áp dụng phương pháp sản xuất công nghiệp vào nông nghiệp và có được cơ sở vật chất kỹ thuật cùng loại với công nghiệp.

Bun-ga-ri cũng đã làm thử việc nhất thể hóa tổng công ty « Thuốc lá Bun-ga-ri » với các liên hợp nông - công nghiệp trồng thuốc lá, và cũng sẽ thực hiện việc nhất thể hóa tổng công ty « Rau quả Bun-ga-ri » với các liên hợp nông - công nghiệp trồng rau quả, nhất thể hóa tổng công ty « Sản xuất rượu nho » với các liên hợp nông - công nghiệp trồng nho, v.v.

Như vậy, khi liên hợp nông-công nghiệp chuyển sang giai đoạn thứ hai thì các cơ sở sản xuất nông nghiệp sẽ được nhất thể hóa theo chiều dọc với các tổng công ty chuyên môn hóa sản xuất.

Vấn đề xây dựng chế độ quản lý liên hợp nông-công nghiệp là vấn đề được các đồng chí Bun-ga-ri rất quan tâm, nhằm bảo đảm cho việc phát triển không ngừng hệ thống quản lý sản xuất thông qua con đường tập trung và chuyên môn hóa sản xuất theo ngành, áp dụng phương pháp sản xuất công nghiệp vào nông nghiệp, nâng cao năng suất lao động, v.v. Để thực hiện tốt công tác quản lý trong liên hợp nông-công nghiệp, các đồng chí Bun-ga-ri rất chú ý các nguyên tắc sau:

— Bảo đảm sự phù hợp đầy đủ giữa cơ cấu quản lý và cơ cấu tổ chức sản xuất của liên hợp nông - công nghiệp. Dựa vào cơ cấu tổ chức của liên hợp nông - công nghiệp để xây dựng cơ cấu quản lý; mỗi khi thay đổi cơ cấu tổ chức thì phải thay đổi cơ cấu quản lý.

— Vận dụng sáng tạo nguyên tắc quản lý dân chủ, nghĩa là tìm ra sự phối hợp hợp lý giữa sự lãnh đạo tập trung của liên hợp và sự phát triển sáng tạo, tính tích cực trong công tác quản lý của các thành viên (hợp tác xã, nông trường và các xí nghiệp chuyên môn hóa), cũng như của đông đảo quần chúng lao động trong liên hợp.

— Phối hợp các nguyên tắc quản lý theo lãnh thổ và quản lý theo ngành. Việc xây dựng và phát triển các xí nghiệp chuyên môn hóa sản xuất làm cho nguyên tắc quản lý theo ngành chiếm ưu thế, nhưng không xem nhẹ nguyên tắc quản lý theo lãnh thổ, mà cần phối hợp hợp lý các nguyên tắc quản lý theo ngành và theo lãnh thổ.

— Công tác kiểm tra và kiểm soát phải được thực hiện một cách thường xuyên, nhằm tổ chức tốt công tác quản lý và củng cố kỷ luật.

— Lựa chọn đúng cán bộ. Cán bộ lãnh đạo phải có sự hiểu biết một cách có hệ thống về phương pháp và

quy luật quản lý, đồng thời lại có phong cách làm việc đúng đắn, khiêm tốn, có văn hóa và có bản lĩnh, biết lắng nghe ý kiến và đề nghị của cán bộ cấp dưới và của quần chúng.

Ngoài ra, còn có các nguyên tắc đề ra cho hệ thống quản lý như: thống nhất các mệnh lệnh, phối hợp đúng đắn chế độ thủ trưởng với tính tập thể, tính khách quan và tính khoa học trong khi quyết định các công việc và có những nguyên tắc đề ra cho hệ thống bị quản lý. Những nguyên tắc này gắn liền việc lãnh đạo hoạt động có kế hoạch của liên hợp nông - công nghiệp với việc áp dụng chế độ tiết kiệm, khuyến khích lao động bằng lợi ích vật chất và tinh thần.

Hệ thống quản lý nông nghiệp có cơ cấu đa dạng là do tính chất của sản xuất nông nghiệp. Song, cũng như các hệ thống quản lý khác, hệ thống quản lý nông nghiệp bao gồm hệ thống bị quản lý và hệ thống quản lý. Nội dung chủ yếu của hệ thống bị quản lý thể hiện ở các bộ phận cơ cấu; còn của hệ thống quản lý thì thể hiện ở các cơ quan của nó. Các liên hợp nông - công nghiệp là bộ phận chủ yếu của hệ thống bị quản lý. Ngoài ra, hệ thống bị quản lý còn có các xí nghiệp thuộc các tổng công ty, viện hàn lâm khoa học nông nghiệp. Thông qua các kết quả nghiên cứu về khoa học và kỹ thuật nông nghiệp, các cơ quan khoa học nông nghiệp tác động đến sự phát triển và hoàn thiện của hệ thống quản lý nông nghiệp. Các tổng công ty trong lĩnh vực nông nghiệp cũng có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của hệ thống quản lý nông nghiệp. Thông qua các tổng công ty, Nhà nước tham gia quá trình tái sản xuất và tác động đến sự phát triển tiếp của nó. Có thể phân các tổng công ty thành hai loại. Loại thứ nhất là loại chuyên sản xuất tư liệu sản xuất để phục vụ sản xuất nông nghiệp, như các tổng công ty « Thủy

nông », « Sửa chữa máy móc nông nghiệp », « Sản xuất thức ăn gia súc », v.v. Hoạt động của các tổng công ty này có tác dụng rất lớn đối với sự phát triển của hệ thống quản lý nông nghiệp. Loại thứ hai là loại chuyên làm nhiệm vụ thu mua và chế biến nông sản nhằm góp phần phát triển hệ thống bị quản lý bằng các phương tiện khác, như các tổng công ty « Rau quả Bun-ga-ri », « Thuốc lá Bun-ga-ri », « Sản xuất rượu nho », v.v. Các tổng công ty này bảo đảm các điều kiện để tăng năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, thu mua và chế biến kịp thời. Hai loại tổng công ty nói trên mở rộng không ngừng những mối liên hệ với hệ thống quản lý nông nghiệp. Quá trình nhất thể hóa hai lĩnh vực này sẽ được mở rộng và ngày càng sâu sắc.

Quá trình đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở Bun-ga-ri cũng là quá trình hoàn chỉnh hệ thống quản lý kinh tế theo ngành. Hệ thống các cơ quan lập kế hoạch dài hạn (10 - 15 năm), 5 năm và 1 năm gồm Ủy ban kế hoạch Nhà nước, Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, ty nông nghiệp và liên hợp nông - công nghiệp. Kế hoạch Nhà nước về mặt nông nghiệp là do Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm thỏa thuận với Ủy ban kế hoạch Nhà nước lập ra. Đối với kế hoạch này, các liên hợp nông - công nghiệp bắt buộc phải thực hiện. Đồng thời, các liên hợp nông - công nghiệp cũng lập kế hoạch đối chứng (còn gọi là kế hoạch nội bộ) để phát huy sáng kiến, tận dụng các điều kiện và khả năng tối đa của mình vào việc thực hiện kế hoạch. Kế hoạch đối chứng thường có chỉ tiêu cao hơn kế hoạch Nhà nước. Thực hiện đầy đủ kế hoạch đối chứng thì sẽ được trích một số trong phần tăng năng suất để dùng vào việc nâng cao phúc lợi và khuyến khích bằng lợi ích vật chất trong nội bộ liên hợp. Hình thức quản lý kinh

tế thông qua mối quan hệ như trên, Bun-ga-ri gọi là quản lý kinh tế theo ngành dọc. Với việc gắn liền nông nghiệp với công nghiệp, còn hình thành các mối quan hệ khác nữa : quan hệ giữa các liên hợp với nhau, quan hệ giữa các liên hợp với các ngành có liên quan đến sản xuất nông nghiệp và thực hiện kế hoạch

Nhà nước thông qua hợp đồng. Hình thức quản lý kinh tế thông qua mối quan hệ như vậy, Bun-ga-ri gọi là quản lý kinh tế theo chiều ngang. Hiện nay ở Bun-ga-ri tồn tại song song hai hình thức đó. Điều đó giúp cho việc quản lý được chặt chẽ về chỉ tiêu kế hoạch, và linh hoạt về thực hiện định mức sản xuất.



Thực tiễn gần chục năm hình thành và phát triển các liên hợp nông - công nghiệp đã tạo tiền đề cho việc gắn liền một cách có hiệu quả nông nghiệp với công nghiệp, chuyển nền nông nghiệp Bun-ga-ri sang giai đoạn mới - giai đoạn công nghiệp hóa nông nghiệp, giai đoạn đặc biệt áp dụng những phương pháp sản xuất và quản lý công nghiệp vào nông nghiệp nhằm phát huy mạnh mẽ tính hơn hẳn của nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tại Đại hội lần thứ XI của Đảng cộng sản Bun-ga-ri, đồng chí Tô-đô Gép-cốp đã nói: « Trong những năm giữa Đại hội lần thứ X và Đại hội lần thứ XI

của Đảng, các liên hợp nông - công nghiệp, với tính cách là hình thức tổ chức kinh tế và xã hội cao nhất ở nông thôn, đã tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Chúng đã hoàn toàn chịu được thử thách của thời gian ».

Tuy còn trong quá trình hoàn thiện hơn nữa, nhưng với những hiệu quả kinh tế to lớn đã đạt được, hình thức liên hợp nông - công nghiệp mà Bun-ga-ri đã lựa chọn để tiếp tục đưa nền nông nghiệp của mình lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, rõ ràng là một đóng góp đáng kể vào lý luận và thực tiễn xây dựng và phát triển nền nông nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa.

XÂY DỰNG THỊ HIỆU LÀNH MẠNH VỀ SÂN KHẤU...

(Tiếp theo trang 69)

nhất định họ sẽ dần dần xa lánh và loại bỏ thứ nghệ thuật rẻ tiền, vô bổ mà họ đã một thời họ bị nó ru ngủ...

Gần đây, những vở kịch viết về người chiến sĩ Quân đội nhân dân như: *Tiền tuyến gọi, Đôi mắt, Đại đội trưởng của tôi...* và những vở viết về người thật việc thật như: *Nguyễn Văn Trỗi, Võ-Thị-Sáu*, v.v. đều được quần chúng hoan nghênh, chứng tỏ thị hiếu nghệ thuật của đa số nhân dân ta lành mạnh và đúng đắn. Rõ ràng những người đến với những vở diễn nói trên không phải để tìm thấy những chuyện tình éo le, những pha gây cười nôn ruột, mà họ say mê

theo dõi một cuộc sống sôi nổi, cuộc đấu tranh tư tưởng giữa cũ và mới để khẳng định một chân lý. Đây là cái đẹp cao cả, nó giúp cho người xem phần đầu vươn lên để trở thành con người mới.

Rõ ràng chúng ta cần chú ý hơn nữa đến việc đưa lên sân khấu hình tượng con người mới đã và đang vươn lên làm chủ tập thể, con người yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn và có tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, con người đã kiên cường và anh dũng, cần cù và sáng tạo đấu tranh cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội, đang ra sức đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ
№ 10-1978 г

ХОНГ НАМ — Вьетнамцы все как один готовы защитить свое социалистическое отечество.

ДАНГ ВЬЕТ ТЯУ — С учетом накопленного опыта нужно надлежащим образом вести работу в области внешней торговли на новом этапе вьетнамской революции.

ИССЛЕДОВАНИЯ ☆ ДЫОНГ ХОНГ ЗАТ — Размышления о научно-технической революции в сельском хозяйстве.

ХЫОНГ НАМ — Новая победа движения неприсоединения.

НГУЕН КУАНГ СА — Усвоить основные положения партии и правительства об экономическом договоре.

МЫ ОБСУЖДАЕМ: О НОВОМ СОЦИАЛИСТИЧЕСКОМ ЧЕЛОВЕКЕ ВО ВЬЕТНАМЕ. Буй Ван Нгуен, Ле Ань, Хоанг Тыонг.

ЛЕ ФЫОК — Агро—промышленный комплекс в Болгарии.

• • •

共产主义杂志
一九七八年第十期

紅 南: 全国一心, 牢牢地保卫越南社会主义祖国

邓越珠: 在已取得的经验的基础上, 必须做好革命新阶段的外贸工作

研究 ☆ 廖紅蓮: 关于农业科学技术革命的几点意见

向 南: 不结盟运动的新胜利

阮光舍: 透彻领会党和政府关于经济合同的基本观点

討論 ☆ 关于越南社会主义新人: 裴文元、黎英、黄章

黎 福: 保加利亚的农工业联合企业

• • •

REVUE DU COMMUNISME

N° 10 - 1978

HỒNG-NAM — Unie comme un seul homme, la nation entière assurera la défense de la Patrie vietnamienne socialiste

ĐẶNG-VIỆT-CHÂU — Partant de l'expérience acquise, menons à bien le commerce extérieur dans la nouvelle étape révolutionnaire

Études ★ ĐUỜNG-HỒNG-DẬT — A propos de la révolution scientifique — technique dans l'agriculture

HƯỚNG-NAM — Les succès nouveaux du mouvement non — aligné

NGUYỄN-QUANG-XÁ — Bien saisir les conceptions fondamentales du Parti et de l'Etat au sujet du contrat économique

Discussions. A propos de l'homme nouveau, socialiste vietnamien.

BÙI-VĂN-NGUYỄN, LÊ-ANH, HOÀNG-CHƯƠNG

LÊ-PHƯỚC — Complexe agro industriel en Bulgarie

. . . .

REVIEW OF COMMUNISM

N° 10 - 1978

HỒNG-NAM — United as one man, let us resolutely defend our socialist fatherland

ĐẶNG-VIỆT-CHÂU — On the strength of the experience accumulated, we must perform well our foreign trade work in the new stage of the revolution

Study ★ ĐUỜNG-HỒNG-DẬT — Some reflections on the scientific and technological revolution in agriculture

HƯỚNG-NAM — New successes of the non-aligned movement

NGUYỄN-QUANG-XÁ — Thoroughly grasp the fundamental viewpoints of the Party and the State concerning the economic contracts

Debate — On the new, socialist, man in Vietnam

BÙI-VĂN-NGUYỄN, LÊ-ANH, HOÀNG-CHƯƠNG

LÊ-PHƯỚC — The agro-industrial complexes in Bulgaria

. . . .

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 10

1978

NĂM THỨ XXIV (274)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần-Cao-Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

HỒNG-NAM — Cả nước một lòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa	1
ĐẶNG-VIỆT-CHÂU — Trên cơ sở những kinh nghiệm đã thu được, cần làm tốt công tác ngoại thương trong giai đoạn mới của cách mạng	25
Nghiên cứu ★ ĐUÔNG-HỒNG-DẬT — Một số suy nghĩ về cách mạng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp	36
HƯƠNG-NAM — Thắng lợi mới của phong trào không liên kết	47
NGUYỄN-QUANG-XÁ — Thấu suốt các quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước về hợp đồng kinh tế	52
Thảo luận Về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ★ BÙI-VĂN-NGUYỄN — Chống tàn dư của tư tưởng phong kiến ★ LÊ-ANH — Xây dựng con người mới bằng giáo dục thẩm mỹ ★ HOÀNG-CHUÔNG — Xây dựng thị hiếu lành mạnh về sản phẩm để góp phần xây dựng con người mới	59
THẾ-HÀ — Nông dân huyện Đức-linh đi vào con đường làm ăn tập thể	70
TRẦN-THÀNH — Những tiến bộ bước đầu của khu phố Lê-Chân	77
TRỌNG-NGUYỄN — Bước vươn lên của một phường kém nết	82
TRẦN-HỔ — Nhà máy quốc doanh sản xuất máy may SINCO trên con đường khôi phục và phát triển sản xuất	88
Sinh hoạt Đảng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG — Lãng phí	94
LÊ-PHUỐC — Liên hợp nông - công nghiệp ở Bùn-ga-ri	97

Tìm đọc:

LÊ - DUÂN

- Luôn luôn làm tròn nghĩa vụ với Đảng với dân
- Tây-nguyên đoàn kết tiến lên

PHẠM - VĂN - ĐỒNG

- Làm chủ tập thể, lao động và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa
- Vươn tới những đỉnh cao của sự nghiệp khoa-học và kỹ thuật

TÓ - HỮU

- Đẩy mạnh phong trào thi đua « dạy tốt, học tốt » theo gương các điển hình tiên tiến về giáo dục

TÔNG CỤC THỐNG KÊ

- 30 năm phát triển kinh tế và văn hóa của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

PRR

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

2115-001

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

H-1980

FEB 20 1979

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

II

II.1978

Xã luận

HỮU NGHỊ VĨ ĐẠI

QUAN hệ hữu nghị giữa nước ta và Liên-xô có bước phát triển mới rất tốt đẹp. Ngày 3-11-1978 Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô đã được ký long trọng tại Mát-xcơ-va. Đây là một sự kiện có ý nghĩa cực kỳ to lớn mở đầu một giai đoạn mới trong quan hệ giữa hai Đảng và hai nước Việt-nam và Liên-xô. Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Xô nhằm mục đích phát triển hơn nữa mối quan hệ hợp tác chặt chẽ về mọi mặt trên tinh thần anh em và tình đoàn kết, hữu nghị không gì lay chuyển được giữa Việt-nam và Liên-xô trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Hiệp ước đã ghi rõ trong Điều 1: «*Theo những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, hai bên ký kết Hiệp ước sẽ tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết không gì lay chuyển được và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần anh em. Hai bên sẽ không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác về mọi mặt, ra sức ủng hộ lẫn nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau*».

Hiệp ước ghi rõ hai nước sẽ cùng nhau cố gắng đề cao và mở rộng sự hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật cùng có lợi nhằm đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân hai nước. Hai nước sẽ tiếp tục phối hợp trong kế hoạch kinh tế quốc dân dài hạn, thỏa thuận về những biện pháp lâu dài nhằm phát triển các lĩnh vực quan trọng nhất của nền kinh tế, khoa học và kỹ thuật, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Thề theo những nguyên tắc và mục tiêu của chính sách đối ngoại xã hội chủ nghĩa và nguyện vọng bảo đảm những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô nói rõ hai nước có nghĩa vụ quốc tế giúp nhau củng cố và bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa mà nhân dân hai nước đã giành được nhờ chiến đấu anh dũng và lao động quên mình. Điều 6 của Hiệp ước ghi rõ: « Hai bên ký kết Hiệp ước sẽ trao đổi ý kiến với nhau về tất cả các vấn đề quốc tế quan trọng có liên quan đến lợi ích của hai nước. Trong trường hợp một trong hai bên bị liên công, hoặc bị đe dọa liên công thì hai bên ký kết Hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mọi đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực để bảo đảm hòa bình và an ninh của hai nước. »

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô có giá trị trong 25 năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm từng mười năm nếu một trong hai bên ký Hiệp ước không tuyên bố muốn chấm dứt hiệu lực của Hiệp ước bằng cách thông báo cho bên kia biết 12 tháng trước khi Hiệp ước hết hạn.

Việc ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô là phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước và phục vụ cho sự nghiệp củng cố tình đoàn kết, nhất trí anh em giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Việc thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp ước đó không những có tác dụng to lớn đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta mà còn có tác dụng góp phần vào sự nghiệp bảo vệ hòa bình ở Đông – Nam châu Á và trên thế giới.



Từ trước đến nay cũng như từ nay về sau, Đảng ta và Nhà nước ta luôn luôn coi trọng việc đoàn kết và hợp tác với Liên-xô. Liên-xô là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, con đẻ của Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Về việc nhân dân ta tiếp thu ảnh hưởng tốt đẹp của Cách mạng tháng Mười và chủ nghĩa Mác – Lê-nin, Hồ Chủ tịch đã nói: « Điều đó tựa như người đi đường đang khát mà có nước uống, đang đói mà có cơm ăn » (1). Đi theo con đường của Cách mạng

(1) Hồ-Chí-Minh: *Tuyển tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 652.

tháng Mười, vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin vào điều kiện cụ thể của nước ta. Đảng ta, do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, đã đưa cách mạng nước ta từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi của cách mạng Việt-nam từ trước đến nay gắn liền với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười và của sự nghiệp bảo vệ Nhà nước Xô-viết. Trong cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, nhân dân ta luôn luôn được sự giúp đỡ khăng khải, to lớn, nhiều mặt, có hiệu quả của Liên-xô. Sự viện trợ của Liên-xô, của các nước anh em và đảng anh em đã góp phần to lớn vào những thắng lợi huy hoàng của cách mạng Việt-nam.

Những thắng lợi liên tiếp của cách mạng Việt-nam, đặc biệt là sự ra đời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, là những đóng góp to lớn của nhân dân Việt-nam vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, góp phần quan trọng làm thay đổi lực lượng đối sánh trên thế giới có lợi cho cách mạng.

Đoàn kết quốc tế trên lập trường của giai cấp công nhân là một trong những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội khoa học. Lê-nin đã dạy rằng: « Không có sự cố gắng tự nguyện của giai cấp vô sản; và sau đó là của toàn thể quần chúng lao động tất cả các nước và các dân tộc trên thế giới, hướng tới sự liên minh và thống nhất với nhau, thì việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản không thể nào hoàn thành có kết quả được » (2). Hồ Chủ tịch dạy rằng trong sự nghiệp đấu tranh vì đại vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội « sự đoàn kết giữa lực lượng các nước xã hội chủ nghĩa và sự đoàn kết nhất trí giữa các đảng cộng sản và công nhân tất cả các nước có ý nghĩa quan trọng bậc nhất » (3).

Các nước xã hội chủ nghĩa là những con đẻ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Sự đoàn kết và hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác — Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản là một vấn đề thuộc về quy luật phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Sự đoàn kết và hợp tác đó tăng cường lực lượng về mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế, thúc đẩy quá trình phát triển của xã hội loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Quan hệ giữa các

(2) Lê-nin: Toàn tập, bản tiếng Nga, tập 31, trang 128.

(3) Hồ-Chí-Minh: Tuyển tập, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 805.

nước xã hội chủ nghĩa là quan hệ kiều mới. Sự đoàn kết và hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa là sự đoàn kết và hợp tác giữa các nước độc lập, có chủ quyền, bình đẳng, hợp tác với nhau và giúp đỡ nhau vì cùng có chung một mục đích và lý tưởng là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đoàn kết các nước xã hội chủ nghĩa hay phân đôi sự đoàn kết đó và phá hoại nó? Đây là một vấn đề có tính nguyên tắc; tùy theo thái độ trên vấn đề này mà người ta có thể phân biệt ranh giới giữa những người cộng sản chân chính và những người cộng sản giả hiệu.

Liên-xô là nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên và là nước xã hội chủ nghĩa mạnh nhất trên thế giới. Liên-xô đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động. Liên-xô có những cống hiến to lớn nhất đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới. Cách mạng tháng Mười đã mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử loài người. Liên-xô đã khai phá con đường cho loài người tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Thắng lợi của Liên-xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại đã cứu loài người khỏi họa phát-xít, tạo điều kiện cho nhiều dân tộc khác tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần to lớn nhất vào việc hình thành hệ thống thế giới của chủ nghĩa xã hội. Nền cao tinh thần quốc tế vô sản, giai cấp công nhân và nhân dân Liên-xô, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô, đã có những hy sinh cực kỳ to lớn để giúp cách mạng các nước trên thế giới.

Ngày nay hệ thống xã hội chủ nghĩa là nhân tố quyết định xu thế phát triển của xã hội loài người. Hệ thống xã hội chủ nghĩa là thành trì vững mạnh của cách mạng thế giới và của hòa bình thế giới. Trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, Liên-xô là nước hùng cường nhất.

Đi theo con đường của Lê-nin vĩ đại, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong 61 năm qua, ngày nay nhân dân Liên-xô đang ra sức xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa cộng sản. Liên-xô là thành quả cách mạng không phải chỉ của riêng nhân dân Liên-xô mà của cả phong trào cách mạng thế giới. Bảo vệ và đoàn kết với Liên-xô trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, trong sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội là vấn đề có tính nguyên tắc của những người cách mạng chân chính ngày nay.

Đảng ta và nhân dân ta trước sau như một đoàn kết với xít sô của Lê-nin vĩ đại. Ngay trong thời kỳ đen tối dưới ách thực dân, bất chấp sự khủng bố tàn bạo của địch, hằng năm nhân dân ta vẫn tổ chức kỷ niệm Cách mạng tháng Mười. «Ủng hộ Liên bang Xô-viết» là một

trong những khâu hiệu chiến đấu mà nhân dân ta đã hô to trong các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành thị uy hồi bấy giờ. Từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân được thành lập ở nước ta, quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nước ta và Liên-xô ngày càng được củng cố và tăng cường. Nhân dân ta luôn luôn ghi lòng tạc dạ sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô đối với cách mạng nước ta, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua. Đoàn kết với Liên-xô đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.

Đồng chí Lê-Duẩn nói: « Mỗi quan hệ giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt-nam – Liên-xô được tôi luyện trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, xây dựng vững chắc trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, đã vượt qua mọi thử thách, trở thành niềm tự hào đời đời của nhân dân hai nước chúng ta. » (4).

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô được ký kết đáp ứng nguyện vọng thiết tha của nhân dân ta tăng cường hơn nữa sự đoàn kết với Liên-xô vĩ đại. Việc ký kết hiệp ước đó hoàn toàn phù hợp với chính sách đối ngoại của chúng ta. Điều quan trọng nhất trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta do Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra là: « Ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em, làm hết sức mình để góp phần cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em và phong trào cộng sản quốc tế khôi phục và củng cố đoàn kết, tăng cường ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau trên cơ sở chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình, làm cho lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa Mác – Lê-nin ngày càng thắng lợi rực rỡ. »

Thực hiện chính sách đối ngoại do Đại hội Đảng đề ra, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do các đồng chí Lê-Duẩn và Phạm-Văn-Đồng dẫn đầu đã sang thăm Liên-xô và cùng các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Liên-xô ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô. Việc ký kết Hiệp ước này có ý nghĩa cực kỳ to lớn, đánh dấu một giai đoạn mới của tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hữu nghị, hợp tác không gì phá vỡ nổi giữa Việt-nam và Liên-xô.



(4) Trích lời đáp tại buổi chiêu đãi của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô. Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao và Chính phủ Liên-xô chào mừng Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt-nam sang thăm Liên-xô ngày 3-11-1978.

VIỆC ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô được các nước anh em, các Đảng anh em và nhân dân tiến bộ các nước trên thế giới hoan nghênh, vì hiệp ước đó không những phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước Việt-nam và Liên-xô mà còn phù hợp với lợi ích của sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Mặc dù điều 7 của Hiệp ước đã ghi rõ Hiệp ước này không nhằm chống lại một nước thứ ba nào, bọn đế quốc và phản động quốc tế la ó rùm beng chống lại Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô. Chúng tìm mọi cách xuyên tạc ý nghĩa của Hiệp ước và nói xấu các bên ký kết Hiệp ước. Vì sao bọn đế quốc và phản động quốc tế điên cuồng chống lại Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô như vậy? Đó là vì chúng đang ấp ủ ý đồ đen tối chống phá sự nghiệp xây dựng hòa bình của nhân dân ta, xâm phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Hơn ba năm qua, từ ngày miền Nam Việt-nam được hoàn toàn giải phóng và nước nhà được thống nhất, nhân dân ta đã giành được những thành tựu đáng kể trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng lại đất nước. Trong khi nhân dân ta và anh em, bầu bạn khắp nơi vui mừng phấn khởi trước những thắng lợi và tương lai xán lạn của Việt-nam, thì tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh tỏ ra căm tức. Chúng câu kết với các lực lượng đế quốc điên cuồng chống phá cách mạng Việt-nam. Chúng coi sự ra đời của một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, một nước Việt-nam có đường lối độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế đúng đắn, là trở ngại lớn cho mưu đồ bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng. Tình hình đó đặt nhân dân ta trước những nhiệm vụ lịch sử mới, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bọn phản động quốc tế câu kết với nhau đề chống phá Liên-xô, chống phá các nước xã hội chủ nghĩa khác, bao gồm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chúng coi Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô là trở ngại lớn cho việc thực hiện những mưu toan đầy tội ác của chúng đối với nước ta. Chính vì vậy chúng ra sức tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu Hiệp ước đó.

Nhưng, mặc cho bọn phản động quốc tế la ó, xuyên tạc, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô đã được ký kết và đang trở thành một thực tế chính trị. Bọn phản động quốc tế không thể không tính đến thực tế chính trị đó.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta luôn luôn có Liên-xô vĩ đại ở bên cạnh. Đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, đã nói : « Đối với những người cộng sản Liên-xô, đoàn kết với Việt-nam là mệnh lệnh của cả trái tim và trí tuệ. » Đồng chí cũng đã nói : « Một lần nữa, chúng tôi khẳng định với nhân dân Việt-nam anh em rằng Liên-xô kiên quyết ủng hộ những cố gắng của Việt-nam nhằm xây dựng một xã hội mới, cải thiện đời sống của nhân dân, bảo vệ chủ quyền bất khả xâm phạm và củng cố vị trí quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. »

Nhân dân Việt-nam chân thành biết ơn Liên-xô đã kiên quyết ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của Việt-nam, hết lòng giúp đỡ nhân dân Việt-nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

Nếu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, nhân dân Việt-nam quyết tâm làm hết sức mình để Hiệp ước đã ký kết được thực hiện đầy đủ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở mỗi nước. Nhân dân Việt-nam hết sức vui mừng trước sự phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước Việt-nam và Liên-xô. Tiếp tục thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, thực hiện những nhiệm vụ to lớn mà Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đề ra, nhân dân Việt-nam quyết tâm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, liên đới của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông – Nam châu Á.

Phân khởi trước việc ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô, nhân dân Việt-nam nhất định sẽ đẩy mạnh mọi mặt công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với dân tộc, đóng góp to lớn trong nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

VIỆC ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô được các nước anh em, các Đảng anh em và nhân dân tiến bộ các nước trên thế giới hoan nghênh, vì hiệp ước đó không những phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước Việt-nam và Liên-xô mà còn phù hợp với lợi ích của sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Mặc dù điều 7 của Hiệp ước đã ghi rõ Hiệp ước này không nhằm chống lại một nước thứ ba nào, bọn đế quốc và phản động quốc tế la ó rùm beng chống lại Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô. Chúng tìm mọi cách xuyên tạc ý nghĩa của Hiệp ước và nói xấu các bên ký kết Hiệp ước. Vì sao bọn đế quốc và phản động quốc tế điên cuồng chống lại Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô như vậy? Đó là vì chúng đang ấp ủ ý đồ đen tối chống phá sự nghiệp xây dựng hòa bình của nhân dân ta, xâm phạm độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

Hơn ba năm qua, từ ngày miền Nam Việt-nam được hoàn toàn giải phóng và nước nhà được thống nhất, nhân dân ta đã giành được những thành tựu đáng kể trong công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng lại đất nước. Trong khi nhân dân ta và anh em, bầu bạn khắp nơi vui mừng phấn khởi trước những thắng lợi và tương lai xán lạn của Việt-nam, thì tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh tỏ ra căm tức. Chúng câu kết với các lực lượng đế quốc điên cuồng chống phá cách mạng Việt-nam. Chúng coi sự ra đời của một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, một nước Việt-nam có đường lối độc lập, tự chủ và đoàn kết quốc tế đúng đắn, là trở ngại lớn cho mưu đồ bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của chúng. Tình hình đó đặt nhân dân ta trước những nhiệm vụ lịch sử mới, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước, vừa bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Bọn phản động quốc tế câu kết với nhau để chống phá Liên-xô, chống phá các nước xã hội chủ nghĩa khác, bao gồm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chúng coi Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô là trở ngại lớn cho việc thực hiện những mưu toan đầy tội ác của chúng đối với nước ta. Chính vì vậy chúng ra sức tuyên truyền xuyên tạc, nói xấu Hiệp ước đó.

Nhưng, mặc cho bọn phản động quốc tế la ó, xuyên tạc, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt — Xô đã được ký kết và đang trở thành một thực tế chính trị. Bọn phản động quốc tế không thể không tính đến thực tế chính trị đó.

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhân dân ta luôn luôn có Liên-xô vĩ đại ở bên cạnh. Đồng chí L.I. Brê-giơ-nép, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên-xô, đã nói : « Đối với những người cộng sản Liên-xô, đoàn kết với Việt-nam là mệnh lệnh của cả trái tim và trí tuệ. » Đồng chí cũng đã nói : « Một lần nữa, chúng tôi khẳng định với nhân dân Việt-nam anh em rằng Liên-xô kiên quyết ủng hộ những cố gắng của Việt-nam nhằm xây dựng một xã hội mới, cải thiện đời sống của nhân dân, bảo vệ chủ quyền bất khả xâm phạm và củng cố vị trí quốc tế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. »

Nhân dân Việt-nam chân thành biết ơn Liên-xô đã kiên quyết ủng hộ sự nghiệp chính nghĩa của Việt-nam, hết lòng giúp đỡ nhân dân Việt-nam trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

Nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, nhân dân Việt-nam quyết tâm làm hết sức mình để Hiệp ước đã ký kết được thực hiện đầy đủ, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở mỗi nước. Nhân dân Việt-nam hết sức vui mừng trước sự phát triển mới trong quan hệ giữa hai nước Việt-nam và Liên-xô. Tiếp tục thực hiện Di chúc thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, thực hiện những nhiệm vụ to lớn mà Đại hội lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt-nam đề ra, nhân dân Việt-nam quyết tâm xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, tiền đồn của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông – Nam châu Á.

Phấn khởi trước việc ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô, nhân dân Việt-nam nhất định sẽ dày mạnh mọi mặt công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với dân tộc, đồng thời làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình.

HIỆP ƯỚC HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC

GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM VÀ LIÊN BANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA XÔ-VIẾT

NƯỚC Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết,

Xuất phát từ mối quan hệ hợp tác chặt chẽ về mọi mặt trên tinh thần anh em, từ tình hữu nghị và đoàn kết không gì lay chuyển được giữa hai nước trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa ;

Tin tưởng vững chắc rằng việc ra sức củng cố tình đoàn kết và hữu nghị giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam và Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết là phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước và phục vụ cho sự nghiệp củng cố tình đoàn kết, nhất trí anh em giữa các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa ;

Thề theo những nguyên tắc và mục tiêu của chính sách đối ngoại xã hội chủ nghĩa, thề theo nguyện vọng bảo đảm những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để xây

dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ;

Khẳng định rằng hai bên thừa nhận mình có nghĩa vụ quốc tế là giúp nhau củng cố và bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa mà nhân dân hai nước đã giành được nhờ ở những nỗ lực anh hùng và sức lao động quên mình ;

Kiên quyết phấn đấu nhằm đoàn kết tất cả các lực lượng đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội ;

Bày tỏ quyết tâm sắt đá góp phần củng cố hòa bình ở châu Á và trên toàn thế giới, góp phần vào việc phát triển quan hệ tốt đẹp và sự hợp tác cùng có lợi giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau ;

Mong muốn tiếp tục phát triển và hoàn thiện sự hợp tác về mọi mặt giữa hai nước ;

Coi trọng việc tiếp tục phát triển và củng cố cơ sở điều ước của mối quan hệ hai bên ;

Thề theo mục tiêu và tôn chỉ của Hiến chương Liên hợp quốc;

Đã quyết định ký bản Hiệp ước hữu nghị và hợp tác này và đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Thề theo những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, hai bên ký kết Hiệp ước sẽ tiếp tục củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết không gì lay chuyển được và giúp đỡ lẫn nhau trên tinh thần anh em. Hai bên sẽ không ngừng phát triển quan hệ chính trị và hợp tác về mọi mặt, ra sức ủng hộ lẫn nhau trên cơ sở tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, bình đẳng và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

ĐIỀU 2

Hai bên ký kết Hiệp ước sẽ cùng nhau cố gắng đề củng cố và mở rộng sự hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật cùng có lợi nhằm đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, không ngừng nâng cao mức sống vật chất và văn hóa của nhân dân hai nước. Hai bên sẽ tiếp tục phối hợp dài hạn kế hoạch kinh tế quốc dân, thỏa thuận những biện pháp lâu dài nhằm phát triển các lĩnh vực quan trọng nhất của nền kinh tế, khoa học và kỹ thuật, trao đổi kiến thức và kinh nghiệm tích lũy được trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

hợp tác
hợp tác
hợp tác
thanh tra
tế, bảo
thề dục
trong các
sẽ khuyến
các cuộc tiếp
lao động hai nước

ĐIỀU 3

Hai bên ký kết Hiệp ước sau như một sẽ ra sức phấn đấu nhằm củng cố hơn nữa mối quan hệ anh em, tăng cường tình đoàn kết, nhất trí giữa các nước xã hội chủ nghĩa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa.

Hai bên sẽ làm hết sức mình để củng cố hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sẽ tích cực góp phần vào việc phát triển và bảo vệ những thành quả xã hội chủ nghĩa.

ĐIỀU 5

Hai bên ký kết Hiệp ước sẽ tiếp tục hết sức cố gắng để góp phần bảo vệ hòa bình thế giới và an ninh của các dân tộc, sẽ tích cực chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa nhằm hoàn toàn thủ tiêu chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa phân biệt chủng

tộc dưới mọi hình thức và biểu hiện, ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước không liên kết và nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ-la-tinh chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, nhằm củng cố độc lập, bảo vệ chủ quyền, làm chủ tài nguyên thiên nhiên của mình, thiết lập quan hệ kinh tế thế giới mới không có bất bình đẳng, áp bức và bóc lột; ủng hộ nguyện vọng của nhân dân Đông - Nam châu Á về hòa bình, độc lập và sự hợp tác giữa các nước trong khu vực.

Hai bên sẽ không ngừng phấn đấu nhằm phát triển quan hệ giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, nhằm mở rộng và củng cố quá trình làm dịu tình hình căng thẳng trong quan hệ quốc tế, nhằm triệt để loại trừ xâm lược và chiến tranh xâm lược ra khỏi đời sống của các dân tộc, vì sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

ĐIỀU 6

Hai bên ký kết Hiệp ước sẽ trao đổi ý kiến với nhau về tất cả các vấn đề quốc tế quan trọng có liên quan đến lợi ích của hai nước.

Trong trường hợp một trong hai bên bị tiến công hoặc bị đe dọa tiến công thì hai bên ký kết Hiệp ước sẽ lập tức trao đổi ý kiến với nhau nhằm loại trừ mối đe dọa đó và áp dụng những biện pháp thích đáng có hiệu lực để bảo đảm hòa bình và an ninh của hai nước.

ĐIỀU 7

Hiệp ước này không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của hai bên theo các hiệp định hai bên hoặc nhiều bên mà họ tham gia và không nhằm chống một nước thứ ba nào.

ĐIỀU 8

Hiệp ước này sẽ được phê chuẩn và có hiệu lực từ ngày trao đổi thư phê chuẩn; việc trao đổi thư phê chuẩn sẽ được tiến hành tại thành phố Hà Nội trong thời gian sớm nhất.

ĐIỀU 9

Hiệp ước này có giá trị trong 25 năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm từng mười năm nếu một trong hai bên ký Hiệp ước không tuyên bố muốn chấm dứt hiệu lực của Hiệp ước bằng cách thông báo cho bên kia biết 12 tháng trước khi Hiệp ước hết hạn.

Hiệp ước này làm tại thành phố Mát-xcơ-va ngày 3 tháng 11 năm 1978 thành hai bản bằng tiếng Việt và tiếng Nga, cả hai văn bản đều có giá trị như nhau.

**Thay mặt nước Cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Việt-nam**

**LÊ-DUẦN
PHẠM-VĂN-ĐỒNG**

**Thay mặt Liên bang Cộng hòa
xã hội chủ nghĩa Xô-viết**

**L.I. BRÊ-GIƠ-NÊP
A. N. CÔ-XU-GHIN**

Chỗ dựa tin cậy và niềm hy vọng của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới

Kể từ năm 1917 đến nay, cứ mỗi bước tiến của lịch sử về phía trước, loài người tiến bộ lại càng thấy rõ hơn công lao vĩ đại của Liên-xô — quê hương của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại.

Với Cách mạng tháng Mười và sự ra đời của Liên-xô — Tổ quốc đầu tiên của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, một thời đại mới trong lịch sử nhân loại đã mở ra. Đó là thời đại phá bỏ thế giới cũ, và xây dựng thế giới mới, thời đại nhân dân lao động đứng lên làm chủ vận mệnh của mình, phá tan mọi ách áp bức, bóc lột và bất công, tự giác xây dựng cuộc sống hạnh phúc của mình ngay trên trái đất.

Và theo dòng thời gian, cuộc Cách mạng tháng Mười và đất nước xô viết đã tác động đến vận mệnh của loài người một cách mạnh mẽ và sâu sắc không sao lường được.

Thật vậy, chỉ mới hơn 60 năm mà bộ mặt của thế giới đã thay đổi biết nhường nào! Những lực lượng xã hội đen tối xưa kia từng chiếm địa vị thống trị tuyệt đối trên thế giới, thì ngày nay đã buộc phải lui về thế phòng ngự, bỏ hết vị trí này đến vị trí khác. Còn ba dòng thác cách mạng của thời đại mà nòng cốt là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới thì đang lên cuộn cuộn, không gì ngăn cản nổi. Tình hình tốt đẹp đó không tách rời những chiến công bất hủ của những người Xô-viết, không tách rời vai trò to lớn của Liên-xô — nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, lớn nhất và hùng mạnh nhất.

Nhân loại sẽ mãi mãi biết ơn những chiến sĩ cách mạng đã làm nên thắng lợi Cách mạng tháng Mười, dưới sự lãnh đạo của Đảng bôn-sê-vich do Lê-nin lãnh đạo; mãi mãi biết ơn nhân dân Liên-xô, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Liên-xô quang vinh,

đã xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đầu tiên của những người lao động, đã cứu loài người khỏi họa phát xít, đã khai phá con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản — ước mơ cao đẹp nhất của con người; và với tinh thần quốc tế chân chính đã góp phần to lớn nhất vào việc thúc đẩy sự nghiệp cách mạng và bảo vệ hòa bình trên thế giới.

Nhìn lại mấy chục năm qua, chúng ta thấy rằng sự phát triển mạnh mẽ của ba đồng thạc cách mạng của thời đại hoàn toàn không thể tách rời tác dụng thúc đẩy to lớn của Liên-xô.

Chiến thắng oanh liệt của Liên-xô trong cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại, đã góp phần quyết định vào việc giải phóng loài người khỏi họa phát xít, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho thắng lợi của cách mạng ở một loạt nước châu Âu và châu Á, dẫn đến sự hình thành của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới; hệ thống này đang trải rộng hầu khắp các lục địa, từ Âu sang Á, từ châu Mỹ la tinh đến châu Phi.

Được sự giúp đỡ của Liên-xô và hợp tác chặt chẽ với Liên-xô, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lớn mạnh nhanh chóng về mọi mặt. Ngày nay sản lượng công nghiệp của các nước xã hội chủ nghĩa đã chiếm khoảng 42% sản lượng công nghiệp toàn thế giới. Riêng nền công nghiệp của Liên-xô đã lớn hơn nền công nghiệp của ba nước tư bản lớn nhất châu Âu là Anh, Pháp và Cộng hòa liên bang Đức cộng lại. Lực lượng quốc phòng của các nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh

hơn bao giờ hết, và đời sống nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa không ngừng được nâng cao. Với những thành tựu to lớn về mọi mặt của mình, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã có sức mạnh tổng hợp hơn hẳn sức mạnh của hệ thống đế quốc chủ nghĩa. Nó đang phát huy tác dụng là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người.

Chính là dưới sự tác động chủ động và có ý thức của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác mà cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong các nước tư bản chủ nghĩa đã có một sự phát triển vượt bậc và giành được những thắng lợi hết sức to lớn.

Liên-xô luôn luôn ủng hộ và giúp đỡ phong trào cách mạng của nhân dân các nước. Cùng với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, Liên-xô tôn trọng quyền thiêng liêng của mỗi dân tộc và mỗi nước được tự lựa chọn con đường phát triển của mình, và bao giờ cũng đứng về phía các lực lượng tiến bộ, dân chủ và độc lập dân tộc. Liên-xô chẳng những hết lòng ủng hộ và giúp đỡ các dân tộc bị áp bức đấu tranh giành giải phóng mà còn có sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả cho các nước dân tộc trẻ tuổi trong việc xây dựng nền kinh tế dân tộc của họ. Với sự giúp đỡ của Liên-xô, trong mấy chục năm qua hàng nghìn công trình, trong đó có nhiều xí nghiệp công nghiệp nặng, đã và đang được xây dựng trong các nước đó. Hoạt động đối ngoại tích cực đó của Liên-xô đã góp phần to lớn vào thắng lợi vĩ đại của phong

trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc. Ngày nay gần một trăm nước thuộc địa cũ đã giành được độc lập ở mức độ khác nhau đang tiếp tục đấu tranh để củng cố độc lập về chính trị, xây dựng dân chủ và tiếp tục hoàn thành độc lập về kinh tế. Đáng chú ý là một số trong các nước đó đã xác định cho mình phương hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Thực tế này, một lần nữa chứng tỏ rằng, trong tình hình mới của thế giới ngày nay, phong trào độc lập dân tộc có xu hướng ngày càng gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lý tưởng cao đẹp, ước mơ và niềm hy vọng của cả loài người.

Phong trào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ và chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong các nước tư bản chủ nghĩa cũng phát triển với quy mô to lớn chưa từng thấy và với tính tổ chức cao, chia mũi nhọn vào chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước. Có chỗ dựa vững chắc là Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, lại được sự phối hợp của phong trào giải phóng dân tộc, giai cấp công nhân ở những nước này nhất định sẽ đánh bại mọi thế lực phản động và sớm muộn sẽ vĩnh viễn loại trừ chủ nghĩa tư bản ra khỏi đời sống xã hội.

Với sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác trên đây, rõ ràng cao trào cách mạng vĩ đại của thời đại chúng ta đang ở thế tiến công, không gì ngăn cản nổi.

Những thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp bảo vệ hòa bình thế giới trong mấy chục năm qua, sở dĩ có được,

cũng là nhờ có sức mạnh ngày càng tăng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trong đó Liên-xô là nước lớn mạnh nhất, nhờ có cuộc đấu tranh cách mạng bền bỉ của các tầng lớp quần chúng rộng rãi trên thế giới, nhờ chính sách đối ngoại hòa bình kiên định của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Ngày nay, có một thực tế không ai phủ nhận được là: đứng trước sức mạnh vô địch của Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, bọn đế quốc và bọn phản động quốc tế, dù hiểu chiến đến đâu, cũng không thể không dấn đo, suy tính kỹ trước khi liều lĩnh gây ra chiến tranh chống lại hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Chúng thừa biết rằng, một cuộc tiến công quân sự vào Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em gắn bó với Liên-xô bằng tình hữu nghị vĩ đại, không tránh khỏi bị giáng trả quyết liệt. Tình hình đó đã làm tăng thêm dũng khí và niềm tin của các chiến sĩ cách mạng và hòa bình trên thế giới.

Tất cả những điều nói trên chỉ rõ rằng, *Liên-xô ngày nay là thành trì vững chắc, là chỗ dựa tin cậy và là niềm hy vọng của các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình.*

Từ kinh nghiệm thực tế của bản thân mình, những người cộng sản và nhân dân Việt-nam đã hiểu sâu sắc chân lý ấy. Đi theo con đường của Cách mạng tháng Mười và được sự giúp đỡ to lớn của Liên-xô và các lực lượng cách mạng khác trên thế giới, nhân dân Việt-nam, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng cộng sản Việt-

nam quang vinh do Hồ Chủ tịch sáng lập và rèn luyện, đã giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn Tổ quốc thân yêu, và đưa nước nhà tiến vào kỷ nguyên rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc — kỷ nguyên xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa.

Đúng như đồng chí Lê-Duẩn đã nói trong buổi chiều dài của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, Đoàn Chủ tịch xô viết tối cao Liên-xô và Chính phủ Liên-xô chào mừng Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt-nam sang thăm Liên-xô, ngày 3-11-1978: « Nếu không có sự đổi thay to lớn trên Tổ quốc của Lê-nin, không có sự hy sinh cao cả của hàng chục triệu người con thân yêu của biết bao bà mẹ Xô-viết hiền từ, không có sự giúp đỡ đầy tình nghĩa quốc tế vô sản của nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên thì bộ mặt thế giới không thể có những biến đổi sâu sắc như ngày nay, và một nước đất không rộng người không đông như Việt-nam không thể đánh thắng những tên đế quốc sừng sỏ dễ bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội ».

Ngày nay, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình, nhân dân Việt-nam lại được sự giúp đỡ chí tình của nhân dân Liên-xô anh em.

Mọi người đều biết rằng, trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 — 1980) nước ta đã được Liên-xô giúp đỡ xây dựng và thiết kế hàng trăm công trình kinh tế, trong đó có những công trình lớn như nhà máy thủy điện Sông Đà với công suất gần 2 triệu ki-lô-oát, nhà máy xi măng Bim-son với công suất 1,2 triệu tấn/năm, nhà máy điện Phả-lại với công suất 600 nghìn ki-lô-oát v.v. Nước ta cũng nhận được từ Liên-xô lương thực, sản phẩm dầu lửa, nguyên liệu và phân bón, thiết bị, kim loại, xe hơi và máy kéo... Điều làm cho chúng ta xúc động là, giữa lúc đất nước ta đang gặp phải những khó khăn do lũ lụt gây ra, Liên-xô đã quyết định viện trợ bổ sung khẩn cấp cho nhân dân ta.

Mọi người cũng biết rằng, trong cuộc đấu tranh chống đế quốc và bọn phản động quốc tế, nước Việt-nam chúng ta luôn luôn có Liên-xô vĩ đại bên cạnh mình.

Chính vì vậy nhân dân ta vô cùng biết ơn nhân dân Liên-xô đã thực hiện xuất sắc lời nói thắm thiết sau đây của đồng chí Brê-giơ-nép kính mến: « Đối với những người cộng sản và toàn thể nhân dân Liên-xô, tình đoàn kết với nước Việt-nam trước nay vẫn là yêu cầu của trái tim và trí tuệ, là cách thể hiện lòng trung thành trước sau như một của Đảng và nhân dân chúng tôi đối với những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế » (Diễn văn trong buổi chiều dài Đoàn đại biểu Đảng lao động Việt-nam và Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa tại Cung lớn điện Crem-li, ngày 28-10-1975).

Những người cộng sản và nhân dân Việt-nam trước nay bao giờ cũng coi việc đoàn kết với Liên-xô là một vấn đề nguyên tắc. Chúng ta vô cùng quý trọng và nguyện giữ gìn mãi mãi tình hữu nghị vĩ đại giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước Việt-Xô. Toàn thể nhân dân Việt-nam hết sức vui mừng trước việc các nhà lãnh đạo của hai Đảng và hai nước Việt-nam và Liên-xô vừa ký kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa hai nước và những hiệp định khác. Cùng với các vị lãnh đạo kính yêu của mình, nhân dân Việt-nam cho rằng: đó « là một thắng lợi to lớn đánh dấu giai đoạn phát triển mới, toàn diện của tình đoàn kết chiến đấu sắt son, sự hợp tác lâu dài và bền bỉ, sự ủng hộ và giúp đỡ chí tình về mọi mặt vì lợi ích xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở mỗi

nước, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội » (diện mừng của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta gửi các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên-xô, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 61 cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại).

Được cổ vũ mạnh mẽ bởi tình hữu nghị vĩ đại với Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, nhân dân Việt-nam quyết tiến hành thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của mình.

Trên thế giới này, không có một sức mạnh đen tối nào của bọn đế quốc và phản động quốc tế có thể ngăn cản nhân dân ta hoàn thành sự nghiệp vĩ đại đó !

RA SỨC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CỦA LŨ LỤT

THỜI tiết năm nay rất không bình thường. Mưa bão diễn biến khác hẳn nhiều năm trước về cả thời gian, cường độ và phạm vi ảnh hưởng. Đặc điểm nổi bật của thời tiết năm nay là mùa mưa bão đến sớm và kéo dài, mưa rất lớn, rất dồn dập và trải ra trên một diện rộng. Cuối tháng 5 đầu tháng 6 và cuối tháng 6 đầu tháng 7 đã có những cơn lũ lớn hơn các năm trước ở sông Hồng và sông Thái-bình. Cơn bão số 2 đột ngột ập vào nam Nghia-bình và bắc Phú-khánh ngay từ cuối tháng 6. Trong gần 3 tháng, (bắt đầu từ giữa tháng 8) các cơn bão số 4, số 7, số 8, số 9, số 10, và số 13 liên tiếp gây ảnh hưởng, hoặc trực tiếp đổ bộ vào đất liền, kéo theo những đợt mưa to và rất to, vượt xa năng lực tiêu thoát nước của các sông, rạch thiên nhiên và các công trình thủy lợi.

Ở đồng bằng sông Cửu-long, do mưa lớn ở trung và hạ Lào, đồng bắc Thái-lan, Cam-pu-chia (giữa tháng 8 và tháng 9), hai cơn lũ lớn nối tiếp nhau đổ về sông Tiền, sông Hậu, sớm hơn bình thường một tháng. Hàng vạn héc-ta lúa hè thu ở đây sắp chín và đang chín chưa kịp gặt, hàng chục vạn héc-ta lúa mùa mới cấy đều bị ngập thối. Nước lên nhanh, rút chậm, ngập lâu trên dưới 3 tháng, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân nhiều nơi.

Ở miền Bắc, bắt đầu từ giữa tháng 9, trong khi đợt mưa do cơn bão số 7 mang đến vùng khu IV và khu V cũ chưa chấm dứt, thì các cơn bão số 8, số 9 và những biến động xấu của thời tiết lại gây ra mưa và mưa lớn ở một số vùng. Lượng mưa từ ngày 15 đến ngày 22-9, chủ yếu tập trung vào đêm 21 và sáng 22-9 ở Bình-trị-thiên từ 300 đến 600mm, ở Nghệ-tĩnh từ 400 đến 700mm, ở Thanh-hóa từ 200 đến 500mm (có một số điểm từ 800 đến 900mm), ở Hà-nam-ninh từ 300 đến 500mm. Trong 3 ngày (từ 25-9 — 28-9) ở vùng trung lưu sông Cả, sông La và Kỳ-anh mưa trên 800mm và bắc Bình-trị-thiên từ 300 đến 600mm, có nơi như Đô-lương, Đưa chỉ trong một ngày đêm mưa tới trên 700mm...

Sau cơn bão số 9, ở phía nam đồng bằng Bắc-bộ và liên khu 4 cũ thời tiết trở lại bình thường, mực nước các triền sông xuống dần, thủy triều thấp, tiêu úng thuận lợi, các địa phương đang khoanh vùng rút nước làm vụ đông thì cơn bão số 10 lại đổ bộ vào vùng bờ biển Quảng-ninh, gây mưa lớn ở

trung du và đồng bằng Bắc-bộ; sau đó là các trận mưa, tiếp tục trút nước xuống các vùng đang bị ngập ở Nghệ-tĩnh, Thanh-hóa, Hà-nam-ninh. Con bão số 9, số 10 mang theo mưa lớn ập đến khi trời đã hanh, làm cho hàng chục vạn héc-ta lúa mùa tươi tốt đang làm đồng, vào mây, bị nhấn chìm dưới nước.

Thiên tai dồn dập và hết sức nghiêm trọng, nhưng với truyền thống kiên cường, bất khuất, nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã ngày đêm chống chọi quyết liệt với thiên nhiên để cứu người, cứu lúa, cứu tài sản của Nhà nước, của tập thể và nhân dân. Rất nhiều người đã nêu lên những tấm gương sáng chói chủ nghĩa anh hùng cách mạng, một lòng vì nước vì dân, chịu đói, chịu rét, ngâm mình dưới nước để cứu đồng bào, cản dòng lũ chảy, giữ vững đê điều, bảo vệ của công. Do đó, đã hạn chế được một phần những tổn thất to lớn do thiên tai gây ra. Hàng chục vạn đồng bào đã được đưa từ nơi ngập sâu đến nơi an toàn. Các tuyến đê chính, các công trình thủy lợi lớn, các cơ sở vật chất kỹ thuật quan trọng phần lớn được bảo vệ. Nhiều vật tư và tài sản được cứu thoát. Hàng vạn người được tổ chức lại, kiên trì đấu thủy chống úng, cứu lúa, cứu màu có kết quả.



THIÊN tai lớn và rộng, vượt xa khả năng chống đỡ của các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có của ta, đã gây ra thiệt hại trên nhiều mặt, đang đặt ra những vấn đề cấp bách phải giải quyết. Toàn Đảng, toàn dân ta đang tập trung sức đầy mạnh sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là lương thực, khắc phục hậu quả của thiên tai.

Công tác lớn nhất hiện nay ở nông thôn là huy động và tổ chức nông dân làm tốt vụ đông — xuân, quyết tâm giành thắng lợi lớn để bù vào những tổn thất của vụ mùa. Chạy đua với thời gian, vừa mở rộng diện tích, vừa bảo đảm thâm canh vụ đông bằng tất cả vốn liếng có trong tay, trước hết và chủ yếu là bằng sức lao động có thể động viên trong từng hợp tác xã, từng huyện, từng tỉnh, đang trở thành phong trào lao động sản xuất sôi nổi ở khắp các địa phương.

Cuộc vận động tiết kiệm tiêu dùng, phát triển sản xuất để giúp đỡ vùng lụt, với tinh thần “lá lành đùm lá rách” đang sôi nổi từ thành thị tới nông thôn, từ cơ quan, xí nghiệp Nhà nước đến các hợp tác xã. Đồng bào khắp nơi phát huy khí thế cách mạng kiên cường ra sức đoàn kết phấn đấu khắc phục hậu quả của lũ lụt vừa qua. Theo chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, các cơ quan Nhà nước cần dành khoảng 1 phần 3 số người lao động đưa đi tăng cường cho cơ sở và trực tiếp lao động sản xuất để làm ra của cải thêm cho xã hội, đồng thời tạo điều kiện giúp cán bộ đi sát thực tế xây dựng phong cách làm việc khẩn trương có hiệu quả thiết thực. Chúng ta quyết vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi trên mặt trận sản xuất đồng xuân nói riêng và sản xuất nông nghiệp nói chung. Cần nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động sản xuất, ra sức phấn đấu thực hiện nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra. Mọi tư tưởng bi quan, dao động, ỷ lại

vào Nhà nước và cấp trên, hoặc bằng quan, bỏ mặc quần chúng trước hậu quả của lũ lụt là có tội và phải lên án.

Trận thử thách với lũ lụt lần này cho thấy nhược điểm lớn nhất của nhiều nơi là chưa tổ chức thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương Đảng về nông nghiệp, dễ bảo đảm bất kỳ trong tình huống nào sản xuất nông nghiệp cũng không bị động và có thể phát triển tốt.

Ngập lụt lớn đã làm mất đi hàng triệu tấn lúa và hoa màu, làm giảm sút nghiêm trọng đàn gia súc, gia cầm, làm biết bao cơ sở sản xuất, công trình phúc lợi công cộng và nhà cửa của nhân dân bị hư hỏng. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải tập trung cao độ lực lượng của từng gia đình nông dân, từng tập đoàn sản xuất, từng hợp tác xã, lực lượng của cả xã, cả huyện, cả tỉnh và cả nước nhằm khắc phục những hậu quả của lũ lụt, tạo ra bước phát triển vượt bậc về nông nghiệp. Không tập trung cao độ cho nông nghiệp, không chủ động giải quyết các yếu tố của sản xuất nông nghiệp, trước hết là yếu tố nước thì không thể có một nền nông nghiệp ổn định, phát triển mạnh mẽ và vững chắc.

Chắc chắn rằng, với quyết tâm cao, cố gắng lớn của toàn Đảng, toàn dân, của các ngành, các cấp, chúng ta sẽ sớm vượt qua được những khó khăn do lũ lụt gây ra, ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân.

QUẢN TRIỆT VÀ THI HÀNH TỐT ĐIỀU LỆ XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH Ở MIỀN NAM

LÊ - THANH - NGHỊ

Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh là đơn vị cơ sở sản xuất và kinh doanh của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, là nơi trực tiếp sản xuất của cải vật chất cho xã hội và tạo ra nguồn tích lũy xã hội chủ nghĩa. Do vị trí quan trọng của xí nghiệp như vậy, vừa qua, Hội đồng Chính phủ đã ban hành Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, quy định công tác quản lý xí nghiệp một cách có

hệ thống. Việc thi hành bản Điều lệ này đang và sẽ có tác dụng thiết thực đối với công tác cải tiến quản lý xí nghiệp; nó vừa nhằm giải quyết yêu cầu cấp bách trước mắt là chấn chỉnh và đưa công tác quản lý xí nghiệp vào nề nếp, vừa góp phần tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế, như Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra.

NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC XÍ NGHIỆP Ở MIỀN NAM VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI MAU CHÓNG THI HÀNH ĐIỀU LỆ XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP QUỐC DOANH

Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh đã được thi hành trong các xí nghiệp trọng điểm ở

miền Bắc từ giữa năm 1977. Qua hơn một năm thực hiện, mặc dù có những khó khăn về vật tư và

đời sống, việc thi hành điều lệ trong các xí nghiệp đã *bước đầu tạo được một sự chuyển biến mới trong công tác quản lý xí nghiệp*, đưa các xí nghiệp này đi vào thể chế động trong sản xuất, kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế, phát huy được tinh thần tự lực tự cường trong việc giải quyết các khó khăn, đưa công tác quản lý xí nghiệp vào nền nếp mới, có tổ chức và kỷ luật hơn trước, góp phần đáng kể vào việc hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1977. Nhiều nhân tố mới trong công tác quản lý đã nảy nở và đang phát huy tác dụng tích cực đối với việc thực hiện kế hoạch Nhà nước. Những kết quả bước đầu đó đã làm tăng thêm lòng tin tưởng và quyết tâm thi hành tốt điều lệ trong các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở miền Bắc.

Hiện nay, ở miền Nam, đi đôi với việc cải tạo xã hội chủ nghĩa, việc áp dụng điều lệ trong các xí nghiệp công nghiệp do Nhà nước quản lý đã trở thành một yêu cầu bức thiết, vì nó là nền móng của một chế độ quản lý mới đối với các xí nghiệp mới tiếp quản, bảo đảm thực hiện phương thức quản lý xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

Để thực hiện tốt điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, trước hết ta cần hiểu rõ những đặc điểm của các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở miền Nam hiện nay.

A — Một số đặc điểm của các xí nghiệp công nghiệp ở miền

Nam trước ngày giải phóng.

Trước ngày giải phóng, các xí nghiệp công nghiệp ở miền Nam hình thành và phát triển theo chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở của chủ nghĩa thực dân mới và phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho nhu cầu của chiến tranh xâm lược. Phần lớn xí nghiệp có quy mô vừa và nhỏ; một số xí nghiệp được trang bị khá hiện đại, hoạt động trong những điều kiện của quan hệ giao dịch tư bản chủ nghĩa (ngân hàng, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, sửa chữa thiết bị...). Tinh chất sản xuất của các xí nghiệp này chủ yếu là gia công, lắp ráp, chế biến các nửa thành phẩm, làm thành sản phẩm hoàn chỉnh; nguyên liệu phần lớn được nhập từ nước ngoài; những khâu kỹ thuật quan trọng đều do chuyên gia của nước ngoài nắm và chỉ đạo. Hình thức tổ chức quản lý phổ biến là công ty tư bản chủ nghĩa về thực tế là xí nghiệp liên hợp... Việc phân bố các xí nghiệp không đồng đều, phần lớn tập trung vào khu vực Sài-gòn và Biên-hòa, không gắn bó với nông nghiệp và các cơ sở nguyên liệu trong nước. Các khu công nghiệp tập trung có những cơ sở kinh tế hạ tầng phục vụ sản xuất tương đối tốt.

Công nhân kỹ thuật từ nhiều nguồn, được đào tạo và kèm cặp về thực hành khá tốt, tay nghề thành thạo, có kỷ luật trong sản xuất, có kinh nghiệm thực tế, nhưng trình độ hiểu biết về lý thuyết còn kém. Cán bộ kỹ thuật

có nhiều người được đào tạo ở các nước tư bản chủ nghĩa. Cán bộ quản lý là những người đã trải qua thực tế sản xuất và kinh doanh tư bản chủ nghĩa.

Các xí nghiệp hoạt động theo nhu cầu và cơ chế của thị trường tư bản chủ nghĩa. Một công ty thường sản xuất nhiều mặt hàng, có mặt hàng được chuyên môn hóa, đồng thời lợi dụng tổng hợp nguyên liệu để sản xuất các mặt hàng khác nhằm phục vụ thị hiếu luôn luôn thay đổi và có điều kiện để kịp thời cạnh tranh lẫn nhau. Các mối quan hệ kinh tế giữa các xí nghiệp với nhau, và giữa xí nghiệp với các đơn vị kinh tế khác được tiến hành trực tiếp, nhanh nhạy, dựa trên sự thu hút của lợi nhuận tư bản chủ nghĩa.

B — Tính hình quản lý các xí nghiệp ở miền Nam từ sau ngày giải phóng đến nay.

Sau ngày giải phóng, chúng ta đã tiếp quản các xí nghiệp bao gồm thiết bị, máy móc..., kịp thời giải quyết những điều kiện cần thiết để khôi phục và ổn định sản xuất, đồng thời bước đầu tiến hành việc phối hợp sản xuất giữa các xí nghiệp ở hai miền để có sự phân công sản xuất hợp lý hơn trước. Chúng ta đã hướng dẫn, giúp đỡ các xí nghiệp nhằm sản xuất những sản phẩm đồng bộ, giảm bớt dần tính chất gia công, lắp ráp của một số xí nghiệp, khắc phục từng bước tính chất phụ thuộc về nguyên liệu, về phụ tùng vào các nước tư bản chủ nghĩa,

phát huy khả năng phục vụ sản xuất, xây dựng, đời sống và xuất khẩu.

Phương hướng, nhiệm vụ sản xuất của nhiều xí nghiệp cũng được xác định lại, chủ yếu phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xuất khẩu và đời sống của nhân dân. Về nguồn nguyên liệu, đối với các xí nghiệp có điều kiện, chúng ta khai thác, sử dụng ngay ở địa phương, ở trong nước.

Việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức quản lý và phân giao một số xí nghiệp về các ngành kinh tế — kỹ thuật, phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương đã được tiến hành từng bước, nhưng làm chậm và chưa đạt yêu cầu.

Phương thức quản lý, về thực chất, đã chuyển sang phương thức xã hội chủ nghĩa; nhiều chế độ quản lý mới, xã hội chủ nghĩa đã được áp dụng từng bước. Các xí nghiệp đã bắt đầu có kế hoạch và theo chế độ quản lý xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa cán bộ lãnh đạo và quần chúng công nhân trong các xí nghiệp đã có sự thay đổi về chất.

Đó là những thuận lợi cơ bản cho việc thi hành điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trong các xí nghiệp công nghiệp ở miền Nam. Mặt khác, trong khi kinh tế miền Nam đang trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, việc các xí nghiệp quốc doanh ở miền Nam đều phải thi hành đúng đắn và thống nhất các quy định của điều lệ xí nghiệp và các chế độ quản lý cụ thể (được ban hành kèm

theo Điều lệ) là hết sức cần thiết để bảo đảm cho các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh phát huy mọi khả năng và nêu cao vai trò, vị trí quan trọng của mình. Với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, bằng kết quả sản xuất và kinh doanh, trình độ kỹ thuật, trình độ tổ chức và quản lý của mình, các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở miền Nam sẽ phát huy sức mạnh, làm gương mẫu,

hướng dẫn và dìu dắt các thành phần kinh tế khác đi vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, mau chóng xây dựng các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh của nước ta thành những « pháo đài của chủ nghĩa xã hội » như Lê-nin đã từng dạy, thành những nền tảng vững mạnh cả về kinh tế và chính trị của giai cấp công nhân và Nhà nước chuyên chính vô sản.

QUÁN TRIỆT TINH THẦN CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ, KHẮC PHỤC NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA CÁC XÍ NGHIỆP Ở MIỀN NAM ĐỂ VIỆC VẬN DỤNG ĐIỀU LỆ ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ CAO NHẤT

Tuy có những thuận lợi cơ bản, song việc thi hành điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh trong các xí nghiệp ở miền Nam bước đầu gặp một số khó khăn do các đặc điểm của nền kinh tế miền Nam và tình hình các xí nghiệp tạo nên :

1 - *Tổ chức sản xuất và tổ chức quản lý chưa được ổn định.*

Nguyên liệu, vật liệu thiếu thốn; dây chuyền sản xuất thiếu cân đối; thiết bị, máy móc hư hỏng nhưng thiếu phụ tùng và thiếu tổ chức sửa chữa, vì trước đây chủ tư bản chỉ tập trung vào việc tổ chức sản xuất trong các công đoạn chính bảo đảm sản xuất nhanh sản phẩm để bán, có tích lũy ban đầu rồi sẽ mở rộng dần xí nghiệp; còn các dịch vụ về sửa chữa, thay thế phụ tùng thì chủ yếu mua ở nước ngoài. Một số xí nghiệp

trước đây được xây dựng theo kiểu liên hợp sản xuất, bị chia cắt một số bộ phận và giao cho ngành kinh tế - kỹ thuật tương ứng quản lý, làm cho dây chuyền của một số liên hợp sản xuất bị xộc xệch, không đồng bộ, điều hòa khó khăn.

Sự phân công giữa các ngành, sự phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới còn có nhiều chỗ chưa hợp lý. Sự phối hợp giữa các ngành, quan hệ kinh tế - kỹ thuật giữa các xí nghiệp chưa có nền nếp.

Hình thức tổ chức của một số xí nghiệp chưa được xác định rõ ràng. Trong nhiều ngành công nghiệp, vẫn chưa xác định được đâu là đơn vị cơ sở (công ty hay xí nghiệp độc lập, xí nghiệp liên hợp hay liên hiệp các xí nghiệp);

các mối quan hệ về tài chính, tín dụng chưa được quy định rõ rệt ; các nhiệm vụ về cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm chưa được xác định cụ thể. Công tác hạch toán kinh tế có nhiều khó khăn, phức tạp.

Các tổ chức của Đảng, của chính quyền và các tổ chức quần chúng ở nhiều xí nghiệp còn yếu kém, do đó, chưa phát huy được chức năng lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức Đảng, chưa tăng cường được chức năng quản lý của tổ chức chính quyền. Từ giám đốc, phó giám đốc xí nghiệp đến tổ trưởng sản xuất chưa thành một hệ thống chỉ huy sản xuất, kinh doanh vững mạnh. Bộ máy giúp giám đốc quản lý xí nghiệp chậm được kiện toàn ; cơ cấu, chức năng, quan hệ công tác chưa được quy định cụ thể, do đó hiệu lực quản lý còn yếu. Trong nhiều ngành công nghiệp, nhiều đơn vị cơ sở, bộ máy quản lý đã trở nên cồng kềnh, nặng nề. Các tổ chức công đoàn, thanh niên mới được xây dựng, hoạt động chưa mạnh. Trong phần lớn công nhân, sự giác ngộ về giai cấp, về chủ nghĩa xã hội còn non. Các cán bộ quản lý chủ chốt, cán bộ nghiệp vụ đều thiếu. Trình độ của nhiều cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý xí nghiệp. Một số đồng cán bộ, nhân viên nghiệp vụ cũ chưa được bồi dưỡng, đào tạo để nắm được quan điểm, nguyên tắc, nội dung và phương pháp nghiệp vụ mới xã hội chủ nghĩa.

Nói chung, hệ thống chuyên

chính vô sản trong các xí nghiệp còn yếu, chưa quản lý được chặt chẽ mọi mặt hoạt động sản xuất, kinh doanh trong xí nghiệp.

2 — *Các điều kiện để chuyển từ phương thức quản lý tư bản chủ nghĩa sang phương thức quản lý xã hội chủ nghĩa đối với các xí nghiệp ở miền Nam chưa được giải quyết kịp thời.*

Các xí nghiệp ở miền Nam trước đây hoạt động theo phương thức tư bản chủ nghĩa và theo cơ chế thị trường. Từ 3 năm nay, kết hợp với quá trình cải tạo quan hệ sản xuất, chúng ta chuyển sang phương thức quản lý xã hội chủ nghĩa. Tình hình ấy đòi hỏi phải chỉ đạo chặt chẽ và giải quyết kịp thời một số điều kiện cần thiết để thực hiện kế hoạch hóa, làm cho kế hoạch trở thành trung tâm của hệ thống quản lý ; phải từng bước tổ chức tốt các cơ sở nguyên liệu, mạng lưới cung ứng, vận tải, tiêu thụ, đưa dần vào thể ổn định, đồng thời xác định và thực hiện một chế độ quản lý phù hợp về các mặt : về kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, về cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, về kỹ thuật, về tài chính, tín dụng, về lao động và tiền lương, v.v. thành một cơ chế tương đối hoàn chỉnh, làm cơ sở cho xí nghiệp hoạt động. Đến nay, thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (quốc doanh, công tư hợp doanh) đã giữ vai trò chủ đạo, nhưng nền kinh tế quốc dân còn có nhiều khó khăn, mất cân đối ; công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với

nông nghiệp, công thương nghiệp chưa hoàn thành; nhiều điều kiện vật chất kỹ thuật bảo đảm hoạt động bình thường của xí nghiệp còn thiếu; những chế độ quản lý cụ thể còn chưa đồng bộ, chưa ăn khớp với nhau. Để chuyển các xí nghiệp đi vào hoạt động trong một nền kinh tế liên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ta cần phải nghiên cứu tổ chức thị trường trong nước sao cho hợp lý; đối với ngoài nước, phải tổ chức các mối quan hệ để bảo đảm lợi ích của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và phát triển được sản xuất, giải quyết được vật tư, thiết bị, phụ tùng, bảo đảm các thiết bị, máy móc hoạt động được bình thường.

3 — Các xí nghiệp công nghiệp ở miền Nam hoạt động trong điều kiện nền kinh tế cả nước phổ biến vẫn còn là sản xuất nhỏ, cơ sở kinh tế độc lập tự chủ đang trong quá trình xây dựng; riêng kinh tế miền Nam chẳng những còn là sản xuất nhỏ, mà quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình xác lập, kinh tế cá thể của nông dân đang còn chiếm đại bộ phận lao động xã hội. Vì vậy, hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp gặp nhiều khó khăn về cung ứng, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, phụ tùng, kể cả những vật tư khai thác trong nước, vật tư khai thác từ nông nghiệp và lâm nghiệp. Các mối quan hệ kinh tế vốn có trước đây giữa các cơ sở kinh tế cần được duy trì để xí nghiệp có thể hoạt

động được tốt, nhưng phải xác định rõ các mối quan hệ kinh tế có tính nguyên tắc giữa quốc doanh và tư nhân, thì mới tạo được những điều kiện hợp pháp cho xí nghiệp duy trì các mối quan hệ đó trên cơ sở xã hội chủ nghĩa và phát huy tác dụng chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại và quản lý các thành phần kinh tế khác. Những đặc điểm và khó khăn trên đây sẽ gây trở ngại cho việc thi hành Điều lệ, đặc biệt là việc vận dụng cho phù hợp với đặc điểm và tình hình của các xí nghiệp; do đó cần quán triệt tinh thần cơ bản của Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh:

1 — Tăng cường nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác quản lý xí nghiệp; mở rộng quyền chủ động kinh doanh của xí nghiệp và xác định sự tự chủ về tài chính của xí nghiệp dưới sự quản lý tập trung của Nhà nước.

2 — Lấy kế hoạch làm công cụ chủ yếu, kết hợp chặt chẽ công tác kế hoạch hóa với chế độ hạch toán kinh tế và việc vận dụng các đòn bẩy kinh tế nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

3 — Cải tiến tổ chức sản xuất của xí nghiệp, bảo đảm tận dụng và phát huy các năng lực sản xuất, thực hành tiết kiệm trong sản xuất; tăng cường và cải tiến tổ chức quản lý, bảo đảm xí nghiệp hoạt động có tổ chức, có

kỷ luật; thi hành chế độ thủ trưởng quản lý xí nghiệp dưới sự lãnh đạo của đảng ủy xí nghiệp, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Tinh thần cơ bản đó nhằm đạt được mục đích cuối cùng là: tăng năng suất lao động, tăng chất lượng và số lượng của mặt hàng, hạ giá thành sản phẩm, đóng góp ngày càng nhiều cho tích lũy xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống nhân dân.

Bản Điều lệ xí nghiệp đã xác định những vấn đề có tính nguyên tắc trong các mối quan hệ giữa xí nghiệp với Nhà nước, giữa xí nghiệp với các cơ quan có liên

quan đến hoạt động của xí nghiệp, nêu rõ các mối quan hệ trong nội bộ xí nghiệp trên các mặt: kế hoạch hóa, quản lý kỹ thuật, lao động, vật tư, tiêu thụ, tài chính, giá cả, tổ chức và cán bộ, v.v. Những vấn đề có tính nguyên tắc trên đây đã được cụ thể hóa bằng các chế độ quản lý ban hành kèm theo Điều lệ.

Riêng đối với các xí nghiệp ở miền Nam, một mặt, phải quán triệt tinh thần và những nguyên tắc cơ bản của Điều lệ; mặt khác, việc vận dụng các chế độ quản lý cần được hướng dẫn cụ thể, đồng thời phải có những biện pháp thực hiện sát với tình hình thực tế.

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐIỀU LỆ XÍ NGHIỆP CẦN ĐƯỢC NẮM VỮNG KHI VẬN DỤNG VÀO CÁC XÍ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP Ở MIỀN NAM

A — Nhiệm vụ và quyền hạn của xí nghiệp.

Sau khi xác định được vị trí mới hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, các xí nghiệp phải hiểu rõ *nhiệm vụ và quyền hạn* của mình. Xí nghiệp phải thi hành nghiêm chỉnh 3 loại *nhiệm vụ* sau đây:

— Nhiệm vụ đối với Nhà nước: các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh cũng như những đơn vị cơ sở sản xuất khác được thành lập dựa trên những nhiệm vụ kinh tế — chính trị của Đảng và Nhà nước giao cho. Vì vậy, trước

hết, xí nghiệp phải làm tròn nhiệm vụ đối với Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong đó quan trọng nhất là *hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt là các chỉ tiêu về giao sản phẩm và nộp tích lũy cho Nhà nước*. Yêu cầu về số lượng, về giá trị sử dụng của sản phẩm ngày càng cao, yêu cầu về tích lũy để tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn, đòi hỏi *xí nghiệp phải quản lý và sử dụng tốt nhất tài sản được giao*, không ngừng phát huy năng lực sản xuất hiện có, xây dựng thêm năng lực sản xuất mới, nâng cao trình

độ sản xuất theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ quản lý theo kịp sự lớn mạnh của cơ sở vật chất kỹ thuật và theo kịp các mối quan hệ kinh tế ngày càng mở rộng của xí nghiệp. Toàn bộ hoạt động của xí nghiệp nằm trong quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa; xí nghiệp phải *tôn trọng thể chế, pháp luật của Nhà nước*, bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với xí nghiệp.

— Nhiệm vụ đối với nội bộ xí nghiệp: để thực hiện được các nhiệm vụ trên, bản thân xí nghiệp phải phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức, đồng viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tạo ra bầu không khí đoàn kết, phấn khởi trong đội ngũ công nhân, viên chức, đồng thời phải *chăm lo bồi dưỡng, đào tạo công nhân, cán bộ*, nhân tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất, nhằm đáp ứng kịp thời những yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài về phát triển sản xuất, đổi mới kỹ thuật; phải có kế hoạch *không ngừng cải thiện điều kiện lao động, bảo đảm sản xuất được an toàn và đem lại năng suất cao*. Xí nghiệp phải *thực hiện đúng đắn nguyên tắc phân phối theo lao động* dựa trên kết quả thực tế cống hiến của từng người lao động; bảo đảm các quan hệ thu nhập trong nội bộ xí nghiệp được công bằng, hợp lý; *thực hiện đúng đắn việc khuyến khích vật chất đối với công nhân, viên chức, kết*

hợp với việc tăng cường giáo dục chính trị và tư tưởng, ra sức chăm lo cải thiện từng bước đời sống của công nhân, viên chức về các mặt: ăn, ở, đi lại, học tập, bảo vệ sức khỏe, thể dục thể thao, chăm sóc trẻ em, nghỉ ngơi, giải trí, v.v.

— Nhiệm vụ đối với các đơn vị kinh tế khác: sản xuất ngày càng phát triển và được tổ chức chặt chẽ từ khâu cung ứng vật tư, vốn, tiến hành sản xuất đến lưu thông, phân phối, tiêu dùng. Xí nghiệp phải chủ động xác lập các quan hệ trực tiếp về kinh tế, về sản xuất với các đơn vị khác dựa trên các hợp đồng kinh tế, các hợp đồng về hợp tác sản xuất, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, đào tạo cán bộ và công nhân... Xí nghiệp có trách nhiệm giữ vững và phát triển những mối quan hệ trực tiếp đó, thực hiện nghiêm chỉnh những hợp đồng đã ký, bảo đảm không những cho bản thân xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ mà các đơn vị ký hợp đồng với xí nghiệp cũng phải hoàn thành nhiệm vụ.

Ba loại nhiệm vụ kể trên là một thể thống nhất, có quan hệ mật thiết với nhau, vì thực hiện được nhiệm vụ này là tạo điều kiện cho những nhiệm vụ kia được thực hiện. Xí nghiệp phải quán triệt 3 loại nhiệm vụ này, không được coi nhẹ nhiệm vụ nào. Thực hiện đầy đủ và tốt các nhiệm vụ kể trên, bản thân xí nghiệp sẽ lớn mạnh và nâng cao vị trí của mình trong nền kinh tế quốc dân.

Để thực hiện được các nhiệm

vụ trên, xí nghiệp có những quyền hạn cơ bản sau đây:

1 — Trên cơ sở các chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước, xí nghiệp được quyền chủ động bố trí kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình, sản xuất thêm những mặt hàng chính, phụ khác theo yêu cầu của các nơi tiêu thụ, nếu còn thừa năng lực sản xuất, sau khi đã bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước. Như vậy, một mặt, Nhà nước yêu cầu xí nghiệp tận dụng năng lực sản xuất; mặt khác, cần kết hợp công tác kế hoạch hóa của Nhà nước với yêu cầu nhiều về của thị trường.

Việc cho phép xí nghiệp sản xuất thêm những mặt hàng chính, phụ khác nhằm tăng thêm hàng hóa cho xã hội, vừa có lợi cho nền kinh tế quốc dân, vừa có lợi cho xí nghiệp, vì lợi nhuận của các sản phẩm phụ hiện nay phần lớn để lại cho xí nghiệp.

2 — Để thực hiện nhiệm vụ sản xuất hằng năm, xí nghiệp được quyền tự xác định các hình thức tổ chức sản xuất và chỉ huy sản xuất thích hợp, dựa trên những kết quả về cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất. Xí nghiệp được quyền ký các hợp đồng về hợp tác sản xuất, các hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác để thực hiện phương án sản xuất — kinh doanh mà xí nghiệp thấy có lợi nhất.

3 — Xí nghiệp có quyền tự chủ về tài chính, sử dụng các loại vốn cấp phát, và tính toán số vốn

phải vay Ngân hàng để sử dụng vào công việc sản xuất, kinh doanh sao cho tiết kiệm nhất, đem lại hiệu quả kinh tế cao; được trích lập các quỹ để lại cho xí nghiệp (quỹ khuyến khích phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi) tương đương với mức độ hoàn thành kế hoạch Nhà nước của xí nghiệp; sử dụng các quỹ đó vào việc cải tiến kỹ thuật và cải thiện đời sống của công nhân, viên chức trong xí nghiệp. Xí nghiệp được sử dụng các đòn bẩy kinh tế, tiền lương, tiền thưởng để thúc đẩy và khuyến khích sản xuất, kinh doanh.

B — Các xí nghiệp cần có kế hoạch, biện pháp quản lý và sử dụng tốt tài sản của mình.

Tài sản của xí nghiệp thuộc sở hữu toàn dân, là một bộ phận quan trọng của toàn bộ cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Nhà nước chuyên chính vô sản đã đưa tư liệu sản xuất trở về tay giai cấp công nhân, đó là điều rất cơ bản. Song vấn đề quan trọng hơn nữa là giai cấp công nhân phải biết bảo vệ các tài sản đó và sử dụng sao cho tiết kiệm nhất và có lợi nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vì vậy, đối với các xí nghiệp ở miền Nam hiện nay, trước hết, phải dựa vào quần chúng tiến hành việc kiểm kê để nắm chắc tài sản của mình, cả về số lượng và chất lượng, nghiên cứu việc bố trí, sử dụng đúng đắn vào mục đích sản xuất, kinh doanh: làm

ra nhiều sản phẩm cho xã hội và tích cực đóng góp tích lũy cho Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống của nhân dân.

Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, xí nghiệp phải tính toán kỹ số lượng về thiết bị, nguyên liệu, vật liệu... cần thiết cho sản xuất và cho dự trữ sản xuất, trên cơ sở đó xác định lại số vốn cần có một cách hợp lý và tiết kiệm nhất, đủ bảo đảm cho sản xuất, kinh doanh được tiến hành liên tục và làm cơ sở đúng đắn cho việc theo dõi và tính toán hiệu quả của một dòng vốn sản xuất, hiệu suất của vốn đầu tư.

Sau khi xí nghiệp đã xác định lại số tài sản cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, số tài sản thừa (thiết bị, nguyên liệu, vật liệu...) phải được nhanh chóng đưa vào sử dụng trong nền kinh tế quốc dân. Ở miền Nam hiện nay, việc chuyển dịch tài sản (kể cả tài sản thừa) của các xí nghiệp quốc doanh trung ương phải có lệnh của Bộ, Tổng cục chủ quản; nếu là của các xí nghiệp quốc doanh địa phương, thì phải có lệnh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong điều kiện khó khăn của ta về thiết bị, nguyên liệu cho cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể, vấn đề tận dụng những năng lực sản xuất hiện còn tiềm tàng rất lớn ở các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở là một yêu cầu cấp bách. Vì vậy, các xí

niệp, cấp trên trực tiếp của xí nghiệp, các tổ chức cung ứng vật tư phải tích cực phối hợp với nhau để giải quyết tốt vấn đề tài sản ứ đọng, vừa có lợi cho các đơn vị cơ sở, vừa có lợi cho nền kinh tế quốc dân.

Bảo vệ, sử dụng có hiệu quả nhất tài sản được giao là một yêu cầu quan trọng của Nhà nước đối với xí nghiệp. Về phần mình, xí nghiệp có trách nhiệm chăm lo việc nâng cao chất lượng của các thiết bị, máy móc mà Nhà nước giao cho, đồng thời phải từ kết quả sản xuất, kinh doanh của chính mình mà tự trang bị thêm, làm cho cơ sở vật chất kỹ thuật của xí nghiệp ngày càng phát triển.

C — Một số nội dung chủ yếu trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của xí nghiệp.

1 — Về kế hoạch.

Xí nghiệp phải *lấy công tác kế hoạch hóa làm công cụ chủ yếu trong công tác quản lý xí nghiệp*. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Công tác kế hoạch hóa cần được cải tiến theo phương hướng sau đây: cải tiến kế hoạch hóa thống nhất của Nhà nước trên cơ sở đề cao trách nhiệm và phát huy sáng tạo của các ngành, các địa phương và các cơ sở... » (1).

Căn cứ vào đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa của Đảng và các chủ trương về phát triển

(1) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 62.

sản xuất, kinh doanh của ngành mà xí nghiệp là thành viên, xí nghiệp phải chủ động xây dựng phương hướng phát triển lâu dài của mình để có những mục tiêu phấn đấu nhằm trong một thời gian nhất định, đạt được những tiến bộ rõ rệt về tăng sản lượng, nâng cao chất lượng của các sản phẩm, phù hợp với những mục tiêu kế hoạch dài hạn và ngắn hạn của Nhà nước. Đồng thời phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường, tìm mọi biện pháp để tận dụng và phát huy năng lực sản xuất, bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước và làm thêm các sản phẩm khác cho nền kinh tế quốc dân.

Các xí nghiệp nắm vững phương châm cân đối tích cực và vững chắc trong sản xuất, khi thực hiện, phải theo dõi sát sao để giải quyết yêu cầu cân đối một cách sinh động. Đề cao tinh thần cách mạng tiến công trong công tác cân đối kế hoạch, vừa thực hiện tốt kế hoạch, vừa tạo những điều kiện mới để cân đối kế hoạch một cách tích cực và vững chắc, giảm bớt các khó khăn do sự mất cân đối hiện nay trong nền kinh tế quốc dân gây ra.

Trong tình hình kinh tế ở miền Nam hiện nay, khi cân đối giữa sản xuất và vật tư ngoài nguồn cung ứng của Nhà nước, phải chú ý khai thác các nguồn vật tư từ các cơ sở sản xuất tập thể và cá thể được phép hoạt động trên cơ sở chế độ hợp đồng kinh tế của Nhà nước.

Kết hợp chặt chẽ công tác kế hoạch hóa và hạch toán kinh tế, đi vào làm ăn có tính toán, xây dựng nhiều phương án sản xuất, kinh doanh, trong đó phải bảo đảm lựa chọn được phương án có hiệu quả nhất.

Những quan điểm nêu ở trên phải được quán triệt vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, theo hệ thống chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh mà Nhà nước ban hành cho xí nghiệp.

Hệ thống chỉ tiêu này thể hiện những yêu cầu của Nhà nước đối với xí nghiệp, đồng thời cũng xác định những quyền hạn và quyền lợi mà Nhà nước dành cho xí nghiệp.

Dựa vào hệ thống chỉ tiêu trên đây, xí nghiệp phải xây dựng và cân đối các kế hoạch sản xuất – kỹ thuật – tài chính, kế hoạch cải thiện điều kiện làm việc của công nhân và kế hoạch cải thiện đời sống của công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Hiện nay trong công tác quản lý kinh tế ở miền Nam, có những khuyết điểm như: hành chính quan liêu, bao cấp, không chỉ đạo kịp thời và sát các xí nghiệp; giấy tờ nhiều mà giải quyết công việc được ít. Các cơ quan kế hoạch, cung ứng vật tư, tài chính, ngân hàng, giá cả, thương nghiệp...chưa phục vụ đắc lực cho sản xuất của xí nghiệp, đặt ra nhiều thủ tục phiền phức, chằng những không giám đốc được chặt chẽ xí nghiệp trong việc thi hành các chế độ quản lý, mà còn gây ra những trở

ngại cho việc thực hiện kế hoạch ở các xí nghiệp. Các khuyết điểm và nhược điểm này cần được gấp rút sửa chữa. Phải phát huy việc dân chủ hóa kế hoạch đối với xí nghiệp, tôn trọng quyền hạn của xí nghiệp trong sản xuất và kinh doanh, đồng thời quản lý chặt chẽ các xí nghiệp, xây dựng các xí nghiệp quốc doanh ở miền Nam mau chóng trưởng thành, trở nên những đơn vị cơ sở vững mạnh về kinh tế và chính trị, có khả năng làm đầu tàu, đi đầu và giúp đỡ các thành phần kinh tế khác tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2 — Về lao động tiền lương.

Chúng ta đang tiến hành việc tổ chức và phân công lại lao động trong toàn xã hội. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã chỉ rõ: « Trước hết, phải nhằm vào yêu cầu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, của việc xây dựng cơ cấu sản xuất mới mà tổ chức và phân công lại lao động trong phạm vi cả nước, trong từng ngành cũng như trên từng địa phương và cơ sở » (2).

Trong phạm vi xí nghiệp, việc tuyển dụng, tổ chức lao động phải hợp lý và khoa học, « đấu tranh chống lãng phí lao động là thứ lãng phí lớn nhất hiện nay » (3).

Để thực hiện đúng đắn quyền hạn của mình, tránh những lệch lạc có thể xảy ra, trong từng thời kỳ kế hoạch, xí nghiệp phải xem

xét kỹ số lao động hiện có để tổ chức lại lao động một cách hợp lý, tận dụng hết khả năng lao động trên tinh thần *hết sức tiết kiệm lao động*, chỉ bổ sung lao động khi xét thật cần thiết và phải trên cơ sở của chỉ tiêu tăng năng suất lao động và tổng quỹ tiền lương.

Trên cơ sở của số lao động hiện có, xí nghiệp phải áp dụng những phương pháp tiên tiến về tổ chức và quản lý lao động để tính toán và bố trí lại lao động một cách khoa học.

Trong điều kiện ở nước ta, việc đầu tiên là xí nghiệp phải xem xét và xác định lại một hệ thống định mức lao động tiến bộ, phải xây dựng định mức đối với các loại công việc có thể định mức được. Tiến hành việc xây dựng và cải tiến các định mức lao động trên cơ sở những biện pháp khoa học kết hợp với những biện pháp vận động, giáo dục quần chúng công nhân, viên chức tự nguyện nhận và phấn đấu đạt những định mức tiến bộ; đồng thời xí nghiệp phải tạo những điều kiện vật chất kỹ thuật và bố trí tốt nơi làm việc để công nhân thực hiện được tốt các định mức. Trong khi xây dựng các định mức, phải coi trọng cả hai mặt : số lượng lao động và chất lượng lao động.

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 97.

(3) Sách đã dẫn, trang 98.

Xi nghiệp phải đề cao kỷ luật sản xuất, kỷ luật lao động, xây dựng đầy đủ các nội quy, tổ chức cho mọi người lao động trong xí nghiệp học tập và nắm vững ; phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành, vì đó là cơ sở và điều kiện để đưa mọi người trong xí nghiệp đi vào sản xuất và công tác theo một nền nếp mới, có tổ chức và kỷ luật, rèn luyện tư tưởng và tác phong của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Kết hợp chặt chẽ việc thúc đẩy sản xuất với việc thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, phát động và tổ chức phong trào đồng khởi thi đua xã hội chủ nghĩa, vận dụng đúng đắn các chế độ tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi. Muốn có năng suất cao, có hiệu quả kinh tế, phát huy được các tài năng, chúng ta phải trả tiền lương thích đáng cho từng người lao động phù hợp với kết quả thực tế cống hiến của từng người lao động, «...làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, có sức lao động mà không làm thì không hưởng... » (4).

Tất cả các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở miền Nam phải chuyển sang thực hiện chế độ và thang lương thống nhất của Nhà nước, áp dụng thống nhất các chế độ về phụ cấp, trợ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động của Nhà nước đã ban hành.

Trên cơ sở chính sách và chế độ tiền lương chung của cả nước, tùy thuộc vào tổ chức sản xuất và tính chất của từng loại công

việc, xí nghiệp được quyền áp dụng những hình thức trả lương thích hợp và quyết định bậc lương cho công nhân, viên chức. Hình thức lương phải có tác dụng khuyến khích, thúc đẩy công nhân, viên chức ngày càng phấn khởi, hăng hái nâng cao hiệu quả lao động và trau dồi nghề nghiệp.

Trong khi Nhà nước đang nghiên cứu việc cải tiến chế độ tiền lương nhằm thúc đẩy việc tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, các xí nghiệp cần áp dụng rộng rãi hình thức trả lương theo sản phẩm, dựa trên những định mức hợp lý, đồng thời phải kiểm tra nghiêm ngặt chất lượng sản phẩm và những hao phí về vật tư. Ngoài ra, nên áp dụng chế độ trả lương theo thời gian có thưởng, chế độ trợ cấp đặc biệt đối với công nhân lành nghề và chuyên viên giỏi, làm cho người lao động chú ý đến trách nhiệm, phát huy hết tài năng, bảo đảm kết quả công việc của mình.

Cùng với các chế độ tiền lương, xí nghiệp phải biết sử dụng đúng đắn các chế độ tiền thưởng của Nhà nước, coi đây là hình thức khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, nhằm đạt những mục tiêu nhất định, như : vượt tiêu chuẩn chất lượng ; tiết kiệm nguyên liệu ; sáng kiến cải tiến công nghệ, thiết bị... Đồng thời xí nghiệp phải thi hành những hình thức phạt bằng

(4) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang. 99.

vật chất đối với những trường hợp làm ra sản phẩm hỏng, lãng phí vật tư, mà không có lý do chính đáng.

Xi nghiệp chỉ có thể sản xuất và kinh doanh tốt, nếu biết chăm lo tổ chức tốt đời sống của công nhân, viên chức, với mức cố gắng cao nhất trong điều kiện hiện nay. Đảng và Nhà nước đã xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của chính quyền địa phương (tất nhiên có sự chỉ đạo, phục vụ của các Bộ, Tổng cục có liên quan). Đồng thời đó cũng là trách nhiệm trực tiếp của giám đốc xí nghiệp, của đảng ủy và công đoàn trong xí nghiệp.

Xi nghiệp phải quản lý chặt chẽ các nhà ăn tập thể, cải thiện các bữa ăn trưa; thường xuyên kiểm tra việc sử dụng lương thực và thực phẩm, bảo đảm cho công nhân, viên chức hưởng đủ định suất được cung cấp; tổ chức và động viên công nhân, viên chức trông tọt, chăn nuôi để tự cải thiện đời sống.

Ngoài những công trình phúc lợi do Nhà nước đầu tư, xí nghiệp được xây dựng thêm nhà ở, nhà gửi trẻ, nhà mẫu giáo, nếu xí nghiệp có điều kiện. Các cơ quan Nhà nước và chính quyền địa phương phải giúp xí nghiệp giải quyết về các mặt thủ tục, dặt dai để xí nghiệp có thể hoàn thành nhanh, gọn các công trình tự làm.

3 — *Công tác hạch toán kinh tế và tài chính, tín dụng.*

Trong tình hình hiện nay, các xí nghiệp công nghiệp ở miền

Nam phải cố gắng tổ chức tốt công tác thống kê, kế toán theo điều lệ thống kê, kế toán chung của cả nước.

Để thực hiện tốt chế độ hạch toán kinh tế, công tác thống kê kế toán của xí nghiệp phải được tổ chức một cách chặt chẽ, khoa học, bảo đảm phản ánh được chính xác và kịp thời tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Điều đó sẽ giúp cho cơ quan chỉ đạo nắm được tình hình, uốn nắn kịp thời các lệch lạc, đưa các hoạt động sản xuất, kinh doanh vào đúng phương hướng của kế hoạch Nhà nước. Vì vậy công tác thống kê, kế toán không những phải ghi chép, tính toán các số liệu, mà còn phải phân tích các số liệu đó, giúp cho việc quản lý sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp được chặt chẽ và có hiệu quả kinh tế cao.

Trong khuôn khổ của các chế độ tài chính, tín dụng... xí nghiệp tổ chức việc quản lý chặt chẽ các tài sản bằng hiện vật, quản lý các loại vốn, quỹ, chuyển sang phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa bằng hạch toán kinh tế; đồng thời chủ động sử dụng các loại vốn cấp phát, chủ động lập kế hoạch vay tín dụng ngân hàng để có đủ vốn hoạt động.

Trong điều kiện hiện nay, việc tăng nhanh tỷ lệ vốn tín dụng và mở rộng việc cho vay trong và ngoài kế hoạch sẽ tạo điều kiện cho các xí nghiệp ở miền Nam chủ động mở rộng sản xuất, kinh

doanh, không bị gò bó trong phạm vi cấp phát của ngân sách. Tuy nhiên, muốn sử dụng được tốt vốn tín dụng, xí nghiệp phải tính toán hiệu quả, lỗ lãi, cân nhắc kỹ phương án sản xuất, kinh doanh, tận dụng năng lực sản xuất hiện có, đi vào đầu tư theo chiều sâu và cải tiến tổ chức sản xuất, kinh doanh. Xí nghiệp phải kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vật tư cũng như quỹ tiền lương và các chi phí khác, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có lãi. Khi sản xuất có lãi, xí nghiệp được sử dụng một phần lợi nhuận để cải tiến kỹ thuật, trang bị lại kỹ thuật và cùng với Nhà nước tham gia vào việc đầu tư mở rộng xí nghiệp.

D — Tổ chức sản xuất và tổ chức bộ máy quản lý xí nghiệp.

Đề thi hành được Điều lệ, các Bộ và Tổng cục quản lý xí nghiệp, các Ủy ban nhân dân địa phương cần chấn chỉnh ngay tổ chức sản xuất của từng xí nghiệp, xác định ngay các hình thức tổ chức quản lý và xác định rõ đơn vị cơ sở (xí nghiệp độc lập, xí nghiệp liên hợp).

1 — Về tổ chức sản xuất của xí nghiệp. Tổ chức lại nền sản xuất xã hội trong phạm vi cả nước bao gồm những ngành kinh tế — kỹ thuật theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là một trong những vấn đề quan trọng nhất của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế mới trong cả nước.

Việc cải tiến tổ chức sản xuất

của các đơn vị cơ sở ở miền Nam phải gắn liền với việc tổ chức lại và phân công sản xuất hợp lý trong các ngành kinh tế — kỹ thuật của cả nước, bảo đảm sự phân công sản xuất hợp lý giữa quốc doanh trung ương và quốc doanh địa phương, giữa quốc doanh và tập thể, giữa tập thể và cá thể nhằm phát huy cao độ năng lực sản xuất của các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở. Làm như vậy nhằm thúc đẩy các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất nhanh chóng đi vào hướng tích tụ, chuyên môn hóa, hợp tác và liên hiệp trong tổ chức sản xuất theo ngành kinh tế — kỹ thuật, và kết hợp ngành với lãnh thổ; đó là những đặc trưng chủ yếu về tổ chức sản xuất của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Việc cải tiến tổ chức ở từng xí nghiệp là một bộ phận quan trọng của việc tổ chức lại nền sản xuất xã hội hiện nay. Phải cải tiến tổ chức sản xuất ở từng xí nghiệp, bảo đảm hợp lý, khoa học, ngày càng rút ngắn được thời gian sản xuất ra sản phẩm, nâng cao được chất lượng sản phẩm và đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao.

Trước mắt, các xí nghiệp ở miền Nam cần chú ý các vấn đề chủ yếu sau đây:

a) Xác định phương án sản phẩm kèm theo phương án bố trí thiết bị, máy móc. Luôn luôn chú ý cải tiến công nghệ chế tạo sản phẩm, nâng cao trình độ kỹ thuật sử dụng thiết bị và dụng cụ sản

xuất của xí nghiệp đề tăng nhanh sản lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm. Phát động và tổ chức phong trào quần chúng tham gia cải tiến kỹ thuật, chế tạo thêm máy móc, nhất là máy móc chuyên dùng, cải tiến và hợp lý hóa sản xuất để thúc đẩy sản xuất phát triển.

b) Nếu có hướng sản xuất mới, hoặc có thay đổi về nguyên liệu, xí nghiệp cần điều chỉnh, bổ sung các dây chuyền sản xuất, đặc biệt chú ý tăng cường bộ phận sửa chữa cơ điện ở từng xí nghiệp và tổ chức sửa chữa cơ điện chuyên môn hóa, tập trung trong xí nghiệp liên hợp. Phải bảo vệ tốt các dây chuyền sản xuất hiện đại, chính xác đã được tiếp quản.

c) Tổ chức lao động một cách khoa học, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu của việc sử dụng thiết bị, thực hiện đúng quy trình công nghệ của sản phẩm, tổ chức tốt hơn nơi làm việc của công nhân, thực hiện tốt vệ sinh công nghiệp và bảo hộ lao động.

d) Tổ chức tốt việc hậu cần cho sản xuất, cung ứng nguyên liệu, vật liệu, dụng cụ đến tận nơi làm việc của công nhân; tổ chức hợp lý công tác vận chuyển nội bộ; tổ chức tốt việc tiêu thụ sản phẩm, không để sản phẩm ứ đọng, làm ngừng trệ sản xuất.

e) Tổ chức hợp lý các tổ sản xuất, các phân xưởng, các ngành chuyên môn trong xí nghiệp; xác định nhiệm vụ sản xuất rõ ràng cho từng bộ phận và kiểm tra chặt chẽ quá trình sản xuất; tổ

chức toàn bộ mặt bằng sản xuất hợp lý, bảo đảm hành trình chế tạo sản phẩm ngắn nhất, có hiệu quả nhất.

g) Phải soát xét lại và nếu cần, thì khôi phục tổ chức sản xuất của một số công ty (thực chất là xí nghiệp liên hợp) trước kia được hình thành theo hướng chuyên môn hóa kết hợp với liên hiệp sản xuất để bảo đảm hiệu quả kinh tế cao, vừa qua đã bị xáo trộn, cắt xén, làm giảm sút hiệu quả kinh tế.

Hướng tổ chức lại sản xuất của các xí nghiệp công nghiệp ở miền Nam là *tăng cường chuyên môn hóa sản xuất kết hợp chặt chẽ với liên hiệp sản xuất*, bảo đảm mục tiêu cuối cùng là hiệu quả kinh tế.

2 — *Tổ chức bộ máy quản lý xí nghiệp*: Bộ máy quản lý ở nhiều xí nghiệp hiện nay công kênh, nặng nề, trong khi đội ngũ cán bộ lại yếu và thiếu, cả về số lượng và trình độ nghiệp vụ, kinh tế — kỹ thuật.

Trong điều kiện hiện nay, các xí nghiệp độc lập hoặc xí nghiệp liên hợp điều hành như thế nào?

Xí nghiệp được quản lý theo chế độ thủ trưởng, dưới sự lãnh đạo của đảng ủy; công nhân, viên chức phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong xí nghiệp. Bản Điều lệ đã quy định: « Giám đốc xí nghiệp là người được Nhà nước bổ nhiệm, thay mặt Nhà nước quản lý xí nghiệp, là người chỉ huy cao nhất, chịu trách nhiệm trước Nhà

nước và trước cấp trên trực tiếp về mọi hoạt động và kết quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp ».

Để thực hiện được chế độ quản lý trên đây, cần phải gấp rút củng cố và phát triển cơ sở Đảng trong các xí nghiệp ở miền Nam, nhanh chóng nâng cao năng lực lãnh đạo và kiểm tra của tổ chức Đảng, đồng thời xác định rõ đơn vị cơ sở Đảng và các mối liên hệ với cấp ủy Đảng lãnh đạo trực tiếp. Các đoàn thể quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên) phải được gấp rút củng cố và phát triển để bảo đảm thực hiện đúng đắn chức năng tham gia quản lý xí nghiệp và hướng dẫn, tổ chức quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong xí nghiệp.

Giám đốc xí nghiệp phải luôn luôn nắm chắc được toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp, kịp thời đề ra những chủ trương và biện pháp chính về các công tác lớn trong xí nghiệp, giải quyết đúng đắn những vấn đề cụ thể thuộc phạm vi chỉ huy sản xuất, kinh doanh, quản lý công việc hằng ngày theo nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định trong bản Điều lệ.

Giám đốc xí nghiệp phải coi trọng sự lãnh đạo của tổ chức Đảng trong xí nghiệp, coi trọng quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân, viên chức. Giám đốc xí nghiệp phải sử dụng bộ máy quản lý trong việc nghiên cứu, đề xuất những chủ trương và biện pháp lớn để đảng ủy xí

ngiệp thảo luận và ra nghị quyết.

Bộ máy quản lý xí nghiệp cần được tổ chức theo tinh thần gọn, nhẹ, mạnh, ít phòng (ban) và không có trung gian. Số lượng phòng (ban) phải dựa trên sự thống kê, tính toán khối lượng công việc trong từng mặt công tác quản lý, theo hướng là sáp nhập các phần việc có liên quan mật thiết với nhau vào trong một phòng (ban), bảo đảm sự hợp tác chặt chẽ và sự điều khiển thống nhất, khắc phục tình trạng bộ máy công kênh, biên chế hành chính nặng nề, hoạt động rời rạc, chậm chạp, chông chéo lẫn nhau.

Phải bảo đảm thực hiện ba chức năng cơ bản của bộ máy quản lý xí nghiệp đã nêu trong bản Điều lệ: phục vụ sản xuất; theo dõi, kiểm tra; làm tham mưu cho giám đốc xí nghiệp. Mỗi quan hệ giữa các phòng (ban) với các phân xưởng là mối quan hệ ngang: các phòng (ban) không được quyền ra chỉ thị cho quản đốc phân xưởng, mà chuẩn bị các chỉ thị đề giám đốc xí nghiệp ban hành.

Để bảo đảm cho bộ máy hoạt động theo đúng chế độ quản lý của Nhà nước, phải giải quyết khẩn trương và liên tục vấn đề cán bộ. Điều động, bổ sung ngay một số cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ cho các xí nghiệp, trước hết là những xí nghiệp trọng điểm. Mặt khác, phải khẩn trương và liên tục bồi dưỡng đội ngũ cán

(Xem tiếp trang 46)

KHẮC PHỤC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, ĐẦY MẠNH CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ

HÀ - THỊ - QUẾ

NHÌN LẠI SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NỮ

Trong bất kỳ một phong trào cách mạng lớn lao nào, một trong những thành quả, đồng thời cũng là một nguyên nhân, một nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào là sự phát triển và trưởng thành của đội ngũ cán bộ.

Sự nghiệp giải phóng phụ nữ nước ta gần 50 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh bằng thực tiễn sinh động rằng mỗi bước phát triển và trưởng thành của đội ngũ cán bộ nữ đều gắn liền và tác động sâu sắc đến sự phát triển của phong trào phụ nữ nước ta, gắn liền với sự hình thành và phát triển của chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới, gắn liền với thành quả của cả ba cuộc cách mạng.

Như chúng ta biết, Cách mạng tháng Tám mới thành công chúng ta đã bước ngay vào cuộc kháng chiến chống Pháp với một đội ngũ cán bộ nữ chỉ gồm độ vài nghìn người chủ yếu là cán bộ chính trị, làm công tác

vận động quần chúng. Các chị em đã tận tụy hoạt động trong những điều kiện gian khổ ác liệt từ các căn cứ kháng chiến đến các vùng sau lưng địch đầy nguy nan và đã xây dựng được cơ sở quần chúng cách mạng rất vững chắc ăn sâu bám rễ đến từng xóm làng, đường phố, xí nghiệp, hầm mỏ... Dần dần theo sự phát triển lớn mạnh của bộ máy Nhà nước dân chủ nhân dân, đã có một bộ phận chị em chuyển sang các mặt hoạt động mới mẻ khác như công tác chính quyền ở cơ sở, làm công tác kinh tế tài chính ở ngành mật dịch quốc doanh và ngân hàng trong chiến khu chống Pháp. Một số trở thành cán bộ chỉ huy chiến đấu, xây dựng lực lượng dân quân du kích; một số đi vào hoạt động văn nghệ, báo chí, thông tin...

Sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Bắc bước vào cách mạng xã hội chủ nghĩa, đội ngũ cán bộ nữ phát triển đông đảo hơn, nhanh chóng hơn, với cơ cấu toàn

diện hơn, nhờ có hai hướng đào tạo và bồi dưỡng. Một mặt, từ phong trào quần chúng, từ thực tiễn đấu tranh cách mạng ở cơ sở — đó là những chị em công nông ưu tú xuất hiện và trưởng thành trong cải cách ruộng đất, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong quá trình cải tiến quản lý xí nghiệp xã hội chủ nghĩa, xây dựng hợp tác xã nông nghiệp từ thấp lên cao, và cả trong quá trình chiến đấu vũ trang ác liệt mặt đối mặt với quân thù. Mặt khác, từ hướng đào tạo chính quy ở các trường phổ thông, các trường trung học chuyên nghiệp và đại học ở trong nước và ngoài nước. Đó là một thành tựu mới rất lớn lao, đạt được là nhờ Đảng ta đã xây dựng được bộ máy chính quyền Nhà nước hoàn chỉnh và kiên định lập trường chính sách đúng đắn: phát triển hệ thống nhà trường xã hội chủ nghĩa, đào tạo hàng loạt con em nhân dân lao động đi nhanh lên trình độ học vấn phổ thông và cao

đẳng, bảo đảm cho các em, kể cả trai lẫn gái, được hưởng một chế độ giáo dục bình đẳng. Thực tiễn phát triển của ngành giáo dục nước ta càng chứng minh rằng: chế độ xã hội, nền kinh tế và văn hóa của đất nước càng vững vàng đi lên theo hướng xã hội chủ nghĩa, càng tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em gái được hưởng đầy đủ quyền bình đẳng trong học tập, thi trí tuệ của các em càng có điều kiện phát triển không thua kém trẻ em trai. Và chỉ có như thế chúng ta mới có được một đội ngũ đông đảo phụ nữ trí thức mới xã hội chủ nghĩa: những bác sĩ, kỹ sư, tiến sĩ khoa học, những nghệ sĩ, nhà văn, nhà báo, đạo diễn, v.v. Bằng con đường bỏ túc văn hóa tại chức, tại nghề, chị em công nông, lao động nghèo cũng có cơ hội được đào tạo thành cán bộ khoa học, cán bộ quản lý và lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Số phụ nữ tham gia lãnh đạo

	1965	1976
Bộ trưởng, Thứ trưởng	6	19
Cục, Vụ, Viện trưởng	5	37
<i>Riêng ở miền Bắc</i>		
Cục, Vụ, Viện phó	16	82
Chánh, phó giám đốc xí nghiệp trung ương	8	44
Trưởng, phó phòng	52	284

Số cán bộ phụ nữ trong ngành y tế

	1954	1977
Bác sĩ	3	2 980
Y sĩ	34	11 013
Dược sĩ trung, cao cấp	11	4 543

Số cán bộ phụ nữ có trình độ văn hóa

	1964	1977	
		Riêng miền Bắc	Cả nước
Trung học	5 179	162 300	182 895
Đại học	1 192	34 100	41 965
Trên đại học	6	148	

Số cán bộ phụ nữ trong ngành giáo dục

	1955 — 1956	1975 — 1976
(Riêng miền Bắc) Cán bộ giảng dạy đại học	13	1 567

Số nữ học sinh

	Riêng miền Bắc		Cả nước
	1955 — 1956	1975 — 1976	1977 — 1978
Học sinh trung học chuyên nghiệp	270	39 447	61 400
Học sinh đại học	123	16 355	34 800

Những số liệu trên đây nói lên phần nào cơ cấu phát triển toàn diện và sự phát triển tương đối nhanh của đội ngũ cán bộ nữ. Chất lượng của đội ngũ ấy cũng được nâng lên rõ rệt, thể hiện ở trình độ lý luận, trình độ văn hóa, kiến thức khoa học kỹ thuật, tài năng văn học nghệ thuật, năng lực công tác lãnh đạo và quản lý, cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng.

Về trình độ văn hóa, yêu cầu qua trung học, đại học hiện nay đã trở thành yêu cầu phổ biến đối với đội ngũ cán bộ nữ. Đối với một bộ phận chị em thì đã bắt đầu đề ra yêu cầu vươn lên trình độ trên đại học về kiến thức khoa học chuyên ngành.

Yêu cầu về trình độ lý luận, trình độ chính trị và năng lực lãnh đạo đối với chị em là nắm vững những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, biết vận dụng quy luật phát triển cách mạng vào thực tiễn công tác, có trình độ nghiên cứu, tổng kết từ thực tiễn công tác. Về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng cũng có những thử thách, yêu cầu mới đặt ra đối với chị em. Không những phải thể hiện được khí tiết cách mạng trong cuộc chiến đấu mặt đối mặt với quân thù, trước cái sống và cái chết trong chiến đấu vũ trang mà còn phải thể hiện cả sự vững vàng về lập trường, quan điểm cách mạng

của giai cấp công nhân, trên mỗi cương vị trách nhiệm, ở mọi địa bàn hoạt động khác nhau. Đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, tinh thần dũng cảm, kiên định của chị em phải thể hiện qua những thử thách hằng ngày trong công tác, trong nếp sống, trong sinh hoạt và trong sự rèn luyện, phấn đấu để nâng tầm nhìn, tầm nghĩ, năng lực đảm đương trách nhiệm của mình lên nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, trong thời đại cách mạng xã hội chủ nghĩa đang phát triển với nhịp độ nhanh cả về bề rộng lẫn bề sâu, đây là một thử thách mang tính chất gay gắt quyết liệt mới. Chẳng hạn người cán bộ phụ nữ phải phấn đấu, rèn luyện thế nào để khi có chức có quyền mà không biến chất thoái hóa trước những cám dỗ vật chất, danh lợi, tiếp tục vươn lên cả về trình độ năng lực, cả về đạo đức phẩm chất, xứng đáng với lòng tin của nhân dân.

Một vấn đề nữa có tính quy luật là sự phát triển đội ngũ cán bộ nữ phải có tính chất đồng bộ, có tính kế thừa (nối tiếp) giữa các thế hệ, có sự kết hợp hài hòa giữa cán bộ cũ và mới, già và trẻ, bảo đảm cho đội ngũ luôn luôn có sức vươn lên. Trên bước đường chuyển hóa cách mạng từ xã hội cũ sang xã hội mới, ở nước ta những thế lực bảo thủ trì trệ, những định kiến, tập quán lạc hậu của xã hội cũ để lại còn là một sức mạnh ghê gớm. Đội ngũ cán bộ nữ muốn phát triển lên, phải chiến thắng được những thế lực bảo thủ ấy, và phải chiến thắng chúng bằng cả một sức mạnh tập thể tràn đầy sinh lực, thể hiện đầy đủ những phẩm chất cao đẹp của giai cấp công nhân, chứ không thể trông chờ ở tài năng của vài ba « nhân vật kiệt xuất » nào được. Điều này được thể nghiệm rất rõ ở các đơn vị lao động xã hội chủ nghĩa có đông phụ nữ, ở

các xã và xí nghiệp mà đảng bộ cơ sở đã vận dụng đúng đắn đường lối, quan điểm của Đảng về công tác phụ vận và công tác cán bộ nữ. Những năm 1965 - 1967, sau khi có các Nghị quyết 152, 153 của Ban bí thư Trung ương Đảng về công tác phụ vận và công tác cán bộ nữ, trên miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã có một bước phát triển nhảy vọt thật sự về số lượng và chất lượng của đội ngũ cán bộ nữ. Lúc đó cuộc chiến tranh yêu nước chống đế quốc Mỹ xâm lược đã bước vào thời điểm thử thách gay go quyết liệt cho nền tảng thúc đẩy mạnh mẽ sự phản công lao động mới trong xã hội, giữa hậu phương và tiền tuyến. Phong trào phụ nữ « ba đảm đang » ở miền Bắc lúc đó càng có sức lôi cuốn mãnh liệt các tầng lớp phụ nữ tham gia đông đảo và nhanh chóng vào mọi mặt lao động sản xuất xã hội, lao động khoa học kỹ thuật, lao động nghệ thuật và cả trong chiến đấu vũ trang. Sự rèn luyện khắt khe, quyết liệt trong sản xuất và chiến đấu càng làm nảy nở nhiều hạt nhân cách mạng trong phong trào quần chúng. Những người phụ nữ ưu tú, dũng cảm, thông minh, thể hiện rõ tài năng tổ chức và lãnh đạo quần chúng, đã được Đảng và Nhà nước ta đào tạo, bồi dưỡng thành lực lượng cốt cán, lực lượng xung kích của phong trào quần chúng sôi nổi ấy. Tuy nhiên, chúng ta đều hiểu cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện nhất, sâu sắc nhất, triệt để nhất trong lịch sử loài người. Vì nó hướng vào mục tiêu xóa bỏ tận gốc sự phân hóa giai cấp và xây dựng chế độ xã hội mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới, con người mới. Hệ thống Nhà nước chuyên chính vô sản là công cụ sắc bén trong tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động để tiến hành cuộc cách mạng ấy. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chuyên chính vô sản (bao gồm các tổ chức Đảng, Nhà

nước và đoàn thể quần chúng) phải là một đội ngũ cán bộ có đủ sức lãnh đạo toàn thể xã hội tiến hành một cuộc cách mạng như thế. Cho nên đội ngũ ấy, trong đó có cán bộ nữ, phải không ngừng được hoàn thiện về cơ cấu và được nâng cao không ngừng về mọi mặt, cả trình độ, năng lực cũng như về phẩm chất. Khi công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc phát triển mạnh về cả bề rộng và bề sâu, đòi hỏi phải đầy nhanh cả ba cuộc cách mạng, phải mau chóng cải tiến công tác quản lý, tổ chức lại toàn bộ nền kinh

tế, đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, và đặc biệt là sau khi miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, thì vấn đề kiện toàn đội ngũ cán bộ đáp ứng các yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới càng được đặt ra một cách gay gắt và cấp bách.

Trong tình hình ấy, công tác cán bộ nữ càng bộc lộ những khuyết điểm, nhược điểm, những khó khăn, đòi hỏi phải được khắc phục thì mới đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng mới.

KHẮC PHỤC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, ĐẦY MẠNH CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ

Trong điều kiện xã hội Việt-nam, giai cấp công nhân công nghiệp còn ít về số lượng và chưa được rèn luyện nhiều trong môi trường sản xuất đại công nghiệp thì đội ngũ cán bộ nữ có những nhược điểm là điều khó tránh. Về cơ cấu giai cấp, số cán bộ xuất thân công nhân và bản thân là công nhân được rèn luyện trong môi trường lao động công nghiệp ít. Đại bộ phận cán bộ xuất thân từ nông dân, tiểu tư sản, một bộ phận xuất thân từ trí thức tiểu tư sản và con em giai cấp bóc lột, quan lại..., nhờ được giác ngộ về dân tộc, và đi với Đảng mà dần dần tiến lên giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa. Vì thế, nếu không được rèn luyện tốt trong phong trào quần chúng, không được giáo dục có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, và không thường xuyên nâng cao kiến thức khoa học thì không khắc phục được những nhược điểm về ý thức tư tưởng của giai cấp xuất thân, dễ sa vào những biểu hiện tư tưởng tư sản, tiểu tư sản như chủ nghĩa cá nhân, tư lợi, cục bộ, hẹp hòi, thiên cận, không vươn

lên tâm nhìn, tầm nghĩ của giai cấp vô sản hiện đại. Trong công tác cán bộ nữ, cũng có lúc, có nơi còn có những biểu hiện sai lầm chưa nắm vững quan điểm giai cấp của Đảng. Những hạt nhân cách mạng của phong trào nữ công nhân chưa được quan tâm nhanh chóng bồi dưỡng từ thấp đến cao một cách toàn diện để bổ sung vào đội ngũ cán bộ nữ. Trong đội ngũ nữ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp các ngành, số xuất thân công nhân thật quá ít ỏi. Số cán bộ xuất thân từ học sinh, trí thức, con em giai cấp bóc lột, thì còn có những người chưa được rèn luyện lâu dài trong phong trào quần chúng ở cơ sở. Số người có điều kiện rèn luyện trong môi trường đấu tranh sản xuất và đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân càng ít, đại bộ phận chỉ quen hoạt động trong phong trào nông dân, học sinh, lao động nghèo thành thị.

Một số đồng chí còn lập luận rằng: « Cán bộ phụ nữ là trung thành, trong sạch, liêm khiết, không tham ô », cứ mạnh dạn đưa chị em vào các cương

vị lãnh đạo và quản lý kinh tế ». Lập luận ấy không khoa học, không đứng vững trên quan điểm giai cấp, mà mang màu sắc kinh nghiệm chủ nghĩa. Thấy số cán bộ phụ nữ làm công tác Đảng và công tác vận động quần chúng ít phạm sai lầm thì vội đi đến kết luận như vậy, không tính đến thực tế là số phụ nữ có chức có quyền trước đây còn quá ít, nên số lạm dụng chức quyền làm bậy so với nam giới tất nhiên không nhiều. Thật ra, dù nam hay nữ, đã sống trong xã hội có giai cấp thì đều mang dấu ấn của giai cấp xuất thân; ngay công nhân cũng thường chịu ảnh hưởng tư tưởng

xấu của những giai cấp khác. Vấn đề quyết định là phải trải qua và tiếp tục rèn luyện trong phong trào quần chúng để tự cải tạo mình và không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh cảm cách mạng và lập trường tư tưởng vô sản. Thực tế cho thấy trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, một số cán bộ nữ, vì không được rèn luyện đầy đủ cho nên khi có chức, có quyền, tiếp xúc với danh và lợi, với tiền và hàng thì cũng đã tỏ ra không kiên định cách mạng, không giữ vững được đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư.

Số cán bộ nữ tham gia chính quyền

Cấp huyện	1967	1975
Số nữ ủy viên Hội đồng nhân dân	5 862 (44,74%)	4 693 (36,6%)
Số nữ ủy viên Ủy ban nhân dân	891 (26,48%)	405 (13,6%)
Số nữ chủ tịch	20 (7,9%)	6 (2%)
Số nữ phó chủ tịch	282 (28,98%)	140 (18%)

Cấp xã	1967	1975
Nữ ủy viên hội đồng nhân dân	73705 (46,48%)	56 356 (37%)
Nữ ủy viên ủy ban nhân dân	14 234 (32,74%)	6 012 (18,5%)
Nữ chủ tịch	901 (15,59%)	427 (8%)
Nữ phó chủ tịch	4587 (43,8%)	974 (13,8%)

Xuất phát từ quan điểm coi sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng nhân dân là người làm ra lịch sử, cho nên Đảng ta coi vấn đề xây dựng đội ngũ cán

bộ bao gồm cả nam và nữ là một tất yếu khách quan. Chị em phụ nữ được giác ngộ cách mạng, tham gia đấu tranh cách mạng trên vị trí bình đẳng như nam giới. Họ phát huy tài

năng, trí tuệ, lòng dũng cảm, trí thông minh của họ trên các vị trí chiến đấu thích hợp, trong mọi lĩnh vực hoạt động thích hợp về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa để góp phần cống hiến vào cuộc đấu tranh cách mạng cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Phong trào quần chúng nào thì có cán bộ ấy. Phong trào phụ nữ càng sôi nổi, mạnh mẽ thì càng nảy nở nhiều hạt nhân cách mạng mà Đảng có trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng để đưa vào đội ngũ cán bộ của Đảng. Đó là sự cần thiết khách quan trong công tác lãnh đạo một phong trào cách mạng có tính quần chúng rộng lớn. Cho nên quan điểm «ban ơn», «chiếu cố phụ nữ», đưa phụ nữ vào cấp này, ngành kia cho đủ thành phần cơ cấu một cách hình thức, v.v. đều là sai trái với quan điểm quần chúng, quan điểm cách mạng của Đảng ta. Quan điểm này đã tác hại không ít đến công tác xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, làm nảy sinh không ít những biểu hiện tùy tiện, lúc này thì «ban ơn», «chiếu cố» đưa vào, lúc khác lại đưa ra, thay đổi người không theo một nguyên tắc, tiêu chuẩn nào, miễn là có đủ thành phần phụ nữ trong các tổ chức. Vì thế cán bộ phụ nữ không được lựa chọn, thử thách, đào tạo, rèn luyện để có đủ năng lực, bản lĩnh bảo đảm gánh vác được nhiệm vụ một cách vững vàng. Một biểu hiện sai lầm trong khi thi hành các nghị quyết 152, 153 của Ban bí thư Trung ương Đảng là đã đưa ô ạt cán bộ nữ vào các cương vị chủ chốt về quản lý kinh tế và quản lý Nhà nước, trong lúc những chị em này chưa được bồi dưỡng chu đáo theo một quy hoạch khoa học, mặt khác lại thiếu những chế độ, chính sách và biện pháp cụ thể để giúp đỡ chị em, thiếu quan tâm đến những khó khăn đặc biệt của chị em về tinh thần và vật chất, do đó chưa được mấy năm khá nhiều chị em đã bị rơi rụng.

Ở đây chúng ta nên tham khảo một điểm mà đồng chí Xta-lin đã nêu ra trong Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô tại Đại hội lần thứ 18 (10-3-1939):

«Lựa chọn cán bộ một cách đúng đắn, điều đó không hẳn là đi tìm cho mình những người phụ giúp, những người dự khuyết, không phải là lập nên một cái công đường rồi ngồi đó mà tung ra đủ thứ chỉ thị (...). Đó cũng không phải là lạm dụng quyền hành của mình để thuyết phục một cách vô lý hàng chục, hàng trăm người từ chỗ nọ sang chỗ kia và từ chỗ kia sang chỗ nọ, và tiến hành những cuộc «chỉnh đốn tổ chức» liên miên (...).

«Lựa chọn cán bộ một cách đúng đắn điều đó có nghĩa là:

Thứ nhất, phải coi cán bộ như vàng dự trữ của Đảng và của Nhà nước, yêu thương họ và quý trọng họ.

«Thứ hai, phải hiểu biết cán bộ, phải nghiên cứu tỉ mỉ ưu điểm và khuyết điểm của từng người, phải biết được ở cương vị nào thì một cán bộ nào đó có thể dễ dàng phát huy được tài năng của mình hơn hết.

«Thứ ba, phải lưu tâm bồi dưỡng cán bộ, giúp đỡ từng cán bộ đang có đà tiến bộ vượt lên nữa: đừng sợ «mất thì giờ» với các đồng chí ấy dạng thúc đẩy sự trưởng thành của họ.

«Thứ tư, phải mạnh dạn và kịp thời đề bạt những người mới, những cán bộ trẻ tuổi, không nên đề cho họ ở mãi một chỗ, không nên đề cho họ cùn đi.

«Thứ năm, bố trí cán bộ vào các cương vị thế nào cho mỗi người tự cảm thấy mình ở vào cương vị thích hợp; khiến cho mỗi người có thể cống hiến đến mức tối đa khả năng của mình...» (1)

(1) J. Xta-lin: *Những vấn đề chủ nghĩa Lê-nin*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1959, trang 875.

Rõ ràng là nếu không đứng vững trên quan điểm cách mạng của đảng dân chủ. Trong không ít cán bộ ta hiện nay còn tồn tại những tàn dư của tư tưởng đẳng cấp, theo kiểu phong kiến, tư tưởng gia trưởng. Tư tưởng ấy càng thể hiện đặc biệt nặng nề đối với cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Thậm chí vào hội nghị cũng phân chỗ ngồi theo cấp trên cấp dưới. Cán bộ phụ nữ rất căm kích trước sự quan tâm của Bác Hồ kính mến đối với phụ nữ, sự quan tâm đó thể hiện cả ở chỗ: đến hội nghị nào Bác cũng hỏi có mấy đại biểu nữ và Bác bắt lên ngồi ở các hàng ghế đầu. Cử chỉ của Bác vừa bao hàm việc chống tư tưởng đẳng cấp, vừa bao hàm việc nâng đỡ tinh thần cán bộ nữ, khuyến khích chị em dám mạnh dạn đứng vào vị trí bình đẳng làm cách mạng. Đường lối, chính sách của Đảng đã rõ ràng, thế nhưng khắc phục những ảnh hưởng tư tưởng đẳng cấp, phong kiến trong cán bộ không phải dễ dàng. Có khi ngay trong một cơ quan vẫn đang còn — những mối quan hệ: « cán bộ cha chú » và « cán bộ con cháu », « cán bộ mẹ, chị » và « cán bộ em út ». Có khi một cán bộ trẻ dám mạnh dạn trình bày quan điểm, dám thảo luận nêu ra ý kiến khác với ý kiến đồng chí phụ trách cao tuổi hơn, thuộc thế hệ trước, thì dường như đã bị coi là kiêu ngạo, không nghe lời. Như vậy thì làm sao thực hiện được các thể chế dân chủ trong quan hệ công tác, làm sao phát huy được sự suy nghĩ, trí sáng tạo, tinh thần mạnh dạn, chủ động công tác của các thế hệ cán bộ kế tiếp. Đầu óc gia trưởng phong kiến, tư tưởng đẳng cấp ấy cộng thêm sự xa cách, thiếu thông cảm, chan hòa giữa các lứa tuổi, các thế hệ cán bộ càng ảnh hưởng đến quan hệ đối xử, cũng như

quan hệ công tác, gây trở ngại cho sự kết hợp hài hòa giữa cán bộ cũ và mới, già và trẻ, để bảo đảm tính kế thừa trong sự phát triển đội ngũ cán bộ.

Trong công tác cán bộ nữ càng cần thấm nhuần tinh thần bình đẳng dân chủ. Trong không ít cán bộ ta hiện nay còn tồn tại những tàn dư của tư tưởng đẳng cấp, theo kiểu phong kiến, tư tưởng gia trưởng. Tư tưởng ấy càng thể hiện đặc biệt nặng nề đối với cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Thậm chí vào hội nghị cũng phân chỗ ngồi theo cấp trên cấp dưới. Cán bộ phụ nữ rất căm kích trước sự quan tâm của Bác Hồ kính mến đối với phụ nữ, sự quan tâm đó thể hiện cả ở chỗ: đến hội nghị nào Bác cũng hỏi có mấy đại biểu nữ và Bác bắt lên ngồi ở các hàng ghế đầu. Cử chỉ của Bác vừa bao hàm việc chống tư tưởng đẳng cấp, vừa bao hàm việc nâng đỡ tinh thần cán bộ nữ, khuyến khích chị em dám mạnh dạn đứng vào vị trí bình đẳng làm cách mạng. Đường lối, chính sách của Đảng đã rõ ràng, thế nhưng khắc phục những ảnh hưởng tư tưởng đẳng cấp, phong kiến trong cán bộ không phải dễ dàng. Có khi ngay trong một cơ quan vẫn đang còn — những mối quan hệ: « cán bộ cha chú » và « cán bộ con cháu », « cán bộ mẹ, chị » và « cán bộ em út ». Có khi một cán bộ trẻ dám mạnh dạn trình bày quan điểm, dám thảo luận nêu ra ý kiến khác với ý kiến đồng chí phụ trách cao tuổi hơn, thuộc thế hệ trước, thì dường như đã bị coi là kiêu ngạo, không nghe lời. Như vậy thì làm sao thực hiện được các thể chế dân chủ trong quan hệ công tác, làm sao phát huy được sự suy nghĩ, trí sáng tạo, tinh thần mạnh dạn, chủ động công tác của các thế hệ cán bộ kế tiếp. Đầu óc gia trưởng phong kiến, tư tưởng đẳng cấp ấy cộng thêm sự xa cách, thiếu thông cảm, chan hòa giữa các lứa tuổi, các thế hệ cán bộ càng ảnh hưởng đến quan hệ đối xử, cũng như

Về mối quan hệ nội bộ của đội ngũ cán bộ nữ, chúng ta thường nghe thấy những lời phê phán: « Các bà hay mất đoàn kết », « níu áo nhau », dường như đó là một đặc tính riêng của cán bộ nữ. Thật ra hiện tượng ấy mang bản chất giai cấp nhiều hơn là bản chất nữ tính. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, vấn đề sắp xếp, bố trí cán bộ vào các vị trí công tác, các vị trí chiến đấu cách mạng khác nhau theo năng lực, sở trường, theo tiêu chuẩn đức tài, nhiều khi lại bị chi phối bởi chế độ đãi ngộ theo chức vụ. Nhất là khi mà việc giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không theo kịp nhiệm vụ tổ chức thì tự nhiên cứ lưu truyền một quan điểm « xếp ghế » trong bộ máy. Người ta đã hiểu sai lạc vấn đề sử dụng, phân công tác cách mạng cho cán bộ thành chuyện « xếp ghế » theo « cánh hâu ». Từ đó mà nảy sinh những xu hướng cơ hội chủ nghĩa, những biểu hiện cá nhân chủ nghĩa như: kèn cựa, địa vị, ghen tị, đim tài, kéo bè kéo cánh... rất xấu, gây ra mất đoàn kết, tồn dư tư tưởng đến tình hữu ái giai cấp, tình đồng chí trong sáng trong đội ngũ cán bộ. Mối quan hệ đó càng thêm phức tạp vì có pha thêm những màu sắc riêng biệt của « nữ tính » kiểu cũ: hẹp hòi, chấp nhặt vụn vặt, hay đưa chuyện, làm cho những va chạm do khác biệt về cá tính, tác phong, những màu thuẫn về quan điểm, nhận thức, về phương pháp công tác... càng thêm sâu sắc. Cho nên vấn đề là phải giải quyết từ gốc bằng sự giáo dục về tính đảng, tính giai cấp, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa tập thể của giai cấp vô sản, chống chủ nghĩa cá nhân tư sản và tiểu

— Đặc biệt chăm lo xây dựng, bồi
dưỡng đội ngũ cốt cán phụ nữ ở
sở.

3 — Đẩy mạnh việc đào tạo chính
lý kết hợp với rèn luyện trong thực
tế đấu tranh cách mạng.

4 — Quan tâm đến những khó khăn
riêng biệt của cán bộ nữ về gia đình,
con cái, sức khỏe để có chính sách,
chế độ thỏa đáng, tạo điều kiện thuận

lợi cho chị em vươn lên.

5 — Xây dựng và nghiêm chỉnh
thực hiện các thể chế dân chủ trong
công tác tổ chức và chế độ làm việc,
đi đúng đường lối quần chúng trong
công tác lựa chọn, đề bạt, bồi dưỡng,
rèn luyện cán bộ để bảo đảm cho sự
lựa chọn được chính xác, sự rèn luyện
được nghiêm túc, chặt chẽ, làm
cho cả đội ngũ vừa phát triển nhanh
chóng, hài hòa, vừa vững chắc.

ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG KHÓ KHĂN RIÊNG CỦA CÁN BỘ NỮ

Trong thực tế công tác và đời sống,
cán bộ phụ nữ gặp nhiều khó khăn,
thử thách hơn nam giới. Vì thế cần
nhấn mạnh vấn đề quan tâm đến
những khó khăn riêng biệt của chị
em. Đó là những khó khăn về tinh
thần, tư tưởng và đời sống, cả khó
khăn chủ quan và khó khăn khách
quan.

Trong bước đầu xây dựng chủ
nghĩa xã hội, trên các lĩnh vực kinh
tế, xã hội, văn hóa còn nhiều khó
khăn thì người cán bộ phụ nữ càng
phải đương đầu với nhiều trở ngại từ
trong bản thân, gia đình đến ngoài
xã hội. Về tinh thần, tư tưởng thì
không những trong xã hội còn nặng
thiên kiến lạc hậu coi thường phụ nữ,
không đánh giá đúng vai trò, khả
năng của chị em, mà ngay bản thân
nhiều chị em cũng còn nặng tư tưởng
tự ti, an phận, dễ nản lòng, dễ giảm
sút ý chí phấn đấu vươn lên. Khác
với nam giới, người cán bộ phụ nữ
nào thông thường cũng phải trải qua
ba đợt thử thách lớn trong cuộc đời
hoạt động của mình do những điều
kiện phát triển tâm lý và sinh lý đặc
biệt của phụ nữ chi phối. Đó là khi yêu
đương và lập gia đình, khi có con và
khi ở độ tuổi trên dưới 50 (tuổi mãn

kinh có những biến động bất thường
về sức khỏe và tính tình). Đó là
những thời kỳ mà tư tưởng bị quan,
thoái chí càng dễ nảy sinh và phát
triển.

Hiện nay, ngay trong những gia
đình cán bộ thuận hòa, bình đẳng,
dân chủ nhất, có nếp sống lành mạnh,
khoa học nhất, người phụ nữ vẫn
phải gánh vác công việc gia đình con
cái, chợ búa, bếp núc vất vả hơn nam
giới. Vì thế mà sức khỏe càng bị ảnh
hưởng, việc học tập nghiên cứu càng
gặp khó khăn, tư tưởng tình cảm
càng bị chi phối, sức vươn lên càng
bị hạn chế so với nam giới. Đó là
chưa kể tới những khó khăn đặc biệt
của đội ngũ cán bộ cốt cán nữ ở cơ
sở vừa tham gia lao động sản xuất,
vừa công tác, và của cán bộ nữ các
dân tộc thiểu số còn chịu nhiều ràng
buộc về phong tục, tập quán của dân
tộc, của địa phương.

Tình hình ấy đòi hỏi bản thân
người cán bộ phụ nữ phải đặc biệt có
tinh thần tự giác, có ý chí, có nghị
lực phấn đấu kiên cường. Từ việc lựa
chọn người yêu, lập gia đình đến việc
sinh đẻ, tổ chức cuộc sống gia
đình, v.v. đều phải biết nhìn xa, biết
trừ tình theo một quan điểm đúng

tư sản, bồi dưỡng một nhận thức khoa học hơn về chức vụ và trách nhiệm, về chế độ phân phối theo nguyên tắc xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Thật ra, trong điều kiện của xã hội Việt-nam đang còn những biểu hiện của tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, những tàn dư của tư tưởng phong kiến và những di hại của tư tưởng thực dân cũ và mới, đội ngũ cán bộ nữ trên bước đường phát triển, trưởng thành, vẫn phải đương đầu với những thế lực bảo thủ trì trệ ăn sâu vào tinh cảm, thói quen của xã hội. Nếu không được vũ trang bằng chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa, đạo đức cộng sản chủ nghĩa thì không thể chiến thắng được.

Những đơn vị lao động xã hội chủ nghĩa của nữ công nhân, nữ trí thức xã hội chủ nghĩa đều là những đơn vị đã thể hiện được một sức mạnh như thế. Chiếm đoàn kết yêu thương nhau với tình cảm giai cấp chân thành, bồi dưỡng lẫn nhau, nương tựa vào nhau mà phát triển như một vườn hoa trăm sắc ngàn hương, như một rừng cây vững vàng trước mọi cơn bão táp. Không có sức mạnh của chủ nghĩa tập thể xã hội chủ nghĩa như thế, thì bất cứ « nhân tài phụ nữ » nào cũng không tránh khỏi chao đảo, vấp vấp trên bước đường phát triển.

Trong đội ngũ cán bộ nữ hiện nay đang tồn tại một tình hình đáng phải suy nghĩ. Đó là tình hình hụt hẫng một lớp cán bộ kế thừa. Lớp cán bộ nữ ở độ tuổi 30-35 đến 40, trưởng thành lên chủ yếu trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, hoặc từ trường đại học ra, hoạt động đã trên dưới 10 năm nhưng nhiều người chưa được quan tâm bồi dưỡng và đề bạt một cách thỏa đáng. Trong khi đó thì lớp cán bộ nữ tham gia lãnh đạo từ cấp tỉnh trở lên, từ trưởng phó phòng, cục, vụ, viện, đến bộ trưởng, thứ trưởng đều là lớp cán bộ cũ đã qua hai cuộc kháng chiến, đã ở độ tuổi trên dưới 50, chỉ 5-10 năm tới sẽ về hưu hàng loạt, và lúc đó thì

lớp cán bộ trẻ vẫn chưa lên kịp để thay thế họ. Tình hình ấy là hậu quả của công tác cán bộ quan liêu sự vụ, chấp vạ, thiếu quy hoạch và kế hoạch, không nhìn xa nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn cục. Khi mà công tác cán bộ của chúng ta không nắm vững tính quy luật, không thể hiện được tính cách mạng và khoa học thì nhất định sẽ bị động và lúng túng, nhất là ở thời đại chúng ta, thời đại mà cách mạng xã hội chủ nghĩa phát triển như vũ bão, khi mà lực lượng sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật phát triển với tốc độ « một năm bằng mấy chục năm ». Nếu chúng ta không thường xuyên và kịp thời mở đường cho những lực lượng mới của xã hội đi lên, bổ sung cho đội ngũ cán bộ cách mạng của chúng ta thì đội ngũ ấy khó tránh khỏi bị cản trở, cùn dần đi về trình độ, năng lực và sức chiến đấu.

Các nghị quyết, chỉ thị của Đảng như Nghị quyết số 225 của Bộ chính trị (khóa III) về công tác cán bộ, chỉ thị số 45 — CT của Ban bí thư về quy hoạch cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nghị quyết mời đây của Ban chấp hành trung ương Đảng về kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, đều đã nêu bật lên tinh thần chỉ đạo của Đảng ta về công tác cán bộ. Đó là phải nhanh chóng khắc phục tình trạng bảo thủ, thiếu khoa học trong công tác tổ chức và công tác cán bộ của chúng ta. Những biện pháp quan trọng nhất mà các nghị quyết, chỉ thị đó đề ra cho công tác cán bộ chung của Đảng cũng là những biện pháp cơ bản để gỡ những khó khăn của công tác cán bộ nữ hiện nay.

1 — Xây dựng quy hoạch và kế hoạch ngắn hạn và dài hạn ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, đơn vị. Lập danh sách cán bộ dự bị và cán bộ kế thừa theo đúng tinh thần chỉ thị số 45-CT của Ban bí thư trung ương Đảng.

2 - Đặc biệt chăm lo xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cốt cán phụ nữ ở cơ sở.

3 - Đẩy mạnh việc đào tạo chính quy kết hợp với rèn luyện trong thực tiễn đấu tranh cách mạng.

4 - Quan tâm đến những khó khăn riêng biệt của cán bộ nữ về gia đình, con cái, sức khỏe để có chính sách, chế độ thỏa đáng, tạo điều kiện thuận

lợi cho chị em vươn lên.

5 - Xây dựng và nghiêm chỉnh thực hiện các thể chế dân chủ trong công tác tổ chức và chế độ làm việc, đi đúng đường lối quần chúng trong công tác lựa chọn, đề bạt, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ để bảo đảm cho sự lựa chọn được chính xác, sự rèn luyện được nghiêm túc, chặt chẽ, làm cho cả đội ngũ vừa phát triển nhanh chóng, hài hòa, vừa vững chắc.

ĐẶC BIỆT QUAN TÂM ĐẾN NHỮNG KHÓ KHĂN RIÊNG CỦA CÁN BỘ NỮ

Trong thực tế công tác và đời sống, cán bộ phụ nữ gặp nhiều khó khăn, thử thách hơn nam giới. Vì thế cần nhấn mạnh vấn đề quan tâm đến những khó khăn riêng biệt của chị em. Đó là những khó khăn về tinh thần, tư tưởng và đời sống, cả khó khăn chủ quan và khó khăn khách quan.

Trong bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa còn nhiều khó khăn thì người cán bộ phụ nữ càng phải đương đầu với nhiều trở ngại từ trong bản thân, gia đình đến ngoài xã hội. Về tinh thần, tư tưởng thì không những trong xã hội còn nặng thiên kiến lạc hậu coi thường phụ nữ, không đánh giá đúng vai trò, khả năng của chị em, mà ngay bản thân nhiều chị em cũng còn nặng tư tưởng tự ti, an phận, dễ nản lòng, dễ giảm sút ý chí phấn đấu vươn lên. Khác với nam giới, người cán bộ phụ nữ nào thông thường cũng phải trải qua ba đợt thử thách lớn trong cuộc đời hoạt động của mình do những điều kiện phát triển tâm lý và sinh lý đặc biệt của phụ nữ chi phối. Đó là khi yêu đương và lập gia đình, khi có con và khi ở độ tuổi trên dưới 50 (tuổi mãn

kinh có những biến động bất thường về sức khỏe và tính tình). Đó là những thời kỳ mà tư tưởng bi quan, thoái chí càng dễ nảy sinh và phát triển.

Hiện nay, ngay trong những gia đình cán bộ thuận hòa, bình đẳng, dân chủ nhất, có nếp sống lành mạnh, khoa học nhất, người phụ nữ vẫn phải gánh vác công việc gia đình con cái, chợ búa, bếp núc vất vả hơn nam giới. Vì thế mà sức khỏe càng bị ảnh hưởng, việc học tập nghiên cứu càng gặp khó khăn, tư tưởng tình cảm càng bị chi phối, sức vươn lên càng bị hạn chế so với nam giới. Đó là chưa kể tới những khó khăn đặc biệt của đội ngũ cán bộ cốt cán nữ ở cơ sở vừa tham gia lao động sản xuất, vừa công tác, và của cán bộ nữ các dân tộc thiểu số còn chịu nhiều ràng buộc về phong tục, tập quán của dân tộc, của địa phương.

Tình hình ấy đòi hỏi bản thân người cán bộ phụ nữ phải đặc biệt có tinh thần tự giác, có ý chí, có nghị lực phấn đấu kiên cường. Từ việc lựa chọn người yêu, lập gia đình đến việc sinh đẻ, tổ chức cuộc sống gia đình, v.v. đều phải biết nhìn xa, biết trù tính theo một quan điểm đúng

dẫn dễ khỏi gây ảnh hưởng xấu đến bước đường phấn đấu cách mạng của mình.

Mặt khác, về chế độ, chính sách, biện pháp công tác cán bộ nữ, cũng cần tích cực tạo những điều kiện cần thiết cho chị em làm tốt công tác của mình. Ngay như ở Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đã tiến vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, đã có những điều kiện về đời sống, kinh tế, văn hóa, xã hội thuận lợi hơn Việt-nam ta rất nhiều mà vẫn coi trọng vấn đề này. Tất nhiên trong điều kiện chúng ta vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa phải chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu như hiện nay thì không thể đòi hỏi quá đáng. Nhưng việc tạo những điều kiện tối thiểu cần thiết cho cán bộ nữ vượt qua những khó khăn và hạn

chế của mình vẫn cần được đặt ra cho chúng ta suy nghĩ và giải quyết.



Công tác cán bộ nữ với những đặc điểm trên đây đang đặt ra yêu cầu được quan tâm nghiên cứu sâu hơn, tỉ mỉ hơn để có thể đi đến những chủ trương và biện pháp giải quyết mạnh mẽ, kiên quyết và tích cực hơn. Với sự quan tâm đó, phong trào « Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc » sẽ thật sự là một trường học cách mạng rộng lớn của chị em phụ nữ, và phong trào này sẽ đào luyện nên một thế hệ cán bộ phụ nữ tràn đầy sinh lực, đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta.

Quán triệt và thi hành tốt Điều lệ...

(Tiếp theo trang 35)

bộ của các xí nghiệp, kiên quyết rút sổ cán bộ chưa được học tập quản lý đưa đi học các lớp bồi dưỡng ngắn ngày về quản lý kinh tế.



TRÊN đây là một số vấn đề cơ bản của Điều lệ xí nghiệp công nghiệp 'quốc doanh' và những phương hướng, biện pháp để giải quyết một số khó khăn, mắc mứu do đặc điểm tình hình

kinh tế ở miền Nam đặt ra khi thi hành Điều lệ. Các Bộ và Tổng cục, các cơ quan chức năng của Nhà nước có trách nhiệm đối với vấn đề này phải căn cứ vào nội dung và phương hướng trên, nghiên cứu và quy định thành các chế độ cụ thể để giải quyết cho các xí nghiệp thực hiện sát với tình hình và yêu cầu của các xí nghiệp ở miền Nam, làm cho việc thi hành Điều lệ xí nghiệp quốc doanh được thuận lợi và đạt kết quả tốt.

THẨM NHUẦN LỜI DẠY «KHÔNG CÓ GÌ QUÝ HƠN ĐỘC LẬP TỰ DO» CỦA HỒ CHỦ TỊCH

HÀ - HUY - GIÁP

LỊCH sử Việt-nam là một chuỗi dài lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước.

Trải qua hàng chục thế kỷ từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên, nhân dân ta đã phải đương đầu với sự bành trướng của các triều đại phong kiến Trung-quốc. Trên 10 năm kháng chiến chống nhà Tần, một lần lật ách đô hộ nhà Hán, một lần lật ách đô hộ nhà Lương, hai lần lật ách đô hộ nhà Đường, hai lần đánh bại quân Nam Hán, «kết thúc *hoàn toàn* thời kỳ mất nước kéo dài hơn nghìn năm. Một thời kỳ độc lập *lâu dài* của dân tộc bắt đầu» (1). Ba lần đánh thắng quân Tống, ba lần đại thắng quân Nguyên, 20 năm kháng chiến thắng lợi chống quân Minh, một lần đại phá quân Thanh.

Đến nửa cuối thế kỷ XIX, đế quốc Pháp sang xâm chiếm nước ta. Nhân dân ta từ Nam chí Bắc, đã oanh liệt, kiên cường nổi dậy chống lại chúng, nhưng đều bị thất bại. Điều đó phần

ánh một sự khủng hoảng nghiêm trọng về đường lối giải phóng. Mãi đến khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi và sau đó, đề cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin ra đời, thì Hồ Chủ tịch nhạy bén đã thấy ngay đây là mặt trời soi sáng cho chúng ta.

Người nói : «Cách mạng Pháp cũng như cách mạng Mỹ, nghĩa là cách mạng tư bản, cách mạng không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mạng đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hằng còn phải mưu cách mạng lần nữa mới hồng thoát khỏi vòng áp bức. Cách mạng Việt-nam nên nhớ những điều này» (2).

Và Người khẳng định : «*Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mạng Nga là*

(1) *Lịch sử Việt nam* Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà-nội, 1976, tập 1, trang 141

(2) *Các tổ chức tiền thân của Đảng*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà-nội, 1977, trang 32 — 33.

đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt-nam. Cách mạng Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi lại ra cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm cách mạng đập đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Cách mạng Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mạng thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất.

Nói tóm lại, là phải theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin » (3).

Thời đại ngày nay, thời đại quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội do Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga thắng lợi mở ra, « thời đại của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn cũng là thời đại một nhóm nước lớn do bọn tư bản tài chính cầm đầu thống trị các nước phụ thuộc và nửa phụ thuộc, bởi vậy công cuộc giải phóng các nước và các dân tộc bị áp bức là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản.

« Do đó mà trước hết nảy ra khả năng và sự cần thiết phải có liên minh chiến đấu chặt chẽ giữa các dân tộc thuộc địa với giai cấp vô sản của các nước đế quốc để thắng kẻ thù chung »...

« Do đó mà vấn đề dân tộc càng không thể xét một cách trừu tượng, tách riêng được. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã chỉ ra rằng: những phong trào dân tộc thật sự nhằm chống chủ nghĩa đế quốc đều tất nhiên góp phần vào cuộc đấu tranh cách mạng chung; các yêu cầu dân tộc và các phong trào dân tộc không thể đánh giá theo tính chất chính trị và xã hội địa phương một cách hẹp hòi, mà đánh giá theo tác dụng của những yêu cầu đó và phong trào đó đối với những lực lượng đế quốc trên thế giới » (4).

Như vậy là, ngày nay vấn đề độc lập dân tộc không còn có thể đặt ra trên lập trường của giai cấp nông dân, cũng không còn có thể đặt ra trên lập trường của giai cấp tư sản, mà phải đặt ra trên lập trường của giai cấp công nhân. Ngày nay, vấn đề dân tộc chủ yếu không chỉ là vấn đề nông dân, mà là vấn đề công nông liên minh dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân.

Thấm nhuần lời dạy của Lê-nin, ngay từ năm 1920, Hồ Chủ tịch đã chỉ ra rằng: « Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới » (5).

Thấy rõ sự gắn bó hữu cơ của cách mạng thuộc địa và cách mạng ở chính quốc, Người nói: « Vận mạng của giai cấp vô sản thế giới tùy thuộc trong một phạm vi lớn vào các thuộc địa. Thuộc địa là nơi cung cấp lương thực và binh lính cho các cường quốc đế quốc chủ nghĩa; nếu chúng ta muốn đánh đổ các nước đế quốc chủ nghĩa đó, thì trước hết chúng ta phải làm cho chúng không còn có thuộc địa nữa » (6).

Tấu suốt tinh thần của Lê-nin về quy luật phát triển không đồng đều của cách mạng trong thời kỳ trực tiếp cách mạng và nhằm phát huy tính chủ động của cách mạng ở mỗi nước, năm 1921, Hồ Chủ tịch đã viết: « Cái ngày mà hàng trăm triệu người châu Á bị hành hạ, bị áp bức tỉnh dậy, quét sạch sự bóc lột đế tiện của một nhóm thực dân tham lam vô độ, họ sẽ trở thành một lực lượng khổng lồ

(3) Tài liệu đã dẫn, trang 40.

(4) Hồ-Chí-Minh: *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, trang 134 — 135.

(5) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 22.

(6) *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập I, trang 77.

và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản — chủ nghĩa đế quốc — họ có thể giúp những người anh em phương Tây trong sự nghiệp giải phóng hoàn toàn» (7).

Hồ Chủ tịch luôn luôn nêu cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Người kết hợp nhuần nhuyễn lý tưởng độc lập, tự do với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước nồng nàn với tinh thần quốc tế vô sản chân chính. Người nói: «Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ» (8).

Hồ Chủ tịch khẳng định rằng: «*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*» (9).

Suốt cuộc đời, Người trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nguyện đi theo con đường Cách mạng tháng Mười.

Sau 30 năm bôn ba ở nước ngoài để tìm một hướng đi đúng cho cách mạng Việt-nam, đầu năm 1941, Hồ Chủ tịch về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt-nam. Tháng 5 năm 1941, Người chủ tọa Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng cộng sản Đông-dương quyết định đường lối chính sách mới của Đảng nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng Việt-nam tiến lên những bước mới. Tại hội nghị, Người phát biểu: «Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những

toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được» (10). Và đề phát huy cao độ tinh độc lập, tự chủ của mỗi dân tộc, Người đã đề nghị Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt minh (Việt-nam độc lập đồng minh) với các đoàn thể cứu quốc trong mọi tầng lớp nhân dân nhằm giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Ngày 6-6-1941. Người viết *Thư gửi đồng bào cả nước*, có đoạn: «Dân ta rèn xiết dưới hai tầng áp bức, đã làm ngựa trâu cho quân giặc Pháp, lại làm nô lệ cho quân cướp Nhật. Than ôi! Dân ta có tội tình gì mà phải kiếp trầm luân đường ấy? Sống trong tình trạng đau thương thảm khốc đó, dân ta há lại chịu bó tay chờ chết hay sao?

Không, quyết không! Hơn hai mươi triệu con Hồng cháu Lạc, quyết không chịu làm nô lệ cho người mãi thế... Hỡi đồng bào yêu quý!

Cứu nước là sự nghiệp chung của nhân dân cả nước, phẩm là người Việt-nam đều phải gánh một phần trách nhiệm. Người có tiền góp tiền, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng, Ái Quốc tôi nguyện mang hết sức của tuổi già đi theo các vị, dầu cho thịt nát xương tan cũng không tiếc» (11).

Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt-nam dân chủ cộng hòa ra đời, Người thay mặt nhân dân cả nước đọc *Tuyên ngôn độc lập* trước nửa triệu đồng bào họp mít tinh tại

(7) *Tạp chí Cộng sản* (Pháp), số 15, tháng 5 — 1921.

(8) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 229.

(9) Hồ-Chí-Minh: *Tuyên tập*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 705.

(10) *Những sự kiện lịch sử Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976, tập 1, trang 510.

(11) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 43 — 44.

vườn hoa Ba-dinh. Mở đầu bản Tuyên ngôn bằng lời bất hủ trong Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của nước Mỹ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”, « suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do » (12).

Chúng ta thấy, Người đã đặt lại ý nghĩa câu ấy trên cơ sở dân tộc, chứ không chỉ trên cơ sở cá nhân. Vì dân tộc có độc lập, tự do thì cá nhân mới có độc lập, tự do, hạnh phúc. Người trình bày tuyên bố trước thế giới rằng: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”. Người nói tiếp: « Nước Việt-nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt-nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy » (13).

Bản chất của bọn đế quốc là xâm lược. Dân ta giành độc lập chưa đầy một tháng thì bọn thực dân Pháp trở lại cướp nước ta lần nữa. Đồng bào Nam-bộ phải lao vào một cuộc chiến đấu mới. Trong tình hình rất nguy ngập của Nam-bộ do quân đội Anh, Pháp gây ra, Hồ Chủ tịch đã viết thư động viên đồng bào Nam-bộ. Trong thư, Người nhắc lại lời nói oanh liệt của một nhà đại cách mạng Pháp **«Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ»**. Câu nói bất hủ ấy có sức cổ vũ mạnh mẽ tinh thần quật khởi của đồng bào Nam-bộ tay không mà quyết chống lại chiến xa của quân đội Anh, Pháp để

bảo vệ nền độc lập tự do vừa mới giành được.

Tuy nhiên, giặc Pháp điên cuồng muốn chiếm toàn bộ nước ta, đã đưa ngọn lửa chiến tranh lan ra cả nước. Trong tình hình ấy, Hồ Chủ tịch ra **Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến**. Người nói: «...Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa.

Không! chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ » (14).

Nhân dân ta, triệu người như một biến lời kêu gọi ấy thành hành động dũng cảm ngoan cường, đã đứng lên đánh thực dân Pháp và chiến thắng vẻ vang ở Điện-biên-phủ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc. Một nửa nước Việt-nam được độc lập, tự do. Nhưng một nửa nước còn ở dưới ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng. Lòng Hồ Chủ tịch không một giây phút nào không nghĩ đến đồng bào miền Nam. Người thường nói: « Hình ảnh của miền Nam yêu quý ở trong trái tim tôi ». « Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất, đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên » (15).

Giữa lúc đế quốc Mỹ tăng cường chiến tranh xâm lược ở miền Nam và tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng máy bay và tàn chiến ngày càng ác liệt ở miền Bắc, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi nhân dân hai miền quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Người nói: “Bọn giặc Mỹ không dùng sức tàn bạo để khuất phục nhân dân Việt-nam ta, dọa nạt các dân tộc ở Đông-dương, Đông — Nam Á và trên thế giới. Nhưng chúng đã lầm to.

(12) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 53.

(13) Hồ-Chí-Minh : Sách đã dẫn, trang 55.

(14) Hồ-Chí-Minh : *Tuyên tập*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, trang 248.

(15) Theo báo nhân dân, ngày 21-10-1962.

Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng. Chúng ta đã từng đánh đổ phát xít Nhật, đánh bại thực dân Pháp, và hiện nay đang kiên quyết đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược.

Chúng ta quyết tâm giành độc lập hoàn toàn cho Tổ quốc, giành tự do hoàn toàn cho nhân dân » (16).

Một năm sau, ngày 17-7-1966, Người lại ra *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*. Người bảo thẳng với tổng thống Mỹ và bè lũ tay sai : « Giôn-xơn và bè lũ phải biết rằng : chúng có thể đưa 50 vạn quân, một triệu quân hoặc nhiều hơn nữa để đẩy mạnh chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt-nam. Chúng có thể dùng hàng nghìn máy bay, tăng cường đánh phá miền Bắc. Nhưng chúng quyết không thể lay chuyển được chí khí sắt đá, quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt-nam anh hùng. Chúng càng hung hăng thì tội của chúng càng thêm nặng » (17).

Hồ Chủ tịch tượng trưng cho tinh thần quyết chiến, quyết thắng, tượng trưng cho quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. « Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà-nội, Hải-phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt-nam quyết không sợ ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn ». (18).

Trước khi đi xa, Hồ Chủ tịch đề lại cho toàn Đảng, toàn dân ta bản Di chúc lịch sử. Nói về cuộc kháng chiến chống Mỹ, trong Di chúc Người tỏ ra rất lạc quan và tin tưởng vào tiền đồ của dân tộc ta : « Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng

đánh thắng hai đế quốc to — là Pháp và Mỹ ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc » (19).

Thực hiện Di chúc của Người, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã hạ quyết tâm giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà. Quyết tâm đó đã biến thành sự thật. Đúng 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, cờ cách mạng tung bay trên phủ tổng thống nguy quyền ở Sài-gòn. Chiến dịch Hồ-Chí-Minh đã toàn thắng.

Hơn một thế kỷ chống ngoại xâm, đến ngày hôm đó, đất nước ta sạch bóng quân xâm lược, giang san thu về một mối. Nam Bắc sum họp một nhà.

Sở dĩ ta đã giành được thắng lợi vĩ đại như thế là vì ta có chính nghĩa, nhân dân ta chiến đấu hy sinh chẳng những vì tự do độc lập của mình, mà còn vì độc lập chung của các dân tộc và hòa bình thế giới, và mọi đường lối của Đảng ta đều nhằm phục vụ không chỉ lợi ích riêng của cách mạng Việt-nam mà cả lợi ích của nhân dân các nước, cho nên ta luôn được sự đồng tình, ủng hộ rộng lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân dân tiến bộ thế giới.

Chúng ta quan niệm cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân ta, của dân tộc ta, góp phần vào cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của các dân tộc khác, của nhân dân các nước. Mình biết quý độc lập tự do của mình thì mình càng quý độc lập tự do của người khác. « Thương người như thể thương thân ». Chà đạp lên độc lập tự do của người khác, chính là tự chà đạp lên độc lập tự do của chính

(16) Hồ-Chí-Minh : *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1976 trang 277.

(17), (18) Hồ-Chí-Minh : *Sách đã dẫn*, trang 282.

(19) Hồ-Chí-Minh : *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 240.

minh. Đúng như Mác đã nói: « Một dân tộc đi áp bức một dân tộc khác, dân tộc đó không thể có tự do ».

Lẽ ra, dân tộc ta, một dân tộc đã gan góc chống ngoại xâm 30 năm liền, phải được sống trong hòa bình, phải được hưởng độc lập, tự do và hạnh phúc, nhưng chưa đầy một tuần sau ngày nước ta được hoàn toàn giải phóng, các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã xúi giục và giúp đỡ tập đoàn phản cách mạng Pôn Pôt – Iêng Xa-ry ở Cam-pu-chia tiến hành chiến tranh xâm lược trên toàn tuyến biên giới Tây – Nam nước ta, gây nên những tội ác hết sức man rợ đối với nhân dân ta. Đồng thời, họ dựng lên vấn đề người Hoa đề gây khó khăn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của ta, gây nên tình trạng mất trật tự an ninh ở vùng biên giới Việt – Trung và ngay trên đất nước ta, tìm cách xâm lấn đất ta.

Nhân dân Việt-nam có truyền thống yêu đạo lý, trọng nhân nghĩa, sống có thủy có chung. Hồ Chủ tịch nói: « Mỗi quan hệ giữa cách mạng Trung-quốc và cách mạng Việt-nam thật là:

*Trăm ơn, ngàn nghĩa vạn tình,
Tinh thần hữu nghị quang vinh muôn đời!* » (20).

Đạo lý làm người của Việt-nam là vậy đó. Nhưng rất đáng tiếc, mối tình « môi hở răng lạnh » đã bị thế lực bành trướng đại dân tộc trong giới cầm quyền Bắc-kinh phá vỡ!

Trước đây, để bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân làm một cuộc kháng chiến lâu dài 9 năm chống thực dân Pháp và tay sai. Và sau đó, để chống lại sự xâm lược của đế quốc Mỹ, chúng ta đã phải làm một cuộc kháng chiến 20 năm trời. Với sự đồng tình ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ, đối với sự nghiệp chính nghĩa của ta, nhân dân ta đã giành được

thắng lợi vĩ đại, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt-nam. Chúng ta vô cùng biết ơn về những sự giúp đỡ, đồng tình đó của các nước, các đảng anh em và nhân dân tiến bộ thế giới. Về phía mình, nhân dân Việt-nam đánh bại chủ nghĩa thực dân Pháp là đã giáng một đòn trí mạng vào chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, và khi nhân dân Việt-nam đánh đế quốc Mỹ, tên sen đầm quốc tế, chính là đã giúp cho cách mạng thế giới tiến lên. Đánh thắng đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã làm cho đế quốc Mỹ càng khủng hoảng trầm trọng và mất uy tín nghiêm trọng trước nhân dân thế giới, và đã thúc đẩy quá trình phá sản của chủ nghĩa thực dân mới ở trên thế giới. làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Cố thủ tướng Chu-Ân-Lai đã thừa nhận: « Nhân dân Việt-nam kháng chiến, đổ máu hy sinh trên tuyến đầu chống Mỹ, đó là sự chi viện mạnh mẽ biết bao đối với nhân dân Trung-quốc đang tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhân dân Trung-quốc phải cảm ơn các đồng chí » (21).

Trải qua gần 100 năm dưới ách thống trị của đế quốc Pháp và 30 năm chống chiến tranh xâm lược của hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, hơn ai hết, nhân dân Việt-nam rất thiết tha được sống trong hòa bình để xây dựng lại đất nước, nhưng phải là hòa bình trong độc lập tự do.

Hiện nay, thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh muốn thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn, âm mưu bành trướng xuống Đông – Nam Á, uy hiếp nền độc lập, tự do

(20) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 240.

(21) *Không có gì quý hơn độc lập tự do, chủ nghĩa xã hội nhất định thắng lợi*, báo Nhân dân ngày 7-7-1978.

của dân tộc Việt-nam. Hơn bao giờ hết, nhân dân Việt-nam hiểu sâu sắc và thấm thía câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh vĩ đại: « *Không có gì quý hơn độc lập tự do!* ».

Nhân dân Việt-nam, triệu người như một, nguyện hy sinh xương máu để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Sức mạnh giữ nước của dân tộc Việt-nam trong kỷ nguyên mới là vô địch. Đó là sức mạnh chính nghĩa lấy đại nghĩa thắng hung tàn, lấy chí nhân thay cường bạo. Có chính nghĩa thì trong nước được lòng dân, nhân dân đồng tâm nhất trí đánh đuổi ngoại xâm; ngoài nước được nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, kể cả những người cộng sản chân chính và nhân dân tiến bộ Trung-quốc ủng hộ.

Đó là sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ngày càng được xác lập vững chắc. Mỗi người dân tự động phát huy tinh thần làm chủ tập thể của mình trong mọi lĩnh vực, trong mọi công tác thì sức mạnh của 50 triệu dân sẽ được nhân lên gấp bội. Đó là sức mạnh của nền chuyên chính vô sản ngày càng được tăng cường và khối liên minh công nông ngày càng được củng cố, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt-nam.

Đó là sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt-nam anh hùng đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, là sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, hiện đại, của chiến tranh nhân dân Việt-nam vô địch.

Bằng sức mạnh tổng hợp trong nước cộng với sức mạnh tổng hợp của ba dòng thác cách mạng của thời đại đang dâng cao trên toàn thế giới, nhân dân Việt-nam nhất định sẽ đánh bại bất kỳ quân thù nào xâm phạm lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, thực hiện bằng được điều mong muốn cuối cùng của Hồ Chủ tịch đã ghi trong Di chúc: « Toàn

Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt-nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới » (22).

Tóm lại, trong thời đại ngày nay, vấn đề giành và bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc phải đặt trên lập trường của giai cấp công nhân và trên cơ sở liên minh công nông, nghĩa là phải kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đặc biệt là khi giai cấp công nhân nắm được chính quyền và tự mình trở thành dân tộc thì lại càng phải chú ý đến lập trường giai cấp của mình. Nếu không, dễ sa vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa sô-vanh nước lớn. Chính trong sơ thảo đề cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Lê-nin đã nhắc chúng ta đề phòng việc đó và đòi hỏi phải chống mọi tàn dư của chủ nghĩa dân tộc tư sản, tiểu tư sản, chống tư tưởng ích kỷ dân tộc và phải nêu cao chủ nghĩa quốc tế vô sản, đặt lợi ích của giai cấp vô sản một nước trong lợi ích của giai cấp vô sản thế giới, và các dân tộc đang chiến thắng giai cấp tư sản phải có khả năng và tự nguyện chịu đựng những hy sinh rất lớn của dân tộc mình để lật đổ chủ nghĩa tư bản quốc tế.

Phải đặc biệt chú ý giải quyết những vấn đề kỳ thị dân tộc. Những kỳ thị này thường kéo dài và chỉ khi nào chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản trong các nước tiên tiến đã bị tiêu diệt và sau khi toàn bộ cơ sở kinh tế ở các nước chậm tiến đã được cải tạo về căn bản thì những thành kiến ấy mới có thể tiêu tan.

Trong truyền thống dân tộc có những truyền thống tốt đẹp cần phát

(Xem tiếp trang 70)

(22) Hồ-Chí-Minh: *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 331.

Công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo nông nghiệp

VŨ - DŨNG

CẢI tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp là một yêu cầu khách quan của công cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam hiện nay, nhiệm vụ đó càng trở nên bức thiết. Có làm tốt việc cải tạo nông nghiệp, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp mới tạo ra những điều kiện vững chắc cho nông nghiệp phát triển một cách toàn diện, mạnh mẽ, làm cơ sở cho mọi mặt hoạt động xã hội phát triển thuận lợi, và mới phát huy được sức mạnh tiềm tàng, to lớn trong nông nghiệp và nông thôn miền Nam, góp phần đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Chỉ thị của Bộ chính trị Trung ương Đảng đã nêu rõ: « Các cấp, các ngành phải đặt công tác cải tạo gắn với xây dựng đối với nông nghiệp miền Nam là một công tác trọng tâm thường xuyên, tập trung sức thực hiện trong những năm trước mắt, nhanh chóng tạo ra những chuyển biến mới trong nền kinh tế quốc dân »... « Phải đặc biệt chú trọng công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức; công tác lựa chọn, tăng cường và bồi dưỡng, đào

tạo cán bộ, công tác giáo dục, phát động quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, gây thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng tham gia cải tạo và xây dựng nông nghiệp » (1).

Kinh nghiệm của miền Nam trong những năm qua đã khẳng định: không làm tốt công tác xây dựng Đảng, công tác phát động quần chúng thì không thể đẩy mạnh phong trào cải tạo quan hệ sản xuất cũ, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, không thể đưa phong trào quần chúng tiến lên vững chắc.

Tuy nhiên, không phải chờ đến khi xây dựng được cơ sở Đảng vững mạnh, đào tạo được cán bộ đầy đủ rồi mới cải tạo quan hệ sản xuất mà nhất thiết phải tiến hành các mặt công tác ấy cùng một lúc. Xây dựng Đảng, làm tốt công tác cán bộ, đảng viên là nhằm đẩy mạnh sản xuất, chiến đấu, thúc đẩy phong trào cải tạo xã hội chủ

(1) Chỉ thị số 4—CT/TƯ ngày 14-4-1978 của Bộ chính trị « Về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam ».

nghĩa trong nông nghiệp. Đồng thời cải tạo xã hội chủ nghĩa là cơ hội rất thuận lợi để rèn luyện cán bộ, đảng viên, xây dựng đội ngũ cốt cán, xây dựng và củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Cải tạo xã hội chủ nghĩa tạo ra những điều kiện, những nhân tố tích cực về chính trị có tác động sâu sắc đến quan điểm, lập trường, đến tư tưởng, nhận thức, đến trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đến năng lực công tác của cán bộ, đảng viên, làm cơ sở cho việc củng cố tổ chức Đảng, nâng cao tính chiến đấu của các tổ chức Đảng ở nông thôn. Nó thúc đẩy việc xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa đông đảo trong nông nghiệp. Nó còn có ảnh hưởng lớn tới việc đổi mới phương thức công tác, phương pháp lãnh đạo của tổ chức Đảng.

Do đó, nếu biết gắn chặt công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp thì chẳng những sẽ hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cải tạo và phát triển nông nghiệp, mà còn xây dựng được tổ chức Đảng vững mạnh, có sức chiến đấu cao, rèn luyện được đội ngũ cán bộ, đảng viên có phẩm chất và năng lực. Vấn đề được đặt ra hiện nay là gắn công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo và phát triển nông nghiệp như thế nào?



KINH nghiệm của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp ở miền Bắc trước đây, cũng như của miền Nam hiện nay chỉ rõ, chúng ta **cần gắn chặt từng khâu công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo và phát triển nông nghiệp**. Nghị quyết Đại hội, toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: « Trong xây dựng Đảng, công tác tư tưởng và công tác tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau, và phải xuất phát từ đường lối

và nhiệm vụ chính trị, đồng thời bảo đảm cho đường lối và nhiệm vụ chính trị được xác định đúng đắn, được thấu suốt và thực hiện đầy đủ » (2). Vì vậy đối với các đảng bộ nông thôn miền Nam hiện nay, công tác xây dựng Đảng nói chung, trước hết là **công tác chính trị, tư tưởng** phải bám sát và phục vụ đắc lực nhiệm vụ cải tạo nông nghiệp, đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể tạo ra những bước phát triển mới trong nông nghiệp. Trong hai năm qua, nhiều tổ chức Đảng ở nông thôn miền Nam đã bước đầu gắn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với từng bước đi lên của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Các đảng bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên nghiên cứu, nắm vững đường lối chung, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhất là đường lối, phương châm, chủ trương, chính sách cải tạo và phát triển nông nghiệp. Qua đó, cán bộ, đảng viên đã nâng cao một bước giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có ý thức đối với nhiệm vụ lãnh đạo nông dân đi vào con đường hợp tác hóa, từng bước tổ chức lại sản xuất. Bên cạnh các nhiệm vụ chính trị khác, nhiều đảng bộ, chi bộ, tổ Đảng đã biết hướng vào nhiệm vụ vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể để nâng cao chất lượng sinh hoạt Đảng, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng. Trong **sinh hoạt chi bộ**, ngoài việc thảo luận đề thấu suốt tình hình, nhiệm vụ, phương hướng, chủ trương của Đảng trên các mặt cải tạo và phát triển nông nghiệp, đảng viên còn bàn kỹ các chủ trương, biện pháp phát động quần chúng xây dựng các tổ đoàn kết sản xuất, các tập đoàn sản xuất, các hợp tác xã và biện pháp tổ chức, quản lý sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng đi

(2) *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977 trang 85.

vào thâm canh, chuyên canh... Các chi bộ, tổ Đảng đã chú ý kiểm tra việc chấp hành chính sách, việc thực hiện vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong phong trào hợp tác hóa, trong sản xuất tập thể, đồng thời chú ý phân công cụ thể từng đảng viên trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng và bám sát các đơn vị kinh tế tập thể.

Vấn đề tự phê bình và phê bình cũng được gắn chặt với những yêu cầu cụ thể trong từng bước đi lên của cuộc vận động. Nhiều chi bộ đã kịp thời biểu dương những đảng viên gương mẫu trong chấp hành chính sách hợp tác hóa và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, trong lao động sản xuất tập thể, nghiêm khắc phê phán những đồng chí phạm sai lầm như bán chạy trâu bò, phân tán ruộng đất, biến ruộng đất đang canh tác thành vườn cây, ao cá hay đất ỏ, lấn chiếm ruộng đất tập thể, và đã xử trí thích đáng những đảng viên phạm khuyết điểm nghiêm trọng mà không chịu sửa chữa. Một số đảng bộ còn tổ chức cho quần chúng phê bình sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở của Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên và bước đầu đã đạt kết quả tốt trong việc rèn luyện, giáo dục cán bộ, đảng viên, cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở của Đảng và thắt chặt mối liên hệ giữa tổ chức Đảng và quần chúng. Đảng bộ xã Nghĩa-lâm (Nghĩa-bình) khi bước vào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp đã tổ chức cho quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên, góp ý kiến về sự lãnh đạo của đảng ủy, chi ủy. Được quần chúng góp ý kiến, đảng viên càng thấy rõ trách nhiệm của mình hơn. Tất cả đảng viên đều vào hợp tác xã, gương mẫu chấp hành các chính sách và tích cực tham gia xây dựng hợp tác xã. Do đó đã vận động được gần một trăm phần trăm số hộ vào hợp tác xã. Qua một vụ sản xuất, hợp tác xã đã bước đầu phát huy tính ưu việt

của quan hệ sản xuất mới. Hợp tác xã Đồng-viên (Bình-trị-thiên) cũng đã phát động quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên và thu được kết quả tốt.

Có những vùng phong trào làm ăn tập thể sôi nổi, trước hết là do cấp ủy Đảng, cán bộ, đảng viên ở đó có sự nhất trí và có quyết tâm cao trong việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Đảng chú ý là vai trò đầu tàu, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc tham gia các tổ chức sản xuất tập thể đã có sức thuyết phục rất lớn và là một yếu tố bảo đảm thắng lợi của cuộc vận động.

Song cũng có nhiều nơi chưa biết gắn công tác chính trị, tư tưởng với cuộc vận động cải tạo nông nghiệp. Nhiều đồng chí chỉ kêu gọi, hô hào, "dã thông" một cách chung chung, không biết gắn công tác giáo dục tư tưởng với việc thực hiện từng chính sách, từng công tác cụ thể, từng bước đi, từng yêu cầu của cuộc vận động hợp tác hóa. Do đó công tác xây dựng Đảng về tư tưởng không có nội dung thiết thực. Nhiều tổ chức Đảng chưa biết thông qua việc chuẩn bị và tiến hành cải tạo nông nghiệp để giúp cán bộ, đảng viên xác định đúng đắn lập trường giai cấp công nhân. Đây là một vấn đề quan trọng hàng đầu trong công tác giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên. Tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên nông thôn cần phải nhận thức rõ họ là người đứng trên lập trường giai cấp công nhân, và chỉ có đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân thì mới có khả năng giải quyết đúng đắn mọi công việc. Biểu hiện tập trung nhất của lập trường đó ở nông thôn hiện nay là quyết tâm làm tốt nhất cuộc vận động cải tạo quan hệ sản xuất gắn liền với việc tổ chức lại sản xuất theo phương hướng lãnh đạo của Đảng. Đó là con đường đúng đắn duy nhất để phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa và đồng

góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung trong cả nước. Trên cơ sở nhận thức ấy, mỗi cán bộ, đảng viên tự xác định vai trò, trách nhiệm của mình là luôn luôn gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và lãnh đạo, vận động quần chúng cùng hăng hái làm theo.

Vừa qua, do một số đảng bộ chưa giải quyết tốt khâu này cho nên có tình trạng một số không ít cán bộ, đảng viên tỏ ra do dự, chưa hăng hái tham gia các tổ chức sản xuất tập thể hoặc có tham gia nhưng vẫn chân trong chân ngoài, thậm chí có một số người không chịu chấp hành các chính sách về hợp tác hóa nông nghiệp. Những hành động sai trái như vậy đã có ảnh hưởng rất xấu đến phong trào chung. Nhiều đảng bộ đã thấy rõ khuyết điểm ấy và đã chú ý khắc phục bằng cả biện pháp tư tưởng và tổ chức. Đi đôi với việc nâng cao nhận thức, một số chi bộ đã cụ thể hóa những nhiệm vụ của đảng viên và lấy đó làm căn cứ để quản lý, kiểm tra đảng viên. Có chi bộ quy định rõ: đảng viên phải gương mẫu chấp hành chính sách ruộng đất, không được tranh phần hơn cho gia đình mình; gương mẫu tham gia các tổ chức sản xuất tập thể (nơi xây dựng hợp tác xã thì tất cả đảng viên và gia đình đảng viên đều phải vào hợp tác xã trước); gương mẫu chấp hành các chính sách về tập thể hóa tư liệu sản xuất; gương mẫu làm nhiệm vụ lương thực và các nghĩa vụ khác; gương mẫu trong lao động tập thể, thực hiện nghiêm chỉnh các kế hoạch sản xuất, các chế độ canh tác, các quy trình kỹ thuật, các chế độ quản lý, phân phối; tích cực học tập nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác; gương mẫu thực hiện mọi nhiệm vụ và giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng. Không chỉ cán bộ, đảng viên ở địa phương mà cán bộ, chiến sĩ quân đội có gia đình ở nông thôn

cũng có trách nhiệm thuyết phục, vận động gia đình tham gia các tổ chức sản xuất tập thể và chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước.



CŨNG như công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng về tổ chức cũng phải bám sát những yêu cầu của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp. Mọi việc kiện toàn tổ chức, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, công tác đảng viên, công tác cán bộ, công tác xây dựng bộ máy các cấp... có gắn liền với cuộc vận động, thông qua cuộc vận động mới đạt kết quả thiết thực.

Hiện nay các tổ chức cơ sở của Đảng ở nông thôn miền Nam nói chung còn mỏng và yếu. Đến nay vẫn còn 0,2% số xã, phường, 1% số thôn, ấp chưa có tổ chức Đảng; có huyện trong số 580 tập đoàn sản xuất chỉ có 2 tập đoàn sản xuất có tổ Đảng lãnh đạo, có hợp tác xã vẫn chưa có chi bộ hoặc tổ Đảng lãnh đạo, có hợp tác xã chỉ có một đảng viên về hưu. Hơn nữa, đơn vị xã, ấp lại lớn (có xã đất đai canh tác chiếm tới 5000ha và số dân lên tới trên 30 000 người, cá biệt như xã Long-thành thuộc huyện Phú-khương, tỉnh Tây-ninh có 72000 dân), cho nên gặp rất nhiều khó khăn trong công tác lãnh đạo. Nhiều nơi lại thường bố trí cán bộ, đảng viên tập trung ở các ban, ngành của xã, còn ở thôn, ấp, ở tổ, đội sản xuất thì số cán bộ, đảng viên rất ít cho nên càng không nắm chắc tình hình bên dưới.

Cấp xã đã như vậy, cấp huyện cũng chưa được kiện toàn đúng mức. Nhiều huyện đất rộng, dân đông (*)

(*) Huyện Cao-lãnh (tỉnh Đồng-tháp) có 116 000 ha đất đai tự nhiên, trong đó có 65 000 ha đang canh tác, với 276 000 dân. Những huyện ở vùng đồng bằng Nam-bộ cũ trung bình có khoảng từ 30 000 đến 40 000 ha với số dân từ 120 000 — 150 000 người.

và cấp huyện chưa đủ sức chỉ đạo xã, ấp. Bộ máy cấp huyện nói chung được hình thành tương đối nhanh, nhưng chưa đủ mạnh, chưa đồng bộ, chưa tương xứng với vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cấp huyện trong giai đoạn mới. Bộ máy các ngành, ban ở huyện chưa hợp lý và có nhược điểm là nhân viên hành chính tập vụ quá đông (có địa phương chiếm từ 20 đến 30 phần trăm, nơi nhiều chiếm tới gần 50 phần trăm tổng số người trong biên chế của huyện), còn cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ lại thiếu, nhất là cán bộ khoa học, kỹ thuật đã ít lại không đồng bộ. Bộ máy của huyện ủy chưa được kiện toàn, thiếu cán bộ có năng lực (có huyện một đồng chí ủy viên thường vụ kiêm cả trưởng ban tổ chức, trưởng ban tuyên huấn, trưởng ban kiểm tra và thường trực huyện ủy).

Trước tình hình như vậy, vấn đề then chốt đặt ra hiện nay là ra sức xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng, đi đôi với khẩn trương kiện toàn cấp huyện.

Ở cơ sở, một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là bố trí, sắp xếp cơ cấu tổ chức: một mặt kiện toàn tổ chức Đảng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao và có hiệu quả công tác cải tạo quan hệ sản xuất và tổ chức lại sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu; mặt khác xây dựng và kiện toàn tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng và bộ máy quản lý của các đơn vị sản xuất tập thể (tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp), nhằm phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất. Thông qua việc tiến hành cải tạo nông nghiệp và các mặt công tác khác mà phát hiện những điển hình tốt, những nhân tố tích cực cũng như những mặt, những khâu chưa hợp lý về lề lối lãnh đạo, chỉ đạo để có chủ trương và biện pháp

phát huy hoặc cải tiến, sửa đổi kịp thời. Một vấn đề cần đặc biệt quan tâm đối với cơ sở hiện nay là vấn đề bồi dưỡng cách làm việc. Nhiều nơi, cán bộ, đảng viên nói chung rất tận tụy, rất tích cực lăn lộn với phong trào nhưng do không biết cách làm việc cho nên xảy ra tình trạng chông chéo, lãng phí sức người, sức của, lãng phí thời gian mà công việc vẫn chậm trễ. Tình trạng đó đã ảnh hưởng không tốt đến sản xuất, đời sống, đến phong trào hợp tác hóa và ảnh hưởng không tốt đến cả lòng tin của nhân dân vào con đường làm ăn tập thể.

Hợp tác hóa nông nghiệp còn là một quá trình giáo dục, rèn luyện thử thách động viên, cho nên công tác đảng viên cần gắn chặt với cuộc vận động tiến hành cho tốt. Đây cũng là một yêu cầu bức thiết của cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, và chính cuộc vận động này lại tạo ra những điều kiện thuận lợi để bảo đảm thực hiện có kết quả công tác đảng viên. Qua việc đẩy mạnh cuộc vận động, tổ chức Đảng sẽ thấy rõ những chỗ mạnh, chỗ yếu về lập trường, quan điểm, tư tưởng, phẩm chất của đội ngũ đảng viên để có kế hoạch giáo dục và bồi dưỡng một cách thiết thực. Cũng từ phong trào cải tạo nông nghiệp sẽ xuất hiện nhiều người tiên tiến, ưu tú trong quần chúng. Tổ chức Đảng cần theo dõi, giúp đỡ, lựa chọn trong số đó những người có đủ điều kiện và phẩm công đảng viên kèm cặp, bồi dưỡng họ thành đối tượng để kết nạp vào Đảng. Không những công tác phát triển Đảng mà ngay cả việc đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng cũng cần gắn rất chặt với cuộc vận động này. Nhiệm vụ cơ bản nhất, thường xuyên nhất của mỗi đảng viên là phải hằng hái chấp hành đường lối và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, làm gương cho quần chúng noi theo. Những nhiệm vụ của đảng viên đã được quy định rõ trong Điều lệ Đảng. Đảng viên

không tham gia phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, không chấp hành đúng các chính sách về hợp tác hóa, tức là không chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, cần phải được xem xét lại về tư cách đảng viên và được xử lý thích đáng.

Một nhiệm vụ quan trọng nữa là qua thực tế của cuộc vận động mà bố trí lại đội ngũ cán bộ, trước hết là những cán bộ chủ chốt. Miền Nam đang tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong điều kiện vừa xây dựng vừa chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Tình hình này đòi hỏi phải có đội ngũ cốt cán vững ở từng huyện, từng cơ sở. Vì vậy khi bố trí cốt cán cần chú ý lựa chọn những người có quan điểm, lập trường đúng đắn, hoàn toàn thông suốt, nhất trí với đường lối, chính sách của Đảng, có ý chí chiến đấu cao, có phẩm chất tốt, biết tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, có năng lực đảm đương nhiệm vụ được giao, có khả năng đoàn kết cán bộ, được quần chúng tin yêu. Những người chân chữ, do dự trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách về hợp tác hóa nông nghiệp, những người tham ô, lợi dụng, ức hiếp, hống hách với quần chúng cần được thay thế. Không chỉ trong nội bộ Đảng mà cả đối với các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng cũng như vậy. Qua diễn biến của cuộc vận động, thấy rõ những ưu điểm, khuyết điểm, những mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ cán bộ mà bố trí, sắp xếp lại cho phù hợp. Trách nhiệm của các cấp ủy, các ngành là căn cứ vào yêu cầu của công cuộc hợp tác hóa và phát triển sản xuất nông nghiệp mà tính toán nhu cầu cán bộ, xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo cán bộ, không chỉ đáp ứng nhu cầu trước mắt mà còn nhằm bảo đảm công tác cho những năm sau. Một đội ngũ cán bộ đông đảo có thể nảy sinh từ trong phong trào hợp tác hóa. Đây là một phong trào cách mạng rộng lớn của

quần chúng, phong trào càng mở rộng với các hình thức từ thấp đến cao thì càng xuất hiện những phần tử ưu tú, những người nhiệt tình với con đường làm ăn tập thể và hăng hái tham gia mọi hoạt động. Thời gian qua nhiều địa phương mở rộng phong trào làm ăn tập thể đã lựa chọn được khá đông những phần tử trung kiên, tích cực đề dào tạo thành cán bộ. Thực tế ở Gò-công, An-giang, Giồng-trôm, Đức-linh, Thuận-hải, Bình-sơn, v.v. đã cho thấy điều này. Biện pháp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ thiết thực và có hiệu quả là xây dựng điềm làm thử, sơ kết, tổng kết kinh nghiệm kết hợp với mở các lớp tập huấn ngắn ngày, vừa làm vừa rút kinh nghiệm trong thực tế công tác, và tổ chức di học tập kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến.

Phong trào hợp tác hóa muốn phát triển vững chắc phải có hàng loạt những chủ nhiệm, đội trưởng sản xuất giỏi, những cán bộ kế hoạch, kế toán, cán bộ kỹ thuật có năng lực thuộc các ngành trồng trọt, chăn nuôi... Do đó, trách nhiệm của các cấp, các ngành là thông qua cuộc vận động nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể với những hoạt động thực tiễn phong phú mà tích cực đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ một cách có hệ thống và đồng bộ đáp ứng yêu cầu của phong trào. Trong mấy năm qua, một số địa phương đã có nhiều cố gắng về mặt này. Tỉnh Nghĩa-bình đã đào tạo được trên 3000 cán bộ các loại cho hợp tác xã, bồi dưỡng trên 1 vạn cán bộ ban sản xuất xã và cán bộ cho các tổ đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất... An-giang cũng đã đào tạo, bồi dưỡng hàng vạn cốt cán cho cơ sở và hàng nghìn cán bộ các loại cho tỉnh, huyện với nhiều hình thức phong phú. Gò-công cũng đã đào tạo được hơn 1000 cốt cán quản lý ở ấp, xã... Thực tế của các địa phương nói

trên cũng như của nhiều địa phương khác đã chỉ rõ, việc đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ cán bộ lớn như vậy đòi hỏi sự tham gia tích cực và sự phối hợp chặt chẽ của các cấp và các ngành.

Cấp huyện có vai trò đặc biệt quan trọng trong công cuộc cải tạo và phát triển nông nghiệp. Làm tốt việc xây dựng các huyện trọng điểm và các huyện nói chung ở miền Nam đề tiến hành cải tạo và xây dựng nông nghiệp cũng như các mặt công tác khác là trách nhiệm trực tiếp của các tỉnh và của bản thân cấp huyện.

Kiến toàn cấp huyện bao gồm huyện ủy, ủy ban nhân dân và ban chấp hành các đoàn thể quần chúng là để giúp các tổ chức đó thật sự có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, đưa phong trào hợp tác hóa, sản xuất nông nghiệp, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu và các mặt công tác khác tiến lên mạnh mẽ. Trong huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện, bên cạnh những đồng chí có kinh nghiệm lãnh đạo toàn diện, cần có những đồng chí giỏi về từng mặt. Hiện nay cần chú trọng mạnh dạn tăng cường cho huyện ủy, ủy ban nhân dân huyện những cán bộ có kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải tạo và phát triển nông nghiệp, có năng lực về chuyên môn nghiệp vụ, đã được rèn luyện, thử thách trong công tác thực tế. Đồng thời quan tâm bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cấp huyện nói chung, giúp các đồng chí ấy nắm vững đường lối, phương châm cải tạo, phát triển nông nghiệp, có những hiểu biết cần thiết về khoa học, kỹ thuật và quản lý kinh tế nông nghiệp, quản lý các tổ chức sản xuất tập thể. Ngoài ra, chú trọng giúp cấp huyện có chuyên viên thật sự trong phương thức lãnh đạo, chỉ đạo. Yêu cầu của sự chuyển biến đó là bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình cơ sở, giải quyết nhanh công việc của cơ sở, tập trung sức đưa cơ sở tiến lên đồng đều, năng

cao nhanh chóng năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức đời sống và lãnh đạo tốt nhiệm vụ chiến đấu hoặc sẵn sàng chiến đấu. Các huyện ủy, quận ủy cần phân công một số cấp ủy viên giúp đỡ cơ sở Đảng. Trận địa hoạt động chủ yếu của cán bộ huyện, quận là cơ sở. Đích thân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của huyện có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng những điển hình về cải tạo và sản xuất nông nghiệp. Mỗi huyện cố gắng xây dựng cho được một số xã hoặc thôn, ấp có phong trào đi vào làm ăn tập thể tương đối khá để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung. Huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành, các tổ chức cấp huyện đẩy mạnh các hoạt động nhằm phục vụ nhiệm vụ cải tạo và phát triển nông nghiệp, nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, và xuất phát từ yêu cầu của những nhiệm vụ ấy mà kiến toàn các ngành, các tổ chức của huyện. Việc xây dựng và kiến toàn cấp huyện trước hết là nhiệm vụ của bản thân cấp huyện, nhưng vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp tỉnh và của các ngành, các ban của trung ương cũng rất quan trọng, vì mọi hoạt động của cấp huyện đều có liên quan mật thiết tới sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên.

Việc xây dựng và củng cố cấp huyện cũng không thể tách rời việc xây dựng và củng cố cơ sở, vì cải tạo và xây dựng nông nghiệp gắn bó chặt chẽ với nhau, chủ yếu và trước hết là trên địa bàn huyện. Các tổ chức sản xuất tập thể của quần chúng ở cơ sở đều nằm trong cơ cấu kinh tế thống nhất của huyện, đòi hỏi sự chỉ đạo cụ thể, trực tiếp của cấp huyện. Mặt khác, cấp huyện có được kiện toàn mới trở thành chỗ dựa vững chắc của cơ sở, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải tạo và phát triển nông nghiệp.



(Xem tiếp trang 86)

Bước đầu xây dựng cơ cấu kinh tế nông — lâm — công nghiệp trên địa bàn huyện Trấn - yên

TRẦN-VĂN-HÀO

TRẤN-YÊN là một huyện miền núi phía nam tỉnh Hoàng-liên-son với diện tích tự nhiên 74 900 héc-ta. Đất có độ dốc từ 25° trở xuống chiếm 40% đất đai toàn huyện. Sông Hồng chảy qua huyện tạo thành một thung lũng bằng phẳng màu mỡ hai bên bờ, nhưng nơi đây thường bị ngập nước vào mùa lụt; những năm nước to, lũ lớn, bị mất hàng trăm héc-ta cây trồng. Địa hình phức tạp, đất đai bị sông ngòi chia cắt thành từng mảnh nhỏ. Từ lâu nhân dân đã khai phá những chỗ bằng phẳng, độ dốc thấp thành ruộng nước. Trấn-yên có ba cánh đồng lớn trên dưới 100 héc-ta (Hưng-khánh, Minh-quân, Bảo-dáp), còn toàn là ruộng bậc thang ở sườn núi, ven khe với những mảnh nhỏ hẹp. Ruộng nước chỉ có từ 3 200 đến 3 400 héc-ta, chiếm khoảng trên 4% diện tích đất đai của huyện. Phần lớn diện tích này trồng hai vụ lúa và đó là nguồn thu nhập chính của nông dân. Trấn-yên là một huyện miền núi thực hiện sớm cuộc vận động hợp tác

hóa nông nghiệp. Nhưng sản xuất lương thực của Trấn-yên tăng rất chậm cả về diện tích, năng suất, sản lượng, và không vững chắc. Năm 1973, nhân khẩu nông nghiệp của huyện Trấn-yên tăng gần một vạn người, tức là tăng 20% so với năm 1965, trong khi đó sản lượng lương thực tăng 625 tấn, tức 4%. Do đó, bình quân sản lượng lương thực trên một nhân khẩu nông nghiệp năm 1965 là 380 kg (trong đó có 280 kg thóc), đến 1973 chỉ còn 320 kg (trong đó có 230 kg thóc). Mức thu mua của Nhà nước cũng giảm xuống: thóc thuế nông nghiệp và thóc bán theo nghĩa vụ cho Nhà nước năm 1965 là 1947 tấn; 1973 còn 1494 tấn, chỉ bằng 77% của năm 1965.

Nông thôn miền núi Trấn-yên, ngoài sản xuất nông nghiệp, không có ngành nghề thủ công nào khác; ở những nơi còn rừng thì còn có khai thác lâm sản do một số người thuộc tổ chức sơn tràng được các lâm trường quốc doanh thuê khoán làm.

Các hợp tác xã nông nghiệp tập trung sức lao động vào làm lương thực mà lương thực tăng rất chậm, hầu như dậm chân tại chỗ, cho nên thu nhập trong kinh tế tập thể giảm sút, vì vậy nông dân phải bổ sung bằng kinh tế phụ gia đình, làm lúa nương, trồng sắn để có đủ mức ăn cần thiết, để chăn nuôi và để trang trải một số nhu cầu khác.

Lương thực thiếu trong khi nhu cầu ngày càng tăng cho nên người ta buộc phải mở rộng diện tích nương rẫy và phá rừng. Nhưng cái nút thiếu lương thực vẫn không cởi được mà còn thắt chặt thêm. Đó là con đường phát triển của một cơ cấu kinh tế ở một huyện miền núi độc canh cây lương thực. Một cơ cấu kinh tế như thế tất yếu dẫn tới những hậu quả tai hại.

1 — Tách rời nông nghiệp với lâm nghiệp, tạo ra mâu thuẫn gay gắt giữa sản xuất nông nghiệp với lâm nghiệp: phát triển sản xuất nông nghiệp thì phải phá rừng, mà bảo vệ rừng thì hạn chế sản xuất nông nghiệp.

2 — Tài nguyên rừng ngày một kiệt,

đất ngày một xấu, một diện tích khá lớn trở nên cằn cỗi và biến thành đồi trọc. Trong khi đó dân cư mỗi năm một tăng. Nguy cơ nghèo đói đe dọa và môi trường sống ở miền núi biến đổi theo chiều hướng tiêu cực đối với con người.

3 — Sản xuất lương thực không tăng bao nhiêu, trong lúc số dân tăng nhanh. Một số nơi vẫn thiếu ăn, phải dựa vào nguồn lương thực của Nhà nước cung cấp.

Từ năm 1963, với nghị quyết 71 của Bộ chính trị về phát triển nông — lâm nghiệp miền núi, Đảng đã chỉ ra con đường thay đổi cơ cấu kinh tế, đi vào ba thế mạnh: cây công nghiệp dài ngày, nghề rừng và chăn nuôi đại gia súc; trên cơ sở nông — lâm nghiệp phát triển, xây dựng các ngành công nghiệp, thủ công nghiệp để phục vụ sản xuất và đời sống, chế biến nông sản, lâm sản, để đáp ứng nhu cầu tại chỗ, nhu cầu cả nước và xuất khẩu. Trải qua nhiều năm lúng túng, Trần-yên đã tìm ra con đường phá vỡ cái thế sản xuất độc canh về lương thực, tạo ra một cơ cấu kinh tế mới trên địa bàn huyện.

BIẾN ĐỔI ĐẦU TIÊN VỀ CƠ CẤU TRỒNG TRỌT

Trong diện tích đất tự nhiên, Trần-yên dành cho sản xuất nông nghiệp 18 800 héc-ta (chiếm 22% diện tích tự nhiên), dành cho lâm nghiệp 51 300 héc-ta (chiếm 69%), còn lại 6 800 héc-ta là đất chuyên dùng và các loại đất khác.

Trong diện tích dành cho nông nghiệp, đất sản xuất lương thực chiếm 8 100 héc-ta (bằng 48% đất nông nghiệp) trong đó có 3 600 héc-ta ruộng nước (bằng 44,5% diện tích đất sản xuất lương thực); đất trồng cây công nghiệp dài ngày chiếm 3 900 héc-ta (chiếm 23% đất nông nghiệp), trong đó

có 3 000 héc-ta chè; đất để chăn nuôi 4 400 héc-ta (chiếm 28% đất nông nghiệp), trong đó có 3 700 héc-ta đồng cỏ, 280 héc-ta hồ thả cá; đất nông nghiệp còn lại dành để trồng cây ăn quả, cây thực phẩm (chiếm gần 3%).

Trên đất dành cho lâm nghiệp, phân bổ cho sản xuất và kinh doanh là 32 900 héc-ta (chiếm 64% diện tích đất lâm nghiệp) trong đó sẽ tiến hành trồng rừng 15 000 héc-ta gồm các loại cây mỡ, hồ để làm nguyên liệu cho công nghiệp giấy và các cây gia dụng đặc sản khác.

Phương án phân bố đất đai là như vậy, nhưng thực tế Trấn-yên tập trung chủ yếu vào ba loại cây trồng: lương thực, cây chè, cây bồ đề. Cây chè và cây bồ đề được Nhà nước khuyến khích phát triển. Các hợp tác xã nông nghiệp đều cố gắng khai phá đất đai để mở rộng diện tích trồng hai loại cây này.

Phát triển chuyên canh cây chè.

Cây chè vốn có từ lâu ở Trấn-yên. Trước đây thực dân Pháp đã lập một vài đồn điền trồng chè quy mô nhỏ, độ vài chục héc-ta. Nông dân cũng có những vườn chè ở gần nhà.

Trong phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, các hợp tác xã hầu như không quản lý diện tích chè. Chỉ những nơi có cơ sở chế biến, Nhà nước tổ chức thu mua, nông dân mới chú ý chăm sóc chè. Từ khi đặt ra nhiệm vụ phát triển cây công nghiệp dài ngày, chủ yếu là cây chè, các hợp tác xã nông nghiệp mới chú ý quản lý đất trồng chè, phục hồi số chè cũ đã có và khai hoang thêm để trồng chè. Năm 1974, huyện Trấn-yên có 11.015 héc-ta chè (trong số này có trên 700 héc-ta đã được thu hoạch) và các hợp tác xã đã giao nộp cho Nhà nước 700 tấn chè búp tươi. Đến năm 1977 diện tích chè của huyện tăng thêm 2.100 héc-ta (932 héc-ta đã có thu hoạch), trong đó có 1.610 héc-ta thuộc các hợp tác xã, và Nhà nước đã thu mua được 1.287 tấn búp tươi. Huyện đã lập một nông trường quốc doanh chuyên trồng chè. Để giúp cho các hợp tác xã nông nghiệp về mặt kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hái chè, nông trường đã mở các lớp đào tạo cho xã viên trong đội chè. Nông trường cũng đã cung cấp giống cho các hợp tác xã phát triển nghề chè.

Hầu hết các hợp tác xã nông nghiệp của huyện Trấn-yên đều có đất trồng chè và lao động chuyên làm chè tập hợp thành 112 đội chuyên, đem lại một nguồn thu nhập mới từ kinh tế tập thể.

Phát triển rừng trồng tập trung.

Xét về nhu cầu sinh thái của cây trồng thì đất đai, thời tiết Trấn-yên thích hợp cho cây bồ đề phát triển. Ở đây từ xưa đã có những mảnh rừng bồ đề phân tán bên cạnh các loại cây rừng khác. Để có nguyên liệu cho công nghiệp giấy, cần nhanh chóng mở rộng diện tích trồng bồ đề trên đất dành cho sản xuất lâm nghiệp. Huyện đã xây dựng một lâm trường quốc doanh. Ngoài nhiệm vụ khai thác rừng tự nhiên, lâm trường còn trồng rừng, nhưng tốc độ rất thấp, mặc dù đã thuê khoán cho các hợp tác xã một diện tích khá lớn. Nông dân không thích nhận khoán trồng rừng vì chỉ được thanh toán tiền chứ không được cấp gạo theo tiêu chuẩn như đối với lao động sơn tràng khai thác gỗ.

Khi huyện mở cuộc vận động trồng rừng, các hợp tác xã đã kết hợp trồng cây lương thực, trồng cây công nghiệp dài ngày với trồng rừng, vừa sử dụng đất một cách hợp lý, vừa dễ cho các cây nương tựa lẫn nhau cùng phát triển, vừa bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước.

Năm 1974 Trấn-yên có 4.096 héc-ta bồ đề và mỡ (phần lớn là bồ đề), đến năm 1977 đã tăng lên 7.600 héc-ta. Hầu hết các diện tích trồng bồ đề và mỡ đã thành rừng. Rừng trở thành một ngành kinh doanh mới của nhiều hợp tác xã—hợp tác xã nông—lâm nghiệp. Bên cạnh rừng tự nhiên, một số hợp tác xã đã có rừng bồ đề đến thời kỳ tỉa thưa và bắt đầu có sản phẩm cung cấp cho Nhà nước. Các hợp tác xã nông—lâm nghiệp đã lập 34 đội chuyên trồng và chăm sóc rừng.

Bên cạnh cây lương thực (mà diện tích không giảm đi) khu vực kinh tế tập thể đã phát triển thêm cây công nghiệp và cây rừng, do đó diện tích trồng trọt đã mở rộng, quỹ ruộng đất của các hợp tác xã nông—lâm nghiệp lớn lên, thu nhập từ kinh tế tập thể đã

tăng. Trước đây, việc phân phối của các hợp tác xã hầu như chỉ bằng hiện vật (thóc), nay đã có thêm tiền, như hợp tác xã Tân-thịnh, số tiền thu nhập của mỗi lao động năm 1976 so với năm 1975 tăng gấp ba lần vì có nguồn thu từ chè và bồ đề.

Vì trồng cây công nghiệp dài ngày và nghề rừng đã trở thành công việc thường xuyên, ổn định, cho nên một bộ phận lao động được chuyển môn hóa và tổ chức thành các đội chuyên. Trong hợp tác xã, bên cạnh các đội làm lương thực còn có đội chè, đội rừng. Năm 1974, trong tổng số lao động ở nông thôn của Trấn-yên, lao động sản xuất lương thực chiếm 84%, lao động trồng cây công nghiệp dài ngày - 5% và lao động làm nghề rừng - 3% ; đến năm 1977 tỷ lệ đó đã thay đổi : sản xuất lương thực - 60%, trồng cây công nghiệp dài ngày - 19%, nghề rừng - 9%. Lao động trồng trọt đã được rút bớt nhưng không làm giảm sản xuất lương thực.

Hàng nông sản, lâm sản của Trấn-yên trước đây cũng cấp cho xã hội hầu như không đáng kể, chỉ có một số ít gỗ, tre, nứa... lại có xu hướng giảm dần. Nhưng do biến đổi cơ cấu trồng trọt, những năm vừa qua sản lượng chè cung cấp cho công nghiệp chế biến đề xuất khẩu và tiêu dùng trong nước mỗi năm một tăng. Tỷ suất hàng hóa ngày càng lớn và Trấn-yên sẽ trở thành một trong những vùng sản xuất chuyên môn hóa về chè và gỗ.

Đất đai vùng miền núi Trấn-yên bước đầu được sử dụng một cách hợp lý. Ở những nơi thấp, tương đối bằng phẳng, trồng cây ngắn ngày, chủ yếu là cây lương thực, thực phẩm ; trên các sườn đồi có độ dốc thấp trồng cây công nghiệp, trồng chủ yếu là chè ; còn trên đất có độ dốc cao ở các sườn núi, thì trồng rừng, chủ yếu là bồ đề và mỡ. Trấn-yên không có những diện tích lớn hàng nghìn héc-ta tập trung chuyên canh từng loại cây. Với điều kiện đất đai, đặc điểm địa hình trong huyện, ba loại cây đó được trồng xen kẽ nhau, kế bên nhau và cùng phát triển trong từng đơn vị kinh tế : hợp tác xã, nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh. Với cách sử dụng đất đai như vậy, hiệu quả kinh tế sẽ cao hơn và diện tích còng lại cũng lớn. Hơn nữa cách làm đó còn có tác dụng tốt về nhiều mặt như bảo vệ đất, chống xói mòn, duy trì môi trường sống.

Trấn-yên tận dụng sự giúp đỡ của Nhà nước bằng vốn trợ cấp đầu tư (theo quyết định 129/CP), nhưng chủ yếu là huy động năng lực lao động và vốn của các hợp tác xã nông nghiệp. Huyện Trấn-yên đã phát huy tinh thần tự lực tự cường và sự giác ngộ xã hội chủ nghĩa của nông dân, huy động được một khối lượng lao động khá lớn để làm cây công nghiệp và trồng rừng, tạo nên sự biến đổi trong cơ cấu cây trồng.

CƠ CẤU CÔNG NGHIỆP BẮT ĐẦU HÌNH THÀNH

Nông - lâm nghiệp phát triển đòi hỏi phải xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp để một mặt cung cấp tư liệu sản xuất cho yêu cầu phát triển sản xuất của nông - lâm nghiệp, mặt khác để chế biến nông - lâm sản. Trên địa bàn huyện Trấn-yên đã có một nhà máy chè đen xuất khẩu, một xưởng

chè hương, một nhà máy giấy, một xí nghiệp mộc xẻ, một nhà máy làm tinh bột sắn, một xí nghiệp đường rượu, một xí nghiệp cơ khí, một trạm máy kéo, một mạng lưới điện chạy qua sáu xã (lấy từ nguồn điện của Nhà máy thủy điện Thác-bà) và một trạm thủy điện nhỏ có công suất 60kw

Đề đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng, huyện đã xây dựng hai xí nghiệp gạch ngói, sáu cơ sở làm gạch máy và 56 cơ sở gạch thủ công trong các hợp tác xã nông nghiệp, một xí nghiệp voi quốc doanh và 72 lò vôi của tập thể.

Rồi đây, khi 3000 héc-ta chè đã định hình và có thu hoạch, mỗi năm sẽ có từ 9000 đến một vạn tấn búp tươi thì trên địa bàn huyện không phải chỉ có hai nơi chế biến chè như hiện nay mà phải có thêm 4 - 5 nhà máy chè mới. Với 12500 héc-ta bờ đồi khi đã trồng xong và đến tuổi khai thác, mỗi năm sẽ có 136 000 m³ gỗ tròn, ngoài phần giao nộp trung ương để làm giấy, số gỗ còn lại cộng với cành, ngọn sẽ là nguồn nguyên liệu khá lớn để phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến gỗ của địa phương. Ngoài hai ngành công nghiệp gắn với hai thế mạnh của kinh tế huyện, còn một loạt các ngành công nghiệp khác cũng sẽ được xây dựng và mở rộng trên cơ sở nông - lâm nghiệp phát triển để phục vụ yêu cầu của sản xuất và đời sống nhân dân.

Sau bước biến đổi thứ nhất về cơ cấu trồng trọt, tạo ra cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp, đây là bước biến đổi thứ hai - hình thành cơ cấu nông - lâm - công nghiệp. Tuy mới chỉ có một thời gian ngắn, nhưng đã thấy được những kết quả bước đầu.

Trên cơ sở - nông lâm nghiệp phát triển, công nghiệp đã hình thành và công nghiệp hoạt động lại tạo điều kiện thuận lợi cho nông - lâm nghiệp phát triển mạnh lên, điều đó thể hiện rõ nhất trong ngành sản xuất chè ở Trấn-yên. Trong bốn năm qua diện tích trồng chè đã tăng gấp hai lần và

sản lượng chè tươi bán ra đã tăng gấp mười. Nếu không có công nghiệp chè phát triển thì không thể có bước phát triển đó.

Cơ cấu kinh tế thay đổi đã làm thay đổi cơ cấu lao động và dân cư. Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh xây dựng trên địa bàn huyện đã làm cho số người lao động công nghiệp tăng lên và dân cư thành thị cũng lớn lên. Ngay trong nông thôn cơ cấu lao động cũng biến đổi. Năm 1974 lao động ngành nghề trong các hợp tác xã nông - lâm nghiệp chỉ chiếm 5% tổng số lao động trong hợp tác xã, năm 1977 tỷ số đó tăng lên 11%. Các hợp tác xã ở Trấn-yên đã có 42 đội chuyên làm gạch ngói và một số đội làm các ngành nghề khác.

Có công nghiệp, tổng sản phẩm xã hội hằng năm của Trấn-yên tăng lên, từ đó thu nhập quốc dân cũng tăng theo và đời sống của nhân dân các dân tộc ở đây được cải thiện một bước. Ngoài phần thu nhập về vật chất do kết quả lao động đem lại, đời sống văn hóa, tinh thần của họ cũng được nâng cao. Huyện Trấn-yên đã có hai trường cấp III và tất cả các xã đều có trường cấp II hoàn chỉnh. Mạng lưới y tế của huyện gồm hai bệnh viện và các trạm y tế của xã. Huyện có 17 đội bóng đá chân đất, một đội tuyển bóng đá chân giày và 10 đội bóng chuyền.

Cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp huyện tuy mới bắt đầu hình thành đã mở ra triển vọng to lớn phát triển kinh tế và văn hóa, đưa lại những biến đổi sâu sắc về xã hội ở vùng này.

TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TỪ CƠ SỞ

Thực hiện chỉ thị 208 của Ban bí thư Trung ương Đảng và nghị quyết 61/CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại

sản xuất nông - lâm nghiệp, các hợp tác xã ở Trấn-yên đều xây dựng phương án kinh tế với bước đi đầu

tiền là phá thế độc canh lương thực. Tùy theo điều kiện đất đai của mỗi hợp tác xã và theo phương án phân vùng nông - lâm nghiệp của tỉnh mà bố trí lại đất đai cho từng loại cây trồng, từ đó phân công lại lao động. Nhằm nâng cao đời sống của xã viên và đẩy mạnh sản xuất, các hợp tác xã đã phát triển một số ngành nghề: cơ khí nông cụ, mộc, nề, gạch ngói, vôi, v.v. Với hoàn cảnh miền núi thiếu lao động, các hợp tác xã có yêu cầu bức thiết phải tăng thêm lao

động, và các hợp tác xã nhỏ phải sáp nhập lại để có quy mô lớn hơn nhằm sử dụng được tập trung và hợp lý sức lao động, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật, vốn liếng để mở rộng sản xuất kinh doanh. Ba hợp tác xã Bảo-đáp, Đăng-an, Tân-thịnh hiện nay là những hợp tác xã hợp nhất từ nhiều hợp tác xã nhỏ, đã có những biến đổi về quy mô và cơ cấu sản xuất kinh doanh thể hiện qua những số liệu sau đây.

	<i>HTX Bảo-đáp</i>	<i>HTX Đăng-an</i>	<i>HTX Tân-thịnh</i>
- Số hộ	505	321	305
- Nhân khẩu	2993	1781	1744
- Số lao động	1027	659	533
- Diện tích tự nhiên	931 ha	1096 ha	1210 ha
- Đất nông nghiệp	276 ha	247 ha	317 ha
- Đất lâm nghiệp	527 ha	637 ha	375 ha
- Diện tích đất trồng cây các loại:			
+ Cây lương thực	153 ha	198 ha	161 ha
(Trong đó ruộng nước)	131 ha	136 ha	95 ha
+ Cây chè	97 ha	95 ha	93 ha
+ Rừng trồng	38 ha	3 ha	162 ha

Cơ cấu cây trồng thay đổi, cơ cấu lao động trong các hợp tác xã cũng biến đổi. Ở hợp tác xã Tân-thịnh, trước đây trên 70% lao động dồn vào làm lương thực, năm 1977 lao động làm lương thực rút xuống còn 42,2%, lao động làm các ngành nghề khác tăng lên. Các nguồn thu nhập cũng thay đổi. Như ở hợp tác xã Bảo-đáp, năm 1977 thu về lương thực trị giá 377 478 đồng, còn thu về cây công nghiệp dài ngày, nghề rừng và các ngành nghề khác là 173 830 đồng, như vậy bằng một nửa số thu về lương thực. Rồi đây tỷ trọng thu nhập của các loại ngành nghề này sẽ tăng nhanh hơn so với nguồn thu về lương thực.

Không còn độc canh lương thực cho nên cũng không còn tình trạng sản xuất chỉ nhằm tự cấp tự túc. Tỷ suất hàng hóa trong nông sản và lâm sản của các hợp tác xã mỗi năm một tăng. Ở hợp tác xã Đăng-an, năm 1977 giá trị hàng hóa bán cho Nhà nước đã

chiếm 22% tổng thu nhập. Còn hợp tác xã Tân-thịnh năm 1977 cũng đã cung cấp cho Nhà nước được 72,30 tấn thóc, 192 tấn sản tươi, 87 tấn búp chè và 10,5 tấn thịt lợn. Theo kết quả thu chi phân phối năm 1977, những hợp tác xã khá của huyện có giá trị ngày công từ 1,5 đến 2 đồng và mức lương thực (chủ yếu là thóc) bình quân phân phối cho nhân dân là trên 20 ki-lô-gam một tháng. Đời sống xã viên được nâng cao, kinh tế tập thể được củng cố.

Trên đất Trấn-yên, trong khu vực sản xuất nông - lâm nghiệp, ngoài 80 hợp tác xã còn có hai đơn vị kinh tế quốc doanh (một lâm trường, một nông trường) cũng được tổ chức lại sản xuất để gắn bó chặt chẽ với kinh tế huyện. Nhiệm vụ của hai đơn vị này đã được xác định lại. Hai đơn vị này nay sử dụng đất đai và hoạt động sản xuất theo quy hoạch phát triển kinh tế của huyện. Lâm trường hiện nay còn rải ra trên tất cả các xã, sẽ

được thiết kế lại với nhiệm vụ vừa tiến hành khai thác, tu bổ, vừa trồng rừng và ươm cây giống. Những khu đất thuộc lâm trường quản lý nếu có thể trồng cây lương thực hoặc cây công nghiệp dài ngày cũng sẽ được sử dụng để trồng các loại cây ấy. Nông trường chủ yếu trồng chè, trâu và chăn nuôi bò thịt. Trên đất của nông trường ở những độ dốc cao cũng trồng rừng và ở nơi thấp, bằng phẳng cũng trồng cây lương thực. Giữa hợp tác xã với nông trường, lâm trường bắt đầu có mối quan hệ gắn bó với nhau. Thông qua các mối quan hệ này, nông trường và lâm trường giúp đỡ các hợp tác xã nông — lâm nghiệp phát triển sản xuất.

Từ phân công lại lao động và chuyên môn hóa sản xuất, các hợp tác xã nông — lâm nghiệp bắt đầu phát triển các quan hệ trao đổi và hiệp tác sản xuất. Thu nhập của người lao động tăng lên, dẫn đến một loạt nhu cầu mới về ăn, mặc, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh... Vì vậy, trên địa bàn huyện đã xuất hiện thêm nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, các cửa hàng mua và bán, các trường học và bệnh viện, cơ quan thông tin bưu điện, các công trình văn hóa, phúc lợi. Mạng lưới giao thông trong huyện khá phát triển. Ở Trấn-yên đã hình thành năm cụm kinh tế. Có cụm đã rõ, có cụm mới ở dạng phôi thai. Mỗi cụm là một tập hợp tất cả những đơn vị sản xuất nông — lâm nghiệp gắn với một trung tâm có các xí nghiệp công nghiệp chế biến, các cửa hàng mua, bán nông, lâm sản, hàng tiêu dùng và vật tư sản xuất, cơ quan tín dụng ngân hàng, các cơ sở phục vụ đời sống, các công trình phúc lợi công cộng, trường học,

bệnh viện, v.v. Mỗi trung tâm là một thị trấn nhỏ giữa nông thôn miền núi.

Rồi đây ở vị trí trung tâm của tất cả các cụm sẽ có các cơ sở chế biến mầu, chế biến thức ăn gia súc, chế biến lâm sản, các cửa hàng cung ứng vật tư kỹ thuật, cửa hàng bách hóa, cửa hàng thu mua nông — lâm sản, v.v. Ở đây có phòng giao dịch ngân hàng, có một số trạm trại kỹ thuật. Hoạt động của các đơn vị kinh tế này nhằm phục vụ và gắn bó chặt chẽ với các đơn vị kinh tế sản xuất nông lâm nghiệp.

Trải qua gần bốn năm thực hiện phương án kinh tế đã được xác định, Trấn-yên đã thu được những kết quả bước đầu.

Sau đây là những kết quả cụ thể tính đến năm 1977:

Về trồng chè, đã có 2100 ha và đạt 70% chỉ tiêu đã đề ra.

Về cây có dầu, đã có 180 ha trâu, đạt 26% chỉ tiêu.

Về trồng quế, đã có 83 ha, đạt 41,5% chỉ tiêu.

Về trồng rừng, đã có 7600 ha mở và bổ đề, 54 ha dó, đạt 53% chỉ tiêu.

Về tiếp nhận lao động miền xuôi lên xây dựng vùng kinh tế mới, đến nay đã nhận được 3876 người, so với phương án đạt 25%. Số người lao động ở miền xuôi lên cùng với những nhân khẩu di theo đã làm tăng mật độ số dân của huyện từ 90 người lên 120 người trên một ki-lô-mét vuông.

Do thay đổi cơ cấu sản xuất và được bổ sung về lao động, ở Trấn-yên đã có biến đổi về cơ cấu lao động xã hội. Tỷ trọng lao động của mỗi ngành trong toàn bộ lao động trực tiếp sản xuất năm 1977 đã khác so với năm 1974.

	1974	1977
— Lao động sản xuất nông nghiệp	90%	80%
Trong đó — Sản xuất lương thực	84%	60%
— Trồng cây công nghiệp dài ngày	5%	19%
— Chăn nuôi tập thể	1%	1%
— Nghề rừng	5%	9%
— Lao động các ngành nghề	5%	11%

NHỮNG MẶT YẾU KÉM VÀ TRỞ NGẠI CHÍNH HIỆN NAY

Trong quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp trên địa bàn huyện, Trấn-yên đã đạt được những kết quả đầu tiên, nhưng còn những mặt yếu kém đang gây trở ngại cho bước phát triển sắp tới của huyện.

1 - Trong bước biến đổi thứ nhất về cơ cấu kinh tế, đã giải quyết được việc kết hợp giữa nông nghiệp và lâm nghiệp, nhưng *chăn nuôi chưa được coi trọng đúng mức*, hầu như không tăng về số lượng tuyệt đối, và giảm về tỷ trọng trong mối quan hệ với trồng trọt.

	1974	1977
- Đàn trâu (con)	6433	6402
- Đàn bò (con)	876	1593
- Đàn lợn (con)	18198	18502

Diện tích trồng cây lương thực năm 1977 so với 1974 tăng 15%, riêng về sản và ngô tăng gấp đôi. Diện tích cây công nghiệp dài ngày cũng tăng trên hai lần. Nhưng vì *chăn nuôi không phát triển* cho nên lượng phân bón không đủ đáp ứng cho yêu cầu thâm canh. Chỉ có cây lúa ruộng mới được bón phân hữu cơ với mức bình quân chín tấn một héc-ta. Còn cây sản, cây chè và một số cây màu, cây công nghiệp dài ngày khác, mỗi năm khai hoang mở rộng diện tích từ 500 đến 700 héc ta hầu như trồng chay, không có phân. Do đó năng suất cây trồng thấp, một số cây công nghiệp dài ngày chậm khép tán, đất bị bạc màu nhanh chóng, một diện tích khá lớn đất trồng sản sau vài vụ đã phải bỏ hóa hoặc bỏ hẳn.

Các hợp tác xã không mở rộng chăn nuôi đại gia súc cho nên đàn trâu cây kéo năm 1977 kém năm 1974. Lợn tập thể cũng không tăng. Do tình hình chăn nuôi như vậy cho nên số lao động trong chăn nuôi tập thể năm 1977 vẫn giữ tỷ lệ như

năm 1974; 1% trong số lao động nông nghiệp.

Chăn nuôi dầm chân tại chỗ, có nơi có khu vực giảm sút, là vì nguồn thức ăn cho gia súc không đầy đủ và từng năm không tăng. Tình hình này đã ảnh hưởng tới trồng trọt vì thiếu cả sức kéo và phân bón, ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân và không đáp ứng tốt nhu cầu về thực phẩm cho xã hội.

2 - Trấn-yên còn coi nhẹ *nghề thủ công ở nông thôn*, nhất là trong việc *chế biến màu*. Sản của Trấn-yên có nhiều và là cây màu chủ yếu, năm 1977 có trên 2000 héc-ta sản, nhưng do các hợp tác xã chỉ quản lý một diện tích nhỏ. Muốn đưa một diện tích lớn sản vào kinh tế tập thể thì phải có công cụ chế biến để sản không bị hỏng sau khi thu hoạch (mỗi hợp tác xã tập trung thu hoạch hàng vài trăm tấn một vụ trong một thời gian ngắn để giải phóng đất, chuẩn bị vụ sau). Có chế biến mới có thể đưa sản vào sản lượng lương thực và phục vụ cho chăn nuôi lợn tập thể. Nhưng Trấn-yên chưa có hợp tác xã nào chế biến sản và cũng chưa có công nghiệp chế biến sản ở huyện. Có một nhà máy làm tinh bột sản do tỉnh quản lý, nhưng sản phẩm của nó không phải để làm lương thực và thức ăn cho chăn nuôi. Trong năm 1977 hợp tác xã Tân-thịnh bán cho nhà máy sản 192 tấn nhưng hợp tác xã vẫn phải dùng thóc để chăn nuôi. Chính vì coi nhẹ việc chế biến màu cho nên hợp tác xã cũng chưa thể quản lý sản và không thể quy hoạch đất trồng sản tập trung, chưa thể làm thay đổi cơ cấu lương thực hiện nay, chưa có thêm nguồn lương thực để phát triển chăn nuôi.

Nông sản và lâm sản ở miền núi ban đầu thường ít và phân tán, chưa thật ổn định, mang tính thời vụ. Nếu xây dựng ngay các xí nghiệp chế biến

quốc doanh thì có khi chưa thích hợp. Trấn-yên đang phát triển trồng trầu trong một số hợp tác xã; đến năm cuối của quy hoạch xây dựng huyện sẽ có khoảng 700 héc-ta trầu và khoảng trên 3.000 tấn quả sẽ được thu hoạch. Đến lúc đó, phải có một xí nghiệp công nghiệp ép dầu quy mô vừa mới có thể tận dụng được nguồn nguyên liệu nói trên. Nhưng bắt đầu từ nay, hằng năm trên một số diện tích đã có thu hoạch. Nguồn nguyên liệu từ phân tán chuyển dần lên tập trung. Nếu không có ngay những cơ sở chế biến nhỏ với công cụ thô sơ đến nửa cơ khí trong từng hợp tác xã trồng cây có dầu ở từng cụm kinh tế thì vừa bỏ phí nguyên liệu vừa không có được yếu tố kích thích phát triển sản xuất các loại cây này.

Với nguồn nguyên liệu tại chỗ từ nông - lâm nghiệp, với nhu cầu của nhân dân, Trấn-yên cần phải có một số ngành sản xuất hàng tiêu dùng và cần tăng thêm lực lượng lao động thủ công nghiệp. Đối với số lao động có nghề từ các tỉnh vùng đồng bằng lên, đáng lẽ cần bố trí vào các ngành nghề thích hợp. Nhưng thời gian qua hầu hết số này đều được đưa vào nông nghiệp và lâm nghiệp chỉ vì lý do không có kế hoạch tăng lao động cho các đơn vị sản xuất thủ công nghiệp chuyên nghiệp. Cũng vì lý do đó mà các hợp tác xã nông - lâm nghiệp đã rất hạn chế việc tách lao động ra làm ngành nghề, và trên phạm vi huyện, số lao động chuyên nghiệp trong các hợp tác xã thủ công nghiệp rất ít.

Nguyên nhân của mặt yếu kém này là do lương thực chưa đủ đến mức từng hợp tác xã và cả huyện có khả năng tự cân đối, để tách một bộ phận lớn lao động ra phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp. Một nguyên nhân khác cũng đã chi phối việc phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp ở Trấn-yên là: các ngành công nghiệp trung ương và tỉnh chưa cung cấp được

những công cụ thích hợp và tốt để chế biến màu, ép dầu, và làm các mặt hàng tiêu dùng từ nông sản và lâm sản. Mặt khác, về chính sách, cũng chưa khuyến khích phát triển mạnh mẽ các hợp tác xã thủ công nghiệp có trình độ kỹ thuật thô sơ, quy mô nhỏ.

Cho nên trong cơ cấu nông - lâm - công nghiệp của huyện Trấn-yên hiện nay, công nghiệp mới bấp bênh nhưng chưa chắc, hãy còn yếu ớt, do đó cũng chưa có tác động mạnh mẽ đối với việc phát triển nông - lâm nghiệp.

3 - Hai mặt yếu kém trên cũng phản ánh tình hình lương thực chưa đủ là trở ngại chính hiện nay đối với việc mở rộng phân công lao động xã hội, tăng thêm lao động làm ra nguyên liệu cho công nghiệp và lao động sản xuất công nghiệp. Từ đó bước phát triển của các ngành sản xuất chưa có tốc độ cần thiết để sớm tạo ra một cơ cấu kinh tế tối ưu.

Trấn-yên có 3400 héc-ta ruộng nước, nhưng với những khó khăn do lũ lụt và hạn hán hàng năm gây ra chưa khắc phục được, cho nên năng suất thấp (trên dưới hai tấn một héc-ta/một vụ) và bấp bênh.

Nông dân phải tự làm thêm màu để bổ sung vào nguồn lương thực, do đó một lượng lớn ngày công lao động của xã viên được sử dụng vào việc làm lương thực (diện tích sản năm 1977 đã tăng gấp đôi so với năm 1976 và năm 1974). Và vì vậy, tuy đã có sự cố gắng của các hợp tác xã, diện tích trồng các cây công nghiệp và trồng rừng chưa cao. Công đầu tư cho các biện pháp thâm canh, ứng dụng khoa học kỹ thuật đối với cây trồng chưa đầy đủ, khiến năng suất kém, sản phẩm hàng hóa tăng lên chậm, trên một số diện tích còn có nguy cơ mất cả giống, công khai hoang và trồng trọt ban đầu. Với trở ngại về vấn đề lương thực, ngay một số bước phát triển đã giành được ở từng nơi, từng

bò phận cũng có thể bị dừng lại hoặc mất đi.

Quán triệt tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa 4) về phát triển nông nghiệp vượt bậc, nhất là sản xuất lương thực, Trấn-yên đã thực hiện những biện pháp tích cực để tăng nhanh sản xuất lương thực, chủ yếu là tăng vụ trên ruộng, bảo đảm toàn bộ diện tích quay vòng hai lần trong năm, và thâm canh cây trồng, mở rộng diện tích trồng hoa màu, đầu tư xây dựng các trạm bơm điện lấy nước sông Hồng để cân đối nước với trồng trọt, bảo đảm vững chắc năng suất ba tấn thóc một héc-ta một vụ. Rõ ràng chỉ có vượt qua cửa

ải lương thực, Trấn-yên mới có thể đưa chăn nuôi lên thành ngành sản xuất chính, cân đối với trồng trọt, mới có điều kiện tiếp tục phát triển cây công nghiệp dài ngày, nghề rừng và phát triển công nghiệp và thủ công nghiệp. Đối với Trấn-yên, phải tăng nhanh sản lượng lương thực bằng con đường phát triển màu—sản và chế biến màu—sản thành lương thực cho người và thức ăn cho gia súc.

Với quyết tâm mới, đảng bộ Trấn-yên đang động viên nhân dân các dân tộc, các đơn vị kinh tế trong huyện vượt qua trở ngại về lương thực, vượt qua các mặt yếu kém để sớm có được một cơ cấu kinh tế nông—lâm—công nghiệp vững chắc trong bước phát triển sắp tới.

Thấm nhuần lời dạy...

(Tiếp theo trang 53)

huy. Nhưng cũng có những truyền thống lâu đời của xã hội chiếm hữu tư nhân đẩy đẩy những xấu xa, lạc hậu sản sinh ra chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, sô-vanh nước lớn, dễ bị chủ nghĩa đế quốc lợi dụng để chia rẽ phong trào cộng sản quốc tế, phá hoại độc lập, tự do của các dân tộc.

Thấm nhuần nguyên tắc của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, Đảng ta quyết tâm « nêu cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc chống ngoại

xâm và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, *đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc*; tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và toàn thể loài người tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai, làm tốt nhiệm vụ quốc tế của mình » (23).

(23) Diễn văn khai mạc cuộc mít tinh trọng thể kỷ niệm lần thứ 33 Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 của đồng chí Trường-Chinh, báo Nhân dân, ngày 2-9-1978.

PHONG TRÀO LAO ĐỘNG VÀ TIẾT KIỆM Ở NHÀ MÁY CHẾ TẠO BIẾN THỂ HÀ-NỘI

TRẦN-XUÂN

VỚI nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất máy biến thế điện lực từ 50 KVA đến 7500 KVA, Nhà máy chế tạo máy biến thế điện Hà-nội, thuộc Bộ cơ khí và luyện kim trong những năm qua đã liên tục hoàn thành toàn diện và vượt mức những chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của Nhà nước giao cho, góp phần đặc lực vào việc sản xuất các thiết bị điện, phục vụ cho sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, và cho các ngành kinh tế khác, v.v.

Thành công lớn nhất của Nhà máy là đã tạo ra được cao trào thi đua sản xuất với hiệu quả kinh tế cao. Bằng việc làm cụ thể và sáng tạo, với tinh thần lao động dũng cảm, năm 1977 cán bộ, công nhân Nhà máy chế tạo biến thế điện Hà-nội đã tiết kiệm cho Nhà nước 527 869đ.

Nhu cầu về các mặt hàng của Nhà máy sản xuất ngày càng lớn, đặc biệt là các loại máy biến thế điện lực, máy biến thế đặc biệt cho các ngành luyện kim, hóa chất, biến thế hàn khí cụ điện, động cơ điện, v.v. Cùng với nhu cầu về chủng loại và số lượng mặt hàng, yêu cầu về chất lượng sản phẩm cũng ngày càng cao. Nhiệm vụ sản xuất nặng nề, song khó khăn trong sản

xuất cũng không nhỏ, đặc biệt là việc cung ứng vật tư kỹ thuật, chủ yếu là nguyên liệu và vật liệu sản xuất thường không được bảo đảm. Điều này gây khó khăn lớn cho Nhà máy chế tạo biến thế là nơi dùng tới gần 80% nguyên liệu, vật liệu nhập của nước ngoài. Chính vì thế, ở Nhà máy thường xảy ra hiện tượng « người chờ vật », có quý thiếu đến hàng chục tấn vật liệu chính, có loại vật liệu 7 - 8 tháng không được cung cấp, như giấy cráp cuốn ống, gỗ tếc-tô-léc các loại, sơn cách điện, v.v. Đó là chưa kể tình trạng nguyên liệu, vật liệu không đồng bộ, hoặc sai quy cách kỹ thuật. Tình trạng này nếu để kéo dài sẽ làm cho sản xuất trì trệ, cán bộ và công nhân luôn bị động, lúng túng, khí thế lao động giảm sút, công tác quản lý bị buông lỏng và tất nhiên Nhà máy khó hoàn thành kế hoạch sản xuất.

Đảng bộ, ban giám đốc và cán bộ, công nhân Nhà máy chế tạo biến thế Hà-nội đã nhận thức được rằng khó khăn về thiếu vật tư, nguyên liệu, vật liệu trong sản xuất không chỉ là hiện tượng trước mắt và tạm thời. Muốn giải quyết được tình trạng đó, việc khắc phục khó khăn, phát huy

thuận lợi sẵn có, ra sức tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu trong sản xuất, tận dụng phế liệu, nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, vật liệu, là biện pháp thiết thực và chủ động nhất. Vì vậy, trong phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, Nhà máy rất coi trọng việc tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu và tiết kiệm lao động. Khẩu hiệu tiết kiệm 500 000đ nguyên liệu, vật liệu được phổ biến đến từng công nhân. Mặt khác, các biện pháp tổ chức thực hiện được triển khai kịp thời:

Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, vật liệu là biện pháp hàng đầu để giải quyết khó khăn về thiếu nguyên liệu, vật liệu. Các phòng, ban, phân xưởng và tổ sản xuất, các kỹ sư và công nhân kỹ thuật tập trung giải quyết các biện pháp kỹ thuật theo hướng cải tiến thiết kế sản phẩm, tạo những phương án thiết kế tối ưu bảo đảm chất lượng; đồng thời tận dụng tính năng vật tư với mức cao nhất, cải tiến và áp dụng công nghệ sản xuất mới, tiên tiến, gia công vật liệu chính xác, hợp lý để nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, vật liệu, giảm tiêu hao vật tư, chế tạo máy chuyên dùng, vật tư mới theo hướng tận dụng phế liệu mà vẫn bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm. Theo phương hướng này, riêng năm 1977, Nhà máy đã có trên 200 sáng kiến cải tiến kỹ thuật và quy trình thao tác, trong đó có những sáng kiến nâng cao năng suất lao động lên gấp 3 lần. Sáng kiến cải tiến quy trình cắt tôn xi-líc, cắt giấy cách điện đã nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời tiết kiệm cho Nhà máy trên 100 000đ. Phòng cơ lý hóa của Nhà máy đã nghiên cứu xử lý nhiều loại vật liệu cũ như bọc lại dây đồng mốc, xử lý sơn cách điện hỏng, cánh kiến hỏng, bột gắn sứ hỏng, làm cho chúng trở thành nguyên

liệu mới có đủ phẩm chất để đưa vào sản xuất.

Tận dụng phế liệu, sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu mới, nâng cao hiệu quả kinh tế của việc sử dụng nguyên liệu, vật liệu là nội dung, mục đích của các đề tài nghiên cứu và chỉ tiêu thi đua. Phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật đã lôi cuốn nhiều kỹ sư, công nhân kỹ thuật say mê nghiên cứu, sáng tạo những sản phẩm mới có giá trị lớn về khoa học kỹ thuật, đáp ứng những yêu cầu đặc biệt của các ngành kinh tế quốc dân. Đó là máy biến thế cao áp 115 KV; máy biến thế lò luyện đất đèn nhiều nấc 1200 KVA; máy biến thế đặc biệt 1000 KVA và 750 KVA; máy chỉnh lưu sắt trùng nước 200 A, v.v. Để phục vụ cho việc phát triển nông nghiệp ở miền Nam, Nhà máy đã nghiên cứu, chế tạo thành công 4 loại máy biến thế 100 KVA, 180 KVA, 320 KVA, 560 KVA với cấp điện thế 15 KV.

Các kỹ sư của Nhà máy đã nghiên cứu thành công và đưa vào sản xuất hàng loạt máy biến dòng TI, giảm được việc nhập của nước ngoài, mặt khác tận dụng được vật liệu sẵn có của Nhà máy. Trên đà đó, anh chị em đang nghiên cứu để thiết kế một loại máy mới như máy chỉnh lưu mạ 100 A6V/12V, phanh từ tàu hút bùn HB3 cho Công ty cơ khí miền Nam, máy biến thế 1800 KVA/320 KVA/15/0,4 cho lưới điện miền Nam.

Những sản phẩm mới do Nhà máy chế tạo biến thế Hà-nội làm ra đã thể hiện rõ ý thức làm chủ tập thể, óc sáng tạo và tinh thần lao động quên mình của kỹ sư và công nhân Nhà máy này, đồng thời cũng đánh dấu một bước tiến bộ về kỹ thuật của ngành cơ khí chế tạo nước ta.

Nhà máy chú ý đúng mức việc quản lý chặt chẽ và sử dụng một cách có hiệu quả nhất vật tư (gồm cả nguyên liệu và vật liệu). Để giải quyết các mâu thuẫn giữa yêu cầu sản xuất và khối lượng,

chất lượng vật tư được cung cấp, giữa năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, Nhà máy đã tăng cường các biện pháp cần thiết để chống mọi lãng phí vật tư, bảo quản vật tư chặt chẽ theo đúng chế độ, tổ chức kiểm tra theo định kỳ các định mức vật tư cho các sản phẩm và chi tiết sản phẩm, đưa các định mức tiên tiến theo quy trình mới vào cấp phát, theo dõi việc thực hiện các định mức để kịp thời báo cho phòng kỹ thuật điều chỉnh các định mức. Mặt khác, Nhà máy kịp thời xây dựng định mức vật tư cho các sản phẩm và chi tiết sản phẩm chưa có định mức. Hằng tháng, hằng quý Nhà máy đã tiến hành thu hồi vật tư còn lại ở các phân xưởng, trên cơ sở đó huy động vật tư ứ đọng vào sản xuất một cách hợp lý. Chế độ, nội quy cung ứng vật tư được định ra một cách khoa học, phục vụ nhanh chóng, kịp thời cho sản xuất, đồng thời vẫn bảo đảm đúng các nguyên tắc, chế độ quản lý và cấp phát. Thủ kho cấp phát và xuất nhập vật tư theo đúng chế độ cân, đóng, đo, đếm; mặt khác có biểu mẫu theo dõi quy trình khép kín của nguyên liệu, vật liệu từ khi phát ra đến khi trở thành sản phẩm ở các phân xưởng dùng nhiều vật tư quý. Công tác kỹ thuật biến các phế liệu thành vật liệu mới để đưa lại vào sản xuất được khuyến khích, vì vậy Nhà máy đã thu hồi được nhiều phế liệu và các vật liệu « đầu thừa đuôi thẹo » để sử dụng lại trong sản xuất.

Nhờ các biện pháp nói trên, và nhờ mọi người quan tâm nâng cao tỷ lệ sử dụng nguyên liệu, vật liệu, Nhà máy chế tạo biến thể Hà-nội không những đã tạo được nguyên liệu, vật liệu để bảo đảm sản xuất liên tục, khắc phục được khó khăn về thiếu vật tư, và trong chừng mực nhất định đã góp phần tạo ra vật tư mới cho mình và cho một số nhà máy bạn. Tôn si-líc là mặt hàng hiếm, mỗi năm Nhà máy nâng tỷ lệ sử dụng lên 5%, đã

tiết kiệm cho Nhà nước 20 tấn; gỗ Bả-kê-lít và giấy cách điện là những mặt hàng phải nhập của nước ngoài vì ta chưa chế tạo được, nay Nhà máy đã dùng vật liệu tự chế thay thế và tiết kiệm tiêu hao cho nên đã chủ động sản xuất thêm được hàng chục máy biến thế ngoài kế hoạch phục vụ cho khách hàng.

Những năm gần đây do tổ chức thực hiện tốt phong trào tiết kiệm, Nhà máy đã đạt được những kết quả đáng phấn khởi. Năm 1976, Nhà máy tiết kiệm cho Nhà nước 18 800đ vật tư các loại, góp phần hạ giá thành 8,14% so với năm 1975, nộp tích lũy tăng 41% so với năm 1975, hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 24 ngày. Năm 1977, kết quả lại càng tốt hơn do phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm phát triển sâu rộng; Nhà máy đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 33 ngày, cung cấp vượt mức máy biến thế máy hàn cho các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt cung cấp kịp thời 450 máy biến thế cho 19 tỉnh chống hạn và úng. Năng suất lao động của một công nhân sản xuất công nghiệp vượt 18% so với kế hoạch và tăng 21% so với năm 1976; giá thành sản phẩm hạ 0,4% so với kế hoạch và hạ 2,38% so với năm 1976. Lãi thực hiện vượt mức kế hoạch 34% và vượt 44% so với năm 1976. Riêng phong trào tiết kiệm vật tư đã góp phần không nhỏ vào số tiền 3 077 764đ mà Nhà máy đã tiết kiệm được (tiết kiệm do sử dụng hợp lý vật tư 527 869đ; tiết kiệm do cải tiến kỹ thuật 351 763đ; tiết kiệm do hợp lý hóa sản xuất 32 013đ; tiết kiệm do tận dụng phế liệu 144 093đ).

Đảng ủy và ban giám đốc Nhà máy, cùng với Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và công đoàn, đã giáo dục cho công nhân hiểu rõ vai trò và vị trí của họ trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là trách nhiệm và nghĩa vụ của họ trước tình hình và nhiệm vụ mới. Do đó công nhân trong Nhà máy đã tự nguyện tham gia tích cực vào phong

trào thi đua với tinh thần « mỗi công nhân một sáng kiến, mỗi kỹ sư một đề tài nghiên cứu ». Do làm tốt công tác giáo dục chính trị và tư tưởng kết hợp với các biện pháp khác, Nhà máy chế tạo biến thể Hà-nội đã tạo được một đội ngũ công nhân có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có tinh thần lao động và ý thức kỷ luật tốt, say mê sáng tạo, phát huy nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất. Người công nhân ở đây đã thật sự quan tâm đến kết quả sản xuất của chính mình, tổ mình và phân xưởng mình.

Đi đôi với công tác giáo dục chính trị và tư tưởng nhằm phát huy tinh thần làm chủ tập thể của công nhân, các biện pháp kinh tế cũng được tăng cường. Công tác định mức lao động được chú ý ngay từ đầu. Năm 1977 có 1 000 định mức lao động mới được xây dựng và đưa vào áp dụng, hơn 2 500 định mức cũ được điều chỉnh, do đó Nhà máy đã tiết kiệm được 34 157 giờ công cho sản xuất. Đến nay số công nhân làm việc theo định mức và hưởng lương theo sản phẩm đã chiếm 80% tổng số công nhân trong Nhà máy. Công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm được thực hiện nghiêm túc bảo đảm tác dụng của việc trả lương theo sản phẩm. Sự kết hợp giữa giáo dục chính trị, tư tưởng với khuyến khích bằng lợi ích vật chất đã góp phần đưa năng suất lao động ở các tổ tăng lên 24%. Công tác quản lý ngày công, giờ công chặt chẽ đã góp phần nâng cao ngày công sản xuất hằng tháng từ 21 ngày (năm 1976) lên 22,5 ngày (năm 1977), có tháng lên tới 23 ngày. Giờ công có ích trong ngày đã lên tới 6,4 giờ. Nhà máy cũng đã nghiên cứu trang bị thêm pa-lăng trong và giữa các phân xưởng, tăng khuôn mẫu gung cụ gá lắp, tổ chức thao diễn kỹ thuật ở một số phân xưởng, do đó đã tạo điều kiện cho

công nhân nâng cao năng suất lao động, và đã tiết kiệm được lao động trong cả nhà máy.



PHONG trào lao động sản xuất và tiết

kiệm tại Nhà máy chế tạo biến thể điện Hà-nội đã và đang trở thành một phong trào quần chúng sâu rộng có ý nghĩa cách mạng và đã đem lại hiệu quả kinh tế tốt. Qua phong trào này, những nhân tố mới, con người mới thể hiện sâu sắc ý thức trách nhiệm đối với đất nước xuất hiện ngày càng nhiều. Bằng hành động cụ thể của mình, công nhân ở đây đã biểu lộ rõ lòng yêu nước nồng nàn, ý thức làm chủ tập thể cao và ý chí vươn lên, khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất của mình.

Phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm ở Nhà máy chế tạo biến thể điện Hà-nội đã có ảnh hưởng khá lớn đối với các ngành, các nhà máy khác. Do đó thành ủy Hà-nội đã chọn Nhà máy chế tạo biến thể điện làm điển hình trong phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm của toàn thành phố. Nhà máy chế tạo biến thể điện Hà-nội đã và đang phấn đấu theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng: « *Tiết kiệm phải trở thành chính sách to lớn của Đảng và Nhà nước, thành hành động cách mạng của quần chúng. Tiết kiệm trong sản xuất và trong tiêu dùng, nêu cao tinh thần cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nâng cao không ngừng năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất và kinh doanh. Có kế hoạch và biện pháp thích hợp để phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội* ».

Thảo luận

CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT-NAM

LỜI BỘ BIÊN TẬP

TRONG bốn số vừa qua (từ số 8 đến số 11), **Tạp chí Cộng sản** đã đăng hơn mười bài của các tác giả đã tham gia cuộc thảo luận về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam do Bộ biên tập tổ chức. Những bài đó đã đề cập đến nhiều mặt trong việc xây dựng con người mới. Có bài nói về phẩm chất của con người mới như phong cách lao động, nhân cách xã hội chủ nghĩa, thị hiếu thẩm mỹ, thể lực của con người mới. Có bài nêu lên quan niệm về con người mới như con người mới vừa là một thực thể hiện thực, vừa là mục tiêu xây dựng và phát triển con người; là điểm hội tụ của những giá trị lịch sử và thời đại về con người; là con người văn hóa, hiểu một cách toàn diện: văn hóa chính trị, văn hóa — sản xuất, văn hóa — đạo đức, văn hóa — pháp lý, văn hóa — tổ chức, văn hóa — văn hóa. Có bài nói về phương hướng, biện pháp, quy luật xây dựng con người mới. Có bài đi vào các vấn đề cụ thể: làm thế nào để rèn luyện phương pháp làm việc khoa học; giáo dục con người mới từ trong gia đình; chống tàn dư tư tưởng phong kiến, v.v. Những bài đã đăng trên tạp chí đã góp phần soi sáng một số khía cạnh trong việc xây dựng con người mới. Tuy vậy, xây dựng con người mới là một vấn đề rộng lớn, các bài đã đăng chưa thể đề cập đến tất cả các mặt của vấn đề rộng lớn đó được.

Mục Trao đổi ý kiến về con người mới trên **Tạp chí Cộng sản** tạm kết thúc ở đây. Tuy vậy, nếu có bạn nào có công trình nghiên cứu về vấn đề này và gửi đến chúng tôi, chúng tôi vẫn sẽ nghiên cứu và sử dụng trên **Tạp chí** trong những số tới.

TÌM HIỂU NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN QUY LUẬT CỦA VIỆC HÌNH THÀNH CON NGƯỜI MỚI VIỆT-NAM

LÊ - THI

ĐÁNH giá thắng lợi trên lĩnh vực xây dựng tư tưởng và văn hóa, xây dựng con người mới, Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ "Thắng lợi vĩ đại của dân tộc ta trong cuộc

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước không chỉ là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn mà còn là thắng lợi của chính sách văn hóa của Đảng. Đó là thắng lợi

của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ngày càng thấm sâu vào đông đảo quần chúng; thắng lợi của ý chí độc lập, tự do, của chủ nghĩa yêu nước truyền thống được phát huy mạnh mẽ hơn bất cứ thời đại nào trong lịch sử dân tộc; thắng lợi của nhân phẩm Việt-nam, của những giá trị tinh thần cao quý của con người Việt-nam¹ (1). Nghiên cứu quá trình phát triển của nhân phẩm Việt-nam đó, rút ra những điều có tính chất quy luật để tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng con người mới Việt-nam, - một trong bốn *mục tiêu* cơ bản, đồng thời là một *động lực* vô cùng quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt-nam - là rất cần thiết. Chúng tôi mạnh dạn nêu lên mấy suy nghĩ bước đầu.



Trong lịch sử lâu dài 4000 năm của dân tộc Việt-nam, nửa thế kỷ chỉ là khoảnh khắc. Nhưng trong thời đại chúng ta, cách mạng là đầu tàu lịch sử cho nên chỉ trong 48 năm qua, nhân dân ta đã dựng nên sự nghiệp của hàng chục thế kỷ. Cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới đã thắng lợi hoàn toàn. Tổ quốc ta đã thống nhất, cả nước ta cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ở miền Bắc, hình thái kinh tế xã hội xã hội chủ nghĩa đã hình thành và ngày càng ổn định vững chắc. Miền Nam đang tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, đề tiến kịp miền Bắc. Xã hội Việt-nam đã và đang trải qua những biến đổi toàn diện và sâu sắc, ở cơ sở hạ tầng cũng như ở kiến trúc thượng tầng, trên các lĩnh vực kinh tế và chính trị, văn hóa và tư tưởng. Cơ cấu các giai cấp cũng hoàn toàn biến đổi. Trên miền Bắc không còn giai cấp bóc lột, ở miền Nam những nhà tư sản đang đi vào con đường cải tạo để trở thành người lao động. Giai cấp công nhân, nông dân tập thể, tầng lớp trí

thức xã hội chủ nghĩa trở thành người chủ tập thể của xã hội, ngày càng xích lại gần nhau, thống nhất về quyền lợi và nghĩa vụ, nhất trí về chính trị và tư tưởng.

Hình ảnh con người chính là hình ảnh của xã hội, bởi vì bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Đặc điểm của xã hội Việt-nam mới, những quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội mới đã tạo nên những nét đặc trưng của con người mới: những người lao động có ý thức, đầy đủ về địa vị và trách nhiệm làm chủ tập thể của mình trong xã hội mới, trung thành với lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản, giàu lòng yêu nước và thấm nhuần tinh thần quốc tế vô sản chân chính.

Từ những phong trào cách mạng rộng lớn trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, đã nổi lên những lớp người tiên tiến điển hình. Việc làm của họ, đạo đức, tinh thần của họ phản ánh tập trung những đặc điểm, những phẩm chất cách mạng của con người mới. Và ngay cả ở đông đảo nhân dân, ở những con người bình thường nhất cũng có nhiều chuyển biến, cũng có những nhân tố mới với những mức độ khác nhau. Trong cuộc sống, bộ mặt con người mới có những biểu hiện cụ thể hết sức sinh động. Không thể lấy một điển hình nào, dù tốt đẹp đến đâu, để làm cái mẫu duy nhất, tuyệt đỉnh. Những tiêu chuẩn con người mới đã được nêu lên chỉ là sự khái quát về lý luận, còn con người hiện thực lại muôn hình vạn trạng, mang nhiều sắc thái phong phú.

Chúng ta cũng không quan niệm con người mới là toàn thiện, toàn mỹ. Thoát thai từ xã hội cũ, bên cạnh những mặt tốt đẹp, ở họ còn một số mặt tiêu cực, lạc hậu nào đó chưa thể xóa bỏ ngay. Trong lò lửa đấu tranh cách mạng, có người lớn vụt lên,

(1) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 112 - 113

trưởng thành nhanh chóng, nhưng cũng có người chuyển biến chậm chạp hơn, cá biệt có kẻ thoái hóa, thụt lùi, đi ngược chiều lịch sử. Nhưng rõ ràng cái mới, cái đẹp, cái anh hùng thể hiện đặc điểm con người xã hội chủ nghĩa đã hình thành trong nhân dân ta và ngày càng phát triển sâu rộng.

Dù có những biểu hiện cụ thể khác nhau, nhưng những con người Việt-nam mới đều có những đặc điểm, bản chất chung.

Đó là lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa. Từ yêu nước đi tới yêu chủ nghĩa xã hội, con đường Bác Hồ đã đi qua cũng là con đường nhân dân ta tiếp bước.

Ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, sự nhận thức ngày càng rõ về địa vị và trách nhiệm làm chủ của mình là một phẩm chất cách mạng mới của những con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam, nó chỉ xuất hiện cùng với việc xác lập các quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa. Nhưng nó lại bám rễ vững chắc trong truyền thống yêu nước, xả thân vì nghĩa lớn của dân tộc Việt-nam. Ý thức làm chủ tập thể của con người mới, dù là công nhân, nông dân hay lao động trí óc, ngày nay đang được thể hiện rõ ở **thái độ lao động** của họ: lao động tự giác, có kỷ luật, có năng suất cao, bảo vệ của công, quý trọng tài sản xã hội chủ nghĩa, dám nghĩ, dám làm, chịu học hỏi tiếp thu cái mới và có tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa.

Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa cũng là cái gốc để nuôi dưỡng và phát huy đạo đức lớn nhất của ông cha ta, giữ gìn và tô thêm thêm nhân phẩm tốt đẹp truyền thống của con người Việt-nam nhân ái, thủy chung trong quan hệ làng xóm, bè bạn, gia đình, đồng bào, đồng chí.

Lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc chính đáng của con người mới Việt-nam lại được kết hợp chặt chẽ với **ý thức đoàn kết quốc tế vô sản**. Bởi vì họ ngày càng nhận thức rõ mối quan

hệ giữa cách mạng Việt-nam và ba đồng thác cách mạng trên thế giới. Chịu ơn sâu sắc sự giúp đỡ của bạn bè khắp năm châu, đặc biệt là các nước xã hội chủ nghĩa anh em, họ ngày càng có ý thức hơn về trách nhiệm của mình đóng góp vào phong trào cách mạng thế giới. Nhân dân ta ngày nay là một nhân dân có ý thức chính trị cao, con người mới Việt-nam ngày nay là con người mới đã trưởng thành về chính trị. Trước những diễn biến phức tạp của thời cục thế giới, sự phát triển của ba đồng thác cách mạng của thời đại, cuộc đấu tranh toàn diện, gay gắt giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trên phạm vi thế giới, nhân dân ta nhạy bén, phân biệt được bạn thù, bản chất và hiện tượng, cho nên vững tin ở sự lãnh đạo của Đảng, vào thắng lợi của cách mạng Việt-nam, vào chính nghĩa trên thế giới.

Nhìn chung, những nét điển hình của con người Việt-nam mới tuy mới được hình thành nhưng đã mang tính phổ biến của **kiểu nhân cách xã hội chủ nghĩa, của lối sống xã hội chủ nghĩa**, bởi vì chúng đã bắt nguồn từ những cơ sở kinh tế, chính trị xã hội chủ nghĩa.

Cái đặc thù của con người mới Việt-nam là những biểu hiện cụ thể, là sắc thái, mức độ, nhịp độ phát triển của những phẩm chất cách mạng mới trong điều kiện nước ta, là sự kết hợp những tinh hoa của đạo đức dân tộc với những giá trị tinh thần cao quý của giai cấp công nhân quốc tế.

Nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, từ một nền sản xuất nhỏ, cá thể đi lên sản xuất lớn, xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm kinh tế đó gắn liền với đặc điểm chính trị là nước ta chịu ảnh hưởng lâu đời của chủ nghĩa phong kiến và sự thống trị gần 100 năm của chủ nghĩa thực dân cũ và mới. Nhưng dân tộc Việt-nam có 4000 năm lịch sử, có truyền thống yêu nước và chống ngoại xâm, từ yêu

nước đi tới yêu chủ nghĩa xã hội, gạt bỏ ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến, thực dân, tâm lý và thói quen của người sản xuất nhỏ để tiếp thu hệ tư tưởng Mác — Lê-nin, thể giới quan, nhân sinh quan của giai cấp công nhân và lối sống đại công nghiệp. Chỗ mạnh, chỗ yếu, tính đặc thù của con người Việt-nam mới chính là bắt nguồn từ những đặc điểm cơ bản này.

Từ năm 1930 đến nay nhân dân Việt-nam phải tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng liên tục chống những tên đế quốc lớn mạnh: Pháp, Nhật, Mỹ. Cuộc vận động cách mạng diễn ra sôi động, chuyển biến liên tiếp, từ đấu tranh bí mật chuyển sang giành được chính quyền, nhân dân làm chủ đất nước, từ cách mạng dân tộc dân chủ chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, từ hai nhiệm vụ chiến lược trước đây là: chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội chuyển sang những nhiệm vụ chiến lược mới là đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa... Gần 50 năm qua, hoàn cảnh lịch sử đã buộc người Việt-nam vừa kháng chiến vừa kiến quốc, vừa hoàn thành việc giải phóng dân tộc vừa bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Yêu cầu đó đã tạo nên một đặc điểm hết sức quan trọng cho sự hình thành con người Việt-nam mới là *lớn lên trong sản xuất và chiến đấu*. Rõ ràng cuộc chiến đấu chống ngoại xâm đã kích thích và nâng cao lòng yêu nước, chí khí anh hùng, tinh thần đoàn kết, tinh thần chịu đựng gian khổ của nhân dân ta lên một bước mới để có thể vừa đánh giặc vừa xây dựng. Nhưng sự lỏng lẻo trong quản lý thời kỳ chiến tranh đã tạo ra những kẽ hở cho một số mặt tiêu cực trong cuộc sống tiếp tục tồn tại. Trong điều kiện nền kinh tế lạc hậu, trang bị khoa học kỹ thuật còn yếu, phương tiện liên lạc khó khăn, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, công tác quản lý lao động, tổ chức sản xuất còn

hiều nhược điểm. Do đó những bệnh thâm căn cố đế của người sản xuất nhỏ như tự do, tản mạn, coi thường kỷ luật lao động, không chấp hành đúng chế độ, chính sách, pháp luật Nhà nước, quan liêu, tham ô lãng phí vẫn tồn tại dai dẳng.

Đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, vai trò lãnh đạo tuyệt đối của giai cấp công nhân đối với cách mạng Việt-nam từ năm 1930 đến nay, khối liên minh công nông vững chắc, mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi là những nhân tố cơ bản tạo nên những điều kiện hết sức thuận lợi để hình thành con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam.

Đồng thời, cũng không thể không nói đến tính thời đại của con người mới Việt-nam. Trên đất nước này diễn ra cuộc đụng đầu lịch sử giữa những lực lượng cách mạng, yêu chuộng hòa bình và công lý mà Việt-nam là người đứng mũi chịu sào, với những lực lượng hiếu chiến, phản động, hung bạo mà đế quốc Mỹ là kẻ đại diện. Do tính chất và quy mô của cuộc đụng đầu đó, Việt-nam đã trở thành tuyến đầu của cách mạng thế giới, nơi tập trung những mâu thuẫn gay gắt nhất của thời đại. Và cuộc chiến đấu của Việt-nam mang tính thời đại và tính quốc tế sâu sắc, được cả thế giới đồng tình ủng hộ và hết lòng chi viện. Sự trưởng thành của con người mới Việt-nam ngày nay mang trong mình nó sự trưởng thành của nhân loại thế kỷ XX, sự lớn mạnh của phong trào cách mạng và phong trào công nhân quốc tế, sự chiến thắng của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.



Từ việc nghiên cứu những đặc điểm và quá trình hình thành con người Việt-nam mới, xã hội chủ nghĩa thời gian qua, có thể rút ra những vấn đề gì có tính quy luật?

1 — Quan triết quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác — Lê-nin “tồn tại

xã hội quyết định ý thức xã hội». đồng chí Lê-Duẩn đã chỉ rõ: «Thay đổi tồn tại xã hội là điều kiện cơ bản để thay đổi ý thức xã hội, và con người mới chỉ hình thành trong quá trình xây dựng xã hội mới, thông qua các hoạt động thực tiễn, thông qua các phong trào cách mạng của quần chúng» (2). Cho nên, một vấn đề có tính quy luật đầu tiên của quá trình xây dựng con người mới là: Trong sự tác động biện chứng giữa hoàn cảnh và con người, người Việt-nam mới được hình thành và phát triển *cùng với sự biến đổi sâu sắc của xã hội Việt-nam 48 năm qua, và sự trưởng thành trong hoạt động cách mạng của bản thân họ, dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Sự trưởng thành của con người mới là kết quả việc họ được rèn luyện trong cuộc đấu tranh sôi nổi để cải tạo xã hội, cải tạo thiên nhiên và cải tạo bản thân. Không phải việc học tập tu dưỡng tư tưởng đơn thuần, việc rèn luyện ý chí một cách chung chung *mà thực tiễn đấu tranh* cách mạng (chiến đấu và sản xuất, cải tạo và xây dựng đất nước, v.v.) là lò lửa rèn luyện con người có hiệu quả nhất.

Sự trưởng thành của quần chúng đã có những bước nhảy vọt qua những cao trào cách mạng, ở những thời điểm mà cách mạng đi tới điểm nút. Tầm vóc, trí tuệ, tình cảm của họ lớn vọt lên qua cuộc Cách mạng tháng Tám (năm 1945), qua cuộc kháng chiến chống Pháp cũng như cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, khi cuộc chiến đấu đi vào giai đoạn gay gắt nhất để giành thắng lợi cuối cùng, như chiến dịch Điện-biên-phủ 1954, đại thắng mùa xuân 1975. Trong những cuộc vận động cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới như hợp tác hóa nông nghiệp, thủ công nghiệp, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn, v.v. những lớp công nhân, nông dân, lao động trí óc được rèn

luyện, thử thách và trưởng thành nhanh chóng. Trong cuộc đấu tranh gay gắt để giải quyết vấn đề ai thắng ai giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa, giữa làm ăn cá thể, sản xuất nhỏ với làm ăn tập thể, sản xuất lớn, cuộc đấu tranh để giành năng suất cao và vươn tới đỉnh cao của khoa học kỹ thuật, giữa cái đúng và cái sai, tiến bộ và lạc hậu, mỗi con người phải vươn lên, khắc phục những khó khăn và thiếu sót của bản thân và của người khác. Thực tiễn cách mạng đã làm nảy sinh trong quần chúng đông đảo biết bao tâm gương sinh động về con người mới, xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy trong giai đoạn hiện nay, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa càng tiến tới, ba cuộc cách mạng càng được đẩy mạnh, quần chúng tham gia ngày càng đông đảo, nhiệt tình và có kết quả vào những cuộc vận động cách mạng to lớn ấy, thì con người Việt-nam xã hội chủ nghĩa càng phát triển, trưởng thành.

2 — Sự xuất hiện và phát triển của con người Việt-nam mới là *kết quả hợp với quy luật* của quá trình cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đó là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa *việc cải tạo môi trường với sự phấn đấu tự giác của quần chúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

Như Mác đã nói «Con người tạo ra hoàn cảnh đến mức nào, thì hoàn cảnh cũng tạo ra con người đến mức ấy» (3). Điều kiện lịch sử đất nước và dân tộc, hoàn cảnh cách mạng Việt-nam đã có ảnh hưởng quyết

(2) Lê-Duẩn. *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội tiến lên giành những thắng lợi mới*. Nhà xuất bản Sự thật, 1970. Hà-nội, trang 78.

(3) C. Mác và F. Ăng-ghe-n: *Phoi-ơ-bác, — Sự đối lập giữa quan điểm duy vật chủ nghĩa và quan điểm duy tâm chủ nghĩa*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 54.

định đến phương hướng hình thành và phát triển của con người Việt-nam mới mấy chục năm qua. Nhưng chính nhân dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã tự mình viết nên những trang sử hết sức oanh liệt của dân tộc. Bằng mồ hôi và xương máu, họ đã cải tạo bộ mặt kinh tế xã hội của đất nước và trong quá trình đó, tư tưởng và tình cảm, nếp sống và thói quen của họ đã có sự đổi mới rõ rệt. Đây không phải là một quá trình tự phát. Quần chúng ý thức rõ việc họ đang làm, hiểu được xã hội và bản thân mình sẽ biến đổi ra sao.

Giữa sự thay đổi môi trường, sự nỗ lực chủ quan của quần chúng và sự lãnh đạo của Đảng có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng (biết phối hợp khéo léo, điều chỉnh kịp thời những mối quan hệ giữa các điều kiện khách quan và các yếu tố chủ quan) sẽ thúc đẩy nhanh chóng việc cải tạo xã hội và cải tạo con người, tạo nên những bước nhảy vọt trong cả hai lĩnh vực này. Dựa trên kết quả sự biến đổi của tồn tại xã hội, Đảng sẽ từng bước nâng cao yêu cầu xây dựng con người mới, động viên khuyến khích quần chúng tự giác vươn lên hơn nữa. Trong cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa, nhân cách mới, những tấm gương người tốt, việc tốt có điều kiện thuận lợi dễ nảy nở, phát triển.

Vì vậy, cần đặc biệt quan tâm đến việc *nhân diện hình*, biến cái tiên tiến nhưng còn là cá biệt, chưa thường xuyên thành cái phổ biến và thường xuyên, bằng nhiều biện pháp động viên tinh thần và khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

3 - Do sự biến đổi của con người chịu ảnh hưởng sâu sắc của sự biến đổi của hoàn cảnh cụ thể, cho nên sự hình thành con người mới Việt-nam không những chịu ảnh hưởng những quy luật chung của chủ nghĩa xã hội mà còn chịu sự chi phối của những

quy luật đặc thù do điều kiện lịch sử xã hội Việt-nam sản sinh ra (đặc điểm của đất nước, truyền thống của dân tộc, điều xuất phát đi lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng so sánh giữa các giai cấp trong nước, v.v.). Từ đó tạo nên những nét đặc thù của con người xã hội chủ nghĩa Việt-nam, chỗ mạnh và chỗ yếu của nó.

Đồng thời trong từng thời kỳ cách mạng, từ cách mạng dân tộc dân chủ chuyên lên cách mạng xã hội chủ nghĩa, v.v. việc xây dựng con người mới lại chịu ảnh hưởng của những quy luật kinh tế, xã hội, tâm lý, tư tưởng khác nhau, do yêu cầu cách mạng và môi trường hoạt động có sự thay đổi. Hiện nay nhiệm vụ đặt ra cho nhân dân ta là đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và đánh phá nước ta. Con người mới Việt-nam hình thành và phát triển trong *sản xuất* và *chiến đấu*. Trong cuộc chiến đấu giáp mặt với quân thù, tinh thần yêu nước, chí khí anh hùng quyết chiến quyết thắng được phát huy cao độ, con người Việt-nam có thể hy sinh tất cả, xả thân vì nước, vì hạnh phúc, tương lai của dân tộc, không tính toán thiệt hơn, không đòi hỏi đền bù.

Nhưng trong lao động sản xuất, tình hình có khác. Người lao động làm hết sức mình vì lợi ích của xã hội cần được hưởng những quyền lợi vật chất và tinh thần xứng đáng với công sức của họ. Ở đây vẫn có sự động viên tinh thần hy sinh lợi ích cá nhân cho lợi ích tập thể (ví dụ sự hy sinh lợi ích cá nhân, cục bộ, trước mắt cho lợi ích lâu dài, toàn cục của xã hội, trong đó có lợi ích của mình, như sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì Tổ quốc cần đến, không tính toán thiệt hơn về tiền tài, danh vọng, địa vị, tiền đồ, v.v.). Nhưng cái chính vẫn là nguyên tắc

phân phối theo lao động, là sự quan tâm thích đáng đến lợi ích của người lao động ngay trong quá trình sản xuất.

Lao động sản xuất, sáng tạo khoa học đòi hỏi sự nỗ lực bền bỉ lâu dài, sự chịu đựng và đấu tranh vượt qua cực nhọc, khó khăn, trở ngại về nhiều mặt. Do đó người lao động cần được bù đắp về sức lực đã hao phí, được nâng cao về trình độ văn hóa, nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ ngày càng cao, được động viên về tinh thần, v.v. Chăm lo đến người lao động chính là phục vụ việc tái tạo ra sức lao động mới, cao hơn trước, vì lợi ích chung, lâu dài của toàn xã hội. « Mỗi người phải làm đầy đủ nghĩa vụ đối với xã hội; xã hội có trách nhiệm chăm lo tổ chức đời sống cho mỗi người » như đồng chí Lê-Duẩn đã nói (4).

4 - Quá trình xây dựng con người mới là quá trình *phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chuyên chính vô sản* (Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng), sử dụng tất cả các biện pháp (thuyết phục, giáo dục, hành chính, pháp lý), trên tất cả các lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, tư tưởng), trong các mối quan hệ xã hội (cơ quan, trường học, gia đình, tập thể, đường phố) đề tác động vào, làm chuyển biến mọi mặt của con người, từ tư tưởng, lý trí đến tình cảm, tâm lý, nếp sống, v.v. Nhưng trên tất cả các lĩnh vực, các mối quan hệ xã hội, trong tất cả các biện pháp phải có sự nhất quán về đường lối và nội dung cơ bản giáo dục con người, nhằm một mục tiêu thống nhất. Những mâu thuẫn, những sự không ăn khớp trong đường lối, nội dung giáo dục giữa gia đình, nhà trường, tập thể có thể hạn chế, đôi khi còn phá hoại cả kết quả xây dựng con người mới.

Đảng là người chỉ đạo, điều chỉnh, phối hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản nhằm xây dựng con người mới,

từng bước kịp thời *thể chế hóa những thành quả đã đạt được*, lấy pháp luật Nhà nước làm chỗ dựa xây dựng tư tưởng, đạo đức mới, lấy tinh thần, đạo đức mới để tạo nên sự tự giác tuân theo pháp luật Nhà nước.

5 - Trong việc xây dựng con người mới đương nhiên phải chú ý thích đáng đến *điều kiện sinh hoạt và đặc điểm từng loại đối tượng* như sự khác nhau về giai cấp, tầng lớp xã hội (công nhân, nông dân, trí thức), về ngành nghề, về lứa tuổi, về giới tính (nam nữ), v.v. Nhưng bất cứ ở đối tượng nào, nội dung xây dựng con người mới là *xây dựng con người phát triển toàn diện* về lập trường tư tưởng, đạo đức, thẩm mỹ, tri thức khoa học, thể lực, trong đó trung tâm là *xây dựng con người làm chủ tập thể*. Ở con người mới, ý thức làm chủ và khả năng, trình độ làm chủ cũng có cho nhau, tình cảm cách mạng và tri thức cách mạng bổ sung cho nhau, tinh thần và thể lực ảnh hưởng lẫn nhau.

6 - Nhân dân ta đã từ yêu nước tới yêu chủ nghĩa xã hội, từ tình thân dân tộc kiên cường đi tới giác ngộ về giai cấp, kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước với ý thức quốc tế vô sản. Vì vậy, quá trình xây dựng con người mới là quá trình *phát huy mặt mạnh của con người Việt-nam, các giá trị đạo đức truyền thống của ông cha* ta để khắc phục mặt yếu, mặt nhược điểm, hậu quả của một nền sản xuất nhỏ, phân tán, lạc hậu, cũng như gạt bỏ ảnh hưởng tư tưởng của chủ nghĩa phong kiến, chủ nghĩa thực dân cũ và mới, đấu tranh chống tư tưởng tư sản và các tư tưởng không vô sản khác, tiếp thu đạo đức của giai cấp công nhân, xây dựng nhân cách xã hội chủ nghĩa.

(4) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 55.

Hiện nay nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước đặt ra rất nặng nề, khó khăn, trong khi đó nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền đất nước cũng rất khẩn trương, phức tạp. Vì vậy quá trình xây dựng con người mới trong giai đoạn mới là quá trình tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước kết hợp với sự giác ngộ ngày càng sâu sắc về chủ nghĩa xã hội, kết hợp tinh thần dân tộc chân chính với ý thức quốc tế vô sản cao cả; là quá trình *biểu dương, cổ vũ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lao động cũng như trong chiến đấu*, từ ý chí kiên cường, bất khuất của dân tộc, xây dựng tinh thần chấp hành kỷ luật công tác nghiêm minh, thái độ lao động xã hội chủ nghĩa; từ đạo đức cổ truyền trung với nước hiếu với dân, tinh thần xã thân vì nghĩa lớn, bồi đắp nên lòng trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể là những tư tưởng tình cảm tốt đẹp đã kết hợp được truyền thống đạo đức của dân tộc với những phẩm chất cách mạng cao quý của giai cấp công nhân, là nguồn gốc tạo nên sức mạnh tinh thần và trí tuệ của con người Việt-nam ở giai đoạn trước đây. Hiện nay, nó vẫn là động lực cơ bản thôi thúc nhân dân ta kiên quyết khắc phục mọi khó khăn gian khổ, ra sức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và đánh bại mọi âm mưu xâm lược của kẻ thù, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

7 - Quá trình xây dựng con người mới là quá trình kết hợp cải tạo tư tưởng cũ, đạo đức cũ với bồi dưỡng tư tưởng mới, đạo đức mới, kết hợp xây với chống, *lấy xây là chủ yếu*, lấy việc bồi dưỡng hệ tư tưởng Mác - Lê-nin để khắc phục ảnh hưởng của tư tưởng phong kiến, tư sản, đặc biệt

là tâm lý, thói quen của người sản xuất nhỏ.

Phong trào xây dựng con người mới phát triển thông qua việc dùng quần chúng để giáo dục quần chúng, lấy gương người tốt việc tốt, người thật việc thật để động viên cổ vũ phong trào. Việc đề cao những cá nhân tiên tiến, anh hùng, chiến sĩ là cần thiết để khích lệ những người trung gian, lôi kéo những người lạc hậu. *Nhưng việc đề cao cá nhân phải gắn liền với công lao, vai trò của tập thể một cách đúng đắn*. Giữ mối liên hệ mật thiết giữa cá nhân với tập thể trong công việc, trong tình cảm, phát huy vai trò đầu tàu của người tiên tiến, lôi cuốn cả tập thể cùng tiến lên.

8 - Quá trình hình thành con người mới là một *quá trình hình thành từng bước, dần dần* nhưng liên tục, từ thấp đến cao, từ nông đến sâu, từ chưa tự giác đến tự giác. Đến những thời điểm nhất định, khi cách mạng diễn ra ở điểm nút hay qua những cuộc vận động cải tạo xã hội lớn, ở từng con người và cả lớp người đông đảo có *bước nhảy vọt* (theo ý nghĩa tương đối). Họ trưởng thành nhanh chóng rõ rệt về thể giới quan, nhân sinh quan, nếp suy nghĩ, lối sống. Trong lịch sử cách mạng nước ta từ 1930 đến nay, những thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới cũng đồng thời đánh dấu những bước phát triển nhảy vọt của con người Việt-nam trên con đường hình thành nhân cách xã hội chủ nghĩa.

Sự hình thành con người Việt-nam mới phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng Việt-nam, là thành quả tốt đẹp nhất của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nhưng con đường xây dựng và phát triển nhân cách xã hội chủ nghĩa không phải là dễ dàng, nhanh chóng. Cuộc cách mạng trong ý thức tư tưởng con người là cuộc cách mạng phức tạp nhất. Việc làm cho

quần chúng đông đảo trong cả nước tiếp thu được hệ tư tưởng Mác - Lênin, giác ngộ sâu sắc về chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp khó khăn, lâu dài.

Phấn khởi trước những thành tựu đã đạt được trong 48 năm qua, chúng ta vững vàng đi những bước tiếp

theo với niềm tin sắt đá ở thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta, thắng lợi của chế độ xã hội chủ nghĩa Việt-nam, thắng lợi của lý tưởng, đạo đức cộng sản chủ nghĩa trong trái tim, khối óc của mỗi người Việt-nam.

THỂ DỤC THỂ THAO VỚI VIỆC XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TA-QUANG-CHIẾN

CHÚNG ta cho rằng con người là vốn quý nhất của xã hội khi con người được phát triển một cách toàn diện, hài hòa cả về thể chất và tinh thần, đạo đức và trí tuệ. Vì vậy, khi nói đến nội dung xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã ghi rõ một đặc trưng quan trọng của con người mới là « con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có trí thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân ».

Đúng như vậy ! Thể lực là một yếu tố đặc biệt quan trọng của một con người. Trong đời sống bình thường hằng ngày cũng như trong cuộc sống lao động, chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nếu cơ thể ốm yếu thì sự cống hiến của con người cho xã hội sẽ bị hạn chế rất nhiều.

Trong xã hội, có những người trẻ lâu, sức khỏe bền vững, ít ốm đau bệnh

tật và lao động có năng suất cao. Nhưng cũng có những người già đi rất sớm, tuổi đời chưa bao nhiêu nhưng sức yếu, luôn luôn ốm đau và làm việc với năng suất thấp. Có những người rất thông minh, nhưng buộc lòng phải ngừng công tác vì sức khỏe quá kém. Điều đó không phải chỉ là nỗi đau khổ của bản thân họ mà còn là một tổn thất cho xã hội.

Rõ ràng sức khỏe là một yếu tố cơ bản của nội dung xây dựng con người mới.

Một con người khỏe là một con người có *thể lực hoàn chỉnh bao gồm sức khỏe về cơ thể, sức khỏe về thần kinh, sức khỏe về tinh thần*.

Con người khỏe, trước hết là con người có đầy đủ các yếu tố về sức nhanh, sức mạnh, sức bền và sự khéo léo, với các hệ thống, cơ quan bên trong cơ thể hoạt động nhịp nhàng

và cân đối. Với sự cấu tạo toàn diện về thể chất ấy, bên ngoài con người có thể thích nghi, chống lại hoặc vượt qua những yếu tố tiêu cực của môi trường sống, và bên trong duy trì được sự hoạt động bình thường của các cơ quan nội tạng, chống lại và hạn chế có hiệu quả sự phát sinh và phát triển của bệnh tật; từ đó con người khỏe mạnh, trẻ lâu, kéo dài tuổi thọ có ích, thích ứng với các điều kiện sống, lao động, xây dựng và chiến đấu bảo vệ đất nước.

Sức khỏe của con người mới dưới chế độ xã hội chủ nghĩa còn bao gồm cả những phẩm chất tốt đẹp về ý chí mà ta thường gọi là sức mạnh tinh thần của con người như nghị lực, tính kiên trì, tinh thần dũng cảm, tính tổ chức và kỷ luật...

Sức khỏe về thể chất và tinh thần tồn tại, tác động lẫn nhau trong một cơ thể thống nhất tạo nên một thể lực toàn diện của con người.

Thể lực hoàn chỉnh đó chính là một trong những yếu tố cơ bản của con người mới xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện. Con người như vậy mới thật sự trở thành động lực của việc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa.



Khoa học đã chứng minh rằng con người được sinh ra với những nguồn dự trữ lớn lao về tính bền vững. Các thầy thuốc về lão học nói rằng con người sẽ sống được một trăm tuổi và hơn nữa nếu có cuộc sống khoa học, hợp lý. Sức khỏe và sự sống lâu của mỗi người tùy thuộc vào những điều kiện sống của người đó. Cuộc sống vật chất, chế độ ăn uống, những điều kiện về lao động, nghỉ ngơi, về y tế, thể dục thể thao, v.v. là cơ sở để tạo nên sức khỏe và sự sống lâu của con người.

Trong những năm gần đây, trên

thế giới nhiều công trình nghiên cứu của các nhà bác học về sự sống lâu, về sức khỏe và bệnh tật đã khẳng định rằng thể dục thể thao là một biện pháp tích cực nhất, một lĩnh vực hoạt động có vị trí quan trọng nhằm giữ gìn, nâng cao sức khỏe, kéo dài tuổi thọ có ích của con người.

Không phải hiện nay, mà từ xưa, người ta đã chứng minh tác dụng cực kỳ quan trọng, có khi kỳ diệu của thể dục thể thao đối với sức khỏe và tuổi thọ của con người. Chính A-ri-xtốt, nhà triết học, nhà bác học thời cổ Hy-lạp đã khẳng định rằng không có gì làm kiệt sức và hủy hoại con người như sự thiếu vận động thể lực kéo dài. Vì vậy, các nhà bác học xưa và nay luôn luôn kêu gọi con người hãy tuân theo nguyên tắc thường xuyên vận động thật nhiều và sống trong không khí trong lành. Có nhiều thứ bệnh hiểm nghèo mà các loại thuốc được coi là quý nhất trên đời cũng không thể nào chữa khỏi, duy chỉ có thể dục, chỉ có vận động theo sự hướng dẫn của thầy thuốc mới có thể chiến thắng nổi.

Việc luyện tập thể dục không bao giờ muộn, ngay cả đối với những người lớn tuổi, người già. Nhưng tốt hơn hết là luyện tập ngay từ lứa tuổi ấu thơ. Ăng-ghe-nê đã nói: « Dạy thể dục tự do và những bài tập thể dục dụng cụ một cách có hệ thống và cơ bản cho học sinh tất cả các lớp, khi chân tay của các em còn chưa mất tính đàn hồi và sự mềm dẻo, chẳng phải tốt hơn là loay hoay bắt những chàng trai 20 tuổi, cũng như cả chúng ta nữa, phải đồ mồ hôi trán nhưng vẫn không làm cho gân cốt và bắp thịt của họ đã bị lao động làm chai cứng, trở lại linh hoạt và mềm dẻo như cũ — như người ta đang làm hiện nay đó sao?... » (1).

(1) C. Mác và F. Ăng-ghe-nê: *Toàn tập, tiếng Nga*, Nhà xuất bản Quốc gia và sách báo chính trị, Mát-xcơ-va, 1952, tập 22, trang 396 — 397.

Thiên nhiên đã tạo nên con người có những nguồn dự trữ to lớn về sức lực. Theo các nhà bác học Liên-xô, đó là khả năng tăng cường thêm lên mười lần hiệu suất của trái tim, của việc thông khí ở hai lá phổi, của chức năng những quả thận, của sức mạnh các cơ. Việc bảo vệ nguồn dự trữ sức lực bẩm sinh đó chỉ có thể thực hiện được bằng việc tập thể dục thường xuyên, liên tục suốt cả cuộc đời. Trái lại nếu không biết chủ động bảo vệ những tiềm năng đó, khi những tế bào bị teo lại, con người sẽ suy yếu đi nhanh chóng, bệnh tật sẽ tiến công và tuổi già đến sớm. Lúc đó muốn lấy lại sức lực, con người phải tốn rất nhiều công sức và không phải lúc nào cũng đạt được kết quả nếu bệnh tật và tuổi già chiếm ưu thế.



Mục tiêu của hoạt động thể dục thể thao dưới chế độ xã hội chủ nghĩa là mang lại sức khỏe toàn diện cho con người, là góp phần đặc lực cải tạo nội giống ngày thêm khỏe mạnh, là tạo nên những con người xã hội chủ nghĩa có thân thể cường tráng, có phẩm chất tốt đẹp, trong đó có những vận động viên có trình độ kỹ thuật thể thao ngày càng cao với phong cách, lối sống lành mạnh.

Để thực hiện mục tiêu cao quý đó, thể dục thể thao phải có phương pháp rèn luyện khoa học, những hình thức tập luyện phong phú, đa dạng với khối lượng vận động phù hợp với từng cơ thể hoặc khỏe mạnh, bình thường hoặc ốm yếu, bệnh tật; phù hợp với từng lứa tuổi, theo từng giới tính và tính chất nghề nghiệp của từng người. Cũng như việc giáo dục, xây dựng tư tưởng, tình cảm và tri thức khoa học, việc xây dựng con người mới về mặt thể lực phải bắt đầu « từ lúc mới lọt lòng và ở tất cả mọi lứa tuổi, trong tất cả các tổ chức

quần chúng, các cơ sở kinh tế, văn hóa, các hoạt động xã hội, ở mọi ngành, mọi cấp, trong từng khu phố, thôn xóm và gia đình » (2).

Hình thức tập luyện thể dục thể thao ở nước ta hiện nay rất phong phú. Có những bài tập thể dục buổi sáng cho các lứa tuổi, nam nữ, những bài tập có dụng cụ và không có dụng cụ, bài tập thể dục chống mệt mỏi giữa giờ lao động sản xuất, bơi, chạy, đi bộ, cắm trại, leo núi, xoa bóp, thể dục chữa bệnh, các môn bóng, trò chơi vận động cho lứa tuổi nhỏ, v.v. Tùy theo sức khỏe và sở thích của mình, mỗi người có thể tập luyện theo những hình thức và khối lượng vận động thích hợp. Vấn đề quan trọng nhất đối với mỗi người là phải tập luyện đều đặn, thường xuyên, có hệ thống, phấn đấu để việc tập thể dục trở thành thói quen, thành một nhu cầu không thể thiếu được của cơ thể chúng ta.

Thực hiện tốt việc rèn luyện thân thể thường xuyên còn góp phần tạo nên một thói quen lành mạnh, một nếp sống vệ sinh, một phẩm chất, một ý chí tốt đẹp. Nếu ngày nào cũng tập, dù hoàn cảnh như thế nào, thì bản thân việc đó cũng đã rèn luyện cho mỗi người chúng ta một nghị lực lớn, một đức tính kiên trì bền bỉ, cũng như tính tổ chức, tính tự giác cao.

Tập luyện thể dục thể thao với cường độ vận động cao, với kỹ thuật vận động phức tạp như những vận động viên còn mang lại những lợi ích và tác dụng lớn hơn. Bởi vì thể thao là phương pháp rèn luyện thân thể ở trình độ cao nhằm hoàn thiện các tố chức thể lực và nâng cao năng lực vận động của con người. Thi đấu thể thao với động cơ trong sáng đầy tinh thần thượng võ, với trình độ kỹ thuật điêu luyện còn là một phương tiện giáo

(2) Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, trang 66.

đục phong cách, đạo đức mới và truyền bá cái đẹp lành mạnh cho nhiều người.

Người vận động viên phải tập luyện theo một chế độ rất nghiêm khắc. Trong thi đấu, họ phải hết sức dùng tâm ngoan cường và phải thắng đối phương bằng tài nghệ, chứ không phải bằng thủ đoạn xấu. Quá trình hoạt động thể dục thể thao của người vận động viên cũng chính là quá trình phấn đấu, rèn luyện để đạt tới những phẩm chất tốt đẹp của tài năng và đạo đức thể thao xã hội chủ nghĩa.

Trong thực tiễn lịch sử và cuộc sống đã có những tấm gương sáng ngời và những con người sống lâu, khỏe lâu do thường xuyên, kiên trì rèn luyện thân thể. Nhiều nhân vật nổi tiếng thế giới như Gót, Tôn-xtôi, Páp-lốp... đã sống trên 80 tuổi và trong những năm cuối cùng vẫn lao động không kém phần bền bỉ, hăng say như lúc còn trai trẻ. Đặc biệt nhà bác học Páp-lốp cho đến năm 86 tuổi là năm cuối cùng của đời mình vẫn cảm thấy sung khoái và không bị bệnh xơ cứng động mạch. Các công trình nghiên cứu khoa học đã chỉ rõ rằng những rối loạn này được trở lại bình thường ở những người nào có tập luyện thể dục thể thao. Nhà bác học Lu-y Pa-xơ năm 46 tuổi bị xuất huyết não, bị tê liệt. Ông đã tự nghiên cứu sở dĩ bị bệnh là do lao động trí óc căng thẳng mà thiếu hoàn toàn sự hoạt động thể lực. Để khắc phục căn bệnh khủng khiếp đó, ông bắt đầu tập luyện thể dục một cách có hệ thống, liên tục và đã sống thêm 30 năm

không bệnh tật. Chính trong 30 năm này ông đã có những phát minh lớn cho nhân loại.

Hồ Chủ tịch kính yêu của chúng ta, sống đến tuổi 79 nhưng vẫn rất sáng suốt. Năng lực làm việc của Người cho đến những năm cuối đời vẫn dồi dào. Chính vì Người đã sống một cuộc đời rất điều độ, vệ sinh... và điều quan trọng nhất là Người đã rèn luyện thân thể thường xuyên, suốt cả đời mình. Sự rèn luyện thân thể vì lợi ích cách mạng, để làm cách mạng của Hồ Chủ tịch đã tạo cho Người một năng lực hoàn chỉnh về thể chất và tinh thần, đó cũng là một nét vĩ đại trong con người vĩ đại của Bác.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 60)

Xây dựng Đảng cũng như cải tạo và phát triển nông nghiệp đều là những nhiệm vụ quan trọng cấp bách của miền Nam hiện nay. Giữa hai nhiệm vụ ấy lại có mối quan hệ rất chặt chẽ. Có chủ động gần công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo và phát triển nông nghiệp, chúng ta mới hoàn thành thắng lợi công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp và xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở của Đảng ở miền Nam ngày càng vững mạnh, đáp ứng những yêu cầu to lớn và khẩn trương của cách mạng hiện nay.

MỘT CHI BỘ XÍ NGHIỆP BIẾT DỰA VÀO QUẦN CHÚNG

LÊ-VĂN-HỒNG

TRONG thời kỳ thống trị của Mỹ -
ngụy, hãng FAVI do tư sản
Phạm-Vinh chiếm hữu và quản lý,
chuyên sửa chữa tàu thủy, sản xuất
thang máy. Khi Sài-gòn được giải
phóng, Phạm-Vinh bỏ chạy sang Mỹ,
hãng FAVI do lực lượng vũ trang nhân
dân ta quản lý. Cuối năm 1975, hãng
được giao cho Sở công nghiệp thành
phố và chuyển thành xí nghiệp quốc
doanh cơ khí Khánh-hội.

Lúc đó xí nghiệp Khánh-hội chỉ có
3 đảng viên do cấp trên cử về tiếp
quản xí nghiệp, lập thành một tổ
Đảng trực thuộc đảng bộ Sở công
nghiệp thành phố Hồ-Chí-Minh. Đến
giữa năm 1976, số đảng viên tăng
thêm, chi bộ xí nghiệp Khánh-hội
được thành lập. Trong hai năm qua,
với số đảng viên lúc cao nhất là 20
đồng chí, và hiện chỉ còn 11 đồng chí,
vì một số được điều đi tăng cường cho
các cơ sở khác, chi bộ đã lãnh đạo xí
nghiệp không ngừng vươn lên, thành
là cơ đầu của ngành công nghiệp
thành phố Hồ-Chí-Minh. Sự cố gắng
của chi bộ thể hiện ở nhiều
mặt, mà **một trong những nét
nổi bật là đã biết dựa vào
quần chúng.**

*Từ một nhận thức đúng và
sự kiểm nghiệm bước đầu
của thực tế.*

Khi nhận định về tình hình công
nhân trong xí nghiệp, lúc đầu
trong chi bộ xí nghiệp Khánh-hội có
những ý kiến không nhất trí. Có đồng
chí cho rằng anh chị em công nhân
ở đây từng sống lâu năm trong vòng
kìm kẹp của Mỹ - ngụy, chịu ảnh
hưởng nặng nề của chế độ thực dân
mới, của hoạt động công đoàn
vàng, v.v. nên mặt tiêu cực là chủ
yếu; ý thức giác ngộ chính trị của
anh chị em còn thấp, tư tưởng làm
thuê còn nặng, nên chưa thể nói đến
việc phát huy quyền làm chủ tập thể
được. Nhưng nhiều đồng chí trong
chi bộ lại nghĩ khác. Phân tích tình
hình cụ thể ở xí nghiệp thì thấy số
đồng anh chị em công nhân, lúc dưới
quyền chỉ huy của tư sản Phạm-Vinh,
phải làm theo hợp đồng, chủ cần thì
dùng, hết việc lại thải ra. Họ đã phải
làm việc hết sức vất vả, cực nhọc
nhưng vẫn sống cực khổ, thiếu thốn
vì bị bóc lột nặng nề, đời sống bấp
bênh. Sở công nhân được Phạm-Vinh
mua chuộc, biệt đãi để làm tay chân
thần tín chỉ là rất ít. Ở đây, tuy cũng

có khoảng hai chục công nhân đã đi lính nguy, nhưng số đông là do bị cưỡng bức và khi vào lính cũng chỉ làm lính thợ, mãn hạn lại trở về xí nghiệp. Khi quân đội ta vào giải phóng Sài-gòn, anh chị em công nhân đã biểu thị lòng phấn khởi chờ đón, và đã có những hành động tích cực bảo vệ xí nghiệp, máy móc. Từ thực tế đó, chỉ bộ đã nhận định rằng mặc dù còn những mặt tiêu cực, mặt hạn chế, nói chung công nhân ở đây vẫn là chỗ dựa của chỉ bộ Đảng trong công tác xây dựng và quản lý xí nghiệp.

Nhận thức đó đã được thực tiễn của xí nghiệp chứng minh là đúng. Khi xí nghiệp được bàn giao cho Sở công nghiệp thành phố, trong khoảng 70 công nhân cũ, chỉ có 11 người trở lại làm việc. Máy móc lâu ngày không hoạt động bị thất lạc và hư hỏng một số. Nguyên liệu, vật liệu, tiền vốn đều thiếu nghiêm trọng, hướng sản xuất mặt hàng chưa được xác định. Hệ thống quản lý chưa hình thành. Các đồng chí trong Ban giám đốc là những người ở các nơi khác mới được cử đến, chưa am hiểu tình hình xí nghiệp. Trước tình hình đó, nếu ngại khó, rút rè, không mạnh dạn phát động công nhân, thì có thể vấp vào những khó khăn khách quan, tự bằng lòng với sự phát triển cầm chừng của xí nghiệp. Nhưng số đông đảng viên ở xí nghiệp đã không chịu bó tay ngồi chờ mà quyết tâm dựa vào công nhân để không những nhanh chóng ổn định tình hình mà còn làm cho xí nghiệp phát triển nhanh, mạnh.

Từng đảng viên đã đi sát công nhân, giúp anh chị em hiểu rõ chính sách, chủ trương của Đảng để mỗi công nhân thấy rằng nhanh chóng đưa xí nghiệp hoạt động trở lại là việc làm hết sức cấp bách, không những vì lợi ích chung của cách mạng mà còn vì lợi ích của bản thân công nhân. Các đảng viên đã cùng công nhân bàn bạc những việc làm cụ thể để sớm cải thiện tình hình xí nghiệp. Được Đảng

khuyến khích, động viên, công nhân đã tự nguyện và tích cực bắt tay vào việc. Anh chị em đã chia nhau đến tận nhà tìm gặp những công nhân cũ chưa đi làm để động viên họ trở lại xí nghiệp, và chỉ ít ngày sau, số công nhân đó hầu như đã được tập hợp đủ mặt ở xí nghiệp. Anh chị em cũng đã phân công nhau tìm nguồn nguyên liệu, vật liệu, tìm khách hàng, đồng thời gấp rút sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, bố trí lại hệ thống thiết bị, phục hồi mạng lưới điện, tổ chức vệ sinh công nghiệp và an toàn lao động, đưa xí nghiệp trở lại hoạt động bình thường.

Trong khi xí nghiệp chưa sản xuất, với mức phụ cấp hằng tháng ít ỏi, nhiều công nhân vẫn say mê với công việc, làm không quản mệt nhọc, không kể giờ giấc.

Nhiều công nhân đã giúp cán bộ, đảng viên hiểu rõ tình hình trước đây của xí nghiệp, của đội ngũ công nhân, qua đó giúp cán bộ, đảng viên phân loại, đánh giá đúng công nhân trong xí nghiệp.

Nhờ quyết tâm của cán bộ, đảng viên và của công nhân, chỉ 3 tháng sau, xí nghiệp đã trở lại hoạt động bình thường, bước đầu ký hợp đồng sửa chữa một số thang máy, một số động cơ và thiết bị khác cho các xí nghiệp bạn.

Qua những đóng góp bước đầu của đội ngũ công nhân, chỉ bộ đã thấy rõ phần lớn công nhân là những người có bản chất tốt, tha thiết với cách mạng. Qua các ý kiến và việc làm của anh chị em trong công tác bảo dưỡng máy móc, bố trí lại hệ thống dây chuyền sản xuất, nghiên cứu mặt hàng mới, v.v., chỉ bộ càng hiểu đúng trình độ tay nghề của anh chị em, nắm vững số công nhân lành nghề, vốn quý của xí nghiệp.

Nhanh chóng xây dựng bộ máy quản lý, xây dựng các

tổ chức cách mạng của quần chúng, tạo ra chỗ dựa vững chắc.

Với số lượng công nhân ngày càng đông, chi bộ đã phối hợp chặt chẽ với Ban giám đốc nhanh chóng xây dựng bộ máy quản lý sản xuất. Một vấn đề được đặt ra là làm thế nào để có đủ cán bộ. Một mặt, chi bộ đề nghị với Ban giám đốc xin cấp trên tăng cường cho một số công nhân ở miền Bắc về. Mặt khác, chi bộ đã phê phán tư tưởng hẹp hòi, không tin ở đội ngũ công nhân đã có, không mạnh dạn dựa vào họ, cất nhắc những người có đủ tiêu chuẩn vào những khâu công tác thích hợp. Chi bộ đã phân công đảng viên tìm hiểu kỹ hơn lý lịch, hoàn cảnh, tay nghề của từng công nhân, lựa chọn những công nhân trong sạch về chính trị, tích cực trong công tác để bồi dưỡng, thử thách, chuẩn bị đưa vào khung cán bộ. Để làm tốt việc này, tránh mọi sơ hở có thể xảy ra ở một xí nghiệp vùng mới giải phóng, chi bộ đã lắng nghe ý kiến của đồng đảo công nhân, trước hết là những công nhân lâu năm, đã kết hợp chặt chẽ việc chọn lựa của chi bộ với việc đề cử của công nhân. Với cách làm như vậy, đến nay, xí nghiệp cơ khí Khánh-hội đã có đủ cán bộ quản lý, nghiệp vụ cho sáu phòng, ban, ba phân xưởng và 11 tổ sản xuất. Hầu hết tổ trưởng, tổ phó tổ sản xuất, và tất cả ba đồng chí quản đốc ở ba phân xưởng đều là công nhân cũ của xí nghiệp. Ba đồng chí quản đốc phân xưởng là những công nhân lành nghề (bậc 7) mới được đề bạt, đồng thời cũng mới được kết nạp vào Đảng.

Sự hình thành bộ máy quản lý đó không những làm cho việc chỉ đạo sản xuất được chặt chẽ, thống nhất từ trên xuống dưới mà còn là một bảo đảm cho việc phát huy vai trò làm chủ tập thể của công nhân. Thông qua các đại diện của mình trong bộ máy quản lý, thông qua sinh hoạt của tổ sản xuất,

của các phòng, ban, v.v. công nhân có điều kiện đóng góp kịp thời những ý kiến xây dựng xí nghiệp, đồng thời có điều kiện giám sát hoạt động của toàn xí nghiệp.

Cùng với việc xây dựng bộ máy quản lý sản xuất, chi bộ đã quan tâm xây dựng các đoàn thể quần chúng trong xí nghiệp, như công đoàn và chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh. Ngay sau khi nhận bàn giao xí nghiệp, Ban lãnh đạo và tổ Đảng đã lập Ban vận động thành lập công đoàn và Ban vận động thành lập chi đoàn thanh niên với ý thức rất rõ là nếu thiếu các tổ chức đó thì mọi việc sản xuất và quản lý trong xí nghiệp không thể tiến hành tốt được.

Do những hoạt động tích cực của các đảng viên, tháng 4 năm 1976, chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh của xí nghiệp được thành lập với bốn đoàn viên. Qua hai năm 1976 và 1977, chi đoàn đã kết nạp thêm được 17 thanh niên vào Đoàn. Tháng 6-1976 công đoàn xí nghiệp được thành lập với khoảng 20 đoàn viên và đến nay đã thu hút hầu hết công nhân, bảo đảm mỗi tổ sản xuất có một tổ công đoàn.

Chi bộ đã giúp công đoàn và chi đoàn thanh niên trong việc chọn lựa cốt cán, xét duyệt kết nạp đoàn viên mới, đặc biệt đã giúp các tổ chức đó thấy rõ chức năng, nhiệm vụ của mình, tìm ra những hình thức hoạt động thiết thực, phong phú. Qua hoạt động thực tiễn, các tổ chức quần chúng đó đã từng bước trưởng thành, và đã thúc đẩy công nhân phát huy vai trò làm chủ tập thể của mình trong sản xuất cũng như trong công tác quản lý xí nghiệp.

Từ ngày xí nghiệp chính thức sản xuất trở lại đến nay mới khoảng hai năm. Trong thời gian đó, chi bộ đã xây dựng và hướng dẫn, giúp đỡ bộ máy quản lý và các tổ chức quần chúng trong xí nghiệp hoạt động có nền nếp.

Điều đó, đối với một xí nghiệp vùng mới giải phóng, là một cố gắng đáng kể. Bởi vì muốn làm được như vậy, chi bộ xí nghiệp Khánh-hội đã phải trải qua đấu tranh để xác định nhận thức đúng về công nhân vùng tạm bị chiếm trước đây, về vấn đề « liên quan » với Mỹ - nguy, đồng thời có những biện pháp thiết thực, cụ thể, lựa chọn được người tốt, đưa họ vào tổ chức, vào khung cán bộ, nâng cao giác ngộ chính trị, bồi dưỡng năng lực làm việc cho họ, giúp họ khắc phục mặc cảm tự ti, hướng dẫn họ vừa tiếp thu tốt sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, vừa sẵn sàng phản ánh với chi bộ những tâm tư, nguyện vọng, những ý kiến đóng góp của công nhân để chi bộ cải tiến sự lãnh đạo, v.v. Những việc đó đòi hỏi chi bộ, đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng, tin cậy công nhân mới làm được. Và khi đã làm tốt được việc đó, chi bộ càng có thêm những điều kiện vững chắc để nâng cao năng lực lãnh đạo, tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa chi bộ và quần chúng công nhân.

Hướng các tổ chức trong xí nghiệp vào mục tiêu đầy mạnh sản xuất.

Là hạt nhân lãnh đạo ở xí nghiệp, chi bộ xí nghiệp Khánh-hội đã xác định nhiệm vụ chính trị chủ yếu của xí nghiệp là hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao. Chi bộ đã hướng mọi hoạt động của bộ máy quản lý và các đoàn thể quần chúng trong xí nghiệp vào việc thực hiện nhiệm vụ đó. Khi nhận nhiệm vụ do cấp trên giao, chi bộ đã cùng với Ban giám đốc vạch kế hoạch và các biện pháp thực hiện cụ thể, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của đông đảo công nhân, và tạo mọi điều kiện để đông chi giám đốc thực hiện chế độ thủ trưởng trong chỉ huy sản xuất, kinh doanh và quản lý công việc họ

ngày. Đối với công đoàn, chi bộ xác định rõ nhiệm vụ của công đoàn là vận động công nhân, viên chức chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật lao động, ra sức thi đua đầy mạnh sản xuất, tham gia cải tiến quản lý xí nghiệp, chăm lo đời sống của công nhân, viên chức, tích cực đầy mạnh giáo dục chính trị, văn hóa, kỹ thuật và nghiệp vụ cho công nhân, viên chức. Đối với chi đoàn thanh niên, chi bộ xác định rõ nhiệm vụ của thanh niên là lực lượng xung kích trong mọi mặt hoạt động của xí nghiệp, đặc biệt là trong cách mạng kỹ thuật.

Sự phân định nhiệm vụ như vậy đã giúp cho bộ máy quản lý và các đoàn thể quần chúng trong xí nghiệp thấy rõ phạm vi trách nhiệm của mình, không chờ đợi, ý lại, không bao biện làm thay. Tuy nhiên, trước những vấn đề lớn trong sản xuất, chi bộ đã phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đó để cùng nhau tìm cách giải quyết. Chẳng hạn những khi có khó khăn về nguyên liệu, vật tư ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất, chi bộ đã kịp thời đưa vấn đề đó ra bàn bạc trong các tổ chức. Các công nhân lâu năm, có tay nghề cao đã đề nghị nghiên cứu sản xuất thêm loại mặt hàng mới với những nguyên liệu, vật liệu dễ kiếm hơn. Đề nghị đó được các tổ chức trong xí nghiệp chấp thuận. Được động viên, giúp đỡ, những công nhân có tay nghề cao đã phân công nhau thí nghiệm thành công nhiều loại mặt hàng mới như xương gân máy nhỏ phục vụ các vùng kinh tế mới, giường bệnh viện, lò cất tinh dầu, máy nghiền thức ăn gia súc, và đặc biệt là quạt « Gió Nam », điện một chiều để trang bị cho các toa xe lửa. Đây là loại quạt điện một chiều đầu tiên được sản xuất ở nước ta, đã được xí nghiệp sản xuất hàng loạt. Gần đây, một số công nhân sau khi nghiên cứu kỹ các loại động cơ do các xí nghiệp bạn sản xuất, đã chế tạo thành công động cơ 7kw và có thể

đưa vào sản xuất hàng loạt vào 6 tháng cuối năm 1978.

Một ví dụ khác: Đề đưa phong trào thi đua lao động sản xuất đi vào chiều sâu, chi bộ đã đề nghị Ban giám đốc, công đoàn và chi đoàn thanh niên kết hợp chặt chẽ với nhau, thường xuyên phát động công nhân, viên chức đẩy mạnh cách mạng kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Mỗi tổ chức, tùy theo chức năng của mình, góp phần tích cực vào việc đẩy mạnh phong trào đó. Chẳng hạn, Ban giám đốc tạo điều kiện cho công nhân nghiên cứu, và kịp thời khen thưởng những người có sáng kiến, công đoàn thì lo giúp đỡ về vật chất và tinh thần cho anh chị em thi nghiệm sáng kiến, chi đoàn thi động viên thanh niên đi đầu trong phong trào phát huy sáng kiến. Kết quả là trong hai năm 1976 - 1977, toàn xí nghiệp đã phát huy được 110 sáng kiến có giá trị kinh tế, kỹ thuật như sáng kiến đúc bầu quạt « Gió Nam » bằng nguyên liệu trong nước, sáng kiến cải tiến khuôn đột vòng điện cho thiết bị bơm điện tăng năng suất 260%, sáng kiến cải tiến khung dệt thảm lên từ 59 công một khung, hạ xuống còn 12 công một khung, hạ giá thành một khung từ 1800 đồng xuống 960 đồng.

Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của công nhân đã góp phần giải quyết nhiều khó khăn cho xí nghiệp về kỹ thuật, nguyên liệu, đã nâng cao năng suất lao động, đồng thời đã mở rộng mặt hàng sản xuất, tạo điều kiện cho xí nghiệp phát triển. Nhờ vậy, năm 1976 xí nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch với giá trị tổng sản lượng đạt 107,26%, năng suất lao động công nhân đạt 169,35%. Năm 1977, xí nghiệp lại hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất với giá trị tổng sản lượng đạt 105%, giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện đạt 120%. Nhờ sản xuất phát triển, đội ngũ cán bộ, công nhân của xí nghiệp được mở rộng. Đến cuối năm 1977, xí

ngiệp có 195 cán bộ, công nhân, viên chức, chưa kể 101 học sinh học nghề đang được xí nghiệp đào tạo theo chương trình chính quy. Trình độ tay nghề của công nhân từng bước được nâng cao. Hiện nay, xí nghiệp đã có gần 20 công nhân từ bậc bốn trở lên.

Dựa vào công nhân để xây dựng chi bộ.

Lúc chi bộ đề ra ý kiến này không phải không có những đảng viên còn e ngại. Các đồng chí đó lo rằng công nhân ở đây mới làm việc trong chế độ mới hơn hai năm, làm sao có đủ hiểu biết về Đảng để góp phần vào việc xây dựng Đảng. Thêm vào đó, còn phải cảnh giác trước những âm mưu phá hoại của bọn phản động còn lén lút, chúng có thể lợi dụng sự tin cậy của Đảng đối với quần chúng, lợi dụng tự phê bình và phê bình để thực hiện mưu mô làm giảm sút uy tín của cán bộ, đảng viên, v.v. Chi bộ đã khẳng định rằng trong việc dựa vào quần chúng để xây dựng Đảng, trước hết phải dựa vào các tổ chức của quần chúng, các cán bộ cốt cán trong các tổ chức đó và những công nhân lâu năm có lý lịch trong sạch, thiết tha với lợi ích chung của xí nghiệp. Chi bộ đã tổ chức cho công nhân, trước hết là những cán bộ công đoàn và chi đoàn thanh niên góp ý kiến phê bình, nhận xét sự lãnh đạo của chi bộ, chi ủy, và góp ý kiến về công tác và tư cách của cán bộ, đảng viên. Qua các đợt thu thập ý kiến đó, chi bộ nhận thấy rằng, tuy trình độ nhận thức chính trị của công nhân còn hạn chế nhưng do lòng tin ở Đảng, và do lợi ích thiết thân của họ, hầu hết anh chị em được hỏi ý kiến đều chân thành đóng góp nhiều ý kiến xây dựng cho chi bộ, cán bộ, đảng viên. Từ kết luận đó, chi bộ đã chủ trương phải định kỳ tổ chức lấy ý kiến của

công nhân đề tham khảo, nâng cao năng lực lãnh đạo của chi bộ.

Chi bộ cũng đã chú ý lắng nghe ý kiến của công nhân đề làm tốt công tác phát triển Đảng. Qua sự giới thiệu của chi đoàn thanh niên và qua ý kiến đóng góp của đông đảo công nhân, chi bộ đã chọn lựa một số công nhân ưu tú, bồi dưỡng, giáo dục và đã kết nạp được bảy người vào Đảng. Khi định kết nạp người vào Đảng, ngoài việc có đủ đảng viên bảo đảm và chi bộ đã thảo luận, chi bộ còn hỏi ý kiến tổ công đoàn, tổ sản xuất nơi có người xin vào Đảng và thông báo cho đông đảo công nhân biết để công nhân góp thêm ý kiến. Ai cần góp ý kiến có thể trực tiếp gặp bí thư chi bộ hoặc gửi thư đến chi ủy. Mọi ý kiến đóng góp đều được tập thể chi ủy xem xét, phân tích kỹ. Do cách làm thận trọng như vậy, việc phát triển Đảng ở chi bộ xí nghiệp Khánh-hội hai năm qua về cơ bản đã bảo đảm đúng tiêu chuẩn, đúng thủ tục. Hầu hết các đảng viên mới đều đã phát huy tác dụng tốt.



TRONG tình hình hiện nay, khi ở miền Nam không ít tổ chức cơ sở Đảng còn băn khoăn là với số lượng đảng viên còn ít làm thế nào mà lãnh đạo tốt được, thì những việc làm của chi bộ xí nghiệp Khánh-hội đã phần nào giải đáp được mối băn khoăn đó. Thật sự tin tưởng ở công nhân, ra sức xây dựng các tổ chức quần chúng của công nhân nhằm tạo nên chỗ dựa vững chắc, hướng dẫn các tổ chức đó có nội dung hoạt động thiết thực đề cùng nhau phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của xí nghiệp, v.v. — những việc làm nói trên tuy còn ở mức thấp, tuy còn phải nghiên cứu cải tiến hơn nữa, nhưng

cũng đã tạo nên sức mạnh tổng hợp làm cho sự lãnh đạo của chi bộ ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tốt đó, chi bộ xí nghiệp Khánh-hội cũng cần khắc phục một số khó khăn, nhược điểm đang tồn tại để việc dựa vào công nhân ngày càng phát huy tác dụng tốt hơn nữa.

Hiện nay kết cấu về chính trị của đội ngũ công nhân chưa thuần nhất, đòi hỏi chi bộ một mặt phải luôn luôn đi sâu đi sát công nhân, dựa chắc vào những công nhân tốt, phát huy đầy đủ khả năng của anh chị em đóng góp vào việc xây dựng mạnh mẽ sản xuất, mặt khác phải tăng cường quản lý, giáo dục, nâng cao cảnh giác cách mạng, có quan điểm bố trí, sử dụng đúng đắn từng người trong xí nghiệp nhằm phát huy mặt tích cực, đấu tranh ngăn chặn những mặt tiêu cực.

Một mặt yếu hiện nay của đội ngũ công nhân ở xí nghiệp Khánh-hội là trình độ hiểu biết về chính trị, về Đảng, về giai cấp còn thấp. Điều đó đã hạn chế phần nào nhiệt tình và năng lực làm chủ tập thể của anh chị em. Trong quá trình tiến lên của xí nghiệp, sự non yếu về trình độ chính trị của công nhân có thể ảnh hưởng không nhỏ đến sức sáng tạo của đội ngũ và trước những khó khăn, những diễn biến phức tạp của tình hình, có thể là nguyên nhân làm nảy sinh những mặt tiêu cực. Vì vậy, một trong những công tác mà chi bộ cần tiến hành liên tục, thường xuyên, bằng nhiều hình thức phong phú là tiếp tục giáo dục cho công nhân những hiểu biết cơ bản về Đảng, về giai cấp, về chủ nghĩa xã hội, về chế độ mới, làm cho đội ngũ công nhân luôn luôn xứng đáng là chỗ dựa vững chắc của chi bộ để đưa xí nghiệp tiến lên mạnh mẽ hơn nữa.

« LIÊN QUAN »

NÓI đến « liên quan », chúng ta hiểu ngay đó là vấn đề quan hệ với những người trước đây thuộc giai cấp bóc lột, hoặc là tề nguỵ, tham gia các tổ chức phản động, hoạt động chống phá cách mạng. Đây là một vấn đề thuộc về chính sách mà các ngành, các cấp thường phải vận dụng trong nhiều mặt công tác như tuyển quân, tuyển sinh, tuyển người vào cơ quan Nhà nước, sử dụng và đề bạt cán bộ, kết nạp người vào Đảng, vào Đoàn, v.v.

Trong lịch sử đã từng có những quan niệm và cách giải quyết vấn đề « liên quan » một cách khác nhau.

Dưới chế độ phong kiến, người ta quan niệm rằng « một người làm quan cả họ được nhờ », « đời cha ăn mặn đời con khát nước », cho nên người ta trừng phạt những người phạm trọng tội bằng hình thức « tru di tam tộc ») tuyệt diệt cả ba dòng họ. Có khi đứa trẻ còn nằm trong bụng mẹ cũng bị giết chết để tránh « hậu họa »!

Trong xã hội miền Nam thời trước, bọn Mỹ-ngụy đã từng trả thù rất dã man và hèn hạ những gia đình có người tham gia cách mạng, tham gia kháng chiến. Chúng o ép, cô lập, kiểm soát gắt gao những gia đình có chồng con, anh em tập kết ra Bắc, hoặc tham gia cách mạng; chúng treo biển « Việt cộng » trước nhà, không cho

tiếp xúc, giao dịch với bất cứ một ai, làm cho mọi người sợ những gia đình đó như sợ ma tà, trẻ con không dám đến gần, người thân không dám thăm viếng.

Khác hẳn với những cách đối xử trên, Đảng và Nhà nước ta, với chính nghĩa quang minh, với tinh thần nhân đạo và khoa học, đã có chính sách đối xử với những người thuộc diện « liên quan » một cách hợp lý, hợp tình. Đảng và Nhà nước đã tạo mọi điều kiện giúp đỡ những người này vượt ra khỏi sự ràng buộc của thành phần giai cấp xuất thân hoặc nguồn gốc gia đình, vươn lên cống hiến sức mình vào sự nghiệp chung của Tổ quốc. Ở miền Nam sau ngày giải phóng, cái điều mà nhiều người lo lắng và kẻ thù của chúng ta đoán già đoán non và rêu rao là « cộng sản sẽ trả thù dẫm máu », « Sài-gòn sẽ tắm máu » những người của chế độ cũ — điều đó đã không xảy ra. Trái lại, miền Nam tươi rói những nụ cười của những con người được vui đoàn tụ, được « làm lại cuộc đời », « phục hồi nhân phẩm ». Con em của họ được học hành trong các trường phổ thông, đại học, trung học chuyên nghiệp, hoặc tham gia các đội thanh niên xung phong, các công trường, nông trường..., sinh hoạt vui tươi, lành mạnh trong các tổ chức quần chúng.

Đó là biểu hiện tinh thần nhân đạo bắt nguồn từ truyền thống nhân nghĩa quý báu của ông cha ta suốt bốn nghìn năm lịch sử, và cũng là cách giải quyết đúng đắn theo con mắt cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhìn sự vật, hiện tượng không bao giờ máy móc, cứng đờ, đánh giá con người không thoát ly quan điểm cụ thể, lịch sử và phát triển.

Trong thời gian qua, ở một số nơi có tình trạng xem xét và giải quyết vấn đề « liên quan » chưa theo đúng quan điểm và chính sách của Đảng. Bên cạnh những hiện tượng mất cảnh giác nghiêm trọng (giao tài liệu cơ mật cho người không đủ tin cậy về chính trị cốt giữ; kết nạp người vào Đảng mà không thăm tra kỹ lưỡng; tuyển dụng người vào cơ quan Nhà nước quá hời hợt...), lại có những hiện tượng nhìn nhận và giải quyết vấn đề « liên quan » một cách thành kiến, hẹp hòi. Một số đồng chí không nắm vững chính sách của Đảng về vấn đề « liên quan », kết luận về phẩm chất chính trị của một người không căn cứ vào quá trình phấn đấu, rèn luyện của bản thân người đó là chính, mà chỉ căn cứ vào nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh xuất thân hoặc việc làm cũ của bố mẹ họ. Thậm chí nhiều khi tìm mỗi « liên quan » với cả những người họ mạc rất xa để rồi từ đó kết luận là không đủ tiêu chuẩn chính trị. Một số đồng chí nhìn ai cũng thấy vướng chuyện « liên quan ». Có những gia đình vừa mới hôm qua, hôm kia, trong cuộc đấu tranh chống Mỹ - nguy còn là cơ sở của cách mạng, nuôi nấng, che chở cho cán bộ, nhưng đến hôm nay lại bị liệt vào loại « liên quan », không đáng tin cậy! Có những nơi rất thiếu cán bộ mà trong mấy năm nay không đào tạo, bồi dưỡng được mấy người, không mạnh dạn sử dụng và tạo điều kiện phát huy tài năng của những cán bộ khoa học, kỹ thuật, những trí thức cũ. Có những cơ sở

rất ít đảng viên nhưng không đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Có xã tỷ lệ đoàn viên so với tổng số thanh niên chỉ là 2,5% mà công tác xây dựng tổ chức Đoàn tiến hành rất chậm chạp với đủ thứ thủ tục phiền phức (1)... Những đồng chí có trách nhiệm ở các nơi đó thường lập luận rằng ở miền Nam, do tình hình chính trị và xã hội rất phức tạp, số người có liên quan với chế độ cũ quá đông, thời gian thử thách từ sau ngày giải phóng đến nay còn ngắn, cho nên phải hết sức cảnh giác và thận trọng.

Đúng là chúng ta phải hết sức cảnh giác và thận trọng. Nhất là trong tình hình hiện nay, kẻ thù đang co lõm mưu mô xảo quyệt, một số phần tử phản động chưa chịu hồi cải, còn có ý thức chờ thời cơ ngóc đầu dậy chống phá cách mạng. Chúng ta tuyệt đối không một phút nào được lơ là cảnh giác. Nhưng không phải vì thế mà chúng ta nhìn nhận và giải quyết các trường hợp « liên quan » một cách máy móc, hẹp hòi, thiếu tích cực và chủ động, dẫn đến hạn chế sự phát triển của lực lượng cách mạng, có hại cho cách mạng. Chúng ta biết rằng, trên đất nước ta, nhất là ở miền Nam, do hậu quả của chính sách dùng người Việt đánh người Việt của bọn đế quốc, không mấy gia đình không có anh em, bà con di lính nguy hoặc làm việc cho nguy quyền. Không ít gia đình vừa có người tham gia cách mạng, vừa có người là nguy quân hoặc nhân viên nguy quyền. Đó là sự phức tạp và đau khổ mà kẻ thù đã gây ra cho dân tộc ta, làm cho giữa những người anh em, bà con ruột thịt có sự nghi kỵ, ngờ vực, thù oán lẫn nhau. Nếu chúng ta không nêu cao

(1) Có nơi kết nạp một thanh niên vào Đoàn phải qua 6 « tầng » xét duyệt: phân đoàn, chi đoàn, chi bộ, ban chấp hành đoàn xã, đảng ủy xã, huyện đoàn. Đó là chưa kể khi chi đoàn định xếp một người nào là « đối tượng » kết nạp Đoàn đã phải báo cáo đề chi ủy xét rồi mới chuyển lên ban chấp hành đoàn xã quyết định.

tinh thần đại đoàn kết dân tộc, thương yêu đùm bọc lẫn nhau thì làm sao có thể làm vơi dần nỗi đau khổ đó? Làm sao có thể mở đường cho những người lạc lối lầm đường quay về với chính nghĩa và tạo điều kiện cho con em họ vươn lên? Đó là chưa kể bọn đế quốc, bọn phản động quốc tế đang âm mưu phá hoại cách mạng nước ta. Chúng đang tìm cách móc nối, dọa dẫm, lôi kéo những người mà chúng cho là ta có thành kiến với họ hòng chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết thống nhất của chúng ta, cô lập lực lượng cách mạng. Nếu chúng ta không tin tưởng ở quần chúng, trước hết là quần chúng công, nông, không tích cực tập hợp, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân thì làm sao có thể làm thất bại âm mưu của địch?

Đương nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta xem xét, giải quyết vấn đề « liên quan » một cách phiến diện, một chiều, vứt bỏ nguyên tắc, xa rời lập trường giai cấp, tạo kẽ hở cho những phần tử phản động, cơ hội chui vào hàng ngũ chúng ta để phá hoại cách mạng. Trong khi chống tư tưởng hẹp hòi, chúng ta cần chú trọng giải quyết vấn đề « liên quan » một cách chặt chẽ, tuân theo nghiêm ngặt những nguyên tắc, thủ tục đã quy định, tuyệt đối không làm bừa, làm ẩu. Ngay những người đã đứng trong hàng ngũ cách mạng mà qua kiểm tra thấy không đủ tiêu chuẩn chính trị cũng kiên quyết đưa ngay họ ra khỏi đội ngũ. Điều quan trọng là cần nắm vững chính sách của Đảng, tin tưởng ở quần chúng, có quan điểm cách mạng và khoa học trong việc đánh giá con người. Khi kết luận phẩm chất chính trị của một người,

tuy phải xem xét hoàn cảnh xuất thân, quan hệ xã hội để tìm hiểu cặn kẽ, sâu sắc những yếu tố góp phần hình thành bản chất của người đó, nhưng cái chính vẫn là căn cứ vào quá trình phấn đấu, hoạt động của **bản thân người đó**. Không vợ dứa cả năm : không thành kiến với quá khứ hoặc nguồn gốc gia đình. Thực tế ở miền Bắc những năm qua đã cho thấy, phần lớn những người trước đây thuộc giai cấp bóc lột hoặc là tể ngục nay đã trở thành những người lao động, những công dân tốt. Con cái của họ lớn lên trong xã hội mới, được sự giáo dục của nhà trường xã hội chủ nghĩa và của chế độ mới, đã tiến bộ, trưởng thành. Nhiều người đã có những cống hiến đáng kể trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngay ở miền Nam, tuy nói là có nhiều người, nhiều gia đình có liên quan với Mỹ - ngụy, nhưng không phải tất cả mọi người đều liên quan. Cũng không phải hễ cứ ai có liên quan là người đó xấu. Thực tế đã có những gia đình tuy có con em, chồng vợ là ngụy quân, nhân viên ngụy quyền, nhưng vẫn là cơ sở của cách mạng.

Hồ Chủ tịch đã dạy : « Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong, đều tùy chỗ mà dùng được » (2). Cho nên vấn đề đặt ra là chúng ta **có thành kiến, hẹp hòi hay không, có nắm vững chính sách hay không, có đánh giá đúng con người và có biết « dùng » người hay không.**

Người xây dựng

(2) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 15.

NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO NGÀY Càng ĐƯỢC CÙNG CỐ VỮNG MẠNH

QUYẾT-THẮNG

NƯỚC Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, thành quả cách mạng vĩ đại của nhân dân các dân tộc Lào, sau gần ba năm cải tạo và xây dựng đang tiếp tục tiến lên một cách vững chắc.

Dưới ngọn cờ lãnh đạo đúng đắn của Đảng nhân dân cách mạng Lào, nhân dân các dân tộc Lào từ kiếp nô lệ tối tăm chuyển sang cuộc sống tự do đầy ánh sáng, hết sức tự hào và phấn khởi vươn lên, phấn đấu giành được nhiều thắng lợi và tiến bộ rất to lớn, toàn diện trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chế độ mới.

Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, xóa bỏ ách thống trị của đế quốc và phong kiến, Lào trở thành một nước độc lập, thống nhất và dân chủ. Đảng nhân dân cách mạng Lào, đội tiên phong mác-xít - lê-nin-ít đầy dạn kinh nghiệm chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân các dân tộc Lào, đã tuyên bố mở đầu kỷ nguyên xây dựng nước Lào hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ

nghĩa, phù hợp với quy luật chung của thời đại và đặc thù của xã hội Lào.



Do vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng của Lào, bọn đế quốc đã cố gắng biến nước Lào thành « con dê » ngăn chặn làn sóng cách mạng tràn xuống Đông-Nam Á. Nhưng bọn xâm lược đã bị thất bại thảm hại trước sức đoàn kết chiến đấu của nhân dân các dân tộc Lào và nhân dân Việt-nam, nhân dân Cam-pu-chia.

Sau khi cả nước được giải phóng, Lào trở thành tiền đồn của chủ nghĩa xã hội ở Đông - Nam Á. Nhân dân các dân tộc Lào, tha thiết mong muốn được yên ổn để xây dựng nước nhà sau mấy chục năm bị chiến tranh tàn phá, đã bị các thế lực đế quốc và phản động quốc tế quấy rối và phá hoại. Để ngăn chặn ảnh hưởng tốt đẹp của cách mạng Lào, bọn đế quốc và tay sai đã dùng mọi thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự và ngoại giao nhằm duy trì Lào trong tình trạng suy

yếu và tạo điều kiện lật đổ chế độ mới ở Lào. Ba năm qua, về chính trị, chúng tăng cường chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp gây chia rẽ nội bộ Lào, chia rẽ Lào với Việt-nam và với các nước xã hội chủ nghĩa khác; về kinh tế, chúng bao vây và tung hàng hóa xâm nhập lũng đoạn thị trường Lào; về quân sự, chúng phát triển các hoạt động thổ phỉ, biệt kích, gây bạo loạn và âm mưu đảo chính... Bọn phản động quốc tế với tham vọng bá chủ Đông - Nam Á, từ lâu đã âm mưu biến Lào thành hành lang nối liền với Cam-pu-chia dưới ách thống trị của bọn tay sai của chúng, hòng bao vây, kiềm chế nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Chúng mưu toan biến Lào thành bàn đạp thực hiện chính sách hành lang trước của chúng ở khu vực Đông - Nam Á. Chúng đang cấu kết với bọn đế quốc trong âm mưu phát triển phỉ, gây bạo loạn, đảo chính, di dời với dùng chiến tranh tâm lý chia rẽ nội bộ Lào, chia rẽ Lào với Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Nhưng nhân dân các dân tộc Lào đã từng hy sinh xương máu trong cuộc chiến đấu lâu dài để giành quyền độc lập tự do, luôn luôn đề cao cảnh giác và tăng cường đoàn kết đấu tranh làm thất bại mọi kế hoạch phá hoại của bọn đế quốc và tay sai cùng những mưu toan hiểm độc của bọn phản động quốc tế, giữ vững độc lập chủ quyền và an ninh của đất nước mình. Nhiều âm mưu đảo chính, bạo loạn lớn nhỏ đã bị dập tan. Các cụm phỉ bị truy quét và tan rã từng mảng. Nhiều ổ gián điệp đã bị sa lưới. Hàng chục toán biệt kích bị tóm gọn và bị tiêu diệt. Những cuộc khiêu khích lấn chiếm ở biên giới đều bị ngăn chặn. Dừng trước âm mưu thôn tính và lật đổ của bọn đế quốc và phản động quốc tế, nhân dân các dân tộc Lào, dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng, càng tăng cường đoàn kết trong nước và đoàn kết quốc tế, nâng

cao cảnh giác, kiên quyết dập tan mọi thủ đoạn của chúng, bảo vệ an ninh chính trị và chủ quyền đất nước. Trong cuộc đấu tranh này, các lực lượng vũ trang và an ninh nhân dân Lào đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng và truyền thống yêu nước, chịu đựng gian khổ và đã lớn lên nhanh chóng cả về số lượng, chất lượng và kinh nghiệm chiến đấu, xứng đáng với vai trò nòng cốt của mình trên mặt trận bảo vệ thành quả cách mạng và nền độc lập của nước nhà.

Bọn đế quốc và phản động quốc tế nghĩ rằng một nước Lào bé nhỏ, số dân ít, kinh tế còn nghèo nàn, sẽ dễ dàng bị sụp đổ trước những âm mưu của chúng. Chúng không hiểu được rằng trong thời đại ngày nay, một dân tộc dù ít người, được lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội soi sáng, đã vùng lên và đã giành được quyền làm chủ đất nước, được cả loài người tiến bộ ủng hộ, thì không có một sức mạnh đen tối nào có thể khuất phục và buộc họ phải quay lại sống cuộc đời nô lệ ngày trước được.

Trên mặt trận kinh tế, sau giải phóng nhân dân Lào phải đương đầu với vô vàn khó khăn: nền kinh tế tiểu nông lạc hậu dựa vào thiên nhiên, không đủ sức tự cấp tự túc, bị phụ thuộc nặng nề vào đế quốc và thị trường tư bản, bị kiệt quệ sau mấy chục năm chiến tranh, chính quyền cách mạng non trẻ trong tay hầu như không có gì, nạn đói đe dọa, những hàng tiêu dùng tối thiểu đều thiếu, khoảng 1 phần 3 số dân bị cưỡng ép di cư bỏ sản xuất trong chiến tranh nay cần có công ăn việc làm, những nhu cầu tối thiểu để cho bộ máy Nhà nước có thể hoạt động bình thường cũng thiếu, bọn đế quốc và chư hầu lại còn bao vây kinh tế hòng bóp nghẹt nước Cộng hòa dân chủ nhân dân mới thành lập...

Nhưng nhân dân Lào đã không chịu khuất phục trước bạo lực chiến tranh hủy diệt của chủ nghĩa đế quốc Pháp

và M.
giờ ch.
sự nghi.
sự lãnh
dân cách
tư thể ng
chủ sức lao
động của n
sản xuất, d
tích cực của
nghĩa anh c
được những
trên mặt trận
bước ổn định
xây dựng một n
chủ, từng bước
hội.

Nước Lào đất
tiềm năng nông n
trước mắt nền nông
yêu. Phần đầu thế
nông - lâm nghiệp là
triển công nghiệp th
công nghiệp hóa xu
nước nhà, trong nh
mắt lấy khôi phục
nông - lâm nghiệp là
trong ba năm qua nhân
những cố gắng rất lớn
tích trồng trọt từ gần 7
1976 lên gần 75 vạn ha n
ngành nông nghiệp Lào
tổ mới nổi bật là : phong
lợi được phát động sôi n
đưa diện tích được tưới n
6 vạn ha năm 1976 lên 15
1978; phong trào tăng vụ l
triển hoa màu được phát đ
diện tích làm lúa chiêm từ
ha năm 1975 lên hơn 800
1978, diện tích hoa màu từ
ha năm 1976 lên hơn 4
năm 1978; phong trào ch
làm rẫy du canh sang
định canh hoặc làm ruộng
thang ở các vùng dân tộc ít
hạn chế dân nạn phá rừng và
đời sống nhân dân các dân tộc
nuôi gia súc cũng được phục
phát triển nhanh chóng. Tháng

ợc phục hồi, hàng trăm ki-lô-mét đường quốc lộ được sửa chữa, nâng cấp hoặc làm mới, các đường địa phương cũng phát triển; mọi phương tiện vận tải cơ giới, thô sơ của Nhà nước và nhân dân đều được sử dụng trên các đường bộ cũng như đường thủy; ngành hàng không dân dụng đã bắt đầu các chuyến bay thường xuyên giữa các tỉnh trong nước và ra nước ngoài. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bước đầu được tổ chức ở khắp các thành phố, thị trấn và hàng trăm cửa hàng tập thể cũng được thành lập ở nông thôn để cung cấp hàng công nghiệp cho nhân dân và thu mua các loại hàng nông sản và lâm sản cung cấp cho công nghiệp và xuất khẩu. Việc cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa cũng được tiến hành bước đầu với việc kiểm kê hàng tồn kho và đăng ký kinh doanh theo quy định của Nhà nước. Nhà nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cũng đã có nhiều biện pháp tích cực trong việc xây dựng bước đầu một nền tài chính với đồng tiền độc lập và thống nhất, đẩy lùi sự lũng đoạn của đế quốc và giới tư bản nước ngoài, chủ yếu là tư bản Hoa kiều.

Trên mặt văn hóa giáo dục, theo đường lối lấy cách mạng tư tưởng và văn hóa đi trước một bước của Đảng nhân dân cách mạng Lào, trong gần ba năm qua, nhân dân các dân tộc Lào cũng đã thu được những thắng lợi và tiến bộ rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng một nền văn hóa có tính chất dân tộc, dân chủ và xã hội chủ nghĩa.

Việc giáo dục các quan điểm cách mạng và những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, thể hiện trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, tăng cường đoàn kết và động viên nhân dân các dân tộc hăng hái thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc. Công tác văn hóa giáo dục phát triển rất nhanh trong những năm qua. Số người biết chữ đã từ hơn 30% năm 1975 lên 60% số dân ở độ tuổi từ 15 đến 45. Tính đến cuối tháng 6 năm nay đã có 2416 làng, 156 xã, 8 huyện cơ bản xóa xong nạn mù chữ. Tỉnh Sầm-nư là tỉnh dẫn đầu phong trào này. Phong trào học bổ túc văn hóa cũng phát triển nhanh, hiện nay đang có gần 25 vạn người đang học dưới nhiều hình thức. Các trường học chuyên nghiệp cũng tăng nhanh chưa từng có, đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật thực hành trong các ngành kinh tế quốc dân. Trường đại học cũng tăng từ hai lên bốn trường, đào tạo cán bộ sư phạm và y tế. Ngành y tế xây dựng và phát triển hệ thống chữa bệnh và phòng bệnh từ trung ương đến các địa phương và tận cơ sở để bảo vệ sức khỏe của nhân dân các dân tộc. Việc xóa bỏ các tệ nạn xã hội và văn hóa phản động, đồi trụy do chế độ cũ để lại, và việc phát triển phong trào văn nghệ quần chúng đã được đông đảo quần chúng nhân dân hưởng ứng tích cực, do đó phong cách dân tộc được khôi phục nhanh chóng và hoạt động văn hóa ở các đô thị trở nên lành mạnh rõ rệt.

Trên mặt trận đối ngoại, với đường lối độc lập tự chủ, hòa bình, hữu nghị, đoàn kết và hợp tác quốc tế rộng rãi, trước hết với các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào đã tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế to lớn đối với sự nghiệp xây dựng lại đất nước, chống lại các thế lực thù địch, đồng thời đã tích cực góp phần vào sự nghiệp hòa bình và hợp tác giữa các nước trong khu vực Đông - Nam Á, và trên thế giới. Do đó uy tín của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế.

Những thành tựu về bảo vệ và xây dựng đất nước mà nhân dân Lào đã

đạt được nói lên tính chất ưu việt của chế độ Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, nói lên sức mạnh vĩ đại của nhân dân các dân tộc Lào khi đã giành được quyền làm chủ đất nước và cuộc sống của mình, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng nhân dân cách mạng Lào. Trong cuộc đấu tranh cách mạng trong giai đoạn mới, Đảng lãnh đạo, chính quyền cách mạng và nhân dân các dân tộc Lào đã trưởng thành và phát triển nhanh chóng.

Trên bước đường đi lên chủ nghĩa xã hội, chắc chắn nhân dân các dân tộc Lào còn phải vượt qua rất nhiều gian khổ khó khăn do các thế lực thù địch gây ra, do tình trạng kinh tế văn hóa chậm phát triển, do những nhược điểm tạm thời trong quá trình đi lên của các lực lượng cách mạng gây ra. Nhưng có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng nhân dân cách mạng Lào dày dạn trong đấu tranh, với truyền thống cách mạng kiên cường của nhân dân Lào, với sự ủng hộ tích cực của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và của cả loài người tiến bộ; thì dù khó khăn gian khổ bao nhiêu, sự nghiệp bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Lào cũng nhất định thắng lợi vẻ vang.



NHIÂN dân ta hết sức vui mừng trước thắng lợi to lớn của nhân dân Lào anh em và coi đó như thắng lợi của chính mình. Tình nghĩa anh em Việt - Lào, « hạt muối cần đôi, cọng rau bẻ nửa » được Đảng cộng sản Việt-nam và Đảng nhân dân cách mạng Lào và hai dân tộc anh em cùng nhau xây đắp qua mấy chục năm sát cánh chiến đấu để tự giải phóng. Chuyển sang giai đoạn mới hai nước đã trở thành hai quốc gia độc lập, thống nhất và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lý tưởng độc lập và xã hội chủ nghĩa đã gắn bó hai dân tộc thêm chặt chẽ. Ba năm qua, quan hệ

đặc biệt Việt - Lào được củng cố và phát triển toàn diện. Cuộc đi thăm hữu nghị chính thức Việt-nam tháng 2 năm 1976 của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Lào, do đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hăn, Tổng bí thư Đảng nhân dân cách mạng Lào, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và cuộc đi thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào tháng 7 năm 1977 của Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta do đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư của Đảng và đồng chí Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng dẫn đầu, với việc ký kết các bản Tuyên bố chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước, đã được ghi thành những dấu mốc lịch sử hết sức quan trọng trong quan hệ giữa hai nước. Các Hiệp định viện trợ và hợp tác về kinh tế, văn hóa được ký kết giữa các phái đoàn Chính phủ, các đoàn đại biểu các ngành chuyên môn của Đảng và Nhà nước, các đoàn thể nhân dân của hai nước trong ba năm qua, và kết quả thực hiện các Hiệp ước, Hiệp định nói trên, càng làm cho tình hữu nghị thắm thiết Việt - Lào được củng cố vững chắc.

Ngày nay, đứng trước những mưu đồ thâm độc của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đang câu kết với nhau, hai dân tộc Việt-nam và Lào chúng ta càng gần bó với nhau và đề cao cảnh giác. Chúng ta luôn nhớ lời đồng chí Lê-Duẩn đã nói trong dịp ở thăm nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào năm 1977: « Được xây đắp trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào đã tạo nên một sức mạnh kỳ diệu về tinh thần và vật chất, giúp nhân dân hai nước luôn luôn nhận rõ kẻ thù, nhìn thấu những âm mưu thâm

(Xem tiếp trang 106)

MỘT CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO ĐÚNG ĐẮN VÀ KIÊN ĐỊNH

LÊ - THỤC

TRONG hai tháng 9 và 10 vừa qua, đồng chí Phạm - Văn - Đồng, Thủ tướng Chính phủ nước ta, đã đi thăm chính thức năm nước Đông - Nam châu Á: Vương quốc Thái-lan, Cộng hòa Phi-lip-pin, Cộng hòa In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Cộng hòa Xin-ga-po.

Cuộc đi thăm này là hoạt động ngoại giao rất quan trọng. Cuộc đi thăm được tiến hành trong lúc tình hình ở Đông - Nam châu Á đang phát triển rất thuận lợi, nhưng cũng có những mặt phức tạp do các lực lượng đế quốc và phản động quốc tế gây ra. Vì những lẽ đó, chẳng những nhân dân ta rất chú ý đến cuộc đi thăm năm nước Đông - Nam châu Á của Thủ tướng Phạm-Văn-Dồng, mà dư luận rộng rãi ở khu vực này và trên thế giới cũng rất quan tâm theo dõi cuộc đi thăm đó. Qua hoạt động ngoại giao này của người đứng đầu Chính phủ ta, dư luận nước ngoài muốn biết chính sách của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đối với các nước láng giềng trong cùng khu vực, và thái độ của các nước Đông - Nam châu Á, đặc biệt là các nước ASEAN, trước chính sách đó. Đây là một vấn đề có ý nghĩa

chính trị rất quan trọng, có liên quan đến hòa bình và ổn định trong khu vực.



ĐÔNG - Nam châu Á là khu vực có quan hệ mật thiết đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc ta.

Trong những năm còn đang sống tối tăm dưới ách thống trị của chủ nghĩa thực dân, nhân dân ta đã luôn luôn coi nhân dân các nước Đông - Nam châu Á là những người bạn cùng chung một cảnh ngộ. Chúng ta đoàn kết với các dân tộc Đông-Nam châu Á trong cuộc đấu tranh chung vì độc lập tự do, sẵn sàng cùng với họ chia sẻ những khó khăn trong đấu tranh và niềm vui thắng lợi. Ví dụ như, mọi người còn nhớ, nhân dân Việt-nam và nhân dân In-đô-nê-xi-a đã luôn luôn đồng tình và ủng hộ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, và có thể Bộ ngoại giao Phi-lip-pin vẫn còn lưu trữ bức điện của Chủ tịch Hồ-Chí-Minh thay mặt nước Việt-nam dân chủ cộng hòa chúc mừng Phi-lip-pin sau khi nước này giành được độc lập từ tay đế quốc Mỹ. Nhưng,

do âm mưu chia rẽ của đế quốc, trong một thời gian dài sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối quan hệ giữa nước ta với nhiều nước ở Đông - Nam châu Á bị gián đoạn, đó là điều hoàn toàn trái với lòng mong muốn của chúng ta.

Vì vậy, ngay sau khi miền Nam Việt-nam được hoàn toàn giải phóng, trong tình hình mới của Đông - Nam châu Á do thắng lợi của cách mạng nước ta mang lại, Đảng và Chính phủ ta đã chủ trương thi hành một chính sách hòa bình và hữu nghị với tất cả các nước trong khu vực. Trong diễn văn đọc tại buổi lễ mừng chiến thắng ngày 15 tháng 5 năm 1975 ở Hà-nội, đồng chí Lê-Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng ta, đã nói rõ: «Chúng ta kiên trì chủ trương thắt chặt tình đoàn kết hữu nghị với các nước láng giềng ở Đông - Nam Á và các nước thuộc thế giới thứ ba, giành và giữ gìn độc lập dân tộc, củng cố chủ quyền, chống mọi âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới». Theo tinh thần đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta đã nêu rõ chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta đối với Đông-Nam châu Á là «sẵn sàng thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trong khu vực này trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, cùng tồn tại trong hòa bình».

Để thực hiện đường lối đó của Đảng ta, sau khi hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, ngày 5 tháng 7 năm 1976, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã đưa ra chính sách bốn điểm đối với các nước Đông - Nam châu Á là:

1 - Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng,

cùng có lợi, cùng tồn tại trong hòa bình.

2 - Không đề lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào sử dụng làm căn cứ xâm lược và can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào nước kia và các nước khác trong khu vực.

3 - Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hóa trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

4 - Phát triển sự hợp tác giữa các nước trong khu vực vì sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh theo điều kiện riêng của mỗi nước, vì lợi ích của độc lập, hòa bình, trung lập thật sự ở Đông - Nam châu Á, góp phần vào sự nghiệp hòa bình trên thế giới.

Chính sách bốn điểm của chúng ta là một chính sách hòa bình, hữu nghị và hợp tác rộng rãi với các nước có chế độ chính trị và xã hội khác nhau trong khu vực. Trên cơ sở của chính sách đó, chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Phi-lip-pin và Vương quốc Thái-lan. Như vậy là một tháng sau khi đưa ra chính sách bốn điểm, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam đã hoàn thành việc bình thường hóa quan hệ với tất cả các nước láng giềng trong khu vực và dần dần cùng với các nước này trao đổi đại sứ.

Từ đó đến nay, chúng ta đã chủ động có nhiều hoạt động đối với các nước Đông-Nam châu Á, như trao đổi các đoàn ngoại giao, kinh tế, văn hóa, kỹ thuật, báo chí v.v. Tháng 1 năm 1976, đồng chí Nguyễn-Duy-Trinh, Bộ trưởng Bộ ngoại giao nước ta, đi thăm hữu nghị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa liên bang Miên-diện. Cuối năm 1977 và đầu năm 1978, đồng chí Nguyễn-Duy-Trinh lần lượt đi thăm hữu nghị các nước Cộng hòa dân chủ

nhân dân Lào, Cộng hòa In-dô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Cộng hòa Phi-líp-pin và Vương quốc Thái-lan. Nhiều hiệp định thương mại, hợp tác kinh tế - kỹ thuật và hiệp định hàng không đã được ký kết giữa nước ta với các nước này. Quan hệ thương mại của chúng ta với một số nước Đông - Nam châu Á dần dần được mở rộng. Chính phủ Ma-lai-xi-a đã thỏa thuận giúp ta về kỹ thuật trong việc khôi phục và phát triển ngành sản xuất cao su. Những sự hợp tác bước đầu này tuy còn hạn chế, nhưng đã mở ra những khả năng mới trong quan hệ hợp tác giữa nước ta với Ma-lai-xi-a và với các nước khác trong khu vực.

Những hoạt động ngoại giao nói trên của chúng ta đã đem lại kết quả thiết thực là tăng cường tình hữu nghị và sự hiểu biết lẫn nhau giữa nước ta với các nước láng giềng ở Đông - Nam châu Á, góp phần củng cố hòa bình và ổn định trong khu vực.

Tuy nhiên, trong khi các nước Đông - Nam châu Á hoan nghênh chính sách đúng đắn của chúng ta và quý trọng tình hữu nghị, quan hệ láng giềng tốt với nước ta, thì những kẻ có tham vọng bành trướng ở vùng này đã theo dõi những hoạt động hữu nghị của chúng ta đối với các nước trong khu vực với một thái độ hằn học. Họ sợ chính sách bốn điểm mà chúng ta đề ra như cú sấm sét vì đó là trở ngại lớn đối với họ trong việc thực hiện chủ nghĩa bành trướng ở Đông - Nam châu Á. Họ ra sức xuyên tạc chính sách bốn điểm, nói xấu chúng ta, đổi trắng thay đen, hòng chia rẽ nước ta với các nước trong khu vực. Họ còn muốn đi xa hơn thế nữa: bằng những thủ đoạn gây sức ép trắng trợn với những công cụ sẵn có ở vùng này kết hợp với sự ve vãn về chính trị và kinh tế, họ mưu toan lôi kéo các nước ASEAN « lập mặt trận » với họ để chống lại chúng ta!



TRÁI với ý muốn của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng, trong cuộc đi thăm này, Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã được Chính phủ và nhân dân các nước Đông - Nam châu Á đón tiếp nồng nhiệt và trọng thể, với những nghi thức cao hơn mức đón tiếp thông thường đối với các vị Thủ tướng khác. Chỉ riêng điều này cũng đủ nói lên rằng các nước Đông - Nam châu Á đã đánh giá đúng vai trò và vị trí của nước ta. Họ thấy rõ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là một nhân tố quan trọng trong việc gìn giữ và củng cố độc lập, hòa bình và ổn định trong khu vực. Trong tình hình ở Đông - Nam châu Á hiện nay, việc củng cố độc lập, hòa bình và ổn định không chỉ là yêu cầu của nhân dân ta, mà còn là yêu cầu bức thiết của tất cả các nước trong khu vực. Nó phù hợp với xu thế đang phát triển ở Đông - Nam châu Á trong những năm gần đây.

Qua những cuộc gặp gỡ và hội đàm với Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng, các vị lãnh đạo các nước Đông - Nam châu Á càng hiểu rõ hơn: nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam chân thành mong muốn hòa bình, hữu nghị, có quan hệ láng giềng tốt và phát triển sự hợp tác về nhiều mặt, nhất là về kinh tế và khoa học kỹ thuật, với các nước láng giềng trong khu vực. Họ hiểu rằng chính sách hòa bình, hữu nghị và hợp tác của nước ta với các nước Đông - Nam châu Á là một chính sách cơ bản, lâu dài, xuất phát từ yêu cầu xây dựng đất nước và đường lối độc lập tự chủ của Đảng và Nhà nước ta, xuất phát từ lợi ích chung của nhân dân các nước trong khu vực, không phải là từ những lợi ích trước mắt, tạm thời của chúng ta. Do đó, nó tuyệt đối không phải là một thứ hữu nghị « đầu lười », « sớm nắng chiều mưa ».

Những bản Tuyên bố chung được ký kết giữa Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng và những vị đứng đầu Chính

phủ các nước Đông - Nam châu Á có giá trị như những hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa những nước có chế độ xã hội khác nhau. Những nguyên tắc lớn chỉ đạo mối quan hệ giữa nước ta với các nước trong khu vực: tôn trọng độc lập và chủ quyền đối nội, đối ngoại của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực trong quan hệ với nhau, cùng nhau giải quyết những tranh chấp hoặc bất đồng bằng phương pháp hòa bình thông qua thương lượng, có ý nghĩa rất quan trọng. Điều đó tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa nước ta với các nước Đông - Nam châu Á và có ảnh hưởng lớn đối với việc gìn giữ hòa bình và ổn định ở khu vực này.

Sau khi đã xác định những nguyên tắc trong mối quan hệ tay đôi, trên tinh thần nhìn về phía trước, Thủ tướng ta đã tỏ rõ một thái độ thiện chí trong việc giải quyết những vấn đề còn lại giữa nước ta với các nước này. Đây là những vấn đề phức tạp do lịch sử để lại mà nếu không có một tinh thần mới, phù hợp với tình hình mới thì không thể nào giải quyết được.

Chính vì vậy, những người lãnh đạo các nước Đông - Nam châu Á đã đánh giá cao cuộc đi thăm của Thủ tướng ta. Thủ tướng Thái-lan coi cuộc đi thăm này là « một bước tiến lịch sử góp phần xây dựng cơ sở vững chắc nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị giữa hai nước ». Tổng thống In-dô-nê-xi-a đánh giá cao những cố gắng của Thủ tướng ta nhằm thúc đẩy những mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng và tin rằng « đó sẽ là một đóng góp tích cực vào sự ổn định và hòa bình trong khu vực ». Thủ tướng Ma-lai-xi-a nhấn mạnh « cuộc đi thăm của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng là một cái mốc lịch sử đánh dấu sự mở rộng quan hệ giữa hai nước và là một sự phát triển

tích cực đối với khu vực ». Trong cuộc họp báo ngày 16 tháng 10 năm 1978, ông nói: « Ma-lai-xi-a tiếp nhận những lời cam kết của Việt-nam với thái độ tin tưởng, vì đây là vị lãnh đạo kính trọng của một dân tộc vĩ đại và dũng cảm. Những lời nói của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng càng được hoan nghênh hơn vì nó giúp vào việc thúc đẩy sự hài hòa, hòa bình và ổn định trong khu vực ». Thủ tướng Xin-ga-po bày tỏ sự « hài lòng ngoài dự tính » và cho rằng « qua hai giờ hội đàm chiều nay tôi đã hiểu về Việt-nam và vị Thủ tướng lỗi lạc của Việt-nam hơn cả đọc hai cuốn sách về đề tài này ». Trong khi có những kẻ ra sức vu cáo và xuyên tạc chính sách của nước ta đối với khu vực thì những lời phát biểu của Tổng thống Phi-lip-pin có ý nghĩa đặc biệt: với tư cách là « một sứ giả của hòa bình, ổn định và phồn vinh ở Đông - Nam châu Á », Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã « phá bỏ những bức tường lo ngại, không tin cậy và hoài nghi tồn tại mấy chục năm nay giữa hai dân tộc » và cuộc đi thăm là « một điều tốt lành bảo hiệu tình hình ổn định và cũng có hòa bình ở Đông - Nam châu Á ».

Đi đôi với những lời ca ngợi đó, những người đứng đầu Chính phủ các nước mà Thủ tướng ta đến thăm đều bày tỏ lòng mong muốn tăng cường quan hệ với nước ta. Thái-lan đã ký với ta hiệp định bưu điện và điện chính; Ma-lai-xi-a ký hiệp định hàng không. Các nước khác cũng ký những hiệp định tương tự. Tất cả các nước đều mong muốn phát triển quan hệ thương mại và tăng cường hợp tác với nước ta về nhiều mặt như kinh tế, khoa học - kỹ thuật, y tế, thể dục thể thao, du lịch, v.v. Chúng ta cũng đã cùng với các nước đạt được một số thỏa thuận: Ma-lai-xi-a hứa sẽ giúp đỡ ta thêm trong ngành cao su và mở rộng sự hợp tác ra các ngành cò dầu, dừa và ca-cao; Thái-lan muốn hợp tác với ta trong nghề

cá, sẵn sàng trao đổi với ta kinh nghiệm nuôi cá nước ngọt và trồng hoa phong lan để xuất khẩu; chúng ta cũng đã thỏa thuận trao đổi các đoàn chuyên viên với các nước Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Xin-ga-po để nghiên cứu thăm dò những khả năng hợp tác cụ thể trên các lĩnh vực khác nhau.

Ngoài những vấn đề về quan hệ tay đôi, Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã dành nhiều thì giờ để trao đổi ý kiến với các vị lãnh đạo các nước Đông - Nam châu Á về việc gìn giữ và củng cố hòa bình trong khu vực. Đây cũng là một vấn đề mà các nước Đông - Nam châu Á rất quan tâm.

Tất cả các nước mà Thủ tướng ta đến thăm lần này đều có thái độ đồng tình với chúng ta rằng nguyện vọng tha thiết của các nước trong khu vực hiện nay là muốn có hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh. Họ thấy rõ chủ trương của chúng ta làm cho Đông - Nam châu Á trở thành một khu vực hòa bình và trung lập là một chủ trương đúng đắn, xuất phát từ những lợi ích chung của các nước ở vùng này nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, gìn giữ hòa bình và ổn định để phát triển kinh tế, xây dựng đất nước phồn vinh. Về phần mình, chúng ta đã tỏ thái độ tôn trọng sự cam kết của các nước này đối với khái niệm về khu vực hòa bình, tự do, trung lập của tổ chức ASEAN. Chúng ta cũng đã thỏa thuận sẽ tiếp tục bàn bạc, trao đổi ý kiến với các nước đến thăm để làm cho những mục tiêu nói trên trở thành hiện thực.

Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng cũng đã làm rõ với những người lãnh đạo các nước Đông - Nam châu Á về đường lối độc lập tự chủ, tự mình quyết định chính sách đối nội và đối ngoại của nước ta, theo đúng lời dạy của Bác Hồ kính yêu là « không có gì quý hơn độc lập tự do ». Có thể nói rằng tinh thần độc lập tự chủ, ý thức

tự lực tự cường của nhân dân Việt-nam đã được tất cả các vị lãnh đạo các nước mà Thủ tướng ta đến thăm đánh giá cao. Họ tin rằng nếu như trước kia, trong những lúc khó khăn nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước chúng ta vẫn giữ vững được đường lối độc lập tự chủ, thì ngày nay không có lý do gì chúng ta lại từ bỏ đường lối đó. Họ hiểu và đồng tình với chính sách ngoại giao đa dạng và đúng đắn của nước ta, trên cơ sở của đường lối độc lập tự chủ, sẵn sàng mở rộng quan hệ với các nước có chế độ xã hội khác nhau.



Cuộc đi thăm năm nước Đông - Nam châu Á của Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đã đạt được kết quả rất tốt đẹp. Nó đã mở ra một bước mới trong quan hệ hữu nghị và hợp tác lâu dài và về nhiều mặt giữa nước ta với các nước láng giềng trong khu vực, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, gìn giữ hòa bình và ổn định ở Đông - Nam châu Á và trên thế giới. Trong những ngày vừa qua, cuộc đi thăm đó nổi lên như một trung tâm sinh hoạt chính trị ở Đông - Nam châu Á. Nhằm những mục đích cao cả là hòa bình, hữu nghị và hợp tác lâu dài trong khu vực, cuộc đi thăm đã được dư luận rộng rãi ở Đông - Nam châu Á và trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh. Tất nhiên, không tránh khỏi có những người hăm hực. Đó là những lực lượng có tham vọng bành trướng ở Đông - Nam châu Á và những kẻ ôm chân họ đang ra sức xuyên tạc và nói xấu hoạt động hữu nghị của Nhà nước ta trong khu vực này. Nhưng, những luận điệu lừa lọc đó làm sao át được tiếng nói chính nghĩa!

Chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các nước Đông — Nam châu Á là một chính sách ngoại giao đúng đắn và kiên định. Chúng ta kiên trì theo đuổi chính sách đó, triệt để tôn trọng và nghiêm chỉnh thực hiện những lời đã cam kết và những điều

đã thỏa thuận giữa Thủ tướng ta với các vị lãnh đạo các nước Đông — Nam châu Á trong cuộc di thăm vừa qua — Đông — Nam châu Á nhất định sẽ trở thành một khu vực hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh.

NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ...

(Tiếp theo trang 100)

độc của chúng, lướt qua mọi nguy hiểm, nhấn chìm mọi thế lực phản động, đưa hai dân tộc đến bến vinh quang». Chúng ta cũng không bao giờ quên những lời đồng chí Cay-xôn Phôm-vi-hân nói cũng trong dịp đó: «Kết luận được rút ra trong nửa thế kỷ kẻ vai sát cánh chiến đấu vừa qua đã chứng minh đầy đủ quan hệ Lào — Việt là quan hệ sống chết có nhau, là quy luật phát triển của quá trình cách mạng hai nước chúng ta.»

Về phần mình, nhân dân Việt-nam càng quyết tâm bao nhiêu trong việc thực hiện nhiệm vụ mới đầy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, thì càng quyết

tâm bấy nhiêu trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-nam — Lào, củng cố và bảo vệ tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt giữa hai dân tộc. Chúng ta tin tưởng vững chắc sức mạnh đoàn kết Việt-nam — Lào đã tạo nên chiến thắng lịch sử giải phóng hai nước năm 1975, thì sức mạnh đó, được củng cố và tăng cường trong mấy năm qua, nhất định sẽ chiến thắng mọi âm mưu và hành động của kẻ thù, san bằng mọi khó khăn trở ngại, tạo điều kiện cho mỗi dân tộc giữ vững nền độc lập và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước mình.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ 11—1978г.

ПЕРЕДОВАЯ — Великая дружба. ЛЕ ТХАНЬ НГИ — Усвоить и неукоснительно соблюдать Положение о государственном промышленном предприятии в Южном Вьетнаме. ХА ТХИ КУЭ — Преодолевая неправильные взгляды, усилить работу с кадровыми работниками — женщинами. ХА ХЮИ ЗИАП — Проникаясь заветом Хо Ши Мина: «Ничего дороже независимости и свободы». КУЭТ ТХАНГ — Лаосская Народно-Демократическая Республика крепнет и набирает силы. ЛЕ ТХЫК — Верная и незыблемая дипломатическая политика.

共产主义杂志一九七八年第十一期

社 论：伟大的友谊。黎清毅：很好地贯彻和执行南方国营工业企业条例。何氏桂：克服错误观点，促进妇女干部工作。何辉甲：透彻领会 胡主席“没有什么比独立、自由更可贵”的教导。决胜：老挝人民民主共和国日益巩固强大。黎 实：正确和坚定的外交政策。

REVIEW OF COMMUNISM N° 11 - 1978

Editorial — Great friendship. *LÊ-THANH-NGHỊ* — Thoroughly grasp and correctly implement the rules of State industrial enterprises in the South. *HÀ-THỊ-QUẾ* — Redress erroneous viewpoints, push forward work among women cadres. *HÀ-HUY-GIÁP* — Be imbued with President Ho Chi Minh's teaching: «Nothing is more precious than independence and freedom». *QUYẾT-THẮNG* — The People's Democratic Republic of Laos is becoming ever stronger and better consolidated. *LÊ-THỰC* — A correct and unwavering foreign policy.

REVUE DU COMMUNISME N° 11 - 1978

Éditorial — Une grande amitié. *LÊ-THANH-NGHỊ* — Connaître à fond le statut des entreprises industrielles d'État et le bien appliquer dans les provinces du sud. *HÀ-THỊ-QUẾ* — Corriger les points de vue erronés et impulser le travail parmi les cadres féminins. *HÀ-HUY-GIÁP* — Se pénétrer des enseignements du Président Ho Chi Minh: «Rien n'est plus précieux que l'indépendance et la liberté». *QUYẾT-THẮNG* — La République démocratique populaire Lao se consolide chaque jour plus puissamment. *LÊ-THỰC* — Une politique extérieure correcte et constante.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 11

1978

NĂM THỨ XXIV (275)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Điện thoại: 52061, 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chí-Minh

Điện thoại: 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận – Hữu nghị vĩ đại	1
Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt – Xô	8
★ ★ ★ – Chỗ dựa tin cậy và niềm hy vọng của các lực lượng cách mạng và hòa bình trên thế giới	11
★ ★ ★ – Ra sức khắc phục hậu quả của lũ lụt	16
LÊ-THANH-NGHI – Quán triệt và thi hành tốt điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ở miền Nam	19
HÀ-THỊ-QUẾ – Khắc phục các quan điểm sai trái, đẩy mạnh công tác cán bộ nữ	36
HÀ-HUY-GIÁP – Thấm nhuần lời dạy « Không có gì quý hơn độc lập tự do » của Hồ Chủ tịch	47
VŨ-DŨNG – Công tác xây dựng Đảng với công tác cải tạo nông nghiệp	54
TRẦN-VĂN-HẠO – Bước đầu xây dựng cơ cấu kinh tế nông – lâm – công nghiệp trên địa bàn huyện Trấn-yên	61
TRẦN-XUÂN – Phong trào lao động và tiết kiệm ở nhà máy chế tạo biến thế Hà-nội	71
Thảo luận Về con người mới xã hội chủ nghĩa Việt-nam ★ LÊ-THI – Tìm hiểu những vấn đề có tính quy luật của việc hình thành con người mới Việt-nam ★ TẠ-QUANG-CHIẾN – Thê dục thê thao với việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa	75
LÊ-VĂN-HỒNG – Một chi bộ xí nghiệp biết dựa vào quần chúng	87
Sinh hoạt Đảng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG – « Liên quan »	93
QUYẾT-THẮNG – Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ngày càng được củng cố vững mạnh	96
LÊ-THỰC – Một chính sách ngoại giao đúng đắn và kiên định	101

KỶ NIỆM LẦN THỨ 61 CÁCH MẠNG XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI VĨ ĐẠI (1917 — 1978)

Tìm đọc:

HỒ - CHÍ - MINH

Về Lê-nin và chủ nghĩa Lê-nin

LÊ - DUÂN

- Tiến lên dưới ngọn cờ Cách mạng tháng Mười vĩ đại
- Cách mạng tháng Mười với độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt-nam

TRƯỜNG - CHINH

Kỷ niệm lần thứ 60 Cách mạng tháng Mười vĩ đại

★ ★ ★

- Hiến pháp (tuật cơ bản) của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết
- Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết

★

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

215-27

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT-NAM

The University
of Michigan
Periodical
Reading Room

AUG 21 1979

H-1980

12
12.1978

Xả luận

**Cần kiện toàn tổ chức,
cải tiến chế độ làm việc để đáp ứng
yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới**

TÌNH hình mới hiện nay đang đòi hỏi : phải động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống đoàn kết chiến đấu chống ngoại xâm, tinh thần tự lực tự cường của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa toàn diện và rộng khắp, đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, phá tan âm mưu của địch hòng làm suy yếu và đánh phá nước ta; giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới phía Tây – Nam, tăng cường phòng thủ đất nước, sẵn sàng chiến đấu đánh bại chiến tranh xâm lược trên quy mô lớn. Chúng ta phải tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em và toàn thể loài người liên bộ, kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ, chống chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và bá quyền nước lớn của bọn phản động quốc tế, làm tốt nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta, góp phần bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc ở Đông – Nam châu Á và trên thế giới.

Để làm tròn sứ mệnh lịch sử nói trên, chúng ta phải gấp rút kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc, làm cho bộ máy lãnh đạo và quản lý của ta ở khắp các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở đủ sức tổ chức thực hiện

tốt đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới.

Việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc phải nhằm vào mục đích: tăng năng suất lao động, bảo đảm chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế; hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, đẩy mạnh cải tạo kết hợp với xây dựng ở miền Nam; kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, nhằm đưa sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội tiến lên một bước mới, đánh bại mọi mưu đồ của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc.

Do mục đích rộng lớn và nhiều mặt đó, việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc phải được tiến hành một cách cơ bản và toàn diện trong toàn bộ máy của hệ thống chuyên chính vô sản. Nghĩa là phải được tiến hành ở tất cả các cấp của cơ cấu tổ chức:

sở, địa phương, trung ương; ở tất cả các bộ phận của chuyên chính vô sản: Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng; ở tất cả các mặt của vấn đề tổ chức: bộ máy, chế độ làm việc và cán bộ.

Công tác tổ chức là một công tác có tầm quan trọng đặc biệt, vì nó quyết định sự thành bại của bản thân đường lối chính trị của Đảng, quyết định kết quả của việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng của dân tộc. Hơn nữa công tác tổ chức là một vấn đề rất rộng lớn và phức tạp, đúng như đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Nói đến tổ chức trong hoạt động xã hội của chúng ta, là nói đến mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động giữa các bộ phận của một chính thể, là hệ thống lãnh đạo và quản lý các mặt, các ngành, hệ thống các hình thức và biện pháp thực hiện các quyết định kể từ khi vạch kế hoạch tiến hành cho đến bước kiểm tra cuối cùng kết quả sự thực hiện » (1).

Để làm tốt việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, cần đổi mới sâu sắc quan điểm xây dựng tổ chức, đổi mới cách chỉ đạo cho phù hợp với giai đoạn mới của cách mạng. Đặc biệt là phải đặt toàn bộ công tác tổ chức trên một cơ sở khoa học.

Trong chủ nghĩa xã hội, tổ chức, với tư cách là một khoa học và nghệ thuật, có nhiệm vụ vận dụng đúng đắn nhất những quy luật phát triển khách quan của xã hội, những quy luật kinh tế, quy luật của sự phân công lao động và hợp tác xã hội chủ nghĩa, để xây dựng cơ cấu tối ưu cho nền kinh tế quốc dân và xây dựng những quan hệ tối ưu giữa các lĩnh vực hoạt động khác nhau trong nền

(1) Lê-Duẩn: *Mấy vấn đề về cán bộ và về tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, trang 28.

kinh tế quốc dân và trong toàn xã hội; hơn nữa nó phải nắm vững động thái của sự phát triển để tổ chức tốt nhất quá trình phát triển của xã hội và lãnh đạo các lĩnh vực hoạt động của xã hội phát triển một cách đồng bộ, theo đúng đường lối cách mạng mà Đảng đã đề ra.

Công tác tổ chức của Đảng phải bảo đảm phát huy đến mức cao nhất mọi tiềm lực của xã hội và tài năng sáng tạo của nhân dân để đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất và chiến đấu, thực hiện tốt nhất nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Những căn cứ khách quan mà Đảng dựa vào để làm công tác tổ chức là: đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa nói chung, đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa nói riêng, và nhiệm vụ chính trị trước mắt; những quy luật phát triển khách quan của xã hội và những quy luật kinh tế; những quy luật và nguyên tắc của bản thân tổ chức. Có nắm vững những căn cứ khách quan nói trên, chúng ta mới có thể làm tốt công tác tổ chức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kiến toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc mà Đảng đã đề ra.

Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: «Tổ chức có những quy luật nhất định của nó. Tổ chức là để bảo đảm đường lối và các nhiệm vụ chính trị. Tổ chức, vì vậy, phải thích ứng với đường lối chính trị, đáp ứng đúng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị. Tổ chức còn phải thích ứng với đối tượng được tổ chức và với đối tượng mà tổ chức nhằm tác động. Mỗi lĩnh vực khác nhau đòi hỏi tổ chức cũng phải khác nhau... Từng thời kỳ khác nhau, tổ chức cũng phải khác nhau, tùy theo trình độ và mức độ phát triển của đối tượng... » (2).

Không tôn trọng những quy luật và nguyên tắc của tổ chức, thì không tránh khỏi những vấp vấp, sai lầm, khiến cho bộ máy tổ chức sinh ra cồng kềnh, kém hiệu lực. Sở dĩ bộ máy kinh tế của chúng ta hiện nay vừa có tình trạng tập trung quan liêu, vừa có tình trạng phân tán, lỏng lẻo kỷ luật, một nguyên nhân quan trọng là do chúng ta chưa hoàn toàn xuất phát từ công việc, từ yêu cầu kinh tế - kỹ thuật mà đặt tổ chức và bố trí cán bộ. Bởi vậy việc tôn trọng những quy luật và nguyên tắc của tổ chức là cực kỳ quan trọng để xây dựng một bộ máy tổ chức mạnh mẽ và có hiệu lực.

Trong công tác kiến toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, cần quán triệt từ trên xuống dưới quan-điểm cơ bản của chế độ ta là «Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ tập thể, Nhà nước quản lý», thi hành đúng nguyên tắc «tập trung dân chủ», «tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách» trong Đảng và Ban chấp hành các đoàn thể

(2) Lê-Duẩn *Mấy vấn đề về cán bộ và tổ chức trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1973, trang 40 - 41.

quần chúng, thực hiện tốt chế độ «thủ trưởng» trong các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức kinh tế; bảo đảm sự lãnh đạo và quản lý toàn diện các lĩnh vực hoạt động của xã hội; thực hiện thống nhất lãnh đạo và quản lý cả nước.

Phải đề cao kỷ luật và trách nhiệm của từng tập thể và từng cá nhân; thực hiện nghiêm túc chức trách của từng tổ chức và từng người. Đi sát thực tế, chống quan liêu; coi trọng nâng cao trình độ nhận thức và vận dụng các quy luật, nhất là các quy luật kinh tế và quy luật chiến tranh. Dồn sức toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý để chỉ đạo và giúp đỡ các cơ sở. Xây dựng bộ máy tổ chức của chúng ta có hiệu lực mạnh và hiệu quả cao, bảo đảm thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.



CÔNG tác kiện toàn tổ chức phải được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội, song phải rất coi trọng ba lĩnh vực quan trọng là kinh tế, quốc phòng và an ninh, đối ngoại.

Trước hết, phải đặc biệt coi trọng lĩnh vực kinh tế là lĩnh vực quan trọng nhất, đồng thời cũng là chỗ yếu kém nhất và khó khăn nhất của chúng ta hiện nay. Trong lĩnh vực này, việc kiện toàn bộ máy quản lý phải xuất phát từ yêu cầu xây dựng cơ cấu kinh tế mới và yêu cầu của chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế mới mà chúng ta đang xây dựng là cơ cấu của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong đó sự phân công và hiệp tác ngày càng phát triển và mở rộng. Chế độ quản lý kinh tế của chúng ta phải là chế độ quản lý theo phương thức xã hội chủ nghĩa, có tính tới những đặc điểm cụ thể của nền kinh tế nước ta đang trong quá trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tách rời những yêu cầu nói trên, thì công tác kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế không thể thu được kết quả mong muốn.

Quá trình xây dựng cơ cấu kinh tế mới là quá trình tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, phát triển tổng hợp cả nông nghiệp lẫn công nghiệp, kết hợp thủ công với hiện đại; là quá trình tổ chức và phân công lại lao động xã hội, quá trình hình thành các ngành kinh tế – kỹ thuật thống nhất cả nước, các vùng kinh tế địa phương và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy luật phát triển khách quan của sản xuất và tái sản xuất, đáp ứng yêu cầu của chế độ phân phối xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm xây dựng một cơ cấu kinh tế của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa như đã nói trên, cơ cấu này bao gồm cả các ngành kinh tế – kỹ thuật lẫn các vùng kinh

lẽ địa phương và các cơ sở sản xuất, chúng ta tất yếu phải kiện toàn bộ máy quản lý kinh tế ở các cấp, từ trung ương đến địa phương và cơ sở.

Các cơ sở sản xuất và kinh doanh là những tế bào của nền kinh tế quốc dân, là nơi tiến hành ba cuộc cách mạng, là nơi trực tiếp làm ra của cải vật chất, là nơi thể hiện cụ thể quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Muốn sản xuất và kinh doanh có lãi, đáp ứng được lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của từng người lao động, các cơ sở sản xuất và kinh doanh phải thực hiện cho được chế độ hạch toán kinh tế. Trên cơ sở bảo đảm các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, các cơ sở có quyền đặt quan hệ kinh tế trực tiếp với các đơn vị kinh tế khác, với các viện nghiên cứu và trường học để giải quyết thuận lợi các vấn đề về phân công và hiệp tác sản xuất, về cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, vận chuyển hàng hóa, về đào tạo công nhân và nghiên cứu, áp dụng khoa học – kỹ thuật.

Chúng ta biết rằng, tổ chức một cơ sở như thế nào là do đặc điểm sản xuất và kỹ thuật của từng ngành quyết định. Việc tổ chức cơ sở trong công nghiệp phải khác với trong nông nghiệp và thương nghiệp v.v. và ngay trong mỗi ngành lớn nói trên việc tổ chức cơ sở của các ngành cụ thể khác nhau cũng không thể giống nhau.

Các xí nghiệp quốc doanh phải rà sức tổ chức lại sản xuất, quản lý chặt chẽ lao động, vật tư, tiền vốn theo các tiêu chuẩn, định mức kinh tế – kỹ thuật tiến bộ, nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng thêm số lượng và nâng cao chất lượng mặt hàng, đồng thời phải có phương hướng tăng cường trang bị kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, phát triển kinh doanh vì lợi ích của toàn xã hội và của bản thân người lao động.

Các hợp tác xã nông nghiệp phải cùng với các đơn vị kinh tế khác trên địa bàn huyện hình thành một cơ cấu thống nhất, tổ chức lại sản xuất và lao động nhằm đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, phát triển cân đối trồng trọt với chăn nuôi, tích cực mở mang ngành nghề.

Các đơn vị cung ứng vật tư và cửa hàng thương nghiệp phải ra sức cải tiến tổ chức, phương thức và thái độ kinh doanh, vươn lên xứng đáng là hậu cần đắc lực của sản xuất và nội trợ tốt của toàn dân.

Để giúp cho cơ sở củng cố tổ chức và hoạt động có hiệu quả, các ngành và các địa phương chủ quản phải tăng cường chỉ đạo các cơ sở của mình, tạo điều kiện cho cơ sở thực hiện tốt chế độ hạch toán kinh tế, kiện toàn bộ máy quản lý xí nghiệp, đào tạo các cán bộ quản lý và kỹ thuật cho cơ sở, phân đấu cung cấp đầy đủ năng lượng, vật

tư, phụ tùng để cho cơ sở tiến hành sản xuất liên tục và đều đặn. Đồng thời, phải tổ chức lại các mối quan hệ giữa các cấp trên với nhau và giữa cấp trên với cơ sở để bảo đảm cho hoạt động của cơ sở được thuận lợi.

Trong quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, các địa phương (tỉnh, huyện) có vai trò chiến lược quan trọng. Địa phương là nơi thực hiện việc tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, gắn liền công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, bảo đảm nhu cầu của nhân dân và làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước. Địa phương cũng là nơi thực hiện sự phân phối theo phương thức xã hội chủ nghĩa, là đơn vị tổ chức đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Địa phương còn là nơi phát triển tổng hợp cả kinh tế, văn hóa, đời sống và quốc phòng. Vì vậy, chúng ta phải hết sức coi trọng việc xây dựng địa phương, kiện toàn bộ máy lãnh đạo và quản lý ở các địa phương sao cho nó có hiệu lực mạnh và hiệu quả cao.

Phải xây dựng các huyện từng bước thành các đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, các địa bàn vững chắc về quốc phòng và an ninh. Trước hết tập trung xây dựng các huyện trọng điểm về kinh tế và quốc phòng. Gấp rút tăng cường cán bộ để kiện toàn bộ máy cấp huyện. Cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp huyện theo hướng bám sát cơ sở, giải quyết nhanh chóng công việc của cơ sở, tập trung sức đưa cơ sở tiến lên đồng đều; nâng cao nhanh chóng năng lực tổ chức và quản lý kinh tế, tổ chức đời sống vật chất và văn hóa; chỉ huy tốt chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, giữ gìn trật tự an ninh.

Phải xây dựng các tỉnh và thành phố để nó đảm đương được trách nhiệm rất lớn đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đối với việc xây dựng và quản lý cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp tỉnh, đối với việc xây dựng các huyện thành những đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, đối với các xí nghiệp trung ương trong tỉnh, thành, và đối với việc bảo đảm đời sống của dân cư trong tỉnh. Vì mục đích ấy, cần khẩn trương phân cấp quản lý kinh tế cho cấp tỉnh, mở rộng quyền hạn và trách nhiệm về kế hoạch cho cấp tỉnh. Trên cơ sở thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước và làm tròn nghĩa vụ đối với cả nước, các tỉnh, thành có quyền chủ động mở rộng sản xuất kinh doanh, kể cả kinh doanh xuất khẩu, giao dịch với các địa phương khác về hợp tác sản xuất, về trao đổi sản phẩm. Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện trong tình hình mới, nhất là về các mặt kinh tế và quốc phòng, cần cải tiến công tác lãnh đạo và quản lý, kiện toàn tổ chức cấp tỉnh, thành, sao cho gọn, nhẹ và có hiệu lực.

Các ngành kinh tế - kỹ thuật có tác dụng quyết định đối với việc xây dựng nền sản xuất lớn hiện đại của nước ta. Vì vậy, trong quá

trình phát triển kinh tế, chúng ta phải luôn luôn nắm vững nhiệm vụ xây dựng và phát triển các ngành kinh tế – kỹ thuật, coi đó là một nhiệm vụ chiến lược trước mắt và lâu dài.

Đề phát triển các ngành kinh tế – kỹ thuật ngày càng lớn mạnh, các cơ quan quản lý ngành (bộ, tổng cục) phải làm tốt những nhiệm vụ cơ bản của mình là: xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn về phát triển ngành và xây dựng, chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch hằng năm; thực hiện chuyên môn hóa và hiệp tác trong nội bộ ngành và giữa ngành này với ngành khác; xác định phương hướng phát triển khoa học kỹ thuật, có kế hoạch đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật cho ngành; xây dựng kế hoạch và chính sách vật tư cho ngành; cùng với chính phủ, xây dựng chính sách, chế độ quản lý cho ngành.

Trước mắt, các cơ quan quản lý ngành phải tăng cường quản lý toàn ngành về các mặt hành chính – kinh tế và kỹ thuật, đồng thời trực tiếp chỉ đạo các đơn vị kinh doanh trực thuộc bộ. Phải khẩn trương tổ chức lại sản xuất của ngành trong cả nước, tạo ra cơ cấu kinh tế mới của ngành, tùy điều kiện mà lập nhóm sản phẩm, xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, công ty và giao cho các tổ chức kinh tế ấy chức năng trực tiếp tổ chức sản xuất và kinh doanh. Theo hướng đó mà sửa đổi mạnh cơ cấu tổ chức của bộ. Tất cả các bộ phải gấp rút chấn chỉnh tổ chức, giảm nhẹ bộ máy, đổi mới cách làm việc, tăng cường quản lý toàn ngành trong cả nước, đề làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình trong tình hình mới.

Các bộ tổng hợp phải nâng cao chất lượng nghiên cứu chính sách, xóa bỏ những thủ tục, chế độ không thích hợp, gây trở ngại cho hoạt động của các ngành, các địa phương và cơ sở.

Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa bộ và chính quyền địa phương. Các bộ trưởng phải trực tiếp nắm và chỉ đạo kịp thời công việc của bộ ở các tỉnh miền Nam, các địa phương xung yếu, các vùng có chiến sự.

Đề giúp cho Trung ương Đảng nâng cao chất lượng lãnh đạo, cần chấn chỉnh gấp tổ chức của các ban theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu và kiểm tra, bộ máy gọn, nhẹ, hoạt động có hiệu quả lớn.

Trên lĩnh vực an ninh và quốc phòng, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm các lực lượng vũ trang và an ninh luôn luôn sẵn sàng đập tan mọi âm mưu xâm lược và hoạt động phản cách mạng.

Tất cả các xã trong cả nước phải khẩn trương xây dựng và nắm vững lực lượng dân quân du kích, chỉ đạo chiến đấu, phục vụ chiến đấu, tuyên truyền đúng chính sách, đúng tiêu chuẩn, bảo đảm chất lượng và chấp hành tốt các chính sách hậu phương.

Các huyện đều phải coi trọng lãnh đạo các mặt quốc phòng và an ninh.

Các cấp ủy tỉnh, thành phải nắm chắc công tác quân sự, trị an, xây dựng quốc phòng toàn dân, tăng cường bảo vệ an ninh, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, sản xuất với chiến đấu và phục vụ chiến đấu, thống nhất lãnh đạo hoạt động của mọi lực lượng vũ trang và an ninh trên địa bàn địa phương.

Về đối ngoại, bộ máy lãnh đạo và quản lý phải bảo đảm tăng cường công tác quốc tế của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, thực hiện thắng lợi chính sách đối ngoại của Đảng trong tình hình mới.

Cùng với việc cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, cần củng cố các đoàn thể quần chúng, gấp rút đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể, từ trung ương đến cơ sở, khắc phục lối hoạt động hành chính, quan liêu, tách rời quần chúng, tách rời sản xuất, chiến đấu và đời sống xã hội. Phải gấp rút kiện toàn các Ban chấp hành, nhất là ở cấp huyện và cơ sở. Tinh giản bộ máy chuyên trách của các đoàn thể.



***PHẢI** cải tiến chế độ làm việc bằng cách: nắm chắc tình hình, cải tiến công tác thông tin; thực hiện nền nếp làm việc có chương trình, kế hoạch, làm đúng chức trách và chế độ công tác, làm việc thiết thực, khẩn trương, sát thực tế; cải tiến chế độ hội nghị và tổ chức thi hành nghị quyết; thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình. Các mặt cải tiến nói trên, đều nhằm thực hiện đúng các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động, xây dựng một chế độ làm việc cách mạng và khoa học, đáp ứng yêu cầu cấp bách của tình hình và nhiệm vụ mới.*

Phải kết hợp chặt chẽ tinh cách mạng và tinh khoa học trong toàn bộ việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc của chúng ta. Không có tinh cách mạng thì những dự định về kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc dù khoa học đến mấy cũng chỉ dừng lại trên giấy mà không bao giờ thực hiện được. Nhưng nếu không có tinh khoa học trong việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề về tổ chức và chế độ làm việc, thì dù có nhiệt tình cách mạng đến đâu cũng không thể đạt được mục đích mong muốn, có khi còn làm hỏng việc. Và lại cần nhận thức sâu sắc rằng, trong lý luận cũng như trong thực tiễn của những người cộng sản, hai tính chất cách mạng và khoa học gắn bó với nhau một cách hữu cơ. Đặc tính cơ bản của những người

cộng sản là : chẳng những nắm vững chủ nghĩa Mác – Lê-nin, khoa học về tổ chức và chế độ làm việc đúng đắn, mà còn quyết tâm thực hiện nó đến cùng, không bao giờ làm nửa vời, « quyết nhiều mà làm ít », càng không đánh trống bỏ dùi, quyết mà không làm. Thái độ tùy tiện trong việc thực hiện những quyết định tập thể của Đảng là hoàn toàn xa lạ với tinh cách của những người cộng sản, là những người luôn luôn có ý thức trách nhiệm cao trước lợi ích của giai cấp công nhân và của dân tộc.

Bởi vậy, theo những yêu cầu mới về kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, từng ngành, từng cấp, từng cơ quan, đơn vị phải xác định lại vị trí, chức trách, nhiệm vụ và các mối quan hệ công tác của ngành, địa phương, đơn vị mình. Trên cơ sở đó, kiên quyết sắp xếp lại tổ chức một cách khoa học, tinh giản bộ máy, giảm biên chế hành chính, đồng thời tăng cường cán bộ cho cấp dưới, nhất là huyện và cơ sở.

Phải nắm chặt lực lượng cán bộ đề bổ trí và sử dụng đúng, theo các tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, về thái độ đối với đường lối, quan điểm của Đảng, khắt khe xây dựng quy hoạch cán bộ các loại, nhất là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý kinh tế.

Phải tăng cường công tác tư tưởng, rèn luyện phẩm chất của cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên phải phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, nhất là các bệnh tư lợi, tham ô, quan liêu, cửa quyền, trù dập những người trung thực ; lẩn tránh những nơi, những việc khó khăn. Nêu cao nếp sống cần cù, giản dị, trong sạch.

Phải làm trong sạch hàng ngũ của Đảng.

Phải đẩy lên trong cả nước, ở khắp các ngành và các địa phương, phong trào cách mạng sôi nổi và liên tục của đông đảo quần chúng, đẩy mạnh sản xuất, tăng cường tiềm lực về mọi mặt, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu. Muốn vậy, phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức. Một mặt, phải giáo dục lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, lòng tự hào dân tộc chính đáng ; mặt khác, phải kịp thời cải tiến tổ chức và quản lý của Nhà nước, bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết, nhất là thiết bị, vật tư, năng lượng, giải quyết thỏa đáng những yêu cầu tối thiểu trong đời sống, có chính sách khen thưởng, xử phạt kịp thời và nghiêm túc.

Bằng cách làm thật tốt việc kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc, chúng ta sẽ tạo ra một chuyển biến cơ bản, một sức mạnh mới thúc đẩy cách mạng nước ta tiến lên mạnh mẽ, bảo đảm hoàn thành thắng lợi sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa yêu quý của chúng ta.

NÂNG CAO HIỆU LỰC CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

CHU - HUY - MÂN

TÌNH hình và nhiệm vụ hiện nay đòi hỏi công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang ta có chuyển biến mạnh mẽ về nhiều mặt. Chuyển biến về nhận thức và quan điểm đối với nhiệm vụ và nội dung của công tác Đảng, công tác chính trị. Chuyển biến về phương thức hoạt động và tác phong công tác của cán bộ chính trị và cơ quan chính trị. Chuyển biến trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị và xây dựng cơ quan chính trị.

Chúng ta phải chú trọng tổng kết kinh nghiệm, tìm ra cả ưu điểm và khuyết điểm, rút ra những bài học cần thiết về công tác Đảng, công tác chính trị trong thời gian qua để vận dụng vào tình hình mới. Đồng thời, chúng

ta phải chú ý khắc phục những nhận thức, tư tưởng không đúng, những hiện tượng chậm chạp, bảo thủ, không tiến kịp tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta, không bám sát thực tiễn chiến đấu và xây dựng hết sức sinh động và phong phú của các lực lượng vũ trang ta.

Như vậy công tác Đảng, công tác chính trị góp phần tích cực nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của các đơn vị trong toàn quân, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của các lực lượng vũ trang nhân dân.

★

1 — Quán triệt đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng trong tình hình mới.

Đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo, độc lập và tự chủ của Đảng ta là đường lối *kết hợp và giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Đường lối đó quyết định mục tiêu chiến đấu và bản chất cách mạng của các lực lượng vũ trang ta.

Đường lối cách mạng của Đảng phản ánh quy luật khách quan của thời đại ngày nay là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời; phản ánh chân lý vĩ đại mà Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã tìm ra: con đường cách mạng duy nhất đúng đắn để giải phóng dân tộc là con đường cách mạng vô sản. Đảng ta đã vận dụng một cách sáng tạo đường lối đó trong các giai đoạn cách mạng khác nhau, đề ra một cách đúng đắn *nhiệm vụ chiến lược* của cách mạng nước ta qua từng giai đoạn.

Công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân bao giờ cũng coi việc quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, quán triệt sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp của Đảng đối với quân đội cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, bảo đảm cho quân đội ta hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng mà Đảng giao cho, là *nhiệm vụ cơ bản nhất, quyết định nhất*.

Ngày nay, quán triệt đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng là làm cho bộ đội *nhận thức thật sâu sắc, thật nghiêm túc nhiệm vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa trong mọi*

tình huống; nhận rõ đối tượng chiến lược mới của cách mạng nước ta, kiên quyết chiến đấu và chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược; nêu cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng làm chủ lập thể và tinh thần quốc tế vô sản; giải quyết đúng đắn các vấn đề về chính trị, tư tưởng và tổ chức nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của các lực lượng vũ trang nhân dân, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị cụ thể của đơn vị.

Đó chính là giáo dục cho cán bộ và chiến sĩ *lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, phát huy bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân trong tình hình mới, làm cho mọi mặt công tác tư tưởng và tổ chức của quân đội luôn luôn đi đúng đường lối của Đảng.*

Lập trường, tư tưởng của quân đội ta là lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân, mang đầy đủ tính cách mạng và tinh khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, khác hẳn lập trường, tư tưởng của các giai cấp khác, kể cả giai cấp nông dân. Đảng ta đánh giá rất cao vai trò cách mạng to lớn của nông dân lao động nước ta, nhưng vai trò đó chỉ có thể được phát huy mạnh mẽ khi có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng cộng sản Việt-nam. Lập trường đó không phải là trừu tượng, không phải bao giờ cũng mang những nội dung giống nhau mà rất cụ thể. Trên phương hướng cơ bản

và lâu dài là kiên trì trước sau như một mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lập trường đó có những nội dung và yêu cầu cụ thể khác nhau trong các giai đoạn cách mạng khác nhau. Lập trường đó không tách rời mà kết hợp nhuần nhuyễn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, mục tiêu độc lập dân tộc với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ dân tộc với nghĩa vụ quốc tế.

Sau thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cả nước ta đã độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội, thì *Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội đã thống nhất làm một*. Nhân dân lao động nước ta trở thành người chủ tập thể của đất nước, giai cấp công nhân nước ta trở thành người lãnh đạo toàn dân tộc tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội trên Tổ quốc Việt-nam thân yêu. Vì vậy, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc là bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Đó là nhiệm vụ của dân tộc và cũng là nhiệm vụ của giai cấp công nhân, vì độc lập tự do của Tổ quốc và vì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, theo đường lối cách mạng của Đảng trong giai đoạn mới.

Các thế lực bành trướng và bá quyền nước lớn ở Bắc-kinh, trong mưu đồ thực hiện chiến lược quốc tế phản cách mạng của chúng, coi nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam là một trở ngại lớn đối với âm mưu bành trướng của chúng ở Đông - Nam châu Á. Chúng đã dùng bọng cầm quyền

phản động Nông-pênh gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới tây nam nước ta. Chúng đang cấu kết với chủ nghĩa đế quốc và được đế quốc Mỹ phối hợp, tiến hành một chính sách thù địch hòng làm suy yếu nước ta và buộc nhân dân ta phải thần phục chúng. Cùng với chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ, chúng đã trở thành một kẻ thù rất nguy hiểm của hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở Đông - Nam châu Á và trên thế giới.

Công tác Đảng, công tác chính trị cần làm cho bộ đội ta *thấy rõ bản chất xâm lược, phản động*, của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa đế quốc, kiên quyết đánh bại mọi mưu đồ xâm lược của chúng. Phải đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn Pốt - lèng Xa-ry, giành thắng lợi trong chiến tranh biên giới tây nam. Phải sẵn sàng chiến đấu cao và chiến đấu thắng lợi bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta trong mọi tình huống, kể cả khi có chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Phải làm cho bộ đội hiểu rõ *đây là làm nhiệm vụ dân tộc thiêng liêng và cũng là làm nghĩa vụ quốc tế cao cả*. Chúng ta bảo vệ Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thân yêu cũng là bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập dân tộc và hòa bình ở khu vực này của thế giới; là bảo vệ sự nghiệp cách mạng của chính nhân dân các nước mà bọn cầm quyền

phản động và phản bội đang liên hành những mưu đồ xâm lược đầy tội ác đối với nhân dân ta. Lực lượng vũ trang ta phải làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nhiệm vụ xây dựng kinh tế, cùng toàn dân chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, xây dựng đất nước ta ngày càng giàu mạnh.

Hơn bao giờ hết, việc ra sức hoàn thành những nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang hiện nay của các lực lượng vũ trang ta thể hiện một cách tập trung tinh thần quật cường bất khuất của dân tộc Việt-nam và sự kiên định lập trường giai cấp công nhân của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt-nam.

Đề động viên và tổ chức toàn quân làm tròn những nhiệm vụ trọng đại ấy, công tác Đảng, công tác chính trị phải hết sức chú trọng bồi dưỡng lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tư tưởng làm chủ tập thể, nâng cao giác ngộ giai cấp công nhân cho một cán bộ và chiến sĩ ta.

Lòng yêu nước và ý thức độc lập tự chủ là một giá trị tinh thần rất quý báu của dân tộc Việt-nam đã được hun đúc qua suốt bốn nghìn năm lịch sử. Ngày nay, lòng yêu nước và ý thức độc lập tự chủ ấy đã phát triển thành lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đó là một sức mạnh tinh thần vô địch của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta trong kỷ nguyên mới của Tổ quốc.

Vì vậy phải giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ ta *tinh thần sẵn sàng hy sinh, xả thân vì Tổ quốc*, giữ vững lời thề son sắt của người chiến sĩ quân đội nhân dân. Phải làm cho toàn quân ta hiểu rằng *trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân là một*. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã từng dạy quân đội ta phải « trung với nước, hiếu với dân » (1); và khi Người nói quân đội ta phải « trung với Đảng, hiếu với dân » thì Người cũng chỉ rõ là phải « sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội » (2).

Rõ ràng Bác Hồ luôn luôn g* n độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, gắn Đảng với nước, với dân. Như vậy chúng ta không bao giờ được tách rời dân tộc với giai cấp, không được nhấn mạnh giác ngộ giai cấp một cách phiến diện mà coi nhẹ việc nêu cao tinh thần hy sinh vì nước. Khi đã trở thành người chủ đất nước thì phải có ý thức về quyền làm chủ và có trách nhiệm bảo vệ quyền làm chủ đó, bảo vệ từng gốc cây, ngọn cỏ, từng tấc đất, thước biển, khoáng trời, bảo vệ tài nguyên phong phú trên mặt đất, trong lòng đất, dưới đáy biển của Tổ quốc. Đó là tư tưởng làm chủ đất nước và cũng là lòng yêu nước. Không phải nhấn mạnh lòng yêu nước, nêu cao tinh thần hy sinh

(1) Thư gửi Trường lục quân Trần-Quốc-Tuấn, 5-1948.

(2) Lời phát biểu trong buổi chiêu đãi mừng quân đội ta 20 tuổi.

vi Tồ quốc là « rơi vào chủ nghĩa dân tộc », là « mất lập trường giai cấp » ! Phải làm sao cho toàn quân ta, cho mỗi cán bộ, chiến sĩ ta, trước quân thù, trước cái sống và cái chết, chỉ có một ý chí : *Quyết xả thân vì Tồ quốc !* Chân lý « Không có gì quý hơn độc lập tự do » phải ăn sâu vào tư tưởng và tình cảm của mỗi người chúng ta ; phải là khẩu hiệu thúc thúc toàn quân ta sẵn sàng xông lên đánh thắng mọi kẻ thù khi chúng xâm lược nước ta, phá hoại cuộc sống lao động hòa bình của nhân dân ta. Đó cũng chính là nâng cao giác ngộ giai cấp công nhân cho các lực lượng vũ trang ta.

Khi nói đến giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ ta, chúng ta phải nhấn mạnh sự giác ngộ về lý tưởng cao đẹp của người chiến sĩ quân đội nhân dân là độc lập tự do của Tồ quốc, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở nước ta và trên toàn thế giới. Phải làm cho cán bộ, chiến sĩ ta có tình thương yêu cộng sản chủ nghĩa sâu sắc, sẵn sàng xả thân vì lý tưởng cao cả đó ; lý tưởng đó cũng là lợi ích cơ bản, lâu dài của dân tộc ta, của giai cấp công nhân nước ta, trong đó có lợi ích của mỗi người. Niềm tự hào chính đáng của cán bộ, chiến sĩ ta là được cống hiến, và được cống hiến nhiều nhất, được hiến thân cho lý tưởng cao đẹp của mình, được chết cho Tồ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa thân yêu và vì cả loài người tiến bộ, chứ không phải vì lợi ích nhỏ bé,

tâm thường nào. Sức mạnh tinh thần của lực lượng vũ trang ta là ở chỗ đó.

Lại cần làm cho mọi người hiểu rằng, giai cấp công nhân sẽ dĩ trở thành người lãnh đạo cách mạng thông qua Đảng tiên phong của mình chính là vì họ đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, được trang bị bằng lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học, không phải như trước đây có người nghĩ là chỉ vì nghèo khổ, vì bị áp bức bóc lột. Dưới chế độ cũ, cùng với giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động khác ở nước ta nhất là nông dân lao động, bị áp bức bóc lột rất nặng nề, cho nên có tinh thần cách mạng rất cao. Nông dân lao động cùng với giai cấp công nhân hợp thành đội quân chủ lực của cách mạng nước ta, đã một lòng đi theo Đảng suốt trong cách mạng dân tộc dân chủ và tiếp tục đi theo con đường của Đảng để tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do địa vị của mình trong phương thức sản xuất của xã hội, nông dân lao động không bao giờ có thể lãnh đạo được cách mạng. Ngay bản thân giai cấp công nhân khi chưa có lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chưa có đảng tiên phong của mình thì cũng chỉ đi theo chủ nghĩa công đoàn, mới còn là giai cấp « tự mình » chứ chưa thành giai cấp « vì mình », chưa thể giữ được vai trò lãnh đạo cách mạng được.

Cho nên, trong điều kiện phân lớn cán bộ chiến sĩ ta xuất thân

từ những người sản xuất nhỏ, từ nông dân và các tầng lớp tiểu tư sản khác, phải hết sức coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa Mác – Lê-nin, giáo dục đường lối cách mạng của Đảng cho họ, cũng như chú ý tăng cường thành phần công nhân vào đội ngũ cán bộ lãnh đạo và chỉ huy của quân đội ta. *Giác ngộ giai cấp cho cán bộ, chiến sĩ ta trước hết và chủ yếu là giáo dục đường lối cách mạng của Đảng, làm rõ vai trò của giai cấp công nhân, người đại biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất của xã hội loài người.* Vai trò cách mạng đó thể hiện cả trong cuộc đấu tranh để xóa bỏ trật tự xã hội cũ vừa qua và trong cuộc đấu tranh để xây dựng trật tự xã hội mới ngày nay, khi giai cấp công nhân từ người làm thuê trở thành người chủ xã hội. Đây là những vấn đề lý luận có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng cần làm sáng tỏ để mọi người quán triệt đường lối cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn mới, nếu không thì sẽ rơi vào những quan điểm tư tưởng sai lầm, lạc hậu.

Đi đôi với việc giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, cần ra sức *bồi dưỡng tinh thần quốc tế vô sản* cho các lực lượng vũ trang ta. Cách mạng nước ta là một bộ phận của cách mạng thế giới. Lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta tất yếu phải kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản.

Trước đây, trong cuộc kháng

chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng ta đã giáo dục cho toàn quân nhận rõ kẻ thù chung của nhân dân ba nước Đông-dương và sự cần thiết phải có sự liên minh chiến đấu giữa cách mạng nước ta với cách mạng Lào và cách mạng Cam-pu-chia, với phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân các nước trên thế giới. Chúng ta lại luôn luôn phân biệt đế quốc Pháp và đế quốc Mỹ với nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ. Quân và dân ta đã hy sinh xương máu vì độc lập tự do của dân tộc mình và vì nghĩa vụ quốc tế cao cả trong mấy chục năm qua. Trong khi giúp bạn, chúng ta luôn luôn ghi nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ-Chi-Minh kính mến: « giúp nước bạn tức là tự giúp mình ». Chúng ta coi sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế bao giờ cũng là sự ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Chúng ta tha thiết với độc lập, tự do của dân tộc mình, đồng thời chân thành tôn trọng độc lập, tự do của các dân tộc khác, cùng các dân tộc khác đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung để sau ngày chiến thắng, mỗi dân tộc xây dựng đất nước mình theo con đường mà mình lựa chọn. Chúng ta kiên quyết phản đối mọi thái độ sô-vanh nước lớn đối với các nước nhỏ và cũng không tự ti dân tộc trước những nước lớn.

Ngày nay, trước những nhiệm vụ mới của cách mạng nước ta, cần giáo dục cho toàn quân nhận rõ trách nhiệm lớn lao đối với việc bảo vệ và phát triển tình hữu

ngợi và đoàn kết giữa nhân dân ta và nhân dân Lào, nhân dân cách mạng Cam-pu-chia, giữa nước ta và Liên-xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, cũng như giữa nhân dân ta và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới, kể cả nhân dân các nước mà bọn thống trị ở đó đang thi hành một chính sách thù địch đối với nước ta và phản bội lại ngay nhân dân nước chúng. Đó là lập trường chiến đấu không gì lay chuyển được của nhân dân và quân đội ta dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sáng ngời chính nghĩa và tất thắng của Đảng ta.

2 — *Quản trịệt đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam.*

Nói đến tư tưởng và tổ chức trong lực lượng vũ trang không thể không nói đến tư tưởng quân sự, tổ chức quân sự, chiến lược, chiến thuật và kỹ thuật quân sự. Cho nên *một nhiệm vụ rất cơ bản của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang nhân dân là quản trịệt đường lối, quan điểm và tư tưởng quân sự của Đảng, góp phần giải quyết các vấn đề khoa học và nghệ thuật quân sự.* Không nên nghĩ rằng đây chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quân sự, của cán bộ quân sự, là ngoài phạm vi của công tác Đảng, công tác chính trị. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã dạy rằng « chính trị của bộ đội biểu hiện trong đánh giặc ». Công

tác tư tưởng và công tác tổ chức đi sâu vào quân sự chính là nhằm giải quyết thắng lợi nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang; cũng giống như công tác Đảng, công tác chính trị trong ngành kinh tế phải quán triệt đường lối kinh tế của Đảng, đi sâu góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế cụ thể, để tạo nên năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế lớn, và phải coi đó là nhiệm vụ chính trị lớn nhất của mình. Những hiện tượng « chính trị chung chung » hoặc « nghiệp vụ đơn thuần » của công tác Đảng, công tác chính trị ở một số đơn vị có một nguyên nhân quan trọng là do chưa nhận thức đúng và chưa làm đúng nhiệm vụ rất cơ bản này.

Cần nói thêm rằng đường lối quân sự là một bộ phận của đường lối chính trị; khoa học và nghệ thuật quân sự chịu sự chi phối sâu sắc của đường lối chính trị và đường lối quân sự. Cho nên phải nắm vững đường lối chính trị và đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng thì mới giải quyết đúng đắn các vấn đề khoa học và nghệ thuật quân sự. Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ chứng tỏ đường lối chính trị, đường lối quân sự của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo, và cũng chứng tỏ khoa học quân sự Việt-nam là ưu việt. Chiến tranh nhân dân, chiến tranh giải phóng ở nước ta do vậy có nhiều nét rất độc đáo: phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước, thực

hành chiến lược tiến công bằng cả đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị trên cả ba vùng chiến lược... chứ không coi đấu tranh vũ trang là hình thức duy nhất, không thực hành chiến lược phòng ngự, lấy nông thôn bao vây thành thị... Nếu không làm rõ những sự sáng tạo trong đường lối quân sự và khoa học quân sự Việt-nam gắn liền với sự sáng tạo trong đường lối chính trị của Đảng thì sẽ dễ sa vào những quan điểm quân sự sai lầm, lạc hậu, không phù hợp với thực tiễn cách mạng và chiến tranh cách mạng ở nước ta.

Hiện nay, công tác Đảng, công tác chính trị quán triệt đường lối quân sự của Đảng, góp phần phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự là *quán triệt đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc*; làm cho bộ đội, trước hết là cán bộ *thấy rõ tính chất phản động, lạc hậu của đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của kẻ thù, những chỗ mạnh và chỗ yếu của đối tượng tác chiến mới, lực lượng so sánh mới giữa địch và ta và bối cảnh quốc tế mới*; từ đó góp phần *giải quyết các vấn đề xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở nước ta*.

Những nội dung nêu trên đây đặt ra *nhiều vấn đề mới và cấp bách về tư tưởng, về tổ chức, về cách đánh...* mà công tác Đảng,

công tác chính trị phải đi sâu nghiên cứu mới có thể làm công tác tư tưởng và công tác tổ chức một cách cụ thể, sát hợp, đúng đường lối, quan điểm của Đảng, mới biết như thế nào là đánh chắc thắng, cái gì là đúng cần phát huy, cái gì là sai cần khắc phục, cái gì còn mắc mứu cần tiếp tục giải quyết.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ta ngày nay có nhiều điểm khác với sự nghiệp giải phóng dân tộc trước đây. Nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân ta vừa xây dựng đất nước, vừa bảo vệ Tổ quốc; vừa xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, vừa tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở biên giới tây nam, và sẵn sàng chiến đấu, chủ động ứng phó với mọi tình huống. Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc có nhiều điểm khác với chiến tranh giải phóng dân tộc, cả về mục tiêu chiến lược, về lực lượng và phương pháp, về phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự. Cho nên một mặt phải phát huy những kinh nghiệm đã tổng kết của chiến tranh giải phóng; mặt khác, phải nghiên cứu giải quyết những vấn đề mới đặt ra của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Không thấy rõ những đặc điểm của tình hình hiện nay, không thấy hết những sự khác nhau giữa chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, thì công tác Đảng, công tác chính trị sẽ xa rời thực tiễn.

Trong công cuộc xây dựng và củng cố quốc phòng, chúng ta phải xây dựng tiềm lực mọi mặt của đất nước: chính trị, kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật...; phải xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trên cơ sở nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa độc lập, tự chủ và hiện đại; phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế với quốc phòng... Vì vậy, cần khắc phục những quan niệm không đúng như chỉ chú trọng quốc phòng, không chú trọng kinh tế hoặc ngược lại, không kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu với xây dựng kinh tế và xây dựng đất nước...

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, ta phải bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển; ta có thể và phải đánh mạnh ngay từ đầu, tiêu diệt lớn lực lượng đi đầu của địch, ngay trên tuyến đầu của hệ thống phòng thủ, kiên quyết không cho địch đánh chiếm sâu vào nội địa; ta phải quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công trong tự vệ, nắm vững chiến lược làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ, kết hợp chiến tranh nhân dân địa phương với chiến tranh nhân dân bằng các binh đoàn chủ lực, tổ chức và thực hành tiến công một cách sáng tạo, kết hợp phản công và tiến công với phòng ngự, lấy tiến công và phản công làm chính... Vì vậy cần ngăn ngừa những hiểu lầm hiện không đúng

như: không kiên quyết tổ chức đánh tiêu diệt lớn quân địch ngay từ những trận đầu, trên tuyến đầu; không thấy hết sức mạnh mới của chiến tranh nhân dân ở địa phương; ngại phòng ngự, đánh được thì đánh, không đánh được thì cơ động đi nơi khác; tổ chức và thực hành phòng ngự thiếu kiên quyết, không tích cực tổ chức và thực hành phản công và tiến công, dẫn đến bị động; không nắm vững mục tiêu chiến lược của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, giải quyết không đúng đắn mối quan hệ giữa tiêu diệt sinh lực địch, phá hủy phương tiện chiến tranh của chúng với bảo vệ dân, bảo vệ đất, bảo vệ cơ sở và tiềm lực kinh tế của ta... Công tác tư tưởng phải làm rõ những vấn đề nói trên và giải quyết nhiều vấn đề khác nữa.

Công tác Đảng, công tác chính trị không nắm vững những vấn đề cơ bản về đường lối quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, thì khi xem xét và giải quyết những nhiệm vụ thực tiễn của bộ đội, sẽ hơi hụt qua loa, không phát hiện được những vấn đề quan trọng để làm chuyển biến tình hình đơn vị; hoặc sẽ phạm những sai lầm cụ thể trong thực tiễn, vận dụng kinh nghiệm cũ một cách máy móc, cái đáng biểu dương thì lại phê phán, cái cần khắc phục thì thúc đẩy làm tới, việc cần tránh thì lại khuyến khích, việc cần làm thì lại bỏ qua...

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chúng ta phải đề phòng và chuẩn bị đánh thắng chiến tranh xâm lược trên các quy mô khác nhau của mọi kẻ thù. Chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động ở Nông-pêh gây ra ở biên giới tây nam nước ta là một kiểu chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa bành trướng. Nó có những quy luật chung của mọi cuộc chiến tranh xâm lược, lại có những quy luật riêng của chiến tranh xâm lược của bọn phản bội chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chống lại độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhưng lại giống cờ « Mác — Lê-nin », giống cờ « chống xâm lược », « chống bá quyền »...

Vấn đề đặt ra cho công tác Đảng, công tác chính trị là phải góp phần đi sâu *nghiên cứu những quy luật của kiểu chiến tranh xâm lược mới đó, vạch rõ bản chất phản động, phản bội của kẻ thù ; làm cho bộ đội thấy rõ những chỗ mạnh mà những chỗ yếu rất cơ bản của đối tượng tác chiến, sức mạnh mới chưa từng có của nhân dân và các lực lượng vũ trang ta ; từ đó và không ngừng nâng cao tin tưởng và quyết tâm, tìm ra cách tổ chức lực lượng thích hợp, cách đánh sáng tạo để chiến thắng kẻ thù trong mọi tình huống.*

Trong khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng, quân và dân ta đã đánh bại hoàn toàn những kẻ thù xâm lược hung bạo, đông quân, nhiều vũ khí và phương tiện chiến tranh

rất hiện đại, lại đã ở ngay trên đất ta. Chúng hiểu ta khá rõ vì chúng sẵn có cơ sở xã hội trong các giai cấp bóc lột và bọn phản động cùng bộ máy thống trị tay sai được xây dựng nhiều năm ở nước ta.. Cho nên, trong những điều kiện thuận lợi mới của cả nước đã được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội, của tình hình thế giới rất thuận lợi ở thời kỳ « sau Việt-nam », nhân dân ta hoàn toàn có khả năng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng có đông quân đến đâu, dù chúng ở gần hay ở xa ta, dù chúng là những tên phản bội tay sai đã hiểu ta nhiều, dù chúng dùng mọi thủ đoạn tàn bạo và xảo quyệt.

Công tác tư tưởng phải đi sâu tìm hiểu thực chất nhận thức và tư tưởng của bộ đội đối với kẻ thù. Trên cơ sở đó mà làm cho bộ đội quán triệt những quan điểm của Đảng, khắc phục những nhận thức, quan điểm sai đối với đối tượng tác chiến, những sự đánh giá không đúng về chỗ mạnh, chỗ yếu, về lực lượng và khả năng của địch, và cả về chiến lược, chiến thuật cũng như các âm mưu, thủ đoạn quân sự, chính trị của chúng nữa.

Nhiệm vụ mới, đối tượng tác chiến mới, so sánh lực lượng mới... đương nhiên đòi hỏi quân và dân ta phải có tư tưởng chỉ đạo tác chiến phù hợp, có cách đánh mới. Công tác Đảng, công tác chính trị phải tích cực giải quyết những vấn đề mới đặt ra, *góp phần phát triển khoa học và*

nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Chiến tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ngày nay của ta là *chiến tranh của toàn dân*. Công tác Đảng, công tác chính trị cần biết động viên và tổ chức cán bộ và chiến sĩ trong cả ba thứ quân, trong các quân chủng và binh chủng, trong các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, trong các học viện, nhà trường... phát huy khả năng tiềm tàng, tham gia nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự, sáng tạo ra những cách đánh hay nhất, có hiệu lực nhất nhằm chiến thắng quân thù, hoàn thành nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, của từng đơn vị. Chính qua việc động viên và tổ chức cho bộ đội, cho cán bộ và cơ quan nghiên cứu khoa học và nghệ thuật quân sự mà công tác Đảng, công tác chính trị góp phần bổ sung vào nội dung huấn luyện, định ra phương án tác chiến, hoàn chỉnh kế hoạch phòng thủ và đem ra vận dụng trên chiến trường. Thông qua việc xem xét công tác huấn luyện quân sự, phương án phòng thủ và kế hoạch tác chiến, các tài liệu giảng dạy..., và thông qua thực tiễn chiến đấu, công tác Đảng, công tác chính trị mới có thể phát huy cao độ tinh chủ động, sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ ta; phát huy tinh ưu việt của khoa học và nghệ thuật quân sự Việt-nam. Cũng qua đó, mới có thể phát hiện và đấu tranh khắc phục những khuynh hướng tư

tưởng sai của bộ đội như máy móc, kinh nghiệm chủ nghĩa... và những tác phong qua loa, đại khái, không sâu sát của cán bộ và cơ quan các cấp. Đó cũng chính là góp phần thiết thực phát triển khoa học và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

3— *Quản triệt đường lối, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.*

Đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân là một bộ phận trong đường lối quân sự của Đảng ta. Công tác Đảng, công tác chính trị *phải quán triệt đường lối, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, ra sức xây dựng lực lượng vũ trang về mặt chính trị và tích cực thúc đẩy việc xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về mọi mặt.

Ngày nay, quán triệt đường lối, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng là tích cực đưa quân đội ta từ một đội quân chủ yếu làm nhiệm vụ giải phóng dân tộc *phát triển thành một lực lượng vũ trang nhân dân có đủ sức mạnh để bảo vệ Tổ quốc*; là nắm vững *quan điểm về sức mạnh toàn diện để nâng cao chất lượng, phát huy sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang ta trong tình hình mới*; là *quán triệt vấn đề làm chủ lập thể và ba cuộc cách mạng vào nhiệm vụ xây dựng quân đội nhân dân chính quy và*

hiện đại phù hợp với giai đoạn đấu tranh cách mạng hiện nay.

Lực lượng vũ trang nhân dân ta đã đánh thắng oanh liệt bọn đế quốc xâm lược và đã trưởng thành vượt bậc qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Nhưng cán bộ, chiến sĩ ta phải thấy hết những yêu cầu mới rất cao, rất cấp bách hiện nay của cách mạng nước ta để ra sức phấn đấu xây dựng quân đội ta thành một đội quân có trình độ cách mạng, chính quy, hiện đại ngày càng cao, một đội quân của một Nhà nước xã hội chủ nghĩa có vị trí quan trọng ở Đông-Nam châu Á, được nhân dân thế giới yêu mến. Lực lượng vũ trang ta có những điểm mạnh rất cơ bản cần được phát huy đồng thời có những điểm yếu cần phải khắc phục. Mọi hiện tượng thỏa mãn, dừng lại đều là không đúng.

Công tác Đảng, công tác chính trị trước hết phải *không ngừng trau dồi và nâng cao bản chất cách mạng* của các lực lượng vũ trang ta.

Bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang ta là *bản chất của giai cấp công nhân*, không phải là bản chất công nông. Bản chất đó được xây dựng và không ngừng phát triển là do quán triệt sự lãnh đạo tuyệt đối và trực tiếp về mọi mặt của Đảng, cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức qua các thời kỳ.

Đi đôi với việc tăng cường giáo dục về đường lối chính trị, chúng ta phải quán triệt đường lối của

Đảng trong công tác tổ chức nhằm giải quyết đúng đắn các vấn đề về tiêu chuẩn lựa chọn và rèn luyện cán bộ. Cần nhận rõ rằng, đường lối của Đảng ta trong công tác tổ chức là *đường lối của giai cấp công nhân chứ không phải là đường lối của công nông*.

Trong việc xây dựng và rèn luyện bản chất cách mạng của quân đội ta, chúng ta cần nắm vững một cách hoàn chỉnh các mặt xây dựng và rèn luyện cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, không tách rời các mặt đó với nhau, không chỉ nhấn mạnh một mặt nào. Phải thấy rằng rèn luyện bản chất cách mạng không chỉ là vấn đề chính trị — tư tưởng mà còn là vấn đề tổ chức nữa. Trong vấn đề tổ chức, không nên chỉ thấy thành phần xuất thân mà phải thấy tinh thần trọng yếu của tiêu chuẩn lựa chọn và rèn luyện.

Lại phải thấy rõ mối quan hệ giữa xây dựng con người với xây dựng tổ chức mà xây dựng tổ chức là quyết định. Tổ chức quy định những yêu cầu cần phải có đối với con người và xây dựng nên những nguyên tắc gắn bó những con người với nhau trong tổ chức, để tạo nên một chất mới.

Do sự thống nhất biện chứng giữa tất cả những yếu tố chính trị, tư tưởng và tổ chức, giữa con người và tổ chức mà các lực lượng vũ trang ta xây dựng được bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa tập thể và

cá nhân, giữa cán bộ và chiến sĩ, giữa cấp trên và cấp dưới, giữa quân đội với các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng và nhân dân các dân tộc.

Quân đội ta phải thật sự là một công cụ bạo lực sắc bén của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam, phải là chỗ dựa vững chắc của nhân dân lao động Việt-nam để bảo vệ và xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Công tác Đảng, công tác chính trị cần luôn luôn chú ý giáo dục, làm cho cán bộ, chiến sĩ ta thật sự là những quân nhân ưu tú và những công dân kiêu mẫu, biết phát huy quyền làm chủ tập thể để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó; biết tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tăng cường đoàn kết quân đội với nhân dân, coi đó là nguồn gốc sức mạnh vô tận của quân đội; biết tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Không vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân; không làm trái pháp luật của Nhà nước; không vi phạm kỷ luật của quân đội. Như vậy mới có thể mãi mãi xứng đáng với danh hiệu cao quý và đẹp đẽ của người chiến sĩ quân đội nhân dân.

Công tác Đảng, công tác chính trị phải quán triệt quan điểm toàn diện về những yếu tố tạo thành sức mạnh của quân đội ta để tích cực góp phần nâng cao chất lượng và sức mạnh chiến đấu của

các lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Chất lượng và sức mạnh chiến đấu của quân đội ta được tạo nên bởi nhiều yếu tố, cả bản chất cách mạng và bản lĩnh quân sự, cả tư tưởng và tổ chức, cả con người và trang bị kỹ thuật, cả phẩm chất và năng lực của cán bộ, chiến sĩ. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã dạy : « Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng, lại có hại ». Người lại dạy : « Riêng về các chú (tức cán bộ quân đội ta), chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc... Nếu thuộc lâu mà không biết đánh giặc thì vô dụng. Cho nên các chú phải học tư tưởng chiến lược, chiến thuật, học cách dạy bộ đội đánh giặc, học phương pháp chỉ huy chiến đấu, v.v. Tóm lại là học để nâng cao trình độ của người chỉ huy ». Đối với toàn quân ta, đối với từng đơn vị cũng như từng cán bộ, chiến sĩ, *làm tròn nhiệm vụ quân sự, nhiệm vụ chiến đấu, tức là làm tròn trách nhiệm chính trị cơ bản nhất của mình.*

Muốn như vậy thì nhất định phải có tinh thần quyết chiến quyết thắng, lại phải có bản lĩnh và tài năng, biết đánh, biết thắng; phải có ý chí thống nhất, lại phải có hành động thống nhất. Phải thông qua cả công tác tư tưởng và công tác tổ chức, kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức để làm cho muôn người hành động

thống nhất như một người, làm cho toàn đơn vị, toàn quân, toàn dân là một ý chí và chỉ một ý chí mà thôi. Từng người, từng đơn vị và toàn quân phải có phẩm chất chính trị cao, lại phải có năng lực hành động giỏi. Phẩm chất và năng lực đều rất quan trọng, không thể tách rời nhau, luôn luôn thống nhất với nhau làm một. Phẩm chất cơ bản nhất của cán bộ, chiến sĩ ta phải biểu hiện trong việc làm tròn nhiệm vụ được giao mà muốn làm tròn nhiệm vụ thì phải không ngừng nâng cao năng lực.

Vì vậy, công tác Đảng, công tác chính trị phải gắn liền chứ không được tách rời việc xây dựng bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang với việc xây dựng về các mặt quân sự, hậu cần, kỹ thuật... Phải động viên bộ đội đi sâu học tập quân sự, rèn luyện bản lĩnh chiến đấu, nắm vững và làm chủ trang bị, vũ khí... để có thể đánh thắng mọi kẻ thù trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ta ngày nay. Không sợ đi sâu vào quân sự là quân sự đơn thuần, coi nhẹ chính trị; không sợ chú trọng tổ chức là coi nhẹ tư tưởng; không sợ nhấn mạnh năng lực là coi nhẹ phẩm chất... Chính có đi sâu vào quân sự, vào tổ chức, vào năng lực hành động mới củng cố và phát huy được tư tưởng cách mạng và phẩm chất chính trị của mỗi người, hoàn thành được mọi nhiệm vụ chính trị mà Đảng giao cho. Có khi chỉ vì kém bản lĩnh

chiến đấu, thiếu tri thức quân sự, kém kiến thức khoa học mà sinh ra nhút nhát, trù trừ, do dự.

Công tác Đảng, công tác chính trị quán triệt đường lối xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân của Đảng là phải *chú trọng xây dựng cả ba thứ quân, xây dựng quân đội nhân dân chính quy hiện đại và phát triển lực lượng vũ trang quần chúng rộng khắp ở cả thành thị và nông thôn, từ biên giới đến hải đảo.*

Xây dựng ba thứ quân là một quy luật về tổ chức quân sự của chiến tranh nhân dân ở nước ta. Trong nền quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc hiện nay, trong thể trận của chiến lược làm chủ đề tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ, vai trò của dân quân tự vệ cũng như của bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực đều rất quan trọng. Từng thứ quân phải được xây dựng phù hợp với những yêu cầu và khả năng mới của cách mạng nước ta. Dân quân tự vệ và bộ đội địa phương phải được phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, trên quy mô mới, với những khả năng mới, có sức mạnh chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu của chiến tranh nhân dân ở cơ sở và địa phương, gắn với việc xây dựng hệ thống làng chiến đấu, xây dựng huyện thành pháo đài quân sự, xây dựng tỉnh thành đơn vị chiến lược. Dân quân tự vệ phải là lực lượng xung kích trong sản xuất. Bộ đội địa phương phải tích cực tham gia xây dựng

kinh tế ở địa phương. Việc xây dựng bộ đội chủ lực phải có bước phát triển vượt bậc, có đủ các quân chủng, binh chủng cần thiết, có lực lượng thường trực mạnh, lực lượng hậu bị hùng hậu, được trang bị tốt và được huấn luyện thành thục theo đúng nghệ thuật quân sự ngày càng phát triển của ta, đủ sức làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nhiệm vụ xây dựng kinh tế.

Đây không đơn thuần là những vấn đề về tổ chức mà trước hết là những vấn đề về quan điểm, tư tưởng. Phải quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, tư tưởng chiến lược tiến công trong tự vệ, chiến lược làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ... Từ đó mới nhận rõ yêu cầu của việc xây dựng ba thứ quân một cách đồng bộ, xây dựng cả lực lượng tại chỗ mạnh và lực lượng cơ động mạnh kết hợp chặt chẽ với nhau, đề phòng và khắc phục các hiện tượng coi nhẹ dân quân tự vệ, coi nhẹ bộ đội địa phương, không chú trọng đầy đủ các quân chủng, binh chủng kỹ thuật... Trên cơ sở đó mới có thể giải quyết đúng đắn, kịp thời những vấn đề về xây dựng các tổ chức Đảng, tổ chức chỉ huy, tổ chức quân chủng, xây dựng đội ngũ cán bộ.

Đề góp phần xây dựng lực lượng vũ trang ta về mọi mặt, đẩy mạnh công cuộc chính quy hóa và hiện đại hóa quân đội nhân dân, công tác Đảng, công tác chính trị phải tiếp tục làm

cho các lực lượng vũ trang ta *quán triệt đường lối, quan điểm về vấn đề làm chủ tập thể và bảo vệ cuộc cách mạng.*

Làm chủ tập thể là một vấn đề rất cơ bản, rất sáng tạo trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng ta. Trong việc xây dựng các lực lượng vũ trang, phải bồi dưỡng ý thức làm chủ và năng lực làm chủ, phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ ta, và dần dần *xây dựng, hoàn chỉnh một cơ chế làm chủ thật vững mạnh trong các lực lượng vũ trang nhân dân phù hợp với đặc điểm của tổ chức quân sự trong thời kỳ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.* Phải phấn đấu để không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo toàn diện của các tổ chức Đảng, phát huy hiệu lực chỉ huy và quản lý của thủ trưởng các cấp, tôn trọng và thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ. Phải đề cao kỷ luật sắt, tự giác và nghiêm minh của quân đội cách mạng — biểu hiện cao nhất của tinh thần làm chủ tập thể, như đồng chí Tổng bí thư của Đảng đã chỉ thị khi nói chuyện ở Học viện quân sự cao cấp đầu năm 1978.

Chúng ta phải phấn đấu tích cực đề từng bước thể chế hóa mọi hoạt động của quân đội, xây dựng hệ thống điều lệnh, điều lệ của quân đội ngày càng hoàn chỉnh. Công tác Đảng, công tác chính trị có trách nhiệm lớn trong việc xây dựng hệ thống điều lệnh, điều lệ đó, làm cho các điều lệnh,

điều lệ, chế độ, quy tắc của quân đội ta quán triệt đường lối chính trị và đường lối quân sự của Đảng, phản ánh được bản chất cách mạng của lực lượng vũ trang ta, và thể hiện được đúng đắn khoa học và nghệ thuật quân sự sáng tạo của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc ở nước ta.

Thực chất đây là nhiệm vụ quán triệt quan điểm làm chủ tập thể của Đảng vào quá trình xây dựng mạnh chính quy hóa của quân đội nhân dân. Đó là một cuộc đấu tranh về tư tưởng, để khắc phục mọi hiện tượng quan liêu, quân phiệt vi phạm quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ và các hiện tượng tự do vô kỷ luật. Đó cũng là một vấn đề tổ chức rộng lớn, công phu, tỉ mỉ, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, để thực hiện ngày càng tốt hơn.

Cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt trong ba cuộc cách mạng ở nước ta hiện nay. Công tác Đảng, công tác chính trị phải quán triệt quan điểm của Đảng ta về cách mạng khoa học kỹ thuật và vận dụng vào những điều kiện cụ thể của quân đội nhằm phục vụ nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, đồng thời phục vụ nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân có trình độ chính trị vững mạnh, lại có cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại, xây dựng nền công nghiệp quốc phòng phát triển không ngừng, là những vấn đề rất cơ bản để nâng cao vượt

bậc sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang ta. Đây cũng là một công tác tổ chức rất rộng lớn, một nhiệm vụ rất nặng nề.

Phải đặc biệt chú trọng giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ ta có quyết tâm cao, có biện pháp tốt để nhanh chóng làm chủ được mọi trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại của quân đội ta, biết phát huy tốt và kết hợp khéo mọi trang bị kỹ thuật hiện đại, nửa hiện đại và thô sơ. Công tác Đảng, công tác chính trị cần có quan điểm đúng đắn về mối quan hệ giữa chính trị và kỹ thuật trong quá trình lãnh đạo, động viên và tổ chức cho bộ đội đi sâu vào làm chủ khoa học kỹ thuật. Cần hiểu rằng làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự là để phục vụ đắc lực cho việc hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, quyết tâm và năng lực làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự thể hiện ý thức chính trị, lập trường tư tưởng và bản chất giai cấp công nhân của cán bộ, chiến sĩ ta. Không sợ coi trọng khoa học kỹ thuật là coi nhẹ yếu tố chính trị, yếu tố con người. Chính tăng cường trang bị kỹ thuật và làm cho cán bộ, chiến sĩ ta nắm vững được những tri thức về khoa học và kỹ thuật quân sự hiện đại là nâng cao tác dụng của con người, nâng cao ý chí và năng lực chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ; là góp phần quan trọng vào nhiệm vụ tri thức hóa quân chúng công nông đông đảo mà Bác Hồ đã từng chỉ rõ.

Trong khi nhấn mạnh tăng cường trang bị kỹ thuật hiện đại, chúng ta luôn luôn đề cao tinh thần dũng cảm và trí thông minh sáng tạo trong chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ ta. Chúng ta phản đối tư tưởng ý lại vào vũ khí và phương tiện hiện đại, sử dụng hỏa lực một cách bừa bãi, coi nhẹ tính năng động của con người, cũng như khuynh hướng thiên về số lượng, coi nhẹ chất lượng, không chú ý đầy đủ nâng cao trình độ tinh nhuệ của bộ đội, vô tình rơi vào các quan điểm quân sự phi vô sản. Chúng ta chủ trương kết hợp trang bị hiện đại với trang bị nửa hiện đại và trang bị thô sơ. Đó là phương châm đúng đắn để tận dụng được mọi thứ vũ khí có trong tay, phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân đánh giặc để bảo vệ Tổ quốc.

Nắm vững sự thống nhất giữa *tinh cách mạng* và *tinh khoa học* trong quá trình tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật là một quan điểm rất cơ bản cần làm cho bộ đội ta quán triệt đầy đủ.

Công tác tư tưởng và văn hóa trong quân đội phải quán triệt đường lối *cách mạng tư tưởng và văn hóa của Đảng*. Phải vận dụng đúng đắn và cụ thể hóa nội dung của việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa cho phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu và đặc điểm hoạt động của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Hiện nay, cần chú trọng giáo dục, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến

sĩ những phẩm chất tốt đẹp của *con người Việt-nam mới xã hội chủ nghĩa trong quân đội* như: lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, khí phách anh hùng, tinh thần sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì Tổ quốc, tư tưởng làm chủ lập thể xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản; ý thức kỷ luật tự giác nghiêm minh, ý chí quyết chiến quyết thắng, đức tính cần cù, sáng tạo, lao động quên mình, và tinh thần ham học, cầu tiến bộ, quyết tâm làm chủ khoa học kỹ thuật quân sự hiện đại.

Công tác tư tưởng và văn hóa trong quân đội phải đi sâu vào các vấn đề tư tưởng quân sự, khoa học kỹ thuật quân sự, đi sâu vào cuộc sống chiến đấu và lao động phong phú của cán bộ, chiến sĩ. Đồng thời chú trọng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức khoa học kỹ thuật nói chung, óc thẩm mỹ và nếp sống văn minh; bồi dưỡng những năng khiếu mới, những tài năng mới, hướng dẫn những thị hiếu lành mạnh cho thanh niên. Thanh niên trong quân đội phải nêu gương tốt cho thiếu niên, nhi đồng. Trong công tác tư tưởng và văn hóa, cũng như trong việc xây dựng con người mới, lại cần có sự phân biệt giữa cán bộ và chiến sĩ. Cán bộ cũng có nhiều cấp, nhiều loại khác nhau. Chiến sĩ có lớp cũ, lớp mới. Nội dung và biện pháp giáo dục cho từng đối tượng, từng loại, từng lớp phải cụ thể, sát hợp, thì mới đạt kết quả tốt.

Công tác Đảng, công tác chính

trị có chú trọng làm tốt những nhiệm vụ trên đây mới có thể làm cho quân đội ta thật sự trở thành *một trường học lớn* đào tạo các thế hệ thanh niên thành những con người mới xã hội chủ nghĩa vừa chiến đấu giỏi vừa sản xuất tốt, mới làm cho toàn quân ta không ngừng vươn lên đáp ứng mọi yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng hiện nay.

4 — *Bám sát thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, sản xuất và xây dựng của bộ đội, kiên quyết cải tiến phương thức hoạt động và tác phong công tác.*

Bám sát thực tiễn, thâm nhập và tác động vào thực tiễn, làm cho thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, sản xuất và xây dựng của các lực lượng vũ trang ta quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, đó là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của công tác Đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang ta hiện nay. Cũng chính qua thực tiễn hết sức sinh động và phong phú đó mà chúng ta có thể kiểm tra, đánh giá đúng đắn chất lượng và hiệu lực của công tác Đảng, công tác chính trị. Nơi nào, lúc nào, công tác Đảng, công tác chính trị xa rời thực tiễn của bộ đội thì sẽ rơi vào tình trạng chung chung, khô khan, thiếu sức sống.

Tính cách mạng và tính khoa học của công tác Đảng, công tác chính trị phải thể hiện ở chỗ biết xuất phát từ thực tế khách quan, phân tích cụ thể tình hình cụ thể, phát hiện mâu thuẫn, tích cực góp phần cùng với các mặt công

tác khác giải quyết mâu thuẫn, đưa quân đội ta tiến lên, hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, nâng cao chất lượng, nâng cao sức mạnh chiến đấu của bộ đội là thực tiễn lớn nhất, bao trùm nhất. Thực tiễn đó rất khác với thực tiễn lao động sản xuất của công nhân, nông dân và những người lao động khác trên mặt trận xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa.

Mỗi thứ quân, mỗi quân chủng, binh chủng, mỗi đơn vị, cơ quan, nhà trường, học viện, xí nghiệp quốc phòng... có những nhiệm vụ cụ thể khác nhau. Vì thế, công tác Đảng, công tác chính trị ở từng đơn vị phải bám sát thực tiễn và phục vụ đặc lực cho việc hoàn thành nhiệm vụ cụ thể của đơn vị mình, không thể chung chung được.

Công tác Đảng, công tác chính trị còn phải *gắn liền với tổ chức ngày càng phát triển của ba thứ quân.* Cho nên không thể chỉ bó hẹp phạm vi hoạt động ở lực lượng thường trực, ở các đơn vị bộ binh mà phải đi sâu vào các quân chủng và binh chủng, vào cả bộ đội địa phương và dân quân tự vệ, vào các lực lượng chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng kinh tế, các xí nghiệp quốc phòng... Đối với từng lực lượng khác nhau, phải có nội dung và hình thức công tác khác nhau.

Thực tiễn rộng lớn của các lực lượng vũ trang bao quát nhiều mặt rất phong phú, song tất cả

các mặt đó đều được thực hiện ở đơn vị cơ sở. Đó là nơi quần chúng trực tiếp phát huy trí tuệ và tài năng, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ cụ thể của lực lượng vũ trang. Đó cũng là nơi thể hiện trực tiếp sự đúng đắn và sức mạnh của đường lối và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cơ sở mạnh thì binh đoàn mạnh; cơ sở chuyển biến gắn liền với sự chuyển biến của cơ quan các cấp thì toàn quân chuyển biến. Cho nên, nói công tác Đảng, công tác chính trị phải bám sát thực tiễn là trước hết và chủ yếu phải bám sát cơ sở, đi sâu xuống cơ sở, bảo đảm cho cơ sở hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chiến đấu, huấn luyện, sản xuất. Chiến đấu thì có hiệu suất cao, tiêu diệt nhiều địch, ta ít thương vong. Huấn luyện thì có chất lượng tốt, rèn luyện thật sự đề năng cao bản lĩnh chiến đấu của bộ đội. Sản xuất thì có năng suất lao động cao, có hiệu quả kinh tế. Công tác thì có hiệu lực thiết thực... Qua đó, giúp đỡ đơn vị cơ sở xây dựng, củng cố chi bộ và các tổ chức quần chúng, chăm lo các mặt sinh hoạt tinh thần, vật chất của cán bộ, chiến sĩ...

Cũng như các mặt công tác khác, công tác Đảng, công tác chính trị phải có những hoạt động nghiệp vụ cần thiết và thông thạo. Nhưng cần tránh khuynh hướng nghiệp vụ đơn thuần, không nắm vững đường lối, xa rời thực tiễn, bằng lòng với những nội dung và nguyên tắc « không bao giờ thay

đổi », sai thì không sai, nhưng tác dụng rất hạn chế. Giỏi nghiệp vụ là rất quan trọng nhưng nghiệp vụ không phải là mục đích mà là phương tiện để quán triệt nội dung, tức là quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách cụ thể của Đảng nhằm mục đích hoàn thành tốt nhiệm vụ của quần đội. Quán triệt nội dung, lại thành thạo nghiệp vụ nữa, thì công tác Đảng, công tác chính trị sẽ có hiệu lực cao. Phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng với công tác tổ chức, khéo kết hợp các phương tiện, các công cụ và các mặt hoạt động của công tác Đảng, công tác chính trị theo một phương hướng và kế hoạch thống nhất.

Công tác Đảng, công tác chính trị lại phải gắn bó mật thiết với các mặt công tác tham mưu, hậu cần, kỹ thuật, xây dựng kinh tế, cùng với các mặt công tác đó hiệp đồng chặt chẽ với nhau, tác động vào thực tiễn hoạt động của bộ đội. Phải chủ động phối hợp với các cơ quan dân, chính, Đảng để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả quân và dân, tạo điều kiện thuận lợi cho bộ đội hoàn thành nhiệm vụ và góp phần xây dựng, phát triển phong trào cách mạng ở địa phương và trong cả nước.

Công tác Đảng, công tác chính trị bám sát thực tiễn không có nghĩa là đi theo sự phát triển của thực tiễn một cách bị động, mà phải tác động vào thực tiễn một cách chủ động để thúc đẩy thực tiễn tiến lên theo đường lối của Đảng, hoàn thành xuất sắc nhiệm

vụ của lực lượng vũ trang. Vì vậy, cần đặc biệt coi trọng việc *sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tiến hành tự phê bình và phê bình về các chủ trương công tác của đơn vị, qua đó, đề ra các chủ trương công tác mới sát hợp, thúc đẩy đơn vị không ngừng tiến lên.*

5 — *Xây dựng đội ngũ cán bộ chính trị và cơ quan chính trị mạnh.*

Tạo nên sự chuyển biến mạnh của công tác Đảng, công tác chính trị phải là trách nhiệm của đồng đạo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong toàn quân mà *trước hết là đội ngũ cán bộ chính trị và cơ quan chính trị các cấp.* Cho nên, đi đôi với việc đào tạo đội ngũ cán bộ chỉ huy, cán bộ khoa học kỹ thuật cùng các cán bộ nghiệp vụ chuyên môn khác, đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài, cần hết sức coi trọng việc *đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chính trị, kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc của cơ quan công tác chính trị các cấp từ trên xuống dưới, trong cả ba thứ quân, đồng thời phát huy vai trò làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ đối với mọi hoạt động công tác chính trị.*

Trước yêu cầu mới của nhiệm vụ cách mạng và nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, trong tình hình đội ngũ cán bộ của ta nói chung được rèn luyện, thử thách nhiều trong đấu tranh cách mạng, ý thức chính trị vững vàng nhưng trình độ còn bị hạn chế, thì một vấn đề cấp thiết đặt ra hiện nay là *phải nâng cao hơn nữa trình*

độ về mọi mặt của cán bộ chính trị, cả về chính trị quân sự, kinh tế, khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ chuyên môn.

Cán bộ chính trị *trước hết phải nắm vững đường lối, nhiệm vụ chính trị và đường lối, nhiệm vụ quân sự của Đảng.* Như vậy, chúng ta mới làm cho các mặt công tác Đảng, công tác chính trị luôn luôn có nội dung phong phú, có sức sống mạnh mẽ, có hiệu quả thiết thực. *Phải thấy rõ tính cách mạng và tính khoa học của đường lối và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đề rèn luyện phương pháp tư tưởng đúng đắn. Phải chú ý lắng nghe ý kiến quần chúng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ, chiến sĩ, đi sâu đi sát thực tế, điều tra, nghiên cứu tình hình cụ thể.* Như vậy mới có thể phân tích tình hình và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong bộ đội một cách *tích cực, khách quan và khoa học.* Như vậy mới không tùy tiện, đơn giản, vô tình rơi vào chủ nghĩa chủ quan, vào thuyết duy ý chí coi tư tưởng là tất cả, hoặc duy vật làm thường cho rằng chỉ cần giải quyết tốt những vấn đề tổ chức và chính sách thì đầu sẽ vào đấy hết.

Kinh nghiệm thực tế trong quân đội ta đã cho thấy có nhiều cán bộ chính trị, nhờ đã trải qua trực tiếp lãnh đạo, chỉ huy bộ đội xây dựng và chiến đấu, lại chịu khó học tập chính trị, quân sự, am hiểu những vấn đề về chiến lược và sách lược của cách mạng, cũng

như các vấn đề chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, kỹ thuật, cho nên đã làm công tác chính trị một cách thuận lợi, có hiệu lực cao, khi bộ đội chiến đấu cũng như khi bộ đội học tập, công tác trong bất cứ hoàn cảnh nào. Ngược lại, cũng còn có một số cán bộ chính trị do ít chăm lo học tập, không đi sâu nghiên cứu các vấn đề chính trị và quân sự, nhất là các vấn đề quân sự và khoa học kỹ thuật, cho rằng đó là việc của cán bộ quân sự, cán bộ kỹ thuật, cho nên mặc dù rất tích cực và tận tụy mà vẫn không đạt hiệu suất cao trong công tác. Đó là chưa kể đến một số cán bộ còn chủ quan, tự mãn, bằng lòng với « vốn liếng » sẵn có của mình, tưởng như chỉ cần nắm một số nguyên tắc chung về công tác chính trị là có thể làm tốt được công tác trong mọi hoàn cảnh!

Đi đôi với việc chú trọng nâng cao năng lực, chúng ta hết sức quan tâm rèn luyện phẩm chất cách mạng cho cán bộ chính trị, làm sao cho mỗi cán bộ chính trị cũng như mọi cán bộ khác của Đảng thật sự là những tấm gương sáng về mọi mặt.

Muốn đạt được yêu cầu về phẩm chất và năng lực theo phương hướng nói trên, việc bồi dưỡng, đào tạo tại chức và tại trường cũng như việc tự rèn luyện nâng cao trình độ các mặt của cán bộ chính trị cần có một *chuyển hướng mạnh*. Các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính

trị hiện nay cần có nội dung chương trình học tập toàn diện, cả về chính trị và quân sự với tỷ lệ thích hợp, gắn nội dung quân sự vào chương trình giáo dục lý luận và chính trị. Phải có một cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy tương ứng, đồng thời có một cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết.

Đề nâng cao hiệu lực công tác Đảng và công tác chính trị, một vấn đề rất quan trọng nữa là phải ra sức *kiện toàn tổ chức và cải tiến chế độ làm việc của cơ quan chính trị các cấp*. Đây là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ nhiệm vụ kiện toàn bộ máy lãnh đạo, chỉ huy và cải tiến chế độ làm việc trong quân đội trước tình hình và nhiệm vụ mới.

Cơ quan chính trị các cấp phải có chất lượng cao, số lượng hợp lý; bộ máy phải gọn, nhẹ, giảm bớt những khâu trung gian, phát huy hiệu lực trực tiếp tới các đơn vị, bám sát thực tiễn, đi sâu xuống cơ sở. Trong cơ quan, giữa các bộ phận, giữa cơ quan cấp trên và cấp dưới cũng như giữa cơ quan chính trị và các cơ quan khác, phải xác định rõ chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ ngang dọc, trên dưới cho rõ ràng, không dẫm đạp lên nhau nhưng phải phối hợp chặt chẽ với nhau. Các mối quan hệ, chức trách, quyền hạn, nhiệm vụ phải được thể chế hóa thành các điều lệnh, điều lệ, chế độ..., đưa hoạt động của cơ quan chính trị, cán bộ

chính trị vào nền nếp chính quy, thống nhất.

Tổ chức mạnh hay yếu phụ thuộc vào phẩm chất và năng lực của cán bộ, song đến lượt nó, chính tổ chức lại quyết định sự trưởng thành của mỗi người cán bộ. Đó cũng là mối quan hệ biện chứng giữa con người và tổ chức, giữa đội ngũ cán bộ chính trị và hệ thống tổ chức công tác chính trị, bảo đảm cho công tác Đảng, công tác chính trị phát huy được sức mạnh đối với toàn bộ hoạt động thực tiễn của quân đội.



XÂY dựng lực lượng vũ trang nhân dân là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, là trách nhiệm của toàn thể cán bộ, chiến sĩ ta, của tất cả các ngành, các cấp. Đó phải là kết quả tổng hợp của mọi mặt công

tác, trong đó có công tác Đảng và công tác chính trị.

Các mặt công tác tuyên huấn, xây dựng Đảng, cán bộ, bảo vệ, chính sách, dân vận, địch vận... cần xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của mình mà vận dụng đường lối, quan điểm của Đảng đề nâng cao không ngừng chất lượng công tác. Như vậy, chúng ta mới phát huy tốt tác dụng của từng mặt công tác và sức mạnh tổng hợp của toàn bộ công tác Đảng, công tác chính trị nhằm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, từng địa phương, góp phần tích cực nhất vào việc hoàn thành vẻ vang mọi nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và xây dựng kinh tế của các lực lượng vũ trang ta, cùng toàn dân đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiến lên giành thêm nhiều thắng lợi mới.

BƯỚC PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG CAM-PU-CHIA

NHIÂN dân ta và nhân dân thế giới đang chứng kiến một sự kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại ở Cam-pu-chia. Đó là sự bùng nổ của căm hờn và uất hận, là sự vùng dậy của cả một dân tộc quyết tâm đập đổ vật chướng ngại chính trên con đường phát triển của mình là bè lũ phản nước hại dân Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, tay sai của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc Bắc-kinh.

Theo Thông tấn xã Cam-pu-chia SPK, tại một địa điểm trong vùng giải phóng Cam-pu-chia Đại hội đại biểu thành lập *Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia* đã được cử hành trọng thể và thành công rực rỡ. Đại hội đã nhất trí thông qua bản Tuyên bố về đường lối cách mạng Cam-pu-chia. Đó là ngọn cờ chỉ đường cho cách mạng Cam-pu-chia tiến lên, đồng thời là bản án tử hình đối với chế độ cực kỳ phản động của bè lũ Pôn Pốt – Iêng Xa-ry. Đại hội đã bầu ra Ủy ban trung ương của Mặt trận gồm 14 vị, thay mặt cho các lực lượng cách mạng chân chính và các tầng lớp nhân dân yêu nước.

Sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia là một bước ngoặt lớn trong lịch sử Cam-pu-chia. Nó thể hiện nguyện vọng và ý chí của các tầng lớp nhân dân Cam-pu-chia kiên quyết cùng nhau đứng dậy đập tan bè lũ độc tài, quân phiệt gia đình trị Pôn Pốt – Iêng Xa-ry, giành quyền sống, quyền định đoạt vận mệnh và tương lai của dân tộc về tay mình. Nó là kết quả của quá trình nổi dậy đấu tranh từ hơn ba năm nay của những người cộng sản chân chính, những cán bộ, chiến sĩ trung thành với cách mạng, những người thật sự yêu nước Cam-pu-chia.

Như mọi người đều biết, nhân dân Cam-pu-chia, sát cánh với nhân dân Việt-nam và nhân dân Lào, đã chiến đấu lâu dài và vô cùng anh dũng chống chủ nghĩa thực dân cũ và mới, cuối cùng đã

chiến thắng vẻ vang, giành thắng lợi vĩ đại ngày 17-1-1975. Lẽ ra, sau ngày lịch sử đó, nhân dân Cam-pu-chia đã có điều kiện sống trong hòa bình, đem tài năng và trí sáng tạo của mình xây dựng đất nước phồn vinh và giàu đẹp, đoàn kết hữu nghị với các nước láng giềng. Nhưng bọn phản động Pôn Pốt — lèng Xa-ry đã thừa cơ cướp công của cách mạng, tiếm đoạt quyền lực tối cao, thu gọn vào tay gia đình chúng, thi hành một chính sách cực kỳ tàn bạo, đẩy dân tộc Cam-pu-chia vào nguy cơ diệt chủng, cầm tâm làm công cụ thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc của Bắc-kinh.

Nhân danh chủ nghĩa xã hội, chúng đã thi hành một thứ chủ nghĩa phát-xít cực kỳ đẫm máu, chưa từng có trong lịch sử. Chỉ hơn ba năm qua, chúng đã giết hàng triệu người, nhốt cả một dân tộc vào những trại tập trung mệnh danh là « công xã », gây ra biết bao đau thương tang tóc cho nhân dân Cam-pu-chia. « Con người mới » mà chúng xây dựng trong các « công xã » ấy chỉ là con người lao động khổ sai, con người nô lệ sống không có gia đình, không có tình cảm, không có văn hóa, không có tiếng hát, không có nụ cười trên môi, chỉ có tiếng thở dài với những nỗi lo âu. Cả một đất nước vốn tươi đẹp và có nền văn hóa Ấng-co huy hoàng bị chúng chìm trong máu và nước mắt. Chúng đã phá nát cả một nền văn hóa lâu đời, chà đạp lên mọi truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xóa bỏ gia đình, làng mạc, trường học, tiền tệ, tôn giáo, bưu điện thư tín, chúng tàn sát dân tộc Cham-pa, đồng hóa các dân tộc thiểu số khác, xua đuổi, khinh bỉ ngoại kiều, nhất là Việt kiều. Cái « chế độ tập thể trong mọi lĩnh vực » mà chúng rêu rao thực chất là một nhà tù không lò, cái « xã hội trong sạch » mà chúng quảng cáo thực chất là một lò sát sinh của những bọn đao phủ ghê tởm hơn cả phát-xít Hit-le. Chúng đã kéo lùi lịch sử Cam-pu-chia lại không biết bao nhiêu năm.

Về mặt đối ngoại, chúng đã phản bội tình bạn chiến đấu, biến bạn thành thù, thi hành chính sách thù địch chống Việt-nam, ngoan ngoãn phục vụ chủ nghĩa bá quyền nước lớn Bắc-kinh. Chúng coi Việt-nam là « kẻ thù số 1 », coi « mâu thuẫn giữa Việt-nam — Cam-pu-chia là mâu thuẫn chiến lược một mất một còn... không giải quyết bằng chính trị được ». Vì vậy, chúng đã gây ra cuộc chiến tranh biên giới ác liệt chống dân tộc Việt-nam, một dân tộc đã không tiếc máu xương cùng nhân dân Cam-pu-chia anh em làm nên chiến thắng lịch sử giải phóng đất nước Cam-pu-chia. Hận thù dân tộc mù quáng và tâm địa xấu xa muốn làm vừa lòng quan thầy Bắc-kinh đã khiến cho chúng mất hết lý trí, nuôi ảo tưởng điên cuồng chiếm đoạt lãnh thổ Việt-nam. Nhưng cuộc chiến tranh biên giới do

chúng gây ra đã làm cho lực lượng của chúng bị thiệt hại nặng, thế của chúng bị cô lập hơn bao giờ hết.

Tức nước thì vỡ bờ. Nhân dân Cam-pu-chia anh hùng đã và đang nổi dậy tinh sồ tội ác của bè lũ Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, quyết chặn bàn tay giết người của chúng, cứu dân tộc Cam-pu-chia khỏi cảnh nô lệ và họa diệt chủng. Ngay từ năm 1975, nhiều cuộc nổi dậy lẻ tẻ đã nổ ra. Nhiều người có cương vị quan trọng trong chính quyền và quân đội của tập đoàn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry cũng chống lại chúng. Những năm 1976 — 1977, lực lượng chống đối càng phát triển, bao gồm nhiều cán bộ các cấp trung ương, khu, vùng, huyện. Các vụ nổi dậy liên tiếp xảy ra ở Xiêm Riệp — Công-pông-thom tháng 2-1976, ở quân khu Nông-pênh và Công-pông Chơ-năng tháng 3-1977, ở Xiêm Riệp tháng 5-1977.

Sang năm 1978, phong trào nổi dậy càng lan rộng nhanh chóng. Có trên 40 vụ nổ ra ở hầu hết các sư đoàn và các quân khu trong nước. Nổi bật là cuộc nổi dậy ngày 26-5-1978 ở quân khu 203 (miền Đông Cam-pu-chia), trọng điểm là Công-pông Châm. Lực lượng nổi dậy đã trụ lại, xây dựng những vùng căn cứ, vùng du kích. Từ đó đến nay, phong trào nổi dậy của nhân dân miền Đông Cam-pu-chia ngày một phát triển, đánh địch bằng mọi cách: phục kích, tập kích, đột nhập các kho thóc, kho vũ khí... phong trào nổi dậy có tính quần chúng rộng rãi bao gồm cả dân ở các ấp, xã lẫn nhiều người trong chính quyền và quân đội của bọn phản động, và có chủ trương, phương hướng đấu tranh ngày càng rõ ràng. Ở nhiều nơi khác như quân khu Tây-bắc, quân khu trung tâm, vùng Cra-chê, quân khu miền Tây..., thời gian gần đây cũng có phong trào nổi dậy khá mạnh.

Đến nay, những cuộc nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia đã phát triển thành một cuộc đấu tranh vũ trang cách mạng rộng lớn. Các lực lượng cách mạng đang phát triển mạnh mẽ, có vùng giải phóng, vùng căn cứ liên hoàn, có quân đội, có các đoàn thể quần chúng... Đó là những điều kiện chín muồi để cho Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia ra đời.

Trước bão táp nổi dậy của nhân dân Cam-pu-chia, trước những thất bại nặng nề của cuộc chiến tranh biên giới chống Việt-nam, bè lũ Pôn Pốt — Iêng Xa-ry càng lao sâu vào con đường khủng bố ác liệt từ trên xuống tận cơ sở. Trong cơn hoảng hốt, chúng nêu khẩu hiệu: «Tiêu diệt tất cả mầm mống của lực lượng chống đối để ổn định nội bộ, dù phải diệt thêm một triệu người Cam-pu-chia nữa», «giết nhầm một kẻ vô tội còn hơn đề sót một kẻ chống đối»; thậm chí chúng nói: chỉ cần giữ lại ba triệu dân Cam-pu-chia miễn là «trong

sạch»! Đặc biệt, chúng âm mưu giết sạch 1,7 triệu dân miền Đông Cam-pu-chia. Nhưng chúng càng gây tội ác, tình thế của chúng càng nguy ngập. Chỗ đứng chân của chúng đang sụt lở. Vị trí của chúng lung lay đến tận gốc. Quan thầy của chúng cũng đang lúng lúng, khó bề xoay sở. Kẻ gieo gió ắt phải gặp bão.

Tình hình đó chứng tỏ tập đoàn phản bội Pôn Pốt — lêng Xa-ry không còn có thể cai trị được như trước nữa, nhân dân Cam-pu-chia không còn có thể sống dưới sự cai trị tàn bạo của chúng nữa. Tình thế cách mạng ở Cam-pu-chia đã chín muồi. Thời cơ lớn đã đến với cách mạng Cam-pu-chia. Sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia đáp ứng đúng yêu cầu của tình thế.

Với bản Tuyên bố của Mặt trận, cách mạng Cam-pu-chia đã có đường lối rõ rệt: «Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia được xây dựng trên tinh thần độc lập chân chính của nhân dân Cam-pu-chia, đoàn kết tất cả các dân tộc trong nước, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo, gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, sư sãi, những người yêu nước còn ở trong hàng ngũ của bọn cầm quyền hiện nay và kiều bào đang sống ở nước ngoài, già trẻ, gái trai, trên dưới một lòng thi hành nhiệm vụ cách mạng trước mắt của nhân dân Cam-pu-chia là: *Đoàn kết toàn dân, nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt — lêng Xa-ry, bẻ gãy độc tài quân phiệt trong nước làm tay sai cho lực lượng phản động nước ngoài, xóa bỏ chế độ tàn ác dẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, phát huy truyền thống Ăng-co, làm cho nước Cam-pu-chia thật sự là một nước hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung cho hòa bình và ổn định ở khu vực Đông — Nam châu Á.*»

Bản Tuyên bố của Mặt trận đã nêu lên 11 chính sách cụ thể về đối nội và đối ngoại: thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đánh đổ tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry; xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng; xây dựng và phát triển quân đội cách mạng Cam-pu-chia; thực hiện các quyền tự do dân chủ thật sự của nhân dân; thực hiện chính sách kinh tế độc lập, tự chủ theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội tốt đẹp và thật sự; phục hồi đời sống hạnh phúc của mỗi gia đình; xây dựng nền văn hóa mới có tinh dân tộc và nhân dân...; thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và không liên kết; giải quyết mọi vấn đề tranh chấp với các nước láng giềng bằng thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, chấm dứt cuộc chiến tranh biên giới với Việt-nam do bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry

gây ra, lập lại quan hệ hữu nghị, hợp tác và láng giềng tốt với các nước Đông — Nam châu Á, góp phần xây dựng một khu vực Đông — Nam châu Á hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh, tăng cường đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới, kiên quyết ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Con đường cứu nước nêu ra trong bản Tuyên bố của Mặt trận là con đường duy nhất đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân Cam-pu-chia, với quy luật phát triển của lịch sử, đưa sự phát triển của dân tộc Cam-pu-chia vào chính dòng của cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Dù còn phải trải qua nhiều hy sinh gian khổ nữa, cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia nhất định sẽ thắng lợi, bè lũ Pôn Pốt — Iêng Xa-ry nhất định sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát. Khối đoàn kết toàn dân rộng rãi, con đường cứu nước đúng đắn, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình, công lý và tiến bộ trên thế giới, đó là những bảo đảm chắc chắn cho cách mạng Cam-pu-chia thắng lợi.

Cùng với nhân dân Cam-pu-chia chia ngọt sẻ bùi trong hàng thế kỷ đoàn kết chiến đấu chống chủ nghĩa đế quốc để giải phóng đất nước, nhân dân Việt-nam chúng ta rất vui mừng trước sự ra đời của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia. Chúng ta tin tưởng rằng với sự phát triển của cách mạng Cam-pu-chia, dăm mấy mù bao phủ tình hữu nghị lâu đời, xây bằng xương máu, giữa nhân dân hai nước, do bọn phản tính bội nghĩa Pôn Pốt — Iêng Xa-ry gây ra, sẽ bị xua tan. Hai dân tộc anh em Việt-nam — Cam-pu-chia sẽ kề vai sát cánh tiến lên trong nghĩa tình trọn vẹn.

TUYÊN BỐ

CỦA MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA

Thưa toàn thể đồng bào kính mến!

Thưa toàn thể anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ thân mến!

Thưa toàn thể anh, chị em kiều bào ở nước ngoài thân mến!

SUỐT cả quá trình lâu dài dưới ách chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến, biết bao đồng bào, cán bộ và chiến sĩ ta đã phát huy truyền thống oanh liệt của cha ông, không quản gian khổ hy sinh, liên tục chiến đấu vô cùng anh dũng chống đế quốc Pháp rồi đế quốc Mỹ để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, làm rạng rỡ non sông Ang-ko huy hoàng.

Đặc biệt là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, với tinh thần tự lập, tự cường và được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, của nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, nhân dân ta đã chiến thắng vẻ vang, giành thắng lợi vĩ đại ngày 17 tháng 4 năm 1975, giải phóng hoàn toàn đất nước, mở ra cho dân tộc Cam-pu-chia một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Lê ra sau khi nước nhà được hoàn toàn độc lập, nhân dân ta được hưởng hòa bình, đem hết tinh thần và lực lượng cùng nhau xây dựng lại đất nước, đoàn kết hữu nghị với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các nước yêu chuộng hòa bình, độc lập, tự do ở Đông – Nam châu Á và trên thế giới.

Nhưng hơn ba năm qua, sự thật đã diễn ra hoàn toàn ngược lại. Một chế độ độc tài quân phiệt, tàn bạo có một không hai trong lịch sử, được dựng lên ở Cam-pu-chia. Tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry nắm toàn bộ quyền hành vào tay gia đình chúng, đi theo con đường phản nước, hại dân, gây ra biết bao đau thương, tang tóc cho đồng bào, đẩy dân tộc ta vào nguy cơ diệt chủng. Những hành động phản trắc, bạo ngược của tập đoàn này được các nhà cầm quyền Trung-quốc ra sức khuyến khích và tiếp tay.

Chỉ trong vài ba ngày sau giải phóng, dưới chiêu bài « cách mạng xã hội toàn diện, triệt để », « làm trong sạch xã hội », chúng xóa bỏ thành thị, cưỡng bức hàng triệu nhân dân thành phố, thị xã phải bỏ nhà cửa, tài sản di về nông thôn sống trong cảnh cơ cực và chết dần, chết mòn dưới chế độ lao động khổ sai.

Bọn chúng cắt đứt mọi tình cảm thiêng liêng đối với bố mẹ anh em vợ chồng và họ hàng, láng giềng, trên thực tế chúng xóa bỏ làng mạc là nơi gắn liền tình cảm và nơi sinh sống từ nghìn xưa của nhân dân ta.

Chúng đề ra các chính sách « hợp tác xã tập thể », « ăn chung, ở chung », « xóa bỏ tiền tệ, chợ búa », thực chất là giam hãm đồng bào ta trong những trại tập trung trá hình, tước đoạt toàn bộ phương tiện sản xuất và sinh hoạt, bắt nhân dân ta lao động quá sức, ăn đói mặc rách, làm cho mọi tầng lớp phải bần cùng và biến thành nô lệ. Chúng còn đề ra chính sách phân loại nhân dân để chúng dễ kim kẹp sai khiến và chém giết lẫn nhau.

Tội ác của bọn đại gian, đại ác Pôn Pốt — lêng Xa-ry thật không sao kể xiết ! Nhân dân ta ở khắp nơi đều chứng kiến cảnh chúng giết người còn tàn bạo, dã man hơn dưới thời Trung cổ, hơn cả bọn phát-xít Hit-le. Chúng từng tuyên bố rằng dù có phải hy sinh cả triệu dân để xây dựng chủ nghĩa xã hội theo kiểu của chúng thì chúng cũng cứ làm. Nhiều nơi chúng giết sạch cả làng, cả xã, từ em bé đang nằm trong bụng mẹ, bọn chúng cũng không tha. Thậm chí chúng định giết sạch khoảng trên một triệu bảy mươi vạn dân miền Đông. Trước tình hình ấy, hàng trăm nghìn người đã nổi dậy chống lại chúng; hàng vạn người vì tính mạng bị đe dọa đã buộc phải xa rời Tổ quốc, lánh nạn ở nước ngoài — người còn sống sót ở trong nước thì ngày đêm nơm nớp lo âu, khác nào cá nằm trong giỏ, không biết lúc nào đến lượt mình bị giết hại.

Tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã cướp quyền lãnh đạo của Đảng, quên hết công lao của nhân dân cách mạng đã nuôi

đường, che chở cho chúng. Đến lúc chúng nắm được quyền binh cao nhất trong tay thì chúng trả ơn nhân dân bằng chém giết, nhục hình! Chúng đã phản bội đồng bào, đồng chí của chúng. Biết bao cán bộ, đảng viên, những người cách mạng và yêu nước chân chính, biết bao cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đã co công giải phóng đất nước, một mực trung thành với Tổ quốc, chỉ vì không tán thành đường lối phản động và chính sách tàn bạo của chúng mà bị giết hại hàng loạt ở khắp các cấp, các nơi.

Chúng còn chà đạp lên mọi truyền thống và phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân ta, phá hoại nền văn hóa lâu đời của dân tộc ta. Chúng không cho tự do tin ngưỡng, chúng tổ chức các cuộc cưỡng bức hôn nhân tập thể, chúng gây ra biết bao cảnh gia đình tan nát, phong hóa suy đồi.

Chúng đã phá tan hệ thống chùa chiền của đạo Phật, nền quốc đạo lâu đời của nhân dân Cam-pu-chia, cưỡng bức sư sãi hồi tục. Chúng diệt cả đạo Hồi đi đôi với diệt dân tộc Chăm-pa. Chúng đã xóa bỏ gần hết các nhà trường từ cấp tiểu học đến đại học, bắt tất cả thiếu niên 13, 14 tuổi không được học hành, phải đi lính phục vụ lợi ích của chúng.

Chế độ của tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry là chế độ nô lệ kiểu mới, tuyệt nhiên không có một chút gì là xã hội chủ nghĩa!

Để che giấu tội ác tày trời của chúng đối với nhân dân ta và đánh lạc hướng dư luận trong, ngoài nước, để phục vụ mục đích đen tối là xây dựng một chế độ độc tài quân phiệt tàn bạo sẵn sàng chém giết những ai không tuân theo lệnh của chúng, đồng thời phục vụ ý đồ chiến lược bành trướng nước lớn của nhà cầm quyền Trung-quốc, chúng đã gây ra chiến tranh biên giới với Việt-nam, biến bạn thành thù. Chúng đã làm cho bộ đội cách mạng của ta thành lính đánh thuê cho nhà cầm quyền Trung-quốc, thành công cụ đàn áp phong trào nổi dậy của nhân dân.

Thưa toàn thể đồng bào kính mến!

Thưa toàn thể anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ thân mến!

Thưa toàn thể anh, chị em kiều bào ở nước ngoài thân mến!

BON phản bội và bạo ngược Pôn Pốt — lêng Xa-ry đã nhuộm đất nước Cam-pu-chia bằng máu và nước mắt! Sôi sục căm thù

trước những hành động dã man, vô nhân đạo và chính sách phản nước, hại dân đó, những lực lượng cách mạng yêu nước chân chính đã cùng với nhân dân trong cả nước đứng lên đấu tranh quyết liệt đánh đổ bọn chúng, cứu nước, cứu nòi khỏi ách nô lệ và họa diệt vong.

MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA đã thành lập, trình trọng tuyên bố :

Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia được xây dựng trên tinh thần độc lập chân chính của nhân dân Cam-pu-chia, đoàn kết tất cả các dân tộc trong nước, tập hợp mọi lực lượng yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, tín ngưỡng tôn giáo, gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, trí thức, sư sãi, những người yêu nước còn ở trong hàng ngũ của bọn cầm quyền hiện nay và kiều bào đang sống ở nước ngoài, già trẻ, gái trai, trên dưới một lòng thi hành nhiệm vụ cách mạng trước mắt của nhân dân Cam-pu-chia là: Đoàn kết toàn dân, nổi dậy đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, bẻ luộc tài quan phiệt trong nước làm tay sai cho lực lượng phản động nước ngoài; xóa bỏ chế độ tàn ác đẫm máu của chúng, thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, phát huy truyền thống Ăng-co, làm cho nước Cam-pu-chia thật sự là một nước hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung cho hòa bình và ổn định ở khu vực Đông — Nam châu Á.

Đề hoàn thành nhiệm vụ lịch sử trên đây, **MẶT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA** chủ trương:

1 — Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, đánh đổ chế độ độc tài, quân phiệt, gia đình trị của tập đoàn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry. Giải tán Viện đại biểu nhân dân do Pôn Pốt — Iêng Xa-ry nặn ra. Tiến hành tổng tuyển cử bầu Quốc hội; tổ chức lại chính quyền dân chủ nhân dân các cấp; thảo ra Hiến pháp mới nhằm bảo đảm các quyền bình đẳng, tự do, dân chủ thật sự của nhân dân và định ra những pháp luật của một Nhà nước độc lập, dân chủ và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

2 — Xây dựng các đoàn thể quần chúng cách mạng Cam-pu-chia, thành viên của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia, đề tập hợp các giới đồng bào, làm cho họ nhận rõ bộ mặt phản nước, hại dân của tập đoàn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, từ bỏ mọi tổ chức, đoàn thể do bọn chúng lập ra, tích cực tham gia vào Hội thanh niên cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc, Nghiệp đoàn cứu

quốc, Hội nông dân cứu quốc và Hội trí thức cứu quốc nhằm đánh đổ tập đoàn phản động gia đình trị Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, đưa lại quyền làm chủ đất nước thật sự cho mọi tầng lớp nhân dân.

3 — Xây dựng và phát triển quân đội cách mạng Cam-pu-chia, củng cố nhân dân đập tan chính quyền phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, tăng cường bảo vệ Tổ quốc, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Cam-pu-chia.

4 — Thực hiện các quyền tự do dân chủ thật sự và tôn trọng nhân phẩm của nhân dân. Mọi người dân Cam-pu-chia có quyền trở về quê quán cũ của mình, xây dựng lại đời sống gia đình hạnh phúc. Toàn thể nhân dân Cam-pu-chia có quyền tự do cư trú và di lại trong nước, có quyền ứng cử, bầu cử, quyền tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do tín ngưỡng, quyền lao động, nghỉ ngơi và học hành. Bảo đảm quyền tự do thân thể của mỗi người dân. Mọi dân tộc trong cộng đồng xã hội Cam-pu-chia có quyền tự do, bình đẳng, có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau.

5 — Thực hiện chính sách kinh tế độc lập, tự chủ theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội tốt đẹp và thật sự. Xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá. Khôi phục nền kinh tế quốc dân bị bẽ lũ Pôn Pốt — Iêng Xa-ry làm suy sụp. Nền kinh tế mới là một nền kinh tế phục vụ lợi ích nhân dân trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp; đó là một nền kinh tế vừa có kế hoạch, vừa có thị trường, thích hợp với nhu cầu tiến lên của xã hội.

Xóa bỏ chế độ cưỡng bức « làm chung, ăn chung », xóa bỏ chính sách vơ vét lúa gạo, tài sản của nhân dân của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry. Giúp đỡ và khuyến khích các hình thức tương trợ, hợp tác trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự giác của nông dân nhằm đầy mạnh sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân.

Thành lập ngân hàng, phát hành tiền tệ, khôi phục và phát triển lưu thông hàng hóa. Mở rộng buôn bán trong nước và tăng cường quan hệ kinh tế với tất cả các nước trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.

Xóa bỏ chế độ cưỡng bức lao động làm kiệt sức người của bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry. Thực hiện chế độ ngày làm tám giờ và trả lương theo nguyên tắc hưởng thụ theo lao động.

6 — Xóa bỏ chế độ hôn nhân cưỡng bức, thực hiện chế độ tự do kết hôn, phục hồi đời sống hạnh phúc của mỗi gia đình. Thực hiện

nam nữ bình đẳng. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phụ nữ được học tập văn hóa, trau dồi nghề nghiệp của mình để phục vụ xã hội như nam giới.

Chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng.

Chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Chăm sóc người già, người tàn tật và trẻ mồ côi không nơi nương tựa.

Chú trọng bảo vệ quyền lợi chính đáng của kiều bào ở nước ngoài. Có chính sách đúng đắn với ngoại kiều ở Cam-pu-chia.

7 — Xóa bỏ mọi văn hóa phản động của tập đoàn Pôn Pốt — lêng Xa-ry. Xây dựng nền văn hóa mới có tính dân tộc và nhân dân. Xóa bỏ nạn mù chữ — phát triển giáo dục quốc dân, xây dựng các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Trọng dụng các nhà khoa học, kỹ thuật, văn hóa và nghệ thuật.

Giữ gìn và tu bổ di tích lịch sử, chùa chiền, công viên bị bọn Pôn Pốt — lêng Xa-ry hủy hoại.

8 — Hoan nghênh và tạo điều kiện thuận lợi cho sĩ quan, binh lính trong lực lượng vũ trang, cho cán bộ, nhân viên trong bộ máy chính quyền phản động trở về với nhân dân, chống lại tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry để cứu nước, cứu nhà.

Nghiêm trị những tên đầu sỏ phản động ngoan cố chống lại nhân dân và có nhiều nợ máu với nhân dân. Khoan hồng với những người thật thà hối cải. Khen thưởng thích đáng những người lập công với cách mạng.

Đối xử nhân đạo với những người trong hàng ngũ chính quyền và lực lượng vũ trang của Pôn Pốt — lêng Xa-ry bị bắt trong chiến đấu và giúp họ trở thành những người lương thiện, những người có ích cho xã hội.

9 — Thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, hữu nghị và không liên kết với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, xã hội trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

10 — Giải quyết mọi vấn đề tranh chấp với các nước láng giềng bằng thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Chấm dứt cuộc chiến tranh biên giới

với Việt-nam do bọn Pôn Pốt — Iêng Xa-ry gây ra. Lập lại quan hệ hữu nghị, hợp tác và láng giềng tốt với các nước Đông — Nam châu Á, góp phần xây dựng một khu vực Đông — Nam châu Á hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh. Cam-pu-chia không tham gia bất kỳ liên minh quân sự nào và không cho phép bất cứ nước nào lập căn cứ quân sự và đưa các loại thiết bị quân sự vào lãnh thổ Cam-pu-chia.

11 — Tăng cường đoàn kết với các lực lượng cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Kiên quyết ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Thưa toàn thể đồng bào kinh mền!

Thưa toàn thể anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ thân mền!

Thưa toàn thể anh, chị em kiều bào ở nước ngoài thân mền!

Dân tộc ta đang đứng trước nguy cơ bị diệt chủng!

Tổ quốc ta đang lâm nguy!

MẬT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA

kêu gọi:

Toàn thể đồng bào, mọi dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân, kiều bào ở nước ngoài, già trẻ, gái trai, không phân biệt xu hướng chính trị, tôn giáo, hãy xiết chặt hàng ngũ dưới ngọn cờ của **MẬT TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA**, đồng tâm nhất trí nổi dậy đánh đổ chế độ độc tài quân phiệt, diệt chủng do tập đoàn gia đình trị Pôn Pốt — Iêng Xa-ry khất máu cầm đầu.

Đó là con đường duy nhất để cứu dân, cứu nước và tự cứu mình.

Chỉ có như vậy mới đem lại hòa bình, độc lập thật sự cho đất nước, tự do, dân chủ thật sự và hạnh phúc cho nhân dân ta.

Anh chị em cán bộ, nhân viên, chiến sĩ đang bị o ép trong bộ máy chính quyền và quân đội của tập đoàn phản động Pôn Pốt — Iêng Xa-ry hãy nổi dậy chống lại mọi chủ trương, chính sách phản dân, hại nước của chúng, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân; hãy đứng dậy diệt bọn chủ huy ác ôn, chuyển thành lực lượng vũ trang cách mạng chân chính của nhân dân! **MẬT**

TRẬN ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC CAM-PU-CHIA thiết tha kêu gọi nhân dân và chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các đoàn thể quần chúng và các tổ chức dân chủ trên thế giới đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội hãy tích cực ủng hộ và giúp đỡ về mọi mặt cho cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân chúng tôi.

Chế độ thống trị của tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry vô cùng dã man tàn bạo, nhưng đang lung lay đến tận gốc, không tránh khỏi sẽ sụp đổ hoàn toàn.

Trong thời đại ngày nay, không một thế lực phản động quốc tế nào đủ hung hãn xảo quyệt đến mấy cũng không tiêu diệt nổi nhân dân Cam-pu-chia anh hùng.

Lực lượng cách mạng chân chính Cam-pu-chia, dù phải vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ nhưng có đường lối cách mạng đúng đắn, có mục tiêu chiến đấu chính nghĩa, phù hợp với nguyện vọng thiêng liêng của dân tộc và với trào lưu lịch sử, có khối đoàn kết toàn dân vững chắc, lại được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước yêu chuộng hòa bình công lý và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới, nhất định sẽ giành được thắng lợi vẻ vang.

Thời cơ cách mạng đã đến!

Đồng bào, anh, chị em cán bộ và nam, nữ chiến sĩ hãy đoàn kết anh dũng tiến lên!

Kiên quyết đánh đổ tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry!

Nhân dân ta nhất định thực hiện được một nước Cam-pu-chia hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập, không liên kết và tiến lên chủ nghĩa xã hội!

Cách mạng Cam-pu-chia nhất định thắng!

Khu giải phóng Cam-pu-chia,
ngày mùng 2 tháng 12 năm 1978

**ỦY BAN TRUNG ƯƠNG MẶT TRẬN
ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỨU NƯỚC
CAM-PU-CHIA**

Nêu điển hình tốt, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước ở Hà-sơn-bình

NGUYỄN-HỮU-THỤ

Bí thư tỉnh ủy Hà-sơn-bình

CÁC hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở Hà-sơn-bình trước đây phát triển không đồng đều. Có hợp tác xã đã phát triển mạnh mẽ, các mặt công tác đều có thành tích tốt, nhưng có hợp tác xã lại trì trệ không vươn lên được, có những hợp tác xã vào loại yếu kém nhưng lại có từng mặt có thành tích nổi bật hơn hẳn các hợp tác xã khác trong tỉnh. Trong tình hình ấy, chúng tôi đã dùng phương pháp xây dựng điển hình để rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm của điển hình để phát động và tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng. Tỉnh chúng tôi đã xây dựng được nhiều hợp tác xã sản xuất nông nghiệp thành điển hình tiên tiến tiêu biểu đối với địa phương và tích lũy được một số kinh nghiệm về xây dựng và chỉ đạo học tập và làm theo các hợp tác xã đó.

XÂY DỰNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN CHO TỪNG VÙNG CỤ THỂ

Hà-sơn-bình là một tỉnh rộng, có cả vùng núi, vùng trung du (đồi gò) và vùng đồng bằng. Có những việc đã làm tốt ở vùng này nhưng lại không

thích hợp đối với vùng khác, cho nên trong việc lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, ngay từ đầu chúng tôi đã quan tâm bồi dưỡng một số đơn vị để làm ngọn cờ dẫn đầu cho từng vùng khác nhau.

Đó là Bình-minh, Song-phượng và Yên-sở ở vùng đồng bằng. Các hợp tác xã này đã nhanh chóng xác lập, củng cố và từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. Các hợp tác xã đó đã phát động phong trào làm thủy lợi trong nhiều năm liền, tổ chức xã viên đào xới mấy triệu mét khối đất cải tạo đồng ruộng, đưa năng suất lúa lên 5 tấn, rồi 9 — 10 tấn. Cùng với biện pháp về thủy lợi, các hợp tác xã này đã thực hiện có hiệu quả các biện pháp kỹ thuật thâm canh. Giống lúa mới được đưa vào sản xuất đại trà; chăn nuôi tập thể và gia đình đều được mở rộng, trồng trọt và chăn nuôi từng bước đi vào cân đối. Khoai tây, tuy mới chiếm 20 — 30% diện tích vụ đông nhưng đã có tiến bộ so với trước. Nghề thủ công phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước khá phát triển. Đóng góp cho Nhà nước mỗi năm một tấn.

Tuy một số mặt quản lý còn yếu, nhưng các hợp tác xã này đều đã được công nhận là là cơ đầu về thâm canh của tỉnh. Ba hợp tác xã này thể hiện rõ nét bước phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng: thâm canh tăng vụ lúa, mở rộng diện tích sản xuất vụ đông, và phân bổ lại lao động xã hội, phát triển ngành nghề, rút bớt được lực lượng lao động để xây dựng vùng kinh tế mới. Các hợp tác xã hạn đều công nhận đã học được những kinh nghiệm tốt của Bình-minh, Song-phượng và Yên-sở.

Hợp tác xã Thanh-hối có những nét tiêu biểu cho các hợp tác xã miền núi hiện nay. Nhờ có sự bồi dưỡng của tỉnh và sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương, trong vài năm lại đây, hợp tác xã đã có nhiều tiến bộ. Những khu rừng trước đây thuộc sở hữu cá nhân đã được tập thể hóa. Việc giao đất giao rừng cho hợp tác xã quản lý kinh doanh đã làm xong. Do quy mô hợp tác xã được mở rộng, có thêm nhiều sức lao động để khai thác đất đai tốt hơn. Cùng với việc ra sức thâm canh lúa và mở rộng diện tích trồng lúa, hợp tác xã coi trọng làm màu, từng bước mở rộng chăn nuôi tập thể. Hợp tác xã lập thêm được các đội chuyên trồng rừng, trồng cây ăn quả. Hợp tác xã bước đầu biết khai thác và chế biến lâm sản, làm nghề thủ công. Hợp tác xã Thanh-hối có một số mặt còn yếu: năng suất lao động cũng như năng suất cây trồng chưa cao, sản lượng chưa nhiều, quản lý còn đơn giản, nhưng do những cố gắng chung, sản xuất có tăng, nhân dân phấn khởi. Kinh nghiệm Thanh-hối cho thấy, ở miền núi chúng tôi, phải tiếp tục mở rộng quy mô hợp tác xã, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, phải quán triệt tư tưởng lấy cách mạng quan hệ sản xuất mở đường, lấy cách mạng khoa học kỹ thuật làm then chốt, đồng thời dựa trên phương hướng sản xuất mới, giáo dục thuyết phục đồng bào các dân tộc thay đổi

manh mẽ cách làm ăn, lối suy nghĩ cũ kỹ, xây dựng nền văn hóa mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra cần đưa thêm nhiều lao động mới có kỹ thuật từ miền xuôi lên thì miền núi chúng tôi mới có khả năng nhanh chóng phá thế độc canh, phát triển sản xuất, cải thiện đời sống. Tuy mới đạt được những tiến bộ bước đầu, hợp tác xã Thanh-hối đã thiết thực giúp cho huyện Tân-lạc và tỉnh chúng tôi thấy rõ hơn phương hướng và biện pháp khai thác tốt các thế mạnh của miền núi.

Từ bảy hợp tác xã nhỏ hợp nhất lại thành một hợp tác xã lớn có quy mô toàn xã, hợp tác xã Đường-làm một hợp tác xã vùng đồi gò - bắt đầu có sự tiến bộ rõ rệt từ khi có cuộc vận động tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Lúc đầu nó là một hợp tác xã làm thủ. Tỉnh bồi dưỡng nó làm mẫu phát triển sản xuất nông nghiệp vùng đồi gò huyện Ba-vi. Đây vốn là nơi trồng cây thuốc lá có năng suất cao nhất tỉnh Sơn-tây cũ. Trên cơ sở giải quyết được thủy lợi, chống được hạn, nay hợp tác xã Đường-làm là nơi thực hiện có kết quả một chế độ canh tác mới: trồng thuốc lá luân canh với lạc, trồng sắn xen lạc; bố trí một công thức thời vụ mới. Nó chỉ cho tỉnh chúng tôi khả năng phát huy thế mạnh của vùng đồi gò: vừa chuyên canh và thâm canh sắn, phát triển lương thực ổn định, đồng thời phát triển cây công nghiệp và cây lương thực; vừa phát triển trồng trọt, vừa phát triển chăn nuôi (cả tập thể và gia đình); vừa thâm canh tăng năng suất cây trồng, vừa giữ rừng và tăng thêm độ phì của đất. Đây là một điển hình mới ra đời nhưng vài năm lại đây đã đạt 5 tấn thóc 1 héc-ta cả năm; 10 tạ thuốc lá 1 héc-ta so với 5 tạ trước đây. Ngoài ra còn thu hoạch được trên dưới 400kg củ lạc khô trên 1 héc-ta và một khối lượng lớn dây lạc để làm phân xanh và chăn nuôi lợn.

Như vậy ba loại hợp tác xã trên đây tiêu biểu cho ba vùng sản xuất chủ yếu của tỉnh Hà-sơn-bình : đồng bằng miền núi, đồi gò. Trình độ của các hợp tác xã đó chưa cao. Có hợp tác xã đã đạt được tiến bộ khá cả trong phát triển sản xuất và tổ chức đời sống, có hợp tác xã mới đi được bước đầu tiên. Tuy nhiên, ba loại hợp tác xã đó thật sự khẳng định hướng đi của nông nghiệp ở vùng mà nó tiêu biểu. Vì vậy, cuộc vận động học tập và làm theo kinh nghiệm điển hình tiên tiến nay ở tỉnh chúng tôi là học hướng đi và cách tạo những điều kiện thực hiện hướng đó của các hợp tác xã tiên tiến.

TỔ CHỨC VIỆC HỌC VÀ LÀM THEO KINH NGHIỆM CÁC ĐIỂN HÌNH

Những kết luận về ba loại hợp tác xã áp dụng cho ba vùng trong tỉnh là kết quả tổng hợp công sức, trí tuệ của toàn đảng bộ và nhân dân tỉnh Hà-sơn-bình.

Đó là kết quả phấn đấu thực hiện một cách nghiêm chỉnh, có sáng tạo đường lối cách mạng của Đảng đề từng bước tổ chức lại và đưa nền sản xuất nông nghiệp trong tỉnh từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Đề nhanh chóng xóa bỏ tình trạng phát triển không đều hiện nay giữa các đơn vị tiên tiến và chậm tiến, chúng tôi sẽ tăng cường các điển hình tiên tiến đã có, hoàn chỉnh điển hình từng mặt, trên cơ sở đó mở rộng việc học tập và làm theo các điển hình tiên tiến ra toàn tỉnh, trước hết coi trọng con số trên 60% các hợp tác xã hiện còn thuộc diện trung bình và yếu kém.

Tổ chức học tập và làm theo điển hình. Như đã nói ở trên, Hà-sơn-bình là một tỉnh rộng, có vùng núi, vùng đồi gò (trung du), vùng đồng bằng.

Đồng thời tỉnh còn có các tiêu vùng, bãi ven sông, đồng vằn, đồng trũng... Vùng núi và vùng đồi gò đều có nhiều tiêu vùng khác nhau. Những vùng và tiêu vùng này có điều kiện thiên nhiên, tập quán canh tác, tâm lý khác nhau. Hơn thế nữa, trình độ phát triển của các hợp tác xã cũng khác nhau. Vì vậy, việc học tập và làm theo điển hình tiên tiến của chúng tôi được triển khai trên hai hướng, bổ sung cho nhau, thúc đẩy lẫn nhau. *Thứ nhất*, là học kinh nghiệm tương đối toàn diện của điển hình từng vùng. *Thứ hai* là học từng mặt điển hình của một đơn vị.

Học tập điển hình vùng là : hợp tác xã trong mỗi vùng nghiên cứu áp dụng cách giải quyết những vấn đề có tính chất phương hướng và có tính chất bắt buộc đối với tổ chức sản xuất trong vùng, đã được tổng kết. Điển hình vùng cũng là nơi mà chúng tôi cố gắng tập trung xây dựng thành hình mẫu làm chủ tập thể cả về chính trị, kinh tế, văn hóa. Cho nên, học tập điển hình ở đây là học tập toàn diện cách tổ chức chỉ đạo quản lý, sản xuất, phân phối, cũng như áp dụng kỹ thuật tiên tiến, làm cho hợp tác xã đạt được những thành tích ngày càng cao theo hướng từng bước đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì thế, đây không chỉ là sự phấn đấu vươn lên của bản thân hợp tác xã mà còn đòi hỏi sự cố gắng thường xuyên của các cấp, các ngành.

Còn học và làm theo từng mặt điển hình, từng việc làm tiên tiến của một đơn vị là mở từng đợt tiến công dứt điểm, nhằm đạt được sự tiến bộ cụ thể, lấy đó thúc đẩy sự tiến bộ toàn diện. Để thực hiện điều đó, chúng tôi giao trách nhiệm cho toàn bộ hệ thống các cơ quan của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh, trong khi chỉ đạo công tác, kịp thời phát hiện những việc làm tốt, những đơn vị đi đầu làm tốt từng công việc cụ thể. Khi đã phát hiện được những mũi nhọn

tiến công có kết quả đó, chúng tôi kịp thời tổng kết, huy động bộ máy tuyên truyền phổ biến rộng rãi kinh nghiệm, tổ chức cho các nơi đến tham quan học tập ngay tại chỗ, ngay trong từng đợt công tác.

Trên tinh thần đó, đề rút kinh nghiệm và động viên mở rộng sản xuất vụ đông xuân là khâu yếu trong tỉnh chúng tôi, vừa rồi chúng tôi đã nêu gương Phú-long là nơi đồng trúng, đã trồng khoai tây trên nền đất ướt, vụ đầu làm được 500 mẫu. Trong khi đó, Hà-hồi vốn là nơi trồng khoai tây có truyền thống nhưng chỉ làm được 200 mẫu. Rõ ràng Phú-long là một nhân tố mới, chúng tôi đã phát động tất cả các hợp tác xã nông nghiệp đều cố gắng học tập kinh nghiệm tổ chức trồng khoai tây của Phú-long. Nhờ sáng kiến đó và sự hưởng ứng kịp thời, vụ đông xuân vừa rồi tỉnh chúng tôi đã trồng được gần 10.000 ha khoai tây. Hiện nay các hợp tác xã có điều kiện trồng khoai tây đang tích cực chuẩn bị để mở rộng diện tích khoai tây trong vụ đông xuân. Những tiến bộ đó là điều kiện thuận lợi để chúng tôi phát động các huyện trồng khoai tây hai vụ liên tiếp trong vụ đông này để có thêm lương thực bù vào số bị hao hụt do thiên tai nặng gây ra trong năm nay. Phong trào mở rộng diện tích trồng màu cũng đã được cổ vũ bằng tấm gương Yên-thủy, Hoàng-long trồng khoai lang ngắn ngày trên diện tích rộng. Nó đã giúp cho toàn tỉnh trồng được gần 11.000 ha, tăng 45% diện tích so với năm 1977. Bằng cách đó, sau 10 năm bị thu hẹp nghiêm trọng, diện tích trồng khoai lang có nhiều triển vọng mở rộng, việc chuẩn bị cho vụ khoai lang tới đang được tiến hành tích cực. Nhờ học tập việc phát triển ngành nghề của Thư-phú (thu nhập về tỉnh dầu hương nhu và bạc hà được nửa triệu đồng/năm), toàn tỉnh chúng tôi đã có trên 500 xã phát triển nghề thủ công, đặc biệt có nhiều xã có từ 500 đến 700

người làm nghề thủ công; hiện nay chỉ còn 30 xã chưa có nghề thủ công. Chúng tôi đang cố gắng tận dụng nguyên liệu địa phương, đẩy mạnh hơn nữa việc sản xuất hàng tiêu dùng.

Chúng tôi không những tổ chức cho quần chúng học tập những điển hình tiên tiến trong sản xuất, mà còn chú ý đến những điển hình làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước. Năm 1977, sản xuất nông nghiệp vụ đông xuân có sút kém, việc làm nghĩa vụ đối với Nhà nước gặp khó khăn. Ngay cả những hợp tác xã có thu hoạch khá cũng tính chuyện trừ lương thực để phòng đói. Trong khi đó với truyền thống tốt đẹp nhiều năm liền làm nhanh và tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, hợp tác xã Liên-bạt tuy gặp khó khăn trong sản xuất, nhưng từ đầu vụ đã tiến hành giáo dục tư tưởng cho nhân dân, khi bước vào vụ gặt, hợp tác xã đã chủ động tính toán số lương thực ăn chia cho xã viên, làm nghĩa vụ với Nhà nước, và trong đợt đầu hợp tác xã đã xung phong đóng góp 450 tấn thóc nghĩa vụ cho Nhà nước. Chúng tôi đã phát hiện và biểu dương kịp thời ý thức làm chủ tập thể theo lập trường giai cấp công nhân của cán bộ và nhân dân xã Liên-bạt, nêu gương cho toàn tỉnh. Nhờ đó, việc làm nghĩa vụ lương thực của tỉnh đối với Nhà nước được tiến hành thuận lợi. Từ năm 1973 đến nay Liên-bạt đã 5 năm liền làm nghĩa vụ đối với Nhà nước từ 700 đến 800 tấn thóc một năm, trong khi vẫn giữ đúng mức ăn chia cho xã viên. Việc nhân dân tỉnh Hà-sơn-bình hoàn thành sớm nghĩa vụ lương thực vụ chiêm xuân năm 1978 gắn liền với việc động viên, tổ chức học và làm theo hợp tác xã có việc làm tiên tiến của tỉnh chúng tôi, và là thước đo lòng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của nhân dân tỉnh chúng tôi. Về chuẩn bị cho thanh niên lên đường bảo vệ Tổ quốc, chúng tôi phát động các xã học gương tốt của Hòa-xá. Hòa-xá chuẩn bị cho con

em mình đến tuổi nhập ngũ được bởi đường sức khỏe, luyện tập động tác cơ bản về quân sự, động tác chiến đấu, tổ chức thành đội ngũ, thực tế là chuẩn bị sẵn sàng ba thứ quân tại xã, có lệnh là lên đường đi chiến đấu được ngay...

Tỉnh chúng tôi còn thiếu kinh nghiệm về nhiều mặt. Chúng tôi đã tổ chức cho các địa phương đi học các tỉnh bạn: kinh nghiệm về điều hành lao động toàn huyện của Quỳnh-lưu; về bảo đảm phúc lợi tập thể của Định-công; về quản lý thị trường của Hải-phong.. Tất cả các kinh nghiệm học được đều được áp dụng có sáng tạo và có kết quả, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ của tỉnh chúng tôi. Chúng tôi thấy rằng phương pháp này là rất tốt. Sắp tới, chúng tôi sẽ tổ chức đi tham quan nhiều hơn cho các đơn vị và nhân dân ở những nơi trước nay đi ít, cho cả những người chậm tiến, để mở rộng tầm mắt của họ, lấy quần chúng giáo dục, động viên quần chúng.

Phương pháp học tập từng mặt tốt nhất của bất cứ đơn vị nào đã có tác dụng liên tục động viên quần chúng tham gia thực hiện mọi nhiệm vụ cách mạng, ngày càng nâng cao ý thức làm chủ tập thể của mình; khuyến khích các địa phương phát huy sáng kiến, làm cho họ tin vào năng lực sáng tạo của bản thân; sản sinh những mối quan hệ mới, đoàn kết thân ái giữa các đơn vị trong toàn tỉnh. Chính trong khi học tập từng mặt ấy, nhiều đơn vị từ việc này hiểu ra các việc khác, vừa nâng cao trình độ của cán bộ, vừa giác ngộ quần chúng, từ đó tạo ra những điển hình tiên tiến mới, tương đối toàn diện. Lối học đó đòi hỏi các cấp, các ngành phải đi sát phong trào cơ sở, gần gũi với cuộc sống, khắc phục bệnh quan liêu, nâng cao năng lực nhạy cảm với cái mới, tổng kết cái mới, nâng cao năng lực lãnh đạo. Cuộc vận động tương trợ khôi phục sản xuất, khắc phục hậu quả thiên tai

hiện nay được sự hưởng ứng kịp thời, rộng rãi là kết quả chung của phương pháp học tập điển hình tiên tiến đó. Noi gương hợp tác xã Văn-tảo giúp hợp tác xã Nghiên-xuân 20 tấn thóc, cho mượn 18 ha đất làm màu, những nơi gặp khó khăn ít đang giúp những nơi gặp khó khăn nặng, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống. Đây sẽ là một nhân tố có tác dụng nâng cao tinh thần tương trợ, thúc đẩy nhau tiến lên.

Việc học tập điển hình từng mặt không làm mất ý nghĩa của điển hình nhiều mặt mà giáo dục lại nó, đã phá thái độ tự kiêu (nếu có) của nó. Việc học tập này, vì vậy chính là thi đua. Nó đòi hỏi cơ quan thi đua phải vứt bỏ lối làm việc bàn giấy dè dặt cuộc sống. Cơ quan thi đua của tỉnh chúng tôi hiện nay không theo kịp cái mới, không kịp thời khen thưởng sáng kiến của quần chúng cách mạng mà nó là người động viên tổ chức.

Có biện pháp cụ thể đối với từng loại cơ sở. Chúng tôi đã tiến hành việc sắp xếp các cơ sở để việc động viên học và làm theo điển hình tiên tiến có kết quả. Đối với cơ sở trung bình và yếu kém, vấn đề then chốt là củng cố tổ chức Đảng ở đó. Việc giáo dục nâng cao giác ngộ, bồi dưỡng đường lối, chính sách cho đảng viên phải đi đôi với việc củng cố, kiện toàn tổ chức của Đảng, thi hành nghiêm chỉnh kỷ luật đối với những đảng viên thoái hóa biến chất, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, trên cơ sở đó kiện toàn cơ quan lãnh đạo của các đảng bộ, chi bộ. Nhiệm vụ chính trị của tổ chức cơ sở của Đảng là tổ chức, lãnh đạo sản xuất, xây dựng lực lượng cách mạng, mỗi nơi tùy theo tình hình cụ thể mà giải quyết những vấn đề cụ thể, với chính bản thân cán bộ và quần chúng ở đó. Đối với cơ sở trung bình thì phải động viên để họ tự làm lấy, thông qua việc bồi dưỡng cốt cán, tổ chức tham quan điển hình. Đối với những nơi

còn kém (hiện có khoảng 10% tổng số đơn vị cơ sở) cần chú trọng hơn, có khi phải điều chỉnh cán bộ chủ trì, đề tổ chức và động viên quần chúng tiến lên. Ở những đơn vị tiến tiến thì giúp đỡ cho họ tự tiến hành việc kiểm tra toàn diện, thường xuyên, nhằm đánh giá đúng ưu điểm để phát huy và khuyết điểm để sửa chữa kịp thời...

Đề chăm sóc, vun xới, khuyến khích mầm non mới phát triển, chúng tôi luôn luôn tập trung làm tốt công tác tổng kết điển hình, phân tích những ưu điểm, phê phán những khuyết điểm để đưa phong trào tiến lên.

Chúng tôi đã có kế hoạch tập huấn các chủ nhiệm hợp tác xã. Việc này sẽ được tiến hành theo vùng. Vùng đông bằng thì đến tập huấn ở Bình-minh, Song-phương và Yên-sở. Vùng đồi gò sẽ làm ở Đường-lâm. Vùng núi sẽ làm ở Thanh-hối. Việc tập huấn này trước đây đã làm, được các chủ nhiệm hoan nghênh. Nhưng làm mỗi lần đến một tháng là quá dài. Từ nay chúng tôi cũng sẽ làm mỗi năm hai lần, nhưng mỗi lần chỉ tập trung khoảng 15 ngày, bàn bạc trao đổi một - hai vấn đề, đi sâu kết hợp lý thuyết với khái quát hóa kinh nghiệm, vừa có thực tế mắt thấy tai nghe tại điểm, vừa tham gia trực tiếp thực hiện. Nội dung tập huấn sẽ nâng cao dần theo từng đợt, trước hết gồm những vấn đề đang còn yếu trong nông nghiệp hiện nay là chăn nuôi, phân bón, vấn đề quản lý ruộng đất, lao động, quản lý ngành nghề, vấn đề giải quyết mối quan hệ giữa các ngành nghề, xây dựng quy phúc lợi tập thể... Do đó, chúng tôi tin trình độ mọi mặt của các chủ nhiệm hợp tác xã sẽ được nâng dần lên từng thời gian, bằng kinh nghiệm của điển hình và của bản thân.

Về cán bộ, chúng tôi thực hiện quy hoạch cán bộ, tổ chức việc đào tạo cán bộ cả trong thực tiễn sản xuất và trong các trường lớp chính quy. Huyện

sẽ mở các lớp đào tạo cán bộ nông nghiệp sơ cấp; đội trưởng, đội phó trông trại, chăn nuôi, lâm nghiệp... Tỉnh sẽ mở lớp cao đẳng nông nghiệp (kế hoạch đã được Trung ương duyệt, bảo đảm sau năm năm tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật). Đồng thời mở một hệ thống trường học quản lý cho các ngành quản lý nông nghiệp và lâm nghiệp. Chúng tôi chú ý kết hợp việc đào tạo cán bộ lãnh đạo với cán bộ quản lý. Chúng tôi sẽ dựa trên kế hoạch tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện mà tổng kết từng bước kinh nghiệm đưa cơ giới vào nông nghiệp của huyện Thanh-oai, kinh doanh sản xuất ở miền núi của huyện Tân-lạc, phát triển kinh tế ở vùng trung du của huyện Ba-vì. Dựa vào kinh nghiệm đó, chúng tôi kết hợp kiện toàn cấp xã với việc tăng cường sự chỉ đạo, tăng cường cơ sở vật chất của huyện, thật sự phát huy vai trò của cấp huyện. Hiện nay ở tỉnh chúng tôi cấp huyện chưa đủ năng lực lãnh đạo các xã, không đủ sức nắm các xã. Để sửa đổi một cách căn bản tình hình đó chúng tôi một mặt kiện toàn cấp huyện, trước hết nâng cao trình độ các huyện ủy viên. Các huyện ủy viên phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận, trình độ quản lý kinh tế, nghiệp vụ và văn hóa của mình, phải nắm được kinh nghiệm chỉ đạo, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình. Mặt khác, chúng tôi cố gắng xây dựng trong phạm vi khả năng của mình với sự giúp đỡ của Trung ương, cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho huyện: vật tư, kỹ thuật, phương tiện quản lý, theo đà tiến bộ của nền kinh tế địa phương chúng tôi. Các cơ quan nông nghiệp, thi đua, tuyên truyền báo chí, mỗi cơ quan theo chức trách của mình, phát huy vai trò tổ chức và động viên, góp phần đưa phong trào cách mạng quần chúng tiến lên.



(Xem tiếp trang 75)

LÝ TƯỞNG VÀ CUỘC SỐNG CỦA THẾ HỆ TRẺ NGÀY NAY

VŨ-CÔNG-CẦN

TRONG cuộc sống, loài người khác loài vật ở chỗ có ý thức về sự sống. Do có ý thức về sự sống mà loài người, ngay từ buổi bình minh của lịch sử, đã có những ước mơ về cuộc sống và dần dần từng bước phấn đấu thực hiện những ước mơ từ thấp lên cao trong quá trình đấu tranh với thiên nhiên, đấu tranh xã hội, làm cho cuộc sống mỗi ngày một tốt đẹp hơn. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: « Cuộc sống của con người khác cuộc sống của loài vật ở chỗ loài người có ý thức về sự sống, biết mình sống để làm gì, còn loài vật chỉ sống và hành động theo bản năng của chúng mà thôi » (1). Ước mơ, lý tưởng của con người nảy sinh từ cuộc sống, và việc thực hiện ước mơ, lý tưởng làm cho cuộc sống của con người ngày một phát triển toàn diện và cao hơn. Những người có lý tưởng thường có những ước mơ cao đẹp, gắn với mục tiêu thực tế trước mắt và lâu dài trong đấu tranh chinh phục thiên nhiên, cải tạo và xây dựng xã hội.

Mỗi một chế độ xã hội có ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành, phát triển, nuôi dưỡng, thực hiện ước mơ của thế hệ trẻ trong chế độ xã hội đó. Sống có ước mơ là bản năng, đặc tính

của tuổi trẻ. Tuổi trẻ là tuổi hướng về tương lai, mơ ước tương lai. Những ước mơ ấy kêu gọi được sức mạnh của tuổi thanh xuân, tạo cho tuổi trẻ nghị lực vượt qua gian khổ khó khăn, giúp họ « chấp cánh bay lên » như các nhà thơ thường hình tượng hóa.

Tuổi trẻ thường mong muốn sống có mục đích tốt đẹp, sống có lý tưởng. Lý tưởng đi liền với tuổi trẻ và cuộc sống của tuổi trẻ không thể thiếu được lý tưởng, như nhà văn lớn xô-viết Mắc-xim Gôóc-ki đã nói: « Tuổi thanh niên không có lý tưởng cũng như bài ca thiếu vần thơ » (2). Ước mơ của tuổi trẻ nếu được kêu gọi, cổ vũ, nuôi dưỡng và phát triển theo hướng cao hơn với mục đích đúng đắn, cao đẹp, sẽ trở thành *lý tưởng của cuộc sống.* Lý tưởng làm cho thế hệ trẻ xác định rõ ràng đường đi đúng đắn của đời mình, giúp họ dám nhìn về phía trước, vững bước tiến đến tương lai, gắn mình với vận mệnh của đất nước, dân tộc và rộng ra là với sự nghiệp cách mạng chung của tất cả những

(1) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 140.

(2) Xem báo *Tiền phong*, năm 1977, số 35, trang 3.

người lao động, những người bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới. Lý tưởng cuộc sống của thế hệ trẻ, vì vậy, gắn chặt với xã hội, với quy luật tiến hóa của lịch sử loài người, với phương hướng đi lên của xã hội và cách mạng.

Lý tưởng chi phối toàn bộ cuộc sống của con người, và cuộc sống của con người có lý tưởng hướng vào việc phụng sự cho lý tưởng cuộc sống của mình. Lý tưởng làm cho cuộc sống con người trở thành cao đẹp, làm cho con người có niềm tin sắt đá, ý chí kiên định, nghị lực lớn lao để phấn đấu thực hiện lý tưởng và sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng. Lịch sử loài người mãi mãi ghi công của hàng vạn anh hùng hữu danh và vô danh đã vượt qua mọi gian khổ khó khăn, cống hiến cả đời mình, thậm chí hy sinh cả thân mình, bất chấp lưỡi gươm, họng súng, lửa thiêu... của cường quyền phong kiến, tôn giáo, tư bản... để thực hiện lý tưởng cao đẹp của mình, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới. Chính lý tưởng đã làm tăng sức mạnh của con người một cách diệu kỳ. Nếu con người, như Lê-nin đã nói, không có ước mơ, như lý tưởng thì « động cơ nào sẽ làm cho người ấy tiến hành và hoàn thành tốt được những công trình lớn lao và vất vả trong nghệ thuật, khoa học và đời sống thực tế » (3).

Nói đến *lý tưởng của cuộc sống* là nói đến cái gì cao đẹp, cho nên trong thời đại chúng ta chỉ có mục đích cuộc sống của giai cấp công nhân, của những người lao động bị áp bức bóc lột, của tất cả những ai tự nguyện đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng chân chính mới đáng gọi là *lý tưởng của cuộc sống*. Còn mục đích cuộc sống của các giai cấp bóc lột, thống trị, các thế lực phản động và bè lũ tay sai của chúng không thể gọi là lý tưởng của cuộc sống mặc dù chúng

cũng vẫn thường nói đến « lý tưởng ». Bè lũ Ngô-Dinh-Diệm, Nguyễn-Văn-Thiệu, tay sai đắc lực của đế quốc Mỹ ở miền Nam nước ta trước đây, đã chẳng không ngót rêu rao về lý tưởng « quốc gia », « dân chủ » của chúng đấy sao? Hoặc như hiện nay, tập đoàn phản cách mạng Pôn Pốt — lêng Xa-ry, được thế lực phản động trong giới cầm quyền ở Bắc-kinh nuôi dưỡng và sử dụng, đã chẳng luôn mồm tự xưng là « cộng sản », khoe khoang chúng đang « xây dựng chủ nghĩa cộng sản trong sạch » và « tuyệt vời », đang « thực hiện lý tưởng cộng sản » đấy hay sao? Thật ra, chúng làm gì có lý tưởng. Chúng chỉ có *những mục đích thấp hèn của cuộc sống* (về mặt chính trị, kinh tế...) mà thôi.

Mục đích cuộc sống *có tính giai cấp*. Trong xã hội có giai cấp, mục đích cuộc sống của mỗi giai cấp do *thế giới quan và nhân sinh quan* của giai cấp đó chi phối và quyết định. Hồ Chủ tịch đã phân tích: « Trong xã hội cũ, bọn phong kiến địa chủ, bọn tư bản và đế quốc thẳng tay áp bức bóc lột những tầng lớp người khác, nhất là công nhân và nông dân. Chúng cướp của chúng do xã hội sản xuất ra, làm của riêng của cá nhân chúng, để chúng « ngồi mát ăn bát vàng ». Nhưng miệng chúng luôn luôn huênh hoang những danh từ « đạo đức », « tự do », « dân chủ » v.v.

Không thể chịu áp bức bóc lột mãi, công nhân, nông dân và nhân dân lao động khác nổi lên làm *cách mạng* để tự giải phóng và để cải tạo xã hội cũ xấu xa thành xã hội mới tốt đẹp, trong đó những người lao động đều được ấm no, sung sướng, không có người bóc lột người » (4).

Cuộc sống có lý tưởng và cuộc sống không có lý tưởng chỉ có những mục

(3) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1962, tập V, trang 612.

(4) Hồ Chủ tịch *bàn về giáo dục*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà-nội, 1962, trang 198—199.

đích thấp hèn, là những cuộc sống hoàn toàn khác nhau về bản chất. Cuộc sống có lý tưởng là cuộc sống cao đẹp, sống đầy đủ nhất (nói theo nghĩa toàn diện của cuộc sống), một cuộc sống xứng đáng, đáng sống. Còn cuộc sống không có lý tưởng là cuộc sống đầy dẫy những vô vị, chán chường, những tâm thường, nhỏ nhen.

Sự hình thành và phát triển lý tưởng của cuộc sống con người có tính quy luật. Không phải bao giờ lý tưởng cũng đi đôi với cuộc sống của con người, không phải bất cứ ai cũng có lý tưởng, mà lý tưởng chỉ nảy sinh từ cuộc sống đấu tranh — từ nhu cầu chinh phục thiên nhiên, cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới —, và chính đó là điều kiện tất yếu để hình thành và phát triển lý tưởng. Điều đó cốt nghĩa vì sao dưới các chế độ do các giai cấp bóc lột và các loại phản động đủ mọi màu sắc thống trị, dù chúng có đàn áp tàn khốc đến đâu, dù chúng có xuyên tạc và mị dân đến đâu, lý tưởng cách mạng vẫn hình thành và phát triển trong thế hệ trẻ, đại biểu cho tương lai của xã hội. Mặt khác, điều đó cũng nhắc nhở chúng ta rằng mặc dù chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp là điều kiện hết sức thuận lợi cho việc hình thành và phát triển lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ, nhưng lý tưởng cao đẹp đó không tự nó đến với mọi người, mà muốn cho thế hệ trẻ trong chế độ xã hội chủ nghĩa sống thật sự có lý tưởng thì cần phải tích cực giáo dục bồi dưỡng, rèn luyện họ trong lò lửa đấu tranh cách mạng, trong thực tiễn của ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, của sự nghiệp xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, của công

cuộc củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói: “Không phải, mọi người sinh ra là đã có lý tưởng, phẩm chất tốt đẹp cả. Lý tưởng, phẩm chất cách mạng chỉ có thể được hình thành trong quá trình đấu tranh cách mạng, trong sản xuất, chiến đấu và tu dưỡng” (5).



Là con em của một dân tộc anh hùng có hơn bốn nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, thế hệ trẻ Việt-nam kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc: truyền thống cần cù, thông minh, sáng tạo trong lao động xây dựng đất nước, và đoàn kết, mưu trí, anh dũng, kiên cường trong kháng chiến chống bọn cướp nước, giành và giữ độc lập, tự do của dân tộc, bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc. Truyền thống hết sức quý báu ấy cũng chính là lý tưởng cuộc sống truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác của dân tộc ta. Hồ Chủ tịch — người cộng sản Việt-nam quang vinh đầu tiên — cùng với Đảng ta, trong hơn nửa thế kỷ qua, tiếp thụ và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác — Lê-nin, kết hợp nhuần nhuyễn truyền thống vẻ vang của dân tộc với bản lý cách mạng sáng ngời của thời đại, đã nâng cao ước mơ, lý tưởng ngàn đời của dân tộc, đem lại cho nhân dân và thế hệ trẻ nước ta *lý tưởng cách mạng* có sức mạnh vô địch: *Độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*. Con đường cách mạng đầy hy sinh, gian khổ nhưng hết sức vẻ vang của những thanh niên cách mạng, những người cộng sản Việt-nam mà tiêu biểu là Bác Hồ vĩ đại, đã và đang đi, là con đường phần đầu không một môi cho việc thực hiện lý tưởng cách mạng cao

(5) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 199.

đẹp đó. Hồ Chủ tịch thường xuyên nhắc nhở: “Những người cộng sản chúng ta không một phút nào được quên lý tưởng cao cả của mình là phấn đấu cho Tổ quốc hoàn toàn độc lập, cho chủ nghĩa xã hội hoàn toàn thắng lợi trên đất nước ta và trên toàn thế giới” (6).

Là người trực tiếp lãnh đạo thế hệ trẻ, Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã hết sức coi trọng việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên, coi đó là vấn đề quan trọng hàng đầu của sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ Việt-nam, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Đảng, bảo đảm thắng lợi ngày nay và mai sau, cho sự nghiệp cách mạng vẻ vang của nhân dân ta. Đồng chí Lê-Duẩn đã phân tích: “Thanh niên có mạnh, dân tộc mới mạnh. Nhưng cái gì đã tạo nên sức mạnh «đời núi lập biên» của thanh niên ta? Phải chăng sức mạnh đó đã bắt nguồn từ lý tưởng cách mạng, lý tưởng chiến đấu do Đảng ta giáo dục và bồi dưỡng cho thanh niên từ mấy chục năm nay?» (7).

Có đặt vấn đề bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh niên trong toàn bộ cuộc đấu tranh giai cấp đang diễn ra hết sức gay gắt và liên tục ở trong nước cũng như trên thế giới, có xem xét vấn đề này trong bối cảnh bẻ lũ phản động quốc tế câu kết với chủ nghĩa đế quốc tìm mọi cách giành giật thế hệ trẻ với chúng ta một cách quyết liệt để thực hiện những mưu đồ đen tối của chúng, mới thấy hết ý nghĩa sâu sắc của những kết quả đã đạt được và công lao to lớn của Đảng ta và Hồ Chủ tịch trong sự nghiệp giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ nước ta, cũng như của những yêu cầu đang và sẽ đặt ra đối với sự nghiệp đó.

Coi cách mạng là sự nghiệp vĩ đại của cả dân tộc mà thanh niên lại là một bộ phận quan trọng, coi “một năm khởi đầu từ mùa Xuân”, “một

đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội” (8), thế hệ trẻ lại là người chủ hiện tại và tương lai của nước nhà, Đảng ta đã hết sức quan tâm đến việc giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ, làm cho lý tưởng cách mạng luôn luôn gắn liền với cuộc sống của thế hệ trẻ, lý tưởng cách mạng trở thành mục đích cao đẹp cuộc sống của thế hệ trẻ. Thông qua việc tổ chức đưa thế hệ trẻ vào hành động cách mạng, rèn luyện họ trong lò lửa đấu tranh chinh phục thiên nhiên, đấu tranh cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, Đảng ta đã giáo dục, bồi dưỡng, vũ trang cho cuộc sống của họ lý tưởng cách mạng bách chiến bách thắng của Đảng, làm cho họ nhanh chóng trưởng thành, có những cống hiến vẻ vang đối với Tổ quốc và dân tộc. Lý tưởng cách mạng đã trở thành động lực đấu tranh và nguồn gốc sức mạnh vô địch của thế hệ trẻ.

Lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ Việt-nam là động lực của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, và chế độ xã hội chủ nghĩa đã thật sự là chỗ dựa vững chắc và điều kiện thuận lợi bảo đảm thành công cho việc giáo dục, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.



Xây dựng và bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ là yêu cầu khách quan của cách mạng đồng thời cũng là nguyện vọng thiết tha của thế hệ trẻ nước ta.

Lý tưởng cao đẹp của thế hệ trẻ Việt-nam ngày nay là ra sức phấn đấu cho sự toàn thắng của những mục tiêu

(6) Trích theo báo *Tiền phong*, số 24, tháng 6-78, trang 3.

(7) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 179.

(8) *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1956, tập 1, trang 73.

cách mạng mà Đảng ta đã đề ra: *chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản*. Xuất phát từ cơ sở lý luận khoa học và từ thực tiễn cách mạng nước ta, lý tưởng đó bắt rễ mỗi ngày một vững chắc vào thể hệ trẻ Việt-nam và có sức mạnh lớn lao. Lý tưởng đó là mục tiêu phấn đấu suốt cả cuộc đời của mỗi một thanh niên. Hạnh phúc lớn lao nhất của thể hệ trẻ Việt-nam là suốt đời phấn đấu thực hiện thành công lý tưởng cách mạng cao quý đó dưới ngọn cờ lãnh đạo bách chiến bách thắng của Đảng.

Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là lý tưởng, là mục tiêu cách mạng của thể hệ trẻ Việt-nam. Để thực hiện mục tiêu cách mạng lâu dài đó, chúng ta phải phấn đấu thực hiện từng bước những *mục tiêu cách mạng trước mắt*, có thể gọi là *lý tưởng cách mạng cụ thể* trong từng giai đoạn cách mạng. Mục tiêu cách mạng do Đại hội lần thứ IV của Đảng cùng những Nghị quyết 2, 3 và 4 của Ban chấp hành trung ương Đảng đề ra gần đây: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa *chính là lý tưởng cách mạng cụ thể hiện nay của thể hệ trẻ Việt-nam ta*. Tin tưởng vào ý thức giác ngộ về lý tưởng cách mạng và tiềm năng cùng năng lực làm chủ tập thể của mình, thể hệ trẻ nước ta coi việc phấn đấu thực hiện thắng lợi lý tưởng cách mạng cụ thể đó là trách nhiệm, vinh dự và niềm hạnh phúc lớn lao nhất của mình trong giai đoạn mới của cách mạng. Đồng chí Lê-Duẩn đã nói với thanh niên ta: «Hạnh phúc lớn lao nhất của thanh niên là cống hiến trọn vẹn tuổi trẻ của mình cho sự nghiệp cách mạng cao cả đó. Vinh quang và hạnh phúc thuộc về những ai biết cống hiến thật nhiều cho chủ nghĩa xã hội, cho lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc» (9).

Lý tưởng cách mạng không phải là một cái gì trừu tượng. Lý tưởng cách mạng chung của cả thể hệ trẻ Việt-nam cũng là lý tưởng của mỗi một

bạn trẻ, nhưng lý tưởng cách mạng chung đó phải được thể hiện ở từng người bằng những nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công trong chế độ xã hội chủ nghĩa có lãnh đạo, có tổ chức của chúng ta. Thực hiện lý tưởng cuộc sống của mình, trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng hiện nay, mỗi một đoàn viên và thanh niên ta sẵn sàng đi bất cứ đâu, làm bất kỳ việc gì mà Tổ quốc cần đến, và với ý thức làm chủ tập thể cao, đem hết tài năng và tinh thần sáng tạo hoàn thành thật xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Chọn con đường vào đời là vấn đề hết sức quan trọng đối với mỗi một thanh niên để thực hiện một cách cụ thể lý tưởng cách mạng của mình. Tại những «Diễn đàn thanh niên» do các cơ sở Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chi-Minh tổ chức về những chủ đề «lý tưởng của thanh niên», «tương lai và tiền đồ của tuổi trẻ», «con đường vào đời của thanh niên»..., đại đa số các bạn trẻ đã có những suy nghĩ đúng đắn, tỏ ra vững vàng trong việc xác định lý tưởng cách mạng của mình trên cương vị và nhiệm vụ công tác cụ thể. Sự nghiệp cách mạng về vang của Tổ quốc Việt-nam xã hội chủ nghĩa chúng ta ngày nay đang mở ra cho thể hệ trẻ nước ta hàng trăm nẻo đường thênh thang để cùng đi về một mục đích, một lý tưởng, để cống hiến và tiến bộ, trưởng thành. Nhiều bạn trẻ học xong phổ thông đã trở thành những xã viên hợp tác xã nông nghiệp, những công nhân các nhà máy, công, nông, lâm trường, những mẫu dịch viên, những cô nuôi dạy trẻ, những thầy giáo, những kỹ thuật viên... say sưa với nhiệm vụ, có những cống hiến xứng đáng và trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt. Nhiều bạn trẻ ở các thành phố, tỉnh đồng bằng đông dân đã trở thành những người lính tiên phong của đội quân lao động đi xây dựng

(9) Lê-Duẩn: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Thanh niên Hà-nội, 1966, trang 142.

những vùng kinh tế mới, tiến công những vùng đất nông nghiệp hoang hóa, đánh thức 15 triệu héc-ta rừng và đất rừng ra khỏi giấc ngủ triền miên hàng thế kỷ nay, chinh phục 1,3 triệu ki-lô-mét vuông biển cả và thêm lực địa để làm giàu cho Tổ quốc. Nhiều bạn trẻ khác gia nhập các lực lượng vũ trang đã rèn luyện tốt, luôn trong tư thế sẵn sàng chiến đấu, và anh dũng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đội ngũ thanh niên trí thức say mê sáng tạo, cống hiến thật nhiều cho Tổ quốc. Sức mạnh của thế hệ trẻ bắt nguồn từ lý tưởng cách mạng, đã góp phần quan trọng làm nên sức mạnh to lớn của dân tộc ta.

Ở các bạn trẻ đó, cuộc sống và lý tưởng đã gắn bó chặt chẽ với nhau và lý tưởng cách mạng đã trở thành mục đích và nội dung cao đẹp của cuộc sống.

Tiếc thay ! Còn một số ít thanh niên chỉ mới có cuộc sống mà chưa có lý tưởng, hoặc nói một cách khác, chỉ mới có cuộc sống tầm thường của bản thân với những mục đích thấp kém của cuộc sống cá nhân mà thôi. Cuộc sống ấy còn ở ngoài lề xã hội, chưa có ích gì cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; là cuộc sống ăn bám xã hội của những người có nghĩa vụ phục vụ đất nước mà ngại lao động, ngại những công việc vất vả, ngại gian khổ khó khăn, ngại xa thành phố, ngại công tác ở rừng núi ; v.v. Cuộc sống của tuổi trẻ không được vũ trang bằng lý tưởng cách mạng đã đành là cuộc sống tầm thường nhưng theo quy luật của cuộc sống, mức độ thấp kém đó không phải chỉ dừng lại ở đấy. Nhân dân ta thường nói “ nhân cư vi bất thiện ” ; nếu cuộc sống, nhất là cuộc sống của thanh niên, mà chỉ có ăn không ngồi rồi, chờ việc nhàn hạ, không được cuốn hút vào những công tác cụ thể, sôi động của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thì cuộc sống đó sẽ là miếng đất tốt cho những hiện tượng tiêu cực (như lố lằng trong sinh hoạt, cần quấy,

phe phẩy, làm ăn bất chính..., thậm chí phạm pháp) phát triển.

Hiện nay, bên cạnh hàng chục vạn thanh niên ở miền Nam đã tham gia các hoạt động cách mạng từ sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng (tham gia các đội thanh niên xung phong xây dựng các vùng kinh tế ; tham gia cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, quản lý thị trường ; tham gia cải tạo nông nghiệp ; giữ gìn trật tự an ninh, phục vụ chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc), và có nhiều tiến bộ, đáng khen ngợi, cũng còn một số ít thanh niên hư hỏng ở các thành thị chưa có chuyên môn tốt, cần được giúp đỡ nhiều hơn nữa. Chưa nói đến ước mơ cao đẹp và lý tưởng là điều còn rất xa lạ đối với họ, mà ngay cả cuộc sống bình thường cũng chưa đến với họ. Ở miền Bắc, lác đác một số ít thanh niên lạc hậu đua đòi, chạy theo những thị hiếu tầm thường, thấp kém trong cuộc sống, xao lãng lý tưởng cao đẹp vốn có của chế độ xã hội chủ nghĩa, xa lạ dần với những phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ nước ta ngày nay, cũng cần được giáo dục, rèn luyện một cách tích cực. Đó là điều mà Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các cơ quan có trách nhiệm đang quan tâm.

Phong trào *« Ba xung kích làm chủ tập thể »* phát động trong thanh niên cả nước ta từ đầu năm nay đang phát triển mạnh mẽ và được tiếp tục nâng lên một bước trong tình hình và nhiệm vụ mới, với việc tổ chức *lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*, là thời cơ tốt và điều kiện thuận lợi mới để thế hệ trẻ Việt-nam thực hiện lý tưởng cách mạng của mình. Đợt sinh hoạt chủ đề *« Đất nước và tuổi trẻ »* do Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh tổ chức từ đầu năm nay, được Hội nghị lần thứ 26 Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh họp gần đây quyết định nâng lên thành chủ đề *« Tuổi trẻ và*

Tổ quốc xã hội chủ nghĩa», đã thu hút hàng triệu đoàn viên và thanh niên tham gia sôi nổi, nhất là từ khi tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh công khai ráo riết thi hành chính sách thù địch đối với cách mạng nước ta. Đợt sinh hoạt chủ đề cùng với việc trên 7 triệu rưỡi đoàn viên và thanh niên trong cả nước đăng ký tham gia *lực lượng thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa* đã làm bùng lên khí thế cách mạng mạnh mẽ của phong trào thanh niên cả nước, thể hiện cụ thể lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ Việt-nam trước tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ngày nay, lý tưởng cách mạng của thế hệ trẻ nước ta được thể hiện tập trung trong phong trào *«Ba xung kích làm chủ tập thể»* với những nhiệm vụ cụ thể là: hăng hái thi đua lao động sản xuất, hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1978, và các kế hoạch tiếp sau; sẵn sàng tình nguyện lên đường làm mọi nhiệm vụ mà Tổ quốc cần; hăng hái gia nhập các lực lượng vũ trang nhân dân, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đề cho cuộc đời mình có ý nghĩa, mỗi một thanh niên chúng ta cần giải quyết tốt hai vấn đề: *xây dựng lý tưởng cách mạng và phấn đấu thực hiện lý tưởng*. Hai vấn đề này có quan hệ hữu cơ với nhau. Xây dựng được lý tưởng cách mạng cho cuộc sống đã là việc khó nhưng phấn đấu thực hiện thắng lợi lý tưởng lại càng khó khăn, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của mỗi người chúng ta. Không ít người do ý chí cách mạng giảm sút, nghị lực cách mạng không còn, đã chùn bước ngã lòng trước những gian khổ, khó khăn hoặc bị những dục vọng thấp hèn của cuộc sống chinh phục mà bỏ dở con đường cách mạng, cam tâm làm kẻ chiến bại, thậm chí có trường hợp phản lại chính lý tưởng của mình.

Người xưa đã nói một cách triết lý: *«Đường đời đi khó nhưng không khó vì ngăn sông cách núi mà chỉ khó vì lòng người ngại núi e sông!»*.

Đoàn viên và thanh niên ta cần qua học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lịch sử cách mạng Việt-nam, lịch sử của Đảng ta, đường lối chính sách của Đảng... mà tự xây dựng và kiên định thế giới quan chủ nghĩa Mác - Lê-nin và nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa; kết hợp nhuần nhuyễn lòng yêu nước nồng nàn với ý thức giác ngộ cao về giai cấp công nhân, kiên quyết chiến đấu suốt đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên đất nước ta. Mỗi một đoàn viên và thanh niên luôn luôn tự bồi dưỡng và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, có dũng khí đấu tranh bất khuất, kiên cường, không sợ gian khổ hy sinh, sẵn sàng quên mình vì cách mạng như những gương anh hùng của nhiều đơn vị, cá nhân thanh niên ta hiện nay trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa mà tiêu biểu là anh hùng liệt sĩ Lê-dinh-Chính và Đoàn công an nhân dân vũ trang Thanh-xuyên. Đồng chí Lê-Duân đã nói: *«Cuộc sống chỉ cao quý khi chúng ta sống có lý tưởng và đề thực hiện lý tưởng khi cần có thể xả thân vì sự nghiệp chung của dân tộc, của giai cấp»* (10).

Đề *phấn đấu thực hiện thắng lợi lý tưởng cách mạng*, mỗi một đoàn viên và thanh niên không ngừng học tập, rèn luyện *nâng cao năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa* của mình. Năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm những yếu tố chủ yếu: trình độ văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ, quản lý kinh tế; trình độ,

(10) Lê-Duân: *Thanh niên với cách mạng xã hội chủ nghĩa* Nhà xuất bản Thanh niên, Hà-nội, 1966, trang 140.

khả năng tổ chức, thực hiện những nhiệm vụ công tác nhất định; trình độ vận động, tổ chức quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng, v.v. Những năm gần đây, thanh niên ta có nhiều tiến bộ về văn hóa, khoa học, kỹ thuật nghiệp vụ, đó là cơ sở thuận lợi cho việc phấn đấu thực hiện lý tưởng trong các nhiệm vụ cụ thể được giao cho. Như ở nhà máy ô-tô Ngô-Gia-Tự, 77% tổng số thanh niên có trình độ văn hóa cấp III và đại học; ở mỏ than Hà-lâm (Quảng-ninh) về kỹ thuật 28,65% tổng số đoàn viên và thanh niên có trình độ sơ cấp, 13,22% có trình độ trung cấp và 2,37% có trình độ cao cấp. Trong nông nghiệp, thanh niên ở các hợp tác xã cũng là lực lượng chủ yếu nắm kỹ thuật trong mọi khâu cụ thể sản xuất. Theo Niên giám thống kê tóm tắt năm 1975 thì ở miền Bắc 7,8% thanh niên trong nông nghiệp được đào tạo một cách hoàn chỉnh, 22,4% thanh niên công nhân được đào tạo vững về tay nghề và 1,5% thanh niên có trình độ đại học. Tuy nhiên, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ-Chí-Minh và các cơ quan có trách nhiệm còn tiếp tục tăng cường hơn nữa việc động viên, khuyến khích, giúp đỡ thanh niên tiếp tục học tập văn hóa, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ để không ngừng nâng cao năng lực làm chủ tập thể. Theo tài liệu khảo sát về tình hình thể hệ trẻ gần đây ở một số địa phương, cơ sở thì tại 4 xí nghiệp ở Hà-nội mới có 53% tổng số thanh niên tham gia học tập thêm tại các trường, lớp ngoài giờ sản xuất; ở các công trường tỷ lệ đó còn thấp hơn nhiều: mới có 18%. Qua 62 phiếu trưng cầu ý kiến của thanh niên ở một số cơ sở, chỉ có 29 phiếu thể hiện xu hướng muốn tiếp tục học tập thêm ngoài giờ sản xuất về văn hóa, kỹ thuật, nghiệp vụ.

Nâng cao năng lực làm chủ tập thể của thể hệ trẻ để họ có đủ khả năng thực hiện lý tưởng cách mạng là nhiệm vụ trực tiếp và cụ thể của

toàn hệ thống chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cũng như của chủ quan mỗi một đoàn viên và thanh niên. Khó có thể nói rằng thể hệ trẻ thực hiện tốt lý tưởng cách mạng của mình một khi năng lực làm chủ tập thể của chính bản thân họ lại thấp kém. Và « điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, và nếu họ (tức thể hệ trẻ - VCC) không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyên vọng mà thôi » (11).



Trong cuộc đời của mỗi người, giai đoạn nào trong đời cũng hết sức quý giá nhưng nói cho cùng thì tuổi trẻ là tuổi quý nhất vì tuổi trẻ là tuổi nuôi dưỡng nhiều ước mơ, khát khao với lý tưởng nhất và cũng là tuổi có nhiều khả năng nhất để thực hiện ước mơ, lý tưởng, nhất là tuổi trẻ trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thanh niên ta nhiều người đã đọc và say mê tác phẩm nổi tiếng *Thép đã tôi, thế đấy* với nhân vật Pa-ven và rất đồng tình với tác giả Nhi-cô-lai Ô-xơ-rốp-xki: « Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Đời người chỉ sống có một lần, phải sống làm sao để khỏi phải xót xa ân hận vì những năm tháng đã sống thừa, để khỏi phải hổ thẹn vì một dĩ vãng ti tiện và dón hèn, và để khi hấp hối có thể nói rằng: suốt cả đời tôi và sức tôi đều đã cống hiến cho sự nghiệp đẹp đẽ nhất thế giới: sự nghiệp đấu tranh giải phóng nhân loại ».

Được Đảng giáo dục, tổ chức và lãnh đạo, thể hệ trẻ nước ta, vũ trang bằng lý tưởng bách chiến bách thắng của Đảng, nhất định sẽ sống một cuộc sống có ý nghĩa cao đẹp, sẽ hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới và phấn đấu suốt đời cho thắng lợi của lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

(11) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1969, tập 31, trang 350.

TỔ CHỨC LẠI SẢN XUẤT TIÊU CÔNG NGHIỆP VÀ THỦ CÔNG NGHIỆP Ở CÁC TỈNH VÀ THÀNH PHỐ MIỀN NAM

NGUYỄN-BÍCH



TIÊU công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh và thành phố miền Nam có một tiềm lực khá lớn. Với hàng chục nghìn cơ sở lớn nhỏ khác nhau thuộc nhiều ngành nghề thiết yếu đối với đời sống và xuất khẩu, hằng năm nó có khả năng sản xuất hàng tỷ đồng về giá trị hàng hóa. Với công cụ sản xuất và thiết bị của một số cơ sở tương đối tốt, với tay nghề khéo léo của thợ thủ công, trước đây lại có điều kiện tiếp xúc với sinh hoạt của các nước có nền kinh tế phát triển, tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam đã sản xuất một khối lượng hàng hóa có phẩm chất tốt, mặt hàng phong phú, đa dạng, có trình độ mỹ thuật khá, thỏa mãn được ở mức độ nào đó nhu cầu muôn hình muôn vẻ của nhân dân. Trên một số mặt hàng, tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp đã làm ra được một số sản phẩm vượt xa khả năng của từng cơ sở cá biệt, đem lại hiệu quả kinh tế tốt.

Nhưng nói chung, do còn trong tình trạng sản xuất nhỏ, một thời gian lại bị tác động của các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa, cho nên tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam vẫn còn nhiều nhược điểm và nét tiêu cực. Mặc dù vậy, trên con đường công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, một chính sách kinh tế đúng đắn đòi hỏi chúng ta phải

phát huy, mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất của tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam trên cơ sở cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, nền chuyên chính vô sản đã được xác lập và ngày càng củng cố, kinh tế quốc doanh đã chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực đã và đang được tiến hành một cách toàn diện và sâu sắc. Các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội bắt đầu phát huy tác dụng ở miền Nam. Trong điều kiện ấy, chúng ta hoàn toàn có khả năng cải tạo, tổ chức lại sản xuất của tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam, đưa nó tiến dần lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp với sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, sản xuất nhỏ và phân tán, trình độ trang bị kỹ thuật nói chung thấp, phân công lao động đơn giản, năng suất lao động thấp, lại quen chịu tác động của các quy luật kinh tế tư bản chủ nghĩa, cần được cải tạo theo những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội và phải được tổ chức lại, để tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Đó là một tất yếu kinh tế khách quan.

Mục đích cơ bản, bao trùm của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ

chức lại sản xuất đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là tạo ra những điều kiện, những tiền đề nhất thiết phải có để phát triển sản xuất. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất phải làm cho thợ thủ công yên tâm, phấn khởi đem hết nhiệt tình ra xây dựng chủ nghĩa xã hội, thúc đẩy quá trình chuyên môn hóa và hợp tác hóa, thúc đẩy phong trào cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, từ đó làm cho sản phẩm của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển về số lượng, phong phú về chủng loại và mặt hàng, có trình độ mỹ thuật và chất lượng cao hơn trước, phục vụ một cách nhạy bén và thuận lợi cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đây là thước đo kết quả của cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, chỉ đạo thực hiện, tốt hay không tốt.

Dương nhiên, quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cũng là một quá trình hạn chế và xóa bỏ những mặt tiêu cực của nó do chế độ kinh tế cũ để lại. Song, nhất thiết không được vì vậy mà gây trở ngại cho sản xuất; ngược lại, *phải duy trì và phát triển được sản xuất. Đó là tư tưởng chỉ đạo* quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Muốn thực hiện được mục đích bao quát ấy, chúng ta cần quan tâm giải quyết mấy vấn đề chủ yếu dưới đây:

Một là, *tiến hành quy hoạch sản xuất*. Tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là một bộ phận quan trọng của kinh tế địa phương, đồng thời lại nằm trong từng ngành công nghiệp của cả nước. Quốc doanh trung ương, quốc doanh địa phương, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp là một thể thống nhất, dựa vào nhau để phát triển trên một quy hoạch chung.

Trên cơ sở điều tra, nắm vững năng lực sản xuất của từng ngành

công nghiệp trong cả nước, dựa trên phương hướng phát triển trước mắt và lâu dài, có sự sắp xếp hợp lý theo tư tưởng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có phân công, hợp tác, tạo nên một trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất, thì năng lực của từng ngành công nghiệp sẽ được nâng cao lên rất nhiều. Từ đó, chúng ta sẽ tiết kiệm được vốn đầu tư, sản xuất được nhiều sản phẩm mà trước đây không làm được, hiệu quả kinh tế chung của nền kinh tế quốc dân và của từng cơ sở sẽ được nâng lên rất nhiều. Trong quy hoạch, cần xác định rõ, đối với ngành, nghề nào, mặt hàng nào, thì công nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp cùng làm; đối với ngành, nghề nào, mặt hàng nào, thì để cho các hợp tác xã thủ công nghiệp và tiểu công nghiệp sản xuất mà quốc doanh chưa làm hoặc không làm; đối với ngành, nghề nào, mặt hàng nào, thì chỉ phát triển công nghiệp quốc doanh mà không sử dụng các hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Trong tình hình sản xuất chưa ổn định, việc quy hoạch sản xuất tuy có nhiều khó khăn nhưng không phải là không làm được. Điều quan trọng là cần điều tra nắm chắc tình hình, xác định cho được phương hướng sản xuất, đứng trên lợi ích kinh tế của cả nước, chống tư tưởng bản vị, cục bộ, địa phương để phân công, sắp xếp các khu vực kinh tế một cách hợp lý. Với chức năng quản lý toàn ngành trong cả nước, các ngành quản lý kinh tế ở trung ương cần chủ động và giữ vai trò quyết định trong việc làm quy hoạch.

Hai là, *áp dụng các hình thức cải tạo hợp lý*. Đưa tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vào sản xuất dưới hình thức nào là một nội dung quan trọng của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và tổ chức lại sản xuất. Chọn được hình thức tổ chức hợp lý phù

hợp với đặc điểm kinh tế — kỹ thuật của từng mặt hàng khác nhau sẽ tạo ra những điều kiện cần thiết cho tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp đổi mới kỹ thuật, phân công lại lao động, chuyên môn hóa thao tác. Đó cũng là những điều kiện để phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới, thúc đẩy sản xuất phát triển nhanh chóng và vững chắc. Ngược lại, nếu sắp xếp tiêu công nghiệp và thủ công nghiệp một cách máy móc, đơn giản, không phù hợp với đặc điểm kinh tế — kỹ thuật của từng mặt hàng khác nhau sẽ hạn chế sản xuất, làm cho mặt hàng của nó nghèo nàn, đơn điệu, gây trở ngại cho người tiêu dùng.

Dưới đây là những hình thức phổ biến cần được nghiên cứu vận dụng cho thích hợp với đặc điểm riêng của từng ngành nghề

Hợp tác xã sản xuất là đơn vị kinh tế cơ sở, có tư cách pháp nhân, đơn vị hạch toán kinh tế theo nguyên tắc quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Ở đây, tư liệu sản xuất được tập thể hóa, lao động tập thể và phân phối theo lao động được thực hiện. Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã mà thực hiện chế độ khấu hao tài sản cố định, tích lũy để tái sản xuất mở rộng, lập các quỹ phúc lợi tập thể để chăm lo đời sống chung của xã viên. Hợp tác xã sản xuất là một tổ chức kinh tế tập thể, trong đó các thành viên của hợp tác xã gắn bó với nhau, phụ thuộc lẫn nhau trên cơ sở sản xuất và kinh doanh chung; thu nhập, đời sống của từng người về cơ bản phụ thuộc vào sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Hợp tác xã sản xuất chỉ nên bao gồm các ngành, nghề có phương hướng phát triển ổn định, có điều kiện và nhất thiết phải sản xuất tập trung để đổi mới công cụ, thiết bị, tổ chức lại dây chuyền sản xuất. Trên cơ sở đó mà chuyên môn hóa thao tác, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Không nên đưa vào hợp tác xã sản xuất những ngành, nghề mà điều kiện sản xuất chưa đòi hỏi hoặc chưa cho phép đổi mới công cụ, thiết bị, thay đổi công nghệ sản xuất, và sản xuất tập trung vẫn không đem lại một tiến bộ gì về năng suất lao động và chất lượng hàng hóa so với sản xuất phân tán.

Chúng ta cần thấy rằng, đối với những cơ sở sản xuất cá thể không yêu cầu sản xuất tập trung mà lại tổ chức thành các hợp tác xã sản xuất thì chẳng những không đem lại hiệu quả kinh tế tốt hơn mà trái lại làm cho công tác quản lý phức tạp, chi phí về quản lý sản xuất tăng lên, hiện tượng dựa dẫm vào nhau có điều kiện phát sinh. Do đó, khi đã tổ chức thành hợp tác xã sản xuất, nhất thiết phải tổ chức lại dây chuyền sản xuất theo hướng chuyên môn hóa lao động, đổi mới công cụ và thiết bị; nếu không làm được những việc này thì tính ưu việt của quan hệ sản xuất mới không thể có được, trái lại những hiện tượng tiêu cực trong sản xuất dễ phát sinh và phát triển.

Tổ sản xuất, về cơ bản giống như hợp tác xã sản xuất: nó cũng tiến hành lao động tập thể và phân phối theo lao động. Tất nhiên là quy mô tổ sản xuất nhỏ hơn hợp tác xã sản xuất. Thông thường có hai loại tổ sản xuất.

Trên một địa bàn nào đó, những người cùng sản xuất trong một ngành, nghề giống nhau đòi hỏi phải tổ chức lại với số lượng ít thì tổ chức thành tổ sản xuất. Các chế độ quản lý trong các tổ sản xuất loại này về cơ bản không khác gì chế độ quản lý trong các hợp tác xã sản xuất. Nếu xét về lâu dài, không có điều kiện và không đòi hỏi phải mở rộng quy mô sản xuất thì quỹ tích lũy không phải tập trung nhiều như ở hợp tác xã sản xuất.

Trên một địa bàn nào đó, những người sản xuất cùng một ngành, nghề phải được tổ chức lại với số lượng nhiều thì đã có điều kiện tổ chức

thành hợp tác xã sản xuất. Song, vì một lý do nào đó như phương hướng sản xuất chưa được xác định rõ, quản chúng chưa tự nguyện vào hợp tác xã, v.v. thì tạm thời có thể tổ chức thành tổ sản xuất. Trong trường hợp này, tổ sản xuất chỉ là hình thức quá độ, sau này có thể chuyển thành hợp tác xã sản xuất. Công tác quản lý ở đây dựa theo nguyên tắc quản lý hợp tác xã và yêu cầu của quản chúng mà tiến hành cho thích hợp.

Hợp tác xã và tổ cung tiêu - sản xuất. Đối với những ngành, nghề không đòi hỏi phải sản xuất tập thể, trái lại sản xuất, phục vụ riêng lẻ lại tiện lợi cho khách hàng, sử dụng được hợp lý lao động của người sản xuất, song trong quá trình sản xuất, kinh doanh lại đòi hỏi phải cùng mua chung nguyên liệu hay tiêu thụ chung hàng hóa thì nên tổ chức dưới hình thức tổ hoặc hợp tác xã cung tiêu - sản xuất. Về thực chất đây là sản xuất riêng lẻ, công cụ thuộc sở hữu cá thể, lao động riêng lẻ, hưởng thụ dựa trên kết quả lao động của từng cá nhân, do vậy, công tác quản lý hết sức đơn giản. Tùy theo nguyện vọng của quản chúng, ở đây chỉ nên lập quỹ tương trợ để giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn.

Hợp tác xã cung tiêu - sản xuất và tổ cung tiêu - sản xuất chỉ khác nhau về mặt quy mô mà thôi. Có loại hình cung tiêu - sản xuất được duy trì lâu dài. Trái lại, do những tiến bộ về kỹ thuật, có ngành, nghề nào đó về sau này được trang bị các loại máy móc và công cụ cải tiến đòi hỏi phải sản xuất tập trung mới hợp lý thì hình thức cung tiêu - sản xuất ở đây không còn thích hợp mà phải chuyển thành hợp tác xã sản xuất.

Sản xuất cá thể. Đối với những ngành, nghề không có yêu cầu hợp tác trong sản xuất cũng như trong thu mua nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là các nghề sửa chữa, phục vụ thì nên duy trì hình thức

sản xuất và phục vụ cá thể. Sau khi tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, một bộ phận thợ thủ công còn được duy trì sản xuất cá thể là vì lợi ích của sản xuất. Trong trường hợp này, sản xuất cá thể cần được giúp đỡ. Tất nhiên những người làm ăn riêng lẻ cũng phải được Nhà nước quản lý và bản thân họ phải nghiêm chỉnh chấp hành các thể lệ, chế độ và chính sách của Nhà nước.

Hiện nay ở miền Nam, các hình thức tổ chức trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp khá phong phú và phức tạp. Cần dựa vào các nguyên tắc trên đây mà sắp xếp lại cho hợp lý. Từ đó cần áp dụng các biện pháp quản lý chặt chẽ và có hiệu lực. Điều quan trọng là tránh khuynh hướng giản đơn, chủ quan, nóng vội, muốn đưa mọi ngành, nghề vào hợp tác xã sản xuất một cách hình thức, gây trở ngại cho sản xuất.

Ba là, đưa sản xuất của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp được cải tạo dưới nhiều hình thức khác nhau: có bộ phận được tập thể hóa thuộc phạm trù kinh tế xã hội chủ nghĩa, có bộ phận còn duy trì ở hình thức cá thể. Tuy nhiên, các thành phần ấy là những bộ phận của nền kinh tế quốc dân phát triển dưới sự tác động của các quy luật kinh tế của chủ nghĩa xã hội. Như vậy, điều quan trọng là không được gò ép tập thể hóa các ngành tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp một cách hình thức mà chính là phải thực hiện một hệ thống quản lý hợp lý, thúc đẩy tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp phát triển đúng hướng nhằm phục vụ tốt quốc kế dân sinh.

Thật là sai lầm nếu hiểu một cách máy móc rằng cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp chỉ là xóa bỏ mọi

hình thức sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất, từ đó « đánh trống ghi tên » đưa mọi người vào hợp tác xã, nhưng sau đó lại buông trôi lãnh đạo, quản lý lỏng lẻo để hợp tác xã biến thành « phường hội » gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế quốc dân.

Để đưa tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vào quỹ đạo của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, cần sử dụng một cách đồng bộ các công cụ và chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước, từ công tác kế hoạch hóa, các thể lệ, chế độ về quản lý hành chính — kinh tế đến các đòn bẩy kinh tế, trong đó các chính sách về đòn bẩy kinh tế là hết sức quan trọng.

Nền kinh tế của ta hiện nay chưa ổn định, nhiều tính toán của các cơ quan quản lý kinh tế có trường hợp chưa ăn khớp với diễn biến thực tế, sản xuất của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp lại phức tạp, đa dạng, phân tán. Do đó, việc sử dụng các công cụ, biện pháp, chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước đối với tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp cần phải bảo đảm cả hai mặt: vừa giữ được tính nguyên tắc của công tác quản lý nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, vừa thích ứng với đặc điểm sở hữu và sản xuất muôn hình muôn vẻ của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Công tác kế hoạch hóa chỉ nên tập trung thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản nhất mà Nhà nước quản lý và đưa vào cân đối trong nền kinh tế quốc dân như: các sản phẩm chủ yếu, vật tư, nhiên liệu, lao động được phân bổ cho khu vực này, v.v. Những mặt hàng thứ yếu muôn hình muôn vẻ trong đời sống không thể nào tính toán ăn khớp với nhu cầu xã hội, cần để cho cơ sở sản xuất căn cứ vào nhu cầu thị trường mà sản xuất.

Các thể lệ, chế độ quản lý kinh tế của Nhà nước vừa phải thể hiện tính chất triệt để nghiêm túc, chống các hiện tượng làm ăn không đúng đắn,

vừa phải phù hợp với điều kiện chấp hành của các cơ sở sản xuất. Chống khuynh hướng hình thức chủ nghĩa, đưa ra nhiều chế độ, nguyên tắc một cách chi li, nhưng không ai chấp hành được và cuối cùng không ai tuân theo cả.

Các chính sách về đòn bẩy kinh tế cần quán triệt nguyên tắc phục vụ và thúc đẩy sản xuất, vừa bảo đảm lợi ích của Nhà nước, lợi ích của toàn xã hội, vừa bảo đảm lợi ích của tập thể và của từng người lao động.

Hiện nay, sản xuất và đời sống của những người thợ thủ công chưa ổn định. Họ còn dựa một phần quan trọng vào thị trường tự do với giá cả lên xuống không bình thường, các chế độ phúc lợi tập thể chưa được quyết định. Các chính sách của Nhà nước không thể không chiếu cố đến thực tế đó.

Tóm lại, công tác quản lý tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp về nguyên tắc phải hết sức nghiêm túc và chặt chẽ, song khi xử lý các trường hợp cụ thể lại phải linh hoạt, có lý, có tình.

Bốn là, *xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của những người thợ thủ công*. Dù sản xuất dưới hình thức nào, người lao động đã làm chủ trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. Họ không còn bị bóc lột, chèn ép như trước nữa. Đó là một động lực to lớn thúc đẩy việc phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, và cải thiện đời sống của người lao động.

Tuy nhiên, xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của những người làm nghề thủ công là một vấn đề phức tạp lâu dài, do đó Đảng và Nhà nước ta cần giải quyết hàng loạt vấn đề một cách đồng bộ.

Về mặt tư tưởng, cần giáo dục người làm nghề thủ công hiểu rõ bản chất của chế độ kinh tế xã hội chủ

nghĩa, nhận rõ tính ưu việt của nó, thấy rõ mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, giữa cá nhân và tập thể, giữa tập thể và Nhà nước. Từ đó mà chống lề thói sản xuất và kinh doanh của người sản xuất nhỏ, ảnh hưởng tập quán sản xuất và kinh doanh của chế độ cũ.

Công tác giáo dục chính trị cho người làm nghề thủ công không chỉ hạn chế ở chỗ tổ chức học tập, lên lớp, tuyên truyền mà điều quan trọng là thông qua thực tiễn sản xuất, chất lượng hàng hóa, giá cả, việc chấp hành chính sách của Nhà nước mà động viên hoặc uốn nắn kịp thời.

Về mặt tổ chức, cần tích cực xây dựng hệ thống tổ chức Đảng trong các đơn vị sản xuất, xác định vai trò lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Đảng trong từng đơn vị cơ sở. Tổ chức Đảng ở đây phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân mà lãnh đạo, dìu dắt người làm thủ công đi lên chủ nghĩa xã hội, chống khuynh hướng phương hội trong hợp tác xã. Phải dùng phương pháp giáo dục, thuyết phục mà thực hiện quyền lãnh đạo của mình, tránh bao biện, độc đoán, làm lu mờ tổ chức chuyên môn.

Nhanh chóng xây dựng và kiện toàn các tổ chức chuyên môn, chăm lo đến sản xuất và đời sống vật chất, văn hóa của người làm nghề thủ công, có kế hoạch đào tạo cán bộ, kiện toàn bộ máy và cải tiến chế độ làm việc. Đây là những tổ chức đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của quần chúng, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của tập thể và bảo đảm quyền lợi chính đáng của quần chúng.

Trong tổ chức kinh tế tập thể, quần chúng gần bó với tổ chức về nhiều mặt, trong đó quỹ không chia giữ một vị trí hết sức quan trọng. Trên cơ sở kết quả sản xuất, kinh doanh mà xây

dựng các quỹ tích lũy, quỹ phúc lợi tập thể, dựa vào đó mà tạo nên cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng lớn và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa cho xã viên. Chế độ phúc lợi của các hợp tác xã phải cố gắng theo kịp và ở những nơi có điều kiện, có thể xây dựng cao hơn chế độ phúc lợi trong các xí nghiệp quốc doanh.

Mối quan hệ giữa các tổ chức kinh doanh và quản lý kinh tế của Nhà nước với các đơn vị kinh tế tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của người làm nghề thủ công. Trên cơ sở chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hai bên đều phải thi hành nghiêm túc nghĩa vụ đối với nhau. Một mặt, tránh thái độ cửa quyền, ban ơn bằng cách đặt ra các quy định tùy tiện, phò trương, gây phiền hà cho sản xuất cũng như các hành động xâm phạm tới công việc nội bộ của hợp tác xã. Mặt khác, lại phải đề phòng khuynh hướng lỏng lẻo, che giấu cho các cơ sở sản xuất làm ăn không chính đáng.

Từ trước đến nay, Đảng ta đánh giá cao vai trò, vị trí của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Trong quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp càng có vai trò rất quan trọng. Trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp hợp tác hóa ở miền Bắc đã có những cống hiến quan trọng. Với những kinh nghiệm đó, với đường lối chính sách của Đảng được bổ sung hoàn chỉnh hơn, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở miền Nam, sau khi cải tạo và tổ chức lại sản xuất, nhất định sẽ phát triển tốt và mạnh mẽ, góp phần ngày càng to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

KỶ LUẬT PHẢI NGHIÊM MINH



ĂM 1922, khi biết thành ủy Mát-xcơ-va đã nhiều lần bao che, giảm nhẹ kỷ luật cho người cộng sản có khuyết điểm, Lê-nin đã gửi thư cho đồng chí Mô-lô-tốp đề chuyển cho các ủy viên Bộ chính trị, phân tích tác hại to lớn của việc làm đó, và đề nghị:

— « Cảnh cáo nghiêm khắc thành ủy Mát-xcơ-va.

— « Khẳng định cho tất cả các tỉnh ủy biết rằng Trung ương sẽ **khai trừ khỏi Đảng** những kẻ gây « thể lực » dù chỉ là chút ít đối với tòa án nhằm « rút bớt » trách nhiệm của những người cộng sản.

— « Ra thông tri cho Bộ dân ủy phụ trách luật pháp (...) biết rằng phải trừng trị những người cộng sản **ng nghiêm khắc hơn** những người ngoài Đảng. Nếu không chấp hành việc đó thì các thẩm phán nhân dân và các ủy viên trong ban lãnh đạo Bộ dân ủy phụ trách luật pháp sẽ bị **cách chức**.

— « Ủy nhiệm Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương toàn Nga **khởi trách** Đoàn chủ tịch xô-viết Mát-xcơ-va bằng cách cảnh cáo trên báo chí ».

Lê-nin còn viết thêm trong phần « tái bút »: « Thật là nhục nhã và tệ hại quá chừng: Đảng cầm quyền mà lại biện hộ cho những tên đốn mạt « của mình ! » (1).

Chúng ta suy nghĩ gì trước thái độ hết sức nghiêm khắc đó của Lê-nin ? Phải chăng Lê-nin không có lòng nhân đạo, không có tinh thương yêu đồng chí ? Phải chăng việc làm của Lê-nin như vậy là quá đáng ?

Không, Lê-nin là người nhân đạo hơn ai hết, thương yêu đồng chí mình hơn ai hết. Lê-nin chưa hề quá đáng bao giờ. Ở đây chỉ toát lên một tinh thần : Lê-nin là người kiên quyết giữ vững nguyên tắc, rất nghiêm khắc với sai lầm, khuyết điểm của đảng viên, nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền ; Lê-nin muốn giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, một vũ khí sắc bén quyết định sự thắng lợi của giai cấp vô sản. Như Lê-nin đã nhiều lần khẳng định, giai cấp vô sản sẽ không thể nào giữ vững được chính quyền « nếu Đảng ta không có kỷ luật nghiêm minh nhất, một thứ kỷ luật sắt thật sự » (2); rằng « không thể nào chiến thắng được giai cấp tư sản nếu không có một cuộc chiến đấu lâu dài, kiên trì, quyết liệt », nếu không có một « sự kiên định, kỷ luật, quyết tâm, một ý chí thống nhất và không

(1) Lê-nin : *Về những nguyên tắc tổ chức của Đảng vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1978, trang 170 — 171.

(2) Lê-nin, Xta-lin : *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 62.

gi lay chuyện nổi » (3). Người còn nói : « kẻ nào làm yếu — dù chỉ là chút ít — kỷ luật sắt trong đảng của giai cấp vô sản (nhất là trong thời kỳ chuyển chính của nó) là thực tế đã giúp cho giai cấp tư sản chống lại giai cấp vô sản » (4). Người yêu cầu : « cần phải đuổi ra khỏi Đảng những kẻ gian xảo, những đảng viên cộng sản đã quan liêu hóa, không trung thực, nhu nhược và những người men-sê-vich » (5).



Người Việt-nam ta có câu « thương em anh dễ trong lòng, việc quan anh cứ phép công anh lăm ». Nếu tước đi những gì là màu sắc phong kiến, câu này có ý nghĩa sâu sắc. Anh thương em lắm đấy, thương em da diết, thiết tha như bất cứ tình thương của đôi trai gái nào yêu nhau mãnh liệt nhất, nhưng khi giải quyết « việc quan », anh không thể dễ tình cảm riêng tư chi phối, mà phải chiếu theo pháp luật của Nhà nước.

Những người cộng sản là những người phấn đấu hy sinh vì lợi ích chung, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, luôn luôn đặt lợi ích tập thể lên trên lợi ích cá nhân, cho nên lại càng tôn trọng và giữ vững nguyên tắc khi giải quyết các công việc. Trong việc xử trí những người vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước, những người cộng sản có thái độ phải trái rất phân minh, không dung túng, bao che đối với những sai lầm, khuyết điểm. Hồ Chủ tịch đã dạy : « phải đề cao tinh thần kỷ luật, tinh thần nguyên tắc; tinh thần Đảng của mỗi đảng viên » (6), « Đảng phải giữ kỷ luật rất nghiêm từ trên xuống dưới » (7). Hồ Chủ tịch phê phán gay gắt những hiện tượng nể nang, bao che, không nghiêm minh trong khi thi hành kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Người yêu cầu « phải thi hành kỷ luật nghiêm khắc » những đảng viên và cán bộ, kẻ

cả cán bộ cao cấp, cán bộ lãnh đạo quan liêu, mệnh lệnh nặng, hoặc phạm những sai lầm nghiêm trọng, cũng như « phải phê bình nghiêm khắc » những chi bộ không làm đúng các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, những đảng viên không gương mẫu. Điều 53 của Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam quy định : « Những đảng viên vi phạm pháp luật của Nhà nước phải chịu thi hành kỷ luật nghiêm minh của Đảng và Nhà nước, không ai được dung túng, bao che » (8). Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng tại Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng cũng khẳng định : « kỷ luật của Đảng phải công minh, không cho phép đảng viên nào có đặc quyền, đặc lợi » (9).



Những điều sơ đẳng trên đây thiết tưởng mọi cán bộ, đảng viên chúng ta đều đã biết và đã trở thành tình cảm của mỗi người. Nhưng trong thực tế hiện nay, vẫn có không ít trường hợp xử lý kỷ luật đảng viên chưa nghiêm, chưa theo đúng tinh thần và nguyên tắc của Đảng. Tình trạng nể nang, che giấu khuyết điểm, giảm bớt kỷ luật cho nhau nhiều lúc vẫn xảy ra. Có đồng chí đảng bị kỷ luật nhưng không kỷ luật. Có đồng chí đảng phải xử phạt nặng thì chỉ phê bình, cảnh cáo qua loa. Có cán bộ vừa bị kỷ luật ở nơi này lại được chuyển sang giữ cương vị quan trọng ở nơi khác, có khi còn được lên chức, lên lương.

(3), (4) Lê-nin, Xta-lin : *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1974, trang 63 và 67.

(5) Lê-nin : *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tập 33, trang 48.

(6), (7) Hồ-Chí-Minh : *Về xây dựng Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, trang 59 và 21.

(8) *Điều lệ Đảng cộng sản Việt-nam*, trang 140.

(9) *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 102.

Vì sao như vậy ? Vì sao biết nguyên tắc, hiểu rõ tầm quan trọng của việc giữ gìn kỷ luật của Đảng, nhưng một số người vẫn cứ không nghiêm trong việc thi hành kỷ luật, bao che cho một số cán bộ, đảng viên ? Ở đây có thể có ba trường hợp :

Trường hợp thứ nhất : Đó là do tư tưởng hay nề nang, « dĩ hòa vi quý » của một số người. Với lý lẽ « phải thể tất nhân tình », « phải thương yêu đồng chí », những người này thường xuê xoa, che giấu khuyết điểm của người khác, quá dễ dãi trong việc xem xét kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên có sai lầm, nhất là đối với những người thân thiết hoặc « ăn cánh » với họ. Họ tưởng như thế là đoàn kết, là sống có nghĩa, có tình. Dù có thương nhau bao nhiêu cũng không thể vì tình cảm riêng tư mà vứt bỏ nguyên tắc, buông lỏng kỷ luật ; việc xử lý nghiêm minh những người vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước đâu có trái với tình thương cộng sản. Trái lại, chính vì dễ bảo vệ tình thương, tình đoàn kết mà phải có những hình thức kỷ luật nghiêm minh để đồng chí mình khỏi mắc lại sai lầm, khuyết điểm ấy và từ đó mà ngăn ngừa những sai lầm, khuyết điểm khác. Chỉ có như vậy thì tình thương mới thật sự có ý nghĩa, mới là tình thương chân chính. Nếu bao che sai lầm, khuyết điểm cho nhau, thì về thực chất là tạo điều kiện cho nhau tiếp tục phạm sai lầm, coi thường kỷ luật của Đảng, và đó không phải là tình thương mà là một tội lỗi.

Trường hợp thứ hai : Đó là do tư tưởng cục bộ, bản vị, thành tích chủ nghĩa của một số cán bộ phụ trách. Sợ mất cán bộ, sợ không có người làm việc, sợ ảnh hưởng đến thành tích, uy tín của đơn vị, họ rất ngại phải thi hành kỷ luật cán bộ, đảng viên trong đơn vị họ, nhất là khi phải đụng chạm đến những người đã từng có « công lao » với đơn vị. Họ quên mất

rằng che giấu khuyết điểm, giảm nhẹ kỷ luật cho cán bộ, đảng viên là làm hại cán bộ, đảng viên ấy chứ không phải là bảo vệ cán bộ, đảng viên ; là làm tổn thương thành tích và uy tín của đơn vị chứ không phải là giữ gìn thành tích, uy tín của đơn vị. Đối với những người đã từng có công hiến, Đảng ta, nhân dân ta luôn luôn ghi nhớ công lao của họ nhưng không phải vì thế mà dung túng, bao che, không dám xử lý nghiêm khắc một khi những người đó phạm pháp. Xta-lin đã nói một cách dứt khoát rằng, đối với những người trước đây đã có công lao « thì phải hết sức kính trọng », còn bây giờ các đồng chí ấy đã phạm sai lầm, muốn đặt mình lên trên tổ chức, ra ngoài kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước thì cần « phải giáng chức họ xuống và công bố việc đó lên báo chí », « trả họ về chỗ của họ ». Đừng ngại ngần gì cả. « Cần phải làm như thế để củng cố kỷ luật của Đảng và Nhà nước xã-viết trong toàn bộ công tác của chúng ta » (10).

Trường hợp thứ ba : Đó là do sự tính toán ích kỷ, sợ bị đụng chạm đến cá nhân, đến lợi ích riêng của một số cán bộ, đảng viên. Trong thực tế không phải họ bênh che, dung túng cho tất cả mọi người phạm sai lầm, khuyết điểm mà chỉ bênh che cho những ai có quan hệ trực tiếp đến lợi ích cá nhân của họ, hoặc những người biết « cái tổ con cháu cháu » của họ mà nếu làm gãy có khi họ « há miệng mắc quai », thậm chí có thể bị « đối phương » « quật » lại. Họ né tránh những trường hợp « hóc búa », gượng nhẹ đối với những người có chức, có quyền, mặc dù biết rằng những người này phạm sai lầm thì gây tác hại lớn hơn nhiều so với đảng viên thường. Trong khi đó đối với những người mà họ xét thấy có thể « bắt nạt » được thì họ lại rất nghiêm ; họ phê bình,

(10) Xta-lin : Toàn tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1965, tập 13, trang 360.

dấu tranh thẳng cánh, dề tỏ ra là công minh, chính trực, có khi việc bé họ còn xé ra to, không kể gì đến tình thương yêu đồng chí. Họ không biết rằng chính « tình trạng không công bằng trong việc thi hành kỷ luật, buông lỏng kỷ luật của Đảng đối với đảng viên, đặc biệt đối với những đảng viên giữ cương vị phụ trách, là một nguyên nhân quan trọng làm cho kỷ luật sắt của Đảng bị xem nhẹ và rất lỏng lẻo ở nhiều nơi » (11).

Cả ba trường hợp nói trên, dù mang tính chất thế nào chăng nữa, cũng đều dẫn đến tác hại làm cho kỷ luật của Đảng không nghiêm. Nó phá hoại tính chặt chẽ và sự thống nhất về tổ chức của Đảng, làm yếu sức chiến đấu của Đảng, làm rạn nứt lòng tin của quần chúng, làm giảm hiệu lực của hệ thống

chuyên chính vô sản, và góp phần làm trầm trọng thêm những hiện tượng tri trệ và tiêu cực trong đời sống xã hội.

Không biết những người thường bênh che cho những đảng viên phạm sai lầm, khuyết điểm có bình dung hết những hậu quả tai hại do họ gây ra hay không và có thấm thía hay không cái điều mà Lê-nin nói rằng hành động bao che, giảm tội cho những người cộng sản (nhất là trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền) là hành động tệ hại và nhục nhã?

Người xây dựng

(11) Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi điều lệ Đảng, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1977, trang 102.

VẤN ĐỀ CON NGƯỜI TRONG TRIẾT HỌC TƯ SẢN HIỆN ĐẠI

PHONG-HIỀN

Khái niệm con người của giai cấp tư sản : từ cá nhân đến siêu nhân.

Con người — đúng hơn, những con người hiện thực, trong sự phát triển lịch sử của họ — ngay từ khi ra đời, đã không ngừng nhận thức, cải tạo tự nhiên và xã hội. Tư duy nguyên thủy, vượt lên trên cái cụ thể hằng ngày, đã bước đầu tìm cách giải đáp những câu hỏi về nguồn gốc của vũ trụ, về nhân sinh, về cái chết. Nó cũng bước đầu xây dựng được những biểu tượng về quá khứ, rồi về tương lai, một cách khác biệt với hiện tại. Nhưng chỉ đến một thời kỳ nhất định nào đấy, trong những điều kiện vật chất nhất định, con người mới biết tư duy về mình như là con người, với tư cách là chủ thể và mục đích của lịch sử. Khái niệm con người ra đời. Thời kỳ lịch sử cho phép này sinh khái niệm ấy là thời kỳ có nền sản xuất hàng hóa.

Nền kinh tế hàng hóa cò đại và trung cò, với thị trường cò hẹp của nó, đã khai sinh ra nhân vật Giê-su,

cái con người trừu tượng, thoát thai từ nền kinh tế ấy, được tư duy thần bí khoác cho bộ mặt thần linh, và được Thiên chúa giáo chuyển vào trong ngôn ngữ huyền nhiệm của nó thành **Người — Chúa**.

Còn nền kinh tế hàng hóa ở thế kỷ XIV—XVI, với khuynh hướng phổ biến hóa thành thị trường thế giới của nó, đã cấu tạo nên chủ nghĩa nhân đạo (humanus), phản ánh cuộc sống mới bắt nguồn từ nền văn minh thương mại tư sản mới được mở rộng. Cuộc sống ấy giả thiết phải đảo lộn trật tự phong kiến. Nó cũng giả thiết phải xây dựng một nền văn hóa tách biệt với cái siêu nhiên và không cần biểu hiện thông qua đức tin, để phát triển khoa học kỹ thuật cần thiết cho nền kinh tế mới, để xây dựng một thế giới quan và một phương pháp tư duy mới. Muốn thế, phải chống Thiên chúa giáo trung cò. Vì vậy cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của giai cấp tư sản đã mở đợt phá khâu trên lĩnh vực tư tưởng. **Chính ở đây, giai cấp ấy đã chiếm hựu khái niệm con người.** Cùng với việc đòi tự do, nó

đòi «tôn trọng con người», «lấy con người làm trung tâm». Con người ở đây được giới thiệu như là **con người tự mình và vì mình, chứ không phải con người ở trong Chúa và vì Chúa**. Trong thực tế, đó là **con người — triết gia** (homo-sapiens) trên lĩnh vực tinh thần, là **con người — công dân** trên lĩnh vực xã hội.

Giai cấp tư sản đứng trước một tình hình tế nhị. Trên danh nghĩa, nó «đấu tranh cho toàn thể loài người». Trong thực tế, nó chỉ biết đến lợi ích giai cấp của nó. Bộ *Bách khoa toàn thư* là niềm kiêu hãnh của giai cấp ấy khi chưa giành được chính quyền. Cách mạng 1789 là bản anh hùng ca của nó. Còn bản *Tuyên ngôn nhân quyền* là đài chiến thắng của nó sau cách mạng. Nhưng ngay trong thứ kinh thánh mới ấy, cái gọi là người công dân — chủ nhân mới của xã hội — lập tức được xác định chặt chẽ: người công dân là người có tài sản. Đó là những công dân «tích cực», đối lập với những công dân «tiêu cực», những người không có tài sản. Như vậy, cái gọi là tự do đã hóa thân thành quyền tư hữu. Người công dân trừu tượng đã biến thành anh tư sản bằng xương bằng thịt. Khẩu hiệu tư sản trừu tượng: con người tự mình và vì mình, thực chất chỉ là cá nhân tự nó và vì nó. Lý tưởng trừu tượng coi con người là mục đích, trong một xã hội chưa có điều kiện khách quan để thống nhất lợi ích riêng với lợi ích chung, đã che giấu cho thực tế tư sản trong đấy con người là phương tiện của nhau, trước hết là phương tiện sinh ra giá trị thặng dư.

Như vậy, cuộc cách mạng mà giai cấp tư sản thực hiện, ngoài tính tích cực lịch sử, còn mang nhiều hạn chế giai cấp. Giữa lý tưởng mà nó nêu lên và hiện thực mà nó xây dựng, có cả một hố sâu ngăn cách, trong đó thay cho mâu thuẫn phong kiến với đẳng cấp thứ ba là mâu thuẫn tư bản với

vô sản. Công xã Pa-ri là biểu hiện sự nỗ lực của mâu thuẫn đối kháng ấy. Giai cấp công nhân từ lâu đã tách khỏi đẳng cấp thứ ba để trở thành một giai cấp vì mình. Còn giai cấp tư sản thì từ tiền bộ đã trở thành bảo thủ và phản động, từ tự do đã chuyển thành độc quyền, đế quốc chủ nghĩa. Nó vứt bỏ ngọn cờ nhân đạo chủ nghĩa gắn liền với con người trừu tượng của thời kỳ đang lên, đề giương cao ngọn cờ bành trướng, xâm lược gắn liền với **mẫu người «chính phục»**. Nít-xơ đã chuyển tham vọng chính trị đó sang lĩnh vực ý niệm, thành «ý chí quyền lực». Theo ông, chính ý chí này đã phân chia xã hội thành kẻ yếu, người mạnh. Người mạnh là kẻ có ý chí quyền lực mãnh liệt, mà ông gọi là những con người thượng đẳng, những **siêu nhân**. Người yếu được gọi một cách khinh bỉ là «hạ đẳng», là «bầy đàn». Những người này chỉ có mỗi một tác dụng là hy sinh cho những mục tiêu do «siêu nhân», «người hùng» đề ra. Muốn thúc đẩy một sự hy sinh như thế, Nít-xơ cho rằng phải thay chế độ đại nghị bằng Nhà nước quân sự, thay tinh thần dân chủ bằng tinh thần thượng võ, phải tạo ra kẻ thù, gây ra chiến tranh để siêu nhân có dịp thi thố và xây dựng «thiên đường dưới bóng lưỡi kiếm» của họ.

Hít-le đã phát triển ý kiến của Nít-xơ về **những** chủng tộc, **nhưng** dân tộc thượng đẳng thành **một** chủng tộc, **một** dân tộc thượng đẳng; đó là chủng tộc A-ry-en, là dân tộc Đức. Hít-le cũng phát triển ý kiến của Nít-xơ về **những** người thượng đẳng, **nhưng** siêu nhân thành quan niệm về **một** cá nhân thượng đẳng, **một** siêu nhân; được gọi là **quốc trưởng** (Führer) của dân tộc Đức. Tất nhiên, «siêu nhân» Hít-le, không phải chỉ thống trị nước Đức một cách tàn bạo, mà còn lôi kéo nhân dân Đức vào một cuộc phiêu lưu bi thảm nữa.

Sự tuyệt vọng của con người trong chủ nghĩa tư bản độc quyền.

Hai cuộc chiến tranh thế giới (1914 — 1918 và 1939 — 1945) cộng với một cuộc tổng khủng hoảng (1929 — 1933) diễn ra trong vòng 30 năm, đã làm lung lay tận gốc chế độ tư bản, khiến cho mọi người sống trong đó bị ném vào một sự dở vờ phổ biến, và đứng trước sự đe dọa bị tiêu diệt. Thế giới tư bản với những xáo trộn và những hy vọng, đã thôi thúc các nhà triết học và buộc mọi sự suy nghĩ triết học chỉ hướng về « hiện sinh » của con người.

Các nhà triết học tư sản lúc ấy (Xác-tơ-rơ, Ca-muyt, Ga-bri-en Mác-xen), với tư cách là những « chứng nhân của thời đại », mỗi người một vẻ, đều cố gắng phản ánh những nét ấy vào trong nhận thức của họ. Khi phủ nhận những « giá trị có sẵn » của thế giới tư sản, họ muốn « nổi loạn » chống lại thế giới đó để cố tìm một ý nghĩa cho cuộc sống. Khi quay lưng lại với mọi hệ thống duy lý, vốn tương phản với hiện thực phi lý tư sản, họ muốn suy nghĩ về « con người ở đời » và về sự hiện sinh riêng tư, đơn biệt, độc nhất, độc đáo của con người này. Họ từ bỏ **Con Người** (viết hoa) để đến với con người trong sự hiện sinh cụ thể của họ. Họ từ bỏ hành vi nhận thức để đào sâu vào cách thức tồn tại của con người cụ thể ấy, mà, theo họ, hai mươi thế kỷ triết học đã bỏ qua, chỉ nặng tư duy về tự nhiên và xã hội.

Trong lịch sử loài người, không thiếu gì những thời kỳ bế tắc về chính trị và tư tưởng. Chỗ độc đáo của các nhà hiện sinh chính là đã quay lưng lại với chủ thể nhận thức, để chỉ nhấn mạnh đến chủ thể của kinh nghiệm cảm xúc cá nhân có tính chất trực tiếp và sống thực. Xuất phát từ chính những kinh nghiệm cảm xúc có thật của họ trước hiện thực đen

tối tư sản, như là lo âu, buồn nôn, bi đát, tuyệt vọng, v.v. họ khái niệm hóa những kinh nghiệm ấy, hệ thống hóa chúng thành những phạm trù triết học, vừa có nguồn gốc cụ thể, vừa có tính chất phổ biến. Cái sai của họ chính là đã lấy tình hình của một giai cấp (giai cấp tư sản Đức, Pháp), trong cơn suy thoái của nó (khủng hoảng, bại trận) suy diễn thành tình hình của con người nói chung. Và sự bi thảm của giai cấp ấy được phổ biến hóa thành sự bi thảm của mọi hiện sinh, và được gắn liền với cái gọi là « thân phận con người » muôn thuở, dường như đã là con người thì phải chịu những thảm họa như vậy.

Một số nhà hiện sinh khác không cam chịu một cách thụ động, cái thân phận bi thảm đó của con người. Họ muốn cứu vớt sự có mặt và khả năng của con người bằng cách cho rằng cá nhân là điểm xuất phát tuyệt đối. Cá nhân ấy tự giải phóng khỏi mọi quy luật khách quan và mọi điều kiện xã hội để trở thành một « trung tâm sáng tạo » tuyệt đối. Đây cũng là một quan niệm sai lầm, vì cá nhân cũng là một sản phẩm xã hội và mang tính xã hội trong mỗi quyết định và lựa chọn của mình. Tất nhiên, do sự tác động trở lại của nó đối với xã hội, cá nhân đó vừa là sản phẩm, đồng thời vừa là kẻ « sáng tạo », vừa bị quy định, đồng thời cũng vừa tự do. Và biện chứng khách quan này của con người hoàn toàn khác với sự tuyệt đối hóa ý thức chủ quan của chủ nghĩa hiện sinh. Mặt khác, hành động của cá nhân được tuyệt đối hóa ấy không nhằm chống lại xã hội tư sản đang đè bẹp con người, chỉ chống lại cái « số phận » đang đè nặng lên họ. Hình thức biểu hiện của nó không phải là một cuộc cách mạng xã hội — vì theo họ, mỗi cá nhân là một ốc đảo, không có sự giao cảm với nhau, mà còn là « địa ngục » của nhau — mà là một hành vi của ý thức, biến sự xung đột xã hội thành

cuộc xung đột giữa «thiện và ác», «cách mạng và đạo đức», v.v. Kết quả, đó chỉ là một sự «dấn thân» vô hiệu quả, không mấy may đụng chạm tới trật tự tư sản, cũng không làm thay đổi được số phận của bản thân.

Chủ nghĩa hiện sinh phản ánh bước suy đồi về tư tưởng của giai cấp tư sản. Ở thời kỳ đang lên, giai cấp ấy tự hào về «cây sậy biết suy nghĩ». Nó phát cao ngọn cờ duy lý. Nhưng bây giờ, giai cấp tư sản suy tàn thờ phụng chủ nghĩa phi lý. Nó gạt bỏ cái tôi tư duy, chỉ quan tâm đến cái tôi tồn tại, đến «cách thể hiện sinh», lại là hiện sinh trong sự bi đát. Xưa kia, đề tư duy một cách duy lý, nó lấy sự hoài nghi về phương pháp luận làm điểm xuất phát. Bây giờ, đề tồn tại một cách phi lý, nó gạt bỏ quyết định luận, lấy sự tuyệt vọng làm trung tâm và cái chết làm điểm kết thúc.

Một chủ nghĩa như thế lại mang tham vọng muốn đem lại một «nhân học» cho chủ nghĩa Mác, thật kỳ quặc! Do thiếu tính duy lý, thiếu tính lịch sử, lại mang đầy tính chất chủ quan và cá nhân chủ nghĩa, nó đã không giải quyết được vấn đề con người, chấm dứt được bước khủng hoảng của tư tưởng tư sản. Nó là vật chướng ngại cho sự chuyển hóa sang một quan niệm thật sự khoa học về con người, do chủ nghĩa Mác nêu lên.

Cái «chết» của con người trong chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước.

Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật để phát triển các lực lượng sản xuất, mặt khác, nhờ tích cực sử dụng bộ máy Nhà nước để đáp ứng nhu cầu của sản xuất, mở rộng lợi nhuận tư bản, qua đó mà củng cố quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, cho nên chủ nghĩa tư bản đã có một số thay đổi về nội dung, tuy vẫn giữ nguyên bản chất. Nó mang một cái tên mới: chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước.

Xét riêng về mặt hệ tư tưởng, người ta chứng kiến một sự chuyển tiếp mới. Sự «**tuyệt vọng hiện sinh**» dần dần nhường chỗ cho cái gọi là tinh thần «**lạc quan kỹ học**». Sự đề cao cá nhân và tính chủ thể theo kiểu hiện sinh tỏ ra không còn ý nghĩa, vì cá nhân, phản ánh địa vị của từng nhà tư bản riêng lẻ, vốn đã mất dần tầm quan trọng của nó về kinh tế và chính trị trong chủ nghĩa tư bản độc quyền. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước, khi nhất thể hóa các mặt kinh tế và chính trị tư sản dưới cái bề ngoài là sự nhất thể hóa của tính duy lý, tính kế hoạch và tính kỹ thuật, càng thể hiện sự áp đặt và điều khiển của nó trên mọi lĩnh vực, từ sản xuất đến tiêu dùng... Nó đề cao tính khách thể, cơ cấu, sự chặt chẽ khoa học, thu hẹp tâm thần và ý thức, thu hẹp nhân cách và tính cá thể của cá nhân ấy.

Vì thế, người ta thấy xuất hiện một hiện tượng mới trong đời sống xã hội tư sản, hiện tượng con người tự xóa trong mọi lĩnh vực.

Trước hết, đó là con người bị hấp thu về mặt chính trị. Chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước không phải chỉ sử dụng khoa học kỹ thuật để phát triển sản xuất. Nó còn dựa vào những thành tựu của khoa học kỹ thuật để hoàn thiện bộ máy đàn áp của Nhà nước, kiểm soát được con người công dân một cách chặt chẽ hơn, cả trong đời sống công, cũng như trong đời sống tư, thu hẹp ý thức chính trị và các quyền tự do dân chủ của họ một cách có hiệu quả hơn. Nó muốn hình thành một mẫu người, mà tính cá thể và ý thức phê phán bị mài mòn, nhân cách bị giảm sút, để xã hội tư sản có thể dễ dàng hòa nhập được.

Về mặt ý thức, giai cấp tư sản thống trị đã sử dụng các phương tiện thông tin quần chúng, thông qua trực giác để nhào nặn ý thức của con người, đề tư bản hóa tâm lý quần chúng, thông qua việc tư bản hóa thể

giới nghe — nhìn, để khuôn sự phát triển của các cá nhân theo những mục tiêu kinh tế, chính trị, đạo đức của nó, tạo nên một tình hình thực tế, trong đấy cái rõ rệt nhất chính là sự chi phối mọi ứng xử của con người bởi các cơ cấu, lẫn át cả mặt sáng tạo và lựa chọn tự do của họ, làm suy yếu sự tìm hiểu, làm mất phương hướng nhận thức của họ, khiến họ không còn phân biệt được hay dở, phải trái, thiện ác, cuối cùng biến con người thành một thứ phần xạ có điều kiện.

Con người bị hòa nhập về chính trị, bị nhào nặn về mặt tư tưởng cũng là con người bị điều kiện hóa về mặt vật chất. Nhờ đấy mạnh được sẵn xuất, giai cấp tư sản đã thổi phồng mặt phân phối, qua đấy mà phát huy sự mua chuộc của nó bằng miếng mồi tiêu dùng, như là sự bổ sung cho việc hấp thu của nó về chính trị, để cột chặt người lao động vào trật tự tư sản. Mặt khác, con người càng chạy theo cái bề ngoài, lấy tiêu dùng làm lý tưởng, làm ý nghĩa cho cuộc sống, thì kết quả là: nội tâm của họ càng nghèo nàn, tinh thần của họ mau sa sút. Anh ta không chết đói, nhưng chết ngay trong « tính người » của mình, nếu không phải là chết buồn. Con người biến thành một thứ « người máy sung sướng », một « đồ vật », và đây là biểu hiện mới của sự nô dịch tư sản. **Mẫu người « tiêu dùng »** đó thường được cộng thêm với mẫu người được xác định như là một chủ thể ham muốn tính dục, bù đắp thủ những dục lực động vật dưới dạng thức của con người, quay trở về với hành vi sinh lý có tính chất tự nhiên, bản năng, thân xác, cuối cùng, rơi xuống hàng một thứ chủ nghĩa cá nhân động vật.

Một số trào lưu triết học tư sản lúc ấy, tiêu biểu là chủ nghĩa cơ cấu, đã khái quát tính hình con người bị « điều kiện hóa », bị « nhào nặn », bị « hấp thu » nói trên trong xã hội tư

sản hiện đại, để nói đến « cái chết của con người ». Các nhà cơ cấu đã chuyển triết học thành một thứ « tri thức luận ». Họ không nói đến con người với tư cách là sản phẩm của lao động, của lịch sử, mà nhấn mạnh đến việc tìm hiểu các hệ thống ngôn ngữ, thể chế, tín ngưỡng, quan hệ thân tộc, v.v. với tư cách là cơ cấu khách quan, vô thức, vô ngã, tạo thành cơ sở của đời sống con người. Ở đây, con người đã bị cự tuyệt ở hai mặt: vừa như là kẻ sáng tạo ra cơ cấu, vừa như là đối tượng của cơ cấu. Trong khi ấy, thì không thể coi cơ cấu là một sự siêu nghiệm, phi chủ thể, lại càng không thể tuyệt đối hóa việc nghiên cứu cơ cấu, vì đó chỉ là một giai đoạn của sự tìm hiểu toàn diện về con người, con người lịch sử — xã hội, dựa trên những quy luật khách quan của sự phát triển xã hội.

Con người trong cơn khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản giữa những năm 70.

Chủ nghĩa cơ cấu cùng những trào lưu có liên quan đến nó đánh dấu một giai đoạn « nghèo nàn » của tư tưởng tư sản. Hiện thực xã hội mà nó phản ánh cũng đang bị nhanh chóng vượt qua, vì chủ nghĩa tư bản, từ phồn vinh, đã đi đến chỗ « lâm nguy ». Trong những năm 1974 — 1975, nó đã rơi vào một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng nhất từ sau những năm 1929 — 1933 (với 121 000 công ty có vốn trên một triệu đô-la bị vỡ nợ và 18,5 triệu công nhân bị thất nghiệp), và đến bây giờ cũng chưa hồi phục được như cũ. Cái nhìn « lạc quan kỹ thuật », tuy vẫn có đại diện, nhưng ngày càng bị đón tiếp một cách lạnh nhạt. Trái lại, ba bản báo cáo của nhóm Rô-mơ, một nhóm được thành lập năm 1969 và gồm khoảng 70 nhà khoa học thuộc 25 quốc tịch, lại chỉ nói đến nguy cơ của nạn nhân mãn, của việc tận dụng đất đai quá đáng trong nông nghiệp,

của việc làm khánh kiệt tài nguyên và ô nhiễm môi trường trong công nghiệp.

Sự khủng hoảng kinh tế và xã hội lần này đã tác động một cách đều khắp chứ không phải chỉ in dấu vào trong một số trí thức và sinh viên như trước kia. Nó dường như được chia nhỏ thành sự khủng hoảng của từng cá nhân, và được chuyển thành sự khủng hoảng ở bên trong cá nhân ấy, biểu hiện thành một cảm giác bị tước đoạt, một tâm trạng bất mãn, một sự đau khổ tinh thần có nguồn gốc xã hội. Tình hình ấy cũng làm sống lại nhiều chủ nghĩa phi lý, nhiều khuynh hướng tôn giáo bảo thủ, nhiều huyền thoại thần bí, từ vi, tướng số kiểu mới, phản ánh sự giải thể của con người trong cơn khủng hoảng, và lối thoát hư ảo cho tình trạng khủng hoảng ấy.

Trong bối cảnh đó, người ta thấy xuất hiện những trào lưu triết học mới, ồn ào nhất là các quan điểm về xã hội, về con người của I-van I-li-sơ, một giáo sĩ Thiên chúa giáo hiện sống ở Mê-hi-cô.

Đồng ý với những nhận xét của nhóm Rô-mơ, I-li-sơ cho rằng cái gọi là « phát triển kinh tế » hiện nay thực chất là một sự phá hoại: phá hoại một trái đất vốn chỉ có hạn về mặt tài nguyên, đất đai, nước, không khí, thành một hành tinh kiệt quệ, phá hoại môi sinh, biến nó thành một môi trường chết. Qua đây mà phá hoại con người về mặt sinh vật học, về mặt phát triển toàn diện của cá nhân và sự cân bằng giữa cá nhân ấy với xã hội và những cá nhân khác, v.v. Trong khi đó, chính I-li-sơ cũng thừa nhận rằng với những phương tiện đã có, có thể đem lại cho mỗi người, một cuộc sống xứng đáng với con người.

Sự phê phán của I-li-sơ — cũng như của nhóm Rô-mơ — phản ánh một tình trạng có thực: tình trạng thiếu số độc

quyền trong các nước tư bản chiếm đoạt các tài nguyên quốc gia và sử dụng những cái ấy phục vụ cho lợi ích của chúng một cách có hại cho đa số. Nhưng, một cách nghịch lý, sự phê phán ấy lại che giấu cho việc làm nói trên bằng cách trút trách nhiệm về những sự đau khổ, bất công, tệ nạn do chủ nghĩa tư bản gây ra cho loài người nói chung, cho những người lao động nói riêng thành trách nhiệm của tiến bộ khoa học và sự phát triển công nghiệp. Ông không phân biệt khoa học kỹ thuật với việc sử dụng tư bản chủ nghĩa đối với khoa học kỹ thuật ấy. Vì thế, ông đã coi khoa học kỹ thuật — chứ không phải chủ nghĩa tư bản độc quyền Nhà nước — là nguyên nhân của nhiều bất hạnh hiện tại. Mặt khác, ông không đặt ra vấn đề đánh đổ chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ông viết: « Điều tôi quan tâm không phải là sự đối lập giữa một lớp người bị bóc lột và lớp người chủ nhân của các công cụ sản xuất, mà là sự đối lập giữa con người và cơ cấu của công cụ » (1). Nói cách khác, ông muốn cải tạo chủ nghĩa tư bản bằng cách « đổi mới công cụ ». Công cụ ở đây được hiểu theo một nghĩa rất rộng. Nó không phải chỉ bao gồm các dụng cụ (như ô-tô, xe đạp, nhà ở...) mà cả các thể chế xã hội (như bệnh viện, trường học, nhà máy...) thậm chí cả các tổ chức và các cơ chế có nhiệm vụ coi sóc sức khỏe, giáo dục, sự di lại, v.v. của nhân dân. Rõ ràng đây là một khái niệm không xác định, vì nó bao gồm những cái vừa thuộc hạ tầng cơ sở, vừa thuộc thượng tầng kiến trúc, vừa là những phương tiện phục vụ cho cuộc sống hằng ngày.

Mặc dù vậy, ông vẫn dựa trên đây để lãng tránh mâu thuẫn hiện thực của chủ nghĩa tư bản, để nhấn mạnh sự đối lập trừu tượng giữa « con người » và « các công cụ », và trong

(1) Ivan Illich : *La convivialité*, E. D. Seuil, 1975, p. 141

một vài lĩnh vực cụ thể, giữa « nhà trường » và « giáo dục », giữa « sức khỏe » và « y tế ». Vì thế, cái gọi là « cách mạng công cụ » ở đây, một cách khách quan, vẫn là sự lảng tránh cách mạng thật sự để bảo toàn chế độ tư bản, tuy có đủ kích một số hiện tượng bề ngoài có vẻ phi lý của chế độ ấy.

Theo I-li-sơ, cuộc « cách mạng công cụ » nói trên sẽ tạo điều kiện cho sự ra đời của cái gọi là « **xã hội cộng sinh** ». Đây cũng là một khái niệm không xác định khác, được đặc trưng một cách trừu tượng, độc lập với các quan hệ sản xuất, như là một xã hội trong đấy con người tìm lại được tính độc lập sáng tạo của mình, xây dựng được mối liên hệ trực tiếp với người khác, hưởng thụ được môi sinh tự nhiên và có được niềm vui trong lao động. Muốn thế, theo ông, phải từ bỏ « cách mạng chính trị » của những người mác-xít và « cách mạng kỹ thuật » của các nhà kỹ trị. Ông muốn tìm lối thoát bằng cách lùi lại với những dụng cụ không đòi hỏi năng lượng nào khác ngoài bắp thịt, có kích thước nhỏ hơn để cho ai nấy đều có thể sử dụng được... Giai cấp tư sản, trong lúc suy thoái, đã cõ vũ cho những lối thoát không tưởng ấy, muốn kéo lùi nhân loại trở lại thời kỳ sản xuất nhỏ.



Lý tưởng duy lý và nhân đạo tư sản trong thời kỳ đang lên « cần có những người không lờ, và đã sinh ra những người không lờ; không lờ về tư tưởng, về sự say mê, và tính cách, về tình phẫn hiễn và sự uyên bác » (2), những con người đem lại « ánh sáng » cho thế kỷ tăm tối, để cho nhân loại đi bằng đầu chứ không phải bằng đầu gối. Nhưng thực tiễn tư sản ngày càng hạ thấp và chà đạp con người, trái với lý tưởng của họ. Và ngày nay, trong cơn suy thoái, giai cấp tư sản lại chỉ sản sinh ra được những nhà tư tưởng chuyên gieo « tăm tối » vào đầu óc con người, để ngăn cản họ vươn tới ánh sáng của độc lập, tự do và hạnh phúc chân chính.

(2) F. Ăng-ghen : *Biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản xã hội, Pa-ri, 1956, trang 3.

Nêu điển hình tốt,...

(Tiếp theo trang 50)

Chúng tôi tin rằng, làm tốt những việc nói trên sẽ tạo ra sự phát triển đồng đều của các địa phương và cơ sở trong tỉnh, vừa bảo đảm đời sống của nhân dân, vừa bảo đảm tối nhu cầu của Nhà nước, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

KẸ NÀO THI HÀNH CHÍNH SÁCH BÀNH TRƯỚNG Ở ĐÔNG — NAM CHÂU Á ?

QUYẾT · TIẾN

TRONG thời gian gần đây, các nhà cầm quyền Trung-quốc đã nhiều lần vu cáo Việt-nam định bành trướng xuống Đông — Nam châu Á, thực hiện cái gọi là « chủ nghĩa bá quyền khu vực ». Nhưng lời vu cáo của họ chẳng đánh lừa được ai. Bởi vì đồng đảo nhân dân trên thế giới hiểu rõ rằng: nhân dân Việt-nam đã từng đấu tranh gian khổ bao năm ròng cho độc lập tự do của mình, cũng là người vô cùng quý trọng nền độc lập tự do của các dân tộc khác; hơn nữa nhân dân Việt-nam rất tha thiết muốn sống trong hòa bình để hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Mọi người cũng hiểu rằng một nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh là nhân tố rất quan trọng bảo đảm cho hòa bình và

ổn định ở Đông — Nam châu Á. Phơ-răng-xoa Tê-ve-nin, một người Pháp đã từng sống nhiều năm ở Nam Việt-nam trước và sau ngày giải phóng, đã viết: « Không có gì lợi hơn cho hòa bình và ổn định ở Đông — Nam châu Á và cuối cùng cho lợi ích cũng như cho sự sống còn bình thường của các nước láng giềng — ngay cả cho những nước không đồng tình với học thuyết của Hà-nội — bằng một nước Việt-nam hùng mạnh và cảnh giác » (Báo Pháp, *Buổi sáng ở Pa-ri*, ngày 19-7-1978).

Trong khi đó thì dư luận rộng rãi ở Đông — Nam châu Á và trên thế giới lại thấy cần phải hết sức cảnh giác trước chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn của các nhà cầm quyền Trung-quốc. Với thuyết « ba thế giới » — một « ly

thuyết» phản bội hoàn toàn những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, một « lý thuyết » nhằm tập hợp và liên minh với tất cả những lực lượng phản động để chống lại ba trào lưu cách mạng của thời đại, với chủ trương đầy mạnh « bốn hiện đại hóa » ở trong nước, mà chủ yếu là hiện đại hóa về quân sự, các nhà cầm quyền Trung-quốc hy vọng có thể tạo ra « cơ sở lý luận » và cơ sở vật chất để Trung-quốc có thể nhanh chóng tiến lên thành một siêu cường quốc hùng mạnh, đang thực hiện giấc mộng bá chủ châu Á và thế giới. Trong cuốn sách « Trung-quốc hay là sự tự sát của người da trắng », Clôt-dơ Ác-nun (Claude Arnould) viết rằng: « Tham vọng bá chủ châu Á của Trung-quốc là một tham vọng vốn có từ lâu, nhưng tới cuộc đụng độ biên giới Xô – Trung thì mới bộc lộ rõ rệt ».

Trong âm mưu chiến lược của các nhà cầm quyền Trung-quốc, Đông – Nam châu Á được coi là trọng điểm trước mắt. Bởi vì đây là một khu vực chiến lược rất quan trọng, một nơi án ngữ con đường biển nối liền hai đại dương của thế giới, một nơi có nguồn nhân lực và tài nguyên dồi dào, nơi đế quốc Mỹ vừa mới bị thất bại và rút khỏi Việt-nam. Hơn nữa đây lại là nơi ở giáp biên giới phía Nam của Trung-quốc, nơi mà các nhà cầm quyền Trung-quốc hy vọng có thể lợi dụng quan hệ huyết thống của hàng

chục triệu người và sử dụng các nhóm tay sai vào việc phục vụ cho âm mưu bành trướng và xâm lược của họ.

Mưu đồ bành trướng xuống Đông – Nam châu Á của các nhà cầm quyền Trung-quốc đã có từ lâu. Để thực hiện mưu đồ đó, họ đã áp dụng nhiều thủ đoạn hòng đưa Việt-nam và các nước khác ở Đông-dương vào quỹ đạo của họ, biến Đông-dương thành bàn đạp để bành trướng ra các nước khác ở Đông – Nam châu Á. Họ đã tạm thời thành công trong việc phản bội cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Cam-pu-chia, biến tập đoàn Pôn Pốt – Iêng Xa-ry thành tay sai của họ. Cả thế giới đều thấy rõ: cuộc chiến tranh chống Việt-nam mà bọn phản động Pôn Pốt – Iêng Xa-ry gây ra, chính là một bộ phận khăng khít của âm mưu chiến lược bành trướng xuống Đông – Nam châu Á của các nhà cầm quyền Trung-quốc. Song các nhà cầm quyền Trung-quốc đã hoàn toàn thất bại trong việc lôi kéo Việt-nam đi vào con đường tội lỗi của họ. Một nước Việt-nam độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, có đường lối độc lập tự chủ, đang là một trở ngại lớn cho sự bành trướng và bá quyền nước lớn của Trung-quốc ở Đông-Nam châu Á. Điều đó giải thích vì sao các nhà cầm quyền Trung-quốc lại hướng đòn đả kích chính của họ vào Việt-nam.

Hiện nay Đông – Nam châu Á là một trong những nơi tập trung

những mâu thuẫn lớn của thế giới. Trong các mâu thuẫn đó, chúng ta thấy nổi bật lên mâu thuẫn gay gắt giữa một bên là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với một bên khác là chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn của các nhà cầm quyền Trung-quốc và các thế lực đế quốc tranh giành ảnh hưởng và quyền lợi trong khu vực này.

Không phải ngẫu nhiên mà ngày nay người ta đang nói nhiều đến mối nguy cơ to lớn mà sự liên minh bất đồng giữa chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế gây ra đối với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là đối với cuộc đấu tranh của nhân dân các nước Đông — Nam châu Á vì hòa bình, độc lập, tự do, trung lập, ổn định và phồn vinh của khu vực này của thế giới.

Chính là ở Đông — Nam châu Á mà thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc đang đóng vai trò xung kích phản cách mạng nguy hiểm. Họ câu kết với các thế lực phản động khác, chống phá quyết liệt Việt-nam, Lào và cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Cam-pu-chia chống bè lũ phản động Pôn Pốt — lừng Xa-ry, tay sai của họ, từng bước bành trướng xuống Đông — Nam châu Á.

Trong cuốn « Trung-quốc và Đông — Nam Á » tác giả người Mỹ Giô Tay-lơ đã vạch rõ quá trình những người lãnh đạo

Trung-quốc tìm cách bắt tay với Mỹ và hạn chế cuộc chiến tranh của nhân dân Việt-nam để đưa dân Việt-nam đi theo ý muốn của họ. Bản hòa ước mà Trung-quốc ký với Nhật cho ta thấy rõ ý định của các nhà cầm quyền Trung-quốc hòng liên minh với Nhật để ngăn cản ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội ở châu Á. Còn về việc chống phá Việt-nam, thì như báo Gran-ma, cơ quan trung ương của Đảng cộng sản Cu-ba, đã viết: « Xúi giục Cam-pu-chia gây chiến tranh chống Việt-nam, một trong những dân tộc anh hùng nhất và chịu nhiều đau khổ nhất trong thời đại chúng ta, đó là một trong những tội ác kinh tởm nhất của ban lãnh đạo Trung-quốc ». Với sự đồng tình của Mỹ, quân đội Trung-quốc đã chiếm đảo Hoàng-sa của nước ta (từ tay quân nguy Sàì-gòn trước đây), và ngày nay giới báo chí Trung-quốc lại công khai bày tỏ tham vọng của Trung-quốc muốn cướp đoạt đảo Trường-sa và các đảo khác ở biển Đông. Tham vọng của Trung-quốc độc chiếm biển Đông không có gì là lạ nếu chúng ta biết rằng từ lâu giới cầm quyền Trung-quốc đã ấp ủ hoài bão xâm chiếm lãnh thổ rộng lớn của các nước láng giềng của họ. Mọi người đều biết, ngay từ năm 1954, Trung-quốc đã xuất bản cuốn « Lược sử Trung-quốc hiện đại » với tám bản đồ ghi cái gọi là « những phần lãnh thổ Trung-quốc bị những tên đế quốc chiếm đoạt » gồm cả Mông-

cổ, Triều-tiên, Việt-nam, Lào, Cam-pu-chia, Miến-điện, Ma-lai-xi-a, Thái-lan, một phần của Ấn-độ, quần đảo Riu-kiu của Nhật-bản... Xem thế đủ thấy tham vọng bành trướng của Trung-quốc đã trở thành mối đe dọa to lớn như thế nào đối với nhiều nước châu Á. Đáng chú ý là gần đây giới cầm quyền Trung-quốc đang ra sức gây chia rẽ giữa nước ta với các nước khác ở Đông — Nam châu Á, đặc biệt họ cố gắng lôi kéo các nước ASEAN vào con đường chống lại Việt-nam và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Song chúng ta có thể khẳng định rằng mưu toan thâm độc này của các nhà cầm quyền Trung-quốc nhất định sẽ thất bại. Bởi vì chính các nhà cầm quyền ở Thái-lan, Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po là những nước mà Thủ tướng Phạm-Văn-Đồng đến thăm trong thời gian gần đây, đều đã nói lên lòng tin tưởng của họ vào thiện chí hòa bình và hữu nghị của Chính phủ và nhân dân Việt-nam, và đều thừa nhận rằng chuyến đi thăm của Thủ tướng nước ta đã đặt nền móng cho tình hữu nghị, sự hợp tác lâu dài, sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa Việt-nam và các nước đó.

Chúng ta biết rằng hơn 20 triệu Hoa kiều ở Đông — Nam châu Á là một lực lượng kinh tế và chính trị quan trọng mà các nhà cầm quyền Trung-quốc không ngừng mưu toan sử dụng vào việc phục vụ lợi ích sô vanh ích kỷ của họ. Nhiều nhà nghiên cứu về Trung-

quốc đã vạch rõ rằng: các nhà cầm quyền Trung-quốc thường dùng những Hoa kiều mà họ đã khống chế được để gây lộn xộn tại các nước Đông — Nam châu Á, gây sức ép đối với chính quyền các nước này, xây dựng các tổ chức tinh báo, phá hoại, lật đổ. Trong cuốn « Trung-quốc vô hình », tác giả người Mỹ Gát-dơ A-léc-xan-dơ đã khẳng định rằng các nhà cầm quyền Trung-quốc đã dùng « một mạng lưới đặc vụ lớn nhất và tốt nhất » để thực hiện tham vọng thống trị ở vùng này. Rất dễ thấy là, trong những hành động xấu xa đó, các nhà cầm quyền Trung-quốc dựa chủ yếu vào thế lực tư sản Hoa kiều là những kẻ nắm được những vị trí kinh tế then chốt ở các nước này. Vì vậy, ta không lấy làm lạ khi thấy rằng lòng ưu ái của các nhà cầm quyền Trung-quốc hướng chủ yếu vào bọn tư sản Hoa kiều chứ không phải là những người lao động Hoa kiều như thái độ gần đây của họ đối với người Hoa ở Việt-nam và Hoa kiều ở Cam-pu-chia đã chứng tỏ. Việc các nhà cầm quyền Trung-quốc lợi dụng quan hệ huyết thống của hàng chục triệu Hoa kiều vào mục đích bành trướng của họ không thể không gây nên những mối lo ngại chính đáng trong các giới cầm quyền ở các nước Đông — Nam châu Á là nơi mà nền kinh tế bị các giới tư sản Hoa kiều lũng đoạn. Không phải ngẫu nhiên mà trong cuộc họp báo ở thủ đô Gia-các-ta ngày 16-10 vừa qua, Bộ trưởng

hộ Ngoại giao In-đô-nê-xi-a Mốc-ta Cu-xa-ma-át-ma-gia đã nhấn mạnh rằng: « Cần cảnh giác đối với Trung-quốc » và ông cho biết: Chính phủ In-đô-nê-xi-a cho rằng: bây giờ chưa phải là lúc đề binh thường hóa quan hệ ngoại giao với Trung-quốc.

Các nhà cầm quyền Trung-quốc còn dùng các nhóm tay sai ở các nước Đông-Nam châu Á để phục vụ cho mục đích bành trướng của họ. Họ khống chế, điều khiển hoạt động của các nhóm tay sai này hòng gây áp lực với chính quyền các nước Đông-Nam châu Á, và biến các nhóm đó thành những con bài mặc cả, vì lợi ích kỹ của họ.

Những thủ đoạn kinh tế cũng được sử dụng vì mục đích bành trướng. Điều này thể hiện đặc biệt rõ trong việc các nhà cầm quyền Trung-quốc đã bỏ ra hàng tỷ đô-la để mua bọn phát xít diệt chủng Pôn Pốt - lêng Xa-ry, biến bọn này thành lũ tay sai đẻ hèn của họ để chống phá cách mạng Việt-nam, chuẩn bị thôn tính Đông-dương và Đông - Nam châu Á.

Như vậy, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc đã trở thành kẻ thù nguy hiểm của các nước Đông - Nam châu Á, bất kể chế độ xã hội của các nước này như thế nào.

Tham vọng của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc ở Bắc-kinh rất lớn. Song sức lực của họ có hạn. Bằng sự liên minh với chủ nghĩa đế quốc và

các loại phản động khác, họ có tìm thấy một sức mạnh mới nào chăng? Đương nhiên chủ nghĩa đế quốc thế giới có thể giúp đỡ cho họ một phần nào trong việc tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự và khoa học kỹ thuật. Song chính trong sự liên minh ấy, những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc cũng vấp phải sự hạn chế rất lớn của bọn đế quốc là bọn có những lợi ích bị đe dọa bởi âm mưu bành trướng của Trung-quốc. Và lại, việc các nhà cầm quyền Trung-quốc xúc tiến chính sách bành trướng và liên minh với chủ nghĩa đế quốc cùng các loại phản động khác đã và đang làm cho họ bị cô lập về chính trị chưa từng thấy ở trong nước họ, cũng như ở khu vực Đông - Nam châu Á và trên toàn thế giới. Đó là một chỗ yếu không thể khắc phục được của họ. Hơn nữa, trong thời đại ngày nay, khi mà ba dòng thác cách mạng trên thế giới - mà nòng cốt là hệ thống xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, đang phát triển thế tiến công, khi mà đông đảo nhân dân trên thế giới, kể cả nhân dân Trung-quốc, ngày càng thấy rõ bản chất xấu xa của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc, khi mà nhân dân và chính phủ các nước Đông - Nam châu Á ngày càng thấy rõ mối đe dọa của chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa thực dân mới đối với sự tồn tại của bản thân mình, khi mà

(Xem tiếp trang 106)

NHÀ CẦM QUYỀN TRUNG-QUỐC MƯU TOAN SỬ DỤNG HOA KIỀU ĐỂ THỰC HIỆN BÁ QUYỀN Ở ĐÔNG-NAM CHÂU Á

HƯƠNG-CƯỜNG

NHỮNG người Trung-hoa sinh sống ở ngoài lục địa Trung-quốc và Đài-loan thường được gọi một tên chung là Hoa kiều hay là người Hoa ở nước ngoài (1). Những người này, dù sống ở bất cứ nước nào, đều giữ những đặc tính riêng khác hẳn với nhân dân các nước mà họ cư trú. Họ vẫn giữ những phong tục tập quán, tiếng nói riêng, có những trường học và các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, gia tộc, giải trí... riêng biệt.

Theo các tài liệu mới nhất, hiện nay có 20 triệu Hoa kiều sống ở các nước trên thế giới, trong đó 95% sống ở các nước Đông-Nam châu Á. Ở Xin-ga-po họ chiếm trên 75% số dân, ở Ma-lai-xi-a 43%, ở Thái-lan 11,3%, ở In-đô-nê-xi-a 2,7%, ở Việt-nam 3%, ở Cam-pu-chia 5,5%, ở Lào 0,6%, v.v. Người Hoa nguyên thủy hiện còn rất ít ở Đông - Nam châu Á: ở đây đại đa số là những người Hoa theo huyết thống vì trong cuộc di cư lâu dài, họ phần nào đã đồng hóa trong môi trường địa phương, cũng có phần vì những lý do kinh tế, họ đã chọn quốc tịch nơi làm ăn sinh sống, cho nên việc thống kê chính xác số người Hoa ở Đông - Nam châu Á cũng rất khó khăn.

Trong nhiều trường hợp, do những cuộc hôn nhân hỗn hợp hoặc lai chủng đã xuất hiện những đứa con có hai dòng máu. Nhưng trải qua nhiều thế hệ người Hoa vẫn giữ ngôn ngữ, truyền thống, văn hóa và tôn giáo Trung-hoa. Sở dĩ như vậy là do người Hoa ở nước ngoài vẫn lập những trường học riêng để dạy dỗ con em họ học chữ, duy trì những phong tục tập quán Trung-hoa và liên kết với nhau qua các tổ chức hiệp hội, các bang, các hội kín, các sách báo Hoa ngữ để thông tin liên lạc với nhau... Theo thống kê của cơ quan Hoa kiều hải ngoại ở Đài-loan, năm 1971, ở các nước ngoài có đến 8.233 tổ chức xã hội, địa phương, gia tộc, nghề nghiệp, giáo dục, thanh niên, phụ nữ, giải trí, từ thiện, tôn giáo, chống cộng, v.v. của người Hoa; có 4.372 trường học trong đó có 31 trường đại học, 570 trường trung học, 24 trường dạy nghề và 3.744 trường tiểu học của

(1) Những từ này được dùng theo thói quen và đều không thật chính xác, vì chỉ có một số rất ít trong những người này có mang họ chiếu của Cộng hòa nhân dân Trung-hoa hoặc của Trung-hoa dân quốc (Đài-loan) và thật sự là "kiều dân" theo đúng nghĩa của từ đó.

người Hoa: có 435 loại báo chí tiếng Trung-hoa được in ở nước ngoài để truyền tin giữa người Hoa với nhau.

Người Hoa ở nước ngoài có những tính cần cù, năng động, tuy nghề chính của họ là thương mại, nhưng họ có thể làm nhiều ngành, nhiều nghề: tài chính, ngân hàng, công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ, vận tải đường biển, đường sông, đường bộ, trồng trọt, xây lúa, cầm đồ đặc, cho vay nặng lãi, hàng xén, cao lầu, thuốc bắc, mở tiệm hút thuốc phiện, chữa bạc, làm thủ công nghiệp, làm công, kéo xe, v.v. Vì vậy, một mặt, họ có góp phần khai thác và phát triển kinh tế vùng họ đến ở, nhưng mặt khác, dần dần họ nắm hầu hết các vị trí then chốt trong đời sống kinh tế của các nước trong vùng Đông-Nam châu Á: và dĩ nhiên do thế lực kinh tế tài chính to lớn của họ cho nên họ cũng giữ một vai trò chính trị và xã hội cao trong những nước này. Chính phủ Ma-lai-xi-a nói thẳng ra rằng 90% kinh tế của nước họ là do người Hoa kiểm soát. Ngành xuất nhập khẩu của Xin-ga-po hầu như hoàn toàn trong tay người Hoa. Độ 80% hàng xuất nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a do người Hoa nắm. Ở miền Nam Việt-nam trước đây người Hoa kiểm soát 80% tư bản trong dịch vụ thương mại và 75% hoạt động kinh tế.

Một trong những mặt đáng chú ý là phần lớn các ngân hàng ở Đông-Nam châu Á nằm trong tay người Hoa. Hầu hết những ngân hàng này đều là những ngân hàng của tư nhân và luôn luôn là một trong những công cụ chủ yếu bảo đảm ưu thế cho nền thương mại Trung-quốc ở vùng Đông-Nam châu Á và cho hành động « siêu quốc gia » của những phe cánh người Hoa ở nước ngoài cùng với tất cả những chi nhánh của họ được đặt ở Xin-ga-po, Hương-cảng, Băng-cốc, Cu-la-Lum-pua, Gia-các-la, Ma-ni-la, v.v. Ở tất cả những nước Đông-Nam châu

Á, số đông những tên tư sản mại bán thường là người Hoa hay người gốc Hoa. Tư sản Hoa kiều chỉ chiếm từ 5 đến 10% tổng số người Hoa, nhưng họ lại nắm những vị trí quan trọng trong nền kinh tế các nước Đông-Nam châu Á. Họ nắm từ 60 đến 80% doanh số trong ngành bán buôn và bán lẻ. Trong những năm 60, tư sản người Hoa nắm 42% doanh số trong ngành ngoại thương, trong khi các tổ chức nhà nước ở đó chỉ nắm 8%, các hãng tư nhân bản xứ nắm 18%, các hãng của các nước đế quốc khác nắm 32%. Qua đó ta thấy, tư sản người Hoa không những là người cộng tác chặt chẽ với tư bản độc quyền các nước phương Tây, đồng thời khi cần thiết họ cũng là kẻ cạnh tranh có hiệu lực với bọn tư bản độc quyền ấy. Do khối lượng đầu tư của tư sản người Hoa trong nền kinh tế quốc dân các nước Đông-Nam châu Á vượt rất xa tư sản bản xứ cho nên tư sản bản xứ coi tư sản người Hoa là kẻ cạnh tranh hết sức nguy hiểm cho họ, còn nhân dân bị bóc lột thì coi tư sản người Hoa là những tên nước ngoài bóc lột họ rất tàn bạo; đồng thời tư sản người Hoa là lực lượng luôn luôn đứng về phía bọn phản động và chủ nghĩa đế quốc để chống lại phong trào giải phóng dân tộc ở các nước này.

Theo con số chính thức của Đài-loan công bố, năm 1967, tổng số tiền lãi của hơn 17 triệu Hoa kiều ở nước ngoài là 4 100 triệu đô-la Mỹ, hay là trung bình 1 500 đô-la mỗi gia đình; theo các nhà nghiên cứu về người Hoa thì con số này quá thấp vì không tính đến những khoản lãi do đầu tư cổ bình phong hay bí mật và những con số khai man nữa. Nhưng chỉ với con số đã bị hạ thấp đó, nếu đem so sánh với thu nhập bình quân, cũng trong năm đó, của một gia đình người In-đô-nê-xi-a hay Thái-lan, thì cũng thấy ít nhất nó đã gấp 5-7 lần rồi và nếu tính số tiền lãi này tập trung vào tư sản người Hoa chiếm 5-10%

số 17 triệu Hoa kiều, thì kết luận có thể rút ra được là nhân dân các nước Đông — Nam châu Á bị tư sản người Hoa bóc lột tàn tệ đến mức nào và của cải của tư sản người Hoa ở vùng này to lớn đến chừng nào.

Do vai trò quan trọng đó của Hoa kiều, từ lâu Bắc-kinh đã tìm mọi cách để sử dụng lực lượng Hoa kiều như một công cụ sắc bén gây sức ép mạnh mẽ đối với các nhà cầm quyền ở các nước Đông—Nam châu Á. Không phải ngẫu nhiên mà Bắc-kinh có chủ trương bảo trợ các thành phần bóc lột người Hoa đang sinh sống ở các nước láng giềng và coi đó là một thứ quốc sách. Bắc-kinh rất thích thú khi thấy giai cấp tư sản Hoa kiều có ảnh hưởng kinh tế và chính trị rất lớn ở các nước đó, họ cho rằng, nếu nắm và sử dụng được giai cấp này thì họ sẽ có trong tay một công cụ để thực hiện những mưu đồ bành trướng của họ ở khu vực này. Cách đây 10 năm, một nhân vật chủ chốt trong giới cầm quyền Bắc-kinh đã nói với cán bộ của họ rằng: «Chúng ta nhất định phải nắm lấy vùng Đông — Nam châu Á, kể cả Nam Việt-nam, Thái-lan, Miến-diên, Ma-lai-xi-a và Xin-ga-po». Đông—Nam châu Á phải trở thành «sân sau của họ như châu Mỹ là tỉnh đã từng là như vậy đối với đế quốc Mỹ.

Từ nhiều năm nay, tư sản Hoa kiều vẫn là nguồn cung cấp ngoại tệ lớn cho nước Trung-hoa. Trước chiến tranh thế giới thứ hai, những khoản tiền nhận được dưới hình thức tiền ký gửi của Hoa kiều đã cho phép tập đoàn thống trị Quốc dân đảng Trung-quốc điều chỉnh những hao hụt thường xuyên trong cân cán thương mại một cách tương đối dễ dàng. Trong khoảng từ 1934 đến 1936, số tiền đó chiếm tới gần 18% tổng thu nhập bằng tiền của chính quyền Quốc dân đảng.

Từ khi ra đời, nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa vẫn kế tục chính sách đó của bọn Quốc dân đảng. Các

số liệu chính Trung-quốc công bố cho thấy, từ 1950 đến năm 1957, trung bình số tiền của Hoa kiều gửi về nước hằng năm là 120 triệu đô-la, trong đó tiền của thành phần lao động chiếm 1/3. Cuối những năm 60, số tiền hằng năm gửi về nước lên tới 180 triệu đô-la, trong đó tiền của thành phần lao động chiếm chưa tới 10%. Hiện nay, tỷ lệ này gần như không còn nữa, mà hầu hết số tiền của Hoa kiều từ Đông—Nam châu Á gửi về là lợi nhuận của tư sản Hoa kiều, có được nhờ bóc lột nhân dân Đông—Nam châu Á. Nguyên nhân của sự thay đổi đó là do trước chiến tranh số lao động di cư ra nước ngoài khá nhiều. Hằng năm, họ phải gửi về nước số tiền dành dụm được để trợ cấp cho gia đình. Nhưng sau chiến tranh, tình trạng đó không còn nữa. Theo một hằng thông tấn nước ngoài, từ 1950 đến năm 1970, Hoa kiều ở Đông—Nam châu Á đã chuyển về Trung-quốc 3,5 tỷ đô-la Mỹ.

Số tiền của Hoa kiều gửi về nước chia làm ba loại: tiền ký gửi cho gia đình; tiền gửi đầu tư; tiền gửi nhằm các mục đích khác như xây dựng nhà ở, để lúc già trở về nước có nơi ăn chốn ở... Chỉ cần phân tích một trong ba loại ví dụ như tiền gửi đầu tư, cũng sẽ thấy rõ hơn bản chất mối liên hệ kinh tế giữa tư sản người Hoa ở Đông — Nam châu Á với nhà cầm quyền Trung-quốc:

Tháng 8-1955, chính phủ Trung-quốc đưa ra chính sách khuyến khích Hoa kiều tham gia vào việc xây dựng Tổ quốc, đầu tư vào hoạt động kinh doanh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi, v.v. thành lập các công ty tư nhân hoặc hợp doanh với Chính phủ. Tiền đầu tư của Hoa kiều được Chính phủ bảo đảm là tài sản của tư nhân bất khả xâm phạm.

Năm 1957, chính phủ Trung-quốc lại tuyên bố chính sách khuyến khích đầu tư đặc biệt đối với Hoa kiều: các khoản đầu tư của họ sẽ được hoàn

Vốn sau 12 năm, lợi tức 8% (trong khi tiền đầu tư vào một công ty hỗn hợp bình thường chỉ được lãi 5%). Một nửa số lãi sẽ được dùng để mua các phiếu mua hàng các loại với giá cố định ở các cửa hàng cung cấp đặc biệt. Số còn lại được gửi vào ngân hàng và hoàn vốn sau 12 năm. Hết hạn, người đầu tư có thể rút vốn ra hoặc tiếp tục đầu tư. Năm 1955, công ty đầu tư của Hoa kiều được thành lập với vốn ban đầu là 50 triệu đô-la. Vào cuối năm 1966, đã có gần 140 xí nghiệp do Hoa kiều đầu tư được thành lập dưới sự bảo vệ của công ty này.

Đề thu hút tiền của Hoa kiều ở các nước Đông-Nam châu Á gửi về nước, Bắc-kinh dần dần xa rời những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Lúc đầu công nhận về cơ bản khả năng hợp tác với tư sản Hoa kiều trong nền kinh tế Trung-quốc với những điều kiện nghiêm ngặt. Sau đó, hoàn toàn bảo đảm sự bất khả xâm phạm tài sản của họ, tức là một bước thụt lùi khỏi những nguyên tắc xã hội chủ nghĩa.

Hoa kiều gửi tiền về nước theo các cách thức khác nhau. Cách thức hợp pháp là gửi tiền về cho họ hàng ở Trung-quốc. Cách này bị các nước chủ nhà ngày càng hạn chế (giảm từ 20% tổng số tiền gửi về nước năm 1955 xuống còn 2,5% năm 1963). Các cách gửi không hợp pháp ngày càng phát triển: buôn lậu tiền, vàng và hàng hóa, sử dụng dịch vụ của sứ quán Trung-quốc tại các nước chủ nhà để gửi các khoản tiền lớn về Trung-quốc; dùng các mối liên hệ về tổ chức giữa các công ty Hoa kiều tại nhiều nước khác nhau để chuyển vốn từ nước này sang nước khác hoặc chuyển về nước, v.v. Hương-cảng, Ma-cao, Xin-ga-pơ là những trung tâm buôn lậu và tích lũy tư bản của tư sản Hoa kiều gửi bất hợp pháp từ các nước Đông-Nam châu Á về, để sau đó chuyển về lục địa Trung-quốc. Trước chiến tranh thế giới thứ hai,

90% tổng số tiền gửi về Trung-quốc là qua Hương-cảng. Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa được thành lập, Hương-cảng vẫn là một trung tâm chuyển tiền rất quý đối với Trung-quốc. Trong những tháng cuối năm 1969, hàng tháng, Hoa kiều ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Thái-lan và Phi-líp-pin đã gửi về Hương-cảng một số « tư bản bay » là 400 triệu đô-la Hương-cảng bằng 67 triệu đô-la Mỹ. Chính quyền Trung-quốc vẫn duy trì một mạng lưới bí mật, rộng khắp và có hiệu lực nhằm khuyến khích việc gửi tiền bằng những con đường riêng để bảo đảm việc thu nhận các khoản ngoại tệ gửi về nước đến tay ngân hàng Trung ương Trung-quốc.

Vùng Đông-Nam châu Á là nơi tập trung những mâu thuẫn và đấu tranh gay gắt về quyền lợi giữa nhiều nước đế quốc lớn trên thế giới, đứng đầu là đế quốc Mỹ. Trong chiến lược toàn cầu phân cách mạng của thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, Đông-Nam châu Á có một vị trí rất quan trọng và hiện đang là mục tiêu trước mắt của mưu đồ bành trướng và xâm lược của họ. Họ đang tìm mọi cách để thu hút sự ủng hộ của phần lớn Hoa kiều, nhất là tư sản Hoa kiều nhằm thực hiện tham vọng bành trướng ở Đông-Nam châu Á.

Trong những năm gần đây, Bắc-kinh đã nuôi dưỡng trong giới kinh doanh lớn của Hoa kiều hy vọng là ảnh hưởng ngày càng mạnh của Trung-quốc ở Đông-Nam châu Á sẽ giúp họ củng cố vị trí trong nền kinh tế của các nước mà họ đang ở, hoặc ít ra cũng ngăn cản việc các chính phủ ở đó hạn chế hoạt động của họ.

Bắc-kinh chủ trương xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với tư sản Hoa kiều bằng cách: thừa nhận không xâm phạm tài sản tư nhân của Hoa kiều để ở trong nước và hợp pháp hóa các khoản tiền của Hoa kiều ở nước ngoài gửi về cho gia đình, tạo điều kiện thuận lợi để tư sản Hoa

kiểu có thể đầu tư và sẵn sàng nhận nhượng một số điều kiện cơ bản miễn là có vốn ngoại tệ để thực hiện bốn hiện đại hóa; hứa bảo vệ về chính trị cho Hoa kiều đang sống ở nước ngoài. Trong Quốc hội Trung-quốc, có 30 đại biểu Hoa kiều, trong đó 18 người đại biểu cho Hoa kiều ở Đông - Nam châu Á.

Các điều trên đây càng cò vũ tư sản Hoa kiều gần bó chặt chẽ với Bắc-kinh. Ngày nay, càng có nhiều nước ở khu vực Đông-Nam châu Á áp dụng chính sách hạn chế hoạt động của tư sản Hoa kiều, cho nên, họ thấy càng phải tăng cường đầu tư một tỷ lệ vốn lớn ở nơi khác, như ở Hương-cảng, Xin-ga-po, Đài-loan, v.v. nhưng thực tế họ thấy không chắc chắn bằng gửi về Trung-quốc, một khi Bắc-kinh đã bảo đảm cho họ nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư.

Đề tranh thủ hơn nữa tiền đầu tư của Hoa kiều ở nước ngoài nhằm mục đích đẩy mạnh việc thực hiện bốn hiện đại hóa, từ đầu năm nay, các nhà cầm quyền Trung-quốc lớn tiếng phê phán những cái gọi là sai lầm trước đây về công tác kiều vụ. Làm ra vẻ quan tâm đến Hoa kiều và những người thân của Hoa kiều ở trong nước, họ đề ra một số quy định, một số thủ tục rộng rãi về việc đi lại, thăm hỏi, định cư, học tập, nhận tiền, gửi tiền, v.v. đồng thời dùng một từ có ẩn ý sâu xa là « huyết thống » nhằm buộc chặt Hoa kiều vào bánh xe xâm lược và bánh trướng của họ.

Những sự việc Trung-quốc gây ra cho Việt-nam trong mấy tháng qua đã hoàn toàn bóc trần ý đồ thật sự của nhà cầm quyền Bắc-kinh là: Hoa kiều có thể vào quốc tịch nước nào đó để hưởng các quyền lợi mà thôi chứ không bao giờ để trở thành công dân thật sự của nước đó. Đối với những nước nào mà Bắc-kinh coi là thù địch với Trung-quốc thì nhà cầm quyền Trung-quốc sẽ ngang nhiên xé

bỏ những hiệp định và những điều đã thỏa thuận, sẽ kêu gọi những người có « huyết thống » Trung-quốc làm nội ứng và chống lại Chính phủ nước đó bằng mọi cách, kể cả vi phạm pháp luật và các luật lệ hiện hành của nước mà họ đã và đang là công dân. Còn lúc bình thường hoặc lúc còn giao hảo với các nước thì Bắc-kinh vẫn nói ngon ngọt rằng Hoa kiều nên chọn quốc tịch nước mình đang ở, Hoa kiều phải tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán nước sở tại và không được tham gia hoạt động chính trị ở nước đó.

Ngày nay các nhà cầm quyền phản động Trung-quốc nhấn mạnh quan hệ « huyết thống » là để đến lúc nào cần thì sẽ lợi dụng Hoa kiều để gây lộn xộn tại các nước mà họ cư trú, hoạt động chống lại hoặc gây sức ép, xây dựng các tổ chức tình báo, phá hoại, lật đổ, sử dụng trong các hoạt động có liên quan đến tiền tệ, thương mại, cung cấp... nhằm làm cho nền kinh tế và chính trị các nước Đông - Nam châu Á phụ thuộc vào Trung-quốc.

Chính sách lợi dụng Hoa kiều của các thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh, giờ đây cả thế giới đều biết rõ, và phía Trung-quốc cũng không úp mở, không giấu giếm gì hết. Chủ nhiệm ủy ban Hoa kiều vụ thuộc Quốc vụ viện Trung-quốc tán tụng: « Hoa kiều đã một lòng hướng về Tổ quốc », « đã góp phần xứng đáng vào việc chi viện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội », « tư sản Hoa kiều là yêu nước », « chúng ta áp dụng chính sách đoàn kết với giai cấp tư sản Hoa kiều », v.v.

Mưu đồ đen tối của phía Trung-quốc đã được bộc lộ, ngay từ giữa những năm 60, khi họ định thông qua một số phần tử xấu trong người Hoa, xuất khẩu cái gọi là « đại cách mạng văn hóa vô sản » sang Việt-nam. Họ tổ chức « hồng vệ binh » trong thanh niên và học sinh người Hoa, phát động viết « báo chữ lớn », xây dựng lực

lượng « nòng cốt », xúi giục và lôi kéo một bộ phận người Hoa « tạo phản tại chỗ », làm « cách mạng văn hóa » ở Việt-nam — Họ vận động người Hoa học tập cái gọi là « tư tưởng Mao-Trạch-Đông » và đặt cho người Hoa ở Việt-nam « một sứ mạng lịch sử truyền bá tư tưởng Mao-Trạch-Đông trên đất nước Việt-nam » nhằm mục tiêu gây rối và chống Việt-nam.

Khi bị thất bại trong những hành động phi pháp trên đây, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở trong thời kỳ gay go và quyết liệt, phía Trung-quốc bèn ngoài vẫn tuyên bố ủng hộ cuộc kháng chiến cứu nước vĩ đại của nhân dân Việt-nam nhưng bên trong lại tiếp tục bí mật cử những nhân viên tinh báo và đặc vụ xâm nhập Việt-nam, lôi-kéo những phần tử xấu trong người Hoa vào các tổ chức bí mật do Trung-quốc lập ra để chống phá Việt - nam. Trước ngày miền Nam Việt - nam hoàn toàn giải phóng, phía Trung-quốc đã lãnh đạo một nhóm người tự xưng là « Hoa kiều tiến bộ » tổ chức ra cái gọi là « Hoa kiều hòa bình liên hiệp hội » chủ trương chung sống hòa bình với Mỹ và ngụy. Sau đó lại nặn ra các loại tổ chức khác nhau như « Hội cứu vong Hoa kiều », « Đoàn thanh niên chủ nghĩa Mác — Lê - nin », « Hội học sinh Hoa kiều », v.v. Gần đây để chia lửa với tập đoàn phản động Pôn Pốt — lêng Xa-ry, một mặt họ gây ra chiến dịch lôi kéo và cưỡng ép người Hoa về nước, mặt khác họ lại liên tiếp tung ra những luận điệu xuyên tạc sự thật và vu cáo Việt-nam « bài xích, khủng bố, xua đuổi Hoa kiều », nặn ra cái gọi là « Mặt trận thống nhất Hoa kiều » nhằm hoạt động gây rối ở hậu phương của Việt-nam.

Hơn thế nữa, chủ nhiệm Ủy ban Hoa kiều vụ thuộc Quốc vụ viện Trung-quốc còn công khai hô hào

« Hoa kiều ở bất cứ đâu cũng là bé bạn, là đồng chí », « Hoa kiều tuy không còn là công dân Trung-quốc nữa, nhưng họ vẫn là người thân thiết của chúng ta », « không được gạt bỏ Hoa kiều và những bạn bè có quốc tịch nước ngoài mà có huyết thống Trung-quốc ở hải ngoại rakhỏi mặt trận thống nhất chống bá quyền », v.v. Rõ ràng những lời nói trên đây, là những luận điệu sặc mùi sô-vanh nước lớn, chẳng khác giọng lưỡi ngang ngược trắng trợn của bọn phát-xít trước đây, công khai bảo vệ thuyết chủng tộc và huyết tộc, trắng tráo ra lệnh cho mọi người Hoa, dù đang mang quốc tịch nước nào, đều phải tuân theo mệnh lệnh của những tên cầm quyền phản động ở Bắc-kinh, đều phải hoạt động như một đạo quân ngầm — đạo quân thứ 5 — nhằm phục vụ mưu đồ xâm lược và bành trướng của chúng.

Ngày nay, các nhà cầm quyền Trung-quốc đang thực hành chính sách liên minh và câu kết chặt chẽ với đế quốc Mỹ, với bọn quân phiệt Nhật, với các loại phản động cực hữu hiếu chiến nhất trong các nước đế quốc và với các bè lũ tay sai khác đế chia sẻ khu vực ảnh hưởng, để xâm lược và bành trướng xuống vùng Đông — Nam châu Á, để phá hoại công cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới cũng như của nhân dân các nước Đông — Nam châu Á.

Mưu đồ bành trướng của họ đã bị nhân dân thế giới và nhân dân các nước Đông — Nam châu Á vạch trần. Dù cho các thế lực phản động trong giới cầm quyền Trung-quốc có quỷ quyết và thô bạo đến đâu, nhất định họ sẽ bị thất bại thảm hại vì họ đáng bị nhân dân Trung-quốc, nhân dân Đông — Nam châu Á và nhân dân thế giới vạch mặt và kiên quyết chống lại.

Trao đổi ý kiến

VỀ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC

Lời bộ biên tập

VÀ qua, Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản** đã tổ chức cuộc trao đổi ý kiến về **Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước**. Tham gia cuộc trao đổi ý kiến này, có một số đồng chí làm công tác nghiên cứu lý luận, giảng dạy, viết báo và làm công tác ngoại thương, ngân hàng...

Trong quá trình trao đổi ý kiến, các đồng chí nói trên đã nhất trí nhận định: **nguyên nhân** của sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước gắn liền với cuộc lũng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản trước những bước tiến vọt của các lực lượng cách mạng trên thế giới. Trong thời đại mới mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, chủ nghĩa tư bản trong lúc giãy chết đã chuyển từ chủ nghĩa tư bản thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. Chiến tranh thế giới thứ hai đưa cuộc tổng khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn thứ hai. Nhịp điệu chuyển lên chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước lại càng khẩn trương, ồ ạt. **Về bản chất**, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước vẫn là chủ nghĩa đế quốc trong giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản. Với một hình thức vận động mới là chủ nghĩa tư bản lũng

đoạn nhà nước (một sự kết hợp chặt chẽ giữa bộ máy nhà nước tư sản với các tổ chức lũng đoạn), bản chất của chủ nghĩa đế quốc vẫn không thay đổi vì cơ sở kinh tế của nó vẫn là chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, quy luật vận động của nó vẫn là bảo đảm lợi nhuận lũng đoạn cao cho bọn đầu sỏ tài chính trên cơ sở tăng cường bóc lột công nhân và nhân dân lao động trong nước và ngoài nước. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, như Lê-nin đã nói, vừa là thiên đường của bọn tư bản, vừa là nhà tù khổ sai của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Về tác dụng của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đối với sự tồn tại của chế độ tư bản chủ nghĩa, khác với thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, dưới thời kỳ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, nhà nước tư sản đã dùng nhiều hình thức và biện pháp điều chỉnh để can thiệp vào đời sống kinh tế. Những hình thức và biện pháp đó chỉ có thể tạm thời hòa hoãn một số mâu thuẫn nào đó của chủ nghĩa tư bản và tạm thời đẩy lùi nguy cơ khủng hoảng. Song, chúng lại làm gay gắt thêm những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản và làm nảy nở thêm những mâu thuẫn mới, nguy cơ khủng hoảng tích lại và đến kỳ sẽ nổ bùng mãnh liệt hơn. Nói một cách khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước dù có trăm phương nghìn kế cũng không thể nào cứu vãn được sự sụp đổ ngày càng đến gần của chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội, là giai đoạn của lịch sử mà giữa giai đoạn đó với chủ nghĩa xã hội thì không có một giai đoạn trung gian ngăn cách nữa, như Lê-nin đã dạy. Điều đó có nghĩa rằng, trên cơ sở đầy mạnh tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã làm cho lực lượng sản xuất xã hội hóa cao độ, đồng thời làm cho mâu thuẫn vốn có và mới phát sinh của chủ nghĩa đế quốc càng thêm gay gắt, đấu tranh giai cấp càng thêm sâu sắc, cách mạng vô sản trở thành tất yếu. Chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã quá lỗi thời và giai cấp tư sản trở thành thừa trong hệ thống sản xuất hiện đại và là vật chướng ngại cho sự tiến bộ của xã hội. Điều đó cũng đặt ra trước mắt giai cấp vô sản vấn đề phải giành lấy chính quyền về tay mình để xây dựng một chế độ nghìn lần tốt đẹp hơn : chế độ xã hội chủ nghĩa ; mặt khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước phát triển thì tạo ra tiền đề vật chất cho chủ nghĩa xã hội, có nghĩa là tạo ra một « kỹ thuật hiện đại của một nền công nghiệp » và « một tổ chức có phương pháp, tức là một hình thức xã hội của việc quản lý kinh tế » cho chủ nghĩa xã hội. Nói như vậy, hoàn toàn không có nghĩa rằng chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã là chủ nghĩa xã hội rồi và

*cách mạng vô sản không cần thiết. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước chứng tỏ rằng chủ nghĩa đế quốc đã suy yếu nghiêm trọng. Những mâu thuẫn về kinh tế, chính trị và xã hội do chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước gây ra ngày càng gay gắt, đè nặng lên đời sống của những người lao động trong nước và các nước khác, đồng thời tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh cách mạng của đông đảo quần chúng không ngừng phát triển. Nhưng đó mới chỉ là điều kiện khách quan. Cách mạng vô sản còn phụ thuộc vào **điều kiện chủ quan** nữa là: con người, lực lượng cách mạng, đường lối cách mạng do đội tiên phong của giai cấp vô sản vạch ra. Đường lối cách mạng đúng hay sai có tác dụng quyết định sự thành, bại của cách mạng.*

*Chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức của nó đã và đang là vũ khí của chủ nghĩa đế quốc trong cuộc đấu tranh chống lại ba dòng thác cách mạng trên thế giới. Cho nên **cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước không thể tách rời cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội hiện nay.** Như Lê-nin đã nhấn mạnh, không có đấu tranh kiên quyết chống các đảng phái, tập đoàn, trào lưu cơ hội chủ nghĩa, v.v. thì sẽ không có cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, không có chủ nghĩa Mác và không có cả phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa nữa.*

Hiện nay, thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh đang triển khai chiến lược quốc tế cực kỳ phản động theo học thuyết « ba thế giới » nhằm liên minh với mọi thế lực đế quốc, tập hợp mọi thế lực phản động, đề cùng với đế quốc Mỹ chống lại ba dòng, thác cách mạng trên thế giới. Cho nên loài người tiến bộ trên thế giới đã và đang nhận thức rằng tăng cường đoàn kết đấu tranh chống lực lượng đế quốc phản động trong đó chủ nghĩa đế quốc Mỹ là lực lượng đầu sỏ, tập đoàn phản bội chủ nghĩa Mác — Lê-nin trong giới cầm quyền Bắc-kinh là thế lực phản động quốc tế lớn nhất, đồng minh của Mỹ, là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng trước mắt để không ngừng đẩy mạnh phong trào cách mạng và giữ gìn hòa bình trên thế giới hiện nay.

Dưới đây, là tóm tắt những ý kiến của một số đồng chí đã phát biểu trong cuộc thảo luận nói trên.

ĐẶC ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LỪNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA NÓ

Nguyễn-Hữu-Chinh: Sự phát triển và hoạt động của các tập đoàn tư bản Mỹ trong hơn 60 năm qua rất phong phú. Chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Mỹ và cả các nước tư bản phát triển khác đã đi một chặng đường dài cho đến những « công ty nhiều nước » kếp sù như hiện nay. Trên chặng đường hiện nay, quá trình tích tụ và tập trung tư bản không ngừng được đẩy mạnh ráo riết. Năm 1977, Mỹ có 242 công ty hằng năm bán ra hơn 1 tỷ đô-la hàng hóa (năm 1976, con số này là 227). Năm 1977, công ty Gê-nê-rân Mô-tơ đứng đầu nước Mỹ và thế giới tư bản chủ nghĩa về kinh doanh: 54 961 300 000 đô-la; công ty Êc-xon đứng thứ hai với 54 126 219 000 đô-la, nghĩa là riêng hai công ty này bán hơn 100 tỷ đô-la hàng hóa. Thời kỳ Mỹ vượt lên và cầm đầu các nước đế quốc chủ nghĩa khác thật ra không quá lâu, chỉ mới hơn 1/2 thế kỷ. Trong thời kỳ Mỹ vươn lên, vai trò nhà nước vốn đã rất quan trọng lại càng quan trọng hơn nữa dưới chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Mỹ.

Sự gần bó giữa các tập đoàn tư bản Mỹ với Nhà nước Mỹ thật hết sức mật thiết. Điều đó thể hiện trong hoạt động của tổ hợp quân sự — công nghiệp Mỹ, qua ngân sách hằng năm của Mỹ (khoảng 500 nghìn tỷ đô-la trong những năm tài chính hiện nay), nhà nước Mỹ thật sự đã đóng vai trò người điều chỉnh việc phân phối thu nhập giữa các tập đoàn tư bản Mỹ.

Bùi-Ngọc-Chương: chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Pháp có hai đặc trưng nổi bật: một là, sự hình thành một khu vực kinh tế nhà nước rộng lớn; hai là, sự điều chỉnh kinh tế bằng kế hoạch hóa. Khu vực kinh tế nhà nước Pháp rộng lớn bao gồm trên 150 xí nghiệp công nghiệp công

công, các xí nghiệp này lại có cổ phần tham dự trong 1000 công ty tư nhân lớn. Các cấp chính quyền địa phương lại lập ra 800 công ty kinh tế hỗn hợp và trên 500 công ty nhà cửa, khoảng 30 — 40 công ty vận tải, gần 1800 công ty phân phối nước, điện và hơi đốt. Những xí nghiệp lớn của nhà nước là những công ty vào loại quan trọng nhất của Pháp. Sở hữu độc quyền nhà nước Pháp có một số đặc điểm như: nó được hình thành chủ yếu bằng con đường quốc hữu hóa (còn số hữu mới được xây dựng thì ít) vào thời kỳ Mặt trận nhân dân, 1936 — 1939 và những năm 1945 — 1947 là những thời kỳ phe tả nắm chính quyền và phong trào quần chúng đấu tranh mạnh mẽ đòi quốc hữu hóa. Từ đó đến nay không diễn ra cuộc quốc hữu hóa nào nữa. Khi các xí nghiệp đã được quốc hữu hóa rồi, tập đoàn tư bản lừng đoạn lại hướng hoạt động các xí nghiệp đó vào mục đích phục vụ lợi ích của tư bản lừng đoạn, và bản thân chúng chống lại việc mở rộng quốc hữu hóa. Các xí nghiệp nhà nước tư sản Pháp tham dự vào tư bản của các công ty tư nhân và ngược lại. Hoặc cả hai loại xí nghiệp nhà nước và tư nhân tham gia vào xí nghiệp tư nhân khác. Có sự xoắn xuýt giữa tổ chức lừng đoạn tư nhân và tổ chức lừng đoạn nhà nước.

Kế hoạch hóa kinh tế là đặc trưng nổi bật thứ hai của chủ nghĩa tư bản lừng đoạn nhà nước Pháp. Đã trên 30 năm nước Pháp thực hiện kế hoạch hóa kinh tế (tuy việc đó chỉ có tính chất hướng dẫn: người ta cũng theo dõi thống kê kinh tế, điều tra thị trường, từ đó đề ra những mục tiêu và sử dụng những đòn bẩy kinh tế thích hợp với những biện pháp pháp lý để điều chỉnh kinh tế; song về thực chất, kế hoạch hóa

thật sự thì không có, và không chống được khủng hoảng sản xuất thừa, việc kế hoạch hóa đó chỉ đem lại lợi nhuận ngày càng tăng cho bọn tư bản thôi), trong khi ý định của các nước tư bản chủ nghĩa khác muốn thực hiện « kế hoạch hóa » trên phạm vi rộng lớn lại thất bại.

Sự liên minh cá nhân giữa tổ chức lưng đoàn và chính phủ ở Pháp được thực hiện dưới hình thức đặc thù mà người Pháp gọi là « pantouflage » tức là một mặt, những nhân viên cao cấp trong chính phủ sau một thời gian làm việc nắm được các bí mật và luồng lạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước rồi từ chức, ra làm cán bộ quân lý cao cấp của các công ty và ngược lại; mặt khác trong bộ máy cai trị của nhà nước Pháp ngày nay giới chủ thâm nhập các cơ quan tối cao ngày càng đông kết hợp với những cán bộ đào tạo từ những trường hành chính quốc gia gồm những con cháu các gia đình tư sản có thế lực.

Để điều chỉnh và kiểm soát đối với kinh tế, nhà nước Pháp sử dụng tổng hợp các biện pháp: kiểm soát những yếu tố chính như năng lượng và vận tải, nghiên cứu và nhân công, sửa sang lãnh thổ (chỉnh đốn sự mất cân đối về phát triển kinh tế giữa các vùng) bằng những luật lệ và hành động độc đoán (cấm đoán tăng giá và tăng lương, kiểm soát thu nhập...), bằng tín dụng và tài chính, v.v. Những hoạt động kinh doanh hàng tỷ phơ-răng của các ngân hàng Pháp đã làm cho nước Pháp trở thành trung tâm tài chính lớn nhất, đứng đầu thế giới về xuất khẩu tư bản cho vay, biến nước Pháp thành nước đế quốc « hàng đầu nhưng không phải là hoàn toàn độc lập ». Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, tuy trải qua những cuộc khủng hoảng chu kỳ của thế giới tư bản chủ nghĩa và những cuộc khủng hoảng bổ sung khác, ngày nay nước Pháp đã có một cơ sở vật chất kỹ thuật đồ sộ, có những

ngành mũi nhọn: điện tử, nguyên tử, chế tạo máy bay, nước Pháp là lực lượng hạt nhân thứ ba của thế giới, tên lái súng lớn thứ hai sau Mỹ, có nền nông nghiệp cơ giới hóa và hiện đại hóa, những cơ sở chăn nuôi gia súc theo phương pháp công nghiệp, v.v. Sự phát triển công nghiệp và kinh tế của Pháp đạt được những kết quả như trên là do nhiều nguyên nhân: bị tàn phá nặng trong chiến tranh cho nên sau đó thay đổi tư bản cố định hàng loạt, lại lợi dụng được vốn Mỹ theo kế hoạch Mác-san và rút vốn từ các thuộc địa cũ bị mất và chuyển về tập trung vào việc sử dụng kỹ thuật mới. Nhưng sự phát triển cao của chủ nghĩa tư bản lưng đoàn nhà nước Pháp trong thời kỳ đang lên và phồn thịnh của nó là một trong những nguyên nhân quan trọng. Với sự hình thành khu vực kinh tế nhà nước rộng lớn làm cơ sở và trụ cột lúc đầu cho việc phát triển và điều chỉnh kinh tế khác, chủ nghĩa tư bản lưng đoàn nhà nước Pháp đã có tác dụng thúc đẩy tích tụ tập trung tư bản, hiện đại hóa guồng máy sản xuất, giảm nhẹ các cuộc khủng hoảng, bảo đảm được sự phát triển kinh tế với tốc độ cao mà các nhà kinh tế tư sản đã gọi là « phát triển kỳ diệu »...

Lê-Văn-Sang: Sau chiến tranh, ở Nhật-bản, do nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng, trình độ phát triển kinh tế nói chung kém xa những nước tư bản chủ nghĩa phương Tây, đặc biệt là so với Mỹ, nguồn tài nguyên trong nước nghèo nàn, thuộc địa và khu vực ảnh hưởng về kinh tế trước đây đều bị mất, với ý đồ vươn lên thành một cường quốc đế quốc về kinh tế, nhà nước Nhật-bản đã hướng sự điều chỉnh vào việc *bành trướng kinh tế ra nước ngoài trên cơ sở bóc lột triệt để nhân dân lao động trong nước, bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế cao*. Có ba biện pháp điều chỉnh quan trọng hàng đầu của tư bản lưng đoàn nhà nước Nhật-bản: đối với

hoạt động đầu tư, đối với « cơ cấu hai tầng » và đối với kinh tế đối ngoại...

Cho đến nay, công cụ bành trướng kinh tế ra nước ngoài của Nhật-bản chủ yếu vẫn là sức cạnh tranh của hàng hóa được xây dựng trên cơ sở phối hợp chặt chẽ hai yếu tố: tăng năng suất lao động và kiểm chế tiền lương ở mức tương đối thấp. Điều đó có nghĩa là đề mở rộng quan hệ kinh tế với bên ngoài, sự điều chỉnh của tư bản lũng đoạn nhà nước Nhật-bản trước hết là phải tập trung lực lượng khai thác mọi nguồn bên trong. Bảo đảm tích lũy cao, đồng thời phân bổ, sử dụng như thế nào có hiệu quả nguồn vốn tích lũy là những yếu tố quyết định việc mở rộng sản xuất bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế cao, đó là những mục tiêu điều chỉnh quan trọng nhất của nhà nước Nhật-bản trong lĩnh vực đầu tư sau chiến tranh. Tỷ lệ tích lũy ở Nhật-bản suốt thời kỳ sau chiến tranh cao hơn nhiều so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác; nhà nước Nhật-bản hạn chế được các khoản chi tiêu ngoài mục đích đầu tư là nhờ nhiều nhân tố: *chỉ tiêu quân sự ở mức thấp nhất* so với các đế quốc khác; *hạn chế gắt gao các khoản chi về bảo hiểm xã hội; chính sách thuế*: giảm thuế lợi nhuận, đồng thời tăng cường thuế đánh vào quần chúng lao động; *chính sách khấu hao nhanh*, một hình thức trợ cấp tài chính che đậy bảo đảm cho các công ty lũng đoạn trốn thuế một cách hợp pháp nhờ giảm số lượng lợi nhuận công bố, tăng cường cái gọi là khả năng « trợ cấp tài chính » của các công ty đó; *chính sách tiền tệ tin dụng* tăng cường sự phụ thuộc của các công ty vào nhà nước với mức độ cao hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển khác; *tiền tiết kiệm* của nhân dân Nhật-bản là nguồn tài chính cực kỳ quan trọng đối với quá trình mở rộng kinh doanh của tư bản lũng đoạn Nhật-bản. Đầu năm 1971,

tiền tiết kiệm của nhân dân Nhật-bản chiếm trên 34.1% tổng số tiền có thể huy động vào kinh doanh. Đối tượng thứ hai của việc nhà nước Nhật-bản cần phải điều chỉnh là « cơ cấu hai tầng ». Thu hút mọi khả năng lao động vào guồng máy sản xuất giá trị thặng dư cho chủ nghĩa tư bản Nhật-bản bằng cách duy trì và phát triển khu vực kinh doanh nhỏ, sản xuất thủ công hoặc cơ khí nhỏ lạc hậu, đồng thời tập trung vốn phát triển khu vực sản xuất hiện đại với quy mô lớn, tạo thành cái gọi là « cơ cấu hai tầng » — một đặc điểm nổi bật của nền kinh tế Nhật-bản đồng thời là một trong nội dung điều chỉnh của tư bản lũng đoạn Nhật-bản — nhằm vừa triệt để lợi dụng được nguồn lao động « thừa », vừa nâng nhanh năng lực sản xuất của tư bản lũng đoạn Nhật-bản. Sự điều chỉnh của Nhà nước Nhật-bản đối với « cơ cấu hai tầng » về mặt nào đó có thể coi như nhằm bảo đảm tỷ lệ vốn và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cao. Song việc đó còn bao hàm một nội dung xã hội rộng lớn hơn. Nó không che giấu quá trình thủ tiêu các xí nghiệp nhỏ; sự tồn tại của khu vực kinh doanh nhỏ là điều kiện quan trọng giúp nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản *giải quyết nạn thất nghiệp* một cách « hiệu quả » hơn các nước tư bản chủ nghĩa khác. Chính sách duy trì khu vực sản xuất nhỏ của nhà nước Nhật-bản nhằm hai mục tiêu rõ rệt: một là hạn chế quá trình biến thất nghiệp tiềm tàng thành thất nghiệp thực tế, hai là thu hút những cá nhân bị thải hồi ở các xí nghiệp lớn, nghĩa là biến thất nghiệp thực tế thành thất nghiệp tiềm tàng, tránh những xung đột xã hội do nạn thất nghiệp gây ra. Về thực chất, chính sách này nhằm thu hút lao động « thừa » của xã hội Nhật-bản vào guồng máy sản xuất giá trị thặng dư cho chủ nghĩa tư bản, kìm hãm mức sống chung, tiếp tay cho tư bản lũng đoạn tăng cường

bóc lột lao động tại các xí nghiệp lớn, biến khu vực kinh doanh nhỏ này thành « cái đệm » rất linh hoạt trong việc điều chỉnh kinh tế có lợi cho tư bản lũng đoạn.

Trong khi duy trì khu vực sản xuất nhỏ với tư cách là một đối tượng bóc lột và là một điều kiện xã hội quan trọng để tư bản lũng đoạn Nhật-bản thắng tay bóc lột lao động xã hội, nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản đã dùng mọi biện pháp và phương tiện tài chính vào việc *phát triển khu vực sản xuất lớn, hiện đại*. Nhà nước Nhật-bản trước hết chủ trương thực hiện chính sách khuyến khích quá trình tập trung sản xuất, tạo điều kiện cho các tổ chức lũng đoạn nhanh chóng nâng quy mô sản xuất lên trình độ quốc tế, đồng thời dùng mọi biện pháp hướng các tổ chức lũng đoạn vào việc hiện đại hóa nhanh chóng công nghiệp, đặc biệt là những ngành mũi nhọn trên cơ sở bỏ qua những yêu cầu chính đáng của xã hội, bất chấp mọi yêu cầu cân đối của nền kinh tế.

Biện pháp lớn quan trọng thứ ba của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản là *điều chỉnh kinh tế đối ngoại*. Xét về mặt giảm đi không ngừng chi phí sản xuất, tăng cường khả năng cạnh tranh của hàng hóa trên thế giới thì những hoạt động điều chỉnh trên của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật đã gắn chặt với mục tiêu bành trướng kinh tế đối ngoại. Tuy nhiên, lĩnh vực kinh tế đối ngoại vẫn là một đối tượng điều chỉnh riêng, và quan trọng của nhà nước tư bản Nhật-bản. Để bảo vệ quyền lợi của các tổ chức, lũng đoạn trong nước, đặc biệt là quyền lợi của các tổ chức lũng đoạn trong các ngành công nghiệp then chốt, chống lại sự cạnh tranh của tư bản nước ngoài, nhà nước Nhật-bản đã một mặt tạo điều kiện cho các tổ chức lũng đoạn trong nước sáp nhập, mở rộng quy mô kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh bành trướng mạnh sang các

nước khác, mặt khác thi hành chính sách thuế quan bảo hộ và các biện pháp kiểm soát và ngăn chặn phi quan thuế khác đối với sự xâm nhập của tư bản nước ngoài. Các nước phương Tây đã khẳng định Nhật-bản là « nước thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch sớm và dai dẳng nhất ».

Quá trình điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước Nhật-bản đã tác động sâu sắc đến sự phát triển kinh tế Nhật-bản với một tốc độ tương đối cao, tương đối ổn định, với số người thất nghiệp tương đối thấp suốt thời gian dài sau chiến tranh, đã góp phần quan trọng vào việc hình thành « câu chuyện thần kỳ » của Nhật-bản trong những năm qua.

Nguyễn-Đặng-Thành : Nếu xét về mặt lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất của chủ nghĩa tư bản thì chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ở *Cộng hòa liên bang Đức* có những đặc điểm chủ yếu như sau : quá trình tích tụ và tập trung sản xuất đã làm cho các tổ chức lũng đoạn ở Cộng hòa liên bang Đức có quyền lực và ảnh hưởng lớn. Các công ty lũng đoạn này thuộc về các tập đoàn lũng đoạn lớn trên thế giới, chỉ kém Mỹ, vượt xa Anh, Pháp, Ý về số lượng. Năm 1975, chỉ có 100 xí nghiệp công nghiệp chủ chốt đã đạt giá trị tổng sản phẩm là 474 tỷ mác (trong khi đó tổng sản phẩm quốc dân của Cộng hòa liên bang Đức là 1043 tỷ mác). Công ty Ren-sơ-tan Tit-xen là một trong những tập đoàn tư bản lớn nhất thế giới. Năm tài chính 1975 - 1976, các xí nghiệp thuộc công ty này sản xuất được 10,8 triệu tấn gang, 12,8 triệu tấn thép (bằng 10% sản lượng kim loại của khối Thị trường chung châu Âu), có 140 000 công nhân làm việc trong các xí nghiệp luyện thép của nó. Công ty này còn giữ vai trò chủ chốt trong việc hình thành các-ten luyện thép Tây Âu (gồm có Cộng hòa liên bang Đức, Bỉ, Luc-xembua, Hà-

lan). Về tư bản ngân hàng đã hình thành ba trung tâm lớn nhất: ngân hàng Đức (Đôi-se Ben-co), ngân hàng Đơ-rê-đơ-đơ-me và ngân hàng thương mại (Com-méc-xơ Ben-co), với số vốn mỗi ngân hàng từ 11 tỷ mác trở lên. Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản ở Cộng hòa liên bang Đức có những đặc trưng như sau: sự tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản của các tổ chức lũng đoạn nhà nước tăng nhanh; trước đây tích tụ và tập trung tư bản được tiến hành dưới hình thức hỗn hợp; quá trình tích tụ và tập trung sản xuất và tư bản diễn ra nhanh trong các tổ hợp công nghiệp — quân sự (ngành sản xuất máy bay, tên lửa, nguyên tử, điện tử, hóa học, năng lượng, gang thép); quá trình này có sự tham dự ngày càng nhiều của tư bản lũng đoạn nhà nước bên ngoài như: Mỹ và Nhật-bản. Tư bản nước ngoài đầu tư vào Cộng hòa liên bang Đức một số tiền là 45 tỷ mác (trong đó Mỹ chiếm 20 tỷ mác, bằng 40% tổng số tư bản đầu tư của nước ngoài).

Cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là các tổ chức lũng đoạn. Nhưng khác với trước đây, cơ sở kinh tế đó không phải là các tổ chức lũng đoạn công nghiệp đơn thuần, mà là các tổ hợp công nghiệp — quân sự. Có thể nói rằng các tổ hợp này là hạt nhân của hệ thống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ở Cộng hòa liên bang Đức. Các liên minh lũng đoạn như Hội liên hiệp các nhà công nghiệp Đức (BDI), liên hiệp 38 công ty lũng đoạn công nghiệp, 13 đại diện chủ ruộng đất (gồm 397 tổ hợp công nghiệp theo ngành và 199 tổ hợp công nghiệp theo lãnh thổ); Hội liên hiệp các chủ xí nghiệp (BDA) gồm 948 chủ các công ty lũng đoạn công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, thương nghiệp, nắm 90% công nhân làm thuê trong các xí nghiệp và Hội liên hiệp các phòng công nghiệp, thương nghiệp (DNKT) và Hội liên

hiệp các ngân hàng tư nhân (BDB) — các liên minh lũng đoạn này giữ mọi vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối của nhà nước theo hướng phục vụ quyền lợi của các tổ chức lũng đoạn.

Cơ chế tác động đến đường lối chính sách của chính phủ, dựa vào ba hình thức như: hệ thống «đặt hàng» và dự thảo đường lối chính sách, các «bị vong lục»; các cuộc hội đàm giữa liên minh lũng đoạn với các bộ; và liên hệ cá nhân giữa những người đại diện liên minh lũng đoạn với nhà nước.

Sự phát triển của các tổ chức lũng đoạn về khách quan dẫn đến hình thành các nhóm lũng đoạn tài chính. Tất cả các công ty lũng đoạn ở Cộng hòa liên bang Đức đều nằm trong quỹ đạo của các nhóm lũng đoạn tài chính. Tư bản lũng đoạn tài chính ở đây được hình thành theo các trung tâm ngân hàng hay công nghiệp và theo vùng. Hai trung tâm tư bản lũng đoạn tài chính đã xuất hiện là: ngân hàng ketch sù và các tổ hợp công nghiệp quân sự. Sở hữu nhà nước ở Cộng hòa liên bang Đức được hình thành theo con đường không phải quốc hữu hóa như các nước Anh, Pháp, Mỹ mà nhà nước đầu tư để xây dựng các cơ sở kinh tế như giao thông vận tải, bưu điện, năng lượng, v.v.

Những biện pháp của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Cộng hòa liên bang Đức trên thực tế có tác dụng kích thích nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, có thể tạm thời hòa hoãn được những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ 1950 — 1960 bình quân tốc độ phát triển kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức mỗi năm là 7%, chỉ đứng sau tốc độ phát triển kinh tế của Nhật-bản (10%). Thời kỳ từ năm 1960 đến nay, tốc độ phát triển kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức giảm sút. Sự điều chỉnh của nhà nước đối với kinh tế chủ yếu dựa vào hai biện pháp: nhà nước bù lỗ 20%, nhà

nước đầu tư vào xây dựng ngành giao thông, bưu điện, năng lượng... phát triển kinh tế theo chiều sâu, tập trung vào những ngành phức tạp hơn về kỹ thuật, đẩy những ngành sản xuất hao phí nhiều lao động sống ra nước ngoài, từ đây mạnh xuất khẩu hàng hóa đi đến đây mạnh xuất khẩu tư bản. Cộng hòa liên bang Đức là nước đứng đầu các nước Tây Âu về tiềm lực công nghiệp, đồng thời là nước duy nhất có cán cân thương mại thường xuyên xuất siêu.

Phan-Quang-Tuê: Khác với các nước đế quốc chủ nghĩa Tây Âu, nước Ý bước vào con đường phát triển tư bản chủ nghĩa chậm hơn nhiều. Chỉ sau cuộc cách mạng dân chủ tư sản 1860 giai cấp đại tư sản công nghiệp và tài chính Ý mới hình thành như một lực lượng xã hội tương đối độc lập để bước lên vũ đài thế giới. Sau nhiều thế kỷ nước Ý bị chia rẽ và phân tán, cuộc cách mạng 1860 đã thống nhất được nước Ý và thành lập nhà nước tư sản Ý. Tuy giai cấp tư sản đã nắm được chính quyền nhưng vì cuộc cách mạng dân chủ tư sản này không được tiến hành triệt để, bọn quý tộc ở nông thôn chưa bị đánh quỵ hoàn toàn vẫn giữ được vị trí khá vững chắc trong nền kinh tế Ý, nhất là ở miền Nam nước Ý, do đó, trong nhiều năm về sau nước Ý vẫn là một nước nửa phong kiến, sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa bị kìm hãm nhiều, mức tích lũy tư bản vẫn thấp. Giai cấp tư sản Ý chưa thâm nhập được vào các khu vực nông thôn, chưa đánh đổ được uy tín của giai cấp địa chủ và tất nhiên không thể lôi cuốn được giai cấp nông dân vào quỹ đạo của mình. Thị trường trong nước tuy đã hình thành nhưng còn quá chật hẹp, nguồn nguyên liệu trong nước vốn nghèo nàn, tình trạng đó không thể đáp ứng được nhu cầu phát triển của giai cấp tư sản Ý lúc bấy giờ.

Để giải quyết mâu thuẫn nói trên, *giai cấp tư sản Ý ngay từ buổi ban đầu đã đã phải tìm cách bành trướng thế lực ra ngoài, đánh chiếm thuộc địa, nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, cướp bóc nguyên liệu để thay thế cho thị trường trong nước.* Do đó vào đầu thế kỷ XX, các tổ chức tư bản lũng đoạn Ý bắt đầu xuất hiện. Vừa mới ra đời, các tổ chức này đã nuôi nhiều tham vọng, ra sức chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, với hy vọng ngồi lên hàng đầu trong các tập đoàn tư bản lũng đoạn của thế giới tư bản chủ nghĩa lúc đó. Chính trong điều kiện ấy, chủ nghĩa tư bản Ý khi chuyển thành chủ nghĩa đế quốc đã bộc lộ rõ rệt tính chất xâm lược và phân động trong chính sách đối ngoại của nó, chủ nghĩa phát-xít Ý từ đầu những năm 20 có thể phát triển mạnh, giai cấp tư sản phân động đã nắm lấy chính quyền, lập ra nền chuyên chính phát-xít, biến bộ máy nhà nước thành một bộ máy chuyên chế, tàn bạo như thời trung cổ.

Do đặc điểm lịch sử nói trên, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý có một đặc trưng khác là: *sự dung hợp giữa lực lượng của các tổ chức lũng đoạn với quyền lực của nhà nước tư sản ở Ý phát triển sớm hơn và với một quy mô rộng lớn hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa khác.* Sự hình thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước như vậy là *kết quả của sự suy yếu của các tổ chức lũng đoạn Ý chứ không phải là sự lên mạnh của chúng.*

Nhà nước Ý phát triển sớm hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa khác cho nên vai trò của nhà nước Ý cũng sớm thay đổi, sự can thiệp của nhà nước Ý vào đời sống kinh tế ở Ý cũng sớm hơn và có nhiều đặc điểm khác với các nước tư bản chủ nghĩa khác. Một là, sau khi bọn phát-xít lên nắm chính quyền ở Ý, nhà nước Ý ráo riết chuẩn bị cho cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, đẩy mạnh quân sự hóa nền kinh tế Ý. Ngay từ hồi đó, nhà

nước Ý đã biết sử dụng một đòn bẩy quan trọng và có hiệu lực là sở hữu nhà nước. Sau cuộc khủng hoảng kinh tế lớn trên thế giới những năm 1929 - 1933, hình thức sở hữu nhà nước ở Ý đã đạt tới quy mô rất lớn; sau chiến tranh thế giới thứ hai, chủ nghĩa phát xít bị đập tan, nhưng sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế vẫn được duy trì và tăng cường. Chính sách kinh tế của Đảng dân chủ thiên chúa giáo suốt trong thời kỳ dài cầm quyền từ sau chiến tranh đến nay là *ra sức phát triển các ngành công nghiệp do nhà nước quản lý*, coi đó là công cụ có hiệu lực nhất để củng cố địa vị chính trị của mình. Do đó *một đặc điểm của nền kinh tế Ý là vai trò và tỷ trọng của các xí nghiệp nhà nước (holding d'Etat) không ngừng tăng lên trong nền kinh tế quốc dân*. Các xí nghiệp này là một động lực phát triển công nghiệp Ý trong những năm 50. Hai xí nghiệp nhà nước quan trọng nhất và kiểm soát hầu như toàn bộ nền công nghiệp Ý là Liên hiệp IRI (Viện phục hồi công nghiệp) và Liên hiệp ENI (Liên hiệp về hơi đốt và dầu mỏ). Liên hiệp IRI, một công ty công nghiệp khổng lồ do nhà nước quản lý, nắm quyền kiểm soát nhiều công ty công nghiệp và tài chính. Hiện nay IRI kiểm soát 95% sản xuất gang, 60% sản xuất thép, kim loại khác, 90% năng lực đóng tàu, kiểm soát gần như toàn bộ 3 ngành vận tải hàng không, điện thoại và giao thông của nước Ý. Liên hiệp ENI là một công ty công nghiệp của Nhà nước Ý kiểm soát toàn bộ các hoạt động về thăm dò, khai thác và chế biến dầu, hơi đốt và các sản phẩm dầu mỏ. ENI kiểm soát 75% sản lượng, hơi đốt thiên nhiên, 100% sản xuất cao su nhân tạo, 30% chế biến dầu và 25% mạng lưới phân phối dầu, hơi đốt và sản phẩm dầu của nước Ý. Chức năng chủ yếu của các xí nghiệp nhà nước trong nền kinh tế Ý là góp phần hỗ trợ, thúc đẩy cho các ngành kinh tế phát

triển và tiến hành những biện pháp để tổ chức lại cơ cấu của các ngành công nghiệp. *Một đặc điểm khác trong sự can thiệp của nhà nước tư bản Ý là việc quốc hữu hóa hệ thống tín dụng đạt mức độ cao so với các nước tư bản chủ nghĩa khác*. Hiện nay trong cơ quan tín dụng ngắn hạn nhà nước đã nắm trên 65% tổng số tiền gửi và 70% tổng số tiền cho vay. Trong lĩnh vực tín dụng thời hạn trung bình và dài hạn, nhà nước nắm số tiền còn cao hơn. Việc nhà nước Ý nắm độc quyền về tín dụng thông qua "đạo luật ngân hàng" đã góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý.

Nguyễn-Văn-Thọ : Quá trình chuyển từ chủ nghĩa tư bản lũng đoạn sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước ở Anh chia làm hai giai đoạn: giai đoạn đầu từ 1930 đến 1950, giai đoạn thứ hai từ 1950 trở lại đây.

Từ năm 1930 đến năm 1950, nền kinh tế Anh bị phá hoại nghiêm trọng trong cuộc khủng hoảng kinh tế lớn của thế giới tư bản chủ nghĩa những năm 1929 - 1933 và trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai. Vị trí của Anh trên vũ đài thế giới bị giảm sút mạnh. Để đối phó với tình hình khó khăn đó, nhà nước tư bản Anh đã tăng cường các biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế và chính trị, chủ yếu là ráo riết bóc lột thuộc địa và bóc lột giai cấp công nhân Anh, phục vụ cho quyền lợi của các tập đoàn tư bản lũng đoạn.

Anh có 33,5 triệu km² với 393,5 triệu dân ở các thuộc địa của mình, và đã tập trung ở đây 53% tổng số vốn đầu tư ở nước ngoài, mỗi năm thu về trên một tỷ đô-la lợi nhuận. Anh còn thi hành chế độ siêu bảo hộ mậu dịch và năm 1939 thành lập khu vực đồng bằng Anh, xây dựng tổng kho đô-la, áp dụng các biện pháp quản chế ngoại hối đối với các nước thuộc địa, ngăn chặn đến mức tối thiểu hàng

hóa của các nước tư bản chủ nghĩa khác; mặt khác, Anh tăng cường bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động, thi hành chính sách bản cùng hóa quặng đại quặng chúng lao động Anh. Mức sống của nhân dân Anh bị giảm hẳn xuống. Bằng những biện pháp đó, Anh đã khôi phục kinh tế sau khủng hoảng cũng như sau chiến tranh một cách tương đối nhanh so với các nước tư bản chủ nghĩa khác.

Từ năm 1950 đến nay kinh tế Anh lại càng gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng: sau cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ đã nổ ra (1951 — 1952, sản xuất công nghiệp giảm 23,6%, 1957 — 1958 giảm 3,6%, 1961 — 1962 giảm 5,1%, 1966 giảm 5,8%, 1971 — 1972 giảm 10,9%, 1973 — 1975 giảm 11,8%...), đồng bảng Anh bị suy yếu, và luôn luôn bị khủng hoảng, hệ thống thuộc địa bị tan rã, thị trường xuất khẩu bị co hẹp, tốc độ phát triển kinh tế rất chậm chạp, v.v. Đứng trước tình hình đó nhà nước tư bản lừng lợm Anh càng ráo riết tăng cường các biện pháp can thiệp vào đời sống kinh tế và chính trị, xã hội. Những biện pháp này có những đặc điểm chủ yếu sau đây: quốc hữu hóa một số ngành kinh tế then chốt, nhà nước trực tiếp nắm hoàn toàn hoặc một bộ phận lớn cổ phiếu của các xí nghiệp; tăng chi ngân sách, thi hành chính sách lạm phát vừa phải, chạy đua vũ trang, kích thích đầu tư, kích thích sản xuất. Tỷ trọng chi phí của nhà nước trong tổng giá trị sản xuất trong nước tăng 37% năm 1950 lên 46% trong những năm 1971 — 1976; dựa vào Mỹ và chạy theo chính sách phản động của đế quốc Mỹ. Mặc dù Anh bị Mỹ giành mất nhiều thị trường và vị trí trên thế giới, Anh vẫn phải dựa vào Mỹ, lợi dụng lực lượng tài chính, kỹ thuật và quân sự của Mỹ để chống đỡ những khó khăn trong nước. Anh là

nước tư bản chủ nghĩa nhận viện trợ nhiều nhất của Mỹ. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay Anh đã nhận của Mỹ gần 10 tỷ đô la viện trợ. Anh đã mở cửa cho tư bản Mỹ đầu tư ào ạt vào các ngành kinh tế Anh. Vốn đầu tư của Mỹ chiếm 62% tổng số vốn đầu tư của tư bản nước ngoài vào Anh. Anh còn dựa vào tin dụng của Mỹ để bảo vệ đồng bảng Anh trong các cuộc khủng hoảng của đồng tiền này, dựa vào lực lượng quân sự bên ngoài của Mỹ để đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và duy trì đặc quyền đặc lợi của Anh ở các thuộc địa cũ, đặc biệt là khu vực động kênh Xuy-ê. Hệ thống thuộc địa của Anh ngày càng tan rã lại bị Mỹ tranh cướp dần, năng suất lao động của Anh tăng chậm khiến cho khả năng cạnh tranh của Anh ngày càng sút kém, thị trường xuất khẩu của Anh ngày càng khó khăn. Để giải quyết những khó khăn đó, Anh phải dựa vào Tây Âu, hai lần (1961 và 1967), xin gia nhập Thị trường chung châu Âu, lần thứ hai, Anh mới được chấp thuận. Ngoài ra Anh đã phải áp dụng các biện pháp điều chỉnh cán cân mậu dịch để bảo vệ đồng bảng Anh.

Cùng với việc củng cố thị trường xuất khẩu hàng hóa, Anh đã tăng cường xuất khẩu tư bản. Trên cơ sở tích tụ và tập trung tư bản và sản xuất nhanh chóng dưới những hình thức liên hiệp hóa theo ngành và liên hiệp hóa nhiều ngành khác nhau (conglomérat), đồng thời xã hội hóa sản xuất, đã hình thành nhiều công ty nhiều nước ở Anh. Đối với giai cấp công nhân, chính phủ Anh thi hành chính sách hạn chế tăng lương, ký kết với Công đoàn cải gọi là « hợp đồng xã hội », tự nguyện hoặc bắt buộc hạn chế đòi hỏi tăng lương, hạn chế bãi công đòi hỏi cải thiện đời sống, v.v.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VỚI NHỮNG HẬU QUẢ NGÀY CÀNG NGHIÊM TRỌNG CỦA NÓ TRÊN CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI TƯ BẢN CHỦ NGHĨA

Nguyễn-Hữu-Chính : Thời kỳ Mỹ vượt các nước đế quốc khác và dẫn đầu họ, thật ra không phải quá lâu, chỉ mới hơn một nửa thế kỷ. Nhiều nhà kinh tế học phương Tây cho rằng, sự suy yếu của Mỹ cũng thật khá nhanh chóng. Sự suy yếu này gắn liền với thất bại nặng nề của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt-nam. Tỷ trọng của Mỹ trong sản lượng công nghiệp và xuất khẩu của thế giới tư bản chủ nghĩa không ngừng giảm sút. Tây Đức đã trở thành nước xuất khẩu lớn nhất thế giới tư bản chủ nghĩa, đồng thời là nước xuất siêu lớn nhất và có dự trữ tiền tệ lớn nhất. Hiện nay ở Mỹ, hơn ở bất cứ nơi nào khác, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đang ở trong một cuộc khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Nhưng tuy ngày càng suy yếu, sự xâm phạm của nó đối với chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước ở các nước khác vẫn rất lớn. Hoạt động của các công ty nhiều nước do Mỹ khống chế ở nước ngoài vẫn còn là một bí mật lớn.

Bùi-Ngọc-Chương : Ngày nay ở Pháp người ta nói đến khủng hoảng có tính chất cơ cấu, lạm phát có tính chất cơ cấu, thất nghiệp có tính chất cơ cấu và dùng đến các khái niệm như cái vòng luẩn quẩn (cercele vicieux), con đường hầm kinh tế (tunnel économique), điều đó cũng có nghĩa rằng bản thân cơ cấu vận động của chủ nghĩa tư bản ngày nay dưới hình thức chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã khủng hoảng, những biện pháp điều chỉnh lũng đoạn nhà nước đã mất tác dụng, thậm chí còn gây phản tác dụng.

Khủng hoảng chu kỳ thì diễn ra khủng hoảng trung gian bề sung, thực hành lạm phát « lành mạnh » để kích thích sản xuất phát triển cao thì dẫn đến lạm phát tăng lên không thể nào khống chế được, người Pháp gọi là siêu lạm phát (hyperinflation) : đồng thời từ kích thích phát triển dẫn đến tình trạng đình trệ kéo dài và thất nghiệp tăng lên, v.v. Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã và đang làm sâu sắc các mâu thuẫn kinh tế của chủ nghĩa tư bản Pháp, từ đó làm sâu sắc mâu thuẫn xã hội.

Vì mọi sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước nhằm mục đích thúc đẩy tích lũy tư bản vào bọn lũng đoạn trên cơ sở phân phối lại thu nhập vốn đã thấp so với nhu cầu tối thiểu hiện tại, cho nên nó làm tăng sự phân cực xã hội và phân hóa giàu nghèo. Quy luật bản cùng hóa tương đối và tuyệt đối người lao động Pháp tiếp tục diễn ra. Ngày nay số người lao động làm thuê tăng lên cùng với số lượng giai cấp vô sản tăng lên.

Ở Pháp, dưới sự điều chỉnh của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước, lợi nhuận của thiểu số tư bản lũng đoạn ngày càng tăng do đó gia sản của chúng ngày càng tích lũy được nhiều trong khi đó gia sản của người lao động giảm sút, và cùng với sự tăng lên của mức nhu cầu thiết yếu tối thiểu do điều kiện lao động và sinh hoạt mới đề ra thì sự bản cùng hóa tuyệt đối cũng tồn tại tuy có những dạng vẻ mới — người Pháp gọi là sự khốn cùng hiện đại (misère moderne), — đồng thời với sự bản cùng hóa dưới dạng vẻ cũ — người Pháp gọi là sự khốn cùng ngàn gòn

(misère tout court) hay sự khốn cùng trần trụi (misère nue). Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước lại mới tạo ra một sự khốn cùng nữa được gọi là sự khốn cùng về mặt tinh thần (misère mentale) cho số lớn người lao động Pháp. Sự khốn cùng này đối với đời sống con người cũng gay gắt không kém gì sự khốn cùng về vật chất. Sau đây là một vài con số để chứng minh những điều nói trên: năm 1973, 50 công ty Pháp lớn nhất thực hiện một số lợi nhuận là 36 tỷ 729 triệu pho-răng, nhiều hơn năm 1972 là 30%. Ngay trong hai năm 1974 - 1975 là hai năm khủng hoảng kinh tế nặng nề thì 25 tập đoàn công nghiệp và ngân hàng tài chính Pháp lớn nhất thực hiện được 70 tỷ pho-răng lợi nhuận. Theo báo Pháp Thế giới, hồ sơ và tư liệu Pháp ra tháng 12-1976 thì ở Pháp 20% gia đình có thu nhập cao nhất nắm giữ 47% tổng số của cải của tư nhân so với 46% ở Tây Đức, 45% ở Tây-ban-nha, 42% ở Nhật-bản và Mỹ, 39% ở Anh. Còn ở đầu kia của bậc thang xã hội, 20% các gia đình có thu nhập thấp nhất chỉ có 4% ở Pháp, so với 5% ở Mỹ, 6% ở Anh, 6,5% ở Tây Đức tổng số của cải của tư nhân.

Do đó 1/3 số công dân Pháp giàu có chỉ phôi số thu nhập gấp 11,2 lần số thu nhập của 1/5 công dân nghèo. Tỷ lệ đó là 10,7 lần ở Tây-ban-nha, 8,6 lần ở Mỹ, 7,1 lần ở Tây Đức, 6,4 lần ở Anh. Sự bất bình đẳng ở Pháp 3 lần cao hơn so với Hà-lan và 2 lần cao hơn so với Tây Đức... Do lợi nhuận ngày càng nhiều, bọn đại tư bản sống một cuộc sống xa hoa và điên loạn. Nam tước Quy-dơ Rốt-sơ-slin thuộc một trong số 200 gia đình tư sản cổ điển nổi tiếng giàu có nhất nước Pháp có biệt thự trị giá tới 1500 triệu pho-răng cũ (15 triệu pho-răng mới). Trong khi đó thì số lớn người lao động Pháp sống một cuộc sống mà họ gọi là nổi nẹp 2 đầu (joindre les deux bouts) có nghĩa là chưa hết thang tiền đã hết phải vay nợ cho những ngày cuối

tháng và đến đầu tháng lĩnh lương lại trả nợ... Bên cạnh số đông người sống trong tình trạng đó, có một số người thật sự khốn cùng mà người Pháp gọi là những người của « thế giới thứ tư », ý nói nghèo khổ hơn những người của thế giới thứ ba. Những người này cũng được gọi là những người « dưới vô sản » và chiếm tới 10 triệu. Đó là chưa kể hàng triệu người lao động nhập cư bị bóc lột như những người dân thuộc địa ở ngay chính quốc. Trông 15 năm qua, kinh tế Pháp phát triển mạnh, thu nhập quốc dân tăng hai lần trong 10 năm, 20 triệu người có một việc làm đều đặn, thu nhập gia đình bình quân 16 000 pho-răng một năm (tức 1330 pho-răng một tháng), nhưng theo tính toán của các « Hội cứu trợ công giáo » và Hội « giúp đỡ cho mọi người khốn cùng » thì một gia đình trên 5 không có được số thu nhập đó. Người ta tính có 10 triệu người nghèo ở Pháp, đó là những người mà trong cuốn sách « Thế giới thứ tư » (le quart monde), Giăng Láp-ben-sơ gọi là những người dưới vô sản. Nguồn sống của họ thế nào và họ sống ra sao? Chúng 8 triệu người Pháp thuộc các gia đình mà nguồn sống (ngoài các khoản trợ cấp) dưới 760 pho-răng (tức 9 120 pho-răng một năm). Phần lớn thậm chí chỉ thu được 500 pho-răng. Cuối cùng hàng nghìn người có độc chỉ thu được 400 pho-răng. Nhiều người còn hoàn toàn mù chữ. Một chủ nghĩa định mệnh nào đó chi phối họ và họ tìm cách giải quyết các vấn đề bề bộn của đời họ ở thú nghiện rượu, cờ bạc, nhậu đục và bạo lực...

Lê-Văn-Sang: Sau khi khôi phục nhanh chóng nền kinh tế bị chiến tranh tàn phá, Nhật-bản tiếp tục phát triển kinh tế với tốc độ cao. Tốc độ này vượt xa không những tốc độ của Nhật-bản hồi trước chiến tranh mà cả tốc độ của các nước tư bản chủ nghĩa khác. Song sự điều chỉnh của nhà

nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản trong khi chạy theo mục tiêu phát triển kinh tế cao đã đẩy nền kinh tế vào tình trạng *mất cân đối nghiêm trọng*. Trước hết, đó là sự *tập trung sản xuất quá mức và quá nhanh vào một số ít trung tâm công nghiệp*. Điều đó đã đẩy nước Nhật-bản đến tình trạng đối lập sâu sắc giữa trình độ hiện đại, tiên tiến ở khu vực công nghiệp phía đông với tình trạng lạc hậu kém phát triển ở cả các vùng phía bắc, tây và nam Nhật-bản. Từ đó bộc lộ thế sơ hở về quốc phòng, sự mất «an ninh» ở các trung tâm công nghiệp, tình trạng căng thẳng về mọi mặt — do đó khủng hoảng chính trị và xã hội không tránh khỏi nổ ra. Sự *mất cân đối giữa sản xuất công nghiệp và nông nghiệp do chính sách bỏ rơi nông nghiệp, sự mất cân đối giữa hai khu vực sản xuất*: khu vực sản xuất nhỏ, lạc hậu và khu vực lớn hiện đại, sự mất cân đối trong *nền tài chính tin dụng, mất cân đối giữa cơ cấu hai tầng của sản xuất với bản thân nền sản xuất đó*, những sự mất cân đối này ngày càng trở nên nghiêm trọng. Những sự mất cân đối đó vừa là nguyên nhân, vừa là hậu quả của sự phát triển «thần kỳ» của nền kinh tế Nhật-bản vừa qua. Đây là những bằng chứng cho chúng ta thấy sự điều chỉnh của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản trong khi làm dự một biểu hiện nào đó của mâu thuẫn lại gây ra những mâu thuẫn mới hoặc làm cho những mâu thuẫn vốn có gay gắt hơn. *Mâu thuẫn giữa tư bản với quần chúng lao động ngày càng sâu sắc*. Tuy rằng hầu hết các gia đình Nhật-bản ngày nay đều có máy thu thanh, bán dẫn, máy thu hình, tủ ướp lạnh, và một số có ô tô — đó là những thứ mà các nhà bảo tư sản thường dùng để ca ngợi cái gọi là «mức sống hiện đại» của người Nhật-bản — nhưng những mặt cơ bản của đời sống như ăn, ở, học hành, điều kiện nghỉ ngơi lúc ốm đau, khi già yếu, v.v. đối với đông

đảo người dân Nhật-bản ngày nay vẫn không nhích hơn mức sống cách đây 20 năm là mấy. Hơn nữa, họ còn phải chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng khác của sự phát triển «thần kỳ» như: môi trường sống bị ô nhiễm và hỗn loạn nghiêm trọng, tai nạn giao thông làm chết và bị thương hàng triệu người mỗi năm, tai nạn lao động chiếm kỷ lục thế giới, giá cả tăng nhanh khủng khiếp, v.v.

Tất cả những nỗi đau khổ nói trên của người lao động Nhật-bản là nguyên nhân chủ yếu khiến bọn tư bản lũng đoạn nhà nước Nhật-bản đã có thể dẫn đầu thế giới về tỷ lệ tích lũy và hiệu quả sử dụng vốn trong gần 30 năm qua, là *nguyên nhân chủ yếu* dẫn đến sự phát triển «thần kỳ» của nền kinh tế Nhật-bản. Tất cả những nỗi đau khổ đó cũng là nguyên nhân chính dẫn đến sự hoài nghi, phản nộ và phản kháng của nhân dân Nhật-bản đối với giới cầm quyền. Phong trào đấu tranh của nhân dân lao động, đặc biệt là phong trào công nhân, học sinh, sinh viên Nhật-bản ngày càng sôi sục, các tổ chức công đoàn toàn quốc phát triển lực lượng nhanh chóng và đấu tranh ngày càng có hiệu quả; vai trò của Đảng cộng sản Nhật-bản ngày càng lớn. Nhiều tầng lớp khác trong xã hội Nhật-bản cũng bất mãn với chính sách điều chỉnh kinh tế của nhà nước tư bản lũng đoạn Nhật-bản. Đó là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành một mặt trận chống tư bản lũng đoạn ở Nhật-bản.

Sự phát triển kinh tế với tốc độ cao trên cơ sở bóc lột triệt để quần chúng lao động như ở Nhật-bản tất yếu làm cho năng lực sản xuất tích lũy được ngày càng vượt xa khả năng tiêu thụ của thị trường trong nước. Tư bản lũng đoạn Nhật-bản buộc phải tìm mọi cách bành trướng nhanh chóng ra nước ngoài. Tùy thuộc vào nguồn nguyên liệu bên ngoài, nhà nước Nhật-bản tác động theo hướng

làm tăng thêm mức độ phụ thuộc đó vì mục đích chạy theo tốc độ phát triển sản xuất cao và lợi nhuận tối đa. Mặc dù công cụ điều chỉnh ngày càng phong phú theo trình độ phát triển của tư bản lũng đoạn nhà nước, nhưng vì sự điều chỉnh đó là do lợi ích của tư bản lũng đoạn nhà nước quy định, cho nên nó không tránh khỏi gây ra sự mất cân đối trong nền kinh tế và cuối cùng làm tăng thêm tính không ổn định của nền kinh tế, đối lập với mục tiêu đã đề ra. Tình hình kinh tế Nhật-bản trong những năm 70 đã nói lên điều đó. Mới thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1971 chưa đầy hai năm, từ tháng 12-73 nền kinh tế Nhật-bản lại lâm vào một cuộc khủng hoảng nặng nề nhất, với nhiều đặc điểm khác hẳn với những cuộc khủng hoảng trước đây vào thời kỳ sau chiến tranh.

Nguyễn-Đang-Thành : Tuy Cộng hòa liên bang Đức là nước đứng thứ hai trong khối Bắc Đại-tây-dương (NATO), năm 40% tiềm lực kinh tế của các nước Tây Âu, nhưng những năm gần đây nền kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức cũng ngày càng gặp khó khăn. Sản xuất công nghiệp ngày càng không ổn định. Nếu lấy giá cả năm 1970 làm gốc, thì giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1973 là 743 tỷ (đô-la), 1974: 745 tỷ, 1975: 701 tỷ, 1976: 757 tỷ, nếu so sánh giữa các năm thì giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1975 bằng 94,3% năm 1974, và năm 1976 bằng 107,9% năm 1975. Hiện nay sản xuất lại tiếp tục suy thoái.

Chính sách đối nội của nhà nước Cộng hòa liên bang Đức là tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước, hạ thấp tiền lương và thủ tiêu những thành quả xã hội do nhân dân lao động đấu tranh giành được, trút tất cả những gánh nặng về kinh tế lên đầu nhân dân lao động để nâng cao lợi nhuận của các tổ chức lũng đoạn

và củng cố trận địa kinh tế chính của chủ nghĩa đế quốc Cộng hòa liên bang Đức trong cuộc cạnh tranh quốc tế.

Các tập đoàn tư bản lũng đoạn nhà nước Cộng hòa liên bang Đức đánh vào đời sống của quần chúng lao động ngày càng quyết liệt: tháng 5-1977 Hội liên hiệp các chủ xí nghiệp thúc ép chính phủ hạ 2% tiền lương, tăng thuế đánh vào nhân dân lao động. Tỷ lệ thuế trong thu nhập quốc dân đó là: 1936: 23,8%, 1970: 29,1%, 1975: 30,3%. Xí nghiệp đóng cửa và sa thải công nhân ngày càng nhiều. Năm 1976 có 9 400 trường hợp phá sản phải đóng cửa xí nghiệp. Số người thất nghiệp ở Cộng hòa liên bang Đức lên tới 5% tổng số lao động trong nước, trong đó « công nhân khách » (tức là công nhân nước ngoài) và thanh niên bị thất nghiệp nhiều nhất. Tỷ lệ thanh niên bị thất nghiệp là 25 — 35%. Số người thất nghiệp ngày càng tăng: năm 1973: 274 000 người; 1974: 582 000; 1975: 1 079 000; 1977: 1 200 000. Lạm phát và giá sinh hoạt ngày càng tăng là gánh nặng đè lên đầu nhân dân lao động Cộng hòa liên bang Đức. Chỉ số giá cả nếu năm 1970 là 100, đến năm 1973 là 127%, 1974 là 148,1% và năm 1975 là 184,3%.

Phan - Quang - Tuệ : Ngày nay nước Ý được liệt vào loại cường quốc công nghiệp đứng hàng thứ năm sau Mỹ, Nhật, Cộng hòa liên bang Đức và Pháp, nhưng phương Tây vẫn coi nước Ý là một nước « đầy mâu thuẫn và khó hiểu ». một nước Ý « hỗn loạn » cả về hai phương diện kinh tế cũng như chính trị. Nhà văn nổi tiếng Ý, Pac-lô Pa-xô-li-ni, trước khi bị ám sát đã nói: « nước Ý bị phá hủy đúng như năm 1945 ». Sau 30 năm thống trị của Đảng dân chủ thiên chúa giáo, nền kinh tế Ý có lúc đã phát triển mạnh, những năm 1960 — 1963 đã từng được coi như một « nền kinh tế thần kỳ », tốc độ phát triển kinh tế hàng

năm đạt trên 10%, mức cao nhất ở châu Âu. Nhưng từ cuối những năm 60 lại đây, nền kinh tế Ý bị sa sút liên tục, thường xuyên được coi là « con bệnh của châu Âu ». Năm 1977 tốc độ phát triển kinh tế Ý chỉ tăng 2%. Số người thất nghiệp lên tới 1,8 triệu, nếu kể cả những người thất nghiệp từng phần thì con số đó lên tới 5 triệu, trong đó thanh niên chiếm trên 40%. Nạn lạm phát đạt kỷ lục trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển: 1976 - 22%, 1977 - 17%, v.v. Tình trạng hỗn loạn về chính trị ở Ý còn nghiêm trọng hơn. Một nhà văn Ý đã miêu tả: « nạn khủng bố ở Ý mọc lên khùng khiếp như cỏ dại trên những mảnh đất hoang tàn ». Các nhóm khủng bố ở Ý được các thế lực phản động ngấm ngấm ủng hộ hoành hành dữ dội, liên tiếp chống lại các tổ chức và các nhà lãnh đạo của phong trào công nhân, thậm chí cả các cơ quan Nhà nước, các lãnh tụ các đảng phái chính trị, các lực lượng an ninh, v.v. nhằm lôi kéo nước Ý vào tình trạng hỗn loạn, phiêu lưu, vô cùng nguy hiểm. Vụ bắt cóc và giết chết Mo-rô, một nhân vật có thế lực trong giới chính trị ở Ý, lãnh tụ của Đảng dân chủ thiên chúa giáo, do « lũ đoàn đồ » của bọn phản động tổ chức gần đây đã đánh vào « trái tim của nhà nước Ý » như hãng thông tin Anh Roi-tơ bình luận. Nguyên tổng thống Ý Xa-ra-gát đã phải thốt lên rằng « bên cạnh thi hài của ông Mo-rô là thi hài một nước Ý, một chính thể không còn khả năng tự bảo vệ nữa ».

Nguyễn-Văn-Thọ: Thực tiễn cho thấy những biện pháp, chính sách mà chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Anh dùng để can thiệp vào đời sống kinh tế chưa được nhiên mầu thuẫn nội tại, đã không đem lại kết quả như ý muốn mà còn gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng: nền kinh tế Anh ngày càng bị trì trệ. Trong vòng 20 năm từ 1951 đến 1971 bình quân hàng

năm tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng 2,6%, sản xuất công nghiệp tăng 2,6% và năng suất lao động tăng 2%, đó là mức thấp nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa, chỉ bằng khoảng 1/3 tốc độ tăng bình quân của các nước này. Trong cuộc khủng hoảng 1975 của thế giới tư bản chủ nghĩa Anh là một nước nổi ra khểnh sớm nhất, kéo dài 21 tháng công nghiệp giảm 11,3% 1975 Anh bắt đầu ch đoạn phục hồi như hơn 36 tháng, chỉ nghiệp vẫn còn nhất trước khi vậy Anh là : chậm nhất.

Do tốc độ phát triển vị trí của Anh trong tư bản chủ nghĩa ngày càng bị nhanh chóng. Năm 1880 Mỹ đã kịp và vượt lên hàng đầu, đẩy Anh xuống vị trí thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Anh đã cố giữ được vị trí đó trong 83 năm (từ năm 1880 đến năm 1963), và đến nay chỉ trong vòng 15 năm Anh đã tụt xuống hàng thứ 5 sau Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức, Nhật-bản và Pháp. Chính sách chạy đua vũ trang và thâm hụt ngân sách đã dẫn tới nạn lạm phát nghiêm trọng, đặc biệt trong những năm 70 (bình quân mỗi năm tăng 4,6%, 1971 tăng 9,1% ; 1977 tăng 15,9%). Nạn lạm phát tăng nhanh trong thời kỳ khủng hoảng đã trở thành chứng bệnh kinh tế mới rất nguy hiểm là lạm phát đi liền với khủng hoảng và trong giai đoạn phục hồi, lạm phát gắn liền với thất nghiệp. Con số thất nghiệp ở Anh đã tăng từ 30 đến 40 vạn trong những năm 60, lên 66,8 vạn năm 1973 và 1,5 triệu năm 1977. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1967, đồng bảng Anh đã bị 10 lần khủng hoảng, (bình quân cứ cách hai năm lại một lần bị khủng hoảng). Sau cuộc phá giá năm 1967, đồng tiền ấy bị khủng hoảng triền miên và suy yếu nghiêm trọng.

Đồng bằng Anh
đồng tiền dự
tế đang mất
Trung tâm tài
bị giảm sút

Anh trước
nước mặt tr
hình ảnh đ
vĩnh viễn
thuộc địa
sống trên
tan rã ch
triệu ki
từ năm
nghị th
thứ 17
đánh
nhiều
không
của hệ thống
theo sự suy yếu của
tiền tệ và kinh tế của Anh

Từ năm 1950 đến nay, giai
công nhân Anh đã tiến hành đấu
tranh mạnh mẽ đòi cải thiện đời sống,
cải thiện điều kiện lao động. Tiền
lương thực tế của công nhân Anh có

nước, tăng cường
a các xí nghiệp
nh tế quốc dân
quan trọng
càng rộng
bù nghĩa Ý.
hệch quan
h mạng

thế
ng
n

Cộng hòa liên bang Đức thi hành
chính sách đối ngoại cực kỳ phản
động; chính sách đó được mệnh danh
là "chính sách phương đông" nhằm
thôn tính nước Cộng hòa dân chủ
Đức và bành trướng thế lực ở các
nước Tây Âu.

Tổng sản phẩm quốc dân của Cộng
hòa liên bang Đức năm 1976 là 1136
tỷ马克, đứng thứ ba trong thế giới
tư bản chủ nghĩa, dự trữ vàng của
nước này năm 1977 là 87 tỷ马克. Cộng
hòa liên bang Đức là một nước duy
nhất ở Tây Âu có cán cân thương mại
suất siêu. Nước này đẩy mạnh xuất
dầu tư bản sang các nước Tây Âu
Nam Phi. Dựa vào tiềm lực tài
mạnh của mình, Cộng hòa liên
Đức thi hành chính sách tin
mở rộng sự kiểm soát của
với các nước khác. Đi đầu
thực hiện chính sách bành
trướng còn-xóc không lỏ của
bang Đức đã và đang
nhập vào các nước
phần hoặc đầu tư
ở nước ngoài.
liên bang Đức
tổ chức phát-
148 tổ chức
quân phiệt
động cho
và phục
Đức, Cộng
nước
dân
hồng
hĩa

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LỪNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VÀ ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN CHÍN MUỖI CỦA C VÔ SẢN Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁT

Bùi - Ngọc - Chương: Có áp bức
bóc lột và có bản cùng thì có đấu
tranh. Đấu tranh xã hội ở Pháp trong
những năm qua vô cùng gay gắt. Có
thể nói không ngày nào không có
đình công hay biểu tình ở nơi này,
nơi khác, tầng lớp này hay tầng lớp

kia. Điển hình là các cuộc đấu
của tất cả công nhân chọn
ngành bưu điện kéo dài 7 tuần
cuối năm 1974; cuộc đình công và
tình của 20 000 công nhân ngành
báo kéo về Pa-ri tuần hành trong
năm 1975, cuộc bãi khóa của hàng

năm đạt trên 10%, mức cao nhất ở châu Âu. Nhưng từ cuối những năm 60 lại đây, nền kinh tế Ý bị sa sút liên tục, thường xuyên được coi là « con bệnh của châu Âu ». Năm 1977 tốc độ phát triển kinh tế Ý chỉ tăng 2%. Số người thất nghiệp lên tới 1,8 triệu, nếu kể cả những người thất nghiệp từng phần thì con số đó lên tới 5 triệu, trong đó thanh niên chiếm trên 40%. Nạn lạm phát đạt kỷ lục trong các nước tư bản chủ nghĩa phát triển: 1976 - 22%, 1977 - 17%, v.v. Tình trạng hỗn loạn về chính trị ở Ý còn nghiêm trọng hơn. Một nhà văn Ý đã miêu tả: « nạn khủng bố ở Ý mọc lên khùng khiếp như cỏ dại trên những mảnh đất hoang tàn ». Các nhóm khủng bố ở Ý được các thế lực phản động ngấm ngấm ủng hộ hoành hành dữ dội, liên tiếp chống lại các tổ chức và các nhà lãnh đạo của phong trào công nhân, thậm chí cả các cơ quan Nhà nước, các lãnh tụ các đảng phái chính trị, các lực lượng an ninh, v.v. nhằm lôi kéo nước Ý vào tình trạng hỗn loạn, phiêu lưu, vô cùng nguy hiểm. Vụ bắt cóc và giết chết Mo-rô, một nhân vật có thế lực trong giới chính trị ở Ý, lãnh tụ của Đảng dân chủ thiên chúa giáo, do « lũ đoàn đồ » của bọn phản động tổ chức gần đây đã dành vào « trái tim của nhà nước Ý » như hãng thông tin Anh Roi-tơ bình luận. Nguyên tổng thống Ý Xara-gát đã phải thốt lên rằng « bên cạnh thí hài của ông Mo-rô là thí hài một nước Ý, một chính thể không còn khả năng tự bảo vệ nữa ».

Nguyên-Văn-Thọ: Thực tiễn cho thấy những biện pháp, chính sách mà chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Anh dùng để can thiệp vào đời sống kinh tế chưa đem lại nhiều thuận lợi tại, đã không đem lại kết quả như ý muốn mà còn gây nên nhiều hậu quả nghiêm trọng: nền kinh tế Anh ngày càng bị trì trệ. Trong vòng 20 năm từ 1951 đến 1971 bình quân hàng

năm tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng 2,6%, sản xuất công nghiệp tăng 2,6% và năng suất lao động tăng 2%. Đó là mức thấp nhất trong các nước tư bản chủ nghĩa, chỉ bằng khoảng 1/2 tốc độ tăng bình quân của các nước này. Trong cuộc khủng hoảng 1973 - 1975 của thế giới tư bản chủ nghĩa, Anh là một nước nổi ra khủng hoảng sớm nhất, kéo dài 21 tháng, sản xuất công nghiệp giảm 11,3%. Từ tháng 9-1975 Anh bắt đầu chuyển sang giai đoạn phục hồi nhưng cho đến nay đã hơn 36 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp vẫn còn thấp hơn mức cao nhất trước khủng hoảng 6,9%, như vậy Anh là nước phục hồi kinh tế chậm nhất.

Do tốc độ phát triển kinh tế thấp, vị trí của Anh trong thế giới tư bản chủ nghĩa ngày càng bị giảm sút nhanh chóng. Năm 1880 Mỹ đã đuổi kịp và vượt lên hàng đầu, đẩy Anh xuống vị trí thứ hai trong thế giới tư bản chủ nghĩa. Anh đã cố giữ được vị trí đó trong 83 năm (từ năm 1880 đến năm 1963), và đến nay chỉ trong vòng 15 năm Anh đã tụt xuống hàng thứ 5 sau Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức, Nhật-bản và Pháp. Chính sách chạy đua vũ trang và thâm hụt ngân sách đã dẫn tới nạn lạm phát nghiêm trọng, đặc biệt trong những năm 70 (bình quân mỗi năm tăng 4,6%, 1971 tăng 9,1%; 1977 tăng 15,9%). Nạn lạm phát tăng nhanh trong thời kỳ khủng hoảng đã trở thành chứng bệnh kinh tế mới rất nguy hiểm là lạm phát đi liền với khủng hoảng và trong giai đoạn phục hồi, lạm phát gắn liền với thất nghiệp. Con số thất nghiệp ở Anh đã tăng từ 30 đến 40 vạn trong những năm 60, lên 66,8 vạn năm 1973 và 1,5 triệu năm 1977. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến 1967, đồng bảng Anh đã bị 10 lần khủng hoảng, (bình quân cứ cách hai năm lại một lần bị khủng hoảng). Sau cuộc phá giá năm 1967, đồng tiền ấy bị khủng hoảng triền miên và suy yếu nghiêm trọng.

Đồng bằng Anh với tư cách là một đồng tiền dự trữ và thanh toán quốc tế đang mất dần vị trí của mình. Trung tâm tài chính Luân-đôn đang bị giảm sút mạnh.

Anh trước đây tự xưng là «đất nước mặt trời không bao giờ lặn», hình ảnh được nặn lên đó giờ đây đã vĩnh viễn lùi về quá khứ! Hệ thống thuộc địa của Anh với 393,5 triệu dân sống trên 33,5 triệu km² đến năm 1967 tan rã chỉ còn 13,7 triệu dân với 1,3 triệu km². Khối liên hiệp Anh ra đời từ năm 1887 với cái tên lúc đó là Hội nghị thực dân địa, đến hội nghị lần thứ 17 (tháng 1-1969) trở thành «có danh nhưng không có thực». Bao nhiêu đặc quyền đặc lợi của Anh không còn như trước nữa. Sự tan rã của hệ thống thuộc địa Anh đã kéo theo sự suy yếu của nền ngoại thương, tiền tệ và kinh tế của Anh.

Từ năm 1950 đến nay, giai cấp công nhân Anh đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ đòi cải thiện đời sống, cải thiện điều kiện lao động. Tiền lương thực tế của công nhân Anh có

được tăng lên nhưng tăng chậm nhất so với các nước tư bản chủ nghĩa khác. Số người thất nghiệp tăng lên mạnh và nghiêm trọng nhất ở Tây Âu, nhưng trợ cấp thất nghiệp ở Anh lại tồi tệ nhất. Mâu thuẫn giai cấp ở Anh rất gay gắt. Nhà nước tư bản lũng đoạn Anh càng tỏ ra phản động, khi họ ký kết với các nhà lãnh đạo công đoàn cái gọi là hợp đồng xã hội nhằm hạn chế tăng lương dưới hình thức tự nguyện hoặc cưỡng bức và hạn chế bãi công đòi cải thiện đời sống. Tuy vậy nhiều cuộc đình công, bãi công của công nhân đòi tăng lương với quy mô ngày càng lớn nổ ra trong các ngành luyện kim, gia công kim loại, ô tô, đóng tàu. Phong trào bãi công này lôi cuốn cả lính chữa cháy, nhà báo, công nhân in, người phục vụ, nhân viên hàng không, ga xe điện và cả viên chức nhà nước tham gia. Trong năm 1977 đã nổ ra 2572 cuộc bãi công so với 2034 cuộc trong năm 1976. Các cuộc bãi công này đã làm thiệt hại tới 8,1 triệu ngày công so với 3,3 triệu ngày công trong năm 1976.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LŨNG ĐOẠN NHÀ NƯỚC VÀ NHỮNG ĐIỀU KIỆN KHÁCH QUAN CHÍN MUỖI CỦA CÁCH MẠNG VÔ SẢN Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHỦ NGHĨA PHÁT TRIỂN

Bùi - Ngọc - Chương: Có áp bức bóc lột và có bản năng thì có đấu tranh. Đấu tranh xã hội ở Pháp trong những năm qua vô cùng gay gắt. Có thể nói không ngày nào không có đình công hay biểu tình ở nơi này, nơi khác, tầng lớp này hay tầng lớp

kia. Điển hình là các cuộc đình công của tất cả công nhân chọn thư trong ngành bưu điện kéo dài 7 tuần vào cuối năm 1974; cuộc đình công và biểu tình của 20 000 công nhân ngành sách báo kéo về Pa-ri tuần hành trong năm 1975, cuộc bãi khóa của hàng

van sinh viên và học sinh trung học chống dự luật cải cách giáo dục nhằm biến nhà trường thành « nơi đào tạo ra thất nghiệp » của bộ giáo dục và bộ đại học Pháp kéo dài trong nhiều tháng, cuộc đình công chiếm xưởng do 600 công nhân xi nghiệp in báo « Người Pa-ri được giải phóng » tổ chức nổ ra trong 22 tháng và được toàn thể công nhân ngành in nước Pháp tự nguyện bỏ ra 10% tiền lương hằng tháng để ủng hộ, v.v. Nông dân miền Nam nước Pháp liên tục đấu tranh chống chính sách giá cả Thị trường chung làm giảm sút thu nhập của họ, và chống nhập khẩu rượu vang của Ý. Phong trào đấu tranh liên tục và mạnh mẽ lôi cuốn mọi tầng lớp xã hội đòi cải thiện điều kiện làm việc, chống áp đặt sự khắc khổ của chính quyền bằng các chính sách cắt giảm lương để hạn chế tăng giá, chống đàn áp quyền công đoàn, chống sa thải, đòi việc làm, chống đóng cửa xí nghiệp, di chuyển máy móc thiết bị đi nơi khác hay ra nước ngoài đầu tư, v.v. Đấu tranh kinh tế kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị, đấu tranh hợp pháp kết hợp với đấu tranh bất hợp pháp diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi trên đất Pháp.

Tất cả tình hình trên đây của xã hội Pháp dưới sự thống trị của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Pháp chứng minh sự đúng đắn của các nguyên lý và quy luật về sự vận động của chủ nghĩa tư bản nói chung và chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước nói riêng mà Mác và Lê-nin đã vạch ra. Tình hình kinh tế, xã hội nước Pháp trên đây chứng minh nhận định của Lê-nin rằng chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước là *sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội*, là *phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội*, đến nay vẫn còn nguyên giá trị của nó. Nói cách khác, trong lòng các xã hội dưới sự thống trị của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước,

những điều kiện khách quan của cách mạng đã chín muồi. Nhưng cách mạng nổ ra và thành công lâu hay mau *tùy thuộc không chỉ vào những điều kiện khách quan đã chín muồi ấy mà còn vào con người, vào lực lượng chủ quan của cách mạng trong đó nhân tố quan trọng là chính đảng của giai cấp vô sản lãnh đạo và đường lối chính trị của Đảng đó.*

Nguyễn-Hữu-Chính : Ở nước Mỹ, giai cấp công nhân trong quá trình phát triển của nó cũng mang nhiều đặc điểm rất đáng chú ý. Công đoàn ở đây rất lớn. Hoạt động những công đoàn này có những mặt rất khác so với các công đoàn ở Tây Âu.

Giai cấp tư bản Mỹ đã tiến hành nhiều chiến dịch mê hoặc, ru ngủ công nhân với đủ các loại tư tưởng cải lương và thỏa hiệp giai cấp.

Chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước đã là sự chuẩn bị đầy đủ nhất về vật chất cho chủ nghĩa xã hội, nhưng chính là các Đảng cộng sản và công nhân *phải nắm lấy trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ nhất về tư tưởng và tinh thần cho chủ nghĩa xã hội*. Điều cần nhấn mạnh là sự cần thiết phải làm cách mạng xã hội chủ nghĩa, sự cần thiết phải giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân và thiết lập nền chuyên chính vô sản.

Ngày nay, người ta vẫn có một cảm tưởng mơ hồ rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa là chuyện xa vời đối với Mỹ, rằng Mỹ có thể là nước còn lại cuối cùng của thế giới tư bản chủ nghĩa trước khi thế giới này hoàn toàn nhường chỗ cho chủ nghĩa xã hội.

Phan-Quang-Tuệ : Quá trình hình thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý, những đặc điểm của các hình thức can thiệp của nhà nước Ý vào đời sống kinh tế Ý, nhất là khi nhà nước Ý tăng cường mở rộng hình

thực sở hữu nhà nước, tăng cường vị trí và vai trò của các xí nghiệp nhà nước trong nền kinh tế quốc dân Ý, đánh dấu một bước quan trọng trong việc xã hội hóa ngày càng rộng lớn nền sản xuất tư bản chủ nghĩa Ý, tạo ra những điều kiện khách quan thuận lợi cho phong trào cách mạng ở Ý.

Như mọi người đều biết, do thế lực của tư bản lũng đoạn Ý tương đối yếu hơn so với các nhóm tư bản lũng đoạn của các nước phương Tây khác, nhà nước Ý đã ráo riết can thiệp vào nền kinh tế nhằm củng cố quyền lực của chúng, nhưng đồng thời sự can thiệp đó của nhà nước Ý chẳng những đánh mạnh vào giai cấp công nhân và nhân dân lao động Ý mà còn chạm vào quyền tư hữu, quyền quản lý tư nhân của các xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, khiến cho những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước Ý trở nên gay gắt thêm, cơ nguy cơ làm lay chuyển sâu sắc nền móng của chủ nghĩa tư bản Ý, tạo ra những điều kiện khách quan làm cho tình hình đó trở thành « ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã hội » như Lê-nin đã nói.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Ý, phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Ý đòi quyền dân chủ, dân sinh và tiến bộ xã hội trong những năm qua phát triển ngày càng mạnh mẽ.

Nguyễn-Đặng-Thành : Ở Cộng hòa liên bang Đức, những cuộc đấu tranh chống hạ tiền lương và chống sa thải công nhân ngày càng lôi cuốn đông đảo những người lao động tham gia. Số người bãi công năm 1974 là 26 272, năm 1975 lên tới 35 824 và năm 1976 con số đó là 169 812. Nhiều nơi công nhân còn chiếm xưởng của chủ để chống đóng cửa xí nghiệp và sa thải công nhân.

Dựa vào tiềm lực kinh tế ngày càng lớn mạnh, chủ nghĩa đế quốc

Cộng hòa liên bang Đức thi hành chính sách đối ngoại cực kỳ phản động; chính sách đó được mệnh danh là « chính sách phương đông » nhằm thôn tính nước Cộng hòa dân chủ Đức và bành trướng thế lực ở các nước Tây Âu.

Tổng sản phẩm quốc dân của Cộng hòa liên bang Đức năm 1976 là 1136 tỷ mác, đứng thứ ba trong thế giới tư bản chủ nghĩa, dự trữ vàng của nước này năm 1977 là 87 tỷ mác. Cộng hòa liên bang Đức là một nước duy nhất ở Tây Âu có cán cân thương mại xuất siêu. Nước này đẩy mạnh xuất khẩu tư bản sang các nước Tây Âu và Nam Phi. Dựa vào tiềm lực tài chính mạnh của mình, Cộng hòa liên bang Đức thi hành chính sách tin dụng dề mở rộng sự kiểm soát của mình đối với các nước khác. Đi đầu trong việc thực hiện chính sách bành trướng là các công-xô khổng lồ của Cộng hòa liên bang Đức đã và đang ngày càng xâm nhập vào các nước bằng cách mua cổ phần hoặc đầu tư xây dựng xí nghiệp ở nước ngoài. Chính phủ Cộng hòa liên bang Đức đang nuôi dưỡng những tổ chức phát-xít và quân phiệt. Có 148 tổ chức phát-xít mới, 14 liên minh quân phiệt và 500 nhóm tương tự hoạt động cho mục tiêu của bọn quân phiệt và phục thù Cộng hòa liên bang Đức. Công nhân và nhân dân lao động ở nước này đã kết hợp đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh với đấu tranh chống chủ nghĩa bành trướng của chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước và các tổ chức tay sai của chúng nói trên.

Đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước không thể tách rời đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế vì chủ nghĩa cơ hội — như Lê-nin đã nói — là con chó giữ nhà của chủ nghĩa tư bản. Nếu không chống chủ nghĩa cơ hội thì phong trào cách mạng của giai cấp vô sản

không thể phát triển thuận lợi được.

Ngày nay, ngoài bọn đế quốc do đế quốc Mỹ cầm đầu ra, kẻ thù nguy hiểm của phong trào cách mạng thế giới là chủ nghĩa cơ hội biểu hiện dưới hình thức là chủ nghĩa bành trướng, bá quyền nước lớn của thế lực phản động trong giới cầm quyền Bắc-kinh. Tập đoàn phản bội này, với thuyết « ba thế giới », một thuyết cực kỳ phản động, đã từ bỏ quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đứng trên lập trường phản động, coi Liên-xô và các nước xã hội chủ nghĩa chân chính là kẻ thù, câu kết với các lực lượng đế quốc và phản động như Mỹ cũng khối Bắc Đại-tây-dương (NATO), bè lũ Pi-nô-chê, bọn phản động ở Nam Phi và Da-ia, v.v. chia mình nhọn dũa kích vào các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, chống phong trào giải phóng dân tộc và độc lập dân tộc trên thế giới, chống nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-nam. Tập đoàn phản bội này còn đang hướng nên kinh tế quốc dân Trung-quốc đi vào con đường quân sự hóa với mục tiêu là « 4 hiện

đại hóa » nhằm chuẩn bị chiến tranh hòng thực hiện chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn.

KẺ NÀO THI HÀNH CHÍNH SÁCH...

(Tiếp theo trang 80)

nước Việt-nam xã hội chủ nghĩa luôn luôn nêu cao cảnh giác, kiên quyết bảo vệ độc lập và chủ quyền của mình, thì những mưu toan thâm độc và hành động xấu xa của những kẻ theo chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc không tránh khỏi sẽ thất bại thảm hại!

Cùng với chủ nghĩa thực dân cũ và mới, chủ nghĩa bành trướng đại dân tộc và chủ nghĩa bá quyền nước lớn rồi cuộc sẽ bị vứt vào đồng rác của lịch sử. Đó là một xu thế tất yếu, không gì ngăn cản nổi.

КОММУНИСТИЧЕСКИЙ ЖУРНАЛ № 12—1978г.

ПЕРЕДОВАЯ. Совершенствовать организационные структуры, улучшать режим работы для того, чтобы удовлетворить требованиям новой обстановки и новых задач. ТЮ ХЮЙ МАН. Повышать эффективность партийной и политиковоспитательной работы в народных вооруженных силах. ☆☆☆ Новый шаг в развитии кампучийской революции. ВУ КОНГ КАН. Идеал и жизнь современного молодого поколения. КУЭТ ТИЕН. Кто проводит политику экспансии в Юго-Восточной Азии? ХЫОНГ КЫОНГ. Китайские власти намерены использовать хуасяо для осуществления своих гегемонистских планов в Юго-Восточной Азии.

...

共产主义杂志一九七八年第十二期

社 论：必须健全组织、改进工作制度，来适应新形势和任务的要求。朱 瑞 琅：提高人民武装力量的党工作和政治工作的效力。☆☆☆柬埔寨革命的新发展。武公 健：青年一代的理想与生活。决 进：是谁在东南亚推行扩张政策？雷 强：中国当局企图利用华侨，在东南亚推行霸权主义。

...

REVIEW OF COMMUNISM N° 12 - 1978

Editorial - Consolidate organization and improve working rules to meet the requirements of the new situation and tasks. *CHU-HUY-MÂN* - Increase the efficiency of Party work and political work among the people's armed forces. ☆☆☆ - New development in the Kampuchean revolution. *VŨ-CÔNG-CĂN* - The ideal and life of the young generation. *QUYẾT-TIẾN* - Who is pursuing an expansionist policy in Southeast Asia? *HƯƠNG-CƯỜNG* - The Chinese authorities are scheming to use overseas Chinese to establish hegemony over Southeast Asia.

...

REVUE DU COMMUNISME N° 12 - 1978

Éditorial - Parfaire l'organisation et perfectionner le régime du travail en vue de répondre aux exigences de la situation et des tâches nouvelles. *CHU-HUY-MÂN* - Élever l'efficacité du travail du Parti et du travail politique dans les forces armées populaires. ☆☆☆ - Nouveau développement de la révolution kampuchéenne. *VŨ-CÔNG-CĂN* - L'idéal et la vie de la jeune génération actuelle. *QUYẾT-TIẾN* - Qui pratique l'expansionnisme au Sud - Est asiatique? *HƯƠNG-CƯỜNG* - Les dirigeants chinois tentent de se servir de leurs ressortissants pour réaliser leur hégémonie dans le Sud - Est asiatique.

...

TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Số 12

1978

NĂM THỨ XXIV (276)

TRỤ SỞ BỘ BIÊN TẬP :

1. Nguyễn-Thượng-Hiền, Hà-nội

Dãy nói : 52061. 52062

**TRỤ SỞ CƠ QUAN THƯỜNG TRƯỞNG
TẠI MIỀN NAM :**

40, Trần - Cao - Vân, TP Hồ-Chi-Minh

Dãy nói : 20060, 25768

MỤC LỤC

Xã luận - Căn kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc để đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới	1
CHU-HUY-MÃN - Nâng cao hiệu lực công tác Đảng, công tác chính trị trong các lực lượng vũ trang nhân dân	10
★★★ - Bước phát triển mới của cách mạng Cam-pu-chia	32
Tuyên bố của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Cam-pu-chia	37
NGUYỄN-HỮU-THỤ - Nêu diễn hình tốt, thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước ở Hà-sơn-bình	45
VŨ-CÔNG-CẦN - Lý tưởng và cuộc sống của thế hệ trẻ ngày nay	51
NGUYỄN-BÍCH - Tồ chức lại sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở các tỉnh và thành phố miền Nam	59
Sinh hoạt tư tưởng ★ NGƯỜI XÂY DỰNG - kỷ luật phải nghiêm minh	65
Phê phán tư tưởng tư sản ★ PHONG-HIỀN - Văn đề con người trong triết học tư sản hiện đại	69
QUYẾT-TIẾN - Kế nào thi hành chính sách hành trưởng ở Đông - Nam châu Á	76
HƯƠNG-CƯỜNG - Nhà cầm quyền Trung-quốc mưu toan sử dụng Hoa kiều để thực hiện bá quyền ở Đông - Nam châu Á	81
Trao đổi ý kiến về chủ nghĩa tư bản lũng đoạn Nhà nước	87

Tìm đọc:

NGUYỄN - DUY - TRINH

Ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi, góp phần đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm tốt nghĩa vụ quốc tế



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

